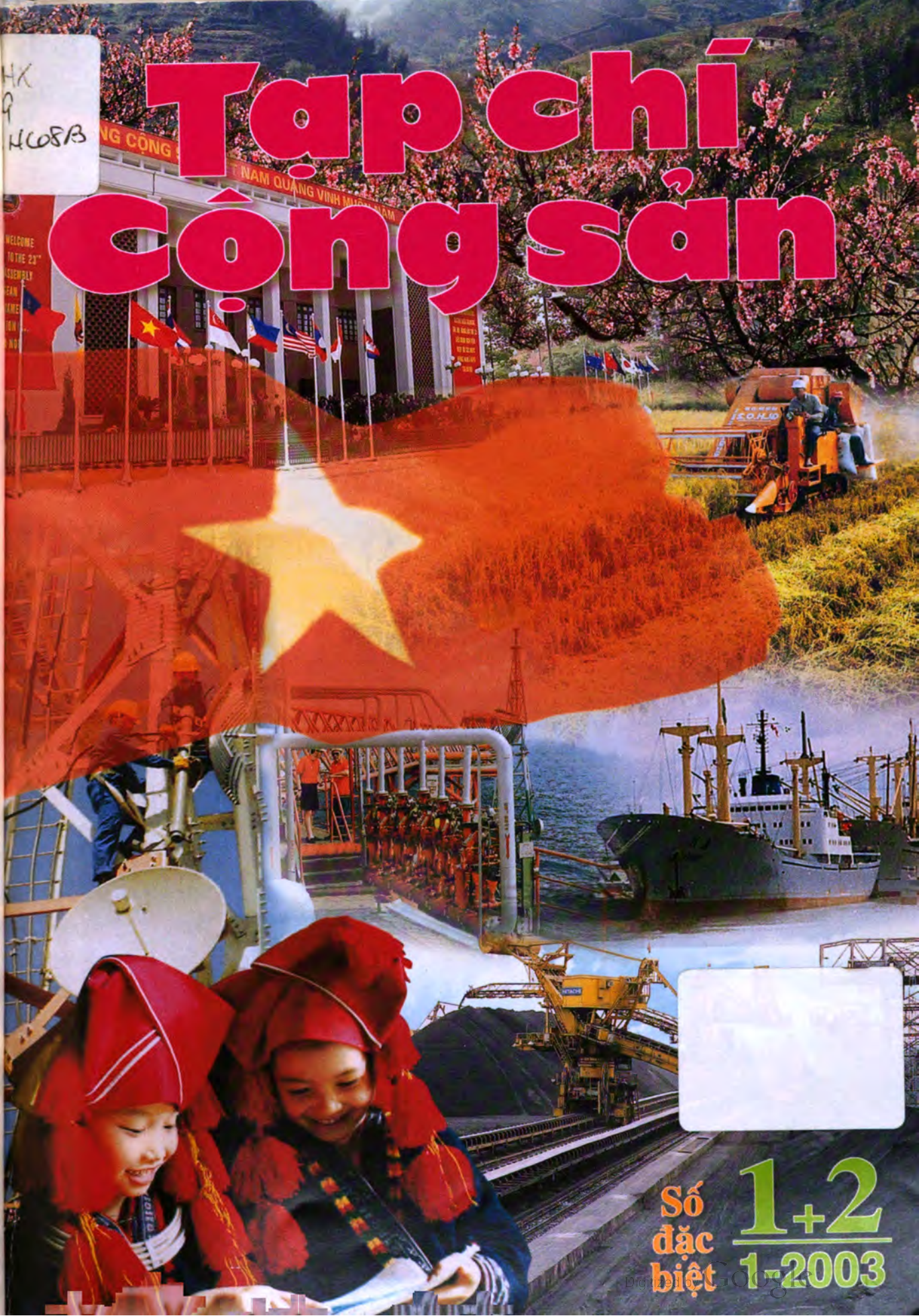
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
HC08B

Tạp chí Cộng sản



Số đặc biệt 1+2
1-2003

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: Phường Nguyễn Trãi - Tỉnh Hà Giang
Điện thoại: 019. 866 467 - Fax : 019. 866 509

Là một thành viên của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, có chức năng sản xuất kinh doanh và phục vụ các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, với năng lực mạng lưới hiện có: 24 bưu cục, 25 đại lý và 59 điểm Bưu điện văn hóa xã; 157 tuyến đường thư đi liên tỉnh và nội tỉnh. 17 Tổng đài tại các trung tâm huyện, thị và khu vực với tổng dung lượng trên 13 nghìn số; 3 trạm thông tin di động tại Vị Xuyên, Bắc Quang, thị xã Hà Giang. Toàn tỉnh đã có 12.600 máy điện thoại, mật độ 2 máy / 100 dân.

Đến với Bưu điện tỉnh Hà Giang, Quý khách sẽ được phục vụ các dịch vụ:

- Nhận chuyển phát Bưu phẩm, bưu kiện; bưu chính ủy thác, bưu phẩm không địa chỉ; chuyển tiền, chuyển tiền nhanh; điện hoa; tiết kiệm bưu điện...
- Phát hành các loại báo, tạp chí trong nước và quốc tế.
- Phục vụ điện thoại, điện báo. Fax trong nước và quốc tế; dịch vụ mới gọi quốc tế đến 50 nước và vùng quốc tế.
- Nhận lắp đặt, sửa chữa, bảo hành các công trình thông tin, thuê bao Internet.



Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 666

1 + 2
1-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIỆP



***Bìa 1** : Đất nước vào Xuân Mới*

Tranh : MAI LINH

MỤC LỤC

CHÀO NĂM MỚI 2003

XÃ LUẬN - Cái thế 2003 3

PHAN VĂN KHẢI - Mấy vấn đề quan trọng thực hiện nhiệm vụ của năm "bản lề" kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 6

VÕ NGUYÊN GIÁP - Chúc Năm Mới 2003 - Quý Mùi - đất nước ta tiếp tục đổi mới, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, tiến lên nhanh hơn, vững hơn 15

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Hà Nội năm 2002 : Thêm một kinh nghiệm để tiếp tục đi lên 20

ĐỨC MINH - Đường đi lên của chúng ta 25

TRƯỚC THỀM NĂM MỚI - NHÌN LẠI VÀ DỰ BÁO

NGUYỄN DY NIÊN - Bối cảnh thế giới năm 2002, thành tựu đối ngoại và nhiệm vụ trước mắt của chúng ta 30

PHẠM NGỌC QUANG - Về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 35

NGUYỄN VĂN THẢO - Chính phủ nhiệm kỳ mới - phong cách làm việc mới 40

NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2002 47

PHẠM VĂN LINH - Giải pháp phát triển kinh tế nhanh hơn trong năm 2003 53

LÊ XUÂN VŨ - Để "ta vẫn là ta" mà rạng rỡ trong vận hội mới 58

ĐẤT NƯỚC MÙA XUÂN

NGUYỄN KIẾN PHƯỚC - Thành phố Hồ Chí Minh vững bước tới tương lai 64

TRỊNH TRỌNG QUYỀN - Phát triển kinh tế - xã hội ở Thanh Hóa 69

NGUYỄN ĐỨC HẠT - Đà Nẵng khơi dậy những tiềm năng 76

DƯƠNG CÔNG ĐÁ - Lạng Sơn tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế - xã hội nông thôn 82

PHÙNG KHẮC ĐĂNG - Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam 86

PHẠM TIẾN DUẬT - Văn học và phát triển 92

THƯ BỘ BIÊN TẬP

*** Một năm bạn đọc với Tạp chí, Tạp chí với bạn đọc 95

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

THỦY TIÊN - Con quái vật và cái lồng 101

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TRẦN HỮU TIẾN - Về những đặc điểm của thế giới đương đại 103

NGUYỄN VŨ - Thể chế dân chủ cơ sở ở Trung Quốc - Thôn tự trị 108

TRẦN BÁ KHOA - Những điều chỉnh mới trong chiến lược an ninh và chính sách đối ngoại của Mỹ 115

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội nghị triển khai nhiệm vụ tài chính và dự toán ngân sách nhà nước 119

Hội nghị giao ban công tác tư tưởng - văn hóa khu vực Tây Bắc 120

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Позиция 2003 года. ФАН ВАН КХАЙ: Некоторые важные проблемы в выполнении задач промежуточного года пятилетнего плана 2001-2005 годов. ВО НГУЕН ЗАП: С Новым 2003 годом – годом Куи Муй! Путь наша страна продолжит обновляться, обновляться сильнее и будет шагать быстрее, устойчивее вперёд! НГУЕН ФУ ЧОНГ: Ханой 2002 года: ещё один опыт для продолжения продвижения вперёд. ДЫК МИНЬ: Наш путь вперёд. НГУЕН ЗИ НИЕН: Международная обстановка 2002 года, наши внешнеполитические успехи и ближайшие задачи. ФАМ НГОК КУАНГ: О национальной независимости в тесной связи с социализмом. НГУЕН ВАН ТХАО: Правительство нового срока полномочий – новый стиль работы. НГУЕН ШИНЬ КУК: Социально-экономический обзор Вьетнама 2002 года. ЛЕ СУАН ВУ: Для того чтобы «мы всегда есть мы», а также процвести в новом благоприятном обстоятельстве. НГУЕН КИЕН ФЫОК: Город Хошимин уверенно шагает в будущее. ФАМ ТИЕН ЗУАТ: Литература и развитие. ЧАН ХЫУ ТИЕН: Об особенностях современного мира. НГУЕН ВУ: Автономная деревня - демократический институт в низовом звене в Китае. ЧАН БА КХОА: Новые регулирования в стратегии безопасности и внешней политике США.

CONTENTS

Editorial: The 2003-year stand. PHAN VĂN KHẢI: Some important problems in implementing the tasks of the pivotal year of the five-year plan 2001-2005. VÕ NGUYÊN GIÁP: Congratulate on the new year 2003 – Quý Mùi year – our country will be continuously renovated, more strongly renovated, and marsh forward more rapidly and steadily. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Hanoi in 2002: one more experience for the further marsh ahead. ĐỨC MINH: Our path forward. NGUYỄN DY NIÊN: World's realties in 2002, our foreign - diplomatic achievements and the forthcoming tasks. PHẠM NGỌC QUANG: Regarding national independence which is tightly adherent to socialism. NGUYỄN VĂN THẢO: The government of the new term of office: the new working style. NGUYỄN SINH CÚC: Overview of Vietnam economy and society in 2002. LÊ XUÂN VŨ: In order that "we still are ourselves" but being bright in the new opportunity. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: Ho Chi Minh city steadily advancing towards the future. PHẠM TIẾN DUẬT: Literature and development. TRẦN HỮU TIẾN: About distinctive traits of the contemporary world. NGUYỄN VŨ: Autonomous village: the new grassroots democratic institution in China. TRẦN BÁ KHOA: New arrangements in the USA's safety strategy and foreign policy.

SOMMAIRE

Editorial: La position de l'an 2003. PHAN VĂN KHẢI: Quelques questions importantes dans la réalisation des tâches de l'année-chamiére du plan quinquennal 2001-2005. VÕ NGUYÊN GIÁP: Bonne année 2003 «Quy Mui» – Que notre pays poursuive de façon plus intensive son œuvre de rénovation et progresse plus vite et à pas ferme ! NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Hanoi en 2002 : encore une expérience pour continuer d'avancer. ĐỨC MINH: Notre voie vers l'avenir. NGUYỄN DY NIÊN: La conjoncture mondiale en 2002, nos réalisations dans les relations extérieures et nos tâches immédiates. PHẠM NGỌC QUANG: A propos de la question de l'indépendance nationale liée étroitement au socialisme. NGUYỄN VĂN THẢO: Le gouvernement du nouveau mandat – nouvelle façon de travail. NGUYỄN SINH CÚC: Aperçu socio-économique du Vietnam de 2002. LÊ XUÂN VŨ: Pour que le Vietnam s'épanouisse dans la nouvelle fortune, tout en préservant son identité. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: Ho Chi Minh-ville marche à pas sûr vers l'avenir. PHẠM TIẾN DUẬT: La littérature et le développement. TRẦN HỮU TIẾN: Les caractéristiques du monde contemporain. NGUYỄN VŨ: Une institution démocratique de base en Chine – Hameau autonome. TRẦN BÁ KHOA: Les nouvelles révisions dans la stratégie de sécurité et dans la politique extérieure des Etats-Unis.

SUMARIO

Editorial: La posición del año 2003. PHAN VĂN KHẢI: Algunos asuntos importantes en la aplicación de las tareas del año-bisagra del quinquenio 2001-2005. VÕ NGUYÊN GIÁP: ¡Felicidades el Año Nuevo 2003 «Quý Mùi» - que nuestro país continue la renovación, que renueve más fuerte, más rápido y más seguro! NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Hanoi del año 2002 : una experiencia más para seguir avanzándonos. ĐỨC MINH: Nuestro camino hacia adelante. NGUYỄN DY NIÊN: Contexto mundial del año 2002, nuestros éxitos en las relaciones exteriores y nuestras tareas inmediatas. PHẠM NGỌC QUANG: Sobre el ligazón entre la independencia nacional y el socialismo. NGUYỄN VĂN THẢO: El gobierno del nuevo mandato – nuevo estilo de trabajo. NGUYỄN SINH CÚC: Resumen socio-económico de Vietnam en 2002. LÊ XUÂN VŨ: A que «soy siempre el mismo» pero más brillante en la nueva ventura. NGUYỄN KIẾN PHƯỚC: La Ciudad Ho Chi Minh con sus pasos seguros hacia el futuro. PHẠM TIẾN DUẬT: La literatura y el desarrollo. TRẦN HỮU TIẾN: Particularidades del mundo contemporáneo. NGUYỄN VŨ: Intituciones democráticas de base en China – Aldeas autónomas. TRẦN BÁ KHOA: Nuevos arreglos en la estrategia de seguridad y las politicas exteriores de Estados Unidos.

目录

• 社论: 2003 年趋势走向• 潘文凯: 落实2001 年至2005 年五年计划关键性一年的任务的一些重要问题• 武元甲: 祝2003 年元旦— 癸未年春节— 我国继续革新, 加大革新力度, 更快更稳步前进• 阮富仲: 河内2002 年: 又一个继续向前迈进的经验• 德明: 我们的前进道路• 阮怡年: 2002 年的国际形势背景, 我国对外所取得的成就和面临的任务• 范玉光: 有关民族独立与社会主义紧密相结合• 阮文草: 政府新一届任期— 新的工作作风• 阮生菊: 越南2002 年经济、社会综观• 黎春武: 让"我仍然是我" 并在新的机遇中大放光彩• 阮建福: 胡志明市稳步迈向未来• 范进聿: 文学及其发展• 陈友进: 当代世界的一些特点• 阮武: 中国的基层民主体制— 自治村• 陈伯科: 美国安全战略及对外政策新的调整.

Digitized by Google



Xã luận

CÁI THẾ 2003

CÁNH cửa năm 2002 đã khép lại. Cũng đã khép lại hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời là hai năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005.

Đánh giá đúng những gì đã làm được và chưa làm được trong hai năm mở đầu thế kỷ này có ý nghĩa rất quan trọng trong bước đường sắp tới.

Hai năm qua, *như Đảng ta từng dự báo, đất nước đi lên trong đan xen giữa thời cơ và thách thức, giữa thuận lợi và khó khăn. Thời cơ lớn nhưng thách thức cũng lớn. Thuận lợi nhiều nhưng khó khăn cũng không ít. Có nơi, có lúc khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Khó khăn do tình hình quốc tế biến động có tác động trực tiếp tới ta ; kinh tế thế giới*

Digitized by Google

vừa có hồi phục và phát triển, lại vừa có trì trệ và suy thoái. Khó khăn do trong nước thiên tai liên tiếp xảy ra, do những yếu kém vốn có của nền kinh tế và khuyết điểm trong quản lý, điều hành, do các âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch,... Mặc dù vậy, toàn Đảng và toàn dân ta đã nêu cao tinh thần nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện những mục tiêu đề ra. Nhờ đó, hai năm qua, đất nước tiếp tục phát huy được những thành tựu của đổi mới : kinh tế tăng trưởng khá ; chính trị, xã hội cơ bản ổn định ; các mặt hoạt động văn hóa, xã hội đều có tiến bộ mới ; quốc phòng an ninh được giữ vững ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Riêng về kinh tế, trong cả hai năm 2001 và 2002, phần lớn các chỉ tiêu chủ yếu đề ra đều thực hiện được, năm sau khá hơn năm trước ; GDP tăng 6,8% và 7%, mức đạt thấp so với kế hoạch, nhưng vẫn là cao trong cùng thời điểm so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Hai năm qua còn ghi thêm một bước tiến trong lãnh đạo và quản lý. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã lần lượt cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến văn hóa - xã hội, giáo dục và khoa học - công nghệ, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đồng thời chỉ đạo đưa các nghị quyết đó vào cuộc sống. Chính phủ và các ngành, các cấp có những cố gắng cải tiến sự chỉ đạo và điều hành, vừa triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng vừa giải quyết nhiều vấn đề do cuộc sống đặt ra, góp phần tạo nên những thành tựu mới về kinh tế, xã hội.

Khẳng định những việc đã làm được, chúng ta đồng thời thấy rõ nhiều điều còn chưa làm được. Tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều mặt yếu kém ; cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm ; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, xuất khẩu và đầu tư trực tiếp của nước ngoài sút giảm. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết ; tệ tham nhũng và lãng phí, tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự chưa giảm. Đáng chú ý là một số quan điểm cơ bản của Đảng về đổi mới và phát triển kinh tế xã hội, về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về cải cách nền hành chính và bộ máy nhà nước chưa được quán triệt và thực hiện đầy đủ. Những tiến bộ về mở rộng dân chủ và tăng cường đại đoàn kết dân tộc chưa đủ tầm để thực sự trở thành động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước.

Kết luận của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương và Báo cáo của Chính phủ tại Kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa XI đã đưa ra một bức tranh chân thực, cả hai mặt sáng và tối, về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước năm 2002 và cả trong hai năm vừa qua. Kết luận và Báo cáo đó cũng đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2003 và triển vọng ba năm tới.

Năm 2003 *là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, cũng là năm thứ ba thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội 2001-2005.*

Những thành tựu đã đạt được về xây dựng kết cấu hạ tầng, tăng thêm năng lực sản xuất cùng với những tiến bộ mới về phát huy nội lực và mở rộng thị trường trong nước,

Digitized by Google

tăng cường quan hệ quốc tế, những việc đã làm được về đổi mới thể chế, những kinh nghiệm thu được trong công tác lãnh đạo và quản lý là những yếu tố thuận lợi tạo tiền đề cho bước phát triển mới. Những mặt yếu kém của nền kinh tế chậm được khắc phục, những vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết, bộ máy nhà nước còn nhiều khuyết tật, nhịp độ tăng trưởng trong hai năm trước đạt kế hoạch thấp làm cho việc thực hiện nhiệm vụ của năm 2003 càng thêm khó khăn. Theo dự báo mà ta có được, một số diễn biến của tình hình quốc tế và trong nước trong năm tới sẽ vừa tạo thêm cơ hội, vừa tăng thêm thách thức cho ta.

Điều cần nhận rõ là, cái thế của năm 2003 không chỉ là cái thế do hai năm 2001 và 2002 đưa lại, mà là cái thế được tạo ra bởi quá trình đổi mới hơn 16 năm qua. Cái lực mà chúng ta có được ngày nay cũng là cái lực do nhiều năm đổi mới cộng lại. Với thế và lực đó, năm 2003 phải là năm có bước tiến mạnh hơn hai năm trước không chỉ về tăng trưởng kinh tế mà cả trong việc đổi mới và nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý của tất cả các cấp, các ngành để tạo đà mới cho việc thực hiện những nhiệm vụ nặng nề còn lại của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

*Năm mục tiêu cũng là nhiệm vụ về kinh tế - xã hội mà kế hoạch năm 2003 cần nhằm trúng là : **Thứ nhất**, tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững ; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. **Thứ hai**, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nội lực, nguồn lực trong dân và tăng sức thu hút đầu tư nước ngoài ; sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư, tăng cường quản lý, đề cao kỷ luật tài chính, đẩy mạnh thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm ; phấn đấu giảm bội chi ngân sách. **Thứ ba**, thực hiện tốt các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ; đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với khai thác tốt thị trường trong nước, giảm nhập siêu. **Thứ tư**, phát triển các hoạt động văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và y tế ; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ ; tiếp tục tạo thêm việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện mức sống của dân cư ; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc... **Thứ năm**, giữ vững an ninh chính trị trong mọi tình huống ; bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội ; tăng cường lực lượng quốc phòng, củng cố các địa bàn xung yếu.*

Năm 2003 còn phải đánh dấu một bước tiến mới trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân, giải quyết tốt các vấn đề dân tộc, tôn giáo theo đúng Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương.

Năm 2003 phải xứng đáng với vị trí là năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. "Bản lề" càng chắc thì cánh cửa mở ra càng rộng, tầm nhìn càng xa, cái đà càng vững và bước đi lên càng nhanh.❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA NĂM "BẢN LỀ" KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005 *

PHAN VĂN KHẢI
Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ

Lời Bộ Biên tập : *Tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XI, sau khi các Bộ trưởng trả lời chất vấn của các đại biểu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã có bài phát biểu quan trọng. Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc toàn văn bài phát biểu đó.*

TRƯỚC hết, tôi xin thay mặt Chính phủ cảm ơn các đại biểu Quốc hội trong thảo luận ở tổ và phát biểu ở hội trường đã biểu thị sự nhất trí cao với báo cáo của Chính phủ về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2002 cũng như những chủ trương và giải pháp lớn thực hiện nhiệm vụ năm 2003.

Các bộ trưởng đã trả lời trên hội trường và bằng văn bản nhiều vấn đề thuộc các lĩnh vực khác nhau mà các đại biểu Quốc hội chất vấn. Tôi chỉ báo cáo bổ sung mấy vấn đề mang tính chất chung và có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện nhiệm vụ năm 2003, một năm cần giành được thắng lợi lớn hơn hai năm trước cả về nhịp độ và



* Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

chất lượng tăng trưởng để thật sự là năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm. Đây cũng là những vấn đề chính được chuẩn bị đưa ra Hội nghị Chính phủ mở rộng với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành phố để bàn định giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2003, ngay sau khi Quốc hội ra nghị quyết.

I. VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Mấy năm qua, nhất là năm 2002, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực, đặc biệt là trong nông nghiệp, như Bộ trưởng Lê Huy Ngọ trình bày. Công nghiệp, dịch vụ cũng có bước tiến mới.

Chúng ta đều nhất trí chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thích ứng với nhu cầu và cơ chế hoạt động của thị trường, phát huy được lợi thế cạnh tranh, không ngừng nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Vấn đề lớn đặt ra là, làm thế nào chuyển dịch nhanh hơn và có hiệu quả hơn ?

Tôi xin trình bày rõ quan điểm của Chính phủ về vấn đề này và mong được sự nhất trí cao của Quốc hội.

Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương phải làm ba việc chính thuộc chức năng của mình: *quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng và hỗ trợ phát triển.*

Thứ nhất : Phải làm tốt quy hoạch

Thực tế cho thấy rõ, công tác quy hoạch có vai trò rất quan trọng, mở đường cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, tránh tự phát vô tổ chức để lại hậu quả lâu dài. Đó là công việc thuộc chức năng và trách nhiệm của Nhà nước.

Vừa qua, chúng ta đã làm được nhiều quy hoạch ngành, vùng và các đô thị lớn. Nhưng chất lượng quy hoạch còn thấp, chưa bám sát nhu cầu và những biến đổi của thị trường, sự tiến bộ khoa học - công nghệ. Sự kết hợp giữa các quy hoạch địa phương và giữa ngành với lãnh thổ cũng chưa khớp, có những chỗ còn chồng chéo. Trung ương đã xây dựng và thông qua nhiều quy hoạch phát triển các ngành kinh tế (như điện, xi-măng, sắt thép, giấy, dệt may, giao thông...) và các ngành văn hóa, giáo dục, khoa học, y tế..., nhưng các địa phương chưa nắm được. Tính pháp chế của quy hoạch chưa rõ, chưa có đủ các văn bản pháp quy về quản lý nhà nước đối với quy hoạch (xác định nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền xét duyệt, trách nhiệm thực hiện quy hoạch...). Vì vậy, có quy hoạch rồi nhưng không làm theo đúng quy hoạch, thậm chí có hiện tượng lợi dụng quy hoạch để kiếm lợi riêng... Đó là những mặt yếu trong công tác quy hoạch mà thời gian tới phải khắc phục.

Trong năm tới, việc rà soát, bổ sung, nâng cao chất lượng quy hoạch phải tập trung đáp ứng mấy yêu cầu trước mắt về chuyển dịch cơ cấu kinh tế :

- *Đối với nông nghiệp*, cần hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất và mặt nước theo hướng bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trên cơ sở thâm canh, tăng thêm diện tích trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, nhằm vào những sản phẩm có sức cạnh tranh và có thị trường. Dự kiến sẽ giảm thêm diện tích đất trồng lúa xuống khoảng 4 triệu héc-ta, thâm canh đạt sản lượng 35 - 40 triệu tấn/năm, trong đó, khoảng trên 1 triệu héc-ta ở đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng trồng

Digitized by Google

lúa chất lượng cao, xuất khẩu hằng năm 3,5 - 4 triệu tấn gạo. Mục tiêu này vừa bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, vừa phát huy lợi thế của Việt Nam về sản xuất lương thực có năng suất cao, chi phí thấp, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Diện tích trồng lúa năng suất thấp chuyển sang cây trồng khác hoặc chuyển thành diện tích nuôi trồng thủy sản ; tăng nhanh giá trị thu được trên một đơn vị diện tích. Việc trồng cây gì, nuôi con gì trên từng vùng, từng địa bàn cụ thể thì phải có sự liên kết giữa hộ nông dân, hợp tác xã với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở ký kết hợp đồng (đã bước đầu thực hiện có hiệu quả, nhất là khi hợp đồng tiêu thụ gắn với các biện pháp hỗ trợ "đầu vào", như cung ứng vật tư, kỹ thuật, giúp vốn sản xuất...). Các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản thuộc các thành phần kinh tế (cả doanh nghiệp chế biến và công ty thương mại nhà nước, hợp tác xã tiêu thụ, các hình thức kinh tế tư nhân) phải chủ động tìm thị trường, phải liên kết với nhau trong các hội, hiệp hội để nâng cao năng lực tiếp thị, hợp tác liên doanh với các công ty nước ngoài đang chiếm lĩnh các thị trường nông sản, thực phẩm trên thế giới. Ta đã có kinh nghiệm tốt thực hiện phương châm này, như Công ty mía đường Lam Sơn, Nông trường Sông Hậu, nuôi cá Ba sa..., cần được phổ biến, nhân rộng. Chính phủ và cơ quan chính quyền các cấp tạo điều kiện, hỗ trợ cho sự liên kết "bốn nhà" (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học - kỹ thuật, Nhà nước, nay có ý kiến thêm cả "nhà băng"), đặc biệt là cho việc ký hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân, chứ không dùng biện pháp hành chính quy định cho nông dân trồng cây gì, nuôi con gì. Trước đây, khi chúng ta thiếu đủ thứ, cần đủ thứ thì kế hoạch đề ra diện tích, năng suất, sản lượng từng loại cây và số lượng gia súc, gia cầm ở từng địa phương ; nay tình hình đã khác, nhiều sản phẩm đã vượt khả năng tiêu thụ trong nước, phải tìm thị trường bên ngoài ; Do đó, sản xuất phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường, sản xuất cái gì, bao nhiêu, với chất lượng thế nào phải do doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ nông sản thỏa thuận với nông dân, không thể áp đặt bằng kế hoạch theo lối hành chính như trước.

- *Trong công nghiệp,* cần quy hoạch hợp lý theo tiêu chuẩn bảo đảm hiệu quả các ngành sản xuất, kể cả các ngành công nghiệp cơ bản bảo đảm năng lượng, nguyên liệu, vật liệu và trang bị kỹ thuật cho nền kinh tế, các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến xuất khẩu, các ngành công nghệ cao và quy hoạch các khu công nghiệp. Trước mắt, cần chú trọng các khu, cụm công nghiệp nhỏ để tạo mặt bằng sản xuất, kinh doanh cho các làng nghề, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời phục vụ cho việc di dời các doanh nghiệp đang gây ô nhiễm trong nội đô thành phố, thị xã.

- *Đối với lĩnh vực kết cấu hạ tầng và dịch vụ :* chú trọng quy hoạch mạng lưới giao thông (kể cả đường bộ, đường sông, đường sắt, cảng biển, sân bay, trong đó có các tuyến liên kết đường bộ, đường sắt, sân bay... với các nước ASEAN), quy hoạch kết cấu hạ tầng cho phát triển du lịch, các đô thị và các khu dân cư.

Chính phủ chỉ quyết định những quy hoạch lớn có tính nguyên tắc và định hướng phát triển các ngành, vùng lớn, có tính liên ngành, liên vùng. Quy hoạch cụ thể trên từng địa bàn phải được

Digitized by Google

Hội đồng nhân dân địa phương (chủ yếu là cấp tỉnh, thành phố) xem xét, xác định và công bố.

Sắp tới sẽ xây dựng khung pháp chế bảo đảm nội dung, trình tự, thẩm quyền xét duyệt, quan hệ phối hợp giữa ngành và vùng, giữa các địa phương, quy chế thực hiện quy hoạch và dân chủ hóa, công khai hóa quy hoạch.

Thứ hai : Chăm lo phát triển kết cấu hạ tầng

Phát triển kết cấu hạ tầng theo quy hoạch là điều kiện quan trọng hàng đầu phục vụ cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhiều đại biểu Quốc hội đã nhận xét rất xác đáng : Đầu tư không gắn với quy hoạch thì cơ cấu kinh tế không thể chuyển dịch nhanh và có hiệu quả. Nhiệm vụ này đòi hỏi nguồn đầu tư rất lớn, phải huy động nhiều nguồn lực, trong đó phần quan trọng nhất phải dựa vào nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, nhất là trong thời kỳ đầu tiến hành công nghiệp hóa.

Phải chú trọng xây dựng cả kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội để bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững. Trong thời gian tới, phải tập trung cho những công trình phục vụ trực tiếp việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo quy hoạch đã nêu ở trên.

Tuy công trình kết cấu hạ tầng trước sau đều đem lại hiệu quả, song vẫn cần cân nhắc kỹ cơ cấu và trình tự để phát huy được tác dụng tối ưu. Ví dụ : thời gian qua, 70% vốn đầu tư cho nông nghiệp được dành cho thuỷ lợi để phát triển cây lúa, nay phải bố trí cơ cấu thích đáng không chỉ phục vụ thâm canh lúa mà còn phải đáp ứng yêu cầu phát triển cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển chăn nuôi, cho việc nghiên cứu và sản xuất giống, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm... Đặc biệt, việc nuôi trồng thủy sản đang có chiều hướng phát triển nhanh, song phải chú trọng ngay từ đầu công tác quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng để bảo đảm hiệu quả lâu dài, bảo vệ tốt môi trường, khắc phục tình trạng chạy theo lợi trước mắt, gây nhiều hậu quả xấu.

Thứ ba : Hỗ trợ phát triển

Bên cạnh việc cải thiện môi trường chung cho đầu tư kinh doanh, Nhà nước khuyến khích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế bằng các chính sách hỗ trợ phát triển, chủ yếu là trên mấy lĩnh vực :

- Giúp đỡ việc tạo mặt bằng sản xuất kinh doanh bằng chính sách đất đai và các điều kiện về kết cấu hạ tầng ;

- Về vốn tín dụng, (tôi đã lưu ý đồng chí Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) tiếp tục có giải pháp tăng nhanh vốn tín dụng đi liền với các chính sách và hình thức thích hợp cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thể vay vốn đầu tư phát triển ;

- Ứng dụng khoa học - công nghệ (Nhà nước đầu tư nghiên cứu công nghệ mới ; đối với nông nghiệp, đặc biệt chú trọng khâu giống cây, giống con ; áp dụng các hình thức khuyến nông, khuyến công, ứng dụng công nghệ mới ; hỗ trợ việc đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý...) ;

- Hỗ trợ thông tin, tiếp thị (tạo điều kiện thuận lợi cho việc nối mạng thông tin, phát triển các dịch vụ thông tin, hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực thông tin, tiếp thị của doanh nghiệp và hiệp hội, nhưng không làm thay) ;

Digitized by Google

- Áp dụng các chính sách ưu đãi đối với những lĩnh vực, ngành nghề cần khuyến khích (bằng chính sách thuế, tín dụng và các hình thức khen thưởng...).

Đi đôi với các chính sách khuyến khích và hỗ trợ, Chính phủ sẽ xúc tiến mạnh hơn chủ trương xóa bao cấp, giảm bảo hộ, kiểm soát độc quyền kinh doanh, điều chỉnh giá đầu vào của một số sản phẩm độc quyền nhà nước, tạo ra sức ép rất mạnh thúc đẩy các doanh nghiệp phải vươn lên nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Thực tế cho thấy, không thể nâng cao sức cạnh tranh nếu không kiên quyết xóa bỏ sự ỷ lại vào chính sách bao cấp, bảo hộ của Nhà nước và lợi thế độc quyền. Cần thấy rõ một thực tế là, những sản phẩm Việt Nam có sức cạnh tranh cao không chỉ ở trong nước, mà cả trên thị trường quốc tế đều là những sản phẩm không dựa vào bao cấp, bảo hộ và độc quyền (như thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ, một số mặt hàng cơ khí nhỏ, vật liệu nội thất, một số công ty giày dép, may mặc, chế biến thực phẩm, mỹ phẩm,...). Thời hạn thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế càng đến gần tạo thêm cơ hội cho chúng ta mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, đồng thời buộc chúng ta, từ các cơ quan nhà nước đến các doanh nghiệp và nhân dân, phải hành động quyết liệt để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và của nền kinh tế Việt Nam. Chỉ riêng việc thực hiện cam kết tham gia quy chế ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung trong khối ASEAN, từ ngày 1-1-2003 sẽ có thêm 755 mặt hàng được đưa vào danh mục giảm thuế suất thuế nhập khẩu xuống mức dưới 20% và sẽ tiếp tục giảm, đến năm 2006 là dưới 5% ; các hạn chế về định lượng sẽ phải cắt giảm ngay.

Nói tóm lại, để đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Nhà nước phải cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (trước hết là môi trường pháp lý, môi trường cạnh tranh lành mạnh, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định), đồng thời, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi thông qua quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng và thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển. Nhà nước không làm thay cho người sản xuất, kinh doanh.

II. VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Kinh nghiệm mấy năm qua cho thấy, chính nhờ phát huy mạnh mẽ nội lực mà chúng ta vượt qua được thách thức do tác động bất lợi của cuộc khủng khoảng tài chính - kinh tế ở khu vực, tiếp tục tăng được tổng vốn đầu tư và duy trì được nhịp độ tăng trưởng. Các đại biểu Quốc hội đều tán thành quan điểm phát huy mạnh mẽ các nguồn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là nguồn vốn trong dân còn nhiều tiềm năng, song đều lo lắng về tình trạng đầu tư kém hiệu quả, đặc biệt là đầu tư của ngân sách và tín dụng nhà nước. Trong báo cáo trình bày ở phiên khai mạc kỳ họp này của Quốc hội, tôi đã đề cập những giải pháp nhằm khắc phục tình trạng đó. Nay, xin trình bày rõ thêm chủ trương của Chính phủ.

1. Về phương hướng và chủ trương đầu tư

Nhiều đồng chí đại biểu cho rằng hiệu quả đầu tư phụ thuộc trước hết vào chủ trương đầu tư. Chính phủ rất tán thành ý kiến đó và xác định phương hướng và chủ trương đầu tư như sau đối với vốn ngân sách và vốn tín dụng nhà nước (hai nguồn vốn này do Nhà nước chủ động

Digitized by Google

sử dụng, năm 2003 chiếm khoảng 35% tổng vốn đầu tư toàn xã hội) :

a. Đối với vốn ngân sách

Kiên trì chủ trương tập trung vốn ngân sách đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và thực hiện những chương trình hỗ trợ cho sự phát triển các vùng nghèo. Dứt khoát không dùng vốn ngân sách đầu tư các dự án kinh doanh.

Vốn ngân sách là tiền của dân, do đó dự án đầu tư phải được đại diện của dân bàn và quyết định. Ngoài các công trình do Quốc hội quyết định, cần phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân đối với việc sử dụng vốn ngân sách cho đầu tư phát triển ; nếu là dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách địa phương (kể cả phần Trung ương phân bổ thêm cho địa phương) thì phải đưa ra Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định và công bố công khai ; nếu là dự án xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc quyền quyết định của cơ quan chính quyền cấp trên, thì phần làm trên địa bàn địa phương nào cũng phải thông báo cho Hội đồng nhân dân địa phương đó góp ý kiến và tham gia giám sát việc thực hiện. Quy định này được áp dụng đối với những công trình khởi công mới trong năm nay.

Để khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kéo dài, cần thực hiện nghiêm quy định về tiến độ và thời hạn hoàn thành đối với công trình, có sự giám sát của Hội đồng nhân dân. Năm 2003, Chính phủ và các bộ, các địa phương phải dứt khoát bố trí đủ vốn bảo đảm tiến độ xây dựng các công trình dở dang trước khi đặt ra các công trình mới.

b. Về vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước

Nguồn vốn này gồm vốn ngân sách chuyển qua, vốn vay ODA và một phần được huy động trong dân qua trái phiếu Chính phủ. Ngoài ngân hàng chính sách có quy chế riêng, vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được sử dụng như sau :

Chỉ cho vay ưu đãi đối với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng có thu hồi vốn và một số ít công trình sản xuất rất cần thiết thuộc diện ưu tiên của Nhà nước như các công trình về năng lượng, công trình công nghiệp nặng, cơ khí, cơ sở công nghiệp ở miền núi...

Dành một phần để hỗ trợ cho các hội và hiệp hội ngành nghề lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn của các ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển (quỹ này phải huy động thêm vốn của các doanh nghiệp thành viên và các nguồn khác).

Lâu nay, có tình trạng các dự án xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh được chính quyền địa phương bảo trợ để vay vốn nhà nước, khi lập báo cáo khả thi thì dự tính đều có lãi, nhưng khi hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh thì nhiều đơn vị bị lỗ. Nhìn chung, các dự án đầu tư vào sản xuất, kinh doanh theo quyết định hành chính phần lớn đều kém hiệu quả. Trong báo cáo trình bày với Quốc hội tại phiên khai mạc, tôi đã nêu rõ chủ trương của Chính phủ nhằm khắc phục tình trạng này. Từ nay, chính quyền các cấp không tự mình đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, mà phải tạo điều kiện và hỗ trợ cho các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế. Nếu thấy cần phát triển ngành hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh nào thì cơ quan chính quyền công bố rõ các điều kiện, các chính sách ưu đãi (cả về đất, tín dụng, thuế...) để các nhà đầu tư trong nước (kể cả doanh nghiệp nhà nước) và ngoài nước chủ động

Digitized by Google

lập dự án; nếu cần vay vốn thực hiện đầu tư thì vay ở ngân hàng thương mại (vay trực tiếp hoặc vay với sự bảo lãnh của quỹ bảo lãnh tín dụng). Đối với các dự án đã hoàn thành thuộc các lĩnh vực được áp dụng chính sách ưu đãi, Nhà nước sẽ hỗ trợ sau đầu tư bằng nhiều hình thức (miễn, giảm thuế, hỗ trợ lãi suất tín dụng, thưởng xuất khẩu...).

2. Chống thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản và bảo đảm chất lượng công trình

Đây là một vấn đề rất bức xúc. Không thể kéo dài tình trạng bất cứ công trình đầu tư nào của Nhà nước, khi bị thanh tra, kiểm tra đều thấy có vi phạm về tài chính, về chất lượng và tiến độ thi công.

Chính phủ đang chỉ đạo hoàn thiện các quy chế nhằm khắc phục tình trạng này. Trước mắt, cần áp dụng ngay một số biện pháp khả thi :

- Nâng cao trách nhiệm cá nhân và thẩm quyền của chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải là người quản lý và vận hành công trình sau khi đã hoàn thành xây dựng. Theo tinh thần này, cần rà soát và điều chỉnh việc bố trí chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn của Nhà nước.

- Định rõ trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm cá nhân, trong từng khâu thiết kế, thi công, giám sát, áp dụng chế độ thưởng và phạt nghiêm minh. Đổi mới cơ chế giám sát đầu tư xây dựng cơ bản trong hai khâu then chốt là chất lượng và giá thành xây dựng.

Để việc giám sát có tính khách quan thì các tổ chức giám sát phải có vị thế độc lập với các tổ chức thi công xây dựng. Hai tổ chức này phải không cùng một cơ quan quản lý. Khó khăn hiện nay là phần lớn các tổ chức giám sát và tổ chức thi công xây dựng đang thuộc cùng một bộ. Trước mắt, Chính phủ sẽ đặt vấn đề với Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật, phát huy khả năng của một số hội có điều kiện thực hiện công tác tư vấn và giám sát, sau đó sẽ từng bước hình thành các tổ chức giám sát độc lập.

Bên cạnh việc đề cao trách nhiệm của các tổ chức giám sát chuyên nghiệp, cần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia giám sát các công trình hạ tầng. Ở một số nơi, người dân đã chủ động giám sát, phát hiện những sự khuất tất và không bảo đảm chất lượng như đối với một số công trình thuộc Chương trình 135, công trình cầu, đường ở một số địa phương... Cần đúc kết kinh nghiệm thực tế, xây dựng quy chế bảo đảm điều kiện (kể cả dành một phần kinh phí) thu hút những người có điều kiện và am hiểu trong nhân dân tham gia giám sát công trình xây dựng kết cấu hạ tầng tại địa phương mình.

III. CHỈNH ĐỐN TRẬT TỰ, KỶ CƯƠNG TRONG XÃ HỘI VÀ TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Các đại biểu Quốc hội rất trăn trở và bức xúc về tình trạng coi thường kỷ cương phép nước đang diễn ra rất phổ biến trong xã hội và cả trong bộ máy nhà nước. Do việc giáo dục và thực thi pháp luật bị buông lỏng trong một thời gian dài và do các cơ quan, công chức nhà nước thiếu gương mẫu, nghiêm minh, thậm chí có một bộ phận dung dưỡng, bao che cho những hành vi xấu nên hiệu lực quản lý nhà nước bị suy giảm, nhiều chủ trương, chính sách bị vô hiệu hóa, thậm chí bị bóp méo trong quá trình thực hiện.

Digitized by Google

1. Khôi phục kỷ cương trong xã hội

Để làm tốt vấn đề này, cần tạo lập nếp "sống và làm việc theo pháp luật", cần có chương trình hành động thiết thực, tập trung vào từng mục tiêu, yêu cầu cụ thể trong từng thời gian, phối hợp nhiều ngành hoạt động, với sự chỉ đạo chặt chẽ, bền bỉ của cấp ủy và chính quyền địa phương. Đối với phần lớn các địa phương, khâu đột phá trong năm 2003 là phải lập lại trật tự giao thông đường bộ.

Bộ trưởng Đào Đình Bình đã trình bày những giải pháp nhằm hạn chế, ngăn chặn ách tắc và tai nạn giao thông. Ngoài những giải pháp về điều chỉnh quy hoạch đô thị, tổ chức lại hệ thống giao thông, phát triển nhanh phương tiện công cộng và giảm việc sử dụng phương tiện cá nhân, tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa giải pháp khắc phục một nguyên nhân quan trọng gây ách tắc và tai nạn giao thông. Đó là việc tiến hành một cách kiên quyết và bền bỉ cuộc vận động thực hiện nghiêm chỉnh luật lệ giao thông, vừa là vấn đề cấp bách để bảo đảm an toàn giao thông, vừa là một bước rất cơ bản xây dựng nếp sống có văn hóa trong xã hội và cải thiện hình ảnh của đất nước ta trong con mắt người nước ngoài.

Đây là việc làm rất phức tạp vì nó đụng đến cuộc sống thường ngày của mọi người và vấp phải sức ỳ của thói quen đã trở thành lề thói của một bộ phận đông đảo dân cư. Tuy khó, nhưng không phải là không làm được. Trong thời gian qua, chúng ta đã giải quyết tốt một số việc tương tự như cấm đốt pháo, giải tỏa sự lấn chiếm đê Yên Phụ. Chính phủ sẽ tiếp tục chỉ đạo kiên quyết theo kinh nghiệm này.

Trước hết, các cấp ủy đảng và cơ quan chính quyền các cấp phải chỉ đạo chặt chẽ ; chủ tịch ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã phải trực tiếp là trưởng ban chỉ đạo an toàn giao thông, các đoàn thể chính trị xã hội phải vào cuộc. Đoàn Thanh niên cần tỏ thái độ và có hành động quyết liệt hơn nhằm ngăn chặn thanh niên đua xe trái phép, đi xe không có bằng, nhất là học sinh chưa đủ tuổi đi xe máy. Chúng ta nhất định phải huy động sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng tiến hành sâu rộng, bền bỉ công tác giáo dục, vận động mọi người, trước hết là đảng viên, đoàn viên, hội viên, công nhân, viên chức, học sinh gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông và đi đầu trong việc sử dụng các phương tiện giao thông công cộng. Cán bộ lãnh đạo các địa phương, những người có trách nhiệm chỉ đạo an toàn giao thông càng phải nêu gương tốt. Nhân đây, xin nói luôn về việc dùng đoàn xe có xe dẫn đường kéo còi hú và vượt đèn đỏ để đưa đón các đại biểu dự các hội nghị lớn trong nước họp tại Hà Nội. Việc này từ nay nên tránh, vì trái với tinh thần gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông, nếu cần thì chỉ áp dụng khi đưa đón nguyên thủ nước ngoài.

Bên cạnh việc giáo dục, vận động, tạo sự hưởng ứng của toàn xã hội lên án mọi hành vi coi thường, vi phạm luật lệ giao thông, cần xử lý các vi phạm luật lệ giao thông với tinh thần rất nghiêm, hễ vi phạm là phạt, nhưng mức phạt vừa phải, thủ tục phạt đơn giản, dễ thực hiện và tiến hành thường xuyên, liên tục để hình thành cho được nền nếp tôn trọng luật lệ giao thông. Trong thời gian đầu, để có đủ lực lượng thiết lập trật tự, an toàn giao thông, bên cạnh việc tăng thêm lực lượng cảnh sát

Digitized by Google

giao thông, cần vận động các lực lượng tình nguyện khác (thanh niên xung phong, sinh viên...) tham gia ở đường phố.

Năm 2003 có tạo được chuyển biến căn bản về ý thức chấp hành luật lệ, lập lại trật tự, an toàn giao thông hay không ? Câu hỏi đó không riêng Chủ tịch Ủy ban an toàn giao thông, mà tất cả các ngành, các cấp trong toàn bộ hệ thống chính trị phải trả lời.

2. Chỉnh đốn kỷ cương trong bộ máy nhà nước

Chúng ta đã nói nhiều về vấn đề này, bây giờ là phải kiên quyết làm, tập trung vào một số biện pháp thiết thực để làm chuyển biến tình hình chung.

Qua ý kiến của nhiều đồng chí đại biểu, càng nổi lên vấn đề hết sức bức thiết để bảo đảm kỷ cương trong bộ máy nhà nước là phải xác định rõ trách nhiệm cá nhân đi liền với thẩm quyền tương ứng với chức trách công tác. Vấn đề đặt ra là, trách nhiệm, thẩm quyền trong công việc điều hành, quản lý phải đi liền với trách nhiệm, thẩm quyền về tổ chức nhân sự và về sử dụng kinh phí. Điều đó đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung thể chế hiện hành. Chính phủ sẽ hết sức quan tâm làm rõ vấn đề này khi ban hành Nghị định chung về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các bộ, cũng như khi xét duyệt quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của từng bộ. Khi xây dựng đề án phân cấp cho chính quyền cấp tỉnh, cũng phải quy định rõ trách nhiệm cá nhân.

Trong năm 2003, Thủ tướng Chính phủ sẽ chỉ đạo việc thẩm tra, xử lý một số vụ nổi cộm vi phạm kỷ luật hành chính, trước hết là những vụ đã phát hiện qua việc tiến hành thanh tra về đất đai và đầu tư xây dựng, những vụ tồn đọng mà Chính phủ đã có ý kiến giải quyết nhưng không được chấp hành. Đề nghị các bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng tập trung giải quyết một số vụ thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình để đề cao kỷ luật hành chính. Yêu cầu đặt ra không chỉ nhằm xử lý dứt điểm một số vụ mà còn phải qua đó, thấy rõ những khiếm khuyết trong thể chế và cách quản lý, nhất là quản lý cán bộ, để đề xuất cách bổ cứu.

Cải tiến việc Thủ tướng và các thành viên Chính phủ, thủ trưởng cơ quan chính quyền cấp trên đi làm việc, kiểm tra công tác ở địa phương và cơ sở ; giảm bớt việc tập hợp đông người, tăng cường hình thức làm việc trực tiếp giữa thủ trưởng cấp trên với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp để nghe báo cáo, trao đổi ý kiến ; qua kiểm tra công tác mà đánh giá năng lực cán bộ, công chức.

Chúng ta không thể đổ tất cả lỗi cho cơ chế hiện hành làm cho kỷ cương, phép nước không nghiêm vì trong cùng một khung pháp lý, một số tỉnh, thành phố vẫn làm tốt việc phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đô thị, giữ gìn trật tự xã hội. Do đó, trong khi không coi nhẹ việc hoàn thiện thể chế, cần thấy rõ vai trò quyết định của công tác chỉ đạo, điều hành đối với việc chỉnh đốn kỷ cương trong xã hội và trong bộ máy nhà nước.

Với tinh thần đó, rất mong Quốc hội và các đồng chí đại biểu phát huy chức năng và vị thế của mình, hỗ trợ và giám sát bộ máy hành chính thực thi pháp luật, đặc biệt là giám sát các cơ quan bảo vệ pháp luật, tạo được sự chuyển biến có ý nghĩa trong năm 2003 về chỉnh đốn kỷ cương, phép nước.❑

Digitized by Google

CHÚC NĂM MỚI 2003 - QUÝ MÙI ĐẤT NƯỚC TA TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐỔI MỚI MẠNH MẼ HƠN NỮA, TIẾN LÊN NHANH HƠN, VỮNG HƠN

Đại tướng VÕ NGUYÊN GIÁP

Lời Bộ Biên tập : *Trước thềm Năm Mới 2003, phóng viên Tạp chí Cộng sản đã đến thăm và phỏng vấn Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong không khí thân mật, mặc dù rất bận, nhưng Đại tướng đã vui vẻ nêu một số ý kiến về nhiệm vụ của năm 2003 - năm Quý Mùi. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu ý kiến của Đại tướng.*



NĂM 2002, năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đất nước ta đã phải vượt qua những khó khăn mới, thách thức mới, có phần gay gắt hơn năm trước. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, giá cả biến động bất lợi cho ta. Trong nước diễn ra hạn hán, lũ lụt kéo dài, một số nơi lốc xoáy, lở đất, cháy rừng, cháy nhà đã gây thiệt hại lớn. Mặc dầu vậy, kinh tế, xã hội vẫn ổn định và phát triển, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng - an ninh được giữ vững, vị thế quốc tế nước ta được nâng cao. Việt Nam vẫn là một trong số nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao ở khu vực.

Digitized by Google

Đạt được thành tựu quan trọng và khá toàn diện như vậy là nhờ Đảng ta đã có những nghị quyết đề ra nhiều chủ trương, chính sách ngày càng sát đúng với thực tế ; sự chỉ đạo của Chính phủ khá sâu sát, kịp thời và các ngành, các cấp cùng toàn dân ta trong cả nước đã phát huy tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo.

Thế là lại thêm một năm đổi mới thắng lợi. *Toàn Đảng, toàn dân ta phấn khởi trước thành tựu mới và tăng thêm niềm tin vào đường lối tiếp tục đổi mới mà Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra.*

Tuy nhiên, nghiêm khắc mà nhìn nhận, qua hơn 16 năm đổi mới, đất nước ta có bước phát triển vượt bậc, *nhưng hiện nước ta vẫn là một trong những nước nghèo của khu vực và trên thế giới.*

Năm 2002, Trung ương đã chỉ rõ những yếu kém, chưa vững chắc trong phát triển kinh tế, xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, chưa đạt kế hoạch về một số chỉ tiêu, nhất là về kim ngạch xuất khẩu. Đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, xây dựng cơ bản chất lượng kém và thất thoát lớn. Sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc như tham nhũng, làm ăn bất chính, tệ nạn ma túy, tai nạn giao thông diễn ra nghiêm trọng. Những yếu kém ấy nói lên sức mạnh lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý điều hành của Nhà nước còn có những hạn chế, bất cập. Vì vậy, chúng ta không thể chút nào chủ quan thỏa mãn mà phải *tiếp tục đổi mới, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa, để đưa đất nước ta tiến lên nhanh và vững hơn.*

Năm 2003 là năm giữa nhiệm kỳ của Đại hội IX, là năm có vị trí **"bản lề"** rất quan trọng, tạo đà để hai năm sau phát triển nhanh hơn, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2001-2005.

Nói đến nhiệm vụ năm 2003, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương và Báo cáo của Chính phủ, Nghị quyết của Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XI vừa qua đã vạch rõ một cách toàn diện, với nhiều quyết sách cụ thể, đúng đắn. Ở đây tôi chỉ muốn nói lên một số suy nghĩ, mong mỏi có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về một số vấn đề mà tôi cho là quan trọng.

Một là : Năm qua kinh tế, xã hội ổn định, tốc độ tăng GDP 7% là một cố gắng lớn, là khá cao, song tôi vẫn suy nghĩ : như vậy đã phải cao nhất chưa ? Đã hết khả năng chưa ? Nếu ta chỉ tăng GDP hằng năm được 7 - 7,5% thôi, thì sự tụt hậu vẫn tiếp tục diễn ra. Vì sao nhiều nhà đầu tư nước ngoài lại chuyển sang đầu tư ở nước khác ? Chính sách khơi dậy tiềm năng lao động, của cải, trí tuệ của toàn dân ta đã đủ chưa ? Có thể có cách huy động với mức độ cao hơn được không ?

Mong mỏi đầu tiên của tôi là Trung ương, Chính phủ, các nhà khoa học hãy đi sâu hơn nữa vào thực tế nước ta và nghiên cứu kinh nghiệm các nước, *tìm cho ra cách khắc phục những gì đang làm trì trệ, cản trở, hạn chế việc phát huy cao độ nội lực và tranh thủ tối đa ngoại lực, để năm 2003 phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn, bền vững hơn* như tinh thần Nghị quyết 7 của Trung ương đã nêu lên. Không những phải phấn đấu tăng GDP 7,5%, mà phải tìm ra phương sách vươn lên đạt tốc độ cao hơn, mới có thể loại trừ được nguy cơ tiếp tục tụt hậu, mới thực hiện được kế hoạch Đại hội đề ra.

Hai là : Năm 2003 nước ta bắt đầu thực hiện lộ trình hội nhập AFTA, từng bước

Digitized by Google

giảm thuế quan hàng nhập khẩu, tự do hóa thương mại và đầu tư trong khối ASEAN, xúc tiến chuẩn bị gia nhập WTO.

Hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế của thời đại, không một nước nào ngày nay tự cô lập, khép kín mà có thể đứng vững, phát triển. *Hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và cạnh tranh trong tình hình nền kinh tế nước ta còn lạc hậu, chậm phát triển là một thách thức cực kỳ quyết liệt đối với đất nước.* Mấy năm nay, Đảng ta đã nêu lên quan điểm chủ động hội nhập, song tôi thấy năm 2003, thời điểm cam kết bắt đầu hạ thuế nhập khẩu một số mặt hàng xuống 0 - 5% đã đến, mà việc chuẩn bị thì chưa thật chủ động, còn lúng túng, chưa thật khẩn trương, mạnh mẽ từ cấp chiến lược cho đến cơ sở, công ty, doanh nghiệp.

Muốn cạnh tranh được, *điều quyết định là phải có công nghệ hiện đại và phải làm ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường, cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Song, chúng ta "đầu tư cho đổi mới công nghệ, cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm"*, như Trung ương đã nhận định.

Cuộc cách mạng nước ta đã chuyển sang nhiệm vụ chiến lược mới. Chính trị trước đây là chính quyền, là chiến đấu thắng lợi trên chiến trường để giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Chính trị ngày nay là xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc mà *xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm.* Vì vậy, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phát triển kinh tế, cạnh tranh kinh tế thắng lợi trên thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế, làm cho dân giàu lên, nước mạnh lên, sánh vai cùng các nước trên thế giới, thật sự đem lại cuộc sống văn minh, hạnh phúc cho nhân dân như Bác Hồ hằng mong muốn. Chúng ta luôn gắn xây dựng với bảo vệ, vì quốc phòng, an ninh có giữ vững mới có điều kiện phát triển ; luôn gắn kinh tế với xã hội, vì phát triển kinh tế là vì con người, do con người, chúng ta xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giàu mạnh gắn liền với dân chủ, công bằng, văn minh.

Tôi mong năm 2003, toàn Đảng, toàn dân ta *tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc chuẩn bị và tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế* từ Trung ương đến cơ sở. Mỗi nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, mỗi công nhân, nông dân, mỗi người dân Việt Nam ta cần nhận thức rõ thách thức mới của công cuộc cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Mỗi người hãy nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, đồng tâm hiệp lực, sáng tạo, khôn khéo trên mặt trận sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu "chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế"(1), "đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới thiết bị công nghệ trong tất cả các ngành kinh tế"(2). Phải ra sức học tập, nâng cao năng lực quản lý, kiến thức kinh tế, xã hội, khoa học công nghệ, thông thạo ngoại ngữ, tin học, nghiên cứu, hiểu biết thị trường, chọn đúng sản phẩm, đầu tư tập trung, chống lãng phí thất thoát, giảm mạnh chi phí sản xuất, hạ giá thành..., tìm ra được những phương sách để cạnh tranh

(1) (2) *"Thông báo Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX"*, Tạp chí Cộng sản, số 33 (11-2002), tr 4, 5

Digitized by Google

thắng lợi trên thị trường quốc tế và ngay trên thị trường trong nước, làm cho nền kinh tế nước nhà phát triển cao và bền vững. Sản xuất ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao là con đường sống còn của mỗi doanh nghiệp, mỗi công ty, cũng như của cả nền kinh tế. Làm được như vậy mới giữ vững được độc lập, tự chủ và nâng vị thế của nước ta trên trường quốc tế, mới xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Ba là : Tôi mong năm 2003, ba cái nạn lớn : *tệ nạn tham nhũng, làm ăn bất chính ; tệ nạn ma túy, mại dâm và tai nạn giao thông được giảm bớt một cách rõ rệt,* để tiến tới chấm dứt, chứ không phải cứ tiếp tục diễn ra nghiêm trọng như hiện nay.

Đọc báo, nghe tin hằng ngày, được biết không ít vụ tham nhũng, lãng phí, làm ăn gian lận, bòn rút của công hàng tỉ, chục tỉ, trăm tỉ đồng và nhiều hơn nữa, tính chất ngày càng nghiêm trọng. Tệ nạn ấy đã xâm nhập sâu vào cả ngành giáo dục, đào tạo con người và cả cơ quan công lý bảo vệ pháp luật.

Đã bao nhiêu năm nay chúng ta nhận thấy và lên án sự lãng phí, thất thoát lớn trong các dự án đầu tư, trong xây dựng cơ bản, nhưng đến nay tham nhũng, thất thoát trong các lĩnh vực ấy vẫn nghiêm trọng, làm giàu bất chính cho một số người, còn công nhân xây dựng thì đời sống vẫn thấp.

Dư luận xã hội rất bất bình về nạn hối lộ, chạy chức quyền, mua bằng cấp đang làm biến chất một bộ phận cán bộ. Phải thấy rằng, những cán bộ bỏ tiền để chạy cấp, chức thì ngay khi ngồi vào ghế đã không còn là cán bộ của Đảng, của dân, mà chỉ là những người lợi dụng chức quyền để xoay xở, ăn cắp của công, làm hại nước, hại dân.

Chúng ta nghĩ thế nào khi những vụ tham nhũng, hối lộ, làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế diễn ra ở ngay trong các cơ quan, công ty, doanh nghiệp nhà nước, nhưng các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên ở đó không phát hiện.

Vì sao chúng ta đã có nhiều nghị quyết, đề ra nhiều luật pháp, quy định để chống tham nhũng, nhưng kết quả đạt được vẫn rất hạn chế, tệ tham nhũng vẫn diễn ra phổ biến, nghiêm trọng.

Năm 2002, Trung ương và Chính phủ đã thể hiện quyết tâm chống tham nhũng, chỉ đạo điều tra để xét xử băng nhóm xã hội đen Năm Cam một cách kiên quyết, tạo được niềm tin trong nhân dân. Tuy nhiên, còn nhiều vụ tham nhũng mà báo chí nêu lên vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Kỳ này, Trung ương đề ra *"đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí"*. Tôi mong rằng quyết tâm ấy của Trung ương sẽ được các cấp, các ngành rút kinh nghiệm thời gian qua, quán triệt tiến hành một cách cụ thể, kiên quyết, có hiệu quả. *Tham nhũng là giặc nội xâm, đã là giặc thì phải diệt trừ.* Chống tham nhũng là một công việc phải kiên trì, làm có trọng điểm, tập trung chỉ đạo điều tra, xét xử thật nghiêm các vụ vi phạm lớn. Đặc biệt cần coi trọng thực hiện các biện pháp về cơ chế, chính sách và tổ chức, phát huy sức mạnh của nhân dân, dựa vào nhân dân để *ngăn chặn tham nhũng* một cách có hiệu quả. Năm 2003, chúng ta phải có quyết tâm lớn, phấn đấu làm giảm bớt một cách rõ rệt tình hình

Digitized by Google

tham nhũng, lãng phí, làm ăn bất chính, làm trong sạch một bước bộ máy Đảng, Nhà nước, nâng cao lòng tin của nhân dân.

Tệ nạn ma túy ngày càng phát triển, đã xâm nhập vào cả trường học, cơ quan, xí nghiệp, cả thành thị, nông thôn, đang là điều nhức nhối đối với toàn xã hội, là nỗi lo canh cánh của từng gia đình đối với con cháu. Nếu ta không ngăn chặn và đẩy lùi được thì ma túy, mại dâm làm cho không ít thanh, thiếu niên bị tàn lụi sức khỏe, sa sút ý chí, tội phạm gia tăng, đại dịch AIDS phát triển. Có thể nói, tệ nạn ấy nếu không được ngăn chặn sẽ hủy hoại cuộc đời của một bộ phận không nhỏ thanh niên, thiếu niên nam nữ, làm ảnh hưởng đến giống nòi, đến văn hóa và tiền đồ dân tộc. Mấy năm qua, chúng ta đã có nhiều biện pháp ngăn chặn nhưng hiệu quả vẫn còn thấp. Tôi mong năm 2003, các cấp đảng, chính quyền, toàn dân ta, đặc biệt là đoàn thể thanh niên, phụ nữ và mỗi gia đình tìm ra biện pháp giáo dục, ngăn chặn có hiệu quả thực sự đối với tệ nạn buôn bán ma túy, nghiện hút và mại dâm.

Về tai nạn giao thông, một năm chết 1 vạn người, bị thương 3 vạn người là tổn thất to lớn, không thể chấp nhận được. Chính phủ và các cơ quan đã và đang tìm mọi cách để giảm bớt tai nạn. Vừa qua đồng chí Thủ tướng đã nói lên quyết tâm lớn của Chính phủ.

Muốn khắc phục tai nạn giao thông, phải tiến hành từ hai mặt. *Một là,* nghiên cứu đề ra các giải pháp chiến lược về bảo đảm hệ thống đường sá, thiết bị hướng dẫn ; về bảo đảm số lượng, chủng loại, chất lượng phương tiện giao thông và có luật lệ giao thông đầy đủ. *Hai là,* giáo dục, nâng cao hiểu biết, nâng cao ý thức tự giác của nhân dân và có biện pháp bảo đảm chấp hành luật lệ giao thông thật nghiêm. Cả hai mặt này chúng ta đều làm chưa tốt.

Tôi mong năm 2003, chúng ta nghiên cứu một cách toàn diện, có phương án đồng bộ về bảo đảm an toàn giao thông, *chọn ra những việc cần và có thể làm ngay,* nhất là ở những địa bàn trọng điểm, những thành phố lớn, để giảm bớt ngay được tai nạn.

Điều có thể làm ngay là *phát động một phong trào tự giác nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông* sâu rộng trong toàn dân ta. Những cơ quan chức năng duy trì và xử lý thật nghiêm kỷ luật giao thông.

Năm 2003 phải là một năm có tiến bộ về kỷ cương phép nước, coi trọng kỷ cương trên ba vấn đề : chống tai nạn giao thông ; chống tham nhũng, làm ăn phi pháp ; và chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Đó là ba lĩnh vực đang làm mất người, hại của nghiêm trọng, làm giảm lòng tin của dân.

Năm 2003 sẽ có những khó khăn, thách thức mới quyết liệt hơn, nhưng cũng có những thuận lợi mới, đặc biệt là kinh nghiệm của 16 năm đổi mới. Chúng ta tin rằng với sự lãnh đạo và chỉ đạo đúng đắn, sâu sát, cụ thể, kịp thời, coi trọng khơi dậy sức mạnh toàn dân tộc của Đảng và Chính phủ, với tinh thần yêu nước, đoàn kết, chủ động, năng động, sáng tạo của toàn dân ta, nhất định chúng ta sẽ giành được thành tựu mới to lớn hơn nữa.

Nhân dịp năm mới, tôi xin gửi đến Tòa soạn và các cộng tác viên, đến đông đảo bạn đọc của Tạp chí Cộng sản lời chúc : *Năm Mới, tiếp tục đổi mới, giành thắng lợi mới.*❑

Digitized by Google

HÀ NỘI NĂM 2002 :
THÊM MỘT KINH NGHIỆM ĐỂ TIẾP TỤC ĐI LÊN

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

TRƯỚC thềm Năm Mới 2003, trong buổi làm việc cuối năm với Ban lãnh đạo Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cán bộ chủ chốt một số sở, ban, ngành của Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã biểu dương : **Năm 2002, Hà Nội được mùa.**

Năm 2002 vừa khép lại cũng là thời điểm Đảng bộ và nhân dân Thủ đô kết thúc thắng lợi kế hoạch năm 2002 - một năm có nhiều khởi sắc và đạt được những thành quả đáng phấn khởi. Thủ đô thêm một bước đi quan trọng để tự tin tiến vào năm 2003 - năm "bản lề" thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, từng bước đi tới mốc lịch sử rất thiêng liêng -

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội



Ngày hội Hồ Gươm - Ảnh: Hữu Nguyên

Digitized by Google

năm 2010 - kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Nhìn lại tình hình Hà Nội trong hai năm đầu thế kỷ XXI, cũng là hai năm thực hiện Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ Thành phố, chúng ta thấy đây là hai năm hoạt động sôi động và đầy thử thách. Nhất là năm 2002, tuy còn không ít yếu kém, khuyết điểm, hạn chế, nhưng rõ ràng Hà Nội đang có sự vươn lên, có sự phát triển, thực hiện được các nhiệm vụ đã đề ra : Tình hình chính trị - xã hội ổn định ; kinh tế liên tục tăng trưởng ở mức cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh, đúng hướng ; 14/16 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt, trong đó có những chỉ tiêu vượt khá xa. Nhịp độ tăng trưởng GDP đạt 10,37% (cao nhất trong 5 năm trở lại đây) ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 24,3% (cao nhất kể từ năm 1986 đến nay) ; tổng vốn đầu tư phát triển xã hội tăng gần 17% ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 67%. Xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị có bước phát triển với một loạt công trình mới ra đời, xây dựng mới nhà ở đạt gần 94 vạn mét vuông ; một số nút giao thông quan trọng đã hoàn thành, vận tải hành khách công cộng phát triển mạnh, riêng xe buyt tăng 196%. Văn hóa - xã hội tiếp tục đạt thành tựu với nhiều chỉ tiêu dẫn đầu cả nước ; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện ; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thu được những kết quả mới ; quan hệ đối ngoại từng bước được mở rộng, vị thế Thủ đô được nâng cao.

Những kết quả đạt được trong năm 2002 chứng tỏ phương hướng, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ Thủ đô đề ra là đúng đắn ; quyết tâm không ngừng đổi mới toàn diện, đồng bộ nhưng có trọng tâm, trọng điểm là có cơ sở. Điều tôi muốn nhấn mạnh là, trong toàn bộ công việc đổi mới đó, đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách công tác được coi là một trong những khâu đột phá, thực sự là điều kiện quan trọng để Hà Nội phát triển. Đây cũng là một kinh nghiệm nổi bật của Hà Nội trong năm 2002. Điều đó được thể hiện trên các mặt sau đây :

1. Đổi mới cách ra nghị quyết và học tập, nghiên cứu nghị quyết

Phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, phong cách công tác là một vấn đề hết sức quan trọng. Nó liên quan đến hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và ảnh hưởng trực tiếp (nếu không nói là quyết định) đến hiệu quả công tác. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ năm 1947, giữa bộn bề công việc, Bác Hồ vẫn viết tác phẩm nổi tiếng *"Sửa đổi lối làm việc"* để huấn luyện, giáo dục cán bộ. Trong tác phẩm đó, Bác căn dặn rất tỷ mỷ và sâu sắc về phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc, mà đến bây giờ chúng ta thấy vẫn rất đúng đắn, chính xác.

Nói đến lãnh đạo trước hết là nói đến việc đề ra đường lối, chủ trương. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và xã hội bằng đường lối, chủ trương. Nghị quyết của Đảng là văn bản thể hiện đường lối, chủ trương ấy. Để cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương và Thành phố, từ nhiều năm nay, Thành ủy Hà Nội đã tập trung xây dựng các chương trình công tác và lãnh đạo, chỉ đạo bằng các chương trình công tác. Thành ủy khóa XIII tiếp tục thực hiện và phát huy kinh nghiệm này ; đồng thời chú ý khắc phục tình trạng ra quá nhiều chỉ thị, nghị quyết, có khi trùng lắp, chồng chéo ; có nghị quyết tổ chức thực hiện không tập trung, ít hiệu quả. Thành ủy chỉ ra nghị quyết mới có tính chuyên đề khi thật cần thiết, chọn vấn đề cho thật đích đáng và thiết thực. Những nghị quyết còn hiệu lực, những vấn đề chưa thực hiện được thì phải tập trung chỉ đạo thực hiện. Từ sau Đại hội XIII của Thành phố đến nay, thực tế Thành ủy ban hành rất ít nghị quyết, chỉ tập trung vào những vấn đề bức xúc như

Digitized by Google

giải phóng mặt bằng, quản lý trật tự xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở, giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân... Nghị quyết Đại hội được cụ thể hóa thành 10 chương trình công tác lớn và 9 cụm công trình trọng điểm. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố xây dựng các đề án, kế hoạch để thực hiện. Trong các đề án, kế hoạch phải chỉ ra những nội dung công việc cụ thể, lộ trình, thời gian hoàn thành, kinh phí đầu tư, người phụ trách. Cố gắng trong từng thời kỳ tập trung cho những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những việc mới, khó, phức tạp ; không ham đề ra quá nhiều, không đủ sức thực hiện. Chú trọng xây dựng những cơ chế, chính sách, các quy chế, quy định cụ thể. Các nghị quyết, đề án, kế hoạch công tác phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, tránh trùng lặp với những nghị quyết đã có hoặc nặng về lý luận học thuật.

Đối với các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Thành ủy nghiên cứu, vận dụng cụ thể hóa thành các chương trình hành động hoặc đề án công tác để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố.

Trong việc nghiên cứu, học tập nghị quyết của Trung ương cũng như của Thành ủy, cố gắng theo hướng chủ động, thiết thực. Đối với diện rộng thì có hình thức thông báo nhanh, giới thiệu những nội dung cơ bản. Đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp phải thực hiện thì được nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn, tập trung theo lĩnh vực hoặc chuyên đề. Khi nghiên cứu, học tập, không chỉ nghe giới thiệu mà kết hợp nghe giới thiệu với tự nghiên cứu, suy nghĩ, dành nhiều thời gian cho thảo luận, liên hệ thực tiễn địa phương, kiến nghị, đề xuất những giải pháp thực hiện. Trong thảo luận bắt đầu có hình thức đối thoại, nhất là đối thoại giữa người học với người có trách nhiệm chuẩn bị các chương trình, đề án công tác, để vừa đi sâu, gợi mở, vừa sinh động, thiết thực.

2. Đổi mới cách chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết

Tổ chức thực hiện nghị quyết thường là khâu khó và yếu. Thành phố đang chú trọng cải tiến nhiều ở khâu này theo hướng tập trung, kiên quyết, dứt điểm và hiệu quả. Các nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch công tác đều phải có người cụ thể lo triển khai thực hiện với yêu cầu nói đi đôi với làm, đã quyết là phải làm. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn thì cùng tập trung tháo gỡ. Nếu bộ phận nào làm chậm, làm không hiệu quả thì phải chịu trách nhiệm.

Từng thời gian Thường trực Thành ủy, Ủy ban nghe báo cáo, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những vấn đề thuộc 10 chương trình công tác lớn, 9 cụm công trình trọng điểm, những vấn đề khó khăn, bức xúc. Đối với nhiệm vụ trọng tâm nổi lên từng thời gian (như chuẩn bị bầu cử Quốc hội, giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống bão lụt,...) thì có hình thức giao ban giữa lãnh đạo thành phố với bí thư, chủ tịch các quận, huyện ; hoặc trực tiếp xuống các đơn vị, công ty, cơ sở bàn cách giải quyết.

Các chương trình, đề án, kế hoạch công tác phải thường xuyên được kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Ba tháng một lần phải có sơ kết báo cáo Thường vụ hoặc Thường trực Thành ủy. Thành ủy yêu cầu các đồng chí có trách nhiệm phải thường xuyên xem lại, nắm chắc các nhiệm vụ đã nêu trong nghị quyết, chương trình, đề án công tác để tích cực chỉ đạo, không buông lơi. Những nhiệm vụ đã quyết ở kỳ họp trước thì kỳ họp sau phải có kiểm điểm, xem việc gì đã làm, việc gì chưa làm được, lý do vì sao, trách nhiệm thuộc về ai. Kết hợp với phong trào thi đua, khi sơ kết, tổng kết, đơn vị, cá nhân nào làm tốt thì được khen thưởng ; đơn vị, cá nhân nào làm chưa tốt thì mất điểm thi đua, bị phê bình, nhắc nhở, nếu nặng thì phải xem xét, thay đổi cán bộ.

Digitized by Google

Chính nhờ cách làm này mà vừa qua Thành phố đã tạo được chuyển biến trong công tác chỉ đạo thực hiện, thúc đẩy được các mặt công tác, giải quyết dứt điểm được nhiều việc tồn đọng, khó khăn. Rõ nhất là việc giải tỏa "xóm liều" Thanh Nhàn, giải phóng mặt bằng khu ao Thước Thợ, nút giao thông Voi Phục - Cầu Giấy, thu hồi hàng chục vạn mét vuông đất để hoang hóa hoặc sử dụng trái phép, đẩy mạnh thực hiện các công trình trọng điểm, các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình xây dựng nhà ở, tăng cường giao thông công cộng, v.v..

3. Chú trọng phát huy tính chủ động, năng động, mạnh dạn, sáng tạo của các đơn vị, cá nhân gắn với sự phối hợp giữa các cơ quan, các ngành, các cấp ; giữa Trung ương với thành phố ; giữa thành phố với các địa phương bạn

Lâu nay, Hà Nội thường bị dư luận chê là kém năng động, chủ động, chưa biết khai thác, tận dụng thế mạnh của mình là gần Trung ương, có nhiều tiềm năng về các mặt do vị thế là Thủ đô mang lại. Nhận rõ thiếu sót này, Hà Nội đã và đang tích cực khắc phục. Bằng việc tổng kết thực hiện Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị (khóa V), nghiên cứu, đề xuất để Bộ Chính trị (khóa VIII) ra Nghị quyết 15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa X) ra Pháp lệnh về Thủ đô, Hà Nội thực sự đã chọn đúng khâu đột phá để phát huy tính chủ động, năng động của chính mình, đồng thời "kéo" các cơ quan trung ương và các địa phương (trước hết là các tỉnh, thành lân cận và trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc) cùng vào cuộc. Nhân dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội và đón nhận danh hiệu "Thủ đô Anh hùng" (năm 2000), Hà Nội đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, cũng như của các tỉnh, thành trong cả nước ; thu hút nhiều cán bộ, trí thức, các văn nghệ sĩ. Năm 2001 và năm 2002, Hà Nội chủ động đề xuất làm việc với các bộ, ngành, ban ở Trung ương để xây dựng các cơ chế, chính sách ; chủ động đến làm việc với các tỉnh, thành bạn để trao đổi kinh nghiệm, bàn chủ trương phối hợp công tác, ký kết chương trình hợp tác về kinh tế, văn hóa, xã hội,... Và thực tế đã thu được những kết quả bước đầu khả quan.

Đối với giới trí thức, các nhà khoa học, Thành phố bày tỏ sự trân trọng, tôn vinh và bước đầu có chính sách thu hút, tạo mọi điều kiện để anh chị em đóng góp nhiều hơn, có hiệu quả hơn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

Đối với báo chí và dư luận xã hội, Thành phố coi đây là một kênh thông tin rất quan trọng, đóng góp vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Vì vậy, Hà Nội đã xây dựng được một cơ chế chủ động cung cấp thông tin cho báo chí (hằng tuần, hằng tháng, hằng quý,... tùy theo tính chất, nội dung) và lắng nghe, trao đổi lại hoặc tiếp thu, kịp thời điều chỉnh chủ trương, sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm mà báo chí và dư luận xã hội nêu ra.

Kinh nghiệm cho thấy, chỉ có chủ động, năng động, luôn luôn động não suy nghĩ, đề xuất ; đồng thời thực sự cầu thị, biết lắng nghe thì Thành phố mới phát huy được sức mạnh tổng hợp trên địa bàn. Các bộ, ban, ngành, các địa phương bạn, các nhà khoa học, các giới đồng bào đều bày tỏ rất sẵn lòng cùng phối hợp, hợp tác với Thủ đô.

Trong phạm vi Thành phố cũng đang có sự gắn kết, phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể ; giữa Thành phố với các quận, huyện ; giữa các ngành với các ngành. Sự phối hợp công tác đó là trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức, mỗi đơn vị, không giẫm đạp, làm thay chức năng của nhau, cho nên ít có chuyện "công anh công tôi" hoặc đổ lỗi cho nhau. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng trong

Digitized by Google

việc phối hợp công tác cũng còn có những trường hợp chưa thật ăn khớp, cần tiếp tục rút kinh nghiệm.

4. Cải tiến cách sinh hoạt, hội họp

Trên cơ sở quy chế công tác đã ban hành, Thường vụ Thành ủy chỉ đạo xây dựng các chương trình công tác hằng năm và định lịch làm việc hằng quý, hằng tháng, hằng tuần ; đồng thời phân công chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, xây dựng các đề án công tác. Đã gần như thành nếp : Thành ủy họp mỗi quý một lần vào tuần đầu của tháng đầu quý ; Thường vụ họp hai tuần một lần vào thứ tư ; Thường trực Thành ủy giao ban hằng tuần vào thứ hai ; Ủy ban nhân dân giao ban hằng tuần vào thứ năm ; Thường trực Thành ủy, HĐND, UBND giao ban với lãnh đạo các quận, huyện ba tháng một lần vào tuần cuối của mỗi quý,... Tài liệu được gửi trước theo quy định ; đến cuộc họp nói chung không đọc lại mà chỉ tóm tắt nội dung và nêu những vấn đề lớn, khó, hoặc còn ý kiến khác nhau để thảo luận. Trong thảo luận, hầu hết mọi người đều phát biểu bày tỏ chính kiến của mình với tinh thần dân chủ, thẳng thắn, cuối cùng người chủ trì kết luận. Trường hợp cần thiết, kết luận của Hội nghị được thông báo bằng văn bản để triển khai thực hiện.

Cách họp như vậy vừa chủ động được thời gian, đỡ kéo dài, vừa bàn được nhiều nội dung, có chất lượng, rõ việc để làm, dễ theo dõi, kiểm điểm. Nói chung, trong vài ba năm gần đây, các nội dung chương trình dự kiến đều được thực hiện đúng tiến độ, rất ít trường hợp bị hoãn hoặc hủy bỏ.

5. Tăng cường đi cơ sở, tiếp xúc với dân, cùng nhau trao đổi ý kiến, tháo gỡ khó khăn, giải quyết công việc tại chỗ

Đây cũng là một nét đổi mới đáng ghi nhận. Với tinh thần bớt họp hành, giấy tờ, bớt quan liêu, cách bức, Thành ủy đã yêu cầu cán bộ lãnh đạo các cấp, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp thành phố, dành thời gian thích đáng cho việc đi cơ sở. Trước kia quy định thứ sáu hằng tuần, nay thì tranh thủ cả ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ) để đi cơ sở. Đi nghe, đi khảo sát, tìm hiểu thực tế để vừa nắm tình hình, kiểm tra công việc, phát hiện vấn đề, đề xuất chủ trương, vừa giúp cơ sở tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy công việc, đồng thời hiểu biết thêm cán bộ cơ sở, tăng cường mối quan hệ gần gũi, thân mật với bà con. Nói chung, các cuộc đi cơ sở phải có chủ định, tùy tính chất, nội dung, không phải cuộc nào cũng giống cuộc nào. Điều quan trọng là phải thật thiết thực, tránh hình thức, đi phải giải quyết được vấn đề gì, thu nhận được gì, phát hiện được gì, tổng kết, đề xuất được gì cho Trung ương, cho Thành phố và cho cơ sở. Đối với những cuộc đi làm việc để tháo gỡ khó khăn cho cơ sở thì càng phải có sự nghiên cứu, chuẩn bị trước, sao cho thật thiết thực.

Khép lại năm 2002, theo đánh giá chung, Thủ đô Hà Nội đang có bước phát triển về nhiều phương diện. Bước vào năm 2003, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang đứng trước những thuận lợi và thử thách mới, đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Thủ đô Hà Nội, trong rất nhiều công việc của mình, phải không ngừng cố gắng vươn lên, đặc biệt trong việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Vừa qua, có việc làm được, có việc mới bắt đầu, có việc còn chưa làm được. Điều quan trọng là từ những việc làm được và chưa làm được ấy, Hà Nội tiếp tục tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thủ đô tiếp tục đi lên, xứng đáng với truyền thống Thủ đô nghìn năm văn hiến, Thủ đô anh hùng, Thành phố vì hòa bình. ❑

Digitized by Google



ĐƯỜNG ĐI LÊN CỦA CHÚNG TA

ĐỨC MINH

ĐỘC lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng cao cả được toàn Đảng, toàn dân ta lựa chọn và kiên trì phấn đấu. Đây là con đường duy nhất đúng để dân tộc ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu ; thoát khỏi sự phụ thuộc vào bên ngoài, để ngẩng cao đầu sánh vai cùng phát triển với các nước anh em trong cộng đồng quốc tế.

Trên đường đi tới mục tiêu đó, chúng ta đã trải qua muôn vàn thử thách đầy gian nan vất vả, có lúc tưởng chừng như không vượt qua được, nhưng rồi mỗi khó khăn đều được khắc phục, mỗi thắng lợi đều được nhân lên đem lại vinh quang cho Tổ quốc.

Một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống thiên tai và giặc ngoại xâm để tồn tại, phát triển, ngay từ những ngày đầu cách mạng thành công, với gậy tầm vông, giáo mác và ý chí *"Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"* được Đảng và Bác Hồ dẫn đường, chúng ta đã từng bước đi lên, từ yếu đến mạnh, đánh thắng hai đế quốc xâm lược hàng đầu thế giới ở thế kỷ XX là Pháp và Mỹ cùng các thế lực phản động khác, giữ trọn mảnh đất thiêng liêng nghìn năm văn hiến.

Khi chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng, "cơn lốc chính trị" khổng lồ cuối thế kỷ XX đã cuốn các nước xã hội chủ nghĩa vào "vòng xoáy", khiến cho nhiều nhà nước tan vỡ thì ở nước ta, nhờ bản lĩnh chính trị vững vàng và những kinh nghiệm

Digitized by Google

dầy dạn trong đấu tranh cách mạng, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới thành công, đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Công cuộc đổi mới mà Đảng ta khởi xướng dựa trên những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và xuất phát từ thực tiễn đất nước, được toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện một cách chủ động và sáng tạo. Đổi mới vẫn giữ vững sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đổi mới với tinh thần độc lập tự chủ, phát huy nội lực kết hợp tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác giúp đỡ của bạn bè trên thế giới. Đổi mới kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt...

Chúng ta kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng không bảo thủ, đã đi sâu nghiên cứu, nhận thức lại một cách sâu sắc về chủ nghĩa xã hội và những cơ sở lý luận, thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhờ vậy, chúng ta nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày một rõ nét hơn thể hiện qua các Văn kiện Đại hội của Đảng và những đổi thay của đất nước.

Thành tựu hơn 16 năm đổi mới đầy sáng tạo, đã đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng, vững bước đi vào thế kỷ XXI với ***thế và lực*** mới.

Từ một nền kinh tế thiếu thốn, làm không đủ ăn mà chỉ hơn 10 năm sau, chúng ta đã phấn đấu vượt qua đói nghèo, trở thành một nước không những đủ ăn mà còn có tích lũy, có xuất khẩu lương thực vào loại nhất nhì thế giới, mọi nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, tiêu dùng về cơ bản được đáp ứng ngày càng tốt. Cái lo của chúng ta hôm nay không phải là lo thiếu ăn mà là lo sao cho có thị trường để tiêu thụ lương thực, thực phẩm và các loại hàng tiêu dùng.

Chúng ta đã xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển khá, các điều kiện vật chất, kỹ thuật được tích lũy bảo đảm tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều quan trọng là, chúng ta đã xây dựng chế độ chính trị xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh vững chắc, kịp thời ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước. Niềm kiêu hãnh của chúng ta trong những năm qua là, quan hệ đối ngoại được mở rộng và không ngừng nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. Chúng ta thiết lập quan hệ với hầu hết các nước và các tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi vì hòa bình, ổn định và tiến bộ xã hội. Việt Nam thực sự là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trên thế giới.

Năm 2001, 2002 là hai năm mở đầu cho thực hiện kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Năm 2002 mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách lớn ở trong nước và ngoài nước, nhưng chúng ta vẫn thu được *những thành tựu quan trọng và khá toàn diện*. Nền kinh tế nước ta ổn định, có bước phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 7%, cao hơn năm 2001. Tổng

Digitized by Google

vốn đầu tư xã hội năm 2002 đạt 34% GDP, trong đó vốn trong nước chiếm 70%. Điều này thể hiện nguồn lực nội tại của nước ta đã có bước phát triển quan trọng. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã mở ra hướng phát triển những nguồn lực của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân, dân doanh đã cùng với kinh tế tập thể, kinh tế nhà nước có nhiều đóng góp lớn, thiết thực và hiệu quả. Cơ cấu kinh tế trong năm qua chuyển biến khá, nhất là kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, nhờ đổi mới cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến. Nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi được tổng kết kịp thời và nhân rộng ở nhiều nơi trên cả nước. Tổng sản lượng lương thực năm 2002 ước đạt 33 triệu tấn, nếu tính cả màu quy thóc đạt khoảng 35 triệu tấn (tăng hơn 1 triệu tấn so với năm 2001). Nhờ sản xuất phát triển và có nhiều biện pháp tích cực nên thu ngân sách nhà nước tăng vượt dự toán đề ra. Lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng có nhiều tiến bộ đã hỗ trợ tích cực cho sản xuất kinh doanh phát triển. Chính sách kích cầu trở thành động lực góp phần thúc đẩy thị trường trong nước thêm sôi động, tăng sức mua của nhân dân và bắt nhịp với thị trường quốc tế. Năm 2002 chúng ta tiếp tục thực hiện Chương trình 135 phát triển kinh tế - xã hội những xã đặc biệt khó khăn ở miền núi vùng cao, vùng sâu, vùng xa bước đầu có hiệu quả. Chúng ta tìm nhiều biện pháp tích cực giải quyết việc làm - một vấn đề khá bức xúc của xã hội hiện nay. Làm tốt và từng bước xã hội hóa phong trào từ thiện, giúp đỡ người nghèo, người gặp thiên tai, rủi ro, hoạn nạn, góp phần tô đậm thêm truyền thống nhân văn của dân tộc. Hoạt động giáo dục và đào tạo có những chuyển biến bước đầu theo hướng nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng, văn hóa, đạo đức, được xã hội quan tâm. Sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân từng bước được cải thiện rõ rệt. Đặc biệt, năm 2002 chúng ta chú ý nhiều đến việc học tập và chữa bệnh cho người nghèo, thực hiện một bước công bằng trong giáo dục, y tế. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được toàn xã hội quan tâm, giữ vững, tạo cơ sở cho sự ổn định và phát triển đất nước và là quốc gia được bạn bè trên thế giới coi là nơi đầu tư an toàn và ổn định nhất trong khu vực.

Những thành tựu trên đây là kết quả của ý chí phấn đấu cao của toàn Đảng, toàn dân trong thực hiện triển khai Nghị quyết Đại hội IX của Đảng dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, sự nhạy cảm, điều hành của Chính phủ và sự chủ động, sáng tạo của các địa phương, các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân trên khắp mọi miền của đất nước.

Trên đường chúng ta đi, không chỉ có thành công mà còn có cả những thiếu sót, khuyết điểm, còn không ít những vấn đề tồn tại cần được nhận thức sâu sắc để vượt qua.

Tuy kinh tế nước ta năm 2002 tăng trưởng khá, nhưng một số chỉ tiêu còn chưa đạt so với kế hoạch đã đề ra, nhất là chỉ

Digitized by Google

tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu và thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Chúng ta chưa yên tâm về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sản xuất kinh doanh vì chi phí sản xuất của nhiều loại sản phẩm còn khá cao, làm tăng giá thành, giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Trong chỉ đạo điều hành, công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch còn thiếu tập trung, dứt điểm. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xã hội còn thấp, lãng phí ; cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, phân tán, dàn trải, số dự án dở dang, kéo dài còn nhiều. Việc đầu tư để đổi mới thiết bị công nghệ cũng như chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, một số lĩnh vực còn mang tính tự phát. Công tác quản lý đầu tư, quản lý xã hội còn bộc lộ nhiều thiếu sót, sơ hở gây lãng phí, thất thoát và tiêu cực. Môi trường đầu tư tuy đã được cải thiện song vẫn chưa tương xứng với yêu cầu, còn nhiều ách tắc làm ảnh hưởng lớn đến thu hút vốn đầu tư cả trong nước và ngoài nước.

Trên đường đi tới xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, chúng ta đều thấy còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc cần tập trung giải quyết như : thu nhập và đời sống của nhân dân, nhất là ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, một bộ phận còn nghèo đói, cuộc sống thiếu ổn định. Sự chênh lệch về đời sống kinh tế, văn hóa giữa các tầng lớp nhân dân, các vùng còn cách xa và có chiều tăng lên. Giải quyết việc làm cho người lao động vẫn còn là nhu cầu bức thiết, cần có một chiến lược cơ bản, đồng bộ và lâu dài. Việc đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, quản lý văn hóa, báo chí, xuất bản... vẫn còn nhiều điều khiến xã hội phải băn khoăn. Đặc biệt tệ lãng phí, quan liêu tham nhũng, sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên, các tệ nạn và tiêu cực xã hội không những chậm khắc phục, mà trái lại có nơi có lúc càng gay gắt hơn. Tai nạn và ách tắc giao thông, trật tự trị an xã hội còn ở mức báo động.

Trong năm qua, chúng ta tập trung làm nhiều việc để thực hiện cải cách hành chính, nhưng kết quả chưa như mong muốn, một số chính sách chưa thật nhất quán, thiếu tính ổn định làm ảnh hưởng tới các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý xã hội. Công tác tổ chức, cán bộ, phân công phân cấp quản lý giữa các cấp, các ngành còn chưa thống nhất, thiếu đồng bộ.

Năm 2003, năm giữa của kế hoạch 5 năm, có ý nghĩa "bản lề" cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. "Bản lề" có vững thì chốt mới chắc và cánh cửa mới rộng mở. Vì thế năm 2003 có vị trí vô cùng quan trọng trên đường chúng ta đi, tiếp tục sự nghiệp đổi mới, thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và chiến lược kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010).

Năm 2003, bên cạnh những thuận lợi do những kết quả đã đạt được trong năm 2002 và các năm trước, chúng ta còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức mới

Digitized by Google

nảy sinh và các yếu kém của nền kinh tế tồn tại từ lâu, chậm được khắc phục. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc như đã nêu trên chưa được giải quyết. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế hai năm qua còn thấp chưa đạt mức bình quân của kế hoạch 5 năm. Kinh tế thế giới vừa có triển vọng hồi phục, phát triển, vừa có sự trì trệ, suy thoái. Những diễn biến phức tạp trên thế giới có thể có những tác động, ảnh hưởng tới nước ta.

Trên đường chúng ta đi, nhận rõ những đặc điểm của bối cảnh trong nước và thế giới năm 2003, chúng ta tập trung phấn đấu giữ vững an ninh chính trị, tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững đạt mức tăng trưởng (GDP) từ 7% đến 7,5%. Muốn vậy vấn đề đầu tiên là phải chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, giảm chi phí sản xuất, tạo các sản phẩm có giá trị cao, nâng sức cạnh tranh của nền kinh tế ; phát huy nội lực, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, có cơ cấu thích hợp để huy động, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả. Đảng và Nhà nước có chính sách tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích nhân dân tự đầu tư, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Nhà nước tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút mạnh hơn đầu tư trực tiếp của trong nước và nước ngoài. Chúng ta đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm rộng rãi trong toàn xã hội với ý chí không cam chịu nghèo hèn, mà quyết tâm phấn đấu cho nước ta không ngừng giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Chủ động hơn nữa hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, kết hợp đẩy mạnh xuất khẩu với khai thác thị trường trong nước. Phát huy tối đa mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, hướng vào thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tập trung giải quyết, tạo chuyển biến rõ rệt về một số vấn đề xã hội bức xúc như xóa đói giảm nghèo, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tội phạm và tai nạn giao thông, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phát huy dân chủ giữ nghiêm kỷ luật kỷ cương, xử lý nghiêm minh với mọi cán bộ có sai phạm làm trong sạch bộ máy Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Trên đường chúng ta đi tiếp tục sự nghiệp đổi mới, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, năm 2003 là một bước đường mở ra nhiều triển vọng, những hứa hẹn về tương lai tươi sáng của dân tộc. Chúng ta sẵn sàng chấp nhận và vượt qua mọi khó khăn, thách thức để vững bước đi lên. Nguồn lực xã hội dồi dào để chúng ta thực hiện điều đó là quyết tâm và bản lĩnh chính trị, cùng những kinh nghiệm, tài lãnh đạo, tổ chức, quản lý của Đảng và Nhà nước ta. Nguồn lực đó còn là lòng yêu nước, tinh thần làm chủ, tư chất thông minh sáng tạo của khối đại đoàn kết toàn dân và những thành tựu to lớn của hơn 16 năm đổi mới. Chúng ta tin tưởng rằng trên đường chúng ta đi, năm 2003 sẽ là năm đất nước giành nhiều thắng lợi to lớn và vững chắc làm rạng rỡ con đường đi tới tương lai của đất nước. ❑

Digitized by Google

ĐỐI CẢNH THẾ GIỚI NĂM 2002, THÀNH TỰU ĐỐI NGOẠI VÀ NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÚNG TA

NGUYỄN DY NIÊN*

NĂM 2002, tình hình chính trị, kinh tế và an ninh thế giới đầy biến động, ảnh hưởng sâu rộng đến chính sách và sự phát triển mọi mặt của tất cả các quốc gia, khu vực và các vùng lãnh thổ, để lại những hệ lụy với tác động cả trong thời gian tới. Trong bối cảnh đó, thành tích đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta có ý nghĩa càng nổi bật. Những thành tích này đã góp phần quan trọng vào những thành tựu chung của cả dân tộc trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những thành tựu rất đáng tự hào này có thể nói đã tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và chủ động hội nhập kinh tế thế giới nói riêng, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ ra.

Thế giới biến động sâu sắc

Bức tranh chung về thế giới năm qua vẫn đan xen những mảng sáng, tối khác nhau, cho thấy còn không ít diễn biến trái chiều nhau ở một số khu vực và trên một số lĩnh vực. Những diễn biến mới dù có ảnh hưởng phức tạp, khôn lường nhưng không cản được bước tiến chung của nhân loại trong thời đại ngày nay. Có thể thấy tình hình thế giới năm qua có một số đặc điểm lớn sau :

Thứ nhất, khủng bố quốc tế đã trở thành một mối nguy cơ lớn đối với an ninh và ổn định của thế giới. Các quốc gia, các tổ chức quốc tế và khu vực đều phải quan tâm hơn đến vấn đề này và tăng cường hợp tác với nhau để đối phó nó. Khủng bố tiếp tục lây lan, như đã xảy ra ở Ba-li, Mát-xcơ-va hay các nước ở châu Phi. Mục tiêu khủng bố cũng đã trở nên đa dạng hơn, bất ngờ hơn và vì thế, thiệt hại cũng lớn hơn. Đến nay, sự hợp tác chống khủng bố quốc tế trên phạm vi toàn cầu, phạm vi khu vực và giữa các quốc gia với nhau đã được coi trọng và đẩy mạnh. Các hội nghị quốc tế và khu vực trong năm đều ra tuyên bố về chống khủng bố. Nhiều thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương đã được ký kết nhằm chống lại thảm họa này. Nhưng mặt khác, cũng cần phải lưu

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

ý đến những mưu đồ ngày càng bộc lộ rõ rệt của một số thế lực đang lợi dụng việc chống khủng bố vào các mục đích riêng.

Khủng bố quốc tế đã làm cho vấn đề đảm bảo an ninh trở nên thời sự và cấp thiết hơn, nhưng đồng thời cũng làm sâu sắc thêm nhận thức chung là càng phải coi trọng việc tạo dựng sự phát triển bền vững về mọi mặt ở từng quốc gia và khu vực, càng phải tăng cường hợp tác với nhau và càng phải hòa nhập vào những xu thế chung đã tiến triển trên thế giới. Việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển và đảm bảo an ninh chiếm vị trí ưu tiên trong chính sách của mọi quốc gia.

Thứ hai, các nước điều chỉnh chính sách để ứng phó với thách thức mới, tìm kiếm sự đảm bảo an ninh trong tình hình mới và để thực hiện tốt nhất, hiệu quả nhất những lợi ích của mình. Sự điều chỉnh chính sách của các nước, định hướng của các tổ chức quốc tế và khu vực đều nhằm đối phó với những thách thức mới, tìm kiếm chỗ dựa và điều kiện thuận lợi để phát triển, bảo vệ chính mình và giải quyết các vấn đề nội bộ.

Các nước, nhất là các nước lớn, chủ trương tăng cường hợp tác và chủ động cải thiện quan hệ với nhau. Lợi ích dân tộc, quốc gia được coi trọng hàng đầu và vì thế mọi sự điều chỉnh chính sách đều mang tính thực tế. Điều đó đã được thể hiện ở chỗ, các nước đều tìm kiếm cơ hội riêng cho mình trong bối cảnh mới, tránh xung đột, đối đầu. Những mâu thuẫn và xung khắc lợi ích vốn mang tính chất cơ bản và tồn tại lâu nay trong một số cặp quan hệ, nhất là giữa các nước lớn với nhau, đã tạm thời được gác sang bên. Những khuôn khổ hợp tác đã định hình, được sử dụng làm cách thức thích hợp nhất để kiềm chế sự phát sinh mâu thuẫn và xung đột lợi ích mới.

Thứ ba, trong bối cảnh chính trị - an ninh của thế giới, dưới tác động của sự điều chỉnh chính sách của các nước, tình hình các khu vực nhìn chung đều có những chuyển biến đáng kể, đặc biệt là ở một số khu còn vực chịu tác động của khủng bố và cuộc đấu tranh chống khủng bố quốc tế. Trong khi tại Trung Đông và một số nơi ở châu Phi còn xảy ra đảo chính hay bùng nổ xung đột, thì ở Nam Á, Đông - Nam Á và một số nơi nội chiến vốn kéo dài từ lâu, nay lại có được triển vọng về các giải pháp hòa bình như đã thấy ở Xri Lan-ca, In-đô-nê-xi-a, Công-gô, Xu-đăng,.... Trên phương diện này, năm qua tuy chưa hết những mảng tối, nhưng những mảng sáng mới có được cũng rất đáng khích lệ và có tác động tích cực tới chiều hướng giải quyết các cuộc xung đột khu vực và nội chiến khác bằng biện pháp hòa bình.

Thứ tư, toàn cầu hóa và khu vực hóa tiếp tục tiến triển. Các tổ chức khu vực đều nhìn nhận là, trong những bước tiến tăng cường hợp tác bên trong và mở rộng hợp tác với bên ngoài, đã có những điều kiện mới để phát triển lớn mạnh hơn. Ở châu Âu, EU và NATO đều quyết định kết nạp thêm thành viên mới ở mức độ lớn nhất từ trước tới nay. Ở châu Phi, Tổ chức Thống nhất châu Phi đã được chuyển hóa thành Liên minh châu Phi. Ở châu Mỹ, sự hợp tác giữa Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) và Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR) cũng đã được tăng cường đáng kể. Ở Đông - Nam Á, ASEAN tích cực phát huy vai trò, tăng cường sức sống của mình. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng tiếp tục lớn mạnh với sự gia nhập của Trung Quốc và việc bắt đầu triển khai Vòng Đô-ha.

Thứ năm, phong trào đấu tranh chống những mặt trái của toàn cầu hóa tiếp tục phát triển cả về quy mô lẫn tính tổ chức và

Digitized by Google



Kỳ họp thứ 23 Đại hội đồng AIPO tại Hà Nội

lần đầu tiên đã gắn với những hoạt động phản đối chiến tranh. Hoạt động phản đối chiến tranh chủ yếu nhằm vào những ý đồ lợi dụng chống khủng bố quốc tế cho những mục đích riêng.

Thứ sáu, bối cảnh đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tăng trưởng của kinh tế thế giới. Kinh tế thế giới nói chung phục hồi và tăng trưởng ở mức độ chậm hơn so với những dự báo ban đầu, nhưng cũng không bị suy sụp hay lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng như một số quốc gia và tổ chức thế giới đã lo ngại. Những khó khăn ở không ít các nền kinh tế lớn cũng như ở một số khu vực làm cho mức độ tăng trưởng kinh tế tại đó chậm lại, nhưng có thể nói sức đề kháng khủng hoảng, khả năng phục hồi và tiềm năng tăng trưởng của kinh tế thế giới đã được cải thiện một bước.

Hiện tại có thể dự báo, khả năng xảy ra chiến tranh ở I-rắc và phần nào vấn đề năng lượng nguyên tử ở Đông - Bắc Á sẽ tác động mạnh mẽ tới diễn biến tình hình mọi mặt của thế giới trong năm tới. Không loại trừ khả năng xảy ra biến cố mới, nhưng về cơ bản có thể thấy rằng, tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục chuyển biến theo những nét đặc thù của năm qua. Và nó vẫn sẽ tác động sâu sắc đến mọi quốc gia và khu vực, trong đó có nước ta.

Hoạt động đối ngoại sôi động và hiệu quả của Việt Nam

Trong bối cảnh đó, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta được triển khai một cách chủ động, tích cực và hiệu quả theo hai hướng : *một là*, triển khai thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ IX ; *hai là* đối phó với những khó khăn, thách thức mới nảy sinh từ tình hình thế giới và khu vực đối với nước ta. Trong cả hai hướng ấy, khi kiên trì đường lối độc lập tự chủ và đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, hoạt động đối ngoại đã tập trung vào tăng cường quan hệ về chiều sâu và mở rộng lĩnh

Digitized by Google

vực hợp tác nhằm cải thiện quan hệ với tất cả các nước, các khu vực, các tổ chức và các vùng lãnh thổ. Sự cải thiện và phát triển quan hệ đó cùng với việc thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại với một số đối tác và xử lý kịp thời, hợp lý và mềm dẻo những vấn đề mới nảy sinh trong hoạt động đối ngoại đã góp phần quan trọng vào việc duy trì và tăng cường môi trường quốc tế hòa bình, ổn định cho xây dựng và bảo vệ đất nước. Hoạt động đối ngoại đã phục vụ đắc lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần tranh thủ được các nguồn lực, nhất là vốn và công nghệ từ bên ngoài hỗ trợ cho những cố gắng trong nước để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với các ngành có liên quan, hoạt động đối ngoại đã đóng góp tích cực vào việc tranh thủ nguồn ngoại lực đáng kể cho đất nước, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế đối ngoại, duy trì thị trường xuất khẩu cho hàng hóa Việt Nam, mở rộng thêm thị trường mới, thúc đẩy phát triển du lịch (với trên 2,5 triệu lượt khách), đẩy mạnh hợp tác lao động quốc tế (đạt khoảng 40 000 người).

Cộng đồng quốc tế và các tổ chức quốc tế đã cam kết giúp Việt Nam 2,5 tỉ USD cho năm 2003, tăng gần 3% so với năm 2002. Việc này rất có ý nghĩa vì kinh tế thế giới nói chung vẫn còn khó khăn, phần lớn các nước đều có xu hướng cắt giảm viện trợ cho các nước đang phát triển.

Sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội vào các hoạt động đối ngoại, đặc biệt thông qua các chuyến thăm hữu nghị chính thức, thăm và làm việc ở nước ngoài, tham dự các diễn đàn quốc tế và khu vực cũng như đón các vị nguyên thủ quốc gia nước ngoài thăm Việt Nam, những tuyên bố, hiệp ước, định ước và thỏa thuận song phương, đa phương được ký kết nhân các dịp này, đã củng cố, hoàn thiện và tạo dựng mới khuôn khổ quan hệ đối tác lâu dài giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quốc tế. Đó là những nền tảng và tiền đề không thể thiếu được để Việt Nam xây dựng và hoàn thiện mối quan hệ hữu nghị và trở thành đối tác tin cậy với các nước, các khu vực và các vùng lãnh thổ trên thế giới.

Chúng ta tiếp tục tiến bước trên con đường hội nhập khu vực và thế giới. Việt Nam được tín nhiệm giữ vai trò nước chủ nhà của Hội nghị Á -Âu (ASEM) năm 2004 và Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 2006. Lộ trình tham gia AFTA và quá trình đàm phán để gia nhập WTO đã được thực hiện chủ động và mạnh mẽ. Nhiều dòng thuế đã được giảm xuống mức quy định của AFTA. Chúng ta đã kết thúc cuộc họp lần thứ 5 của Nhóm công tác của WTO về việc Việt Nam trở thành thành viên WTO, đã tiến hành đàm phán với 16 trong số 21 nước có yêu cầu đàm phán song phương với Việt Nam. Trên các diễn đàn quốc tế, chúng ta tham gia tích cực với tinh thần xây dựng và bằng những sáng kiến, đề nghị có nội dung thiết thực..., đã thể hiện trách nhiệm và khả năng của chúng ta góp phần vào việc giải quyết những vấn đề được thế giới và khu vực quan tâm.

Hoạt động đối ngoại nhân dân cũng được đẩy mạnh với hình thức ngày càng đa dạng hơn và hiệu quả ngày càng thiết thực hơn. Hoạt động đối ngoại chính thức của Nhà nước và của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, các hiệp hội, nghiệp đoàn, công tác ngoại vụ của các tỉnh, thành phố trong cả nước đã được phối hợp ngày càng chặt chẽ, cùng nhau tạo nên những thành tích đối

Digitized by Google

ngoại to lớn của chúng ta trong năm qua. Công tác thông tin văn hóa đối ngoại đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần làm cho thế giới hiểu biết đúng hơn và đầy đủ hơn về đất nước và con người Việt Nam, về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam. Những biện pháp chính sách của Đảng và Nhà nước vừa nhằm giúp cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ổn định, vững mạnh, hòa nhập vào nơi họ sinh sống, làm việc, vừa duy trì tình cảm gắn bó chặt chẽ với quê hương, đất nước đã được tăng cường hơn trước.

Có thể nói, thành tích đối ngoại năm qua đã góp phần đắc lực vào những thành tựu chung của đất nước, duy trì và củng cố môi trường quốc tế hòa bình và ổn định để phát triển và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam. Bất chấp những khó khăn và thách thức mới, cũng như những chuyển đổi mạnh mẽ trong chính sách của các đối tác, Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển ổn định, tăng cường quan hệ với tất cả các đối tác, được công nhận là một trong những nơi ổn định, an ninh nhất trên thế giới và ngày càng được cộng đồng quốc tế tin cậy hơn.

Nhiệm vụ đối ngoại năm tới

Nhiệm vụ đối ngoại năm tới rất nặng nề trong khi tình hình thế giới và khu vực còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Nhưng chính trong bối cảnh đó, ngành đối ngoại lại càng phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Đồng thời với nhiệm vụ duy trì môi trường quốc tế hòa bình, ổn định và thuận lợi mà đất nước ta cần có để phát triển và bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động đối ngoại phải góp phần giữ thế đứng vững vàng trước mọi biến động, chủ động nắm bắt và tiến tới tạo dựng cơ hội cho đất nước tiếp tục phát triển vượt qua mọi thách thức.

Việc tiếp tục đà quan hệ với các đối tác theo hướng mở rộng lĩnh vực hợp tác và nâng cao hiệu quả thiết thực cần được đặt trong lộ trình tiến tới xây dựng mối quan hệ tin cậy và lâu dài. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vẫn là trọng tâm hoạt động đối ngoại và cũng là một tiêu chí để đánh giá hiệu quả công tác đối ngoại. Vì vậy, cần có những bước đi chủ động và mạnh mẽ với những đối tác quan trọng, nhằm tạo chuyển biến mới có tác dụng đòn bẩy cho tổng thể các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi. Trong lĩnh vực này, cần lưu ý thỏa đáng và kịp thời đến những lợi ích và nhu cầu chính đáng của phía đối tác, để cùng nhau tìm kiếm cơ sở lợi ích chung, cùng có trách nhiệm xác lập động lực mới trong việc thúc đẩy hơn nữa các mối quan hệ này.

Tình hình quốc tế càng phức tạp, các nguy cơ an ninh càng đa dạng và các đối tác càng điều chỉnh chính sách, thì chúng ta càng phải phối hợp hài hòa và hiệu quả hoạt động của tất cả các bộ, ban, ngành, tỉnh, thành liên quan, càng phải kết hợp hài hòa các loại hình đối ngoại của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Chỉ có như vậy mới có thể đảm bảo được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng trong hoạt động đối ngoại, giữ vững được những định hướng, nguyên tắc, phương châm và tư tưởng chỉ đạo về đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, mới phát huy được sức mạnh và trí tuệ của cả đất nước trong hoạt động đối ngoại. Và cũng chỉ có như vậy, hoạt động đối ngoại mới có điều kiện phát huy triệt để lợi thế nâng cao vai trò và khả năng của mình trong tình hình mới. ❑

Digitized by Google

VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PHẠM NGỌC QUANG*

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước tiếp tục phát triển trong tình hình có những diễn biến phức tạp. Bên cạnh những thời cơ lớn, chúng ta cũng đang đứng trước không ít thử thách cam go. Trong tình hình đó, một số người do phai nhạt lý tưởng, thoái hóa biến chất và cơ hội chính trị đã đưa ra một số quan điểm làm phân tâm xã hội, ảnh hưởng xấu tới quá trình đổi mới, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một số người hoài nghi và cho rằng, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản không phải là sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam. Theo họ, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản chỉ là sự lựa chọn của những người cộng sản ; cho nên, không nên tìm cách chứng minh sự lựa chọn con đường của Hồ Chí Minh cho đất nước là tuyệt đối đúng đắn (!) Theo họ, do giáo điều theo quan điểm của Lê-nin, Hồ Chí Minh đã thúc đẩy những nước phương Đông tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh hoàn toàn không có những điều kiện để thực hiện cuộc cách mạng ấy.

Gần đây, trong mức độ mềm dẻo hơn, cố mang tính "khách quan", "thực tế" hơn, có người cho rằng trước năm 1975, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đúng là mục tiêu, là lý tưởng của chúng ta. Nhưng sau năm 1975, khi đất nước đã có hòa bình, độc lập, thống nhất mà vẫn xem "độc lập dân tộc là mục tiêu" thì hoàn toàn vô nghĩa, là phủ nhận thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã đạt được, là định khơi dậy cuộc đấu tranh đổ máu và thực tế lịch sử đã vượt qua (!). Còn về thứ hai của mục tiêu "chủ nghĩa xã hội" thì sao ? Họ cho rằng, chủ nghĩa xã hội đang khủng hoảng và thoái trào. Sự tan rã của Liên bang Xô-viết, của các chế độ xã hội chủ nghĩa Đông Âu và của hệ thống xã hội chủ nghĩa nói chung là bằng chứng nói lên tính vô vọng của bất kỳ nước nào, khi còn xem chủ nghĩa xã hội là mục tiêu của sự phát triển (!).

Tất cả những ý kiến ấy, vô tình hay cố ý, đều bỏ qua hiện thực lịch sử mà hầu hết những người có lương tri đều thừa nhận : Sự kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã tạo ra những bước tiến to lớn không chỉ trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, mà cả trong quá trình xây dựng xã hội mới. Những cuộc giải phóng vĩ đại không chỉ trên lĩnh vực chính trị, mà cả trên

* GS. TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lĩnh vực kinh tế, tư tưởng, văn hóa, trên lĩnh vực phát huy nhân tố con người đã được thực hiện nhờ được cổ vũ bởi mục tiêu, lý tưởng đó. Chúng ta thấy rõ hơn thực tế vừa nêu ở nước ta, khi xem xét một số vấn đề sau đây :

1. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - lô-gíc phát triển tất yếu của xã hội Việt Nam ngay từ đầu thế kỷ XX

Sau khi buộc triều Nguyễn bạc nhược đầu hàng, thực dân Pháp đã cơ bản kết thúc giai đoạn vũ trang xâm lược nước ta. Chúng bắt đầu áp dụng chính sách thống trị thuộc địa : *chuyên chế về chính trị ; vơ vét, bóc lột về kinh tế ; nô dịch về văn hóa.* Nhân dân ta phải sống trong một tình cảnh lầm than. Với ý chí bất khuất kiên cường, chúng ta đã vùng lên anh dũng chống ngoại xâm ... Nhưng kết quả là các cuộc đấu tranh anh dũng đã bị thực dân Pháp và tay sai của chúng dìm trong biển máu ...

Trước khi đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã làm "cuộc đại tổng kết lịch sử", nhìn nhận, đánh giá một cách hệ thống những con đường mà các bậc tiền bối đã đi qua.

- Con đường của cụ Phan Bội Châu dựa vào Nhật, đánh Pháp chẳng khác gì "đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

- Cụ Phan Châu Trinh định dựa vào Pháp để canh tân đất nước khác nào "xin giặc rủ lòng thương".

- Chủ trương cầm súng chống Pháp của cụ Hoàng Hoa Thám khả dĩ hơn, nhưng còn mang nặng cốt cách phong kiến.

- Con đường nghị viện mà Phan Văn Trường chủ trương, thử nghiệm cũng không đem lại kết quả.

Nguyễn Ái Quốc tuy rất kính trọng các cụ, nhưng không đi theo con đường của các cụ.

Trong tư tưởng, trong nhận thức của Người, chỉ có tinh thần yêu nước truyền thống, ý chí bất khuất ; chỉ với sức mạnh của truyền thống lịch sử sẽ không thể nào chiến thắng được quân xâm lược trong thời đại mới. Để giành được thắng lợi, nguồn sức mạnh đó cần được nâng lên một chất lượng mới và cùng với nó, điều căn bản hơn là phải nhận biết được thời đại đang sống, tìm ra nguồn sức mạnh mới, động lực mới cả trong nước và trên trường quốc tế.

Đi khắp năm châu bốn biển, Người thấy rằng dù ở nước Pháp, nước Anh hay nước Mỹ, vẫn đang diễn ra sự phân cực giàu nghèo. Bên cạnh thiểu số những kẻ giàu có sống phè phỡn bằng áp bức, bóc lột là đa số những người lao động sống cơ cực. Ở đâu cũng khổ cực, cũng nhức nhối nạn kỳ thị, phân biệt chủng tộc, và độc lập dân tộc ở đó không đi liền với ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Người cũng nhận ra rằng, mặc dù nước Pháp, nước Anh là quê hương của các cuộc cách mạng tư sản, là những cường quốc đang lớn tiếng cổ xúy cho các khẩu hiệu bình đẳng, tự do, nhưng các thuộc địa của họ, dù ở châu Á, châu Phi hay châu Mỹ La-tinh, đều là địa ngục trần gian đối với người lao động bản xứ và là thiên đường của bọn thực dân. Đối với không ít nhà cách mạng của các dân tộc thuộc địa, cách mạng tư sản Anh, Pháp có thể cung cấp những nguyên mẫu đáng noi theo. Hào quang của các xứ sở đó có thể rọi sáng con đường giải phóng dân tộc họ. Nhưng đối với Nguyễn Ái Quốc, các cuộc cách mạng đó - cách mạng

Digitized by Google

tư sản là các cuộc cách mạng "không đến nơi" ; con đường tư bản chủ nghĩa không thể là khuôn mẫu, là cứu cánh cho các dân tộc đang rên xiết dưới ách thực dân và đang khát khao một con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp để tiến tới một xã hội, mà ở đó có sự thống nhất giữa độc lập dân tộc và tự do, ấm no, hạnh phúc cho quảng đại quần chúng nhân dân.

Theo Người, những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư sản chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Muốn giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Chính lập trường yêu nước, lòng khát khao giải phóng dân tộc đã mang lại cho Nguyễn Ái Quốc hòn đá thử vàng chắc chắn để không mơ hồ, lạc hướng trong vô số lý luận, học thuyết đương thời. Ngay khi được biết về Quốc tế II, câu hỏi mà Nguyễn Ái Quốc đặt ra và có ý nghĩa quyết định đối với sự lựa chọn lập trường chính trị của Người là Quốc tế đó có giúp đỡ các dân tộc nô lệ và lệ thuộc đấu tranh giải phóng mình không ?

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại (1917) đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử nhân loại, thời kỳ bắt đầu thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng các dân tộc bị áp bức.

Từ phía các dân tộc bị áp bức, khẩu hiệu mà Tôn Trung Sơn, nhà cách mạng vĩ đại của Trung Quốc đưa ra : "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc" đã phản ánh nhu cầu và niềm khát vọng chung của họ. Nhưng chưa có một dân tộc thuộc địa nào tự mình đủ sức giành thắng lợi đầu thế kỷ XX.

Ở Việt Nam, vào nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, mọi nỗ lực giải phóng dân tộc đều không thành công, mọi con đường cứu nước đều bế tắc. Điều đó càng chứng tỏ rằng, các dân tộc thuộc địa không thể chỉ dựa vào sức lực vốn có của mình để chiến thắng sự liên hiệp của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Nhu cầu tìm bạn đồng minh được đặt ra cho tất cả các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa. Những điều kiện để thoả mãn nhu cầu đó đã xuất hiện : cả phía giai cấp vô sản lẫn phía các dân tộc bị áp bức đều có nhu cầu kết hợp với nhau để chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, hoàn cảnh lịch sử chung của thời đại đã phát triển tới mức đặt song hành cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản quốc tế với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa và tạo ra đầy đủ tiền đề để hai cuộc cách mạng này kết hợp với nhau.

Từ thực tế đó, Người rút ra kết luận mang tầm chiến lược là : Trong thời đại ngày nay, muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác, ngoài *con đường cách mạng vô sản* ; chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã chứng minh điều đó.

2. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sau kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Sau ngày giải phóng 30-4-1975, có nhiều ý kiến đặt ra đối với cách mạng Việt Nam :

- Một số người cho rằng, do hai miền còn có những khác biệt đáng kể về kinh tế và nhiều vấn đề khác, nên chưa thống nhất đất nước vội. Hãy để miền Nam làm tiếp nhiệm vụ còn lại của cách mạng về xã hội, đến khi giữa hai miền có sự hòa đồng thì sẽ tiến

Digitized by Google

hành thống nhất đất nước, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (!)

- Để miền Nam phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa một thời gian, sau đó sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội (!)

- Miền Nam nên xác lập chế độ dân chủ nhân dân một cách triệt để và trung lập để tranh thủ sự giúp đỡ của mọi nước có thể chế chính trị khác nhau nhằm tạo những tiền đề cần thiết rồi sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội (!)

- Một số khác cực đoan hơn, cho rằng giờ đây chủ nghĩa tư bản và loài người nói chung đang chuyển sang một xã hội "hậu công nghiệp", không còn có vấn đề xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa nữa. Do vậy, cứ khư khư khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa là bảo thủ, sai lầm (!).

Đối với chúng ta, kinh nghiệm lịch sử hiện đại chứng minh rằng, thống nhất đất nước chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở độc lập dân tộc thực sự - độc lập trên nền tảng của chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, từ đó sẽ tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần cần thiết cho việc bảo vệ vững chắc chủ quyền của dân tộc.

Đó là nguyện vọng chung của nhân dân. Nhân dân ta đi theo Đảng tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân không chỉ nhằm thoát khỏi ách đô hộ của ngoại bang, cũng không phải chỉ nhằm thoát khỏi gông cùm của phong kiến, để rồi lại rơi vào tình trạng bị giai cấp tư sản bóc lột, mà còn muốn thoát khỏi mọi kiểu áp bức, bóc lột để mọi người đều được sống trong ấm no, tự do và hạnh phúc. Muốn vậy, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Vấn đề còn lại chỉ là đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào, theo mô hình nào, chứ không phải là vấn đề có nên tiến lên chủ nghĩa xã hội hay không ? Mặc dù có sự khủng hoảng kinh tế - xã hội vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX khiến cho Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, nhưng không vì thế mà cho rằng con đường mà dân tộc ta lựa chọn là sai lầm.

3. Vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới hiện nay

Trước hết cần khẳng định : Mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có *nội dung mang tính lịch sử, cụ thể*. Trong các giai đoạn khác nhau, trong các thời kỳ khác nhau của cuộc cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, mục tiêu đó mang nội dung không hoàn toàn như nhau. Trước 1945, mục tiêu đó có nội dung trực tiếp nhất là đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân ; xóa bỏ sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc, thực dân, tạo tiền đề chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội cho việc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ năm 1954 đến ngày 30-4-1975, mặc dù chỉ có miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc để quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn là nhiệm vụ chính trị số một, bao trùm trong cả nước. Mục tiêu "Độc lập dân tộc" lúc đó là giữ vững thành quả độc lập dân tộc mà nhân dân miền Bắc đã đạt được : loại bỏ sự thống trị của đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai của Mỹ ở miền Nam nhằm làm cho miền Nam thoát khỏi chủ nghĩa thực dân mới. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội mang đầy đủ những đặc trưng, bản chất của mình vẫn

Digitized by Google

là mục tiêu, lý tưởng cần vươn tới đối với cả nước.

Từ sau ngày 30-4-1975, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu nhưng với nội dung mới.

Tuy độc lập dân tộc với nghĩa thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã đạt được trong thực tế, nhưng việc giữ vững, củng cố và phát huy thành quả đó trong xây dựng xã hội mới vẫn là một vấn đề không đơn giản. Chủ nghĩa đế quốc nói chung, đế quốc Mỹ nói riêng đang ra sức sử dụng nhiều con đường, bằng nhiều biện pháp khác nhau, từ kinh tế đến văn hóa, khoa học, công nghệ, dân tộc và tôn giáo, nhằm thay đổi bản chất chế độ của chúng ta, thậm chí, nhằm xác lập trở lại quyền thống trị của chúng cùng bè lũ tay sai. Chúng ta thấy rõ mưu đồ đó qua nhiều thủ đoạn của giới cầm quyền Mỹ và bè lũ tay sai cùng những hành động thực tế của chúng. Ngay khi Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ còn đang trong quá trình đàm phán và sơ bộ được ký kết, tờ *Thời báo Oa-sinh-tơn* có đoạn : Việc ký kết bước đầu hiệp định thương mại với Việt Nam ngày 25-7 đánh dấu chặng đường cuối cùng trên con đường nước Mỹ trở lại Đông Dương sau cuộc chiến Việt Nam. Oa-sinh-tơn hy vọng rằng, các cải cách kinh tế và mậu dịch được kích thích bởi hiệp định này sẽ giúp Mỹ, bằng con đường thương mại, hoàn thành được những gì đã không thể hoàn thành được bằng đại bác : chuyển hóa một chính quyền cộng sản sang một xã hội cởi mở... Ai cũng biết, "xã hội cởi mở" mà Mỹ nói ở đây chính là xã hội tuân theo những chuẩn mực dân chủ, nhân quyền của Mỹ, tức là một nước lệ thuộc Mỹ.

Mục tiêu độc lập dân tộc biểu hiện rõ nhất ở chỗ bảo đảm có đường lối độc lập, tự chủ trong phát triển đất nước. Nó xa lạ với mọi sự sao chép bên ngoài, ỷ lại bên ngoài, lệ thuộc bên ngoài. Cùng với đó, một nội dung không kém phần quan trọng là bảo đảm độc lập tự chủ trong chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ; tiếp thu những tinh hoa của nhân loại nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngay với nghĩa cổ điển của từ đó, độc lập dân tộc giờ đây cũng không phải không đứng trước những nguy cơ. Sự vi phạm độc lập, chủ quyền vùng biển, vùng trời, biên giới đất liền của các thế lực thù địch vẫn thường xuyên diễn ra với mức độ khác nhau. Các vấn đề "Nhà nước Đê Ga độc lập" vẫn âm ỉ, các thủ đoạn núp sau tôn giáo, dân tộc, nhằm gây rối chính trị - xã hội... là những minh chứng cho điều đó... Việc bảo đảm toàn vẹn chủ quyền quốc gia vẫn thường xuyên được đặt ra. Với những ý nghĩa như vậy, độc lập dân tộc của chúng ta vừa là một hiện thực lịch sử, vừa là một mục tiêu ngay trong giai đoạn hiện nay và cả trong một tương lai không ngắn.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội luôn luôn là mục tiêu của chúng ta.

Hiện nay, sự khủng hoảng, thoái trào của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội không phải là cơ sở để ai đó đi tới kết luận rằng : chủ nghĩa xã hội là một sai lầm lịch sử ; rằng : "chủ nghĩa tư bản muôn năm", là triển vọng duy nhất và cuối cùng của mọi dân tộc, của mọi quốc gia. Sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội chỉ là khủng hoảng của một kiểu, một mô hình bị

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

Chính phủ nhiệm kỳ mới - PHONG CÁCH LÀM VIỆC MỚI

NGUYỄN VĂN THẢO

1 - Bối cảnh mới

Chính phủ nhiệm kỳ mới của ta đã được thành lập từ tháng 8-2002, đang đứng trước một thời kỳ đạt nhiều thành tựu từ hơn một thập kỷ đổi mới, đồng thời cũng đứng trước những diễn biến hết sức phức tạp do nhu cầu phát triển của tình hình, những đòi hỏi bức xúc của cải cách.

Về kinh tế, nước ta đã thoát khỏi tình trạng suy thoái diễn ra trong nhiều năm, vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, phát huy nội lực, huy động vốn đầu tư xã hội, đưa nhiều công trình vào sử dụng, duy trì tỷ lệ lạm phát thấp và ổn định, có dự trữ ngoại tệ đáng kể làm thay đổi bộ mặt kinh tế và đời sống xã hội, tăng thế và lực của đất nước, giữ vững ổn định, củng cố độc lập dân tộc, nâng cao vị thế và uy tín nước ta trên thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân. Điều bất cập trong kinh tế, xã hội nước ta là, tình trạng yếu về hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, có dấu hiệu suy giảm về xuất khẩu, về đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tệ tham nhũng, lãng phí diễn ra rất nghiêm trọng.

Nền hành chính quốc gia đã được xây dựng và phát triển gần 58 năm, từ một bộ máy đơn giản đến tinh vi, phức tạp ; thể chế hoạt động ngày càng hoàn thiện và tạo lập được một đội ngũ công chức gồm các thế hệ nối tiếp nhịp nhàng, có tầm nhìn mới, năng lực mới, có tiềm năng để phát triển. Tuy nhiên, nền hành chính hiện đang quá tải về khối lượng công việc, chậm thích ứng với sự phát triển ; nhiều ngành, địa phương vẫn hoạt động theo tư duy, phong cách cũ (bao cấp) dẫn đến tình trạng ôm đồm, bao biện, rất lúng túng trong giải quyết các thua lỗ của doanh nghiệp nhà nước.

Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền mà trọng tâm là cải cách hành chính được đặt ra nhưng mới chỉ thu hoạch được một số nhận thức, chưa có cơ chế cụ thể, hợp lý, khoa học cho từng bộ phận (lập pháp, hành pháp, tư pháp).

Sinh hoạt dân chủ đã có tiến bộ, nhất là phát huy dân chủ ở cơ sở (xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp,...) với nhiều hình thức phong phú, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân tương trợ lẫn nhau như các trung tâm, các tổ chức xóa đói giảm nghèo, kế hoạch hóa gia đình v.v.. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo còn ít hiệu lực, hiệu quả nên khiếu tố vẫn tăng về số lượng, về tính gay gắt của các vụ, việc.

Sự xuất hiện của kinh tế tri thức, trong đó nét nổi bật là tri thức đã trở thành nhân tố sản xuất quan trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, đang trở thành nguồn lực quyết định sức mạnh của mỗi quốc gia. Đang có sự chuyển động

Digitized by Google

mới ở nhiều quốc gia từ nền kinh tế dựa vào sức lao động cơ bắp, đất đai... sang nền kinh tế dựa vào trí tuệ con người. Đối với chúng ta, đây là một bối cảnh mới, một cơ hội để chúng ta vươn lên, cũng chính là một thách thức lớn đối với năng lực quản lý và điều hành của Chính phủ.

Về quan hệ quốc tế, với chủ trương mở cửa và chủ động hội nhập, Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế và khu vực. Bên cạnh việc ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, chuẩn bị gia nhập WTO, chúng ta chuẩn bị ký các điều ước quốc tế về vay vốn, sở hữu trí tuệ, tương trợ tư pháp, thuế, đầu tư, thanh toán quốc tế...; tham gia vào 25 công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, về quyền tác giả và các lĩnh vực khác. Nghị quyết số 07/NQTW của Bộ Chính trị ngày 27-1-2001 nhận định, đây là công việc hết sức phức tạp, đòi hỏi phải rà soát lại phần lớn hệ thống pháp luật trong nước nên phải có sự đầu tư thích đáng về mọi mặt.

Trong giai đoạn 2001 - 2010, Chính phủ sẽ thực hiện 7 chương trình hành động về cải cách hành chính trong một chiến lược tổng thể nhằm cải thiện về cơ bản các mối quan hệ giữa Chính phủ với dân, giữa Chính phủ với hệ thống hành chính trong cả nước, giữa Chính phủ với cơ quan lập pháp, tư pháp, với các đoàn thể chính trị - xã hội, đổi mới mạnh mẽ phong cách và quy chế làm việc của Chính phủ.

Trong các mối quan hệ này, nổi cộm nhất là mối quan hệ giữa Chính phủ với dân. Nhiều chủ trương của Chính phủ được sự đồng tình, ủng hộ, có thiện cảm của dân như : Quy chế Dân chủ ở cơ sở ; thủ tục "một cửa, một dấu" ; dịch vụ hành chính công ở Hà Nội ; chính quyền điện tử ở một quận của thành phố Hồ Chí Minh ; xóa đói, giảm nghèo ; giải quyết hậu quả lũ lụt... Nhưng cũng nhiều chủ trương chưa nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân như : cải cách giáo dục, giao thông đường bộ, thu viện phí, giải quyết các tồn đọng về nhà cửa, đất đai. Phong cách của cơ quan hành chính tiếp dân thông qua các công chức hành chính phần lớn là chiếu lệ, ít lắng nghe, thiếu sự hướng dẫn cần thiết, chỉ nhiệt tình khi có sự *"nhờ vả"* riêng. Tình trạng xa dân, hạch sách, nhũng nhiễu gắn liền với tình trạng tham nhũng trong hệ thống hành chính, cả trong hệ thống tòa án, kiểm sát đã được báo động nhiều nhưng vẫn chưa có giải pháp hữu hiệu.

Trong hệ thống chính trị hiện nay, các chức năng hành chính bị phân tán ra nhiều hệ thống : một số đoàn thể chính trị, hội nghề nghiệp, hội đồng nhân dân, toà án, thậm chí một số cấp ủy cũng làm công việc thuộc chức năng hành chính.

Hoạt động kinh doanh diễn ra ở hầu khắp các tổ chức thuộc hệ thống chính trị (Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, một số hội, cơ quan đảng) làm cho chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của Chính phủ bị phân chia, một phần Chính phủ thực hiện, một phần các đoàn thể thực hiện với nhiều cơ chế quản lý khác nhau được gọi là cơ chế không chính thức, cơ chế nửa chính thức nửa không chính thức, cơ chế ngầm bên cạnh cơ chế chính thức của Nhà nước. Đó là nguyên nhân của sự rối loạn điều hành, giảm sút kỷ luật, đảo lộn kỷ cương.

Trong hệ thống hành chính, do truyền thống của lịch sử và kinh nghiệm lâu đời, bộ và chính quyền cấp tỉnh được xem như

Digitized by Google

là đơn vị ổn định, rường cột của nền hành chính, trực tiếp thi hành mệnh lệnh của Chính phủ. Sức mạnh quản lý nhà nước của Chính phủ được đặt phần lớn ở cơ quan bộ và chính quyền cấp tỉnh.

Dù có một số tiến bộ về cải cách hành chính ở bộ và chính quyền cấp tỉnh, song chúng ta không thể phủ nhận một tình trạng khủng hoảng về chức năng quản lý nhà nước, về trách nhiệm pháp lý của bộ trưởng đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ bị thua lỗ và phạm pháp hình sự, về cấu trúc bên trong của một bộ phù hợp với chủ trương mới : xã hội hóa các dịch vụ công, chủ trương tách việc cung cấp dịch vụ công khỏi các chức năng quản lý nhà nước ở các bộ. Nghị định 15/CP năm 1993, được thay thế bằng Nghị định 86/CP năm 2002 không đủ cơ sở áp dụng cho thực tiễn phong phú hiện nay ở các bộ. Ở các cơ quan thuộc Chính phủ (tổng cục...) tình trạng này cũng giống như ở các bộ.

Sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sự vụ, công việc ở bộ và cấp tỉnh dồn lên quá nhiều. Tính trung bình mỗi năm (số liệu trong 3 năm 1999, 2000, 2001), Chính phủ đã có : 290 cuộc họp do Thủ tướng hoặc Phó Thủ tướng chủ trì ; ban hành khoảng 100 văn bản quy phạm pháp luật (nghị định, nghị quyết) ; giải quyết 7 000 công việc cá biệt bằng hình thức công văn trả lời do các bộ, tỉnh đưa lên ; chuẩn bị trình Bộ Chính trị 200 chủ trương, đề án lớn.

2 - Quyết tâm mới, phong cách mới

Lời tuyên thệ nhậm chức của Thủ tướng trước Quốc hội giữa năm 2002 thể hiện một quyết tâm mới, phong cách mới.

Chính phủ nhiệm kỳ mới tập trung toàn lực thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình mà Hiến pháp đã quy định, với tư cách là trung tâm điều hành cao nhất của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, chịu trách nhiệm về sự phát triển đất nước theo con đường của Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân và Quốc hội. Kiên quyết đổi mới nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước, lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, tập trung sức giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, ổn định chính trị và trật tự xã hội, kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội.

Chính phủ nhiệm kỳ mới lấy lợi ích và nguyện vọng của dân làm tâm điểm suy nghĩ, tạo điều kiện tối đa để công dân đóng góp vào các chủ trương, quyết sách, trước mắt là các vấn đề cải cách giáo dục, giao thông đường bộ, giải phóng mặt bằng, đóng góp viện phí, cải cách các thủ tục hành chính, chống các tệ nạn xã hội, phòng ngừa và đẩy lùi tham nhũng. Cầu nối giữa Chính phủ nhiệm kỳ mới với dân là mạng lưới thông tin đại chúng, qua các báo chí, phương tiện truyền thanh, truyền hình và sự tiếp xúc thường xuyên, liên tục, có kỳ hạn, công khai giữa Thủ tướng, Phó Thủ tướng, các bộ trưởng với từng đối tượng công dân. Ở Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan của Chính phủ, văn phòng ủy ban nhân dân có một bộ phận thường xuyên cung cấp thông tin và các tư liệu cần thiết cho dân không lấy tiền.

Chính phủ nhiệm kỳ mới xem chức năng cung cấp dịch vụ công cho dân mà

Digitized by Google

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã nêu, Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ năm 2002 đã quy định, là một chức năng được thực hiện ở một tầm cao mới về các hoạt động phục vụ lợi ích công cộng, các phúc lợi chung của toàn xã hội về y tế, giáo dục, văn hóa, thông tin, thể thao, các công trình hạ tầng cần thiết cho các phúc lợi đó. Muốn vậy, Chính phủ phải dành nhiều ngân sách hơn trước để đầu tư cho lĩnh vực này, chỉ đầu tư cho các doanh nghiệp nhà nước thực hiện các nhiệm vụ công ích.

Chính phủ nhiệm kỳ mới xem chức năng xây dựng thể chế có tầm quan trọng lớn, cơ bản, dành nhiều công sức cho chức năng này cũng như nghiên cứu xây dựng các chính sách ở tầm vĩ mô ; giảm đến mức tối đa công việc sự vụ có tính chất cá biệt trong điều hành, chỉ đạo ; chuyển công việc đó về bộ và ủy ban nhân dân các cấp. Tầm quan trọng của việc xây dựng thể chế và hoạch định chính sách, kế hoạch ở tầm vĩ mô có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển đất nước nhất là vào những bước ngoặt, những thời kỳ có nhiều biến đổi về chất của đất nước.

Muốn việc hoạch định chính sách, kế hoạch, xây dựng thể chế có chất lượng cần xây dựng ***một cơ chế phản biện*** các đề án, dự thảo. Việc phản biện giao cho các chuyên gia hàng đầu, ở địa vị khách quan, không tham gia các đề án, thể chế. Chính phủ chỉ thảo luận khi đã có phản biện.

Chính phủ nhiệm kỳ mới tuyên bố đề cao kỷ luật điều hành công việc, thay đổi quy chế làm việc. Để có một uy quyền hiệu lực thực sự trong việc điều hành, phải xây dựng một cơ chế đào tạo, phát hiện và sử dụng nhân tài, đặc biệt là đội ngũ công chức giữ chức vụ trong hệ thống hành chính.

Phải hoàn thiện chế độ công vụ vì nó có giá trị như một chỗ dựa pháp lý vững chắc đối với công chức (họ được làm những gì, không được làm gì), có tác dụng chỉ đạo hành vi công vụ của công chức. Phải đề cao chế độ trách nhiệm pháp lý, có hình thức kỷ luật nghiêm đối với từng cấp công chức từ Thủ tướng, bộ trưởng, chủ tịch tỉnh đến công chức bình thường.

Chính phủ nhiệm kỳ mới xem rất trọng xây dựng quy chế làm việc, coi đó là biện pháp hiệu lực, hiệu quả để vận hành bộ máy, đưa hoạt động của Chính phủ vào một nền nếp mới, khoa học, phát huy trí tuệ, đề cao sự lãnh đạo tập thể của Chính phủ về những lĩnh vực quan trọng, nhấn mạnh chế độ trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, các bộ trưởng, và guồng máy giúp việc của Chính phủ và bộ trưởng.

Phạm vi giải quyết công việc trong quy chế mới được phân định rõ ràng : Thủ tướng chỉ làm 6 việc lớn, thực hiện thường xuyên chế độ báo cáo trước dân, giữ mối quan hệ mật thiết và thường xuyên với Tổng bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các cơ quan đoàn thể trung ương.

Trong nội bộ, Thủ tướng phân công các Phó Thủ tướng thay mặt Thủ tướng phụ trách một số lĩnh vực và một số bộ, cơ quan trung ương của Chính phủ, có đủ thẩm quyền thay Thủ tướng giải quyết

Digitized by Google

công việc được phân công. Các Phó Thủ tướng không ký văn bản quy phạm pháp luật.

Phạm vi giải quyết công việc của bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ dựa trên hai điểm căn bản về pháp lý : những việc đã được Hiến pháp, luật, pháp lệnh quy định ; những việc đã được Chính phủ phân cấp, ủy quyền bằng một văn bản của Chính phủ.

Với tư cách thành viên Chính phủ, các bộ trưởng thực hiện những việc cần thiết để giữ vững sự lãnh đạo tập thể, phát huy trí tuệ chung của Chính phủ. Mối quan hệ phân công, phối hợp giữa các bộ được quy định rõ trên nguyên tắc một việc chỉ có một cơ quan chịu trách nhiệm chính, các bộ chủ động phối hợp với nhau thực hiện. Văn phòng Chính phủ có vai trò giúp Thủ tướng trong việc điều hòa, phối hợp, giải quyết một số công việc chung của Chính phủ với sự ủy quyền của Thủ tướng.

Việc lập và thực hiện chương trình công tác, trình tự giải quyết công việc của Thủ tướng, Phó Thủ tướng, chuẩn bị và điều hành các phiên họp Chính phủ, ban hành và công bố văn bản của Chính phủ được quy chế mới ấn định tỉ mỉ như là một quy trình công nghệ hành chính.

Vấn đề thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được xem là một bộ phận đặc biệt của quy chế làm việc mới. Sự phân định trách nhiệm giữa Thủ tướng, Phó Thủ tướng với Tổng Thanh tra nhà nước, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch tỉnh, của Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, văn phòng của ủy ban nhân dân các tỉnh nhằm giải quyết thấu đáo, nhanh, kịp thời các khiếu nại, giảm bớt sự đi lại, tốn kém của dân, làm cho dân hài lòng hơn trong tiếp xúc với cơ quan hành chính là mục tiêu của công việc xét khiếu nại. Chủ động phối hợp với cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu tăng thẩm quyền cho tòa án hành chính.

Để có một Chính phủ thực sự vững mạnh, chúng ta có thể xem xét dưới các yếu tố sau :

1 - Cơ cấu hợp lý của Chính phủ

Bộ máy của Chính phủ bao gồm nhiều loại cơ quan. Có bộ quản lý một ngành, lĩnh vực được gọi là bộ đơn ngành (organe mono- fonctionnel). Có bộ quản lý nhiều ngành, lĩnh vực được gọi là bộ đa ngành (organe multi- fonctionnel), có thời kỳ gọi là bộ quản lý tổng hợp.

Chính phủ còn có những tổ chức phối hợp liên ngành hoặc liên ngành liên cấp, phần lớn là những tổ chức không có cơ quan riêng, không có biên chế, trụ sở, con dấu, nên được gọi là những tổ chức phi hình thức mang tên gọi là các hội đồng, như Hội đồng tài chính tiền tệ...

Đồng thời, do nhu cầu quản lý và sự phát triển, Chính phủ còn có các cơ quan thuộc Chính phủ (Organe près du Governement) được mang tên gọi là tổng cục, ban..., cách tổ chức có phần nào giống một bộ nhưng vị trí pháp lý của nó không giống bộ.

Giữa năm 2002, Quốc hội vừa quyết định cơ cấu của Chính phủ nhiệm kỳ mới gồm 24 bộ. Hiện các bộ đang xây dựng điều lệ hoạt động nên chưa đủ thời gian cần thiết và thực tiễn để nghiên cứu, phân tích về cơ cấu chính phủ mới.

Điều chỉnh chức năng giữa một số bộ là một hoạt động cần thiết của Chính phủ để

Digitized by Google

hợp lý hóa cơ cấu chính phủ. Hiện nay, ngân sách của Nhà nước được bố trí thành hai bộ phận lớn, một bộ phận do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý, một bộ phận do Bộ Tài chính quản lý. Giữa Bộ Thương mại với Bộ Khoa học và Công nghệ đang tồn tại sự chồng chéo chức năng về đo lường, giám định hàng hóa. Giữa Bộ Nội vụ với Bộ Công an đang có yêu cầu điều chỉnh về một số nhiệm vụ quản lý xã hội. Việc đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp nên để cho cơ quan nào quản lý là thích hợp ? Chức năng thực hành công tố có nên tách khỏi Chính phủ như hiện nay không ? Kiểm toán nhà nước nên đặt ở vị trí nào ? Theo thống kê sơ bộ, hiện nay có tới 30 nhiệm vụ cần điều chỉnh lại trên cơ sở nhận thức các thành tựu mới về khoa học, lý thuyết quản lý ngành và thực tiễn hoạt động của các bộ. Điều chỉnh những nhiệm vụ này hợp lý góp phần làm cho việc điều hành của Chính phủ tập trung hơn, hiệu quả hơn.

2 - Quan chức

Hiện nay, ở một số nước phát triển đang hình thành một quan niệm về năng lực xã hội. Năng lực xã hội của một quốc gia được thể hiện ở sự quyết tâm chính trị của nhà lãnh đạo, tư chất của quan chức nhà nước, tài năng kinh doanh của doanh nhân, tay nghề thành thạo của công nhân. Đó là lý do vì sao nhiều nước chú ý đến việc thiết lập một chế độ công vụ có sức thuyết phục và đòi hỏi quan chức nhà nước không ngừng vươn lên.

Ở nước ta, vấn đề cán bộ, trong đó có quan chức hành chính đều được Đảng và Nhà nước đặt ở vị trí rất cao, có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của phát triển đất nước. Trong các tiêu chuẩn mà Đảng và Nhà nước đề ra cho đội ngũ cán bộ, tiêu chuẩn tổng quát là đức và tài. Đức, tài là nội dung cốt lõi của cơ chế đào tạo, phát hiện nhân tài, tuyển chọn, sử dụng, bồi dưỡng, đánh giá, đề bạt cán bộ.

Riêng đối với quan chức hành chính thì quá trình đào tạo để trở thành một nhà hành chính là một quá trình lựa chọn, phát hiện những người có năng lực quản lý hành chính (quá trình tiền công vụ) cho đến lúc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đánh giá và đề bạt (quá trình thừa hành công vụ) đều phải dựa trên những tiêu chuẩn đức, tài của nhà hành chính.

Pháp luật cần phải quy định rất cụ thể đức, tài của nhà hành chính, với các chuẩn mực rõ ràng như là một thước đo chính xác về hành vi của quan chức. Tiêu chuẩn về đạo đức, phải chăng là lối sống, sự trong sạch trong đời sống riêng, tính trung thực, ngay thẳng, liêm khiết, sự tín nhiệm của đồng nghiệp, của công chúng ; là ý thức kỷ luật nghiêm túc đối với mệnh lệnh của cấp trên. Xét theo quan điểm chính thống, hiện nay chúng ta coi đạo đức của một cán bộ công chức là quan điểm chính trị tư tưởng. Tiêu chuẩn về tài năng, phải chăng là sự thành thạo công việc chuyên môn, người có nhiều kinh nghiệm tích lũy được từ công tác, người dám nghĩ, dám làm, miệng nói tay làm một cách hiệu quả.

Vấn đề đặt ra là, Chính phủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần có một cơ chế tạo cho cán bộ, công chức tư duy công vụ, đó là niềm tin nội tâm, nhu cầu bản thân về sự tiến bộ, học tập liên tục, coi lối sống thanh bạch như là đạo lý, hưởng thụ vừa phải, không thích làm giàu bằng mọi giá. Tư duy công vụ cũng tạo lập cho công chức một thái độ hành xử trước sự cám dỗ

Digitized by Google

của vật chất là : không cần, không thích, không dám, không muốn, không thể ; chỉ có thể hạnh phúc thực sự khi hưởng thụ bằng sức lao động chính đáng của mình.

3 - Xiết chặt kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm pháp lý

Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ 2002 - 2007 trình bày trước Quốc hội tháng 8-2002 vừa qua nhấn rất mạnh vấn đề kỷ luật trong hệ thống hành chính, kỷ cương xã hội, truy cứu trách nhiệm cán bộ lãnh đạo cơ quan để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng thông qua chế độ công vụ, chấp hành thể chế nghiêm ngặt.

Chế độ công vụ gồm 2 phần : *chế độ về đào tạo, phát hiện, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá đề bạt công chức* và *chế độ kỷ luật thi hành mệnh lệnh.* Chế độ thứ nhất nghiêng về lợi ích công chức, khích lệ và động viên công chức ; chế độ thứ hai nghiêng về lợi ích quốc gia, lợi ích của đại đa số nhân dân, yêu cầu người công chức phải nghiêm chỉnh thi hành mệnh lệnh cấp trên.

Trong nền hành chính, mệnh lệnh của Thủ tướng phải được bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch tỉnh tuyệt đối thi hành, mệnh lệnh của bộ trưởng phải được các cục, vụ, viện trưởng... tuyệt đối thi hành ; mệnh lệnh của các cục, vụ, viện trưởng phải được chuyên viên tuyệt đối thi hành ; mệnh lệnh của chủ tịch tỉnh phải được các giám đốc sở, chủ tịch huyện tuyệt đối thi hành. Các thứ bậc hành chính khác, tiếp nối theo, cấp dưới phải phục tùng mệnh lệnh của cấp trên trực tiếp. Không thể vì bất cứ lý do gì để từ chối, chậm trễ thi hành mệnh lệnh. Tình trạng trên ra lệnh dưới không làm hiện nay bắt nguồn chủ yếu từ nhận thức cho rằng, mệnh lệnh không thích hợp, còn phải để bàn bạc trong tập thể mới thi hành, mệnh lệnh đó xuất phát từ một quy định pháp luật đã cũ, v.v..

Hoạt động hành pháp không thể để tồn tại thái độ của từng người công chức tự đánh giá các quy định pháp luật, chế độ thảo luận tập thể triền miên việc thi hành một mệnh lệnh. Đó là nguyên nhân của sự phân tán và rối loạn. Chế độ trách nhiệm pháp lý trong công vụ cần được hoàn thiện. Về trách nhiệm hình sự đã được Bộ luật Hình sự quy định ; còn về trách nhiệm hành chính và dân sự mới chỉ có một số điều trong Hiến pháp và Pháp lệnh cán bộ công chức quy định.

Một cán bộ lãnh đạo hành chính ra quyết định gây tổn hại cho tài sản nhà nước, ngân sách quốc gia, cần có quy định phải bồi thường. Điều này đã được quy định về trách nhiệm vật chất đối với công nhân, nếu làm hư hỏng mất mát tài sản của doanh nghiệp đều phải bồi thường. Chế độ bồi thường có thể áp dụng đối với công chức không thi hành mệnh lệnh gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước. Việc gây ra thiệt hại cho dân, nếu bị khiếu kiện, do lỗi của công chức thì cũng phải quy trách nhiệm bồi thường, trừ trường hợp do cơ quan của công chức ra lệnh.

Chế độ pháp lý hành chính cần được nghiên cứu, quy định rất cụ thể, phân biệt rành mạch các hình thức miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho từ chức, buộc từ chức, chấp nhận đơn xin từ chức, cách chức, giáng chức, đình chỉ, cho thôi việc. Các hình thức hiện có như cảnh cáo, khiển trách, hạ bậc lương cũng cần quy định chi tiết hơn nữa.❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2002

NGUYỄN SINH CÚC*



Cầu Xuân Sơn nhánh Đông Trường Sơn

NĂM 2002, nền kinh tế Việt Nam phát triển trong điều kiện gặp nhiều khó khăn lớn, có mặt gay gắt hơn năm 2001. Ở trong nước, thiên tai diễn ra trên diện rộng, kéo dài từ đầu năm đến cuối năm : hạn hán gay gắt ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền Trung, lũ lớn kéo dài và ngập sâu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, mưa lớn, lốc xoáy và lũ quét xảy ra gây thiệt hại nặng nề về tài sản, mùa màng, sinh mạng ở nhiều vùng và địa phương từ Hà Giang, Bắc Cạn, Hà Tĩnh, Nghệ An, Lâm Đồng, Đắc Lắc, Bình Định đến vùng Đông Nam Bộ. Cùng với thiên tai, những vụ hỏa hoạn lớn nhất từ trước đến nay đã xảy ra : cháy rừng U Minh Hạ và U Minh Thượng, cháy Trung tâm Thương mại Quốc tế Sài Gòn... đã và đang để lại những hậu quả hết sức nặng nề. Trong khi đó, nền kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, có nhiều mặt bất lợi cho kinh tế Việt Nam. Thị trường vốn và thị trường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam bị thu hẹp, giá cả vừa giảm sút, vừa không ổn định, ảnh hưởng xấu đến sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản... trong nước. Hơn nữa, những khó khăn và yếu kém của các năm trước vẫn chưa được khắc phục như : sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng không đồng bộ, lao động thừa nhiều, việc làm thiếu, thu nhập thấp, sức mua của dân cư tăng chậm, vốn thiếu, máy móc thiết bị không đồng bộ, xu hướng sản xuất tự cấp tự túc và tự phát còn phổ biến ở hầu hết các ngành, địa phương...

Trước những khó khăn và thách thức to lớn đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Chính phủ, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở đã chủ động phát huy nội lực, lao động sáng tạo, thực hiện tốt các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch

* PGS, TS, Tổng cục Thống kê

Digitized by Google

phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 với những kết quả rất khả quan.

1. Những thành tựu nổi bật

Sản xuất công nghiệp phát triển toàn diện, tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra và cơ cấu sản xuất chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 ước đạt 268,2 nghìn tỉ đồng (giá cố định 1994), tăng 14,4% so với năm 2001, vượt mục tiêu đề ra (tăng 14%). Nét mới của năm nay là, do tác động tích cực của Luật Doanh nghiệp, cả ba khu vực kinh tế đều tăng trưởng khá, trong đó cao nhất là công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 19,1%. Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 13,9% do sản lượng dầu thô và khí đốt khai thác giảm so với cùng kỳ 1,7%. Công nghiệp khu vực nhà nước tăng 11,7% (trong đó trung ương quản lý tăng 12,6%) và giữ vững vị trí chủ đạo với tỷ trọng 40% tổng giá trị sản xuất toàn ngành. Đáng chú ý là, khu vực doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa, đã phát huy tác dụng tích cực trong đổi mới cơ cấu đầu tư, cải tiến quản lý và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Sự vực dậy và khởi sắc của ngành cơ khí chế tạo ; sức bật của công nghiệp địa phương với quy mô vừa và nhỏ ; sự phát triển của các làng nghề nông thôn là những tín hiệu mới rất đáng ghi nhận của sản xuất công nghiệp năm 2002. Một số mặt hàng cơ khí chất lượng cao đủ tiêu chuẩn xuất khẩu như các loại máy xay xát, động cơ đi-ê-den, động cơ xăng, phụ tùng thay thế... của Tổng Công ty Động lực và Máy Nông nghiệp, xuất khẩu cho các nước Nam châu Âu, Nam châu Phi và Nam Mỹ ; máy công cụ các loại của Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Thái Lan. Công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh nhiều tỉnh tăng đột biến : Phú Thọ - 45,8%, Vĩnh Phúc - 55,6%, Khánh Hòa - 31,3%, Bình Dương - 30,2%, Đồng Nai - 42,2%, Cần Thơ - 36,1%... đã tạo nên diện mạo mới trong sản xuất công nghiệp với cơ cấu nhiều thành phần, đa sản phẩm, mở ra nhiều triển vọng cho những năm tới. Chất lượng nhiều sản phẩm công nghiệp được nâng lên, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, rõ nhất là các sản phẩm dệt may, chế biến lương thực, thực phẩm, thủy sản. Giá gạo xuất khẩu Việt Nam năm 2002 đã không thua kém gạo Thái Lan. Ngành than có bước tiến đột biến : sản xuất 15 triệu tấn/năm, tăng 1,5 triệu tấn, xuất khẩu 5,5 triệu tấn, tăng 30% so với năm 2001 và đạt mức kỷ lục trong lịch sử ngành này.

Sản xuất nông nghiệp cũng phát triển toàn diện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất đạt 5% vượt xa so với kế hoạch (4,2%). Nét nổi bật của năm 2002 là, sản xuất lương thực tăng nhanh cả về sản lượng và chất lượng. Sản lượng đạt 35,9 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với năm 2001 (4,6%) và ở mức cao nhất từ trước đến nay. Nhờ sản lượng lương thực tăng nhanh hơn tốc độ tăng dân số nên lương thực bình quân đầu người năm 2002 đạt trên 450 kg/người, tăng 17kg (3,9%) so với năm 2001. An ninh lương thực quốc gia được đảm bảo, thị trường và giá cả lương thực ổn định trên phạm vi cả nước, kể cả những vùng bị thiên tai, gạo xuất khẩu tăng cả về số lượng và chất lượng. Cả năm đạt 3,5 triệu tấn và kim ngạch trên 800 triệu USD, tăng 212 triệu USD (28%) so với năm 2001, chủ yếu do tăng chất lượng và giá xuất khẩu. Nét mới trong sản xuất lương

Digitized by Google

thực năm nay là sản lượng lúa tăng chủ yếu do tăng năng suất và chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. Diện tích lúa cả năm đạt 7 463 nghìn héc-ta, giảm 30 nghìn héc-ta, nhưng do năng suất đạt 45,1 tạ/ha, tăng 2,2 tạ/ha, nên sản lượng đạt 33,6 triệu tấn, tăng 1,51 triệu tấn so với năm trước. Cơ cấu sản xuất chuyển mạnh từ lúa mùa và lúa hè thu với năng suất và chất lượng không ổn định sang lúa đông xuân có năng suất, chất lượng và giá cả cao hơn. Năm 2002, sản lượng lúa đông xuân đạt 16,7 triệu tấn, chiếm gần 50% sản lượng lúa cả năm, so với 48% của năm 2001.

Xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất trồng trọt theo hướng tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích diễn ra phổ biến đã khắc phục tình trạng độc canh lúa ở nhiều vùng và địa phương. Tỷ trọng diện tích lúa giảm từ 60,6% năm 2000 xuống 59,9% năm 2001 và 58,9% năm 2002. Tương tự, diện tích cà-phê năm 2002 so với năm 2001 giảm gần 30 nghìn héc-ta (5,3%). Trong khi đó, diện tích gieo trồng các cây trồng khác lại tăng như chè, bông, dứa, rau quả... do sản phẩm có đầu ra ổn định và giá cả có lợi cho người sản xuất. Xu hướng chuyển một phần diện tích lúa vùng ven biển năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản đạt kết quả và hiệu quả khá. Các tỉnh Nam Bộ đã chuyển gần 30 nghìn héc-ta, nhiều nhất là Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất thủy sản phát triển toàn diện và tăng trưởng khá, sản lượng thủy sản cả năm đạt 2 562 ngàn tấn, tăng 127,9 ngàn tấn (5,3%) so với năm 2001, chủ yếu do tăng sản lượng nuôi trồng. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm đạt 789,4 ngàn tấn tăng 11,2% so với năm 2001, trong đó tôm nuôi 189 ngàn tấn tăng 21,9%, cá nuôi 446 ngàn tấn tăng 6%. Cơ cấu sản xuất ngành thủy sản chuyển dịch theo hướng tiến bộ : tỷ trọng nuôi trồng trong tổng giá trị sản xuất thủy sản tăng từ 43,7% năm 2001 lên 45,7% năm 2002. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng từ 29,7% tăng lên 30,8% trong 2 năm tương ứng. Tỷ trọng thủy sản khai thác giảm cả về giá trị và sản lượng, nên tính bền vững trong phát triển thủy sản ngày càng rõ nét.

Các hoạt động thương mại - dịch vụ sôi động trở lại sau nhiều năm trầm lắng, với thị trường giá cả ổn định, xuất khẩu có nhiều khởi sắc. Tổng mức bán lẻ năm 2002 đạt 268,3 nghìn tỉ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2001 ; và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2001 là 8,5%. Sức mua của dân cư đã tăng nhanh. Thị trường trên phạm vi cả nước ổn định, lưu thông hàng hóa tăng đều ở các vùng và các địa phương, kể cả các vùng bị thiên tai, vùng miền núi, vùng sâu. Nhiều mặt hàng trong nước sản xuất có mẫu mã đẹp, kiểu dáng phong phú, chất lượng được nâng lên, giá cả phù hợp đã chiếm lĩnh được thị trường, không chỉ làm tăng giá trị ngành công nghiệp mà còn góp phần làm tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ. Sức mua tăng, nên tình trạng thiểu phát kéo dài từ 3 năm trước đã được khắc phục. Chỉ số giá tiêu dùng cả năm đạt 4,1% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Đó là kết quả của chính sách kích cầu tiêu dùng của Chính phủ với nhiều giải pháp có tính khả thi, nhất là chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn.

Xuất khẩu cả năm đạt 16,5 tỉ USD, tăng 10% so cùng kỳ năm 2001, tuy chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng là dấu hiệu đáng mừng. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn tăng khá như dệt may đạt 2,6 tỉ USD tăng 32%, thủy sản 2,05 tỉ USD tăng 8,6%, giày dép

Digitized by Google

1,7 tỉ USD tăng 19,7%. Xuất khẩu nông sản có nhiều khởi sắc lượng và giá đều tăng so với năm 2001 : cao-su tăng 46,4% về lượng và 44,2% về trị giá, chè tăng 75,4% và 74,4%, lạc tăng 46,4% và 41,9%, hạt điều tăng 41,8% và 25,5%. Xuất khẩu gạo đạt trên 3,5 triệu tấn bằng mức năm 2001, nhưng do giá tăng nên kim ngạch xuất khẩu đạt 800 triệu USD, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2001 và vượt dự kiến ban đầu. Nét mới của xuất khẩu năm nay là chất lượng và cơ cấu mặt hàng có nhiều tiến bộ : tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến tăng, thị trường mở rộng. Riêng hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Mỹ năm 2002 đạt 700 triệu USD, gấp 11 lần so với năm 2001.

Kim ngạch nhập khẩu đạt 18,2 tỉ USD tăng 12,6% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước 12,2 tỉ USD, tăng 9,1%. Nhập siêu cả năm là 2,1 tỉ USD, bằng 13% kim ngạch xuất khẩu. Giá trị và tỷ lệ nhập siêu tuy cao hơn năm 2001, nhưng cơ cấu hàng nhập chủ yếu là tư liệu sản xuất và nhiên liệu phục vụ sản xuất, còn tỷ lệ hàng tiêu dùng có xu hướng giảm. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, cơ cấu hàng nhập khẩu năm 2002 là : máy móc thiết bị 12,8% ; nguyên vật liệu 77% và tiêu dùng 10,2%.

Hoạt động du lịch khá sôi động, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 2,6 triệu lượt người tăng 10,3% so với năm 2001, trong đó 54,6% là khách du lịch và nghỉ ngơi. Chất lượng dịch vụ du lịch có tiến bộ nên số ngày khách lưu lại Việt Nam nhiều hơn, doanh thu du lịch tăng khoảng 20% so với năm 2001.

Do sản xuất và dịch vụ tăng khá nên bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế Việt Nam năm 2002 là khả quan, có nhiều nét khởi sắc. Tổng sản phẩm quốc nội GDP cả năm đạt 541 nghìn tỉ đồng (giá thực tế), tăng 7% so với năm 2001. Đáng chú ý là xu hướng tăng quý sau cao hơn quý trước : quý I tăng 6,6% ; quý II tăng 6,7% ; quý III tăng 6,9% và quý IV tăng 7,4%. Điều đó thể hiện tính bền vững và ổn định trong tăng trưởng của các ngành sản xuất và dịch vụ, gắn với sự chỉ đạo kịp thời, thường xuyên, nhạy bén của Chính phủ, của các cấp, các ngành trong năm 2002. Tốc độ tăng GDP đạt trên 7% (kế hoạch 7 - 7,3%), nhất là trong điều kiện có nhiều khó khăn và thách thức lớn của năm 2002, là thành công rất đáng tự hào. Với kết quả đó, Việt Nam được xếp vào nhóm 3 nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế năm nay cao nhất cùng với Trung Quốc (8%) và Hàn Quốc (7%). Điều đó đã được thế giới thừa nhận. Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2003 (VDRs) của Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), ngày 11-11-2002, đã khẳng định, năm 2002 kinh tế Việt Nam khả quan "Tốc độ tăng GDP của Việt Nam đạt cao hơn dự kiến trước đây và có xu hướng tăng so với năm trước".

Kinh tế tăng trưởng nên thu - chi ngân sách có nhiều tiến bộ. Theo Bộ Tài chính, thu ngân sách cả năm ước tăng 11-12% so với năm 2001 và vượt dự toán khoảng 6,5%, mặc dù nguồn thu bị giảm 1 500 tỉ đồng, do miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và bỏ nhiều khoản phí và lệ phí theo pháp lệnh mới. Chi ngân sách nhà nước bảo đảm và khả năng vượt dự toán 2,6%.

Kinh tế phát triển, thị trường và giá cả ổn định đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt các mục tiêu xã hội. Năm 2002 đã tạo việc làm mới cho 1,4 triệu lao động. Nhờ đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm từ 6,28%

Digitized by Google

năm 2001 xuống còn 6,01% năm 2002, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 74,37% lên 75,41%. Cơ cấu ngành nghề của lao động nông thôn chuyển dần từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Tỷ trọng lao động nông nghiệp năm 2002 là 78,4% so với 82,7% năm 2000, số tuyệt đối giảm 23 nghìn người. Tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn tăng từ 7,8% lên 15,4% trong 2 năm tương ứng. Đó là tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn nhanh nhất từ trước đến nay và mở ra triển vọng mới để thực hiện mục tiêu đến năm 2010 chỉ còn 50% lao động nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Đó cũng là kết quả cụ thể của chính sách khuyến khích phát triển làng nghề và dịch vụ, Chương trình 773 về tạo việc làm của Nhà nước những năm qua đến nay phát huy tác dụng. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho cán bộ hợp tác xã nông nghiệp được Nhà nước quan tâm và đầu tư cao hơn các năm trước nên đã đem lại kết quả tích cực. Năm 2002, cả nước đã đào tạo nghề cho khoảng một triệu lao động, đạt mục tiêu đề ra. Các ngành, các địa phương đã có nhiều chủ trương, biện pháp tích cực tạo việc làm mới và đào tạo nghề nghiệp góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động.

Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp dân cư được cải thiện. Thu nhập tăng khoảng 10% so với năm trước. Ở khu vực nông thôn, do nông nghiệp được mùa và nhiều nông sản được giá nên thu nhập của nông dân tăng khá. Mặc dù, số địa phương bị thiên tai tăng, nhưng tình trạng thiếu đói giáp hạt giảm 9,6% về số hộ và 11,4% về số khẩu so với cùng kỳ năm 2001. Chương trình xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, trợ giúp các đối tượng chính sách được Nhà nước, các ngành, các cấp của toàn xã hội quan tâm đúng mức và đạt kết qủa tốt. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm còn 14 - 15%, đạt mục tiêu đề ra.

Hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục phát triển toàn diện. Năm học 2002 - 2003, số học sinh cơ sở tăng 6,5%, số học sinh trung học tăng 9,1%. Mười tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong năm 2002, gồm : Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Tây, Hải Dương, Nam Định, Hưng Yên, Tuyên Quang, Thái Bình và Hà Nam ; trong đó Hà Nội, Hưng Yên và Hà Nam có 100% số xã, phường đạt chuẩn quốc gia.

Kinh tế tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện nên tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, quan hệ quốc tế được mở rộng, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được củng cố và nâng cao. Điều đáng mừng là, năm 2002, Việt Nam được quốc tế công nhận là nước có môi trường xã hội an toàn nhất. Đó là những thành tựu to lớn của năm 2002 cần được khẳng định mạnh mẽ và là niềm tự hào chính đáng. Nguyên nhân bao trùm của thành quả đó là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng được cụ thể hóa trong Nghị quyết Đại hội IX, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, hàng loạt cơ chế, chính sách hợp lòng dân của Nhà nước và sự điều hành nhạy bén, kịp thời và hiệu quả của Chính phủ, sự chỉ đạo sát sao của các ngành, các cấp và ý thức tự lực, tự cường của toàn dân.

2. Những yếu kém và hạn chế

Năm 2002, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, kinh tế - xã hội vẫn còn những yếu kém và hạn chế, thể hiện :

Digitized by Google

- *Thứ nhất :* Mặt yếu cơ bản của nền kinh tế nước ta năm 2002 là chất lượng tăng trưởng và hiệu quả chưa cao, sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ còn thấp và tăng chậm. Điều đó thể hiện rõ nét nhất trong công nghiệp. Năm 2002, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 14,4% nhưng tốc độ tăng GDP của ngành này chỉ có 10% so với 14,2% và 10,4% của năm 2001. Nguyên nhân chủ yếu là chi phí sản xuất công nghiệp năm 2002 cao, chiếm 4,4% trong tốc độ tăng giá trị sản xuất (năm 2001 là 3,8%). Chi phí sản xuất công nghiệp cao (năm 2002 tăng 3,9% so với năm 2001) làm tăng giá thành sản phẩm từ đó giảm sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Tình hình tương tự cũng diễn ra ở các ngành khác như nông nghiệp, thủy sản, dịch vụ.

- *Thứ hai :* Đầu tư nước ngoài giảm sút lớn về số vốn đầu tư : năm 2002 cả nước có 670 dự án được cấp phép với tổng số vốn 1270,9 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước, số dự án tăng 30,4% nhưng số vốn đăng ký giảm 47,6%. Vốn bình quân mỗi dự án rất ít : cả nước là 2 triệu USD, riêng Thành phố Hồ Chí Minh là 1,4 triệu USD (năm 2001 là 4,5 triệu USD). Nguyên nhân chủ yếu là môi trường đầu tư chưa thật thuận lợi, giá thuê đất và giá đầu vào còn cao, giải phóng mặt bằng khó khăn, thủ tục xét duyệt và cấp phép dù đã cải tiến song vẫn còn nhiều phiền hà. Trong khi đó sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước trong khu vực ngày càng tăng (Trung Quốc 10 tháng năm 2002 thu hút 46,44 tỉ USD vốn FDI, tăng 20% so với cùng kỳ, xuất khẩu tăng 19,6%).

- *Thứ ba :* Đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đạt thấp : năm 2002 thực hiện 22 903 tỉ đồng, bằng 104,3% kế hoạch năm. Nhiều công trình không đảm bảo chất lượng và tiến độ, thất thoát vốn trong xây dựng cơ bản còn lớn với tỷ lệ phổ biến 5 - 10%, có công trình tới 20%. Xu hướng đầu tư dàn đều, theo hội chứng vẫn còn, rõ nhất là xi-măng, mía đường, bến cảng. Những mâu thuẫn giữa yêu cầu tiến độ giải ngân với giải phóng mặt bằng đang gây khó khăn và tăng chi phí cho chủ đầu tư và các nhà thầu vẫn chưa được khắc phục. Chương trình quốc gia trồng mới 5 triệu héc-ta rừng, đánh bắt hải sản xa bờ tiến triển chậm và hiệu quả thấp, khó đạt mục tiêu đề ra.

- *Thứ tư :* Một số vấn đề xã hội bức xúc có mặt còn gay gắt hơn : tệ nạn xã hội, nhất là ma túy chưa giảm ; tai nạn và ách tắc giao thông tăng ; chất lượng giáo dục, y tế chưa có chuyển biến đáng kể ; tình trạng thừa lao động, thiếu việc làm và thu nhập thấp, nhất là khu vực nông thôn... vẫn là những vấn đề nổi cộm của năm 2002, nhưng chưa được giải quyết thỏa đáng.

Những mặt yếu kém và hạn chế trên tuy còn nhiều và diễn biến phức tạp, nhưng suy cho cùng, không phải là cơ bản. Đảng và Nhà nước ta đã nhìn nhận đúng mức và có nhiều biện pháp để khắc phục và hạn chế.

Triển vọng đất nước ta trong năm 2003 là khá lạc quan trên nền tảng năm 2002, với kinh tế tăng trưởng cao, xã hội ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Để biến khả năng thành hiện thực, các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương cần phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, thực hiện nghiêm túc và đồng bộ các chủ trương của Quốc hội và Chính phủ đã đề ra. ❑

Digitized by Google

Giải pháp phát triển kinh tế nhanh hơn trong năm 2003

PHẠM VĂN LINH*

NĂM 2002 - năm thứ hai cả nước thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng - đã khép lại với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Mặc dù bối cảnh chung của thế giới và trong nước có nhiều khó khăn và biến động phức tạp, nhưng nhìn tổng thể thành tựu kinh tế - xã hội năm 2002 của Việt Nam là tương đối cao. So với năm 2001, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002 ước đạt 6,9 - 7%, giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,2%, giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,7%, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,1%, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 112,0 ngàn tỉ đồng, tăng 106,5% so với dự toán, tổng chi ngân sách đạt 141,1 ngàn tỉ đồng, tăng 105,4% so với dự toán, bội chi ngân sách nhà nước trên GDP là 5%, vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP là 34%, giá hàng tiêu dùng tăng 4,0%, tạo việc làm mới cho 1,4 triệu người, đào tạo nghề cho 982 nghìn người, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 14,3%, tỷ lệ sinh giảm 0,042%...

Như vậy, so với chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X, thì năm 2002 cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra. Mười một trong tổng số 14 chỉ tiêu do Quốc hội đề ra đều đạt và vượt kế hoạch. Những chỉ tiêu không đạt gồm : xuất khẩu tăng 7,1% (chỉ tiêu kế hoạch là từ 10 - 13%) ; chỉ tiêu tăng trưởng GDP, tuy đạt được ở mức 6,9-7% là cao so với các nước trong khu vực và thế giới, nhưng kế hoạch đề ra là 7 - 7,3%, và mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) là 7,5%. Nhìn chung, nếu đặt trong tình hình khó khăn của đất nước và bối cảnh chung của các nước trong khu vực thì đây lại là mức tăng trưởng khá.

Những kết quả tích cực và khá toàn diện của năm 2002 không chỉ có ý nghĩa cho việc thực hiện nhiệm vụ của năm 2003, mà còn cho các năm tiếp theo.

Đạt được kết quả trên, trước hết là do sự phấn đấu chung của toàn Đảng, toàn dân, sự năng động sáng tạo của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh với quyết tâm rất lớn, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2002. Đó cũng là kết quả của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện các Nghị quyết Trung ương cùng với sự chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, sự đổi mới điều hành kiên quyết và có hiệu quả của Chính phủ...

* TS Kinh tế, Phó Vụ trưởng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

Bên cạnh đó, cũng cần nhìn một cách nghiêm khắc những hạn chế, yếu kém, tồn tại đã và đang làm giảm đáng kể khả năng tăng trưởng cao của nền kinh tế, từ đó tìm cách khắc phục để hoàn thành tốt hơn nữa các kế hoạch đã đề ra.

Hạn chế rõ nét nhất của nền kinh tế nước ta hiện nay là sức cạnh tranh thấp. Môi trường pháp lý vĩ mô của nền kinh tế, nhìn chung đã được cải thiện nhưng bộ máy hành chính vẫn còn cồng kềnh, thủ tục hành chính rườm rà, hệ thống kết cấu hạ tầng còn cần đầu tư nhiều hơn nữa mới đảm bảo tăng tính hấp dẫn so với các nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế. Với 5 655 doanh nghiệp nhà nước hiện nay, phần lớn quy mô vốn còn thấp, bình quân mỗi doanh nghiệp chỉ đạt 22 tỉ đồng. Đối với doanh nghiệp tư nhân, chỉ riêng 49 000 doanh nghiệp đăng ký mới từ năm 2000 đến nay, vốn bình quân khoảng 1,5 tỉ đồng... Điều đó cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp đều có vốn nhỏ, trình độ khoa học - công nghệ nhìn chung thấp, nhiều ngành công nghiệp có công nghệ lạc hậu hơn các nước trong khu vực từ 2 - 3 thế hệ, công nhân có trình độ tay nghề thấp chiếm tới 75% : Tất cả dẫn tới khả năng cạnh tranh thấp, nhiều sản phẩm của Việt Nam có chi phí sản xuất cao hơn so với giá nhập khẩu từ 20 - 40%, cá biệt như mặt hàng đường, giá thành sản xuất cao hơn so với giá nhập khẩu là 70% ; các chi phí trung gian còn quá cao, một số chi phí còn bất hợp lý... Thực tế này sẽ là lực cản lớn trên lộ trình Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế quốc tế.

Một khó khăn rất cơ bản của nền kinh tế Việt Nam, đã tồn tại dai dẳng nhiều năm nay, đó là tình trạng đầu tư kém hiệu quả. Năm 2002 một đồng vốn đầu tư toàn xã hội chỉ tăng thêm được 0,32 đồng giá trị GDP (năm 2000 là 0,26 ; năm 2001 là 0,28), tuy có cao hơn so với trước, nhưng vẫn còn thấp so với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Nguyên nhân chính của tình trạng đó là do cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chuyển dịch chậm, hiện nay các dự án dở dang còn quá lớn, chiếm tới 2/3 vốn đầu tư. Mặt khác, do kết cấu hạ tầng kém phát triển nên kinh phí để đầu tư cho lĩnh vực này khá lớn, chiếm tới 35% nguồn vốn, chưa kể 10% vốn hằng năm phải dành để tu bổ. Ngoài ra, tình trạng đó còn do công tác quản lý yếu kém ; một số dự án đầu tư chưa xuất phát từ quy hoạch, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường, chất lượng công tác quy hoạch thấp ; cơ chế phân cấp quản lý vốn đầu tư và các chương trình mục tiêu quốc gia cho các địa phương và các ngành chưa đi đôi với chế tài ràng buộc trách nhiệm và cơ chế kiểm tra, nên đầu tư thiếu tập trung, kém hiệu quả, không ít trường hợp bị thất thoát vốn đầu tư, sử dụng tuỳ tiện không tuân thủ kế hoạch tài chính ban đầu, chất lượng công trình không cao ; các thủ tục quyết toán và nghiệm thu chưa thật sự công tâm, khách quan...

Hiện nay, khâu yếu nhất ở các ngành, các cấp và cơ sở vẫn là tổ chức thực hiện. Có thể thấy rằng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp đúng đắn, nhưng quá trình tổ chức thực hiện chưa kịp thời, triển khai chậm từ khâu hướng dẫn thực hiện của

Digitized by Google

các bộ, ngành, cho đến khâu thực hiện ở địa phương, cơ sở.

Cơ chế quản lý đòi hỏi phải chuyển đổi nhanh chóng để thích ứng với cuộc sống thực tế, từ điều hành vĩ mô đến tổ chức thực hiện ở các cấp, ngành, nhưng bộ máy quản lý vẫn chậm được kiện toàn, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng thiếu gắn bó, còn nhiều biểu hiện vi phạm kỷ luật hành chính, tệ địa phương cục bộ, "phép vua thua lệ làng", tuỳ tiện, lỏng lẻo trong quản lý còn bộc lộ ở nhiều nơi.

Mặc dù từ lâu, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm tới việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ, nhưng nhìn chung, chất lượng đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, kể cả cán bộ quản lý, cán bộ kinh doanh, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ trong hệ thống chính trị. Một số cán bộ không chỉ yếu kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, nhất là tệ thu vén cá nhân, bị tiêm nhiễm chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, gây mất lòng tin đối với nhân dân.

Nhìn lại một cách khách quan, cả về thành tựu đã đạt được cũng như những hạn chế phải khắc phục, thiết nghĩ trong những năm tới, nhất là trong năm 2003 - năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, cần phải thực thi một số giải pháp mang tính đột phá, nhằm tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội cao hơn. Thành công của năm 2003 sẽ là cơ sở tạo đà cho các năm tiếp theo, đảm bảo thực hiện toàn bộ mục tiêu trong cả 5 năm 2001 - 2005.

Thực lực kinh tế của đất nước ta hiện nay đã được nâng lên đáng kể, nền kinh tế đã dần thích nghi với thị trường khu vực và quốc tế ; nhiều tiềm năng cần được khai thác tốt, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, nguồn nhân lực, vị trí địa lý ; sự ổn định về an ninh, chính trị, sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu trong toàn Đảng, toàn dân, khả năng lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ không ngừng được nâng lên, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước đang dần đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng ; quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế giúp Việt Nam chủ động hơn trong phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhưng có thể thấy rằng, năm 2003, Việt Nam có thể phải đối mặt và giải quyết rất nhiều khó khăn không nhỏ : quá trình hội nhập, tham gia đầy đủ vào AFTA vẫn không ít trở ngại ; việc chuẩn bị để tham gia WTO, cũng như thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ trong điều kiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu ; tình trạng tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, phiền hà sách nhiễu còn nặng nề, trật tự an toàn xã hội ở một số nơi vẫn diễn biến phức tạp ; một số cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là việc hoàn thiện hệ thống luật pháp kinh tế trước những đòi hỏi cấp bách của việc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước còn chậm ; những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới ; sự cạnh tranh gay gắt của các quốc gia khu vực và châu Á về thị trường và thu hút vốn đầu tư nước ngoài...

Tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XI, Chính phủ đã đưa ra hai phương án phát triển kinh tế - xã hội cho năm 2003, theo đó

Digitized by Google

Phương án cao phải đạt được các chỉ tiêu sau : tăng trưởng GDP khoảng 7,5% so với năm 2002, trong đó khu vực I tăng 4% ; khu vực II tăng 10,5% ; khu vực III tăng 6,6% ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7,5% ; tổng kim ngạch nhập khẩu tăng khoảng 6% ; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 215 nghìn tỉ đồng, tăng 17% so với năm 2002 và bằng 35,2% GDP ; tổng thu ngân sách nhà nước tăng 9,8%, tổng chi ngân sách nhà nước tăng 17,5% so với ước thực hiện năm 2002 ; bội chi ngân sách không quá 5%; lạm phát dự kiến 4%...

Trong trường hợp thế giới có những diễn biến phức tạp, đặc biệt diễn biến ở khu vực Trung Đông trở nên phức tạp hơn, dẫn tới tình trạng giá dầu tăng, yêu cầu phải trả nợ cho bạn cấp thiết hơn, *Phương án thấp* được dự kiến là : tốc độ tăng trưởng khoảng 7%, duy trì bằng năm 2002, trong đó : khu vực I tăng 3,8% ; khu vực II tăng 10,2% ; khu vực III tăng 6,5% ; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,5% ; công nghiệp tăng khoảng 13,8% ; giá trị các ngành dịch vụ tăng khoảng 6,8% ; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6%...

Dù phương án nào cũng phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Như vậy, cả hai phương án tăng trưởng kinh tế, Phương án cao và Phương án thấp, đều đặt ra nhiệm vụ cho 2 năm cuối của kế hoạch 5 năm (2004 - 2005) là, phải tăng trưởng ở mức cao từ 8% - 8,4%. Có như vậy, chúng ta mới có thể đạt được mục tiêu do Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra là 7,5%.

Trong điều kiện hiện nay, để nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, cần tiếp tục phân tích sâu sắc hơn những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm năm 2002 và những năm trước đó, quán triệt quan điểm không ngừng phát huy cao độ nguồn nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài. Trong mọi trường hợp, phải lấy sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội làm cơ sở, qua đó để lựa chọn các giải pháp tác động nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

Thứ nhất, thực hiện nhất quán quan điểm phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, quán triệt sâu sắc trong tổ chức thực hiện, trong xử lý tình huống.

Thứ hai, cùng với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước, tiếp tục tạo ra sự thông thoáng hơn nữa về chính sách và môi trường kinh doanh cho khu vực kinh tế dân doanh. Khu vực dân doanh đang ngày càng đóng góp lớn cho tăng trưởng và tạo việc làm, góp phần đắc lực cho sự ổn định và tăng trưởng nhanh kinh tế của đất nước.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện kích cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước, quản lý tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án đầu tư, đảm bảo chất lượng và tránh thất thoát vốn đầu tư, gắn đầu tư với quy hoạch và nhu cầu thị trường. Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nhân rộng các hình thức hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giảm mạnh các thủ tục hành chính còn gây phiền hà và nhiều loại chi phí bất hợp lý trong cấp phép đầu tư.

Digitized by Google

Thứ tư, lấy năm 2003 là năm trọng điểm thực hiện chống tham nhũng có hiệu quả, xử lý dứt điểm những vụ án tham nhũng lớn, qua đó không chỉ ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tài sản của Nhà nước bị đục khoét, bị sử dụng lãng phí, mà còn tạo niềm tin trong nhân dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự yên tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để phát triển đất nước.

Thứ năm, xây dựng bộ máy công quyền tinh gọn, thạo việc và minh bạch, gắn cải cách hành chính với cải cách tiền lương, xây dựng chế độ trách nhiệm cán bộ, công chức và các loại hình cán bộ khác, hoàn thiện hệ thống pháp luật để đảm bảo quản lý có hiệu lực và hiệu quả.

Thứ sáu, để tạo ra sự chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, cần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy vậy, cũng khắc phục tình trạng chạy theo phong trào, rập khuôn trong việc chọn lựa cơ cấu kinh tế. Mỗi địa phương, mỗi vùng đều có những thuận lợi khó khăn mang tính chất đặc thù, vậy cơ cấu kinh tế phải mang lại hiệu quả cao nhất với việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực.

Thứ bảy, phát triển kinh tế nhanh gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội trong từng bước đi, phù hợp với từng trình độ phát triển, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Coi trọng khâu chỉ đạo, điều hành có hiệu lực và hiệu quả từ trung ương đến địa phương. Đây thực sự là nhân tố cơ bản quyết định sự tăng trưởng nhanh và bền vững. ❑

VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC...

(Tiếp theo trang 39)

biến dạng của chủ nghĩa xã hội. Từ kinh nghiệm thành công và chưa thành công của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ những tri thức và kinh nghiệm mới mà loài người đã tạo ra trong những thể chế chính trị - xã hội khác nhau trong hiện thực lịch sử và thời đại, những người mác-xít có khả năng đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhờ vậy, chủ nghĩa xã hội sẽ không chỉ thoát khỏi khủng hoảng, mà còn có bước phát triển rực rỡ trong tương lai. Thắng lợi to lớn của Trung Quốc trong quá trình cải cách và mở cửa suốt 24 năm qua, những thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được trong hơn 16 năm đổi mới là một thực tế không ai có thể phủ nhận. Phát huy những bài học kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình đó, phát triển và vận dụng sáng tạo chúng vào hoàn cảnh của mỗi dân tộc sẽ mang lại triển vọng huy hoàng cho mọi quốc gia đang và sẽ phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hơn nữa, ngay từ những năm 30 của thế kỷ XX, Đảng ta đã quan niệm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không phải là hai mục tiêu khác nhau, bên ngoài nhau. Độc lập dân tộc mà chúng ta cần có là độc lập dân tộc của một nước xã hội chủ nghĩa. Chỉ khi đó, độc lập dân tộc mới đi liền với sự giàu có, hạnh phúc chung của nhân dân. Độc lập dân tộc là thuộc tính nội tại của chủ nghĩa xã hội với tư cách một chế độ xã hội ; không có độc lập dân tộc thì không có xã hội xã hội chủ nghĩa.❑

Digitized by Google

ĐỂ TA VẪN LÀ TA mà rạng rỡ trong vận hội mới

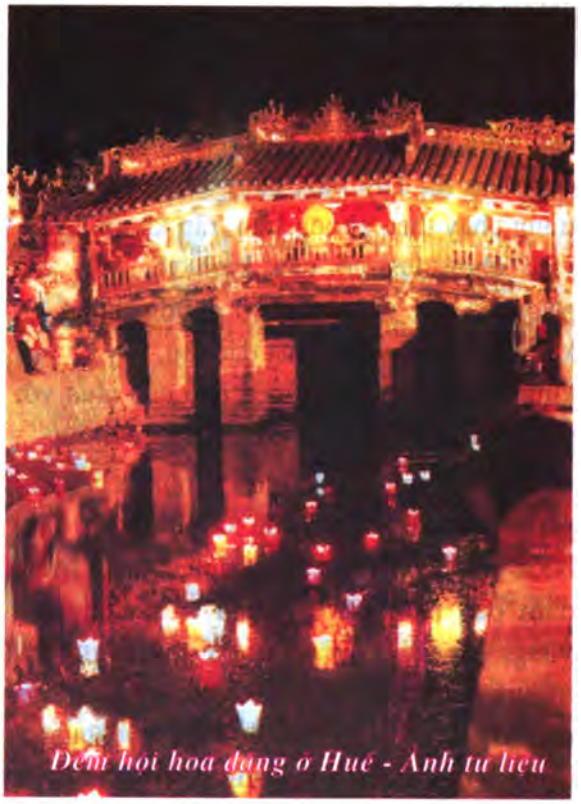
LÊ XUÂN VŨ*

CHÚNG ta nghĩ gì khi người Nhật duy tân tự hào và phấn đấu cho "Hàng Nhật không thua bất cứ hàng nước nào trên thế giới", còn một số nhà doanh nghiệp Việt Nam lại lo nhái hàng hóa nước ngoài, dựa dẫm uy tín sẵn có của người khác, "xây nhà mình dưới bóng nhà người khác" ?

Tiếc cho một số thương hiệu Việt Nam không kịp đăng ký bị mất vào tay người nước ngoài. Đặc sản Việt Nam như bánh đa nem, nước mắm, mắm tôm bán đi tứ xứ lại dán nhãn hiệu nước khác trong vùng.

Có thể nào "vô tư" khi đọc báo thấy công nhân Việt Nam trên đất Việt Nam bị ông chủ ngoại quốc đánh đập, bắt đứng phơi nắng đến ngất xỉu phải đi viện mà tổ chức công đoàn ở đó vẫn ngậm miệng ; khi nhìn những cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam ra sân cỏ mà "màu cờ sắc áo" chỉ có tên nhà tài trợ ngoại quốc và chữ số chứ không có tên mình ; khi con Hồng cháu Lạc nô nức đón chờ *"Âm vang sông Hồng"* bỗng nhận ra rằng tốn bao công sức đem trình diễn cả dàn trống đồng Đông Sơn, y phục và vũ điệu thời Âu Lạc dường như chỉ để làm nền cho mấy cái tích tắc mô-tô bay của một tài tử nước ngoài.

"Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc" (Hồ Chí Minh) trong không ít trường hợp bị rẻ rúng : Có những mặt hàng Việt Nam do người Việt Nam sản xuất tại Việt Nam và cũng chỉ bán trong nước Việt Nam sao lại phải mang nhãn hiệu tiếng nước ngoài ? Một dạo, trên cửa ra vào một số nơi sang trọng chỉ thấy "Pull", "Push" thay cho "Kéo", "Đẩy", ở nhà vệ sinh công cộng "Men", "Women" thay cho "Nam", "Nữ" (lẽ ra chỉ nên chua



Đêm hội hoa đăng ở Huế - Ảnh tư liệu

* PGS Triết học

Digitized by Google

trong ngoặc đơn dưới chữ Việt nếu thấy cần cho cả khách nước ngoài). Rất nhiều tờ lịch ghi tên tháng, tên ngày trong tuần chỉ bằng những chữ JAN, FEB... và SUN, MON... Rồi đến tên một cửa hiệu, một siêu thị, một ban nhạc, một giải thưởng, cũng muốn dùng tiếng Anh, tiếng Pháp cho "oai", cho "hiện đại" ! Trong khi đó thì, không ít người Việt trên đất Việt mà nói không đúng tiếng Việt, không phân biệt nổi một số phụ âm đầu như n/l, ch/tr, s/x..., không phát âm rõ được một số nguyên âm kép..., ngay cả trên diễn đàn, đài phát thanh, truyền hình !

Phim ảnh, ca nhạc, thị hiếu nước ngoài tràn vào, vô tình hay hữu ý gieo rắc nếp sống xa lạ với những giá trị chuẩn mực đạo đức của dân tộc. Đất nước còn nghèo và còn cả núi việc cần làm không thể chấp nhận cảnh tượng quá nhiều hộp đêm, "nhà nghỉ", bar, ka-ra-ô-kê, "mát xa", bia ôm, cà-phê đèn mờ, cà-phê áo nhàu, vũ trường với những thuốc "lắc" và điệu nhảy dâm dật điên loạn. Phanh phui những ổ tiêu thụ ma túy, mại dâm công khai và trá hình, thì thấy chủ yếu là những thanh niên ăn chơi, đua đòi, kệch cỡm mà từ phục trang đến lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành vi đều trái với thuần phong mỹ tục, đạo lý làm người của cha ông.

Có những học sinh trung học phổ thông kể vanh vách tiểu sử, tình sử, sưu tập ảnh của diễn viên màn bạc này, ca sĩ tài danh kia trên thế giới nhưng đi giữa đường phố Hà Nội mang tên danh nhân Việt Nam lại không biết đó là ai, thời nào, có công trạng gì với đất nước. Nếu văn hóa biểu hiện rõ rệt ở lối sống thì lối sống của một số không ít người đang trượt theo hướng thực dụng của cơ chế thị trường, tình cảm bị tiền tài lấn lướt, nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp bị chủ nghĩa tự do cá nhân thời thượng của văn hóa phương Tây chối từ, gạt bỏ. Một số người thiếu hiểu biết vênh vang với lối sống gọi là "hiện đại", "sành điệu" ấy của mình, lên án và phủ nhận quá khứ, chê ông bà cha mẹ và chê rộng ra cả những thế hệ tiền bối, thấy dường như đất nước và con người mình chẳng có gì đáng nói !? Họ đua đòi ăn mặc lố lăng, kỳ quái, xả rác, nhổ bậy, nói tục, gây gổ, bất nhã với phụ nữ và ở chỗ đông người, đánh chửi nhau, đua xe trái phép, dấn thân vào các loại tệ nạn xã hội. May mà đó chỉ là một số rất ít. Song, cần ngăn chặn sự lây nhiễm, lan truyền đó.

Lối sống lấy đồng tiền làm chuẩn mực dường như đang thắng thế. Không ít người tranh cướp nhau chạy theo đồng tiền, ngoài xã hội và cả trong gia đình, bỏ qua lương tâm và trách nhiệm, bất chấp đạo đức và pháp luật. Đồng tiền đang chi phối từ lũ trẻ bán bưu ảnh và vật kỷ niệm lẵng nhẵng níu áo người nước ngoài bắt mua, làm xấu mặt người Việt Nam ngay giữa Hà Nội nổi tiếng thanh lịch đến đám ăn mày thật và giả ngồi dọc đường vào nơi danh thắng ; từ đây đó một vài đứa con đứa cháu nghiện ma túy mất hết tính người dám cầm dao giết mẹ giết bà đến một bộ phận cán bộ, đảng viên tham nhũng, thoái hóa, biến chất.

Văn học là kho tàng giá trị tinh thần dân tộc thì có nhà lý luận phê bình lại cho rằng văn học Việt Nam thế kỷ XX so với thế giới mới chỉ là "văn học tỉnh lẻ và nghiệp dư" chưa có chứng chỉ ISO, hoặc mới chỉ là thứ "văn nghệ phục vụ", "chưa có sự phát triển của chính bản thân nó"...

"Những điều trông thấy" xa lạ với điệu tâm hồn và tính cách Việt Nam ấy dẫu chỉ

Digitized by Google

là "hiện tượng nhất thời" nhưng không khỏi ít nhiều thương tổn đến lòng tự hào dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam, một Việt Nam lâu đời có lịch sử vẻ vang, sức mạnh tinh thần to lớn, cội nguồn đạo đức sâu xa.

*

Nói đến bảo tồn, phát huy bản sắc dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, chúng ta không chỉ nói những giá trị vật thể. Đau vì di tích lịch sử bị xuống cấp nghiêm trọng, bị xâm hại ngang nhiên làm mất đi vẻ tôn nghiêm cổ kính hoặc bị "tôn tạo" sai. Buồn vì chùa giả phật giả, chùa xây như nhà ở, có cả khu phụ trên tầng hai ; hoặc danh lam thắng cảnh bị hàng quán bao vây, quà bánh tràn cả vào chính tẩm, tiền tế những nơi thờ cúng linh thiêng.

Chúng ta cũng không chỉ cảnh báo bản sắc dân tộc hay bản sắc văn hóa dân tộc đâu phải chỉ là sì sụp lễ bái quanh năm, đua nhau "rước xách thần thánh", "trống mõ bì bõm, ca hát lu bù" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng phê bình nhắc nhủ.

Chúng ta quan tâm trước hết và nhiều nhất đến những vấn đề cốt lõi : *bồi dưỡng cốt cách dân tộc, chăm lo đến tâm hồn và tính cách dân tộc, trước hết là lòng tự hào dân tộc biểu hiện cụ thể và sinh động ở mỗi con người Việt Nam trong điều kiện mới.*

Đúng thế, tự hào dân tộc là một sức mạnh tiềm tàng to lớn, không tự hào lấy đâu dũng khí và nghị lực vươn tới ? Còn nhớ, thời thuộc Pháp, có một học giả răn đe : "Nước ta còn hèn kém lắm, chẳng có gì đâu mà làm phách !". Nếu cứ theo lời răn đe ấy chắc gì đã có ngày nay ?

Dân tộc ta đã có mấy nghìn năm hình thành, phát triển trong lịch sử và sẽ tiếp tục phát triển, trường tồn với lịch sử. Các đặc điểm dân tộc, bản sắc dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài, rất lâu dài. Nhiệm vụ của chúng ta là phát hiện, nắm vững, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hôi biểu hiện tập trung ở văn hóa, khéo léo kết hợp chúng với xu thế phát triển chung hợp quy luật của thời đại. Dân tộc nhưng không bài ngoại mà biết tiếp thu những tinh hoa của loài người thì càng dân tộc bao nhiêu càng quốc tế bấy nhiêu... Đó là quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bản sắc dân tộc.

Chúng ta đã làm đúng như vậy và vẫn sẽ tiếp tục làm đúng như vậy trong điều kiện năm châu họp chợ ngày nay. Ai choáng ngợp trước văn minh vật chất, sùng bái nước ngoài, mang tâm lý nhược tiểu tự ti, *"người ta lớn bởi vì mình quỳ xuống"*, người ấy sẽ tự đánh mất mình.

Chúng ta cần cả văn minh vật chất và văn minh tinh thần, cần tiền nhưng không làm nô lệ cho đồng tiền nên phải nắm vững hơn nữa quan hệ giữa xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa. Đi vào kinh tế thị trường, chúng ta vẫn phải giữ vững đạo đức xã hội, coi trọng những giá trị tốt đẹp trong lối sống của dân tộc ta, không tách rời kinh tế với văn hóa, với việc xây dựng con người Việt Nam mới - động lực và đồng thời là mục tiêu của cách mạng.

Đồng tiền chỉ là vật trao đổi ngang giá. Nó không được phép vênh vang "là tiên là phật, là sức bật tuổi trẻ, là sức khỏe tuổi già, là đà danh vọng, là lọng che thân, là cán cân công lý" như câu vè lưu hành, càng

Digitized by Google

không được phép sai bảo và làm hư hỏng cán bộ các cơ quan Đảng và Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xưa và nay, chúng ta đã có bao gương sáng liêm, chính, kiệm, cần.

Trong mở cửa và hội nhập, điều cốt yếu là ta phải có được nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng mạnh, phấn đấu để hàng hóa Việt Nam mang nhãn hiệu Việt Nam ngày càng có uy tín, thương hiệu Việt Nam ngày càng có mặt nhiều trên thế giới.

Giao lưu văn hóa ngày một mở rộng, chúng ta ở tư thế người chủ mà tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài ; văn hóa nước ngoài trước sau vẫn chỉ là khách mời, không thể để khách lấn chủ. Càng không thể "tôn sùng thần tượng ngoại lai, quên bầu sữa mẹ" !

"Dân ta phải biết sử ta..." (Hồ Chí Minh) nên chuyên mục *Theo dòng lịch sử* trên truyền hình thi hiểu biết về lịch sử và con người Việt Nam rất được hoan nghênh. Tinh thần *"Ngày Gia đình Việt Nam"* 28 - 6 hằng năm làm sống lại những nét đẹp cổ truyền trong gia đạo, gia giáo, gia phong. Xem thuộc phim lịch sử, dã sử, truyền thuyết Trung quốc, chúng ta càng khát khao những tác phẩm văn học, sân khấu, điện ảnh của mình cũng "ăn khách" như vậy khi nói về lịch sử dân tộc, thuần phong mỹ tục Việt Nam ta !

Rất cần học tiếng nước ngoài, nhất là khi trình độ ngoại ngữ của ta còn rất thấp, nhưng phải biết tôn trọng và yêu quý tiếng mẹ đẻ. Hát hay ca khúc tiếng nước ngoài cũng tốt song trước hết hãy hát hay những bài hát Việt Nam trên các sàn diễn. Các bà mẹ trẻ Việt Nam thảy đều nên biết hát ru con. Tên giao dịch với nước ngoài bằng tiếng nước ngoài là cần thiết, nhưng tên Việt Nam vẫn phải là chính. Đây là nhà ta, ta là chủ. Máy tính ở Việt Nam chưa có hệ điều hành bằng tiếng mẹ đẻ như ở nhiều nước khác đã là một cam chịu thiệt thòi lúc này, nỡ nào còn sính dùng tiếng một dân tộc khác thay cho tiếng mẹ đẻ để hướng dẫn ở các nơi công cộng và đặt tên cho hàng hóa, cửa hiệu, công ty, chợ búa, cuộc thi, giải thưởng của mình ngay trên đất nước mình ?

Tiếng Việt là một ngôn ngữ giàu và đẹp, có bản sắc độc đáo. Chẳng lẽ bao người nước ngoài đến Việt Nam, như nhà thơ Mỹ Dô-sép Đu-mar dịch *Chinh phụ ngâm* của Việt Nam, đều nhận thấy "tiếng Việt có rất nhiều tầng nghĩa" và "vẻ đẹp của âm nhạc trong tiếng Việt" khiến cho "thơ Việt Nam, kể cả thơ hiện đại không theo vần luật, đọc lên nghe như đang hát, khác với thơ Mỹ đọc lên nghe như đang nói chuyện"(1)..., mà chúng ta lại không biết quý trọng và làm cho nó ngày càng trong sáng và giầu đẹp hơn hay sao ?

*

Có những nước "hậu sinh khả úy", nhưng dân muốn khoe lịch sử nước mình chỉ có thể kể đến đời cha đời ông là chấm hết. Người Việt Nam hoàn toàn có đủ cơ sở lịch sử ngàn năm văn hiến để tự hào về đất nước và dân tộc mình.

Ta lớn lên từ một trong những cái nôi lớn của loài người. Nghìn năm Bắc thuộc không đồng hóa nổi Việt Nam. Trăm năm thực dân Pháp không phá nổi cốt cách tâm hồn Việt Nam. Những kẻ một thời cậy

(1) Theo báo *Lao động*, 9-4-2001, tr 4

Digitized by Google

mạnh trên đất nước ta rốt cuộc cũng phải cuốn gói, công khai thừa nhận sai lầm trước thiên hạ. Trần Cương Trung xưa đi sứ Việt Nam về, đêm đêm trong giấc ngủ vẫn còn nghe vẳng tiếng trống đồng, rụng rời kinh sợ bạc cả tóc : *"Can qua mộng lý đan tâm khổ, Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh"*. Lịch sử Việt Nam còn ghi bao sứ bộ Việt Nam khiến "Thiên triều" nể trọng, kiến trúc sư Việt Nam góp mặt xây thành Bắc Kinh, Hồ Nguyên Trừng của Việt Nam là tổ súng thần công Trung Quốc...

Thế kỷ trước, ông Bô, Toàn quyền Đông Dương thừa nhận do không hiểu phong tục và lịch sử nước ta, ông cứ "tưởng đem đến cho một dân tộc dã man những ân huệ của một nền văn minh cao cả" nhưng rồi đâu đâu ông cũng thấy người Việt Nam "cần cù không mệt mỏi", xã hội Việt Nam "có cơ sở tổ chức đáng khen", "trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên", vào "đền chùa, được đọc những câu châm ngôn làm vẻ vang cho nhân loại". Còn ông Đờ Phuốc-vin thực dân thì viết rằng : Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý Nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn thành và hòa hợp với nhau, trải qua bao thế kỷ đã được điều hòa và nay càng hoàn hảo thêm. (...). Dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải ; ghét xa hoa, không hám tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh ; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, lưu lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp. Hiện nay, đó cũng là bản tính của người Việt Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo lý ấy một cách thành kính ; người Việt Nam bình thường bắt gặp ở bất cứ đâu cũng đều như vậy cả...

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 như một kỳ tích dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Chiến thắng Điện Biên chấn động địa cầu. Chủ tịch Hồ Chí Minh được thế giới công nhận là "anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới" và gần đây còn được coi là "một trong những lãnh tụ lớn nhất của thế kỷ XX".

Biết bao lời tốt đẹp của các nhà chính trị, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà khoa học lớn trên thế giới đã dành cho Việt Nam chống Mỹ, cứu nước : Việt Nam là "dân tộc của các hiệp sĩ" (như lời của Pi-cát-xô), là "nguồn hy vọng của nhân dân bị áp bức" (B. Rút-xen), là "hình ảnh của niềm tin, tượng trưng cho bất khuất, sự tổng hợp của đạo đức loài người, một bài học, một tấm gương" (Thư nhân dân Pháp), là "một dân tộc chiến đấu vì mình và vì cả loài người" (R. Roa), là "quả tim của thế giới" (X. Lít-man), là "phẩm giá con người" (E. Tri-ô-lê), là "dòng chữ vàng chói lọi trong lịch sử loài người" (Hội Cựu chiến binh Liên Xô). Bạn bè xác nhận "Việt Nam mang gánh nặng cho cả thế giới" (G.P. Vi-gi-ê) nhưng "đã làm cho thế giới phải xem xét lại mọi quan điểm đã có từ trước"

Digitized by Google

(G. Sê-nô) ; họ nêu cao nghĩa vụ đối với Việt Nam chống Mỹ : "Một phần, một nửa, hoặc tất cả cho Việt Nam" (Ph. Ca-xtơ-rô). Và đối phương trên bàn thương lượng cũng phải thừa nhận Việt Nam "anh hùng", "chính các ông là những người cuối cùng sẽ hoàn thành tương lai của Việt Nam" (H. Kít-sinh-gơ khi bắt đầu họp bí mật với "Bắc Việt Nam" ở Pa-ri).

Những năm sau chiến thắng và thống nhất nước nhà, có lúc chúng ta đã lâm vào khủng hoảng kéo dài trong khi chủ nghĩa xã hội trên thế giới đi vào thoái trào, tan rã từng mảng lớn. Bấy giờ, thu nhập quốc dân bình quân đầu người Việt Nam đứng nguyên tại chỗ (98 USD năm 1975 và 99 USD năm 1982). Vậy mà, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, dựa vào dân, vì dân, sáng tạo trong thực tiễn, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chúng ta đã *đổi mới thắng lợi*, đạt được những thành tựu quan trọng, làm thay đổi hẳn bộ mặt đất nước và nâng cao mức sống của nhân dân (GDP tăng 6 - 7%/ năm, bình quân đầu người đã là 400 USD và trong kế hoạch 10 năm tới lại sẽ là gấp đôi). Một năm sau vụ 11-9-2001 ở Mỹ, kinh tế thế giới chao đảo, GDP Việt Nam vẫn tăng 7%, chỉ đứng sau Trung Quốc...

Ngày nay, Việt nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Đối tác, bạn bè Việt Nam ca ngợi công nhân, cán bộ, chuyên gia Việt Nam tiếp thu kỹ thuật tiên tiến nhanh và sáng tạo. Cũng đã xuất hiện những nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam thành đạt trong nước và ở nước ngoài, những trí thức Việt Nam hay gốc Việt Nam trong một vài ngành khoa học mũi nhọn của thế giới, v.v..

Không được phép tự ru ngủ mình và thực tế cũng luôn cảnh tỉnh. Đảng và Nhà nước ta đã chỉ ra, bên cạnh những thành tựu, có cả những sai lầm, khuyết điểm, nhược điểm, khó khăn, thách thức và nguy cơ. Dù có tiềm năng trí tuệ lớn, nước ta vẫn còn là một nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp. Con đường phía trước lắm gian nan, cần đủ tự tin và sáng tạo, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, sánh vai góp mặt với đời. Kinh tế đã vậy, văn hóa cũng vậy, cũng phải vươn tới, hiện đại hóa trên cơ sở trân trọng giữ gìn và phát huy bản sắc Việt Nam, "mình đã hưởng cái hay của người thì mình cũng phải có cái hay cho người ta hưởng", "mình đừng chịu vay mà không trả", như Bác Hồ đã dặn.

Cốt cách, khí phách con người Việt Nam, lòng tự hào dân tộc Việt Nam trong lịch sử đã làm nên bao kỳ tích trên đất nước "vốn xưng nền văn hiến đã lâu (...), mạnh yếu tuy có lúc khác nhau song hào kiệt đời nào cũng có".

Cốt cách, khí phách con người Việt Nam, lòng tự hào dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá của hơn 80 triệu người Việt Nam ngày nay, là *nguồn vốn vô tận nếu biết giữ gìn, bồi dưỡng, phát huy*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, nó phải được động viên và tổ chức thành sức mạnh vật chất phi thường, như mới cách đây không lâu "cả bốn nghìn năm cùng ta ra trận", để "ta vẫn là ta" mà rạng rỡ trong vận hội mới, hội nhập khu vực và toàn cầu. ❑

Digitized by Google

Thành phố HỒ CHÍ MINH vững bước tới tương lai

NGUYỄN KIẾN PHƯỚC*


Trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

NGHỊ quyết số 01-NQ/TW, ngày 14-9-1982, của Bộ Chính trị đối với Thành phố Hồ Chí Minh đến hôm nay đã trải qua tròn 20 năm. Nhân dịp này, để nhìn lại kết quả thực hiện Nghị quyết, Bộ Chính trị đã trực tiếp làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ; và ngày 18-11-2002, đã ra Nghị quyết số 20-NQ/TW *"Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố đến năm 2010"*. Đây là một văn kiện có ý nghĩa rất quan trọng, đánh giá toàn diện những thành tựu cũng như những tồn tại yếu kém, phân tích sâu sắc nguyên nhân thành công và chưa thành công, chỉ ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho quá trình phát triển sắp tới. Nghị quyết đã định hướng, định tính và định lượng cho sự phát triển của Thành phố trong thập kỷ đầu của thế kỷ mới, phấn đấu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực phía Nam và cả nước.

Những giá trị lớn từ Thành phố

Hai mươi năm thực hiện NQ 01 của Bộ Chính trị, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có những thành tựu mang những giá trị vật chất to lớn, đóng góp hết sức có ý nghĩa làm tăng thế và lực của cả

* Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân

Digitized by Google

nước. Mặt khác, có những thành tựu có giá trị không thể đo lường bằng những công cụ thông thường mà vượt lên mọi con số, thể hiện bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là những giá trị nhân văn những giá trị mà các chế độ xã hội trước không thể giải quyết nổi.

Hai mươi năm cuối thế kỷ trước, thế giới chứng kiến những cơn chấn động lớn, những diễn biến phức tạp của thời cuộc. Đảng ta nhận trên vai sứ mệnh lịch sử, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đầy gian lao và thách thức. Trước tình hình đó, Thành phố Hồ Chí Minh luôn giữ vững ổn định chính trị, xã hội, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chung của đất nước, vào việc bảo vệ và khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Giá trị của thành tựu này không thể cân đong đo đếm được. Lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội thiết tha và niềm tin tuyệt đối của nhân dân Thành phố vào sự lãnh đạo của Đảng đã trở thành một động lực đổi mới. Kẻ thù tưởng đã hí hửng chờ mong những cuộc bạo loạn, lật đổ, những cuộc nổi dậy nơi này nơi khác dưới mọi chiêu bài giả nhân giả nghĩa chống lại chế độ mới, nhưng chúng đã vỡ mộng. Không phải ngẫu nhiên, Đảng ta đã đánh giá đây là thành tựu lớn đầu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh trong hai thập kỷ đầu bước vào quản lý, xây dựng thành phố mới xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ và cũng chưa có mấy kinh nghiệm.

Đi liền với thành tựu giữ vững ổn định chính trị, 20 năm qua, phát huy những lợi thế về kinh tế, về thực tiễn phát triển nền sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường, Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo ra những cơ sở vật chất - kỹ thuật mới rất quan trọng, đóng góp ngày càng lớn về thế và lực cho đất nước trên con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thành phố duy trì được nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục. GDP trên địa bàn năm 2000 tăng 2,8 lần so với năm 1990. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong GDP so với cả nước tăng lên ; thu hút khoảng 30% vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 40% kim ngạch xuất khẩu và hơn 30% nguồn thu ngân sách nhà nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giá trị khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 98% GDP. Và do đó, mỗi 1% GDP tăng hay giảm của Thành phố đều là niềm vui hoặc nỗi lo lắng của Trung ương và cả nước.

Thành tựu quan trọng thứ ba là, trong khi giữ vững nhịp độ phát triển, mở rộng quy mô nền kinh tế xây dựng "cái cốt vật chất của CNXH", Đảng bộ và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội. Trong bộn bề khó khăn, thành phố đã khởi xướng những phong trào xã hội mang tính nhân văn sâu sắc, và về sau trở thành những chương trình quốc gia có sức lan tỏa rộng lớn, như phong trào xóa đói giảm nghèo, phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo bị mù, phong trào tương thân tương ái cứu trợ đồng bào bị thiên tai, v.v..

Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị phân tích nguyên nhân thành công và nêu rõ : Đó là do Đảng bộ và chính quyền Thành phố đã nỗ lực phấn đấu, vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của Thành phố ; giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân thành phố đã phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng, lao động cần cù, năng động, sáng tạo, nêu cao phẩm chất, ý chí của người Việt Nam trong giai đoạn mới ; có sự lãnh đạo của

Digitized by Google

Trung ương Đảng (Bộ Chính trị, Ban Bí thư), sự chỉ đạo của Chính phủ, sự ủng hộ và giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, các địa phương và nhân dân cả nước.

Trong khi trân trọng đánh giá những thành tựu suốt 20 năm qua, Nghị quyết của Bộ Chính trị cũng đã phân tích và chỉ ra một số mặt yếu kém.

Về kinh tế, tuy có tốc độ tăng trưởng khá cao, nhưng chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tiềm năng và lợi thế của Thành phố. Điều đó thể hiện qua các mặt : kinh tế phát triển chưa vững chắc, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao. Các ngành công nghiệp mũi nhọn có hàm lượng khoa học công nghệ cao và các dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, chuyển giao công nghệ... chưa phát triển. Thành phố chưa thể hiện rõ vai trò trung tâm thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho cả khu vực phía Nam. Nhiều doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, kinh tế tập thể non yếu ; công tác xây dựng quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch không gian đô thị đều yếu kém ; quản lý nhà nước nhiều sơ hở, nhiều tiêu cực. Kết cấu hạ tầng đô thị chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

Về đời sống văn hóa, chưa phát triển mạnh các lĩnh vực văn hóa ; quản lý văn hóa nói chung còn lỏng lẻo ; tuy có nhiều tiến bộ trong chương trình "ba giảm", nhưng tội phạm vẫn nghiêm trọng, phức tạp, nhất là tội phạm có tổ chức ; an ninh chính trị được giữ vững, nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định không thể xem thường. Nghị quyết của Bộ Chính trị nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng còn chưa theo kịp yêu cầu thời kỳ phát triển mới. Trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức đều có những yếu kém, bất cập, ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Đảng và lòng tin của nhân dân.

Nhìn thẳng và đi tới tương lai

Với vị thế là một trong những đô thị lớn nhất nước ta, một trung tâm lớn về kinh tế văn hóa, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu quốc tế, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, vì thế, Đảng, nhân dân ta kỳ vọng và đòi hỏi rất cao đối với Thành phố Hồ Chí Minh. Đây vừa là một vinh dự to lớn, vừa là trách nhiệm rất nặng nề của Thành phố mang tên Bác Hồ với tinh thần "cùng cả nước, vì cả nước". Trước yêu cầu đó, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo để đi đầu cả nước về thực hiện CNH, HĐH ; đi đầu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển kinh tế, trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế với thế giới. Trước yêu cầu đó, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phấn đấu trở thành một thành phố, văn minh hiện đại, đóng góp ngày càng lớn cho cả nước từng bước trở thành một trung tâm công nghiệp, dịch vụ khoa học - công nghệ ở khu vực Đông Nam Á.

Để Nghị quyết số 20-NQ/TW của Bộ Chính trị biến thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, tháng 12-2002, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng chương trình hành động, xác định 7 nhiệm vụ trọng tâm để phát triển Thành phố đến năm 2010 như sau :

1. Bảo đảm sự vững vàng về chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở Thành phố trong mọi tình huống, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định khu vực và cả nước.

2. Khai thác phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao ;

Digitized by Google

huy động và sử dụng tốt các nguồn lực, các thành phần kinh tế nhằm phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với vị trí và đặc điểm của Thành phố.

3. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển, đặc biệt quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng (đường vành đai, đường xuyên tâm, phát triển vận tải công cộng, chuẩn bị đề án xây dựng xe điện ngầm, đường sắt trên cao, cải tạo nâng cấp mạng lưới điện, thông tin liên lạc, công viên, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, v.v..).

4. Chăm lo phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nhanh chóng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đào tạo nhân tài cho Thành phố và cho đất nước ; tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân có điều kiện học tập. Mở rộng, nâng cấp mạng lưới y tế tới tận cơ sở, xây dựng các bệnh viện ngang tầm các nước trong khu vực ; nâng cao tinh thần phục vụ của cán bộ, nhân viên để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh của nhân dân Thành phố và các địa phương trong khu vực. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng rộng khắp ; nâng cấp các cơ sở luyện tập, phát triển các môn thể thao có thành tích cao, nhất là các môn có truyền thống, có ưu thế.

5. Phát triển, nâng cao chất lượng và quản lý tốt các hoạt động văn hóa quần chúng, xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư, các sinh hoạt vui chơi, giải trí lành mạnh, quan tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người lao động thu nhập thấp ; đầu tư phát triển các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp trình độ cao ; phát triển đi đôi với chỉ đạo và quản lý chặt chẽ các hoạt động phát thanh, truyền hình, In-te-net, báo chí, xuất bản... Thực hiện tốt các chính sách với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng ; quan tâm chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, những người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội... ; giải quyết có hiệu quả việc làm cho người lao động, nhất là việc làm cho thanh niên. Kiên quyết đấu tranh giải quyết căn bản các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm,... tạo lập môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tiên tiến, mang đậm bản sắc và truyền thống dân tộc, xây dựng lối sống thanh lịch, hiện đại tôn trọng pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trên địa bàn Thành phố.

6. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh ; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội thành phố trong mọi tình huống. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị (khóa VIII) *"Về chiến lược an ninh quốc gia"* ; Nghị quyết 09/CP của Chính phủ và các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm, AIDS ; làm tốt công tác vận động nhân dân ; thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, giải quyết kịp thời các khiếu kiện của nhân dân ; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền tảng chính trị vững chắc cho củng cố quốc phòng, an ninh.

7. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, và hiệu quả của cả hệ thống chính trị. Làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Thành phố trong thời kỳ mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của

Digitized by Google

các cấp chính quyền ; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm ; thực hiện phân cấp quản lý ; đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Chương trình hành động nêu lên bốn nhóm giải pháp, bảo đảm tính đồng bộ trong thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Chính trị đề ra.

Nhóm giải pháp thứ nhất là khai thác tối đa các tiềm năng để chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, bao gồm các nội dung : quy hoạch lại các ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên đầu tư các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, như : cơ khí chế tạo, điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin, sinh học, công nghệ vật liệu mới, sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghệ chế biến các sản phẩm nông nghiệp ; phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, phát triển và quản lý tốt các loại thị trường hàng hóa, tài chính, bất động sản, thị trường khoa học công nghệ ; phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái ; hoàn thành việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị 3 của Trung ương *"Về tổ chức, sắp xếp lại cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước"* vào năm 2005 ; tích cực khai thác quỹ đất, nhà ở, mặt bằng, vốn FDI, vốn ODA để đầu tư phát triển...

Nhóm giải pháp thứ hai là thực hiện quy hoạch tổng mặt bằng, bảo đảm phát triển đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng và giao thông đô thị, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý đô thị. Tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, trong quá trình phát triển Thành phố Hồ Chí Minh vừa phải đảm bảo nhịp độ tăng trưởng nền kinh tế, vừa kịp thời điều chỉnh quy hoạch không gian đô thị, khắc phục một loạt hiện tượng quá tải : ùn tắc giao thông, ngập nước, xử lý môi trường...

Tinh thần cơ bản là vừa chỉnh trang, nâng cấp đô thị, đồng thời xúc tiến xây dựng nhanh các đô thị vệ tinh mới hiện đại, văn minh trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng theo hướng mở rộng không gian gắn với địa bàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, kết nối hạ tầng đô thị của thành phố với cả vùng một cách đồng bộ ; xây dựng kế hoạch di dời hệ thống cảng biển và các cơ sở sửa chữa tàu ra ngoại thành...

Nhóm giải pháp thứ ba là thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhóm giải pháp thứ tư là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý đô thị.

Từ những bài học kinh nghiệm trong 20 năm thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị, giờ đây với thế và lực mới, được NQ 20 của Bộ Chính trị soi sáng, Thành phố lại được phân cấp mạnh mẽ hơn theo Nghị định 93 của Chính phủ, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, với sự cổ vũ và đóng góp to lớn của các ngành, các địa phương cả nước, phát huy cao độ nội lực, tiềm năng và lợi thế so sánh, với tinh thần đồng tâm nhất trí trong tư duy và hành động, có cơ sở để tin rằng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục tỏ rõ nghị lực sáng tạo to lớn, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xứng đáng với tên gọi thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở THANH HÓA

TRỊNH TRỌNG QUYỀN

(Phỏng vấn đồng chí Trịnh Trọng Quyền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa)

Phóng viên : *Thưa đồng chí, Thanh Hóa là tỉnh có rừng, có biển, có đồng bằng, có thành phố, có hệ thống giao thông tương đối đầy đủ... Vậy thế mạnh của tỉnh là gì ?*

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền : Với số dân hơn 3,6 triệu người, lực lượng lao động chiếm 42%, số lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ tương đối cao, phần lớn có học vấn phổ thông trung học, Thanh Hóa có nguồn nhân lực quan trọng cho địa phương trong quá trình phát triển. Bên cạnh hệ thống trường phổ thông rộng khắp, trường Đại học Hồng Đức và các trường chuyên nghiệp, dạy nghề là những cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Thanh Hóa có lực lượng tương đối lớn con em đang sinh sống và công tác xa quê, trong đó nhiều người có tri thức chuyên môn cao, là nguồn chất xám quan trọng để góp phần phát triển quê hương.

Thanh Hóa có quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam chạy suốt vùng đồng bằng, đường Hồ Chí Minh chạy dọc vùng trung du, có quốc lộ 15A nối với các tỉnh Tây Bắc, quốc lộ 217 thông với nước bạn Lào, quốc lộ 45, 47 nối miền xuôi với miền núi. Ven biển có quốc lộ 10 nối với các tỉnh duyên hải Bắc Bộ. Có cảng biển nước sâu Nghi Sơn trong tương lai sẽ trở thành một trong những cửa ngõ quan trọng thông thương với các tỉnh trong nước, với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Với ba vùng sinh thái : vùng biển và ven biển, vùng đồng bằng, vùng trung du - miền núi, tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển đa dạng các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Vùng đồng bằng, ven biển chiếm gần 27% diện tích tự nhiên, đất tốt, thích hợp cho gieo trồng 3 vụ cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày, trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy hải sản. Bờ biển dài 102 km, có 5 cửa lạch chính, 8 000 héc-ta bãi triều, vùng lãnh hải rộng 1,7 vạn km^2, trữ lượng hải sản lớn, trong đó có nhiều hải sản quý hiếm để xuất khẩu. Vùng trung du - miền núi chiếm trên 73% diện tích tự nhiên, thích hợp cho phát triển kinh tế rừng, với các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây lấy gỗ, cây đặc sản,

Digitized by Google

nguyên liệu giấy có trữ lượng khoảng 15 triệu m^3 gỗ, 173 triệu cây luồng.

Thanh Hóa có hệ thống sông lớn : sông Hoạt, sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Bạng được phân bố đều khắp, với tổng lượng nước mặt 19,5 tỉ m^3, trữ lượng nước ngầm 400 000 m^3/ngày, là nguồn nước cơ bản phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Khoáng sản có 250 điểm và mỏ quặng với 42 loại khác nhau. Nổi bật là nguyên liệu đá vôi, đất sét cho sản xuất 8 - 10 triệu tấn xi-măng/năm ; quặng crô-mít, séc-pen-tin, đô-lô-mít,... vào loại nhiều nhất toàn quốc, rất triển vọng cho phát triển các ngành hóa chất, phân bón, gạch chịu lửa, gạch men ốp lát,... ; vàng, đá quý cũng có tiềm năng lớn.

Thanh Hóa là tỉnh có truyền thống văn hiến lâu đời, có nền văn hóa Đông Sơn đã đi vào sử sách ; nơi sinh ra nhiều danh nhân, anh hùng dân tộc như : Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi, Lê Văn Hưu, Đào Duy Từ,... ; để lại nhiều dấu ấn và di tích lịch sử : núi Đọ, đền Bà Triệu, Lam Kinh, thành Nhà Hồ, Hàm Rồng - Nam Ngạn. Thanh Hóa có nhiều danh lam thắng cảnh kỳ thú như : bãi tắm Sầm Sơn, động Từ Thức, vườn quốc gia Bến En, hang cá Cẩm Lương, vườn chim Tiến Nông... Đó chính là tiềm năng du lịch quý giá.

Phóng viên : *Đề nghị đồng chí cho biết, trong những năm đổi mới, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hóa có gì nổi bật ?*

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền : Thanh Hóa đã có Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xác định rõ định hướng, mục tiêu phát triển và nhiệm vụ chủ yếu cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực. Trên cơ sở quy hoạch ấy, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết phấn đấu, phát huy tiềm năng, lợi thế, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp qua các nhiệm kỳ đạt nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, tốc độ 7,3%/năm ; năm 2001 đạt 8,1%, năm 2002 đạt 9,25%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực : tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP năm 1990 chiếm 52%, năm 2002 giảm xuống còn 37% ; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng từ 18,6% lên 29,8% ; dịch vụ, thương mại từ 29,4% tăng lên 33,2%. GDP bình quân đầu người đạt 342 USD (tăng 170 USD so với năm 1991). Tổng sản phẩm trong tỉnh tăng hơn 2 lần năm 1990.

Để thu hút đối tác nước ngoài và nhiều doanh nghiệp trong nước đầu tư vào sản xuất xi-măng, mía đường, giày dép, gạch cơ-ra-míc, quạt điện, thủy sản, chế biến tinh bột ngô, phân bón..., tỉnh đã tập trung xây dựng được 4 khu kinh tế động lực : Thành phố Thanh Hóa - Sầm Sơn, Nghi Sơn, Mục Sơn - Lam Sơn, Bỉm Sơn - Thạch Thành. Đồng thời, đang triển khai Dự án liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy sản xuất giấy và bột giấy Châu Lộc.

Thành tựu nổi bật của sản xuất nông nghiệp của tỉnh là tập trung đầu tư cho thủy lợi, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, đưa vụ

Digitized by Google

đông trở thành vụ sản xuất chính, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi... có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất. Vì vậy năng suất, sản lượng lương thực hằng năm đều tăng, từ năm 1997 đến nay liên tục đạt trên 1 triệu tấn (năm 2002 đạt 1,408 triệu tấn). Đây là thành tựu có ý nghĩa quan trọng. Từ một tỉnh thiếu lương thực, hằng năm phải xin Nhà nước hỗ trợ, nay không những đủ lương thực cho cả tỉnh mà còn có một phần lương thực hàng hóa.

Thanh Hóa đã tiến hành quy hoạch và hình thành được các vùng cây công nghiệp tập trung, chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến. Điển hình là gần 30 000 héc-ta mía đáp ứng nguyên liệu cho 3 nhà máy đường, công suất 14 ngàn tấn mía/ngày ; hơn 7 000 héc-ta sắn phục vụ cho 2 nhà máy chế biến tinh bột sắn ; hơn 100 000 héc-ta luồng, nứa, tre cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy và bột giấy, v.v.. Nhờ đó, tiềm năng của trung du - miền núi đang từng bước được khai thác và đã giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động, xây dựng được quan hệ gắn bó giữa công nhân với nông dân và đội ngũ trí thức, gắn nông nghiệp với công nghiệp, tạo cơ sở thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Công nghiệp giữ được nhịp độ tăng giá trị sản xuất 16%/năm trở lên, nhiều cơ sở công nghiệp được sắp xếp, củng cố lại đã đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng được sản xuất kinh doanh ; một số cơ sở sản xuất công nghiệp mới được đầu tư xây dựng đã tạo ra được năng lực sản xuất mới như : Nhà máy xi-măng Nghi Sơn, các nhà máy đường, bao bì, gạch cơ-ra-míc, chế biến hải sản xuất khẩu,...

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển đa dạng ở tất cả các thành phần kinh tế và khắp các vùng miền trong tỉnh, đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của sản xuất và đời sống của nhân dân.

Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được tăng cường. Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh được chú trọng phát triển : các trục giao thông chính được nâng cấp ; hầu hết các cầu qua sông lớn được xây dựng ; giao thông nông thôn được cấp phối và rải nhựa. Hệ thống thủy lợi Sông Chu, Cẩm Thủy, Bắc - Nam sông Mã,... được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới ; việc bê tông hóa kênh mương cơ bản hoàn thành. Hệ thống điện lưới được xây dựng đến 27/27 huyện, thị, thành phố ; 90,35% số xã có điện, 86,7% số hộ được dùng điện. Hệ thống bưu chính - viễn thông được đầu tư phát triển đến hầu hết các xã, đạt 2,2 máy/100 dân. Cơ sở vật chất của các ngành : giáo dục, y tế, văn hóa, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao... được tăng cường đáng kể.

Từ cơ chế quản lý theo kế hoạch hóa tập trung, Thanh Hóa đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; kinh tế chuyển dần từ thuần nông, tự cấp tự túc, đơn thành phần sang phát triển đa dạng, đa thành phần theo hướng sản xuất hàng hóa và hướng ra xuất khẩu. Quan hệ sản xuất được chăm lo xây dựng, củng cố : các doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp

Digitized by Google

lại, gần 40 doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa đã kinh doanh có lãi và thu hút thêm lao động. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, giá trị sản phẩm chiếm tỷ trọng gần 23,9% giá trị sản phẩm công nghiệp của tỉnh. Kinh tế hợp tác được đổi mới phát triển đa dạng (có trên 500 hợp tác xã) ; kinh tế hộ, kinh tế trang trại, vườn đồi phát triển (có gần 1 900 trang trại) ; kinh tế tư nhân phát triển khá.

Văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ, 100% số huyện, thị, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ ; 360/633 xã, phường đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Số lao động qua đào tạo chiếm 21,3%. Hằng năm giải quyết thêm việc làm cho trên 35 000 người.

Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ; không để xảy ra điểm nóng. Quyền làm chủ của dân ngày càng được phát huy ; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, củng cố. Đảng bộ đoàn kết thống nhất, vững vàng về chính trị, tư tưởng ; cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chấp hành nghiêm túc, đạt kết quả bước đầu quan trọng.

Với những thành tựu đã đạt được, thế và lực của tỉnh đã phát triển lớn lên nhiều so với trước ; những nhân tố mới, mô hình mới trong phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới được thể hiện ở nhiều lĩnh vực, tạo ra những tiền đề quan trọng để Thanh Hóa tiến bước nhanh hơn trong thời gian tới.

Phóng viên : *Thưa đồng chí, quá trình phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua có gì thuận lợi và khó khăn ? Làm thế nào để đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phát huy hiệu quả kinh tế của các khu công nghiệp ?*

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền : Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thanh Hóa lần thứ XV đã xác định : Thời kỳ 2001 - 2005 là thời kỳ phát triển tăng tốc toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tích cực, chủ động hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, phấn đấu đến năm 2005, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra, tạo tiền đề cho bước tiến vững chắc ở giai đoạn tiếp theo để đến năm 2020 Thanh Hóa trở thành một tỉnh công nghiệp.

Để đạt được mục tiêu đó, tỉnh xác định phải dựa vào công nghiệp và dịch vụ, vì nông nghiệp dù đã phấn đấu rất cao, cũng chỉ đạt mức tăng trưởng 5%/năm, trong khi tốc độ tăng (GDP) công nghiệp - xây dựng và dịch vụ như mục tiêu đề ra là 16,1%/năm và 8,6%/năm trở lên. Nếu đạt được tốc độ đó thì (GDP) tăng trưởng hằng năm của tỉnh với mức 10% trở lên là có thể thực hiện được. Với nhận thức ấy, tỉnh đã có nhiều cơ chế, chính sách phát huy nội lực, thu hút ngoại lực cho đầu tư phát triển. Đến nay, tỉnh có các khu công nghiệp như :

- Khu công nghiệp Lễ Môn có diện tích 200 héc-ta, đang từng bước được hoàn thiện ; đã có 21 dự án đăng ký thuê đất, chiếm 76% diện tích đất trong khu công nghiệp. Một số nhà máy đã đi vào hoạt động như : giày thể thao xuất khẩu, gạch cơ-ra-mic, chế biến hải sản, lắp ráp quạt

Digitized by Google

điện. Tỉnh đang triển khai xây dựng Nhà máy phân NPK, tinh bột ngô xuất khẩu... và đặc biệt là sẽ xây dựng 1 trong 10 trung tâm dệt may lớn của cả nước, giải quyết việc làm cho gần 10 000 lao động.

- Khu công nghiệp Nghi Sơn (1 500 héc-ta) nằm trong Khu đô thị mới Nghi Sơn (9 700 héc-ta), được Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung đến năm 2020 (thuộc vùng kinh tế trọng điểm Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An) ; Nhà máy xi-măng công suất 2,3 triệu tấn/năm và cảng nước sâu đi vào hoạt động. Chính phủ đã phê duyệt báo cáo tiền khả thi dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất để phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, vật liệu xây dựng, cơ khí, dịch vụ cảng biển, chế biến hải sản, đóng, sửa tàu thuyền...

- Khu Công nghiệp Mục Sơn - Lam Sơn gồm nhà máy đường công suất 6 500 tấn mía cây/ngày, 1 nhà máy sản xuất cồn công nghiệp, 1 nhà máy sản xuất giấy đang hoạt động rất có hiệu quả. Các dự án sản xuất rượu xuất khẩu, sữa các loại và các sản phẩm từ sữa, quả và nước quả, thức ăn chăn nuôi, phân bón... đang được từng bước triển khai.

- Khu Công nghiệp Bỉm Sơn - Thạch Thành có Nhà máy xi-măng Bỉm Sơn (công suất 1,2 triệu tấn/năm, đang cải tạo nâng công suất lên 2,4 triệu tấn/năm). Liên doanh mía đường Việt Nam - Đài Loan và một số cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động đạt kết quả khả quan.

Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp, mặc dù, địa phương đã dồn sức cho xây dựng kết cấu hạ tầng, có cơ chế thông thoáng, chính sách ưu đãi nhưng sức hấp dẫn các nhà đầu tư còn thấp, tốc độ thực hiện vẫn chậm. Chính vì vậy, bên cạnh sự cố gắng vươn lên của tỉnh, cần có sự hỗ trợ nhiều hơn của Nhà nước, nhất là cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Phóng viên : *Đề nghị đồng chí cho biết, là tỉnh đất rộng, người đông, Thanh Hóa đã có chủ trương và giải pháp gì để tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo ; phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ?*

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền : Sau 15 năm đổi mới, Thanh Hóa đã có bước phát triển quan trọng, nhưng vẫn là một tỉnh kinh tế chậm phát triển, lao động thiếu việc làm, tỷ lệ hộ đói nghèo còn ở mức cao. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã quyết nghị 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm mà toàn tỉnh phải phấn đấu thực hiện. Trong đó, mục tiêu của chương trình giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo đến năm 2005 là : giải quyết việc làm cho 18,5 vạn lao động ; cơ bản xóa hết hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 13%.

Là một tỉnh kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao, số dân sống ở nông thôn còn chiếm 90% nên tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, là giải pháp quan trọng góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Vấn đề giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao

Digitized by Google

động, ổn định tình hình chính trị - xã hội, củng cố khối liên minh công - nông - trí thức là góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc đưa nhanh những thành tựu của khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, gắn với đổi mới cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi để hình thành các vùng chuyên canh, tập trung, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn, chất lượng cao, giá thành hợp lý, nhằm tăng nhanh giá trị thu nhập trên từng đơn vị diện tích. Tích cực tìm kiếm thị trường, hỗ trợ vốn, hướng dẫn kỹ thuật cho nhân dân phát triển chăn nuôi ; đặc biệt quan tâm xây dựng các dự án nuôi bò sữa và lợn nạc, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tham gia xuất khẩu, đưa chăn nuôi chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Kinh tế thủy sản của tỉnh là một thế mạnh. Tỉnh sẽ huy động mọi nguồn lực đầu tư đồng bộ để nuôi trồng thủy sản, trọng tâm là nuôi tôm, cá xuất khẩu. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện đánh bắt, nâng cao hiệu quả đánh bắt, nhất là đánh bắt xa bờ.

Củng cố, phát triển mạnh các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp hiện có, mở mang thêm nhiều ngành nghề mới, tập trung đầu tư phát triển các ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp hiện đang có thị trường và lợi thế, đặc biệt quan tâm phát triển nghề ở các địa phương thuần nông.

Đa dạng hóa các hình thức hợp tác, phát triển và đổi mới hoạt động hợp tác xã. Khuyến khích kinh tế hộ, kinh tế tư nhân, kinh tế trang trại liên doanh, liên kết với kinh tế nhà nước trong sản xuất kinh doanh ; xây dựng mối quan hệ gắn bó về kinh tế giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến và tiêu thụ.

Tỉnh thực hiện 7 chính sách hỗ trợ người nghèo là : chính sách tín dụng ưu đãi cho người nghèo ; chính sách hỗ trợ người nghèo khám chữa bệnh ; chính sách hỗ trợ người nghèo trong giáo dục ; chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào miền núi ; chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo ; chính sách an sinh xã hội, trợ giúp người yếu thế. Trong năm 2003, sẽ xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở ; tập trung giải quyết thoát nghèo cho 15 000 hộ trở lên.

Để sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công cần đào tạo, bồi dưỡng đủ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ công nghệ, quản lý doanh nghiệp giỏi và đông đảo công nhân kỹ thuật lành nghề. Các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở rà soát lại đội ngũ cán bộ để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Nhanh chóng hình thành quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, các ngành để chủ động giải quyết kịp thời yêu cầu bức xúc về nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội cả trước mắt và lâu dài.

Phóng viên : *Thưa đồng chí, trên địa bàn tỉnh sự chênh lệch giữa một vài huyện, xã miền núi so với các huyện, xã đồng bằng còn khá lớn về cơ sở hạ tầng, về thu*

Digitized by Google

nhập và đời sống. Vấn đề đặt ra, làm thế nào để thu hẹp khoảng cách này ?

Đồng chí Trịnh Trọng Quyền : Thanh Hóa, không phải là tỉnh miền núi, nhưng có tới 11 huyện, 220 xã miền núi, với diện tích trên 7 000 km² (chiếm 2/3 diện tích), dân số gần 1 triệu người, trong đó gần 60 vạn là đồng bào các dân tộc ít người. Hiện tại, tỉnh có 102 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn ; 14 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm, 21 xã khó có khả năng đưa được điện lưới quốc gia về xã ; vùng sâu, vùng cao - biên giới còn nhiều khó khăn do cơ sở hạ tầng còn yếu kém, dân trí còn thấp...

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Thanh Hóa xác định : Vấn đề mấu chốt là phải tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục - đào tạo để nâng nhanh trình độ dân trí, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi - dân tộc, nâng cao đời sống cho đồng bào.

Coi trọng đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi để vừa đảm bảo nước sinh hoạt cho đồng bào, vừa có đủ nước tưới ổn định cho diện tích lúa nước và diện tích cây màu hiện có. Chuyển giao kỹ thuật đưa các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao, hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho bà con sản xuất, phấn đấu đảm bảo đủ lương thực tại chỗ cho miền núi. Tập trung chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả việc phát triển kinh tế trang trại : trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm... ở trung du, miền núi.

Hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho nhân dân ; chuyển mạnh sang khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Khai thác các nguồn vốn đầu tư để đẩy mạnh trồng rừng mới, rừng kinh tế, gắn với phát triển vùng nguyên liệu giấy, gỗ... phục vụ cho yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến, bảo đảm cho người làm rừng có thu nhập chính từ nghề rừng.

Thực hiện tốt Chương trình 135 lồng ghép với các chương trình xây dựng trung tâm cụm xã ; định canh, định cư ; các dự án về văn hóa - thông tin, giáo dục - đào tạo, y tế, phát thanh - truyền hình ; các dự án về quốc phòng, an ninh, v.v.. Phát động phong trào làm giao thông nông thôn, làm thủy lợi nhỏ đến từng bản, làng trên cơ sở nhà nước hỗ trợ và huy động sức dân tham gia.

Cán bộ từ huyện, xã đến các thôn, bản hiện nay còn thiếu và yếu, do đó phải xây dựng quy hoạch, có kế hoạch đào tạo cán bộ các lĩnh vực để đảm bảo số lượng, cơ cấu, chất lượng. Phải có chính sách, khuyến khích cán bộ lên công tác ở miền núi. Đồng thời, tăng số lượng cử tuyển, tạo điều kiện cho nhiều con em các dân tộc được học đến bậc cao đẳng và đại học, tạo nguồn cán bộ lâu dài cho miền núi. Đây là một trong những giải pháp quan trọng để nhanh chóng thu hẹp khoảng cách giữa miền núi và đồng bằng.

Phóng viên : *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!* ❑

DOÃN ĐÌNH HUỀ
(thực hiện)

Digitized by Google

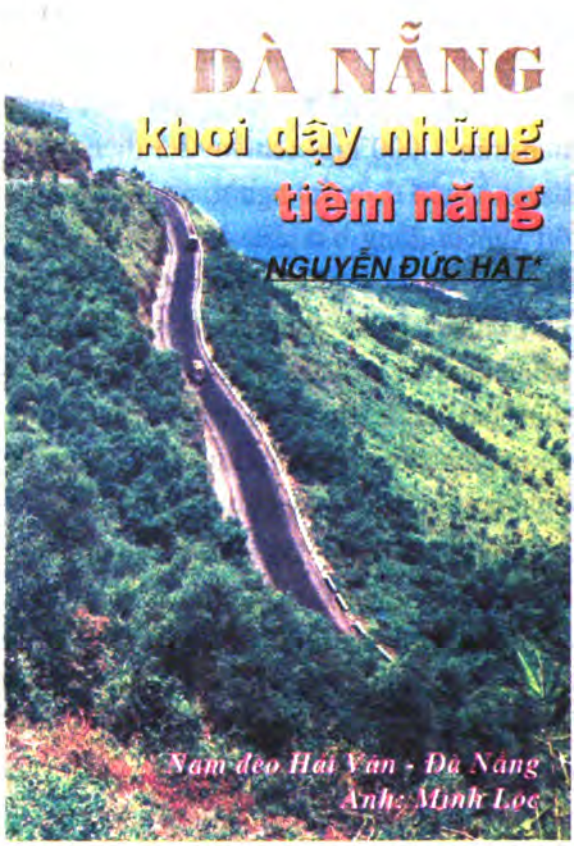
ĐÀ NẴNG khơi dậy những tiềm năng

NGUYỄN ĐỨC HẠT*

ĐÀ Nẵng nằm trong khu vực miền Trung của đất nước. Mùa hè khô hanh, nắng cháy da, xém thịt ; mùa mưa dông tố mịt mù, gây ngập lụt, đã từng cướp đi bao nhiêu thành quả lao động và sinh mạng của con người. Tuy vậy, Đà Nẵng lại là một trong những thành phố có nhiều tiềm năng để phát triển mọi mặt về kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch, an ninh, quốc phòng v.v...

Là một trọng điểm của vùng kinh tế miền Trung, Đà Nẵng liền kề với khu kinh tế mở Chu Lai và khu công nghiệp Dung Quất, với lợi thế cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, bến cảng, bệnh viện, trường học... tương đối tốt ; có cảng nước sâu tiếp nhận tàu vận tải và tàu du lịch cỡ lớn, có sân bay quốc tế, là đầu mối của đường xuyên Á, nối liền biển Đông nước ta với Lào, Thái Lan và các nước Đông Nam Á. Đà Nẵng lại nằm giữa quần thể di sản văn hóa thế giới gồm cố đô Huế, phố cổ Hội An và khu di tích Mỹ Sơn, nên càng có nhiều lợi thế so sánh và điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển công nghiệp, cảng biển, thương mại, dịch vụ, du lịch và nhiều ngành, nghề truyền thống... Con người Đà Nẵng thông minh, chất phác, cần cù lao động.

Trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là sau khi thành phố Đà Nẵng đi vào hoạt động theo cơ chế mới trực thuộc Trung ương (từ ngày 1-1-1997), sức sống mới, khí thế làm ăn mới của một thành phố lớn ở khu vực duyên hải miền Trung càng được khơi dậy. Đà Nẵng đã và đang nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, khắc phục khó khăn, khai thác mọi tiềm năng, tận dụng mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài để đưa thành phố phát triển lên một tầm cao mới.



Nam đèo Hải Vân - Đà Nẵng
Ảnh: Minh Lộc

Những năm qua, nhờ xác định đúng cơ cấu kinh tế là công nghiệp, du lịch, nông nghiệp và được Trung ương chỉ đạo, Đảng bộ, nhân dân thành phố đã đoàn kết một lòng, vượt qua khó khăn, phát huy tiềm năng, lợi thế nên đã đạt được bước phát triển khá và tương đối toàn diện. Trong 5 năm (1997 - 2002), tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 10,6%/năm, giá trị sản xuất công

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Đà Nẵng

Digitized by Google

nghiệp tăng 19,12%/năm, dịch vụ tăng 7,94%/năm, nông nghiệp tăng 5,38% năm, doanh thu ngành du lịch tăng 15,01%/ năm, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 17,16%/ năm (5 năm đạt 1101,6 triệu đô-la Mỹ). Năm 2001, thu nhập bình quân đầu người đạt 550 đô-la Mỹ. Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn thành phố ngày càng được đầu tư hiện đại, mật độ điện thoại cố định đạt 12,78 máy/100 dân. Kết quả đó là sự nỗ lực lớn của Đảng bộ, chính quyền thành phố trong việc khai thác các tiềm năng, lợi thế của Thành phố. Thực hiện phương châm *"phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt"*, những năm qua, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố vừa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế theo hướng toàn diện, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, xuất khẩu ; nâng cao sức cạnh tranh, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong vùng và xuất khẩu.

Trong chiến lược phát triển kinh tế, Đảng bộ chú trọng mở rộng các dự án khai thác tiềm năng, lợi thế về công nghiệp, du lịch, dịch vụ, cảng, kinh tế biển, phát huy tay nghề cao của đội ngũ công nhân lao động. Cụ thể hóa một bước những quan điểm đó, Thành ủy xác định các ngành dệt - may, da - giày, công nghiệp chế biến, cơ khí, điện tử, vật liệu xây dựng, du lịch, dịch vụ... là những ngành được ưu tiên đầu tư phát triển. Để tăng năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế, Đà Nẵng đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống gắn với nâng cấp, chỉnh trang đô thị theo hướng hiện đại, đồng bộ ; liên kết giữa các vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng không gian đô thị và khai thác các tiềm năng, thế mạnh, nhất là du lịch biển, núi. Mấy năm qua, thành phố Đà Nẵng là một công trường xây dựng lớn và sôi động ở khu vực miền Trung. Trong 5 năm (1997 - 2002), tổng số vốn đầu tư phát triển tăng 4,7 lần so với năm 1997 và chiếm tỷ trọng 58,3% tổng chi ngân sách. Hàng loạt công trình, dự án lớn như : cầu sông Hàn, khu đô thị mới Bạch Đằng Đông, các khu tái định cư, đường Phạm Văn Đồng, siêu thị Đà Nẵng, công viên nước và khu du lịch Bà Nà... đã được thực hiện. Bên cạnh những công trình do Nhà nước đầu tư, nhân dân thành phố còn tích cực hưởng ứng chủ trương *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"*, đã đóng góp hàng trăm tỉ đồng, hàng vạn ngày công để làm mới và nâng cấp đường giao thông, bê-tông hóa vỉa hè, ngõ, hẻm ; xây dựng mới trạm y tế, trường học.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ luôn chú trọng từ khâu quy hoạch, xây dựng các phương án, dự án, kế hoạch đến tổ chức chỉ đạo thực hiện, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội ; với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái và văn hóa.

Đà Nẵng và các tỉnh khu vực miền Trung vốn có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, lịch sử và truyền thống cách mạng. Vì vậy, Đảng bộ luôn đặt sự phát triển của Đà Nẵng trong sự phát triển chung của cả vùng ; nâng cao hiệu quả hợp tác với các tỉnh bạn trong khu vực, có chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư của các địa phương trong nước và nước ngoài. Hoạt động đối ngoại của Đà Nẵng có bước phát triển mới, quan hệ với hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, góp phần

Digitized by Google

quan trọng vào việc thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước nói chung ; nâng cao vị thế của Đà Nẵng nói riêng trong khu vực và trên thế giới. Đà Nẵng tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương để đầu tư phát triển sản xuất, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng. Kiên trì xây dựng, thực hiện những quy chế thật rõ ràng, những quan hệ thật cởi mở để khơi dậy khí thế mới, động viên mọi nhà đầu tư, mọi người dân yên tâm làm ăn, công tác tại địa phương. Các hoạt động tài chính, ngân hàng có nhiều cải cách theo hướng "cởi trói", tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư. Những thành tựu về phát triển kinh tế đã thật sự tạo tiền đề để Thành phố từng bước giải quyết tốt hơn những vấn đề xã hội. Thành phố Đà Nẵng đã mạnh dạn đề ra và quyết tâm thực hiện mục tiêu xây dựng thành phố **"5 không"** ("không có hộ đói", "không có người mù chữ", "không có người lang thang xin ăn"," không có người nghiện ma túy", "không có giết người để cướp của").

Đà Nẵng luôn chú trọng kết hợp đầu tư của Nhà nước với công tác xã hội hóa để bảo đảm đầu tư đúng đắn cho sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa và các lĩnh vực y tế, thể dục - thể thao, chăm sóc - bảo vệ bà mẹ và trẻ em. Nhờ đó, cơ sở vật chất kỹ thuật về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục - đào tạo cũng như sự nghiệp văn hóa xã hội. Hệ thống giáo dục - đào tạo của Đà Nẵng tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học với các loại hình công lập, bán công, dân lập và tư thục. Thành phố đã hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và là địa phương thứ hai sau Hà Nội được công nhận phổ cập trung học cơ sở. Đội ngũ trí thức của Đà Nẵng phát triển nhanh về số lượng và chất lượng với gần 29 000 người có trình độ cao đẳng, đại học ; hơn 700 người có trình độ trên đại học. Kết quả giáo dục - đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực đang tạo ra những tiền đề để Đà Nẵng cùng cả nước bước vào thời kỳ phát triển mới. Mạng lưới y tế của Đà Nẵng được xây dựng đến tận phường, xã, với 100% các trạm y tế xã, phường đều có y, bác sĩ, được trang bị phương tiện đủ so với tiêu chuẩn của Bộ Y tế và triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Ý thức được sự ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới ; nền tảng để duy trì ổn định chính trị - xã hội là tập trung phát triển kinh tế và từng bước nâng cao dần đời sống nhân dân, Đảng bộ thành phố chú trọng đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động, quan tâm vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ; thực hiện tốt việc đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống cho các đồng chí thương binh, gia đình liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công với cách mạng. Hằng năm, Đà Nẵng giải quyết việc làm mới cho hơn 16 000 lao động trong các thành phần kinh tế. Đến năm 2000, Đà Nẵng đã xóa hết hộ đói và năm 2001 giảm số hộ nghèo xuống còn 5,1% (theo chuẩn mới). Đời sống của các hộ chính sách có mức sống trung bình so với khu vực ; 253 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được phụng dưỡng với mức 300 000 đ/tháng.

Với phương châm ***"thiện chí và tỉnh táo"***, Đà Nẵng chủ trương tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho hoạt động kinh

Digitized by Google

tế - xã hội, đồng thời thường xuyên quan tâm củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Những chuyển biến tiến bộ và những kết quả đạt được trong hơn 5 năm qua của Đà Nẵng bắt nguồn từ việc vận dụng linh hoạt và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện của Đà Nẵng với quyết tâm cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thực hiện phương châm phát triển toàn diện, với tập trung vào những khâu đột phá ; khơi dậy và phát huy nội lực với sự đoàn kết nhất trí cao trong nội bộ Đảng, sự đồng thuận trong xã hội vì sự phát triển của thành phố ; biết tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương và các tỉnh bạn ; thực hiện tốt hơn Quy chế Dân chủ ở cơ sở đi đôi với kiên trì xây dựng và thực hiện những chính sách thật rõ ràng, cởi mở để động viên mọi người dân yên tâm đến lập nghiệp tại Đà Nẵng.

Những thành tựu đổi mới của Đà Nẵng trong 5 năm qua là kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố, đã và đang tạo ra thế và lực mới để Đà Nẵng tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển đó chỉ mới bước đầu, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Đà Nẵng. Muốn trở thành một trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của miền Trung, Đảng bộ và nhân dân Đà Nẵng tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu sau :

Thứ nhất, ***tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông - lâm - thủy sản***

Đà Nẵng ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp chế biến hải sản, dệt may, giày da, cơ khí, điện tử, hóa chất, vật liệu xây dựng... theo công nghệ hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là những sản phẩm có lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Phát triển công nghệ phần mềm trở thành mũi nhọn kinh tế của Đà Nẵng. Nhanh chóng xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và có cơ chế khuyến khích đầu tư tại các khu công nghiệp Liên Chiểu, Hòa Khánh, Đà Nẵng. Xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài để phát triển công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu có quy mô lớn. Phát triển các điểm công nghiệp dịch vụ nông thôn, các làng nghề truyền thống như đá, mỹ nghệ, dệt chiếu... Di chuyển các cơ sở công nghiệp ô nhiễm trong nội thành ra các khu công nghiệp hoặc nơi ngoại thành thích hợp.

Với hệ thống đường sắt, đường bộ, cảng biển, sân bay quốc tế, trung tâm bưu chính - viễn thông Đà Nẵng đủ tiền đề có thể trở thành đầu mối trung chuyển, quá cảnh, giao lưu hàng hóa dịch vụ miền Trung. Các hoạt động xuất, nhập khẩu, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, tiếp thị cần được tiếp tục đẩy mạnh. Phấn đấu tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 21,38%/năm trong cả giai đoạn 2002 - 2005, kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 584 triệu đô-la Mỹ, bình quân đầu người đạt 730 đô-la Mỹ/năm. Với vị trí địa lý thuận lợi, Đà Nẵng có thể thực hiện đa dạng hóa các loại hình du lịch : du lịch sinh thái, du lịch văn hóa truyền thống, du lịch quốc tế, du lịch nội địa, đưa du lịch lên vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của mình. Đà Nẵng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển, từng bước trở thành trung

Digitized by Google

tâm kinh tế biển mạnh của vùng. Ưu tiên xây dựng trung tâm nghề cá phát triển mạnh của cả nước, phát triển dịch vụ về cảng biển, công nghiệp cảng và chế biến hải sản. Đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước đô thị hóa một cách hợp lý các vùng nông thôn ngoại thành. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông - lâm - thủy sản, chú trọng phát triển vành đai thực phẩm rau xanh, các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu của nhân dân thành phố, khu công nghiệp và khu du lịch. Tích cực thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, gắn với công nghiệp chế biến, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp thuần túy, tăng dần các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ ngành nghề trong nông nghiệp. Hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi, dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi, ứng dụng tiến bộ sinh học và cung cấp điện, nước sạch. Xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thực hiện tốt việc chuyển đổi từ mô hình hợp tác xã kiểu cũ sang mô hình hợp tác xã kiểu mới. Bảo vệ, khôi phục rừng tự nhiên, phát triển trồng rừng trên đất trống đồi trọc, rừng cảnh quan ven biển theo phương thức kết hợp cây lâm nghiệp với cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu, v.v.. theo không gian nhiều tầng. Xây dựng và bảo tồn các khu rừng Sơn Trà, Bà Nà, Hải Vân, các khu di tích lịch sử... để phục vụ nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch.

Thứ hai, ***đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao hiệu quả các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế đối ngoại***

Cùng với Trung ương, Đà Nẵng đầu tư cho các công trình giao thông trọng điểm như quốc lộ 1A, 14B, đường hầm đèo Hải Vân, cảng nước sâu Tiên Sa, ga hàng không quốc tế Đà Nẵng. Thành phố tập trung cải tạo mạng lưới giao thông nội thành, nâng cấp các trục giao thông quan trọng, xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và khu chế xuất để thu hút các nhà đầu tư, chú trọng bảo đảm chất lượng, văn minh, hiện đại, đồng bộ. Bên cạnh đó, việc đối xử bình đẳng và hỗ trợ tích cực đối với mọi thành phần kinh tế cũng được Đà Nẵng quan tâm đúng mức ; tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và sức mạnh của kinh tế tập thể, nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác và hợp tác xã, kinh tế trang trại. Trong những năm qua, Đà Nẵng có bước tiến bộ trong hoạt động đối ngoại, có nhiều mối quan hệ hữu nghị, chương trình hợp tác song phương, đa phương. Để thu hút đầu tư nước ngoài, Đà Nẵng kịp thời giải quyết thỏa đáng những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư ; điều chỉnh giảm mức tiền thuê đất, thuê mặt nước ; cho doanh nghiệp hưởng ưu đãi về giảm, miễn thuế thu nhập v.v.. Trong thời gian tới, Đà Nẵng coi trọng xúc tiến các hoạt động đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt với các địa phương trong cả nước, khu vực và quốc tế ; thực hiện đầy đủ, vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh của Nhà nước đi đôi với nghiên cứu ban hành một số cơ chế chính sách có tính khuyến khích của địa phương nhằm khai thác mọi nguồn lực bên trong, bên ngoài vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của mình. Đà Nẵng mong muốn Trung ương ban hành chính sách có tính chất đặc thù của miền Trung theo hướng mở rộng sự

Digitized by Google

thông thoáng, tạo môi trường thuận lợi và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Thứ ba, *phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ và các vấn đề xã hội*

Đảng bộ và chính quyền thành phố Đà Nẵng thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục và đào tạo. Năm 2001, Đà Nẵng có 26/88 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, là một trong 4 tỉnh, thành phố có tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia cao nhất nước ta. Với dân số hơn 73 vạn người, Đà Nẵng có nguồn nhân lực dồi dào phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, Đà Nẵng chú trọng mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phấn đấu đạt chuẩn chất lượng khu vực và quốc tế ; bảo đảm tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 30 - 35% trên tổng số lao động có việc làm. Bằng nhiều phương thức tạo nguồn khác nhau, làm tốt nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài, tích cực đào tạo chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực, tôn vinh, đãi ngộ xứng đáng để thu hút trí thức và những người lao động có tay nghề cao. Trong khoa học, tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, công nghệ mới phục vụ cho quá trình hội nhập và kinh tế tri thức phát triển. Phát huy kết quả của công tác xóa đói, giảm nghèo trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền Đà Nẵng phấn đấu nâng cao mức sống cho nhân dân, bảo đảm đủ việc làm cho người lao động, đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể chất cho nhân dân. Tích cực ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thực hiện cho được mục tiêu *"5 không"* vào năm 2005.

Thứ tư, *đổi mới và nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng*

Thành ủy tập trung lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là tổ chức Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVIII bảo đảm đúng nguyên tắc, quy trình, yêu cầu của Chỉ thị 54 của Bộ chính trị. Đại hội XVIII thắng lợi đã góp phần củng cố sự nhất trí về tư tưởng chính trị và quyết tâm đổi mới của Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng. Thành ủy đã xây dựng Quy chế làm việc, thông qua Chương trình công tác toàn khóa và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Đại hội XVIII của Đảng bộ thành phố ; mở các lớp nghiên cứu và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Đại hội của Đảng ; tăng cường lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng để củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận của nhân dân. Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ còn một số vấn đề cần được chỉnh đốn. Đó là việc đấu tranh tự phê bình và phê bình còn chưa mạnh, có tình trạng nể nang, xuê xoa, ngại va chạm, chạy theo thành tích. Tính năng động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của một số tổ chức đảng và đảng viên chưa được phát huy tốt. Công tác đào tạo, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ còn hụt hẫng chưa đáp ứng yêu cầu, v.v.. Trong những năm tới, Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ; triển khai có hiệu quả các chương trình hành động của Thành ủy ; quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm và kế hoạch luân chuyển cán bộ trong thời kỳ mới. ❑

Digitized by Google

LẠNG SƠN tiếp tục đổi mới phát triển kinh tế - xã hội nông thôn



Lúa chín vàng ở vùng cao - Ảnh: Hải Trường

DƯƠNG CÔNG ĐÁ

(Phỏng vấn đồng chí Dương Công Đá, Bí thư Tỉnh uỷ Lạng Sơn)

Phóng viên : *Thưa đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, năm 1993, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa VII, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết, diện mạo kinh tế - xã hội nông thôn Lạng Sơn đã biến chuyển như thế nào ?*

Đồng chí Dương Công Đá : Là một tỉnh miền núi phía Đông Bắc của Tổ quốc, Lạng Sơn có trên 90% diện tích đất tự nhiên (hơn 7 200 km^2) là đất nông, lâm nghiệp, trong đó đất nông nghiệp chỉ chiếm 8,3%. Đó là đặc điểm tự nhiên cơ bản nhất của nông thôn Lạng Sơn. Cũng như phần lớn các địa phương khác, trên 80% dân số của tỉnh Lạng Sơn sinh sống ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Sau hơn 15 năm đổi mới, nhất là trong giai đoạn từ năm 1995 trở lại đây, giá trị sản xuất ngành nông - lâm nghiệp tăng bình quân 5,5%/năm. Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2001 đã đạt 235 nghìn tấn, vượt mục tiêu đề ra cho năm 2005, đảm bảo an ninh lương thực. Đây là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần giữ vững ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống còn 17,06%, hộ khá giàu năm sau tăng hơn năm trước. Tình trạng phá rừng làm nương rẫy được khắc phục, góp phần nâng độ che phủ của rừng lên 34,8% năm 2001.

Từ năm 1995 đến nay, mỗi năm, tỉnh Lạng Sơn đã đầu tư hàng trăm tỉ đồng cho lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và công tác khuyến nông, khuyến lâm, thực hiện chuyển giao khoa học, công nghệ mới cho người sản

Digitized by Google

xuất. Do vậy, 90% diện tích canh tác được gieo trồng bằng các loại giống mới, tạo ra năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được tăng cường, hệ thống thủy lợi đã đảm bảo nước tưới cho 73% diện tích lúa hai vụ. Đến hết năm 2001, đã có 77% xã có đường ô-tô đến trung tâm, đảm bảo giao thông thông suốt cả 4 mùa trong năm ; 152/226 xã, phường, thị trấn có trạm y tế. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ, ổn định tình hình chính trị, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, xây dựng đường biên giới hữu nghị.

Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, trình độ cán bộ cơ sở được nâng lên, số cán bộ trẻ ngày càng tăng, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đến nay, có 24% số cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn (bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch xã) có trình độ cao đẳng, đại học, trong đó 37,6% có trình độ trung cấp lý luận.

Phóng viên : *Trước yêu cầu đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, Lạng Sơn cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Vậy đồng chí cho biết đâu là khó khăn, thách thức riêng của Lạng Sơn ?*

Đồng chí Dương Công Đá : Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa IX, trong phần đánh giá tình hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn hơn 10 năm qua đã chỉ rõ những thành tựu và yếu kém. Đối với Lạng Sơn, những yếu kém đó thể hiện ở những nét đặc thù sau :

- Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã chuyển dịch đúng hướng, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Như các đồng chí đã biết, thế mạnh của Lạng Sơn là kinh tế đồi rừng. Tuy vậy, thế mạnh này vẫn chưa được khai thác có hiệu quả. Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp vẫn chưa được mở rộng, trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng cao. Ngoài việc hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, thì sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn vẫn chưa phát triển.

- Cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhiều xã vẫn chưa có điện lưới quốc gia, điện thoại, trường lớp, trạm y tế ở một số nơi chưa được kiên cố và cao tầng hóa. Cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại như chợ xã, chợ khu vực còn thiếu nhiều đã ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông hàng hóa và tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn gặp nhiều khó khăn.

- Quan hệ sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chậm đổi mới, hoạt động kém hiệu quả, chưa thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Số lượng hợp tác xã nông, lâm nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chưa nhiều, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực này.

Phóng viên : *Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa IX, "Về đẩy nhanh*

Digitized by Google

công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010", Tỉnh ủy Lạng Sơn đã xây dựng và thông qua Chương trình hành động cụ thể. Chắc rằng, các đồng chí cũng đã lựa chọn một số khâu đột phá ?

Đồng chí Dương Công Đá : Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5, khóa IX có thể coi là một trong những quyết sách quan trọng của Đảng hướng về cơ sở. Để sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã xây dựng một chương trình hành động vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài với một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

Trước hết, tập trung sức đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đảm bảo an ninh lương thực cho khu vực nông thôn. Là tỉnh miền núi, Lạng Sơn có diện tích trồng lúa rất hạn chế, không có điều kiện sản xuất lương thực hàng hóa, vì vậy đây không phải là hướng làm giàu của tỉnh. Tiềm năng thế mạnh của Lạng Sơn chính là phát triển kinh tế đồi rừng. Trọng tâm là phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung về cây ăn quả (hồng Bảo Lâm, quýt Bắc Sơn, na Chi Lăng), cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày có thế mạnh như : cây hồi, chè, cây thuốc lá sợi vàng ; cây nguyên liệu giấy ; phát triển đàn gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu...

Hai là, tăng cường huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn, thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" để xây dựng đường giao thông nông thôn, công trình thủy lợi, lưới điện, thông tin liên lạc, trường học, trạm y tế, chợ nông thôn. Phấn đấu đạt mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã đề ra : *đến 2005 có 80% số xã có đường ô-tô đi lại được cả bốn mùa trong năm ; 91% số xã có điện lưới quốc gia và trên 85% số hộ được dùng điện lưới ; 85% số xã có điện thoại ; đến năm 2010 hoàn thành việc đưa điện lưới quốc gia, điện thoại, đường giao thông nông thôn đến tất cả các xã.*

Ba là, đẩy mạnh phát triển thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tiêu thụ nông, lâm sản hàng hóa. Trước mắt, cần tập trung phát triển thị trường trong tỉnh ; đầu tư xây dựng hệ thống chợ nông thôn, các bến bãi để thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa nông thôn và thành thị. Tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ sản phẩm, nhất là một số sản phẩm đặc sản của địa phương như hoa hồi và các loại quả. Cùng với phát triển thương mại, tỉnh đã, đang và sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa cảnh quan, du lịch về nguồn gắn với các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

Bốn là, tập trung đầu tư để nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Trước hết là đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất giống mới, kỹ thuật thâm canh, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, ưu tiên cho công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm. Mở rộng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, ưu tiên cho công nghiệp chế biến và bảo

Digitized by Google

quản nông, lâm sản ; các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, vận tải và các dịch vụ phục vụ đời sống, đa dạng hóa ngành nghề ở từng địa bàn nông thôn, nhằm tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và từng bước vươn lên làm giàu.

Phóng viên : *Hiện nay, chúng ta đang nghiên cứu, tìm tòi trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn để xây dựng mô hình nông thôn mới, phù hợp với điều kiện đặc thù của nước ta. Ở Lạng Sơn, các đồng chí giải quyết vấn đề này như thế nào ?*

Đồng chí Dương Công Đá : Chúng tôi nhận thức rằng, xây dựng nông thôn mới chính là đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển lên một trình độ cao hơn, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn và thu hẹp dần khoảng cách giữa nông thôn với thành thị. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã chỉ đạo xây dựng mô hình xã điểm phát triển toàn diện. Trên cơ sở đó, từng bước tiến hành tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng. Tăng cường phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ; làm tốt công tác an ninh nông thôn, đảm bảo trật tự an toàn xã hội nhằm tạo sự ổn định để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lạng Sơn sẽ tiếp tục xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời quan tâm củng cố, xây dựng các hình thức kinh tế hợp tác, hợp tác xã để xác lập quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Phóng viên : *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là sự nghiệp mới mẻ, có nhiều khó khăn. Cán bộ là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định thành công của sự nghiệp đó. Xin đồng chí cho biết Tỉnh ủy Lạng Sơn đã giải quyết vấn đề cán bộ như thế nào ?*

Đồng chí Dương Công Đá : Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị ở nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, là nhân tố quan trọng, có tính quyết định trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Vì vậy, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ xã, trưởng thôn cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị. Đảm bảo đến năm 2005 có một đội ngũ cán bộ ở xã vừa trẻ, vừa có trình độ chuyên môn vững, có năng lực lãnh đạo và điều hành, đáp ứng yêu cầu ở từng cơ sở và vươn lên kịp yêu cầu phát triển chung của tỉnh và đất nước, chủ động thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Trước mắt, chúng tôi tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ ở từng cơ sở, thực hiện luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ cho cơ sở, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời, có chính sách khuyến khích để thu hút đội ngũ cán bộ có trình độ tham gia phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Phóng viên : *Xin cám ơn đồng chí !* ❑

NGUYỄN VŨ CÂN
(thực hiện)

Digitized by Google

Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong các đơn vị QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

PHÙNG KHẮC ĐĂNG*

VÀO những năm 90 của thế kỷ trước, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các lực lượng cách mạng, các dân tộc yêu chuộng hòa bình và tiến bộ đứng trước những thách thức mới vô cùng khắc nghiệt. Một bộ phận những người cộng sản và lực lượng cách mạng lúng túng, dao động, thậm chí có người tuyên bố từ bỏ mục tiêu lý tưởng cách mạng. Trong khi đó, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược diễn biến hòa bình, chống phá cách mạng trên một quy mô rộng lớn và quyết liệt chưa từng có.

Trong nước, công cuộc đổi mới mà Đảng và nhân dân ta vừa mới tiến hành, đất nước còn gặp rất nhiều khó khăn. Một bộ phận nhân dân giảm lòng tin, hoài nghi, thậm chí có người phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa, các giá trị, chuẩn mực văn hóa, đạo đức truyền thống dân tộc bị thách thức nghiêm trọng. Đời sống văn hóa, nghệ thuật có những biểu hiện yếu kém, lệch lạc. Mặc dù được quản lý chặt chẽ, duy trì kỷ luật thường xuyên, nhưng quân đội khó tránh khỏi sự tác động tiêu cực trên nhiều mặt.

Vào chính thời điểm lịch sử đó, Văn kiện Đại hội VII của Đảng chỉ rõ vị trí quan trọng của việc xây dựng con người mới và nền văn hóa mới : "Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hóa mới".

Quán triệt quan điểm đó, xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ của quân đội trong giai đoạn mới của cách mạng, được sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, ngày 12-5-1992, Tổng cục Chính trị ban hành Chỉ thị số 143/CT về *"Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp lành mạnh, phong phú trong các đơn vị quân đội"*. Mười năm qua, phong trào đã có kết quả đáng mừng.

Có thể khẳng định, trong 10 năm thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa và qua hai năm (2000 - 2002) gắn

* Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐNDVN

Digitized by Google

với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" là quá trình nhận thức, triển khai đưa các quan điểm tư tưởng của Đảng vào đời sống quân đội và đã đạt được mục tiêu cơ bản là góp phần xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị. Từng đơn vị đã trở thành cái nôi nuôi dưỡng phong trào thi đua cách mạng và những giá trị văn hóa, nhân cách, phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, góp phần trực tiếp hình thành, phát triển con người mới trong lực lượng vũ trang, phù hợp với những đòi hỏi của tình hình mới. Cuộc vận động đã tạo bước chuyển biến căn bản về chất lượng đời sống văn hóa tinh thần, hình thành một diện mạo văn hóa mới trong toàn quân ; đồng thời, xuất hiện nhiều điểm sáng văn hóa trên các địa bàn đóng quân. Cụ thể là :

1- Phong trào đã củng cố và nuôi dưỡng những phẩm chất cơ bản của Bộ đội Cụ Hồ, động viên tập thể, quân nhân phấn đấu rèn luyện theo chuẩn mực con người Việt Nam mới, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng

Trong 10 năm qua, cuộc vận động đã hướng vào việc xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở. Các hình thức hoạt động văn hóa đã giúp cho công tác giáo dục chính trị sinh động, linh hoạt, giàu sức thuyết phục hơn, góp phần nâng cao ý thức tự giác của cán bộ chiến sĩ, biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục theo các chuẩn mực văn hóa. Công tác giáo dục chính trị và hoạt động văn hóa ở nhiều đơn vị cơ sở đã hòa quyện làm một, tạo được sự đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau. Các hoạt động xây dựng môi trường văn hóa đã bám sát những yêu cầu của công tác xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị, bám sát nhiệm vụ của đơn vị. Hoạt động văn hóa đều nhằm



Giờ nghỉ trên thao trường - Ảnh tư liệu

Digitized by Google

nâng cao nhận thức, giáo dục nhân sinh quan, thế giới quan, phẩm chất đạo đức, cổ vũ biểu dương cái tốt, cái hay, phê phán và lên án cái xấu, cái ác, cái lạc hậu..., bồi dưỡng con người, xây dựng nhân cách Bộ đội Cụ Hồ trong giai đoạn mới của cách mạng. Từ đó hình thành tập thể quân nhân phấn đấu, rèn luyện, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, trong đó vững mạnh về chính trị là cơ sở, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hoạt động văn hóa đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết tốt các mối quan hệ : cấp trên - cấp dưới, cán bộ - chiến sĩ, đồng chí, đồng đội, bộ đội với nhân dân.

Sau 10 năm tiến hành cuộc vận động, tình trạng vi phạm kỷ luật trong toàn quân đã giảm rõ rệt. Nhiều đơn vị tỷ lệ vi phạm kỷ luật và tỷ lệ đào ngũ đều dưới 0,5%. *Tất nhiên, việc giảm vi phạm kỷ luật do nhiều nguyên nhân, nhưng không thể phủ nhận có tác động tích cực của cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa.* Đơn vị quân đội đã thực sự trở thành tổ ấm của cán bộ, chiến sĩ, thấm đượm tình cảm đồng chí đồng đội, nơi gắn kết tập thể với mỗi cá nhân.

Vai trò của các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động văn hóa ở đơn vị cơ sở. Phong trào "Xây dựng chi đoàn văn hóa mới", "Đẹp người đẹp doanh trại, đẹp tình quân dân" của Đoàn Thanh niên ; phong trào "Giỏi việc nước đảm việc nhà" của phụ nữ quân đội... cùng với các hoạt động khác như sinh hoạt chính trị, diễn đàn, tọa đàm với các hình thức phong phú sinh động phù hợp với tuổi trẻ đã góp phần xây dựng nhân cách, phẩm chất chính trị cho cán bộ chiến sĩ.

Nhiều mô hình đơn vị có môi trường văn hóa tốt được định hình tương đối rõ nét với những nội dung cụ thể đã xuất hiện, có sức thuyết phục ở hầu hết các quân khu, quân đoàn và cơ quan Bộ Quốc phòng cũng như các quân chủng, binh chủng, các nhà trường, học viện của quân đội.

2- Đời sống văn hóa tinh thần tốt đẹp lành mạnh và phong phú trong quân đội ngày càng được phát triển

Trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường và các khuynh hướng, quan điểm và sản phẩm văn hóa văn nghệ sai lệch, phản nhân văn, các hoạt động văn hóa văn nghệ trong quân đội vẫn giữ vững quan điểm của Đảng, hướng cán bộ, chiến sĩ tới giá trị chân - thiện - mỹ, đời sống văn hóa tinh thần trong các đơn vị quân đội đã có bước chuyển biến cơ bản tốt đẹp, lành mạnh.

Được định hướng, chỉ đạo sát sao, công tác văn hóa, văn nghệ vượt qua nhiều khó khăn, đã có bước phát triển trên tất cả các mặt, từng bước thỏa mãn được nhu cầu văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ. Sự đổi mới kịp thời về nội dung, phương thức hoạt động văn hóa hướng về cơ sở, phục vụ bộ đội và nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII làm cho đời sống văn hóa, văn nghệ trong quân đội khởi sắc, đạt hiệu quả cao và có tác dụng xã hội tích cực. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở cả các cấp, nhất là ở cơ sở đã được duy trì thường xuyên, dần đi vào nền nếp, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho bộ đội và trở thành các điểm sáng văn hóa trên địa bàn đóng quân.

Các đợt hoạt động trọng điểm văn hóa văn nghệ trong quân đội được tiến hành liên

Digitized by Google

tục trong các năm 1992 - 1995, 1998 - 2000 và 2001 đến nay bao gồm những mặt hoạt động văn học nghệ thuật chuyên nghiệp và văn hóa quần chúng.

Được sự chỉ đạo thống nhất của Tổng cục Chính trị, các đơn vị đã nỗ lực củng cố, tổ chức, xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa trong toàn quân như các đoàn nghệ thuật, bảo tàng, điện ảnh, thư viện, nhà văn hóa, câu lạc bộ, phòng Hồ Chí Minh, các cơ quan văn hóa, thông tin đại chúng... đưa văn hóa thấm sâu vào đời sống cán bộ, chiến sĩ đã thực sự góp phần xây dựng đời sống văn hóa cho cán bộ chiến sĩ ở đơn vị cơ sở.

Đã phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng 24/26 bảo tàng, tiến tới quy hoạch hệ thống 285 nhà truyền thống đơn vị. Củng cố 280 đội chiếu phim, tăng cường phục vụ đơn vị và nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, 1900 phòng Hồ Chí Minh ở các tiểu đoàn và đơn vị tương đương đã được xây dựng và tổ chức hoạt động bước đầu có nền nếp và hiệu quả. Hàng nghìn đội tuyên truyền viên trẻ được thành lập phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị ở đơn vị và địa phương.

3- Từng bước xây dựng môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, kết hợp hài hòa với doanh trại, nếp sống chính quy trong các đơn vị quân đội

Thành công nổi bật sau 10 năm tiến hành cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa là đã hình thành phong trào xây dựng đơn vị có doanh trại khang trang, sạch đẹp, có cảnh quan hài hòa, môi trường sống trong lành, góp phần gắn bó cán bộ, chiến sĩ với đơn vị và là điều kiện để đưa bộ đội vào nếp sống chính quy.

Các đơn vị đã chủ động, nỗ lực cải tạo, xây dựng doanh trại chính quy, nâng cấp hạ tầng cơ sở, cải thiện môi trường sống, vừa đảm bảo sinh thái tốt, vừa khai thác giá trị văn hóa của điều kiện tự nhiên, tạo thuận lợi cho bộ đội tiến hành các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí lành mạnh.

Việc làm sạch đẹp, khang trang được tiến hành không chỉ ở khu chỉ huy, nhà khách mà còn làm tốt ở các khu làm việc, khu nhà ở, thao trường, bãi tập, nhà xưởng. Rõ ràng là, với một doanh trại có cảnh quan văn hóa, ngoài ý nghĩa thực hiện đúng điều lệnh quân đội đã tạo được sự thống nhất trong toàn quân, còn là điều kiện đưa bộ đội vào thực hiện nếp sống chính quy và văn hóa, hướng tới xây dựng vẻ đẹp trong ý thức tự giác của người chiến sĩ. Đó là cơ sở để tạo dựng một đời sống tình cảm trong hoạt động quân sự của từng người chiến sĩ. Sự kết hợp khá sinh động này đã tạo được sức hấp dẫn của tập thể cán bộ chiến sĩ với môi trường sống và góp phần gắn bó từng cá nhân với đơn vị.

4- Đấu tranh có hiệu quả với các ảnh hưởng của văn hóa xấu độc hại, các tệ nạn xã hội thẩm lậu vào các đơn vị quân đội

Trong thực hiện cuộc vận động, các đơn vị đều chú trọng đến việc nâng cao trình độ hiểu biết để bộ đội chủ động đấu tranh trên mặt trận văn hóa. Bằng nhiều hình thức, biện pháp sáng tạo, các đơn vị quân đội đã kiên quyết đấu tranh với các quan điểm, tư tưởng phản động, phi văn hóa... Vì thế, 10 năm qua, toàn quân đã xây dựng một môi trường văn hóa trong lành, giàu tính giáo dục, ngăn chặn những yếu tố độc hại xâm nhập vào đơn vị, có sức đề kháng với các biểu hiện

Digitized by Google

"diễn biến hòa bình" và những tư tưởng sai trái xuất hiện trong đời sống xã hội.

Các đơn vị đều triển khai sâu rộng tới cán bộ chiến sĩ các chỉ thị, nghị định... của Đảng và Nhà nước về phòng chống các tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, hủ tục, mê tín, chấp hành nghiêm các quy định về việc tang, việc cưới và lễ hội. Nhiều biện pháp, hình thức sáng tạo được tiến hành vừa thông qua tuyên truyền giáo dục thường xuyên, đặc biệt với chiến sĩ trẻ, chiến sĩ mới nhập ngũ với các hình thức tọa đàm, diễn đàn, tuyên truyền giáo dục pháp luật vừa định kỳ tiến hành kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn vào có khả năng thẩm lậu văn hóa xấu, độc hại. Hình thành được dư luận quần chúng trong đơn vị lên án các hành vi vi phạm tệ nạn xã hội hoặc thói quen xấu. Trên cơ sở các quy định của Quân đội và Chính phủ, nhiều đơn vị đã xây dựng quy chế quản lý cụ thể, phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương nơi đóng quân, ngăn chặn, truy quét văn hóa độc hại, làm tốt công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên ở khu gia đình, khi đi công tác ; tăng cường quản lý các đơn vị đóng quân phân tán nhỏ lẻ. Phong trào thanh niên không hút thuốc lá, không uống rượu bia say... đã trở thành nếp sinh hoạt phổ biến. Qua đó, đã hình thành phong trào tự giác xây dựng nếp sống lành mạnh, phong cách làm việc, giao tiếp ứng xử có văn hóa.

5- Hoạt động giao lưu văn hóa giữa các đơn vị quân đội với nhân dân đã góp phần củng cố và hoàn thiện mối quan hệ quân dân phù hợp với đặc điểm tình hình hiện nay

Xây dựng và thực hiện tốt mối quan hệ quân dân được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa tại các đơn vị quân đội.

Sống trong nhân dân, gắn kết với nhân dân là truyền thống quý báu của Quân đội ta. Trong cuộc vận động này, truyền thống đó được nâng cao, khắc sâu thông qua các hoạt động văn hóa như kết nghĩa với các tổ chức, đoàn thể quần chúng, các buổi chiếu phim, biểu diễn, giao lưu văn nghệ, giáo dục truyền thống với nhân dân, thanh niên, học sinh, sinh viên ; các hoạt động văn hóa văn nghệ quân đội, các lớp dạy học xóa mù chữ của Bộ đội Biên phòng, hoạt động của các đội tuyên truyền viên trẻ, tổ đội công tác trong các đợt hành quân dã ngoại... Tất cả đã góp phần quan trọng chuyển tải văn hóa đến vùng đồng bào còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về văn hóa. Truyền thống gắn bó, đoàn kết quân dân tiếp tục được nâng niu, phát triển lên một bước mới trong tình hình hiện nay. Nhìn từ góc độ văn hóa, đây cũng chính là giá trị tốt đẹp của Quân đội ta được phát huy trong giai đoạn cách mạng mới. Bộ đội ta có mặt trên tất cả các vùng khó khăn, gian khổ, xây dựng hạ tầng cơ sở cho địa phương, xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng... Hình ảnh bộ đội cứu dân trong bão lũ miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long... của các đơn vị Quân khu 4, Bộ đội Biên phòng, Quân khu 5, Quân khu 9, Hải quân, Phòng không - Không quân, Công binh..., những tấm gương cán bộ, chiến sĩ Kiên Giang, Cà Mau trong chiến đấu với giặc lửa cứu rừng U Minh tiếp tục làm sáng thêm phẩm chất cao đẹp Bộ đội Cụ Hồ.

Cuộc vận động đã hỗ trợ tích cực cho phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", xóa đói

Digitized by Google

giảm nghèo, củng cố các công trình thủy lợi, xây dựng nhà tình nghĩa, làm trường học, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng... để lại những ấn tượng khó phai mờ trong lòng nhân dân. Nét mới của việc xây dựng mối quan hệ quân dân trong cuộc vận động là, các đơn vị quân đội không chỉ giúp đỡ về công sức, cơ sở vật chất mà còn góp phần giúp địa phương, nhất là những địa phương ở vùng sâu, vùng xa, vùng sát biên giới tổ chức xây dựng đời sống kinh tế - văn hóa, biết cách tự tháo gỡ khó khăn, tìm ra hướng đi đúng trong phát triển kinh tế - xã hội. Cũng thông qua hoạt động này, cán bộ, chiến sĩ ta đã được giáo dục về phẩm chất, về năng lực tổ chức vận động quần chúng, góp phần tự hoàn thiện mình. Đó cũng là mục tiêu trong quá trình tổ chức cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa.

Từ kết quả của 10 năm xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội, bài học kinh nghiệm được rút ra, cũng là phương hướng cần đẩy mạnh là :

1. Thường xuyên củng cố và nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân về vị trí, vai trò của cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa đối với việc xây dựng quân đội trong thời kỳ mới, trong đó trọng tâm là xây dựng cho bộ đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, hướng vào mục tiêu xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

2. Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, phát huy tính chủ động, năng lực tìm tòi, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ, của tập thể đơn vị, từ đó tìm ra các biện pháp, phương thức, hình thức hoạt động phong phú trong thực hiện cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa là một kinh nghiệm cụ thể nhưng rất quan trọng.

3. Tổ chức tốt sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, ngành trong đơn vị, giữa đơn vị với địa phương, giữa các đơn vị với nhau và giữa cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa với các cuộc vận động lớn khác trong quân đội như phong trào thi đua quyết thắng ; thi đua giữ tốt dùng bền trang bị ; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong quân đội...

4. Hướng về cơ sở từ khâu phát động phong trào qua chỉ đạo thực hiện đến tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm ; đặc biệt là uốn nắn phong trào cho phù hợp và đi đúng hướng, mang tính liên tục.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống ; coi cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa là một bộ phận của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng văn hóa. Từ đó giải quyết tốt mối quan hệ giữa xây và chống. Trong đó xây để chống, xây là điều kiện cơ bản để chống có hiệu quả.

Mười năm là một thử nghiệm của một cuộc vận động. Thực tế đã chứng minh rằng, chủ trương, biện pháp của cuộc vận động là đúng đắn, phù hợp với quá trình xây dựng, phát triển của quân đội trong tình hình mới. Với những kết quả bước đầu có thể tin tưởng rằng : Cuộc vận động xây dựng môi trường văn hóa trong quân đội được kết hợp chặt chẽ với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nhất định sẽ có được những kết quả tốt đẹp hơn. ❑

Digitized by Google

VĂN HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

PHẠM TIẾN DUẬT *

1. Trong năm 2003 có một sự kiện văn học, sự kiện văn hóa, sự kiện tinh thần quan trọng mà đội ngũ các nhà văn và giới trí thức trang nghiêm chào đón : Kỷ niệm tròn 70 năm tổ chức *Văn hóa cứu quốc* do Đảng thành lập (1943 - 2003) mà đội ngũ nòng cốt là các nhà văn. *Văn hóa cứu quốc*, đúng như tên gọi, là lá cờ tập hợp văn nghệ sĩ và giới trí thức đứng dậy, vận động cách mạng giải phóng đất nước, giành độc lập dân tộc. Có thể coi *Văn hóa cứu quốc* năm 1943 là tổ chức tiền thân của tất cả các hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam hôm nay.

Giá trị lớn lao của *Văn hóa cứu quốc* mà linh hồn là *Đề cương văn hóa* là sự đánh thức tính cộng đồng, tính công dân trong mỗi nhà văn và nghệ sĩ, khẳng định vai trò chính trị của văn học nghệ thuật cách mạng do Đảng trực tiếp lãnh đạo. Khi ấy, văn nghệ sĩ tham gia vào công cuộc giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc thì họ cũng được giải phóng chính mình. Những đớn hèn, những cá nhân ích kỷ, những tị hiềm riêng tư đã bay biến đi trước những cảm hứng lớn có tính thời đại như một làn gió lớn lồng lộng thổi.

Trên con đường ấy, văn học và nghệ thuật cách mạng đã đi được một chặng dài, với những quầng sáng rực rỡ, bằng những tác phẩm đầy tâm huyết với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ; đặc biệt là các tác phẩm ra đời trong hai cuộc kháng chiến lớn.

Sau 70 năm tính từ *Văn hóa cứu quốc*, ở vào chặng đường mới không thể nói là dễ dàng, để văn học nói riêng và văn nghệ nói chung phát triển, dường như vấn đề *cảm hứng lớn, cảm hứng cộng đồng* từ thuở ấy cần được phát động trở lại để những gì đớn hèn, những gì ích kỷ, những gì vụ lợi riêng tư lại được trút bỏ, để nhà văn và nghệ sĩ đóng góp một cách nhiệt huyết hơn nữa trước công cuộc phát triển đất nước hôm nay.

2. Về tâm lý và ý thức, dường như chặng đường chuyển tiếp từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX ổn định hơn nhiều so với chặng đường từ thế kỷ XX sang thế kỷ XXI. Sau mấy bước chân vào thế kỷ mới, từng quốc gia, từng dân tộc đều sống một cách đầy phấp phỏng. Xu hướng toàn cầu hóa không cưỡng lại được trong đời sống kinh tế thế giới đan xen với chủ nghĩa đơn phương, bá quyền

* Nhà thơ, Tổng Biên tập Tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ*

Digitized by Google

của các thế lực phản động có tính toàn cầu. Lối sống đông, tây đang hòa trộn trên mọi vùng đất từng ngày làm tăng nhanh tốc độ sinh hoạt của mỗi cá thể và đe dọa sự mất đi cái riêng, cái bản sắc của mỗi dân tộc, mỗi đất nước. Chủ nghĩa quốc gia cực đoan đang xâm thực đáng kể vào bản lĩnh của các cộng đồng và bản lĩnh của mỗi cá thể.

Sự phát triển của văn học Việt Nam trên chặng đường này không thể tách khỏi bối cảnh rộng lớn ấy. May thay, văn học Việt Nam là nền văn học có bản lĩnh và trong dòng chảy lớn của nó tiếp tục có thêm những đóng góp mới. Chỉ tính trong năm qua, năm 2002, với gần 1000 tập thơ mới xuất bản thấy sự xuất hiện ồ ạt trở lại của các nhà thơ thời chống Mỹ với một chất lượng đáng mừng. Sau vài năm tìm tòi một cách hời hợt và hình thức, các cây bút trẻ lứa tuổi 20, 30 thấy vẫn xông xáo nhưng chín chắn hơn, bình tĩnh hơn. Các cây bút lão thành như Nguyễn Đình Thi, Huy Cận, Tô Hoài, ... tiếp tục trăn trở và đóng góp. Cuộc thi tiểu thuyết (lần 1 và lần 2) của Hội Nhà văn Việt Nam, cuộc thi kịch bản lịch sử trong sân khấu, điện ảnh và truyền hình về đề tài 1000 năm Thăng Long cho ta cảm giác đang ở vào thời kỳ tiền phục hưng của văn học.

Nhưng, quá lâu rồi, không thấy xuất hiện các tác phẩm gây xao động cho toàn xã hội. Mấy chục năm sau chiến tranh bảo là có nhiều tác phẩm hay, nhưng nó để lại gì trong lòng bạn đọc là một câu chuyện cần bàn. Tác giả trẻ xuất hiện khá đông nhưng rất thiếu tác giả trẻ có bản lĩnh, bản sắc. Tình hình này cần được cải thiện trong thời gian tới. Bằng cách nào ? Có nhiều cách thức nhưng quan trọng hàng đầu vẫn là việc tạo cho người viết gắn kết với cuộc sống. Một điều cần báo động là ngày nay, trong điều kiện thuận lợi hơn nhiều so với thời kỳ chiến tranh mà người viết lại rất hời hợt với thực tiễn.

Bên cạnh những cơ sở sản xuất yếu kém, bên cạnh các vụ việc tiêu cực gây phẫn nộ trong dư luận xã hội còn có rất nhiều nhà máy, xí nghiệp, công trường lớn với hàng nghìn, hàng vạn lao động miệt mài ngày đêm. Câu khẩu hiệu ngày nào *"Đến với nơi tiên tiến, đến với người tiên tiến"* không những không cũ mà còn là đòi hỏi cấp thiết đối với đội ngũ những người cầm bút hôm nay. Trong việc đầu tư sáng tác, tôi nghĩ rằng cần đầu tư chiều sâu cho các cây bút sung sức tình nguyện bám cơ sở dài ngày.

3. Nói đến sự gắn kết của văn học đối với cuộc sống không có nghĩa là áp đặt văn học phải tuyên truyền thô thiển chỉ cho các mục tiêu trước mắt. Ngay từ những năm xa xưa, chúng ta đã không làm thế. Có những công việc văn học gắn với các công việc xã hội một ngày, một tuần. Có những loại công việc văn học gắn với việc đời một thế kỷ, nhiều thế kỷ. Cùng một người viết, cùng lúc anh ta quan tâm không phải chỉ một mà nhiều tầng không gian, nhiều tầng thời gian. Cũng bởi vậy, việc để nhà văn có một

Digitized by Google

bầu trời rộng cho tự do sáng tạo là điều vô cùng cần thiết. Nhưng dù thế đi nữa, những tác động xã hội trực tiếp, hàng ngày đến nhà văn ảnh hưởng ngay lập tức đến tâm lý sáng tác và chất lượng sáng tác ; cho dù người viết chỉ làm thơ tình, truyện tình cũng vậy. Nói điều đó là để nói rằng việc hoạch định chính sách đối với văn hóa nói chung và văn nghệ nói riêng là việc không dễ dàng. Một trong những việc ấy là chăm sóc văn nghệ sĩ cao tuổi. Vâng, chúng ta đã có *Luật Bảo vệ Di sản văn hóa.* Nhà văn cao tuổi, nghệ sĩ cao tuổi, theo tôi nghĩ, là loại Di sản văn hóa đặc biệt, *loại di sản văn hóa hao mòn dần trong thời gian.* Họ là loại di sản không thể thay thế. Không thể có một Tố Hữu thứ hai, không thể có một Nguyễn Đình Thi, một Tô Hoài thứ hai. Con số nhà văn cao tuổi lên đến hàng trăm và trong số họ, nhiều người vẫn viết rất say mê.

Tôi nói có quá không, chứ hiện nay chúng ta mới chỉ chăm lo đến nền văn nghệ đại trà, chưa có chính sách cho các tài năng, đặc biệt là các tài năng lớn. Chúng ta đã bỏ ra rất nhiều tiền để phát hiện tài năng, trong khi tài năng có rồi thì không được nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ.

Nếu coi văn học, nghệ thuật là loại lao động đặc biệt thì tại sao lại xếp khu vực này như mọi khu vực lao động khác. Chẳng hạn, nữ 55 tuổi, nam 60 tuổi về hưu ? Tuổi trẻ đầy năng động nhưng tuổi cao mới là tuổi chín của văn học vậy. Có thể tìm vô số ví dụ trong lịch sử văn học nước nhà.

Chúng ta đã có nhiều nghị quyết trong đó có Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 (khóa VIII) về văn hóa văn nghệ. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng cũng đã đề cập cụ thể về văn hóa văn nghệ. Tuy nhiên, từ chủ trương của Đảng đến việc thể chế hóa thành các nghị định của Chính phủ còn là một bước cần làm cụ thể và kỹ càng hơn.

4. Việc khẳng định đường đi và bản lĩnh của một dân tộc trong thời bình nhiều khi khó hơn nhiều so với thời binh lửa. Đất nước ta, dân tộc ta có vị thế rất cao trên trường quốc tế hôm nay là nhờ phẩm cách của dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh đã anh hùng trong chiến tranh, tiếp tục dũng cảm trong sự nghiệp đổi mới. Tuy vậy, những khó khăn mới, những mâu thuẫn mới xuất hiện trong đời sống kinh tế thị trường hôm nay là rất đáng lo ngại. Dẫu biết rằng, lịch sử văn học chạy trên các đỉnh núi của thời gian thì việc tồn tại các thung lũng đầy gai góc là điều đương nhiên. Đất nước chỉ phát triển một cách vững bền khi lòng dân yên ổn. Văn học nói riêng và văn nghệ nói chung phải tham gia vào công việc này bởi văn học chính là phần thăng hoa kỳ diệu nhất và cũng là phần nhạy cảm nhất của cộng đồng.

Chúng ta hy vọng một thời kỳ mới đầy hào hứng của văn học nghệ thuật Việt Nam sẽ đem đến một mùa gặt mới. ❑

Digitized by Google

MỘT NĂM
bạn đọc với Tạp chí, Tạp chí với bạn đọc

NĂM 2002 khép lại, Tạp chí Cộng sản nhận được gần 500 bài, đơn, thư, được gửi đến từ khắp mọi miền đất nước. Với sự tôn trọng sâu sắc và thái độ cầu thị tiến bộ, Tạp chí Cộng sản đã nhanh chóng phân loại và xử lý. Những bài có nội dung thích hợp, Tạp chí đã biên tập và đăng tải 6 bài (năm 2001 nhận 425 bài, đơn, thư, đăng tải 3 bài). Số đơn khiếu nại, tùy theo nội dung, Tạp chí đã chuyển đến những cơ quan có thẩm quyền giải quyết với thời gian ngắn nhất. Các thư nhận xét và góp ý với Tạp chí cả về nội dung cũng như hình thức, đều được trân trọng đón nhận và phúc đáp kịp thời. Bạn đọc đã dành cho Tạp chí một tình cảm chân thành. Các ý kiến đóng góp rất phong phú, từ những lỗi sai sót về câu chữ cũng như cách trình bày sao cho hợp lý đều được Tạp chí nghiên cứu, tiếp thu và nghiêm túc sửa chữa để ngày càng hoàn thiện mình hơn, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, và xứng đáng hơn với sự tin yêu của bạn đọc.

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình, thái độ thẳng thắn, tình cảm sâu sắc và thiết tha của đông đảo bạn đọc, cộng tác viên, thông tin viên cả nước đối với Tạp chí của Đảng ; nhất là các tác giả đã gửi nhiều bài viết xây dựng Tạp chí. Đó là : đồng chí Mai Mộng Tưởng (Sơn Trà, Đà Nẵng) : 19 bài viết ; kỹ sư Phạm Ngọc Lộc (Sở Tài chính Yên Bái) : 17 bài viết ; bác Cao Phi Yến (TP Hồ Chí Minh) và tác



Với đồng bào dân tộc vùng sâu Lâm Đồng
Ảnh: Hà Hữu Nết

Digitized by Google

giả Nguyễn Nhân Thống (Quy Nhơn, Bình Định) : 6 bài viết ; bác Quý Hoa (Bắc Ninh) : 5 bài. Những người gửi đến 4 bài gồm : đồng chí Vũ Vọng (Bắc Giang), cụ Tô Văn Liêm (Củ Chi, TP Hồ Chí Minh), anh Lưu Trường Giang (Đại Lộc, Quảng Nam), đồng chí Nguyễn Văn Hải (Cục Chính trị, Quân khu 2), v.v.. Rất tiếc, vì khuôn khổ có hạn, chúng tôi không thể nêu hết được. Điều có ý nghĩa to lớn và sâu sắc, đáng hy vọng và vui mừng nhất là, từ vùng địa đầu Tổ quốc như Hà Giang, Lạng Sơn đến mảnh đất cuối cùng đất nước như Bạc Liêu, Cà Mau ; từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ như Thái Bình, Hà Nam đến vùng Tây Nguyên - nơi nóc nhà Đông Dương như Lâm Đồng, Đắc Lắc xuôi xuống dải đất miền Trung với Quảng Bình, Quảng Trị... đâu đâu Tạp chí cũng nhận được sự ủng hộ, gắn bó và cộng tác chặt chẽ.

Các tác giả gửi bài đến Tạp chí gồm nhiều thành phần, độ tuổi khác nhau, đảm nhận những vị trí khác nhau, trình độ hiểu biết và cách nhìn nhận rất phong phú và đa dạng, nhưng đều gặp nhau ở mục đích chung là, nỗ lực xây dựng Tạp chí của Đảng ngày càng tốt hơn. Có tác giả rất đều đặn gửi thư và bài viết trên nhiều phương diện cho Tạp chí. Một số nhà khoa học, chỉ sau một lần gửi bài và được sử dụng, nay đã trở thành cộng tác viên thân thiết, liên tục có bài xuất hiện trên Tạp chí. Bên cạnh những tác phẩm được đăng tải trên Tạp chí, còn có rất nhiều ý tưởng trong các tác phẩm của các tác giả là những gợi ý tốt cho công tác nghiên cứu và biên tập của Tạp chí.

Qua nội dung các bài viết và thư từ gửi về Tạp chí, đã nổi lên ***ý thức trách nhiệm rất cao của mỗi công dân Việt Nam với Đảng, với đất nước.*** Mỗi khi đất nước có hoạt động chính trị trọng đại, Tạp chí đều nhận được rất nhiều ý kiến của đông đảo các tầng lớp nhân dân, ở mọi miền Tổ quốc. Đặc biệt, trong bầu không khí chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI, Tạp chí đã nhận được nhiều thư, bài về những vấn đề xung quanh việc bầu cử Quốc hội. Nội dung các bài viết đề cập đến từ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, việc nâng cao chất lượng hoạt động đến việc hoàn thiện các cơ chế làm việc của Quốc hội, các công việc chuẩn bị cho bầu cử... Tất cả đều thể hiện ý thức sâu sắc và trách nhiệm cao của người công dân trước vận mệnh của Tổ quốc. Trong thư đề ngày 1-4-2002, tác giả Phan Chuyển (thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) viết : "Đã là đại biểu Quốc hội ít nhất phải là người CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH. Nếu mỗi công chức và đại biểu của dân nào cũng cần, kiệm, liêm, chính thì người dân mới thật sự được hưởng công bằng xã hội. Điều cốt lõi này vừa là đạo lý, vừa là động lực phát triển xã hội một cách bền vững...". Hay trong bức thư đề ngày 17-5-2002, tác giả Ngô Lam (Quảng Bình), viết : "Vì sao dân không dám nói hết sự thật, các tổ chức đảng cấp dưới không dám đề đạt chính kiến của mình ? Đó là do bệnh hữu khuynh, trên nói sao nghe vậy. Đó là tư tưởng cơ hội thực dụng". Có thể nói, những điều tâm huyết ấy

Digitized by Google

không chỉ là sự giãi bày, sự lo lắng riêng mà còn là ý thức trách nhiệm, là khát vọng chính đáng của đông đảo bạn đọc Tạp chí trước Đảng, Nhà nước và nhân dân nói chung.

Vào các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tạp chí đều có bài tuyên truyền về các nghị quyết. Các thư gửi về Bộ Biên tập đều yêu cầu giải thích rõ một số vấn đề về nội dung để việc quán triệt, thực hiện các nghị quyết đạt kết quả tốt hơn, hoặc mong muốn được chỉ rõ trình tự của nghị quyết trong hệ thống các nghị quyết đã được ban hành để tiện theo dõi, học tập. Tác giả Đặng Khắc Tiến (thị trấn Sa Pa, Lào Cai), trong bức thư đề ngày 13-3-2002, gửi gắm : "Phải quán triệt tốt nội dung của các nghị quyết, muốn vậy việc tuyên truyền, phổ biến nghị quyết trên Tạp chí nên giúp cán bộ, đảng viên thấy rõ các vấn đề cụ thể, các nghị quyết riêng trong tính chỉnh thể của các nghị quyết, cái sau khác với cái trước ở chỗ nào". Với chức năng và nhiệm vụ của mình, Tạp chí đã, đang tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt điều đó, với hệ thống bài nghiên cứu, tuyên truyền, làm rõ cơ sở khoa học và nội dung của các nghị quyết, chỉ thị... của Đảng, Nhà nước, dưới nhiều góc độ nhằm giúp người đọc hiểu rõ nội dung và thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị đó. Thư từ bạn đọc gửi về Bộ Biên tập đều khẳng định : Các bài báo trong mục "Đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống", "Nghiên cứu - Trao đổi" đã được đón nhận rất nồng nhiệt, có tác dụng định hướng cho nhận thức và hành động cũng như việc học tập của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là ở cơ sở về đường lối, chiến lược phát triển của đất nước trong những năm đầu thập kỷ thứ nhất thế kỷ XXI của Đảng ta. Đáp lại sự ủng hộ của bạn đọc, Tạp chí đã và sẽ làm tốt hơn nữa chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc nghiên cứu, tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Điều rất đáng ghi nhận nữa từ nội dung các thư, bài gửi về Tạp chí, ***đó là sự giúp đỡ của các phương tiện thông tin đại chúng, của hệ thống bưu điện và ban tuyên giáo các cấp ; sự tin cậy của nhân dân, của bạn đọc đối với Tạp chí.*** Ngay khi chuẩn bị cho một số Tạp chí ra đời, mục lục của số Tạp chí đó đã được giới thiệu trên các báo Nhân Dân, Quân đội nhân dân và Hà Nội mới ; giới thiệu tóm tắt nội dung trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội, v.v.. Nhân dịp Năm Mới 2003, Tạp chí xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ to lớn của các báo, đài, của hệ thống bưu điện và ban tuyên giáo các cấp trong việc đưa và tuyên truyền Tạp chí với bạn đọc. Chính vì vậy, khi các số của Tạp chí ra mắt, đều được bạn đọc đón nhận kịp thời và nhanh chóng. Xin đơn cử : Tạp chí số 24, (tháng 8-2002), phát hành rộng rãi vào cuối tháng 8, đầu tháng 9, thì ngày 8-9-2002, Tạp chí nhận được thư của TS Lê Khả Thọ (Hà Nội). Bức thư chân thành nhận xét nội dung Tạp chí, ghi nhận sự cố gắng của Bộ Biên tập, đánh giá cao các bài viết đồng thời nêu

Digitized by Google

một số chi tiết về nội dung và hình thức cần được chăm chút hơn nữa. Đồng chí Hoàng Minh Chúc (Kon Tum) trong bài viết với nhan đề *Tạp chí Cộng sản với hoạt động của cán bộ cơ sở tỉnh Kon Tum,* có đoạn viết : "Qua việc sử dụng Tạp chí, đội ngũ cán bộ, đảng viên được hiểu rõ hơn những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề thời đại, kinh tế tri thức, đại đoàn kết toàn dân...". Các thư từ của bạn đọc đều chung nhận xét : Nhiều bài ở mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm* đã có tác dụng rất lớn để cán bộ cấp cơ sở vận dụng, triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, áp dụng kinh nghiệm một số mô hình kinh tế, nhất là trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn. Điều đó nói lên phần nào sức thu hút của Tạp chí. Nhưng điều quý giá nhất và xúc động nhất, đó là tấm lòng rất mực ưu ái của bạn đọc đối với đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ, nhân viên của Bộ Biên tập Tạp chí.

Điều đặc biệt xúc động là, ***Tạp chí không chỉ là diễn đàn thu hút rất nhiều sự quan tâm của bạn đọc, của các cán bộ, đảng viên mà còn là nơi bạn đọc bày tỏ nhận thức, tư tưởng, thái độ và tình cảm của mình về các vấn đề lớn trên mọi phương diện*** trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bằng nhiều thể loại khác nhau, như bài báo, thơ, hỏi - đáp... Tác giả Trần Văn Phùng (Hà Nội) gửi tới bài viết *Bàn về khái niệm bóc lột ;* tác giả Nguyễn An Ninh (Hà Nội) có bài *Về xu hướng công nhân hóa ở nước ta* ; đồng chí Hà Văn Tải (Nghệ An) có bài *Đấu tranh chống tham nhũng, kiên quyết và đồng bộ,* v.v. và v.v.. Chẳng hạn, trong bài viết với nhan đề *Giải thích, hướng dẫn áp dụng các đạo luật là yêu cầu cần thiết, cấp bách hiện nay,* tác giả Hoàng Thị Liên (Nghệ An) bày tỏ : "Một thực tế là sau khi các Bộ luật, luật, pháp lệnh... được ban hành, có hiệu lực thực hiện thì hầu hết không được giải thích đầy đủ. Các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu kịp thời, có chăng chỉ là việc hướng dẫn một số vấn đề, một số chương mục... không đầy đủ". Mỗi bài một vẻ nhưng đều nhằm tới một vấn đề mà các tác giả đang băn khoăn, muốn bày tỏ, kiến nghị với Đảng, Nhà nước thông qua Tạp chí. Là chiếc cầu nối được bạn đọc tin cậy, dù khuôn khổ có hạn, tất cả những tâm tư, chí nguyện đó đều được Tạp chí thể hiện một cách kịp thời, sinh động, dưới nhiều hình thức.

Các bài viết về gương người tốt việc tốt, các bài sinh hoạt tư tưởng từ bạn đọc gửi tới đã cung cấp cho Tạp chí những thông tin đa dạng, sâu sắc từ cơ sở về các lĩnh vực phong phú của cuộc sống sôi động trên đất nước ta. Tác giả Đặng Phong Quang (Hà Nội) viết bài biểu dương các cựu chiến binh với truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" trong vận động, tuyên truyền, hòa giải các vụ khiếu kiện, góp phần xóa bỏ các điểm nóng về an ninh chính trị ở cơ sở. Quan hệ Việt Nam với các nước, những động thái chính trị trên thế giới cũng được bạn đọc nhận xét, đánh giá sâu sắc. Trước việc Mỹ vu cáo tình hình

Digitized by Google

thực hiện nhân quyền ở Việt Nam, tác giả Hải Đăng (Thành phố Hải Phòng) đã viết : "Chúng tôi cực lực phản đối và lên án cái sự "quan tâm" của Mỹ về "nhân quyền" ở Việt Nam". "Nhân dân Việt Nam thừa hiểu, quá thừa hiểu về cái lý mà Mỹ nói là "nhân quyền" ở Việt Nam". "Quốc gia nào theo hình thái chính trị - xã hội - văn hóa nào là thuộc quyền của quốc gia đó. Mọi quan hệ quốc tế đều dựa trên nguyên tắc bình đẳng, hòa bình, hữu nghị và hợp tác cùng có lợi, không thể và không ai có quyền áp đặt ý muốn của quốc gia này vào quốc gia kia".

Bên cạnh bài, thư của các tác giả từ khắp mọi miền đất nước, ***Tạp chí nhận được thường xuyên sự ủng hộ to lớn và rất có trách nhiệm của một đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên đông đảo.*** Các thông tin viên ở Hà Nội, Huế, Sơn La, Nghệ An, Quảng Bình..., bằng những nhận xét, đánh giá xác đáng của mình, đã giúp Tạp chí ngày càng hoàn thiện hơn cả về nội dung cũng như hình thức. Trong thư đề ngày 21-11-2002, Thông tin viên Nguyễn Bạc (Quảng Bình) đã bày tỏ ý kiến với Tạp chí : "Đề nghị tiếp cận với thôn, bản, nơi đó chính quyền trực tiếp cụ thể hóa mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần thể hiện được trong thực tiễn và có thể kết hợp với các cuộc hội thảo để tìm ra cách thực hiện tốt nhất nhiệm vụ". Hoặc khi nói về việc học tập các nghị quyết của Đảng, Thông tin viên Nguyễn Đình Thí (Huế) viết trong bức thư đề ngày 2-8-2002 : "Trung ương ra nhiều nghị quyết rất công phu, sát với tình hình thực tế, có tính định hướng lâu dài. Song việc phổ biến, tuyên truyền, học tập nghị quyết lại rất đơn giản, càng xuống xã, phường, thị trấn, tới đảng viên, cán bộ lại càng đơn giản, chung chung, một chiều". Các thông tin viên không chỉ là tấm gương phản chiếu Tạp chí từ nhiều chiều, mà còn là những kênh thông tin nhạy bén, sát thực, như những trợ thủ đắc lực giúp Tạp chí ngày càng phấn đấu tốt hơn. Tình hình kinh tế - xã hội ở các địa phương đã đến với Tạp chí nhanh hơn ; qua đó, Tạp chí càng nỗ lực gắn bó với thực tiễn, nói tiếng nói của cơ sở, địa phương chính xác hơn, kịp thời hơn.

Không chỉ gửi thư, bài cho Tạp chí, nhiều bạn đọc, nhiều cộng tác viên còn có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển của Tạp chí. Chẳng hạn, mới đây, khi có chủ trương được trích lại tỷ lệ đảng phí lớn hơn cho cơ sở, đồng chí Lê Hải Trà (thị xã Sơn La) đã vận động đảng bộ địa phương mình mua thêm nhiều Tạp chí Cộng sản. Kết quả, từ một cuốn trước đây, đến nay đảng bộ nơi đồng chí sinh hoạt đã mua thêm 15 cuốn Tạp chí Cộng sản. Những nỗ lực của những người như đồng chí Trà đã trở thành nhân tố cực kỳ quan trọng và động lực to lớn nâng cao ảnh hưởng của Tạp chí đối với xã hội.

Với sự khích lệ rất đáng trân trọng và xúc động đó, Tạp chí luôn xác định gắn chặt hơn nữa với bạn đọc, mở mang đội ngũ bạn đọc và cộng tác viên đông đảo của mình. Bên cạnh việc chăm lo đội ngũ cộng tác viên, nâng niu, sửa chữa và

Digitized by Google

sử dụng các tác phẩm gửi đến, hằng năm Tạp chí mở hội nghị cộng tác viên, bạn đọc - phát hành ở cấp khu vực. Tháng 10-2002, Tạp chí đã tổ chức Hội nghị bạn đọc - phát hành toàn quốc tại Đồ Sơn (Hải Phòng). Qua Hội nghị, mối quan hệ giữa Tạp chí với đội ngũ những người làm công tác phát hành và ban tuyên giáo các cấp đã không ngừng được thắt chặt hơn nữa. Sau Hội nghị, số lượng phát hành Tạp chí đã tăng lên hơn 1 400 cuốn/kỳ. Điều ghi nhận bước đầu là, sức lan tỏa của Tạp chí, qua bạn đọc, được nâng lên rõ rệt và không ngừng.

Trong thời gian tới, hướng tuyên truyền chung của Tạp chí là tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng và thuyết phục về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tăng cường tổng kết hoạt động thực tiễn chủ động góp phần đấu tranh chống mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Nhất là, trước những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách đặt ra trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc cũng là nhu cầu tìm hiểu của đông đảo bạn đọc, như : toàn cầu hóa và giữ vững độc lập dân tộc ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế ; chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; xây dựng và bảo vệ Đảng, phòng - chống và đẩy lùi bốn nguy cơ đối với đất nước... sẽ được Tạp chí tập trung nghiên cứu, tiếp tục có những kiến giải sâu sắc và toàn diện hơn, nhằm đem lại sự nhất trí về tư tưởng và nhận thức cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần xây dựng lòng tin và quyết tâm mới của toàn Đảng, toàn dân, tiếp tục gặt hái những thành công mới trong thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời, Tạp chí tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc, vùng Tây Nam Bộ, với ý thức sâu sắc rằng, chính đội ngũ cộng tác viên đông đảo là người góp phần nâng cao hơn nữa vị thế của Tạp chí, giúp Tạp chí làm tốt hơn nữa vai trò và chức năng của mình.

Kết thúc năm 2002, hơn 180 vạn bản, qua 36 kỳ, Tạp chí đã tới tay bạn đọc. Thành tựu đó, trước hết thuộc về bạn đọc đông đảo ; thuộc về đội ngũ thông tin viên, cộng tác viên nhiệt tình gắn bó với Tạp chí của Đảng ; thuộc về đội ngũ những người làm công tác phát hành và ban tuyên giáo các cấp... Nhân dịp Năm Mới 2003, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng gửi tới toàn thể bạn đọc, đội ngũ cộng tác viên, thông tin viên các ngành, các cấp... lời kính chúc Năm Mới sức khỏe, an khang, thịnh vượng và hạnh phúc ; rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa, những đóng góp to lớn hơn nữa nhằm xây dựng Tạp chí của Đảng không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, đáp lại xứng đáng sự yêu mến và tin cậy của bạn đọc đông đảo. ❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Con quái vật và cái lồng

THỦY TIÊN

CÁCH đây gần chục năm, bạn tôi, sau chuyến đi thực tế, có than thở rằng : "Chống tham nhũng kiểu này gay go lắm ông ạ !. Tham nhũng như con ác thú đói mồi, mà lồng nhốt của mình thì ọp ẹp quá".

Cho đến gần đây, trong một bữa cơm thân mật, mừng chính anh bạn ấy, vừa được đề bạt một chức kha khá, tôi nhắc lại chuyện cũ và hỏi đùa :

- Nếu ông có quyền ký các hợp đồng to tiền, hoặc "cô-ta, cô... tây" gì đó, và được hưởng "lại quả" từ chữ ký của mình, thì liệu ông có ký những cái không đáng ký, nhưng lại nhận được tiền "lại quả" nhiều hay không ?.

Anh bạn cười thoải mái và trả lời :

- Ông thừa biết tôi không phải là kẻ tham lam, và cái ghế của tôi cũng chẳng liên quan gì đến việc ký cú. Tôi là người làm chuyên môn thuần túy. Nhưng, bạn đã hỏi thì tôi xin trả lời : Chuyện này không thể nói dỡn được. Nếu tôi trả lời là nhất định sẽ không ký, thì e rằng hơi khiên cưỡng, bởi chỉ có những người đã rút lui khỏi chức vụ và trong sạch mới có quyền khẳng định như vậy. Tuy nhiên, tôi cứ thử giả định thế này : Về những cái không đáng ký, có thể lần đầu tôi không ký. Lần thứ hai, tôi không ký. Nhưng lần thứ ba, thứ tư và nhiều lần khác nữa thì sao?. Thêm nữa, có thể lính của tôi nó che chắn để không có sơ hở nào cả, tôi cứ ký, thế là trên dưới cùng vui. Lại còn nữa, biết đâu ở cơ quan ấy đã có sẵn "dây" rồi, thử hỏi tôi không ký thì liệu tôi có còn ngồi được ở ghế ấy nữa không ?. Còn về những cái đáng ký, trên thực tế, có những cái ký rất hợp lý và vẫn nhận được "lại quả". Ông nghĩ xem, vui này, được tiền này, lại không bị mất gì, liệu ông có ký hay không ?. Ông hãy tự hỏi mình đi !.

Thay vì trả lời, tôi lại đặt câu hỏi:

- Thế thì người ký được. Rõ rồi. Ai mất ?. Phải chăng là đối tác ?.

Bạn tôi đăm chiêu nói :

- Đó, chính mới là chuyện phức tạp đến đau lòng. Đối tác chẳng mất gì cả, mà trái lại họ lại được tất cả. Ta mất cả chì lẫn chài, cả của lẫn người. Có không ít cán bộ giỏi sa vào con đường tham nhũng, và nhận được kết cục đau buồn, còn Nhà nước thì mất người. Nhưng, cái khổ là, có phải lúc nào lương tâm, trách nhiệm cũng hiện ra như vị thần "thưởng thiện, phạt ác" mà ngăn cản cái sai đâu. Cứ giả sử rằng, cán bộ của mình toàn là những người có lương tâm và đầy nhiệt huyết, tuy nhiên, chỉ lương

Digitized by Google

tâm, nhiệt huyết và trách nhiệm thôi thì không đủ, phải có luật pháp chặt chẽ, phải có kiểm tra sát sao, nếu không, ngay cả người tốt cũng có thể bị "dính". Cậu thử nghĩ xem - hối lộ một trăm triệu, cậu không ký ; hai trăm triệu - cậu không ký ; thế một tỉ, cậu có ký không ?. Lắc đầu chứ gì ?. Giỏi lắm, chưa lâm trận đâu. Thế còn năm tỉ, mười tỉ, và hơn nữa, con cậu sẽ được bảo lãnh ra nước ngoài học, mà học ở nước "xịn", hằng năm vợ cậu sẽ được sang thăm con với vé "thưởng" của hãng hàng không nào đó..., cậu có ký không?.

Là mình giả dụ vậy thôi. Cái "thằng" hối lộ nó tinh quái và nhiều biến ảo lắm. Các cụ ngày xưa chẳng đã nói rằng "khóa là khóa người ngay, chứ làm sao khóa được kẻ gian". Tức là phải có khóa. Ta cứ hiểu là phải có một "cơ chế ngăn cản" để người ngay không trở thành kẻ gian. Còn kẻ gian nhất định phải bị khóa chặt. Cậu quá biết, thiếu gì người vốn tốt, mà bây giờ cũng ngồi tù vì dính tham nhũng, bởi chung quanh những chuyện ký tá như vậy. Tham nhũng giống như con ác thú đói mồi vậy. Bất cứ lúc nào nó cũng muốn ăn tươi, nuốt sống cái bộ máy nhà nước của chúng ta, nếu ta không có một hệ thống pháp lý chặt chẽ, không có một sự quản lý nghiêm minh từ trên xuống dưới, trên phải làm gương cho dưới. Tức là, nếu không có một cái lồng thép quây chặt con ác thú tham nhũng lại, thì cán bộ của ta bị nó ăn thịt là điều khó có thể tránh khỏi. Theo mình, công việc này đòi hỏi phải kiên trì, thận trọng và phải vận động sâu rộng trong toàn bộ hệ thống, trong toàn dân. Còn nhà nước là còn có tham nhũng, vấn đề cốt tử là cái lồng thép của ta có tốt hay không !.

Tôi phản bác nhẹ nhàng :

- Anh có vẻ khoái cái "lồng thép luật pháp". Nhưng theo tôi, tham nhũng đâu chỉ đơn giản là con ác thú, nên gọi nó là con quái vật. Pháp luật bao giờ cũng có kẽ hở - tựa như các khoảng hở trên cái lồng của anh vậy, và nếu những chiếc vòi của con quái vật này vươn ra ngoài chiếc lồng thép pháp luật, thì anh nghĩ thế nào ?.

Bạn tôi cười, nhìn tôi như châm chọc, rồi khẽ khàng :

- Sao hôm nay ông ưa hỏi vậy ?. Tôi chẳng đã nói phải có cuộc vận động sâu rộng là gì ?. Nếu chỉ có pháp luật không thôi, thì sẽ xảy ra tình huống mà ông vừa nói, nhưng nếu, vừa chống tham nhũng, vừa đẩy mạnh công cuộc phát huy dân chủ ở các cấp, thì ta sẽ tạo ra được một thiên la địa võng vây chặt con quái vật tham nhũng , tạo ra "lưới trời lồng lộng, thưa mà không lọt", đúng không ?. Ông mà đọc các quy định của Chính phủ về thực hiện dân chủ ở cấp xã, phường, rồi từ đó suy rộng ra, thì ông sẽ thấy - nếu ta cứ thực hiện được những quy định này, tham nhũng chí ít sẽ không dám, không thể hoành hành, nếu không nói là bị nhốt chặt !. Nhưng thôi, dừng ở đây nhé, ông đến là để vui với tôi kia mà.

Chúng tôi cạn chén, mừng cái gọi là "chiếc ghế mới" ; và tôi thầm cầu chúc cho chủ nhân "chiếc ghế" ấy không bao giờ bị khuất phục bởi con quái vật tham nhũng. ❑

Digitized by Google

VỀ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA THẾ GIỚI ĐƯƠNG ĐẠI

TRẦN HỮU TIẾN *

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta không tách rời những điều kiện quốc tế đang diễn biến phức tạp hiện nay. Các Đại hội VIII và IX của Đảng ta đã chỉ ra những đặc điểm và xu thế chủ yếu của tình hình thế giới đương đại. Diễn biến tình hình thế giới sau Đại hội IX xác nhận những nhận định và dự báo của Đảng ta là đúng đắn. Tuy nhiên những nhận định và dự báo đó cần được cụ thể hóa và được bổ sung, phát triển do đòi hỏi của thực tiễn.

1 - Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, trật tự quốc tế thay đổi căn bản theo hướng bất lợi cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có lợi cho các thế lực phản động

Nghị quyết Đại hội VIII viết : "Chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ khiến CNXH tạm thời lâm vào thoái trào nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất thời đại ; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên CNXH". Đây là đặc điểm chủ yếu nhất, nổi bật nhất của tình hình thế giới giai đoạn hiện nay. Đặc điểm này thể hiện sự vận động rất phức tạp của các mâu thuẫn thời đại, mâu thuẫn giữa CNXH và CNTB, mâu thuẫn giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa đế quốc, mâu thuẫn tư bản và vô sản trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Sự đảo lộn tương quan lực lượng theo hướng bất lợi cho các lực lượng tiến bộ và cách mạng đưa đến những hậu quả chính trị - xã hội và kinh tế - xã hội hết sức nghiêm trọng. Bước lùi của cách mạng hiện nay là bước lùi lớn nhất, toàn diện nhất kể từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, thậm chí từ sau Công xã Pa-ri cho đến nay. Con đường đi lên CNXH của các dân tộc trở nên quanh co phức tạp hơn nhiều so với trước đây. Sau khi Liên Xô và nhiều nước XHCN tan rã, trật tự quốc tế Y-an-ta sụp đổ và bị thay thế bằng trật tự quốc tế mới, với một siêu cường là Mỹ. Cuộc đấu tranh của các dân tộc cho một thế giới hòa bình, dân chủ, cho một trật tự quốc tế công bằng, nhân văn đang gặp những khó khăn thách thức to lớn.

Trong cuộc thoái trào đang diễn ra, cách mạng không chỉ có chiều hướng đi xuống mà vẫn có chiều hướng phát triển đi lên. Biểu hiện của chiều hướng này là việc CNXH hiện thực sau cơn bão táp chính trị dữ dội không những tiếp tục tồn tại mà còn

* GS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

có khả năng tự đổi mới để phát triển. *Đây là nhân tố cách mạng chủ đạo hiện nay.* Thắng lợi của các công cuộc đổi mới, cải cách, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, Trung Quốc... tuy chỉ là bước đầu nhưng đã góp phần rất quan trọng vào việc khôi phục, giữ vững niềm tin của nhân dân thế giới vào tương lai XHCN của loài người. Đối với các nước XHCN còn lại, tất cả vấn đề là ở chỗ xác định đường lối chiến lược, sách lược đối nội, đối ngoại đúng đắn cho phép tranh thủ mọi thời cơ, đẩy lùi mọi nguy cơ để đưa sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng CNXH tiếp tục tiến lên. Tuy nhiên, việc xác định đường lối, giữ vững định hướng ở một số nước XHCN còn lại là vấn đề không đơn giản.

2 - Cách mạng khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội

Trong khi trên thế giới có những đảo lộn về chính trị, chế độ xã hội, chế độ kinh tế thì lực lượng sản xuất của loài người vẫn không ngừng phát triển ; cách mạng khoa học - công nghệ vẫn diễn ra mạnh mẽ, liên tục. Trong thế kỷ XX, lực lượng sản xuất ở các nước tư bản phát triển đã chuyển từ giai đoạn công nghiệp cơ khí là chủ đạo sang giai đoạn công nghệ tin học, kinh tế tri thức là chủ đạo. Quá trình này cũng đang diễn ra ở một số nước đang phát triển. Trong thế kỷ XXI, như Nghị quyết Đại hội IX dự báo, "khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất". Cơ cấu kinh tế của các nước phát triển đã thay đổi căn bản. Những ngành sản xuất công nghệ cao, kinh tế dịch vụ, kinh tế tri thức chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP (từ 60% đến 80%).

Cách mạng khoa học - công nghệ đã và sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp đưa đến những biến đổi khó lường về kinh tế - xã hội, văn hóa, tư tưởng, lối sống và cả kiến trúc thượng tầng chính trị. Thực tiễn nửa cuối thế kỷ XX cho thấy lực lượng sản xuất không ngừng phát triển đã đòi hỏi tháo dỡ mọi trở lực, mọi rào cản. Đó là xu thế mạnh mẽ không thể đảo ngược. Những sai lầm chủ quan trong chính trị, quản lý kinh tế, nhất là trong xác định mô hình đã làm cho CNXH hiện thực trong một thời gian dài không phát huy được tiềm năng của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Đó là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội ở các nước XHCN.

Thời đại chúng ta mang hai nội dung chính yếu : *thứ nhất* là, "sự quá độ của loài người từ CNTB lên CNXH", nếu nhìn từ góc độ hình thái kinh tế - xã hội, cách nhìn tổng quát nhất ; *thứ hai* là, "cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại", nếu nhìn từ góc độ kinh tế - kỹ thuật, tức là từ góc độ sức sản xuất. Dưới góc độ này có thể sử dụng các thuật ngữ "thời đại hậu công nghiệp", "thời đại xã hội thông tin", "thời đại kinh tế tri thức" v.v...

Chủ sở hữu đối với khoa học - công nghệ, đối với trí tuệ, tri thức là các tập đoàn tư bản lớn. Đây là đặc điểm về mặt xã hội của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đang diễn ra trên thế giới đương đại. Nếu xét một cách trực tiếp và trước mắt, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tăng cường thế lực cho tư bản độc quyền ; nhưng mặt khác, trong sâu xa và về lâu dài, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ làm cho những mâu

Digitized by Google

thuẫn nội tại của CNTB phát triển nhanh chóng, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa cao và chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

3 - "Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh"

Toàn cầu hóa với tính cách sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa phát triển cao độ, quốc tế hóa cao độ mang ý nghĩa *thị trường hóa kinh tế trên phạm vi toàn cầu.* Trong những thập niên cuối thế kỷ XX, hầu hết các nền kinh tế kế hoạch tập trung đều chuyển đổi sang kinh tế hàng hóa. Với toàn cầu hóa, "mặt phải" và "mặt trái" của cơ chế thị trường đều phát huy cao độ và tác động mạnh mẽ lên toàn bộ đời sống xã hội. Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, nhưng hiện mang tính chất tư bản chủ nghĩa (TBCN). Cũng như cách mạng khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa một mặt tiếp thêm sức mạnh cho tư bản độc quyền, mặt khác làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn của CNTB, đẩy nhanh quá trình hình thành các tiền đề của CNXH. Toàn cầu hóa tạo cơ hội lớn và những thách thức lớn cho tất cả các quốc gia dân tộc, đặc biệt là các nước đang phát triển và các nước CNXH, trong đó có nước ta.

4 - "Những vấn đề toàn cầu", đặc biệt là vấn đề môi trường tự nhiên bị xâm hại, đang ngày càng trở nên bức xúc đối với toàn nhân loại

Ngày nay, các dân tộc đang đứng trước "những vấn đề toàn cầu" rất phức tạp, chúng tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của tất cả các quốc gia, các châu lục, đến đời sống con người, có ảnh hưởng to lớn đến vận mệnh của toàn nhân loại. Đó là các vấn đề về môi trường sinh thái, dân số, về đói nghèo, bệnh tật, tội phạm, khủng bố, v.v.. Đây là những vấn đề không chỉ riêng của một quốc gia, một giai cấp, một tầng lớp xã hội nào. Tất cả các vấn đề đó đều có nguồn gốc xã hội. Chúng nảy sinh từ tình trạng hoạt động của con người bị chi phối mạnh mẽ bởi động cơ lợi nhuận và những lợi ích thiển cận. Việc giải quyết các vấn đề trên đòi hỏi tất cả các nước phải thực thi chiến lược phát triển đúng đắn, đồng thời phải có sự hợp tác đa phương giữa các quốc gia trên phạm vi toàn thế giới. Sự đoàn kết đấu tranh của các dân tộc, của nhân loại tiến bộ chống các nhân tố vô thức hay có ý thức phá hoại môi trường sinh thái ngày càng có vai trò quan trọng đối với hòa bình và sự phát triển. Phong trào đấu tranh cho sự hợp tác để giải quyết các vấn đề toàn cầu ngày càng rộng khắp là một trong những đặc điểm của tình hình thế giới đương đại.

5 - Chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền toàn cầu hóa, giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn mà Lê-nin chưa được chứng kiến nhưng đã dự đoán về đại thể

CNTB toàn cầu hóa là giai đoạn trong đó lực lượng sản xuất đã xã hội hóa cao độ và tư bản cũng tập trung hóa, xã hội hóa cao độ trong khuôn khổ chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Mặc dù CNTB hiện đại vừa tạm thời thắng thế trong cuộc đối đầu với các lực lượng XHCN và độc lập dân tộc, đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, về thị trường và các phương

Digitized by Google

tiện vật chất khác, đang thống trị phần lớn thế giới và còn tiềm năng phát triển nhất định, song nó không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có của mình. Trong đó, đặc biệt phải kể đến mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất, mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ các nước tư bản, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển. Có nhiều triệu chứng nói lên rằng, CNTB đã qua thời kỳ phát triển tương đối lâu dài và ổn định từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Những cuộc khủng hoảng diễn ra liên tiếp không thể dự đoán trước. Đó là khủng hoảng chu kỳ, khủng hoảng cơ cấu, khủng hoảng hệ thống tài chính quốc gia và quốc tế, khủng hoảng về nhiều mặt đời sống xã hội. Hiện tại ba trung tâm lớn của CNTB là Bắc Mỹ, châu Âu, Nhật Bản không còn duy trì được mức độ tăng trưởng cao về GDP. Những trung tâm này đã lâm vào trì trệ (châu Âu), suy thoái (Nhật Bản), thiếu ổn định (Mỹ). Để sớm ra khỏi khủng hoảng và giải quyết các mâu thuẫn, CNTB sử dụng ngày càng nhiều giải pháp tình thế hoặc phi kinh tế, phần lớn trong số đó xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của người lao động, làm tăng thêm mâu thuẫn xã hội. Mặc dù CNTB có nhiều biểu hiện bất ổn định, song vẫn có khả năng CNTB tìm ra lối thoát tạm thời để tiếp tục phát triển ít ra là trong nửa đầu thế kỷ XXI.

6 - Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay go phức tạp trong điều kiện khó khăn cho các giai cấp và các dân tộc bị áp bức

Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp thay đổi nhiều về hình thức. Các quốc gia độc lập dân tộc kiên trì cuộc đấu tranh để tự quyết định con đường phát triển của mình. Phong trào công nhân ở các nước tư bản phát triển mấy chục năm qua bị suy yếu nghiêm trọng, nhưng đã có một số dấu hiệu phát triển trở lại. Biểu hiện rõ nhất là phong trào quần chúng do giai cấp công nhân làm nòng cốt chống chủ nghĩa tự do mới, chống mặt trái của toàn cầu hóa, chống các chính sách bất công, phản dân chủ và hiếu chiến của tư bản độc quyền, đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, công bằng xã hội, hòa bình hợp tác và phát triển. Tuy nhiên, phong trào công nhân, lao động vẫn đứng trước những khó khăn thử thách to lớn. Phong trào công nhân và phong trào cộng sản quốc tế chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng. Số lượng đảng viên cộng sản tiếp tục giảm sút. Không ít đảng cộng sản bị phân liệt, bị thoái hóa thành các đảng xã hội - dân chủ. Tuy nhiên, phong trào cộng sản không thể tiêu vong. Nhiều đảng cộng sản và công nhân trong điều kiện khó khăn vẫn giữ vững mục tiêu lý tưởng, kiên cường đấu tranh, mở rộng cơ sở quần chúng, tiếp tục tìm kiếm chiến lược, sách lược đúng đắn để khôi phục phong trào. Các phong trào đấu tranh chống sự lũng đoạn của tư bản độc quyền, phong trào hòa bình, dân chủ ở các nước tư bản sẽ mở rộng cơ sở của phong trào cộng sản, tạo điều kiện mới để phong trào này phát triển.

7 - Cuộc đấu tranh giữa xu thế hòa bình hợp tác để phát triển với các thế lực hiếu chiến, các nhân tố gây mất ổn định trong quan hệ quốc tế diễn ra gay go phức tạp.

Hòa bình, hợp tác là ý nguyện của nhân dân các dân tộc ở mọi thời đại. Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, hòa bình, ổn

định để phát triển trở thành xu thế mạnh mẽ của thế giới. Trong điều kiện không còn đối đầu giữa hai siêu cường và trong điều kiện toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, các quốc gia lớn, nhỏ cần tập trung vào phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế. Các chính sách của một vài cường quốc tư bản như Mỹ, Anh đi ngược xu thế hòa bình, hợp tác đã vấp phải sự phản đối của nhiều tầng lớp xã hội, nhiều quốc gia yêu chuộng hòa bình. Trong thập niên vừa qua, các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác hòa bình không loại trừ mà còn bao hàm đấu tranh và cạnh tranh gay go, quyết liệt. Tuy nhiên, thế giới đương đại không chỉ có hòa bình và ổn định mà còn có nguy cơ mất ổn định, hòa bình và an ninh của các dân tộc vẫn bị đe dọa nghiêm trọng.

Sau khi cuộc đối đầu giữa hai khối quân sự kết thúc, nhân dân thế giới tưởng đã được sống trong hòa bình, không còn lo chiến tranh hủy diệt ; khối Vác-sa-va đã giải thể, thì NATO không còn lý do tồn tại chắc cũng sẽ bị giải thể. Song nguyện vọng đó của các dân tộc không được đáp ứng. Khối NATO không những không giải thể mà còn được tăng cường và bành trướng về phía Đông. Khối này tự xem là hiến binh và quan tòa quốc tế, tự cho mình quyền can thiệp vào bất cứ đâu trên thế giới. Nguy cơ chiến tranh hủy diệt chưa bị loại trừ. Mưu toan thống trị thế giới của một siêu cường, vai trò ngày càng lớn của các tổ hợp quân sự công nghiệp, áp bức dân tộc tiếp tục duy trì, bất công xã hội ngày càng tăng..., đó là những nhân tố gây mất ổn định trên thế giới. Chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Chừng nào những lợi ích ích kỷ cực đoan, thói ỷ vào sức mạnh trong quan hệ quốc tế còn chi phối các đường lối chính sách nhà nước thì chừng đó xu thế hòa bình, hợp tác vẫn phải đối mặt với những thách thức to lớn. Cuộc đấu tranh, cạnh tranh giữa xu thế ổn định, hòa bình, hợp tác để phát triển với các nhân tố gây căng thẳng, mất ổn định, đặc biệt là những thế lực hiếu chiến, diễn ra gay go phức tạp là một trong những đặc điểm của tình hình thế giới hiện nay.

8 - Sự phát triển năng động, hòa bình hợp tác đang là xu thế ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Song ở khu vực này cũng tồn tại những nhân tố gây mất ổn định

Nước ta nằm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, một khu vực rộng lớn có vị trí và vai trò về kinh tế, chính trị, quân sự hết sức quan trọng trên thế giới hiện nay. Tình hình khu vực này có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng ta nhận định : "Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Đồng thời khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định". Đây không chỉ là đặc điểm khu vực mà còn là một trong những đặc điểm của tình hình thế giới đương đại.

Những đặc điểm chủ yếu của tình hình thế giới trên đây không tồn tại nhất thời. Chúng sẽ tồn tại lâu dài, ít nhất là trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

Thể chế dân chủ cơ sở ở Trung Quốc - THÔN TỰ TRỊ

NGUYỄN VŨ*



Thủ phủ khu tự trị Tây Tạng Trung Quốc - Ảnh tư liệu

VẤN đề dân chủ hóa nói chung và dân chủ hóa ở cơ sở là một trong những vấn đề bức xúc và phức tạp nhất của chủ nghĩa xã hội, cả về lý luận và thực tiễn. Trung Quốc cho rằng, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở với hình thức thôn tự trị (ở nông thôn) và khu dân cư tự trị (ở đô thị) là sáng kiến lớn của quần chúng nhân dân và là chủ trương hết sức trọng đại của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Có thể nói, đó là hình thức tốt nhất để thực hiện dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền dân chủ thật sự của hàng trăm triệu nhân dân, nhất là nông dân Trung Quốc, lớp người mà từ hàng nghìn năm cho đến ngày được giải phóng, chưa hề biết đến dân chủ là gì.

Tại Trung Quốc, khi nói đến vấn đề dân chủ cơ sở, trước hết phải nói dân chủ cơ sở ở nông thôn. Trong số 1,2 tỉ dân, có 900 triệu người sống ở nông thôn. Đó là thực tế cơ bản của Trung Quốc, là yếu tố có tính chất quyết định đối với toàn bộ cục diện kinh tế chính trị xã hội Trung Quốc. Việc thực hiện dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa, cũng phải bắt đầu từ hiện thực to lớn đó : nông dân và nông thôn. Khi nói tới vấn đề nông thôn, nông dân, trước hết là muốn nói làm thế nào để động viên tinh thần tích cực của nông dân. Để làm điều này, điều then chốt là về kinh tế, cần bảo đảm lợi ích vật chất cho nông dân ; về chính trị, cần tôn trọng quyền dân chủ của họ. Ở nông thôn Trung Quốc, sau khi thực hiện khoán ruộng đất đến hộ và chuyển đổi sang kinh tế thị trường, nông dân có quyền chủ động trong sản xuất và kinh doanh ; trở thành chủ thể độc lập trên thị trường. Hàng triệu chủ trang trại lớn nhỏ sản xuất hàng hóa có tỷ suất hàng hóa 100%, đưa tỷ suất hàng hóa nông phẩm toàn Trung Quốc lên bình quân 70%. Thực tiễn đó cho thấy nông dân Trung Quốc đã thật sự có dân chủ trong kinh

Digitized by Google

doanh. Đó là một chuyển biến hết sức căn bản về kinh tế và chính trị của nông dân. Bởi lẽ, trước đó, trong khuôn khổ của xã viên hợp tác xã kiểu cũ hay của cái gọi là công xã nhân dân, người nông dân hầu như chỉ biết thừa hành mọi mệnh lệnh của tập thể, chẳng hề có quyền dân chủ kinh tế ; do đó, cũng chẳng hề có quyền dân chủ chính trị. Việc thực hiện quyền dân chủ kinh tế tạo tiền đề cơ bản để thực hiện quyền dân chủ chính trị. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng. Hơn nữa, thực hiện dân chủ chính trị là đáp ứng yêu cầu cấp bách của hàng triệu nông dân sau khi họ đã làm chủ về kinh tế. Bởi lẽ, sau khi trở thành chủ thể của mọi hoạt động kinh tế ở nông thôn, nay dân thôn lại muốn tự chủ về chính trị để có lợi cho tự chủ về kinh tế. Họ muốn dùng quyền dân chủ về chính trị để bảo vệ quyền dân chủ về kinh tế. Họ muốn tự mình bầu ra người đại diện cho quyền lợi của mình để quản lý các công việc trong thôn bản, làm việc vì lợi ích của họ. Nói một cách khái quát, đông đảo nông dân xuất phát từ lợi ích kinh tế chính đáng của mình, đã có ý thức mạnh mẽ muốn thực hiện bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ và giám sát dân chủ. Luật Tổ chức Ủy ban thôn tạm thời (ban hành 1988) và chính thức (năm 1998) đã đáp ứng nguyện vọng sâu xa đó của hàng trăm triệu nông dân. Ngay tại Điều 1, Luật này đã quy định phải "bảo đảm nhân dân nông thôn dựa theo luật pháp để giải quyết công việc của mình, thực hiện việc tự trị ở thôn bản, phát triển dân chủ cơ sở nông thôn, thúc đẩy việc xây dựng văn minh vật chất và văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa ở nông thôn". Tiếp đó, Điều 2 xác định tính chất cơ bản của "Ủy ban thôn là tổ chức tự trị có tính chất quần chúng ở cơ sở, làm chức năng tự quản lý, tự giáo dục, tự phục vụ ; và thực hiện bầu cử dân chủ, quyết sách dân chủ, quản lý dân chủ, giám sát dân chủ. Ủy ban thôn giải quyết các công việc công cộng và sự nghiệp công ích của thôn ; hòa giải những xích mích trong dân của thôn ; phối hợp với cơ quan hữu quan giữ gìn trật tự trị an xã hội ; phản ánh với chính phủ nhân dân (ủy ban nhân dân) ý kiến và yêu cầu của nhân dân trong thôn, đồng thời đề đạt kiến nghị".

Luật này xác định một số quan hệ lợi ích cơ bản ở nông thôn như sau. *Thứ nhất, quan hệ giữa nhà nước và các tổ chức tập thể ở nông thôn.* Theo quy định của luật, quan hệ của chính quyền xã, thị trấn (ở Trung Quốc, gọi là chính phủ xã, chính phủ thị trấn. Thị trấn tương đương cấp xã) với Ủy ban thôn, là quan hệ chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ và phối hợp (hiệp trợ). Chính phủ xã và thị trấn không được quyền tùy tiện can thiệp vào công việc tự trị mà luật pháp đã xác định cho nông dân thôn. Có thể thấy, đây là một thay đổi hết sức quan trọng, vì từ trước đến nay, chính quyền xã và thị trấn là cơ quan quyền lực nhà nước cấp trên trực tiếp của thôn. Họ thường thực thi quyền quản lý hành chính toàn diện và trực tiếp đối với thôn. Cũng cho thấy, Trung Quốc rất mạnh dạn cải cách những thể chế cũ, không thích hợp với cơ chế kinh tế mới. *Thứ hai, quan hệ giữa nhà nước và nông dân.* Trong đó, nhà nước bảo vệ lợi ích kinh tế hợp pháp và quyền dân chủ chính đáng của nông dân.

Digitized by Google

Nông dân dựa theo luật pháp để triển khai công việc tự trị, thực thi quyền dân chủ của mình. *Thứ ba, quan hệ giữa cán bộ và nông dân trong thôn.* Cán bộ của Ủy ban thôn đều không thoát ly sản xuất, họ không phải là nhân viên nhà nước. Họ do nông dân thôn bầu ra, trợ cấp của họ do nông dân bỏ ra. Số người được hưởng trợ cấp và được trợ cấp bao nhiêu cho mỗi người, đều do quần chúng nông dân quyết định, không do chính phủ quyết định. *Thứ tư, quan hệ giữa nông dân với nhau.* Đây là một quan hệ bình đẳng, bình đẳng về lợi ích và về chính trị. Họ đều là những công dân bình đẳng, đồng thời là những người sản xuất hàng hóa có quyền lợi như nhau trước pháp luật. Họ chỉ khác nhau về trình độ giáo dục và về mức độ giàu có, không có sự phân biệt sang hèn.

Rõ ràng Luật Ủy ban thôn là căn cứ quan trọng nhất để điều chỉnh quan hệ lợi ích ở nông thôn, để xử lý các mâu thuẫn xã hội ở nông thôn, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển và bảo vệ ổn định nông thôn.

Tư tưởng cốt lõi của bộ luật là xác lập quyền tự trị của cộng đồng dân thôn. Vậy tính chất của quyền tự trị là gì ? Tự trị có nghĩa là một chủ thể nào đó tự mình xử lý công việc của mình, không có sự can thiệp của một thế lực nào ở bên ngoài. Nhưng đó là sự giải thích tự trị thuần tuý tự nhiên. Trong một xã hội hiện đại, sự vận hành của xã hội bao giờ cũng tuân theo quy luật vận động mang tính chất quần thể. Vì vậy, tự trị là một cộng đồng người có năng lực hoặc tư cách pháp luật để quản lý và giải quyết công việc của mình một cách tương đối độc lập, tùy theo ý chí và nguyện vọng của mình, không lệ thuộc vào chính quyền các cấp. Tự trị của dân thôn là chế độ dân chủ cơ sở ở nông thôn. Xét theo ý nghĩa hiện đại, các hình thức tự trị có thể có khác nhau, nhưng đều không tách khỏi hai nội dung là tự trị và dân chủ. Tự trị không đồng nhất với dân chủ, nhưng tự trị có nghĩa là thực thi quyền dân chủ ở mức độ cao. Nhưng dù ở mức độ nào, thì dân chủ vẫn có hàm nghĩa xác định. Theo đó, dân chủ có nghĩa là người dân là chủ thể của quốc gia ; quyền lực của chính phủ là do nhân dân trao cho. Công dân có quyền tham dự chính trị. Tham dự chính trị là một tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ dân chủ và dân trí của một nước. Nội dung quan trọng nhất của dân chủ là dân chủ trên cơ sở pháp luật. Pháp luật là hóa thân của ý dân. Như vậy, mức độ tự trị càng cao, thì ý thức dân chủ càng cao. Ý thức dân chủ càng cao, tự giác pháp luật càng cao. Cho nên, tự trị của dân thôn có nghĩa là cộng đồng dân cư trong thôn dựa theo quy định của pháp luật để tiến hành công việc của mình. Quyền tự trị đó là do pháp luật (hiến pháp, pháp luật) quy định, chứ không phải tự thân cộng đồng dân cư "sinh ra là có quyền tự trị". Vì vậy, khi cộng đồng dân thôn thực thi quyền tự trị, không thể làm trái với quy định của hiến pháp, pháp luật. Mặt khác, quyền tự trị của dân thôn mang tính chất tự trị của quần chúng cơ sở, nó không mang tính chất chính quyền địa phương như các khu dân tộc tự trị. Khu dân tộc tự trị là mang tính chất phân quyền giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Còn tự trị của dân thôn là tổ chức tự trị quần chúng,

Digitized by Google

không thuộc hệ thống chính quyền nhà nước, không phải là vật phụ thuộc cơ quan chính quyền cơ sở (xã, thị trấn). Các cơ quan này không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của thôn do pháp luật quy định. Những công việc nội bộ dân thôn đó, chủ yếu là bầu cử dân chủ, quản lý dân chủ, quyết sách dân chủ và giám sát dân chủ ; và tự quản lý, tự giáo dục, tự phục vụ. Có thể khẳng định tất cả những công việc thuộc phạm vi tự trị của dân thôn đều là những việc có liên quan đến lợi ích kinh tế, chính trị thiết thân của dân thôn. Lẽ đương nhiên, việc phát huy quyền làm chủ của cộng đồng dân cư trong thôn để tự mình giải quyết những công việc đó, là phương án tối ưu để đạt được hiệu quả quản lý xã hội tốt nhất, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội hiện đại.

Về quan hệ giữa chính quyền cơ sở và Ủy ban thôn, bộ luật quy định, cơ quan chính quyền nhà nước chỉ thực thi quyền lực hành chính và không can thiệp vào công việc tự trị của cộng đồng dân thôn. Ngược lại, cộng đồng tự trị không có quyền xử lý những công việc thuộc quyền quản lý hành chính của chính quyền. Như vậy, chính quyền nhà nước tuy không có quyền can thiệp vào công việc tự trị của cộng đồng dân cư, nhưng vẫn có quyền thực thi quyền lực hành chính xuống tận thôn xóm, thậm chí đối với cá nhân công dân (chẳng hạn như những sự việc có liên quan đến an ninh quốc gia, đến tội phạm...) chỉ với điều kiện là không xâm phạm công việc tự trị của dân thôn theo luật định. Rõ ràng, ở đây có mối quan hệ song trùng : quan hệ giữa công dân và nhà nước (chính quyền nhà nước) và quan hệ giữa dân thôn và chủ thể tự trị dân thôn. Cũng do vậy, cộng đồng tự trị chịu sự quản lý của hai chủ thể : chủ thể tự trị và chủ thể quyền lực nhà nước. Trong đó, nếu chủ thể tự trị có khả năng quản lý những công việc nội bộ của mình đến mức có thể giảm tối đa hiện tượng vi phạm những quy phạm hành chính thuộc phạm vi quyền lực nhà nước, thì có thể thu hẹp tới mức tối đa việc thực thi quyền lực chính quyền cơ sở tại cộng đồng dân thôn, và ngược lại. Ở đây cần chỉ rõ rằng cộng đồng tự trị dân thôn tuy không phải là một cơ quan quyền lực nhà nước ; nói cách khác, quyền tự trị của dân thôn không phải là chính quyền nhà nước ; nhưng về mặt tự trị nội bộ dân thôn, thì đối với cộng đồng dân thôn hay đối với công việc nội bộ thôn, cơ quan tự trị có quyền quản lý các công việc công cộng, sự nghiệp công ích trong thôn, và quyền quản lý đó có sức mạnh ràng buộc nhất định đối với mỗi người dân. Bất cứ dân thôn nào hoặc một tổ chức nào trong thôn đều không thể viện lý do cơ quan tự trị không có quyền lực nhà nước, để không tuân theo sự quản lý của cơ quan tự trị. Về mặt đối ngoại, cơ quan tự trị cũng được pháp luật cho phép không chấp nhận sự can thiệp của cơ quan chính quyền, có quyền từ chối những quy định không hợp pháp của cơ quan quyền lực nhà nước.

Thể chế dân chủ - tự trị chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống không có dân chủ của xã hội chuyên chế phong kiến trước đây. Xã hội Trung Quốc bị chế độ quân chủ chuyên chế ngự trị suốt 4 - 5 ngàn năm, không hề

Digitized by Google

có tư tưởng dân chủ. Cũng le lói những ý tưởng tiến bộ như "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (Mạnh Tử, 372 - 289 trước Công nguyên), "vua là thuyền, thứ dân là nước, nước chở thuyền, và cũng có thể lật thuyền" (Tuân Tử, khoảng 313 - 230 trước Công nguyên). Nhưng đó chỉ mới dừng lại ở chỗ nói dân là quan trạng, vua quan phải dựa vào dân, khoan sức cho dân mới được dân ủng hộ, và như vậy mới tồn tại, mới giữ vững được địa vị và quyền lực của mình. Nếu không, sẽ bị tiêu vong. Như vậy, giai cấp thống trị chỉ coi dân là gốc của quyền lực của mình, chứ không hề có tư tưởng coi dân là chủ. Đó chính là tư tưởng "dân bản" (dân là gốc). Tư tưởng dân bản và dân chủ khác nhau rất xa. Bởi lẽ, theo ý nghĩa hiện đại, dân chủ có nghĩa chủ quyền của dân, quyền lực nhà nước phải bị kiềm chế, công dân có quyền tham dự chính trị, pháp luật cao hơn hết thảy. Còn dân bản là quý trọng dân, yêu dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân. Đương nhiên, tư tưởng dân bản cũng có nhiều yếu tố tích cực, ngày nay ta phải tiếp thu và phát huy. Song dưới thời phong kiến, tiền đề của tư tưởng dân bản là nhà vua có quyền lực tối thượng, người dân là đối tượng mà nhà vua phải quản chế ; nhà vua ngồi ở trên cao phải nghĩ đến dân, ban thí ơn huệ cho dân. Dân bản hoàn toàn không có nghĩa là dân có chủ quyền, dân làm chủ. Tư tưởng đẳng cấp và lễ giáo phong kiến đã bóp nghẹt cuộc sống của người dân trong mấy nghìn năm, và sau khi cách mạng thắng lợi, vẫn còn tàn dư kéo dài mãi, nhất là ở nông thôn. Thực tiễn đó đã ảnh hưởng rất lớn đến cuộc vận động dân chủ hóa và thể chế tự trị ở cơ sở. Điều này trước hết thể hiện ở chỗ, vai trò của bộ máy chính quyền, của hệ thống quản lý hành chính, vẫn còn rất lớn, vẫn còn giữ vị trí chủ đạo trong thể chế quản lý quốc gia, quản lý xã hội ở Trung Quốc. Trung Quốc tuyên truyền rất nhiều về hệ thống dân chủ, bao gồm hai bộ phận : bầu cử đại biểu Đại hội nhân dân các cấp, tức là dân chủ đại diện ; và trực tiếp bầu cử Ủy ban dân cư ở thôn và ở khu phố, tức là dân chủ trực tiếp. Nhưng cơ quan chính quyền, tức là hệ thống quản lý hành chính mà Trung Quốc gọi là chính phủ nhân dân các cấp vẫn giữ nguyên tính quyền uy của mình từ trung ương đến cơ sở. "Thôn" của Trung Quốc rất to, nhưng không phải là một cấp chính quyền, mà là một cấp chịu sự "chỉ đạo" của chính quyền xã. Cấp phường ở các đô thị Trung Quốc (Trung Quốc gọi là cấp "đường phố") cũng không phải là một cấp hành chính, không có Ủy ban nhân dân (chính phủ nhân dân) và Hội đồng nhân dân (Đại hội đại biểu nhân dân), mà chỉ có "Văn phòng đại diện chính quyền quận - huyện" (Trung Quốc gọi là khu, huyện). Nghĩa là phường, cho đến nay chỉ là một cấp hoàn toàn thừa hành, là một công cụ của chính quyền cấp trên. Cho nên, dân chủ cơ sở hay tự trị cơ sở ở thôn hay tiểu khu phố, đều phải chấp hành sự chỉ đạo của xã và của khu, huyện. Tuy luật quy định là "chỉ đạo", nhưng thực tế là lãnh đạo, mệnh lệnh.

Kể từ 1988 đến nay, tức là trong hơn 10 năm sau khi có Luật bầu cử Ủy ban thôn, việc bầu cử Ủy ban này đã tiến hành liên tục nhưng đều do trên giới thiệu người ứng cử, và nông dân chỉ việc đi bầu cho những người trong danh sách mà cấp trên đã giới thiệu. Vì vậy, tờ *Nhân dân nhật báo* ngày 13-7-2000 nói rằng nông

Digitized by Google

dân rất không bằng lòng cách bầu cử đó. Họ nói rằng : "bầu cử là công việc của cấp trên, mọi việc đã sắp xếp xong cả rồi, chỉ bắt chúng ta đi đóng kịch, thật là cái tội, cái nợ...". Đến tận bây giờ, tức năm 2000, quần chúng nhân dân mới có hai quyền trong bầu cử (bầu ủy ban thôn và ủy ban dân phố) : giới thiệu người được bầu, và cầm phiếu đi bầu. Trung Quốc rất đề cao việc này, coi việc này (người dân có hai quyền vừa nói) là một bước ngoặt, là thật sự dân chủ.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, sự tự trị ở cơ sở, bằng việc nhân dân tự do bầu cử ủy ban thôn, bằng các thiết chế dân chủ như hội nghị nhân dân, công khai công vụ, công khai tài vụ v.v... đều là sự phát huy dân chủ ở cơ sở. Có thể gọi đó là tự trị, tự quản, là một bước tiến rất lớn của dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Tàn dư của truyền thống tư tưởng họ tộc cũng ảnh hưởng không ít đến tiến trình dân chủ và tự trị ở nông thôn. Có thể nói cộng đồng dân cư Trung Quốc được hình thành theo từng họ tộc (gia tộc, dòng họ). Xã hội Trung Quốc từ nhiều nghìn năm qua là một xã hội họ tộc. Mặc dù sau khi cách mạng thắng lợi và chế độ xã hội mới được thiết lập, ảnh hưởng dòng họ về cơ bản đã nhường chỗ cho tư tưởng đại đoàn kết và dân chủ, bình đẳng. Tuy nhiên, tàn dư tư tưởng và các yếu tố của thế lực họ tộc vẫn còn tồn tại và gây ảnh hưởng khá mạnh ở nông thôn. Nói cho đúng thì tàn dư tư tưởng họ tộc đã suy yếu đi nhiều song vẫn chưa bị quét sạch, nếu gặp cơ hội là ngóc đầu dậy. Đó là vì xã hội phong kiến Trung Quốc trước ngày giải phóng 1949, bộ máy thống trị chỉ khống chế được đến cấp huyện, còn cả một xã hội nông thôn rộng lớn dưới cấp huyện chủ yếu là nằm dưới sự khống chế của các tổ chức địa phương do họ tộc thao túng. Sau 1949, đi đôi với các phong trào hợp tác hóa, công xã hóa, chính quyền nhà nước đã thâm nhập xuống đến xã thôn, song đó chỉ mới là về hình thức, chỉ mới tác động đến bộ mặt bề ngoài, còn đi sâu vào nội bộ từng thôn xóm và trong tư tưởng tình cảm của người dân, thì tàn dư tư tưởng họ tộc vẫn còn khá nặng nề, nhất là trong một nền kinh tế nông thôn lạc hậu và dân cư nông thôn sống theo hình thức cộng đồng họ tộc. Vì vậy, sau khi giải thể công xã nhân dân, thực hiện cơ chế khoán ruộng đất đến hộ, mỗi hộ là một đơn vị sản xuất, các hộ lại muốn trông cậy vào sự giúp đỡ của người trong họ tộc để làm ăn, để phát triển kinh doanh. Do vậy, thế lực họ tộc lại có cơ hội phục hồi và nhanh chóng gây ảnh hưởng tại địa bàn nông thôn rộng lớn. Thế lực họ tộc vốn là sản phẩm của kinh tế tiểu nông cá thể lạc hậu, mang bản chất tư tưởng hẹp hòi, bảo thủ, bất bình đẳng, tôn ti, chuyên chế. Cách cai quản của họ tộc hoàn toàn theo kiểu gia trưởng, tộc trưởng, trưởng lão, căn bản không theo nguyên tắc của lợi ích người dân. Cho nên trong sự bao trùm của thế lực họ tộc, người nông dân hầu như chẳng có quyền bình đẳng, mọi việc đều do các bậc trưởng lão trong họ tộc quyết định. Vì vậy, thế lực họ tộc đã gây cản trở rất nhiều đến tiến trình dân chủ hóa và thể chế tự trị ở thôn bản. Điều này đòi hỏi nhận rõ những yếu tố tiêu cực của tàn dư tư tưởng họ tộc để có biện pháp khắc phục có hiệu quả.

Digitized by Google

Thể chế tự trị cấp thôn được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thực tiễn hơn mười năm qua của quá trình hoạt động của Ủy ban thôn cho thấy, việc giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là điều kiện chính trị bảo đảm thực hiện luật Ủy ban thôn, bảo đảm quán triệt thể chế tự trị cấp thôn. Không có vai trò lãnh đạo của Đảng, không thể có chuyện tự trị của 900 triệu nông dân. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và việc thực hiện tự trị cấp thôn là hai sự việc nhưng chúng thống nhất với nhau, không mâu thuẫn nhau. Ở đây, cần chống những suy nghĩ một chiều, phiến diện ; hoặc là phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, để cho việc tự trị của nông dân diễn ra tự phát, vô tổ chức ; hoặc là bao biện làm thay, không tôn trọng quyền làm chủ của nông dân đã được luật quy định. Tự trị của dân thôn, không tách khỏi sự lãnh đạo của Đảng, trước hết là cán bộ lãnh đạo ở cơ sở của Đảng, phải nghiên cứu và học hỏi để biết cách lãnh đạo mới đối với công việc tự trị cấp thôn. Cần xác định rằng muốn thực hiện tự trị cấp thôn, phải tăng cường và đổi mới cách lãnh đạo cũ, thay đổi phương pháp làm việc và cách tư duy cũ, để có phương pháp thích ứng với tình hình mới. Một trong những yêu cầu quan trọng trên lĩnh vực này là đổi mới quan hệ giữa chi ủy và Ủy ban thôn.

Về phía chi bộ, các đảng viên trong chi bộ cần nâng cao nhận thức về dân chủ, tự trị và về pháp luật, cần đi đầu trong việc tôn trọng và bảo vệ địa vị pháp luật của Ủy ban thôn, ủng hộ Ủy ban thôn dựa theo pháp luật để triển khai công việc của họ. Đồng thời, phải góp phần hoàn thiện trình tự quyết sách trong thôn, kiện toàn quy chế làm việc, thực hiện công khai tài chính cấp thôn. Nếu cán bộ của Ủy ban thôn và của chi ủy đều có tinh thần khách quan, vô tư, hết lòng vì lợi ích nông dân ; lại thật sự dân chủ trong quyết sách và trong giám sát kiểm tra, thì quan hệ giữa Ủy ban thôn và chi ủy chắc chắn sẽ suôn sẻ ; dù có xảy ra vấn đề gì cũng dễ dàng giải quyết.

Sở dĩ phải nhấn mạnh vấn đề đổi mới quan hệ giữa chi ủy và Ủy ban thôn, là vì thời gian qua, nhiều nơi xảy ra mâu thuẫn và bất đồng hai tổ chức này. Điều này một phần là do Ủy ban thôn là do dân cử, được dân tín nhiệm. Trong khi đó, chi ủy là do nội bộ chi bộ bầu ra, dân không biết, không quan tâm, và do đó, dân không tín nhiệm. Để khắc phục sự khập khiễng về sự tín nhiệm của dân thôn đối với hai tổ chức này, nhiều nơi đã thực hiện việc bầu chi ủy theo hai bước. Bước 1, đưa "ứng cử viên vào chi ủy" ra lấy ý kiến của dân ; ai được đa số phiếu tín nhiệm của dân, mới đưa vào chi bộ để bầu chính thức. Cách làm này đang được áp dụng ngày càng phổ biến ở nông thôn Trung Quốc. Chắc chắn rằng đây là biện pháp có hiệu quả để bảo đảm vai trò trung tâm lãnh đạo của tổ chức đảng ở nông thôn nói chung và đối với việc thực hiện thể chế tự trị cấp thôn nói riêng.

Những kinh nghiệm thành công và chưa thành công của Trung Quốc trong quá trình thực hiện thể chế tự trị cấp thôn là có giá trị tham khảo. Đương nhiên, việc tham khảo kinh nghiệm của bất cứ nước nào cũng đều phải xuất phát từ thực tế nước ta và xem xét thực tế nước khác với tinh thần độc lập, sáng tạo và đổi mới. ❑

Digitized by Google

NHỮNG ĐIỀU CHỈNH MỚI TRONG CHIẾN LƯỢC AN NINH VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ

TRẦN BÁ KHOA

XUẤT phát từ những thay đổi nhanh chóng trong tình hình quốc tế và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thời gian gần đây, đặc biệt là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ, chính quyền của Tổng thống G. Bu-sơ đã tiến hành điều chỉnh lớn một loạt quan điểm an ninh và quân sự, hoạch định lại kế hoạch phòng thủ nước Mỹ và bảo vệ lợi ích quốc gia của Mỹ trên toàn cầu. Nhằm mục đích đó, Bộ Quốc phòng Mỹ và Tổng thống G. Bu-sơ đã trình lên Quốc hội Mỹ 3 báo cáo : *Đánh giá quốc phòng 4 năm (ngày 30-9-2001), Đánh giá tình hình hạt nhân (ngày 8-1-2002)* và *Chiến lược an ninh quốc gia (ngày 20-9-2002).* Căn cứ vào những văn kiện chính thức trên và các tư liệu liên quan, bước đầu có thể xác định một số nội dung chủ yếu của chiến lược an ninh mới và sự điều chỉnh mới trong chính sách đối ngoại Mỹ.

1 - Xuất hiện nhiều mối đe dọa mới và đối thủ tiềm ẩn khó xác định

Mặc dù sự kiện ngày 11-9-2001 có tác động sâu xa đối với việc hoạch định chính sách đối nội, đối ngoại và an ninh, quốc phòng của Mỹ, nhưng từ các văn kiện chính thức trên cho thấy, những xuất phát điểm cơ bản và mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Mỹ vẫn không thay đổi. Tuy nhiên đã có nhiều thay đổi trong đánh giá nguồn gốc, tính chất mối đe dọa, tư tưởng chiến lược, nhiệm vụ chiến lược, trọng điểm xây dựng và triển khai lực lượng ở trong và ngoài nước, v.v..

Dưới tiền đề môi trường an ninh hiện đã thay đổi, Mỹ phải dùng phương pháp mới định ra chiến lược mới để ứng phó. Theo học thuyết an ninh mới, khi quy hoạch lực lượng chiến lược, Mỹ sẽ thay đổi quan niệm dựa vào mối đe dọa của cường quốc toàn cầu hay khu vực trước đây sang ứng phó với "khả năng" hành động của các đối thủ tiềm ẩn và mối đe dọa không xác định. Sau sự kiện ngày 11-9-2001, Tổng thống G. Bu-sơ tuyên bố nước Mỹ ở trong "tình trạng chiến tranh" và tuyên chiến với chủ nghĩa khủng bố quốc tế, xem đó là "cuộc chiến lâu dài, bao gồm nhiều cuộc tiến công mạnh mẽ và các hoạt động bí mật". Ông cho đây là cuộc chiến tranh kiểu mới, khác với bất kỳ cuộc chiến tranh nào trước đây và tất cả các nước phải quyết định : "hoặc các vị đứng về phía chúng tôi hoặc các vị đứng về phía khủng bố" (Diễn văn trước Quốc hội Mỹ, ngày 20-9-2001). Ở Học viện lục quân (ngày 1-6-2002), Tổng thống G. Bu-sơ nói : "Cuộc chiến chống khủng bố đã nhanh chóng định hình lại chiến lược và chiến thuật quân sự. Những kẻ thù trước đây cần phải có quân đội qui mô lớn và khả năng công nghiệp hùng hậu mới đe dọa được người dân và đất nước Mỹ. Nhưng cuộc tiến công ngày 11-9-2001 chỉ đòi hỏi vài trăm

Digitized by Google

ngàn đô-la trong tay vài chục kẻ xấu xa. Tất cả những rối loạn và đau khổ chúng gây nên với chi phí còn ít hơn giá một chiếc xe tăng".

Theo các văn kiện chiến lược trên, mối đe dọa hạt nhân đối với Mỹ cũng đã thay đổi. Hiện nay, có 12 nước có kế hoạch phát triển vũ khí hạt nhân, 28 nước có tên lửa đạn đạo, 13 nước có vũ khí sinh học, 16 nước có vũ khí hóa học. Như vậy, lực lượng hạt nhân của Mỹ từ chỗ phải đối phó với một siêu cường (Liên Xô) trước đây sang đối phó với một loạt các đối thủ và các tổ chức phi quốc gia "không xác định". Những đối thủ tiềm tàng và khó xác định này tạo ra những mối đe dọa, thách thức không giống nhau và không thể dự đoán được. Theo kết quả nghiên cứu của Trung tâm Hớp-hơ ở Mỹ (tờ *Thương báo Hồng Công*, ngày 4-9-2002), Mỹ phân kẻ thù ra 3 loại : 1- Các nước trong "trục ác quỷ" gồm I-rắc, I-ran, Bắc Triều Tiên, nhất là I-rắc - đối tượng để Mỹ tiến công đánh đòn phủ đầu để thay đổi chế độ chính trị ; 2- Các cá nhân, tổ chức khủng bố và những ai chứa chấp, bao che bọn khủng bố ; 3- Các nước không ủng hộ Mỹ chống khủng bố. Về đồng minh và bạn bè có : Nhật Bản và các nước châu Âu là đồng minh, nước Nga đang trong tiến trình dân chủ hóa là "nửa bạn hay cận đồng minh" và Trung Quốc trong thời kỳ chuyển đổi mô hình là "nửa thù hay đối tượng cần tranh thủ". Nhiều nước Hồi giáo ôn hòa và một số nước Hồi giáo có khả năng ngả sang thù địch, Mỹ phải tranh thủ để họ giữ được thái độ trung lập. Mỹ cũng cần giúp đỡ và cảnh giác với một số nước chậm phát triển, chính trị không ổn định, không đủ năng lực quản lý kinh tế - xã hội, tạo ra mảnh đất nuôi dưỡng hoặc làm nơi ẩn náu cho các băng đảng tội phạm xuyên quốc gia và bọn khủng bố An Quê-đa rất nguy hiểm. Từ sự phân tích này, có tin cho biết, chính quyền G. Bu-sơ cho đây là thời cơ lớn tương đương như thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ cần chớp lấy để thiết lập một trật tự thế giới mới do Mỹ cầm chịch.

2 - "Ra tay trước, đánh đòn phủ đầu" - cốt lõi của học thuyết an ninh mới

Trong báo cáo Chiến lược an ninh quốc gia đầu tiên của mình (ngày 20-9-2002), Tổng thống G. Bu-sơ cho biết, nước Mỹ cần nỗ lực "duy trì ưu thế vượt trội và đánh bại chủ nghĩa khủng bố bằng cách đập tan mối đe dọa này trước khi nó đến biên giới chúng ta". Thực chất báo cáo chỉ tóm tắt một học thuyết an ninh được phát triển từ sau báo cáo "Đánh giá quốc phòng 4 năm" (ngày 30-9-2001) và là động lực đằng sau chiến dịch của chính quyền G. Bu-sơ nhằm lật đổ Tổng thống I-rắc X. Hút-xê-in hiện nay. Học thuyết này coi cuộc chiến chống khủng bố là trung tâm chính sách an ninh của Mỹ, tìm cách ngăn không để những kẻ khủng bố có được các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt và kêu gọi khi cần thiết phải mở *"hành động phòng ngừa, đánh đòn phủ đầu, ra tay trước"*. Báo cáo viết : "Nguy cơ lớn nhất mà đất nước chúng ta đang phải đối mặt nằm ở ngã ba của chủ nghĩa quá khích và công nghệ. Là một vấn đề về lẽ phải và tự vệ. Mỹ sẽ hành động chống lại những mối đe dọa này trước khi chúng thực sự định hình". Về vấn đề này, tại Học viện lục quân Oét Poi (West Point, ngày 1-6-2002), Tổng thống G. Bu-sơ tuyên bố : "Trong cuộc chiến chống khủng bố không thể thắng bằng thế thủ. Chúng ta phải ra tay trước, phá hỏng kế hoạch của chúng và đương đầu với những đe dọa tồi tệ nhất trước khi chúng phát sinh". Báo cáo cho biết, Mỹ sẽ hợp tác với các liên minh, bạn bè để phá tan mạng lưới của chủ nghĩa khủng bố và trừng phạt những quốc gia chứa chấp bọn khủng bố, nhưng Mỹ sẽ "hành động đơn phương khi quyền lợi của chúng ta và những trách nhiệm của

Digitized by Google

riêng chúng ta đòi hỏi". Báo cáo cho rằng, các chính sách *răn đe* và *ngăn chặn* điển hình thời chiến tranh lạnh đã không còn có ý nghĩa trong cuộc chiến chống khủng bố, khiến "hành động phòng ngừa, đánh đòn phủ đầu" trở nên cần thiết. Báo cáo viết : "Những khái niệm truyền thống về *răn đe* và *ngăn chặn* không có hiệu quả đối với kẻ thù theo chủ nghĩa khủng bố... Sự chồng chéo giữa *những nước bảo trợ bọn khủng bố* và những nước theo đuổi các *loại vũ khí hủy diệt lớn* buộc chúng ta phải hành động". Theo lời giải thích của các quan chức Mỹ, học thuyết "Đánh đòn phủ đầu" có thể bao gồm cả hoạt động ngoại giao, trừng phạt kinh tế, tình báo, hoạt động ngầm, phong tỏa tài khoản ngân hàng. Ngày 15-6-2002, Cố vấn An ninh quốc gia Mỹ C. Rai-xơ nói : "Chiến lược đánh đòn phủ đầu không chỉ nhấn mạnh đến tiến công quân sự, còn có thể bao gồm những thủ đoạn phi quân sự". Phần chủ yếu của văn kiện chiến lược này tập trung trình bày việc sử dụng chính sách ngoại giao, viện trợ và các thể chế quốc tế khác để giành thắng lợi trong cuộc chiến giữa "các giá trị và tư tưởng" thúc đẩy sự mở cửa dân chủ, kinh tế và sự tôn trọng các "giá trị nhân phẩm".

Như vậy, học thuyết "Đánh đòn phủ đầu" phản ánh những phán đoán cơ bản về mối đe dọa đối với Mỹ sau sự kiện ngày 11-9-2001. Từ đó, chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ được hình thành. Tháng 1-2001, Mỹ đã đưa ra thuyết "Trục ác quỷ" và xếp I-rắc, I-ran, Bắc Triều Tiên vào trục đó. Theo luận thuyết này, Mỹ đã xác định ba đối tượng của học thuyết "chủ động đánh phủ đầu" là tổ chức khủng bố xuyên quốc gia, những nước chứa chấp hoặc ủng hộ các tổ chức khủng bố và những nước Mỹ gán cho nhãn hiệu "trục ác quỷ" đã phát triển vũ khí hạt nhân, sinh học và hóa học thù địch với Mỹ.

Sau khi công bố học thuyết mới, dư luận trong và ngoài nước Mỹ, đa phần lên tiếng phê phán và lo ngại. Hai tờ báo Anh *"Tiền phong"* (ngày 12-10-2002) và *"Thời báo tài chính"* (ngày 20-6-2002) cho rằng học thuyết này vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bóp chết nguyên tắc chủ quyền quốc gia, cung cấp cho Mỹ "một công cụ tác oai tác quái", và chỉ dẫn tới vô chính phủ chứ không phải trật tự.

3 - Điều chỉnh cơ cấu lực lượng vũ trang và tổ chức phòng thủ lãnh thổ

Trong thông điệp Liên bang đầu tiên của mình (ngày 29-1-2002), Tổng thống G. Bu-sơ đề ra 3 nhiệm vụ trọng tâm : chống khủng bố, phòng thủ nước Mỹ và phục hồi kinh tế Mỹ. Trong 3 báo cáo chiến lược về chuyển hướng lớn trong kế hoạch chiến lược phòng thủ, chiến lược hạt nhân và chiến lược an ninh quốc gia, chính quyền G. Bu-sơ đã trình bày tư tưởng chiến lược mới và những biện pháp chiến lược mới, đáng chú ý là những nguyên tắc và nội dung chính sau :

Thứ nhất : Mỹ cần sử dụng mọi khả năng, lực lượng để duy trì và củng cố vị trí siêu cường duy nhất, không có đối thủ ngang hàng trong thế kỷ XXI. Điều này đòi hỏi Mỹ phải có ưu thế quân sự vượt trội và an ninh tuyệt đối.

Thứ hai : Trong điều kiện Mỹ không có đối thủ ngang hàng trực tiếp thì việc xây dựng quân sự không phải dựa trên mối đe dọa từ một cường quốc cụ thể nào, mà là trên cơ sở tạo dựng được lực lượng và phương tiện để giành chiến thắng trước bất cứ một kẻ thù giả định nào. Mặt khác, chiến lược tiến hành gần như đồng thời 2 cuộc chiến tranh khu vực lớn cũng bị loại bỏ.

Thứ ba : Với quy mô kinh tế khổng lồ, Mỹ có thể vượt xa hơn bất kỳ một nước nào trong lĩnh vực chi phí quân sự và triển khai một cuộc chạy đua vũ trang thế hệ vũ khí và trang bị mới.

Digitized by Google

Thứ tư : Ưu thế về công nghệ thông tin cho phép Mỹ trang bị cho lực lượng vũ trang những vũ khí phi hạt nhân công nghệ cao, làm hạn chế khá lớn hành động của đối phương.

Thứ năm : Vai trò của vũ khí hạt nhân đã thay đổi, còn rất ít tác dụng răn đe và ngăn chặn đối với các tổ chức khủng bố, nay chủ yếu giữ chức năng kiềm chế, không cho đối phương sử dụng vũ khí hủy diệt lớn tấn công Mỹ và các đồng minh của Mỹ.

Thứ sáu : Việc xây dựng lực lượng quân sự của Lầu Năm Góc không bị hạn chế bởi các hiệp ước kiểm soát vũ khí vì các hiệp ước đó có thể được coi là đơn phương hạn chế Mỹ. Đồng thời, việc không phổ biến vũ khí hủy diệt lớn được đặt trong phạm trù chống khủng bố và được coi trọng hơn trước v.v.

4 - Điều chỉnh mới trong chính sách đối ngoại của Mỹ

Sau chiến tranh lạnh, Mỹ trở thành siêu cường duy nhất. Dựa vào sự phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ trong hơn 10 năm, sức mạnh tổng hợp của Mỹ ở vào địa vị hơn hẳn nước khác. Trong bối cảnh đó, chính sách đối ngoại Mỹ, nhất là dưới chính quyền G. Bu-sơ càng nổi bật chiều hướng dựa vào sức mạnh và đơn phương khi xử lý công việc quốc tế. Chính quyền G. Bu-sơ đã đánh giá lại giá trị của các hiệp ước quốc tế, nhất là các hiệp ước kiểm soát vũ trang và đã đơn phương rút khỏi một loạt hiệp ước, hiệp định quốc tế. Những hành động đơn phương cứng rắn nay trở thành tiêu điểm mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế, gây bất bình trên thế giới, khiến quan hệ giữa Mỹ và một số nước lớn trở nên căng thẳng. Sự kiện ngày 11-9-2001 tuy không làm cho nền tảng xã hội Mỹ bị lay chuyển tận gốc rễ, nhưng tình hình an ninh và chính sách đối ngoại Mỹ đứng trước mối đe dọa hiện thực khác với trước đây. Vì vậy, chính sách đối ngoại của Mỹ buộc phải có sự điều chỉnh mới để tập hợp liên minh quốc tế chống khủng bố. Thủ đoạn đánh phá của Mỹ mang tính tổng hợp hơn, cả quân sự, chính trị, kinh tế, tình báo, lật đổ ngầm... nhưng chính quyền G. Bu-sơ đặc biệt coi trọng thủ đoạn quân sự. Phương thức chiến lược của Mỹ đa dạng, linh hoạt, khi cần thực hiện chủ nghĩa đơn phương thì họ thực hiện, khi thấy cần liên minh họ lập liên minh, bao gồm cả liên minh không cố định, theo từng vụ việc cụ thể. Rõ ràng, Mỹ đã nhận thức rõ hơn tầm quan trọng và tính cấp bách của việc giảm bớt va chạm, tăng cường hợp tác với Nga, Trung Quốc và các nước lớn khác. Nhìn chung, do nhu cầu và lợi ích riêng của từng nước trong đấu tranh chống khủng bố quốc tế, quan hệ giữa các nước lớn xích lại gần nhau hơn, sự hợp tác và lợi ích chung có phần tăng thêm, nhưng vẫn tồn tại tranh chấp, mâu thuẫn.

Tóm lại : Việc Mỹ chính thức đưa ra học thuyết "Đánh đòn phủ đầu" trong chiến lược an ninh quốc gia mới đồng nghĩa với sự cáo chung của học thuyết chiến lược "Răn đe và ngăn chặn" của Mỹ từ thập kỷ 40 của thế kỷ XX đến nay. Đây là cột mốc điều chỉnh quan trọng trong chiến lược an ninh của Mỹ, sẽ thay đổi nguyên tắc tổ chức và sử dụng binh lực của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhìn tổng thể, mục tiêu chiến lược lâu dài của Mỹ không hề thay đổi, nhưng nghiêng nhiều về xu hướng coi trọng thủ đoạn quân sự để đạt tới mục tiêu. Điều này đi ngược lại xu thế chung của thế giới hiện nay là hòa bình, hợp tác và phát triển. Cho dù Mỹ có ưu thế tuyệt đối về quân sự chăng nữa, nhưng không hẳn đã có an ninh tuyệt đối. Chính sách dựa vào sức mạnh, đơn phương, bá quyền, coi thường chủ quyền quốc gia dân tộc, vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc của Mỹ, khiến cho tình hình quốc tế vốn đã không ổn định càng thêm biến động phức tạp. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

NGÀY 24 và 25-12-2002, tại Hà Nội, ngành tài chính tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ tài chính và dự toán ngân sách nhà nước năm 2003. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đến dự và phát biểu chỉ đạo hội nghị. Tham dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng chí Võ Hồng Phúc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cùng đại diện UBND các tỉnh thành phố, lãnh đạo sở tài chính - vật giá, cục thuế, kho bạc và hải quan các địa phương ; đại diện các bộ, ngành, các phóng viên báo chí trung ương và Hà Nội...

Năm 2002, ngành tài chính đã tập trung sức thực hiện thu ngân sách vượt 6,5% so với dự báo, đạt mức động viên 20,7% so với GDP ; trong đó, động viên quan thế và phí đạt 19,8% GDP. Có 14/15 khoản thu, sắc thuế, khu vực quản lý hoàn thành vượt mức dự toán năm ; trong đó, thu từ doanh nghiệp nhà nước vượt 4,5%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 10,4%, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh vượt 3,6%... Tất cả 61 tỉnh, thành phố trong cả nước đều thu vượt dự toán giao. So với năm 2001, tổng thu ngân sách nhà nước tăng 7,8%, trong đó thu từ nội địa (trừ thu từ xuất khẩu dầu thô) tăng 10,2%. Số thu từ các doanh nghiệp đều tăng cao : doanh nghiệp nhà nước tăng 11%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 30,7%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 14,1%...

Tuy nhiên, công tác thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước cũng bộc lộ những tồn tại. Nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, đầu tư chiều sâu để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, chủ động hội nhập ; còn thụ động trông chờ vào sự bảo trợ của Nhà nước. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn còn thấp (khoảng 9 - 10%), cổ phần hóa những doanh nghiệp không thuộc Nhà nước nắm giữ chỉ đạt 50% kế hoạch năm. Tình trạng lợi dụng chính sách khuyến khích xuất khẩu thông qua khâu hoàn thuế giá trị gia tăng để chiếm đoạt tiền bạc của Nhà nước. Việc quản lý đất đai, bất động sản chưa chặt chẽ, thiếu biện pháp đồng bộ nên hoạt động đầu cơ trục lợi trong buôn bán bất động sản gia tăng, vừa gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng trong đầu tư xây dựng cơ bản và quy hoạch đô thị, vừa làm thất thoát nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Nhờ chủ động nguồn thu nên việc chi ngân sách nhà nước bảo đảm kịp thời, tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương chủ động điều hành ngân sách các cấp. Ngân sách nhà nước vượt thu đã tăng thêm nguồn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn, xây dựng các công trình phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội ; đồng thời, dành đủ kinh phí giải quyết các nhiệm vụ mới phát sinh như phòng, chống, khắc phục thiên tai, hỗ trợ cải cách giáo dục theo chương trình mới, bảo đảm an ninh quốc phòng.

Bên cạnh những mặt làm được, công tác quản lý và điều hành chi ngân sách nhà nước còn một số hạn chế. Việc quản lý tài chính - ngân sách tuy đã được phân công, phân cấp cho các bộ, địa phương, nhưng khi phát sinh những việc đột xuất chưa chủ động sử dụng ngân sách cấp mình để giải quyết còn trông chờ, ỷ lại vào ngân sách cấp trên, nhiều khoản chi triển khai chậm, hiệu quả thấp. Việc phân bổ và giao dự toán ngân sách chi tiết của các bộ, ngành cho các đơn vị còn chậm, kinh phí cho các đề tài, chương trình khoa học cấp Nhà nước, hỗ trợ chương trình kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng làng nghề còn bố trí kinh phí phân tán, dàn trải. Chưa thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ là ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, văn hóa, chương trình giống. Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các bộ, địa phương còn để lãng phí, thất thoát, một số địa phương có số nợ lớn về xây dựng cơ bản chưa thanh toán dứt điểm.

Năm 2003, mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của công tác tài chính - ngân sách là, tiếp tục thực hiện chính sách động viên hợp lý, huy động cao nhất nguồn lực vừa tạo cho doanh nghiệp tích tụ vốn phát triển kinh doanh, vừa thực hiện nhiệm vụ phát triển đất nước. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo... Để đạt được mục tiêu trên, ngành tài chính xác định thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau :

1. Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XI, *về dự toán ngân sách năm 2003*. Thực hiện vượt mức dự toán thu (tăng từ 3 đến 5%) so với nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các cơ chế chính sách tài chính nhằm phát huy nội lực, tăng nhanh và sử dụng hiệu quả đầu tư xã hội, duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế, giải quyết các chính sách xã hội.

3. Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

4. Đẩy mạnh công tác tài chính đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường công tác kế toán, kiểm toán, kiểm tra, thanh tra, giám sát, công khai tài chính ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản công và dự trữ quốc gia.

6. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy ngành tài chính, tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy tài chính nhà nước. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ GIAO BAN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA KHU VỰC TÂY BẮC

NGÀY 23 và 24-12-2002, tại Sơn La diễn ra Hội nghị giao ban công tác tư tưởng - văn hóa khu vực Tây Bắc. Gần 100 đại biểu, đại diện cho khối tư tưởng - văn hóa của 5 tỉnh Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình) về dự Hội nghị. Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ; đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương ; đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã trực tiếp chỉ đạo Hội nghị. Các đồng chí Trịnh Long Biên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu ; Thào Xuân Sùng, Bí thư Tỉnh ủy Sơn La cùng nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành và một số địa phương khác đã tham dự Hội nghị.

Hội nghị giao ban lần này tập trung nghiên cứu chung quanh hai sự kiện quan trọng sắp diễn ra tại địa bàn Tây Bắc. Đó là việc chuẩn bị khởi công xây dựng công trình thủy điện Sơn La (TĐSL) và kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (ĐBP).

- Về dự án công trình TĐSL : Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công nghiệp báo cáo trước Hội nghị về quá trình nghiên cứu hình thành dự án từ những năm 60, đẩy mạnh tiến độ nghiên cứu vào những năm 80, đến năm 1992 Bộ Năng lượng trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Năm 1996, Thủ tướng Chính phủ thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và năm 1998, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Nhà nước dự án TĐSL. Năm 2001, Chính phủ trình và được kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa X quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy TĐSL và giao Chính phủ khẩn trương nghiên cứu các phương án thực thi công trình. Tại kỳ họp thứ hai, ngày 16-12-2002, Quốc hội khóa XI đã thông qua việc triển khai dự án công trình TĐSL. Đây là công trình có ý nghĩa quan trọng và tác động to lớn đến công cuộc phát triển kinh tế - xã hội không chỉ đối với hai tỉnh Sơn La, Lai Châu mà còn có tác động sâu sắc tới các tỉnh Tây Bắc và với cả nước. Để xây dựng công trình TĐSL sẽ phải di dân, tái định cư cho gần 10 vạn người. Đây là một vấn đề khó khăn, phức tạp, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của hai tỉnh Sơn La, Lai Châu, đòi hỏi phải có sự tham gia rất chủ động và tích cực của các bộ, ngành, trong đó có vai trò quan trọng của công tác tư tưởng - văn hóa.

Đại biểu của các bộ, ban, ngành và các địa phương đã thảo luận, phân tích và thống nhất nhận thức về tầm quan trọng, những thuận lợi, khó khăn trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư tưởng trong quá trình triển khai công trình TĐSL. Trên cơ sở đó, Hội nghị đề xuất những nhiệm vụ cấp bách, những chương trình, nội dung giải pháp cụ thể, sát thực để từng bước thực hiện.

- Về kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-2004) : Hội nghị khẳng định đây là chiến thắng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, là niềm tự hào vẻ vang của nhân dân các dân tộc Tây Bắc, của dân tộc Việt Nam nói riêng và của cả lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới nói chung. Kỷ niệm 50 năm chiến thắng ĐBP là dịp tuyên truyền, giáo dục sâu rộng và khơi dậy niềm tự hào về truyền thống cách mạng, truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam ; là dịp để khẳng định đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh Tây Bắc đã khắc phục mọi khó khăn vươn lên đạt những kết quả quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trong nhiều năm qua. Bộ Văn hóa - Thông tin cùng các bộ, ban, ngành có liên quan và các tỉnh khu vực Tây Bắc, đặc biệt là tỉnh Lai Châu đã và đang có kế hoạch chương trình, nội dung cụ thể, thiết thực chuẩn bị cho ngày kỷ niệm lịch sử trọng đại này.

Kết luận Hội nghị, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm nêu bật ý nghĩa quan trọng của Hội nghị giao ban công tác tư tưởng - văn hóa khu vực Tây Bắc lần này. Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử ĐBP và triển khai dự án công trình TĐSL là hai nhiệm vụ có ý nghĩa đặc biệt, tuy ở hai thời điểm lịch sử khác nhau song đều thể hiện ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Đồng chí đã phân tích kỹ những thuận lợi cũng như khó khăn quá trình xây dựng công trình TĐSL, đồng thời nêu những định hướng, chương trình, nội dung và biện pháp cụ thể cho các cơ quan chức năng làm công tác tư tưởng - văn hóa của các cấp, các ngành đối với công trình TĐSL và Lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử ĐBP. Đồng chí nhấn mạnh 3 nhiệm vụ chủ yếu và 5 yêu cầu đối với dự án TĐSL. Cụ thể là : 1- Cung cấp điện năng để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; 2- Góp phần chống lũ về mùa mưa và cung cấp nước về mùa khô cho đồng bằng Bắc Bộ ; 3- Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc. Việc thực hiện ba nhiệm vụ đó phải bảo đảm 5 yêu cầu: 1- Bảo đảm tuyệt đối an toàn cho công trình, cho hạ du và Thủ đô Hà Nội ; 2- Đạt hiệu quả kinh tế tổng hợp ; 3- Đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc ; 4- Giảm thiểu tác động xấu đối với môi trường - sinh thái, đa dạng sinh học ; 5- Có biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm cũng yêu cầu cấp ủy các cấp cùng đồng bào các dân tộc 5 tỉnh Tây Bắc phải luôn luôn phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc ta, nhất là ý nghĩa của chiến thắng lịch sử ĐBP, chủ động nắm lấy thời cơ, vượt mọi khó khăn, gian khổ, đoàn kết một lòng, tạo ra sự thông suốt về tư tưởng và ý chí hành động, thực hiện thật tốt nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng. ❑

Digitized by Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

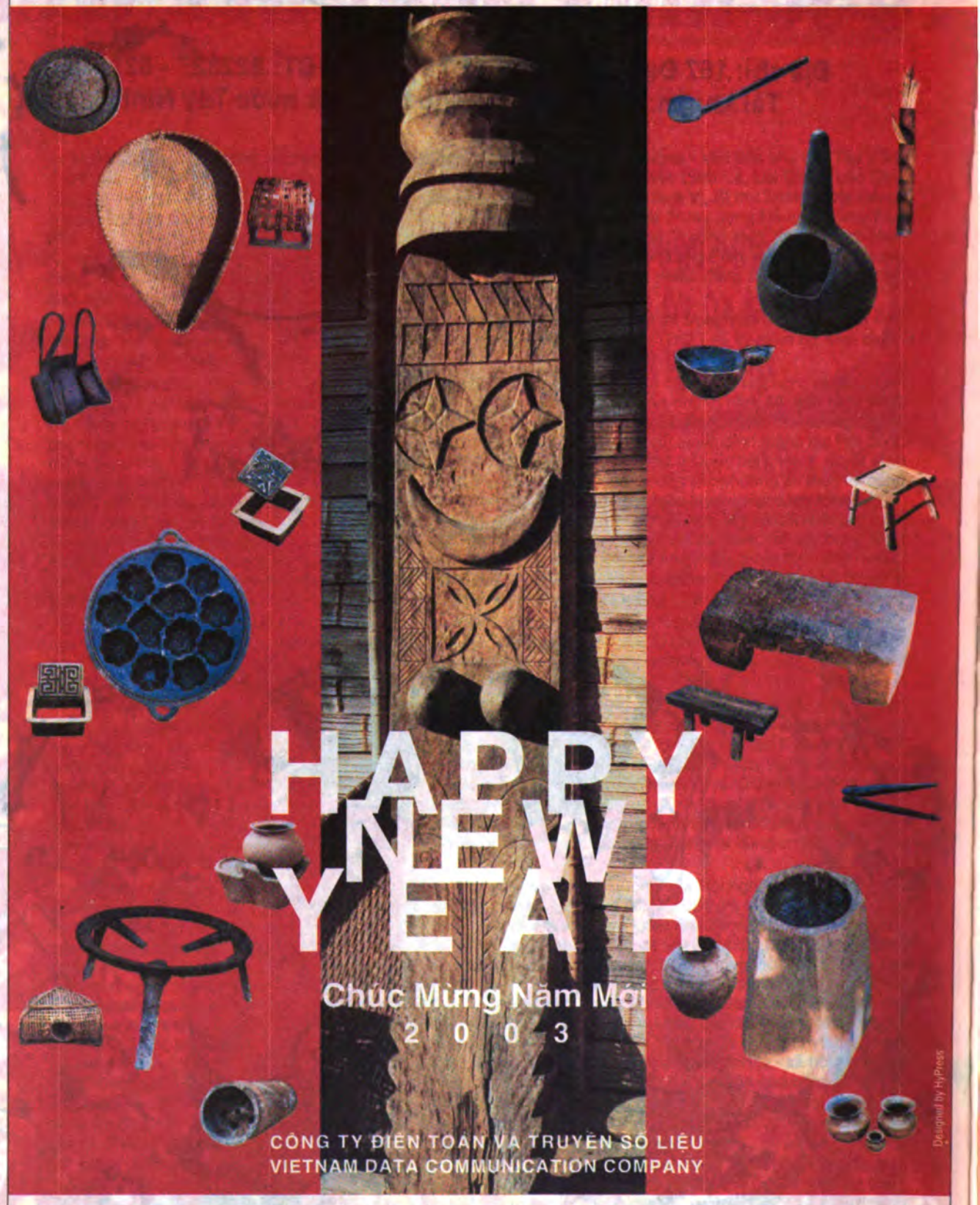
KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc



Digitized by Google

NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ INTERNET VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM



VDC

CÙNG BẠN BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN THÔNG TIN

http://home.vnn.vn - http://vdc.com.vn - http://media.vdc.com.vn - Điện thoại hỗ trợ khách hàng 24/24h : 18001260

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ

Trụ sở: 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM ĐT: 8 392 718 - 8 397 766 Fax: 8 398 378

E-mail: phattriennha@hcm.vnn.vn - ptn.resco@az.com.vn

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ

Là doanh nghiệp nhà nước được xếp hạng loại 1 (theo Quyết định số 232/QĐ-UB ngày 15-12-1992).

Công ty thành lập từ 1984, có 06 đơn vị xây lắp, 01 Xí nghiệp thiết kế hoạt động trong các lĩnh vực:

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà.
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp, san lấp mặt bằng, thi công cầu đường.
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các khu đô thị và công nghiệp.
- Thiết kế kỹ thuật, tư vấn đầu tư và quản lý các dự án đầu tư.
- Trang trí nội thất, kinh doanh dịch vụ nhà đất, vật liệu xây dựng và kho bãi.
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.



CHUNG CƯ 12 TẦNG (72 CĂN HỘ BÁN TRẢ GÓP) TẠI AN PHÚ - AN KHÁNH.



PHỐI CẢNH TỔNG THỂ KHU CHUNG CƯ 5 TẦNG (540 CĂN HỘ) THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CHỈNH TRANG KHU DÂN CƯ AN SƯƠNG - QUẬN 12 - TP.HCM.

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Bính Ngọ

Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM
SOUTHERN AIRPORTS AUTHORITY

CAAV

2003
HAPPY
NEW
YEAR
MỪNG
NĂM
MỚI



CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT
Tel: 84.8.8485383 - Fax: 84.8.8445127
E-mail: vnsaatsn@hcm.vnn.vn

CẢNG HÀNG KHÔNG RẠCH GIÁ
Tel: 077.864326 - Fax: 077.910014

CẢNG HÀNG KHÔNG LIÊN KHƯƠNG
Tel: 063.843373 - Fax: 063.843500

CẢNG HÀNG KHÔNG CÀ MAU
Tel: 0780.836410 - Fax: 0780.830128

CẢNG HÀNG KHÔNG BUÔN MA THUỘT
Tel: 050.862248 - Fax: 050.862086

CẢNG HÀNG KHÔNG PHÚ QUỐC
Tel: 077.846086 - Fax: 077.846693

Digitized by Google

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN ĐÔNG HIỆP B

TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU DÂN CƯ TÂN ĐÔNG HIỆP B

Địa chỉ : Số 1 Đại lộ Độc Lập huyện Dĩ An - Bình Dương.

ĐT : 0650.791 990 * Fax : 0650.791 989 * Email : tuhaico@hcm.vnn.vn



Tổng giám đốc

NGÔ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT SUỐI MƠ

Kinh doanh địa ốc - Du lịch (Việt - Lào - Thái) - Văn - Thể - Mỹ - Cảnh

Phường Tân Phú - Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh - Tel: 84.8.7 325 136

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

*** Nhà hàng khách sạn Tứ Hải: Tại khu công nghiệp Việt Hương - Tel: 0650. 747 406**

*** Khu công nghiệp và dân cư Tân Đông Hiệp: Xã Tân Đông Hiệp - Huyện Dĩ An - Bình Dương - Tel: 84.8.8 960 497**

*** VPĐD tại T.P Hồ Chí Minh: 126 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.Hồ Chí Minh * ĐT: 84.8.9 254 281 * Fax: 84.8.9 254 373**



GHI CHÚ:

- ĐẤT XÂY DỰNG XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT KHO BÃI
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI
- ĐẤT CÂY XANH
- HỒ NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG SẮT DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG SẮT HIỆN HỮU
- RANH GIỚI THIẾT KẾ

VỊ TRÍ KHU CÔNG NGHIỆP

- Khoảng cách từ TP. Hồ Chí Minh:	18 Km
- Khoảng cách đến sân bay TSN:	19 Km
- Cảng Sài Gòn:	20 Km
- Thành phố Biên Hòa:	10 Km
- Sóng thần:	2,5 Km
- Cảng biển Bình Dương:	04 Km
- Thị trấn Thủ Đức:	06 Km
- Thị trấn Lái Thiêu:	06 Km
- Thị trấn Dĩ An:	01 Km

GIAO THÔNG

- **Đường Quốc Lộ 1K**
- **Đường Tỉnh Lộ DT 743**
- **Đường nội bộ: 30m**
- **Ga Sóng Thần: 4 Km**

Digitized by Google

CEI 18 TỔNG CÔNG TY LIÊN DOANH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 18

TRỤ SỞ : 18 HỐ ĐẮC DI - HÀ NỘI * TEL : (04) 8 573 129 * FAX : (04) 8 572 798
ĐẠI DIỆN TẠI VIÊNG-CHĂN: (TEL- FAX) : (00.856.21) 223 555

Tổng Công ty Liên doanh XDCT 18 (CEI 18) được thành lập theo quyết định số 1052/QĐ - TCCB - LĐ ngày 13-6-90 của Bộ trưởng Bộ GTVT Việt Nam. Ra đời trong thời kỳ đổi mới, là sự kế thừa và tiếp tục dòng chảy của các thế hệ lớp lớp CBCNV, TNXP với khí thế xẻ dọc Trường Sơn của những chiến sĩ tình nguyện Ban XD 64 và Cục công trình 2 - Ban XD 67 trong những năm tháng hào hùng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trải qua hơn 10 năm hoạt động bằng việc đã và đang hoàn thành các dự án XD cơ sở hạ tầng GTVT tại nước CHDCND Lào gồm : ADB 4, Đường thành phố Viên - chăn, ADB 7 , ADB 8, Đường 9, Đường 18B... với tổng giá trị trên 100 triệu USD, CEI 18 được xem là một đơn vị kinh tế mạnh. Sự phối hợp liên doanh của hai Tổng Công ty lớn là Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông I và Tổng Công ty XDCT GT 8 tiếp tục góp phần xây đắp và tô thắm thêm tình hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện, trong sáng, thủy chung của hai Đảng, hai Nhà nước, nhân dân hai nước và hai ngành GTVT Việt Nam - Lào.

Chào mừng Quốc khánh lần thứ 27 nước CHDCND Lào, CBCNV của CEI 18 đang hăng hái thi đua lao động sản xuất trên các công trình trọng điểm Đường 9, Đường 18B... lấy tiêu chí chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả làm mục tiêu hành động, thiết thực góp phần tô thắm thêm trang sử vàng truyền thống trên mặt trận quốc tế về xây dựng GTVT.



Khởi công đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Pháp Vân



Lễ khởi công xây dựng đường 18 B CHDCND Lào



Thi công cầu trên đường 13 - Bắc CHDCND Lào



Thi công trên đất bạn Lào



Đường Khu Viêng, Thành phố Viên-chăn

Chúc mừng năm mới Xuân Quý Mùi 2003

Digitized by Google

VIỆN

KHOA HỌC HÀNG KHÔNG

ĐC: GIA LÂM - HÀ NỘI
ĐT: 84.4.827 1563 * FAX: 84.4.827 2528
EMAIL: VAI@HN.VNN.VN

VIỆN TRƯỞNG: TRẦN QUANG CHÂU







Viện Khoa học Hàng không được thành lập tháng 01-1990 trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới đất nước. Cùng với sự phát triển vượt bậc của ngành HKDDVN, kể từ khi thành lập đến nay, Viện KHHK đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của toàn ngành. Viện luôn tập trung đầu tư, nghiên cứu đúng định hướng chiến lược, đi sâu bám sát cơ sở khoa học - kỹ thuật hiện đại, tập trung nghiên cứu trên bốn lĩnh vực chuyên ngành hàng không.

1. TRÊN LĨNH VỰC QUẢN LÝ

Viện chủ trì, triển khai nghiên cứu thành công: "Những cơ sở lý luận cơ bản để xây dựng luật HKDDVN" làm cơ sở cho sự ra đời của luật HKDDVN. Từ năm 1992 đến nay, Viện đã xây dựng 58 văn bản dưới luật, các quy chế, các định mức kinh tế kỹ thuật, các tiêu chuẩn quy phạm trên các lĩnh vực chuyên ngành nhằm tạo lập công cụ, chuẩn mực cơ bản trong công tác quản lý nhà nước ngành HKDDVN.

2.TRÊN LĨNH VỰC CẢNG HÀNG KHÔNG SÂN BAY

Viện chủ trì đề án: "Thiết kế mạng cảng hàng không sân bay dân dụng toàn quốc" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là một đề án có tầm cỡ kinh tế - xã hội quan trọng của quốc gia trên cả hai lĩnh vực: phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh quốc phòng. Ngoài ra, Viện còn chủ trì hàng chục đề tài về hệ thống tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm trong lĩnh vực thiết kế, thi công, thẩm định công trình, tổ chức khai thác, quản lý, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp cảng hàng không sân bay.

3. TRÊN LĨNH VỰC QUẢN LÝ BAY

Ngay những ngày đầu thành lập, Viện đã thực hiện thành công hai dự án lớn do UNDP tài trợ: VIE/89/016 về nâng cấp khí tượng hàng không và RAS/93/101 về nâng cấp công tác an toàn bay, an ninh hàng không, tìm kiếm cứu nguy và Anh ngữ hàng không. Viện đã có nhiều đóng góp nhằm nâng cấp cơ sở kỹ thuật đáp ứng nhiệm vụ quản lý bay an toàn và hiệu quả đạt tiêu chuẩn của CIAO; Chủ trì đề án: "Nghiên cứu triển khai ứng dụng hệ thống thông tin dẫn đường, giám sát bằng vệ tinh CNS-ATM mới" trong ngành HKDD Việt Nam và phối hợp cùng ngành quản lý bay thực hiện hơn 10 đề tài về thông tin dẫn đường, quy hoạch vùng trời Việt Nam, khí tượng và tìm kiếm cứu nguy.

4. TRÊN LĨNH VỰC VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

Viện đã mạnh dạn chủ trì thực hiện đề tài mang tính phát minh sáng chế: thiết kế, chế tạo máy bay trực thăng siêu nhẹ giai đoạn I, nghiên cứu chế tạo lốp cho máy bay TU-143 và IL- 18, đã sản xuất thử 29 lốp máy bay, được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc. Thực hiện hai chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ của Tổng Công ty: "Nghiên cứu xây dựng hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật của Tổng công ty"; " Nghiên cứu hệ thống văn bản quản lý điều hành Tổng Công ty"... cùng nhiều đề tài khác.

CÔNG TÁC THÔNG TIN KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Công tác thông tin khoa học công nghệ cũng được Viện duy trì phát triển. Ngay từ ngày thành lập đến nay, Viện luôn đảm bảo tốt hoạt động thư viện hàng không, xuất bản tờ Tin Kinh tế - kỹ thuật Hàng không mỗi tuần một số và chuyên san Kinh tế - kỹ thuật Hàng không mỗi quý một số, với số lượng và chất lượng ngày càng cao, góp phần phổ biến,cập nhật tri thức kinh tế - kỹ thuật hàng không.

Trung tâm đào tạo của Viện đã thực hiện nhiều lớp đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và Anh ngữ hàng không trình độ đại học và sau đại học. Đặc biệt, năm 2001 Viện đã tổ chức thành công lớp đào tạo bổ túc nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho lớp cán bộ cao cấp của Hàng không CHDCND Lào.

Nhằm xây dựng Viện Khoa học Hàng không ngày càng phát triển Ban Lãnh đạo Viện không ngừng tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với quốc tế. Viện đã có quan hệ hợp tác với hàng chục tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ hàng không của các nước có nền công nghiệp hàng không tiên tiến như: Nga, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Ấn Độ, Xin-ga-po, Hiệp hội Sân bay quốc tế...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động nghiên cứu của Viện còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đầu tư vốn, chế độ ưu đãi đối với người làm công tác nghiên cứu khoa học. Với tư cách là một viện nghiên cứu khoa học duy nhất của một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, phục vụ đắc lực cho ngành Hàng không Việt Nam vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, trong thời gian tới, Viện sẽ đầu tư tài chính, khoa học kỹ thuật để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học hàng không, theo hướng đi tắt đón đầu, đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ và kỹ thuật của ngành Hàng không Việt Nam.

Digitized by Google

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

Địa chỉ : Sân bay Vũng Tàu - Thành phố Vũng Tàu * Tel : 838 301- 833 493 - 838 573 - Facsimlite: 84.64.838 466

Giám đốc : Thượng tá PHẠM VIẾT THÍCH



Hiện nay, Công ty Bay dịch vụ Miền Nam có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ hàng không với chất lượng cao trên mọi lĩnh vực :

*** Bay dịch vụ thăm dò và khai thác dầu khí ngoài khơi**

*** Vận chuyển, treo cẩu hàng hóa.**

*** Bay phục vụ du lịch : Tuyến thường kỳ Vũng Tàu - Côn Đảo, tuần 3 chuyến thứ 2 - 5 - 7.**

*** Bay quay phim, chụp ảnh, nhảy dù**

*** Kéo rải dây điện, bảo dưỡng đường dây.**

MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA CÔNG TY LÀ

An toàn, hiệu quả, không ngừng vươn tới tương lai.

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP VÀ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH.



Digitized by Google


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
ELECTRICITY OF VIETNAM
EVN
18 TRẦN NGUYÊN HÃN - HÀ NỘI - VIỆT NAM
ĐT: (04) 8249508 * FAX: (84-4) 8249461
CHÚC QÚY KHÁCH HÀNG
MỘT NĂM MỚI
Hạnh phúc
An khang
Thịnh vượng
Xuân Quý Mùi - 2003
Đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng,
với chất Lượng ngày càng cao,
dịch vụ ngày càng hoàn hảo

Chúc Mừng Năm Mới

2003



tuổi trẻ chủ nhật
CƠ QUAN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TP.HCM

Phát hành hàng tuần

tuổi trẻ
CƠ QUAN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TP.HCM

Phát hành liên tục trong tuần

tuổi trẻ cười

Phát hành ngày 1& 15 hàng tháng

Địa chỉ

Tòa soạn :
161 Lý Chính Thắng,
Quận 3, TP.HCM
Điện thoại:
(84.8) 9316993 -
9316994 - 9317995
Fax: 08.9316987
Email:
tuoitre@hcm.fpt.vn

Phòng Quảng cáo:
ĐT 08.9316213
Fax: 08.8466400
Email:
pqc.tuoitre@fmail.vnn.vn

Phòng phát hành:
ĐT 08.8439806
Fax: 08. 8480653

Văn phòng đại diện

Tại Hà Nội:
Số 72A Thụy Khuê,
Quận Tây Hồ, Hà Nội.
ĐT: 04.8473663 -
04.8743664
Fax: 04.8473665
Tại Đà Nẵng:
Số 9 Trần Phú,
TP. Đà Nẵng.
ĐT: 0511.873973 -
0511.896666
Fax: 0511.826036

Tại Cần Thơ:
Số 95 Ngô Quyền
TP Cần Thơ.
ĐT: 071.825861
Fax: 071.825843
Trạm phát hành Nha Trang:
Số 8 Lê Thành Tôn,
TP Nha Trang
ĐT: 058.512891
Fax: 058.512891

BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN BÁO TUỔI TRẺ NGÀY
(đơn vị tính 1.000 tờ)



Digitized by Google

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NỘI

VIETNAM MARITIME COMMERCIAL STOCK BANK - HANOI BRANCH

ĐC: 44 Nguyễn Du - Hà Nội * ĐT: (84-4)8.226 060 - Fax: (84-4)9.436 477; Swiftcode: MCOBVNVX002

Ngân hàng Hàng hải Việt Nam là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam, được thành lập theo giấy phép số 001/GP ngày 08-06-1991 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp. Trụ sở chính đóng tại Thành phố Hải Phòng. Ngày 12-07-1991, Ngân hàng Hàng hải (MSB) chính thức đi vào hoạt động và từ đó đến nay, MSB luôn được biết đến như một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu của Việt Nam.

NHẬN TIỀN GỬI

Ngân hàng nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm.

Gửi tiền tại Ngân hàng Hàng hải được hưởng lãi suất cao, kỳ hạn phong phú; được lựa chọn các hình thức nhận lãi trước, lãi sau hoặc nhận lãi hàng tháng; thủ tục mở tài khoản, gửi và rút tiền đơn giản, nhanh chóng miễn phí; tiền gửi được bảo đảm bởi bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

CHO VAY

Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của các khách hàng thuộc mọi thành phần kinh tế với các hình thức: Cho vay từng lần, cho vay theo hạn mức, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay hợp vốn, cho vay thu nợ từ thu nhập thường xuyên của người lao động,...và các hình thức cho vay khác.

Thủ tục cho vay giản tiện, lãi suất hợp lý và lợi ích của khách hàng vay vốn luôn luôn được đảm bảo.

BẢO LÃNH

Cung cấp cho khách các loại bảo lãnh: BL dự thầu, BL thanh toán, BL thực hiện hợp đồng, BL vay vốn, BL nhận hàng theo L/C, BL nộp thuế,... và các loại bảo lãnh khác.

THANH TOÁN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Đáp ứng mọi yêu cầu thanh toán trong nước bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế như: chuyển tiền (TT), nhờ thu (D/P, D/A) , tín dụng chứng từ (L/C, D/C),...



Trụ sở Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Dịch vụ thanh toán của Ngân hàng thuận tiện, nhanh chóng, an toàn trên phạm vi toàn quốc và thế giới, phí thấp.

GIAO DỊCH NGOẠI HỐI

Thực hiện giao dịch: mua, bán, chuyển đổi các loại ngoại tệ giao ngay (Spot), kỳ hạn (Forward), hoán đổi (Swap); Tư vấn giao dịch ngoại hối giúp khách hàng hạn chế rủi ro hối đoái.

CÁC DỊCH VỤ KHÁC.

Cung cấp nhiều loại dịch vụ khác cho Quý khách hàng như: thanh toán séc du lịch; chuyển tiền nhanh trong nước, chuyển tiền nhanh quốc tế money gram; cấp giấy phép mang ngoại tệ ra nước ngoài; thu đổi ngoại tệ; kiểm định ngoại tệ; chi trả kiều hối; kiểm đếm tiền mặt; tư vấn về tài chính, ngân hàng, đầu tư; dịch vụ hỗ trợ khách hàng; các dịch vụ ngân hàng tại chỗ miễn phí; thực hiện thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng...

GIÚP KHÁCH HÀNG LÀM GIÀU HỢP PHÁP LÀ PHƯƠNG CHÂM PHỤC VỤ CỦA CHÚNG TÔI

TỔNG CÔNG TY XI - MĂNG VIỆT NAM





XIMANG POOCLANG HONHOP
VIET NAM SANXUAT
BỈM SƠN

ISO-9002 REGISTERED FIRM

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

CÔNG TY XI-MĂNG BỈM SƠN

TÊN GIAO DỊCH QUỐC TẾ: BIMSON CEMENT COMPANY (BCC)

TRỤ SỞ: THỊ XÃ BỈM SƠN - THANH HÓA * ĐT: (037) 824 242.; 824 056; FAX : (84 37) 824 046 * MÃ SỐ THUẾ: 2800232620-1

Xi-măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,8 triệu tấn/năm

Sản phẩm có các loại:

- Xi-măng PCB30; PCB40 TCVN6260 - 1997
- Clinker PC30; PC40
- Xi-măng PC40; PC50

TCVN 2682 - 1999 sản xuất theo đơn đặt hàng.

Những thành tích đã đạt được:

- Từ năm 1988 được cấp dấu chất lượng cấp I Nhà nước.
- Từ 1991 đến nay: Bộ Xây dựng chứng nhận và tặng cờ sản phẩm chất lượng cao.
- Từ 1990 đến nay, liên tục được tặng Huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam.
- Từ 1994 - 1999, được cấp chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn.
- Ủy ban Quốc tế của tổ chức BID (có trụ sở tại Thủ đô Ma-đrit - TÂYBAN NHA) đã tặng thưởng " Sao vàng quốc tế " về tinh thần tập thể và chất lượng sản phẩm cho Công ty Xi-măng Bỉm Sơn.
- Được tặng thưởng Giải thưởng Vàng chất lượng Việt Nam 2000
- Được cấp chứng nhận "*Hàng Việt Nam chất lượng cao*" từ năm 1997 đến nay, do người tiêu dùng bình chọn.
- Được cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9002
- Được phong tặng danh hiệu "*Đơn vị anh hùng Lao động*" trong thời kỳ đổi mới.

Quý khách có nhu cầu sử dụng các loại xi măng do Công ty sản xuất có thể liên hệ trực tiếp với công ty hoặc các chi nhánh, đại lý của Công ty tại các tỉnh và thành phố :

- TTGDTT TX Bỉm Sơn Thanh Hóa. Tel: 037.824.214
- CN Hà Tĩnh. Tel: 039.855.492
- CN Nghệ An. Tel: 038.853.107
- CN Hà Tây. Tel: 034.824. 656
- CN Ninh Bình. Tel: 030.871.002
- CN Nam Định. Tel: 0350.847.317
- CN Thanh Hoá. Tel: 037.852.180
- CN Thái Bình. Tel: 036.836.570
- CN Hoà Bình. Tel: 018.852.361
- Các đơn vị tiêu thụ số lượng lớn xi-măng Bỉm Sơn:
- Công ty VTKT xi-măng. Tel: 048 642 315
- Tổng đại lý tại Đà Nẵng. Tel: 0511 821 491
- Tổng đại lý tại Huế(C.ty XM Thạch cao Huế). Tel: 054 825 492
- Công ty có Văn phòng đại diện tại Thị trấn Lạc Sao- tỉnh Phô-ly-khăm-xay nước CHDCND Lào. Tel: 0086.054.341.371; Fax: 0086.054.341.370

Xi-măng Bỉm Sơn mang nhãn hiệu Con Voi là niềm tin cho người sử dụng và là niềm tự hào của những công trình.

Digitized by Google

CÔNG TY LẮP MÁY VÀ XÂY DỰNG 69-3
LILAMA 69-3 COMPANY

LILAMA 69-3

ISO 9001 SGS Cert Number Q 18562

Địa chỉ: 515 Đường Điện Biên Phủ - Tp Hải Dương
(Km 52 - Quốc lộ 5A - đường Hà Nội - Hải Phòng)
Điện thoại: 0320. 852 854 : 852 544 * Fax: 0320. 853 958 - 843 788
Email: lilamaecc69-3@hn.vnn.vn



Kỹ sư Vũ Văn Hậu
Bí thư Đảng ủy- GĐ Công ty



Nhà điều hành Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

*Đảm nhận và thực hiện các dự án chìa khoá trao tay (FPC) với tổng số vốn đầu tư nhỏ hơn 30 triệu USD

*Chế tạo các kết cấu bằng kim loại, các thiết bị phi tiêu chuẩn, các thiết bị trong dây truyền sản xuất xi - măng và dây chuyền chế biến nông sản thực phẩm, chế tạo các loại máy bơm nước trục đứng công suất 18.000 m^3 / giờ và các máy cơ khí phục vụ nông nghiệp.

*Đúc các chi tiết bằng thép, đặc biệt nghề mạ kẽm, mạ crôm cho các thiết bị trong nhà máy sản xuất VLXD.

*Đóng mới tàu pha sông, biển trọng tải 1000 tấn, sửa chữa lớn các phương tiện vận tải.

*Hàn kết cấu thép bằng thiết bị và công nghệ hàn tiên tiến. Hàn dưới lớp khí bảo vệ (TIG, MIG)... Hàn bằng máy tự động, bán tự động. Các mối hàn được kiểm tra bằng thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

*Lắp đặt, thí nghiệm và đưa vào chạy thử dây chuyền công nghệ của các nhà máy công nghiệp, các công trình xây dựng.

*Lắp đặt các trạm biến thế và đường dây tải điện 500 kV.

*Lắp đặt hệ thống kiểm nhiệt, đo lường, hệ thống tự động hóa cho các lĩnh vực trên.

*Duy tu, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của các nhà máy đang hoạt động.

Công ty sẵn sàng liên doanh, hợp tác cùng các bạn trong lĩnh vực chế tạo, lắp đặt, xây dựng các công trình trong và ngoài nước, nhận thầu trọn gói các công trình.



Thi công lắp đặt thiết bị Nhà máy xi-măng



Chế tạo bồn, bể phục vụ ngành công nghiệp



Các loại bơm nước đang được sản xuất tại NMCTTB Hải Dương

Chúc mừng năm mới 2003

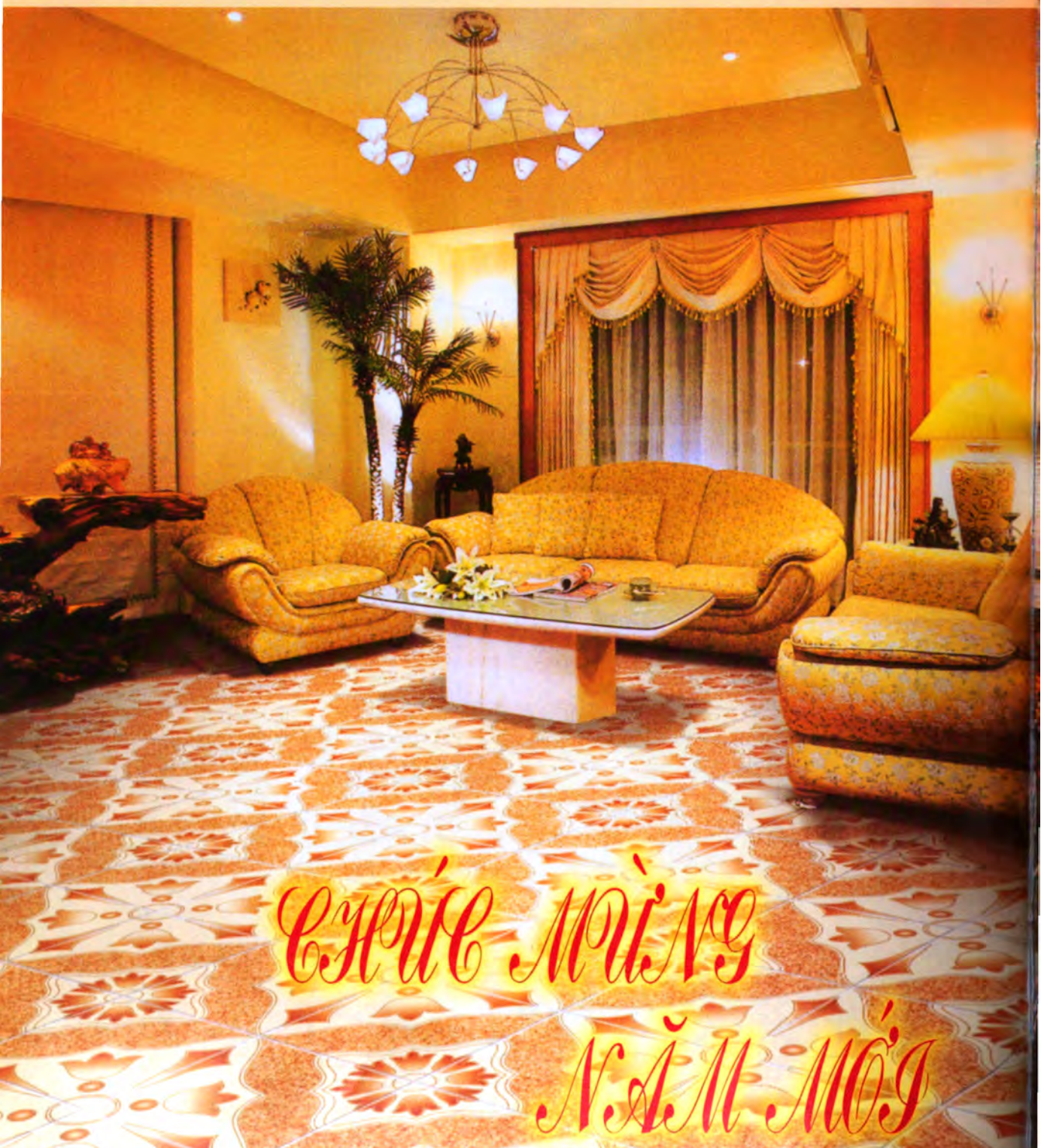
Digitized by Google

3130

VIGLACERA

CÔNG TY GẠCH ỐP LÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: P. Trung Hoà, Q.Cầu Giấy, Hà Nội * Tel: 84.4.854 2627 * Fax: 84.4. 854 2889 * Website: www.ceramichn.com



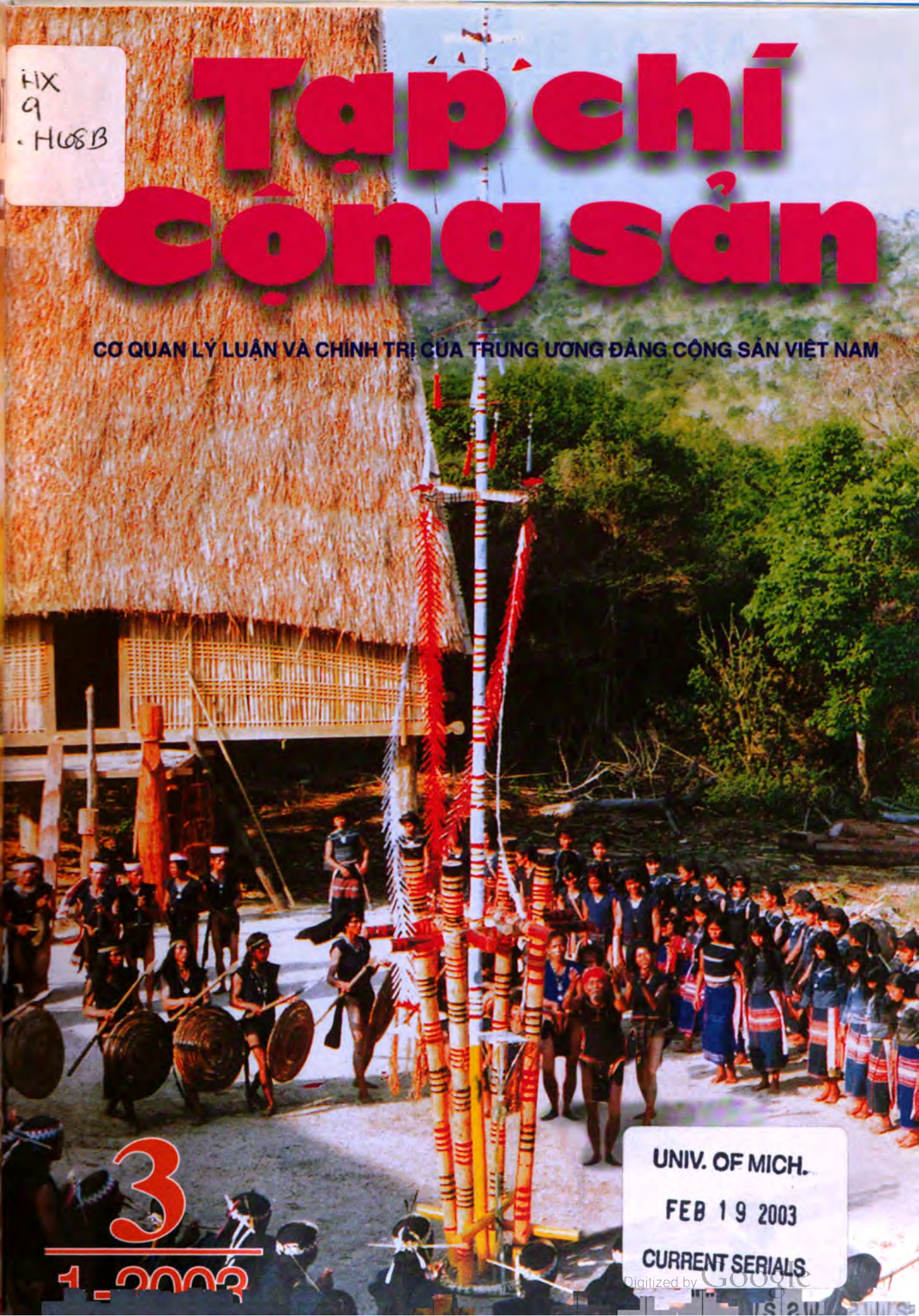
Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 10.000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
FEB 19 2003
CURRENT SERIALS

3

1-2003

Digitized by Google

CTY VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
TECHNO - AGRICULTURAL SUPPLYING COMPANY
VP : 1D PHẠM NGŨ LÃO - CẦN THƠ
TEL: (071) 825850 - 825848 FAX: 825844
Email: tsc@hcm.vnn.vn

TSC

- Nhập khẩu và cung ứng phân bón các loại.
- Thu mua, chế biến nông sản & gạo xuất khẩu.



Chúc Mừng Năm Mới 2003









Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 667

3
1-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Lễ hội trên Tây Nguyên
Ảnh : TL

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận 3

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Tăng cường công tác khoa giáo trên địa bàn Tây Nguyên 8

TÀO HỮU PHÙNG - Nâng cao vị thế tài chính đối ngoại của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế 13

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PA-RI VỀ VIỆT NAM (27-1-1973 - 27-1-2003)

HÀ ĐĂNG - Hiệp định Pa-ri về Việt Nam - một mốc son trên đường thắng lợi 19

VŨ DƯƠNG NINH - Ba hiệp định với hai cuộc kháng chiến 25

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN NAM KHÁNH - Mấy vấn đề cấp bách ở vùng Tây Nguyên 30

PHAN CHÁNH DƯỠNG - Về thực hiện chính sách đền bù giải tỏa trong phát triển các khu công nghiệp 34

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Phát triển giao thông thủy nội địa Việt Nam đầu thế kỷ XXI"

TRẦN QUANG NHIẾP - Báo cáo để dẫn 39

*** Tổng thuật Hội thảo 42

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ĐẶNG DUY BÁU - Hà Tĩnh đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống 47

LÊ ĐÌNH BÌNH - Đoàn H15 - 30 năm xây dựng và trưởng thành 52

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN LÊ - Khoa học con người trong hoạt động kinh tế - xã hội 57

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Những nét chủ yếu của thế giới năm 2002 60

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Ускорение подведения итогов практической деятельности и теоретического изучения. ДО НГУЕН ФЫОНГ: Усиление работы по науке и образованию на территории Тэйнгуен. ТАО ХЫУ ФУНГ: Повышение внешней финансовой позиции Вьетнама в международной экономической интеграции. ХА ДАНГ: Парижское Соглашение о Вьетнаме – красная веха на пути к победе. ВУ ЗЫОНГ НИНЬ: Три Соглашения и две войны сопротивления. НГУЕН НАМ КХАНЬ: Некоторые актуальные проблемы в районе Тэйнгуен. ФАН ТЬАНЬ ЗЫОНГ: О выполнении политики компенсации за высвобождение земельных участков для развития промышленных зон. ЧАН КУАНГ НЬИЕП: Вводный доклад к Семинару «Развитие отечественного водного транспорта Вьетнама в начале XXI века. *** Обзор Семинара. ДАНГ ЗУЙ БАУ: Провинция Хатинь воплощает Резолюции IX Съезда Партии КПВ в жизнь. НГУЕН ВАН ЛЕ: Эргономика в социально-экономической деятельности. НГУЕН ХОАНГ ЖАП: Основные особенности мира в 2002 году.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: To push up the summing up of practices and theoretical studies. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: To strengthen the works of science and education on Tây Nguyên territory. TÀO HỮU PHÙNG: To enhance foreign-financial stand of Vietnam in World economic merging. HÀ ĐĂNG: The Paris Agreement on Vietnam – a red mark on the victorious path. VŨ DƯƠNG NINH: The three agreements and the two resistances. NGUYỄN NAM KHÁNH: Some urgent problems in Tây Nguyên region. PHAN CHÁNH DƯỠNG: Regarding the implementation of the policy of compensation for moving out blocks in the development of industrial zones. TRẦN QUANG NHIỆP: Introduction report to the seminar "Development of transport by inner water ways of Vietnam in the early XXI century". *** Overview of the seminar. ĐẶNG DUY BÁU: Hà Tĩnh province applies resolutions of the IXth National Party Congress into life. NGUYỄN VĂN LÊ: Ergonomics in socio-economic activities. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: The principal features of the world in 2002.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Intensifier le fait du bilan de la pratique et l'étude théorique. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Renforcer le travail scientifique et éducatif au Tây Nguyên. TÀO HỮU PHÙNG: Rehausser la position financière extérieure du Vietnam dans l'intégration économique internationale. HÀ ĐĂNG: Les Accords de Paris sur le Vietnam – un jalon important sur la voie de la victoire. VŨ DƯƠNG NINH: Trois Accords et deux résistances. NGUYỄN NAM KHÁNH: Quelques problèmes urgents au Tây Nguyên. PHAN CHÁNH DƯỠNG: Sur l'application de la politique d'indemnisation pour l'expropriation des terrains dans le développement des zones industrielles. TRẦN QUANG NHIỆP: Rapport d'introduction du colloque "Développement de la communication par voie navigable au Vietnam au début du XXIe siècle". *** Aperçu du Colloque. ĐẶNG DUY BÁU: La province de Hà Tĩnh met en pratique les Résolutions du IXe Congrès national du Parti. NGUYỄN VĂN LÊ: L'ergonomie dans les activités socio-économiques. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Les traits principaux du monde en 2002.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Impulsar el resumen de la práctica y el estudio de la teoría. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG: Intensificar el trabajo de ciencias y educación en la área de la Altiplanicie Occidental (Tây Nguyên). TÀO HỮU PHÙNG: Elevar la posición de finanzas exteriores de Vietnam en la integración económica internacional. HÀ ĐĂNG: Los Acuerdos de París sobre Vietnam – un hito rojo en el camino victorioso. VŨ DƯƠNG NINH: Tres Acuerdos con dos resistencias. NGUYỄN NAM KHÁNH: Unas cuestiones urgentes en la Altiplanicie Occidental. PHAN CHÁNH DƯỠNG: Sobre el cumplimiento de las políticas de compensación y liberación del terreno en el desarrollo de las zonas industriales. TRẦN QUANG NHIỆP: Informe de introducción del Fóro de "Desarrollo del transporte navegable interno de Vietnam a los comienzos del siglo XXI". *** La panorama del Fóro. ĐẶNG DUY BÁU: La provincia Hà Tĩnh lleva la Resolución del IX Congreso Nacional del Partido a la vida. NGUYỄN VĂN LÊ: La ergonomía en las actividades socio-económicas. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Principales rasgos del mundo en 2002

目录

•农德孟：大力推动总结实践和理论研究•杜原方：加大西原地区的科教工作力度•曹友逢：提高在融入国际经济中越南的对外财政位势•何登：《关于在越南结束战争，恢复和平》的巴黎协定—胜利道路上的红色标志•武阳宁：三个协定和两次抗战•阮南庆：西原地区的几个当务之急的问题•潘正养：在发展工业区中有关落实搬迁补贴的政策•陈光摄：二十一世纪初发展"越南内地水路交通"研讨会引题报告 *** 研讨综观•邓唯宝：河静省把党九大决议落实到生活中•阮文黎：在经济社会活动中 有关人类工程学•阮皇甲：2002年世界要点

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH TỔNG KẾT THỰC TIỄN VÀ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN *

NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng Cộng sản Việt Nam

Lời Bộ biên tập : *Ngày 11-1-2003, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tiến hành Kỳ họp thứ 5, để tổng kết công tác năm 2002 và định hướng nhiệm vụ năm 2003. Hội đồng vui mừng được đón đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tới dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu bài phát biểu quan trọng này.*

NĂM 2002 là năm hoạt động đầu tiên của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005. Hôm nay, tôi rất vui mừng được nghe đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Phú Trọng báo cáo kết quả hoạt động một năm qua của Hội đồng. Trong hoàn cảnh phải lo xây dựng tổ chức bộ máy mới, Hội đồng đã làm được một số việc, thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, với ý thức trách nhiệm và tinh thần làm việc tích cực, dân chủ và đoàn kết. Hội đồng đã khẩn trương triển khai nghiên cứu "Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân" - một vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp và nhạy cảm. Hội đồng đã kết hợp nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tế, điều tra dư luận xã hội ; tranh thủ ý kiến của các tỉnh ủy, thành ủy, các nhà khoa học và nhiều đồng chí lão thành cách mạng. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã nêu lên những luận cứ khoa học và những kiến nghị về vấn đề trên trình Bộ Chính trị và Trung ương Đảng.

Hội đồng Lý luận Trung ương đã thực hiện công việc nghiên cứu một số vấn đề mới về quốc tế liên quan đến công tác lý luận, như các chuyên đề "Quan niệm của một số Đảng Cộng sản về chủ nghĩa xã hội", "Tác động nhiều mặt của toàn cầu hóa đến công cuộc phát triển của nước ta" ; "Những vấn đề dân chủ xã hội chủ

* Đề bài do Tạp chí Cộng sản đặt

Digitized by Google

nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức dân chủ", "Kinh tế tri thức", v.v.. đã góp ý kiến vào dự thảo văn kiện của các Hội nghị Trung ương, đặc biệt là của Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về công tác tư tưởng, lý luận và đang triển khai một số chuyên đề khác.

Tôi xin thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư hoan nghênh và biểu dương những thành tích trong năm qua của Hội đồng Lý luận Trung ương và của toàn thể cán bộ nghiên cứu lý luận thuộc các thế hệ và lĩnh vực khác nhau trong cả nước.

Năm 2003 là năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, năm vừa có cơ hội lớn, vừa có thách thức lớn đối với nhân dân ta ; là năm chúng ta phải huy động tối đa các nguồn lực, nhất là nguồn nội lực, để duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đồng thời thực hiện các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Điều quyết định là phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh và giữ vững ổn định chính trị trong mọi tình huống. Đảng và Nhà nước đang tích cực đề ra những giải pháp, chính sách hữu hiệu, tăng cường chỉ đạo điều hành và cải tiến cách tổ chức thực hiện nhằm đạt những mục tiêu, nhiệm vụ nói trên.

Năm 2003 cũng là năm đòi hỏi đẩy mạnh hơn nữa tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ; tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, tiến hành cuộc đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái và làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) đã chỉ rõ nhiệm vụ của công tác lý luận từ nay đến Đại hội X của Đảng là tập trung nghiên cứu và làm rõ hơn về mặt lý luận những vấn đề sau : kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới ; phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực ; đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức ; những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

Đến giữa năm nay, Đảng ta sẽ đi qua được nửa nhiệm kỳ của Trung ương khóa IX. Đây là dịp để các cơ quan lý luận nhìn lại, đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được, những điều mới

Digitized by Google

và rõ đã được phát hiện hoặc phát triển và những khó khăn đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Một cuộc kiểm điểm như thế là hết sức cần thiết để thấy về mặt lý luận chúng ta còn phải giải quyết những vấn đề gì từ nay đến Đại hội lần thứ X của Đảng. Phải thấy rằng, hiện nay vẫn còn không ít vấn đề lý luận và thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mặc dù đã được giới lý luận tranh luận, hội thảo, nghiên cứu rất nhiều nhưng vẫn chưa có lời giải đáp đủ sức thuyết phục. Thời điểm tiến hành Đại hội X của Đảng cũng là lúc công cuộc đổi mới ở nước ta đã được tròn 20 năm. Công tác lý luận qua 20 năm đổi mới cần được tổng kết. Đấy là trách nhiệm của Đảng ta. Hội đồng Lý luận Trung ương, các cấp ủy, ban, ngành liên quan có nhiệm vụ quan trọng trong việc giúp Bộ Chính trị chuẩn bị tổng kết vấn đề này. Tôi nghĩ rằng, công tác đó cần được bắt đầu thực hiện ngay từ bây giờ, trước hết, nhiệm vụ này góp phần phục vụ việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện của Đại hội X và giúp xây dựng chương trình nghiên cứu lý luận ở giai đoạn những năm tiếp sau đó. Hội đồng Lý luận Trung ương cần thấy rõ trách nhiệm chủ trì chuẩn bị Đề án tổng kết công tác lý luận qua 20 năm đổi mới để trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

Một trong những tiến bộ của Hội đồng Lý luận Trung ương năm qua là kết hợp chặt chẽ nghiên cứu lý luận với khảo sát thực tế, tổng kết thực tiễn. Nhiều đoàn cán bộ của Hội đồng đã về các địa phương, cơ sở điều tra, nghiên cứu, tìm hiểu tình hình, lắng nghe ý kiến của các cấp ủy, các đảng viên và người lao động, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển lý luận và dùng lý luận để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Tôi được biết nhiều cơ quan lý luận khác, nhiều đồng chí thực hiện các chương trình, đề tài khoa học xã hội cũng năng đi thực tế để khảo sát và nghiên cứu, làm cho các công trình lý luận của các đồng chí được cuộc sống kiểm nghiệm và mang thêm hơi thở cuộc sống. Đấy là một hướng đi đúng của công tác lý luận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Thực tiễn không có lý luận là thực tiễn mù quáng, lý luận không có thực tiễn là lý luận suông". Nghị quyết Đại hội IX cũng chỉ rõ : "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng". Trên cơ sở tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta và tham khảo kinh nghiệm thế giới, Đảng ta qua các kỳ Đại hội đã định hướng và ngày càng làm rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhận thức là một quá trình, do

Digitized by Google

đó không thể nôn nóng đòi hỏi mọi vấn đề của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta - một vấn đề rất mới, khó khăn, phức tạp - phải được giải đáp đầy đủ trong một thời gian ngắn. Thường xuyên tổng kết thực tiễn và lấy thực tiễn kiểm nghiệm lý luận sẽ giúp chúng ta nhận thức rõ hơn nhiều vấn đề mà hôm nay chúng ta chưa có đủ luận cứ để giải đáp.

Thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam và tư duy, nhận thức của con người Việt Nam đã thay đổi rất nhiều. Thực tiễn thế giới cũng thay đổi rất nhanh. Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển như vũ bão. Vì vậy, nếu cứ giữ tư duy cũ và lập luận cũ về một thực tiễn của ngày hôm qua để lý giải thực tiễn hôm nay thì lý luận sẽ lạc hậu, khó phát triển và không thực tế. Cán bộ lý luận đi nghiên cứu ở nước ngoài là cần thiết nhưng phải có tinh thần độc lập tự chủ, chọn lựa những kinh nghiệm hay của thế giới để vận dụng sáng tạo phù hợp thực tiễn xã hội Việt Nam và con người Việt Nam, không giáo điều, dập khuôn. Trong quan hệ quốc tế cũng phải chú ý đáp ứng yêu cầu nghiên cứu những vấn đề lý luận phục vụ xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta ; trước mắt tập trung nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận mà Đảng ta quan tâm.

Điều quan trọng là cần *đổi mới phương thức khảo sát thực tế và tổng kết thực tiễn nhằm đạt hiệu quả thiết thực.* Phải bảo đảm tính khách quan, trung thực trong quá trình nghiên cứu thực tiễn. Chúng ta đã từng phê phán tình trạng trùng lắp trong các chương trình, đề tài khoa học xã hội nhưng tình trạng trùng lắp đó còn được thấy cả trong công tác đi khảo sát thực tế. Có những địa phương, đơn vị, cơ sở ở trong nước và cả ở nước ngoài đón tiếp nhiều đoàn cán bộ khoa học xã hội khác nhau của ta đến tham quan, khảo sát, nghiên cứu lặp đi lặp lại về cùng một vấn đề. Điều đó nói lên sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu lý luận và các chương trình khoa học xã hội trong việc cử đoàn đi khảo sát thực tế. Cần nghiên cứu cơ chế phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin giữa các đoàn đi khảo sát thực tế.

Tại Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng Lý luận Trung ương đầu năm ngoái, tôi có dịp trình bày với các đồng chí quan điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về *vấn đề mở rộng dân chủ trong nghiên cứu lý luận.* Hội đồng Lý luận Trung ương năm qua đã có tiến bộ trên lĩnh vực này. Trong sinh hoạt của mình, Hội đồng đã phát huy tự do tư tưởng và trí sáng tạo của các thành viên trong quá trình tìm tòi để đi tới chân lý. Các đồng chí đã thảo luận, tranh luận khá sôi nổi và thẳng thắn, tự do phát biểu ý kiến và nói hết ý kiến của mình. Khi hành động thì các đồng chí đều nói và làm theo nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà

Digitized by Google

nước ; không tuyên truyền, tán phát tài liệu khi chưa được phép công bố, không truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng. Đấy là thái độ đúng.

Việc phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận cần được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa nhằm khai thác tiềm năng sáng tạo và trí tuệ phong phú của các cán bộ nghiên cứu lý luận. Cần khuyến khích tranh luận về những vấn đề thực tiễn đặt ra. Những ý kiến khác với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng cần được báo cáo với Đảng để nghiên cứu, xem xét, có những giải đáp hoặc trả lời thỏa đáng, không nên định kiến, "chụp mũ" đối với những đồng chí có những ý kiến đó, đồng thời không quảng bá những ý kiến này.

Tuy nhiên, chúng ta cần thấy rõ nghiên cứu khoa học xã hội, nhất là nghiên cứu lý luận chính trị, có tính đặc thù, gắn với quan điểm, đường lối chính trị của Đảng. Hiện nay, các thế lực thù địch và một số phần tử bất mãn, cơ hội đang lợi dụng vấn đề mở rộng dân chủ trong công tác tư tưởng, lý luận để xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, kích động các hoạt động vi phạm pháp luật, tuyên truyền, bịa đặt, gây chia rẽ trong Đảng và giữa Đảng với nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, xâm phạm an ninh quốc gia. Về mặt pháp luật, Nhà nước ta cần trừng trị thích đáng những kẻ xấu đó. Hội đồng Lý luận Trung ương và các cấp ủy, các ban, ngành liên quan cùng giới lý luận nước ta cần đẩy mạnh cuộc đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái và góp phần làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Tôi được biết Hội đồng Lý luận Trung ương đang xây dựng "Quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận". Đây là một việc làm cần thiết nhằm tạo điều kiện mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu lý luận phục vụ sự phát triển và tiến bộ xã hội, nâng cao trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của cán bộ lý luận, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đưa công tác lý luận lên ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Đất nước ta đang tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức bước vào một thời kỳ phát triển sôi động mới trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tôi hy vọng rằng, giới lý luận nước ta sẽ có nhiều cố gắng và nhiều đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp vẻ vang đó.

Nhân dịp năm mới 2003 và Xuân Quý Mùi, thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi chúc các đồng chí trong Hội đồng Lý luận Trung ương và các cán bộ nghiên cứu lý luận trên mọi miền đất nước cùng gia đình bước sang Năm Mới an khang, hạnh phúc, thành đạt trong công tác và cuộc sống. ❑

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KHOA GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG*

TÂY Nguyên bao gồm 4 tỉnh : Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng, có số dân gần 5 triệu người, diện tích 54 460 km², giàu khoáng sản, tiềm năng thủy điện rất lớn, có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Tây Nguyên được ví như *Mái nhà của Đông Dương*. Chính địa chính trị quan trọng như vậy, đòi hỏi chúng ta phải có chiến lược phát triển nói chung, trong đó có chiến lược khoa giáo cho địa bàn này.

Công tác khoa giáo ở Tây Nguyên cũng như các địa phương khác trong cả nước, bao gồm các lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, môi trường, y tế, dân số, gia đình, trẻ em, thể dục thể thao, công tác trí thức khoa học và nhân tài. Với một địa bàn đặc biệt như Tây Nguyên : dân số thưa, nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, rừng núi trùng điệp, đi lại khó khăn, nhiều vùng chưa có điện, đời sống thiếu thốn, trình độ dân trí thấp... đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp khả thi để triển khai công tác khoa giáo có hiệu quả.

Những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư hỗ trợ về nhiều mặt, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, môi trường, y tế, thể thao, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ, trẻ em ở Tây Nguyên đã có những đổi thay quan trọng. Mặt bằng dân trí được nâng lên một bước đáng kể. Chất lượng giáo dục ở mọi ngành học, cấp học có bước chuyển biến rõ nét. Công tác xã hội hóa giáo dục bước đầu đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, công tác khoa giáo ở Tây Nguyên cũng còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đó là : đội ngũ giáo viên thiếu trầm trọng và chưa đồng bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học quá thiếu thốn, nguồn đầu tư cho sự nghiệp trồng người còn hạn chế, nhận thức về giáo dục của một bộ phận không nhỏ nhân dân còn bất cập so với thực tế...

Các lĩnh vực công tác của khối khoa giáo chưa được quan tâm đúng mức, nhất là chưa gắn kết được khoa giáo với công tác dân vận, chưa coi giáo dục, khoa học, công nghệ là chìa khóa để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đội ngũ cán bộ làm công tác khoa giáo ở huyện, xã, thôn, bản còn quá thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn,

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

thiếu tài liệu hướng dẫn. Cơ sở vật chất trang thiết bị còn quá thiếu (vô tuyến, tài liệu hằng tháng, các tủ sách thường thức ở các xã chưa có). Sự quan tâm đến công tác khoa giáo từ cấp huyện đến xã, thôn, bản chưa rõ, thiếu sự chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt của các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Những yếu kém, tồn tại trong công tác khoa giáo xuất phát từ một số nguyên nhân. Nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước chưa được các cấp ủy Đảng địa phương triển khai kịp thời và có hiệu quả. Đội ngũ cán bộ khoa giáo các cấp còn quá mỏng. Công tác khoa giáo ở cơ sở nói chung và Tây Nguyên nói riêng chưa được trung ương quan tâm đúng mức, đặc biệt là việc đầu tư nghiên cứu, khảo sát để đổi mới phương thức hoạt động, tổng kết thực tiễn. Hệ thống tổ chức khoa giáo từ trung ương đến địa phương trong thời gian qua chưa được kiện toàn cả về tổ chức và cán bộ. Thiếu sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong khối khoa giáo. Vấn đề đặt ra cho Tây Nguyên là phải có hướng đi dài hơi, phát huy tốt nội lực để thúc đẩy công tác khoa giáo phát triển mạnh mẽ .

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh : *Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh của người Việt Nam ; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.* Để đạt được mục tiêu đó, cần đẩy mạnh phát triển sự nghiệp khoa giáo ở Tây Nguyên lên một tầm cao mới. Trước mắt, chúng ta phải thực hiện tốt *các giải pháp* cơ bản sau :

1. *Để Nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống, thúc đẩy kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên phát triển, phải làm cho cán bộ cũng như các tầng lớp nhân dân quán triệt và nhất trí cao với những đánh giá cùng những định hướng, giải pháp lớn của trung ương.* Ban Tuyên giáo các tỉnh, huyện, xã trên địa bàn chủ động phối kết hợp với các ban ngành của địa phương tổ chức lồng ghép nhiều hình thức tuyên truyền sao cho đạt hiệu quả thiết thực. Cần tăng cường tập huấn các chuyên đề về công tác khoa giáo, hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên, cũng như định hướng công tác khoa giáo cho các chi bộ, đảng bộ cơ sở qua bản tin nội bộ...

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa từng có trong thông lệ lịch sử. Bởi vậy, công tác tổng kết lý luận và thực tiễn, trong đó có đặc điểm, đặc thù ở Tây Nguyên, càng được đặt ra như một yêu cầu bức thiết, nhằm hoạch định một cách tổng quan chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nguyên và của cả nước. Cần có sự đầu tư nghiêm túc và thỏa đáng hơn cho công tác nghiên cứu và tổng kết lý luận trên tất cả các mặt như : cơ chế, chính sách, nguồn tài chính đầu tư hỗ trợ cho các xã vùng sâu, vùng xa để xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng khoáng sản, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế du lịch, tạo ra sức mạnh tổng lực, đẩy mạnh công tác khoa giáo lên một bước mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời gian tới các cấp, các ngành trong khối khoa giáo ở Tây Nguyên đặc biệt quan tâm đầu tư cho các công trình nghiên cứu. Các đề tài khoa học xã hội đòi hỏi phải gắn với việc giải quyết những vấn đề bức xúc nảy sinh trong thực tiễn, mang tính khả thi cao. Có thể tập trung nghiên cứu đề tài về *chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới quản lý, phát triển thị trường, phát triển trang trại, bảo tồn văn hóa Tây Nguyên.*

Digitized by Google

2. *Công tác khoa giáo phải hướng mạnh về cơ sở, lấy cơ sở làm địa bàn chủ yếu trong quá trình triển khai các Nghị quyết của Trung ương Đảng về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.* Trước mắt, các cấp ủy đảng ở cơ sở cần có các đề án hành động lãnh đạo thực hiện tốt các *Kết luận* của Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, thể dục, thể thao, cất nhắc và trọng dụng nhân tài... dựa trên những đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương, xã, phường, thôn, bản. Từ đó, làm chuyển biến một bước quan trọng về công tác khoa giáo ở mọi cấp, mọi ngành, từ tỉnh đến các huyện, xã, thôn, bản.

Ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố duy trì tốt mối quan hệ với các ban ngành thuộc khối khoa giáo từ tỉnh, thành phố đến các quận, huyện, xã trong quá trình triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng. Chú trọng nâng cao chất lượng giao ban thông qua việc tập trung kiểm điểm kết quả thực hiện các giải pháp thúc đẩy công tác khoa giáo tại địa phương, đơn vị, nhất là chỉ rõ những khó khăn, yếu kém, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn để khắc phục một cách có hiệu quả. Cán bộ được giao chuyên trách làm công tác khoa giáo ở các xã, huyện tăng cường thâm nhập thực tế, kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, đưa chỉ thị, nghị quyết của Đảng về khoa giáo vào cuộc sống. Chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa giáo tại cơ sở thông qua nhiều hình thức như : tập huấn theo chuyên đề, thi báo cáo viên, tuyền truyền viên giỏi, kết hợp với thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

Nhanh chóng khắc phục những yếu kém, bất cập trong công tác khoa giáo tại các tỉnh, đặc biệt là ở cấp quận, huyện, xã, phường, đảm bảo cho công tác khoa giáo vươn lên tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương ; củng cố, hoàn thiện mạng lưới làm công tác khoa giáo từ tỉnh đến cơ sở.

3. *Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.* Quá trình đó phải được tiến hành cùng với các chương trình về bảo vệ môi trường, phát triển công nghệ thông tin, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, tạo sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, thực sự đóng vai trò đòn bẩy, tác động tích cực, hiệu quả vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chủ trương đi tắt đón đầu, đuổi kịp các nước tiên tiến trong khu vực, công nghệ thông tin đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Vì vậy, ban tuyên giáo các tỉnh, thành ủy tiếp tục tăng cường chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 58-CT/TW, ngày 17-10-2000, của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển thông tin. Chú trọng giáo dục ý thức tự giác bảo vệ môi trường sinh thái, tạo lập sự phát triển bền vững của địa phương, góp phần giảm thiểu tốc độ ô nhiễm, suy thoái môi trường, khắc phục và cải thiện môi trường, tăng cường bảo tồn đa dạng hóa sinh học, nâng cao độ che phủ của rừng. Xây dựng các dự án bảo vệ môi trường, cải tạo thiên nhiên, đảm bảo sự phát triển bền vững. Chăm lo chỉ đạo tốt hơn nữa đối với công tác y tế cơ sở. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra từ tuyến y tế cơ sở. Đầu tư đầy đủ về trang

Digitized by Google

thiết bị, đội ngũ y - bác sĩ điều trị, cơ sở vật chất khám chữa bệnh nhằm kịp thời phát hiện và điều trị có hiệu quả các bệnh thông thường, góp phần giảm tải cho tuyến trên và bảo đảm thực hiện công bằng xã hội trong khám và chữa bệnh cho mọi người.

4. Thực tế cho thấy, có chủ trương, chính sách đúng đắn là yếu tố quyết định, nhưng điều không kém phần quan trọng là trong quá trình thực hiện, cần *tổ chức các nguồn lực để xử lý tốt những vấn đề mà thực tiễn đặt ra.* Muốn vậy, phải đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao cho địa phương. Điều quan trọng là phải biết cất nhắc và trọng dụng nhân tài, làm cho mỗi nhân tài có cơ may bộc lộ và phát huy tài năng một cách tốt nhất. Đây là công việc đòi hỏi phải được tiến hành nghiêm túc, chu đáo và thường xuyên, liên tục. Bộ phận khoa giáo ở mỗi cấp ủy đảng địa phương phải thực sự coi đây là công tác trọng tâm, có ý nghĩa sống còn đối với từng địa phương ; phải đầu tư nhiều thời gian, công sức và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng mới có thể đạt hiệu quả mong muốn.

Phấn đấu đảm bảo đủ cơ số giáo viên đứng lớp để cơ bản khắc phục tình trạng nhiều buôn làng trắng giáo viên. Tiếp tục duy trì và củng cố kết quả phổ cập tiểu học trong độ tuổi quy định. Tích cực điều tra trình độ văn hóa trong nhân dân để thực hiện tốt công tác xóa mù chữ và tái mù chữ, đặc biệt là những vùng, miền hẻo lánh, những nơi còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội. Ở một số huyện, xã có nhiều thuận lợi, có thể tiến hành phổ cập trung học cơ sở sớm hơn. Làm tốt khâu chuẩn bị để từng bước phổ cập trung học cơ sở theo mục tiêu chiến lược của ngành giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2005 và 2010. Tích cực vận động học sinh trong độ tuổi đến trường để đảm bảo thực hiện mục tiêu phổ cập. Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa dạy chữ với dạy người thông qua giáo dục đạo đức cho học sinh. Tăng cường giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như : nói chuyện chuyên đề, thi tìm hiểu về các vấn đề lý luận chính trị, tham quan di tích cách mạng, tuyên truyền miệng về những tấm gương hiếu học của xưa và nay ở trong nước và trên thế giới.

5. *Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục về mọi mặt như : thi cử, đa dạng hóa các loại hình trường lớp, chú ý các đối tượng chính sách để mọi người đều có cơ hội hưởng thụ quyền lợi về giáo dục một cách bình đẳng.* Khuyến khích phát triển hệ thống các trường ngoài công lập như dân lập, tư thục, bán công, coi trọng ngành học giáo dục thường xuyên để người dân có thể học tập suốt đời, tiến tới một xã hội học tập.

Mở rộng quy mô giáo dục phải gắn liền với nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy học sinh làm trung tâm. Tập trung đầu tư đào tạo mũi nhọn trên cơ sở đảm bảo tốt đào tạo đại trà, giúp học sinh vừa được trang bị vốn văn hóa toàn diện vừa có khả năng học tập chuyên sâu về một môn, để có thể cống hiến tốt sau này. Kiện toàn, củng cố các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hiện có tại các tỉnh, huyện ; phát triển thêm nhiều cơ sở mới để đẩy mạnh đào tạo nghề cho thanh niên. Từng bước gắn đào tạo với các cơ sở sản xuất, gắn đào tạo với sử dụng để tiết kiệm chi phí chung cho xã hội. Làm tốt

Digitized by Google

công tác tư vấn để tạo ra sự thay đổi trong nhận thức của một số đông nhân dân quá chuộng khoa cử một cách hình thức. Phân luồng học sinh cho phù hợp để các em có một định hướng nghề nghiệp đúng đắn dựa trên khả năng thực tế của bản thân. Đa dạng hóa nguồn đầu tư cho giáo dục : từ ngân sách địa phương, ngân sách Nhà nước, huy động sức dân tự đóng góp để nâng cao cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Khuyến khích các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục. Nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý trong giáo dục bằng hàng loạt những biện pháp khả thi, tạo sức mạnh đòn bẩy thúc đẩy giáo dục ngày càng phát triển.

Thiết lập kỷ cương ở trong các nhà trường. Gắn kỷ cương với tình thương và trách nhiệm của người thầy. Xử lý nghiêm những trường hợp tiêu cực trong giáo dục, đồng thời thực hiện tốt quy chế học tập đối với học sinh. Ngăn ngừa có hiệu quả các tệ nạn xã hội thâm nhập học đường như : nghiện hút, cờ bạc, côn đồ... đảm bảo môi trường sư phạm lành lạnh, trong sáng. Thường xuyên chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý dưới các hình thức : tập trung định kỳ, thi cán bộ quản lý giỏi, nhất là thực hiện luân chuyển cán bộ theo chủ trương của Bộ Chính trị khóa IX. Chú trọng thanh tra chuyên môn, thanh tra tài chính, kịp thời phát hiện những hiện tượng sai phạm, tiêu cực trong ngành. Tăng cường chỉ đạo công tác thi đua nghiên cứu khoa học trong các nhà trường, các đơn vị tham gia quản lý giáo dục. Có chế độ ưu đãi, khuyến khích thích hợp đối với những đề tài mang tính ứng dụng tốt. Trong quá trình ứng dụng, cần chú ý sơ kết, tổng kết tình hình thực tiễn để ngày càng làm phong phú thêm cho lý luận dạy học.

6. *Từng bước đưa chương trình dạy tiếng dân tộc thiểu số vào trong các nhà trường phổ thông,* góp phần làm cho học sinh thường xuyên có ý thức trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tạo tiền đề phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chăm lo đầu tư xây nhà cho giáo viên, xóa các lớp tranh tre, nứa lá, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ trường học. Nâng cao trình độ về mọi mặt cho đội ngũ giáo viên đứng lớp. Trong đó, chú trọng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực giảng dạy. Sắp xếp lại biên chế một cách phù hợp, trên cơ sở đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa về trình độ đào tạo. Tùy thuộc vào nguồn ngân sách, có thể tăng cường lực lượng giáo viên hợp đồng để đảm bảo dạy đủ môn học theo hướng chất lượng, hiệu quả. Tạo điều kiện cho giáo viên tự học theo hình thức tại chức, đào tạo từ xa, để ngày càng nâng cao năng lực chuyên môn, thích ứng với đòi hỏi của xã hội hiện đại. Ưu tiên hỗ trợ về quyền lợi cho giáo viên mầm non trong khu vực nông thôn, đặc biệt là vùng hẻo lánh, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng trước đây là căn cứ cách mạng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình thí điểm thay sách giáo khoa ở nhà trường phổ thông đối với lớp 1, lớp 6 và các lớp tiếp theo. Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở thường xuyên theo dõi, đôn đốc, phát huy tốt vai trò tích cực, chủ động của ngành giáo dục.

7. *Tổ chức đảng trong nhà trường, cơ sở y tế, thể thao, bảo vệ bà mẹ trẻ em làm tốt*

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

NÂNG CAO VỊ THẾ TÀI CHÍNH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM trong hội nhập kinh tế quốc tế

TÀO HỮU PHÙNG*

1. Sự cần thiết nâng cao vị thế tài chính đối ngoại ở nước ta

Nền kinh tế nước ta đang trong giai đoạn chuyển đổi nhằm khắc phục tính tự cấp, tự túc, mở rộng giao lưu kinh tế và khoa học - kỹ thuật với nước ngoài, gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới. Trong quá trình đó, nhu cầu thu hút, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nói chung và vốn nước ngoài nói riêng càng trở nên cấp thiết. Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước" (1).

Các hoạt động tài chính đối ngoại (TCĐN) có nhiệm vụ cơ bản và cấp bách là thu hút, huy động các nguồn vốn quốc tế, phân bổ, quản lý và sử dụng có hiệu quả, đồng thời tạo nguồn vốn để trả nợ khi đến hạn, nhằm phục vụ cho đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc nâng cao vị thế TCĐN có ý nghĩa quan trọng trên một số mặt chủ yếu sau :

Một là, thu hút và huy động các nguồn vốn quốc tế để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010)* xác định, đến năm 2010 đưa GDP nước ta lên ít nhất gấp đôi năm 2000, nhịp độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2001 - 2005 bình quân 7,5%/năm. Theo đó, chúng ta cần huy động vốn nước ngoài từ 50 - 60 tỉ USD (giai đoạn 2001 - 2010) ; tổng đầu tư toàn xã hội tăng khoảng 10 - 12%/năm, đạt khoảng 30 - 32% GDP vào năm 2010. Để thực hiện được mục tiêu đó, hoạt động TCĐN phải tăng cường thu hút và huy động các nguồn vốn nước ngoài trên cơ sở coi nguồn vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, vay nợ, viện trợ, phát hành trái phiếu quốc tế để huy động vốn...

Hai là, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nước ngoài, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, tránh nguy cơ khủng hoảng nợ nần, đe dọa lợi ích kinh tế đất nước. Việc nâng cao vị thế TCĐN sẽ trực tiếp góp phần bảo đảm cho nền tài chính quốc gia an toàn, không rủi ro, không nguy hiểm, tính bền vững cao, lợi ích kinh tế quốc gia không bị xâm phạm, không bị

* GS, TSKH, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 92

Digitized by Google

tàn phá, không khủng hoảng, đảm bảo cho nền kinh tế quốc dân hoạt động bình thường.

Ba là, ổn định cán cân thanh toán quốc tế là một phần quan trọng trong hoạt động TCĐN của quốc gia. Việc ổn định cán cân thanh toán quốc tế là một tiêu chí rất quan trọng để các nhà lập chính sách kinh tế vĩ mô đưa ra những chính sách quản lý, ứng phó với những biến động của môi trường kinh tế trong và ngoài nước. Cán cân thanh toán quốc tế là bức tranh phản ánh toàn bộ hoạt động kinh tế đối ngoại, ghi lại toàn bộ các giao dịch của một nền kinh tế với phần còn lại của thế giới về hàng hóa, dịch vụ, thu nhập, các giao dịch về tài sản có và tài sản nợ tài chính trong một thời kỳ nhất định. Các tổ chức quốc tế (WB, IMF) coi một nước có tỷ lệ nợ trên GDP lớn hơn 50%, tỷ lệ nợ trên xuất khẩu lớn hơn 200%, tỷ lệ dự trữ ngoại tệ không đủ bảo đảm an toàn cho nền kinh tế... là nước có tình trạng nợ nần chồng chất.

Bốn là, tạo nguồn vốn để trả nợ nước ngoài. Việc nâng cao vị thế TCĐN đi kèm với các giải pháp tăng cường quản lý nợ Chính phủ, nợ doanh nghiệp, khả năng trả nợ khi đến hạn, sẽ là các yếu tố bảo đảm tính an toàn về nợ nước ngoài của một quốc gia. Hầu hết các quốc gia đều rất quan tâm đến các giải pháp tạo nguồn để trả nợ nước ngoài, đặc biệt là các giải pháp khuyến khích thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, hình thành quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài, tăng nguồn ngoại tệ dự trữ, hạn chế nhập siêu...

Tóm lại, dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa, tự do hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các nước sẽ trở nên lệ thuộc vào nhau hơn, rủi ro tài chính ngày càng lớn và nguy cơ khủng hoảng tài chính luôn trở thành mối đe dọa chủ yếu đến an ninh tài chính quốc gia. Bởi vậy, việc nâng cao vị thế TCĐN cùng với việc hoàn thiện và cải cách các cơ chế giám sát tài chính, thiết lập các cơ chế ứng phó cần thiết, ngăn chặn rủi ro và tăng cường sự hợp tác với cộng đồng quốc tế là hết sức cần thiết và cấp bách.

2. Thực trạng vị thế tài chính đối ngoại nước ta thời gian qua

Các hoạt động TCĐN đã góp phần bảo đảm cho hệ thống tài chính ổn định, an toàn, không bị khủng hoảng ; đồng thời, có khả năng tiếp nhận sự di chuyển các luồng vốn quốc tế, thu hút một cách hợp lý, sử dụng vốn hiệu quả ; đảm bảo khả năng hoàn trả các khoản nợ theo cam kết, cán cân thanh toán quốc tế cân đối vững chắc ; tỷ giá hối đoái ổn định và dự trữ ngoại hối đáp ứng yêu cầu dự phòng của nền kinh tế. Điều đó thể hiện trên một số lĩnh vực cụ thể sau :

- Về thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) : Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ban hành (năm 1988) đến nay đã qua 3 lần sửa đổi, bổ sung, tình hình thu hút và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong 3 năm đầu thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1988 - 1990), số vốn đăng ký đạt khoảng 1,6 tỉ USD và số vốn thực hiện chỉ khoảng 0,2 tỉ USD. Trong giai đoạn 1991 - 2000, luồng vốn FDI chuyển vào Việt Nam không ngừng tăng (tuy có giảm từ năm 1997 đến năm 1999 nhưng lại có dấu hiệu phục hồi từ năm 2000) đã tác động tích cực đối với cán cân thanh toán và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn (giai đoạn 1991 - 2000 tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,45%/năm).

- Về xử lý nợ nước ngoài, thu hút và sử dụng vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) : Chính phủ Việt Nam đã xử lý nợ thành công thông qua Câu lạc bộ Pa-ri và Câu lạc bộ Luân Đôn (năm 1997). Từ đó, đã tận dụng và khai thác tốt hơn mối quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, bước đầu xử lý được những khoản nợ quá hạn, từng bước làm lành mạnh tình trạng nợ nần và thực hiện cam kết trả nợ, đàm phán xin xóa nợ, hoãn nợ, chuyển đổi nợ, vay mới trả cũ... Tháng 9-2000, chúng ta đã ký kết Hiệp định xử lý nợ với Liên bang Nga, theo đó số nợ của ta với Nga sẽ được trả dần trong

Digitized by Google

23 năm, 90% số nợ phải trả được dùng để mua hàng hóa, đầu tư, chi phí cho các dịch vụ khác của Nga tại Việt Nam, 25% số lãi hằng năm trong số nợ phải trả để viện trợ không hoàn lại giúp Việt Nam chi phí cho đào tạo học sinh tại Nga. Việc thu hút nguồn vốn ODA (tăng liên tục từ năm 1993 đến nay) đã thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ của các nhà tài trợ đối với công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế ở Việt Nam. Tính chung trong giai đoạn 1993 - 2001, tổng số vốn ODA mà các nhà tài trợ đã cam kết dành cho Việt Nam là 17,68 tỉ USD (không kể khoản hỗ trợ cải cách), trong đó số đã rút vốn khoảng 8 tỉ USD, chiếm 44,68% tổng số vốn cam kết. Nguồn vốn vay ODA được tập trung chủ yếu để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quan trọng như điện, đường giao thông nông thôn, chương trình xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế, tăng đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra năng lực sản xuất lớn cho xã hội.

- Về cán cân thanh toán quốc tế, trong điều kiện nước ta luôn thiếu vốn, tiết kiệm trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu đầu tư, nhưng vẫn duy trì và kiểm soát được thâm hụt cán cân thanh toán, tăng cường dự trữ ngoại tệ. Trên cơ sở kiểm soát các nguồn vốn vay nước ngoài một cách chặt chẽ, nhất là nguồn vay thương mại có chi phí cao và thời hạn ngắn, đến nay, vay ngắn hạn chỉ chiếm khoảng 8 - 10% trong tổng dư nợ, là mức thấp nhất so với các nước châu Á. Chính phủ cũng tập trung đẩy mạnh các giải pháp khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu (nhất là nhập khẩu hàng tiêu dùng), duy trì chính sách tỷ giá hối đoái ổn định để tăng thêm tính bền vững của cán cân thanh toán quốc tế (bao gồm cả cán cân vốn và cán cân vãng lai).

Bên cạnh những mặt làm được, TCĐN cũng còn một số tồn tại và hạn chế :

- Tốc độ tăng trưởng vốn FDI chưa vững chắc đã tác động không nhỏ đối với an ninh tài chính quốc gia. Trong giai đoạn 1991 - 1996, tốc độ tăng vốn FDI bình quân 50%/năm với đỉnh điểm là năm 1996 đạt gần 8,7 tỉ USD. Những năm 1997 - 1999, do hạn chế về môi trường kinh doanh trong nước, ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực và do sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước về thu hút FDI nên nhịp độ tăng vốn FDI vào nước ta đã có sự giảm sút (năm 1997 giảm 49%, năm 1998 giảm 16% và năm 1999 giảm 59% về vốn đăng ký). Từ năm 2000 đến nay, nhịp độ tăng vốn FDI đã dần được hồi phục, nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố chưa vững chắc. Cụ thể là, công tác quy hoạch thu hút FDI còn chậm, chất lượng chưa cao, thiếu cụ thể, dẫn đến tình trạng cấp giấy phép đầu tư vào một số lĩnh vực và sản phẩm vượt quá nhu cầu hiện tại (như các dự án khách sạn, nước giải khát có gas, sản phẩm điện tử gia dụng, lắp ráp ô-tô, xe máy...). Các khu công nghiệp đã thành lập nhưng do thiếu kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh, giá phí sử dụng cao, chi phí san lấp mặt bằng lớn nên chưa đủ sức hấp dẫn các nhà đầu tư. Cơ cấu vốn FDI chưa hợp lý, nguồn vốn FDI chủ yếu tập trung ở những địa phương có điều kiện thuận lợi ; trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp - thủy sản, lượng vốn FDI còn quá thấp, số dự án thành công không nhiều do gặp rủi ro, thiên tai, nguồn nguyên liệu không ổn định... Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách đang trong quá trình hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Mặc dù nhìn tổng quát thì các *khoản nợ nước ngoài* của nước ta ở mức tương đối ổn định, nhưng nếu đi sâu phân tích cơ cấu nợ và so sánh với tiêu thức đánh giá của các tổ chức quốc tế thì gánh nặng về nợ nước ngoài và nghĩa vụ trả nợ của nước ta vẫn ở tình trạng đáng lo ngại. Thậm chí điều đó có thể trở nên nghiêm trọng, vì nghĩa vụ thanh toán nợ bằng nguồn của ngân sách nhà nước (NSNN) đối với các khoản nợ của Chính phủ sẽ lớn dần khi các khoản vay từ các năm 1993, 1994 đã đến hạn phải trả nợ gốc. Việc quản lý vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp chưa được chặt chẽ. Trong vay nợ, chưa xác định rõ mục tiêu, hiệu quả kinh tế theo quan điểm thúc đẩy sản xuất

Digitized by Google

hàng hóa, xuất khẩu, tạo ra lợi nhuận và có ngoại tệ để trả nợ nước ngoài. Do đó, bên cạnh một số công trình điện, xi-măng, dầu khí có tác dụng tích cực, làm thay đổi cơ cấu kinh tế, còn không ít công trình bị hủy bỏ, hoặc làm ra sản phẩm chất lượng kém, không tiêu thụ được, gây lãng phí và trở thành gánh nặng trả nợ đối với Nhà nước.

- Chúng ta cũng chưa xây dựng được chiến lược vay và trả nợ nước ngoài. Điều này làm cho việc ban hành các chính sách và cơ chế quản lý còn nhiều lúng túng. Trong công tác quản lý nợ, viện trợ nước ngoài, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp quy. Các văn bản này tuy đã tạo ra khung pháp lý đồng bộ hơn cho công tác quản lý nợ nước ngoài, nhưng trong thực tế giám sát lĩnh vực vay nợ và viện trợ nước ngoài vẫn còn những bất cập. Nguồn viện trợ còn phân tán ở nhiều ngành, địa phương chưa được quản lý tập trung thống nhất, nguy cơ về gánh nặng nợ vẫn chưa được giải tỏa.

Theo một báo cáo, hiện nay số nợ nước ngoài của Chính phủ và của khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã đến mức báo động. Vay nợ nước ngoài của khu vực DNNN chủ yếu vẫn dựa trên các điều kiện ưu đãi (bảo lãnh) của Nhà nước. Khi DNNN không có khả năng trả nợ thì Chính phủ phải có trách nhiệm trả nợ thay. Do vậy, vấn đề minh bạch hóa nợ của Chính phủ và nợ của doanh nghiệp, phân biệt rành mạch nợ khu vực công và nợ khu vực tư nhân cần có quan điểm xử lý cụ thể. Bài học khủng hoảng nợ, chủ yếu là mức nợ ngắn hạn tăng quá nhanh dẫn đến mất cân đối nguồn ngoại tệ thanh toán đã từng xảy ra ở Mê-hi-cô (năm 1994), Bra-xin hoặc một số nước trong khu vực (năm 1997) là những cảnh báo đối với chúng ta trong việc quản lý và sử dụng các khoản nợ nước ngoài để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

- Thực chất nguồn vốn ODA là vốn vay (vì chỉ có khoảng 10 - 15% là viện trợ không hoàn lại). Vì vậy, việc quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này là hết sức cần thiết. Tuy vậy, trong nội bộ các cấp, các ngành và địa phương vẫn còn tồn tại những quan niệm và cách hiểu khác nhau về vốn ODA, cho rằng đây là khoản viện trợ, cho không, quà biếu, vật tặng... ; từ đó có quan niệm *"vay là được"* trong sử dụng vốn ODA, mà không tính đến khả năng trả nợ và hiệu quả sử dụng, dẫn đến tình trạng lãng phí, tham nhũng, gây hậu quả xấu cho việc tiếp nhận ODA. Mặt khác, quá trình lập, duyệt dự án vay vốn ODA thường kéo dài, phân bổ vốn cho dự án chưa thật sự gắn với nhu cầu sử dụng vốn. Tốc độ giải ngân chậm, quy trình đấu thầu phức tạp, tổ chức lỏng lẻo ; các nguyên tắc và điều kiện đấu thầu theo thông lệ quốc tế chưa được làm quen hoặc chưa công khai, nên phần lớn phải mua thiết bị từ các nước tài trợ với giá cao, kỹ thuật lạc hậu, các khoản thanh toán, lương phải trả rất cao cho chuyên gia nước ngoài, chịu sự lệ thuộc nhất định vào thị trường kỹ thuật, công nghệ của nước tài trợ.

- Về cán cân thanh toán, nhiều nhà kinh tế cho rằng, trong cơ cấu nguồn vốn tài trợ cho thâm hụt cán cân thanh toán thì vốn FDI chiếm khoảng trên 70% trong tổng số vốn vào Việt Nam. Nhưng, trên thực tế, khoảng trên 60% tổng số vốn FDI giải ngân hằng năm là các khoản vay của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI), chủ yếu là vay thương mại, có hoặc không có ngân hàng bảo lãnh. Đặc biệt từ năm 1994, những khoản vay này gia tăng một cách đáng kể (do chủ yếu mua bán ngoại thương dưới hình thức L/C trả chậm) đã làm cho sự thâm hụt cán cân thanh toán lâm vào tình trạng đáng lo ngại, chứa đựng nguy cơ bất ổn cho nền kinh tế, đặc biệt khi dự trữ ngoại tệ quá mỏng manh. Mặt khác, hiện nay nước ta vẫn còn trong tình trạng thiếu vốn và sản xuất trong nước vẫn phụ thuộc nhiều vào máy móc thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu, mức tiết kiệm trong nước còn rất thấp, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, xuất khẩu gặp khó khăn, luồng vốn nước ngoài vẫn tiếp tục tăng do lượng vốn

Digitized by Google

được các nhà tài trợ cam kết cho vay ODA ngày càng lớn. Vì vậy, để cân bằng cán cân thanh toán là vấn đề hết sức khó khăn. Nếu chúng ta sử dụng vốn vay kém hiệu quả, nợ quốc gia sẽ nhanh chóng trở thành gánh nặng, gây áp lực phải trả nợ rất lớn đối với NSNN.

3. Định hướng nâng cao vị thế tài chính đối ngoại trong phát triển và hội nhập quốc tế

Để nâng cao vị thế tài chính đối ngoại, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và hiệu quả cần quán triệt các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đã nêu trong các nghị quyết của Trung ương là tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, coi vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng. Để bảo đảm an ninh kinh tế và an ninh tài chính quốc gia, chiến lược phát triển và nâng cao vị thế TCĐN, thiết nghĩ, cần thực hiện tốt các định hướng sau :

Thứ nhất, nguồn vốn FDI toàn cầu có xu hướng luân chuyển chủ yếu giữa các nước công nghiệp phát triển, còn các nước đang phát triển ngày càng phải cạnh tranh gay gắt với nhau để thu hút vốn nước ngoài. Do đó, trong công tác xây dựng kế hoạch, phân tích và dự báo nhu cầu vốn đầu tư cần xây dựng một tỷ lệ hợp lý giữa vốn FDI so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội hằng năm để có cơ sở nhìn nhận mức độ phụ thuộc của nền kinh tế nước ta vào nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tỷ lệ hợp lý giữa vốn FDI so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội hằng năm nên duy trì khoảng 17 - 18%, chiếm khoảng 50% nguồn vốn nước ngoài của Việt Nam.

Thứ hai, mức đóng góp của doanh nghiệp FDI vào GDP của quốc gia hiện nay còn chưa tương xứng (chỉ đạt khoảng 11 - 12%) và thấp hơn nhiều so với tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội ; hơn nữa, doanh nghiệp FDI luôn được coi là doanh nghiệp năng động, có năng suất lao động cao. Do vậy, việc hướng các giải pháp để tăng dần mức đóng góp của doanh nghiệp FDI vào GDP của quốc gia là cần thiết.

Thứ ba, tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp FDI bình quân chiếm khoảng 20% tổng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu khoảng 26 - 27% tổng giá trị nhập khẩu cả nước ; cơ cấu nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, máy móc thiết bị ; xuất khẩu chủ yếu là dầu thô, sản phẩm may mặc, điện tử... Điều đó có ảnh hưởng đáng kể đối với cán cân thương mại của quốc gia và quản lý ngoại tệ. Vì vậy, cần kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp FDI để lành mạnh cán cân thương mại của quốc gia.

Thứ tư, nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể các nguồn vốn đầu tư và quy hoạch thu hút vốn FDI, phù hợp và gắn liền với quy hoạch ngành, lãnh thổ, lĩnh vực ưu tiên, mặt hàng chủ lực, khả năng thu hút lao động cao... từ đó lựa chọn dự án khả thi, dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn nước ngoài. Mặt khác, cần hoàn thiện khung pháp lý và các cơ chế, chính sách đối với khu vực doanh nghiệp FDI, tiến tới ban hành và áp dụng thống nhất một mức thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Hoàn thiện chính sách về đất đai theo hướng nới rộng, hạ thấp, miễn giảm khung tiền thuê đất cho các doanh nghiệp FDI và các bên nước ngoài hợp doanh ; hạn chế và tiến tới chấm dứt việc góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, thay vào đó là cơ chế hỗ trợ về tài chính từ phía Nhà nước ; đồng thời khuyến khích sự năng động tìm các nguồn tài chính khác để bù đắp và tham gia góp vốn trong liên doanh của các doanh nghiệp. Ban hành khung giá thống nhất các loại hình dịch vụ (điện, điện thoại, phí cảng biển, phí quảng cáo...) theo nguyên tắc bình đẳng để tạo môi trường thông thoáng, hấp dẫn trong việc thu hút vốn FDI.

Thứ năm, nâng cao nhận thức và thống nhất quan điểm về vốn ODA. Nếu coi đó là nguồn viện trợ thuần túy, sẽ dẫn đến sử dụng nó kém hiệu quả, lãng phí, không trả được nợ và cuối cùng bị lệ thuộc vào bên ngoài. Viện trợ không hoàn lại cần được quản lý như đối với nguồn thu

Digitized by Google

của NSNN dành cho đầu tư phát triển, phần vay ưu đãi được hạch toán bù đắp bội chi ngân sách để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nước ngoài và ổn định chi NSNN, kiên quyết không vay cho chi thường xuyên. Chính phủ không nên vay thương mại hoặc sử dụng những khoản vay không đạt yếu tố ưu đãi cao về lãi suất và thời gian trả nợ cũng như vay bằng các loại tiền có rủi ro lớn về tỷ giá hối đoái để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn chậm.

Thứ sáu, xây dựng hạn mức vay nước ngoài, vì đó là giới hạn an toàn để sử dụng vốn vay nước ngoài có hiệu quả, ổn định, bền vững, bảo đảm nền kinh tế có khả năng hấp thụ vốn và có khả năng trả nợ khi đến hạn. Mặt khác, hạn mức nợ nước ngoài cũng chính là công cụ quan trọng để kiểm soát tình trạng nợ nước ngoài và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay, khi hiệu quả đầu tư còn thấp, cân đối ngoại tệ còn khá bấp bênh, tỷ giá hối đoái chưa hoàn toàn ổn định thì việc quy định hạn mức vay nợ nước ngoài là rất cần thiết để giảm thiểu những rủi ro, nâng cao hệ số an toàn trong việc sử dụng vốn.

Thứ bảy, tích cực tạo nguồn để trả nợ nước ngoài, duy trì khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là cần có các giải pháp hữu hiệu để khuyến khích xuất khẩu nhằm tạo nguồn thu ngoại tệ ổn định. Trước mắt, cần xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các nguyên liệu thô, tăng cường đầu tư chiều sâu cho các doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu ; có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ cho xuất khẩu, nhất là đối với các mặt hàng ta có thế mạnh như gạo, hàng gia công may mặc, giày dép... nhằm nâng cao năng lực xuất khẩu, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

Thứ tám, nâng cao vai trò của Quỹ tích luỹ trả nợ nước ngoài. Hiện tại, quỹ này chỉ đề cập đến các khoản cho vay từ nguồn vốn ODA. Vì vậy, lượng ngoại tệ thu vào quỹ này còn nhỏ bé, chỉ đáp ứng yêu cầu chi trả các khoản nợ Chính phủ bảo lãnh trong trường hợp các dự án vay vốn không trả được nợ. Cần có cơ chế sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của Quỹ một cách linh hoạt để bảo đảm tăng trưởng vốn, tạo cơ sở vững chắc cho việc trả nợ nước ngoài.

Thứ chín, công tác vận động vốn ODA cần được đổi mới cơ bản về nội dung và phương thức thực hiện, chú trọng khâu lập dự án nghiên cứu khả thi bảo đảm chất lượng trước khi đàm phán. Trong quá trình tổ chức vận động vốn cần xuất phát từ lợi ích tổng thể quốc gia, hiệu quả công việc trên cơ sở nâng cao tính chủ động của phía Việt Nam với bên nước ngoài, cần mạnh dạn chối bỏ các nguồn vốn không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ mười, chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ và khả năng quản lý. Nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường kiểm tra giám sát và sự phối kết hợp giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bổ sung và điều chỉnh chính sách, cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt chức năng giám sát kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, kiểm toán các báo cáo tài chính.

Để nâng cao vị thế TCĐN của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế, cũng như bảo đảm được an ninh tài chính quốc gia, cần kiểm soát có hiệu quả các luồng vốn nước ngoài, trên cơ sở phân tích và dự báo đúng tình hình, điều kiện trong nước và quốc tế, bố trí sử dụng vốn đạt hiệu quả cao theo các mục tiêu đã định. Thực hiện thanh toán trả nợ nước ngoài đúng hạn. Tích cực nghiên cứu và áp dụng các biện pháp chuyển đổi nợ thành đầu tư trong nước, xin giãn nợ, xóa nợ, tăng khả năng thanh toán trả nợ bằng hàng... nhằm giảm nghĩa vụ trả nợ trong tương lai. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, hạn chế nhập siêu, bảo đảm cân đối cán cân thanh toán quốc tế, tăng dự trữ ngoại tệ để tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững. ❑

Digitized by Google

HIỆP ĐỊNH PA-RI VỀ VIỆT NAM - *một mốc son trên đường thắng lợi*

HÀ ĐĂNG

NGÀY 27-1-1973, Hiệp định Pa-ri - Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, được ký kết.

Ba mươi năm đã qua. Những sự kiện lịch sử nối tiếp nhau dẫn tới nhiều biến đổi lớn. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Đất nước độc lập, thống nhất, đã bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vậy mà nhìn lại Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, chúng ta vẫn cảm nhận sâu sắc ý nghĩa và giá trị lịch sử của nó. Đó là một mốc son trên con đường thắng lợi - thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung, đồng thời là thắng lợi của mặt trận ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ ấy nói riêng.

Con đường dẫn tới Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là con đường đầy quanh co và khúc khuỷu, con đường đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch trên chiến trường cũng như tại bàn đàm phán.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chế độ thực dân mới của Mỹ, nhằm giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ tuy được triển khai ở mức cao, đã bị phá sản. Ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn suy yếu, khủng hoảng trầm trọng và đứng trước nguy cơ tan rã. Để hòng cứu vãn tình thế, Mỹ thay đổi chiến lược, Mỹ hóa cuộc chiến tranh, từ chiến tranh đặc biệt chuyển thành chiến tranh cục bộ, vừa ào ạt đưa quân Mỹ vào miền Nam vừa tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân chống miền Bắc. Những năm 1965, 1966 và 1967 là thời gian Mỹ điên cuồng leo thang chiến tranh, hết nấc này đến nấc khác. Để hòng che đậy bộ mặt xâm lược và những hành động hiếu chiến của mình đồng thời lừa gạt dư luận, Mỹ một mặt rêu rao rằng "miền Bắc xâm lược miền Nam", "Mỹ đưa quân vào miền Nam là thực hiện cam kết với đồng minh của Mỹ", "đánh phá miền Bắc là hành động trả đũa", mặt khác, mở cuộc vận động "ngoại giao hòa bình", đòi "miền Bắc đình chỉ thâm nhập người và dụng cụ chiến tranh vào miền Nam, rút quân khỏi miền Nam", "đàm phán không điều kiện" với Mỹ. Trước kẻ địch đang hùng hổ leo thang chiến tranh lại lắm mưu nhiều kế, ngay từ đầu, Đảng ta đã nhận định rằng Mỹ buộc phải tiến hành

Digitized by Google

chiến tranh cục bộ là vì chúng đang ở trong thế bị động về chiến lược. Mặc dù Mỹ đưa vào miền Nam mấy chục vạn quân viễn chinh và đánh phá ác liệt miền Bắc, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục thế chủ động trên chiến trường, có điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch. Chấp nhận cuộc đụng đầu lịch sử với Mỹ, chúng ta đã giáng trả mạnh mẽ những hành động leo thang chiến tranh khiến cho chúng càng leo cao càng bị đòn đau, và càng leo đến gần bậc cuối cùng thì càng thấy đất trời mù mịt. Về mặt ngoại giao, ta nêu cao chính nghĩa và tính tất thắng của cuộc chiến đấu của ta, bóc trần bộ mặt xâm lược của Mỹ và tính chất nguy hiểm của các hành động leo thang chiến tranh, vạch rõ các thủ đoạn đàm phán hòa bình giả hiệu, kiên quyết đòi Mỹ chấm dứt xâm lược, rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt vô điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chỉ khi nào Mỹ chịu chấm dứt ném bom, Việt Nam dân chủ cộng hòa mới có thể nói chuyện.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy hàng loạt của quân và dân miền Nam trong Tết Mậu Thân năm 1968 cùng với thắng lợi của miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại, đã làm đảo lộn chiến lược và lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh. Phát biểu ý kiến trên đài truyền hình Mỹ đêm 31-3-1968, Tổng thống Giôn-xơn đã trình bày một cách bi đát tình hình của Mỹ qua cuộc tổng tiến công của "Việt Cộng" và thông báo rằng ông ta "đã ra lệnh cho các máy bay và tàu chiến của Mỹ không tiến hành cuộc tiến công nào chống miền Bắc Việt Nam, trừ khu vực nằm ở phía Bắc khu phi quân sự"... Ông ta tuyên bố : "Đã đến lúc bắt đầu nối lại về hòa bình và tôi sẵn sàng đi bước đầu tiên trên con đường một cuộc xuống thang". Và cam kết không ra tranh cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Tuyên bố đó thực sự là thừa nhận thất bại.

Trong tình thế đã thay đổi có lợi cho ta, bằng một đòn tấn công ngoại giao mới, ta chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Mỹ. Ngày 13-5-1968, cuộc đàm phán giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Hoa Kỳ bắt đầu tại Pa-ri, và gần sáu tháng sau, đi đến thỏa thuận về việc Mỹ sẽ chấm dứt mọi cuộc oanh tạc bằng không quân, hải quân, pháo binh và mọi hành động khác liên quan đến việc dùng vũ lực trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa bắt đầu từ ngày 31-10-1968, đồng thời thỏa thuận sẽ triệu tập tại Pa-ri một Hội nghị gồm Việt Nam dân chủ cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn để bàn về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 25-1-1969, Hội nghị Pa-ri về Việt Nam đã họp phiên đầu tiên, mở ra giai đoạn mà ta vẫn thường gọi là "vừa đánh vừa đàm".

Hội nghị Pa-ri về Việt Nam là cuộc đàm phán dài nhất để chấm dứt một cuộc chiến tranh dài nhất trong thế kỷ XX, cuộc chiến tranh diễn ra trên phạm vi một nước nhưng lại là tiêu điểm của những mâu thuẫn và xung đột mang tính thời đại : giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, giữa hòa bình với chiến tranh. Đó là cuộc đối thoại giữa hai thế lực đối đầu trên chiến trường, một bên là lực lượng xâm lược của một đế quốc đầu sỏ

Digitized by Google

và bè lũ tay sai, có thế mạnh vượt trội về quân sự và kinh tế nhưng lại có thế yếu về chính trị, tinh thần ; một bên là lực lượng chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, tuy có cái yếu tương đối về quân sự và kinh tế nhưng lại có thế mạnh tuyệt đối về chính trị, chính nghĩa. Đó còn là tâm điểm cuộc đối chọi giữa hai nền ngoại giao, một bên là nền ngoại giao nhà nghề của một siêu cường đã từng tồn tại trên 200 năm, một bên là nền ngoại giao của một Nhà nước cách mạng còn non trẻ, chỉ mới 25 năm, nếu kể từ tháng 9-1945 cho đến khi Hội nghị Pa-ri khai mạc, tháng 1-1969. Ở đây đã diễn ra một cuộc đấu quyết liệt giữa hai ý chí, hai trí tuệ, hai loại pháp lý và đạo lý, hai thứ mưu lược, gọi tắt là đấu chí, đấu trí, đấu lý và đấu mưu.

Cuộc đấu tranh để đi đến việc triệu tập Hội nghị khó khăn và phức tạp bao nhiêu thì cuộc đấu tranh tại bàn đàm phán càng khó khăn và phức tạp bấy nhiêu. Cả ta và đối phương đều đến Hội nghị với những mục đích và đòi hỏi khác nhau. Ta đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân đội và nhân viên quân sự ra khỏi miền Nam Việt Nam, xóa bỏ chính quyền bù nhìn tay sai, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, để nhân dân miền Nam quyết định công việc nội bộ của mình, không có sự can thiệp của bên ngoài. Mỹ cũng nói muốn chấm dứt chiến tranh nhưng lại đòi hai bên, miền Bắc cũng như Mỹ, đều cùng rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam bởi theo họ, cả quân Mỹ và quân miền Bắc đều là lực lượng ngoại nhập ; đòi khôi phục lại khu phi quân sự, giữ chính quyền Sài Gòn, tiếp tục thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, điều mà Mỹ không làm được trên chiến trường. Đàm phán mới mở ra được mấy tháng, đã dẫm chân tại chỗ. Ngày 8-5-1969, Đoàn Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đưa ra giải pháp toàn bộ 10 điểm về việc giải quyết vấn đề Việt Nam. Đáp lại, ngày 14-5-1969, Tổng thống R. Ních-xơn đọc diễn văn trên truyền hình Mỹ đưa ra 8 điểm của giải pháp cho vấn đề Việt Nam. Giải pháp của hai bên đối chọi nhau như nước với lửa. Ngày 6-6-1969, Chính quyền cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập. Ngày 8-6, Tổng thống R. Ních-xơn công bố chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh", chủ trương tìm một con đường khác chứ không phải thông qua đàm phán để rút được quân Mỹ ra khỏi chiến tranh mà vẫn giữ được chính quyền và quân đội Sài Gòn. Thực chất của Việt Nam hóa chiến tranh là nâng cao sức chiến đấu của quân đội tay sai Mỹ, dùng người Việt đánh người Việt, "thay đổi màu da của xác chết". Việt Nam hóa chiến tranh gồm ba nội dung chủ yếu : 1- Xây dựng quân đội Sài Gòn mạnh và chính quyền Sài Gòn ổn định, đủ sức thay dần số quân Mỹ rút từng phần về nước ; 2- Làm cho lực lượng cách mạng ở miền Nam thêm suy yếu và cô lập ; quân Mỹ rút phần lớn về nước ; 3- Quân đội và chính quyền Sài Gòn đủ sức kiểm soát tình hình miền Nam, hoàn thành việc rút quân chiến đấu Mỹ. Để thực hiện, chính quyền Ních-xơn triển khai một kế hoạch toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, trong đó quan trọng nhất là chuyển giao vũ khí hiện đại cho quân đội Sài Gòn, củng cố chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ngăn cản mọi âm mưu đảo chính lật đổ Thiệu. Trên chiến trường miền Nam, Mỹ tiến hành bình định quyết liệt, đồng thời mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia và Lào nhằm ngăn chặn tiếp tế của miền Bắc vào miền Nam, cô lập lực

Digitized by Google

lượng cách mạng miền Nam từ bên ngoài. Về đối ngoại, chính quyền Ních-xơn xây dựng một chiến lược toàn cầu mới trong khuôn khổ "học thuyết Ních-xơn", tìm cách lợi dụng mâu thuẫn Xô - Trung trong quan hệ với Việt Nam, tìm kiếm một giải pháp thương lượng theo điều kiện có lợi cho Mỹ. Nhưng, những gì mà chính quyền Giôn-xơn không làm được thời kỳ Mỹ hóa cao độ cuộc chiến tranh thì chính quyền Ních-xơn cũng không làm được trong thời kỳ Việt Nam hóa chiến tranh. Những năm 1969-1972, khi Mỹ thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh", là giai đoạn giằng co quyết liệt trên chiến trường miền Nam và cả ở Lào và Cam-pu-chia, ở đó, kẻ địch đã liên tiếp bị những đòn giáng trả đích đáng, nhất là thắng lợi của ta ở đường 9 - Nam Lào và trong chiến dịch Đông Xuân 1971- 1972, giải phóng thêm được nhiều vùng rộng lớn. Những năm đó cũng là giai đoạn đối đầu và đấu trí quyết liệt trên mặt trận ngoại giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tại diễn đàn thương lượng và trong dư luận quốc tế. Đàm phán thực chất chỉ diễn ra sau khi Mỹ đã cảm nhận được thất bại của chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh", khi mà sức ép đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam ngày càng mạnh ở Mỹ và trên thế giới và bản thân Mỹ cũng muốn thúc đẩy giải quyết vấn đề Việt Nam lúc còn quân Mỹ để có con bài mặc cả lớn.

Từ cuối năm 1971 đến những tháng cuối năm 1972, cả ta và Mỹ đều đưa ra những đề nghị mới, thông qua đàm phán công khai và đàm phán riêng, cuối cùng đi đến thỏa thuận về một văn bản Hiệp định.

Hội nghị Pa-ri về Việt Nam, nếu kể từ cuộc đàm phán giữa Việt Nam dân chủ cộng hòa và Hoa Kỳ (5-1968) cho đến khi ký được Hiệp định đã kéo dài trong 4 năm 9 tháng, qua 202 phiên họp công khai, 24 cuộc họp riêng với sự ngoan cố đến phút cuối cùng của Mỹ, muốn "thương lượng trên thế mạnh". Nhưng trước những thắng lợi rất to lớn của quân và dân ta trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và trong chiến công xuất sắc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B. 52 vào Hà Nội, Hải Phòng - một "Điện Biên Phủ trên không" - cùng với sức ép của nhân dân Mỹ và dư luận thế giới, ngày 27-1-1973, Hoa Kỳ đã buộc phải ký *"Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam"*. Hiệp định Pa-ri được sự công nhận và bảo đảm của một Hội nghị quốc tế về Việt Nam thông qua Định ước quốc tế ký ngày 2 tháng 3 năm 1973 cũng tại Pa-ri.

Nội dung cơ bản của Hiệp định và các nghị định thư kèm theo là :

- Mỹ và các nước khác phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Mỹ chống lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Rút hết quân Mỹ và đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình.

- Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải công nhận Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là một bên của "hai bên miền Nam Việt Nam" ; phải công nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát.

Digitized by Google

- Mỹ phải đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam.

Hiệp định Pa-ri đáp ứng những yêu cầu cơ bản, có tính nguyên tắc mà Việt Nam đã nêu lên trong đàm phán.

Việc ký kết Hiệp định Pa-ri là thắng lợi tổng hợp của cuộc chiến tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút khỏi Việt Nam và Đông Dương, chấm dứt dính líu quân sự. Ngụy mất chỗ dựa, bị suy yếu và lún sâu vào khủng hoảng. Mỹ phải lùi trên phương diện chiến lược, rút lui về quân sự khỏi Đông Dương. Hiệp định Pa-ri là cơ sở pháp lý không cho phép Mỹ tiếp tục dính líu và can thiệp trở lại.

Với Hiệp định Pa-ri, nhân dân Việt Nam đã thực hiện được mục tiêu "đánh cho Mỹ cút", mở ra một giai đoạn mới, tạo ra so sánh lực lượng mới, thuận lợi cho việc thực hiện tiếp mục tiêu "đánh cho ngụy nhào", hoàn thành giải phóng miền Nam. Mỹ rút quân nhưng Việt Nam vẫn giữ nguyên lực lượng chính trị và vũ trang ở miền Nam Việt Nam.

Hiệp định Pa-ri phản ánh được ở mức cao thắng lợi và xu thế cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong bối cảnh quốc tế có thuận lợi nhưng cũng phức tạp. Việt Nam đã tranh thủ được cả Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết, nhân dân thế giới và hình thành trên thực tế "mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược".

Hiệp định Pa-ri được ký kết đã tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho nhân dân ta tiếp tục tiến lên hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam và đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của cả dân tộc tới thắng lợi cuối cùng.

Sau gần 20 năm xâm lược và sa lầy ở Việt Nam, ngày 29-3-1973, đội quân viễn chinh Mỹ đã phải âm thầm, cay đắng cuốn cờ về nước. Đây cũng là lần đầu tiên từ hơn một trăm năm, sự chiếm đóng của quân đội nước ngoài đã chấm dứt trên đất nước ta. Nếu như việc ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là thắng lợi lớn của nhân dân ta thì ngược lại, đó là thất bại lớn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Chính vì vậy, ta kiên quyết đấu tranh để Hiệp định được thi hành nghiêm chỉnh, trước hết là Mỹ phải thực hiện các điều khoản về ngừng bắn, rút hết quân và chấm dứt dính líu. Ta cũng đấu tranh để chính quyền Sài Gòn phải ngồi lại bàn đàm phán tại La Xen-xanh-clu để giải quyết các vấn đề chính trị ở miền Nam. Còn Mỹ và chính quyền Sài Gòn tuy buộc phải ký Hiệp định mà vẫn tìm mọi cách để phá hoại việc thi hành Hiệp định. Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam nhưng vẫn tiếp tục duy trì chính sách thực dân mới, tiếp tay cho chính quyền Sài Gòn tiếp tục các hành động chiến tranh. Cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều tập trung mọi cố gắng nhằm xóa bỏ thực tế ở miền Nam Việt Nam đã được Hiệp định thừa nhận, thủ tiêu thành quả của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, đẩy lùi các lực lượng cách mạng, giành giật lại những gì chúng đã mất, cướp đoạt thêm những gì chúng chưa cướp đoạt được. Cũng chính vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân ta để thi hành Hiệp định, thực chất là cuộc đấu tranh để tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam đã tiếp diễn quyết liệt và kéo dài hơn hai năm nữa mới kết thúc được.

Digitized by Google

Tháng 6-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng ta nhận định tình hình miền Nam có thể phát triển theo hai khả năng :

Một là, ta từng bước buộc địch phải thi hành Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

Hai là, xung đột quân sự ngày càng tăng cường và mở rộng, ta phải tiếp tục chiến tranh cách mạng một thời gian nữa để đánh bại Mỹ - ngụy, giành thắng lợi hoàn toàn.

Hội nghị cũng chỉ rõ : Dù tình hình phát triển theo khả năng nào, cũng đều phụ thuộc vào thực lực và sự đối phó của ta, và điều quyết định trước hết là ta phải nhận rõ cách mạng miền Nam chỉ có thể giành được thắng lợi bằng con đường cách mạng không ngừng, bằng bạo lực, dựa vào sức mạnh chính trị và sức mạnh vũ trang của nhân dân, tận dụng và phát huy những nhân tố mới, thuận lợi mới do Hiệp định Pa-ri đưa lại.

Thực tế tình hình miền Nam đã diễn ra theo khả năng thứ hai.

Cuối năm 1973 đầu năm 1974, phối hợp với đấu tranh chính trị, ngoại giao, ta kiên quyết phản công và tiến công, đập tan những âm mưu và hành động lấn chiếm của địch, tạo ra được thế mạnh mới trên nhiều mặt : giành quyền chủ động trên khắp các chiến trường, củng cố và hoàn chỉnh thế chiến lược liên hoàn từ Bắc vào Nam, xây dựng và tăng cường các binh đoàn chủ lực cơ động ở rừng núi, cải thiện được tình hình nông thôn đồng bằng. Ta cũng đã phát động được phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi trong các thành thị dưới khẩu hiệu hòa bình, độc lập, hòa hợp dân tộc, đồng thời tiếp tục tranh thủ thêm được sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Tháng 10-1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong hai năm 1975, 1976. Kết thúc đợt một của Hội nghị, đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch, Bộ Chính trị nhận định : "Ta đang ở thế thắng, thế tiến lên ; trái lại, vì thất bại liên tiếp, thế và lực của ngụy, cả về chính trị và quân sự, đang xuống dốc". Xem xét tất cả các mặt, trong nước và ngoài nước, Bộ Chính trị khẳng định rằng "đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Cam-pu-chia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác". Bộ Chính trị quyết định : "Ngay từ giờ, phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong hai năm 1975, 1976".

Tình hình phát triển hết sức nhanh chóng. Ba tháng sau, ngày 7-1-1975, kết thúc đợt hai của Hội nghị, Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định quyết tâm tranh thủ thời cơ lớn kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975.

Đất nước và dân tộc ta không phải chờ đợi lâu. Ngày 30-4-1975, bằng một cuộc tấn công và nổi dậy chưa từng có, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân ta đã đánh đổ toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn và chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã toàn thắng.

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc để lại cho chúng ta nhiều bài học, nhắc nhủ chúng ta ghi nhớ lâu dài những giá trị tinh thần và vật chất đã đạt được, trong đó, có phần đóng góp to lớn của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam. ❑

Digitized by Google

Ba hiệp định với hai cuộc kháng chiến

VŨ DƯƠNG NINH *

THẤM thoắt đã 30 năm kể từ ngày Hiệp định về ngừng bắn giữa Việt Nam và Hoa Kỳ được ký kết tại Pa-ri. Đây là bản hiệp định thứ ba của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH) ký với các đối thủ xâm lược sau bản Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 20-7-1954. Hiệp định Pa-ri là văn kiện đối ngoại đánh dấu nấc thang cao nhất mà chúng ta đã đạt được qua hai cuộc kháng chiến cứu nước. Sự so sánh về hoàn cảnh dẫn tới cuộc đàm phán và nội dung các hiệp định sẽ cho thấy từng bước đi lên của cuộc đấu tranh ngoại giao gắn liền với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự của cách mạng nước ta.

I

Hội nghị Pa-ri được nhóm họp ngày 13-5-1968, ban đầu là giữa 2 đoàn đại biểu VNDCCH và Hoa Kỳ. Choáng váng bởi cuộc Tổng tiến công mùa Xuân Mậu Thân của quân và dân ta Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố "xuống thang" chiến tranh để đi vào đàm phán. Đây là giai đoạn khởi đầu của cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa 2 bên tham chiến để thỏa thuận về thành phần Hội nghị chính thức sẽ gồm 4 đoàn đại biểu mà Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đổi thành Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam - CPCMLT) là một thành viên có đầy đủ quyền hạn ngang bằng với các đoàn khác.

Về mặt thời gian, Hội nghị Pa-ri là hội nghị dài ngày nhất. Nếu như bản Hiệp định sơ bộ được ký sau một tuần lễ đàm phán, Hội nghị Giơ-ne-vơ trải qua hơn một trăm ngày thì Hội nghị Pa-ri kéo dài hơn bốn năm chín tháng với 174 phiên họp công khai (chỉ trích các phiên họp 4 bên) và 24 đợt tiếp xúc bí mật ở cấp cao. Tiến trình của Hội nghị Pa-ri diễn ra đồng thời với những chuyển biến trên chiến trường mà mỗi bên đều chờ đợi những chiến thắng có tính quyết định.

Cả hai hội nghị Giơ-ne-vơ và Pa-ri đều chỉ bắt đầu sau khi quân dân Việt Nam đã giáng cho đối phương những đòn sấm sét trên chiến trường : nếu chiến dịch Đông Xuân 1953 -1954 đã kéo Pháp đến bàn hội nghị thì cuộc Tổng tấn công Mậu Thân 1968 đã khiến Mỹ phải đưa ra đề nghị thương lượng ; nếu chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc Pháp ký Hiệp định Giơ-ne-vơ thì chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" đã làm cho Mỹ không thể thoái thác việc chấp nhận ngừng bắn và rút quân. Những bối cảnh trên thể hiện rõ kết quả tuyệt đẹp của sự phối hợp

* GS, Nhà giáo nhân dân, Đại học Quốc gia Hà Nội

Digitized by Google

giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, những thắng lợi quân sự kết hợp với mưu lược ngoại giao đã buộc đối phương phải ký hiệp định. Rõ ràng là, trong thương lượng, không thể đạt được trên bàn đàm phán những điều không giành được trên chiến trường và ngược lại, thắng lợi trên chiến trường là cơ sở để tăng sức nặng trong đàm phán nhằm giành được những điều có lợi nhất.

II

So sánh nội dung của các hiệp định trên, có thể nêu lên một vài nhận xét sau đây :

1. Vấn đề quan trọng nhất đối với chúng ta được đặt ra trong tất cả các cuộc đàm phán là vấn đề chủ quyền và đó cũng là điều mà đối phương tìm cách lảng tránh. Mục tiêu cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ giải phóng dân tộc là độc lập và thống nhất. Nhưng trong năm đầu của nền dân chủ cộng hòa, cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ là một thách thức vô cùng khắc nghiệt. Ở miền Nam, thực dân Pháp, trà trộn lẫn quân đội Anh ; ngoài Bắc, Pháp muốn thay chân quân đội Tưởng, tìm mọi cách để lập lại ách thống trị thực dân. Đứng trước một tương quan lực lượng không cân sức, phía Pháp chỉ muốn coi Việt Nam như một xứ tự trị, phía ta kiên trì đòi độc lập, cuối cùng hai bên đi đến thỏa thuận : "Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và tài chính của mình, và là một phần trong Liên bang Đông Dương ở trong khối Liên hiệp Pháp". Đành rằng "chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình" nói lên bốn yếu tố cơ bản của một nhà nước độc lập nhưng trên văn bản chính thức vẫn không có từ Độc lập và vẫn còn bị ràng buộc vào cái gọi là Liên bang Đông Dương, sản phẩm của thời kỳ thuộc địa. Chúng ta chưa đạt được cái đích cuối cùng, song sự nhân nhượng đó là cần thiết với ý nghĩa của sách lược "Hòa để tiến", nhằm giành thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau chín năm kháng chiến kiên cường, thế và lực của ta đã đổi khác. Chính phủ Hồ Chí Minh được sự ủng hộ của toàn dân cùng đội quân cách mạng trưởng thành trong kháng chiến đã đánh thắng địch trên nhiều chiến trường, phá tan âm mưu tái chiếm trong nhiều chiến dịch, cuối cùng đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ. Sự thực hùng hồn đó đã được thừa nhận, Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ đã khẳng định : "Trong quan hệ của mình với Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam, mỗi thành viên của Hội nghị Giơ-ne-vơ cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia nói trên và kiềm chế không có bất kỳ sự can thiệp nào vào công việc nội bộ của họ" (Điểm 12). Và riêng nước Pháp, đối thủ chính trong cuộc chiến thì "... đối với việc giải quyết tất cả các vấn đề có liên quan đến việc tái lập và củng cố hòa bình ở Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam, chính phủ Pháp sẽ xuất phát từ nguyên tắc tôn trọng độc lập và chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam" (Điều 11).

Như vậy, trong văn kiện này, từ "Độc lập" kèm theo "chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ" đã được ghi nhận một cách hiển nhiên, thay thế cho từ "Quốc gia tự do" của chín năm về trước. Tuy thế trong bản Tuyên bố riêng rẽ, Chính phủ Hoa Kỳ không chịu sự ràng buộc của Hiệp định, trên thực tế là không công nhận điều khoản cơ bản này, mở đường cho việc trực tiếp đưa quân xâm lược Việt Nam. Để rồi gần 20 năm sau - năm 1973, Điều 1 của Hiệp định Pa-ri đã

Digitized by Google

ghi nhận : "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận". Thế là trên suốt chặng đường gần 30 năm, nhân dân Việt Nam đã đạt được mục tiêu của mình trên các văn bản quốc tế là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Bằng tinh thần yêu nước sâu sắc của toàn dân và sự hy sinh xương máu của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ qua hai cuộc kháng chiến cứu nước, cuối cùng, nền độc lập đã được quốc tế thừa nhận. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố " Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy" (Tuyên ngôn Độc lập).

2. Về mặt quân sự, các bản hiệp định trên phản ánh khá rõ nét từng bước đi lên của cuộc đấu tranh gìn giữ nền độc lập và thống nhất đất nước. Bản Phụ khoản của Hiệp định sơ bộ cho phép 15 000 quân Pháp được vào đóng ở phía bắc vĩ tuyến 16 thay thế 200 000 quân Tưởng. Đây là một bài toán khó khi miền Bắc đất nước lại phải mở cửa cho một đạo quân thực dân trở lại. Nhưng với chủ trương tránh không để trong cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta đã dũng cảm với quyết sách để quân Pháp vào thay quân Tưởng mà không ẩn chứa bất cứ một ảo tưởng nào. Công việc chuẩn bị cho cuộc chiến đấu vẫn khẩn trương bên cạnh những cuộc đàm phán kéo dài ở Đà Lạt, ở Phông-ten-nơ-blô.

Nhưng sau 9 năm kháng chiến, với những thất bại liên tiếp, thực dân Pháp phải chấp nhận ngừng bắn với điều kiện rút quân, trước mắt là rút khỏi miền Bắc vĩ tuyến 17, sau đó là rút khỏi nước ta. Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ xác nhận : "Hội nghị lưu ý về tuyên bố của Chính phủ Pháp có ý nghĩa rằng Pháp sẵn sàng rút quân đội của mình khỏi lãnh thổ Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam theo yêu cầu của các chính phủ liên quan và trong thời hạn sẽ được khẳng định bởi hiệp định giữa các bên ..." (Điểm 10).

Đến Hiệp định Pa-ri, vấn đề này được đề cập rất chi tiết trong 6 điều thuộc chương II, bao gồm việc ngừng bắn và Hoa Kỳ phải chấm dứt mọi hành động chiến tranh chống nước Việt Nam bằng các lực lượng trên bộ, trên biển, trên không, bất cứ từ đâu tới ; Hoa Kỳ phải rút quân hoàn toàn trong thời hạn 60 ngày và hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, nhận trách nhiệm tháo gỡ, làm mất hiệu lực hoàn toàn bom mìn mà Mỹ đã thả ở vùng biển, cảng và sông ngòi miền Bắc... Nội dung ngừng bắn, chấm dứt chiến sự được nhấn mạnh trong Hiệp định là "vững chắc và không thời hạn". Như vậy, với hơn nửa triệu quân xâm lược miền Nam và đánh phá miền Bắc bằng các phương tiện chiến tranh hiện đại nhất, cuối cùng, Hoa Kỳ đã phải thực hiện đúng như nội dung Tuyên bố 4 điểm của VNDCCH, ngày 8-4-1965, nghĩa là phải ngừng bắn và rút quân không điều kiện, để nhân dân Việt Nam tự quyết định công việc của mình. Đó là thuận lợi cơ bản để quân dân ta tiếp tục đánh cho ngụy nhào, kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng.

3. Về vấn đề thống nhất đất nước. Chỉ 3 tuần lễ sau khi nước VNĐCCH tuyên bố thành lập, ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn với mưu đồ nhanh chóng khôi phục ách thống trị thực dân, nhưng cuộc

Digitized by Google

kháng chiến kiên cường của quân dân ta đã làm phá sản các kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của địch, chúng phải lập ra một chính phủ bù nhìn cho "xứ Nam kỳ". Trong Hiệp định sơ bộ, Pháp phải đưa vào văn bản điều cam đoan sẽ thừa nhận những quyết định của nhân dân trực tiếp phán quyết về việc hợp nhất ba "kỳ". Ký thì như vậy, nhưng ai cũng hiểu rằng đối phương sẽ tìm cách phá hoại nền thống nhất của Việt Nam.

Đến hội nghị Giơ-ne-vơ, do tương quan lực lượng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, vĩ tuyến 17 được xác định làm ranh giới tạm thời chia thành 2 vùng tập kết với thời hạn 2 năm sau sẽ tiến hành tổng tuyển cử bầu ra một quốc hội thống nhất. Bản Tuyên bố cuối cùng xác nhận rằng "đường phân chia giới tuyến sẽ không được giải thích theo bất cứ cách nào như là sự tạo nên đường biên giới chính trị hay biên giới lãnh thổ" (Điểm 6) nghĩa là nền thống nhất của Việt Nam được các bên tôn trọng. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã phá hoại sự thống nhất này. Và nhân dân hai miền Nam, Bắc quyết tâm tiến hành cuộc chiến tranh kiên cường và gian khổ nhằm mục tiêu độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Cho đến Hiệp định Pa-ri, vấn đề thống nhất vẫn chưa được giải quyết, song đối phương đã phải chấp nhận trên thực tế lực lượng cách mạng với một vùng giải phóng, một chính quyền, một quân đội. Chương IV của Hiệp định dành cho việc xác định quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và các giải pháp để hai bên ở miền Nam (CPCMLT và chính quyền Sài Gòn) tiến hành theo tinh thần của Hiệp định. Một Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ được thành lập để từng bước tiến tới tổng tuyển cử tự do và dân chủ. Tập đoàn ngụy Sài gòn ra sức phá hoại việc thực hiện điều khoản này song vấn đề quan trọng đối với chúng ta là Hoa Kỳ phải cam kết tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, việc giải quyết các vấn đề của miền Nam sẽ không có sự can thiệp của nước ngoài. Đó chính là tiền đề thuận lợi để hai năm sau, quân dân ta đã hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Mục tiêu đấu tranh cách mạng của nhân dân ta cuối cùng đã thành công rực rỡ.

III

Cuộc kháng chiến cứu nước kéo dài gần ba mươi năm, gắn liền với ba bản hiệp định. Một vài sự so sánh sơ lược trên cho thấy :

- Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền nhân dân được thành lập sau Cách mạng Tháng Tám là một quá trình đấu tranh vô cùng gian khổ. Trong cuộc hành trình 30 năm ấy, nhân dân ta phải đương đầu với nhiều thách thức mà điều chủ yếu là tình trạng không cân sức giữa lực lượng cách mạng với các thế lực đế quốc. Quân dân ta luôn phải đối mặt với kẻ thù có sức mạnh quân sự hơn gấp nhiều lần, có tiềm lực kinh tế vượt trội. Nhưng khối đoàn kết toàn dân, ý chí chiến đấu kiên cường của quân dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nên chiến thắng, đi tới thành công. Trong đó, ngoại giao là một mặt trận quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng với cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

- Cuộc đấu tranh ngoại giao xuyên suốt ba mươi năm kháng chiến, thể hiện trong ba bản Hiệp định, đánh dấu bước phát triển theo chiều hướng đi lên của cách mạng Việt Nam. Kết quả đạt được phản ánh cuộc chiến đấu anh hùng của quân dân ta, đồng thời cũng cho thấy những thành công trong công tác đối ngoại. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được xác định, tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến ngày càng

Digitized by Google

sáng tỏ. Trên bàn hội nghị, đó là sự kiên định giữ vững mục tiêu độc lập, thống nhất kết hợp với sự vận dụng sách lược mềm dẻo, nhân nhượng có nguyên tắc để bảo đảm từng bước đi đến thắng lợi cuối cùng. Sự kết hợp đó chứng tỏ rằng Đảng ta với tầm nhìn xa rộng, bản lĩnh vững vàng, niềm tin vào sức mạnh nhân dân và kinh nghiệm đối ngoại phong phú đã đưa công tác ngoại giao lên một tầm cao mới.

- Trong quá trình kháng chiến, quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, và chúng ta đã nhận được sự viện trợ có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, sự động viên của các nước, các đoàn thể, các cá nhân trên toàn thế giới. Sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại đã đem lại nhiều thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Trong đó, phải kể đến điều hiếm có trong lịch sử thế giới là ta luôn giành được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước đối phương. Hiệp định sơ bộ được ký trong bối cảnh nước nhà mới độc lập hầu như chưa được thế giới biết đến. Nhưng Hội nghị Giơ-ne-vơ và Hội nghị Pa-ri diễn ra ở những trung tâm của thế giới, tin tức của cuộc kháng chiến được nhân dân các châu lục đón nhận với niềm vui mừng, chia sẻ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ta nhận được sự đồng tình của nhân dân Pháp, quốc hội Pháp thúc ép chính phủ phải đi đến giải pháp tại Giơ-ne-vơ. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, những cuộc mít tinh, biểu tình phản chiến làm rung động đường phố Mỹ, đầu năm 1973 quốc hội Mỹ không thông qua ngân sách quân sự cho chiến tranh Việt Nam, tạo nên sức ép lớn đối với chính phủ Mỹ. Phía ta, ý thức rõ ràng về Mặt trận đoàn kết nhân dân chống đế quốc Mỹ xâm lược, những hoạt động đối ngoại được mở rộng trong mối quan hệ với các tổ chức đoàn thể và nhân dân, tạo nên tiếng nói đồng tình rộng khắp thế giới. Rõ ràng, thắng lợi ngoại giao không chỉ thu hẹp trong phòng hội nghị, mặc dầu là rất quan trọng, mà hoạt động đối ngoại nhân dân đã góp phần quan trọng cho thành tựu chung đó.

Ba mươi năm đã trôi qua. Tình hình đã có nhiều đổi khác song những bài học của cuộc đấu tranh ngoại giao trong thời kháng chiến vẫn mang ý nghĩa thiết thực. Đứng trước xu hướng toàn cầu hóa, việc hội nhập vào dòng chảy chung của thế giới mà trước hết là hội nhập kinh tế quốc tế là vấn đề đặt ra bức thiết. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy trong bất kỳ tình huống nào, việc bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ mãi mãi là nguyên tắc bất di bất dịch. Sự phát huy nội lực trong kinh tế có ý nghĩa rất quyết định trong việc tiếp nhận viện trợ và đầu tư từ bên ngoài, nội lực có vững thì nền kinh tế dân tộc mới giữ được tính tự chủ, mới đem lại hiệu quả vững chắc cho công cuộc xây dựng đất nước.

Hoạt động đối ngoại trên lĩnh vực kinh tế là một mặt trận mới, không chỉ là nhiệm vụ của ngành ngoại giao mà là công việc thiết thực của các nhà hoạch định chiến lược kinh tế, các nhà doanh nghiệp, các cấp hành chính cho tới đội ngũ kỹ thuật, công nhân, nhân viên làm việc trong các cơ sở có liên quan với nước ngoài. Phẩm chất chính trị, trình độ nghiệp vụ, năng lực chuyên môn và bản lĩnh của từng người có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hội nhập vào thị trường chung của thế giới. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX một lần nữa khẳng định : "Việt Nam muốn là bạn và đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển". Mỗi người chúng ta, với những kinh nghiệm lịch sử được tích lũy, sẽ góp phần vào hoạt động đối ngoại theo đúng đường lối của Đảng. ❑

Digitized by Google

Mấy vấn đề cấp bách ở Tây Nguyên

NGUYỄN NAM KHÁNH *

TÂY Nguyên là một trong ba vùng có các dân tộc thiểu số cư trú lớn nhất nước ta, là "chiếc nôi lớn" của hàng chục dân tộc anh em. Họ đang tham gia làm chủ một vùng đất ba-zan chiếm 66% diện tích đất ba-zan cả nước, hình thành một vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn có giá trị kinh tế cao, một vùng rừng chiếm tới 25% diện tích rừng cả nước với tiềm năng thủy điện và quặng bô-xít rất lớn.

Xét về nhiều phương diện, Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Tây Nguyên còn có quan hệ mật thiết với vùng Đông Bắc Cam-pu-chia và Hạ Lào, là một địa bàn chiến lược của Nam Đông Dương. Xây dựng và bảo vệ Tây Nguyên là xây dựng và bảo vệ một thế chiến lược lâu dài của mối quan hệ đoàn kết hữu nghị có ý nghĩa sống còn của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trong tình hình quốc tế thuận lợi cũng như trong những tình huống khó khăn. Các thế lực thù địch từ trước đến nay đều rất quan tâm đến khu vực này. Thực dân Pháp đã tổ chức "Goum"(1) và gây ra vụ bạo loạn Sơn Hà năm 1950. Đế quốc Mỹ đã từng có tổ chức Phun-rô và đặt ra cái gọi là "Nhà nước Đê-ga" để chống lại nhân dân và Nhà nước ta.

Thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách về đại đoàn kết dân tộc cũng như tin tưởng, quý trọng và dựa vào sức mạnh của các dân tộc anh em, hết lòng giúp đỡ các dân tộc anh em trên địa bàn Tây Nguyên, từ nhiều năm nay, nhất là trong những năm kháng chiến chống xâm lược, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân Tây Nguyên tạo ra những cống hiến xuất sắc, xứng đáng với vị trí chiến lược của mình trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và nhất là trong thời kỳ đổi mới, Tây Nguyên đã có bước phát triển mới như : thu nhận một lực lượng lớn lao động của cả nước ; tốc độ phát triển kinh tế cao ; vốn đầu tư gấp hơn bốn lần so với thời kỳ 1991-1995 ; tỷ lệ hộ đói nghèo năm 2000 còn 24,5% ; nhiều công trình thủy điện

---

* Thượng tướng, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng

(1) Goum là tổ chức vũ trang trong dân tộc ít người ở Tây Nguyên

Digitized by Google

lớn, nhỏ ở Tây Nguyên hoặc bắt nguồn từ Tây Nguyên đã được xây dựng...

Cùng với những thành tựu trên, hiện nay ở Tây Nguyên còn tồn tại một số vấn đề rất đáng quan tâm :

- Việc di dân và di cư tự do ồ ạt đã làm cho sự phát triển dân số cơ học ở Tây Nguyên tăng vọt.

- Việc giao đất, rừng cho đồng bào chưa thật phù hợp với truyền thống đặc thù của các dân tộc thiểu số, khi ở đây, buôn plây (làng) còn là đơn vị xã hội, cơ sở cổ truyền ở Tây Nguyên. Tính đặc thù này bao gồm đất ở, đất sản xuất, rừng khai thác, rừng thiêng thuộc về sở hữu tập thể ; đồng bào sống định cư tập trung xung quanh nhà rông hay nhà dài... Nhưng vừa qua, do việc giao đất, rừng cho từng hộ, cá nhân một cách chưa hợp lý ; hơn nữa, do thiếu hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với tập quán lâu đời và trình độ canh tác của từng dân tộc nên đời sống của họ bị xáo trộn lớn. Việc quản lý sản xuất bị buông lỏng, nhất là quản lý đất đai (tư liệu sản xuất chính của bà con) nên dẫn đến tình trạng bà con bán đất, phá rừng gây hậu quả tai hại. Chính vì những lý do này làm cho đời sống của đồng bào ở đây thêm phức tạp.

- Việc quy hoạch đất, rừng của các nông trường, lâm trường thời gian đầu do cân nhắc chưa kỹ nên đã lấy đi một diện tích lớn vốn đất của buôn plây, hạ thấp tỷ lệ đất rừng bình quân trên đầu người trong vùng các dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào ở đây thiếu đất hoặc không có đất để sản xuất. Khi các nông trường, lâm trường chuyển sang chế độ khoán đến hộ và người lao động, một bộ phận không nhỏ đồng bào địa phương do thiếu đất hoặc phải bán đất vì nhiều lý do đã trở thành người làm thuê cho nông trường hoặc làm thuê cho người chủ được nhận khoán. Nghiêm trọng hơn là nhiều người đã sử dụng các mánh khóe để lấn chiếm đất, rừng của người dân địa phương.

Do sai phạm các vấn đề trên nên việc tranh chấp đất đai, rừng giữa đồng bào dân tộc địa phương với đồng bào nơi khác đến, với nông trường, lâm trường, cơ quan diễn ra phức tạp ; nạn phá rừng diễn ra tàn khốc. Tình trạng đó dẫn đến không ít hậu quả.

Thứ nhất : Tạo ra khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn giữa đồng bào nơi khác đến và đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa phương ; giữa cán bộ và nhân dân. Trước hết là sự chênh lệch về đất đai, không ít cán bộ có tới mấy héc-ta đất ; có cán bộ từ nơi khác đến mua hàng trăm héc-ta, thậm chí tư nhân, các xí nghiệp là người nơi khác đến cũng được cấp một số diện tích lớn...

Tỷ lệ người nghèo đói của bốn tỉnh Tây Nguyên ở mức cao so với mức trung bình của cả nước. Có 160 xã đặc biệt khó khăn, nhiều hộ nông dân không có đất, hoặc thiếu đất sản xuất. Mức chênh lệch thu nhập bình quân của 20% số hộ có mức thấp nhất so với 20% số hộ có thu nhập cao nhất là 13 lần, trong khi mức chênh lệch của cả nước là 8,9 lần.

Tỷ lệ đói nghèo năm 2000 ở Tây Nguyên là 24,5% ; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đứng ở vị trí cao nhất cả nước, khoảng 40,9% ; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi gần gấp đôi mức trung bình của cả nước.

Digitized by Google

Thứ hai : Các thế lực thù địch lập tức lợi dụng tình trạng trên để gây rối trên địa bàn. Sau mấy năm liền bền bỉ tiến hành kết hợp nhiều biện pháp, về cơ bản chúng ta đã giải quyết tại chỗ được lực lượng có tổ chức của Phun-rô. Nhưng khi tình hình khó khăn nêu trên diễn ra, lực lượng Phun-rô đã trở lại hoạt động cùng với nhiều tà giáo khác, khiến cho tình hình lại thêm phức tạp.

Có thể nói, vụ lộn xộn ngày 2-2-2001 và những diễn biến phức tạp sau đó là nghiêm trọng. Vấn đề này có nguyên nhân khách quan do các thế lực thù địch phá hoại bằng nhiều hình thức với những âm mưu thủ đoạn hết sức nham hiểm, kích động, chia rẽ, lừa bịp, dụ dỗ đồng bào. Tuy nhiên, về chủ quan chúng ta có những thiếu sót về giải quyết một số vấn đề khi tổ chức thực hiện các chủ trương và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ở Tây Nguyên.

*
* *

Để xây dựng và phát triển vùng dân tộc Tây Nguyên giàu tiềm năng một cách vững chắc, chúng ta phải quán triệt sâu sắc các quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng Tây Nguyên.

Thực hiện phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên, chúng ta không thể rập khuôn các kinh nghiệm ở miền xuôi, hoặc làm một cách hình thức, nóng vội, thiếu chú ý đến những đặc điểm truyền thống, địa lý riêng ; không coi trọng việc giải quyết thỏa đáng lợi ích trực tiếp, cả trước mắt và lâu dài, của các dân tộc thiểu số ở đây.

Chúng ta xây dựng Tây Nguyên là vì cả nước. Nghĩa là, phải củng cố khối đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên, làm cho các dân tộc thiểu số ở đây phát triển, tiến bộ đồng đều, giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, tạo cho họ có điều kiện tiến kịp cả nước ; cùng cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng bào ở những vùng khác đến làm ăn sinh sống ở Tây Nguyên tiếp tục đóng góp tích cực hơn nữa vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tây Nguyên ; cùng tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên tiếp tục phát triển ; tuyệt đối không làm điều gì phương hại đến tình đoàn kết anh em giữa các dân tộc ở Tây Nguyên.

Chúng ta xây dựng và bảo vệ Tổ quốc bao gồm cả việc bảo vệ môi trường sống lâu dài. Hiện nay, môi trường sống của đồng bào ở Tây Nguyên đang bị xâm hại nghiêm trọng. Để có được 1 350 héc-ta cà-phê người ta đã phá đi 1 000 héc-ta rừng và để tưới cho cà-phê chúng ta đã khai thác cạn kiệt tầng nước ngầm hiện có. Nếu tình hình ấy tiếp tục phát triển sẽ dẫn đến hiện tượng sa mạc hóa vùng đất ba-zan màu mỡ này.

Hiện nay, tốc độ phát triển diện tích gieo trồng cây cà-phê ở Tây Nguyên là quá mức cho phép. Theo đề án của Chính phủ, diện tích cà-phê bốn tỉnh Tây Nguyên đến những năm 2000 là 180 000 héc-ta, nhưng đến năm 2000 đã đạt 442 000 héc-ta, gấp gần 3,5 lần so với năm 1990, vượt xa chỉ tiêu và vượt thời gian 10 năm. Đây không thể coi là "ưu điểm", là "phát huy thế mạnh đất đai và điều kiện tự nhiên sinh thái", mà có khi là

Digitized by Google

sai lầm "kinh tế đơn thuần" và dẫn đến hậu quả tai hại về lâu dài cho Tây Nguyên và cho cả nước.

Chúng ta đều biết, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự nghiệp này tiến hành ở vùng nông thôn đồng bằng đã khó, ở vùng Tây Nguyên rừng núi càng khó hơn nhiều. Muốn thực hiện tốt vấn đề này ở Tây Nguyên, chúng ta phải nghiên cứu, tổng kết thực tiễn rất công phu.

Trước mắt, chúng ta cần tổng kết kinh nghiệm một số mô hình tốt và chưa tốt ở các tỉnh Tây Nguyên để rút ra những bài học kinh nghiệm tốt và phổ biến kịp thời ra nhiều nơi trên địa bàn.

- Di chuyển dân cư một cách có tổ chức và hạn chế những hậu quả xấu đi theo. Giao đất, giao rừng cho hộ cá nhân với bước đi phù hợp.

- Giải quyết tốt vấn đề quy hoạch đất, rừng ở các nông trường, lâm trường và quá trình sử dụng đất, rừng phải gắn liền với quyền làm chủ của nhân dân, không để nảy sinh những mâu thuẫn đáng tiếc.

- Giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số về mọi mặt để họ trở thành người chủ thực sự về đất, rừng. Với cách làm đó, đã giải quyết được các mâu thuẫn phức tạp về sử dụng đất, rừng giữa các nông trường, lâm trường, công ty với nhân dân ; triệt phá được các tổ chức và hoạt động của bọn Phun-rô ở các khu dân cư. Nhân dân không bị các tổ chức đội lốt tôn giáo mê hoặc, lừa dối. Số người đói nghèo sẽ giảm xuống, đời sống vật chất tinh thần và học hành của nhân dân các dân tộc thiểu số ngày càng được nâng cao.❑

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 12)

công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng cơ sở về mọi mặt, góp phần tăng cường và ổn định về chính trị, tạo đà cho việc thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục của địa phương. Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong các nhà trường, chú trọng kết nạp các giáo viên trẻ, được đào tạo cơ bản, có năng lực giảng dạy, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp và nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội... vào Đảng.

Gắn phát triển khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, thể thao với kinh tế - xã hội ; tiếp tục đẩy mạnh Chương trình xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư, nước sạch nông thôn, Chương trình 327... phát triển các trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn. Gắn phát triển giáo dục với xây dựng đời sống văn hóa theo các mô hình gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu du lịch sinh thái... để từng bước nâng cao mức sống nhân dân, coi đó là một trong những tiền đề quan trọng để thực thi các mục tiêu giáo dục.

Để thực hiện tốt các giải pháp trên đây, đòi hỏi phải có sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng và chính quyền, nhất là các ban, ngành trung ương, các bộ, ngành trong khối khoa giáo. Có như vậy, chúng ta mới có thể phát huy cao độ nội lực ở từng địa phương, từng đơn vị, đưa công tác khoa giáo ở Tây Nguyên lên tầm cao mới, tương xứng với vị thế và tiềm năng của một vùng cao nguyên rộng lớn, đóng góp tích cực vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

Về thực hiện chính sách đền bù giải tỏa trong phát triển các khu công nghiệp

PHAN CHÁNH DƯỠNG*

ĐẤT đai là tài nguyên thiên nhiên vô giá, gắn với sự sống cũng như quyền lợi của từng cộng đồng, từng quốc gia.

Trong nền kinh tế thị trường, đất đai cũng là một loại hàng hóa. Do đó, giá cả của đất đai không những lệ thuộc vào giá trị sử dụng mà còn lệ thuộc vào quy luật cung - cầu, phụ thuộc vào vị trí sinh lợi. Vì thế, đất đai luôn là thứ hàng hóa siêu lợi cho những kẻ đầu cơ.

Để phân biệt rõ người đầu tư với mục đích làm gia tăng giá trị sử dụng đất với người đầu cơ lợi dụng các cơn sốt giá đất để làm giàu, có thể xem xét như sau :

- Người đầu tư có thể là nhà nước, thông qua một chính sách kinh tế hay một dự kiến quy hoạch mới, nhằm tạo ra một giá trị sử dụng mới về đất đai. Người đầu tư cũng có thể là một cá nhân hay một tổ chức pháp nhân. Họ có những sáng kiến sử dụng mới, từ đó đầu tư tiền của vào một vùng đất, nhằm khai thác những tiềm năng, tạo ra giá trị sử dụng mới.

- Người đầu cơ, có thể là một cá nhân hay một pháp nhân. Tuy nhiên, khác với mục đích của người đầu tư, họ chỉ dựa trên danh nghĩa đầu tư để hưởng lợi, thông qua việc nhanh chóng sở hữu những vùng đất (mà nhà đầu tư thực thụ đã đầu tư vào) bằng các chiêu thức sau :

1. Mua những diện tích đất kế cận với diện tích của các nhà đầu tư. Khi nhà đầu tư đã đổ vốn vào làm gia tăng giá trị vùng đất nằm trong đề án thì đương nhiên, vùng đất lân cận của họ cũng tăng giá theo. Từ đó, họ có thể "nhượng" lại cho các nhà đầu tư đến sau với giá cao hơn.

2. Mua trước những vùng đất sắp có dự án đầu tư. Khi dự án được triển khai, họ sẽ bán lại với giá cao, hoặc đòi hỏi một giá đền bù thật cao.

3. Săn lùng những thông tin từ nhà nước về các dự án đầu tư lớn ở những vùng đất mới ; thậm chí tạo ra những dư luận giả về những dự án lớn (tất nhiên là trên vùng đất họ đã mua). Khi những người đầu cơ thứ cấp (nhỏ hơn) đến, họ sẵn sàng sang nhượng lại với giá cao để kiếm lời. Những người đầu cơ thứ cấp này, khi biết mình "mắc bẫy" thì cũng tung dư luận để giá đất tăng lên giả tạo, từ đó họ kiếm lãi, thậm chí chấp nhận "hòa vốn", để thoát thân.

---

* Tổng Giám đốc Công ty Phát triển khu công nghiệp Tân Thuận

Digitized by Google

Giá đất thị trường (quy ước là G), khi có yếu tố đầu cơ tham dự vào sẽ bao gồm 3 phần :

A : Giá gốc của vùng đất trước khi có đề án ;

B : Giá gia tăng của đất được tạo nên khi dự án của nhà đầu tư đã được thực hiện tốt ;

C : Giá hy vọng tương lai.

Vậy thì, C sẽ bằng B nhân với h (h là hệ số hy vọng)

Và giá thị trường G = A + B + B.h

(h có thể là số âm, số dương hay số 0, tùy theo kết quả thực hiện đề án).

Do đó, giá thị trường G sẽ gồm phần thực và phần ảo, nó luôn biến động theo tâm lý thị trường và qui luật cung - cầu.

- Khi phần ảo C lớn hơn 0 (C > 0) nhưng C còn nhỏ hơn hoặc bằng B ($0 < C \leqslant B$) thì G có thể là giá thật (vì khi dự án hoàn thành, C sẽ bằng B như dự kiến của nhà đầu tư ; nếu dự án bất thành thì C thành ảo).

- Khi C lớn hơn B (C > B), giá thị trường đã có yếu tố ảo ngay từ đầu. Do đó, nguy cơ sẽ có những cơn sốt giá ảo vô cùng lớn ; các nhà đầu cơ sẽ "tháo vốn" bằng các thủ đoạn như nâng giá hoặc giảm giá liên tục.

Như vậy, việc xác định phần ảo của giá thị trường lệ thuộc vào việc xác định giá trị gia tăng (B), được tạo nên bởi nhà đầu tư trên diện tích đất đó. Khi giá thị trường có yếu tố đầu cơ, sẽ đưa đến những cơn sốt giá đất. Hậu quả của nó là, không những làm cho những người mua đất sau cùng bị thiệt hại mà còn làm cho mặt bằng giá đất trong vùng tăng lên, làm tê liệt các dự án đầu tư và "rào cửa" đối với những dự án sắp đến.

Một trong những nguyên tắc quan trọng cần được tuân thủ trong thị trường bất động sản, là nhà đầu tư phải được hưởng giá trị gia tăng do họ đầu tư trên diện tích đất mà họ có đề án. Có nghĩa là, họ sẽ được hưởng phần B trên công thức giá thị trường (G = A + B + C) ; và họ phải có nghĩa vụ nộp thuế lợi tức trên B. Nhưng, đối với những vùng đất ngoài dự án đầu tư (đất lân cận), nhờ có dự án đầu tư mà cũng được lên giá, thì Nhà nước cần đánh thuế giá trị gia tăng để điều tiết khoản thu đó và dùng nó để xây dựng hạ tầng cơ sở cho những nơi chưa có người đầu tư, hoặc làm qũy phát triển nhà ở cho người lao động nghèo. Như vậy, sẽ làm giảm đáng kể sự đầu tư đất đai và làm giảm đi sự khó khăn về nhà và đất ở của người dân, góp phần thực hiện tốt kế hoạch phát triển đô thị theo đúng quy hoạch.

Mặt khác, Nhà nước cũng cần ban hành chính sách nhà ở cho người dân. Chẳng hạn, mỗi người dân đều được quyền mua một căn nhà ở từ quỹ nhà của Nhà nước, với giá tài trợ (được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuế xây dựng v.v..). Và mỗi công dân đến tuổi trưởng thành hoặc người dân chưa có nhà ở đều được đăng ký với Nhà nước về nhu cầu nhà ở và tự nguyện góp tiền tiết kiệm vào quỹ xây dựng nhà của Nhà nước. Khi số tiền góp ấy tương đương với một tỷ lệ nhất định của trị giá căn nhà (giả sử là 25%), thì Nhà nước sẽ giao nhà ; phần còn lại sẽ được trả góp trong 10 - 20 năm tiếp theo. Có như vậy, thị trường nhà đất sẽ dần dần đi vào ổn định do Nhà nước hoàn toàn nắm quyền điều phối.

Digitized by Google

Quả vậy, chỉ có Nhà nước mới là người có lợi thế duy nhất để có thể điều hành thị trường đất đai, bởi những lý do sau :

- Đất đai thuộc quyền quản lý của Nhà nước và chỉ có Nhà nước mới có quyền cho phép chuyển đổi công năng sử dụng, duyệt những dự án đầu tư, cấp phép xây dựng, v.v..

- Chỉ có Nhà nước mới có quyền đưa ra những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế vùng này hay vùng khác ; có quyền ban hành chính sách khuyến khích thuế, v.v..

Cuộc sống và mức sống của các tầng lớp dân cư đều gắn với từng vùng đất đai cụ thể. Do vậy, muốn thay đổi mức sống, phải thay đổi các điều kiện liên quan, thông qua 2 hình thức chủ yếu :

Một là, tăng khả năng cho người sử dụng đất qua việc đầu tư khoa học - kỹ thuật, vốn để đưa năng suất lao động và hiệu quả sử dụng lên cao hơn.

Hai là, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhằm đưa đến sự thay đổi môi trường chung cũng như thay đổi người sử dụng.

Ở hình thức thứ nhất, thường thì mục đích sử dụng đất tương đối phù hợp, chẳng hạn như đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất xây dựng, khu dân cư... Nhưng, do đầu tư chưa đúng mức nên hiệu quả kinh tế - xã hội chưa cao, cần được đầu tư thêm để phát huy hiệu quả của việc sử dụng đất. Ở hình thức thứ hai, mục đích sử dụng đất lại không phù hợp. Chẳng hạn, đất cho sản xuất nông nghiệp, vì ngập mặn chua phèn, nhưng vẫn phải duy trì sản xuất, do đó năng suất kém, thu nhập của người dân không cao. Ví dụ cụ thể huyện Nhà Bè ở Thành phố Hồ Chí Minh là một vùng đất ngập mặn, chua phèn, từ trước đến nay chỉ chuyên trồng lúa. Nhưng, vùng đất này lại là cửa ngõ của Thành phố Hồ Chí Minh ra biển Đông, với con sông Nhà Bè - Soài Rạp và các dòng sông nối Thành phố với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Nếu biến vùng đất này trở thành đất công nghiệp gắn liền với cảng biển, cảng sông, sẽ trở thành ưu thế rất thuận lợi về giao thông thủy so với các vùng khác của Thành phố. Sự thay đổi mục đích sử dụng sẽ làm cho giá trị sử dụng đất gia tăng gấp bội, mở ra cuộc sống mới cho người dân, đồng thời tạo nên sự phát triển chung cho xã hội. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Nhà nước *"Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống văn minh".*

Để thực hiện chủ trương trên, Nhà nước tiến hành đền bù cho dân để đưa vùng đất đó sử dụng vào mục đích khác có hiệu quả hơn. Do giá trị đất tăng, sự tăng giá đất sẽ làm nảy sinh mâu thuẫn giữa những người sử dụng đất của hai thời kỳ trước và sau chuyển đổi công năng đất. Điều này thể hiện ở giá đền bù giải tỏa đất. Và câu hỏi đặt ra là : chính sách giá được tính như thế nào là hợp lý ?

Để làm rõ phần nào câu hỏi trên, xin dẫn ra một ví dụ cụ thể về việc tính giá đền bù giải tỏa và tiến hành di dời dân ở huyện Nhà Bè.

Khu Chế xuất Tân Thuận có diện tích trên 300 héc-ta, nằm trên xã Tân Thuận (huyện Nhà Bè) là vùng đất ngập mặn có khoảng 400 gia đình nông dân chuyên sống bằng nghề nông, 34 gia đình nằm dọc

Digitized by Google

trục tỉnh lộ 15, chuyên sống bằng nghề dịch vụ và buôn bán nhỏ... Ngoài số hộ gia đình dọc trục lộ và ở gần trục lộ có điện, thì phần hộ gia đình ở sâu bên trong, không có điện, nước máy ; điều kiện sống cũng lạc hậu và khó khăn như nhân dân vùng sâu ở các tỉnh miền Tây. Ở đây, dân trồng lúa một vụ. Năm được mùa năng suất tối đa là 3 tấn thóc ; năm thất mùa, Nhà nước phải cứu đói. Ngoài nghề nông, một số hộ còn làm nghề tự do, chăn nuôi, bắt cá ven sông hay bốc xếp ở cảng. Thời kỳ này giá đất ruộng nhân dân sang nhượng cho nhau là từ 4 000 - 6 000 đ/m². Khi Nhà nước có quyết định giải tỏa vùng đất này để xây dựng Khu Chế xuất Tân Thuận, chính sách đền bù giải tỏa được công khai áp dụng theo các nguyên tắc sau :

- Lấy thu nhập bình quân của người dân trên mảnh đất sản xuất làm cơ sở tính giá.

- Xây dựng một khu định cư khác để dân có thể tái định cư và bắt đầu một phương thức sống mới (không phải là nông nghiệp).

- Đảm bảo cuộc sống của người dân bị giải tỏa được cải thiện hơn trước (điện, nước, đường sá...).

Từ 3 nguyên tắc trên, các chính sách cụ thể đã được nhanh chóng ban hành, cụ thể là :

1. Lấy sản lượng thóc của năm được mùa là 3 tấn/năm, quy ra trị giá khoảng 3 triệu đồng ; tính cho 30 năm là 90 triệu đồng, khi hiệp thương với địa phương đã thống nhất tính giá đất từ 110 đến 130 triệu đồng/ha làm giá đền bù đất. Và nếu trên đất có cây, con thì sẽ bồi thường thêm, tương đương 3 năm sản lượng đối với cây ăn trái và một năm sản lượng đối với vật nuôi như cá, tôm...

2. Nhà ở được đền bù theo giá xây dựng, trong đó nhà cũ được tính bằng 80% giá xây dựng, chủ nhà được phép tháo dỡ để tận dụng. Nền nhà được đổi bằng một nền nhà khác trong các khu định cư mới có cơ sở hạ tầng tốt hơn (đường sá, trường học, chợ, hệ thống điện, nước... đầy đủ); đồng thời được trợ cấp kinh phí di dời, được ưu tiên giải quyết việc làm cho những người lao động thuộc diện giải tỏa.

Như vậy, so với cuộc sống trước đó thì chính sách đền bù giải tỏa như trên đã tạo ra một cơ hội mới, thiết thực giúp người dân có cuộc sống ổn định và khá hơn. Với số tiền đền bù đất đai như trên, người dân có thể mua lại một diện tích đất khác lớn gấp 2 lần để sinh sống.

Tuy nhiên, từ sự hiện diện của các khu chế xuất tạo nên bộ mặt và sự phát triển mới tại vùng đất này đã làm cho mục đích sử dụng đất thay đổi theo. Không ít người đã nhảy vào đầu cơ đất để hưởng chênh lệch giá. Vì thế, giá đất nhanh chóng được đẩy lên, thoát khỏi giá trị thực của nó (nguyên là giá đất nông nghiệp). Người dân từng có đất ở đây nảy sinh tâm lý bị thiệt thòi lớn vì giá đền bù thấp hơn giá đất thị trường đã được đẩy lên một cách giả tạo.

Sự thực thì, giá trị đất hoàn toàn tùy thuộc vào giá trị sử dụng. Nói cách khác, là tùy vào người sử dụng. Ở đây cần hiểu là, giá trị gia tăng đó không phải do người sở hữu đất tạo ra, mà là do xuất hiện khả năng khai thác mới (chẳng hạn từ một chủ trương của Nhà nước) đã làm chuyển dịch

Digitized by Google

mục đích sử dụng. Giá đất lúc này nếu gọi là giá thị trường cũng không hẳn là đúng vì thực chất, đây là giá *"thị trường ảo"* bởi nó chỉ được tính khi các chương trình đầu tư đã thực hiện. Do chưa nhận thức đúng đắn điều này, người dân vì thế lúc nào cũng cảm thấy thiệt thòi khi so giá được đền bù với giá thị trường. Điều này đang và sẽ là một trong những nguyên nhân cơ bản gây trở ngại cho việc giải tỏa, thực hiện việc chuyển dịch mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình.

Giải quyết vấn đề trên, yêu cầu đặt ra trước tiên là phải thống nhất quan điểm về *giá đất* và *cách tính giá*. Qua thực tiễn ở Khu Chế xuất Tân Thuận, xin rút ra mấy quan điểm sau đây.

Thứ nhất, giá đất được xác định trên giá trị sử dụng đất. Có nghĩa là phải xem xét người sở hữu có sự đầu tư vào đất như thế nào để làm cho đất tăng giá trị sử dụng. Phần trị giá tăng thêm nhờ khai mương, dẫn thủy, nhập điền, cải tạo đất, v.v.., người sở hữu đất sẽ được hưởng.

Thứ hai, khi có sự đầu tư từ Nhà nước, hoặc có sự thay đổi mục đích sử dụng, làm cho giá đất gia tăng thì trị giá gia tăng đó không phải do người sở hữu đất tạo ra. Vì thế, khoản chênh lệch giá đó phải có một sắc thuế để Nhà nước điều tiết lại, dùng để đầu tư vào nơi khác.

Thứ ba, giá đền bù giải tỏa phải căn cứ giá trị thu nhập được tạo nên bởi đất đó làm cơ sở ; cộng với khoản bù đắp khi người dân phải chuyển ngành nghề, sắp xếp lại cuộc sống mới.

Thứ tư, *về phương thức đền bù :* Phải đền bù đúng giá để đảm bảo rằng, với số tiền đó, người dân có thể mua lại đất ở vùng lân cận, với diện tích lớn hơn và loại đất khá hơn. Bên cạnh đó, phải bù đắp mọi thiệt hại một cách thỏa đáng. Cần quan tâm đúng mức cuộc sống và những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân khi phải giải tỏa di dời. Cùng với việc đền bù về vật chất cho người dân, Nhà nước cũng nên coi đây là dịp để giáo dục, nâng cao nhận thức cho người dân ; khuyến khích dân tự nguyện tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước theo tinh thần dân làm chủ.

Điều quan trọng là, phải làm cho người dân thấy rõ : việc chuyển dịch mục đích sử dụng đất phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước là cần thiết và cần được ủng hộ. Sẽ thật sai lầm, khi người dân xem việc giải tỏa là một "cơ hội ngàn vàng" để có được một khoản thu lớn cho mình. Và, do chưa quen với việc một lúc có một khoản tiền lớn, người dân có thể không biết sử dụng tiền vào việc gì để ổn định cuộc sống và làm cho nó sinh lợi. Việc tiêu xài phung phí, sai mục đích có thể biến người dân trở nên nghèo khó hơn trước kia. Do đó, nên chăng trong khi thực hiện đền bù, Nhà nước có thể vận động nhân dân đưa một phần tiền tham gia vào công ty đầu tư để bảo tồn được đồng tiền của mình và được hưởng lợi về lâu dài.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa ngày nay, không chỉ đơn thuần là một chuyển đổi về cơ sở vật chất. Song song với sự chuyển đổi đó, còn có một yêu cầu quan trọng khác là phải làm thay đổi *cách nghĩ* và *lối sống* của cả cộng đồng. Đảm bảo được hai mặt này, sẽ tạo nên một trợ lực vô cùng to lớn cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Lời Bộ Biên tập : *Ngày 21-12-2002, tại Thành phố Thanh Hóa đã diễn ra Hội thảo "Phát triển giao thông thủy nội địa Việt Nam đầu thế kỷ XXI", do Tạp chí Cộng sản, Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đồng tổ chức.* ***TS. Đào Đình Bình****, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ; Đồng chí* ***Trịnh Trọng Quyền****, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa ;* ***PGS,TS. Trần Quang Nhiếp****, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản ; đồng chí* ***Phạm Minh Đoan****, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ; đồng chí* ***Phạm Thế Minh****, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, cùng chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có trên 300 đại biểu là các nhà khoa học, quản lý và kinh doanh liên quan đến giao thông đường thủy và các phóng viên báo chí ở Trung ương và địa phương. Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được trên 30 tham luận và in thành cuốn kỷ yếu.*

Dưới đây, chúng tôi giới thiệu bản Báo cáo đề dẫn và bài Tổng thuật Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

TRẦN QUANG NHIẾP

NỀN kinh tế và trình độ xã hội của một quốc gia phát triển tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố vô cùng quan trọng là hệ thống mạch máu giao thông. Thực tế cho thấy, giao thông mở mang tới đâu thì kinh tế - xã hội phát triển năng động tới đó. Ngược lại, những nơi giao thông không được mở mang, chia cắt thì nền kinh tế ở đó khép kín, biệt lập, trì trệ, tự cấp tự túc, đời sống xã hội thấp kém, lạc hậu.

Nước ta là một nước nông nghiệp sản xuất nhỏ, tiến hành đổi mới đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập với thế giới hiện đại, lại càng cần có một hệ thống giao thông hoàn chỉnh về đường bộ, đường thủy, đường không, đường biển. Mỗi loại hình giao thông như vậy, đều có những ưu thế của nó và chúng bổ sung cho nhau, tạo điều kiện phát huy nội lực để đẩy nhanh kinh tế - xã hội nước ta phát triển. Chúng ta không

Digitized by Google

tuyệt đối hóa, hoặc xem nhẹ bất cứ loại hình giao thông nào, song trong khuôn khổ của cuộc Hội thảo, chúng ta đi sâu nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn để phát huy vai trò của giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay - một loại hình giao thông quan trọng, có nhiều ưu thế.

Giao thông thủy nội địa gồm nhiều thuộc tính của ngành giao thông nói chung, nhưng chúng cũng có những nét đặc thù của loại hình giao thông khá đặc biệt và phổ biến này.

Giao thông thủy nội địa có thể được xem là một trong những loại hình giao thông sớm nhất của xã hội loài người. Trước khi người ta chế tạo ra ô-tô, xe lửa, máy bay và kể cả tàu biển vượt đại dương thì con người đã khám phá ra các vùng hoang vu, xa xôi, hẻo lánh bằng các phương tiện giao thông thủy còn rất thô sơ và tiện lợi. Nhờ giao thông phát triển đã góp phần quan trọng cho nền văn minh của xã hội loài người dần dần phát triển. Đồng thời cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các loại hình giao thông hiện đại khác cũng không ngừng phát triển đạt đến trình độ như ngày nay.

Nước ta có hệ thống sông ngòi, kênh rạch, hồ đầm chằng chịt len lỏi khắp các vùng rừng núi, đồng bằng, thành phố là hệ thống giao thông thủy nội địa vô cùng thuận lợi. Ông cha ta đã từng sử dụng hệ thống giao thông này một cách thông minh, sáng tạo phục vụ có hiệu quả cho phát triển kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, trong quá trình ấy và nhất là hiện nay khi nền kinh tế thị trường phát triển, các loại hình giao thông hiện đại đã trở thành phổ biến, giao thông thủy nội địa cũng đặt ra nhiều vấn đề bức xúc mang tính thời đại. Để phát huy thế mạnh và khắc phục những khó khăn hạn chế của giao thông thủy nội địa phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách khách quan, đòi hỏi chúng ta đi sâu nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn cụ thể sau :

***Một là,** đánh giá đúng thực trạng tiềm năng giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay*

Để làm rõ vấn đề này quả không đơn giản, đòi hỏi chúng ta phải xác định thế nào là giao thông thủy nội địa ; điều tra khảo sát để có được bức tranh chân thực về thực trạng giao thông thủy nội địa nước ta và tìm ra những đặc điểm của giao thông thủy nội địa ở nước ta có những ưu thế, khó khăn gì ; giao thông thủy nội địa với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ. Những kết quả cụ thể của giao thông thủy nội địa trong những năm đổi mới vừa qua, các bài học kinh nghiệm cần rút ra và xu hướng phát triển trong tương lai. Từ đó tìm ra nguyên nhân thành công, chưa thành công. Và đâu là những vấn đề đặt ra đối với phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay cần tập trung giải quyết v.v..

***Hai là,** xác định rõ mục tiêu, phương hướng phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta khi bước vào thế kỷ XXI*

Trong điều kiện giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng miền ở trong nước, khu vực và trên phạm vi thế giới không ngừng phát triển, các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển ngày càng hiện đại, việc xác định đúng mục tiêu, phương hướng phát triển giao thông thủy nội địa là vô cùng quan trọng và cần thiết. Chỉ trên cơ sở nắm chắc thực trạng, đặc điểm, tiềm năng của giao thông thủy nội địa và xu hướng phát triển với những yêu cầu của xã hội ngày càng cao đối với loại hình giao thông này,

Digitized by Google

chúng ta mới xác định đúng mục tiêu, phương hướng phát triển giao thông thủy nội địa trong những năm đầu thế kỷ XXI. Đồng thời đây cũng là căn cứ khoa học để có được chiến lược đầu tư chính xác cho giao thông thủy nội địa ở nước ta.

Việc xác định mục tiêu, phương hướng phát triển giao thông thủy nội địa ngoài những điểm nêu trên, phải chăng chúng ta gắn nó với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước ; gắn với quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; gắn với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính vì vậy, chúng ta có thể hiểu mục tiêu, phương hướng chung nhất là phát huy tối đa mọi tiềm năng, thế mạnh các nguồn lực giao thông thủy nước ta một cách có hiệu quả, bảo đảm an toàn, huy động mọi nguồn lực của giao thông thủy nội địa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Ba là, *xác định những điều kiện cần và đủ để phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay*

Để thực hiện mục tiêu, phương hướng phát triển giao thông thủy nội địa có hiệu quả, chúng ta nhất thiết phải xác định rõ những điều kiện chủ quan, khách quan bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu, phương hướng đó.

Về khách quan, nước ta có điều kiện địa lý tự nhiên thuận lợi cho vận tải đường sông từ miền Bắc đến miền Trung, miền Nam ; từ miền núi đến miền xuôi, vùng đồng bằng, đô thị. Nhân dân ta có nhiều kinh nghiệm về sử dụng giao thông đường thủy nội địa, trong lịch sử đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước. Nhất là thời kỳ hơn 16 năm đổi mới, sản lượng của ngành vận tải thủy nội địa những năm gần đây tăng bình quân cao và luôn được coi là một ngành vận tải chủ lực, đứng sau vận tải đường bộ. Chi phí đầu tư và duy tu cơ sở hạ tầng đường thủy nội địa thấp, giá thành vận chuyển hạ, có nhiều lợi thế vận chuyển hàng có khối lượng lớn, siêu trường, siêu trọng, hệ số an toàn cao, không bị ô nhiễm môi trường. Ở nhiều nơi, nhất là đồng bằng sông Cửu Long, giao thông thủy nội địa trở thành phương tiện chủ yếu, phổ biến trong sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Để các điều kiện khách quan không ngừng được phát huy, nhận thức chủ quan của con người về tính cần thiết và việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động giao thông thủy nội địa có ý nghĩa quyết định. Vì vậy, Đảng, Nhà nước có chủ trương, chính sách đúng, có hệ thống luật pháp quy định cho giao thông thủy nội địa hoạt động thuận lợi rõ ràng, có cơ chế tổ chức bộ máy quản lý chặt chẽ, linh hoạt, sáng tạo là vô cùng cần thiết. Các cấp bộ đảng, chính quyền các địa phương cùng lãnh đạo các bộ, ngành phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thật sự đồng thuận, thống nhất trong khai thác các tiềm năng giao thông thủy nội địa có hiệu quả đều là những nhân tố chủ quan có tính quyết định.

Cùng với những điều kiện nêu trên, việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật tay nghề cao ; cán bộ quản lý điều hành giỏi ; khả năng ứng dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại ; tăng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm... phải chăng đều là những điều kiện vật chất, tinh thần không thể thiếu cho phát triển giao thông thủy nội địa nước ta hiện nay để tiến kịp với sự phát triển chung của các nước trong khu vực và thế giới.

Digitized by Google

Bốn là, *có được các hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp để phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay*

Để phát triển giao thông thủy nội địa chúng ta phải xuất phát từ tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần gắn với thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế ; điều kiện tự nhiên nước ta và bối cảnh thế giới hiện nay. Tiếp tục đa dạng hóa các lực lượng của các thành phần kinh tế với nhiều loại hình và quy mô, mức độ khác nhau ; kết hợp các kinh nghiệm truyền thống với hiện đại để phát huy nội lực trong khai thác mọi tiềm năng giao thông thủy nội địa ở nước ta. Đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa hệ thống biển báo, thông tin, phương tiện, khai thác luồng lạch xây dựng bến cảng và các yếu tố của cơ sở hạ tầng khác, kết hợp đi tắt, đón đầu với sử dụng có hiệu quả các hình thức truyền thống, thô sơ phù hợp với điều kiện của từng nơi, từng lúc. Mở rộng hợp tác, liên kết với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và trên thế giới về mọi phương diện để không bị tụt hậu trong phát triển ngành giao thông quan trọng này. Phối hợp chặt chẽ giao thông thủy nội địa với giao thông đường bộ, đường không và đường biển. Tăng cường hợp tác giữa giao thông thủy nội địa với các ngành kinh tế, xã hội, các hoạt động du lịch, dịch vụ, quốc phòng, an ninh.

Những vấn đề nêu trên có thể còn chưa đầy đủ, chưa phản ánh hết những khía cạnh vô cùng phong phú, đa dạng, sinh động của quá trình phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta hiện nay. Tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, hy vọng chúng ta sẽ đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc với tinh thần khoa học nghiêm túc, thẳng thắn, khách quan đầy trách nhiệm. Chúng ta vừa "hội" vừa "thảo" thật sôi nổi, để cùng nhau từng bước làm rõ những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của giao thông thủy nội địa nhằm góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

CUỘC Hội thảo "Phát triển giao thông thủy nội địa Việt Nam đầu thế kỷ XXI" có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn nhằm đánh giá một cách khoa học về vị trí, vai trò của vận tải đường thủy trong chiến lược phát triển giao thông nói riêng, trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Những tham luận và các ý kiến thảo luận sẽ là gợi ý để các ngành, các địa phương vận dụng trong quá trình phát triển vận tải đường thủy.

Cuộc hội thảo diễn ra sôi nổi và đề cập tới nhiều vấn đề thiết thực, thể hiện tập trung ở những nội dung chính dưới đây.

I. LỢI THẾ VÀ NHU CẦU VỀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG THỦY

Đây là một chủ đề lớn. Nhiều tham luận đề cập từ nhiều khía cạnh, với những mức độ

Digitized by Google

khác nhau. Trong phát biểu khai mạc Hội thảo, *TS. Đào Đình Bình* nêu rõ : Nước ta có hệ thống đường thủy đa dạng và thuận lợi. Hệ thống sông, hồ tự nhiên vừa nhiều, vừa được nối thêm các kênh đào cùng với đường ven biển và đường ra các đảo tạo thành một mạng lưới giao thông vô cùng quan trọng. *PGS,TS. Trần Quang Nhiếp* trong phát biểu đề dẫn khẳng định : Khi nền kinh tế thị trường phát triển, giao thông thủy nội địa càng có vai trò tích cực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. *TS. Phạm Tất Thắng* (Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản) phân tích : So với các phương tiện vận tải khác, vận tải thủy nội địa có rất nhiều lợi thế phát triển. Lợi thế đó biểu hiện ở : giá thành vận tải tương đối thấp do chi phí năng lượng thấp (nhỏ hơn đường bộ 4 lần, đường không từ 15 đến 20 lần và đường sắt 30 lần) ; chi phí để thiết lập một tuyến đường thủy nội địa chỉ bằng 25 - 30% chi phí xây dựng một tuyến giao thông đường bộ với năng lực thông qua tương ứng ; phương tiện vận tải thủy ít tốn kém kim loại hơn phương tiện đường sắt, đường bộ ; có khả năng vận chuyển siêu lớn.

Việt Nam đang thực hiện các bước của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, rất cần mọi lĩnh vực tham gia tích cực. *PGS. Võ Văn Đức* (Phó Trưởng Khoa Kinh tế phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) nhận định về sự tham gia của ngành đường thủy : Hội nhập kinh tế khu vực và thế giới là một đòi hỏi đối với ngành vận tải đường thủy nội địa... Nếu chúng ta có cách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thủy, cải tiến phương thức vận tải và có được một khung pháp lý thuận lợi thì chắc chắn việc hội nhập kinh tế khu vực của ngành đường sông sẽ đạt kết quả tốt đẹp. Cùng bàn về sự hội nhập quốc tế của ngành đường thủy, báo cáo của *KS. Lê Hữu Khang* (Phó Cục trưởng Cục Đường sông) cho biết : Hiệp định vận tải thủy Việt Nam - Cam-pu-chia đã được ký kết; tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác sông Mê Công ; thực hiện có kết quả dự án trợ giúp kỹ thuật trong đào tạo do Hà Lan tài trợ ; thực hiện dự án nâng cấp hai tuyến đường thủy phía Nam bằng nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới ; thực hiện dự án cơ sở hạ tầng nông thôn đường thủy do Ca-na-đa trợ giúp kỹ thuật và các dự án được sự giúp đỡ của Nhật Bản, Bỉ, Phần Lan, Đan Mạch, Tây Ban Nha...

Thông qua giới thiệu về phát triển đường thủy của nước ngoài, có 2 bản báo cáo đã góp phần làm rõ thêm về lợi thế và nhu cầu phát triển đường thủy. *TS. Hoàng Xuân Hòa* (Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm hợp tác nghiên cứu châu Âu) đã giới thiệu kinh nghiệm của châu Âu về phát triển đường thủy, trong đó đề cập đến : Vị trí của đường thủy trong mạng lưới giao thông vận tải châu Âu ; sự tăng trưởng khối lượng dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường thủy của khối EU và các nước Trung Âu ; cảng cửa ngõ ra biển và tình hình du lịch đường thủy... *TS. Hoàng Hải* (Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) trình bày về "Châu Á với phát triển dịch vụ đường thủy", có *nội dung chính gồm 3 vấn đề :* Tiềm năng phát triển dịch vụ thủy ở châu Á ; Phát triển vận tải đường thủy với việc nâng cao hiệu quả hợp tác tiểu vùng Mê Công ; Việt Nam với phát triển vận tải đường thủy quốc tế. Trong đó, cho biết : Hiện nay ở châu Á, vận tải thủy là phương thức vận tải có chi phí rẻ nhất so với tất cả các phương thức vận tải khác và có tính ưu việt về nhiều mặt. Đây là phương thức vận tải dễ được chấp nhận ở các tiểu vùng thuộc khu vực châu Á mà kinh tế còn chậm phát triển. Riêng tiểu vùng Mê Công, hợp tác trong lĩnh vực giao thông đường thủy có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối

Digitized by Google

với sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước vùng này mà còn cần thiết nhằm góp phần khắc phục tình trạng phát triển không đồng đều trong toàn khu vực Mê Công trước xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.

Tuy tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau song các ý kiến đều thống nhất cho rằng tiềm năng ngành đường thủy nước ta rất lớn, việc khai thác có hiệu quả sẽ tạo ra cơ hội phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THỦY Ở VIỆT NAM

Đánh giá thực trạng phát triển giao thông thủy nội địa ở nước ta, các đại biểu đi từ sự nhìn nhận tiềm năng, thế mạnh ở các địa phương để đi đến khái quát bức tranh chung của cả nước. Đồng chí *Phạm Minh Đoan* cho rằng : vận tải thủy ở Thanh Hóa đã ra đời từ rất sớm, là phương tiện vận tải chủ yếu trong một thời gian dài... Gần đây, Bộ Giao thông vận tải, trực tiếp là Cục Đường sông Việt Nam, đã phối hợp chỉ đạo, đầu tư nạo vét luồng lạch một số đoạn xung yếu, tiến hành khảo sát luồng sông Mã từ cửa biển đến thượng nguồn vùng biên giới Việt - Lào... Nhờ đó đã tạo điều kiện cho việc quản lý, khai thác đường sông trung ương và địa phương trên địa bàn Thanh Hóa ngày càng có hiệu quả hơn. Bổ sung cho vấn đề này, *KS. Nguyễn Hoàng Huyến* (Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa) cho biết : Hiện tại, Thanh Hóa có 30 tuyến sông kênh lớn nhỏ với tổng chiều dài 1 768 km... khả năng khai thác vận tải là 1 170 km, chiếm 63 %. *KS. Vũ Văn Quỳnh* (Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái) khẳng định : Giao thông thủy nội địa ở Yên Bái đóng vai trò gắn kết giữa đường bộ với đường sắt, giữa quốc lộ với tỉnh lộ ; đã đóng góp tích cực cho phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo ; gắn liền với phát triển du lịch hồ Thác Bà. Các báo cáo của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên, TP Hồ Chí Minh đều đánh giá khá toàn diện về tình hình phát triển đường thủy ở các địa phương. Báo cáo của Đồng chí *Doãn Đình Huề* (Ban Kinh tế, Tạp chí Cộng sản) đã khái quát khá rộng về một vùng : Giao thông thủy ở đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình xây dựng các công trình trọng điểm, các khu công nghiệp, khu chế xuất, các nhà máy liên doanh với nước ngoài... Những năm qua, việc phát triển cảng thủy nội địa ở đồng bằng sông Hồng đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội cả vùng, góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn. *KS. Cao Kim Phụng* (Phó Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam), phân tích sâu sự phát triển vận tải thủy ở đồng bằng sông Cửu Long : Chỉ tính trên các tuyến do trung ương quản lý, đã có 51 cảng thủy nội địa và 1 432 bến thủy nội địa. Khả năng thông qua của các cảng có khả năng tiếp nhận tàu biển từ 500 000 đến 2 000 000 tấn/năm và đối với các cảng thủy nội địa từ 100 000 đến 500 000 tấn/năm. Riêng mạng lưới các bến thủy nội địa, tuy khả năng thông qua không lớn nhưng thuận tiện cho tàu bè bốc xếp ở hầu như khắp nơi trên các tuyến sông kênh... Ở đồng bằng sông Cửu Long, sự phát triển vận tải thủy nội địa càng đem lại hiệu quả kinh tế cao, vì sông nước ở đây rất thuận lợi cho giao thông.

PGS. TSKH Đặng Hữu Phú (Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đường sông miền Nam), với tham luận "Vận tải công-ten-nơ, tiềm năng lớn và hướng phát triển quan trọng của đường thủy nội địa ở đồng bằng sông Cửu Long", đã khắc sâu vai trò của Tổng Công ty Đường sông miền Nam với việc vận chuyển công-ten-nơ : Nếu năm 2000 vận chuyển được 1 201 542 tấn

Digitized by Google

(tỷ lệ công-ten-nơ hóa là 79,75%) thì năm 2001 đạt 2 193 200 tấn (tỷ lệ công-ten-nơ hóa là 82,91%) và năm 2002 dự kiến là 2 369 900 tấn (tỷ lệ công-ten-nơ hóa là 87,77 %). *KS. Phạm Văn Lành* (Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sông miền Bắc), phác thảo : Hiện nay, Tổng Công ty đang quản lý, khai thác đội tàu số lượng khá lớn, đa dạng về chủng loại..., có thể vận tải được hàng bao, hàng rời, công-ten-nơ, hàng nặng, hàng siêu trường, siêu trọng. Doanh thu năm 1997 tăng 28% so với năm trước, năm 2001 tăng 71% so với năm 1996 ; thu nhập bình quân năm 1997 tăng 2,6% so với năm trước, năm 2001 tăng 50% so với năm 1996. Theo hướng này, *KS. Tạ Văn Tỉnh* (Giám đốc Công ty vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa), góp một kinh nghiệm tổ chức vận tải liên phương thức : Để phát triển vận tải thủy nội địa một cách hiệu quả, phải có nguồn nhân lực được đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ mới, với việc cơ giới hóa 100 thiết bị xếp dỡ. Nhất là trong tổ chức điều hành, phải tạo ra các khu trung chuyển, có sự kết hợp đầu tư phương tiện vận tải thủy và phương tiện vận tải bộ. *Ths. Vũ Hữu Hùng* (Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn Tài chính, Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam) khắc họa rõ vai trò quan trọng của ngành công nghiệp tàu thủy đối với vận tải thủy nội địa.

Bổ sung cho bức tranh toàn cảnh về thực trạng và những kinh nghiệm rút ra trong tiến trình phát triển đường thủy, *KS. Lê Văn Mạo* tóm lược hoạt động của Hội Vận tải thủy nội địa ; *KS. Trần Đỗ Liêm* phân tích sâu về vận tải đường thủy ngoài quốc doanh. Đây thực sự là những gợi ý tốt, có tính so sánh cần thiết đối với quá trình hoạch định chiến lược phát triển các loại hình kinh tế trong vận tải thủy ở Việt Nam.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ VỀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THỦY NỘI ĐỊA Ở NƯỚC TA

Đề cập đến những hạn chế, khiếm khuyết của ngành giao thông thủy nội địa, *TS. Lê Đình Doanh* (Cục Đường sông Việt Nam) chỉ rõ : Hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của vận tải thủy nhưng còn tùy tiện, thiếu quy hoạch đã gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường. Tình trạng ô nhiễm trên các sông, hồ, đầm, phá... tăng nhanh không chỉ làm giảm chất lượng sinh thái, mà còn gây ách tắc, thiếu an toàn trong giao thông vận tải thủy. Về khó khăn của ngành đường thủy, *TS. Phạm Tất Thắng* nhận xét : Đường thủy nội địa cũng đang gặp những thách thức rất lớn là cạnh tranh với đường không, đường sắt, đường bộ về khối lượng hàng hóa luân chuyển, tốc độ vận chuyển và tính thuận tiện. Chỉ riêng sự hạn chế về tốc độ của đường thủy đã kém sức hút với hành khách... *TS. Ngô Xuân Sơn* (Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam) cho rằng : Trong nhiều nghiên cứu, báo cáo của các chuyên gia trong và ngoài nước đã khẳng định một cách chắc chắn rằng vận tải thủy nội địa Việt Nam đã, đang và vẫn sẽ là một ngành vận tải giàu tiềm năng và sẽ đặc biệt phát triển trong nửa đầu thế kỷ XXI.

Trình bày về hướng phát triển của ngành đường thủy, *KS. Lương Phương Hợp* (Giám đốc công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy) đi sâu phân tích vấn đề "luồng tàu qua cửa sông" ; *KS. Nguyễn Ngọc Hải* (Tổng Giám đốc Ban quản lý các dự án đường thủy) giới thiệu khá chi tiết các dự án đầu tư phát triển đường thủy ; *KS. Nguyễn Thị Vuốt* (Viện Chiến lược phát triển Giao thông vận tải) nêu định hướng và giải pháp

Digitized by Google

phát triển đội tàu vận tải ; *TS. Quách Đức Pháp* (Vụ trưởng, Bộ Tài chính) đề xuất "những giải pháp về cơ chế tài chính nhằm phát triển vận tải thủy nội địa". Đồng chí *Phạm Văn Hiệp* (Tạp chí Cộng sản) đi sâu phân tích về sự phát triển đường thủy phục vụ mục đích du lịch ở nước ta hiện nay và trong tương lai. Trong báo cáo tham luận của đồng chí *Võ Thị Thắng* (Ủy viên Trung ương Đảng - Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch) xác định : Ý thức được tiềm năng to lớn, vị trí quan trọng của du lịch sông nước trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, thời gian qua Tổng cục Du lịch đã chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với các tổ chức quốc tế, các địa phương tiến hành quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển du lịch đường sông. Mặc dù du lịch sông nước ở Việt Nam đã có những khởi sắc đáng ghi nhận song do nhiều nguyên nhân, sự phát triển của du lịch sông nước còn xa với tiềm năng vốn có của nó. *TS. Nguyễn Đình Thuận* (Trường Đại học Giao thông vận tải) dự báo : Mục tiêu của đường thủy nội địa đến năm 2010 sẽ đạt sản lượng khoảng 80 triệu tấn hàng hóa và 250 triệu lượt hành khách. Trên các tuyến vận tải sẽ xuất hiện nhiều phương thức vận tải mới, nhiều loại hình vận tải tiên tiến để thúc đẩy ngành đường thủy phát triển ngang tầm với nhiệm vụ và tương xứng với tiềm năng.

Những báo cáo trình bày tại Hội thảo khá đa dạng, sâu sắc, cung cấp thêm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định phương hướng chiến lược và các giải pháp cơ bản phát triển ngành đường thủy một cách mạnh mẽ, góp phần to lớn hơn nữa vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong tầm nhìn 2010 và xa hơn nữa. Khái quát, có thể tập trung *những vấn đề chủ yếu* sau :

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức của nhân dân, các cấp, các ngành về ý nghĩa to lớn của phát triển giao thông đường thủy.

2. Cụ thể hóa chiến lược phát triển đường thủy cho từng địa phương và ngành có liên quan. Phát triển đường thủy cần chú ý đến đặc thù địa - kinh tế, địa - chính trị để có giải pháp phát huy thế mạnh của từng vùng. Bảo đảm hài hòa với các vấn đề bảo vệ môi trường, di sản văn hóa...

3. Phát triển đường thủy trong mối liên kết với các loại hình giao thông khác và gắn với phát triển thủy sản, thủy điện, thủy lợi, du lịch và các dịch vụ khác.

4. Đa dạng hóa hệ thống vận tải thủy bao gồm các loại hình kinh tế, các tuyến vận tải, các loại hình phương tiện. Đầu tư tài chính có trọng điểm, mở rộng thu hút các nguồn vốn khác nhau để tạo sức mạnh trong đầu tư phát triển.

5. Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng hiện đại, phù hợp với thực tiễn phát triển từng cảng, từng tuyến đường thủy. Để điều hành cảng và hoạt động đường thủy ngang tầm trình độ quốc tế và khu vực, phải xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật phát triển toàn diện, nhất là về chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng tăng cường đào tạo nguồn nhân lực ở ngoài nước hoặc đào tạo ở trong nước đạt tiêu chuẩn quốc tế. Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về đường thủy, chủ động hợp tác quốc tế bảo đảm vừa phát huy được tiềm năng đất nước và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

6. Tăng cường trang thiết bị kỹ thuật trong vận hành cảng, cũng như các biện pháp đảm bảo an toàn tại cảng và tuyến đường thủy. ❑

HẢI HƯNG
(Tổng thuật)

Digitized by Google

HÀ TĨNH
đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống

ĐẶNG DUY BÁU
(Phỏng vấn đồng chí Đặng Duy Báu, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tĩnh)

Phóng viên : *Hai năm qua, Hà Tĩnh là một trong những tỉnh đã tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết hội nghị của Trung ương. Xin đồng chí cho biết, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã có các chương trình trọng tâm, các chủ trương triển khai cụ thể như thế nào ?*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Hà Tĩnh luôn xác định "phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt". Đối với chúng tôi, trong thời gian tới, vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn giữ vị trí quan trọng, cho nên tỉnh "tiếp tục coi nông nghiệp và phát triển nông thôn là trọng điểm" ; đầu tư chiều sâu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát huy lợi thế từng vùng ; thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Cùng với đầu tư cho nông nghiệp là dồn sức cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ; nâng cao chất lượng hoạt động tài chính, tín dụng ; mở rộng và phát triển các loại hình hoạt động thương mại, du lịch, dịch vụ. Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển, thu hút đầu tư ; huy động nguồn lực giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo ; quan tâm giáo dục - đào tạo, phát triển văn hóa, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ; ưu tiên phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ ; tăng cường quốc phòng, an ninh. Quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng Đảng, đến phong trào quần chúng và giữ gìn sự đoàn kết nội bộ. Tỉnh ủy đã cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương, vận dụng đề ra các chủ trương, giải pháp, xây dựng chương trình hoạt động cụ thể như : chuyển đổi sử dụng ruộng đất nông nghiệp ; thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm gắn với xây dựng nông thôn mới ; xã hội hóa giáo dục, phổ cập trung học cơ sở ; tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh ; phát triển nuôi trồng thủy sản ; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ; chăm lo sự nghiệp y tế ; phát triển ngành chăn nuôi ; phát triển khoa học - công nghệ.

Digitized by Google

Phóng viên : *Trong các chương trình trên, Hà Tĩnh chọn chương trình nào là khâu đột phá ?*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Chúng tôi coi Chương trình nào cũng cần được thực hiện một cách nghiêm túc, có hiệu quả ; tuy nhiên, phải chọn phương pháp và bước đi thích hợp. Trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn, Chương trình chuyển đổi sử dụng ruộng đất nông nghiệp được tập trung thực hiện nhằm xóa bỏ tình trạng ruộng đất phân tán, manh mún, tạo điều kiện để chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất. Trong trồng trọt, lấy việc cải cách bộ giống làm khâu đột phá. Cùng với việc ổn định và đảm bảo an ninh lương thực, Hà Tĩnh chú trọng phát triển các loại cây hàng hóa, cây công nghiệp : dứa, cao-su, chè, cây ăn quả, gỗ nguyên liệu. Với chủ trương khai thác tốt nhất thế mạnh của tỉnh về các nguồn lợi thủy sản, Chương trình đầu tư cho khai thác, nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu được triển khai thực hiện. Phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp với các ngành nghề truyền thống và du nhập nghề mới, công nghệ mới, hình thành các làng nghề ở vùng nông thôn và vành đai đô thị để giải quyết lao động, việc làm và có sản phẩm hàng hóa đa dạng. Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, các cơ sở phúc lợi, các công trình phục vụ cho nhu cầu văn hóa, xã hội ; quy hoạch và lập dự án khả thi xây dựng các khu kinh tế trọng điểm. Thực hiện đổi mới doanh nghiệp theo hướng cổ phần hóa, bán, khoán, giải thể các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ ; khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển đúng pháp luật.

Từ những định hướng phát triển, Hà Tĩnh đã huy động mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước. Sau 10 năm tái lập, tỉnh đã có được kết quả toàn diện và đồng đều trên các lĩnh vực, các địa bàn : kinh tế tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 8,43% ; nâng sản lượng lương thực từ 23,6 vạn tấn lên trên 46 vạn tấn ; nâng thu ngân sách nội tỉnh từ 18 tỉ lên hơn 130 tỉ đồng ; nâng mức thu nhập bình quân đầu người về lương thực từ 193kg/năm lên 370 kg/năm và giá trị từ 713 nghìn đồng/năm lên 3 triệu đồng/năm. Cơ sở hạ tầng được tăng cường đáng kể : 100% xã, phường có điện lưới quốc gia, có đường ô-tô về tận trung tâm ; làm mới trên 600 ki-lô-mét kênh mương bê-tông, 75% diện tích canh tác được tưới ổn định ; 1 100 ki-lô-mét đường nhựa, trong đó có 765 ki-lô-mét đường giao thông nông thôn, có nhiều xã đường nhựa, đường bê-tông đã về đến tất cả các ngõ xóm ; 93% số xã (243/259 xã) có nhà học cao tầng ; các xã đều có trạm y tế khang trang và có 92 bác sĩ đã về xã. Diện tích rừng tiếp tục được khoanh nuôi, bảo vệ, độ che phủ đạt trên 40%. Các loại cây trồng mới, cây ăn quả, cây nguyên liệu cho công nghiệp được phát triển rộng rãi. Kinh tế rừng, kinh tế vườn đồi đã thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, môi sinh, môi trường ; kinh tế biển đã được chú trọng đúng mức và từng bước vươn lên chiếm vị trí mũi nhọn. Cùng với việc đầu tư phát triển 64 đội tàu đánh bắt xa bờ, củng cố việc khai thác hải sản vùng lộng đã góp phần nâng sản lượng thủy sản đánh bắt lên 24 200 tấn, sản lượng chế biến, xuất khẩu 1 870 tấn, đạt kim ngạch gần 20 triệu USD. Diện tích nuôi trồng thủy sản 4 300 héc-ta, trong đó nuôi tôm 1 700 héc-ta, bằng các hình thức nuôi đại trà, bán thâm canh, có mô hình nuôi tôm thâm canh và nuôi ba ba sản lượng cao, đã

Digitized by Google

có 2 cơ sở sản xuất tôm giống. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá. Nhiều cơ sở công nghiệp từng bước phát huy hiệu quả và tự khẳng định mình trong cơ chế mới, như : khai khoáng và chế biến ti-tan, đóng tàu biển, chế biến thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng ; ra đời một số cơ sở sản xuất mới, như nhà máy dứa hộp, gỗ băm dăm,... Các doanh nghiệp sau đổi mới đã được củng cố, ổn định sản xuất. Các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp đã được định hình và từng bước triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng. Các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư ra đời đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong nước, quốc tế vào khai thác. Đã cho ra đời khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng. Tiểu thủ công nghiệp có nhiều đổi mới, nhiều ngành nghề truyền thống cùng với các nghề khác mới du nhập phát triển mạnh, hình thành các làng nghề, như : Thái Yên, Trung Lương, Thạch Đồng... Đi đôi với phát triển kinh tế, xã hội, tỉnh quan tâm phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị, nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân.

Phóng viên : *Nhân nói về xây dựng nông thôn mới, trong điều kiện cụ thể của Hà Tĩnh, Tỉnh ủy đã xác định tiêu chí cụ thể nào để xây dựng nông thôn mới ?*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Là một tỉnh nông nghiệp, chúng tôi quan tâm rất nhiều đến phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; con đường chúng tôi chọn là nông thôn mới. Nông thôn mới là một nông thôn phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống của cộng đồng ở nông thôn. Nó bao gồm các tiêu chí phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hóa, đời sống, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Tùy tình hình thực tế từng cơ sở mà lựa chọn các tiêu chí có tính thiết thực để hoàn thiện dần. Nông thôn mới phải là nơi hội tụ đủ các yếu tố : đồng ruộng được quy hoạch phù hợp, được chuyển đổi sử dụng, thâm canh, có hệ thống tưới tiêu chủ động, khoa học ; nhựa hóa hoặc bê-tông hóa đường giao thông ; trường học cao tầng, trạm y tế, nhà văn hóa, trụ sở xã, hội quán xóm khang trang ; vườn được cải tạo đưa lại hiệu quả kinh tế cao, không còn nhà tranh tre dột nát ; nước sạch, các công trình vệ sinh, ăn ở sạch sẽ ; con em học hành tiến bộ, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển sôi nổi, rộng khắp ; đời sống mọi mặt của nhân dân không ngừng được cải thiện, nội bộ nhân dân đoàn kết, dân chủ được phát huy. Chúng tôi phấn đấu đến năm 2003 xóa hết nhà tranh tre dột nát trong toàn tỉnh, đến năm 2005 sẽ có 20% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Hiện nay, đã có những mô hình nông thôn mới cấp xã ở các vùng, các huyện như xã Gia Phố và xã Phú Phong ở huyện miền núi Hương Khê, xã Cẩm Nang ở huyện lúa Cẩm Xuyên, xã Xuân Yến ở Nghi Xuân và xã Kỳ Thọ ở Kỳ Anh. Đây là những xã nghèo vươn lên. Đáng chú ý xã Quang Lộc ở huyện Can Lộc là vùng có đông đồng bào có đạo, các xã làng nghề Trường Sơn và Thái Yên ở huyện Đức Thọ... cũng có nhiều tiến bộ về phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa mới.

Phóng viên : *Xin đồng chí nói rõ thêm về cách làm cụ thể của Hà Tĩnh trong xóa nhà tranh tre dột nát, trong chuyển đổi ruộng đất, trong phổ cập trung học cơ sở.*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Trong khi tiến hành một cách đồng bộ việc xóa đói,

Digitized by Google

giảm nghèo, chúng tôi chọn mũi đột phá là xóa hết nhà tranh tre dột nát trong phạm vi toàn tỉnh và đã biến chủ trương này thành một cuộc vận động sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Đây là việc làm tình nghĩa, mang tính nhân văn cao, thiết thực giúp cho nhân dân thoát khỏi đói nghèo. Chủ trương xóa nhà tranh tre dột nát cho tất cả các hộ đối tượng chính sách, hộ diện nghèo đói, đã thực sự đi vào lòng dân, vào cuộc sống và mau chóng trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, huy động được mọi nguồn lực, vận động mọi đối tượng tham gia. Các địa phương đã khảo sát phân loại đối tượng. Tỉnh trích một phần ngân sách, các huyện, thị đứng ra vận động cán bộ, công nhân, viên chức và các ngành, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội, anh em, họ hàng, bà con đóng góp tiền bạc, công sức, vật tư cùng làm. Đến cuối năm 2002 có 6 huyện, thị hoàn thành và đến 2003 tất cả 11 huyện, thị của tỉnh sẽ hoàn thành xóa hết nhà tranh tre dột nát.

Bước vào đầu nhiệm kỳ XV, Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ra Nghị quyết 01/NQ-TU về *"Lãnh đạo cuộc vận động chuyển đổi sử dụng ruộng đất nông nghiệp"*. Chủ trương của tỉnh là tiến hành quy hoạch, kiến thiết lại đồng ruộng, xây dựng các vùng thâm canh, chuyên canh, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng, đưa công tác quản lý đất đai, chỉ đạo, điều hành sản xuất vào nền nếp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và từng bước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Cuộc vận động chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp đã được các cấp ủy đảng trực tiếp lãnh đạo, chính quyền tập trung chỉ đạo, điều hành chặt chẽ, có phương án tổ chức cụ thể, vận động toàn dân thực hiện. Việc chuyển đổi sử dụng ruộng đất được thực hiện công khai, dân chủ, trên cơ sở tự nguyện của các hộ nông dân, nhưng có sự lãnh đạo và quản lý chặt chẽ. Về cơ bản ổn định hạng đất, ổn định số hộ, số khẩu, số diện tích theo Nghị định 64/CP, có xem xét điều chỉnh cụ thể, vận dụng các chính sách ưu tiên, chọn bước đi thích hợp, đảm bảo giữ vững đoàn kết, ổn định chính trị ở nông thôn, đem lại lợi ích cao nhất cho nông dân. Phấn đấu để sau khi chuyển đổi, mỗi ô thửa có diện tích từ 500 m^2 trở lên và mỗi hộ nông dân đất canh tác từ 2 đến 3 ô thửa đất. Để đạt được các mục đích trên, tỉnh đã giao nhiệm vụ cho các ngành chức năng liên quan phối hợp với địa phương tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ kinh phí phục vụ cho công tác chuyển đổi. Đến nay, 11/11 huyện, thị đều đang tiến hành các bước chuyển đổi ; 193 xã, phường, thị trấn lập xong đề án chuyển đổi, trong đó có 145 đơn vị đã được phê duyệt, 127 đơn vị đã triển khai thực hiện đề án, 73 đơn vị tổ chức xây dựng quy hoạch đồng ruộng, 35 đơn vị hoàn thành quy hoạch ; 294 thôn của 54 xã đang ghép nhóm đất, nhóm hộ và vẽ sơ đồ giao đất ; 146 thôn của 33 xã đã tổ chức giao đất ngoài thực địa cho các hộ nông dân.

Phóng viên : *Hà Tĩnh là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về xóa nạn mù chữ và phổ cập tiểu học. Hiện nay, Hà Tĩnh đang hướng tới mục tiêu phổ cập trung học cơ sở. Thưa đồng chí, công tác xã hội hóa giáo dục ở Hà Tĩnh có gì mới ?*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Như đồng chí đã biết, Hà Tĩnh là một trong những tỉnh đi đầu cả nước về xóa nạn mù chữ và phổ cập tiểu học, có ngọn cờ giáo dục Cẩm Bình, có trường trung học cơ sở Kỳ Tân -

Digitized by Google

một trong ba trường cả nước - được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới. Phấn đấu để đạt phổ cập trung học cơ sở vào năm 2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết chuyên đề về công tác xã hội hóa giáo dục, phổ cập trung học cơ sở, cử các đoàn cán bộ đi tham quan, học tập những nơi làm tốt để triển khai thực hiện trong tỉnh. Mục tiêu nâng cao hiệu quả giáo dục trung học cơ sở, nhất là giáo dục về chính trị tư tưởng, bảo đảm mọi học sinh đều phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, có những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp. Chúng tôi xem đây là chủ trương thiết thực nhằm nâng cao dân trí, là yếu tố con người trong sự phát triển của tỉnh. Vấn đề quan trọng là, phải nắm chắc thực trạng của từng cơ sở, xây dựng kế hoạch, chương trình thiết thực, triển khai đồng bộ và có bước đi phù hợp. Huy động mọi lực lượng của ngành, quan tâm của các đoàn thể, các tổ chức xã hội, phát huy kinh nghiệm đã có trong công tác xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, bổ túc văn hóa... để vận dụng vào việc phổ cập trung học cơ sở một cách thực chất. Trong chỉ đạo quan tâm đến vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo. Mục tiêu hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong năm 2002 và sau đó tiếp tục phổ cập trung học phổ thông và phổ cập nghề.

Phóng viên : *Xin đồng chí cho biết một số kinh nghiệm của Hà Tĩnh qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng ?.*

Đồng chí Đặng Duy Báu : Thực ra từ Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay, thời gian chưa nhiều để nói lên đầy đủ những kinh nghiệm và kết quả. Tuy nhiên, với truyền thống của mình, Đảng bộ Hà Tĩnh đã tổ chức quán triệt nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết của Trung ương, vận dụng các nghị quyết để định ra các chương trình hành động phù hợp, sát đúng tình hình và có các bước đi cụ thể, thực sự nói đi đôi với làm. Chúng tôi đã quan tâm đúng mức đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân, vì đây là nền tảng kinh tế, chính trị của tỉnh ; tập trung chỉ đạo, đề ra một số mũi đột phá và đã thực hiện có hiệu quả. Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh luôn quan tâm đến mối quan hệ giữa ổn định và phát triển, giữ cho được ổn định chính trị thì mới có điều kiện phát triển và có phát triển tốt thì quần chúng nhân dân phấn khởi, tin tưởng, mới góp phần để ổn định chính trị ; lấy đoàn kết thống nhất từ trong nội bộ Đảng, nội bộ lãnh đạo các cấp cho đến các tầng lớp nhân dân làm động lực quan trọng để phát triển. Muốn được như vậy, phải thực sự dân chủ, cởi mở, công khai, thực sự hướng về cơ sở, khơi dậy phong trào quần chúng, giữ vững và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân. Vấn đề quyết định nhất là quan tâm đúng mức đến công tác cán bộ. Thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, (khóa VII), Hội nghị Trung ương 3, Hội nghị Trung ương 7, (khóa VIII), Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng được đội ngũ cán bộ ở cơ sở, ở các huyện, thị, các ngành khá đồng đều. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ tâm huyết với công việc, có trách nhiệm cao, có ý thức rèn luyện, nâng cao trình độ, giữ gìn phẩm chất và phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phóng viên : *Xin chân thành cảm ơn đồng chí .* ❑

NGUYỄN VŨ CẦN
(Thực hiện)

Digitized by Google

ĐOÀN H15 - 30 năm xây dựng và trưởng thành

LÊ ĐÌNH BÌNH*

ĐOÀN H15, Binh chủng Tăng-Thiết giáp được thành lập ngày 10-4-1973 với chức năng là lực lượng dự bị, cơ động chiến lược của Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ đất nước, phòng chống thiên tai, bão lụt, xây dựng cơ sở, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn đóng quân. Qua 30 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Đoàn H15 trở thành một trong những đơn vị kiểu mẫu, vững mạnh về nhiều mặt của Binh chủng Tăng-Thiết giáp.

Đoàn H15 ra đời giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn quyết liệt, đánh dấu một mốc son trong quá trình phát triển của lực lượng vũ trang Tăng-Thiết giáp. Trong điều kiện hết sức khó khăn về biên chế, cơ sở vật chất, trang thiết bị, ngay từ những ngày đầu mới thành lập, cộng với những đòi hỏi cấp thiết trên các chiến trường, Đoàn H15 vừa thường xuyên phải di chuyển địa điểm đóng quân của mình, vừa phải triển khai huấn luyện, chấn chỉnh tổ chức, bổ sung lực lượng với truyền thống ***"Bộ đội Tăng-Thiết giáp đã ra quân là chiến thắng, đã nổ súng là tiêu diệt quân thù"***. Từ trận chiến đấu đầu tiên tiêu diệt địch ở cứ điểm Tà Mây, làng Vây, ngày 7-2-1968, giành thắng lợi vẻ vang, Bộ đội Tăng-Thiết giáp đã giành được nhiều thắng lợi với nhiều cách đánh hay, táo bạo, bất ngờ. Phát huy truyền thống anh hùng trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước, Đoàn H15 đã đóng góp sức người, sức của, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bạn, nỗ lực vượt bậc, khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, chiến đấu kiên cường, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, góp phần cùng quân dân cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với tinh thần quốc tế cao cả, H15 trực tiếp tham gia chiến đấu 34 trận bảo vệ biên giới Tây Nam và chiến đấu giải phóng Cam-pu-chia mùa khô năm 1978 - 1979.

Trong công cuộc xây dựng đất nước và thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đến nay, Đoàn H15 hòa cùng khí thế của toàn quân thực hiện cuộc vận động xây dựng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Bằng sức mạnh, niềm tin của chính mình, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, Đoàn H15 bám sát phương châm huấn luyện cơ bản, thiết thực, vững chắc, kết hợp chặt chẽ *"3 quan điểm, 8 nguyên tắc, 6 mối kết hợp"* trong huấn luyện, bảo đảm đúng nội dung, chương trình, thời gian kế hoạch luyện tập đi vào nền nếp. Đoàn chú trọng huấn luyện sát với thực tế chiến đấu trong điều kiện địa hình, thời tiết phức tạp, huấn luyện tại chỗ kết hợp với hành quân dã ngoại dài ngày. Hằng năm, 100% số đơn vị huấn luyện đạt khá giỏi, 30 lần tham gia hội thi, hội thao về huấn luyện của lực lượng

---

* Đại tá, Chỉ huy trưởng Đoàn H15

Digitized by Google

Tăng-Thiết giáp toàn quân đều xếp thứ hạng cao.

Là đơn vị quản lý, sử dụng một khối lượng lớn vũ khí, trang bị đã trải qua nhiều năm sử dụng, chất lượng đã bị xuống cấp, Đoàn H15 đã tập trung trí tuệ, công sức để sửa chữa, khắc phục, bảo đảm hệ số kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu, huấn luyện. Khu kho, khu để xe không ngừng được củng cố, nâng cấp theo hướng cơ bản, chính quy, thống nhất, gọn đẹp. Toàn bộ nhà có nền bê-tông kiên cố ; bảo đảm tốt hệ số kỹ thuật xe sẵn sàng chiến đấu, xe huấn luyện. Vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, kho xưởng được bảo quản tốt, an toàn tuyệt đối ; phát huy có hiệu quả phong trào cải tiến kỹ thuật, nhiều sáng kiến có giá trị sử dụng cao được áp dụng rộng rãi trong toàn Binh chủng. Đẩy mạnh cuộc vận động quản lý khai thác vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật tốt, bền, tiết kiệm và an toàn giao thông, Đoàn H15 đã đạt giải nhất hội thi kỹ thuật tốt trong toàn Binh chủng năm 2000 và 2002.

Công tác đảng, công tác chính trị luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, gắn liền với xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật và coi đây là yêu cầu khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Để tăng cường xây dựng chính quy, việc rèn luyện kỷ luật càng trở nên hết sức quan trọng đối với lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, đối với Đoàn H15 làm nhiệm vụ cơ động chiến lược của Bộ Quốc phòng, quản lý, sử dụng một khối lượng lớn vũ khí trang thiết bị kỹ thuật hiện đại nói riêng. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, đây là nội dung quan trọng góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống. Xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật thể hiện ở việc tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức, trình độ cho cán bộ chiến sỹ về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, điều lệnh của đơn vị, gắn với mục tiêu xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Các cấp chỉ huy đã lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đơn vị chính quy, rèn luyện kỷ luật bằng nhiều hình thức như đầu tư kinh phí, công sức tu sửa, nâng cấp nơi ăn, ở, sinh hoạt, học tập ; hoàn chỉnh hệ thống mẫu biểu, biển bảng, sổ sách ; xây dựng hoàn chỉnh quy chế lãnh đạo, kiểm tra, chấm điểm thi đua. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm chuyển biến tình hình kỷ luật, khắc phục những mặt yếu, khâu yếu trong giáo dục, quản lý, rèn luyện kỷ luật, nhất là ở một số đơn vị trọng điểm và một số vụ việc trọng điểm. Do đó, tỷ lệ vi phạm kỷ luật đã giảm đáng kể từ trên 1% xuống còn 0,2 - 0,4%. Nếp sống chính quy, lễ tiết tác phong quân nhân, nhất là trong giao tiếp, xưng hô, chào hỏi có nhiều chuyển biến tiến bộ. Các chế độ công tác, sinh hoạt, học tập, rèn luyện được thực hiện thống nhất từ cơ quan đến đơn vị, chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, tuần tra canh gác, thông tin liên lạc được duy trì nghiêm túc, bảo đảm an toàn trong đơn vị và khu vực đóng quân. Công tác quản lý vũ khí, trang bị, xe máy, cơ sở vật chất kỹ thuật hậu cần, tài chính từng bước đi vào chính quy, nền nếp, thống nhất. Công tác phòng gian, giữ bí mật, ngăn chặn có hiệu quả các biểu hiện tham ô, tham nhũng, trộm cắp tài sản của đơn vị.

Đảng ủy Đoàn H15 đặc biệt chú trọng công tác xây dựng các tổ chức đảng vững mạnh, quản lý rèn luyện đảng viên. Thường xuyên kiện toàn các chi bộ, nhất là các chi bộ đại đội chiến đấu có cấp ủy, gắn trách nhiệm của mỗi đảng viên với nhiệm vụ, chức trách được giao. Thực hiện cuộc vận động *"Xây dựng, chỉnh đốn Đảng"*, Đảng bộ Đoàn H15 có nhiều biện pháp xây dựng các tổ chức đảng ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ. Qua bình xét hằng năm, đảng viên loại 1 của năm sau đều cao hơn năm trước. Năm 2000, đảng viên loại 1 đạt 86,8%,

Digitized by Google

năm 2001 là 87,7%, năm 2002 là 94% ; tỷ lệ chi ủy, chi bộ trong sạch, vững mạnh đạt cao và ngày một vững chắc. Năm 2002, Đảng bộ có 95,65% chi bộ đạt trong sạch, vững mạnh, không còn chi bộ yếu. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng cả về số lượng và chất lượng. Năm 2000 kết nạp được 33 đảng viên, năm 2001 kết nạp 29 đảng viên, năm 2002 kết nạp 31 đảng viên. Hội đồng quân nhân hoạt động tốt, từng bước đi vào nền nếp, đúng quy chế, đúng mục đích tạo không khí dân chủ, đoàn kết thống nhất trong toàn cơ quan, đơn vị.

Song song với nhiệm vụ rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu, Đoàn H15 còn chú trọng xây dựng môi trường văn hóa và trở thành điểm sáng về xây dựng môi trường văn hóa trong toàn Binh chủng và địa bàn đóng quân. Xây dựng môi trường văn hóa trước hết là xây dựng hình ảnh người chiến sỹ mới, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, tận trung với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa, hết lòng phục vụ nhân dân, có lối sống trong sáng, lành mạnh, tích cực lao động, rèn luyện, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện sai trái và những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đảng ủy, chỉ huy Đoàn H15 còn quan tâm đến việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong các cơ quan, đơn vị ; quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới, giữa cán bộ với chiến sỹ, giữa đồng chí đồng đội với nhau, giữa cán bộ, chiến sỹ với nhân dân địa phương nơi đơn vị đóng quân. Xây dựng các thiết chế văn hóa nhằm không ngừng nâng cao, làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ. Trong những năm qua, các thiết chế văn hóa không ngừng được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động để phục vụ, đáp ứng nhu cầu về văn hóa tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ. Hệ thống phòng Hồ Chí Minh, thư viện, mạng truyền thanh nội bộ luôn phát huy tác dụng và có hiệu quả, chuyển tải kịp thời những thông tin cần thiết đến mọi cán bộ, chiến sỹ. Đặc biệt là trạm phát vô tuyến truyền hình được xây dựng từ năm 1995 đã đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội cho cán bộ, chiến sỹ ; đồng thời, qua đó cũng tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước tới cán bộ, đảng viên. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, sôi nổi nhằm tăng cường và nâng cao thể lực cũng như tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ bằng các hình thức đi tham quan, phát động các phong trào : *"Xây dựng chi đoàn văn hóa mới", "nhà xe thanh niên", "kíp xe kiểu mẫu"*... Việc tổ chức xây dựng doanh trại xanh, sạch, đẹp, nền nếp, chính quy, có cảnh quan môi trường phù hợp chính là tạo môi trường chính trị lành mạnh, là thành tích không nhỏ của cán bộ, chiến sỹ Đoàn H15 trong những năm qua. Một cơ ngơi khang trang, bề thế, sân chơi thể thao, thư viện, hội trường, phòng truyền thống, sân khấu trung tâm, bể bơi, công viên, vườn hoa... là tất cả quyết tâm, công sức của cán bộ chiến sỹ không quản ngại khó khăn, vất vả, ngày đêm lăn lộn để tạo dựng. Cán bộ, chiến sỹ Đoàn H15 đã phủ xanh khu vực doanh trại, nhất là trồng được hàng ngàn cây ăn quả các loại.

Ngoài ra, các cấp lãnh đạo, chỉ huy của Đoàn H15 còn rất chú trọng xây dựng mối đoàn kết quân dân, phối hợp với địa phương nơi đơn vị đóng quân xây dựng môi trường văn hóa gắn với phong trào *"toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*. Nhiều hoạt động giao lưu kết nghĩa được tổ chức để qua đó tuyên truyền cho nhân dân địa phương hiểu rõ các quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, thắt chặt mối quan hệ, hiểu biết, giúp đỡ lẫn nhau giữa quân và dân.

Công tác hậu cần bảo đảm đời sống cho cán bộ, chiến sĩ của Đoàn H15 luôn được các cấp chỉ huy quan tâm, có nhiều tiến bộ đáng kể. Công tác xây dựng cơ bản, phát triển cơ sở hạ tầng không ngừng được hoàn thiện. Khu tăng gia chăn nuôi của đơn vị được quy hoạch

Digitized by Google

gọn đẹp, thống nhất, chính quy. Phát triển mô hình kinh tế VAC gồm 6 vườn, 4 chuồng, 2 ao ; hằng năm thu hoạch từ 60 đến 70 tấn rau xanh các loại, 4 - 5 tấn thịt, 1,5 tấn cá, tự túc 10% rau xanh ; giá trị thu nhập từ tăng gia chăn nuôi đạt bình quân mỗi năm từ 220 đến 250 ngàn đồng/người. Bằng công sức của bộ đội trong các ngày nghỉ, giờ nghỉ cùng với sự chi viện của cấp trên, đến nay Đoàn H15 đã xây dựng nhà làm việc sở chỉ huy cao tầng, nhà ở bộ đội theo mẫu chính quy. Đoàn đã chủ động đưa nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt cho bộ đội, chấm dứt tình trạng thiếu nước do địa hình và thời tiết khí hậu khắc nghiệt.

Cán bộ chiến sỹ Đoàn H15 trong 30 năm qua đã liên tục phấn đấu không mệt mỏi giành nhiều thành tích to lớn trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong bảo vệ Tổ quốc và trong thời kỳ đổi mới nên đã được Đảng, Nhà nước, quân đội tặng thưởng 5 huân chương, 10 cờ thưởng thi đua, hàng trăm cờ thưởng và giấy khen trong các hội thao, hội thi do Bộ và Binh chủng phát động. Những thành tích đạt được là sự kết tinh quá trình phấn đấu, rèn luyện liên tục, không mệt mỏi của cán bộ, chiến sỹ Đoàn H15. Thành tích đó khẳng định bước trưởng thành vượt bậc, nhất là trong thời kỳ đổi mới của Đoàn H15. Qua đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau :

Thứ nhất, *tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cấp, phát huy trách nhiệm của người chỉ huy trong tổ chức thực hiện có kế hoạch khoa học, thống nhất và sức thuyết phục cao*

Nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, hiệu lực của người chỉ huy trong xây dựng chính quy, quản lý giáo dục và rèn luyện kỷ luật. Phải có chủ trương, biện pháp đúng, có khả năng dự báo tình hình để không bị bất ngờ, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan với đơn vị, với cấp ủy, chính quyền địa phương. Các cấp ủy đảng phải tập trung lãnh đạo các cơ quan, đơn vị để bảo đảm mọi hoạt động đi đúng đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh của quân đội. Chú trọng công tác giáo dục ý thức trách nhiệm quân nhân vì nó giữ vai trò định hướng, điều khiển hành vi . Nếu chỉ chú trọng đến biện pháp tổ chức hành chính mà coi nhẹ công tác giáo dục thì kết quả xây dựng đơn vị chính quy, rèn luyện kỷ luật không thật sự vững chắc. Trong hoạt động quân sự, người chỉ huy và đội ngũ cán bộ các cấp có vai trò quan trọng, mang tính quyết định đến hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Là người trực tiếp giáo dục, tổ chức, duy trì nền nếp, chế độ, quản lý của đơn vị nên yêu cầu người chỉ huy phải có kiến thức và năng lực toàn diện, có tác phong làm việc khoa học. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, ở đâu cán bộ chỉ huy có tác phong sâu sát, làm việc có kế hoạch thì ở đó đơn vị hoạt động có nền nếp, mọi quy định được thực hiện nghiêm chỉnh, bộ đội ít vi phạm kỷ luật. Ngược lại, người chỉ huy có tác phong tự do, tùy tiện, làm việc theo cảm tính, không có kế hoạch thì mọi hoạt động bị chồng chéo, hiệu lực chỉ huy bị hạn chế, mệnh lệnh không được chấp hành, hiệu quả công tác thấp.

Thứ hai, *kết hợp tốt công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ với các biện pháp hành chính, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, kết hợp giữa xây và chống*

Đội ngũ cán bộ, đảng viên là những người đầu tiên được quán triệt đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, điều lệnh của quân đội và trực tiếp quán triệt đến quần chúng. Chính vì vậy, trong mọi hoàn cảnh, với mọi nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải là người gương mẫu, tiên phong để quần chúng noi theo. Xây dựng đơn vị theo hướng chính quy, hiện đại đòi hỏi mỗi cán bộ, chiến sỹ phải thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, kịp thời phát hiện, sửa chữa, uốn nắn những sai sót, vi phạm trong quá trình thực hiện. Công tác cán bộ phải kết

Digitized by Google

hợp với công tác tổ chức, tạo nguồn, điều động, bổ nhiệm kịp thời, phù hợp với yêu cầu phát triển nhiệm vụ của đơn vị. Để giữ nghiêm kỷ luật quân đội, phải kết hợp chặt chẽ giữa công tác giáo dục, thuyết phục với áp dụng các biện pháp hành chính, tạo sự thống nhất và công bằng trong toàn đơn vị. Kết hợp giữa xây và chống, lấy xây dựng ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm làm chính, phối kết hợp chặt chẽ giữa đơn vị với địa phương và gia đình trong ngăn ngừa, phát hiện, uốn nắn những lệch lạc, kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân tiên tiến. Nghiêm khắc xử lý những cá nhân, tập thể cố tình vi phạm nội quy, điều lệnh của đơn vị.

Thứ ba, thường xuyên kiểm tra, tổ chức hội thao, hội thi, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm

Xây dựng quân đội trong thời bình, việc tổ chức kiểm tra, hội thao, hội thi là biện pháp quan trọng để đánh giá toàn diện kết quả huấn luyện, rèn luyện của bộ đội để rút kinh nghiệm cho thời gian tiếp theo. Kết quả của hội thao, hội thi đã góp phần đưa hoạt động của đơn vị vào nền nếp, thống nhất ; đồng thời, giúp cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp nắm chắc chất lượng hoạt động của đơn vị để có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm đánh giá đúng mặt mạnh cũng như mặt yếu của đơn vị. Quan trọng hơn là, rút ra được những kinh nghiệm hay, xây dựng được những tập thể, cá nhân tiên tiến, đưa mọi hoạt động của đơn vị thành phong trào thi đua sâu rộng.

Thứ tư, chú trọng đầu tư, bảo đảm cơ sở vật chất đúng, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi xây dựng đơn vị chính quy, từng bước hiện đại

Muốn xây dựng đơn vị có nền nếp, chính quy, kỷ luật nghiêm và an toàn thì một yếu tố rất quan trọng là phải được trang bị cơ sở vật chất đúng, đủ, thống nhất và đồng bộ. Thực tế cho thấy, nếu không được đầu tư đồng bộ, thống nhất rất khó xây dựng đơn vị chính quy, từng bước hiện đại.

*
* *

Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, bên cạnh những thuận lợi cơ bản còn có không ít khó khăn do tác động của nền kinh tế thị trường, thiên tai khắc nghiệt, các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp... là những yếu tố không thể không tính đến trong việc xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ. Xuất phát từ yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, để phấn đấu trở thành một lực lượng dự bị cơ động chiến lược sẵn sàng chiến đấu, Đoàn H15 xác định cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau đây :

1 - Nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của cấp ủy, tính tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên

Cấp ủy đảng phải quán triệt và thực hiện tốt nghị quyết của Binh chủng về nhiệm vụ xây dựng Đảng theo hướng : *"Phấn đấu chi bộ ở đại đội đủ quân, chi bộ có chi ủy, trung đội có tổ đảng, xe có đảng viên"*, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, hằng tháng, hằng quý có đánh giá ưu, khuyết điểm để kịp thời rút kinh nghiệm. Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, trình độ hiểu biết của cán bộ, chiến sỹ, phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Tổ chức nghiêm túc các đợt sinh hoạt, học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nội dung, chương trình giáo dục chính trị cho mọi đối tượng. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong đơn vị gắn chặt với các cuộc vận động lớn của Đảng và Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa

(Xem tiếp trang 59)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VỀ CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN LÊ *

I. Sự ra đời của ECGONOMIC**

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế tư bản, con người đã hiểu rõ có nhiều điều kiện sản xuất tác hại đến sức khỏe của công nhân. Ví dụ, khi máy móc sản xuất không phù hợp với các đặc điểm nhân chủng học dẫn đến tình trạng người công nhân chóng mệt mỏi và năng suất thấp ; hoặc, nếu công nhân không biết sử dụng tốt cơ thể của mình trong lao động sẽ tốn phí sức lao động và lao động kém hiệu quả. Người lao động có trạng thái tâm lý tốt sẽ chậm mệt mỏi và kiệt sức hơn nhờ sức chịu đựng tăng lên. Rõ ràng, tâm lý có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình lao động sản xuất. Trên cơ sở đó, một môn khoa học mới được hình thành - đó là ECGONOMIC.

Vậy ECGONOMIC là gì ? Một số nhà khoa học định nghĩa : *ECGONOMIC là tập hợp những kiến thức khoa học về con người trong lao động. Đó là những kiến thức cần thiết để thiết kế, sản xuất công cụ máy móc, thiết bị và bố trí địa điểm làm việc sao cho con người có thể sử dụng chúng một cách tiện lợi, an toàn, có hiệu quả.*

ECGONOMIC dựa chủ yếu vào 2 môn khoa học : sinh lý lao động và tâm lý lao động. Tuy vậy, từ sau khi ra đời (1949), ECGONOMIC ngày càng mở rộng nghiên cứu sang các lĩnh vực khoa học khác như sinh trắc học, sinh hóa học, cơ sinh học, tâm lý xã hội, xã hội học.

2. Nội dung nghiên cứu của ECGONOMIC

a. Mối quan hệ giữa người và máy. Máy móc, công cụ phải được thiết kế sao cho phù hợp với những đặc điểm về kích thước hình thái học của con người. Đồng thời, con người phải luyện các thao tác hợp lý khi sử dụng máy móc, công cụ nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và sử dụng hợp lý năng lượng thần kinh cũng như cơ bắp của mình. Qua nghiên cứu của các nhà sinh lý học và các nhà khoa học về ECGONOMIC cho thấy, lao động vô ích do thiếu hiểu biết và kinh nghiệm trung bình làm lãng phí một phần ba năng lượng, gây ra sự mệt mỏi không đáng có về thể xác và hệ thần kinh. Nếu chúng ta phân tích rõ các động tác có ích, động tác thừa, xác định tốc độ thích hợp nhất của động tác... thì có thể tiết kiệm được một phần lớn năng lượng cơ - thần kinh hao phí.

---

* GS.TS

** Tiếng Anh là ERGONOMICS, tiếng Pháp là ERGONOMIE

Digitized by Google

b. Mối quan hệ giữa con người với các điều kiện lao động. Việc cải thiện điều kiện làm việc không chỉ có ý nghĩa nhân văn mà còn mang ý nghĩa kinh tế. Nhiều nghiên cứu cho thấy : điều kiện làm việc ảnh hưởng rất lớn đến năng suất lao động. Ví dụ : đối với người thợ bình thường, khi nhiệt độ không khí tăng lên từ 26°C lên 30°C, năng suất lao động có thể giảm đi 28%, với nhiệt độ 32°C - 33°C, thì năng suất có thể bị giảm đột ngột tới 50% ; ánh sáng và màu sắc được sử dụng hài hòa góp phần làm tăng năng suất từ 5 -20%. Trong khi đó, đối với người lao động trí óc, khi mức độ tiếng ồn tăng từ 75 - 85 đê-xi-ben, năng suất sẽ giảm 15% ; tăng từ 85-95 đê-xi-ben, thì cứ tăng 5 đê-xi-ben, năng suất sẽ giảm đi bằng ấy phần trăm. Theo các công trình nghiên cứu ở Ô-xtrây-li-a, tiếng ồn quá mức còn có thể rút ngắn đời sống của người công nhân từ 8 - 12 năm.

Một nghiên cứu khác trong ngành giao thông, ở nhiệt độ 18°C, những người lái xe không thu nhận được 3% số tín hiệu phát ở hai bên đường. Khi nhiệt độ buồng lái tăng lên tới 36°C thì người lái không thu nhận được từ 17 đến 35% số tín hiệu. Đây chính là một trong những nguyên nhân gây tai nạn ở người lái xe, lái tàu. Phân tích 81 000 vụ tai nạn khai báo tại công ty bảo hiểm Mỹ, có tới 23,8% số vụ do thiếu ánh sáng ở nơi làm việc gây ra.

Rõ ràng, điều kiện lao động ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe, hiệu quả và an toàn lao động. Việc cải thiện điều kiện lao động sẽ làm giảm những chi phí không đáng có. Có phân tích cho rằng, tại một xí nghiệp có 1 000 thợ, nếu cải thiện sự chiếu sáng nơi làm việc có thể làm cho xí nghiệp tiêu tốn 5 000 USD ; song sẽ giảm được 255 vụ tai nạn và số tiền trợ cấp giảm được 9 000 USD. Tuy nhiên, nhận thức được điều đó còn tùy thuộc vào trình độ phân tích khoa học và hiểu biết thực tiễn của mỗi người. Nếu trình độ hiểu biết cao, người ta sẽ quan tâm đúng mức tới các biện pháp tổ chức lao động một cách khoa học. Ngược lại, nếu không nhận thức rõ thì người ta sẽ xem thường các điều kiện sản xuất. Khoa học ECGONOMIC nhằm mục đích tạo ra môi trường lao động hằng ngày có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe của người lao động, làm cho họ yêu đời, mong muốn làm việc và đạt hiệu quả lao động cao hơn.

c. Mối quan hệ giữa các bộ phận trong dây chuyền sản xuất. ECGONOMIC còn nghiên cứu việc tổ chức mặt bằng sản xuất sao cho khoảng cách giữa người và người, máy và máy được hợp lý nhất và tương ứng với quy trình công nghệ. Ở đây, người ta thường áp dụng phương pháp xây dựng sơ đồ, các quỹ đạo luân chuyển, sử dụng các ma trận để phân tích và tối ưu hóa các mối quan hệ vận hành và quan hệ thông tin trong tổ chức và quản lý sản xuất.

d. Mối quan hệ giữa người và người trong sản xuất. Các nhà xã hội học đã chứng minh rằng, trong nhiều trường hợp, mặc dù điều kiện sản xuất tồi đi, nhưng năng suất lao động vẫn không bị giảm là do xây dựng được mối quan hệ tốt giữa người và người trong sản xuất. Do vậy, người ta đã phê phán cách chia nhỏ công việc thành nhiều động tác và chuyên môn hóa công nhân theo những động tác của Tay-lo - ông tổ của phương pháp chia nhỏ sản xuất dây chuyền ; bởi nó sẽ làm cho công việc trở nên đơn điệu, buồn chán, con người mất khả năng độc lập, sáng tạo trong công việc. Lao động đơn điệu và buồn chán sẽ làm cho các tế bào

Digitized by Google

thần kinh chóng hao kiệt và làm cho con người mau già.

Người Nhật Bản được ca ngợi vì trong khi học hỏi phương Tây về nhiều mặt, họ đã tự xây dựng cho mình "chiến lược con người". Điểm mấu chốt của chiến lược là tôn trọng con người, xây dựng các quan hệ hợp tác thân thiện, phát huy tối đa tính sáng tạo của công nhân trong các "nhóm chất lượng", tức là những nhóm người luôn xung kích trong việc phát huy sáng kiến để cải tiến chất lượng sản phẩm. Nhờ vậy, theo số liệu (năm 1982) của Le-ben, nhà nghiên cứu người Áo, nếu tính trung bình cho 100 người đi làm, Nhật Bản là nước đứng đầu về có số lượng sáng kiến, sáng chế, Cộng hòa liên bang Đức đứng thứ hai và Thụy sĩ đứng thứ ba.

Do đó, để nâng cao chất lượng quan hệ giữa người và người, nhất là giữa cán bộ quản lý và công nhân, các nhà xã hội học lao động đã xây dựng phương pháp tìm ra những nhóm người tương hợp trong sản xuất, phương pháp lựa chọn cán bộ quản lý theo nhiều tiêu chuẩn, "phương pháp ma trận giao" (méthode des matrices conjugues) và các quy tắc khoa học về ứng xử xã hội trong tập thể những người lao động.

Tóm lại, ECGONOMIC là lĩnh vực kinh tế tri thức cần thiết. Các nhà quản lý sản xuất cần nắm vững và tuân thủ nghiêm ngặt những yêu cầu về vệ sinh an toàn cho sức khỏe người lao động. Đồng thời, những kiến thức hợp lý hóa các thao tác sản xuất, ứng xử xã hội hợp lý cũng rất cần thiết cho các trường lớp đào tạo nghề. Một thái độ đúng đắn đối với khoa học ECGONOMIC sẽ góp phần tích cực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ta.❑

ĐOÀN H 15...

(Tiếp theo trang 56)

các biểu hiện vi phạm kỷ luật, đồng thời làm tốt công tác biểu dương, khen thưởng.

2 - Phát huy vai trò của tổ chức, chỉ huy trong tổ chức xây dựng đơn vị chính quy, từng bước hiện đại

Trong những năm tới, cán bộ nhất là ở cơ sở phải thường xuyên kiện toàn đủ số lượng, kết hợp đào tạo với luân chuyển để nâng cao năng lực toàn diện của cán bộ. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chỉ huy có bản lĩnh chính trị vững vàng, có chuyên môn nghiệp vụ cao, có tác phong sâu sát, chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tình yêu thương, chia sẻ với chiến sỹ. Cán bộ chỉ huy phải gương mẫu để quần chúng noi theo, cấp trên phải làm gương cho cấp dưới, đưa sinh hoạt tự phê bình và phê bình vào nền nếp, thường xuyên.

3 - Thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò tổ chức quần chúng mà nòng cốt là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Xây dựng đơn vị chính quy, rèn luyện kỷ luật là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của H15. Chính vì vậy, mọi cán bộ, chiến sỹ phải được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra. Nâng cao hơn nữa vai trò, chất lượng sinh hoạt của Hội đồng quân nhân, tham gia bàn bạc, kiến nghị với cấp chỉ huy, đồng thời khắc phục tính áp đặt, quan liêu của cấp trên, giải quyết kịp thời những băn khoăn, vướng mắc của cán bộ, chiến sỹ ; xây dựng và giữ gìn tình đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được cấp trên giao phó ; tạo điều kiện cho các tổ chức quần chúng hoạt động, lấy Đoàn Thanh niên làm lực lượng xung kích ; xây dựng chương trình hoạt động phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị, tham gia tích cực phong trào : *"Tuổi trẻ Tăng-Thiết giáp mẫu mực xây dựng chính quy"* là những việc cần làm ngay của Đoàn H15. ❑

Digitized by Google

Những nét chủ yếu của thế giới NĂM 2002

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

NĂM thứ hai của thế kỷ XXI trôi qua trong bộn bề bao sự kiện, phản ánh sự biến động phức tạp của thế giới đương đại. Tuy nhiên, có thể nhận diện khá rõ những nét chủ yếu của bức tranh toàn cảnh thế giới năm 2002 qua một số diễn biến nổi bật trong nhịp sống chính trị, an ninh và kinh tế toàn cầu.

1. Xét trên phương diện an ninh và chính trị, ấn tượng bao trùm nhất của thế giới năm 2002 là sự tiếp tục những nỗ lực quốc tế nhằm ngăn chặn chủ nghĩa khủng bố và đồng thời chống lại những mưu toan lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố để áp đặt, thao túng thế giới của các thế lực đế quốc bá quyền và hiếu chiến. Khủng bố và chống khủng bố luôn là chủ đề không thể thiếu trong chương trình nghị sự của hầu như tất cả các diễn đàn quốc tế song phương và đa phương chủ yếu trong năm qua. Tuy nhiên, nền hòa bình và an ninh thế giới cùng với nhiều chuẩn mực sinh hoạt quốc tế vẫn đang đứng trước những thử thách lớn lao, đầy bất trắc, nhất là từ khi Mỹ liên tiếp đưa ra và thực thi quan điểm an ninh mới. Lần đầu tiên trong Thông điệp Liên bang ngày 29-1-2002, G.W. Bu-sơ đã lập luận rằng cuộc chiến chống khủng bố không thể thắng bằng phòng ngự mà phải đưa chiến trường tới lãnh thổ đối phương để loại trừ mối đe dọa trước khi chúng xuất hiện. Lập luận này đặt nền móng cho nguyên tắc chỉ đạo cốt yếu nhất của chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ được công bố ngày 20-9-2002. Theo đó, Mỹ tự cho mình quyền đánh đòn phủ đầu, kể cả việc sử dụng vũ khí hạt nhân, bất kể đối tượng phải hứng chịu đòn phủ đầu đó là ai.

Mối đe dọa đối với sự ổn định chiến lược toàn cầu cũng càng trở nên rõ ràng hơn với việc ngày 17-12-2002, G.W. Bu-sơ tuyên bố bắt đầu triển khai các tên lửa đánh chặn đầu tiên trong hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) vào năm 2004. Như vậy, với chiến lược an ninh quốc gia mới, chính quyền Mỹ đã vứt bỏ nguyên tắc phòng thủ thông thường vốn chi phối mối quan hệ giữa các quốc gia hơn nửa thế kỷ qua. Nó đẩy an ninh toàn cầu tới ranh giới nguy hiểm nhất và thực sự phủ một đám mây đen u ám lên những nỗ lực quốc tế trong việc kiến tạo nền hòa bình thời kỳ sau "chiến tranh lạnh".

Mặc dù Mỹ, với lợi thế nổi trội trên nhiều lĩnh vực, đã đạt được sự nhượng bộ nhất định của các nước lớn chủ chốt là Nga, Trung Quốc cùng Nhật Bản và các đồng minh thân cận ở Tây Âu, nhất là việc thông qua Nghị quyết 1441 của Liên hợp quốc (LHQ) về I-rắc, nhưng cách thức chống khủng bố theo kiểu Mỹ rõ ràng đang gây sự lo ngại, bất bình của không ít chính giới. Thực tế năm qua cho thấy, nạn khủng bố không những không bị

* TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

ngăn chặn mà có nguy cơ lan rộng khắp hành tinh. Năm 2002, các vụ khủng bố đẫm máu tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi làm hàng trăm người thiệt mạng, điển hình nhất là vụ đánh bom tàn khốc ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) ngày 12-10-2002, vụ bắt cóc con tin ở Mát-xcơ-va ngày 23-10-2002, vụ tấn công với quy mô lớn một bệnh viện ở Mom-ba-sa (Kê-ni-a) ngày 28-11-2002... Bởi vậy, ngày càng có thêm nhiều tiếng nói mạnh mẽ, khẳng định chống khủng bố nhất thiết phải dựa trên những chuẩn mực và nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế, phải dựa vào sự hợp tác chứ không phải chỉ dựa vào riêng một quốc gia nào và lại càng không thể lợi dụng chống khủng bố để thực hiện những toan tính riêng, chà đạp lên quyền lợi và lợi ích chính đáng của các quốc gia độc lập có chủ quyền.

Cùng với những bóng đen u ám của nạn khủng bố và những mưu đồ lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, năm 2002 nhân loại tiến bộ cũng không khỏi quan ngại trước sự trỗi dậy của các lực lượng cực hữu với tư tưởng phục thù tại một số nước châu Âu. Lần đầu tiên sau chiến tranh thế giới II, đại diện của lực lượng này đã đặt "một bàn chân" vào thể chế quyền lực của nước Pháp, mà trước đó ở Áo, thủ lĩnh cực hữu đã trở thành thủ tướng. Hiện tượng chính trị nghịch cảnh đó trong thời hiện đại là lời cảnh báo nghiêm khắc cho thái độ thờ ơ chính trị của không ít công dân và sự thiếu trách nhiệm của hàng ngũ chính khách đối với vận mệnh đất nước.

Thế gới năm 2002 còn chứng kiến thêm những chuyển biến rõ nét trong cục diện chiến lược toàn cầu. Hội nghị Thượng đỉnh của Hiệp ước Bắc Đại Tây dương (NATO) diễn ra tại Pra-ha, tháng 11-2002, đánh dấu sự chuyển hướng của NATO từ chiến lược phòng thủ tập thể sang việc tham gia linh hoạt hơn trong các chiến dịch quân sự trên thế giới. Đặc biệt, NATO quyết định cho 7 nước (E-xtô-ni-a, Lát-vi-a, Lít-va, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Xlô-va-ki-a và Xlô-ve-ni-a) bắt đầu tiến trình gia nhập NATO. Nếu "thuận buồm xuôi gió", các nước này sẽ chính thức trở thành thành viên NATO vào năm 2004, nâng tổng số thành viên của NATO từ 19 lên 26 nước.

Tuy nhiên, đằng sau những lời tán dương của các nhà lãnh đạo NATO về thành công của Hội nghị, người ta vẫn thấy Liên minh này bộc lộ không ít những vấn đề nan giải. Trước hết, đó là khoảng cách kỹ thuật quân sự giữa Mỹ và các nước thành viên châu Âu của NATO, khiến cho trong tương lai, quân đội NATO khó có thể thực hành tác chiến chung, và như vậy khái niệm phòng thủ tập thể của NATO sẽ bị lu mờ. Bên cạnh đó, bất đồng trong quan hệ giữa Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) có chiều hướng gay gắt. Các nước châu Âu ngày càng muốn độc lập hơn với Mỹ về mặt quân sự và quốc phòng, giảm bớt vai trò của NATO trên phần đất của châu Âu. Pháp và Đức - hai trụ cột của EU đang vận động cho một chính sách an ninh chung, mà bước đầu tiên là thành lập một lực lượng quân sự của riêng châu lục.

Thêm vào đó, EU cũng tiến được một bước chưa từng thấy trong quá trình nhất thể hóa châu lục bằng quyết định mở rộng tổ chức, kết nạp thêm 10 thành viên mới vào năm 2004. Với bước đi táo bạo này, lược đồ địa - chính trị châu Âu sẽ thay đổi diện mạo một cách cơ bản. EU sẽ trở thành một khối thống nhất bao gồm 25 nước và là thị trường lớn thứ hai thế giới. Đương nhiên, EU mở rộng trong quy mô mới chắc chắn cũng sẽ đối mặt với không ít khó khăn mà trước hết là việc khắc phục khoảng cách chênh lệch trong trình độ phát triển của các nước thành viên.

Việc mở rộng biên giới của EU và NATO đã không làm Nga phải lo lắng như trước. Nhiều nhà phân tích cho rằng, phản ứng của Nga như vậy là vì họ bất khả kháng trong việc ngăn cản xu hướng hòa nhập khu vực. Nhưng, ngược lại cũng không ít quan điểm khẳng định rằng, Nga đã đủ tự tin để không phải lo ngại về vấn đề này. Thực tế năm qua cho thấy, dưới sự chèo lái của Tổng thống V. Pu-tin, nước Nga đã từng bước giành lại vị thế trên

Digitized by Google

trường quốc tế. Nga trở thành thành viên đầy đủ của G8 khi tham dự Hội nghị thượng đỉnh của nhóm này tại Ca-na-đa (tháng 6-2002). Nga cũng có chân trong Hội đồng Nga - NATO và cơ chế 19 + 1. Đồng thời, Nga cũng có tiếng nói quan trọng trong các vấn đề an ninh quốc tế và vai trò không thể thiếu trong cuộc chiến chống khủng bố năm qua.

Trong năm 2002, các điểm nóng xung đột chủ yếu của thế giới vẫn diễn biến phức tạp khiến cho hy vọng về một nền hòa bình bền vững trên toàn hành tinh khó thành hiện thực. Tình hình trên bán đảo Triều Tiên càng về cuối năm càng tăng thêm độ nóng bởi tuyên bố bất ngờ của của CHDCND Triều Tiên tiếp tục theo đuổi chương trình hạt nhân của mình. Tuyên bố này làm cho quan hệ khu vực và quốc tế trở nên sôi động. Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đều phải điều chỉnh lại cách nhìn nhận của mình đối với các hoạt động khu vực nhằm đảm bảo an ninh trên bán đảo Triều Tiên nhiều bất trắc.

Cũng tại châu Á, cuộc xung đột giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan trong năm qua đã không dưới một lần đặt hai nước bên bờ vực của chiến tranh. Tháng 5-2002, hai bên xung đột đã huy động gần một triệu quân dọc tuyến biên giới chung, đồng thời đe dọa sử dụng cả vũ khí hạt nhân trong trường hợp nổ ra chiến tranh. Tình hình đó buộc những nước có lợi ích trong khu vực, nhất là các nước lớn đã phải nhanh chóng vào cuộc. Tuy chiến tranh không nổ ra nhưng nguy cơ vẫn còn, chừng nào vấn đề Ca-sơ-mia chưa được giải quyết ổn thỏa.

Vòng xoáy bạo lực ở Trung Đông vẫn không hề giảm cường độ trong sự quan tâm của cộng đồng khu vực và quốc tế. Nếu tính từ cuộc xung đột quy mô lớn năm 1967 trở lại đây, thì năm qua là năm khó khăn nhất trong cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin giành lại những phần đất bị I-xra-en chiếm đóng. Đây cũng là giai đoạn khó khăn nhất của chính quyền nhà nước Pa-le-xtin khi tổng thống Y. A-ra-phát gần như bị vô hiệu hóa trước sự kìm hãm của I-xra-en và sự gia tăng các vụ bạo lực của lực lượng hồi giáo cực đoan. Các thỏa thuận quốc tế về tiến trình hòa bình Trung Đông từ trước đến nay bị đổ vỡ đều bởi hành động hiếu chiến của I-xra-en và thái độ dung túng của Mỹ.

Ngoài ba điểm nóng chủ yếu nêu trên, bạo động và xung đột còn nổ ra ở nhiều khu vực khác trên thế giới. Tại Mỹ La-tinh, làn sóng bạo lực nổi lên ở Ác-hen-ti-na và Bra-xin, đảo chính không thành ở Vê-nê-xu-ê-la, nội chiến dai dẳng ở Cô-lôm-bi-a, bạo động đẫm máu ở Pê-ru, xung đột chính trị ở Ê-cu-a-đo, Pa-ra-goay... Tình hình cũng trở nên bất ổn ở Nê-pan, khi các du kích quân quay trở lại hoạt động chống chính phủ khá quyết liệt.

Tuy nhiên, năm 2002 cũng ghi nhận những chuyển biến tích cực tại nhiều điểm nóng xung đột dữ dội trước đây. Tại châu Phi, các điểm nóng Bu-run-đi, Xô-ma-li, Ma-đa-ga-xca đã có giải pháp. Tình hình chính trị ở nhiều nước được cải thiện. Ngày 8-7-2002 nguyên thủ và đại diện của 53 nước thuộc Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) đã ký văn bản chính thức khai sinh Liên minh châu Phi (AU) thay thế OAU, đánh dấu mốc quan trọng trong đời sống toàn châu lục, tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển hợp tác của châu Phi với các khu vực khác. Tuy còn phải đối diện với nạn đói nghèo và lạc hậu, song năm 2002 là một năm khá tốt lành đối với châu lục đen.

Tại Xri Lan-ca, lực lượng "Những con hổ giải phóng Ta-min" và Chính phủ đã đạt được thỏa thuận mở ra triển vọng kết thúc cuộc nội chiến kéo dài hai thập niên làm 64 nghìn người thiệt mạng. Hiệp định hòa bình giữa chính phủ In-đô-nê-xi-a và tổ chức ly khai A-chê tự do cũng đặt nền móng cho cơ hội chấm dứt cuộc xung đột vũ trang kéo dài trong suốt 26 năm. Đây thực sự là những mảng sáng hiếm hoi trong bối cảnh quốc tế đang bị bao trùm bởi nguy cơ một cuộc chiến mới ở Trung Đông và vùng Vịnh.

Digitized by Google

2. Trên bình diện kinh tế, bức tranh toàn cảnh thế giới năm qua không mấy sáng sủa. Sau sự kiện 11-9-2001, nền kinh tế thế giới hồi phục chậm chạp và chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn, trái với những dự báo lạc quan của những nhà phân tích quốc tế đưa ra hồi đầu năm. Báo cáo của Ngân hàng thế giới (WB), ngày 11-12-2002, về "Kinh tế toàn cầu và triển vọng của các nước đang phát triển năm 2003" cho biết, năm 2002, tăng trưởng kinh tế thế giới chỉ đạt khoảng 1,7%, tổng giá trị thương mại toàn cầu tăng khoảng 4,5%. Theo WB, tình trạng trì trệ trong phát triển kinh tế thế giới năm qua trước hết là do sự không ổn định về tài chính ở 3 trung tâm phát triển hàng đầu thế giới là Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản. Bên cạnh đó, dòng vốn đầu tư vào các nước đang phát triển bị giảm sút mạnh và nguy cơ đe dọa nổ ra cuộc chiến mới ở vùng Vịnh. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) trong báo cáo "Ổn định tài chính toàn cầu" (12-12-2002) lại cảnh báo về sự suy giảm lòng tin của các nhà đầu tư đối với kinh tế toàn cầu, họ không muốn đầu tư mạo hiểm vào các công ty và những nước nợ nhiều. Toàn bộ tình hình nêu trên đã khiến cho quá trình hồi phục kinh tế thế giới trở nên trắc trở, không diễn ra như mong đợi.

Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chính quyền Mỹ đã thông qua và thực thi các chính sách hỗ trợ cần thiết như giảm lãi suất và thuế. Cục dự trữ Liên bang (FED) ngày 06-11-2002 đã hạ lãi suất cơ bản từ 1,75% xuống còn 1,25% ; cùng với việc chính phủ xúc tiến một phần chương trình cắt giảm 1,3 nghìn tỉ USD tiền thuế trong vòng 10 năm được thông qua năm 2001. Tuy nhiên, những phương thuốc kể trên vẫn tỏ ra chưa đủ mạnh để cắt được dứt điểm cơn bệnh trầm kha của kinh tế Mỹ. Theo đánh giá của WB, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm 2002 chỉ đạt 2,3%.

Cùng với sự gian nan của kinh tế Mỹ, các nền kinh tế lớn nhất thế giới thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cũng vừa trải qua một năm lận đận với tỷ lệ tăng trưởng chỉ đạt mức 1,5%, trong khi mức lạm phát là 2,3% và tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao 6,8%. Mặc cho đầu năm 2002 đồng ơ-rô được chính thức lưu hành và càng về cuối năm giá trị càng tăng cao so với đồng USD, nhưng kinh tế của EU vẫn tiếp tục ảm đạm, chỉ đạt tỷ lệ tăng xấp xỉ 1%. Hai nền kinh tế hàng đầu của khu vực này là Đức và Pháp vẫn đang trong tình trạng lao đao. Tăng trưởng kinh tế của Đức không vượt qua mức 0,7%. Pháp cũng chỉ đạt mức tăng trưởng 1% .

Các nhà phân tích cho rằng, nếu chính phủ các nước thuộc EU không tiến hành cải cách mạnh mẽ cơ cấu nền kinh tế, thị trường lao động cũng như giảm các khoản trợ cấp của nhà nước... thì EU khó có thể đạt mức tăng trưởng 1,8% năm 2003 như mục tiêu đã đề ra.

Là cường quốc kinh tế lớn thứ hai thế giới, nhưng Nhật Bản trong năm 2002, vẫn không tạo dựng được bước bứt phá đáng kể nào nhằm khắc phục sự suy thoái và thất thường trong phát triển kinh tế. GDP của nước này giảm 0,7%. Tình trạng thiểu phát tại Nhật vẫn chưa kết thúc, giá cả giảm 1% trong cả năm vừa qua. Những bất ổn của nền kinh tế Nhật Bản đã buộc chính phủ của Thủ tướng J. Côi-dư-mi đẩy mạnh các chương trình tái cơ cấu kinh tế, cải tổ ngân hàng nhằm khắc phục những khó khăn kinh tế hiện nay.

Trong khi kinh tế của hầu hết các nước phát triển Tây Âu lâm vào tình trạng khó khăn, thì kinh tế khu vực Đông Âu lại vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá khoảng gần 4%. Ủy ban kinh tế Châu Âu của LHQ đưa ra số liệu về mức tăng trưởng của các nước vùng Ban Tích là 5%. Đây là tiểu vùng có sự tăng trưởng kinh tế cao nhất trong số các nước có nền kinh tế chuyển đổi. Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) có mức tăng trưởng đạt 4,5%. Kinh tế Nga tiếp tục khởi sắc và đạt mức tăng trưởng 4% chủ yếu do sự phục hồi về nhu cầu trong nước và giá dầu mỏ trên thế giới tăng. Năm 2002 là năm bản lề trong kế hoạch đạt "sự ổn định, hoàn chỉnh về mặt tài chính" của Liên bang Nga. Chỉ số lạm phát cả năm giảm xuống

Digitized by Google

mức 14% so với 18,6% năm 2001, thu nhập thực tế của người dân tăng 7%.

Do tốc độ đổi mới công nghệ nhanh hơn và đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế nên khu vực châu Á - Thái Bình Dương (trừ Nhật Bản) vẫn là một khu vực phát triển kinh tế năng động nhất của thế giới. Tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển ở châu Á đạt 5,6% năm 2002. Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đưa ra nhận định rằng, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam và Ấn Độ là những nước có mức tăng trưởng kinh tế khả quan nhất trong khu vực.

Sau một năm chính thức gia nhập WTO, Trung Quốc đã đạt nhiều thành tựu quan trọng trên con đường hội nhập khu vực và quốc tế. Năm 2002, Trung Quốc đã vượt Mỹ về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng số vốn theo hợp đồng đạt mức kỷ lục hơn 50 tỉ USD, trở thành nước thu hút FDI lớn nhất thế giới hiện nay. Năm 2002, tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt trên 7%, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới với quy mô 1 160 tỉ USD.

Các nước Đông Nam Á đạt tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình là 4,2%, trong đó Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao nhất, hơn 7%, Ma-lai-xi-a đạt mức tăng trưởng 5%, Phi-lip-pin : 3,7%, Thái Lan : 3,6%, In-đô-nê-xi-a : 3%, Lào và Cam-pu-chia : 4%. Riêng Xin-ga-po tăng trưởng kinh tế năm qua chỉ đạt 2,4%, tỷ lệ thất nghiệp tăng đến 4,8%.

Khu vực Nam Á đạt tỷ lệ tăng trưởng 4,2%. Ấn Độ với nền kinh tế chiếm 85% giá trị sản lượng kinh tế khu vực và vẫn là nước đứng đầu các nước đang phát triển châu Á về phát triển công nghệ phần mềm với doanh thu đạt trên 11 tỉ USD năm 2002, đạt mức tăng trưởng gần 4%, Pa-ki-xtan : 4,5%, Nê-pan : 2,8%, Xri Lan-ca : 4,3%.

Châu Phi và khu vực Trung Cận Đông năm qua đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 4,5%. Các nước châu Phi tuy còn phải đối diện với nhiều vấn đề chính trị - xã hội phức tạp, nhưng cũng đã đạt được những bước tiến nhất định trong việc giảm tỷ lệ đói, nghèo xuống 9% so với năm 2001 nhờ sự trợ giúp của quốc tế và nỗ lực phát triển chương trình lương thực. Tỷ lệ GDP của các nước khu vực Trung Cận Đông tăng khá. I-ran, Xi-ry, A-rập Xê-út đạt mức tăng tương ứng là 4,5%, 4,7% và 5%. Riêng kinh tế I-xra-en tiếp tục bị suy thoái và chỉ đạt mức tăng 1,6%, số người thất nghiệp lên đến trên 10%. Kinh tế Pa-le-xtin bị tàn phá tiêu điều bởi sự gia tăng của vòng xoáy bạo lực ở Trung Đông.

Trong bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2002, kinh tế Mỹ La-tinh có nhiều khoảng tối nhất. Những tác động tiêu cực của việc áp đặt chủ nghĩa tự do mới về kinh tế, những bất ổn chính trị ở Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Pê-ru, Ê-cu-a-đo, Pa-ra-goay đã kìm hãm tiến trình phát triển kinh tế ở khu vực này. Bra-xin, nền kinh tế lớn nhất Nam Mỹ và đã từng đứng thứ 9 trên thế giới, hiện nợ nước ngoài 250 tỉ USD. Đồng tiền trong nước tiếp tục mất giá, giá cả biến động bất thường nên tỷ lệ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 1,8% so với mức 2,1% của năm 2001. Kinh tế Ác-hen-ti-na tiếp tục xuống dốc, sở hữu tài sản quốc gia giảm 14%, hơn một nửa dân số của nước này sống dưới mức nghèo khổ, kinh tế tăng trưởng ở mức âm 2%. Kinh tế Chi-lê tuy không bị khủng hoảng nhưng giảm mức tăng trưởng chỉ còn 3% so với mức 7% của năm 2001. Theo đánh giá của Ủy ban Kinh tế LHQ về khu vực Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê, tăng trưởng bình quân của toàn khu vực chỉ đạt mức 0,9% năm 2002, so với mức dự kiến 1,4% ở đầu năm.

Những chuyển động đan xen phức tạp của thế giới năm 2002 trên những bình diện chủ yếu nêu trên cho thấy, bên cạnh nhiều bước tiến quan trọng, thế giới vẫn còn đứng trước hàng loạt những vấn đề nan giải không dễ giải quyết trong một sớm một chiều. Những khoảng tối của bức tranh thế giới năm qua về an ninh chính trị và kinh tế đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác hơn nữa của tất cả các dân tộc trên con đường đi tới hòa bình, ổn định và phồn vinh.❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN IALY

IALY HYDRO POWER PLANT (IHPP)

ĐC : XÃ IALY, HUYỆN CHƯPĂH, TỈNH GIA LAI * ĐT: (84.59) 845 467, 845 479 * FAX: (84.59) 845 470



Gian máy ngầm của Nhà máy

GĐ Nhà máy: Kỹ sư HUỲNH NỞ

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY

* Tổng công suất lắp đặt : 720 kW
* Số tổ máy : 4
* Điện năng trung bình nhiều năm : 3,68 tỷ kWh
* Ngày khởi công công trình chính: 04-11-1993
* Ngày khánh thành Nhà máy : 27-4-2002

Tính đến hết năm 2002 Nhà máy đã sản xuất được 7.500.000.000 kWh điện



Tuyến áp lực Nhà máy Thủy điện Ialy

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY

- Quản lý, vận hành và sản xuất điện năng.
- Sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp các thiết bị và công trình của Nhà máy.
- Nhà máy có đủ năng lực sửa chữa, thí nghiệm và gia công cơ khí cho các đơn vị có nhu cầu.

Sản lượng điện năm 2002 : 3,6 tỷ kWh, đạt 109 % kế hoạch và đã hoàn thành các chỉ tiêu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam giao.

- Nhà máy có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất làm lợi hàng trăm tỉ đồng cho Nhà nước.
- Đã phối hợp tốt với công an hai tỉnh Gia Lai và Kon tum bảo vệ Nhà máy an toàn, an ninh trật tự xã hội ổn định.
- Nhà máy luôn coi trọng công tác phát triển đảng viên, công tác giáo dục chính trị, pháp luật cho từng CBCNV
- Đã thiết lập mối quan hệ thường xuyên, hiệu quả với chính quyền và đồng bào các dân tộc địa phương. Thường xuyên thăm hỏi các gia đình chính sách và thiếu niên nhi đồng khu vực Nhà máy đứng chân.



Lớp quán triệt Nghị quyết TW 6

Digitized by Google

CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

ISO9001:2000

ĐC: 76 An Dương - Tây Hồ - Hà Nội * ĐT: (04).8 293 847 - 8 292 974 * Fax: (04).8 292 391 * E-mail: hancic@hn.vnn.vn * Website: http: //www.hancic.com



GIÁM ĐỐC: ĐÀO TIẾN DŨNG

Thực hiện chương trình đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và Thành phố, ngày 16-05-1997, Công ty Đầu tư Xây dựng Hà Nội được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai công ty : Công ty Xây lắp Điện Hà Nội và Công ty Vật liệu và Xây dựng Hà Nội.Trải qua 5 năm hoạt động, với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, uy tín kinh doanh ngày càng nâng cao, thị trường luôn được mở rộng, được UBND Thành phố và Bộ Xây dựng tặng thưởng nhiều bằng khen, Huy chương vàng, được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng ba năm 1999. Công ty được UBND Thành phố Hà Nội xếp loại doanh nghiệp hạng 1 theo Quyết định số 4089/QĐ-UB ngày 16-8-2000. Ngày 19 - 11 - 2002, Công ty được cấp chứng chỉ ISO 9001-2000.

Hiện nay, Công ty Đầu tư Xây dựng Hà Nội có đội ngũ cán bộ công nhân viên chức gồm nhiều thạc sĩ, kỹ sư giỏi chuyên môn, năng động và đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đã và đang thực hiện nhiều công trình nhóm A, B có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật cao đòi hỏi thời gian thi công ngặt nghèo trên phạm vi toàn quốc cũng như tại Hà Nội và nước CHDCND Lào. Một số công trình tiêu biểu như hồ điều hoà Nam Yên Sở; nhà làm việc Quận Ủy - UBND Quận Tây Hồ; công trình Bảo tàng Cai-xỏn-Phôm-vi-hản của CHDCND Lào; khu nhà chung cư 11 tầng 4A, 4B khu Linh Đàm; khu chung cư No 14 Định Công; Đài Truyền hình Việt Nam, v.v. Các công trình do Công ty đảm nhận đều đạt tiến độ và được các chủ đầu tư, tư vấn trong và ngoài nước đánh giá cao. Đặc biệt, trong lĩnh vực tổng thầu: dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, dịch vụ đất đai, giải phóng mặt bằng đang là thế mạnh của Công ty và ngày càng được nhiều chủ đầu tư tín nhiệm. Công ty thường xuyên nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh, đầu tư thêm các trang thiết bị tiên tiến như dây chuyền sản xuất gạch blốc, dây chuyền sản xuất ống cống bê-tông bằng công nghệ va rung, tàu hút cát, ô-tô, máy xúc, máy ủi, cần trục tháp máy khoan cọc nhồi, dây chuyền chế tạo giàn không gian, sản xuất nhôm định hình, kính an toàn, trang trí nội thất, thi công công trình ngầm, dây chuyền chiết nạp gas, dây chuyền sản xuất cửa nhựa, sản xuất ống nhựa lõi nhôm... làm cho sản phẩm của Công ty ngày càng đa dạng trên nhiều lĩnh vực. Do yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, Công ty đã và đang mở các chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả ba miền và một số nước khu vực Đông - Nam - Á.

Đạt được những thành quả trên là nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Thành Ủy, UBND Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty, sự hợp tác, giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, các chủ đầu tư, đồng nghiệp, bạn hàng... Với kinh nghiệm và kết quả đạt được, tin tưởng rằng trong thời gian tới Công ty Đầu tư Xây dựng Hà Nội sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao góp phần đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH Thủ đô và Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh, vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Năm 2003, kế hoạch của Công ty là 320 tỉ đồng.



Bảo tàng Cai-xỏn-Phôm-vi-hản



Khu nhà ở số 66 ngõ Thông Phong-Đống Đa-HN



Nhà bát giác Trường PTTH Chu Văn An



Nhà chung cư 15 tầng phố Nguyễn Huy Tưởng - Hà Nội

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Trụ sở: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 8 241 990 - 8 268 681 - 8 262 755
Fax: (84-4) 8 253 973 * E-mail: aasc-ndd@hn.vnn.vn



Thành lập ngày 13-5-1991, trải qua quá trình phấn đấu, trưởng thành và phát triển không ngừng, Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán đã trở thành một trong hai tổ chức đầu tiên và lớn nhất của Việt Nam hoạt động độc lập trong lĩnh vực dịch vụ về kiểm toán, kế toán và tư vấn tài chính, thuế....

Với mạng lưới văn phòng đặt tại các thành phố trung tâm của cả nước, Công ty đã cung cấp các dịch vụ về kiểm toán, kế toán, công nghệ thông tin, tư vấn tài chính, quản trị kinh doanh, tư vấn thuế... cho các Tổng công ty 91, 90, các đơn vị, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (công ty TNHH, công ty cổ phần, DN tư nhân...). Qua công tác tư vấn, Công ty giúp khách hàng tăng cường công tác quản lý kinh tế, tài chính, đưa ra những giải pháp tốt nhất, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, gia tăng sản lượng, thị phần, tăng lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Với lực lượng gần 300 CBNV và cộng tác viên, trong đó 79 kiểm toán viên được cấp chứng chỉ của Nhà nước, đội ngũ nhân viên nhiều năm kinh nghiệm làm việc thực tiễn. Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, đưa nhiều cán bộ đi tu nghiệp tại những nước đi đầu trong lĩnh vực tài chính (Anh, Pháp, Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, ...) nhằm nâng cao trình độ, năng lực, nghiệp vụ của đội ngũ CBNV để phục vụ tốt nhu cầu của khách hàng.

Qua hơn 10 năm hoạt động, Công ty đã tham dự kiểm toán và tư vấn cho nhiều công trình của Nhà nước và đều được đánh giá cao như: công trình đường dây tải điện 500 kV Bắc - Nam, công trình Thuỷ điện Hoà Bình, công trình A-pa-tit Lào Cai, Thủy điện Trị An... giúp Nhà nước tăng cường công tác quản lý tài chính, tiết kiệm rất nhiều tỉ đồng vốn đầu tư và ngân sách cho Nhà nước, giúp cho các chủ đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt, quyết toán vốn đầu tư cho các công trình hoàn thành. Nhằm tăng cường sức mạnh, trong thời gian qua, Công ty đã rất chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác và phát triển lĩnh vực chuyên ngành với các tổ chức kiểm toán trong và ngoài nước. Hiện nay, Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán đã có một đội ngũ khách hàng đông đảo hoạt động trong nhiều lĩnh vực như ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, bưu chính, viễn thông, điện lực, hàng không, xi-măng....

Tôn chỉ mục đích hoạt động của Công ty là: Phục vụ với chất lượng tốt nhất bất kỳ dịch vụ chuyên ngành nào khách hàng yêu cầu, phù hợp với xu thế hội nhập của nền kinh tế và những đổi mới trong các hoạt động tài chính kế toán, kiểm toán của nhà nước Việt Nam. Công ty không ngừng nâng cao chất lượng các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của mọi khách hàng. Những cố gắng nỗ lực không ngừng, cùng với uy tín của mình trên thương trường, Công ty luôn là đơn vị hàng đầu của ngành Kiểm toán Việt Nam và đã trở thành công ty kiểm toán đầu tiên được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY LẮP MÁY 45-1

LILAMA 45-1 ISO 9001 ASME

ISO 9001 ASME S U U2

Kính chúc Quý khách Năm Mới
An khang, Thịnh vượng



Lắp đặt thiết bị công trình khí - điện - đạm



Chế tạo và lắp đặt bồn chứa khí hoá lỏng (LPG)



Lắp ống công nghệ lò hơi thu nhiệt NM nhiệt điện



Hàn ống lò hơi thu nhiệt NM nhiệt điện

CÔNG TY LẮP MÁY VÀ XÂY DỰNG 45-1 LÀ ĐƠN VỊ CÓ NĂNG LỰC HÀNG ĐẦU VIỆT NAM VỀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP.

TRÊN 40 NĂM HOẠT ĐỘNG, CÔNG TY ĐÃ THAM GIA LẮP ĐẶT THÀNH CÔNG HÀNG TRĂM CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC. NGÀY NAY, CÔNG TY LẮP MÁY 45-1 LÀ MỘT TRONG NHỮNG ĐƠN VỊ CHỦ CÔNG, THI CÔNG XÂY LẮP CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP NHƯ: XI-MĂNG, LỌC HOÁ DẦU, KHÍ, ĐIỆN, ĐẠM,... GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC.

CÔNG TY ĐỦ KHẢ NĂNG NHẬN THẦU TỰ THIẾT KẾ, CUNG CẤP, CHẾ TẠO LẮP ĐẶT CÁC THIẾT BỊ KẾT CẤU THÉP, THIẾT BỊ BÌNH BỂ CHỊU ÁP LỰC, BỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG (LPG) CHO CÁC NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN, THUỶ ĐIỆN, HOÁ CHẤT, DẦU KHÍ..., THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ, VỚI CHẤT LƯỢNG CAO.

CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ISO-9001 VÀ CÒN LÀ ĐƠN VỊ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ CƠ KHÍ MỸ ASME.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

TRỤ SỞ: 140 ĐIỆN BIÊN PHỦ, QUẬN 1, TPHCM

ĐIỆN THOẠI: (84.8) 8 297 527 - 8 201 124

FAX: (84.8) 8 201 455

E.MAIL : BINHECC451@HCM.FPT.VN

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI DẦU KHÍ VIỆT NAM
FALCON SHIPPING

Head office: Falcon Bldg 172A Nguyen Dinh Chieu St., District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84-8) 9 300 997 (16 lines) **Fax:** (84-8) 9 300 995 - 9 300 996
Email: falcon@falconship.com Website : http://www.falconship.com **Telex:** 811319 FALCON VT
Branches & Rep: HANOI - QUANG NINH - HAI PHONG - HAI DUONG - THANH HOA - DA NANG - QUANG NGAI - KHANH HOA - VUNG TAU

Công ty Vận tải Dầu khí Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines), được thành lập theo Quyết định số 638/QĐ/TCCB-LĐ ngày 28-2-1995 của Bộ Giao thông Vận tải.

Ours, a subsidiary of Vietnam National Shipping Lines (Vinalines) is a state - owned company, established by Decision No. 638/QĐ/TCCB - LĐ dated 28 - Feb - 1995 by the Minister of Ministry of Transportation.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH - SCOPE OF BUSINESS

1. Sở hữu, quản lý và khai thác tàu
2. Đại lý tàu biển
3. Môi giới, và thuê tàu biển
4. Khai thác kho, bãi công-tai-nơ
5. Quản lý, khai thác cảng và bến phao
6. Lai dắt và cứu hộ hàng hải
7. Sửa chữa tàu biển
8. Dịch vụ Logistics
9. Xếp dỡ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng
10. Nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật
11. Cung cấp nhiên liệu hàng hải
12. Dịch vụ lặn và kỹ thuật dưới nước
13. Vệ sinh tàu dầu, két dầu và xử lý cặn dầu
14. Kinh doanh (nguyên vật liệu xây dựng, than và chất đốt, xuất nhập khẩu trang thiết bị và phụ tùng hàng hải).
15. Dịch vụ cung cấp thuyền viên và xuất khẩu lao động.

1. Ship owning, ship operation and ship management
2. Shipping Agency
3. Ship Brokering and Chartering
4. Container depot and warehouse operation
5. Port and buoy operation and management
6. Towage and salvage
7. Ship repair
8. Logistics Service
9. Project cargoes handling
10. Scientific Research and Technical Services
11. Marine Bunker Supply
12. Diving and Underwater Technical Services
13. Tanker, Shore - based tank Cleaning & Oil Sludge Treatment
14. Trading (construction material, Coal and combustibles, Export - Import of Maritime Spare-parts and Facilities)
15. Crew Manning and Labour Export Services

CHI NHÁNH & VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN - BRANCHES & REPRESENTATIVE OFFICES :

HA NOI BRANCH - FALCON HÀ NỘI :
Tầng 7, 142C Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: (+ 84)4.5 184 998 - Fax: (+ 84) 4.5 184 830
Email: falcon@hn.falconship.com

QUANG NINH BRANCH - FALCON QUẢNG NINH :
169A Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long
Tel: (+ 84) 33.823 399/823 119 - Fax: (+84) 33.823 120
Email: falcon@qn.falconship.com

HAI PHONG BRANCH - FALCON HẢI PHÒNG :
88 Điện Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: (+ 84) 31.823 731/823 347/822 192 - Fax: (+84) 31.823 348
Email: falcon@hp.falconship.com

HAI DUONG BRANCH - FALCON HẢI DƯƠNG :
Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
Tel: (+84) 320.820 595/820 596/820 597 - Fax: (+84) 320.821 894
Email: falcon@hd.falconship.com

THANH HOA BRANCH - FALCON THANH HÓA :
Xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
Tel: (+84) 37.862 286 - Fax:(+84) 37.862 287
Email: falcon@th.falconship.com

DA NANG BRANCH - FALCON ĐÀ NẴNG :
26 Hải Phòng, TP. Đà Nẵng
Tel: (+ 84) 511.892 145 - Fax: (+84) 511.891 579
Email: falcon@dn.falconship.com

QUANG NGAI BRANCH - FALCON QUẢNG NGÃI :
176 Lê Trung Định, Thị xã Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Mobile: + 84.903.501.996

KHANH HOA BRANCH - FALCON KHÁNH HÒA :
63 Yersin, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Tel: (+ 84) 58.826 714 - Fax: (+84) 58.826 715
Email: falconship.kh@dng.vnn.vn

VUNG TAU BRANCH - FALCON VŨNG TÀU :
123 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu - Tel: (+84) 64.856 659/810 007 - Fax: (+84) 64.856 660 - Email: falcon@vt.falconship.com

XÍ NGHIỆP TRỰC THUỘC - SUBSIDIARY ENTERPRISES

FALCON SHIP REPAIR ENTERPRISE IN HCM CITY-FALCON SRE - SAIGON
XN SỬA CHỮA TÀU BIỂN FALCON TẠI TP.HCM :
172A Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (+84) 8.9 300 997 - Fax: (+84) 8.9 300 995/9 300 996
Email: shiprepair@falconship.com

FALCON SHIP REPAIR ENTERPRISE IN HAI PHONG CITY
FACON SRE - HAI PHONG
XN SỬA CHỮA TÀU BIỂN FALCON TẠI HẢI PHÒNG :
88 Điện Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: (+84) 31.745 848 - Fax: (+84) 31.822 620
Email: ngducthiep@hn.vnn.vn

FALCON CREW MANNING AND LABOUR EXPORT CENTER - FALCON CLC
TRUNG TÂM CUNG CẤP THUYỀN VIÊN & XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG FALCON :
172A Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel:(+84) 8.9 300 997 - Fax: (+84) 8.9 300 995 - 9 300 996
Email: falcon@falconship.com

FALCON SALVAGE & TOWAGE ENTERPISE-FALCON STE
XN LAI DẮT & CỨU HỘ FALCON :
172A Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (+84) 8.9 300 997 - Fax: (+84) 8.9 304 030
Email: towage@falconship.com.

FALCON SCIENTIFIC RESEARCH AND TECHNICAL SERVICES CENTER
FALCON STC
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC & DỊCH VỤ KỸ THUẬT FALCON :
Tầng 7, 142C Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: (+84) 4.5 184 839 - Fax: (+84) 4.5 184 830
Email: falcon.stc@hn.vnn.vn

FALCON MARITIME EQUIPMENT & SPARE-PARTS SUPPLY CENTER - FALCON MEC
TRUNG TÂM CUNG CẤP THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG HÀNG HẢI FALCON :
172A Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (+84) 8.9 300 997 - Fax: (+84) 8.9 300 995/9 300 996
Email: falcon@falconship.com

Digitized by Google

CÔNG TY

CƠ KHÍ VÀ SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH 721

ĐC: Số 71 - Đường Trần Phú - TP. Cần Thơ * ĐT: 071.811 284 - 820 103 * Fax: 071.828 969



Giám đốc:
KS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Chuyên:

* Sửa chữa công trình giao thông và xây dựng cơ bản nhóm C
* Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vượt sông
* Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng
* Sản xuất và cung ứng nhũ tương nhựa đường gốc a-xít

Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giỏi và công nhân lành nghề, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.



Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng



Phà 100 tấn lên triền để sửa chữa



Sửa chữa cục bộ tráng nhựa hai lớp bằng nhũ tương nhựa đường gốc a-xít

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Digitized by Google

NHÀ SẢN XUẤT VỎ RUỘT XE HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

CASUMINA

CASUMINA

ISO 9001

HÀNG VIỆT NAM 2002 CHẤT LƯỢNG CAO

TOP 5

180 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM • ĐT: 9303122 - 9305166 • Fax: 9303205
Email: casumina@hcm.vnn.vn • Website: casumina.com.vn



CA402D

MỚI

VỎ Ô TÔ TẢI NẶNG

12.00 - 20

TIÊU CHUẨN NHẬT BẢN JIS D4230

CA402F







- Đầy đủ quy cách cho các loại xe.
- Hoa gai phong phú
- Luôn có bảo hành

Digitized by Google

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN ĐÔNG HIỆP B

TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU DÂN CƯ TÂN ĐÔNG HIỆP B

Địa chỉ : Số 1 Đại lộ Độc Lập huyện Dĩ An - Bình Dương.

ĐT : 0650.791 990 * Fax : 0650.791 989 * Email : tuhaico@hcm.vnn.vn



Tổng giám đốc

NGÔ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT SUỐI MƠ

Kinh doanh địa ốc - Du lịch (Việt - Lào - Thái) - Văn - Thể - Mỹ - Cảnh

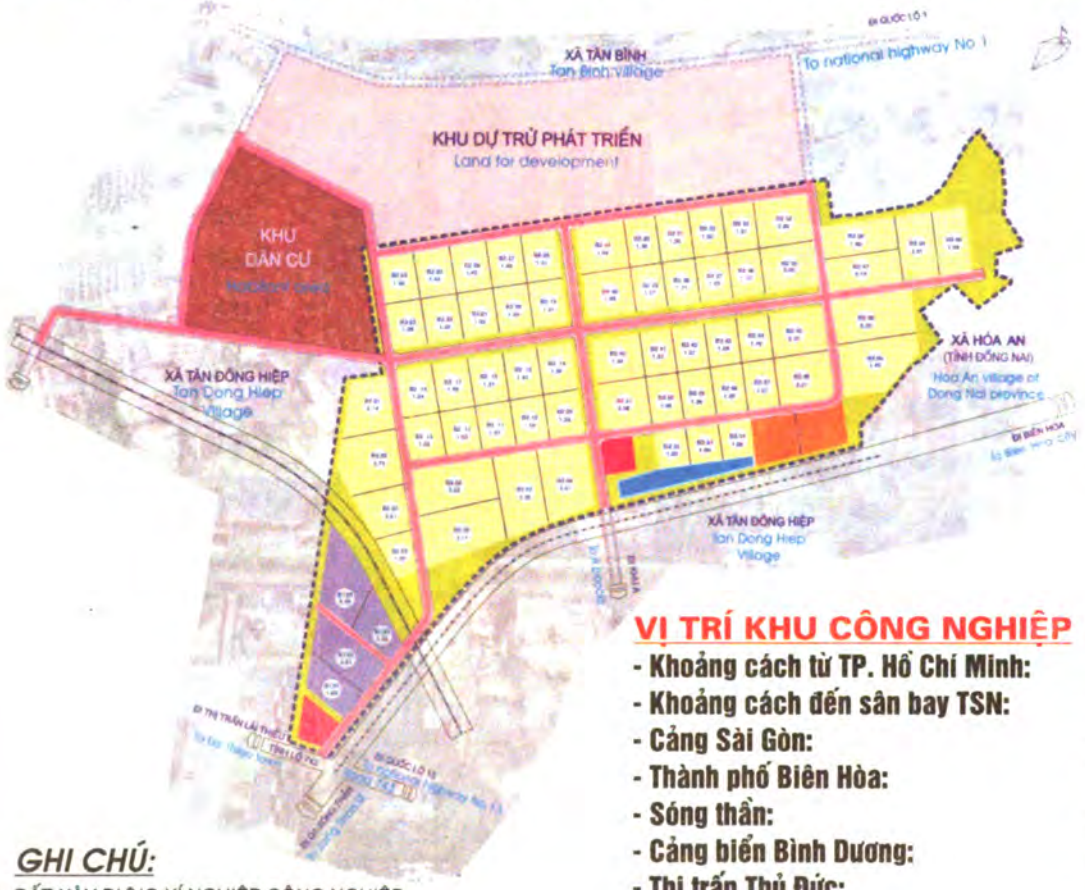
Phường Tân Phú - Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh - Tel: 84.8.7 325 136

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

* Nhà hàng khách sạn Tứ Hải: Tại khu công nghiệp Việt Hương - Tel: 0650. 747 406

* Khu công nghiệp và dân cư Tân Đông Hiệp: Xã Tân Đông Hiệp - Huyện Dĩ An - Bình Dương - Tel: 84.8.8 960 497

* VPĐD tại T.P Hồ Chí Minh: 126 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.Hồ Chí Minh * ĐT: 84.8.9 254 281 * Fax: 84.8.9 254 373



GHI CHÚ:

- ĐẤT XÂY DỰNG XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT KHO BÃI
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI
- ĐẤT CÂY XANH
- HỒ NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG SẮT DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG SẮT HIỆN HỮU
- RANH GIỚI THIẾT KẾ

VỊ TRÍ KHU CÔNG NGHIỆP

- Khoảng cách từ TP. Hồ Chí Minh:	18 Km
- Khoảng cách đến sân bay TSN:	19 Km
- Cảng Sài Gòn:	20 Km
- Thành phố Biên Hòa:	10 Km
- Sóng thần:	2,5 Km
- Cảng biển Bình Dương:	04 Km
- Thị trấn Thủ Đức:	06 Km
- Thị trấn Lái Thiêu:	06 Km
- Thị trấn Dĩ An:	01 Km

GIAO THÔNG

- Đường Quốc Lộ 1K
- Đường Tỉnh Lộ DT 743
- Đường nội bộ: 30m
- Ga Sóng Thần: 4 Km

Digitized by Google

BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ PHÚ NHUẬN

(PHU NHUAN CONSTRUCTION AND HOUSING TRADING COMPANY)

117 NGUYỄN VĂN TRỖI, P.12, QUẬN PHÚ NHUẬN, TP.HCM

ĐT : 84-8- 8442842 - 8420076 - 8447959 - 8455730 - FAX : 84-8-8445410

Email : nhapnco@hcm.vnn.vn

ISO 9001 Approved Company

Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Quý Mùi 2003

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ ĐẤT

Các khu nhà ở có hạ tầng kỹ thuật tuyệt vời, hiện đại : Trạm biến thế riêng, hạ thế ngầm, nước sinh hoạt đầy đủ, đèn chiếu sáng công cộng, hệ thống cáp điện thoại ngầm, cây xanh nhẹ nhàng; các nhà cao tầng hiện đại, tiện nghi, thanh lịch - Tất cả vì nơi ở lý tưởng của mọi người.

Uy tín - Phục vụ tận tình, chu đáo

Chất lượng cao

Giá cả chuyển nhượng phù hợp



Khu đô thị phát triển An Phú tại Phường An Phú, Quận 2 Diện tích đất : 74.052 m², quy mô : 134 biệt thự, 334 căn hộ chung cư 5 tầng, 319 căn hộ chung cư 9, 18, 21 và 28 tầng.



Cao ốc 44 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, Quận Phú Nhuận.



Khu biệt thự Thảo Điền 2, Phường Thảo Điền, Quận 2 - Diện tích 2,6 ha gồm 45 biệt thự cao cấp, sân ten-nit, hồ bơi.

Digitized by Google

5/30

Tết
Quý Mùi
Mừng Hoa
Đầm Chữ
Mỹ Lộc



Xuân
Netsoft
Vạn Nhà
Hạnh Phúc
An Khang

NETSOFT
CÔNG TY TIN HỌC BƯU ĐIỆN
142 Nguyễn Đình Chiểu - Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 8237780 - Fax: (08) 8237773
Lầu 1, Tòa nhà Saigon Centre
65 Lê Lợi, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 9141552 - Fax: (08) 9141554
Email: sale@netsoft.com.vn
Homepage: http://www.netsoft.com.vn

Digitized by Google

TẠP CHÍ CÔNG CỤ - 93 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - DT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 50000

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
FEB 26 2003
CURRENT SERIALS

Mừng Đảng,
Mừng Xuân,
Mừng Đất nước

4+5
2-2003

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ-KINH DOANH NHÀ

INVESTMENT AND TRADING OF REAL ESTATE JOINT STOCK Co.

TRỤ SỞ: 18 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh * Tel: 08. 8 230 256, 8 225 213, 8 225 985 * Fax: 84.8.8 293 764
Email: dautu.resco@az.com.vn

Chúc Mừng Năm Mới



Văn phòng Công ty



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

ĐẦU TƯ KINH DOANH ĐỊA ỐC:

- Kinh doanh địa ốc.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác nhà ở và các công trình.
- Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê nhà.
- Thực hiện: pháp lý, định giá, tư vấn và môi giới bất động sản.

SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XUẤT,NHẬP KHẨU:

- Sản xuất, cung ứng bê-tông tươi, cọc, ống cống, bê-tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- Cho thuê xe vận chuyển và thiết bị bơm bê-tông tươi.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, máy móc, thiết bị thuộc ngành xây dựng.

TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT:

- Lập dự án đầu tư quy hoạch, thiết kế công trình.
- Tư vấn đấu thầu-giám sát kỹ thuật xây dựng.
- Thực hiện các dịch vụ đo vẽ, đánh giá hiện trạng.
- Thi công xây dựng và trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1/ KHU DÂN CƯ BÌNH HÒA (8,53 héc-ta)
2/ KHU CHỨC NĂNG 6B (ĐƯỜNG NGUYỄN TRI PHƯƠNG ND THUỘC ĐÔ THỊ NAM SÀI GÒN) (74,24 héc-ta)
3/ KHU DÂN CƯ INTRESCO - PHONG PHÚ (32 héc-ta)
4/ KHU CÔNG NGHỆ - THƯƠNG MẠI VÀ DÂN CƯ INTRESCO (48,585 héc-ta)
5/ KHU ĐÔ THỊ AN PHÚ - AN KHÁNH
6/ KHU DÂN CƯ THANH XUÂN QUẬN 12 TPHCM
7/ DỰ ÁN CHUNG CƯ CAO CẤP 11 TẦNG - XÃ BÌNH HƯNG - BÌNH CHÁNH



Khu dân cư - Đường Nguyễn Tri Phương nối dài thuộc đô thị Nam Sài Gòn



Làng Việt kiều



Dự án Khu Phát triển Công nghệ cao thuộc đô thị Nam Sài Gòn

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

235 Xô viết Nghệ Tĩnh, P17, QBT, TPHCM
ĐT: (84-8) 8 994 144, Fax (84-8) 8 982 206

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG 2

83 Lý Chính Thắng ,P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (84-8)8 484 852-Fax: (84-8) 8 435 833
Email : xaydung 283@hcm.tpt.vn

XÍ NGHIỆP BÊ TÔNG HẢI ÂU

* Văn phòng Trạm bê-tông Hải Âu 1 :
Km 9 Xa lộ Hà Nội, P.Hiệp Phú, Q.9, TPHCM
ĐT (84-8)8 963 021-8 960 036-7 305 930
Fax : (84-8) 8 961 983
* Văn phòng Trạm bê-tông Hải Âu 2
Khu Công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai
ĐT : (061) 521 075 - Fax : (061)521 076



Quy hoạch khu nhà ở ven sông Sài Gòn



Cao ốc Văn phòng HARBOUR VIEW 35 Nguyễn Huệ, Q.1, TP.HCM

Digitized by

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 668

4 + 5
2-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIỆP



Bìa 1 : Mai Linh

MỤC LỤC

MỪNG ĐẢNG, MỪNG XUÂN, MỪNG ĐẤT NƯỚC

Xã luận - Mùa Xuân, Đất nước, Dân tộc và Đảng 3
NÔNG ĐỨC MẠNH - Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 5
NGUYỄN TẤN DŨNG - Để xây dựng Tây Nguyên giàu mạnh 8
VŨ KHOAN - Kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam 15
*** Bộ sách quý *"Hồ Chí Minh Tuyển tập"* lần thứ ba ra mắt bạn đọc 18

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PA-RI VỀ VIỆT NAM (27-1-1973 - 27-1-2003) VÀ 35 NĂM CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN (1968 - 2003)

NGUYỄN THỊ BÌNH - Hiệp định Pa-ri : 30 năm nhìn lại 24
NGUYỄN NGỌC VĂN - Chiến thắng "Tết Mậu Thân" tạo ra bước ngoặt chiến lược trên chiến trường miền Nam 31

ĐẤT NƯỚC VÀO XUÂN

VŨ HIỆN - Ngày Xuân bàn về môi trường sinh thái 34
NGUYỄN THỊ HẰNG - Đẩy mạnh xuất khẩu lao động khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo 40
QUÁCH LÊ THANH - Chống tham nhũng - thước đo phẩm chất người cán bộ, đảng viên 46
NGUYỄN SINH HÙNG - Công tác tài chính năm 2002 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2003 51
HOÀNG TRUNG HẢI - Để giai cấp công nhân tiếp tục đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 55
MINH HOÀI - Tổng quan nông nghiệp nông thôn đầu thế kỷ XXI 62

VỚI ĐẢNG, MÙA XUÂN

NGUYỄN TRỌNG THỤ - Ngày xuân, kể chuyện về Hội nghị thành lập Đảng 66
LÊ VĂN HIẾU - Tâm sự người đảng viên 72 tuổi Đảng 70

TRÊN CÁC NẺO ĐƯỜNG TỔ QUỐC

NGUYỄN VĂN TỰ - Khánh Hòa : tiềm năng và triển vọng 73
LÊ NAM GIỚI - Cần Thơ vươn lên và hội nhập 79
LÊ PHÚ HỘI - Bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở An Giang 83
ĐOÀN KIẾN - Nhìn lại một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) ở Tổng Công ty Than Việt Nam 88
TRIỀU HẢI QUỲNH - Cà Mau trước biển 92

TẢN MẠN NGÀY XUÂN

TRẦN QUỐC VƯỢNG - Những cuộc đi, cuộc đến... vội vã nhưng vui và nhiều ý nghĩa 97
CUNG KHẮC LƯỢC - Năm Quý Mùi 2003, Tam Dương khai thái - phúc lộc đầy nhà 100
NGUYỄN NHÂN THỐNG - Âm vang lễ hội Tây Nguyên 103

NHÌN RA THẾ GIỚI

TẾ KIẾN QUỐC - Thành tựu huy hoàng, tương lai xán lạn 106
NGUYỄN ĐÌNH BIN - Người Việt Nam ở nước ngoài : hội nhập và hướng về quê hương 110
*** Thành tựu Việt Nam năm 2002 qua báo chí nước ngoài 116

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Mặt trận ngoại giao và cuộc đàm phán Pa-ri về Việt Nam 119
Hội nghị cộng tác viên Tạp chí Cộng sản 2002 120

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: Весна, страна, нация и Партия. НОНГ ДЫК МАНЬ: Развитие общенациональной силы, усиление индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ТАН ЗУНГ: Для того чтобы строить Тэйнгуен богатым и сильным районом. ВУ КХОАН: Мировая экономика и вьетнамская экономика. *** Ценная коллекция книг *Избранные сочинения Хо Ши Мина* третий раз вышла в свет. НГУЕН ТХИ БИНЬ: Парижское Соглашение: через 30 лет пересмотрено. НГУЕН НГОК ВАН: Победа "Тэт Мау Тхан" устроила стратегический поворотный момент на фронте Южного Вьетнама. ВУ ХИЕН: В весенние дни обсуждается вопрос об экологической среде. НГУЕН ТХИ ХАНГ: Усиление экспорта рабочей силы сельских районов вносит вклад в ликвидацию голода, уменьшение бедности. КУАЧ ЛЕ ТХАНЬ: Участие в борьбе с коррупцией – мерило достоинства кадров, членов Партии. НГУЕН ШИНЬ ХУНЬ: Финансовая работа 2002 года и главные задачи 2003 года. ХОАНГ ЧУНГ ХАЙ: Пусть рабочий класс продолжает идти первым в курсе индустриализации и модернизации страны. ТЕ КИЕН КУОК: Великолепное достижение, блестящее будущее. НГУЕН ДИНЬ БИН: Вьетнамские соотечественники за границией – интеграция и обращение к Родине.

CONTENTS

Editorial: Spring, country, nation and Party. NÔNG ĐỨC MẠNH: Promoting the strength of the whole nation, stepping up industrialization and modernization of the country. NGUYỄN TẤN DŨNG: In order to build rich and strong Tây Nguyên. VŨ KHOAN: The world economy and Vietnam's economy. *** The third edition of the valuable books *Selected works of Hồ Chi Minh*. NGUYỄN THỊ BÌNH: Paris Agreements: looking back after 30 years. NGUYỄN NGỌC VĂN: The "Tết Mậu Thân" victory created a strategic turning-point in the South battlefield. VŨ HIỀN: Discussing the ecological environment in early spring. NGUYỄN THỊ HẰNG: To push up the export of labor in rural areas contributes to hunger elimination and poverty reduction. QUÁCH LÊ THANH: Anti-corruption – measure of the quality of cadres and Party members. NGUYỄN SINH HÙNG: The financial work in 2002 and major tasks in 2003. HOÀNG TRUNG HẢI: In order that the working class continues taking the lead in industrialization and modernization of the country. TỂ KIẾN QUỐC: Brilliant achievements and a bright future. NGUYỄN ĐÌNH BIN: Overseas Vietnamese: integration and turning towards the country.

SOMMAIRE

Editorial: Le printemps, le pays, la nation et le Parti. NÔNG ĐỨC MẠNH: Faire valoir la force de toute la nation pour accélérer l'industrialisation et la modernisation du pays. NGUYỄN TẤN DŨNG: Pour un Tây Nguyên riche et puissant. VŨ KHOAN: L'économie mondiale et l'économie vietnamienne. *** Troisième édition de la collection précieuse *Ho Chi Minh – œuvres choisies*. NGUYỄN THỊ BÌNH: Les Accords de Paris: regard rétrospectif après 30 années. NGUYỄN NGỌC VĂN: La victoire du "Têt Mậu Thân" a créé un tournant stratégique sur le champ de bataille du Sud. VŨ HIỀN: Discussion sur l'environnement et l'écologie au début du printemps. NGUYỄN THỊ HẰNG: Intensifier l'exportation de la main-d'œuvre rurale pour contribuer à l'éradication de la faim et à la réduction de la pauvreté. QUÁCH LÊ THANH: Lutter contre la corruption – mesure de la qualité des cadres et membres du Parti. NGUYỄN SINH HÙNG: Les finances en 2002 et leurs tâches majeures pour 2003. HOÀNG TRUNG HẢI: Pour que la classe ouvrière continuent son rôle d'avant-garde dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. TỂ KIẾN QUỐC: Réalisations brillantes, avenir radieux. NGUYỄN ĐÌNH BIN: Les Vietnamiens résidant à l'étranger: intégration et attachement au pays natal.

SUMARIO

Editorial: La primavera,el país,la nación y el Partido. NÔNG ĐỨC MẠNH: Poner en alto juego la fuerza de toda la nación para intensificar la industrialización y la modernización nacional. NGUYỄN TẤN DŨNG: A fin de edificar una Tây Nguyên fuerte y próspera. VŨ KHOAN: La economía internacional y la economía vietnamita. *** La tercera publicación de las preciosas *Obras escogidas de Hồ Chí Minh*. NGUYỄN THỊ BÌNH: El Acuerdo de París: 30 años retrospe ctivos. NGUYỄN NGỌC VĂN: La victoria del Tet de Mậu Thân creó un viraje estratégico en el campo de batalla del Sur de Vietnam. VŨ HIỀN: Discutiendo sobre el medio ambiente ecológico en los días primaverales. NGUYỄN THỊ HẰNG: Intensificar la exportación de fuerza laboral de las áreas rurales en contribución a abolir la hambre y disminuir la pobreza. QUÁCH LÊ THANH: La anticorrupción – criterio de la cualidad de cuadro y militante del Partido. NGUYỄN SINH HÙNG: El trabajo financiero de 2002 y las tareas principales de 2003. HOÀNG TRUNG HẢI: A fin de que la clase obrera continúe yendo a la cabeza en la industrialización y modernización nacional. TỂ KIẾN QUỐC: Los espléndidos logros y el brillante futuro. NGUYỄN ĐÌNH BIN: Los residentes vietnamitas en el extranjero: integración y orientación hacia su tierra natal.

目录

•社论: 春天、祖国、民族和党• 农德孟: 发挥全民族力量, 大力推动国家工业化、现代化• 阮晋勇: 建设富强的西原• 武宽: 世界经济和越南经济*** 一套珍贵的书《胡志明选集》第三次再版与读者见面• 阮氏平: 《巴黎协定》: 回顾三十年• 阮玉文: 《戊申春节大捷》为南方战场造就了战略转折点• 武贤: 春天论生态环境 • 阮氏恒: 大力推动农村地区劳务出口, 为消饥减贫贡献力量• 郭黎青: 反腐败－干部、党员品质的度量衡• 阮生雄: 2002年财政工作及2003年的任务重心• 黄中海: 让工人阶级在国家工业化、现代化事业中继续起先锋作用• 齐建国: 辉煌的成就, 灿烂的未来• 阮庭彬: 在国外的越南人: 融入并向往家乡。

Digitized by Google

Xã luận

MÙA XUÂN, ĐẤT NƯỚC, DÂN TỘC VÀ ĐẢNG

XUÂN Quý Mùi này, Xuân 2003, là mùa xuân thứ ba của thế kỷ mới, cũng là mùa xuân thứ ba của thời kỳ 20 năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đó là mùa xuân thứ 73 của Đảng ta và là mùa xuân thứ 58 của Nhà nước Việt Nam độc lập. Những năm lẻ không phải lúc nào cũng gợi cho chúng ta những tình cảm lớn. Nhưng năm lẻ 2003, năm Quý Mùi này, lại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó là năm "bản lề" của những thời kỳ ngắn. "Bản lề" của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005. "Bản lề" của nửa đầu thập niên 70 của Đảng ta, năm thứ ba từ tuổi 71 sang tuổi 75. "Bản lề" của nửa cuối thập niên 50 của Nhà nước ta, năm thứ 3 từ tiểu khánh 55 đến đại khánh 60. Nếu tính từ Đổi mới thì Xuân này là xuân thứ 17, một mùa xuân đầy sức sống, "tuổi 17 bẻ gãy sừng trâu".

Bảy mươi ba năm trước đây, một sự trùng hợp ngẫu nhiên đã trở thành lịch sử. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh triệu tập đã họp đúng vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc ta, mùa Xuân năm Canh Ngọ, năm 1930. Từ đó đến nay, nói đúng hơn là từ ngày cách mạng thành công, đất nước giành được độc lập tự do thì mỗi lần dân tộc ta mừng Xuân là một lần mừng Đảng ta lớn mạnh. Đất nước, dân tộc và Đảng gắn liền với nhau. Đất nước và dân tộc là mẹ cha, Đảng của giai cấp công nhân là con cái nhưng lại là đội tiên phong chiến đấu. Mục tiêu, lý tưởng cao cả của Đảng là đất nước độc lập, tự do, nhân dân ấm no hạnh phúc, xã hội không có áp bức bất công, con người được sống trong mùa xuân vĩnh viễn. Bảy mươi ba năm chiến đấu của Đảng là bảy mươi ba năm Đảng được dân tộc ta sinh thành, nuôi dưỡng và giao phó những trọng trách. Bảy mươi ba năm ấy, hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, chiến công nối tiếp chiến công, Đảng ta đã không phụ lòng đất nước và dân tộc. Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, mở ra kỷ nguyên mới độc lập, tự do. Hai cuộc kháng chiến trường kỳ, đánh thắng hai đế quốc to, đã đưa dân tộc ta lên hàng các dân tộc tiên phong, ghi đậm dấu ấn sâu sắc của những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Rồi 28 năm qua, nước nhà thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, một cuộc trường chinh mới đầy vinh quang nhưng cũng nhiều trắc trở vì một cuộc sống mới, một tương lai nhiều lần tốt đẹp hơn ngày nay. Trong cuộc hành trình vạn dặm, dù trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, dù bên cạnh những thành tích lớn còn có những sai lầm, khuyết điểm không nhỏ, Đảng ta luôn luôn xứng đáng là đội tiên phong của một đất nước anh hùng, một dân tộc vĩ đại.

Bước vào thế kỷ XXI, như Đại hội IX của Đảng chỉ rõ, là bước vào một thời kỳ mới của sự phát triển đất nước, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Yêu cầu sống còn của nhân

Digitized by Google

dân ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu để thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới. Để làm được nhiệm vụ lịch sử đó, phải phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Đó là phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia, bao gồm cả chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh, đối ngoại. Đó là thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Chỉ có phát huy cao độ sức mạnh toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong thì mới làm nên nghiệp lớn. Tiếp tục đổi mới là chiếc chìa khóa để không ngừng tiến lên. Đổi mới trong tư duy và cả trong hành động. Đổi mới trong việc đề ra các chiến lược phát triển cũng như những kế hoạch cụ thể, những phương thức và phương pháp công tác. Đổi mới cán bộ và phong cách lãnh đạo của Đảng và quản lý, điều hành của Chính phủ cho phù hợp với tình hình mới và những nhiệm vụ mới. Chúng ta không thể nói đổi mới mà việc làm vẫn cũ. Càng không thể nói đổi mới mà không nắm vững định hướng phát triển vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai năm qua, cả nước ta không ngừng cố gắng để thực hiện những phương hướng và nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã lần lượt cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội bằng những nghị quyết mới, chỉ thị mới của mình và lãnh đạo, chỉ đạo đưa vào cuộc sống. Hai năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển 2001 - 2005 đã đem lại những kết quả khả quan. Tăng trưởng GDP tuy chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn ở mức cao so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nền kinh tế tuy còn yếu kém và sức cạnh tranh thấp, nhiều vấn đề xã hội bức xúc còn chưa được giải quyết, một số khuyết điểm trong lãnh đạo và quản lý còn chưa được khắc phục kịp thời, song nhìn chung, bước đi lên của chúng ta là chắc chắn và có nhiều triển vọng. Không phải ngẫu nhiên mà trong năm 2002, thế giới từng có những đánh giá tốt về ta như : Việt Nam là nơi có tình hình chính trị và an ninh ổn định nhất. Việt Nam là nước có tỷ lệ dân chúng cao nhất tin tưởng ở tương lai. Việt Nam có nhịp độ tăng trưởng cao. Việt Nam tiếp tục đổi mới ! V.v..

Nhìn về phía trước, chúng ta thấy không chỉ thời cơ và thuận lợi mà cả những khó khăn và thách thức, có những thách thức sẽ không nhỏ hơn mà còn lớn hơn hai năm trước. Nhưng như ông cha ta thường nói, "đầu xuôi thì đuôi lọt". Hai năm qua, khó khăn là vậy mà đất nước vẫn giữ được nhịp độ phát triển, làm nên một sự mở đầu đáng ghi nhận. Năm Quý Mùi này, năm 2003, phải là năm có bước tiến mạnh hơn hai năm trước. Mạnh về tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, và cả về đổi mới và nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý. Mạnh về giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Năm mới phải tạo đà mới cho việc thực hiện những nhiệm vụ nặng nề còn lại của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và cho các bước phát triển tiếp theo.

Mừng Xuân Quý Mùi năm nay, chúng ta mừng Đất nước vững bước tiến lên với thế mới và lực mới. Mừng Dân tộc ta mãi mãi trường tồn cùng với giang sơn ngày càng rạng rỡ. Mừng Đảng ta dồi dào trí lực, thực hiện tốt xây dựng, chỉnh đốn để tổ chức trong sạch, vững mạnh, đủ đức đủ tài gánh vác một cách xứng đáng trọng trách lãnh đạo mà Đất nước và Dân tộc trọn niềm tin giao phó. ❑

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google



PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC *

NÔNG ĐỨC MẠNH

(Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX)

Thưa các đồng chí,

Tiếp tục Chương trình làm việc của mình, Hội nghị Trung ương 7 lần này sẽ bàn và ra quyết định về các vấn đề : Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ; công tác dân tộc và tôn giáo trong tình hình mới ; về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và một số vấn đề quan trọng khác.

* Đầu đề là của báo *Nhân dân*

Digitized by Google

Các vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc và tôn giáo đều là những vấn đề chính trị lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta. Bàn và quyết định các vấn đề đó là cụ thể hóa tư tưởng chiến lược của Đảng về phát huy sức mạnh toàn dân tộc đã ghi trong Nghị quyết Đại hội IX, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, bảo vệ và phát triển những thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là trực tiếp bàn việc tiếp tục đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác dân vận của Đảng.

Từ sau Đại hội VI của Đảng đến nay, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết và chỉ thị về các vấn đề nêu trên : Nghị quyết 8B, ngày 27-3-1990 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI *"Về đổi mới công tác quần chúng"*, Nghị quyết 07 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII *"Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất"*, các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về các vấn đề dân tộc, tôn giáo, về công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ cùng nhiều đối tượng quần chúng khác. Điều cần thiết đối với Trung ương lần này là trong bối cảnh mới, sau 16 năm đổi mới nhìn lại việc thực hiện các nghị quyết ấy, đánh giá đầy đủ và đúng đắn về tình hình thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân, trong đó, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo là bộ phận rất quan trọng, chỉ rõ những việc làm tốt, làm được và chưa làm tốt, chưa làm được, phân tích những nguyên nhân thành công và chưa thành công, rút ra những bài học cần thiết, trên cơ sở đó, đề ra những chủ trương và giải pháp có hiệu lực cho việc tiếp tục chỉ đạo mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc và các tôn giáo, động viên mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân, mọi giai cấp, mọi dân tộc và tôn giáo tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tạo ra động lực mới đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, giữ vững quốc phòng và an ninh. Đây là nhân tố bảo đảm giữ vững và ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong vấn đề đại đoàn kết toàn dân, các vấn đề dân tộc và tôn giáo lại có tính đặc thù quan trọng. Nước ta có 54 dân tộc anh em, trong đó có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ nhau trên nhiều

Digitized by Google

vùng rộng lớn và là địa bàn trọng yếu. Nước ta cũng có nhiều tôn giáo, trong đó có 6 tôn giáo lớn, với khoảng gần 1/4 số dân theo đạo. Giải quyết tốt và có chính sách đúng đắn về các vấn đề dân tộc và tôn giáo sẽ là một đóng góp to lớn vào việc mở rộng và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

Cùng với các vấn đề nêu trên, **chính sách đất đai** là chính sách lớn, hệ trọng, mang tính tổng hợp cả về kinh tế và chính trị - xã hội, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất quan tâm. Giải quyết đúng đắn chính sách đất đai sẽ tạo thêm động lực, góp phần quan trọng để đạt được những thành tựu to lớn của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Yêu cầu đối với Trung ương lần này là đánh giá toàn diện và đúng đắn tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai trong thời gian vừa qua, cả về nội dung các chính sách, pháp luật, việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và tình hình thực tế quan hệ đất đai diễn ra trong xã hội. Cần tập trung phân tích, đánh giá tình hình từ năm 1993 đến nay, vừa khẳng định những quy định đúng đắn trong chính sách, pháp luật hiện hành, vừa nêu lên được những vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình hiện nay, làm cơ sở cho việc Quốc hội tiến hành xây dựng, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai mới.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề mà Hội nghị Trung ương lần này bàn, không chỉ là những vấn đề có ý nghĩa chiến lược hệ trọng, được nhân dân đặc biệt quan tâm, không thể trì hoãn, mà còn là những vấn đề nhạy cảm, đòi hỏi sự giải quyết rất tinh tế và chuẩn xác. Thời gian dành cho Hội nghị không nhiều và lại vào thời điểm có nhiều việc phải làm. Tôi đề nghị các đồng chí Trung ương tập trung trí tuệ, với tinh thần dân chủ, thẳng thắn và trách nhiệm cao, tự phê bình và phê bình, thảo luận và tranh luận cặn kẽ, nói hết ý kiến của mình, cả trong đánh giá tình hình cũng như trong việc đề ra các chủ trương và giải pháp, tạo sự nhất trí cao, làm chuyển nhanh và chuyển tốt tình hình, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu chung là : độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị, chúc Hội nghị chúng ta thành công tốt đẹp. ❑

Digitized by Google

ĐỂ XÂY DỰNG TÂY NGUYÊN GIÀU MẠNH

NGUYỄN TẤN DŨNG*

TÂY Nguyên bao gồm 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Đồng, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của cả nước. Đây là vùng giàu tiềm năng, có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, nổi bật là tài nguyên đất, nhất là đất đỏ ba-dan rất thuận lợi để phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung chuyên canh như cà-phê, cao-su, chè, dâu tằm, bông, điều, hoa, cây cảnh và rau quả. Diện tích rừng Tây Nguyên gần 3 triệu héc-ta (chiếm 25,6% diện tích rừng của cả nước) ; tiềm năng thủy điện lớn ; bô-xít có trữ lượng vào loại lớn trên thế giới ; có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên có truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng kiên cường ; có văn hóa dân tộc đa dạng, phong phú, với nhiều nét đặc thù.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên. Nhờ đó, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở Tây Nguyên đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Sau 15 năm đổi mới, kinh tế - xã hội Tây Nguyên đã có bước phát triển khá toàn diện và chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa. Kinh tế tăng trưởng ở mức khá cao và liên tục. Tăng GDP bình quân hằng năm thời kỳ 1996 - 2000 đạt 12,5%, bằng 1,78 lần mức bình quân chung của cả nước. Năm 2000, GDP toàn vùng tăng gấp 2,33 lần so với năm 1990. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh từ 124 triệu USD năm 1990 lên 376 triệu USD năm 2000. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 2,5 lần, đời sống của nhân dân trong vùng, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ nghèo đói giảm từ 50% (năm 1990) xuống 17% (năm 2000).

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá nhanh, đã hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung cây công nghiệp như cà-phê, cao-su, mía đường, chè, dâu tằm, điều, bông... tạo tiền đề quan trọng để phát

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ

Digitized by Google

triển kinh tế hàng hóa có quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và cải thiện đời sống cho một bộ phận đông đảo dân cư nông thôn. Lâm nghiệp có bước chuyển hướng quan trọng, từ khai thác gỗ rừng tự nhiên sang trồng mới, khoanh nuôi, giao khoán bảo vệ rừng, gắn với khai thác và chế biến, đưa độ rừng che phủ năm 2000 lên 54%. Sản xuất công nghiệp đã hình thành một số ngành mới góp phần làm thay đổi bộ mặt Tây Nguyên, nổi bật là thủy điện, chế biến nông, lâm sản. Hơn 10 năm, đã xây dựng thêm 41 xí nghiệp công nghiệp, trong đó có một số công trình quan trọng như Nhà máy thủy điện Ya Ly công suất 720 MW...

Kết cấu hạ tầng phát triển khá nhanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng, giao lưu thuận lợi hơn với các tỉnh Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh, duyên hải miền Trung, với Lào và Cam-pu-chia. Đến năm 2000, đã có gần 2 000 km quốc lộ, hơn 3 000 km đường tỉnh, 4 000 km đường huyện và 5 000 km đường giao thông nông thôn, mật độ đường đạt 0,4 km/km^2. Các đường chính đã được cải tạo, hệ thống giao thông cơ bản được cải thiện, các sân bay được nâng cấp và tăng thêm chuyến bay đến Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Hệ thống thủy lợi được đầu tư xây dựng khá. Đến năm 2000, có hơn 910 công trình thủy lợi lớn nhỏ, bảo đảm tưới cho khoảng 40 000 héc-ta lúa đông xuân, 70 000 héc-ta lúa mùa và 150 nghìn héc-ta cà-phê. Hệ thống lưới điện phát triển khá nhanh, đã hoàn thành nhiều đường dây và trạm trực tiếp phục vụ sản xuất, đời sống ; có 100% số huyện và hơn 40% số hộ được dùng điện. Năm 2000 có 356 điểm phục vụ bưu chính. Hệ thống các đô thị có nhiều thay đổi, tốc độ đô thị hóa khá nhanh, dân số thành thị tăng từ 19,6% năm 1990 lên 26,7% năm 2000.

Văn hóa - xã hội đã có bước chuyển biến tích cực. Về y tế, đã ưu tiên đầu tư cho công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi ; đã có đủ bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện và khu vực, hầu hết các xã đều có trạm y tế, hơn 39% số trạm y tế có bác sĩ, 90% số thôn, bản có nhân viên y tế. Hệ thống giáo dục phổ thông được chú ý phát triển, các xã đều có trường tiểu học, khoảng 60% số xã có trường phổ thông cơ sở ; các huyện, thị xã có trường phổ thông trung học, trường dân tộc nội trú ; đời sống và điều kiện sinh hoạt học tập của học sinh các trường dân tộc nội trú được cải thiện ; đã nâng cấp các trường đại học, cao đẳng, trung học nghệ thuật, công nhân kỹ thuật góp phần nâng cao chất lượng nhân lực trong vùng. Năm 2000, các tỉnh Tây Nguyên đã được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Số hộ được nghe đài và xem truyền hình ngày càng được mở rộng. Các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn... có nhiều chuyển biến tích cực và đã đem lại hiệu quả thiết thực.

An ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân từng bước được tăng cường. Hệ thống chính trị cơ sở phần lớn thực hiện được vai trò lãnh đạo nhân dân và quản lý nhà nước trên địa bàn.

Digitized by Google

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng Tây Nguyên. Phát triển kinh tế còn tự phát, chưa theo quy hoạch, kế hoạch và nhiều mặt thiếu ổn định, vững chắc ; chậm áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất ; năng suất, chất lượng và hiệu quả còn thấp. Phát triển văn hóa - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân chưa tương xứng với phát triển kinh tế.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP còn thấp (33% trong GDP). Chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch chưa cao, chưa gắn kết tốt giữa phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến và thị trường, thiếu bền vững, ảnh hưởng môi trường sinh thái. Các hình thức quan hệ sản xuất trong nông, lâm nghiệp chưa theo kịp yêu cầu của sản xuất hàng hóa lớn.

Phát triển kinh tế chưa kết hợp tốt với giải quyết các vấn đề xã hội, tình trạng di dân tự do kéo dài và không kiểm soát được, việc sang bán đất đai không đúng pháp luật, nhất là đất sản xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh, đời sống của một bộ phận không nhỏ đồng bào các dân tộc vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa. Tình trạng nông dân thiếu đất hoặc không có đất canh tác do sang bán còn nhiều. Tỷ lệ đói nghèo và trẻ em suy dinh dưỡng cao, mặt bằng dân trí thấp và chậm được cải thiện.

Phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn chặt với việc xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở nhiều nơi yếu kém, quan liêu, xa dân, không được dân tín nhiệm. Đội ngũ cán bộ cốt cán ở các cấp, các ngành còn một bộ phận không nhỏ năng lực, phẩm chất kém, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm, đáng lưu ý là khâu đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ. Không ít nơi thực hiện chưa tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Để xây dựng Tây Nguyên giàu mạnh, chúng ta cần quán triệt sâu sắc, thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, giải pháp chủ yếu sau đây :

1. Về quan điểm phát triển

Phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên phải trên cơ sở chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của cả vùng ; thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, cụ thể cho từng vùng, từng địa phương, từng ngành và từng lĩnh vực ; không để tình trạng phát triển tự phát. Huy động tối đa các thành phần kinh tế, các nguồn lực, chủ yếu là nguồn lực trong nước và nguồn lực tại chỗ để đầu tư phát triển, khai thác tốt nhất các tiềm năng, lợi thế của vùng nhằm đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời, từng bước hình thành các hình thức quan hệ sản xuất phù hợp từ thấp đến cao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng cường sự chỉ đạo và đầu tư của Nhà nước ; đồng thời phát huy tinh thần tự lực phấn đấu của đồng bào các dân tộc tại chỗ, tạo sức mạnh tổng hợp, tránh sự thụ động, ỷ lại. Chú trọng nâng cao

Digitized by Google

chất lượng nguồn nhân lực. Chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khắc phục nhanh tình trạng một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ không có đất sản xuất, không có việc làm.

Phát triển kinh tế - xã hội phải quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ; kết hợp đồng bộ cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ ; các giải pháp phải phù hợp đặc thù của Tây Nguyên về địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội với đặc điểm của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, trước hết là ở cơ sở, thật sự gắn bó với nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc và tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận lòng dân trên từng địa bàn, xem đây là nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên toàn vùng Tây Nguyên.

2. Những chủ trương và giải pháp chủ yếu

Một là : *Tập trung sức phát triển kinh tế*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hóa, chuyên môn hóa, có hiệu quả và có sức cạnh tranh cao, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, ngành dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế và phù hợp nhu cầu của thị trường là nhiệm vụ hàng đầu, có tính chiến lược cả trước mắt và lâu dài đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Phát triển nông, lâm nghiệp lên sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường ; tập trung phát triển các mặt hàng nông sản có lợi thế xuất khẩu và góp phần thay thế hàng nhập khẩu, tăng nhanh giá trị trên một đơn vị diện tích, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản phẩm. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, đồng thời tăng đầu tư của Nhà nước và chuyển dịch cơ cấu đầu tư phù hợp yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với kinh tế tập thể dần trở thành nền tảng. Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại. Tạo điều kiện để phát triển kinh tế hợp tác theo hướng đa hình thức, đa sở hữu và quy mô ; hợp tác xã liên kết với các doanh nghiệp làm tốt dịch vụ kỹ thuật, giống, vật tư, tiêu thụ, chế biến nông sản. Phát huy vai trò của các nông, lâm trường, các doanh nghiệp nhà nước để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao dân trí, đời sống vật chất và văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, tập trung, chuyên canh phù hợp với điều kiện sinh thái của từng khu vực. Áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ để có thu nhập cao nhất trên một đơn vị diện tích đất canh tác. Ưu tiên đầu tư

Digitized by Google

xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ ở nơi có điều kiện để sản xuất lương thực tại chỗ, bảo đảm lương thực và định canh, định cư cho đồng bào vùng sâu, vùng xa. Phát triển ngô lai, sắn cao sản theo hướng hình thành vùng sản xuất tập trung, thâm canh, áp dụng cơ giới hóa ở nơi có điều kiện. Chú trọng phát triển với quy mô phù hợp các cây có nhiều lợi thế để xuất khẩu và thay thế nhập khẩu như cà-phê, cao-su, chè, điều, tiêu, mía, bông, dâu tằm tơ, ngô, hoa, cây cảnh xuất khẩu và rau quả... Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao, với quy mô ngày càng lớn.

Khẩn trương rà soát quỹ đất, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp, quy hoạch các cụm dân cư. Phát triển kinh tế trang trại phù hợp điều kiện đất đai theo đúng quy hoạch. Khai hoang mở rộng diện tích ở những nơi có điều kiện, điều chỉnh lại quỹ đất của các nông, lâm trường để giao, khoán cho hộ nông dân không có đất sản xuất, trước hết hộ đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ. Cần có biện pháp quản lý, quy hoạch đất đai, nghiêm cấm việc mua bán, chuyển nhượng đất đai trái pháp luật, nhất là đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, phải thực hiện tốt việc hướng dẫn sản xuất, cho vay vốn, tiêu thụ nông sản phẩm nhằm giúp đồng bào có cuộc sống ổn định, định canh, định cư, không du canh, du cư phá rừng, phát nương làm rẫy.

Phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên là một hướng chiến lược cơ bản, lâu dài. Chú trọng các ngành công nghiệp có thế mạnh, như chế biến nông, lâm sản, thủy điện, khai khoáng và từng bước phát triển công nghiệp



Đồng bào Tây Nguyên chăm sóc cà-phê vườn gia đình **Ảnh : TTXVN**

Digitized by Google

sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả hàng xuất khẩu, tạo tiền đề để ổn định vùng nguyên liệu và sử dụng lao động tại chỗ. Nhà nước tập trung đầu tư những công trình lớn và có ý nghĩa then chốt như : thủy điện, công nghiệp giấy, ván nhân tạo và chế biến nông, lâm sản, công nghiệp khai thác khoáng sản, trước hết là khai thác bô-xít và luyện nhôm ; xây dựng các khu công nghiệp. Phối hợp chặt chẽ giữa các địa phương, các ngành để kinh doanh du lịch có hiệu quả. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phù hợp đặc thù vùng Tây Nguyên, gắn với du lịch các tỉnh ven biển miền Trung, Đông Nam Bộ và các nước láng giềng. Xây dựng và phát triển Đà Lạt thành khu du lịch lớn của cả nước và có tầm cỡ quốc tế.

Hai là : *Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng*

Phấn đấu hoàn thành cơ bản mạng lưới giao thông, nhất là giao thông nông thôn tới các trung tâm cụm xã, vùng sâu, vùng xa. Nâng cấp, khai thác tốt các đường trục và đường ngang đến các tỉnh ven biển miền Trung, các tuyến đường sang Lào và Cam-pu-chia. Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi, nhất là đập thủy điện, đập chứa nước gắn với hệ thống kênh mương của các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trước hết cho sản xuất lúa, tưới cây công nghiệp, cây bông... và nước cho sinh hoạt ở vùng sâu, vùng xa. Sớm hoàn thành các công trình thủy lợi để khai hoang thêm diện tích ở một số vùng còn khả năng phục vụ việc sắp xếp bố trí lại dân cư, ổn định dân di cư tự do và tái định cư cho một số công trình thủy điện. Phát triển mạng lưới truyền tải điện, mạng bưu chính, viễn thông an toàn, thông suốt.

Phát triển toàn diện nông thôn, từng bước đưa nông thôn Tây Nguyên ra khỏi tình trạng lạc hậu. Ưu tiên đầu tư và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Phát huy vai trò trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của các Thành phố Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plây Cu, thị xã Kon Tum và một số thị xã, thị trấn khác đi đầu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là : *Phát triển nhanh văn hóa - xã hội*

Tạo bước chuyển căn bản và có tiến bộ rõ rệt về các mặt văn hóa - xã hội của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. *Trong 5 năm tới, tập trung trước hết vào việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của hơn 1,3 triệu đồng bào dân tộc tại chỗ ; xóa xong đói, cơ bản xóa nghèo. Bảo đảm đất sản xuất và việc làm cho đồng bào.*

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ các hộ nghèo về nhà ở. Phấn đấu đến năm 2010 nhân dân Tây Nguyên về cơ bản đều có nhà ở được xây dựng chắc chắn ; phần lớn đồng bào được dùng nước sạch và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Tăng đầu tư, nâng cấp bệnh viện tỉnh, xây dựng các bệnh viện đa khoa khu vực, nhanh chóng xóa xã trắng về cơ sở y tế. Phấn đấu để các cơ sở y tế đều được xây dựng kiên cố, có trang thiết bị tối thiểu, có đủ nước sạch, đủ y sĩ, bác sĩ và thuốc chữa bệnh ; không ngừng phát triển y tế buôn làng. Khống chế và tiến tới loại trừ các dịch bệnh sốt rét, lao, phong, bướu cổ và thanh toán bại liệt trẻ em.

Digitized by Google

Ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Tây Nguyên. Bảo đảm đủ trường, lớp và đội ngũ giáo viên cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng mục tiêu bảo đảm con em đồng bào được đi học với chất lượng ngày càng tốt hơn ; bậc tiểu học được học cả chữ viết, tiếng nói phổ thông và chữ viết, tiếng nói của dân tộc mình. Xây dựng các trung tâm dạy nghề đào tạo ngắn hạn và các trường đào tạo nghề cho thanh niên dân tộc thiểu số.

Xây dựng các cơ sở sinh hoạt văn hóa và hoạt động thể dục, thể thao cho các buôn làng theo phương châm : "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Quy hoạch lại các khu dân cư để thuận lợi cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Nghiên cứu và giữ gìn các di sản văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên. Tăng cường thể chế văn hóa cơ sở ở thôn bản thông qua việc thực hiện Quy chế dân chủ. Xóa bỏ hủ tục, mê tín, nếp sống lạc hậu.

Bốn là : *Bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh*

Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đặc biệt là thế trận lòng dân. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo ; làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền vận động để đồng bào nâng cao cảnh giác, hiểu rõ âm mưu phản động của các thế lực thù địch. Bảo đảm tự do tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo trong khuôn khổ của luật pháp ; đồng thời, bằng các giải pháp thích hợp ngăn chặn việc truyền đạo trái phép và không để kẻ xấu lợi dụng đội lốt tôn giáo chống phá đất nước. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang phải thật sự là những cán bộ dân vận của Đảng và Nhà nước, làm tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng tham gia các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Năm là : *Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước*

Tập trung sức xây dựng và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị, trước hết là cấp cơ sở để có đủ năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành mọi mặt đời sống xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc. Có kế hoạch và chính sách phù hợp để thu hút cán bộ đến làm việc ở Tây Nguyên. Cán bộ người Kinh công tác trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải học tiếng của đồng bào, thật sự hiểu biết, gắn bó với đồng bào, khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, ngại khó, gia trưởng, xa dân. Đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức thích hợp ; bố trí, sử dụng và tạo điều kiện cho cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ đảm nhiệm tốt trách nhiệm trong các lĩnh vực ; coi trọng và phát huy vai trò tích cực của đội ngũ già làng, trưởng bản.

Trước mắt, cần có chính sách và biện pháp thích hợp để tăng cường cán bộ xuống cơ sở vận động nhân dân, giúp dân sản xuất, xóa đói, giảm nghèo. *Chăm lo xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.* Đây chính là nguồn sức mạnh vô địch để đẩy lùi mọi kẻ thù, đẩy lùi đói nghèo, là yếu tố quyết định cho sự ổn định và phát triển Tây Nguyên giàu mạnh. ❑

Digitized by Google

KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ KINH TẾ VIỆT NAM

VŨ KHOAN *

KINH tế của bất cứ nước nào cũng có mối quan hệ và chịu tác động dù ít hay nhiều của kinh tế khu vực và thế giới. Kinh tế Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ, nhất là trong quá trình hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Minh chứng cho điều đó là giá trị xuất khẩu của nước ta bằng xấp xỉ 1/2 giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ; nguồn vốn nước ngoài chiếm tới trên 40% tổng số vốn đầu tư của toàn xã hội, riêng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) đóng góp tới 13 - 14% GDP, trên dưới 30% sản lượng công nghiệp. Phần quan trọng này chuyển biến ra sao tất ảnh hưởng tới kinh tế nước ta. Điều đáng mừng là nhận thức về mối quan hệ này ngày càng lan tỏa và thấm sâu vào nhận thức của chúng ta, từ các cơ quan hoạch định chính sách tới các cơ sở sản xuất kinh doanh, thậm chí cả người dân, từ đó sự quan tâm của xã hội tới kinh tế khu vực và thế giới ngày một tăng.

Đấy là nói chung. Riêng năm 2002, kinh tế nước ta đã hứng chịu không ít tác động của kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, chúng ta nên xem xét kinh tế khu vực và thế giới năm qua có những đặc điểm gì, tác động tới nền kinh tế nước ta ra sao để từ đó chuẩn bị cho năm 2003.

Bước vào những năm đầu của thế kỷ mới người ta hy vọng vào sự phát triển mạnh mẽ mới dưới tác động của "kinh tế tri thức" và quá trình toàn cầu hóa. Nói về chiều dài lịch sử thì niềm hy vọng ấy không phải không có căn cứ. Tuy nhiên trong thời gian trước mắt, thực tế của kinh tế thế giới ảm đạm hơn nhiều so với mong đợi.

Kinh tế thế giới tuy có phục hồi sau những năm trì trệ dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ và kinh tế Đông Á vào những năm cuối thế kỷ trước, song sự phục hồi ấy diễn ra chậm chạp, khó khăn hơn nhiều so với dự báo. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu trong năm 2002 chắc chỉ xoay quanh mức 2,7 - 2,8%, cao hơn mức 2,2% trong năm 2001, song chưa đạt mức 4,4% của năm 2000.

Sự trì trệ nói trên bắt nguồn từ tình trạng khó khăn của các nền kinh tế lớn nhất thế giới là kinh tế Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu. Kinh tế Mỹ chỉ tăng ở mức 2,4% ; ngân sách và cán cân thanh toán thâm hụt nặng nề ; thị trường chứng khoán xáo động và ở mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ qua ; hàng loạt ngành công nghiệp chủ lực, kể cả công nghệ cao

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

thuyên giảm ; hàng loạt công ty hàng đầu như Enron, World Com, Global Crossing... bê bối, phá sản, tuy Cục Dự trữ Liên bang liên tục giảm lãi suất để kích thích sản xuất, song cũng không có hiệu quả. Tình hình này là hệ quả của sự thuyên giảm lòng tin của người tiêu dùng trước những bấp bênh của cuộc sống sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001 và không khí cuồng chiến bao phủ chính trường Mỹ ; vốn rút khỏi nước Mỹ ; đầu tư liên tục thuyên giảm trong 10 tháng liền ; một số ngành kỹ thuật cao phát triển quá nhanh, cung vượt cầu nên kinh tế Mỹ đã rơi vào khó khăn, trì trệ.

Kinh tế Nhật Bản không làm sao thoát khỏi cảnh ảm đạm kéo dài, tốc độ tăng trưởng vẫn quanh con số "0", quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, nhất là hệ thống tài chính, ngân hàng chưa đem lại kết quả. Kinh tế Tây Âu nguội lạnh hẳn với tốc độ tăng trưởng chỉ trên 1% với tỷ lệ thất nghiệp lên tới 8%.

Vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của thực trạng kinh tế nói trên, nền tài chính toàn cầu cũng trải qua những khó khăn nghiêm trọng. Vấn đề nổi lên là sự giảm giá trị của đồng đô-la Mỹ : trị giá đồng đô-la giảm 14,7% so với đồng ơ-rô và so với đồng yên Nhật giảm 12%. Do sự suy yếu của kinh tế, lãi suất giảm mạnh, cán cân thanh toán thâm hụt nghiêm trọng, Mỹ trở thành con nợ lớn nhất thế giới với khoản nợ lên tới 6 000 tỉ USD, bằng 60% GDP của nước Mỹ. Nguy cơ chiến tranh thường xuyên đe dọa sự ổn định. Cột chặt với đồng đô-la Mỹ, nền tài chính của Ác-hen-ti-na và Bra-xin, các nền kinh tế lớn nhất ở Mỹ La-tinh, chao đảo dữ dội, làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế tụt 10%.

Tuy quá trình tự do hóa thương mại trên thế giới vẫn tiếp diễn và Hội nghị Đô-ha đã mở ra khả năng tiến hành một vòng đàm phán mới, song sự cạnh tranh trên thương trường quốc tế diễn ra rất gay gắt, nhiều biện pháp bảo hộ công khai hoặc trá hình được áp dụng. Một biểu hiện của chiều hướng này là sự tranh giành gay gắt giữa nhiều nước với Mỹ, do Mỹ dâng cao hàng rào bảo hộ ngành thép của mình.

Toàn bộ tình hình trên đã ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế nước ta năm 2002. Điều đó thể hiện trước hết trong những khó khăn về xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Điều đáng ghi nhận là trong bối cảnh phức tạp như vậy, nền kinh tế nước ta vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng trên 7%, mức cao thứ nhì ở châu Á, chỉ sau Trung Quốc.

Bước vào năm 2003, điều gì sẽ chờ đợi chúng ta ? Đó là vấn đề rất đáng được quan tâm. Một số dự báo cho rằng, tình hình kinh tế thế giới sẽ sáng sủa hơn, tốc độ tăng trưởng sẽ đạt khoảng 3 - 4%, trong đó kinh tế Mỹ sẽ tăng khoảng 2,6%, kinh tế EU tăng 2,3%, kinh tế Nhật Bản tăng 1,1%, kinh tế Đông Á tăng 5,5%... Tình hình quý IV năm 2002 có sự cải thiện nhất định, hy vọng rằng nhiều biện pháp điều chỉnh cơ cấu mạnh mẽ trong năm qua sẽ đem lại hiệu quả.

Tuy nhiên, dư luận rộng rãi cho rằng, kinh tế thế giới năm 2003 còn ẩn chứa nhiều nhân tố bất ổn, khó lường hơn cả năm 2002. Nhân tố bấp bênh nhất là liệu chiến tranh có nổ ra ở I-rắc không ? Nếu điều đó xảy ra thì kinh tế thế giới tất sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề : giá dầu lửa sẽ xáo động mạnh ; sự thông thương qua khu vực vùng Vịnh sẽ bị trở ngại nghiêm trọng ; chi phí vận tải và bảo hiểm sẽ gia tăng ; quan hệ quốc tế sẽ càng rối ren, phức tạp... Chưa có gì bảo đảm những nhân tố kìm hãm sự phát triển lành mạnh của các nền kinh

Digitized by Google

tế lớn sẽ được khắc phục, nguy cơ của một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ vẫn còn tồn tại, có thể bột phát bất cứ lúc nào.

Trong một thế giới bấp bênh, đầy sự bất trắc, đưa ra một dự báo nào thật chuẩn xác là điều không phải dễ dàng nếu như không nói là không thể làm được. Dù sao đi nữa, trong năm 2003 kinh tế nước ta sẽ đứng trước một loạt vấn đề liên quan tới kinh tế thế giới cần được quan tâm.

Một là, trước sự bất trắc của kinh tế thế giới cần dự liệu nhiều tình huống khác nhau để từ đó chuẩn bị các biện pháp ứng phó cơ động, linh hoạt.

Hai là, kinh nghiệm cuối những năm 90 thế kỷ trước, khi kinh tế khu vực lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, đã mách bảo rằng, nội lực (cả nguồn lực về vốn lẫn thị trường trong nước) là nhân tố có ý nghĩa quyết định. Ngay trong năm 2002 vừa qua, mặc dầu nguồn vốn đầu tư của nước ngoài đưa vào nước ta tuy không nhiều như mong muốn, song với chủ trương phát huy nội lực, khơi dậy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, nguồn vốn trong nước không ngừng gia tăng, chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong GDP và ngân sách Nhà nước. Mặc dầu thị trường bên ngoài gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm lại, song nhờ chính sách kích cầu trong nước nên sức mua trong nước gia tăng, làm cho chu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng cao.

Ba là, trong những năm tháng tiến hành công cuộc đổi mới, nước ta đồng thời đã theo đuổi một chính sách đối ngoại rộng mở cả về chính trị lẫn kinh tế theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa. Về mặt kinh tế, điều này càng đúng trong một thế giới biến động khôn lường. Trong những năm 90 của thế kỷ trước, nước ta đã hai lần phải thực hiện sự điều chỉnh lớn về thị trường (lần thứ nhất liên quan tới những đảo lộn ở Đông Âu và Liên Xô trước đây ; lần thứ hai liên quan tới cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực). Bước vào năm 2003, đứng trước những sự bấp bênh trên thị trường quốc tế, bài học đó càng có ý nghĩa thời sự.

Bốn là, một đặc điểm nữa của năm 2003 là, nước ta tiến thêm một bước mới trên con đường hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, thông qua việc thực hiện trên diện rộng hơn các cam kết trong khuôn khổ Khu vực Mậu dịch tự do (AFTA) và đi sâu vào cuộc đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Quá trình này sẽ đem lại cho nước ta cơ hội mới nhờ có thêm điều kiện thuận lợi để thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường các nước khác và thông qua sự cọ xát, cạnh tranh sẽ nâng cao được chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đồng thời, quá trình hội nhập sẽ làm nảy sinh không ít thách thức mới trên thị trường thế giới và ngay trên thị trường Việt Nam nếu chúng ta không kịp thời nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã hàng hóa, giảm giá thành, hoàn thiện năng lực kinh doanh...

Việc nhấn mạnh quá mức một mặt nào ở đây cũng đều không đúng. Quá nhấn mạnh những thách thức sẽ đưa tới tâm trạng tự ti, co cụm, không tận dụng các cơ hội mới để phát triển. Nhấn mạnh một chiều cơ hội sẽ làm nảy sinh tư tưởng chủ quan, đưa tới những hậu quả nghiêm trọng. Một thái độ đúng là nhận thức toàn diện, sâu sắc cả cơ hội lẫn thách thức để từ đó chủ động sắp xếp công việc, lực lượng, giành những thành tựu cao nhất trong việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2003, năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, do Đại hội IX của Đảng thông qua. ❑

Digitized by Google

BỘ SÁCH QUÝ "HỒ CHÍ MINH TUYỂN TẬP" LẦN THỨ BA RA MẮT BẠN ĐỌC

THỰC hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng, để kỷ niệm lần thứ 112 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia đã ấn hành lần thứ ba ***Hồ Chí Minh Tuyển tập***, gồm ba tập.

Tập 1 : Các bài và tác phẩm từ năm 1919 đến năm 1945.

Tập 2 : Các bài và tác phẩm từ năm 1945 đến năm 1954.

Tập 3 : Các bài và tác phẩm từ năm 1954 đến năm 1969.

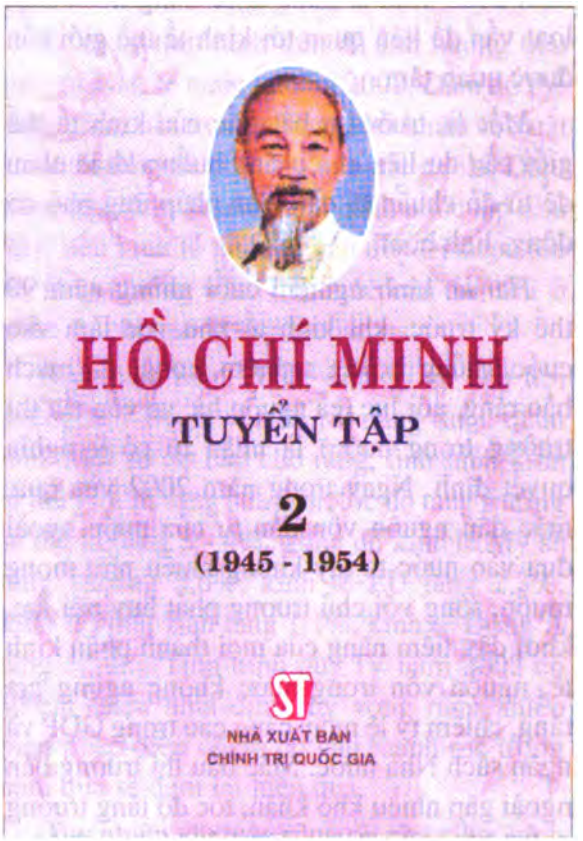
Tuyển tập đã thể hiện một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bộ sách được tuyển chọn từ bộ **Hồ Chí Minh Toàn tập** (12 tập, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2000). Hội đồng xuất bản "Hồ Chí Minh Tuyển tập" trân trọng giới thiệu những nội dung chính yếu.

*

* *

Cuối thế kỷ XIX, Việt Nam bị biến thành thuộc địa của thực dân Pháp. Không cam chịu kiếp sống nô lệ, nhân dân Việt Nam liên tiếp nổi dậy đấu tranh chống xâm lược Pháp và phong kiến tay sai phản động. Các cuộc đấu tranh theo những xu hướng khác nhau nổ ra ở khắp Bắc - Trung - Nam nhưng tất cả đều bị



dìm trong bể máu. Tình hình đất nước đen tối như không có đường ra.

Với tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập tự do", năm 1911, Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Gần 10 năm, Người vừa làm thợ kiếm sống vừa tiến hành cuộc khảo sát thực tế khắp các châu lục, từ những nước tư bản, thực dân, đế quốc đến các nước thuộc địa. Đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhất là sau khi đọc *"Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa"* của V.I. Lê-nin, được tắm

Digitized by Google

gương Cách mạng Tháng Mười Nga soi sáng, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc đúng đắn, không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn cho tất cả các dân tộc thuộc địa. Người khẳng định : Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản, chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới.

Hồ Chí Minh cho rằng, *giải phóng dân tộc gắn bó chặt chẽ với giải phóng giai cấp, giải phóng con người và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.* Người chỉ rõ : Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là tư tưởng cốt lõi xuyên suốt toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh qua các thời kỳ, trên tất cả mọi lĩnh vực.

Những luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục được Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam quán triệt, vận dụng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hồ Chí Minh đặt vấn đề : "Muốn biết ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào thì trước hết phải biết chủ nghĩa xã hội là gì ?". Theo Người, "chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh", "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do", là công bằng hợp lý, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng, những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom...

Hồ Chí Minh là người đầu tiên chỉ rõ : Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, chúng ta phải phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với năm loại hình kinh tế khác nhau : kinh tế quốc doanh ; kinh tế hợp tác xã ; kinh tế của cá nhân, nông dân và thợ thủ công ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước. Và nước ta "phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa" chứ không chệch theo hướng tư bản chủ nghĩa, cần phải làm cho kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Để đạt được mục tiêu đó, sự phát triển kinh tế văn hóa phải gắn với chế độ xã hội chủ nghĩa, gắn với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Các bài và tác phẩm trong *Hồ Chí Minh Tuyển tập* thể hiện những quan điểm cơ bản của Người về việc xây dựng những nhân tố chủ yếu bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Người đặt câu hỏi : "Cách mệnh trước hết phải có cái gì ?" ; và chỉ rõ : "Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng có vững cách mệnh mới thành công". Để có đảng vững mạnh, làm tròn vai trò tiên phong của mình, đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin - chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, khoa học nhất - làm cốt, làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động ; cán bộ đảng viên phải tiên phong gương mẫu, hy sinh tận tụy, gắn bó mật thiết với nhân dân. Chỉ có như vậy, Đảng mới là "một đảng to lớn, vững mạnh, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để".

Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm công tác xây dựng Đảng, chỉnh đốn Đảng. Tầm quan trọng, tính cấp bách của công tác chỉnh đốn Đảng thường được Người nhấn mạnh, coi là việc "trước hết", "trước tiên", "việc chính", "việc cần kíp", "việc phải làm ngay".

Quan điểm cách mạng trước hết phải có đảng, phải đặc biệt coi trọng công tác chỉnh

Digitized by Google

đốn đảng được Hồ Chí Minh đề cập sâu sắc trong Di chúc. Trong mấy lời, mấy việc Người dặn lại trước lúc đi xa thì "trước hết nói về Đảng" và "việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng".

Theo Hồ Chí Minh, "không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân". Vai trò chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân được Hồ Chí Minh đúc kết, trở thành chân lý, chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng lực lượng cách mạng ở Việt Nam :

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công".

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh tập trung tìm kiếm, vun trồng những điểm tương đồng trong dân tộc. Người cho rằng tất cả mọi người sống trên đất nước Việt Nam đều là con Lạc cháu Hồng, con dân nước Việt, con Rồng cháu Tiên, đều có một điểm chung : "Ai cũng có lòng yêu nước, ghét giặc". Hồ Chí Minh chỉ rõ mục tiêu và đối tượng của đoàn kết : "Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ". Để không một người Việt Nam nào nằm ngoài khối đại đoàn kết toàn dân, phải đề cao cái chung, có lòng bao dung độ lượng bởi : "năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ".

Đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự tập hợp lực lượng hết sức rộng rãi được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công nông vững chắc bởi *"công nông là gốc cách mạng"*. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của trí thức và sự gắn bó giữa công nhân, nông dân, trí thức. Người đòi hỏi, trong quá trình cách mạng "công, nông, trí cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối". Khối đại đoàn kết toàn dân ở đây bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo được tổ chức thành Mặt trận dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để thực hiện đại đoàn kết, cán bộ đảng viên "cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm". Tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh, cùng với tấm gương trân trọng nâng niu, giữ gìn sự đoàn kết của Người, thực sự trở thành một nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, vững chắc ở nước ta.

Trong tư tưởng của Người, *vấn đề quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chiếm vị trí rất quan trọng* và có những điểm đặc sắc, độc đáo. Tư tưởng nhất quán ở Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc là "cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền". Bởi vì : "Chế độ thực dân tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu". Phù hợp với quan điểm mác - xít chiến tranh là sự kế tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực, Hồ Chí Minh nhấn mạnh quân sự phải phục tùng chính trị, quân sự không có chính trị như cây không có gốc.

Hồ Chí Minh cho rằng, bạo lực cách mạng bao gồm lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân cùng với sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị. Người đòi hỏi tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ

Digitized by Google

trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng.

Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân là toàn dân đánh giặc, toàn dân kháng chiến với tất cả mọi thứ vũ khí, phương tiện có trong tay. Năm 1946, toàn quốc bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh kêu gọi : "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước". Phương châm ấy được Người tiếp tục phát triển trong những năm chống Mỹ : "31 triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kỳ già, trẻ, gái, trai phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước". Hồ Chí Minh cho rằng, dân khí mạnh thì quân thù nào, vũ khí nào cũng không chống lại nổi. Với tư tưởng ấy, trong việc xây dựng căn cứ địa và hậu phương chiến tranh, Hồ Chí Minh chỉ rõ : "Căn cứ hậu phương vững chắc nhất là lòng dân".

Tư tưởng của Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng vũ trang là : từ dân mà ra, vì dân mà chiến đấu, xây dựng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ) làm nòng cốt cho lực lượng chính trị toàn dân và nền quốc phòng toàn dân. Sự phong phú, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân được thể hiện nổi bật qua đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính, kháng chiến đi đôi với kiến quốc, hậu phương thi đua với tiền phương... Chính sự sáng tạo ấy là nhân tố hàng đầu tạo nên những thắng lợi lịch sử của Cách mạng Tháng Tám 1945 và đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Các bài và tác phẩm trong Tuyển tập cho thấy những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh trong xây dựng nhà nước kiểu mới về mọi mặt.

Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt, chi phối mọi hoạt động của Hồ Chí Minh về nhà nước là xây dựng một Nhà nước dân chủ - Nhà nước của dân, do dân, vì dân :

"Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân.*

Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân...*

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do *dân cử ra".*

Hồ Chí Minh cho rằng, quá trình xây dựng Nhà nước dân chủ không thể tách rời việc thực hiện chuyên chính đối với âm mưu và hành động của các thế lực thù địch tìm cách chống phá nhà nước. Người khẳng định : "Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khóa, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khóa, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khóa, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ". Hồ Chí Minh còn đòi hỏi dân chủ phải gắn với kỷ cương, quyền lợi công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Từ rất sớm Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề cần thiết phải xây dựng một nhà nước pháp quyền mạnh mẽ và sáng suốt. Người đòi hỏi nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật và mọi công dân đều sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật ; việc đề cao nhà nước pháp quyền phải gắn với tăng cường giáo dục đạo đức.

Digitized by Google

Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước có đức, có tài, am hiểu pháp luật, thông thạo chuyên môn, nghiệp vụ để cho "các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng đều là đầy tớ của nhân dân". Để có được một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đòi hỏi phải chống những tiêu cực như quan liêu, tham ô, lãng phí... nảy sinh trong bộ máy nhà nước và từ cán bộ công chức. Tư tưởng đó của Người đã và đang chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng Nhà nước ta.

Về việc *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, Hồ Chí Minh cho rằng Việt Nam là một bộ phận của thế giới, tình hình trên thế giới liên quan chặt chẽ tới Việt Nam và ngược lại.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn nhắc nhở mỗi người Việt Nam cần phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, "Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta". "Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác đến giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập". Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cho rằng, sự đoàn kết giúp đỡ quốc tế là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Với phương châm "giúp bạn là tự giúp mình", Hồ Chí Minh không chỉ tranh thủ đến mức cao nhất sự ủng hộ giúp đỡ quốc tế mà Người còn chủ trương nhân dân Việt Nam phải làm hết sức mình cho các mục tiêu cách mạng của thời đại : hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tư tưởng Việt Nam sẵn sàng "làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai", do Hồ Chí Minh nêu lên cách đây hơn nửa thế kỷ, đang được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong tình hình hiện nay : Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Quan niệm về *đạo đức cách mạng* cũng được Hồ Chí Minh nêu lên một cách toàn diện, sâu sắc trong các bài và tác phẩm của Tuyển tập. Theo Người, đạo đức cách mạng là "suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng", "tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân", "hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng", "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ". Với quan niệm đó, Hồ Chí Minh dạy : Sông phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn, cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm gốc, làm nền tảng mới hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang. Vì vậy, suốt đời mình, Hồ Chí Minh chăm lo giáo dục để mỗi cán bộ, đảng viên có được những phẩm chất đạo đức cách mạng cơ bản : trung với nước, hiếu với dân ; thương yêu quý trọng con người ; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Người viết trong Di chúc : "Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", và "phải chăm lo, giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên và thanh niên".

Nâng cao đạo đức cách mạng phải đi đôi với quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Theo Hồ Chí Minh, những người sa vào chủ nghĩa cá nhân khi làm "bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng ham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân", "tự cho mình cái gì cũng giỏi", "không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng". Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm : tham ô, lãng phí, tham danh, trục lợi,

Digitized by Google

thích địa vị quyền hành, tự cao, tự đại, bè phái, độc đoán, chuyên quyền... Do đó, "thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân". Hồ Chí Minh lưu ý mọi người đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân". Theo Người, "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong".

Trước khi qua đời, Hồ Chí Minh căn dặn Đảng ta : "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân". Cũng với quan điểm văn hóa là động lực của sự nghiệp cách mạng, Người nói, văn hóa soi đường cho quốc dân đi, văn hóa có tác động sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ.

Để văn hóa đóng vai trò ngày càng to lớn trong sự nghiệp cách mạng, việc giữ vững bản sắc, cốt cách, truyền thống văn hóa dân tộc cần gắn bó chặt chẽ với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kết hợp, giao lưu văn hóa dân tộc và nhân loại, phương Đông và phương Tây.

Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa là quan điểm văn hóa nghệ thuật là một mặt trận, người hoạt động văn hóa nghệ thuật là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Người nói : Cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ lịch cách mạng, kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến.

Theo Hồ Chí Minh, "nền văn hóa Việt Nam có các tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng". Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền văn hóa có "nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa là kim chỉ nam cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX nhấn mạnh : Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thắng lợi của cách mạng không chỉ do tư tưởng, đường lối đúng đắn, sáng tạo mà còn đòi hỏi phải có phương pháp cách mạng thích hợp. *Phương pháp cách mạng* Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; kế thừa, phát triển lên một tầm cao mới phương pháp dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam phù hợp với thời đại ngày nay.

Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là một hệ thống được thể hiện đa dạng, phù hợp với các thời kỳ, các giai đoạn khác nhau của cách mạng Việt Nam. Quan điểm "Dĩ bất biến, ứng vạn biến" là sự thể hiện tính đặc sắc, độc đáo của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh. Với Hồ Chí Minh, độc lập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, nói cách khác độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là bất biến. Để đạt được mục tiêu đó phải biết ứng biến, linh hoạt, mềm dẻo, uyển chuyển, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện lịch sử cụ thể. Với phép biện chứng của sáng tạo cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải biết ứng biến nhưng không được từ bỏ nguyên tắc cách mạng, xa rời cái bất biến.

Với những nội dung cơ bản và phong phú nêu trên, *Hồ Chí Minh Tuyển tập*, xuất bản lần thứ ba, là một bộ sách kinh điển quý báu, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với Đảng ta và dân tộc ta.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. ❑

Digitized by Google



Tại Hội thảo "Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Pa-ri về Việt Nam" **Ảnh : Nhan Sáng**

HIỆP ĐỊNH PA-RI : 30 năm nhìn lại

NGUYỄN THỊ BÌNH *

ĐÚNG 30 năm trước, ngày 27 tháng Giêng - 1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, đánh dấu thắng lợi hết sức quan trọng của chúng ta trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Hiệp định Pa-ri có ý nghĩa chính trị - ngoại giao to lớn, tạo điều kiện cho nhân dân ta tiếp tục đấu tranh đi đến toàn thắng năm 1975. Buộc phải ký kết Hiệp định Pa-ri, Mỹ mặc nhiên thừa nhận hành động xâm lược và thất bại của mình. Điều 1 của Hiệp định ghi rõ : *"Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam đã*

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng Đoàn Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời tại Hội nghị Pa-ri về Việt Nam

Digitized by Google

công nhận"(1). Về quân sự, việc Mỹ rút quân hoàn toàn, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự làm cho tương quan trên chiến trường thay đổi có lợi cho cách mạng. Chính vì thế, chỉ hơn hai năm sau khi Hiệp định được ký, với cuộc Tổng tiến công Mùa Xuân 1975, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Khoảng cách lịch sử 30 năm, cho phép chúng ta nhìn lại rõ hơn về ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri và cả những bài học có thể rút ra cho ngày hôm nay.

I- "VỪA ĐÁNH VỪA ĐÀM" - NGHỆ THUẬT KẾT HỢP ĐẤU TRANH QUÂN SỰ VỚI ĐẤU TRANH NGOẠI GIAO

Quân sự và ngoại giao là hai mặt trận gắn liền hữu cơ và hỗ trợ lẫn nhau. Trên bàn đàm phán không thể giành được những gì mà trên chiến trường không giành được. Mặt khác, những gì giành được trên chiến trường sẽ không được khẳng định nếu không có nghệ thuật giành thắng lợi trên bàn đàm phán. Hơn thế nữa : Thắng lợi trên bàn đàm phán tạo thêm điều kiện thuận lợi để giành thắng lợi lớn hơn trên chiến trường. Hiệp định Pa-ri là sự thể hiện trình độ cao của nghệ thuật *vừa đánh vừa đàm* của Việt Nam. Hội nghị cho thấy, chúng ta đã vận dụng một cách nghệ thuật mối quan hệ hữu cơ đó, biết mở đàm phán đúng lúc và đóng đàm phán đúng lúc phù hợp với tình thế trên mặt trận.

Ngay từ cuối năm 1965, lãnh đạo ta đã tính đến việc nói chuyện với Mỹ. Nhưng chỉ sau Hội nghị Trung ương 8, chúng ta mới thực sự triển khai kế hoạch này. Ngày 28-1-1967, trả lời phỏng vấn nhà báo Bớc-sét (Burchet), Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố : Chỉ sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng hòa *có thể nói chuyện với Mỹ*. Cuối tháng 12-1967, sau khi phía Mỹ đưa ra công thức San An-tô-ni-ô (2), Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh lại nêu *"Sau khi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam dân chủ cộng hòa sẽ nói chuyện với Mỹ về những vấn đề liên quan"*. Như vậy, đầu năm chúng ta nói *"có thể"*, đến cuối năm chúng ta đã chuyển sang khẳng định là *"sẽ"* nói chuyện với Mỹ nếu Mỹ chấp nhận ngừng ném bom. Việt Nam muốn Mỹ ngừng ném bom trước, còn Mỹ muốn Việt Nam cam kết sẽ thảo luận với Mỹ trước. Chính vì thế, hai bên vẫn chưa tiến hành gặp gỡ. Chỉ đến khi chúng ta mở cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân, Tổng thống Mỹ mới buộc phải tuyên

---

(1) *Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*

(2) Phát biểu tại San An-tô-ni-ô, Giôn-xơn khẳng định Hoa Kỳ sẵn sàng ngừng mọi hoạt động bắn phá bằng không quân và hải quân trên miền Bắc Việt Nam, khi nào sáng kiến này dẫn đến những "cuộc thảo luận có hiệu quả".

Digitized by Google

bố hạn chế ném bom miền Bắc, chịu nhượng bộ đi bước đầu tiên trên con đường thương lượng. Đây không những là sự thừa nhận đầy đủ nhất về sự phá sản của chiến lược *"chiến tranh cục bộ"*, mà còn là bước đầu tiên cho quá trình xuống thang chiến tranh của Mỹ. Như vậy, thắng lợi quân sự đã mở cánh cửa cho đàm phán ngoại giao.

Nhưng, cho đến ngày 31-10-1968, Tổng thống L.B. Giôn-xơn mới ra lệnh cho không quân và hải quân Mỹ chấm dứt mọi cuộc đánh phá chống Việt Nam dân chủ cộng hòa và mở ra Hội nghị gồm bốn bên. Cùng ngày, tôi đến Pa-ri với tư cách Trưởng Đoàn tiền trạm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam. Mãi đến ngày 8-12-1968, Tổng thống Việt Nam cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu mới cử một phái đoàn đi Pa-ri do Đại sứ Phạm Đăng Lâm dẫn đầu. Ngày 10 tháng 12, Mặt trận cử đoàn đại biểu chính thức do đồng chí Trần Bửu Kiếm, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận làm Trưởng đoàn. Về phía Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bộ trưởng Xuân Thủy, người dẫn đầu Phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa trong cuộc đàm phán hai bên từ tháng 5-1968, tiếp tục làm Trưởng Đoàn trong đàm phán bốn bên.

Ngày 25-1-1969, Hội nghị Bốn bên chính thức khai mạc. Đây là một thắng lợi bước đầu của ta. Từ chỗ không chịu, nay Mỹ phải ngồi vào đàm phán bốn bên, có Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham dự với tư cách một bên độc lập, bình đẳng.

Hiệp định Pa-ri có thể chia làm *ba giai đoạn chính* và gắn chặt với ba bước ngoặt trên chiến trường Việt Nam. *Giai đoạn I* là từ khi bắt đầu đàm phán cho đến khi Mỹ hoàn toàn chấm dứt ném bom miền Bắc, bốn bên ngồi vào đàm phán chính thức. Giai đoạn này gắn với thắng lợi Tết Mậu Thân năm 1968. *Giai đoạn II* kéo dài từ lúc bốn bên ngồi vào đàm phán cho đến giữa năm 1972. Lúc này, trên chiến trường ta chưa giành được thắng lợi quyết định, thậm chí trong một thời gian đầu, chúng ta còn rơi vào tình thế khó khăn. Chính vì thế, đàm phán giẫm chân tại chỗ, các bên chủ yếu là thăm dò lẫn nhau. Chỉ sau thắng lợi của các cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972, ta giành lại được thế chủ động trên chiến trường, đàm phán mới đi vào thực chất *(giai đoạn III)* và đi đến ký kết Hiệp định vào tháng Giêng năm 1973.

Cuộc tấn công Tết Mậu Thân cùng với những đợt tấn công quân sự trước và sau đó, đã gây cho Mỹ nhiều tổn thất về người và của, đã tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ. Phong trào ủng hộ Việt Nam phát triển mạnh trên thế giới càng đưa thế chính trị của Việt Nam lên cao, tiếng nói chính nghĩa của Việt Nam có thêm sức thuyết phục.

Trong phiên họp đầu tiên của Hội nghị bốn bên, Trưởng đoàn của Mặt trận Trần Bửu Kiếm đưa ra lập trường Năm điểm, thực chất là tuyên bố chính trị, và bốn tháng sau đưa ra giải pháp toàn bộ Mười điểm về vấn đề miền Nam

Digitized by Google

Việt Nam (3). Đây là giải pháp hoàn chỉnh đầu tiên được đưa ra tại Hội nghị. Đối phó lại, ngày 14-5-1969, Tổng thống
R. Ni-xơn đưa ra kế hoạch Tám điểm với nội dung chính là đòi đánh đổi việc rút quân Mỹ với việc rút quân miền Bắc và giữ chính quyền Sài Gòn. Với sự ra đời của Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam đầu năm 1968, Mặt trận đoàn kết dân tộc ở miền Nam được mở rộng. Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố thành lập, đưa vị thế của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại bàn đàm phán càng vững mạnh. Tôi được cử làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đồng thời là Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Hai ngày sau, Tổng thống R. Ni-xơn công bố chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" và việc rút đợt đầu 25 000 quân Hoa Kỳ ra khỏi miền Nam Việt Nam. *Trong giai đoạn II* này, trên cơ sở phát triển giải pháp toàn bộ Mười điểm, thông qua các Tuyên bố của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam (Tám điểm ngày 14-9-1970, Bảy điểm ngày 1-7-1971, và Hai điểm nói rõ thêm trong giải pháp Bảy điểm), ta đòi Mỹ phải rút nhanh toàn bộ quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, thành lập ở miền Nam Việt Nam một chính phủ hòa hợp dân tộc ba thành phần để tổ chức tuyển cử.

Sau chiến thắng Xuân - Hè 1972, đánh địch trên năm mặt trận lớn, từ Trị - Thiên đến đồng bằng sông Cửu long, giải phóng một vùng rộng lớn, làm thay đổi lớn so sánh lực lượng, tạo ra khả năng kết thúc chiến tranh, tháng 7 năm 1972, Bộ Chính trị đã đưa ra quyết sách : phấn đấu đạt một giải pháp thương lượng cuối năm 1972 để chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới. *Giai đoạn III* đàm phán bắt đầu từ đây. Trong ba tháng 7, 8 và 9, ở Pa-ri, Lê Đức Thọ và Kít-xinh-gơ có một loạt cuộc gặp riêng bàn vấn đề một cách thực chất. Trên cơ sở "Dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam" do Việt Nam dân chủ cộng hòa đưa ra trong cuộc gặp riêng ngày 8-10-1972, hai bên bắt đầu mặc cả từng câu, chữ cho Hiệp định. Ngày 21-10, Tổng thống R. Ni-xơn gửi thư cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định : *"Văn bản của Hiệp định bây giờ có thể xem như đã hoàn thành"*.

Trong suốt quá trình đàm phán, sự phối hợp và hỗ trợ giữa hai đoàn rất nhịp nhàng và chặt chẽ. Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa thường dành cho Đoàn Mặt trận và Chính phủ cách mạng lâm thời công khai đưa ra các sáng kiến hòa bình, luôn hậu thuẫn và ủng hộ

(3) 1) Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam ; 2) Rút hết quân đội Mỹ, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh ; 3) Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết ; 4) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình ; 5) Thành lập chính phủ liên hiệp lâm thời ; 6) Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập ; 7) Thực hiện thống nhất Việt Nam từng bước bằng biện pháp hòa bình ; 8) Hai miền Nam Bắc không tham gia liên minh quân sự ; 9) Giải quyết những hậu quả của chiến tranh ; 10) Thỏa thuận giám sát quốc tế đối với việc rút quân.

Digitized by Google

lập trường các sáng kiến đó, đồng thời tập trung vào cuộc đấu tranh thương lượng với Mỹ khi cuộc đàm phán đi vào giai đoạn thực chất.

Quan hệ hỗ trợ nhau giữa quân sự với ngoại giao một lần nữa lại thể hiện ở chính giai đoạn chót của đàm phán này. Sau khi vượt qua được tuyển cử, Mỹ trở mặt ; đàm phán diễn ra căng thẳng trong suốt tháng 11 và đầu tháng 12. Đến ngày 12-12-1972, hai bên chỉ còn phải thỏa thuận vấn đề khu phi quân sự và cách ký các văn kiện và đều phải về nước xin chỉ thị. Nhưng khi đồng chí Lê Đức Thọ vừa đến Hà Nội, cũng là lúc Mỹ bắt đầu cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội và Hải Phòng. Đúng như dự đoán của Bác Hồ là nhất định Mỹ sẽ thất bại, nhưng sớm muộn Mỹ cũng sẽ dùng B.52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng trước khi chịu thua. Bị tổn thất nặng nề trong trận "Điện Biên Phủ trên không" và bị dư luận quốc tế lên án, ngày 30-12-1972, Mỹ buộc phải ngừng ném bom phía Bắc vĩ tuyến 20, phải ký tắt Hiệp định ngày 23-1-1973 và ký chính thức *"Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam"* ngày 27-1-1973, mà nội dung chủ yếu vẫn giữ nguyên như văn bản đã thỏa thuận ngày 20-10-1972.

II- ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ - NGHỆ THUẬT KẾT HỢP SỨC MẠNH CỦA DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH CỦA THỜI ĐẠI

Nếu nghệ thuật *"vừa đánh vừa đàm"* đã chuyển được những thắng lợi quân sự thành những thắng lợi ngoại giao trên bàn đàm phán, thì nghệ thuật tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của nhân dân ta là nghệ thuật kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, đây không phải là khẩu hiệu, mà là một thực tế.

Tính chất chính nghĩa của cuộc đấu tranh của Việt Nam chống Mỹ là nguồn gốc khơi dậy sự ủng hộ quốc tế đối với cuộc đấu tranh của ta. Sự chỉ đạo về đường lối đối ngoại của Đảng đối với miền Bắc và miền Nam có ý nghĩa quyết định trong việc huy động tập hợp hết sức rộng rãi các lực lượng yêu chuộng hòa bình, công lý, xây dựng Mặt trận nhân dân Đông Dương và hình thành trên thực tế Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Miền Bắc tập trung tranh thủ sự ủng hộ của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, các phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Ngay cả Liên Xô và Trung Quốc, mặc dù có những bất đồng với nhau, đều hết sức giúp đỡ ta. Sự ủng hộ to lớn, quý báu đầy hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, Cu Ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã góp phần quan trọng vào thắng lợi ngoại giao cũng như thắng lợi cuối cùng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Phong trào quốc tế là sức mạnh tạo điều kiện cho chúng ta tiến công kẻ thù trên bàn đàm phán. Mặt trận dân tộc giải phóng giương cao khẩu hiệu hòa bình trung lập để tập hợp sự ủng hộ rộng rãi của quốc tế. Nhiều chính phủ đã công nhận ngoại giao Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Cuộc đấu tranh kiên cường vì độc lập

Digitized by Google

tự do của nhân dân ra đã lay động tình cảm và lương tri của những người yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới. Nữ văn sĩ Thụy Điển S. Lít-man đã ca ngợi Việt Nam là *"lương tri của loài người", "trái tim của nhân loại"*.

Lúc đầu người dân Mỹ không quan tâm, thậm chí còn ủng hộ hành động chiến tranh của Tổng thống. Nhưng sau đó, do nhận ra tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh do giới cầm quyền Oa-sinh-tơn phát động và Mỹ ngày càng bị sa lầy, thì phong trào phản chiến ở ngay nước Mỹ đã phát triển mạnh, đặc biệt là tại các trường đại học.

Chúng ta đã cử nhiều đoàn đi các địa phương trong nước Pháp và các nước Tây Âu, Bắc Âu, châu Phi, châu Mỹ La-tinh dự các cuộc mít tinh và hội họp *"đoàn kết với Việt Nam"*, giải thích chính sách, lập trường của ta nói chung, nhất là phân biệt rõ các tập đoàn tư bản đế quốc hiếu chiến với nhân dân Mỹ và coi lính Mỹ cũng là nạn nhân của chiến tranh đế quốc. Chúng ta hết sức coi trọng dư luận và vai trò của giới báo chí. Chính họ đã góp phần làm cho nhân dân các nước hiểu về cuộc chiến đấu của chúng ta, những tội ác tày trời của Mỹ, những cuộc tàn sát, đàn áp, tù đày đối với những người dân yêu nước. Thời kỳ này, nếu ở Việt Nam chúng ta có thế hệ Hồ Chí Minh thì trên thế giới có *"thế hệ Việt Nam"*. Nhiều người thuộc thế hệ Việt Nam này hiện nay đang giữ cương vị lãnh đạo nhiều nước trên thế giới và họ luôn tự hào đã là người tham gia phong trào chống chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam.

Trong lúc đang chiến đấu, chúng ta cũng bày tỏ tình đoàn kết ủng hộ các cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước như : Cu Ba, Ni-ca-ra-goa, Nam Phi, Dim-ba-bu-ê, Na-mi-bi-a, Pa-le-xtin v.v.. Điều đó càng gắn kết cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước. Hiện nay, dù chủ nghĩa xã hội có tạm thời thoái trào, ý thức độc lập, tự chủ, tự tôn dân tộc vẫn phát triển. Tấm gương chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam vẫn sâu đậm trong lòng nhân dân thế giới.

Cũng cần khẳng định công lao và đóng góp của Việt kiều yêu nước, đặc biệt là Việt kiều ở Pháp trong quá trình đàm phán Pa-ri là rất to lớn. Bà con Việt kiều không chỉ tham gia mít tinh, biểu tình ủng hộ các sáng kiến của ta, mà còn thiết thực giúp đỡ cho hoạt động của hai đoàn miền Bắc và miền Nam trong thời gian Hội nghị.

Có thể nói cuộc đàm phán thắng lợi ở Pa-ri của ta khẳng định đường lối và nghệ thuật đấu tranh ngoại giao tài tình cùng đường lối chính trị, quân sự của Bác Hồ, của Đảng đã đạt đến trình độ cao nhất từ trước đến nay. Cuộc đàm phán này để lại nhiều bài học cho hiện tại và tương lai của đất nước.

Bài học đầu tiên là, phải *xác định mục tiêu rõ ràng và có bước đi phù hợp.* Chúng ta kiên định mục tiêu độc lập, thống nhất. Mục tiêu đó được Bác Hồ cô đọng lại trong tuyên bố nổi tiếng của Người : *"Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ*

Digitized by Google

thay đổi". Xác định rõ mục tiêu rồi, còn phải có bước đi, có sách lược uyển chuyển, thích hợp. Bước đi đó phải tùy thuộc vào tương quan lực lượng trên chiến trường, nhưng cũng phải gắn với tình hình quốc tế, thái độ các nước lớn, phong trào và dư luận nhân dân các nước. Mục tiêu là đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào, là giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, nhưng phải đi từng bước, phải *"thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận"*. Hiệp định Giơ-ne-vơ tạo cơ sở cho tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc thắng lợi. Hiệp định Pa-ri, làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường Việt Nam, lại tiếp tục làm cơ sở cho việc hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Bài học thứ hai là, phải có *chính sách độc lập tự chủ*. Đồng chí Lê Duẩn nói : *"Vấn đề Việt Nam giải quyết không phải chỉ ở Việt Nam mà cả trên trường quốc tế"*. Chúng ta hiểu ý nghĩa của các mối quan hệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ giữa các nước lớn ảnh hưởng rất lớn đến cuộc kháng chiến của chúng ta, nhưng chúng ta kiên định chính sách độc lập, tự chủ. Chúng ta coi trọng sự đóng góp ý kiến của các nước anh em bè bạn, nhưng chúng ta độc lập quyết định dựa trên yêu cầu của tình hình trong và ngoài nước.

Bài học thứ ba là, *đoàn kết quốc tế*. Không chỉ đoàn kết trong nước mà còn cần đoàn kết quốc tế. Hiệp định Pa-ri cho thấy, sự ủng hộ của quốc tế có ý nghĩa như thế nào đối với thắng lợi của Hội nghị. Điều này khẳng định vai trò của ngoại giao nhân dân là vô cùng quan trọng. Quan tâm hơn đến ngoại giao nhân dân sẽ giúp cho chúng ta thực hiện thành công những nhiệm vụ của ngày hôm nay.

Cuối cùng, chúng ta cần khẳng định rằng tuy Bác Hồ sớm ra đi, nhưng toàn bộ quá trình đàm phán là thực hiện phương châm của Người - *"đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào"* và *"sẵn sàng trải thảm đỏ nếu Mỹ muốn rút quân"*. Đàm phán thành công là nhờ luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đặc biệt là của các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh. Đàm phán thắng lợi là nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp sáng suốt, uyển chuyển của các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thắng lợi của đàm phán Pa-ri, chúng ta cần tôn vinh và cảm ơn quân và dân hai miền Nam Bắc, đồng bào và chiến sĩ Thủ đô, các vị tướng lĩnh đã anh dũng chiến đấu hy sinh, lập nên những chiến công lẫy lừng, đặc biệt là chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không", tạo điều kiện cho cuộc đàm phán Pa-ri kết thúc thắng lợi. Đây cũng là dịp tốt để chúng ta ghi công những đóng góp của tất cả các đồng chí đã trực tiếp hay gián tiếp tham gia trận chiến trên bàn ngoại giao này. Chính trong trận chiến đặc biệt này, nhiều cán bộ của chúng ta đã được tôi luyện, trưởng thành để sau này trở thành các cán bộ lãnh đạo giữ trọng trách trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước.❑

Digitized by Google

CHIẾN THẮNG "TẾT MẬU THÂN" TẠO RA BƯỚC NGOẶT CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

NGUYỄN NGỌC VĂN*

CỨ mỗi độ xuân về, dù trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ trước đây hay trong những niềm vui của thời mở cửa, đổi mới hôm nay, chúng ta luôn nhớ về một mùa xuân đầy ấn tượng, đó là Xuân Mậu Thân 1968.

"Tết Mậu Thân" 1968, quân và dân ta đã đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam ; đồng loạt tiến công địch ở 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm thị trấn, quận lỵ và hàng trăm căn cứ, kho tàng, sở chỉ huy, sân bay, bến cảng... của địch ; đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não trung ương, địa phương của cả Mỹ lẫn ngụy. Nhân dân hầu khắp các vùng nông thôn được sự phối hợp của lực lượng vũ trang đã nổi dậy, phá tan từng mảng hệ thống kìm kẹp của ngụy quyền thôn xã, giành thắng lợi oanh liệt, làm tiêu hao sinh lực địch và giành quyền làm chủ, giáng cho giặc Mỹ và bè lũ tay sai một đòn choáng váng, buộc Mỹ phải đơn phương "xuống thang", thay đổi biện pháp chiến lược.

Chiến thắng "Tết Mậu Thân", cục diện cuộc kháng chiến của quân và dân miền Nam cũng như cả nước chuyển sang một giai đoạn mới hết sức quan trọng. Chiến thắng "Tết Mậu Thân" đã làm lộ rõ toàn bộ những yếu kém và bất lực của chính quyền Sài Gòn.

Thắng lợi này, quân và dân ta đã đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Bởi vì, sau chiến thắng này, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai liên tục bị thất bại không còn cách nào có thể cứu vãn được, để đến Mùa Xuân 1975 buộc lòng chuốc lấy thất bại hoàn toàn.

Với quyết tâm đánh Mỹ rất cao, ngay từ khi đế quốc Mỹ ào ạt đưa quân Mỹ và bè lũ đánh thuê vào miền Nam năm 1965, quân và dân ta đã giành chiến thắng lừng lẫy ngay từ trận đầu. Sau đó là cả một chuỗi thắng lợi vang dội : bẻ gãy cuộc hành quân "Gian-xơn-xi-ti"..., và đỉnh cao là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy "Tết Mậu Thân"1968.

Khi đế quốc Mỹ ào ạt đổ quân vào miền Nam Việt Nam và tiếp đó là đưa không quân đánh phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhiều người, trong đó có cả bạn bè của chúng ta trên thế giới và một bộ phận nhân dân trong

* Trung tướng, Viện trưởng Viện Chiến lược quân sự, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

nước đã rất lo ngại. Họ cho rằng, chúng ta không thể đứng vững trước lực lượng quân đội Mỹ và tay sai đông đến hơn một triệu quân, cộng với một khối lượng khổng lồ vũ khí giết người : đạn, bom, tên lửa, xe tăng, máy bay, tàu chiến, chất độc hóa học và kỹ thuật điện tử hỗ trợ... Bằng sức mạnh của không quân, đế quốc Mỹ muốn đưa miền Bắc Việt Nam quay về "thời kỳ đồ đá". Nhưng, chúng ta đã làm nên một điều kỳ diệu, miền Bắc chẳng những không quay về thời kỳ đồ đá mà còn bắn rơi hàng nghìn máy bay phản lực các loại của Mỹ, bắt sống hàng trăm giặc lái, hạ sập thần tượng không lực Hoa Kỳ.

Mùa Xuân Mậu Thân năm 1968, cả nước ta và đông đảo nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới hân hoan đón mừng tin chiến thắng ; còn bọn giặc Mỹ và tay sai thì ngỡ ngàng, hoảng loạn. Quân và dân ta đã bí mật, bất ngờ chuyển hàng ngàn tấn vũ khí, đạn dược và ém hàng vạn quân vào trong các đô thành, tỉnh ly kể cả sào huyệt của chúng là thành phố Sài Gòn... để đúng vào lúc giao thừa đồng loạt nổ súng tấn công, gây cho địch tổn thất hết sức nặng nề. Chiến thắng của quân và dân ta trong "Tết Mậu Thân" đã giáng một đòn quyết định vào uy thế của quân đội Mỹ trên chiến trường Việt Nam, làm suy giảm vị trí và ảnh hưởng của chính quyền và quân đội Sài Gòn ở cả thành thị lẫn nông thôn, khiến cho giới lãnh đạo cao cấp Oa-sinh-tơn phải bàng hoàng sửng sốt.

Với chủ trương quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, Đảng ta đã lãnh đạo quân và dân ta đánh giặc theo phương pháp khoa học cách mạng của phép biện chứng duy vật mác-xít, đó là : đánh lui địch từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến đến đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Từ chiến thắng Vạn Tường đến chiến thắng "Tết Mậu Thân" 1968 của ta, giặc Mỹ nếm trải thất bại từng bước ngày một nặng nề.

Thắng lợi của quân và dân ta trên cả hai miền, "đặc biệt là thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" buộc Mỹ phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh chuyển sang chiến lược "phi Mỹ hóa" rồi "Việt Nam hóa chiến tranh", rút dần quân Mỹ về nước". Đánh giá sự kiện "Tết Mậu Thân", Đảng ta đã kết luận : Tết Mậu Thân thắng rất lớn, mà nhất là đánh bại được ý chí xâm lược của Mỹ, tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh.

Sau chiến thắng "Tết Mậu Thân" của quân và dân ta, ngày 31-8-1968, Tổng thống Mỹ L. Giôn-xơn phải tuyên bố : Đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; chấp nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là người đại diện cho nhân dân miền Nam và nhận đàm phán với chúng ta tại Hội nghị Pa-ri theo cơ cấu thành phần bốn bên, bàn về hòa bình ở miền Nam (trước đó họ chỉ thừa nhận ngụy quyền Sài Gòn chứ không chịu công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam).

Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mác-na-ma-ra đã thú nhận với Tổng thống L. Giôn-xơn khi rời Lầu Năm Góc, rằng : Chúng ta không thể đạt được ở Việt Nam bằng bất cứ biện pháp quân sự nào và vì thế chúng ta phải tìm kiếm mục tiêu chính trị nhỏ bé hơn thông qua đàm phán.

Digitized by Google

Thắng lợi của "Tết Mậu Thân" 1968 chứng tỏ sự chỉ đạo về chiến tranh của Đảng ta hết sức tài tình. Đó là phương pháp tóm thắt lưng địch để đánh địch ; kết hợp giữa nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy ; hay làm chủ để nổi dậy ; nổi dậy để làm chủ, tạo thế "da báo", phát huy tối đa sức mạnh chiến tranh nhân dân. Đánh giặc và thắng giặc với tất cả mọi người từ trẻ đến già, từ trai đến gái ; với đủ loại vũ khí phương tiện có trong tay từ hiện đại đến thô sơ, từ xe tăng, đại bác, súng trường đến tên tre, bẫy đá...

Thắng lợi của "Tết Mậu Thân" còn biểu hiện ý chí và sức mạnh quật cường của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam ; là biểu hiện sức sáng tạo và tài mưu lược trong nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta. Đó là nghệ thuật nắm bắt thời cơ để chủ động giáng đòn quyết định làm chuyển biến cục diện chiến tranh ; là nghệ thuật tiến công bằng cách tạo thế bất ngờ, dùng cách đánh hiểm ; là nghệ thuật tổ chức, bố trí và sử dụng lực lượng để lấy "nhỏ thắng lớn", "lấy ít địch nhiều", lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, lấy trí tuệ của con người Việt Nam thắng vũ khí và trí tuệ của bộ máy điều hành chiến tranh của Mỹ, ngụy.

Cùng với những thắng lợi lớn lao nêu trên, Mùa Xuân Mậu Thân 1968 đã để lại hình tượng đẹp của người chiến sỹ giải phóng quân anh dũng hy sinh trong tư thế hiên ngang đứng bắn quân thù, làm chúng vô cùng khiếp sợ. Đó là hình tượng "dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ".

Ngày nay, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng chúng ta được sống trong hòa bình, cuộc sống đang ngày một ấm no, hạnh phúc là nhờ có những "dáng đứng tạc vào thế kỷ", nhờ những hy sinh vô cùng to lớn của biết bao người đi trước. Điều đó gợi cho chúng ta phải biết sống sao cho xứng đáng với sự hy sinh cao cả và anh dũng của họ, phải kiên quyết giữ gìn những thành quả cách mạng có được của ngày hôm nay bằng trách nhiệm cao nhất của mỗi công dân theo tinh thần "uống nước, nhớ nguồn" và "ăn quả, nhớ kẻ trồng cây". Chúng ta thật sự quý trọng, giữ gìn từng tấc đất của Tổ quốc, quý trọng từng phút, từng giây thanh bình của ngày hôm nay và không ngừng lao động sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Chúng ta cũng thông cảm và chia sẻ nỗi đau với những gia đình người Mỹ đã có những người con bị chết hoặc tàn phế do bị huy động tham gia cuộc chiến tranh phi nghĩa của đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam. Chiến thắng của chúng ta là lời cảnh báo cho những ai trên thế giới này vẫn còn tham vọng đạt được điều gì đó bằng cách gây chiến tranh xâm lược thì hãy dừng bước, hãy yêu quý hòa bình và biết cách giải quyết các vấn đề bất đồng bằng con đường hòa bình.

Là người đã trải qua chiến tranh, chúng ta hiểu rõ hậu quả tàn khốc của nó và lên án mạnh mẽ chiến tranh xâm lược. Chúng ta rất yêu chuộng hòa bình, yêu tự do, công lý và quyết tâm đem hết sức mình bảo vệ hòa bình, bảo vệ chế độ xã hội tốt đẹp, bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân ; không thể để bất kỳ thế lực đen tối nào gây mất ổn định chính trị hoặc tiếp tay cho kẻ khác gây chiến tranh xâm lược nước ta. ❑

Digitized by Google

Ngày Xuân Bàn về môi trường sinh thái

VŨ HIỂN



Núi rừng Tây Bắc

Ảnh : Tư liệu

NGÀY Xuân lạm bàn về môi trường sinh thái - một vấn đề có tính toàn cầu. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng ta cũng nhấn mạnh đến những vấn đề toàn cầu trong thế kỷ XXI mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương. Đó là, *bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống tội phạm quốc tế...* Trong nhiều thập kỷ qua, nước ta đã nỗ lực cùng với các nước trên thế giới để giải quyết những vấn đề toàn cầu và đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, trong đó có thành tựu đáng phấn khởi về bảo vệ môi trường sinh thái.

Như chúng ta đã biết, khoa học và công nghệ đã chứng tỏ sự phát triển và củng cố của các mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau của thế giới là tất yếu. Hơn nữa, thế giới hiện đại chứa đựng cả những niềm vui và những nỗi bất hạnh, cả nụ cười và nước mắt, cả hạnh phúc và lo toan với biết bao mâu thuẫn giằng xé trong một sự thống nhất của tổng thể cộng đồng.

Từ quan hệ tất yếu của cộng đồng vừa có mâu thuẫn, vừa có sự thống nhất ấy, nhân loại đúc rút những thành ngữ mới : "Vấn đề toàn cầu", "lợi ích toàn nhân loại", "những giá trị chung toàn nhân loại", "cái toàn nhân

Digitized by Google

loại"... Cộng đồng lớn toàn nhân loại chứa đựng những vấn đề bên trong của nó và những vấn đề đó được tích tụ, rõ nét và sâu sắc dần cùng với thời gian. Quy mô toàn cầu, quy mô toàn nhân loại đã đặt ra vấn đề cần biết đến nó và tìm cách giải quyết có hiệu quả.

Vấn đề toàn cầu hay toàn nhân loại được quan niệm là *những vấn đề mà tác động của nó có liên quan trực tiếp đến vận mệnh của tất cả các dân tộc, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội, biên giới, quốc gia.*

Sự hình thành những vấn đề toàn cầu là do nhiều yếu tố khác nhau. Những nguyên nhân trực tiếp nhất phải kể đến là tác động và những ảnh hưởng lớn lao của các cuộc cách mạng xã hội. Mỗi cuộc cách mạng xã hội tự nó thúc đẩy những bước tiến xã hội khổng lồ, giải quyết được những vấn đề cốt tủy của xã hội đương thời, tẩy rửa và vượt qua nhiều khuyết tật trên các bộ mặt xã hội lạc hậu. Vì thế, sau mỗi cuộc cách mạng xã hội, nhân loại có sức vóc mới, hình thể tươi tắn hơn và nó tác động rất mạnh đến đời sống xã hội. Và cũng sau đó, bản thân xã hội cộng đồng cũng xuất hiện những vấn đề mới từ nhỏ đến lớn, từ hẹp đến rộng, từ khu vực đến tổng thể. Những lợi ích và hệ lợi ích khác nhau xuất hiện. Những mâu thuẫn và thể thống nhất trong đổi mới được xác lập dẫn tới sự điều chỉnh, sắp xếp lại trật tự xã hội trên quy mô toàn cầu. Sự biến chuyển đó, biến chuyển của những cuộc cách mạng xã hội long trời chuyển đất như Cách mạng tư sản Pháp, Cách mạng Tháng Mười Nga - thực sự làm thế giới phải xếp đặt lại.

Nguyên nhân nữa cũng không kém phần quan trọng là do sự phát triển như vũ bão của sức sản xuất, sự chuyển tiếp các nền văn minh, sự thay đổi nhanh chóng của các yếu tố khoa học, công nghệ dẫn đến sự phân bố lại lực lượng của xã hội trên quy mô lớn. Sức sản xuất thay đổi không ngừng cũng gây ra những biến cố thuận và nghịch của thiên nhiên, đối với môi trường sống của con người. Sức sản xuất càng phát triển, khả năng con người càng lớn hơn và mạnh mẽ hơn trong việc hiểu biết, thâm nhập thế giới tự nhiên, tiến công, chinh phục thế giới tự nhiên, khai thác tận dụng thế giới tự nhiên phục vụ lợi ích cho con người. Quá trình đó vừa có lợi cho con người, nhưng vừa mang lại hiểm họa cho con người. Thiên nhiên càng được khai thác triệt để thì thế cân bằng tự nhiên càng bị thách thức. Và vì thế, hiệu quả của sự mất cân bằng của sự cạn kiệt nguồn sống sẽ quay lại đe dọa chính con người.

Cũng có vấn đề nữa là, con người phải đối mặt với chính những hành vi của mình. Thuật ngữ mới gọi là "khủng hoảng nền văn minh". Bản chất của khủng hoảng này là hoạt động của con người chứa đựng trong mình các mâu thuẫn. Sự chuyển động tự thân và mù quáng vì những động cơ và lợi ích không được điều chỉnh sẽ dẫn đến vực thẳm. Hiểm họa là ở chỗ con người sản xuất ra vũ khí ngày càng hiện đại. Sự tiêu vong toàn thể loài người trong chiến tranh hạt nhân đã không còn dừng lại ở những khái niệm mơ hồ như Kinh thánh nói về nạn "đại hồng thủy", mà là sự tận thế dễ nhìn thấy thật.

Digitized by Google

Vũ khí nhiều thêm thì quả đất như bị bé lại. Người ta tính rằng, nếu các kho bom đạn các loại đã có trong tay con người mà cho nổ hết, thì cả đến mấy trái đất cũng sẽ tàn lụi. Chưa hết, người ta còn tính rằng, nếu như các nước đang phát triển cũng tiến theo con đường của các nước phát triển đã đi về sự tiêu xài nguyên vật liệu và năng lượng, lại đạt tới mức như Mỹ hiện nay, thì điều đó sẽ dẫn đến "hiệu ứng nhà kính" và đe dọa trực tiếp sự sống.

Nhưng ai cũng biết rằng, việc đòi hỏi hạ thấp mức tiêu xài năng lượng đối với các nước phát triển là rất khó. Các giải pháp đúng đắn và có hiệu quả không thể có được trong phạm vi một quốc gia. Còn những cơ chế quốc tế thật đầy đủ và khách quan càng khó hơn bởi sự lộng hành của những kẻ vốn đã quá quen với những tiêu xài hoang phí.

Vấn đề nhân loại, "cái toàn nhân loại" còn gắn bó và chịu ảnh hưởng của quan hệ giai cấp và các chế độ xã hội khác nhau. Hiện tượng bị tha hóa và sự tha hóa con người dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, thái độ thực dụng đối với môi trường sống, rõ ràng là những yếu tố vừa cản phá việc giải quyết, vừa làm nảy sinh thêm vấn đề trong quan hệ toàn cầu. Đành rằng phải nhấn mạnh trách nhiệm chung của tất cả mọi người trong vấn đề toàn cầu, gắn lợi ích của mình trong lợi ích toàn cầu, nhưng cũng cần hiểu thêm ai là thủ phạm chính gây ra các vấn đề toàn cầu và phải tháo gỡ từ đó chứ không thể ai cũng như ai. Rõ ràng là, chủ nghĩa tư bản phải chịu trách nhiệm chính trong nhiều vấn đề nóng bỏng của toàn cầu hiện nay.

Vấn đề phát sinh hệ quả của mối quan hệ giữa các chế độ xã hội là quan hệ quốc tế cũng đang nóng bỏng trên nhiều phương diện : Quan hệ Đông - Tây, quan hệ Bắc - Nam, các mâu thuẫn giữa các trung tâm tài chính của chủ nghĩa tư bản, các cuộc xung đột gay gắt trong thế giới đang phát triển, món nợ khổng lồ của các nước thuộc thế giới thứ ba... Đây là hệ thống các vấn đề mang tính chính trị - kinh tế - xã hội. Những bản tổng kết kinh tế toàn cầu đậm nét những món lợi cho giai cấp những kẻ có tiền và có quyền, đồng thời cũng khắc sâu những vấn đề cơ cực của những người dân nghèo khó. Điều đáng nói ở đây là, nước giàu nhất cũng là nước gây ô nhiễm nhiều nhất, còn các nước nghèo khổ nếu muốn sống sót thì phải ra sức "xài" tài nguyên còn lại của trái đất. Người ta "thi nhau" chặt phá rừng bừa bãi, đào bới tài nguyên trong lòng đất và xả đủ mọi thứ độc hại vào sông biển, ao hồ, bầu sinh quyển. Nghịch lý này là kết quả tất yếu của chủ nghĩa tư bản với bản chất tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Hàng triệu tiếng nói trên hành tinh đòi truy thu phần "khấu hao trái đất" này, nhưng các vị "giáo chủ của dân chủ và nhân quyền" lại đang hiện nguyên hình là các vua quyt của thế kỷ XXI !

Vấn đề toàn cầu vốn đã nặng nề bởi khoảng cách chênh lệch ngày càng xa về mức sống giữa sự xa xỉ với sự bần hàn, thì càng bị nặng nề hơn bởi chính sự vô trách nhiệm của các nước phát triển phương Tây và của giai cấp những người giàu có. Thái độ "sống chết mặc bay" vẫn là phổ biến trong hành vi cư xử ở thời hiện đại của những kẻ say lợi nhuận. Người ta ra sức sản xuất thêm

Digitized by Google

để thu lợi, người ta hiểu và ra sức làm sạch nơi họ sống, nhưng rồi toàn bộ độc hại, rác rưởi lại chở tới các nước châu Phi. Hiểm họa của những độc chế phế thải này làm thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau của một số nước nghèo phải gánh chịu.

Vậy là, con người đang đứng trước hàng loạt vấn đề gay gắt mang tính toàn cầu. Những vấn đề đó đang tồn tại và có xu hướng gia tăng về số lượng, quy mô và mức độ. Tổng thể các vấn đề toàn cầu bao gồm một số dạng thức : các vấn đề có liên quan đến việc khắc phục những mâu thuẫn trong các quan hệ quốc gia, dân tộc như các vấn đề lợi ích kinh tế, vấn đề lãnh thổ, quân sự, chính trị, vấn đề đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân bảo vệ hòa bình, vấn đề chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, vấn đề khắc phục tình trạng lạc hậu ở các nước đang phát triển, thiết lập trật tự kinh tế thế giới mới ; những vấn đề và những mâu thuẫn giữa các hành vi của con người đối với tự nhiên, môi trường sinh thái. "Nền văn minh đang bị khủng hoảng", "nền văn minh đang nức nở", - người ta gọi vấn đề toàn cầu bằng các thuật ngữ như thế. Sự khủng hoảng đó, những vấn đề toàn cầu đó đặt ra câu hỏi nghiêm túc cho cả loài người. Khả năng tiếp tục tiến lên một cách tự phát như hôm nay, mạnh ai nấy làm như hôm nay hoặc như hôm qua thì sẽ đi tới vực thẳm. Thế giới đang xuất hiện những tiếng chuông cảnh tỉnh, cấp báo và cũng đang đặt ra những giải pháp chung để xử lý các vấn đề toàn cầu. Lối thoát chỉ có thể là tìm kiếm những con đường có tính chất đối sách của tiến bộ xã hội một cách hợp lý. Các quốc gia, các dân tộc cần phát triển, cần có chiến lược phát triển cho mình, nhưng cũng cần dành ưu tiên nhất định cho cả toàn nhân loại.

Tất nhiên, không ai có thể xoay ngay được bức tranh hiện có của thế giới. Nhưng cần phải tỏ rõ đầy đủ một điều là : không một người nào, dân tộc nào, giai cấp nào bỏ qua lợi ích của mình, vì vậy không thể không đếm xỉa đến lợi ích toàn nhân loại. Vì thế, hơn bao giờ hết, bảo vệ môi trường sinh thái phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại và mỗi quốc gia. Tiếng nói "môi trường hôm nay là đạo đức của ngày mai" đã bắt đầu vang lên như mệnh lệnh từ trái tim buộc những người có lương tri và trách nhiệm trên toàn thế giới phải tính đến.

Sự thực là, cả nhân loại đang đòi hỏi và cũng đang hoài nghi đối với thái độ của nhiều nước giàu có phương Tây. Liệu chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản có thể thích nghi với điều kiện xóa bỏ mọi thứ vũ khí hạt nhân và giải trừ quân bị, trật tự thế giới công bằng, ai cũng được làm chủ vận mệnh của mình không ?. Đây là một câu hỏi nghiêm túc và hiện trạng chưa thấy được câu trả lời. Thế giới nhìn rất rõ việc cả trăm nguyên thủ quốc gia, hàng trăm các tổ chức quốc tế, các gia tộc tụ họp nhau ở Ri-ô Đơ Gia-ne-rô (Bra-xin), Giô-han-ne-xbớc (Nam Phi) và Ki-ô-tô (Nhật Bản) để giải quyết một trong các vấn đề toàn cầu là bảo vệ môi trường, thì lại có những nước giàu nhất, hiểu biết vấn đề này nhất, không chịu ký văn bản Công ước quốc tế về môi trường.

Việt Nam là một trong những nước có nhiều nỗ lực to lớn trong sự nghiệp bảo vệ

Digitized by Google

môi trường sinh thái, đóng góp có hiệu quả cao vào những vấn đề có tính toàn cầu. Từ Hội nghị thượng đỉnh về Môi trường và Phát triển ở Ri-ô Đơ Gia-ne-rô 1992, Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện đầy đủ Chương trình Nghị sự 21, và đã có những thành tựu rất đáng khích lệ trên lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái. Việt Nam chủ trương phát huy cao độ nội lực, chủ động hội nhập với phương châm : *Tăng trưởng nhanh về kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*, hướng tới mục tiêu : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và đã đạt được nhiều thành công trên cả ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Do thực hiện đường lối mở cửa, nhịp độ tăng trưởng GDP của nước ta bình quân hằng năm trong giai đoạn 1992 - 1997 đạt trên 8%, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong giai đoạn 1997 - 2000, mặc dù nền kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động, nước ta vẫn giữ được mức tăng trưởng nhanh, đạt từ 6,9% năm 1999 lên 7,04% năm 2002 và có thể tăng mạnh hơn sau năm 2002. Như vậy, liên tục trong hơn 10 năm qua, nền kinh tế nước ta thuộc vào hàng các nền kinh tế tăng trưởng nhanh trên thế giới. Xóa đói, giảm nghèo là một trong những thành công lớn của nước ta với việc giảm 50% tỷ lệ nghèo đói trong hơn 10 năm qua. Nước ta cũng đã thực hiện thành công chính sách dân số. Năm 1999, Liên hợp quốc đã tặng giải thưởng dân số cho nước ta để ghi nhận thành công này. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang phấn đấu đạt chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình khá vào năm 2010. Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu để phát triển đất nước trong thế kỷ XXI. Ngành Y tế Việt Nam đã làm tốt công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Có thể nói rằng, tuy là một nước còn nghèo, nhưng về mặt giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nước ta đã đạt mức của những nước có nền kinh tế phát triển hơn.

Trong nhiều năm nay, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện một hệ thống phát triển và thể chế đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường được chú trọng ở mọi lúc, mọi nơi, từ ý nghĩ đến hành động. Suy thoái môi trường đã được đẩy lùi từng bước. Sự ô nhiễm môi trường đều được tập trung phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm nguyên tắc chủ đạo, cố gắng giảm thiểu đến mức tối đa và khắc phục tích cực các sự cố môi trường. Với những biện pháp mạnh, thực hiện kiên quyết, Chính phủ đã quyết định đầu tư 2,5 tỉ USD để trồng lại rừng, ra quyết định đóng cửa rừng tự nhiên. Tỷ lệ che phủ của rừng được nâng lên 33,2% đất tự nhiên. Đến nay, nước ta đã khoanh định được 101 khu bảo tồn sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, di sản văn hóa - lịch sử với diện tích 2,1 triệu héc-ta - bằng 60% diện tích lãnh thổ. Nước ta cũng tích cực tham gia ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế có liên quan về môi trường.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ, tình hình môi trường ở nước ta vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Cùng với đà tăng trưởng kinh tế, môi trường đô thị, khu công nghiệp tập trung và một số vùng

Digitized by Google

nông thôn đang bị ô nhiễm ngày càng nặng. Nếu không được phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời có thể gây tác hại nghiêm trọng tới sức khỏe nhân dân, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và sự phát triển bền vững của đất nước. Trong những ngày giáp xuân này, diễn biến phức tạp của tình hình thời tiết, khí hậu cũng gây thêm nhiều khó khăn cho công tác bảo vệ môi trường sinh thái của chúng ta.

Để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, trong thời gian tới chúng ta phải đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững ; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt mức chuẩn tối thiểu do Nhà nước quy định. Tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai, lũ lụt gây ra, cải tạo, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, ao, hồ, kênh, mương. Thực hiện dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường : xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gien di truyền, xây dựng các công trình làm sạch môi trường. Áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường.

Một nhiệm vụ quan trọng mà chúng ta rất quan tâm là, bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục thực hiện dự án 5 triệu héc-ta rừng ; tăng nhanh diện tích trồng rừng mới, kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ tái sinh rừng. Làm sao để trong vài ba năm tới, phải trồng mới được 1,3 triệu héc-ta rừng tập trung, nâng độ rừng che phủ lên khoảng 38 - 39%. Thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm đến năm 2005 có 60% số dân ở nông thôn được cung cấp nước sạch. Hoàn thành các dự án cải tạo nâng cấp hạ tầng đô thị, nhất là ở Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng... gồm các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, nâng cao năng lực giao thông đô thị, cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và sinh hoạt của nhân dân.

Đẩy mạnh giáo dục truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư. Đặc biệt là, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, đảng viên, làm cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường sinh thái trở thành mối quan tâm hàng đầu trong mỗi quyết sách phát triển kinh tế - xã hội, trong mỗi người dân và toàn xã hội . Giáo dục "đạo đức môi trường" cho thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên, coi đây là những chuẩn mực của con người trong thời đại mới.

Tất cả những nỗ lực đó của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nhằm làm cho Trái Đất - ngôi nhà chung của nhân loại phát triển bền vững trong thế kỷ XXI. Tuy nhiên, bảo vệ môi trường là vấn đề có tính toàn cầu đang đặt ra hết sức cấp bách, đòi hỏi không một quốc gia nào có thể thờ ơ, khách quan, đứng ngoài cuộc. Nước ta tích cực thực hiện các công ước quốc tế trong những vấn đề toàn cầu, đẩy mạnh nhiệm vụ bảo vệ môi trường sinh thái, để nâng cao chất lượng sống và phát triển đất nước bền vững. ❑

Digitized by Google

ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG KHU VỰC NÔNG THÔN, GÓP PHẦN XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THỊ HẰNG *

CHỈ thị số 41/CT-TW, ngày 22-9-1998 của Bộ Chính trị "*Về xuất khẩu lao động (XKLĐ) và chuyên gia*", khẳng định : *Cùng với giải quyết việc làm trong nước là chính thì XKLĐ và chuyên gia là một chiến lược quan trọng, lâu dài, góp phần xây dựng đội ngũ lao động cho công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; là một bộ phận của hợp tác quốc tế, góp phần củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu dài với các nước.* Thực hiện chủ trương trên, chúng ta đã có một hệ thống giải pháp đồng bộ từ đầu tư nghiên cứu, phát triển thị trường lao động với đổi mới cơ chế, chính sách về XKLĐ đến nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đơn giản hóa các thủ tục, và đặc biệt *chú trọng tuyển chọn lao động xuất khẩu trong bộ đội xuất ngũ, thanh niên xung phong, con em thuộc diện chính sách.* Trong 5 năm qua, công tác XKLĐ đã có những chuyển biến tích cực và đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng.

Thị trường XKLĐ đang được củng cố và từng bước mở rộng. Vào những năm 1990, với sự thay đổi về thể chế chính trị của các nước Đông Âu, thị trường truyền thống vốn nhận nhiều lao động của nước ta bị thu hẹp. Lúc này, lao động Việt Nam chỉ có mặt ở trên 10 nước. Với nhận thức thị trường XKLĐ giữ vai trò quyết định trong chương trình tổng thể của XKLĐ, hoạt động nghiên cứu, tiếp cận và khai thông thị trường có lựa chọn đã được triển khai rộng khắp. Cho tới nay, đã có gần 40 nước và vùng lãnh thổ có lao động Việt Nam làm việc trên các lĩnh vực khác nhau. Các thị trường thu hút nhiều lao động như Hàn Quốc, Nhật Bản, Li-bi-a, Lào được đầu tư ổn định, một số thị trường mới có xu hướng phát triển như Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE), Đài Loan, Sê-nê-gan được tăng cường và gần đây một số thị trường mới khai thông làm thí điểm như Pa-lau, Cộng hòa Pháp, đặc biệt là thị trường Ma-lai-xi-a đã mở ra khả năng thu hút hàng chục vạn lao động nước ta trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

Vai trò quản lý nhà nước ở các cấp được tăng cường, tập trung vào các khâu rất cơ bản, từ ban hành hướng dẫn luật, đầu tư nghiên cứu, khai thác thị trường lao động, đổi mới công tác đào tạo, giáo dục định hướng, khám sức khỏe cho lao động đến công tác thanh tra, kiểm tra, cấp hộ chiếu, phòng ngừa, xét xử những vi phạm nghiêm trọng đã góp phần làm chuyển biến tích cực về nhận thức cũng như sự phối hợp tổ chức thực hiện XKLĐ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể từ trung ương đến địa phương. *Các chính sách được ban hành và triển khai* liên quan tới công tác dạy nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài ; đơn giản hóa và thuận tiện khi làm thủ tục tư pháp, xuất nhập cảnh ; chính sách cho vay vốn, giảm chi phí đóng góp cho người lao động, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước ; giúp người lao động có những điều kiện thuận lợi để đi làm việc ở nước ngoài. *Đội ngũ doanh nghiệp XKLĐ được chấn chỉnh một bước về tổ chức,* đã năng động hơn trong đầu tư, khai thác thị trường, nâng cao trách nhiệm trong tổ chức quản lý bảo vệ quyền lợi người lao động làm việc ở nước ngoài.



Lớp dạy vi tính PTTH dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang **Ảnh : TTXVN**

Những kết quả trên gắn liền với sự đóng góp chủ động, có hiệu quả của công tác tuyên huấn, thông tin tuyên truyền của cơ quan thông tin đại chúng từ trung ương tới địa phương. Các cơ quan thông tin đại chúng đã phổ biến sâu rộng trong xã hội chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xuất khẩu lao động ; tuyên truyền những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, kịp thời phát hiện, ngăn chặn những hành vi lừa đảo của các tổ chức, cá nhân hoạt động bất hợp pháp trong XKLĐ. Nhờ vậy, việc XKLĐ trong những năm qua đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội, gia tăng quy mô lao động đi làm việc ở nước ngoài. Năm 1998, cả nước có 12 200 lao động đi làm việc ở nước ngoài, năm 1999 con số này tăng lên 21 800 người, năm 2000 có 31 500 người, năm 2001 là 37 000 người và năm 2002 có trên 40 000 người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài ; nâng tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 46 vạn người (trong đó thị trường Ma-lai-xi-a là 2,1 vạn), với nguồn ngoại tệ bình quân hằng năm chuyển về nước trên 1,3 tỉ đô-la Mỹ.

Trong quá trình thực hiện XKLĐ đã xuất hiện những nhân tố mới, những cách làm hay của một số địa phương. Đáng chú ý là mô

Digitized by Google

hình xã Thái Mỹ (Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh), xã Cương Gián (Nghi Xuân, Hà Tĩnh)... Những xã này, mấy năm qua, có hàng nghìn người đi làm việc ở nước ngoài, giải quyết việc làm cho một bộ phận lớn thanh niên nông thôn của xã. Nhờ vậy, bộ mặt làng xóm không ngừng đổi mới, cơ sở hạ tầng điện - đường - trường - trạm và nhà cửa của nhiều gia đình được xây dựng khang trang ; nhiều người từ tích lũy trong lao động đã đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh, tạo việc làm tại chỗ. Điều quan trọng là, người lao động thực hiện đúng cam kết với doanh nghiệp, chính quyền địa phương, hết thời hạn hợp đồng đều về nước. Mô hình này là kết quả của một cách làm mới : không xuất khẩu lao động một cách tự phát, mọi việc đều có lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh. Cấp ủy có nghị quyết để lãnh đạo và kiểm tra, chính quyền có chỉ thị và kế hoạch tổ chức thực hiện, các đoàn thể, nhân dân tham gia. Các ngành như công an, y tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, quỹ xóa đói giảm nghèo cũng vào cuộc. Các liên gia trong thôn, gia đình và người lao động tự ý thức về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia chương trình.

Mô hình XKLĐ cũng đã được mở rộng từ quy mô xã lên quy mô tỉnh. Hai tỉnh Hải Dương, Phú Thọ được lựa chọn làm thí điểm đưa lao động đi làm việc ở Ma-lai-xi-a và đã có những kết quả đáng khích lệ. Mục tiêu từ nay đến 2005 của Hải Dương là đưa 12 000 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tỉnh đã ban hành các chính sách hỗ trợ để người lao động được vay vốn, hỗ trợ kinh phí đào tạo, giáo dục định hướng, đơn giản hóa thủ tục làm hồ sơ. Người lao động được doanh nghiệp trực tiếp tuyển chọn qua sự giới thiệu của chính quyền địa phương và được hưởng những ưu đãi về đào tạo, vay vốn khi trúng tuyển. Sau 4 tháng triển khai, đã có trên 600 lao động đi làm việc tại Ma-lai-xi-a. Tỉnh Phú Thọ chỉ đạo điểm ở 7 huyện với chính sách hỗ trợ cho lao động nghèo vay 10 triệu đồng ; hỗ trợ lãi suất vay vốn năm đầu tiên cho con liệt sỹ, hộ nghèo ở 50 xã đặc biệt khó khăn. Trên 2 000 lao động đã hoàn thành thủ tục đi làm việc tại Ma-lai-xi-a. Mô hình XKLĐ đang được nhân rộng ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Gia Lai, Bình Dương và gần đây là 3 tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bạc Liêu thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

Bên cạnh những mặt tích cực đã được khẳng định, XKLĐ cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém cần nhanh chóng khắc phục. Đó là sự bất cập về quản lý nhà nước, trước hết hệ thống văn bản pháp luật về XKLĐ chưa đồng bộ, một số chính sách còn thiếu hoặc chưa hoàn chỉnh như : chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, đầu tư cho các doanh nghiệp mạnh trong hoạt động XKLĐ, đầu tư đào tạo nguồn lao động phục vụ xuất khẩu. Giáo dục phổ thông chưa tạo được nền tảng tốt về ngoại ngữ cho người lao động tham gia xuất khẩu. Điều này đã làm nảy sinh những bất cập giữa sự gia tăng quy mô với chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo yêu cầu của từng thị trường. Số lượng các doanh nghiệp mạnh và nhiều kinh nghiệm, đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế còn ít. Công tác quản lý lao động ngoài nước tại một số nơi chưa theo kịp với sự vận động và phát triển của thị trường. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành với các doanh nghiệp tại một số địa phương còn hạn chế, thiếu chặt chẽ và bị

Digitized by Google

động đã tác động không nhỏ tới quá trình triển khai.

Kể từ khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị *Về đẩy mạnh XKLĐ và chuyên gia*, chúng ta đã có trên 13 vạn lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài. Bình quân mỗi năm có trên 3 vạn lao động làm việc tại nước ngoài, tăng gần 4 lần so với thời kỳ trước. Đây là một bước chuyển rất căn bản. Tuy nhiên, trong 70% lao động từ khu vực nông thôn ra đi, thì số lao động nghèo có cơ hội làm việc ở nước ngoài chiếm tỷ lệ chưa cao. Hiện tượng tiêu cực, lừa đảo của một số tổ chức, cá nhân núp dưới danh nghĩa XKLĐ tại một số địa phương đã gây thiệt hại về tiền bạc cho người lao động, làm ảnh hưởng không tốt trong dư luận xã hội.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là : *Tập trung chuyển mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo nhiều việc làm ; cơ bản xóa đói, giảm hộ nghèo.* Mục tiêu của XKLĐ với tư cách là một bộ phận cấu thành của mục tiêu tổng quát, phải nhằm đáp ứng kịp thời hơn *theo hướng gia tăng hơn nữa số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó lao động nông thôn, lao động nghèo, con em trong diện chính sách được tạo nhiều cơ hội tham gia.* XKLĐ không chỉ góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo mà còn tác động tích cực đến chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Người lao động được thụ hưởng phải là đông đảo những người lao động nghèo, con em thuộc diện chính sách tại khu vực nông thôn.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu XKLĐ, chúng ta cần tổ chức lại một cách căn cơ hơn, hiệu quả hơn nhiệm vụ đẩy mạnh XKLĐ ở khu vực nông thôn, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn, thách thức, tìm ra các điều kiện cơ bản, các nhân tố quan trọng, tạo nhiều cơ hội cho người lao động đi làm việc tại nước ngoài. Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau :

Một là, *người lao động phải được đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng một cách cơ bản với chương trình được chuẩn hóa cho từng thị trường, tránh làm qua loa, đại khái mới có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của chủ sử dụng lao động và của thị trường.*

Thực tiễn cho thấy, nếu lao động được đào tạo và giáo dục định hướng một cách cơ bản và nghiêm túc, thì khi ra nước ngoài làm việc, người lao động có tính tổ chức và kỷ luật cao, thu nhập khá và ổn định hơn. Điều này càng có ý nghĩa vì lao động đi làm việc ở nước ngoài, chủ yếu là nông dân, trong khi thị trường sử dụng lao động lại là những nước có nền kinh tế đang phát triển và phát triển. Sự hòa nhập vào môi trường sống và làm việc mới với những khác biệt, do trình độ phát triển kinh tế - xã hội chưa đồng đều giữa nước gửi và nhận lao động, đòi hỏi người lao động phải được tham gia các khóa đào tạo, giáo dục định hướng. Phát triển và khuyến khích đào tạo nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, đào tạo ngoại ngữ, giáo dục ý thức pháp luật, làm rõ quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp và người lao động về thực hiện hợp đồng, tôn trọng phong tục tập quán văn hóa, hòa nhập thị trường lao động quốc tế không chỉ là yêu cầu của người

Digitized by Google

lao động, mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về chất lượng lao động trên thị trường lao động quốc tế.

Ngoài sự đầu tư của Nhà nước để hình thành một số cơ sở đào tạo chuyên cho lao động làm việc ở nước ngoài, phải nâng cấp về quy mô, phòng học, phòng thực hành, đầu tư thiết bị và đặc biệt là nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về phương pháp đào tạo trong toàn bộ hệ thống đào tạo ; nhanh chóng củng cố, nâng cấp cơ sở đào tạo của doanh nghiệp XKLĐ.

Hai là, *phải có chính sách hỗ trợ người lao động trong học nghề, ngoại ngữ, giảm phí dịch vụ ; tạo điều kiện cho mọi người lao động đi làm việc ở nước ngoài tiếp cận được hệ thống tín dụng.*

Cùng với việc mở rộng các thị trường lao động, nhu cầu lao động đi làm việc ở nước ngoài ngày một lớn. Sẽ là khó khăn khi số đông người lao động muốn đi làm việc ở nước ngoài lại thuộc những gia đình nghèo, không đủ số vốn cần thiết để đóng góp các chi phí theo quy định của Nhà nước. Vì vậy, cần hình thành một hệ thống chính sách hỗ trợ trong đào tạo, giảm thiểu tiền đặt cọc và một số chi phí khác, tạo điều kiện để người lao động được vay vốn, trang trải một phần chi phí trước khi đi lao động nước ngoài. Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức tín dụng cần tuyên tuyền rộng rãi hơn cho người lao động hiểu rõ về thủ tục và cơ chế vay, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp cận được với nguồn vốn vay của Nhà nước một cách đơn giản và thuận tiện.

Ba là, *đầu tư xây dựng các doanh nghiệp XKLĐ mạnh, hội đủ các điều kiện về năng lực tài chính, đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, am hiểu về công tác XKLĐ, năng động và sáng tạo trong cách làm và chủ động về nguồn nhân lực thông qua các cơ sở đào tạo được đầu tư phù hợp với đòi hỏi của thị trường.*

Sự năng động của từng doanh nghiệp là rất cần thiết, song để doanh nghiệp phát triển đúng với yêu cầu của tình hình mới, cần đầu tư tập trung của từng ngành, từng địa phương, xây dựng được các doanh nghiệp XKLĐ mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế. Hình thành các doanh nghiệp chuyên doanh về XKLĐ mạnh, cung ứng lao động có tính chuyên ngành như xây dựng, nông nghiệp, dịch vụ, vận tải biển và đánh bắt, chế biến thủy hải sản. Các yếu tố về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm là điều kiện cần cho một doanh nghiệp XKLĐ. Tuy nhiên, còn phải có hệ thống chính sách đầu tư, tạo môi trường hành lang pháp lý để doanh nghiệp tự khẳng định và phát triển. Cần kiên quyết chấm dứt hoạt động của các doanh nghiệp không có hiệu quả, kém năng lực hoặc có vi phạm nghiêm trọng.

Bốn là, *mở rộng phương thức đưa các doanh nghiệp XKLĐ mạnh, có uy tín gắn kết với địa phương trong việc tuyển chọn, giáo dục và quản lý lao động ở trong nước cũng như đã ra nước ngoài làm việc.*

Từng bước sơ kết, tổng kết xây dựng và nhân rộng mô hình làm XKLĐ kiểu mới - cả hệ thống cùng chịu trách nhiệm trong việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Các doanh nghiệp XKLĐ mạnh, với kinh nghiệm, năng lực và uy tín hiện có, sẽ thực

Digitized by Google

hiện việc tuyển lao động một cách minh bạch, công khai, lấy hiệu quả công việc để thu hút lao động nông thôn đi làm việc ở nước ngoài với số lượng và chất lượng ngày càng cao, đáp ứng những yêu cầu cơ bản của chủ sử dụng lao động và thị trường nơi lao động đến làm việc. Các địa phương gắn kết với các doanh nghiệp XKLĐ không chỉ với tư cách là nơi cung cấp nguồn lao động, mà còn đóng vai trò là một "cơ quan" điều phối, cùng tuyển chọn và quan trọng hơn là "bảo hành" chất lượng lao động của địa phương mình. Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng một quy trình giao kết, phối hợp mới, gắn trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của từng bên, thì Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp XKLĐ, gia đình và bản thân người đi lao động cùng có lợi.

Năm là, *đổi mới phương thức làm việc của một số cơ quan chức năng của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.*

Từ chỗ thực hiện chức năng theo kiểu "hành chính, yêu cầu" doanh nghiệp và người lao động, nay chuyển sang phục vụ một cách nhanh nhất, hợp lý nhất, bảo đảm vai trò thực quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này. *Cơ quan công an* xây dựng quy chế cấp hộ chiếu cho người lao động trong thời gian từ 5 đến 7 ngày, chậm là 10 ngày, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm phiền hà đến mức thấp nhất cho người lao động. *Cơ quan y tế* tổ chức khám sức khỏe một cách hợp lý cho người lao động, chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả khám sức khỏe, từng bước giảm dần chi phí cho người lao động. *Cơ quan ngân hàng* coi người lao động đi làm việc ở nước ngoài là đối tượng cho vay sinh lợi của Ngân hàng và xã hội, có cơ chế cho vay tín chấp và bảo đảm thu hồi được tiền vay. *Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội* tham mưu, thường trực cho Ủy ban nhân dân các địa phương, để thực hiện chương trình XKLĐ, đồng thời là cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực XKLĐ của địa phương.

Sáu là, *xác định trách nhiệm của các cấp ủy đảng trên lĩnh vực XKLĐ.*

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, các tỉnh ủy có nghị quyết về thực hiện chương trình XKLĐ cho từng năm và cả nhiệm kỳ ; tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra xuất khẩu lao động và chuyên gia của chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Ủy ban nhân dân xây dựng chương trình, đề án xuất khẩu lao động và chuyên gia trên địa bàn, thành lập Ban chỉ đạo XKLĐ từ cấp tỉnh đến huyện và xã, có quy chế hoạt động và kiểm tra việc thực hiện ; định kỳ thời gian sơ kết, tổng kết, xây dựng mô hình xã, phường làm tốt công tác XKLĐ, góp phần xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng ở nông thôn, nhất là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, dòng họ và gia đình trong việc bình xét, tuyển chọn, quản lý người lao động. Điều đó sẽ giúp người lao động đi làm việc ở nước ngoài tự ý thức được trách nhiệm về quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Bên cạnh làm kinh tế, bản thân họ phải gìn giữ uy tín của địa phương, của gia đình, dòng họ và không ngừng rèn luyện vươn lên trong quá trình lao động. ❑

Digitized by Google

CHỐNG THAM NHŨNG - THƯỚC ĐO PHẨM CHẤT NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

QUÁCH LÊ THANH *

HIỆN nay, chống tham nhũng đang là vấn đề nóng bỏng và bức bách của mỗi quốc gia, không chỉ ở nước ta mà ở nhiều nước trong khu vực châu Á và trên thế giới. Chống tham nhũng, lãng phí ở nước ta đang được toàn xã hội quan tâm, là thách thức lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc khắc phục có hiệu quả một trong bốn nguy cơ đối với sự nghiệp đổi mới đất nước.

Hậu quả kinh tế mà nạn tham nhũng gây ra là rất lớn, nhưng hậu quả của tham nhũng về mặt chính trị và xã hội còn lớn hơn nhiều. Tham nhũng làm xói mòn tư tưởng, đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với Nhà nước. Từ sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu đã rút ra bài học là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đã lợi dụng sự tha hóa của cán bộ đảng viên, sự lộng quyền, quan liêu, hách dịch của bộ máy nhà nước để gây mất lòng tin của dân với Đảng. Chúng ta thấy rõ, đó là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự đổ vỡ của chế độ. Phải chăng trong bối cảnh quốc tế hiện nay, mất nước do kẻ thù xâm lược nhiều khi khó hơn là tự ta để mất chế độ chính trị chỉ vì mất lòng dân?

Ở nước ta hiện nay, tham nhũng xuất hiện ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ở các cơ quan, đơn vị quản lý một khối lượng lớn tiền, ngoại tệ, hàng hóa, vật tư... Tham nhũng cũng đã xuất hiện ở các cơ quan bảo vệ pháp luật, những hành vi cố ý làm trái chính sách, trái với quy định của Nhà nước ; tham ô, hối lộ đã không còn là hiếm trong đời sống kinh tế - xã hội.

Ngày càng có nhiều vụ việc tham nhũng có quy mô lớn, tính chất nghiêm trọng và được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi xảo quyệt trong hoạt động kinh tế, chúng được che đậy dưới các hình thức liên doanh, liên kết, trích thưởng, quà biếu... Ví dụ, trong kinh doanh thì trốn lậu thuế, chiếm dụng vốn... ; trong xây dựng cơ bản thì khai

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thanh tra Nhà nước

Digitized by Google

không khối lượng, bớt xén vật tư, mua bán thầu, lại quả...; trong xuất nhập khẩu thì móc ngoặc, hợp thức hóa giấy tờ, mua bán cô-ta (quota)...; trong sản xuất, hành chính sự nghiệp thì lập quỹ đen, vi phạm kế toán thống kê mua sắm trang thiết bị vượt tiêu chuẩn quy định... ; trong quản lý nhà đất thì mua, bán trá hình, cấp, nhượng sai chính sách... ; trong thực hiện chính sách xã hội thì làm giả giấy tờ, khai man, làm hàng giả, v.v.. Tham nhũng thường gắn chặt với buôn lậu. Nhiều kẻ tham nhũng không chỉ bao che, tiếp tay cho buôn lậu, mà còn dùng tiền, hàng, phương tiện... của Nhà nước để thực hiện hành vi buôn lậu.

Tham nhũng, không những làm thiệt hại lớn về tài sản, tiền bạc của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, mà còn là một trong những nguy cơ đối với chế độ. Tham nhũng làm tha hóa đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước, nhất là đội ngũ cán bộ có chức, có quyền. Tham nhũng làm thay đổi, thậm chí làm đảo lộn những giá trị chuẩn mực đạo đức xã hội, làm vẩn đục các quan hệ xã hội. Tham nhũng làm cho nhân dân mất lòng tin ; thậm chí làm cho nhân dân bất bình, oán trách Đảng, Nhà nước.

Trong tình hình hiện nay, khi mà các thế lực thù địch trong và ngoài nước ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" thì tham nhũng thực sự trở thành một hiểm họa, một nguy cơ đối với sự nghiệp đổi mới của đất nước, của dân tộc.

Nhiều năm nay, Đảng có nhiều nghị quyết về thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ; Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, đề ra nhiều chủ trương và biện pháp để thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, và xử lý nghiêm những đơn vị, cá nhân có hành vi tham nhũng.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX nêu rõ : *"Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính"* (1).

Chủ trương chống tham nhũng của Đảng đã được mọi tầng lớp nhân dân đồng tình và tích cực ủng hộ. Nhân dân đã coi chống tham nhũng là thước đo phẩm chất của người cán bộ đảng viên. Công tác đấu tranh chống tham nhũng năm 2002 đã đạt được một số kết quả tích cực. Các cấp, các ngành đều củng cố, kiện toàn các ban thường trực chống tham nhũng làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Thực hiện Chỉ thị 09/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay" ; Chính phủ đã giao cho Thanh tra Nhà nước tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 135 - 136

Digitized by Google

thị quan trọng này. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã có các công điện (1243/VPCP-VII, ngày 13-3-2002 ; 2506/VPCP-VII, ngày 14-5-2002; 3407/VPCP-VII, ngày 21-6-2002) chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 09 của Ban Bí thư ; yêu cầu lãnh đạo các cấp, các ngành đề ra các biện pháp hữu hiệu, khẩn trương xem xét, kết luận, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân, đặc biệt là khiếu kiện đông người phức tạp, tồn đọng kéo dài, trong đó khẩn trương xử lý những đơn thư tố cáo có liên quan đến tiêu cực, tham nhũng, lãng phí ; xử lý kịp thời và nghiêm minh người có hành vi tham nhũng, lãng phí, dù người đó ở cương vị nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 273/QĐ-TTg về thanh tra, kiểm tra việc đầu tư xây dựng và quản lý đất đai, là lĩnh vực có nhiều bức xúc và nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo về tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra đảm bảo việc thực hiện cuộc thanh tra, kiểm tra này đạt chất lượng và hiệu quả, góp phần chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật đưa công tác quản lý đất đai và đầu tư xây dựng vào trật tự kỷ cương thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Bộ Công an, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao) khẩn trương tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các vụ án tham nhũng lớn được dư luận xã hội rất quan tâm như vụ án tham nhũng của Mai Văn Huy, Công ty xuất nhập khẩu Đồng Tháp, hai vụ tham nhũng ở Công ty dịch vụ thương mại, Công ty dược và kinh doanh xuất khẩu Minh Hải của tỉnh Cà Mau, vụ án ở Công ty Lương thực An Giang, Công ty xuất nhập khẩu Yên Bái, vụ án Trương Văn Cam, v.v..

Đi đôi với việc đấu tranh không khoan nhượng với tệ tham nhũng, chúng ta đã tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa phát sinh tham nhũng. Các cấp, các ngành đã chú trọng hơn việc giáo dục đạo đức, phẩm chất cách mạng cho cán bộ, công chức, đảng viên, đề ra các quy định phòng ngừa để hạn chế các điều kiện dễ nảy sinh tham nhũng, tăng cường quản lý nội bộ trong cơ quan, đơn vị.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, nhiều ngành, địa phương đã triển khai việc kê khai tài sản đối với các cán bộ được bổ nhiệm từ cấp trưởng phòng trở lên. Nhiều tỉnh, thành phố bước đầu tiến hành việc kê khai nhà đất và tài sản có giá trị lớn từ 50 triệu đồng trở lên đối với cán bộ chủ chốt...

Cùng với việc hoàn chỉnh, bổ sung, sửa đổi hệ thống các chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý mới, Chính phủ đã đẩy mạnh cải cách nền hành chính như : đã trình Quốc hội phê chuẩn việc thành lập 26 bộ và cơ quan ngang bộ, sắp xếp

Digitized by Google

các cơ quan thuộc Chính phủ từ 23 xuống còn 13 cơ quan ; 16 bộ, ngành và 38 tỉnh, thành phố thực hiện cải cách hành chính ; 28 tỉnh, thành phố thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" hoặc "một cửa, một dấu", xóa bỏ các giấy phép theo quyết định của Chính phủ ; đồng thời, công khai hóa thủ tục hành chính, chủ trương này đã được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân và giảm khá nhiều thủ tục phiền hà, sách nhiễu và kẽ hở phát sinh tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đấu tranh chống hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội. Năm 2002, các cấp, các ngành tiến hành 7 325 cuộc thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm vào một số ngành, lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí ; tập trung xem xét, kết luận, xử lý 10 373 vụ tố cáo. Qua thanh tra xử lý đơn thư tố cáo đã có 4 122 kiến nghị chấn chỉnh quản lý ; kiến nghị thu hồi trên 207 tỉ đồng, 476 lượng vàng, 2 173,9 héc-ta đất và nhiều hàng hóa, tài sản khác về cho Nhà nước, tập thể và trả lại cho công dân ; xử lý kỷ luật 1 817 cán bộ, công chức vi phạm chính sách, pháp luật ; trong đó, đã phát hiện 903 trường hợp có hành vi tham nhũng với số tiền và tài sản trị giá 108 tỉ 18 triệu đồng.

Qua các cuộc thanh tra, kiểm tra về đầu tư xây dựng do Thanh tra Nhà nước chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiến hành theo Quyết định 273/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bước đầu đã có tác dụng chấn chỉnh quản lý, lập lại trật tự kỷ cương trong xây dựng cơ bản, phát hiện ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và tiêu cực, tham nhũng.

Trong đấu tranh chống tội phạm : theo thống kê của Bộ Công an, lực lượng công an toàn quốc đã thụ lý điều tra 399 vụ án liên quan đến tội phạm tham nhũng làm thất thoát 314 tỉ đồng. Đến nay đã khởi tố điều tra 139 vụ, 286 đối tượng, trong đó có 139 vụ tham ô, làm thiệt hại 72,1 tỉ đồng, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhà nước 61 vụ, gây thiệt hại 59,9 tỉ đồng, cố ý làm trái 188 vụ, gây thiệt hại 180,3 tỉ đồng ; đưa và nhận hối lộ 11 vụ, với số tiền hơn 2 tỉ đồng.

Đã phát hiện và xử lý những cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, tham nhũng liên quan đến vụ án Năm Cam, trong đó, xử lý kỷ luật trong Đảng, kỷ luật hành chính và chuyển xem xét trách nhiệm hình sự một số cán bộ có chức, có quyền.

Đấu tranh có hiệu quả với tệ tham nhũng, lãng phí có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là nhiệm vụ nặng nề, nhiều khó khăn, phức tạp phải thực hiện đồng bộ với *các biện pháp* chủ yếu sau :

- Bổ sung hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật, quy chế của Nhà nước, bảo đảm các quy định đồng bộ, dễ thực hiện ; trước hết về cơ chế quản lý -

Digitized by Google

tài chính, quản lý tài sản công, dịch vụ công ; cụ thể hóa các điều cấm cán bộ, đảng viên, công chức không được làm, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở xã, phường và trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, đề cao quản lý nhà nước bằng pháp luật và ý thức chấp hành chính sách của mọi công dân, cơ quan, tổ chức, không để sơ hở, tùy tiện trong thực hiện, tạo kẽ hở cho kẻ xấu lợi dụng tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi.

- Đẩy mạnh cải cách bộ máy hành chính nhà nước, làm cho bộ máy tinh gọn, có nhiệm vụ cụ thể, chức trách công chức, công vụ rõ ràng. Mở rộng thẩm quyền trách nhiệm cho cấp dưới và cơ sở, phân cấp đi đôi với các biện pháp quản lý. Xóa bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà, sách nhiễu đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, công dân. Công khai hóa các thủ tục hành chính để mọi người biết thực hiện, giám sát người thừa hành công vụ, nhất là những lĩnh vực có quan hệ trực tiếp đối với công dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực thực thi công vụ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tính kỷ luật, kỷ cương gắn với cải cách chế độ tiền lương, nâng cao đời sống của người hưởng lương nói chung và cán bộ, công chức nói riêng, đi đôi với các chế tài xử lý vi phạm đối với người có hành vi vụ lợi, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Tăng cường kiểm kê, kiểm soát, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản công, nhằm phát hiện các hành vi tham nhũng, lãng phí. Xử lý nghiêm minh về kỷ luật hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi tham nhũng, lãng phí, dù người đó ở cương vị nào ; tài sản tham nhũng phải được thu hồi, nếu hành vi tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại phải bồi thường.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng. Mọi hành vi tham nhũng phải được phát hiện và xử lý nghiêm ngay trong nội bộ các cơ quan của Đảng và chính quyền các cấp. Củng cố, kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật ; đồng thời, tăng cường công tác phối hợp, tạo ra sức mạnh đồng bộ để đấu tranh có hiệu quả với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc tham nhũng nổi cộm bức xúc đã được phát hiện ; thực hiện việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức ; quy định rõ chế độ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức để xảy ra các vụ việc tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ chức đảng, đoàn thể, cơ quan thông tin đại chúng và toàn thể nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước nhằm phát hiện, tố giác các hành vi tham nhũng, lãng phí và đề nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, kết luận, xử lý nghiêm minh pháp luật đối với những người có hành vi tham nhũng. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH NĂM 2002
VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2003

NGUYỄN SINH HÙNG*

MẶC dù năm 2002 tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, trong nước gặp nhiều khó khăn, đầu tư nước ngoài suy giảm, thiên tai liên tiếp xảy ra trên diện rộng, cháy rừng U Minh Hạ và U Minh Thượng, cháy Trung tâm Thương mại Quốc tế Sài Gòn, nhưng kết quả đạt được trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội vẫn có nhiều tích cực và khá toàn diện, với 11/14 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng trưởng đạt 7,04%, cao hơn so với năm 2001 (6,8%). Sản lượng công nghiệp, nông nghiệp đạt cao hơn so với chỉ tiêu đề ra. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng cao (34% so với GDP), trong đó 70% là vốn trong nước. Thu nhập, sức mua của nhân dân tăng lên ; đời sống của nhân dân được chăm lo tốt hơn. Các hoạt động giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm đều có những tiến bộ.

Trong bối cảnh nêu trên, toàn ngành tài chính đã tập trung sức, phấn đấu cao độ để hoàn thành nhiệm vụ chính trị, tài chính năm 2002 : Thu ngân sách nhà nước vượt 6,5% so với GDP, trong đó động viên qua thuế, phí đạt 19,8% GDP tăng 7,8% so với thực hiện năm 2001. Tất cả 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều thu vượt dự toán ngân sách được giao. Có 14/15 khoản thu, sắc thuế khu vực quản lý hoàn thành vượt mức dự toán năm, trong đó : thu từ doanh nghiệp nhà nước vượt 4,5%, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vượt 16,4%, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh vượt 3,6%.

Chi ngân sách nhà nước đã đáp ứng được yêu cầu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, ưu tiên cho đầu tư phát triển, chi trả nợ, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với vùng sâu, vùng xa. Ngân sách nhà nước còn dành đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất như : chi phòng chống khắc phục thiên tai, hỗ trợ cải cách sách giáo khoa lớp 1, lớp 6 và thiết bị trường học theo chương trình mới, phòng cháy chữa cháy, giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông... Đồng thời đang từng bước hoàn thiện các chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước, đổi mới quản lý tài chính trong các đơn vị sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, phân định rõ chế độ quản lý tài chính giữa đơn vị sự nghiệp và đơn vị quản lý hành chính nhà nước. Công tác kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý sử dụng

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

Digitized by Google

ngân sách nhà nước đã được tăng cường thêm một bước, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, công tác tài chính - ngân sách năm 2002, vẫn còn một số điểm hạn chế cần phấn đấu khắc phục để thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2003. Đó là khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp còn rất thấp và chậm được đẩy lên, trong khi việc thực hiện hội nhập đang đến gần. Nhiều chủ trương đổi mới đối với kinh tế - xã hội, thực hiện còn rất chậm ; triển khai cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp chưa đạt yêu cầu đề ra ; thất thu, lậu thuế còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc quản lý đất đai, bất động sản chưa chặt chẽ, thiếu biện pháp đồng bộ nên hoạt động đầu cơ, trục lợi gia tăng, vừa gây khó khăn cho giải phóng mặt bằng, vừa thất thu ngân sách nhà nước. Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư ở các bộ, các địa phương còn lãng phí, thất thoát, một số địa phương có số nợ lớn về xây dựng cơ bản chưa được thanh toán kịp thời. Hiệu quả cải cách hành chính còn rất hạn chế.

Năm 2003 là năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của nước ta trong thế kỷ XXI. Vị trí của năm 2003 càng trở nên đặc biệt quan trọng khi hai năm 2001 và 2002 nền kinh tế đất nước đều chưa đạt được chỉ tiêu tăng trưởng theo kế hoạch đề ra là 7,5%/năm. Do vậy, năm 2003 phải tập trung đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu, tạo việc làm, đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch 2003, tạo đà cho việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2001-2005 theo các chỉ tiêu mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội nói trên, tài chính và kinh tế có mối quan hệ khăng khít, vừa tùy thuộc vào nhau vừa thúc đẩy lẫn nhau. Tài chính không chỉ phản ánh kinh tế mà còn có vai trò chủ động điều tiết, hướng dẫn, mở đường cho kinh tế phát triển. Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2002 và tình hình, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2003, tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XI đã đề ra nhiệm vụ, mục tiêu tài chính - ngân sách năm 2003 là : mức động viên thu ngân sách nhà nước đạt 20,2% GDP ; cùng với việc thực hiện cải cách tiền lương, bố trí chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chiếm 28% tổng chi ngân sách nhà nước, bằng 7,2% GDP, đảm bảo thực hiện mục tiêu chi đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 35% GDP ; đảm bảo trả đủ các khoản nợ đến hạn năm 2003 ; chi giáo dục đào tạo đạt 16,2% tổng chi ngân sách nhà nước (để đến 2005 đạt 18%) ; chi khoa học công nghệ môi trường đạt 2% tổng chi ngân sách nhà nước ; đảm bảo chi khám chữa bệnh cho người nghèo, chi thiết yếu, quan trọng của quốc phòng, an ninh ; chi y tế tăng 9% so với dự toán năm 2002 ; chi cho sự nghiệp kinh tế tăng 11,6% so với dự toán năm 2002 ; chi văn hóa thông tin tăng 8,4% so với dự toán năm 2002 ; chi phát thanh truyền hình tăng 9,6% so với dự toán năm 2002 ; chi thực hiện cải cách tiền lương...

Đối với ngân sách địa phương, đảm bảo phân cấp theo Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi). Thực hiện cơ chế khuyến khích đối với các vùng kinh tế trọng điểm, hỗ trợ đối với những vùng khó khăn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2003 như đã trình bày được đặt trong bối cảnh, tình hình khi một bộ phận thu ngân sách Nhà nước còn phụ thuộc vào sự biến động của thị trường khu vực và thế giới (thu thuế xuất nhập khẩu và thu từ dầu thô) ; dự phòng tài chính còn ở mức rất thấp so với quy định

Digitized by Google

của Luật Ngân sách nhà nước ; bố trí bổ sung dự trữ tài chính đạt thấp. Kinh phí chi tiêu cho năm 2003 có nhiều yêu cầu phát sinh mới, đặc biệt là cải cách tiền lương, do đó yêu cầu đặt ra là phải chủ động bố trí, sắp xếp các khoản chi hết sức tiết kiệm để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2003, cần tập trung triển khai thực hiện các nhóm giải pháp cơ bản sau :

Một là : *Tài chính phải góp phần tích cực vào việc hướng dẫn, mở đường cho đầu tư, phát huy nội lực, tăng nhanh và sử dụng hiệu quả đầu tư xã hội*

Trước hết, triển khai thực hiện ngay Nghị quyết Quốc hội, thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong hạn điền để tăng đầu tư cho nông dân, tăng sức mua để phát triển thị trường trong nước. Phát hành "công trái giáo dục" để hỗ trợ địa phương nghèo kiên cố hóa các trường học, xóa học ca 3. Tiếp tục hỗ trợ từ Trung ương và huy động các nguồn lực của địa phương để thực hiện kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, hỗ trợ hạ tầng để khôi phục và phát triển làng nghề, phát triển ngành nghề thủy sản, phát triển du lịch. Thành lập ngân hàng hỗ trợ xuất, nhập khẩu. Tăng nguồn vốn tín dụng phục vụ người nghèo, tăng cường vai trò tham gia của các đoàn thể quần chúng, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện để người nghèo vay vốn dễ dàng, sử dụng vốn đúng mục đích phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Xử lý nợ xấu, tăng quỹ dự phòng rủi ro, bổ sung vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại nhằm phát triển quy mô và chất lượng tín dụng, bảo đảm vốn phát triển sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Quản lý chặt chẽ để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA.

Trong năm 2003, thực hiện thống nhất một giá, phí ; tăng cường đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp ; thí điểm cổ phần hóa một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tăng mức đầu tư xúc tiến thương mại, thành lập các trung tâm xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giá mua nông sản đối với vùng miền núi khó khăn. Đổi mới tổ chức quản lý để mở rộng, phát triển thị trường tài chính (thị trường vốn, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản...), giám sát thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo an toàn thị trường tài chính. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước nâng cao khả năng cạnh tranh, chủ động hội nhập. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với tài nguyên quốc gia, trước hết là đất đai. Khuyến khích thực hiện và quản lý chặt chẽ đối với phương thức đổi đất lấy hạ tầng ; chuyển quyền sử dụng đất ; đổi mới chính sách đền bù giải tỏa đất đai khi xây dựng các dự án đầu tư. Rà soát việc quản lý sử dụng đất tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp ; kiên quyết thu hồi đất đối với những trường hợp sử dụng đất sai mục đích hoặc để hoang hóa.

Hai là : *Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu, chống buôn lậu, chống gian lận thương mại, ngăn chặn có hiệu quả những hành vi lợi dụng chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước thông qua hoàn thuế giá trị gia tăng*

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc đình chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa nông sản xuất khẩu. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra hoàn thuế giá trị gia tăng ; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những vi phạm trong việc hoàn thuế giá trị gia tăng.

Digitized by Google

Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đúng chế độ hóa đơn, hạch toán sổ sách kế toán. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra về giá theo Pháp lệnh giá nhằm bảo hộ hợp lý quyền lợi người tiêu dùng, thúc đẩy cạnh tranh.

Ba là : *Đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách tạo thế chủ động và nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các bộ, các đơn vị, các địa phương trong việc tổ chức, quản lý thực hiện ngân sách nhà nước*

- Ban hành chế độ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan đơn vị và người phụ trách công tác tài chính - kế toán trong việc quản lý sử dụng ngân sách, tài sản, đất công.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cơ chế đầu tư trở lại cho cơ sở từ các nguồn thu giao quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên rừng, một phần số thu từ xổ số... Nghiên cứu từng bước chuyển sang cơ chế bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và ổn định trong một số năm để địa phương xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội, phát triển quỹ nhà ở, đầu tư cho công nghiệp nông thôn, cải tạo giống vật nuôi, cây trồng, tái tạo quỹ rừng.

- Phân định rõ cơ chế quản lý tài chính đối với hành chính và sự nghiệp. Mở rộng thí điểm khoán biên chế, khoán kinh phí đối với cơ quan hành chính ; giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp. Nghiên cứu cụ thể hóa cơ chế tài chính nhằm đẩy mạnh xã hội hóa, tăng nguồn lực phát triển các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là : *Thực hiện các giải pháp nhằm thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, thực hiện công khai tài chính*

Thiết lập hệ thống các chỉ tiêu định tính và định lượng để cảnh báo giới hạn an ninh tài chính của cơ quan, đơn vị, địa phương và quốc gia. Thực hiện công khai hóa tài chính là một trong những công cụ then chốt, nhằm tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân đối với việc tổ chức quản lý thực hiện ngân sách nhà nước. Đổi mới quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quy định rõ chế độ trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ chuyên ngành, chính quyền các cấp trong việc quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý dự toán, đơn giá, chất lượng công trình. Năm 2003-2004 hạn chế mua ô tô bằng tiền của nhà nước, thực hiện sắp xếp điều chuyển ô-tô từ nơi thừa sang nơi thiếu, từ trung ương về địa phương. Các bộ và địa phương thực hiện kiểm tra, đánh giá các khoản nợ, vay ; ưu tiên bố trí ngân sách 2003 để trả những khoản nợ thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách nhà nước ; đồng thời, không để nợ phát sinh thêm, bảo đảm lành mạnh hóa nền tài chính.

Năm là : *Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách nhà nước*

Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong các khâu thu nộp ngân sách nhà nước, thanh toán qua ngân hàng, cấp phát ngân sách nhà nước (bỏ bớt khâu trung gian) ; công khai quy trình cấp phát ngân sách nhà nước... bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra giám sát. Quy định rõ chế độ trách nhiệm để xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm. Tập trung đào tạo cán bộ quản lý tài chính, cán bộ tài chính kế toán cho cấp xã, phường và các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, đảm bảo thực hiện thắng lợi cơ chế tài chính - ngân sách năm 2003.❑

Digitized by Google

ĐỂ GIAI CẤP CÔNG NHÂN TIẾP TỤC ĐI ĐẦU TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

HOÀNG TRUNG HẢI *

HƠN 16 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam có bước phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, cả về cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu xã hội, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cả nước. Bước vào thế kỷ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, khoa học - công nghệ có bước nhảy vọt, tri thức và thông tin ngày càng có vai trò nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, để vượt qua thách thức, tranh thủ thời cơ, *"đi tắt, đón đầu"* nhanh chóng đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và sớm trở thành nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, Đảng, Nhà nước ta phải tiếp tục chăm lo xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trưởng thành và lớn mạnh về mọi mặt.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, nền kinh tế chậm phát triển, lại chịu hậu quả nặng nề của hai cuộc chiến tranh ác liệt, kéo dài, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta gặp không ít khó khăn. Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" có sớm trở thành hiện thực hay không, phần lớn tùy thuộc vào thành quả của sự nghiệp CNH, HĐH do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong quá trình đổi mới, mở cửa, hội nhập, đẩy mạnh CNH, HĐH, những tư duy mới, tác phong lao động mới - tác phong công nghiệp của người lao động sẽ từng bước được hình thành và ngày càng phát huy vai trò trong sản xuất, tổ chức đời sống và quản lý xã hội. Do đó, những phẩm chất và năng lực mới của người công nhân công nghiệp sẽ được bộc lộ, khơi dậy và phát huy hướng vào mục tiêu phát triển. Đồng thời, CNH, HĐH cũng đặt ra yêu cầu cho việc xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh và phát triển về mọi mặt, cả về số lượng và chất lượng.

Ở nước ta, với 76% cư dân sống ở nông thôn, 65% lao động nông nghiệp, thu nhập từ nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nhập quốc dân. Do đó, CNH, HĐH đất nước phải lấy mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn làm trọng tâm nhằm "xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, hiệu quả và bền vững, có năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh cao

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Digitized by Google

trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu ; xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại"[1].

Chính yêu cầu này đã định hướng cho việc xây dựng cơ cấu giai cấp công nhân, củng cố, tăng cường khối liên minh giữa công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức vững mạnh là nền tảng của xã hội, nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh việc chăm lo xây dựng đội ngũ công nhân cho những ngành công nghiệp nặng như điện, than, dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất, phân bón, vật liệu xây dựng, và những ngành công nghiệp công nghệ cao như công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hóa... Đảng, Nhà nước ta cần quan tâm đào tạo đội ngũ công nhân trực tiếp phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn như : công nhân cơ khí, công nhân chế biến nông - lâm - thủy sản, công nhân thủy lợi, giao thông, điện khí hóa nông thôn. Đây chính là lực lượng nòng cốt trong việc hiện thực hóa đường lối CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, lực lượng đi đầu trong xây dựng nông thôn giàu đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh.

Cùng với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, giai cấp công nhân đã có bước phát triển và trưởng thành. Có thể khái quát bức tranh chung về sự đổi mới và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam như sau :

Thứ nhất, *về số lượng và cơ cấu đội ngũ công nhân*

Trước khi tiến hành đổi mới (trước năm 1986), đội ngũ công nhân nước ta chỉ có khoảng 4 triệu người. Sau 10 năm đổi mới, số lượng giai cấp công nhân tăng lên 6 triệu, chiếm 8,65% dân số và 15,7% lực lượng lao động xã hội, đóng góp 25% ngân sách nhà nước[2]. Đến năm 2001, số lượng giai cấp công nhân tăng lên khoảng hơn 8 triệu người, chiếm 9% dân số và 16% lực lượng lao động xã hội[3]. Dưới tác động của cơ chế thị trường và chính sách đầu tư, số lượng và cơ cấu đội ngũ công nhân có xu hướng biến động mạnh. Tới nay, số công nhân ngoài quốc doanh có khoảng trên 4,5 triệu người, trong đó có tới gần 80 vạn công nhân làm việc trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, khoảng trên 2 triệu công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước và gần 1,5 triệu công nhân viên chức làm việc trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Hằng năm tạo ra sản phẩm công nghiệp chiếm 40% tổng sản phẩm xã hội, đảm bảo 60% ngân sách nhà nước[4].

Thứ hai, *về cơ cấu ngành nghề*

Bên cạnh một số ngành nghề truyền thống trước đây được coi là then chốt (như cơ khí, luyện kim) đang gặp không ít khó khăn về công nghệ, đầu ra và giá thành, đã xuất hiện một số ngành nghề mới, đóng vai trò mũi nhọn, như dầu khí, bưu chính - viễn thông, hàng hải, hàng không, tin học, điện tử. Nhiều ngành dịch vụ phát triển đa dạng như tài chính, ngân hàng, chuyển giao

(1) *Văn kiện Hội nghị Trung ương 5, khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 96

(2) Xem : *Những bài giáo dục chính trị cơ bản trong công nhân lao động*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1998, tr 69

(3) Xem : *Báo cáo tổng hợp nhanh kết quả sơ bộ tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002, tr 24

(4) Xem : *Giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2002, tr 7

Digitized by Google

công nghệ đóng vai trò ngày càng to lớn trong phát triển công nghiệp. Trong cơ cấu công nhân, đội ngũ công nhân quốc phòng với hàng chục vạn người có kỹ thuật đang nắm giữ bộ phận công nghiệp quan trọng, là lực lượng mạnh của giai cấp công nhân nước ta. Ngoài ra, có tới trên 40 vạn công nhân lao động nước ngoài có tay nghề và tác phong công nghiệp cũng là bộ phận quan trọng tạo nên sự lớn mạnh của giai cấp công nhân Việt Nam.



Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ *Ảnh : NGỌC HÀ*

Thứ ba, ***về điều kiện làm việc và mức sống***

Mặc dù bị ảnh hưởng bởi chấn động của khủng hoảng kinh tế và sự biến đổi phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và trong nước làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội còn thấp hơn yêu cầu, song nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp hằng năm vẫn đạt kế hoạch. Riêng các doanh nghiệp trong khối công nghiệp Hà Nội, giá trị tổng sản lượng năm 2001 tăng 14,5%, xuất khẩu tăng 15%, nộp ngân sách tăng 12%, lương bình quân của công nhân khối doanh nghiệp đạt trên 1 triệu đồng. Bởi thế, đời sống của công nhân có bước cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, điều kiện làm việc của công nhân còn kém và chậm được cải thiện như : bảo hiểm xã hội, nhất là trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đáng báo động ; môi trường lao động bị ô nhiễm nặng, có tới trên 50% công nhân phải lao động trong môi trường bị ô nhiễm ; sức khỏe của công nhân, nhất là công nhân nữ ở một số ngành bị giảm sút ; ở một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn có tình trạng công nhân bị giới chủ hành hung, ngược đãi, vi phạm hợp đồng lao động...

Thứ tư, ***về chất lượng giai cấp công nhân***

Nhìn chung, ý thức giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân được tăng lên rõ rệt. Điều đó thể hiện ở nhận thức về vị trí, vai trò và sứ mệnh của giai cấp công nhân, cũng như về vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị được nâng lên. Đa số công nhân có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với sự nghiệp đổi mới và thấy rõ những thành tựu của sự nghiệp đổi mới đang tạo đà cho đất nước đi lên. Công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ, số lượng công nhân được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng (chỉ riêng các doanh nghiệp trực thuộc Đảng ủy khối công nghiệp Hà Nội trong năm 2001 đã kết nạp được 754 đảng viên, tăng 11,7% so với năm 2000 ; năm 2002 kết nạp 903 đảng viên)[5].

(5) Xem : *Báo cáo tổng kết công tác năm 2002 và phương hướng công tác năm 2003 của Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội*

Digitized by Google

Trình độ học vấn của công nhân được tăng lên đáng kể, tới nay đã có 62% công nhân tốt nghiệp phổ thông trung học và hơn 1,7 triệu công nhân kỹ thuật được đào tạo. Một bộ phận công nhân được đào tạo, trang bị đầy đủ kiến thức trở thành đội ngũ công nhân làm chủ được việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động hóa ở các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do trình độ công nghệ còn lạc hậu (đóng góp của khoa học - công nghệ vào tăng năng suất lao động và tăng trưởng chỉ mới chiếm 19%, trong khi đó ở khu vực và trên thế giới là 31 - 60%) ; khoa học công nghệ chưa thực sự là chỗ dựa và là nội dung then chốt của các chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nên đội ngũ công nhân có tri thức còn hạn chế và bộc lộ một số yếu kém cần khắc phục. Tỷ lệ công nhân trong dân số và trong lực lượng lao động xã hội còn quá khiêm tốn, nếu không muốn nói là quá ít (chỉ chiếm 9% dân số, 16% lực lượng lao động) ; cơ cấu theo ngành nghề và theo thành phần kinh tế còn bất hợp lý. Chất lượng của giai cấp công nhân còn nhiều hạn chế, nhất là về trình độ học vấn, trình độ tay nghề, bậc thợ ; hầu hết chưa qua đào tạo, trình độ kỹ thuật còn bất cập trước yêu cầu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh. Tình trạng thiếu nghiêm trọng thợ lành nghề bậc cao đang cản trở quá trình đẩy nhanh chuyển giao công nghệ mới. Đội ngũ công nhân có lối sống lao động, sống bằng nghề, đeo đuổi nghề theo phương châm"nhất nghệ tinh, nhất thân vinh" còn quá mỏng. Công nhân và người lao động nói chung, còn chưa được đảm bảo sự ổn định cần thiết về lao động, việc làm, mức sống để có thể phát huy vai trò tiên phong. Điều kiện lao động, môi trường lao động và môi trường sống của công nhân đang thiếu những đảm bảo cần thiết để duy trì, phát huy nguồn lực công nhân với ý nghĩa là nguồn lực của mọi nguồn lực của phát triển. Cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, số công nhân có tay nghề bậc cao có xu hướng dịch chuyển sang các doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài ngày càng tăng lên, để lại khoảng trống, mà trước mắt khó có khả năng bù đắp đối với các doanh nghiệp nhà nước. Vai trò nền tảng cho nền kinh tế quốc dân của thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã đứng trước nguy cơ bị các thành phần kinh tế khác "chèn lấn".

Từ thực trạng chung về giai cấp công nhân, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh toàn diện và trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong công cuộc CNH, HĐH, đòi hỏi phải quán triệt những quan điểm sau :

Một là, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước.

Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân vững mạnh toàn diện bao hàm cả việc xây dựng và phát triển người công nhân với tư cách là người lao động, người công dân và cả với tư cách là đại diện các tập thể công nhân trong mỗi doanh nghiệp cũng như toàn bộ giai cấp công nhân trong cơ cấu xã hội. Cần thống nhất nhận thức và hành động trong việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa VII đã khẳng định : "Giai cấp công nhân Việt Nam thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua đảng tiền phong của mình thực hiện sứ

Digitized by Google

mệnh lãnh đạo sự nghiệp cách mạng và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"[6].

Hai là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt, động lực chủ yếu của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Mặc dù hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong dân cư, nhưng với những đặc điểm riêng của mình, cùng với sự khẳng định trong thực tiễn mấy chục năm qua, đặc biệt là những năm đổi mới, giai cấp công nhân Việt Nam luôn tỏ rõ là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước sẽ tiếp tục khẳng định và tạo điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân tiếp tục vai trò động lực chủ yếu của cách mạng.

Ba là, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân trở thành lực lượng nòng cốt của khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức trong khối đại đoàn kết dân tộc.

Xuất phát từ sự thống nhất về lợi ích, lợi ích giai cấp công nhân gắn liền với lợi ích của dân tộc, nằm trong lợi ích dân tộc, nên việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân phải tính đến việc bảo đảm lợi ích chính đáng của các giai cấp, tầng lớp xã hội khác, cũng như các thành phần dân tộc nhằm củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

Bốn là, Đảng, Nhà nước phải dựa vào giai cấp công nhân và tạo điều kiện để giai cấp công nhân phát triển và vững mạnh toàn diện.

Giai cấp công nhân là một lực lượng xã hội quan trọng, một giai cấp quan trọng nhất trong cơ cấu xã hội. Việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân phải được coi là trọng điểm của việc xây dựng cơ cấu xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và trong cuộc vận động thực hiện dân chủ hóa xã hội. Hơn nữa, xây dựng và phát triển giai cấp công nhân phải nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp CNH, HĐH, mà sâu xa hơn, căn bản hơn là đảm bảo cơ sở xã hội - chính trị quan trọng nhất để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước mang bản chất công nhân. Cũng chính vì thế, Đảng, Nhà nước phải tạo điều kiện mọi mặt để xây dựng và phát triển giai cấp công nhân. Bởi vậy, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát triển và vững mạnh toàn diện là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của toàn bộ hệ thống chính trị, mà trước hết là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở những quan điểm đã xác định, để việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH, cần thực hiện một số giải pháp sau :

1 - Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước

Cho đến nay, vẫn còn những ý kiến khác nhau về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân, ngay cả bản thân giai cấp công nhân cũng còn chưa nhận thức đúng về mình. Trong khi đó, nếu giai cấp công nhân không giác ngộ mục tiêu lý tưởng, ý thức chính trị, bản chất cách mạng thì khó có thể vượt qua được thách thức của thời kỳ mở cửa, chủ

(6) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Hà Nội, 1994, tr 97

Digitized by Google

động trong hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, do đó, cũng khó có đủ bản lĩnh trong cuộc đấu tranh chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Một khi toàn xã hội, trong đó quan trọng nhất là bản thân giai cấp công nhân giác ngộ về lợi ích giai cấp và dân tộc, về vị trí, vai trò của mình, thì tính tích cực xã hội - chính trị và lòng tự hào dân tộc sẽ được nâng lên, khi đó trong xã hội sẽ hình thành được sức mạnh tổng hợp hướng vào mục tiêu xây dựng và phát triển giai cấp công nhân như một yêu cầu khách quan.

2 - Đảng và Nhà nước xây dựng và thực hiện tốt cơ chế, chính sách tạo động lực cho phát triển giai cấp công nhân

Thực tiễn công cuộc đổi mới cho thấy, việc xây dựng và phát triển giai cấp công nhân bắt đầu từ việc tạo ra động lực, động lực vật chất và động lực tinh thần, động lực trực tiếp và động lực gián tiếp. Tại Hội nghị Trung ương 7 khóa VII, nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười đã chỉ rõ, xây dựng giai cấp công nhân phải bắt đầu từ việc động viên giai cấp công nhân vươn lên phấn đấu trong công cuộc đổi mới đất nước. Động lực trực tiếp đối với giai cấp công nhân chính là lợi ích thiết thực về việc làm, thu nhập, các nhu cầu ngày càng tăng về văn hóa - xã hội...

Trong điều kiện hiện nay, cơ chế, chính sách tạo động lực cho giai cấp công nhân phát triển bao gồm :

- Thực hiện nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư ; đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp, sắp xếp, đổi mới, phát triển các doanh nghiệp nhà nước ; đổi mới cơ chế chính sách, tạo điều kiện, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân ; có cơ chế, chính sách hấp dẫn thu hút vốn đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư và làm ăn tại Việt Nam ; khuyến khích mọi người tự tạo việc làm trong khuôn khổ pháp luật ; mở rộng việc xuất khẩu lao động.

- Đổi mới và hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công lao động, tiền thưởng, thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động, làm cho tiền công thực sự là đòn bẩy kinh tế kích thích lao động sáng tạo, có hiệu quả, năng suất, chất lượng cao. Ngoài ra, cần thực hiện nguyên tắc phân phối theo mức đóng góp và theo quỹ phúc lợi xã hội ; có chính sách khuyến khích công nhân giỏi nghề ; nghiên cứu và ban hành chính sách trợ cấp thất nghiệp, bổ sung và hoàn thiện chính sách trợ cấp xã hội đối với công nhân mất việc làm, thiếu việc làm ; hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội...

- Đổi mới công tác giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và nhân văn hóa nhằm nâng cao phẩm chất, năng lực toàn diện cho công nhân, trọng tâm là nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, ý thức pháp luật, năng lực ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và năng lực sáng tạo công nghệ mới ; thực hiện hiện đại hóa, tri thức hóa công nhân. Trong thời đại ngày nay, thời đại kinh tế tri thức, trí tuệ hóa đời sống xã hội là khách quan và cần thiết. Thực tế cách mạng cho thấy, một giai cấp nắm quyền lãnh đạo nhất thiết phải là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Giai cấp công nhân Việt Nam chỉ có thể vượt qua thách thức, chớp lấy thời cơ, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế một khi được chuẩn bị đầy đủ cả về trình độ

Digitized by Google

học vấn, tay nghề, trình độ khoa học công nghệ, trình độ ngoại ngữ, tin học. Trong những năm tới, cần thiết đối với công tác giáo dục - đào tạo, trọng tâm là đổi mới hệ thống giáo dục cơ bản, dạy nghề, đào tạo, đào tạo lại ; thực hiện phổ cập nghề trong thanh niên nhằm tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ công nhân ; thực hiện xã hội hóa và đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đặc biệt là đào tạo tại nơi làm việc, đào tạo gắn với sản xuất ; mở rộng hệ giáo dục thường xuyên cho công nhân ; phát triển mạnh mẽ hợp tác quốc tế trong đào tạo công nhân lành nghề dưới nhiều hình thức.

3 - Đổi mới và kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và các đoàn thể xã hội khác trong các doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, nhiều hình thức mới của các tổ chức sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế xuất hiện. Sức lao động trở thành hàng hóa. Vai trò làm chủ của người lao động biểu hiện đa dạng và phức tạp hơn. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều được hạch toán và phải đạt hiệu quả cao. Bởi vậy, tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức đảng, công đoàn và các đoàn thể khác cũng phải đổi mới. Trước mắt, cần đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng trong công nhân nhằm nâng cao sự giác ngộ và bản lĩnh chính trị cho công nhân ; bồi dưỡng phát triển đảng trong công nhân, nhất là công nhân trẻ trực tiếp sản xuất. Nhất là, trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (hiện có tới 4,5 triệu công nhân), tùy mức độ, trên cơ sở phát triển các tổ chức công đoàn từng bước xây dựng các tổ chức cơ sở đảng phù hợp. Trong các doanh nghiệp nhà nước, tăng cường hiệu lực chỉ huy của giám đốc và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong phát triển sản xuất nói chung và trong việc chăm lo xây dựng giai cấp công nhân nói riêng.

4 - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn quá trình xây dựng và phát triển giai cấp công nhân nước ta trong thời kỳ đổi mới

Thực tế cho thấy, việc xây dựng và phát triển giai cấp công nhân phải gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu của các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cũng chính là yêu cầu cho việc xây dựng giai cấp công nhân, ngược lại, mỗi kết quả của việc thực hiện các chiến lược đó sẽ tạo nên những tiền đề và điều kiện cho việc xây dựng và phát triển giai cấp công nhân. Bởi thế, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội để không ngừng hoàn thiện đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Sự nghiệp xây dựng và phát triển giai cấp công nhân cũng đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu và phát triển lý luận về giai cấp công nhân, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở những dự báo đúng về xu hướng vận động và biến đổi của giai cấp công nhân và yêu cầu của thực tiễn, Đảng, Nhà nước đề ra được phương hướng, giải pháp khả thi cho việc xây dựng và phát triển giai cấp công nhân. Sự nghiệp xây dựng và phát triển giai cấp công nhân sẽ trở nên thiết thực và đạt kết quả như mong muốn, khi Đảng và Nhà nước có đường lối chính sách đúng, các cấp các ngành, mà trước hết là ngành công nghiệp Việt Nam hưởng ứng và thực hiện tích cực, có hiệu quả các đường lối chính sách đó. ❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NƯỚC TA ĐẦU THẾ KỶ XXI

MINH HOÀI*

VỪA qua, Tổng cục Thống kê đã công bố kết quả sơ bộ cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001 (điều tra 13,91 triệu hộ, 60 758 trang trại, 7 558 hợp tác xã (HTX) nông, lâm nghiệp và thủy sản, 8 950 xã, 4 367 doanh nghiệp và cơ sở trực thuộc hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, thủy sản từ 145 975 hộ mẫu). Từ kết quả tổng hợp, bước đầu có một số nhận xét tổng quan và những vấn đề đáng quan tâm về nông thôn, nông nghiệp, thủy sản hiện nay ở nước ta.

Trước hết, cơ cấu ngành nghề ở khu vực nông thôn đã có sự thay đổi khá rõ nét theo hướng tích cực : tăng số lượng và tỷ trọng của các nhóm hộ công nghiệp, xây dựng ; dịch vụ và giảm tỷ trọng hộ nông nghiệp. Năm 2001, tỷ lệ hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng là 5,8%, hộ dịch vụ là 11,2% ; trong khi đó, năm 1994 các tỷ lệ tương ứng chỉ là 1,6% và 6,4%. Sau 7 năm, tỷ trọng các loại hộ phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn đã tăng thêm 9%. Tỷ lệ của các loại hộ trên tăng nhanh đã làm tỷ trọng của hộ nông - lâm nghiệp, thủy sản giảm đi một cách tương ứng. Mặc dù đã có những chuyển biến nhưng trên phạm vi cả nước, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành nghề từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn chậm và không đều. Thực tế mới có 2 trong 8 vùng có tỷ lệ hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt trên 5% (Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Hồng), còn 4 trong 8 vùng có tỷ lệ dưới 3%. Sự chuyển dịch về cơ cấu ngành nghề hộ nông thôn còn rất chênh lệch giữa các vùng. Vùng Đông Nam Bộ, tỷ lệ hộ công nghiệp và dịch vụ năm 2001 là 32,8% (năm 1994 là 18,2%) ; trong khi đó, các tỉnh Tây Bắc mới chiếm 5,3% (năm 1994 là 2,8%).

Cơ cấu trong nhóm hộ nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản cũng đã có sự thay đổi theo hướng tỷ lệ hộ thủy sản, hộ lâm nghiệp tăng lên và tỷ lệ hộ nông nghiệp giảm đi. Nếu như năm 1994, hộ thủy sản chiếm 2,3% trong nhóm hộ nông, lâm và thủy sản và chiếm 1,9% so với tổng số hộ nông thôn thì năm 2001 các tỷ lệ tương ứng là 3,5% và 2,8%. Điều này phản ánh đúng xu hướng phát triển nuôi trồng thủy sản trong những năm qua, đặc biệt là việc chuyển từ diện tích trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản ở vùng bán đảo Cà Mau.

So với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thì quy mô và tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và lao động của hộ nông thôn còn chậm và không đều.

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa đã có bước phát triển mới. Mô hình trang trại được nhân rộng khắp các vùng trong

---

* PGS, TS Kinh tế

Digitized by Google



Trù phú vùng cao **Ảnh : Tư liệu**

nước và lấy sản xuất hàng hóa đa ngành làm hướng chính.

Đến ngày 1-10-2001 cả nước có 60 758 trang trại (sử dụng 369,6 ngàn héc-ta đất và mặt nước), tăng 4 906 trang trại so với năm 2000. Số trang trại trồng cây hằng năm có 21 798 (35,9%) ; trang trại trồng cây lâu năm có 16 614 (27,3%), trang trại chăn nuôi có 1 762 (2,9%), trang trại lâm nghiệp có 1 630 (2,7%), trang trại nuôi trồng thủy sản có 16 951 (27,9%) và trang trại kinh doanh tổng hợp có 2 006 (3,3%). Quy mô các trang trại còn nhỏ, bình quân một trang trại có 6,2 lao động, 136,5 triệu đồng vốn sản xuất, 6,08 héc-ta đất và mặt nước đang sử dụng.

Các trang trại đã thu hút lao động dư thừa ở nông thôn, giải quyết công ăn việc làm mang lại thu nhập cho họ. Theo số liệu điều tra, các trang trại đã sử dụng 374 701 lao động, gồm 168 634 lao động của hộ chủ trang trại và 206 067 lao động thuê mướn ngoài (quy đổi chiếm 55% tổng số lao động của trang trại). Các trang trại không ngừng đầu tư phát triển sản xuất. Năm 2001, tổng số vốn đầu tư của các trang trại là 8 294,7 tỉ đồng, bình quân một trang trại 136,5 triệu đồng. Vốn đầu tư của các trang trại chủ yếu là vốn tự có (84,6%), vốn vay ngân hàng (13,2%) và vay các nguồn khác (2,2%). Như vậy, vai trò của các ngân hàng trong việc phát triển kinh tế trang trại chưa cao.

Tuy các trang trại ở nước ta mới ra đời và phát triển trong mấy năm gần đây và một số trang trại mới thành lập còn trong thời kỳ xây dựng, nhưng đã tạo ra một khối lượng sản phẩm tương đối lớn. Năm 2000, tổng thu của các trang trại là 5 360,9 tỉ đồng, bình quân một trang trại đạt 88,2 triệu đồng. Giá trị hàng hóa của các trang trại đạt 4 965,9 tỉ đồng, bình quân một trang trại 81,7 triệu đồng, tỷ suất hàng hóa đạt 92,6%. Thu nhập của các trang trại là 1 905,8 tỉ đồng, bình quân một trang trại 31,4 triệu đồng, thu nhập bình quân một người một tháng của các hộ chủ trang trại là 584 000 đồng, gấp 2,5 lần thu nhập bình quân một người một tháng ở khu vực nông thôn.

Digitized by Google

Thứ ba, hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được nâng cấp và hoàn thiện nhất là điện, đường, trường học, trạm y tế. Năm 1994, cả nước mới có 60,4% số xã, 50% số thôn và 53% số hộ có điện, đến năm 2001 đã có 86% số xã, 77% số thôn có điện và tỷ lệ hộ nông thôn có điện đã lên tới 79%. Số hộ dùng điện tăng nhanh nhất ở các tỉnh miền núi ; Tây Nguyên (gấp 3,9 lần) ; Tây Bắc (2,6 lần). Đặc biệt giá điện nông thôn bình quân năm 2001 chỉ còn 693 đ/kW, giảm 63 đồng so với 1994 (756 đồng/kW). Đó là kết quả của việc tổ chức thực hiện chính sách điện khí hóa nông thôn của Đảng, Nhà nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Giao thông nông thôn có bước phát triển ca về chiều rộng và chiều sâu. Cả nước có 8 461 xã, chiếm 94,5% số xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã (năm 1994 là 87,9%), trong đó vùng đồng bằng sông Hồng đạt tỷ lệ cao nhất : 99,9%, thấp nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) : 78,1%. Cùng với việc mở rộng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, chất lượng đường giao thông liên thôn đã được nâng cấp. Hiện có 1 427 xã (chiếm 16%) có đường liên thôn được nhựa hóa, bê-tông hóa trên 50%.

Hệ thống các cơ sở giáo dục, trạm y tế, chợ ở nông thôn tiếp tục được tăng cường và mở rộng : 99,9% số xã có trường tiểu học (năm 1994 : 99,8%) ; 84,5% số xã có trường trung học cơ sở (năm 1994 : 76,6%) ; 8,7% số xã có trường trung học phổ thông (năm 1994 : 7%). Các cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo vẫn được duy trì và mở rộng. Đến nay, 36,3% số xã có lớp mẫu giáo ; 85,7% số xã có nhà trẻ. Trong lĩnh vực y tế, cùng với việc tăng cường cán bộ ngành y cho cơ sở là mở rộng các cơ sở khám chữa bệnh. Năm 1994, có 93,2% số xã có trạm y tế, đến năm 2001 mạng lưới y tế xã gần như phủ kín trên phạm vi cả nước với 99% số xã có trạm y tế (xem biểu).

CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA XÃ

	1994		2001		2001 so với 1994		Tỷ lệ % tăng/giảm so với 1994
	Tổng số	Tỷ lệ % trong TS	Tổng số	Tỷ lệ % trong TS	Tổng số	Tỷ lệ % trong TS	
Tổng số xã	8791	100,0	8950	100,0	159		1,8
Xã có điện	5309	60,4	7712	86,2	2403	25,8	45,3
Xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã	7730	87,9	8461	94,5	731	6,6	9,5
Xã có hệ thống loa truyền thanh	3395	38,6	5091	56,9	1696	18,3	50,0
Xã có chợ	4763	54,2	5101	57,0	338	2,8	7,1
Xã có nhà trẻ	2958	33,6	3251	36,3	293	2,7	9,9
Xã có lớp mẫu giáo	6749	76,8	7665	85,6	916	8,8	13,6
Xã có trường tiểu học	8776	99,8	8939	99,9	163	0,1	1,9
Xã có trường THCS	6738	76,6	7561	84,5	823	7,9	12,2
Xã có trường THPT	611	7,0	782	8,7	171	1,7	28,0
Xã có trạm y tế	8189	93,2	8863	99,0	674	5,8	8,2

Hiện nay, 7 503 Ủy ban nhân dân xã có máy điện thoại, chiếm 83,8%. Đặc biệt, số hộ ở nông thôn có điện thoại năm 2001 là 704,4 ngàn hộ, gấp 30 lần so với năm 1994 ; 56,9% số xã có hệ thống loa truyền thanh (năm 1994 là 38,6%) ; 54,8% số xã có điểm bưu điện văn hóa xã ; 14% số xã có nhà văn hóa và 7% số xã có thư viện.

Thứ tư, các HTX nông nghiệp phát triển nhưng chưa đều và chưa vững chắc. Quan hệ sản xuất ở nông thôn được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Theo số liệu điều tra, cả nước có 7 226 HTX nông nghiệp (trong đó có 912 HTX mới thành lập theo Luật, 6 314 HTX đã chuyển đổi và 5 034 HTX cũ chưa chuyển đổi), 13 HTX lâm nghiệp và 319 HTX thủy sản.

Phương thức và giá cả dịch vụ của các HTX thuận tiện và thấp hơn của tư nhân trên cùng địa bàn. Năm 2000, có 5 441 HTX (84,9%) làm dịch vụ thủy nông ; 4 612 HTX (71,9%) làm dịch vụ bảo vệ thực vật ; 3 704 HTX (57,8%) làm dịch vụ giống ; 2 400 HTX (37,4%) làm dịch vụ làm đất ; 1 627 HTX

Digitized by Google

(25,4%) làm dịch vụ phân bón ; 1 979 HTX (30,9%) làm các dịch vụ khác.

Tuy nhiên, sau khi chuyển đổi nhiều HTX nông nghiệp chưa mở rộng được dịch vụ đầu ra, nhất là tiêu thụ sản phẩm, chế biến nông sản và phát triển ngành nghề. Phần lớn HTX mới đảm nhiệm hai đến ba khâu dịch vụ. Nhận thức ở một số địa phương, ngành và xã viên về Luật Hợp tác xã còn hạn chế ; còn tới 41,4% số HTX chưa chuyển đổi.

Thứ năm, năng lực của ngành thủy sản được tăng cường. Đến nay, số hộ thủy sản cả nước có 509 nghìn, chiếm 3,7% tổng số hộ, trong đó nhiều nhất là các vùng ĐBSCL : 239,7 nghìn hộ (7,9%), Nam Trung Bộ : 90,3 nghìn hộ (7,8%), Bắc Trung Bộ : 75,3 nghìn hộ (3,8%), Đông Nam Bộ : 63,7 nghìn hộ (4,6%). So với năm 1994, số hộ thủy sản tăng 280 nghìn hộ (gấp 2,2 lần), nhanh nhất là vùng ĐBSCL gấp 4,2 lần (239,7/56,9 nghìn hộ). Số hộ thủy sản vùng ĐBSCL hiện nay đã nhiều hơn tổng số hộ thủy sản cả nước năm 1994 (229,9 nghìn hộ).

Số lượng tàu thuyền đánh bắt thủy sản cơ giới cả nước có trên 120 445 chiếc, trong đó có 14 403 tàu có công suất trên 90 CV đánh bắt xa bờ. Các vùng có nhiều tàu thuyền đánh bắt cơ giới là : ĐBSCL có 45 798 chiếc, trong đó đánh bắt xa bờ có 4 174 chiếc ; Nam Trung Bộ : 23 277 và 5 387 chiếc ; Bắc Trung Bộ : 22 867 và 687 chiếc ; Đông Nam Bộ : 14 962 và 3 667 chiếc với chủng loại tương ứng. So với năm 1994, số tàu đánh bắt thủy sản cơ giới tăng 48 981 chiếc (+ 68,5%), tăng nhiều và nhanh nhất là hai vùng ĐBSCL (30 308 chiếc, bằng 2,9 lần) và Nam Trung Bộ (8 954 chiếc, bằng 41,5%).

Trong nuôi trồng thủy sản, nét nổi bật nhất là số lượng và quy mô trang trại tăng nhanh và đem lại hiệu quả thiết thực. Cả nước có 16 952 trang trại nuôi trồng thủy sản, được trải rộng khắp tám vùng sinh thái, trong đó nhiều nhất là ĐBSCL (12 086 trang trại, chiếm 38,8%) và Nam Trung Bộ (1 297 trang trại, chiếm 44,6%). Diện tích mặt nước bình quân một trang trại là 3,9 héc-ta, riêng ĐBSCL là 3,2 héc-ta. Giá trị sản lượng hàng hóa và thu nhập bình quân của các trang trại nuôi trồng thủy sản đều cao hơn các trang trại khác (Thừa Thiên - Huế : 142 triệu và 47 triệu đồng so với 101 và 34 triệu đồng).

Thứ sáu, do cơ cấu ngành nghề có tiến bộ, sản xuất phát triển, nên thu nhập, tích lũy và vốn đầu tư của hộ nông thôn chuyển biến theo xu hướng tiến bộ, phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Trong cơ cấu tổng thu về sản xuất kinh doanh : thu về nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 75,6%, thu từ công nghiệp - xây dựng chiếm 10,6%, còn lại thu từ các ngành dịch vụ chiếm 13,8%. Trong cơ cấu tổng thu nông, lâm nghiệp, thủy sản thì thu từ ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất 79,9%, thu từ thủy sản 15,3% và thu từ lâm nghiệp chỉ chiếm 4,8%. Tỷ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp giảm dần và tỷ trọng thủy sản tăng nhanh là xu hướng tiến bộ đúng với thực tế hiện nay ở các vùng nông thôn, nhất là vùng ven biển.

Cơ cấu tổng thu của ngành nông nghiệp gồm : thu từ ngành trồng trọt chiếm 68,5%, thu từ ngành chăn nuôi chiếm 29,5%, thu từ hoạt động dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm 2%. Trong ngành trồng trọt, tỷ lệ thu về cây hằng năm chiếm 77,8%, thu về cây lâu năm 19,7%.

Thứ bảy, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân được nâng cao. Giá trị các đồ dùng lâu bền bình quân một hộ dân cư nông thôn hiện có vào thời điểm điều tra là 6,9 triệu đồng, tăng 1,8 triệu đồng/hộ (tăng 35,3%) so với 1998. Năm 2000 vốn đầu tư phát triển bình quân một hộ là 3,5 triệu đồng ; vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn là 3,1 triệu đồng. Kết quả trên phù hợp với các nguồn số liệu của các cuộc điều tra trước của ngành thống kê và phản ánh đúng thực trạng, xu hướng vận động của kinh tế hộ nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm đầu tiên của thế kỷ XXI.❑

Digitized by Google

Ngày Xuân,
kể về Hội nghị thành lập Đảng

NGUYỄN TRỌNG THỤ

Cứ mỗi độ Xuân về, chúng ta lại kể với nhau về Hội nghị thành lập Đảng. Bởi vì, Hội nghị đó tiến hành đúng vào buổi đầu xuân (ngày 3-2-1930 là mồng 5 tháng Giêng - Canh Ngọ). Và còn bởi vì, như chúng ta thường nói, Đảng đã cho ta cả Mùa Xuân.

Và Xuân nay, cũng xin kể lại :

Trong bản báo cáo đề ngày 18-2-1930 gửi Quốc tế Cộng sản báo tin là Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập, đồng chí Nguyễn Ái Quốc cho biết : Nhận được chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về công tác ở Đông Dương, đồng chí đã rời Đức vào tháng 6-1928 và đến Xiêm (Thái Lan) vào tháng 7 cùng năm. Đồng chí đã làm việc với một số Việt Kiều ở đấy cho tới tháng 11-1929. Đã hai lần, đồng chí cố tìm cách về Việt Nam nhưng phải quay trở lại vì bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới hoạt động rất gắt gao. Lần thứ ba, đang định tìm về đất nước thì được một đồng chí từ Hồng Công sang Xiêm báo cho biết là Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội đang bị tan rã, những người cộng sản đang chia thành nhiều phái. Đồng chí lập tức đi Trung Quốc, tới đó vào ngày 23-12. Sau đó, triệu tập các đại biểu của hai nhóm (Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng) để bàn về vấn đề hợp nhất.

Đúng là lúc ấy ở nước ta, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội đang gặp những rạn vỡ của sự trưởng thành. Tháng 5-1929, Đại hội lần thứ I của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội họp tại một địa điểm ở nước ngoài. Tại Đại hội này, các đại biểu Bắc Kỳ đưa ra đề nghị thành lập Đảng Cộng sản. Đề nghị này không được Đại hội chấp thuận. Các đại biểu Bắc Kỳ liền bỏ Đại hội ra về, sau đó ra bản Tuyên ngôn kêu gọi : "Phải tổ chức ngay Đảng Cộng sản". Ngày 17-6-1929, một số đồng chí ở Bắc Kỳ rời bỏ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Tiếp đó, những người tiên tiến trong Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở miền Nam, miền Trung và nước ngoài lần lượt tự tổ chức ra những chi bộ cộng sản, và đến cuối năm 1929, chính thức thành lập An Nam Cộng sản Đảng. Ở miền Trung thì Tân Việt và Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội đã nhiều lần họp với nhau bàn chuyện hợp nhất, nhưng do thái độ của mỗi bên

Digitized by Google

khác nhau, nên sự hợp nhất không thành. Do vậy, phái "tả" trong Đảng Tân Việt cũng tự tổ chức thành những chi bộ cộng sản. Các tổ chức cộng sản ở cả ba kỳ đã có những cuộc gặp gỡ để bàn việc hợp nhất thành một Đảng, nhưng chưa thành công vì còn rất xa nhau trong nhận thức và phương pháp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là đại biểu Quốc tế Cộng sản đã kịp thời đứng ra giải quyết.

Đồng chí Trịnh Đình Cửu và đồng chí Nguyễn Thiệu, những người đã được tham dự Hội nghị hợp nhất Đảng, trong một tờ trình, đề ngày 17-11-1959, gửi lên Trung ương Đảng (khóa II) đã kể lại rằng : Sau khi nhận được thư triệu tập của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức cộng sản trong nước đã cử đại biểu đi dự họp. Các đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng gồm Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh, đáp tàu biển từ Hải Phòng đi dự hội nghị. Các đại biểu An Nam Cộng sản Đảng gồm Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu đáp tàu biển từ Sài Gòn đến Hồng Công vào cuối năm âm lịch. Đồng chí Trịnh Đình Cửu còn nhớ, lúc lên bờ thì thấy một hiện tượng khác thường : ngoài phố, người ta bán các thứ hoa như hoa đào, mẫu đơn, thủy tiên và cá vàng là những thứ chỉ bán trước Tết, vào lúc chuẩn bị ăn Tết. Đồng chí, còn cho biết hai người (đồng chí Trịnh Đình Cửu và đồng chí Nguyễn Đức Cảnh) trong đoàn đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng, lúc mới đến trọ ở khách sạn bên Hồng Công, khoảng một tuần sau mới dời sang Cửu Long. Hôm đầu tiên được gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đúng Tết âm lịch. Hôm ấy khi vào một hiệu cao lâu, đồng chí Nguyễn Ái Quốc có nói "Cung hỷ". Đồng chí Trịnh Đình Cửu lấy làm ngạc nhiên, về sau mới rõ tục lệ Trung Quốc là ngày Tết gặp nhau, bất kỳ quen lạ, đều chào nhau bằng mấy chữ "Cung hỷ" (tức là chúc mừng năm mới).

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, đúng sau dịp Tết Canh Ngọ, đã diễn ra Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng[1]. Hội nghị họp ở bán đảo Cửu Long (Hồng Công), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã tiến hành với sự tham dự của 2 đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh, 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng là Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu. Ngoài ra, có những người giúp việc cho Hội nghị, thỉnh thoảng có dự một vài buổi họp là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn. Còn Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (gồm những người có xu hướng cộng sản thoát ly từ Đảng Tân Việt) mới thành lập ngày 1-1-1930, do các cán bộ chủ chốt bị bắt, nên không kịp cử đại biểu đến dự. Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi cho Quốc tế Cộng sản thì tổng số đảng viên lúc bấy giờ là 310 đồng chí (gồm 204 đồng chí ở miền Bắc, 51 đồng chí ở miền Nam, 40 đồng chí ở Xiêm, 15 đồng chí ở Trung Quốc và các nơi khác).

Đồng chí Trịnh Đình Cửu và đồng chí Nguyễn Thiệu, trong tờ trình của mình, cho biết là Hội nghị kéo dài đến mấy hôm, qua nhiều lần họp và họp cách quãng, thường họp vào ban đêm. Nơi họp là những căn phòng nhỏ hẹp xóm thợ thuyền ở Cửu Long.

Sau 5 ngày thảo luận sôi nổi và khẩn trương, Hội nghị nhất trí tán thành hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy

(1) Trước đây, đã có lúc chúng ta lấy ngày 6-1-1930 là ngày thành lập Đảng. Thực ra, ngày đó chỉ là bắt đầu quá trình chuẩn bị. Trong bài *"Dự thảo về lịch sử phong trào Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1933"* của Hồng Thế Công (tức Hà Huy Tập), có đoạn viết : Từ 6-1 đến ngày 3-2-1930 là quá trình chuẩn bị và thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng ta

Digitized by Google

nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Lúc đầu, về tên Đảng, đại biểu nào cũng muốn lấy tên của tổ chức mình làm tên của Đảng. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề nghị lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng chí giải thích : Theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc, thì người của dân tộc nào vào Đảng của dân tộc ấy. Cái từ Đông Dương rộng quá, vì Đông Dương gồm ba nước là Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Còn cái từ An Nam lại hẹp quá, vì nó chỉ tên xứ Trung Kỳ. Các đại biểu đều nhất trí với đề nghị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt ; Sách lược vắn tắt ; Chương trình tóm tắt ; Điều lệ vắn tắt của Đảng* và các *Điều lệ vắn tắt* của các tổ chức quần chúng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này được các đồng chí dự họp ghi chép mang về nước và sau đó đã được phổ biến rộng rãi. Theo báo cáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản thì các đại biểu trở về Việt Nam ngày 8-2-1930.



Trong số các văn kiện của Hội nghị thành lập Đảng, có một tài liệu mà sau năm 1975 chúng ta mới tìm lại được từ trong hồ sơ của mật thám Pháp. Đó là *Báo cáo tóm tắt Hội nghị*, đề ngày 7-2-1930, tức là ngày kết thúc Hội nghị. Tài liệu này do mật thám Pháp lấy được khi soát nhà đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành ủy Hà Nội năm 1930. (Sau khi bị bắt, đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ bị tra tấn hết sức dã man, nhưng kiên quyết giữ vững khí tiết, đã hy sinh ngay trong trại giam Hỏa Lò đầu năm 1932). Mật thám Pháp đã dịch *Báo cáo tóm tắt Hội nghị* ra tiếng Pháp để nghiên cứu. Bản hiện giữ tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng là bản dịch lại ra tiếng Việt từ bản tiếng Pháp của mật thám Pháp.

Báo cáo tóm tắt Hội nghị có nội dung như một biên bản hội nghị, nêu rõ số lượng đại biểu có mặt, trình tự chương trình nghị sự, và phần quan trọng nhất là phần Nghị quyết. Trong phần này ghi rõ : *các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và của An Nam Cộng sản Đảng đều tán thành ý kiến của đại biểu quốc tế (tức là đồng chí Nguyễn Ái Quốc) về việc thành lập một Đảng Cộng sản chân chính đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và kế hoạch tiến hành việc thành lập Đảng đó.* Trong Nghị quyết cũng có phần nhận xét sai lầm, khuyết

Digitized by Google

điểm của An Nam Cộng sản Đảng và của Đông Dương Cộng sản Đảng. Cả hai tổ chức đó đều quá khắt khe trong việc công nhận đồng chí chính thức, và trong việc kết nạp vào công hội, nông hội, học sinh hội. Đông Dương Cộng sản Đảng còn sai lầm về mặt tổ chức, làm cho Đảng có tính chất bè phái, xa quần chúng. Ngoài ra, việc Đông Dương Cộng sản Đảng làm tan rã *Thanh niên* và *Tân Việt* là trái với đường lối của Quốc tế Cộng sản. Nghị quyết cũng đề cập đến phương thức cử Ban Trung ương. Theo phương thức đó thì Bắc Kỳ và Trung Kỳ do Trung ương Đông Dương Cộng sản lãnh đạo sẽ cử 5 ủy viên. Còn đối với Nam Kỳ thì Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng và Ban Chấp hành lâm thời An Nam Cộng sản Đảng sẽ giới thiệu đảng viên của mình với hai đại biểu Nam Kỳ[2] để hai đại biểu này tổ chức họp chung cử hai ủy viên (đưa vào Trung ương mới)[3]. Nghị quyết cũng nêu rõ, cần bỏ các tổ chức xích tổ (những tổ chức quần chúng có xu hướng cộng sản) và các tổ chức ủng hộ bằng cách đưa họ vào nông hội, công hội hoặc các tổ chức phản đế. Đối với *Thanh niên* thì đưa vào tổ chức phản đế. Đối với *Tân Việt* thì không giải tán, mà đưa vào tổ chức phản đế, đồng thời kết nạp những người ưu tú vào Đảng. Nghị quyết cũng đề cập đến thái độ đối với Quốc dân đảng, đối với mặt trận phản đế và đối với Hội cứu tế. Riêng đối với báo chí thì Nghị quyết nêu rõ : Bỏ những tờ báo do Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng xuất bản trước đây ; Ban Trung ương có thể xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền ; bỏ những tờ báo của các hội quần chúng do Đảng chỉ đạo ; duy trì tất cả những tờ báo do quần chúng chủ trương.

Đúng 3 tuần sau Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng, vào ngày 24-2-1930, các đại biểu của Đảng lại có cuộc họp quyết định chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo quyết định đó, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được cử một đồng chí tham gia cấp ủy lâm thời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở Nam Kỳ.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. Sự nhất trí cao và nhanh chóng của Hội nghị là nhờ vai trò lãnh đạo, hướng dẫn của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín rất cao của mình, đồng chí Nguyễn Ái Quốc là linh hồn của Hội nghị thành lập Đảng và là người quyết định thắng lợi của Hội nghị đó.

Sau khi Đảng được thành lập, trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết : "Hội An Nam thanh niên cách mạng (tức là Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội) do chúng tôi tổ chức từ năm 1925. Có thể nói rằng, nó là quả trứng, mà từ đó nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)... Từ nay với chính sách đúng và với sự thống nhất, chúng tôi có thể chắc rằng Đảng Cộng sản sẽ tiến bộ nhanh chóng". Cho đến nay, thực tiễn hoạt động 73 năm qua của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng minh hùng hồn lời tiên đoán đó của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. ❑

---

(2) Tức Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu

(3) Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị, Bắc kỳ và Trung kỳ đã cử các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Trần Văn Lan, Nguyễn Hới, Nguyên Phong Sắc, Lê Mao ; Nam kỳ cử các đồng chí Hạ Bá Cang, Phạm Hữu Lầu. Trên đường đi dự Hội nghị Trung ương, một trong số các đồng chí trên đây đã bị bắt

Digitized by Google

Tâm sự của người đảng viên
72 NĂM TUỔI ĐẢNG

LÊ VĂN HIẾU*

Đã hơn 70 năm nay, như đã thành truyền thống, trong niềm vui đón Xuân Mới, nhân dân cả nước vui mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh 3-2-1930.

Mừng Xuân, nhớ về Đảng, càng nhớ đến những người đảng viên kiên trung, một đời vì Đảng, vì dân, những tấm gương sáng rất đáng cho chúng ta học tập.

Đồng chí ***Trần Trọng Bích*** là một đảng viên lão thành được mọi người trìu mến gọi là "anh Ba". Năm 2000, anh được tặng Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng. Trước đây, anh nhiều năm cùng sinh hoạt với tôi ở một chi bộ, nay đã chuyển sang chỗ ở mới nhưng vẫn cùng một Đảng bộ (178/4/8F Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh). Chúng tôi vẫn thường xuyên thăm hỏi nhau. Năm 1931, anh là người đảng viên đầu tiên giữ chức Bí thư Chi bộ xã Lạng Sơn, huyện Tân Châu, Châu Đốc (An Giang ngày nay). Năm 1936, là Tỉnh ủy viên tỉnh Châu Đốc. Năm 1938, bị địch bắt đày ra Côn Đảo, cùng bị giam chung trại tù với các đồng chí lão thành cách mạng : Lê Duẩn, Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh), Nguyễn Văn Tạo... Năm 1944 được ra tù, anh tiếp tục hoạt động bí mật, xây dựng cơ sở cách mạng. Tuy đã 89 tuổi, nhưng anh vẫn rất minh mẫn, vẫn nhớ rất rõ những kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Anh thường nhớ về những người đồng đội cũ, tấm gương các đồng chí đã chiến đấu, hy sinh xứng đáng với danh hiệu người đảng viên luôn nhắc nhở, thôi thúc anh sống và cống hiến hết mình cho dân, cho Đảng.

Đồng chí ***Lê Hồng Thiệt*** - nguyên Thường vụ huyện ủy Tân Châu, người đã dìu dắt, kết nạp đồng chí Trần Trọng Bích vào Đảng. Năm 1931, đồng chí Thiệt bị địch bắt. Địch đeo trước ngực và sau lưng đồng chí hai tấm biển đề chữ "Cộng sản", cổ mang gông, cho lính dẫn đi dạo khắp chợ ở huyện Tân Châu nhằm bêu riếu, dọa nạt nhân dân và uy hiếp phong trào cách mạng.

Rồi đồng chí ***Phạm Văn Lẫm*** - nguyên đảng viên năm 1931, khi bị địch bắt, đã chống cự quyết liệt, bị giặc đánh chết ngay tại chỗ. Và còn biết bao đồng chí khác bị

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

địch tra tấn, sát hại dã man cho đến giờ phút cuối cùng của đời mình vẫn một lòng kiên trung với Đảng.

Anh Bích kể, sau Cách mạng Tháng Tám (1945), anh làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội Châu Đốc. Sau đó, được Đảng phân công giữ nhiều cương vị khác nhau. Hồi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, dù đang làm Chính trị viên Tỉnh đội, mọi người cùng gia đình ra Bắc tập kết, anh được Đảng bố trí ở lại vùng địch hậu, công việc khó khăn và nguy hiểm, anh vẫn sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao. Những năm tháng khó khăn của cách mạng (1956, 1957, 1958), tình hình hết sức đen tối, địch liên tục tiến hành nhiều chiến dịch "tố Cộng, diệt Cộng" với khẩu hiệu "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót bọn Cộng sản". Chúng lê máy chém đi khắp nơi để đàn áp phong trào cách mạng. Đồng chí ***Phạm Hữu Lầu*** (Tư Lầu) - nguyên là Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ giao cho anh trực tiếp lo nơi ăn ở và làm việc của cơ quan Xứ ủy từ Sài Gòn chuyển về Tân Châu, Châu Đốc. Sau khi địch bắt được anh ***Hoàng Hữu Khương*** - nguyên Phó Bí thư Xứ ủy, đồng chí Tư Lầu giao cho anh sang Phnôm-pênh (Cam-pu-chia) cùng với anh Ba Quán mở cơ sở cách mạng mới, xây dựng nơi ăn ở và làm việc (căn cứ 2) của cơ quan Xứ ủy. Sau này, cả anh và các đồng chí khác : Phạm Văn Bường, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Ba Duẩn cũng sang Phnôm-pênh hoạt động. Thời kỳ đó, nhiều đồng chí đã hy sinh oanh liệt. Nay ngẫm nghĩ lại, sở dĩ mình làm được như vậy và nhất là khi phong trào cách mạng gặp khó khăn chính vì có *lòng yêu nước, tin tưởng tuyệt đối vào Đảng*, vào vị lãnh tụ tối cao của dân tộc - *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, người đã sáng suốt lãnh đạo nhân dân thoát khỏi cuộc đời nô lệ trăm năm, thoát khỏi cảnh đau khổ của người dân mất nước, giành được độc lập, giải phóng cho dân tộc.

Nói về những thành quả của *sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay*, anh Bích tâm sự : Những thành tựu tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ đổi mới, trong 16 năm qua tuy còn có những yếu kém khuyết điểm, nhưng tôi thấy thật đáng phấn khởi. Sản lượng lương thực, điện, than, xi-măng, sắt thép, dầu mỏ... nhất là kim ngạch xuất khẩu hằng năm tăng nhanh, chính trị, an ninh quốc phòng ổn định. Điều đó thể hiện sức sống và sự năng động, sáng tạo của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Không cần phải nhiều lời, chính những thành tựu đó, chính đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao là những minh chứng hùng hồn cho những ai còn có tư tưởng hoài nghi và tin vào những điều xuyên tạc, bôi nhọ công cuộc đổi mới của Đảng và nhân dân ta.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài, đầy hy sinh gian khổ vì độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu đã giành được thắng lợi vĩ đại thì nhất định cũng sẽ giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Về *cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng* hiện nay, anh Bích nhận xét : Tôi rất mừng, vì cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được những kết quả bước đầu, *làm tăng thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng*. Tuy nhiên, trong sự nghiệp đổi mới, bên cạnh những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội dưới ảnh hưởng của kinh tế thị

Digitized by Google

trường thì vẫn còn tồn tại không ít những mặt trái. Thật đau lòng là một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong đó có cả đảng viên lâu năm, cả cán bộ cấp cao, đã bị đồng tiền bất chính làm mờ mắt, tha hóa, biến chất, sa ngã. Nhiều đêm, tôi trăn trở không sao ngủ được, buồn vì những vụ án tham nhũng không những đã làm tổn thất tiền, của của Nhà nước và nhân dân quá lớn, mà điều nguy hiểm hơn là làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, tổn hại đến danh dự của bao thế hệ đảng viên đã quên thân mình vì dân, vì Đảng. Như trong vụ án "Ngân hàng Việt Hoa" năm 2002, các bị cáo đã chiếm đoạt của Nhà nước và nhân dân hơn 83 triệu USD và 260 tỉ đồng. Còn rất nhiều vụ án lớn đã và đang được xét xử. Các bị cáo đã làm thất thoát của nhà nước tới hàng ngàn tỉ đồng, không thống kê hết. Trong khi đó, người dân ở nhiều nơi, nhất là ở nông thôn và miền núi còn chịu nhiều cực khổ, áo chưa đủ lành, cơm chưa đủ no. Các vụ tham nhũng diễn ra ngày càng nghiêm trọng chính là nguy cơ mất, còn của chế độ. Anh quan tâm đặc biệt đến vụ án Trương Văn Cam. Theo anh, đây là ung nhọt lớn hủy hoại sự phồn vinh, vững mạnh của đất nước. Anh mừng vì cuối cùng những kẻ như Năm Cam, tên cầm đầu của đường dây xã hội đen và đồng bọn đã bị bắt và sắp đưa ra xét xử. Tính chất vụ án này rất nguy hiểm, vì những cán bộ trong bộ máy Nhà nước trực tiếp bảo vệ pháp luật lại làm "chỗ dựa" đầy quyền lực cho Năm Cam và đồng bọn xã hội đen hoạt động gây tội ác. Phải thấy hết tính chất vô cùng nghiêm trọng bởi nó được các "ô dù" là các quan chức trọng trách của Nhà nước che chắn nên đã tồn tại nhiều năm. Vụ án này cho thấy, *công tác tổ chức - cán bộ* còn quá *yếu kém*. Công tác này mà yếu kém sẽ là nguy cơ đe dọa sự vững mạnh của Đảng ; làm suy giảm mối gắn kết chặt chẽ giữa Đảng với dân. Như V.I. Lê-nin đã từng cảnh báo : Chẳng ai có thể làm tổn thương được uy tín của Đảng cách mạng, trừ khi bản thân Đảng tự mình làm tổn thương uy tín của mình. Trong vụ án Năm Cam, *Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã trực tiếp theo sát chỉ đạo và kiên quyết xử lý* mọi đối tượng có dính líu, cả những cán bộ cấp cao ở Trung ương, vì thế, được *dư luận nhân dân đồng tình ủng hộ*, giải tỏa được mối nghi ngờ cho rằng do "nể nang", vì liên lụy đến cán bộ cấp cao, họ rất dễ để vụ án "chìm xuồng". Điều anh lo lắng hiện nay là *kỷ cương, kỷ luật của Đảng ở nhiều nơi bị buông lỏng*, có tình trạng đảng viên thiếu trung thực, lừa dối Đảng. Vụ án Năm Cam là một ví dụ cho điều đó. Bác Hồ nói : Đảng là người mẹ hiền, người mẹ hiền nghiêm minh mới giữ vững kỷ cương của Đảng... Thực tế cho thấy cán bộ chủ chốt, cán bộ cao cấp có gương mẫu về phẩm chất đạo đức, lối sống mới làm gương cho cấp dưới...

Cuộc đời hoạt động cách mạng kiên trung, bất khuất, cách sống đầy tình người luôn hòa mình vào tập thể của anh Ba thật sự chinh phục được tình cảm quý mến của mọi người. Điều quý nhất ở anh là chính vì anh là người đảng viên đã sống trọn đời với dân, với nước ; trung thành với Đảng, với Bác Hồ kính yêu. Có những đảng viên như anh Ba khiến chúng ta càng tự hào về dân tộc ta, một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo ; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, được nhân dân hết lòng ủng hộ và cũng vì nhân dân mà phấn đấu. ❑

Digitized by Google

KHÁNH HÒA : TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN VĂN TỰ

*(Phỏng vấn đồng chí **Nguyễn Văn Tự**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa)*

Phóng viên : *Thưa đồng chí, Khánh Hòa là một trong những tỉnh trung tâm của miền Trung nước ta. Sự phát triển của Khánh Hòa có vị trí rất quan trọng đối với khu vực và cả nước. Nhân dịp Năm Mới, xin đồng chí giới thiệu với bạn đọc Tạp chí Cộng sản đôi nét về những phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội chủ yếu của Khánh Hòa trong năm 2003 ?*

Đồng chí Nguyễn Văn Tự : Khánh Hòa là một tỉnh duyên hải miền Nam Trung Bộ có nhiều tiềm năng, thế mạnh trên các lĩnh vực phát triển kinh tế công nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ ... Những năm gần đây, trên cơ sở tập trung khai thác các tiềm năng, thế mạnh, cùng với sự đầu tư đúng hướng, Khánh Hòa đạt được nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong năm 2002, mặc dù phải chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và tác động tiêu cực do những khó khăn trong nước cũng như những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhưng nền kinh tế của tỉnh vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao với GDP đạt 10,5%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 2 400 tỉ đồng, tăng 12,9%. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá cố



Khánh Hòa hôm nay — *Ảnh : QUANG BÌNH*

Digitized by Google

định năm 1994) trên địa bàn tăng 25,15% ; doanh thu du lịch tăng 16,5%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 1 770 tỉ đồng, vượt 38,6% so với kế hoạch. Việc xây dựng các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm nhằm triển khai cụ thể Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã được hoàn thành ; trong đó, một số chương trình đã đi vào thực hiện và bước đầu phát huy hiệu quả trong thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư và tiếp tục có những chuyển biến đáng kể. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

Để tiếp tục phát huy những thành quả đó, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2001 - 2005, trong năm 2003, tỉnh sẽ tập trung thực hiện một số phương hướng nhiệm vụ chủ yếu như sau :

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện có hiệu quả 13 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm giai đoạn 2001 - 2005, gồm các chương trình : Kiên cố hóa kênh mương ; phát triển kinh tế biển ; phát triển du lịch ; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ; phát triển và cải tạo giống nông - lâm nghiệp ; thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ; đầu tư mới và đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa ; phổ cập trung học cơ sở ; đào tạo nghề ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; phát triển nhà ở ; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, gắn với tiếp tục thực hiện các chương trình của nhiệm kỳ trước và các chương trình hành động thực hiện nghị quyết, kết luận của các hội nghị Trung ương khóa IX nhằm tăng thêm nguồn lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh phát triển mạnh mẽ theo hướng bền vững.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công một số công trình trọng điểm như tuyến đường Nam Bình Tân - Sông Lô - Cù Hin - sân bay Cam Ranh, đường lên Hòn Bà, đường Trần Phú nối quốc lộ IA, đường Khánh Lê - Lâm Đồng ; dự án chỉnh trang đô thị và xây dựng kè, đường bờ Sông Cái. Khẩn trương xây dựng các khu công nghiệp Suối Dầu (giai đoạn 2) Ninh Thủy, Cam, Thịnh Đông, khu công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Sớm hoàn thành các khu du lịch tại Hòn Bà, Bãi Dài, Dốc Lết ; các khu dân cư Đường Đệ, Hòn Rớ và các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án, nhằm phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tăng thêm năng lực sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX, gắn với hỗ trợ mọi thành phần kinh tế đổi mới nhanh thiết bị công nghệ, tập trung giải quyết, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, tăng sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên đất đai, rừng, quản lý trật tự, vệ sinh và văn minh đô thị, đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan bộ máy chính quyền.

- Tổ chức tốt Lễ hội kỷ niệm 350 năm thành lập tỉnh Khánh Hòa vào ngày 2-4-2003, qua đó tạo thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn tỉnh, không những hướng vào giáo dục truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng và văn hóa của quê hương, ghi nhớ công lao của các bậc tiền nhân đã khai phá,

Digitized by Google

hình thành và xây dựng Khánh Hòa, mà còn tập trung giới thiệu, quảng bá thiên nhiên, con người và tiềm năng của vùng đất Khánh Hòa đối với bạn bè trong nước và quốc tế.

- Tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc như : thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống cho nhân dân; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là đào tạo nghề, nhằm tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 08 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm tạo chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, hạn chế và đẩy lùi tai nạn giao thông.

- Phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội cụ thể như sau : GDP tăng từ 9 - 10% ; huy động vốn đầu tư toàn xã hội 2 700 tỉ đồng ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 15 - 16% ; thu ngân sách 1 907 tỉ đồng ; kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn đạt 280 triệu USD ; khai thác thủy sản đạt 69 000 tấn : khai thác lâm sản đạt 20 000 m^3 ; giải quyết lao động cho 21 000 người ; tỷ lệ giảm sinh 0,4‰ ; giảm tỷ lệ số hộ đói nghèo xuống còn 7,2%.

Phóng viên : *Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên, Khánh Hòa cần phải làm gì và đâu là những giải pháp chủ yếu ?*

Đồng chí Nguyễn Văn Tự : Trên cơ sở phát huy sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, cần tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đi đôi với nỗ lực khắc phục những khó khăn, vướng mắc, hạn chế khuyết điểm trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xây dựng cơ bản, phòng, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là tạo vốn cho việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội. Để phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ 2003, chúng tôi tập trung vào thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau :

Một là, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm huy động tối đa nguồn nội lực, nhất là nguồn lực của khu vực dân doanh, gắn với tận dụng lợi thế để thu hút đầu tư nước ngoài nhằm tăng khối lượng và hiệu quả đầu tư toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế. Khẩn trương xây dựng các khu công nghiệp và tiểu khu công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp. Kết hợp đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến và vận động đầu tư với việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi các chính sách ưu đãi về giá thuê đất, về thuế ; cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư. Khẩn trương hoàn thành quy hoạch chi tiết các khu vực Vịnh Cam Ranh, Vịnh Vân Phong, đồng thời xây dựng các giải pháp, chính sách nhằm vận động, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của những khu vực này, tạo sức bật mới cho phát triển kinh tế.

Hai là, thông qua chính sách giảm giá thuê đất, hoặc cấp đất tại các khu công nghiệp vừa và nhỏ, khuyến khích việc di dời các cơ sở sản xuất, chế biến về các vùng nông thôn, đi đôi với tập trung khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, có chính sách cho vay theo nguồn vốn ưu đãi và hỗ trợ lãi suất theo hướng hạ xuống mức 0% đối với các dự án vay vốn nhằm khôi phục và phát triển các làng nghề để góp phần giải quyết lao động, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Ba là, tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hình thành các vùng trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung, thâm canh theo hướng sản xuất hàng hóa, phục vụ công nghiệp chế biến mía, điều, hoa quả, giấy, thủy sản. Đặc biệt, tỉnh sẽ tiến hành quy

Digitized by Google

hoạch những vùng đất nông nghiệp có diện tích lớn, kể cả số diện tích đang trồng lúa 2 vụ (khoảng 2000 héc-ta) chuyển sang trồng mía giống mới có năng suất, chất lượng cao nhằm cung ứng nguyên liệu sản xuất cho các nhà máy đường trong tỉnh. Chúng tôi xem đây là mô hình thí điểm, tạo bước đột phá cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp.

Bốn là, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu du lịch trọng điểm, đi đôi với phát triển thêm các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, lịch sử, các tụ điểm vui chơi, giải trí nhằm hấp dẫn du khách. Đồng thời, chú trọng việc đa dạng hóa thêm các sản phẩm du lịch, xây dựng các "tour" du lịch vui chơi, giải trí kết hợp với tham quan các cơ sở sản xuất kinh doanh, các làng nghề truyền thống, vừa đáp ứng nhu cầu thưởng lãm, mua sắm của du khách, vừa đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ.

Năm là, trên cơ sở triển khai thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Khuyến khích tất cả các loại hình doanh nghiệp tích cực đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao hiệu quả áp dụng công nghệ mới gắn với chủ động đầu tư chiều sâu ; qua đó, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm mũi nhọn có nhiều lợi thế, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Sáu là, đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản, tập trung nâng cao hiệu quả chương trình đánh bắt thủy sản xa bờ và quy hoạch, phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản sạch theo quy trình công nghiệp để phục vụ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến. Có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong tìm kiếm và mở rộng thị trường để tăng nhanh xuất khẩu thủy sản, nhất là các mặt hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh.

Bảy là, cải tiến thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện tốt công tác đền bù giải tỏa ; đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ khâu thi công nhằm tạo chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả đầu tư. Trên cơ sở dự kiến kế hoạch xây dựng cơ bản của năm 2003 và 2004, cần đẩy nhanh việc phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung các dự án đầu tư vào cuối năm 2003. Cùng với việc thực hiện tốt công tác đền bù, hỗ trợ giải tỏa và tái định cư của các dự án, tỉnh sẽ nghiên cứu tổ chức và giao nhiệm vụ cho đơn vị có chức năng thực hiện công tác đền bù giải tỏa, giải phóng và quản lý mặt bằng đối với những diện tích đất trong quy hoạch phát triển kinh tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu về mặt bằng cho các dự án, khắc phục có hiệu quả những hạn chế kéo dài lâu nay. Tăng cường công tác quản lý đất đai, gắn với xây dựng hoàn thiện các quy hoạch; chú trọng công tác xây dựng và quản lý đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

Tám là, đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước. Mạnh dạn phân cấp đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước, tạo sự chuyển biến trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và những hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân. Trước mắt, tỉnh tập trung cho nhiệm vụ cải cách các thủ tục hành chính theo phương án "một cửa" tại cơ sở, ngành, đặc biệt là các ngành xây dựng, địa chính, đồng thời nghiên cứu triển khai thực hiện việc đăng ký kinh doanh qua mạng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phóng viên : *Thời gian qua, tỉnh Khánh Hòa đã đạt nhiều thành tựu trong công tác phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi. Xin đồng chí cho biết một số bài học kinh nghiệm rút ra từ công tác này ?*

Digitized by Google

Đồng chí Nguyễn Văn Tự : Qua 10 năm, với nguồn vốn gần 400 tỉ đồng, Khánh Hòa đã tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tương đối toàn diện và hiệu quả. Thông qua việc thực hiện lồng ghép các chương trình định canh, định cư và xóa đói giảm nghèo, đến nay đã có 97% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số ổn định đời sống và sản xuất, từng bước vươn lên xóa đói giảm nghèo. Đã hoàn thành tốt chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình trên toàn bộ khu vực miền núi. Lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao dân trí, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Một số cơ chế, chính sách mới tiếp tục được ban hành nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Các cơ sở hạ tầng quan trọng như giao thông, thủy lợi, điện lưới quốc gia, nhà văn hóa, trung tâm bưu điện, khu vui chơi trẻ em và các công trình phúc lợi khác được quan tâm đầu tư thích đáng, làm cho bộ mặt miền núi ngày càng khởi sắc, đời sống đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt.

Qua những công tác nêu trên, bài học kinh nghiệm bước đầu có thể rút ra là :

- Cần phải xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài, nhằm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, thể hiện đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa" đối với đồng bào ở những vùng căn cứ của cách mạng trong kháng chiến. Trên cơ sở đó, xây dựng chương trình hành động với mục tiêu, giải pháp, chính sách thực hiện cụ thể, có tính khả thi và cân đối nguồn vốn để triển khai thực hiện. Chỉ đạo các ngành liên quan, các huyện có vùng đồng bào dân tộc thiểu số căn cứ vào chương trình của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị để xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của cấp mình ; đồng thời, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành.

- Quá trình thực hiện cần phân kỳ cụ thể và xác định từng bước đi thích hợp. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế hộ gia đình, xem đây là khâu đột phá nhằm thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc, bắt đầu từ phát triển lúa nước với suất đầu tư 10,9 triệu đồng/hộ, đến phát triển kinh tế vườn nhà, vườn rừng với suất đầu tư 5 triệu đồng/hộ, đồng thời nghiên cứu, đầu tư cho các hộ phát triển nuôi trồng thủy sản theo mô hình vườn - ao - chuồng (VAC). Hỗ trợ các hộ gia đình xây dựng nhà ở, tạo điều kiện giúp bà con an cư để lạc nghiệp (tính từ năm 1999 đến nay, tỉnh đã hỗ trợ gần 13 tỉ đồng để xây dựng 1 715 ngôi nhà cho các hộ gia đình thuộc diện chính sách và hộ nghèo).

- Xây dựng quy hoạch phân vùng thổ nhưỡng, phân vùng kinh tế, phân vùng trồng trọt, quy hoạch khu dân cư và quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng của từng xã. Có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp với vùng lãnh thổ và tập quán canh tác của người dân tộc ; ổn định các vùng trồng lúa nước, cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp. Đổi mới cơ chế, chính sách theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn miền núi.

- Lồng ghép việc thực hiện các chương trình định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, chương trình phủ điện nông thôn, chương trình phát triển giao thông nông thôn, chương trình trồng rừng (PAM, 327) và Quyết định 743 của UBND tỉnh... để nâng cao hiệu quả

Digitized by Google

đầu tư, tập trung ưu tiên đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm nhằm tạo chuyển biến sâu sắc bộ mặt nông thôn miền núi.

- Xây dựng và thực hiện tốt chính sách trợ giá, trợ cước các mặt hàng thiết yếu phục vụ miền núi. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động gắn với thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho đồng bào, gắn với tổ chức sản xuất, cung ứng giống, giới thiệu và hướng dẫn áp dụng giống mới vào sản xuất, giúp bà con thay đổi nhận thức, tâm lý trông chờ, ỷ lại và khắc phục tập quán canh tác lạc hậu. Tổ chức lực lượng thanh niên tình nguyện, gồm khoảng 20 trí thức trẻ lên công tác ở miền núi, giúp đồng bào phát triển sản xuất, nâng cao dân trí, làm công tác vận động quần chúng. Xây dựng và triển khai đề án thu mua nông sản trên địa bàn miền núi nhằm giải quyết đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp để tăng thu nhập cho đồng bào và kích thích sản xuất phát triển.

- Cùng với việc phát triển kinh tế, tỉnh còn quan tâm chú trọng công tác khuyến học, nâng cao trình độ dân trí (tỉnh đã ban hành chính sách cấp học bổng cho các học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số với mức : 30 000 đồng/tháng cho mỗi học sinh tiểu học, 120 000 đồng/tháng cho học sinh trung học phổ thông và 300 000 đồng/tháng cho sinh viên đại học), nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở thông qua việc tổ chức các lớp dạy văn hóa các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính, bồi dưỡng chính trị cho cán bộ xã, thị trấn ; có chính sách khuyến khích những sinh viên, nhất là người dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp về công tác tại địa phương. Tiếp tục quan tâm, chăm lo chu đáo hơn các đối tượng hưởng chính sách, như ưu tiên hỗ trợ mắc điện sinh hoạt, xây dựng nhà ở, xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện để các hộ này có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của địa bàn dân cư.

- Để nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy viên trực tiếp chịu trách nhiệm lãnh đạo và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác xóa đói giảm nghèo từ 1 đến 2 xã miền núi. Chúng tôi xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã huy động và phân công 123 đơn vị đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn tỉnh trực tiếp đỡ đầu, hỗ trợ các xã miền núi trong xóa đói giảm nghèo. Chỉ tính riêng trong 2 năm 1999 và 2000, các đơn vị này đã đóng góp trên 2,6 tỉ đồng, chủ yếu là mua giống cây trồng, con vật nuôi và phương tiện, công cụ sản xuất để giúp đồng bào sản xuất, kinh doanh. Riêng các đơn vị quân đội ngoài sự đóng góp về tiền đã tổ chức tốt các đợt hành quân dã ngoại làm công tác dân vận, đưa cán bộ chiến sĩ về giúp đồng bào làm vườn, làm thủy lợi... Qua các hoạt động thiết thực đó, đã tạo sự gắn kết sâu sắc tình cảm, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị với đồng bào miền núi, làm tiền đề cho việc huy động nguồn lực tổng hợp của toàn xã hội để giúp bà con từng bước xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng, góp phần ổn định chính trị xã hội, thay đổi bộ mặt nông thôn vùng miền núi.

Phóng viên : *Xin chân thành cảm ơn đồng chí Bí thư, xin chúc Đảng bộ và nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đạt nhiều thành tích xuất sắc hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới.* ❑

Digitized by Google

CẦN THƠ vươn lên và hội nhập

LÊ NAM GIỚI

*(Phỏng vấn đồng chí **Lê Nam Giới** -*
Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ)

Phóng viên : *Thưa đồng chí, sau một thời gian, trở lại Cần Thơ, mới chỉ dạo qua đã thấy đổi thay nhiều, giàu đẹp lên nhiều. Đồng chí có thể cho biết những thành tựu cơ bản trong bước đi lên của Cần Thơ ?*

Đồng chí Lê Nam Giới : Tỉnh ủy chúng tôi vừa thông qua Báo cáo tổng kết năm 2002 và Nghị quyết nhiệm vụ công tác năm 2003 của Cần Thơ. Một cách khách quan, có thể nói kết quả thu được trong năm 2002, năm thứ hai thực hiện Nghị quyết IX của Đảng bộ tỉnh thật đáng phấn khởi. Tỉnh đã xây dựng và triển khai *9 chương trình và 7 đề án phát triển kinh tế - xã hội.* Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hoàn thành một cách toàn diện ; tốc độ tăng *GDP là 10,3% (kế hoạch là 10 - 11%), cao nhất so với nhiều năm gần đây và tương đối đồng bộ ở các khu vực, các ngành, các lĩnh vực kinh tế.* Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung.

Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả cao do có sự đầu tư triển khai thực hiện 5 chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn. Có sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa nông nghiệp và ngư nghiệp với đổi mới công nghệ sản xuất và thị trường. Tỉnh đã thực hiện mô hình đưa công tác khuyến nông, cán bộ kỹ thuật xuống từng xã hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng, chăn nuôi và xử lý những diễn biến xấu xảy ra với cây trồng, vật nuôi. Vùng chuyên canh chất lượng cao xuất khẩu (40 nghìn héc-ta lúa, 25 nghìn héc-ta mía nguyên liệu) Phụng Hiệp được quy hoạch, đầu tư hợp lý, Cần Thơ trở thành một trong những tỉnh có chất lượng gạo cao nhất. Một số loại cây trồng, vật nuôi mới có triển vọng và có thị trường đang tiếp tục phát triển : bắp lai, bông vải, bò thịt, bò sữa, nuôi tôm, cá kết hợp ruộng lúa, nuôi cá tra... Giá cả một số loại nông sản (lúa, cá, lợn...) tương đối ổn định.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng nhưng tốc độ chậm hơn so với năm 2001, riêng khu vực dân doanh tăng trưởng khá mạnh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14% (kế hoạch 15 - 16%). Một số ngành chiếm tỷ trọng lớn và tăng trưởng mạnh là : chế biến nông, thủy sản, vật liệu xây dựng (tăng 20%). Trong khi công nghiệp quốc doanh trung ương giảm thì công nghiệp quốc doanh địa phương tăng khoảng 6%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 35,5%. Các ngành như chế biến thủy sản, cơ khí (đóng tàu, máy nông nghiệp...) phát triển.

Digitized by Google

Thương mại, dịch vụ, du lịch có bước phát triển năng động, GDP của khu vực này tăng 14,56%. Tuy 6 tháng đầu năm xuất khẩu hàng hóa gặp nhiều khó khăn, nhưng 6 tháng cuối năm đã tăng trở lại. Lượng gạo xuất khẩu đạt thấp (chỉ bằng 60% năm trước), nhưng một số mặt hàng tăng mạnh : thủy sản đông lạnh (tăng 50,5%) ; hàng may mặc (tăng 29%)... nên kim ngạch xuất khẩu đạt 306 triệu USD, tăng 28%. Ngành du lịch được đầu tư xây dựng, nâng cấp, doanh thu tăng trên 15%.

Thu, chi ngân sách đều tăng và vượt mức dự toán được giao. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng 17,3% so năm 2001, vượt 93% dự toán đầu năm Trung ương giao. Tổng chi ngân sách địa phương tăng 18,3% so năm 2001, ước đạt 1 536 tỉ đồng, vượt dự toán trung ương giao 62% và so dự toán của tỉnh tăng 18,3%.

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tăng 30,4% so năm 2001, đạt kế hoạch đề ra là 2 920 tỉ đồng ; trong đó vốn đầu tư do địa phương quản lý ước tăng 58% so kế hoạch trung ương giao đầu năm.

Văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng lên một bước. Cơ sở hạ tầng về giáo dục, y tế, thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng. Mạng lưới y tế, nhất là cơ sở được củng cố và tăng cường. Tỷ lệ hộ nghèo giảm gần 1%, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động khu vực thành thị giảm 0,82%. Số lao động được giải quyết việc làm tăng 12,3% so với cùng kỳ. Xây dựng và bàn giao 360 căn nhà tình nghĩa, 2 200 căn nhà tình thương (trong đó có 1 000 căn cho hộ Khơ Me). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 11,8%, trẻ suy dinh dưỡng còn 25%. Sự nghiệp xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, 429 phòng học được xây dựng mới. Số người biết chữ trong độ tuổi đạt 96,37% (tăng 0,47%). Tỉnh đang phấn đấu đạt phổ cập trung học cơ sở vào năm 2005. Đã công nhận thêm 40 ấp, 4 xã văn hóa, nâng tổng số đạt tiêu chuẩn văn hóa lên 495 ấp và 27 xã, nông trường.

Tuy trong thời gian gần đây, ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Cần Thơ nói riêng cũng có những diễn biến phức tạp hơn về mặt xã hội (vấn đề lợi dụng tôn giáo ; giải quyết khiếu nại, tố cáo ; phát sinh tệ nạn xã hội...), nhưng tình hình *an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội* trên địa bàn vẫn được đảm bảo vững chắc, công tác nội chính có những chuyển biến tích cực

Phóng viên : *Xin đồng chí cho biết, những tồn tại, yếu kém cần khắc phục và kinh nghiệm được rút ra tiếp tục phấn đấu của tỉnh trong thời gian tới ?*

Đồng chí Lê Nam Giới : Chúng tôi xác định, thành tựu đạt được tuy rất đáng khích lệ nhưng phải nhìn thấy rõ những khó khăn, hạn chế. Chuyển dịch kinh tế còn chậm chưa ngang tầm, chưa vững chắc so với vị trí và tiềm năng của địa phương. Chưa phát huy hết vai trò kinh tế tập thể ; đời sống của một bộ phận nhân dân cả đô thị và nông thôn vẫn còn khó khăn ; cơ sở hạ tầng nhìn chung vẫn còn yếu kém, nhất là một số cơ sở then chốt (sân bay, cảng...) ; tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng (ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV, tai nạn giao thông...) ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân, nhất là vấn đề giải tỏa, bồi hoàn còn dây dưa, tồn đọng, chưa dứt điểm ; một số ít cán bộ của Đảng, chính quyền, doanh nghiệp còn những mặt hẫng hụt so với yêu cầu và nhiệm vụ mới. Cải cách các thủ tục hành chính còn chậm chưa đáp ứng tốt cho nhu cầu của các doanh nghiệp và nhân dân.

Digitized by Google

Cũng như một số địa phương khác trong cả nước, người dân Cần Thơ rất bất bình trước tình trạng gia tăng tệ nạn tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Những phần tử này không những bất chấp pháp luật, làm tổn thất tài sản của nước, của dân, tệ hại hơn, họ còn làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, suy giảm lòng tin của nhân dân. Không thể để "con sâu làm rầu nồi canh", Tỉnh ủy và các cấp chính quyền địa phương đã rất cương quyết đấu tranh chống tiêu cực, tạo niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Các vụ tiêu cực ở các nơi như Ô Môn, Trung tâm Thương mại Cái Khế, Vị Thanh, Châu Thành A... sẽ sớm được xử lý công khai, dứt điểm.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đề ra, cả hệ thống chính trị trị cùng đồng tâm hiệp lực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, trước tiên phải tạo ra sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ ; sự gắn bó giữa cấp ủy và Ủy ban nhân dân ; giữa cấp trên và cấp dưới ; giữa các ban ngành, đoàn thể với nhau. Phải nắm bắt được nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương và từng địa bàn để chỉ đạo thật cụ thể từng yêu cầu, từng vụ việc. Cán bộ cấp ủy phải bám cơ sở, bám phong trào. Phát huy vai trò của các tổ chức mặt trận, đoàn thể trong động viên sức mạnh toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ; thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Muốn Đảng mạnh phải đặc biệt quan tâm công tác xây dựng và củng cố Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), gắn với công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp với khả năng và chức trách nhiệm vụ được giao.

Phóng viên : *Nằm ở trung tâm của vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước - đồng bằng sông Cửu Long, xin đồng chí cho biết Cần Thơ tiếp tục làm những gì để khẳng định vị trí, vai trò của mình cũng như để giành thế chủ động trong quá trình hội nhập ?*

Đồng chí Lê Nam Giới : Cần Thơ luôn nỗ lực phấn đấu động viên mọi tiềm năng để đóng góp nhiều nhất vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, Nam Bộ và cả nước nói chung. Khó khăn, trở ngại còn nhiều, nhưng mỗi người dân nơi đây đều tự hào về truyền thống quê hương và hiểu rằng, để có được "hạt gạo trắng", "dòng nước trong" ; để có được bề thế và tầm vóc của một "Tây đô" hiện đại phải đổi bằng bao nhiêu mồ hôi, công sức và cả máu của biết bao nhiêu thế hệ đi trước. Những con số mà tôi vừa dẫn ra về thành tựu đáng mừng của năm qua không phải là những con số bình thường, đó là công lao, đóng góp, hy sinh, chắt chiu trước tiên là của người dân Cần Thơ, sau đó là tấm lòng của nhân dân cả nước gửi trọn cho vùng đất phía Nam này. Biểu đồ phát triển theo xu hướng đi lên phần nào cũng nói lên sự nỗ lực, quyết tâm, đồng lòng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Cần Thơ quyết tâm cùng các tỉnh trong vùng đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự phát triển của đất nước. Cầu Mỹ Thuận đã vươn qua sông Tiền, sắp tới cầu Cần Thơ sẽ nối liền đôi bờ sông Hậu. Tỉnh đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành trung ương trong tổ chức thực hiện xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành đô thị trung tâm, tạo lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, góp phần tích cực phát triển chung của khu vực. Năm 2003, Tỉnh ủy chọn là năm *tiếp tục huy động mọi nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng ; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế, chăm lo tốt hơn đời sống nhân dân.* Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả 9 chương trình và 7 đề án đã được xác định. Tỉnh đặt ra kế hoạch đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế

Digitized by Google

10,5% - 11% ; thu nhập bình quân đầu người 418 USD, tăng 10,4%.

Đối với Cần Thơ nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung, vấn đề đầu tiên và trước hết để ổn định cuộc sống là chủ động tiến hành các biện pháp *"sống chung với lũ"*, đồng thời khai thác các nguồn lực từ lũ đem lại cho sản xuất và đời sống của nhân dân tập trung hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các cụm, khu dân cư vùng bị ngập lũ ; tập trung thực hiện đồng bộ và đúng tiến độ 5 chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn ; có chính sách tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật ở cơ sở ; thực hiện xây dựng 2 trại giống ở Châu Thành và Vị Thủy ; hoàn chỉnh vùng lúa chất lượng cao, mía nguyên liệu cho 2 nhà máy Phụng Hiệp, Vị Thanh, vùng cây ăn trái đặc sản chuyên canh ; nhân rộng các mô hình chuyên nuôi tôm, cá hoặc kết hợp ruộng lúa có hiệu quả ở Thốt Nốt, Ô Môn. Khuyến khích, ưu đãi cho sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển. Để chủ động hội nhập khu vực và quốc tế, sản phẩm làm ra phải có chất lượng và giá thành đủ sức cạnh tranh và đứng vững trước những biến động kinh tế.

Cố gắng giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, chăm lo cho người nghèo, hộ chính sách, đồng bào Khơ Me, vùng tôn giáo cũng là những nhiệm vụ quan trọng tiếp theo mà địa phương đặc biệt quan tâm. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 6%. Triển khai đầu tư dự án liên doanh siêu thị Tân An ; sắp xếp, ổn định Trung tâm Thương mại Cái Khế, chợ Cần Thơ ; hoàn thành khu công viên nước ; đầu tư dự án khu văn hóa - thể thao - dịch vụ cồn Cái Khế, khu du lịch sinh thái Lung Ngọc Hoàng, khu du lịch sinh thái và dân sinh Cồn Ấu.

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp CNH, HĐH. Tỉnh phấn đấu giải quyết việc làm cho 38 nghìn lao động ; đào tạo nghề cho 20 nghìn người, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên 16%. Đẩy mạnh tiến độ phổ cập trung học cơ sở ; xúc tiến các thủ tục để nâng cấp Trung tâm Đại học tại chức thành trường Đại học Bán công, phối hợp với trung ương triển khai thực hiện tốt quyết định của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Đại học Y - Dược Cần Thơ... Xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ của tỉnh đến năm 2010. Chủ động chuẩn bị đội ngũ cán bộ đáp ứng theo yêu cầu tình hình phát triển sắp tới.

Phóng viên : *Xin chân thành cám ơn đồng chí.* ❑



Thành phố Cần Thơ *Ảnh : QUANG BÌNH*

Digitized by Google

Bước đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở AN GIANG

LÊ PHÚ HỘI *

LÀ một trong những tỉnh năng động của khu vực miền Tây Nam bộ, An Giang không chỉ nổi tiếng về xuất khẩu lương thực mà còn vươn lên là một trong những tỉnh đứng đầu về xuất khẩu thủy sản của cả nước. Bằng việc thực hiện tốt mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tốt các thế mạnh của địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, An Giang đã đạt được tỷ trọng xuất khẩu thủy sản ngang bằng với lương thực. Đây là một địa phương thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế rất đúng hướng và có hiệu quả. Nhân dịp Xuân Mới phóng viên Tạp chí Cộng sản đã phỏng vấn đồng chí Lê Phú Hội, Bí thư tỉnh ủy Tỉnh An Giang xung quanh vấn đề này.

Phóng viên : *Thưa đồng chí, là một tỉnh có thế mạnh về xuất khẩu lương thực, An Giang đang chuyển hướng và vươn lên trở thành tỉnh có kim ngạch xuất khẩu thủy sản ngang bằng với mặt hàng gạo. Đồng chí vui lòng cho biết đôi nét về những thành tựu và bài học bước đầu được rút ra từ sự chuyển hướng này ?*

Đồng chí Lê Phú Hội : An Giang là tỉnh đầu nguồn đồng bằng sông Cửu Long, đất sản xuất nông nghiệp chiếm 75% diện tích tự nhiên, cùng nguồn nước phong phú của hai tuyến sông Tiền, sông Hậu, hệ thống kênh rạch chằng chịt với chiều dài 5 170 km và gần 6 tháng của mùa nước nổi hằng năm là điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh. Nghề nuôi trồng và khai thác thủy sản ở An Giang đã có từ lâu đời. Vào khoảng thập niên 60, khi nghề khai thác thủy sản đạt quy mô và sản lượng cao thì nghề nuôi trồng thủy sản cũng phát triển để cung cấp nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến. Nghề nuôi trồng thủy sản đã trực tiếp góp phần duy trì và nâng cao nguồn lực thủy sản đang bị giảm sút nghiêm trọng do áp lực gia tăng dân số ; đồng thời, tạo ra lượng hàng hóa xuất khẩu đạt giá trị ngang bằng với xuất khẩu lương thực, đáp ứng khá ổn định nhu cầu thực phẩm và tạo công ăn việc làm cho một lượng lớn lao động ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cải thiện đáng kể đời sống nhân dân.

Từ yêu cầu trên, trong quá trình phát triển kinh tế, nhất là khi có Nghị quyết Trung ương 5, khóa VII, về xây dựng và phát

---

* Bí thư Tỉnh ủy An Giang

Digitized by Google

triển nông thôn, tỉnh luôn xác định phát triển toàn diện và vững chắc các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công - thương nghiệp và dịch vụ theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, phù hợp với đặc điểm của từng vùng, trong đó lấy xuất khẩu làm mũi nhọn với sự tham gia của các thành phần kinh tế nhằm thu hút đại bộ phận lao động dôi thừa bằng chính sự phát triển đa dạng của kinh tế nông thôn, gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài nước. Để thực hiện tốt mục tiêu này, tỉnh chủ trương vừa đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, vừa khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng cường và mở rộng nuôi trồng thủy sản. Sản xuất nông nghiệp không ngừng phát triển cả về diện tích, năng suất và sản lượng với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Năm 1995, tỉnh đạt trên 2,2 triệu tấn lương thực - cao nhất từ trước đến đó và suốt thời kỳ 1991 - 1996, nghề nuôi trồng thủy sản cũng phát triển mạnh với mức tăng GDP bình quân gần 16%/năm (tăng 3,5%/năm so mức bình quân chung). Tới năm 2002, lần đầu tiên tỉnh đạt trên 2,6 triệu tấn lương thực và giá trị xuất khẩu thủy sản đạt gần với giá trị xuất khẩu gạo (66 triệu/67 triệu USD).

Hơn 10 năm qua (1991-2002), và nhất là khi thực hiện Đề án phát triển thủy sản giai đoạn 1999 - 2005, ngành thủy sản có sự tăng trưởng rõ nét. Giai đoạn 1991-2000, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của ngành là 12,5%/năm, một tốc độ khá cao so với những ngành sản xuất khác. Nâng giá trị xuất khẩu thủy sản từ 2,5 triệu USD năm 1995 lên 36,1 triệu năm 2001 và trên 66 triệu năm 2002, trong đó sản lượng cá, tôm đông lạnh xuất khẩu năm 2002 đạt trên 23 000 tấn, tăng 21 224 tấn so năm 1991. Diện tích nuôi trồng thủy sản được mở rộng từ 325 héc-ta năm 1991 lên 1 788 héc-ta năm 2002 (tăng gần 5,5 lần) ; lồng bè nuôi cá tăng từ 602 cái lên 4 053 cái (gấp 6,7 lần) và nâng tổng sản lượng thủy sản từ 67 686 tấn lên 190 666 tấn, trong đó sản lượng nuôi từ 8 180 tấn lên 111 462 tấn (gấp 13,6 lần). Năm 1999, sau hơn một năm triển khai thực hiện Đề án chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển thủy sản, toàn tỉnh đạt lợi nhuận hơn 60 tỉ đồng.

Nhiều mô hình nuôi thủy sản được mở rộng, nuôi ao hầm, nuôi chân ruộng, nuôi ven đăng ; từ nuôi cá, năm 2000 phát triển sang nuôi tôm càng xanh, diện tích từ 5,5 héc-ta năm 2000 tăng lên 235 héc-ta năm 2001 và 283 héc-ta năm 2002, nâng sản lượng tôm từ 5,4 tấn lên 178 tấn và 305 tấn. Toàn tỉnh hiện có 4 nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh với công suất thiết kế trên 12 000 tấn/năm.

Đạt được những thành tựu trên là do Tỉnh ủy nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế, và tập trung chỉ đạo đầu tư cho phát triển thủy sản ngay từ những năm đầu thập kỷ 90.

Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa VII (1996 - 2001), chương trình thủy sản đã được Đảng bộ xác định là một trong ba chương trình trọng điểm của tỉnh và Đề án phát triển thủy sản giai đoạn 1999 - 2005 được xây dựng và tổ chức thực hiện ngay từ cuối năm 1998. Nhiều chính sách đầu tư cho phát triển được đẩy mạnh một cách đồng bộ.

Để sản xuất phát triển và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản ngày càng tăng, đến nay tỉnh đã đầu tư xây dựng 4 nhà máy chế biến thủy sản với trang thiết bị hiện đại, trong đó có 1 nhà máy của tư nhân. Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thủy sản ngày càng tăng. Từ khi thực hiện Đề án đến nay, tỉnh đã đầu tư trên 10,1 tỉ đồng, bình quân hằng năm đầu tư trên 2,5 tỉ đồng ; trong đó, năm 2002 đầu tư trên 3,4 tỉ đồng, chủ yếu ưu tiên cho Trại thực nghiệm tôm giống và Trung tâm nghiên cứu sản xuất giống thủy sản.

Chính sách tín dụng nông nghiệp với phương thức cho vay vốn đến tận hộ sản xuất

Digitized by Google

đã được tỉnh thực hiện rộng rãi ngay từ năm 1990. Nhất là đối với các hộ chuyên chăn nuôi, thủy sản và ngành nghề tiểu - thủ công nghiệp được chú trọng đầu tư thỏa đáng. Riêng năm 2002, tỉnh tiếp tục đầu tư cho hơn 7 480 hộ vay vốn để phát triển thủy sản với 234,9 tỉ đồng, trong đó vốn chăn nuôi cá bè là 101,8 tỉ đồng, nuôi ao hầm : 128,3 tỉ đồng ; tổng dư nợ lên gần 238 tỉ đồng.

Nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời phát triển đa dạng các con vật nuôi phù hợp với yêu cầu xuất khẩu và có hiệu quả, công tác tạo giống đã được đầu tư nghiên cứu đúng mức. Thành công lớn nhất là việc sản xuất nhân tạo giống cá ba sa, cá tra (năm 1997), thực sự mở ra hướng mới cho nghề nuôi cá xuất khẩu, chấm dứt tình trạng lệ thuộc vào nguồn giống cá thiên nhiên với chi phí đánh bắt cao. Năm 2002, toàn tỉnh sản xuất trên 12,3 triệu con tôm giống và 265 triệu cá giống các loại đáp ứng trên 85% nhu cầu nuôi ; nhập 20 000 con cá rô phi dòng mới để sản xuất cá rô phi đơn tính, 2 000 con cá điêu hồng bố mẹ,... Các trại nhân giống và hệ thống nhân giống tôm, cá trong nhân dân được đầu tư củng cố, cùng với việc đầu tư mới Trại thực nghiệm tôm giống và Trung tâm nghiên cứu sản xuất giống vào năm 2002, đã tạo tiền đề cho ngành thủy sản của tỉnh phát triển khá vững chắc.

Chương trình khuyến nông, khuyến ngư với ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất không ngừng được đẩy mạnh, từ đó các thành tựu công nghệ sinh học đã được ứng dụng thành công trong sản xuất nhân tạo giống cá ba sa. Chương trình sinh sản nhân tạo cá ba sa, cá tra được thực hiện từ năm 1991 nay đã phát huy hiệu quả tốt.

Công tác tìm kiếm, mở rộng khai thác thị trường không ngừng phát triển. Tỉnh tích cực tạo điều kiện và cùng với sự chủ động của các doanh nghiệp, đi đầu là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản, đã từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ cá ba sa, cá tra từ châu Á sang châu Âu, Ô-xtrây-li-a và những năm gần đây là thị trường Mỹ, v.v..

Việc tổ chức lại sản xuất gắn với sự bảo đảm ổn định trong tiêu thụ sản phẩm được chú ý đặc biệt. Toàn tỉnh đã thành lập được ba Câu lạc bộ thủy sản với 199 hội viên, có khả năng cung cấp ổn định sản lượng 53 000 tấn/năm ; Hội nghề cá đã kiện toàn một bước quan trọng về tổ chức ; 5 hợp tác xã thủy sản, thu hút 112 xã viên và trên 140 lao động, có vốn điều lệ trên 349 triệu đồng.

Phóng viên : *Trong việc chuyển hướng từ xuất khẩu gạo là chính sang xuất khẩu thủy hải sản, thì tỉnh nhà có những thuận lợi và khó khăn gì ?*

Đồng chí Lê Phú Hội : Nuôi trồng thủy sản phát triển đã tác động tích cực trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Thế mạnh, tài nguyên thủy sản được chủ động khai thác, từ đó giải quyết được việc làm cho nhiều lao động, từng bước thay đổi dần bộ mặt nông thôn, nâng cao mức sống cộng đồng, tạo cảnh quan đặc thù của An Giang, góp phần phát triển mô hình du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, sản xuất thủy sản vẫn còn rất nhiều khó khăn :

- Công tác quy hoạch sản xuất từng tiểu vùng chưa tốt, do đó không điều tiết được nghề nuôi theo định hướng quy hoạch chung. Nghề nuôi cá nhất là cá tra, cá basa vẫn mang nặng tính tự phát, việc tiêu thụ sản phẩm còn bị động theo thị trường. Ba đợt khủng hoảng thừa của những năm 1997, 1998 và 2000 đã làm nhiều hộ nuôi quy mô lớn bị thiệt hại nặng nề, không còn vốn tái đầu tư cho sản xuất.

- Công tác khuyến ngư, thông tin thị trường tuy có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu ; tình trạng không cân đối cung và cầu

Digitized by Google

thường xuyên xảy ra ; việc chưa chủ động tính toán tốt thời vụ nuôi trồng nên vào mùa thu hoạch nhất là với sản lượng cao thường bị động trong tiêu thụ, và bị tư thương ép giá.

Việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác khuyến ngư và thông tin thị trường phải được đẩy mạnh hơn nữa nhằm đảm bảo nghề cá sản xuất ổn định và phát triển, hàng thủy sản có thể thâm nhập vào tất cả các thị trường, nhất là thị trường châu Âu nổi tiếng khắt khe, khó tính...

- Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật ngành thủy sản quá mỏng. Toàn tỉnh chỉ có 82 cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên.

- Muốn giữ được sản lượng cá đông lạnh xuất khẩu như hiện nay, ngoài việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân, tỉnh phải tiếp tục đầu tư xây dựng thêm nhà máy chế biến, trong khi nguồn ngân sách tỉnh chưa đủ đáp ứng...

Phóng viên : *Để thủy hải sản trở thành mặt hàng xuất khẩu chiến lược, theo đồng chí, An Giang cần phải làm gì ?*

Đồng chí Lê Phú Hội : Để thủy sản tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chiến lược của tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa VII (2001 - 2005) đã xác định chương trình phát triển thủy sản là chương trình quan trọng thứ hai (sau chương trình phát triển xuất khẩu) trong 14 chương trình kinh tế trọng điểm của tỉnh. Đề án phát triển cá tra, cá basa giai đoạn 2001 - 2010 cũng đã được xây dựng. Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *"Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010"* đặt quyết tâm nâng tỷ trọng thủy sản trong cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 15,45% (năm 2000) lên 19,2% (năm 2005) và 22% (vào năm 2010). Sáu giải pháp đã được đề ra và từng bước đang tập trung thực hiện :

- Giống là một trong những khâu then chốt ảnh hưởng suốt quá trình nuôi. Tỉnh đang đẩy mạnh xã hội hóa công tác sản xuất giống, đầu tư tốt nhất cho các trạm, trại giống thủy sản của tỉnh đi đôi với phát huy tay nghề truyền thống, quy hoạch vùng chuyên nghiệp hóa nghề ương giống trong nhân dân. Có chính sách đãi ngộ ngư dân phát huy nghề câu cá, đánh bắt cá giống trong thiên nhiên, nhất là nguồn giống cá basa ; đây cũng là nguồn lực hữu hiệu thực hiện bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Cùng với việc đẩy mạnh đa dạng hóa các giống loài nuôi thủy sản, công tác tiếp cận mở rộng thị trường tiêu thụ phải được thực hiện đồng bộ. Đa dạng hóa thị trường, không thể bị động và lệ thuộc vào một số thị trường có yếu tố rủi ro cao. Tích cực đổi mới công nghệ, đa dạng sản phẩm, tăng cơ cấu hàng tinh chế, cải tiến mẫu mã, bao bì..., để vừa khai thác tốt và tiếp tục mở rộng thị trường Mỹ, các nước ASEAN, EU, các thị trường truyền thống ở Đông Nam Á, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, Hồng Kông ; vừa tiêu thụ nội địa như các mặt hàng chế biến khô từ cá basa của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.

Dự kiến năm 2003, sản lượng xuất khẩu của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang trên 10 000 tấn, trong đó tiêu thụ nội địa 215 tấn.

Tiếp tục phát huy và phát triển các câu lạc bộ thủy sản, hội nghề cá tỉnh, hợp tác xã thủy sản để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ xuất khẩu, vừa là đầu mối tổ chức tiêu thụ trong nội địa và thực hiện tốt sự liên kết giữa 5 "nhà" : nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà ngân hàng và nhà sản xuất.

- Khoa học và công nghệ được coi là khâu then chốt để đẩy nhanh hiệu quả sản xuất từ việc nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, tăng vòng quay sản xuất, hạn chế dịch bệnh, hạn chế tác hại đến môi trường... Do đó, giải pháp này phải được thực hiện một cách tích cực. Hết sức quan tâm nghiên cứu học hỏi

Digitized by Google

những điển hình kỹ thuật nuôi trong và ngoài nước. Đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ các nhà máy hiện có, xây dựng mới nhà máy chế biến với công nghệ tiên tiến, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng. Gắn vùng sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến, gắn nhà máy chế biến thành phẩm với nhà máy chế biến thức ăn để đạt hiệu quả liên hoàn cao nhất.

- Thực hiện việc quy hoạch vùng, tiểu vùng nuôi trồng thủy sản, đảm bảo vệ sinh môi trường và phát triển bền vững.

- Tăng kinh phí đầu tư thỏa đáng cho công tác khuyến ngư, và phát triển hệ thống khuyến ngư trên khắp các địa bàn huyện, thị. Củng cố đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chuyên ngành thủy sản hiện có đi đôi với việc thực hiện các chính sách ưu đãi nhằm thu hút cán bộ ngoài tỉnh về địa bàn, đào tạo con em tại địa phương nơi có nghề nuôi thủy sản phát triển...

- Giải pháp cuối cùng không thể thiếu là vốn sản xuất. Tiếp tục thực hiện các ưu đãi tín dụng đầu tư, chính sách thuế hợp lý,... để khuyến khích người nuôi, người ương nuôi và câu bắt cá giống.

Tỉnh sẽ tập trung ngân sách để đầu tư nâng cấp các nhà máy hiện có, xây dựng thêm 2 nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy sản ở thị xã Châu Đốc vào năm 2003 và 2009 ; đầu tư cho công tác khuyến ngư ...

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, ngoài sự nỗ lực của tỉnh, đề nghị Trung ương quan tâm đầu tư khoa học - công nghệ, hỗ trợ cung cấp giống thủy sản có giá trị xuất khẩu, hiệu quả sản xuất cao và có thị trường tiêu thụ ổn định. Hỗ trợ cán bộ khoa học - kỹ thuật và giúp địa phương xây dựng được quy hoạch sản xuất ngành mang tầm chiến lược, khoa học và phát triển vững chắc. Đầu tư phát triển nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu quy mô lớn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Phóng viên : *Xin chân thành cảm ơn đồng chí và kính chúc Đảng bộ, nhân dân An Giang đạt nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế hiện nay.* ❑



Chế biến thủy hải sản xuất khẩu ở An Giang *Ảnh : TTXVN*

Digitized by Google

Nhìn lại một năm thực hiện NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 (KHÓA IX) Ở TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

ĐOÀN KIẾN *

ĐỔI mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước, hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh là một trong những giải pháp lớn được đề cập tới trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, nhằm tiếp tục xây dựng doanh nghiệp nhà nước trở thành "lực lượng chủ lực trong việc bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô ; cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, đóng góp lớn cho ngân sách ; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả"(1).

Thực hiện Nghị quyết trên, nhiều tổng công ty nhà nước đã tiến hành tổ chức, sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong số đó, Tổng Công ty Than Việt Nam là một đơn vị nổi bật.

Tổng Công ty Than Việt Nam được thành lập từ tháng 10-1994. Trước thời điểm này, trong thời kỳ bao cấp, ngành than đã sớm tiếp cận cơ chế thị trường, chủ động không chỉ tự lo lương thực cho bản thân mà còn dành để xuất khẩu. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, hoạt động kinh doanh của ngành than gặp rất nhiều khó khăn do giá bán than trong nước quá thấp, chưa đủ mạnh để cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Lợi nhuận của ngành than vô tình đã chuyển sang các ngành sử dụng than, còn công nhân mỏ vô hình lại phải chịu ơn các ngành khác vì đã mua than theo sự chỉ đạo của bộ chủ quản.

Trước khi có Nghị quyết Trung ương 3 "Về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước", Tổng Công ty Than Việt Nam tuy được Chính phủ cho phép tự chủ trong sản xuất kinh doanh, song giá bán than trong nước còn thấp, cộng thêm lượng lao động dôi dư nhiều, nên hiệu quả kinh tế vẫn rất hạn chế, dẫn đến thiếu vốn cho đầu tư phát triển.

Nghị quyết Trung ương 3 ra đời và sau đó là Chương trình hành động của Chính phủ với việc ban hành các cơ chế chính sách cụ thể, như một luồng sinh khí mới, đã tạo cơ sở pháp lý, động lực để

* Tổng Giám đốc Tổng Công ty Than Việt Nam

(1) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr 19

Digitized by Google

Tổng Công ty triển khai thực hiện các chủ trương đổi mới tổ chức, đổi mới quản lý mà trước đó chưa làm được, nhằm tăng nhanh hiệu quả sản xuất. Sau một năm triển khai Nghị quyết, Tổng Công ty đã thực hiện một số việc như sau :

Thứ nhất : Vấn đề cốt lõi trong chương trình hành động của Tổng Công ty là đổi mới cơ chế quản lý nhằm phát huy sức mạnh của các công ty thành viên theo hướng vừa nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vừa tăng cường sức mạnh tập trung của toàn Tổng Công ty. Để làm được điều đó, trên cơ sở rút kinh nghiệm về khoán chi phí của các năm trước, Tổng Công ty ban hành cơ chế điều hành kế hoạch 2002, với nội dung chủ yếu là :

- Đối với sản xuất, tiêu thụ than : Tổng Công ty khoán chi phí trong việc khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ than (dựa trên cơ sở các chỉ tiêu công nghệ, định mức kinh tế - kỹ thuật) và khoán lãi định mức 3% cho các công ty. Phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và chi phí khoán, sau khi trừ đi lãi định mức, sẽ được tập trung về Tổng Công ty và chủ yếu để dành cho đầu tư phát triển. Bằng cách quản lý mới đó, Tổng Công ty đã tạo ra được "sân chơi chung, công bằng" giữa các công ty thành viên khai thác than có chi phí sản xuất khác nhau, trong khi giá bán sản phẩm cùng loại ra thị trường như nhau ; đồng thời, tạo được nguồn vốn cho đầu tư phát triển lâu dài. Cái mới khác là, Tổng Công ty đưa ra cơ chế, sau 5 ngày sẽ thanh toán tiền bán than cho các công ty sản xuất để giúp quay nhanh vòng vốn lưu động, giảm tiền vay ngân hàng. Cơ chế khoán - quản mới và sáng tạo đó đã thực sự tạo được động lực thúc đẩy các công ty thành viên chủ động điều hành sản xuất, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tiết kiệm chi phí để dành lợi nhuận cao hơn lãi định mức (3%), vì mục tiêu chung của Tổng Công ty. Bên cạnh đổi mới quản lý, Tổng Công ty còn quy định chế độ thi đua khen thưởng rất rõ ràng, qua đó không ngừng đề cao trách nhiệm của các giám đốc công ty. Ví dụ, nếu giám đốc công ty hoàn thành kế hoạch, bảo đảm an toàn lao động tốt, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, sẽ được thưởng ở mức cao nhất là bằng một năm tiền lương. Ngược lại, nếu không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, để công ty bị lỗ, thì năm đầu phải bị kiểm điểm trách nhiệm trước Tổng Công ty, trước đại hội công nhân viên chức, năm sau nếu tiếp tục bị thua lỗ sẽ bị thay thế.

- Đối với nội bộ giữa các công ty thành viên : Tổng Công ty chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, cho phép các công ty thành viên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của nhau (như phương tiện cơ khí, vật liệu nổ công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật tư, các dịch vụ khác) theo giá cả hợp lý.

Thứ hai : Đổi mới công tác tổ chức bằng việc tiếp nhận mới, sắp xếp lại các đơn vị thành viên và trực thuộc. Cụ thể là : Tiếp nhận, giải quyết việc làm, thu nhập và các tồn đọng về tài chính (lỗ trên 70 tỉ đồng) của Tổng Công ty Cơ khí năng lượng và Mỏ khi sáp nhập vào Tổng Công ty Than Việt Nam. Tiếp nhận Công ty Kinh doanh xuất nhập khẩu Cẩm Phả từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Tổng Công ty (từ tháng 11-2002) và điều chuyển 4 nhà máy cơ khí là doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập về trực thuộc

Digitized by Google

các công ty than. Bán Công ty Bia và Nước giải khát Cẩm Phả cho công nhân viên chức và tiến hành cổ phần hóa Khách sạn du lịch Hạ Long trực thuộc Công ty Du lịch và Thương mại Than Việt Nam. Chủ trì thành lập Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả gồm 5 tổng công ty : Than Việt Nam (chiếm 55% cổ phần), Lắp máy Việt Nam (18% cổ phần), Xây dựng công nghiệp Việt Nam (12% cổ phần), Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Licôgi (10% cổ phần) và Vinaconex (5% cổ phần) để phát triển dự án nhiệt điện Cẩm Phả (300 MW), với vốn đầu tư trên 5 000 tỉ đồng. Hoàn thành hồ sơ báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho chuyển Công ty Hóa chất Mỏ sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ đầu năm 2003. Đặc biệt, Tổng Công ty đã xây dựng xong đề án tổng thể về sắp xếp tổ chức theo hướng chuyển Tổng Công ty Than Việt Nam sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Thứ ba : Bên cạnh việc sắp xếp lại tổ chức, ban hành cơ chế khoán - quản chi phí sản xuất, hoàn thiện các quy chế đầu tư, tài chính, trả lương, thi đua, khen thưởng... Tổng Công ty đã chỉ đạo xây dựng quy hoạch cán bộ, đẩy mạnh đào tạo cán bộ, công nhân, sắp xếp lại một cách hợp lý trách nhiệm của đội ngũ cán bộ trong toàn Tổng Công ty.

Nhờ vậy, năm 2002, Tổng Công ty đã thu được kết quả đáng tự hào : đạt sản lượng 15 triệu tấn than sạch (đạt 113% kế hoạch, tăng 16,8% so với năm 2001) ; tiêu thụ được 14,7 triệu tấn than (đạt 112,7% kế hoạch, tăng 12,3% so với năm 2001) ; trong đó, xuất khẩu 5,5 triệu tấn (đạt 131,5% kế hoạch, tăng 31,6% so với năm 2001). Ngoài ra, Tổng Công ty sản xuất được 14 ngàn tấn vật liệu nổ công nghiệp (bằng 147,3% kế hoạch năm, vượt 75% so với năm 2001), tăng giá trị sản xuất cơ khí 35% so với năm trước (đạt 251,9 tỉ đồng), tăng vốn đầu tư vào than khoảng 3 lần so với bình quân của 5 năm trước (đạt khoảng 1 300 tỉ đồng). Tổng Công ty đã khởi công xây dựng được 2 nhà máy nhiệt điện Na Dương và Cao Ngạn. Tổng doanh thu năm 2002 của toàn Tổng Công ty đạt trên 7 500 tỉ đồng, trong đó doanh thu từ than chiếm 67-68%, từ các hoạt động kinh doanh khác là 32-33%. Lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 281,9 tỉ đồng (bằng 113,7% kế hoạch, tăng 59,6% so với năm 2001) ; nộp ngân sách nhà nước là 322,03 tỉ đồng, đạt 112% kế hoạch, tăng 24,9 % so với năm 2001.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục phát triển, hiệu quả kinh tế không ngừng tăng, đã góp phần cải thiện đời sống cho cán bộ, nhân viên toàn ngành (hiện nay mức thu nhập bình quân của ngành là 1,5 triệu đồng/tháng/người) và giải quyết gần đủ việc làm cho người lao động. Trừ một công ty có sự cố tài chính, còn lại tất cả các công ty thành viên đều tự cân đối được thu chi và có lãi.

Sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, có thể nói Tổng Công ty đã có những bước chuyển mới đáng kể, đưa lại hiệu quả tốt cho sản xuất và kinh doanh theo mục tiêu "An toàn - hiệu quả - phát triển" đề ra ban đầu. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn còn phải cố gắng rất nhiều để giải quyết những vấn đề bức xúc là an toàn

Digitized by Google

lao động đẩy lùi những sự cố tai nạn đáng tiếc như hai vụ cháy nổ khí mê - tan trong năm vừa qua.

Mặc dù đây chỉ là những kết quả bước đầu nhưng từ thực tiễn hoạt động của mình, có thể rút ra một số kinh nghiệm đáng ghi nhận :

1. Trên cơ sở Nghị quyết Trung ương 3 và Chương trình hành động của Chính phủ, Tổng Công ty chủ động, sáng tạo triển khai kế hoạch hành động phù hợp, cụ thể với điều kiện của mình. Thành công của từng đơn vị phụ thuộc vào sự nhìn nhận chính xác những điểm còn yếu kém trong công tác quản lý và tổ chức của chính mình. Mỗi đơn vị cần phải chủ động đề ra được các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường, tháo gỡ hiệu quả những vướng mắc đang gây trở ngại cho sản xuất, tạo động lực phát huy sức mạnh của từng đơn vị thành viên nói riêng và sức mạnh của toàn đơn vị nói chung.

2. Chủ động bám sát, nắm chắc, nhận định đúng nhu cầu thị trường, đưa ra quyết sách phù hợp khả năng phát triển của mình, từ đó không ngừng củng cố, phân công và kiểm soát tốt thị trường. Năm 2002, do nắm được diễn biến thuận lợi trên thị trường thế giới để đẩy mạnh xuất khẩu nên Tổng Công ty Than Việt Nam đã tăng được mức tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ lên cao, nhanh chóng giải phóng sức sản xuất, giúp các công ty yên tâm, chủ động tổ chức sản xuất, cân bằng cung - cầu, không bị rơi vào tình trạng ứ đọng sản phẩm hay thiếu sản phẩm khi thị trường có nhu cầu cao.

3. Khoa học - công nghệ thực sự là yếu tố quan trọng để nâng cao, năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động. Tổng Công ty đã đầu tư thỏa đáng cho phát triển khoa học - công nghệ để có những trang thiết bị an toàn lao động tốt, tránh tai nạn, rủi ro trong sản xuất. Đây là hướng đi đúng đắn, bảo đảm cho người lao động yên tâm làm việc, góp phần vào sự phát triển lâu dài của mỗi đơn vị sản xuất, kinh doanh.

4. Để tạo thế phát triển mạnh và ngang tầm, cần tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ. Thực tế những năm qua, Nhà nước trong tổng thể đã tạo những điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển, nhất là sự liên kết giữa ngành than và các ngành khác (như sản xuất điện, xi-măng...).

5. Cùng với việc coi trọng công tác tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ, nâng cao hiệu quả quản lý, với tư cách là một đơn vị sản xuất, kinh doanh nhất thiết phải ban hành và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy chế. Bởi vì, những quy chế này là một bảo đảm tích cực đối với hoạt động hằng ngày của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, thúc đẩy, gắn bó họ nhiều hơn với công việc, với doanh nghiệp ; hạn chế tiêu cực, phát huy sáng kiến nhằm đạt được mục tiêu phấn đấu chung của toàn đơn vị.

6. Khẩu hiệu "An toàn - hiệu quả - phát triển" là mục tiêu phấn đấu của Tổng Công ty Than Việt Nam trong năm 2002. Nhất là, an toàn cho người sản xuất, an toàn về vốn kinh doanh, về cán bộ trong quản lý, chỉ huy và an toàn về môi trường. Đây là khẩu hiệu mà Tổng công ty sẽ luôn luôn hướng tới trong những năm tiếp theo, để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai.❑

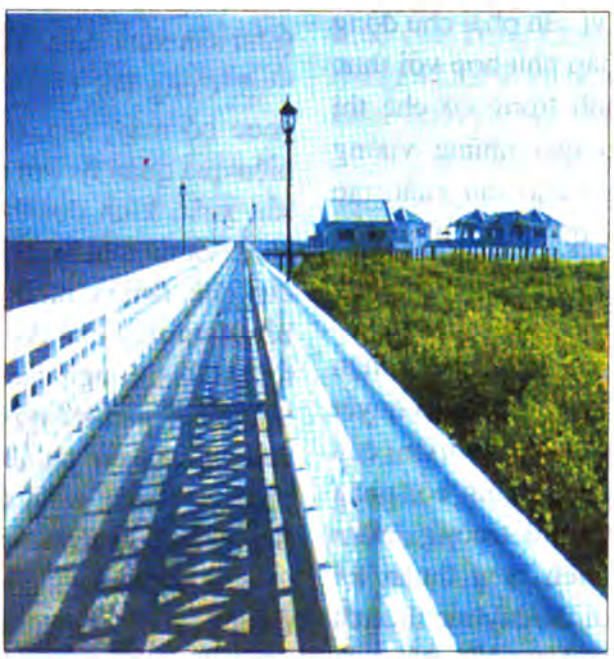
Digitized by Google

CÀ MAU TRƯỚC BIỂN

TRIỀU HẢI QUỲNH

Thiên nhiên hào phóng

Cà Mau - mảnh đất tận cùng của đất nước là một bán đảo. Bờ biển Cà Mau có chiều dài 255 ki-lô-mét. Trên đất liền, Cà Mau có một hệ thống sông ngòi dày đặc, gồm 33 cửa sông thông ra biển với tổng chiều dài khoảng 7 000 ki-lô-mét ; trong đó có nhiều cửa sông rất lý tưởng để phát triển kinh tế biển như : Gành Hào, Hố Gùi, Rạch Tàu, Tân Ân (thuộc biển đông) ; Cái Đôi Vàng, Sông Đốc, Kinh Hội... (thuộc vùng biển tây). Cà Mau có 80 000 km² diện tích ngư trường - đứng vào loại lớn nhất nhì và là một trong bốn ngư trường trọng điểm của cả nước. Thống kê gần đây nhất cho thấy, biển Cà Mau có trữ lượng hải sản các loại khoảng 600 000 tấn/năm, khả năng khai thác mỗi năm từ 200 đến 250 ngàn tấn. Đây chính là lý do để ngư trường Cà Mau thường xuyên sôi động, bởi luôn có trên 10 000 tàu thuyền đánh bắt không riêng của Cà Mau, mà còn của hầu hết các tỉnh ven biển khắp cả nước, từ Nghệ An, Phú Yên, Khánh Hòa đến Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Kiên Giang, v.v..



Nguồn lợi hải sản của biển Cà Mau nhiều nhất phải kể đến tôm các loại (tôm thẻ, tôm sắt, tôm gang...), kế đến là cá vùng nhiệt đới xuất khẩu (cá chim, cá thu, cá nục, cá bạc má, cá mú, cá hồng...) và mực (mực nang, mực ống)... mà riêng về chế biến và xuất khẩu, cả 3 loại hải sản này đã đạt trên dưới 40 000 tấn mỗi năm, mang lại 90% kim ngạch xuất khẩu hằng năm của toàn tỉnh.

Những ưu đãi có một không hai đó của thiên nhiên cho phép khẳng định rằng : Cà Mau có một tiềm năng rất đa dạng, phong phú để phát triển toàn diện kinh tế biển ; gồm cả nuôi trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Đồng hành với sự hào phóng ấy, thiên nhiên cũng đặt con người Cà Mau trước những thử thách không kém phần quyết liệt.

Khát vọng xa khơi

Trước biển, Đảng bộ và nhân dân Cà Mau chỉ có một con đường: đồng sức, đồng lòng ; đem ý chí và tri thức của mình ra để qui phục tự nhiên, tạo ra nguồn lực đi tới mục tiêu "dân giàu tỉnh mạnh". Và, 10 năm qua, nhất là 5 năm trở lại đây,

Digitized by Google

Cà Mau đã mạnh dạn hành trình trên con đường ấy, khởi đầu bằng quyết tâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, mà kinh tế biển - được xác định là khâu đột phá, là mũi nhọn.

Từ năm 1999, có thể gọi đây là "năm nghị quyết về thủy sản" của Cà Mau. Với nhận định : Nhu cầu tiêu dùng thủy sản trên thế giới (nhất là ở các nước đang phát triển) ngày càng tăng; khi xu thế hội nhập khu vực và thế giới càng được xác lập sẽ tạo điều kiện và môi trường cho ngành thủy sản những cơ hội trưởng thành. Nói cách khác, thủy sản là tiềm năng lớn nhất, với một thị trường rất rộng lớn, không riêng đối với Cà Mau mà còn là cả nước. Muốn phát triển thủy sản phải bắt đầu từ chủ trương cụ thể. Với Cà Mau, đó là chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp ; trong đó, tỉnh quyết định đưa kinh tế thủy sản đặt lên hàng đầu. Đây là một chủ trương hợp lòng dân, và kinh tế thủy sản của tỉnh được đặt trong chiến lược phát triển thủy sản chung cả nước và đặt nó trong tổng thể gắn với việc phát triển công - nông - lâm nghiệp; thương mại và dịch vụ của tỉnh. Các mục tiêu hướng tới là : tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động ; tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu ; tăng cường củng cố an ninh quốc phòng trên biển ; tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn... Trên quan điểm đó, từ tháng 4 năm1999, Tỉnh ủy Cà Mau đã ban hành Nghị quyết số 04 *"Về phát triển kinh tế thủy sản"*, trong đó nhấn mạnh : "Kinh tế thủy sản ở Cà Mau cần được nhận thức đầy đủ là một ngành kinh tế mũi nhọn, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế thủy sản đồng bộ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hướng mạnh ra biển...". Hai tháng sau, UBND tỉnh Cà Mau xây dựng một đề án (số 08) về triển khai thực hiện Nghị quyết ; trong đó, xác định rõ nhiệm vụ phải làm là : "Xúc tiến quy hoạch, sắp xếp lại ngành nghề thủy sản trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng ; thu mua, chế biến và xuất khẩu ; xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với các điều kiện đất đai, kinh tế - xã hội của từng vùng để phát huy tốt các thế mạnh, đưa thủy sản thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh". Ngành thủy sản không bỏ lỡ "cơ hội ngàn vàng", đã kịp thời xây dựng chương trình cụ thể hóa các nghị quyết và chủ trương trên.

Các nghị quyết, đề án đó như một sự "kích hoạt" đúng huyệt vào khát vọng làm giàu của người dân đất Mũi. Cà Mau từ đó bừng lên không khí sôi động của người dân đi vay vốn, hùn vốn đóng mới phương tiện ; mua sắm ngư cụ ; khai phá ao đầm theo tinh thần "rủ nhau xuống biển làm giàu". Một cuộc làm giàu có thể nói là quyết liệt, đầy ý chí và niềm tin. Để chủ trương sớm đi vào đời sống, Cà Mau đã có hàng loạt các chính sách thông thoáng từ vay vốn, giải quyết các thủ tục hành chính, đến các chính sách ưu đãi về mở rộng sản xuất hàng hải sản xuất khẩu, mà hệ quả của nó được thể hiện sinh động bởi các con số và thành tựu sau đây.

- *Về khai thác thủy sản :* Tính đến cuối năm 2002, số tàu khai thác thủy sản của toàn tỉnh Cà Mau đã lên tới 4 500 chiếc, với tổng công suất là 350 000 CV (sức ngựa) (trong đó, tàu có công suất từ 90 CV trở lên chiếm 25%) ; đủ sức vươn ra đánh bắt hải sản xa bờ, với 17% lượng tàu đánh cá xa bờ của cả nước. Hoạt động khai thác thủy sản

Digitized by Google

ở Cà Mau đã "hút" vào 28 000 lao động. Với kinh nghiệm truyền thống, cộng với những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới, được bổ sung rất nhanh và thường xuyên (vùng biển Cà Mau là nơi hội tụ tàu thuyền của các địa phương trong nước và khu vực), ngư dân Cà Mau nhanh chóng tiếp cận được những ưu việt trong đánh bắt thủy sản. Đây là một vốn quý, một lợi thế mà không phải địa phương nào cũng có được.

- *Về nuôi trồng thủy sản :* Cà Mau hiện đang đi đầu cả nước về lĩnh vực này, được biểu hiện bằng hai cái nhất. *Một,* Cà Mau có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước. Riêng về tôm, cả tỉnh hiện có 202 000 ha, (đang là "địa phương số 1" của đồng bằng sông Cửu Long cả về diện tích và sản lượng tôm nguyên liệu) ; chiếm trên 40% diện tích nuôi tôm cả nước và lớn gấp 3 lần Thái Lan. *Hai,* sản lượng tôm thu hoạch hàng năm của Cà Mau cũng đang giữ vị trí đầu bảng : 80 000 tấn, chiếm khoảng 25 đến 30% của cả nước. Lĩnh vực nuôi trồng đang giải quyết cho trên 250 000 lao động ở Cà Mau thường xuyên có việc làm.

- *Về chế biến và xuất khẩu :* Cà Mau đang dẫn đầu và chiếm một tỷ lệ đáng "nể" về kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta. Chẳng hạn, năm 2002, trong 2 tỉ USD tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước, thì riêng Cà Mau đã "dự phần" xấp xỉ 17% (gần 340 triệu USD) và kỷ lục này được giữ liên tục từ năm 1999 đến nay. Cà Mau hiện có tới 23 nhà máy chế biến thủy sản, với tổng công suất 72 000 tấn/năm ; trong đó có 6 đơn vị quốc doanh (11 nhà máy), 4 công ty cổ phần và 8 công ty trách nhiệm hữu hạn. Chưa kể lao động thời vụ, hoạt động chế biến - xuất khẩu thủy sản của Cà Mau đang sử dụng tới 15 000 lao động, với thu nhập bình quân 1,2 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, trong tổng số gần 1,2 triệu dân, Cà Mau có chừng nửa triệu lao động thì đã có khoảng 300 000 lao động (chiếm 60%) đang làm việc trong ngành thủy sản.

Các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Cà Mau mà tôm là chủ yếu đã có mặt hầu hết các thị trường trên thế giới. Điển hình là những thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU ; trong đó, tôm Cà Mau đã chiếm tới 33% về giá trị kim ngạch xuất khẩu của tôm Việt Nam vào thị trường Mỹ. Cà Mau đang được đánh giá là địa phương tổ chức thị trường xuất khẩu hải sản tốt nhất của cả nước, đang có quan hệ kinh tế với gần 30 quốc gia và lãnh thổ, chủ yếu là "quan hệ tôm".

Cuộc chuyển dịch khá ngoạn mục trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cụ thể là "kinh tế tôm", đã tạo cho Cà Mau có "sức bật" khá mạnh trong cuộc "trình làng" trên thị trường thế giới. Thủy sản đã làm cho Cà Mau nhanh chóng có phong độ đĩnh đạc. Trong tổng giá trị GDP hằng năm của Cà Mau (tăng bình quân mỗi năm khoảng 8,4%), thì hai "anh" ngư - nông nghiệp đã "ẵm" mất trên 55% ; trong đó, riêng "anh" ngư nghiệp đã "xí phần" hơn một nửa.

Câu hỏi được đặt ra là : Cà Mau đã làm như thế nào để thủy sản từ vị trí phụ đã nhanh chóng "lên ngôi" trong cơ cấu kinh tế của Cà Mau ? Khách quan và công bằng, Đảng bộ tỉnh Cà Mau vừa qua đã tự đánh giá rằng : có hai bài học quý - đó chính là "hai đúng" giúp Cà Mau thành công. *Một là,* đúng về *chủ trương chuyển đổi* và, *hai là* đúng về *giải pháp tác động. Cái đúng thứ nhất,* chính là nhờ Đảng bộ, chính quyền tỉnh Cà Mau đã dựa trên lợi thế riêng

Digitized by Google

có về tự nhiên để có một chủ trương đúng đắn : mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chọn thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn và coi nó là khâu đột phá. Đây là cái đúng rất quan trọng. *Cái đúng thứ hai,* chính là Cà Mau đã ưu tiên đầu tư chiều sâu cho công nghệ và kỹ thuật chế biến. Đây là cái đúng có tính chất quyết định.

Quả vậy, một chủ trương đúng sẽ nhanh chóng đi vào lòng dân, và khi đã nằm trong lòng dân thì nó trở thành nội lực. Liên tục từ năm 2000, nhất là 2 năm 2001 - 2002 được coi là những năm đầu tư trọng điểm cho chế biến thủy sản, nếu không nói đây là sự ưu ái của tỉnh cho lĩnh vực này. Tính chung 4 năm (từ 1999 đến 2002), Cà Mau đã dốc "hầu bao" 400 tỉ đồng chỉ riêng cho việc đổi mới công nghệ, thiết bị ngành thủy sản. Đồng chí Huỳnh Việt Khải - Giám đốc Sở Thủy sản Cà Mau, khi làm việc với chúng tôi đã một lần nữa khẳng định : "Đổi mới công nghệ là sống còn, là cơ sở để quyết định các vấn đề về thị trường tiêu thụ. Đây chính là một cách nhìn mới, sáng suốt và kịp thời của tỉnh". Đến nay, 3/18 nhà máy đã được trang bị 19 băng chuyền sản xuất hiện đại IQF (công nghệ chế biến đông cao cấp), tăng hơn trước 9 lần, cho phép nâng tổng công suất chế biến bằng dây chuyền hiện đại lên 15 500 tấn/năm (bằng 30% tổng công suất chế biến của toàn tỉnh). Nếu năm 1999, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Cà Mau mới dừng lại ở 133 triệu USD, thì chỉ sau 3 năm được đầu tư công nghệ, thiết bị, đã đạt 320 triệu USD, nhờ thủy sản của Cà Mau đã tiến sâu và mạnh vào các thị trường lớn. Qua làm việc với các đồng chí lãnh đạo và được "mục sở thị" các cơ sở chế biến thủy sản ở Cà Mau, chúng tôi hoàn toàn thỏa mãn về nhận định : thủy sản của Cà Mau hiện đã thuộc hàng tiên tiến của thế giới và đủ sức "năm ăn năm thua" với những tỉnh mạnh về thủy sản như Cần Thơ, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh...

Thao thức Cà Mau

Tiếp tục cuộc hành trình trên "con đường thủy sản", Cà Mau đã xác định những mục tiêu lớn cần hướng tới. "... Sẽ đạt 500 triệu USD kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào năm 2005 và 1 tỉ USD vào năm 2010, bằng 25% tổng số kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước". Đồng chí Nguyễn Thông Nhận - Trưởng phòng Hành chính tổng hợp của Sở Thủy sản Cà Mau nói : "Điều chúng tôi muốn nói nhất vẫn là những gì mà Đảng bộ và nhân dân Cà Mau đang ngày đêm trăn trở".

Theo lời đồng chí, thì hiện thủy sản Cà Mau vẫn phát triển chưa đồng bộ. Nói cách khác là chưa tạo được sự hài hòa giữa lượng tàu khai thác và nhu cầu về dịch vụ hậu cần nghề cá. Đến giờ, Cà Mau vẫn chưa có một cảng cá hay một dịch vụ hậu cần nghề cá nào "ra tấm ra miếng".

Sự đầu tư cơ sở vật chất cho nuôi trồng, chế biến chưa thực sự vững chắc, nếu không muốn nói là đang "thiếu trước hụt sau". Tàu thuyền công suất nhỏ (loại 20 CV trở xuống) còn khá nhiều (trên 2000 chiếc). Trong tình trạng "gà què ăn quẩn cối xay", việc khai thác thủy - hải sản ven bờ, gần bờ và các vùng cấm đang không kém phần rầm rộ. Ở phía Nam của tỉnh đã được chia ra 18 tiểu vùng nuôi tôm với 170 héc-ta. Muốn có một hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh để sinh lợi, cần có nguồn vốn đầu tư xấp xỉ 3 000 tỉ đồng. Điều đáng nói là, theo dự án thuyết minh đã được các bộ phê duyệt, thì sớm nhất phải đến năm 2006 mới có thể thực

Digitized by Google

hiện được một phần ; còn muốn hoàn thành toàn bộ dự án, phải đến khoảng năm từ 2010 đến 2015 ! Đây là một thiệt thòi đáng kể. Bởi nếu chỉ lấy mức hiệu quả như hiện nay, đem nhân khiêm tốn lên 2 lần (sau khi xong dự án) rồi nhân với chừng ấy năm ; (và nếu biết rằng, tôm nuôi đã tạo ra 90% giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng năm của Cà Mau) thì quả là chúng ta phí phạm một nguồn lợi vô cùng lớn ! Cà Mau cũng đang băn khoăn về con giống, mà quan trọng nhất là giống tôm. Mỗi năm toàn tỉnh cần từ 12 đến 15 tỉ con giống. Hiện, tỉnh chỉ đáp ứng được 35% nhu cầu, còn lại phải di nhập từ các tỉnh vào. Nhưng thường thì có tới trên 80% tôm giống bị nhiễm bệnh. Cà Mau mong sớm có một trung tâm giống tầm cỡ quốc gia ở đảo Hòn Khoai để giải quyết thấu đáo bài toán này. Như vậy, trong lĩnh vực nuôi trồng, thì thủy lợi và con giống là 2 "nút thắt" nan giải nhất mà Cà Mau đang loay hoay chưa "cởi" được.

Còn ở trong dân, đang nổi cộm lên vấn đề vốn để thực hiện chuyển đổi và mở rộng ngành nghề. Ở Cà Mau, do chưa được đầu tư đồng bộ, trong đó có việc thiếu đầu tư cơ sở hạ tầng tương xứng với đội tàu ; được ngư cụ thì thiếu kỹ thuật; được chế biến thì thị trường bấp bênh... nên nói một cách hình ảnh là "được mũi lại thiếu lái"...

Vậy là, trong sự kỳ vọng biển khơi, quả có một Cà Mau tự tin và đã gặt hái được khá nhiều thành quả. Nhưng cũng còn đó một Cà Mau không nguôi thao thức.

Tôi nghiệm ra rằng : ở nơi tận cùng nào, đất trời cũng thoáng đãng. Ví như ở nơi tận cùng trời - nước này, Cà Mau như hòa quyện với thiên nhiên. Ở cái "mũi tàu" của đất nước, phù sa đang bồi lắng không ngừng, đều đặn mỗi năm vươn ra biển từ 80 đến 100 mét. Từ đó mà "cây mắm đi trước, cây đước theo sau, kế đó là cây dừa nước, cuối cùng là cây và, cây vẹt". Có phải nhờ thế mà con người Cà Mau luôn vững tin ở mình trong những cuộc vật lộn ở nơi đầu sóng ? Ý chí đó, tinh thần đó được kết tinh ở một con người đã trở thành huyền thoại đất Mũi. Đó là nghệ sỹ Ba Phi. Ông có một cuộc đời với nhiều biến động và chìm nổi thật khác thường. Mà lạ thay, cuộc đời đầy bi kịch ấy lại sáng tạo ra cho đời một "rừng chuyện" khôi hài đầy lạc quan ; đã góp phần chiến thắng thiên tai, cường quyền, đế quốc ; giải phóng và xây dựng quê hương.

Đêm cuối năm, tôi lang thang trên đất Mũi. Khi dầm chân trong ngấn phù sa âm thầm bồi lắng, tôi bỗng thấy như thân thuộc lắm rồi, Mũi Cà Mau bền bỉ và thiêng liêng ! Cái tình đất, tình người ; sự khoáng đạt của thiên nhiên cứ rưng rưng trong lòng người mới đến. Bỗng vang lên đâu đó trong sú vẹt bạt ngàn hai câu thơ nổi tiếng của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ : *"Từ độ mang gươm đi mở cõi/ Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"*. Biển Cà Mau còn nhiều lắm những tiềm năng, và cũng còn nhiều bí mật, như thách đố, như mời gọi con người...

Trở lại với câu chuyện "lấn biển" trong khát vọng làm giàu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Cà Mau, tôi hiểu : nơi đây đang rất cần những cơ chế, những chính sách phù hợp; thiết thực và kịp thời để giải tỏa những vướng víu trong cuộc hành trình ra biển. Để với tinh thần Hòn Khoai, Ngọc Hiển ; với sự bền bỉ và lạc quan của người dân đất Mũi, biển từ chỗ ban tặng cho người Cà Mau vốn đã nhiều, sẽ giúp con người nơi đây có cơ hội "nhận" được nhiều hơn. ❑

Digitized by Google

Những cuộc đi, cuộc đến... VỘI VÃ NHƯNG VUI VÀ NHIỀU Ý NGHĨA

TRẦN QUỐC VƯỢNG *

CHẢ cứ gì năm con Ngựa (Nhâm Ngọ) tôi mới phải "chạy như ngựa vía" đi khắp chốn cùng nơi. Anh bạn GS trẻ là đồng nghiệp với tôi, luôn "thanh minh" với mọi người mà cái chính là cũng để động viên tôi : "Đừng kêu ca là tìm gặp GS Vượng khó quá, cứ một lần theo chân anh ấy thì sẽ biết". Vâng, có lẽ cái "số" tôi là hay đi...

*

Tháng Mười ta là tháng Hợi (tháng Con Lợn, hết năm Ngựa). Đầu tháng, tôi phải lên xứ Lạng (thị xã Lạng Sơn sắp nâng cấp lên "thành phố" biên giới Đông Bắc của Tổ quốc), góp bàn với tỉnh vì ở đây mới phát hiện được *một cánh rừng cây hóa thạch* trên đầm lầy tuổi ít nhất 30 triệu năm. Chết nỗi nó lại nằm ở trong khu vực mỏ than nâu Na Dương của Công ty than miền Bắc. Thế là phải lặn lội vào Na Dương lầy lội, mưa gió, gặp ông giám đốc mỏ điều đình xin nhượng lại một quả đồi làm khu di tích du lịch - sinh thái văn hóa. Khai thác than lợi hơn hay khai thác du lịch sinh thái văn hóa lợi hơn ? "Cò cưa kéo xẻ" với nhau mãi, bởi ông giám đốc mỏ thì được giao nhiệm vụ là phải đào than, cây hóa thạch "vứt" vào bãi thải !

Tiếc ơi là tiếc, thôi, lại phải về trình Trung ương vậy.

*

Phóng vù về Hà Nội, ra sân bay Nội Bài đi Huế. Vì Trung tâm quản lý di tích cố đô Huế và Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đang đào di tích các *"trường lang"* (có mái che) nối các điện, các cung với nhau (xưa vua và hoàng gia đi lại trong Cấm Nội "mưa không đến mặt, nắng không đến đầu"). Xem phục hồi thử một đoạn *trường lang* và bàn bạc về quy hoạch khảo cổ. Rồi lợi cợi lên Hương Trà, xe lún lầy chết máy. Huế đang vào đầu mùa mưa. Ngành giao thông mở đường mới về phía Tây để tránh xe tải ùn ùn theo quốc lộ 1A vào giữa trung tâm cố đô. Rất tốt, nhưng mở đường mới qua *Cồn Ràng* (= Yàng = Thần thánh) thì đấy lại là khu mộ địa Sa Huỳnh hiếm quý của xứ Huế, tuổi trên 2 000 năm. Theo Luật Di sản văn hóa mà Quốc hội mới thông qua thì phải tạm ngừng thi công đường, để đào khảo cổ. Nhưng kinh phí ai lo ?

Hôm sau, tôi mượn xe "hai cầu" của tỉnh để lên miền núi phía Tây : Nam Đông, A Lưới, không gian văn hóa xã hội của người Kơ Tu mà tổ tiên họ đã góp phần xây dựng nên nền văn hóa Sa Huỳnh - tiền Chăm Pa của Trung và Nam Trung Bộ. Quay ca-mê-ra, chụp ảnh, tìm hiểu *nhà "guơl"* (ngôi nhà cộng đồng của một "bun" (buôn, làng), *nhà mồ, quan tài đẽo hình*

* GS. Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Tổng thư ký Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

Digitized by Google

đầu trâu, đầu dê ở hai đầu, và *tượng nhà mồ* của tộc người này. Hoa văn trang trí của người Kơ Tu rất độc đáo...

*

Bay đêm ra Hà Nội để kịp làm mọi thủ tục cho các tân GS ra mắt ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám ngày 16-11. Đêm trước Ngày Nhà giáo Việt Nam (20-11), thày trò chia sẻ nghĩa tình, trong lòng thấy vui vì sự lớn mạnh của đội ngũ trí thức nước nhà, được Đảng và Nhà nước chăm lo.

Tôi lại vội vã vào Sài Gòn đi Cà Mau, qua Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, 7 tỉnh "đồng bằng (thực ra phải gọi là châu thổ) sông Vàm Cỏ - Cửu Long".

Chúng tôi phải tranh thủ ăn "cơm bụi" dọc "đường bộ" và "đường nước", ngắm nét cảnh quan đặc sắc của Tây Nam Bộ để phải đến thành phố Cà Mau trước 14 giờ. Đến nơi, bỏ va-li vào phòng nghỉ "nhà khách ủy ban" rồi vội vã xuống xuồng máy "bo bo", chạy 4 tiếng đường kênh rạch đôi bờ xanh mướt đước - dừa, lên huyện Trần Văn Thời (mang tên cố Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ hồi 1939-1940), vào xứ U Minh Thượng, viếng mộ bác Ba Phi (1884-1964, thọ 80 tuổi và kề bên là mộ hai bà vợ, một Việt một Khơ Me lai Hoa), thắp hương trước ngôi nhà thờ bác Ba Phi, cùng con cháu bác Ba nhâm nhi ly rượu quê với "cá lóc Ba Phi" *nướng trui, rang muối*. Đó là lối ăn của cư dân sông nước đồng bằng Nam Bộ. Về lại thành phố Cà Mau thì đã nửa đêm...

Sáng hôm sau vào Hội thảo "Chuyện kể bác Ba Phi" cả ngày trời, có đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau Bùi Quang Huy (anh Chín Nhỏ), nhiều vị lãnh đạo tỉnh cùng các nhà khoa học, nhà nghiên cứu hội tụ từ Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre... đến nghe chuyện kể Ba Phi "Nam Bộ rặc", "U Minh rặc", tiếng cười vang hội trường cả ngày. Lý luận, thi pháp ngữ văn dân gian cũng thấy nhiều điều thú vị... (tỉnh Cà Mau sẽ in ngay kỷ yếu Hội thảo này). Mọi người nhất trí đề nghị tôn vinh bác Ba Phi (Nguyễn Long Phi) là nghệ sĩ, nghệ nhân dân gian, tôn tạo khu nhà thờ và mộ bác cùng các bà vợ ở Lung Tràm thành khu di tích và du lịch - văn hóa...

Nghỉ một đêm yên tĩnh ở thành phố cực Nam đất liền Tổ quốc rồi sáng sớm hôm sau, lại hộc tốc lên đường về thành phố mang tên Bác, cũng ghé qua thăm nhà "công tử Bạc Liêu" đang được dự định phục hồi tôn tạo làm một "điểm du lịch văn hóa".

Ngồi Hàng Xanh - Sài Gòn - gặp vội bạn bè, đồng nghiệp, câu chuyện lại nói về vụ cháy ITC, vụ Năm Cam và đồng bọn, chừng một tiếng đồng hồ, có cả đại biểu Quốc hội Dương Trung Quốc dự để tham khảo ý kiến "cử tri trí thức" về Dự án thủy điện Tạ Bú. Tôi "hùng hồn" tuyên cáo cùng bạn bè, học trò cũ và cử tọa có mặt : Mai "tớ" lên Tạ Bú ! Mọi người tưởng tôi nói đùa (tính tôi vốn hay đùa). Nhưng GS, TS Nguyễn Xuân Kính nói nghiêm chỉnh : "Cụ" nói thật đấy ; sáng mai "em tháp tùng cụ". Mọi người tin ngay. Tân GS Nguyễn Xuân Kính vốn là người nghiêm cẩn.

Về đến Hà Nội đã quá nửa đêm. Chuông điện thoại lúc lúc lại reo. Vài nghiên cứu sinh "tiến sĩ" kỳ kèo sắp đến ngày bảo vệ luận án. Nhà báo "com-măng" bài Tết : "Muộn quá rồi "cụ" ơi, "con" xin lỗi, nhưng phải giục "cụ" "- Được" ! (Rồi cái gì cũng xong cả thôi mà !). Họ đâu biết sáng mai tôi phải ngồi xe ôm, ra bến xe đi Sơn La, cùng một số anh chị em lên xe ca rong ruổi Hòa Bình - Mai Châu - Mộc Châu - Sơn La ! Họ chỉ biết việc của họ, rất cá nhân, mà những điều riêng tư ấy thật đáng yêu.

Trên xe, trong nhóm chúng tôi, có dăm ba GS, tiến sĩ và các nhà báo trang bị đủ đồ nghề, máy ảnh, máy ghi hình... Qua Hòa Bình, qua dốc Cun, xe chốc chốc lại dừng vì nghệ sĩ nhiếp ảnh Hoàng Kim Đáng cần chụp ảnh "biển mây - núi đảo" đẹp kỳ vĩ. Tôi phải làm "công tác tư tưởng" nhẹ nhàng với người lái xe. Thì cứ thế,

Digitized by Google

cứ thế... Ban Chấp hành Trung ương Hội văn hóa dân gian gồm 11 người ở 8 tỉnh : Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Đắc Lắc, Kiên Giang... đã bao giờ được *"qua miền Tây Bắc núi vút ngàn trùng xa..."* đâu. Họ chỉ biết Tây Bắc qua nhạc, qua thơ... Vì vậy, Ban Thư ký đã sắp xếp chương trình để các thành viên "đi thực tế" Sơn La, Điện Biên là những địa chỉ điển hình của vùng văn hóa Tây Bắc. Như GS Tô Ngọc Thanh và tôi, thì đã đi dân công, đi điền dã Tây Bắc từ giữa thế kỷ trước rồi, đi "nát đất nhà Phật" rồi ! Văn nghệ dân gian mà. Cái "lý dân gian" là phải thế ! Qua Tạ Bú, đến Vạn Bú, tắc xe ở đèo Chiềng Đông, về đến thị xã Sơn La thì trời đã về khuya, các cửa hàng ăn đóng cửa gần hết. Ăn tàm tạm vậy. Đêm Sơn La, nằm nghĩ về một tương lai gần, Sơn La Tây Bắc sẽ có một nhà máy thủy điện tầm thế kỷ mà Quốc hội đang rất thận trọng trong tính toán cao trình xây dựng là hoàn toàn đúng đắn. "Lớn lối" quá, nhưng nó phải bảo đảm an toàn cho hạ du và Thủ đô Hà Nội. Bằng trí tuệ tập thể và khoa học, chắc chắn điều đó sẽ nhanh chóng trở thành hiện thực.

Sớm hôm sau lại lên đường, ăn trưa ở Thuận Châu rồi vượt đèo Phạ Đin (Phạ = Trời, Đin = Đất) 32 km lên, xuống như rồng thời Lý - Trần uốn khúc, tới Tuần Giáo rồi Điện Biên. Sơn La đang có Hội chợ Việt - Lào kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng. Còn Điện Biên đang rộn ràng xây dựng mới để lên cấp thành phố kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên (1954 - 2004).

Họp bàn với nhau, họp bàn với tỉnh về "Tầm nhìn 2010", về đẩy mạnh sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian Tây Bắc, biến di sản dân gian thành tài sản văn hóa dân tộc, tặng và truy tặng danh hiệu "nghệ nhân dân gian" cho những người như bác Ba Phi và các "bàn tay vàng", "trí tuệ kim cương" của các bậc lão thành dân gian khác ở Tây Bắc và cả nước là điều nên làm lắm chứ.

Tranh thủ thời gian, chúng tôi thăm thành Xam Mứn (= Tam Vạn) có từ thế kỷ XIII, thành Bản Phủ của lãnh tụ nghĩa quân Hoàng Công Chất giữa thế kỷ XVIII, giữ gìn Dân và Đất Điện Biên chống giặc Phẻ (Pọng), giặc Thanh.

Đền thờ người anh hùng nông dân họ Hoàng có tiếng là thiêng, gặp ngày mồng Một tháng Một, dân và các đoàn khách tham quan du lịch tới lễ viếng đông nghịt. Cây đa cổ thụ *ba thân chụm một* xum xuê. Ghé thăm Bảo tàng Điện Biên thấy còn khiêm tốn lắm, chưa xứng với tầm vóc Điện Biên trong lịch sử dân tộc. Thăm hầm cố thủ của tướng Pháp Đờ-cát-xtơ-ri (De Castrics). Ngày hôm sau, trên đường về, chúng tôi vào Mường Phăng thăm di tích đại bản doanh của Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên, hầm xuyên núi và lán làm việc đơn sơ, giản dị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và của Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, thăm nhà giao ban tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch. Tất cả đều mang phong cách giản dị Hồ Chí Minh. Nhiều người rất khâm phục tinh thần và tài phục chế - tôn tạo di tích của ngành Bảo tàng quân đội nhân dân. Rất có văn hóa - văn hóa quân sự. Rừng Mường Phăng được nhân dân bảo vệ khá nguyên lành.

Về Sơn La thăm Bảo tàng các dân tộc, thăm nhà ngục Sơn La với bao tên tuổi các bậc tiền bối lão thành cách mạng, tù đày khám khổ mà làm nên Cách mạng mùa Thu Ất Dậu 1945 : Tô Hiệu, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Trường Chinh... Rừng Tây Bắc có "nhị độ đào", "nhị độ mai". "Cây đào Tô Hiệu" đang nở hoa lần thứ nhất, thắp nén hương kính viếng hương hồn Tô Hiệu nơi ông nằm xuống, kính viếng hương hồn Đàm Văn Lý tại nơi ông bị giặc Pháp bêu đầu. Về "cội nguồn cách mạng" thấy tâm hồn mình được thanh lọc, thảnh thơi, thanh thản hơn trước những bức xúc với bọn tội đồ "tham quan ô lại" hôm nay...

Rồi về Hà Nội, lại là "Hanoi by night" (Hà Nội về đêm) đang chuẩn bị kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không".

Một sớm mai chớm Xuân vừa đến, lại lao vào những công việc thường ngày... thường ngày chộn rộn, tất bật mà không bao giờ nhàm chán... ❑

Digitized by Google

Năm Quý Mùi 2003

TAM DƯƠNG KHAI THÁI - PHÚC LỘC ĐẦY NHÀ

CUNG KHẮC LƯỢC *

XƯA nay, cứ mỗi dịp tết đến, xuân về, dân ta thường có phong tục tặng nhau tranh hay chữ viết. Chữ Hán hay chữ Nôm viết bằng mực tàu đen nhánh hay bằng kim nhũ vàng óng trên giấy phẩm hồng điều hay giấy màu cánh sen, càng ngắm, càng thích. Có thể xin chữ của ông đồ. Nếu được chữ ông nghè (tiến sỹ) thì quý biết bao. Chữ nghĩa của ông nghè bao giờ vẫn hơn hẳn chữ nghĩa của ông đồ. Các cụ bảo thế. Song ông đồ nhiều người viết cũng đẹp lắm. Các ông ấy, dẫu sao cũng là ông tú, ông cử cả. Học hành công phu nấu sử sôi kinh, lao tâm khổ tứ lắm. Còn chữ của nhà thư pháp thì chẳng chê vào đâu được, bút pháp tài hoa rồng bay, phượng múa.

Có khi chỉ cần một chữ duy nhất. Chẳng hạn chữ PHÚC, theo quan niệm của cha ông ta chữ PHÚC đứng đầu tất cả, ăn ở có phúc sẽ có tất cả TÀI, LỘC, THỌ, KHANG, NINH là 5 thứ hạnh phúc ở đời này. Hay chữ ĐỨC, nghĩa là sống sao cho có đức, có độ để phúc lộc lại cho con, cháu, chắt, đời sau. Chả thế mà có câu *"Trồng cây đức để con ăn"*. Hoặc chữ LỘC, nghĩa là *tài lộc - tiền của - vàng bạc, châu báu dồi dào như nước...*

Có khi sự ưa thích lại ở những câu bốn chữ. Vì người mình cho rằng, số 4 là số chẵn đôi, có âm lại có dương, có sự sinh sôi nảy nở bất tuyệt, keo sơn gắn bó, chẳng thể chia lìa hay phân cách và không bao giờ lẻ loi. Những câu bốn chữ thì vô vàn. Cho nên phải kén chọn sao cho vừa có ý tứ của mình mà lại hợp với ý nguyện mong muốn của người mình trao tặng. Đấy mới là cái khó của sự tặng nhau chữ nghĩa. Nhưng chẳng sao, miễn là ta có tình và người có tâm thì sẽ thành viên mãn. Ta tặng mà vui mừng. Người nhận trong lòng sung sướng. Chẳng hạn : muốn chúc mừng mẹ, cha năm nay lên lão hay thượng thọ thì không gì quý hơn bốn chữ : PHÚC THỌ SONG TOÀN, hay muốn chúc mừng đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân khắp nơi an cư lạc nghiệp, ra sức làm ăn phấn đấu để dân giàu, nước mạnh thì chẳng câu nào tốt đẹp bằng : QUỐC THÁI DÂN AN. Chọn bốn chữ : ĐẠI NGHIỆP HƯNG LONG để tặng Hội Doanh nghiệp Việt Nam ngày càng phát triển vững chắc thật đắc ý vô cùng. Dành bốn chữ : TINH HOA HỘI TỤ chúc mừng ngành Hán - Nôm học nước nhà vừa tròn 30 xuân xanh thì ý vị thâm trường... Chúc tụng nhà nông bằng bốn chữ : PHONG ĐĂNG HÒA CỐC với hàm nghĩa chúc cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu thì thật là sâu sắc.

Đấy là nói về tặng chữ nghĩa thuần túy.

Nếu việc cho chữ chúc nhau năm mới hạnh phúc và thành đạt là một thú chơi thanh tao, lịch sự thì việc sử dụng tranh vẽ để chúc tụng cũng không kém phần công phu và độc đáo.

Mỗi tranh dân gian chúc mừng năm mới thể hiện một ý nghĩa thâm thúy tiềm ẩn bên trong.

---

* TS. Viện Hán Nôm

Digitized by Google

Tranh vẽ có hai loại phổ biến : loại không đề chữ và loại có đề chữ kèm theo. Mỗi loại đều có nét độc đáo và ý nhị và mang nét văn hóa riêng.

Đối với những tranh không đề chữ, người vẽ gửi gắm ý tứ của mình ngay trong nét vẽ và màu mực. Những tranh loại này thường giản đơn, dung dị nhưng vẫn toát ra vẻ đẹp hàm súc và ý tứ sâu xa, không cần lời minh họa mà vẫn để lại bao ấn tượng đẹp trong lòng người cảm nhận. Chẳng hạn, tranh vẽ CON CÔNG, là biểu hiện lời chúc mừng năm mới *bình an, thịnh vượng*. Tranh vẽ ĐÀN GÀ CON, là cầu mong gia đình *đầm ấm và hạnh phúc*. Tranh vẽ CON CÓC nhằm cầu chúc sự *giàu sang, phú quý, nhiều tài, lắm lộc*. Muốn cầu chúc cho người già sống lâu khỏe mạnh và sung sướng thì chẳng gì hơn là tặng bức tranh CON HẠC. Muốn mừng cho con trẻ (thanh, thiếu niên) học hành thành đạt, có công danh được phú quý lại có tranh CÁ VƯỢT VŨ MÔN hay CÁ HÓA LONG hoặc LÝ NGƯ VỌNG NGUYỆT. Trong truyền thống, mỗi khi tết đến, xuân về, từ kẻ chợ đến thôn quê, từ đồng bằng đến miền núi, dân ta thường mua tranh LỢN MẸ và ĐÀN LỢN CON về treo trên tường, để cầu mong sự sung túc, ấm no cho gia đình trong năm mới... Nét đặc sắc của tranh tết xưa (tranh dân gian) là hình tượng của loài vật với các con vật theo biểu tượng của 12 con giáp, hoặc những con vật khác gần gũi với đời sống văn hóa vật chất và đời sống thường nhật của con người ; ở trong đó thường không đòi hỏi phải có hình ảnh con người. Đây chính là nét văn hóa dân gian độc đáo của dân tộc ta (chúng tôi xin được trở lại vấn đề này vào một dịp khác).

Đối với những tranh có kèm theo chữ viết, người vẽ còn muốn đưa thêm vào giá trị nghệ thuật và nội dung sâu sắc của tranh một vài chữ viết tài hoa, bay bướm hay chất phác giản dị có nội dung của một lời chúc mừng trong sáng mà ý vị, giản dị mà sâu sắc, có thể là những thành ngữ, quán ngữ bất hủ về ý nghĩa. Phần chữ viết thường ở một góc nào đó trên bức tranh, đắc địa nhất là ở đầu trên của bức tranh. Ví dụ : Trong bức tranh vẽ : CỤ GIÀ CẦM TRÁI ĐÀO viết 4 chữ "ĐÀO HIÊN THIÊN XUÂN", nghĩa là : *đào đem hiến dâng người khỏe mạnh sống lâu nghìn tuổi, muôn xuân*. Hay tranh vẽ : CỤ GIÀ ĐANG BÓC QUẢ LỰU CHÍN lại có 4 chữ "LỰU KHAI BÁCH TỬ", nghĩa là : *Lựu nở trăm hạt tươi tốt ngụ ý chúc gia đình dòng họ con cháu đông đàn dài lũ, thành đạt.*

Mới hay người nghệ sĩ dân gian Việt đồng thời cũng chính là nhà tư tưởng, nhà tâm lý, nhà văn hóa nhân dân vô danh. Sự vô danh bất hủ luôn luôn đồng hành cùng mùa xuân của dân tộc trường sinh bất tận.

Năm Quý Mùi - 2003 đang đến với chúng ta. Có người họa sĩ công tác tại trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội đem đến nhà tôi một số tranh dân gian xoay quanh chủ đề Tranh vẽ và chữ viết chúc tụng Một giáp - mười hai năm âm lịch. Anh có ý tưởng muốn thực hiện một mảng đề tài : *"Con Người - Mùa xuân - Vũ trụ"*... (Vũ trụ và Con người tuần hoàn và phát triển... - anh bảo vậy). Bàn về tranh dân gian nhân dịp Tết đến Xuân về, câu chuyện của chúng tôi xoay quanh nhiều vấn đề với bao vấn vương kim cổ nhưng có một vấn đề không hẹn mà nên là cả hai đều tâm đắc và đồng quan điểm khi bàn về bức tranh "TAM DƯƠNG KHAI THÁI" của cha ông ta.



Đây là tấm tranh mô tả về năm Mùi - năm con dê (một trong mười hai con giáp tính theo năm âm lịch : *Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, **Mùi**, Thân, Dậu, Tuất, Hợi*). Bức tranh TAM DƯƠNG KHAI THÁI, nét vẽ đơn sơ, dung dị

Digitized by Google

nhưng đậm đà tình ý. Phải chăng người xưa đã gửi cả tâm hồn, ước nguyện của mình đối với năm con dê vào hình ảnh : Ba con dê đang ăn cỏ. Bãi cỏ non xanh. Vừng dương đỏ thắm trên cao và bốn chữ đề trên góc trái bức tranh TAM DƯƠNG KHAI THÁI. Bức tranh để lại ấn tượng đặc biệt trong chúng tôi. Nhân năm Quý Mùi sắp đến xin được bày tỏ đôi điều cảm nhận về bức tranh này.

Trước hết xin được nói rõ về bốn chữ đề bên góc trái tấm tranh TAM DƯƠNG KHAI THÁI. Về hình thức đây là bốn chữ Hán được viết rất giản dị và chân phương dễ đọc dễ nhận biết. Về nội dung bốn chữ TAM DƯƠNG KHAI THÁI tạm dịch là : *thái bình, thịnh trị, hòa hợp, phồn vinh*. Trong tâm thức dân ta mấy ngàn năm, TAM DƯƠNG KHAI THÁI không chỉ là *thái bình, thịnh trị, hòa hợp, phồn vinh*, mà còn là sự đồng tâm nhất trí của cộng đồng để vươn tới một mục tiêu chung. TAM DƯƠNG KHAI THÁI còn là đạo đức của con người, người có đạo lý, người tốt, cái tốt ; ánh sáng rạng rỡ vũ trụ, giang sơn. Sức mạnh của đạo lý của cái tốt đẹp bao trùm xã hội, nhân gian. Quyền bính nằm trong tay người tốt, người tốt luôn luôn duy trì hành động quanh mình chính đại, thái độ khiêm nhường, mềm dẻo, biết chia sẻ cảm thông sâu sắc với quyền lợi của nhân dân.

Xét về cấu tạo chữ nghĩa, bốn chữ TAM DƯƠNG KHAI THÁI tiềm tàng một giá trị đặc sắc và kỳ thú nhờ sự chơi chữ của người xưa, dựa trên việc vận dụng linh hoạt lối chơi chữ từ hiện tượng "đồng âm" trong ngôn ngữ Hán - Việt. "Con Dê", và mặt trời đều có âm Hán -Việt là DƯƠNG. Vậy DƯƠNG - "dê" đồng âm với DƯƠNG "mặt trời" - vầng Thái dương rạng rỡ. Vốn xa xưa, các chữ DƯƠNG trong đó có DƯƠNG "dê" lại là TƯỜNG trong CÁT TƯỜNG là tốt đẹp, tốt lành. Cho nên, TAM DƯƠNG là 3 con dê với TAM DƯƠNG là 3 "mặt trời" đều cùng một âm. Ở đây, TAM DƯƠNG biểu thị Dương thịnh. Triết học phương Đông về sự biến đổi và phát triển của Thiên - Địa - Nhân (Trời - Đất - Người) (Kinh Dịch) nêu lên 3 VẠCH DƯƠNG ⚌ là **tượng của Trời/Càn - Kiền** ở trên với 3 VẠCH ÂM ⚏ là **tượng của Đất/Khôn** ở dưới. Như vậy, trời đất tương giao thì muôn vật trong vũ trụ khai thông và phát triển. Quẻ ấy là quẻ KHAI THÁI. Năm Quý Mùi 2003 là năm TAM DƯƠNG KHAI THÁI.

Bốn chữ TAM DƯƠNG KHAI THÁI đề ở góc trái bức tranh, thể hiện phong cách ngôn ngữ tài ba của cha ông ta, đó là sự biểu đạt vừa mang mầu sắc văn hóa dân gian vừa hàm chứa vốn tri thức bác học uyên thâm của các học giả xưa. Trải qua độ dày của trường kỳ tích hợp văn hóa - văn hiến - văn minh, cái bình dị gắn với cái nghệ thuật - bình dị trong sáng là đẹp ; cái thường nhật mắt thấy, tai nghe hòa vào triết lý - triết học - nhân sinh ngời lên thành nghệ thuật dân gian là thế. Cũng vậy, chữ Hán mật thiết với chữ Nôm. Nôm na đi với Hán học mà thành sâu xa, thành tuyệt diệu.

Về hình vẽ, hình ảnh 3 con dê con đang cúi xuống ăn những đọt cỏ non mơn mởn, con đang ngẩm vầng dương chói lòa sắc xuân, con đang sẵn sàng tư thế tìm kiếm những ngọn cỏ mát lành được phác họa bằng những đường nét đơn giản dung dị nhưng rất có hồn, như toát ra từ dáng vẻ và thân thể cường tráng của chúng... Những ngọn cỏ xanh như được đặc tả, cái dáng vẻ vươn lên đón ánh sáng mặt trời, non tơ, mơn mởn, bừng sức sống, bời bời sắc xuân và khí xuân.

Ấn tượng hơn cả là vừng dương đỏ thắm trên cao. Muôn vật như đang bừng bừng trỗi dậy, không gian tĩnh lặng, bỗng xôn xao tiếng gọi của gió, của nắng. Bầu trời, mặt đất ngời ngợi ánh sáng mùa xuân... Nhìn vào bức tranh bình dị ấy, ta bỗng thấy, tâm hồn thanh thản, thoải mái, giúp ta trút bỏ mọi ưu tư, phiền muộn... Từ bức tranh giản dị ấy, Đất - Trời như đang ngân lên khúc nhạc Mùa Xuân..., muôn vật, như được tan ra trong ánh nắng Xuân tinh khiết và ấm áp. Hơi thở Mùa Xuân đang đến với muôn nhà.

Chúng ta đang lưu luyến tiễn năm Nhâm Ngọ, hồ hởi chào đón năm Quý Mùi - 2003, chào đón thời điểm thăng hoa và thịnh vượng, hào quang của nhật nguyệt sáng soi, nước giầu, dân mạnh, nhà nhà phúc lộc dồi dào, trong thế thượng phong của đất nước. Xin mượn ý của tác giả bức tranh, cầu chúc cho dân tộc ta và đại gia đình Việt Nam ta một năm thịnh vượng, an khang : TAM DƯƠNG KHAI THÁI - PHÚC LỘC ĐẦY NHÀ.❑

Digitized by Google

Âm vang lễ hội TÂY NGUYÊN

NGUYỄN NHÂN THỐNG*

MÙA xuân Tây Nguyên trời cao lồng lộng và trong vắt. Khắp bìa rừng và nương rẫy nằm dọc theo con sông, con suối, hoa ê-pang trắng, hoa ê-đắp đỏ đua nhau nở. Chim linh, chim phí, chim cho-rao ríu rít hót vang như đón chào xuân về. Các buôn làng Tây Nguyên lo chuẩn bị cho mùa lễ hội kéo dài suốt cả mùa hanh khô. Đây là mùa nghỉ ngơi, mùa vui chơi, ca hát... Suốt đêm ngày, tiếng cồng chiêng, tiếng trống cứ bập bùng như mời gọi.

Sau vụ thu hoạch, các dân tộc Tây Nguyên, từ người Cor, người Xơ Đăng xa xôi ở cực bắc cho đến người Châu Ro, người Xtiêng, người Mơ Nông ở cực nam đều tổ chức lễ ăn mừng Tết cơm mới. Tùy theo phong tục, tập quán của mỗi tộc người mà có cách tổ chức lễ cúng khác nhau. Người Kơ Ho ở Lâm Đồng ăn Tết cơm mới gọi là Nhô Lir Boong, người Ê Đê ở Đắc Lắc gọi là Hua Êsei Mrâs, người Chu Ru gọi là Yang Pa, người Tà Ôi gọi là Acha Agia, người Gia Rai gọi là Bơn-tơ Ku-thun, người Xơ Đăng gọi là Ou Klan Toc, v.v..

Sau khi tổ chức lễ cúng để dâng lên Giàng (Yang), thần lúa, thần sông, thần suối, thần sấm sét..., các buôn làng đều tổ chức các cuộc vui chơi như vào rừng săn bắn, múa hát ở nhà rông, đánh cồng chiêng, già làng kể khan bên bếp lửa hồng... Đặc biệt, người Hơ Rê ở Kon Tum và Quảng Ngãi còn tổ chức uống rượu cần, ăn bánh tét, nhảy kẹp thật vui vẻ.

Tiếp đến là lễ Bỏ mả hay hội Ăn nhà mả, diễn ra ở khắp các buôn làng Tây Nguyên từ sau Tết Nguyên Đán. Những gia đình có người thân quá cố, tính từ hai mùa rẫy trở đi, đều lo làm lễ Bỏ mả. Sau lễ này, con cháu không bao giờ chăm sóc hay lui tới viếng thăm nữa.

Hội Ăn nhà mả được tổ chức vào ban đêm tại các nghĩa địa, dưới ánh đuốc lập lòe. Trong lễ hội Ăn nhà mả, thường có múa rông-chiêng (quanh chóe rượu cần). Đây là dịp để thanh niên nam nữ đem hết tài nghệ của mình ra trình diễn một cách say sưa.

Trong khi các già làng làm lễ cúng thần và cúng hồn người chết tại nhà rông, nhà mồ thì nam nữ thanh niên tiếp tục múa trống, múa xoang, múa khiên, múa brim. Liên tục suốt mấy ngày đêm, người ta múa chung quanh mả, chung quanh chóe rượu và bên chóe rượu là những xâu thịt nướng thơm phức. Ai đánh cồng, đánh chiêng cứ đánh, ai múa cứ múa, ai ăn thì cứ ăn, ai uống thì cứ uống thỏa sức thỏa lòng. Lễ Ăn nhà mả tiếp tục và luân phiên từ nhà này đến nhà khác, từ buôn làng này đến buôn làng khác...

Mùa xuân ở Tây Nguyên còn có lễ đâm trâu hay ăn trâu cũng thật hào hứng. Lễ cúng Yang và các vị thần linh để cầu xin cho buôn làng mạnh khỏe, thóc lúa dồi dào, nước sông, nước suối đầy đủ,... mà lễ vật hoàn toàn lấy từ cơ thể con trâu tế thần. Lễ đâm trâu do làng đứng ra tổ chức tại nhà rông, được chuẩn

* TP Quy Nhơn

Digitized by Google

bị thật chu đáo và công phu. Cây cột trâu Blang được trang trí rực rỡ đủ màu sắc và hoa văn độc đáo. Lễ đâm trâu kéo dài đến vài ba hôm, vui chơi, múa hát và ăn uống thỏa thích.

Vào khoảng tháng ba âm lịch, ở Buôn Đôn (Đắc Lắc) còn tổ chức lễ hội đua voi hào hứng chẳng kém. Đây là xứ voi lớn nhất và có thể nói là duy nhất ở Tây Nguyên còn có đàn voi rừng và voi nhà đông đảo. Người Mơ Nông là những người có biệt tài thuần dưỡng voi rừng và hằng năm, nhân tiết trời hanh khô, họ tổ chức hội đua voi với sự tham dự của nhiều thớt voi to khỏe từ các nơi hội về. Lễ hội đua voi hằng năm diễn ra vào ngày 26-3, đã trở thành ngày hội truyền thống mang tính thượng võ, là nét văn hóa độc đáo ở Tây Nguyên.

Nói chung, ở miền núi cũng như miền xuôi, lễ bao giờ cũng đi đôi với hội. Trong hội của các dân tộc Tây Nguyên có các sinh hoạt văn hóa như đánh trống, đánh cồng chiêng, chơi đàn, ca hát, nhảy múa, kể khan...

Trong nhạc cụ cổ truyền của đồng bào Tây Nguyên, dàn cồng chiêng được xem trọng hơn cả. Bởi tiếng cồng chiêng đã gắn bó với họ từ thuở mới sinh ra cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng. Cồng chiêng là nhạc cụ phổ biến, là tài sản và niềm tự hào của gia đình, dòng họ.

Âm nhạc cồng chiêng không mang tính thế tục mà mang tính suy tưởng, là cầu nối giữa thế giới trần tục với thế giới thần linh, giữa người sống và người đã qua đời.

Tiếng chiêng Tây Nguyên có một sức mạnh kỳ diệu. Nó là nhịp điệu luân chuyển của trời đất, của con người và cây cối, hoa màu. Âm vọng của chiêng vang xa qua sông, suối, núi, rừng. Âm thanh của cồng chiêng là ngôn từ, là câu hát của thánh thần mà người Tây Nguyên gởi gắm tâm khảm mình vào đó. Trong các bản anh hùng ca Đam San, Xinh Nhã, chiêng được nói đến rất nhiều. Trong những sự kiện linh thiêng, trọng đại, khi vui



Thanh niên Dak Bla biểu diễn cồng chiêng **Ảnh : TTXVN**

Digitized by Google

khi buồn, đều phải có tiếng chiêng. Tiếng chiêng không thể thiếu được trong dịp lễ tết, trong những ngày hội của từng dân tộc như Tết cơm mới, lễ Đâm trâu, lễ Bỏ mả, hội Cồng chiêng, lễ cúng các thần sông, thần núi, thần nước, thần lửa... Chiêng còn dùng trong gia đình lúc có lễ lạc, đón khách quý, tiễn người thân ra đi...

Theo như cách gọi của các nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc, thì cồng là loại nhạc cụ gõ có núm, mang vai trò đệm, giữ nhịp, còn chiêng là nhạc cụ gõ không có núm (hay còn gọi là chiêng bằng) giữ vai trò giai điệu. Ngoài dàn cồng chiêng còn thêm trống, lục lạc, chập chõa. Tất cả hợp thành một bộ. Trong đó, chiêng là nhạc cụ quan trọng và chiếm một số lượng lớn nhất. Hiện nay, tỉnh Gia Lai còn lưu giữ hơn 8 000 bộ chiêng. Theo tín ngưỡng của dân tộc vùng cao, đây là loại nhạc cụ đã được linh thiêng hóa. Chiêng có thể giúp cho con người thông tin trực tiếp với Giàng và các thần linh. Do mang đậm bản sắc văn hóa tâm linh như vậy nên chiêng không được sử dụng một cách tùy tiện.

Mỗi dân tộc có cách sử dụng và cách diễn tấu riêng về chiêng. Người Ê Đê gọi chiêng là chinh. Một dàn chiêng đầy đủ có 10 chiếc, trong đó 7 chiếc bằng và 3 chiếc núm (cồng) cùng phối hợp với trống Hgor. Họ ngồi trong nhà trên chiếc ghế K'pan dài và đánh chiêng bằng dùi gõ với giai điệu dồn dập, diễn tấu nhanh, khi khoan thai, lúc sôi nổi, rộn ràng vang xa...

Các bài của dàn chiêng Ê Đê thường thể hiện qua sự đối thoại giữa hai nhóm Hơ Liang và Khơc. Hai nhóm nói trên giống như một giọng nam và một giọng nữ. Khác với âm thanh thánh thót của dàn chiêng Gia Rai, Ba Na, có âm thanh trầm ấm, dàn cồng chiêng của Ê-đê có âm thanh chắc khỏe, dồn dập. Người Ê Đê chỉ dùng dùi đánh vào phía bên trong các chiêng bằng và vào phía bên ngoài các chiêng núm. Chiêng Ê Đê có nhiều chủng loại như Kdo, Ngan Sa , Lao, Kur, Mơ Nhum, Luir với các nhóm Kpa, Mthur, Atham. Riêng nhóm Bith cả dàn có 6 chiếc đều là chiêng núm. Những chiếc chiêng quý thường được pha bằng sắt với kim loại quý như vàng, đồng đen hay bạc.

Trong khi đó, người Mơ Nông gọi chiêng là "chung" và dàn chiêng chỉ có 6 chiếc sử dụng bằng nắm tay để đánh. Chiêng Mơ Nông diễn tấu khoan hòa, giai điệu khá mạch lạc, hòa âm phong phú và ấm áp.

Đối với người Ba Na, cồng chiêng là ngôn ngữ để họ giao tiếp với thần linh, thiên nhiên và cuộc sống. Bộ chiêng Ba Na có từ 5-7 chiếc, gồm chiêng mẹ, chiêng chị, chiêng nhỡ và chiêng con.

Nói chung, cồng chiêng Tây Nguyên có vị trí linh thiêng, ổn định trong tiềm thức. Nó có sức thu hút, quy tụ các thành viên trong cộng đồng qua các lễ hội truyền thống. Do nhu cầu cộng cảm, nên tuy là nhạc cụ "thiêng" nhưng nó không hề có tính quý tộc mà trái lại rất dân dã, đại chúng.

Đặc biệt, những đêm lễ hội còn có kể khan bên bếp lửa hồng ở các nhà Rông. Khan theo tiếng Ê Đê có nghĩa là ca hát. Người Ba Na gọi là Hơ Mon. Người kể Khan có trí nhớ thật tốt và giọng thật trong trẻo. Khan có thể dài hoặc ngắn, chủ yếu mô tả hình ảnh các vị anh hùng dân tộc đã dũng cảm bảo vệ buôn làng, ca ngợi những mối tình trong trắng, thơ mộng. Nghệ nhân có thể kể từ đêm này sang đêm khác mà vẫn cuốn hút được người nghe đông đảo. Những trường ca được nhắc đến nhiều như Đăm San, Đăm Dí, Rơ Păm, Khinh Dú, Đăm Bri, Xinh Nhã... Về khuya, giọng Khan càng hấp dẫn, hơi Khan lúc trầm hùng, lúc duyên dáng, bóng bẩy, đôi lúc còn làm điệu bộ để mô tả nội dung...

Hội xuân Tây Nguyên cứ tiếp nối nhau, ăn uống vui say hầu như bất tận để bù đắp những tháng ngày lao động vất vả. Đến khi nghe tiếng sấm nổ báo hiệu cơn mưa đầu mùa, lễ hội mới chấm dứt. Mọi người chuẩn bị nông cụ và hạt giống để bắt tay vào vụ mùa mới với hy vọng được no đủ hơn.❑

Digitized by Google

THÀNH TỰU HUY HOÀNG TƯƠNG LAI XÁN LẠN

TẾ KIẾN QUỐC*



Cảnh đêm Thượng Hải Ảnh : *Tư liệu*

VỚI niềm hân hoan thắng lợi, nhân dân hai nước chúng ta lại đón mừng một Tết xuân của thế kỷ mới. Nhân dịp Tết Quý Mùi, thông qua Tạp chí Cộng sản, xin cho phép tôi thay mặt Đại sứ quán nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam chúc đông đảo độc giả đón Tết xuân vui vẻ, gia đình hạnh phúc, vạn sự như ý !

Đối với hai nước chúng ta, năm 2002, năm thứ hai của thế kỷ mới, là một năm cực kỳ quan trọng và rất đặc biệt. Chúng tôi vui mừng thấy rằng, qua sự phấn đấu gian khổ và cố gắng chung của nhân dân hai nước, sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của hai nước chúng ta đều đã giành được những thành tựu to lớn khiến cả thế giới chú ý theo dõi ; quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai Đảng, hai Nhà nước có những bước tiến triển đáng mừng.

Trong năm qua, ở đất nước chúng tôi, đã xuất hiện hàng loạt những sự kiện quan trọng được ghi vào sử sách. Sự kiện trọng đại

* Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Việt Nam

Digitized by Google

đầu tiên là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây là Đại hội đại biểu đầu tiên của Đảng chúng tôi diễn ra vào đầu thế kỷ mới, và, cũng là Đại hội đại biểu rất quan trọng mà Đảng chúng tôi triệu tập trong tình hình mới- bắt đầu thực hiện bước thứ ba chiến lược xây dựng, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa. Với tinh thần " giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị và tiến cùng thời đại ", Đại hội đã tổng kết một cách khoa học những kinh nghiệm cơ bản mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thu được trong quá trình dẫn dắt nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, đặc biệt trong mười ba năm qua. Ba thành quả lớn đạt được trong thời gian qua : *Một là,* xác định tư tưởng quan trọng " ba đại diện "cùng với chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình là tư tưởng chỉ đạo cần phải kiên trì của Đảng chúng tôi. *Hai là,* nêu rõ mục tiêu phấn đấu trong hai thập niên đầu của thế kỷ mới là xây dựng toàn diện xã hội khá giả, GDP vào năm 2020 sẽ tăng gấp bốn lần so với năm 2000, thực hiện về cơ bản công nghiệp hóa đất nước. *Ba là,* thực hiện một cách thuận lợi sự chuyển giao tập thể lãnh đạo Trung ương mới và cũ của Đảng. Kinh tế Trung Quốc năm 2002 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, GDP tăng 8% so với cùng thời kỳ năm ngoái, tổng sản lượng kinh tế trên 10 000 tỉ Nhân dân tệ, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt con số 620 tỉ USD, dự trữ ngoại tệ đạt hơn 280 tỉ USD. Trong lĩnh vực công nghiệp : sản lượng gang thép, than đá, xi măng, phân hóa học, ti-vi mầu đứng thứ nhất trên thế giới.Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp : sản lượng ngũ cốc, bông, lạc, hạt cải dầu, hoa quả và thực phẩm cũng đứng hàng đầu thế giới. Bên cạnh những thành tựu đó, trong năm qua, Trung Quốc đã phóng thành công hai tầu vũ trụ không người lái - "Thần châu III" và "Thần châu IV". Thành công này đánh dấu những bước tiến triển mới trong sự nghiệp phát triển ngành hàng không vũ trụ và kỹ thuật tên lửa của Trung Quốc. Ngoài ra, sau khi Bắc Kinh giành được quyền đăng cai tổ chức Thế vận hội Ô-lem-píc vào năm 2008, Thượng Hải cũng giành được quyền tổ chức Hội trợ triển lãm Thế giới vào năm 2010. Đúng như Tổng thư ký Cục Triển lãm Quốc tế đã nói, điều đó chứng tỏ rằng, sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc cũng như sức sống tràn đầy của Thượng Hải trong những năm gần đây đã thu hút sự chú ý của thế giới, và thế giới đã lựa chọn Thượng Hải, lựa chọn Trung Quốc. Vị thế quốc tế của Trung Quốc được nâng cao rõ rệt, và đã trở thành lực lượng quan trọng bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cộng đồng quốc tế cùng phát triển. Chúng tôi tin rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư, nhân dân Trung Quốc qua sự phấn đấu gian khổ, nhất định sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu vĩ đại do Đại hội XVI đề ra.

Chúng tôi vui mừng thấy rằng, trong năm 2002, nhân dân Việt Nam anh em, qua sự cố gắng bền bỉ, cũng đã giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Một là,* nhiều chỉ tiêu phấn đấu đã vượt hoặc đạt xấp xỉ so với kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,04%, sản lượng nông, lâm nghiệp, thủy hải sản đạt 5,4%, sản xuất công nghiệp : 14,5%, dịch vụ : 7%, kim ngạch xuất khẩu tăng 10%. *Hai là,* đầu tư toàn xã hội tăng lên nhanh chóng, thu nhập tài chính hoàn thành

Digitized by Google

vượt mức kế hoạch. *Ba là,* công tác xóa đói giảm nghèo giành được những thành tựu mới, sự nghiệp khoa học giáo dục, văn hóa y tế, thể dục thể thao phát triển sôi nổi, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. *Bốn là,* hoạt động ngoại giao được triển khai dồn dập, đã tổ chức thành công Đại hội đồng AIPO lần thứ 23 tại Hà Nội, vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng cao thêm một bước. Đặc biệt, vừa qua Việt Nam một lần nữa được tổ chức quốc tế hữu quan đánh giá là nước ổn định nhất và an toàn nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, và là nước có tỷ lệ lớn số người dân hài lòng về đất nước cao nhất châu Á. Đó thực sự là những thắng lợi phi thường. Từ đáy lòng mình, nhân dân Trung Quốc cảm thấy vui mừng trước những thành tựu to lớn mà nhân dân Việt Nam anh em đã giành được, và tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu vĩ đại mà Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra : Thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Chúng tôi còn vui mừng thấy rằng, trong một năm qua, tuân theo phương châm 16 chữ phát triển quan hệ hai Đảng, hai Nhà nước trong thế kỷ mới mà hai Tổng Bí thư xác định là "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai", quan hệ hai Đảng, hai Nhà nước đã đạt được những tiến triển mới đáng mừng. *Thứ nhất,* sự thành công của chuyến sang thăm Việt Nam vào tháng 2 năm 2002 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân và chuyến sang thăm Trung Quốc vào tháng 4 và tháng 9 của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An và Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Phan Diễn. Sự thành công đó được thể hiện ở việc hai bên đã đạt được những nhận thức chung quan trọng về việc tiếp tục quán triệt "phương châm 16 chữ", thúc đẩy quan hệ hai Đảng, hai Nhà nước lên giai đoạn phát triển mới, tầm cao mới. *Thứ hai,* hợp tác kinh tế - thương mại tiếp tục giữ đà phát triển tốt, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của hai nước đạt trên 3 tỉ USD, dự án cải tạo kỹ thuật nhà máy gang thép Thái Nguyên đã chuyển lỗ thành lãi, dự án cải tạo kỹ thuật nhà máy phân đạm Bắc Giang sắp được hoàn thành, và nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn đã chính thức khởi công xây dựng. *Thứ ba,* công việc phân giới cắm mốc trên thực địa toàn tuyến biên giới trên đất liền được triển khai toàn diện, đàm phán tiếp theo về khai thác cá ở Vịnh Bắc Bộ cũng đang được tiến hành khẩn trương, hai bên sẽ cố gắng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phân giới cắm mốc trong vòng ba năm, thúc đẩy Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực đánh bắt cá ở Vịnh Bắc Bộ sớm có hiệu lực. *Thứ tư,* sự giao lưu và hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu. Theo thống kê chưa đầy đủ, một năm qua số lượng các đoàn đại biểu quan trọng của hai bên sang thăm lẫn nhau là hơn 200 đoàn, trong đó đoàn đại biểu cấp Thứ trưởng, Phó ban trở lên là gần 100 đoàn ; Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản của hai nước đã tổ chức thành công "Gặp gỡ Hữu nghị Thanh niên Trung - Việt" lần thứ ba tại Bắc Kinh ; sự giao lưu hữu nghị và học tập lẫn nhau giữa thanh niên cũng như tổ chức thanh niên hai nước được tăng cường hơn và

Digitized by Google

có ý nghĩa quan trọng, sâu xa đối với việc mở ra tương lai tốt đẹp hơn nữa cho quan hệ Trung - Việt trong thế kỷ mới ; ngoại giao nhân dân hai nước rất sôi nổi, hình thức đa dạng hơn, nội dung phong phú hơn. Tất cả những điều đó đã chứng tỏ rằng, Đảng, nhân dân hai nước Trung - Việt đều quyết tâm cố gắng, thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện cùng bước vào giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ mới.

Hai nước Trung Quốc và Việt Nam núi sông liền một dải, nhân dân hai nước vốn có mối tình hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân hai nước đã từng ủng hộ lẫn nhau, đồng tình với nhau, đã xây đắp nên mối tình hữu nghị nồng thắm, và được Chủ tịch Hồ Chí Minh ca ngợi là "mối tình thắm thiết Việt - Hoa, vừa là đồng chí vừa là anh em". Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai nước, phù hợp với lợi ích căn bản của hai nước và nguyện vọng chung của nhân dân hai nước. Đúng như trong bài diễn văn "Cùng mở ra một tương lai tươi đẹp cho quan hệ Trung - Việt" của Chủ tịch nước Giang Trạch Dân phát biểu tại trường Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2002 đã nêu rõ : "Nhìn lại lịch sử phát triển của quan hệ hai Đảng, hai nước chúng ta, có thể rút ra một kết luận rõ ràng : Nhân dân hai nước Trung Quốc và Việt Nam lý tưởng tương đồng, lợi ích tương quan, chỉ có kiên định đi theo con đường hữu nghị và hợp tác, tăng cường đoàn kết, tăng thêm tin cậy lẫn nhau, phát triển hữu nghị, mở rộng hợp tác, vì sự phát triển và phồn vinh chung, mới là sự lựa chọn đúng đắn phù hợp với lợi ích căn bản của hai nước và nhân dân hai nước". Để quan hệ hai nước Trung - Việt không ngừng phát triển trong thế kỷ mới, cần phải kiên trì phương châm chỉ đạo là "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". "Nói tóm lại, phát triển quan hệ Trung - Việt, thì tin cậy lẫn nhau là cơ sở, ổn định lâu dài là tiền đề, láng giềng hữu nghị là đảm bảo, hợp tác toàn diện là cầu nối, cùng nhau phát triển phồn vinh là mục tiêu". Hiện nay, cơ sở của quan hệ hai Đảng, hai Nhà nước càng thêm củng cố, tin tưởng và ủng hộ lẫn nhau, tăng cường hợp tác, cùng nhau phát triển. Đây là đặc trưng quan trọng của quan hệ hai nước. Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc luôn luôn coi trọng giữ gìn và phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện với Việt Nam, nguyện cùng với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam, tăng cường đoàn kết, mở rộng hợp tác, cùng nhau mở ra một tương lai tốt đẹp hơn nữa cho quan hệ Trung - Việt.

Các cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương hai Đảng Trung - Việt, Tạp chí Cầu thị và Tạp chí Cộng sản trong nhiều năm qua luôn tiếp tục duy trì sự giao lưu và hợp tác mật thiết . Tháng 9 năm ngoái, nhân dịp Đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản sang thăm và làm việc tại Trung Quốc, hai bên đã quyết định tăng thêm cường độ giao lưu và hợp tác và sẽ cùng nhau tổ chức Hội thảo Khoa học tại Hà Nội vào quý II năm nay, nhằm tiếp tục đi sâu trao đổi ý kiến về lý luận và thực tiễn xã hội chủ nghĩa, phục vụ tốt hơn nữa cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của mỗi nước. Chúng tôi tin rằng, qua sự cố gắng chung của cả hai bên, sự hợp tác giữa cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương hai Đảng chúng ta nhất định sẽ góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy quan hệ hai Đảng, hai nước phát triển theo chiều sâu hơn nữa. ❑

Digitized by Google

Người Việt Nam ở nước ngoài
HỘI NHẬP VÀ HƯỚNG VỀ QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN ĐÌNH BIN *

TRƯỚC năm 1975, mới có khoảng 150 nghìn người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, chủ yếu là một số nước láng giềng, Pháp và các lãnh thổ thuộc địa của Pháp. Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân, số lượng người Việt Nam ở nước ngoài tăng lên nhanh chóng và đã trở thành một cộng đồng đáng kể. Ước tính hiện có khoảng 2,7 triệu người đang làm ăn sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó ở Mỹ khoảng 1,3 triệu người, Pháp 250 nghìn, Ô-xtrây-li-a 250 nghìn, Ca-na-đa 180 nghìn ; Cam-pu-chia, Thái Lan, Đức, Nga - mỗi nước khoảng 100 nghìn ; Đài Loan 65 nghìn, Anh 35 nghìn, Séc 25 nghìn, Lào 18 nghìn ; Trung Quốc, Ba Lan, Bỉ, Thụy Điển - mỗi nước trên dưới 10 nghìn...



Ảnh : *Tư liệu*

Trong những năm gần đây, xu hướng phát triển của cộng đồng người Việt Nam

* Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao kiêm Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài

Digitized by Google

ở nước ngoài là ngày càng ổn định, hội nhập vào nước sở tại, tiếp thu các giá trị văn hóa nơi cư trú, đồng thời vẫn giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, từng bước có vị trí nhất định trong việc làm cầu nối cho quan hệ giữa nước ta với các nước này. Khoảng 2/3 tổng số kiều bào ta đã nhập quốc tịch nước ngoài nhưng không từ bỏ quốc tịch Việt Nam.

Hiện nay, đời sống của phần lớn kiều bào ta còn ở mức trung bình thấp hoặc trung bình so với người dân sở tại. Số người giàu theo tiêu chuẩn của các nước này còn rất ít. Các doanh nghiệp của kiều bào ta mới đủ sức phục vụ nội bộ cộng đồng là chính. Tuy nhiên, sau hơn 1/4 thế kỷ hội nhập, vừa tích lũy vừa mở rộng quan hệ làm ăn, bà con đã bước đầu xây dựng được cơ sở cho cuộc sống ổn định lâu dài ở hầu hết các nước và vùng lãnh thổ.

Mặc dù tiềm lực kinh tế chưa lớn, nhưng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có tiềm năng tri thức đáng kể và rất đa dạng. Hàng trăm nghìn người được đào tạo ở trình độ đại học hoặc công nhân kỹ thuật bậc cao ở các nước công nghiệp phát triển, có điều kiện tiếp cận với những thông tin và thành tựu mới về quản lý, khoa học và công nghệ. Một số người hiện giữ những vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, công ty, doanh nghiệp lớn hoặc các tổ chức quốc tế. Một thế hệ trí thức mới là những người gốc Việt đang hình thành và phát triển, nhất là ở các nước Bắc Mỹ, Tây Âu và Ô-trây-li-a, tập trung ở nhiều lĩnh vực mũi nhọn như tin học, viễn thông, điện tử, vật liệu mới, chế tạo máy, điều khiển học, sinh học, quản lý kinh tế, chứng khoán...

Sợi dây tình cảm mà các thế hệ trước duy trì với quê cha đất tổ nay vẫn được giữ gìn trong lòng thế hệ kế tiếp. Ở một số nước như Mỹ, Ca-na-đa, Ô-trây-li-a, Pháp, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Anh, Đức, Nga, Séc..., người Việt Nam sinh sống và làm ăn tập trung thành những khu vực, thị trấn, khu phố riêng nên tạo được môi trường thuận lợi cho việc gìn giữ tiếng Việt, bản sắc dân tộc và các sinh hoạt truyền thống. Các sinh hoạt cộng đồng và nhất là việc dạy tiếng Việt, chủ yếu do các hội đoàn hoặc do bà con tổ chức trong từng gia đình. Tuy vậy, nhiều gia đình phải vật lộn kiếm sống và ít có cơ hội về nước nên chưa có điều kiện chăm lo giữ gìn các giá trị văn hóa Việt Nam. Do ở nước ngoài nhiều năm nên trong các gia đình 3 - 4 thế hệ thường có hiện tượng ông bà, bố mẹ còn nói với nhau bằng tiếng Việt, nhưng con cháu nói được rất ít hoặc chỉ nghe hiểu mà không nói, không viết tiếng Việt. Các cộng đồng người Việt hình thành từ năm 1975 trở lại đây, tuy phần lớn mới có 2 - 3 thế hệ, nhưng thế hệ sinh trưởng ở nước ngoài cũng có chiều hướng ít nói được tiếng Việt. Do đó, nhu cầu giao lưu văn hóa giữa cộng đồng với đất nước, nhu cầu giữ gìn tiếng Việt ngày càng trở nên bức xúc.

Nhiều người ra đi trong khoảng từ cuối tháng 4-1975 đến giữa những năm 1980 còn mặc cảm với quá khứ. Do chưa có điều kiện tiếp cận với những thông tin trung thực về sự đổi thay ở quê nhà nên những người này ít nhiều còn thành kiến với cuộc sống ở trong nước. Một số ít vẫn còn mang tư tưởng hận thù. So với nhiều cộng đồng kiều dân khác trên thế giới thì đây là điểm khá điển hình của một bộ phận Việt kiều.

***

Digitized by Google

Tại các nước phương Tây, cuộc sống của Việt kiều tương đối ổn định, mặc dù mức độ hội nhập về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục... đều thấp hơn so với các cộng đồng người Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc. Một số người Việt ở Mỹ, Ô-xtrây-li-a... đã được bổ nhiệm vào những chức vụ có ảnh hưởng nhất định trong chính quyền như trợ lý bộ trưởng, thành viên trong nhóm cố vấn của tổng thống, nghị sĩ bang, ủy viên hội đồng thành phố. Những người có thái độ "trung gian" chiếm phần lớn trong cộng đồng, dù lúc này lúc khác bị các thế lực cực đoan đe dọa, lôi kéo nhưng nhìn chung bà con tránh dính líu đến các hoạt động chính trị, chỉ lo làm ăn và khi có điều kiện thì về nước thăm thân nhân, giúp gia đình, đi du lịch hoặc tìm hiểu cơ hội đầu tư... Nhìn chung, đồng bào ngày càng quan tâm đến chính sách của Nhà nước đối với kiều bào. Đa số bà con ở các nước, nhất là Mỹ, hoan nghênh và ủng hộ Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Nhiều người, nhất là giới trẻ, hăng hái thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh hoặc giới thiệu các đối tác nước ngoài vào Việt Nam làm ăn. Hội người Việt Nam và các tổ chức nghề nghiệp, đồng hương, từ thiện ở các nước Pháp, Bỉ, Nhật, Đức, Ô-xtrây-li-a... đang có những hoạt động đóng góp thiết thực hướng về đất nước.

Cuộc sống của người Việt Nam ở khu vực Đông Âu và SNG đã có những phát triển nhất định, nhưng chưa ổn định. Nhiều người không có ý định lập nghiệp lâu dài. Dòng người từ Việt Nam tiếp tục nhập cư vào khu vực này làm cho cộng đồng thêm phức tạp, phải đối mặt hằng ngày với nhiều khó khăn, nhất là về địa vị pháp lý và an ninh cộng đồng. Thực tế này cho thấy, cần có giải pháp tổng thể về mặt nhà nước giữa nước ta với các nước này nhằm hợp pháp hóa sự tồn tại và phát triển của cộng đồng người Việt Nam ở đó. Tình trạng phạm pháp trong cộng đồng (tàng trữ, sử dụng và làm giấy tờ giả mạo, cạnh tranh chèn ép nhau trong kinh doanh...) khiến bà con không yên tâm làm ăn và ảnh hưởng xấu đến quan hệ giữa cộng đồng người Việt với nhân dân địa phương.

Cuộc sống của bà con người Việt ở các nước láng giềng, nhất là ở Lào và Trung Quốc đang có điều kiện phát triển thuận lợi và ổn định. Chính quyền Thái Lan đã giải quyết cho những người thuộc thế hệ thứ 2, 3 nhập quốc tịch Thái Lan và cấp giấy tờ định cư cho những người thuộc thế hệ thứ nhất. Ở Cam-pu-chia, tuy đời sống vật chất còn gặp nhiều khó khăn, nhưng hai năm qua cuộc sống tinh thần của Việt kiều đã được cải thiện.

***

Đối với người Việt Nam ở nước ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định : *"Đồng bào định cư ở nước ngoài* là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam..."(1) . Điều đó cũng được thể hiện rõ trong Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam : "Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn bản sắc

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 129

Digitized by Google

văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước"[2].

Trong những năm qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách quan trọng liên quan đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Sau các Quyết định số 210 và 114 của Thủ tướng Chính phủ trong những năm 1999 - 2001 về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài [3], có thể nói là về căn bản khi về nước bà con kiều bào đã được hưởng chính sách một giá như đồng bào ở trong nước.

Nghị định 81/2000/NĐ-CP, ngày 05-11-2001, của Chính phủ hướng dẫn triển khai trên thực tế các quy định mới của Luật Đất đai về việc người Việt Nam ở nước ngoài được mua nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở thể hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta thực hiện một chính sách ổn định, lâu dài nhằm thu hẹp, tiến tới xóa bỏ khoảng cách giữa người Việt Nam ở nước ngoài và người Việt Nam ở trong nước. Năm 2002, một số người đã về nước mua nhà, ổn định cuộc sống.

Ngày 28-6-2002, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị cho các cơ quan hữu quan khẩn trương thi hành các giải pháp thúc đẩy công tác thông tin, tăng cường cung cấp các sản phẩm văn hóa và cử các đoàn nghệ thuật ra nước ngoài phục vụ kiều bào [4]. Đáng chú ý là, kênh truyền hình VTV4 đã phủ sóng đến tất cả các khu vực có nhiều người Việt Nam sinh sống. Hiện nay, chúng ta đang tích cực triển khai kế hoạch đưa chương trình VTV4 vào hệ thống truyền hình cáp ở một số địa bàn để giúp bà con tiếp cận dễ dàng hơn với phương tiện này. Chúng ta cũng đang nghiên cứu xây dựng đề án truyền hình qua mạng in-tơ-nét.

Ngày 30-10-2002, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 990/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao (gọi tắt là Quỹ hỗ trợ cộng đồng). Quỹ này hoạt động không vì mục đích lợi nhuận sẽ góp phần quan trọng hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập vào xã hội và đất nước cư trú, giúp bà con ổn định cuộc sống, giữ gìn truyền thống dân tộc và hướng về quê hương.

Năm 2002 còn đánh dấu sự ra đời của Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài, một tổ chức xã hội rộng mở làm cầu nối giữa những người xa quê với đồng bào trong nước. Hoạt động của Hội thân nhân kiều bào ở các địa phương trong nhiều năm qua góp phần làm cho tình cảm của những người ở quê nhà với những người đi xa càng thêm gắn bó [5].

Gần đây, Bộ Ngoại giao đã ban hành Quy chế khen thưởng kiều bào có thành tích phát triển cộng đồng và trong xây dựng đất nước. Việc thực hiện Quy chế này sẽ góp phần động viên bà con tham gia tích cực và có hiệu quả hơn vào việc củng cố cộng

---

(2) Điều 75 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

(3) Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg, ngày 27-10-1999, và Quyết định số 114/2001-TTg, ngày 31-7-2001

(4) Văn bản số 3553/VPCP-VX ngày 28-6-2002 của Văn phòng Chính phủ

(5) Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài thành lập ngày 4-2-2002. Hiện nay, đã có các Hội thân nhân kiều bào hoạt động ở 22 tỉnh, thành

Digitized by Google

đồng, hướng về cội nguồn và tham gia xây dựng quê hương.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần quan tâm nhiều hơn đến việc giải quyết những nguyện vọng bức xúc của kiều bào, nổi bật nhất là mong muốn được Nhà nước bảo hộ quyền lợi chính đáng khi bà con đang ở nước ngoài cũng như khi nhập cảnh về trong nước. Hệ thống luật pháp, chính sách cần đồng bộ, nhất quán, và đặc biệt cần được quán triệt và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc ở tất cả các ngành, các cấp, các địa phương, thể hiện đúng tinh thần coi đồng bào ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của dân tộc, thu hẹp và tiến tới xóa bỏ sự phân biệt đối xử trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ; khuyến khích trí thức kiều bào về nước hợp tác và đóng góp bằng những chính sách thực sự cởi mở, thông thoáng. Cần tạo mối giao lưu bình thường về văn hóa giữa cộng đồng và đất nước ; đầu tư hỗ trợ nhiều hơn nữa về chính sách, biện pháp, kinh phí để chuyển tải thông tin và các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật dân tộc ra nước ngoài phục vụ cộng đồng, giúp cộng đồng giữ gìn và phát triển tiếng mẹ đẻ. Nên cho phép một cách rộng rãi những người nguyên là quan chức cao cấp của chế độ ngụy quyền Sài Gòn được về thăm gia đình, quê hương ; tạo thuận lợi cho kiều bào trong việc sửa sang lại phần mộ của thân nhân là binh lính chế độ ngụy quyền Sài Gòn trước đây chết trận, tạo điều kiện thuận lợi để họ tăng thêm sự hiểu biết về chế độ ta.

***

Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới ở trong nước, nhiều bà con ta ở nước ngoài đã về thăm quê hương, nhất là trong các dịp lễ, tết. Ngày càng nhiều kiều bào tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa - xã hội do các cơ quan ở trong nước cũng như cơ quan đại diện ta ở nước ngoài tổ chức. Tại hầu hết các nước có đông kiều bào sinh sống như Pháp, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Ô-xtrây-li-a, Nga, Mỹ, Ca-na-đa, Anh, Đức, Bỉ và các nước Đông Âu, đông đảo bà con đã đến các cơ quan đại diện ta tham dự các cuộc gặp mặt mừng Xuân. Ở trong nước, kiều bào về quê đón Tết luôn nhiệt tình tham dự các buổi gặp mặt thân mật truyền thống đón mừng Xuân mới của các cơ quan Nhà nước ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương khác ; tổ chức các đoàn đến chào và chúc Tết các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Cộng đồng người Việt ở hầu khắp các địa bàn đều tích cực hưởng ứng phong trào quyên góp từ thiện nhân đạo hướng về quê hương. Năm 2002, số tiền do kiều bào gửi về nước giúp đỡ đồng bào các vùng bị lũ lụt, thiên tai... lên tới hàng tỉ đồng. Hàng trăm triệu đồng khác được bà con quyên góp trong "ngày vì người nghèo" do Mặt trận Tổ quốc phát động. Bà con cũng giúp đỡ kinh phí xây dựng trường học, trạm thủy lợi... ở nhiều địa phương ; cung cấp thiết bị y tế, thuốc men... trị giá hàng chục nghìn USD cho một số bệnh viện lớn và trạm y tế xã ; thực hiện nhiều dự án hỗ trợ cựu chiến binh, trẻ em khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn...

Hoạt động đầu tư của kiều bào ta ở trong nước tiếp tục tăng. Đến nay, đã có 65 dự án đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài với tổng số vốn khoảng 440 triệu USD và 700 dự án đầu tư theo Luật Khuyến khích Đầu tư trong nước với tổng số vốn khoảng 1 000 tỉ đồng. Kiều bào còn tham gia đầu tư thông qua

Digitized by Google

người thân ở trong nước với tổng số vốn ước tính hàng tỉ USD. Một số bà con đầu tư tương đối lớn, góp phần cải thiện đáng kể tình hình kinh tế của các địa phương.

Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, lượng kiều hối của người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về nước năm 2002 đạt 2,2 tỉ USD, tăng 14% so với năm 2001 và tăng gấp đôi so với năm 1999. Tốc độ tăng kiều hối trung bình trong thời kỳ 1991 - 2001 là 48,5% mỗi năm. Số liệu này chưa bao gồm lượng tiền do bà con mang theo trong những chuyến về thăm quê.

Các doanh nghiệp của người Việt cũng góp phần thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Nga và các nước Đông Âu. Tổng giá trị xuất khẩu của nước ta theo con đường này mỗi năm lên tới 200 triệu USD.

Đáng chú ý là, hằng năm có khoảng 200 lượt trí thức kiều bào từ các nước Đức, Pháp, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Mỹ... về nước làm việc với các trường đại học, viện nghiên cứu. Tháng 9-2002, Tiến sĩ Nguyễn Chánh Khê, tác giả của 31 bằng phát minh đăng ký ở Hoa Kỳ trong các lĩnh vực tổ chức và quản lý khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là khoa học vật liệu công nghệ thông tin và chế tạo vi mạch, đã quyết định về nước sinh sống và làm việc.

Cũng cần nhấn mạnh, sự tham gia ngày càng tích cực và sâu rộng của kiều bào vào các hoạt động chính trị của đất nước. Nhiều người có mặt ở trong nước vào ngày 19-5-2002 đã chủ động tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI. Bà con cũng rất vui mừng tham dự những hoạt động lớn của các tổ chức chính trị - xã hội trong nước như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ; một số kiều bào được bầu vào ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...

***

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 08/NQ-TW, ngày 29-11-1993, của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, những năm qua chúng ta đã đạt được tiến bộ đáng kể trong công tác vận động kiều bào phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho bà con duy trì liên hệ với quê hương, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, để đáp ứng với tình hình mới, việc tiếp tục đổi mới công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài là cần thiết. Phấn khởi và tin tưởng vào những thay đổi tích cực của công cuộc đổi mới, các thế hệ kiều bào ngày càng quan tâm đến sự phát triển của đời sống mọi mặt ở trong nước, hướng về cội nguồn và tùy theo hoàn cảnh, khả năng của mình góp phần xây dựng quê hương.

Tình hình thế giới sau sự kiện 11-9-2001 trở nên phức tạp hơn, nạn khủng bố liên tiếp xảy ra, đe dọa cuộc sống bình yên ở nhiều nơi. Nhiều người đã dự đoán số lượng kiều bào về nước sẽ giảm. Tuy nhiên, theo thống kê ban đầu, năm 2002 có từ 380 đến 400 nghìn lượt kiều bào về thăm quê hương, trong đó 180 nghìn người về trong dịp Tết Nhâm Ngọ. Tết Quý Mùi năm nay cũng là dịp để bà con ta ở trong nước và ở nước ngoài gặp lại người thân, bạn bè trong không khí thiêng liêng truyền thống ở quê nhà, cùng chia sẻ niềm vui trước thành tựu của sự nghiệp đổi mới trong sự gắn bó nặng tình đồng bào của con cháu Rồng Tiên. ❑

Digitized by Google

Thành tựu của Việt Nam năm 2002 QUA BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI

VIỆT Nam đang trải qua những thay đổi nhanh chóng về kinh tế, xã hội và văn hóa. Năm 2002, mặc dù kinh tế thế giới lâm vào suy thoái do tác động của sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu vững chắc : Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,04%, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu đạt 10%, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 14,3%, tạo việc làm mới cho hơn một triệu người... Thành tựu này không chỉ tạo ra sự phấn khởi trong nước, tăng thêm niềm tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới mà còn nâng vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và được báo chí nước ngoài đánh giá cao.

Từ kinh tế...

Để cập tới sự phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay, tạp chí *Tấm gương* (Cộng hòa liên bang Đức) *số 47-2002* có bài nhận xét rằng, những người kế tục nhà cách mạng Hồ Chí Minh đã mở cửa đất nước cho đầu tư nước ngoài và nhanh chóng tạo ra một sự thịnh vượng mới.

Sau khi nói đến những hậu quả của chất độc mà Mỹ đã sử dụng ở miền Nam Việt Nam khiến cho mỗi năm vẫn có hàng nghìn trường hợp dị tật trong số trẻ em mới sinh và nhiều căn bệnh nguy hiểm khác, tác giả bài báo viết : Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế ở Việt Nam ngày nay đã đẩy hồi ức về những trận đánh lịch sử mang tính số phận sang một bên. Ở trung tâm Hà Nội, xung quanh hồ Hoàn Kiếm, những đường phố trước các biệt thự màu vàng sẫm và các công trình xây dựng tráng lệ được xây từ thời Pháp thuộc chật ních những đội quân xe máy. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, huyết mạch của cuộc sống nằm trên đường Đồng Khởi. Thành phố này mang nhiều màu sắc, giống như ở mọi trung tâm kinh tế ở Đông Nam Á.

Tác giả bài báo viết tiếp : Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị hợp pháp duy nhất, nhưng các nhà đầu tư nước ngoài không coi điều này là bất lợi. Do lo sợ những vụ tấn công tiếp theo của các phần tử khủng bố, giới doanh nhân đã rút khỏi In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, thậm chí cả Thái Lan, trong khi Việt Nam vẫn được nhiều công ty tư vấn của thế giới bình chọn là đất nước an toàn nhất ở châu Á.

Và, tác giả bài báo nhấn mạnh : Điều này là có lợi. Năm 2002, Việt Nam đứng sau Trung Quốc về tỷ lệ tăng trưởng. Song 7,04% là một tỷ lệ ở vào hàng đầu châu Á. Xuất khẩu tiếp tục tăng nhanh. Không chỉ gạo và cà-phê - những lĩnh vực mà trong thời gian qua, Việt Nam đã chiếm vị trí thứ hai trong số các quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới - mới đem lại ngoại tệ, mà cả giày dép, hàng điện tử, dệt may và thủy sản. Đặc biệt trong lĩnh vực dệt may, các nhà sản xuất ở Trung Quốc đã hết hạn ngạch xuất khẩu sang Mỹ và châu Âu cũng đã chuyển sang Việt Nam, nơi có nguồn nhân công rẻ.

Hãng tin Nga ITAR-TASS, ngày 5-1-2003, có bài viết ca ngợi thành tựu kinh tế của Việt Nam trong năm 2002. Sau khi nêu lại những chỉ tiêu

Digitized by Google

kinh tế - xã hội mà Việt Nam đã đạt được, hãng tin nhấn mạnh : Xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế, Việt Nam đã vươn lên xếp thứ hai ở châu Á, chỉ đứng sau Trung Quốc. Thành tích này đạt được nhờ sự cố gắng của tất cả các ngành, các lĩnh vực. Thành tích đó càng nổi bật trong bối cảnh đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong năm qua không tăng nhiều, hạn hán và lũ lụt liên tiếp xảy ra, v.v.. Những thành tựu đó khẳng định, bất chấp những khó khăn và các vấn đề tồn tại, kinh tế Việt Nam đang trải qua thời kỳ ổn định và phát triển không ngừng.

Thời báo Tài chính Anh, ngày 7-1-2003, đã đánh giá về tình hình kinh tế Việt Nam như sau : Việt Nam, một trong những thành viên lớn nhất Đông Nam Á đã dẫn đầu khu vực về tốc độ tăng trưởng với 7,04%, trong khi lạm phát chỉ có một con số. Xuất khẩu hàng may mặc tăng gấp 20 lần, hàng thủ công tăng 5 lần và hải sản tăng 34%. Trong bối cảnh trì trệ của kinh tế toàn cầu, các con số này rất ấn tượng, đặc biệt là khi xuất khẩu của các nước khác đã chững lại hoặc giảm xuống. Việt Nam cũng đang cố gắng làm mọi việc để thúc đẩy hơn nữa nền kinh tế cũng như cố gắng thực hiện việc tự do hóa ngân hàng để chuẩn bị cho mục tiêu gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm 2005.

Cơ chế "một cửa, một dấu" một cải cách ấn tượng là nhận xét của *Ngân hàng thế giới (WB)* trong bản báo cáo mới nhất về tình hình phát triển của Việt Nam. Báo cáo cho biết, trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ hành chính. Dưới khẩu hiệu "Một cửa, một dấu", các dịch vụ hành chính ở nhiều tỉnh, thành phố và các huyện lỵ nông thôn đã được đổi mới đáng kể về khả năng tiếp cận, tính minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. *Cơ chế một cửa* nhằm mục đích nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công. Tuy khác nhau về phạm vi và mức độ, *cơ chế một cửa* phục vụ một khu vực hành chính (thường là cấp quận, huyện) với số người dân được phục vụ từ 100 000 đến 300 000 người.

Cơ chế một cửa là một trong những thành tựu đáng kể nhất của công cuộc cải cách hành chính công ở cấp địa phương ở Việt Nam.

... đến du lịch, dịch vụ và an toàn xã hội

Đài Tiếng nói Hoa Kỳ, ngày 28-12-2002, có bài viết về tình hình Việt Nam. Tác giả bài báo cho rằng, nhìn lại toàn cảnh kinh tế Việt Nam trong năm 2002 thì điểm nổi bật nhất là ngành dịch vụ. Du lịch trong năm 2002 bùng nổ với 2,6 triệu lượt khách quốc tế, cao nhất từ trước tới nay. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu tăng 19,4%, với các mặt hàng nhập khẩu nhiều nhất là sắt thép, xe hơi và hóa chất.

Ngành may mặc trong năm 2002 xuất khẩu gần 2 tỉ USD, trong số này có 900 triệu USD xuất sang Mỹ, tăng gấp 20 lần so với năm 2001. Tuy nhiên, số lượng hàng xuất khẩu may mặc sang các nước EU giảm 10%, sang Nhật Bản giảm 20%. Trong khi đó, các công ty sản xuất giày dép ở Hà Nội dự kiến trong năm 2003 sẽ xuất sang Mỹ 2,5 tỉ USD, tăng 17% so với năm 2002.

Trong số báo phát hành cuối năm 2002, *Báo Ma-ti-chon* của Thái Lan đã dành trọn trang đăng bài và ảnh giới thiệu về Việt Nam. Tác giả bài báo nêu bật sự thay đổi nhanh chóng của Việt Nam, nhất là Thủ đô Hà Nội, so với thời cách đây 20 năm. Theo tác giả, các đường phố ở Việt Nam đã khang trang với nhiều xe động cơ. Tác giả tỏ rõ sự thán phục khi được chứng kiến sự khéo léo của các cô lái đò ở khu du lịch Tam Cốc - Bích Động và ca ngợi cảnh đẹp của Vịnh Hạ Long với hàng nghìn hòn đảo lớn, nhỏ... Tác giả cho rằng, nghệ thuật múa rối nước của Việt Nam là môn nghệ thuật độc đáo nhất thế giới.

Digitized by Google

Trong một bản tin phát trong ngày đầu tiên của năm 2003, giới thiệu về sự phát triển của Việt Nam, *Đài Ô-xtrây-li-a* đưa tin với lời bình luận : Mặc dù tình hình đi lại bằng hàng không trên khắp thế giới năm 2002 bị suy giảm nghiêm trọng, nhưng Hãng Hàng không Việt Nam dường như nằm ngoài xu thế này. Số du khách do Hãng Hàng không Việt Nam chuyên chở là 4 triệu, trong đó có 1 760 000 người ngoại quốc, 65 000 tấn hàng hóa ; và như vậy, đã tăng 20% so với năm trước đó. Tính riêng tổng số hành khách tăng 18%. Hãng cũng đã đạt kỷ lục với tổng cộng 38 000 chuyến bay quốc tế và nội địa. Năm 2002 cũng là năm Hãng Hàng không Việt Nam có số hành khách lớn nhất kể từ khi Việt Nam hoàn toàn thống nhất (1975). Bản tin cho rằng, số khách của Hãng Hàng không Việt Nam sẽ còn tiếp tục tăng tới 4,5 triệu người vào năm 2003.

Báo Bưu điện Băng Cốc (Thái Lan), *ngày 26-12-2002,* đã dành hơn một trang đăng bài và ảnh giới thiệu tiềm năng du lịch của thành phố Đà Lạt của Việt Nam với những nét độc đáo và hấp dẫn. Ngoài việc miêu tả thiên nhiên tuyệt vời của Đà Lạt, bài báo còn điểm lại một số mốc chính của quá trình phát triển hơn 100 năm của "Thành phố mùa xuân vĩnh cửu" này. Không chỉ giới thiệu những công trình kiến trúc lâu đời như khách sạn, đền chùa, lâu đài, bài báo còn cung cấp thông tin về một Đà Lạt đang phát triển nhờ thế mạnh xuất khẩu hoa và trồng rau sạch.

Thời báo Niu Óoc, ngày 5-1-2003, có bài viết cho rằng, Việt Nam tuy còn là một nước nghèo nhưng lại là một xã hội có trật tự và giờ đây đã trở thành địa điểm an toàn thu hút khách nước ngoài. Yếu tố an toàn và ổn định đang trở thành tài sản vô giá đối với Việt Nam.

Theo tác giả, sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001 ở Mỹ và vụ đánh bom ngày 12-10-2002 ở thành phố Ba-li (In-đô-nê-xi-a), lượng du khách nước ngoài tới Việt Nam đã tăng. Các khách sạn ở Việt Nam và các chuyến bay quốc tế tới Việt Nam hầu như không còn chỗ trống. Nhiều du khách và các quan chức phụ trách ngành du lịch nước ngoài cho biết họ thích tới Việt Nam, một nước đang mở rộng cửa với thế giới bên ngoài. Tuy là một xã hội có nhiều tôn giáo (trong đó Phật giáo chiếm đa số), nhưng ở Việt Nam không có các phần tử cực đoan. Du khách nước ngoài, đặc biệt là du khách người Mỹ, hầu như không phải lo lắng gì về nguy cơ bị tấn công khủng bố.

Năm 2001, lượng du khách nước ngoài vào Việt Nam tăng 8,9% so với năm 2000. Trong 11 tháng đầu năm 2002, lượng du khách vào Việt Nam tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Ngành du lịch phát triển với tốc độ nhanh này đã tạo đà cho việc xây dựng thêm các khách sạn mới sau nhiều năm gặp không ít khó khăn do số lượng khách sạn xây dựng quá nhiều.

Theo tác giả bài báo, một trong những điểm hấp dẫn đối với du khách nước ngoài là ở Hà Nội và Hội An, nhiều khu nhà cổ vẫn được bảo tồn, khác với xu hướng phá bỏ các khu phố cổ, nhà cổ để xây dựng các tòa nhà chọc trời ở một số nước láng giềng. Trong khi đó, giá sinh hoạt rẻ cũng là một thuận lợi đối với ngành du lịch Việt Nam, mặc dù chất lượng hàng hóa và dịch vụ vẫn cần được cải thiện.

Bài báo dẫn lời ông Tổng Giám đốc dự án xây dựng quần thể khách sạn, văn phòng và nhà ở "Sa-ra-tôn" (Sharaton) ở Thành phố Hồ Chí Minh về viễn cảnh tình hình xã hội Việt Nam, cho rằng Việt Nam sẽ tiếp tục nổi tiếng và có sức thu hút vì được coi là một miền đất an toàn, một nơi an tâm cho việc kinh doanh. ❑

TUẤN ANH
tổng thuật

Digitized by Google

MẶT TRẬN NGOẠI GIAO VÀ CUỘC ĐÀM PHÁN PA-RI VỀ VIỆT NAM

Ngày 16-1-2003, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc Hội thảo khoa học "Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Pa-ri về Việt Nam" do Bộ Ngoại giao tổ chức nhân kỷ niệm 30 năm ngày ký Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đến dự Hội thảo có các đồng chí : Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ ; Nguyễn Dy Niên, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ; Nguyễn Thị Bình, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ; Nguyễn Mạnh Cầm, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ; Nguyễn Văn Son, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương. Đến dự cuộc Hội thảo này còn có đại diện lãnh đạo một số cơ quan Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, các bộ, ban, ngành Trung ương, các cán bộ ngoại giao lão thành đại diện cho hai Đoàn - miền Bắc và miền Nam - tại cuộc đàm phán Pa-ri, một số vị tướng lĩnh đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia phục vụ đàm phán, một số nhà khoa học trong nước và các phóng viên báo chí, phát thanh và truyền hình.

Sau *Diễn văn khai mạc* Hội thảo của đồng chí Nguyễn Dy Niên và lời phát biểu ý kiến chỉ đạo thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ của đồng chí Vũ Khoan, đồng chí Nguyễn Đình Bin, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao đã đọc *Báo cáo để dẫn* và chủ trì Hội thảo.

Từ nhiều cách tiếp cận và mức độ khác nhau, gần 30 tham luận và ý kiến trao đổi sâu sắc và xác đáng của các vị đại biểu - những nhân chứng lịch sử của cuộc đàm phán Pa-ri về Việt Nam, đã tập trung làm rõ và nhất trí về những vấn đề sau :

1. Ý nghĩa to lớn mang tính chiến lược, toàn diện và thời đại của Hội nghị Pa-ri và Hiệp định Pa-ri

Điều đó được thể hiện trên những phương diện :

- Đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta, Hiệp định Pa-ri là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên mà chính quyền Mỹ buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền và thống nhất của nước ta, chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và rút toàn bộ đội quân xâm lược khỏi miền Nam. Việc ký kết Hiệp định này tạo ra cục diện chính trị và quân sự thuận lợi nhất cho cách mạng nước ta. Đây là bước ngoặt quan trọng trong cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

- Đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Căm-pu-chia, Hiệp định Pa-ri và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng của nhân dân Lào và Căm-pu-chia đến thắng lợi cuối cùng.

- Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc bị áp bức và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Hiệp định Pa-ri là bằng chứng hùng hồn về sức mạnh của chính nghĩa trước bạo tàn. Thắng lợi của chúng ta tại Hội nghị Pa-ri và trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ đã trở thành nguồn cổ vũ to lớn, niềm tin và tấm gương sáng chói cho tất cả các dân tộc yêu chuộng độc lập, hòa bình và tự do trên thế giới.

2. Những bài học kinh nghiệm quý báu từ cuộc đấu tranh ngoại giao ở Hội nghị Pa-ri

- *Bài học về giữ vững đường lối độc lập, tự chủ.* Vấn đề này được thể hiện trong mọi quyết sách, trong từng bước đi đã giúp chúng ta đứng vững ngay cả khi tình hình quốc tế đã xuất hiện không ít diễn biến và nhân tố bất lợi. Hiện nay, nó vẫn nóng hổi và có giá trị thời sự và giá trị hơn bao giờ hết đối với công cuộc đổi mới của nước ta.

- *Bài học về nắm bắt thời cơ.* Tiến trình đàm phán ở Hội nghị Pa-ri là kết quả của trí tuệ sáng suốt của Đảng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về đánh giá cục diện tình hình và thời cơ cho đất nước. Nhờ đó, chúng ta đã khai thác được triệt để nhất sức mạnh tổng hợp của đất nước và của thời đại, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ to lớn của nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta.

- *Bài học về sự kết hợp tài tình giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.* Đây là hai mặt trận gắn liền hữu cơ và hỗ trợ lẫn nhau. Hội nghị Pa-ri là sự thể hiện trình độ cao của nghệ thuật "vừa đánh vừa đàm" của Việt Nam, biết mở đàm phán và đóng đàm phán đúng lúc phù hợp với tình thế trên mặt trận.

- *Bài học đấu tranh dư luận.* Cuộc đấu tranh này tại Hội nghị Pa-ri đã làm cho toàn thế giới càng hiểu rõ thêm và đầy đủ hơn về cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta và cuộc đấu tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Đấu tranh dư luận tại Hội nghị được phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các hoạt động khác đã tạo ra một phong trào phản đối chiến tranh, ủng hộ Việt Nam rộng lớn và mạnh mẽ ở khắp nơi trên thế giới.

Digitized by Google

- Bài học về sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng và vận dụng đúng đắn tư tưởng ngoại giao Hồ Chí minh. Nhờ đó, chúng ta đã có được định hướng đúng, đối sách thích hợp, kiên định trong mọi tình huống. Sự lãnh đạo đó đã phát huy phát huy cao độ sự phối hợp nhịp nhàng giữa mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao để giành thắng lợi cuối cùng.

Nhiều ý kiến phát biểu tại Hội thảo cũng nêu ra một số vấn đề, khía cạnh cần được tiếp tục nghiên cứu sâu thêm và đánh giá sát thực hơn về sự kiện trọng đại này. ❑

PV

HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2002

Theo truyền thống khi kết thúc năm cũ và bước sang năm mới, sáng 17-1-2003, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức Hội nghị Cộng tác viên năm 2002. Đến dự Hội nghị có gần 200 đồng chí là các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học đại diện cho đông đảo cộng tác viên tích cực, thân thiết gắn bó, giúp đỡ Tạp chí trong nhiều năm.

Đồng chí Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản báo cáo tình hình hoạt động của Tạp chí trong năm qua và phương hướng công tác năm tới.

Từ tháng 1-2002, thực hiện Quyết định của Bộ Chính trị, Tạp chí Cộng sản xuất bản 3 số một tháng. Cùng với 3 số tạp chí in, Tạp chí cũng xuất bản Tạp chí điện tử đều đặn hai số một tháng trên mạng In-tơ-nét. Trong khi đó, bộ máy tổ chức, cán bộ của Tạp chí năm qua có nhiều thay đổi lớn, thiếu cả cán bộ lãnh đạo quản lý và cán bộ biên tập, phóng viên... Nhưng nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cùng sự cộng tác nhiệt tình đầy trách nhiệm của các đồng chí công tác viên là những nhà lãnh đạo, các nhà khoa học, các nhà quản lý ; sự cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên, phóng viên trong tòa soạn nên Tạp chí vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2002, Tạp chí đã xuất bản 36 số in và 27 số Tạp chí điện tử phát trên mạng In-tơ-nét, đúng kỳ hạn với nội dung, chất lượng đảm bảo tốt, góp phần tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Sau khi báo cáo khái quát những việc làm được, việc còn hạn chế ; phân tích nguyên nhân và rút ra bài học cần thiết, đồng chí Trần Quang Nhiếp đã nêu rõ phương hướng biên tập của Tạp chí năm 2003.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian để các đồng chí cộng tác viên phát biểu nhận xét, đánh giá, góp ý cho định hướng phát triển của Tạp chí trong thời gian gian tới. Nhiều đại biểu đã bày tỏ tình cảm chân tình của mình đối với Tạp chí và đóng góp những ý kiến quý báu.

Đa số ý kiến phát biểu đều cho rằng Tạp chí xuất bản 3 số một tháng là sự nỗ lực lớn của Tạp chí Cộng sản, chất lượng lý luận, chính trị, tư tưởng không giảm, có những bài viết tốt, có chiều sâu, tính tổng kết, tính chiến đấu rõ. Tạp chí có định nướng lý luận, tư tưởng rõ ràng, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của công tác lý luận hiện nay như : Những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và định hướng phát triển đất nước ; vấn đề giai cấp, đấu tranh giai cấp ; vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, cải cách hành chính ; xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ; thực hiện dân chủ, chống quan liêu tham nhũng ; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn ; toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy nội lực ; đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái... Đồng thời, trên Tạp chí cũng có nhiều bài tổng kết thực tiễn của các ngành, các địa phương và đã bám sát, phản ánh kịp thời những vấn đề xã hội đang quan tâm và thực tiễn đang đặt ra. Nhiều ý kiến cho rằng những bài viết trên tạp chí thực sự cần thiết cho những người làm công tác giảng dạy, nghiên cứu và nhất là đối với những người hoạt động thực tiễn, làm công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền, thông tin đối với các đối tượng có trình độ ngày càng cao như hiện nay.

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, các đại biểu cũng thẳng thắn nêu ra những mong muốn đối với Tạp chí cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu để có nhiều bài có chất lượng hơn, làm rõ những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra, phát huy hơn nữa vai trò tạp chí lý luận và chính trị hàng đầu của Đảng. Những bài viết sao cho có tính lý luận sâu sắc hơn dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn sinh động hiện nay, góp phần làm sáng rõ hơn đường lối, quan điểm của Đảng.

Các ý kiến của Hội nghị đều cho rằng đây là vấn đề khó nhưng lại là đòi hỏi khách quan ngày càng cao đối với công tác lý luận của Đảng nói chung, với Tạp chí Cộng sản nói riêng. Để thực hiện tốt điều đó, cần có sự đóng góp tích cực hơn nữa của các đồng chí cộng tác viên (tới 75% số bài của Tạp chí) và sự nỗ lực không mệt mỏi, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên Tạp chí Cộng sản, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư một cách chặt chẽ, thường xuyên. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

178 - ĐIỆN THOẠI LIÊN TỈNH VÀ QUỐC TẾ

Phát triển cùng 178

178

Mã số tiết kiệm của bạn

Kính chúc Quý khách hàng Năm mới Thành đạt và nhiều May mắn

- 178 giá rẻ nhất, đầu tiên tại Việt Nam.
- 178 tiên phong đem đến cho khách hàng quyền lựa chọn sử dụng dịch vụ viễn thông.

CÁCH GỌI ĐIỆN THOẠI 178 ĐI QUỐC TẾ:

178 - 00 - MÃ QUỐC GIA - MÃ VÙNG - SỐ THUÊ BAO
178 - 00 - COUNTRY CODE - AREA CODE - TELEPHONE NUMBER

CÁCH GỌI ĐIỆN THOẠI 178 TRONG NƯỚC:

178 - 0 - MÃ VÙNG - SỐ THUÊ BAO
178 - 0 - AREA CODE - TELEPHONE NUMBER

Rất đơn giản! Chỉ cần bấm 178 trước cách gọi thông thường

GIÁ CƯỚC GỌI QUỐC TẾ

Chỉ còn **1.2 USD** Một phút / Per minute

Cuộc gọi từ 23h đêm đến 7h sáng và chủ nhật, ngày lễ

0.95 USD Một phút / Per minute

GIÁ CƯỚC GỌI TRONG NƯỚC

Vùng I: 909 VNĐ / phút

Vùng II: 1364 VNĐ / phút

Vùng III: 1818 VNĐ/phút

Các tỉnh đã mở dịch vụ điện thoại đường dài 178

Mọi thuê bao cố định có đăng ký sử dụng đường dài và quốc tế không cần làm bất kỳ thủ tục nào, đều có thể sử dụng dịch vụ 178

Miền Bắc: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hà Tây, Quảng Ninh

Miền Trung: Đà Nẵng, Khánh Hoà, Gia Lai

Miền Nam: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang

Các tỉnh sắp mở dịch vụ điện thoại đường dài 178

Nghệ An, Huế, Bình Thuận, Thanh Hóa, Bến Tre

Thông tin chi tiết xin quý khách liên hệ theo số điện thoại:

* An Giang: (076) 942 395 * Bình Dương: (0650) 837 797 * Bà Rịa - Vũng Tàu: (064) 591 554
* Cần Thơ: (071) 730 112 * Đà Nẵng: (0511) 886 698 * Đồng Nai: (061) 917 198 * Gia Lai: (059) 875 798 * Hà Nội: (04) 846 4686
* Hà Tây: (034) 518 340 * Hải Dương: (0320) 844 425 * Hải Phòng: (031) 640 005 * Khánh Hòa: (058) 814 054
* Kiên Giang: (077) 814 211 * Long An: (072) 829 450 * Quảng Ninh: (033) 826 168 * Tây Ninh: (066) 810 338 * Tp. HCM: (08) 864 9744

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN ĐÔNG HIỆP B

TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU DÂN CƯ TÂN ĐÔNG HIỆP B

Địa chỉ : Số 1 Đại lộ Độc Lập huyện Dĩ An - Bình Dương.

ĐT : 0650.791 990 * Fax : 0650.791 989 * Email : tuhaico@hcm.vnn.vn



Tổng giám đốc

NGÔ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT SUỐI MƠ

Kinh doanh địa ốc - Du lịch (Việt - Lào - Thái) - Văn - Thể - Mỹ - Cảnh

Phường Tân Phú - Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh - Tel: 84.8.7 325 136

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

* Nhà hàng khách sạn Tứ Hải: Tại khu công nghiệp Việt Hương - Tel: 0650. 747 406
* Khu công nghiệp và dân cư Tân Đông Hiệp: Xã Tân Đông Hiệp - Huyện Dĩ An - Bình Dương - Tel: 84.8.8 960 497
* VPĐD tại T.P Hồ Chí Minh: 126 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.Hồ Chí Minh * ĐT: 84.8.9 254 281 * Fax: 84.8.9 254 373



GHI CHÚ:

- ĐẤT XÂY DỰNG XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT KHO BÃI
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ DỊCH VỤ
- ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI
- ĐẤT CÂY XANH
- HỒ NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG SẮT DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG SẮT HIỆN HỮU
- RANH GIỚI THIẾT KẾ

VỊ TRÍ KHU CÔNG NGHIỆP

- Khoảng cách từ TP. Hồ Chí Minh:	18 Km
- Khoảng cách đến sân bay TSN:	19 Km
- Cảng Sài Gòn:	20 Km
- Thành phố Biên Hòa:	10 Km
- Sóng thần:	2,5 Km
- Cảng biển Bình Dương:	04 Km
- Thị trấn Thủ Đức:	06 Km
- Thị trấn Lái Thiêu:	06 Km
- Thị trấn Dĩ An:	01 Km

GIAO THÔNG

- Đường Quốc Lộ 1K
- Đường Tỉnh Lộ DT 743
- Đường nội bộ: 30m
- Ga Sóng Thần: 4 Km

Digitized by Google

CÔNG TY PHỤ TÙNG

Địa chỉ: 558 Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm - Hà Nội * ĐT: (84.4) 8 271 412 * Fax: (84.4) 8 271 721
E-mail: machinco2@hn.vnn.vn - machinco2@fpt.vn * Website: www.machinoimport.com.vn

Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Máy và Phụ tùng-Bộ Thương Mại, với hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị phụ tùng, Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba. Bước vào thời kỳ mở cửa, hội nhập, bên cạnh việc thực hiện đa phương hóa và đa dạng hóa kinh doanh, Công ty vẫn tiếp tục củng cố và duy trì kinh doanh các mặt hàng truyền thống, đặc biệt là các mặt hàng Công ty trực tiếp phân phối như: vòng bi kô-y-ô, nến đánh lửa NGK (sản xuất tại Nhật Bản); bình điện nhãn hiệu CENE, ROKET, HYTEK (sản xuất tại Hàn Quốc); săm lốp JK... (sản xuất tại Ấn Độ), nguyên vật liệu, vật tư phục vụ cho các nhà máy sản xuất như: nhôm, đồng, sắt thép, hạt nhựa... Với mục tiêu là phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY HIỆN NAY BAO GỒM:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh trong nước, đại lý mua bán các loại máy móc thiết bị phục vụ xây dựng, thi công cơ giới, sản xuất công nghiệp nông nghiệp, phương tiện vận tải, phôi thép, thép thông dụng, vật tư nguyên liệu, phụ tùng, vòng bi, săm lốp, nến đánh lửa, bình điện, dây điện từ, hàng công nghiệp, tiêu dùng, nông sản.
- Tổ chức sản xuất, gia công lắp ráp, bảo dưỡng sửa chữa các loại máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Sản xuất, gia công và kinh doanh hàng may mặc.
- Thực hiện các dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho tàng và các dịch vụ khác.



Văn phòng cho thuê



Xưởng may xuất khẩu



Một số sản phẩm nhập khẩu và phân phối của Công ty





CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

PHÒNG KDXNK: (04) 8 771 987
PHÒNG TCHC : (04) 8 771 986
PHÒNG TCKT : (04) 8 271 350
PHÒNG KHĐT : (04) 8 772 035

TRUNG TÂM KINH DOANH MÁY VÀ PHỤ TÙNG SỐ 1:
Địa chỉ: Số 06 Trung Liệt - P.Trung Liệt - Q.Đống Đa - TP.Hà Nội
Điện thoại: (04) 8 572 565

TRUNG TÂM KINH DOANH MÁY PHỤ TÙNG SỐ 4:
Địa chỉ: Số 80 Ngô Gia Tự - TT. Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội
Điện thoại: (04) 8 271 392

TRUNG TÂM KINH DOANH MÁY PHỤ TÙNG SỐ 6:
Địa chỉ: TT.Đông Anh - Hà Nội
Điện thoại: (04) 8 832 264

XÍ NGHIỆP MAY XUẤT KHẨU MACHINCO:
Địa chỉ: TT.Đức Giang - Gia Lâm - Hà Nội
Điện thoại: (04) 6 558 190

Kho Máy và phụ tùng:
Địa chỉ: TT. Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội
Điện thoại: (04) 8 276 297

CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH:
Địa chỉ: số 55 đường Cộng Hòa- phường 4 - quận Tân Bình - TP.HCM
Điện thoại: (08) 8 117 839
Fax: (08) 8 118 019

Digitized by Google

ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐÔ

ĐỊA CHỈ: 20A ĐƯỜNG TÔN THẤT TÙNG - HÀ NỘI * ĐIỆN THOẠI: (04) 5 742 515 * FAX: (04) 5 740 737
Q. CHỦ TỊCH HĐQT LÂM THỜI: GS-TS NGUYỄN TOÀN THẮNG * Q. HIỆU TRƯỞNG: NHÀ GIÁO ƯU TÚ PGS-TS NGUYỄN NIÊN

Chúc mừng năm mới 2003

ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐÔ SAU NHỮNG THĂNG TRẦM VẪN ỔN ĐỊNH VÀ ĐANG TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐA NGÀNH, ĐA CHỨC NĂNG VỚI 13 KHOA NGÀNH.

CỤ THỂ NHƯ SAU :

- KIẾN TRÚC (KIẾN TRÚC,QUẢN LÝ ĐÔ THỊ)
- TIN HỌC - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
- ĐIỆN TỬ-VIỄN THÔNG
- XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP
- CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC)
- QUẢN TRỊ KINH DOANH (QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN, MA-KÉT-TING, NGÂN HÀNG , TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI)
- QUẢN TRỊ DU LỊCH (DU LỊCH KHÁCH SẠN, LỮ HÀNH)
- TƯ VẤN KINH TẾ THƯƠNG MẠI (LUẬT KINH DOANH)
- TÀI CHÍNH ỨNG DỤNG (TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, NGÂN HÀNG)
- THÔNG TIN HỌC (THÔNG TIN THƯ VIỆN-QUẢN TRỊ THÔNG TIN)
- QUAN HỆ QUỐC TẾ (QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI-VĂN HÓA QUỐC TẾ-THÔNG TIN TƯ LIỆU QUỐC TẾ)
- VĂN HÓA DU LỊCH (VĂN HÓA DU LỊCH-HƯỚNG DẪN DU LỊCH)



Lễ trao bằng tốt nghiệp



Sinh viên đang thực hành tại Phòng Thí nghiệm

Nhà trường đào tạo cao đẳng các ngành tin học, quản trị doanh nghiệp, thông tin học. Thí sinh vào trường không trúng vào hệ đại học được xét vào học hệ cao đẳng. Trường đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đào tạo liên thông Cao đẳng - đại học với những thí sinh đủ điều kiện vào học đại học

Về cơ sở vật chất trường có đủ trường lớp để đào tạo thường xuyên gần 15 ngàn sinh viên. Nhà trường đang xin 2 héc-ta đất để xây dựng trường sở.

Thực hiện xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và quản lý học kỳ I năm học 2002-2003, trường đã đầu tư theo 5 dự án: Dự án 1: Thư viện điện tử với thiết bị máy và phần mềm vi tính phục vụ dạy và học của thầy và trò ở trường và ở nhà. Dự án 2: Trang bị 17 máy vi tính ĐNA cho các khoa, phòng để kết nối mạng và ghi đọc đĩa. Dự án 3: Lắp đặt thêm một phòng 33 máy trạm và máy chủ quản lý. Dự án 4: trang bị phòng thí nghiệm hóa phân tích. Dự án 5: Trang bị 370 bàn ghế mới cho 9 phòng học. Năm dự án trên đã hoàn thành vào tháng 12-2002, tổng số tiền đã chi là hơn 1 650 triệu đồng.

Cho đến nay trường đã công nhận tốt nghiệp cho 4 khóa sinh viên với 9545 cử nhân, kỹ sư, kiến trúc sư. Hơn 90% số sinh viên tốt nghiệp đã tìm được việc làm. Nhà trường hiện đang đào tạo khóa 5-6-7 với 7 600 sinh viên.

Được sự hỗ trợ của cấp trên và bằng vào nỗ lực của bản thân, trường đang từng bước củng cố lại tổ chức, tinh giản biên chế, lập lại nề nếp dạy và học để ổn định, khởi sắc và phát triển, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa và giáo dục toàn diện.

Digitized by Google

HUYỆN THANH TRÌ

Chúc mừng năm mới 2003

ĐỊA CHỈ: TT. VĂN ĐIỂN - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI:04. 8 615 386



Khu đô thị Linh Đàm

Năm 2002 là năm có vị trí, ý nghĩa vô cùng quan trọng, năm thứ 2 tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Trì lần thứ XX. Dưới sự chỉ đạo của Thành uỷ Hà Nội, huyện Thanh Trì đã động viên nhân dân trong huyện khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn, đã đạt được những kết quả quan trọng.

Năm 2002, trong lĩnh vực phát triển kinh tế, tổng giá trị sản xuất của Huyện ước đạt 499 955 triệu đồng, đạt 102,45% kế hoạch năm, tăng 14,17%; trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản tăng 25,1%; giá trị sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản tăng 5,03%.

Cụ thể là toàn huyện gieo trồng được 7 619,9 héc-ta, trong đó diện tích cây lương thực là 5 835 héc-ta, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 25.660 tấn, tăng 9% so với năm 2001, bằng 122% kế hoạch năm; diện tích rau đậu các loại là 1418 héc-ta, sản lượng 41 054 tấn; diện tích cây công nghiệp 215 héc-ta; các loại cây trồng khác là 151,9 héc-ta.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển ổn định, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 990 héc-ta, đạt sản lượng: 4 360 tấn, trong đó có 45 héc-ta nuôi tôm càng xanh, tăng 118% và 80 héc-ta nuôi cá chim trắng, tăng 60% so với năm 2001. Chăn nuôi gia súc gia cầm phát triển mạnh với tổng đàn trâu bò đạt: 1 745 con, đàn lợn đạt: 45 074 con, đàn gia cầm: 257 500 con.

Do có sự quan tâm, chỉ đạo, đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ nông dân hăng hái ứng dụng các thành tựu KHKT, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nên hầu hết các loại cây trồng đều đạt năng suất và giá trị kinh tế cao.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 102 800 triệu đồng, tăng 30,6% so với năm 2001. Xây dựng cơ bản được chú trọng. Các công trình trọng điểm như Nhà Văn hoá huyện, Trung tâm y tế hoàn thành đảm bảo chất lượng và thời gian thi công. Tổng khối lượng xây dựng cơ bản thực hiện đạt 63,3 tỉ đồng (đạt 100% kế hoạch); 3 dự án có quyết định đầu tư và 12 dự án có thẩm thiết kế tổng dự toán.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện là 31 371 triệu đồng, đạt 110,9% so với dự toán Thành phố giao.

Công tác phòng chống lũ lụt được đặc biệt quan tâm, huyện trực tiếp chỉ đạo xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống lụt bão từ huyện xuống cơ sở.

Năm 2002, huyện Thanh Trì thực hiện giải phóng mặt bằng của 39 dự án, với tổng diện tích 698 héc-ta. Huyện đã phối hợp với các ngành làm tốt công tác tuyên truyền - giáo dục, vận động nhân dân thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật trong quá trình kê khai thực hiện bồi thường. Đã hoàn thành bàn giao 8 dự án với diện tích 150,6 héc-ta, trong đó có những dự án quan trọng của Thành phố đã được hoàn thành như: dự án thoát nước Hà Nội; dự án Trung tâm huấn luyện Thể dục-thể thao Bộ Công an...Các dự án trọng điểm phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng của Thành phố như dự án đường vành đai III - Cầu Thanh trì đã được UBND huyện coi trọng, tập trung chỉ đạo triển khai nên đã đảm bảo tiến độ, đạt kết quả tốt.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hoá văn nghệ, thể dục-thể thao, góp phần thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của huyện.

Công tác giáo dục - đào tạo được huyện quan tâm có chủ trương đầu tư đúng mức, có chính sách khen thưởng động viên các thầy, cô giáo dạy giỏi, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất các trường học. Vì vậy, về cơ bản ngành giáo dục - đào tạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ và đạt những kết quả đáng khích lệ.

Công tác lao động - thương binh và xã hội, y tế...được thực hiện tốt. Tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 55 năm Ngày Thương binh liệt sỹ từ huyện đến cơ sở, đảm bảo đúng tiến độ, đạt kết quả tốt, thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn".

Ngành y tế đã có những biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đáp ứng kịp thời công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác thanh tra, công tác tiếp dân giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại của công dân. Tổ chức tiếp dân tại một số xã, đối thoại trao đổi những nội dung công dân khiếu nại, giải quyết dứt điểm những khiếu nại theo thẩm quyền, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Công tác an ninh - quốc phòng được chú trọng, nhất là thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, xây dựng, củng cố các lực lượng vũ trang ở địa phương.

Hoạt động của hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực tạo thế ổn định từ cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết và các chương trình công tác năm 2003, Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Trì phát huy truyền thống đoàn kết vượt khó khăn, quyết tâm tiếp tục đổi mới phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, xây dựng quê hương Thanh Trì - cửa ngõ phía Nam của Thủ đô - phát triển giàu mạnh, vững chắc.

Google

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU HẢI PHÒNG

ĐỊA CHỈ: KM 16 - ĐƯỜNG 353 - HẢI PHÒNG - ĐỒ SƠN, X.HỢP ĐỨC, H.KIẾN THỤY, TP.HẢI PHÒNG
ĐIỆN THOẠI: 031- 860 063 *FAX: 84- 031- 860 215 * E- MAIL: TEXGACOHAIPHONG@HN.VNN.VN
CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY: KỸ SƯ HOÀNG VĂN KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU HẢI PHÒNG LÀ MỘT ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ THƯƠNG MẠI HẢI PHÒNG VỚI NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH LÀ HÀNG DỆT MAY CÁC LOẠI.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện hợp đồng hàng xuất khẩu với Công ty DINTEAM HONGKONG. Đây là một tập đoàn dệt may lớn nhất HONGKONG chuyên sản xuất hàng dệt kim chất lượng cao.

Nhà máy số 1, số 2, số 3, của Công ty nằm ở phía Đông Nam Thành phố (quần thể khu công nghiệp đường 353 Đồ Sơn - Hải Phòng). Với tổng diện tích hơn 50 000m^2, trong đó diện tích nhà xưởng gần 30 000m^2 còn lại là nhà điều hành, đường giao thông nội bộ, ao, sân thể thao..., với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, gồm: máy dệt kim, may chuyên dùng, máy giặt, sấy, vắt tự động và đặc biệt là hệ thống dây chuyền là cấp hơi tự động hiện đại nhất hiện nay. Nhà máy trong giai đoạn đầu đã thu hút 7000 lao động, trong đó, khối văn phòng gồm 20 người hầu hết là cán bộ trẻ, các kỹ sư chuyên ngành. Với hệ thống thiết bị hiện đại, đội ngũ cán bộ có trình độ, năng suất tối đa của Nhà máy có thể đạt hơn 450 000 sản phẩm/tháng.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Digitized by Google

CÔNG TY CƠ KHÍ - ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TÀU THỦY

VINAMAREL

MARINE MACHINERYU, ELECTRIC AND ELECTRONIC COM PANY (VINAMAREL)

ĐC: 100 Thái Thịnh - Đống Đa - Hà Nội * ĐT: 04.8 574 486 - 8 574 487 * Fax: 04.8 574 498 * Email: Vinamarel@hn.vnn.vn

CÔNG TY CƠ KHÍ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ TÀU THỦY ĐƯỢC HÌNH THÀNH TRÊN CƠ SỞ ĐIỀU CHUYỂN SÁP NHẬP CÁC ĐƠN VỊ:

- **CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ GTVT.**
- **XÍ NGHIỆP CHẾ THỬ THỰC NGHIỆM THUỘC VIỆN KHCN TÀU THỦY**
- **TRUNG TÂM CƠ KHÍ THỦY LỰC THUỘC VIỆN KHCNTT**

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 446QĐ/TCCB NGÀY 1-8-2002 CỦA HĐQT TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VN



Hệ thống lái tự động tàu khách Hải quân Hq 996

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

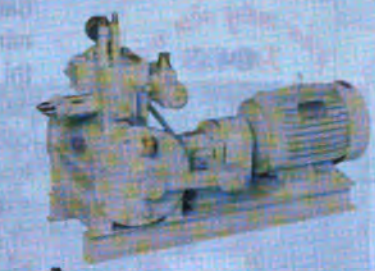
Tư vấn, thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, hoán cải:

- Các hệ thống, thiết bị, máy móc cơ khí, thủy lực.

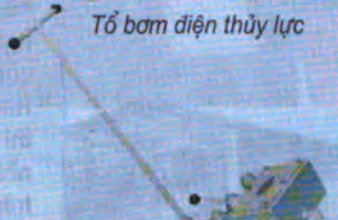
- Các hệ thống thiết bị điện, tự động hóa, nghi khí hàng hải, Ra-đi-ô.

- Các hệ thống thiết bị, tự động phòng chống cháy nổ thông tin viễn thông, cơ điện lạnh.

Cho các loại tàu, công trình nổi và các công trình khác thuộc các ngành kinh tế-kỹ thuật.



Tổ bơm điện thủy lực



Bơm tay sự cố cho máy lớn



Bàn điều khiển tự động trong buồng lái



Xi lanh thuỷ lực cho máy lái

LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT CỦA CÔNG TY GỒM NHIỀU CÁN BỘ KỸ THUẬT LÂU NĂM CÓ NHIỀU KINH NGHIỆM VÀ CÁC KỸ SƯ TRẺ VỚI KIẾN THỨC KHOA HỌC, KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ GIỎI, ĐÃ TỪNG CHỦ TRÌ VÀ THAM GIA NHIỀU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC ; THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT ĐƯA VÀO SỬ DỤNG CÁC HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG HÓA, ĐIỀU KHIỂN TỪ XA, CÁC MÁY LÁI ĐIỆN THỦY LỰC - TỰ ĐỘNG, CÁC HỆ THỐNG NGHI KHÍ HÀNG HẢI VÀ THÔNG TIN VIỄN THÔNG... ĐẢM BẢO YÊU CẦU KỸ THUẬT THỎA MÃN CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ QUY PHẠM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG, CHO CÁC TÀU: 11 500T, 6 300T, TÀU NGHIÊN CỨU BIỂN, TÀU CHỞ DẦU V.V...



Digitized by Google

KHU LIÊN HIỆP THỂ THAO QUỐC GIA

Chúc mừng năm mới 2003



Thi công chống thấm khán đài

Khu Liên hiệp Thể thao quốc gia được Chính phủ phê duyệt quy hoạch, có tổng diện tích 247 héc-ta, bao gồm 11 dự án thành phần. Trước mắt, để phục vụ cho Seagame 22, Chính phủ đã cho phép đầu tư 3 dự án: Dự án sân vận động trung tâm, dự án khu thể thao dưới nước và dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Ngoài 3 dự án do BQLDA khu LHTTQG làm chủ đầu tư, còn có một số dự án khác như đường giao thông nối quốc lộ 32 qua khu liên hiệp thể thao sang đường Láng - Hòa Lạc; dự án cấp điện, cấp nước, bãi đỗ xe, dự án xây dựng hệ thống bưu chính viễn thông... do các đơn vị khác làm chủ đầu tư. Sau khi được Chính phủ cho phép chỉ đạo, Ban Quản lý dự án Khu liên hiệp thể thao quốc gia đã tiến hành đấu thầu chọn lựa các nhà thầu có khả năng, thực hiện các công việc thiết kế, thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị, đào tạo, chuyển giao công nghệ. Đây là công trình có quy mô lớn và thực hiện trong thời gian ngắn. Do đó, CBCNV của Ban quản lý dự án Khu Liên hiệp Thể thao quốc gia cùng các nhà thầu đã nỗ lực khẩn trương thi công không kể ngày đêm, thực hiện đúng tiến độ thi công và đảm bảo chất lượng công trình. Hằng ngày, trên công trường, lực lượng thi công có từ 1 400 đến 1 600 công nhân làm việc Công tác an ninh, trật tự trên công trường được đảm bảo.

Theo thiết kế sân vận động trung tâm có quy mô 40 000 chỗ ngồi, là sân vận động đa chức năng kết hợp bóng đá với thi đấu các môn điền kinh. Khu thể thao dưới nước có quy mô 3 500 chỗ ngồi, gồm một bể nhảy cầu, một bể bơi thi đấu có mái che và một bể bơi ngoài trời. Các công trình này đều được thiết kế và trang bị đạt tiêu chuẩn thi đấu quốc tế và ở khu vực. Dự án cơ sở hạ tầng gồm các công việc như thi công xây lắp đường giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, thoát nước, trồng cây cũng đang được triển khai thi công. Toàn bộ các khối lượng công việc đang thi công đều được tư vấn giám sát chặt chẽ theo quy định. Toàn bộ vật tư, vật liệu xây dựng đưa về công trình được kiểm nghiệm trước về tiêu chuẩn chất lượng. Hiện nay 2 dự án lớn là sân Vận động và khu thể thao dưới nước các phần xây thô như móng, thân, khán đài đã cơ bản hoàn thành và đã được nghiệm thu. Các nhà thầu bắt đầu triển khai sang trang trí nội ngoại thất và lắp đặt lại.... Những khối lượng công việc đã thi công xong được các cơ quan kiểm định chất lượng công trình xây dựng và Hội đồng Nghiệm thu nhà nước kiểm tra một cách chặt chẽ; và cho đến nay, có thể đánh giá chất lượng công trình đảm bảo tốt. Theo dự tính, công trình sẽ được đưa vào sử dụng ngày 20-8-2003, sớm hơn so với kế hoạch đề ra là 40 ngày.

Đây là lần đầu tiên nước ta đăng cai tổ chức Đại hội Thể thao của khu vực Đông Nam Á, do đó công việc xây dựng các công trình phục vụ cho Seagame lần thứ 22 rất được sự quan tâm và hỗ trợ của các bộ, các ngành như Ủy ban Thể dục - Thể thao, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an, Bộ Tài chính...Hy vọng rằng, với sự quan tâm chỉ đạo và sự động viên lớn của các cấp, các ngành, Khu Liên hiệp Thể thao quốc gia sẽ phục vụ tốt cho Seagame 22 năm 2003, tổ chức tại Việt Nam.



ĐỊA CHỈ: TÂN MỸ - MỸ ĐÌNH - TỪ LIÊM * ĐT: 04. 764 1442, 764 1433 * FAX: 04. 764 1432

Digitized by Google

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG I
CÔNG TY CẦU 12
(Đơn vị 3 lần Anh hùng)

Địa chỉ: Sài Đồng - Gia Lâm - Hà Nội Tel : (04) 8 272 413 - Fax : (04) 8 272 419



Trụ sở Công ty Cầu 12

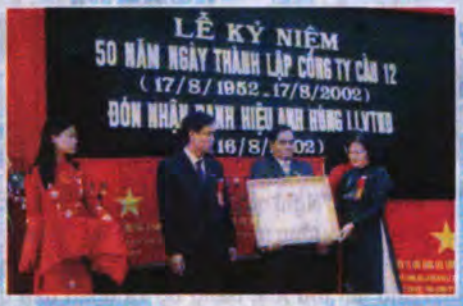
Công ty Cầu 12 thường xuyên mở rộng mối quan hệ liên doanh, hợp tác kinh tế với các công ty, đơn vị trong nước, các tập đoàn kinh tế nước ngoài cùng tham gia đấu thầu và đã trúng thầu, thi công xây dựng nhiều công trình có quy mô lớn.

SƠ LƯỢC TÓM TẮT CÔNG TY

Công ty Cầu 12 thuộc Tổng Công ty XDCTGT1 - Bộ GTVT tiền thân là Đội cầu Chủ lực (Đơn vị xây dựng cầu đầu tiên của nước Việt Nam) thành lập ngày 17-8-1952. Trải qua 50 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 47 Huân chương các loại

Bốn cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Công ty 2 lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (1985, 1997) và một lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (19-3-2002).



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND và kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Công ty Cầu 12



Nút giao thông nam Chương Dương Hoàn thành 30/4/2001 vượt tiến độ 45 ngày (120/165) Công trình chào mừng Đại hội IX của Đảng



Lễ thông nút giao thông Cầu vượt Ngã Tư Vọng

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Quý Mùi
2003

Digitized by Google

QUẬN HAI BÀ TRƯNG

ĐỊA CHỈ: 100 TÔ HIẾN THÀNH - HÀ NỘI * ĐT: 04. 9 763 341



Thực hiện "Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị khoá VIII "Về Phương hướng nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ 2001 - 2010" và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, Đảng bộ và nhân dân quận Hai Bà Trưng nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, Ban chấp hành Đảng bộ quận đã xây dựng triển khai 7 chương trình công tác lớn: một số nhiệm vụ xây dựng chỉnh đốn Đảng; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; cải cách hành chính; giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc; phòng chống ma tuý trong tình hình mới; kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và Chương trình quản lý xây dựng và phát triển đô thị.

Thực hiện Chương trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Quận ủy thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiêm túc quán triệt và thực hiện các nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước; làm tốt công tác thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị; rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

Năm 2002, kinh tế của quận phát triển ổn định, giữ vững tốc độ tăng trưởng, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Cơ cấu kinh tế trên địa bàn tiếp tục chuyển dịch theo định hướng: Công nghiệp - Thủ công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ. Quận đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu thu thuế, đảm bảo cân đối thu chi ngân sách đảm bảo phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của quận.

Trên cơ sở Chương trình xây dựng và phát triển đô thị giai đoạn 2001 - 2005, quận đã tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về đô thị; xây dựng triển khai quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của quận đến 2010; tập trung đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các dự án, đảm bảo đủ điều kiện để khởi công, nhất là những công trình trọng điểm, công trình phục vụ những nhu cầu phát triển của quận.

Ngoài ra, quận còn quan tâm đầu tư nâng cấp các công trình phục vụ dân sinh, phối hợp với các ngành của thành phố giải quyết những bức xúc về cấp nước sạch, thoát nước, đèn chiếu sáng, vệ sinh môi trường...

Thực hiện Chương trình kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, quận đã tập trung chăm lo phát triển văn hóa, xây dựng con người. Giáo dục - đào tạo đã đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, nhất là nâng cao chất lượng dạy và học, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất. Quận đã tập trung triển khai đề án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý. Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân được quan tâm và nâng cao. Triển khai có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hoá mới ở khu dân cư"; thực hiện tốt chính sách chăm sóc các đối tượng gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, chăm sóc và giáo dục trẻ em thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Hằng năm quận đã giải quyết việc làm cho trên 7000 lao động, thực hiện tốt các dự án vay vốn quốc gia giải quyết việc làm, giảm gần 400 hộ nghèo.

Công tác phòng chống các tệ nạn xã hội được đặc biệt quan tâm. Tập trung giải toả các tụ điểm ma tuý, không để các tụ điểm mới phát sinh.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững công tác quốc phòng địa phương được đảm bảo ổn định vững chắc. Chủ động đấu tranh chống các loại tội phạm kinh tế và hình sự, đẩy mạnh các hoạt động về an ninh, trật tự đô thị, phát huy tốt thế trận an ninh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân.

Quận tiếp tục triển khai Chương trình cải cách hành chính, thực hiện có hiệu quả các quyết định phân cấp của Thành phố, duy trì giải quyết các thủ tục hành chính một cửa, công khai thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Đặc biệt Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của quận luôn quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng cán bộ, đẩy mạnh các phong trào thi đua góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng. Quy chế Dân chủ được phát huy tác dụng trong đời sống thực tế tại cơ sở, quyền làm chủ của nhân dân được đề cao.

Trong năm qua, quận Hai Bà Trưng tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2); đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Tổng kết việc thực hiện 3 Nghị quyết của TW về công tác cán bộ; thực hiện tốt việc đánh giá, quy hoạch và luân chuyển cán bộ. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng chuyển biến theo hướng, phân rõ trách nhiệm, kiểm tra sâu sát, kịp thời giải quyết tháo gỡ mọi khó khăn.

Tiếp tục phát huy truyền thống một quận tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội, Đảng bộ và nhân dân quận Hai Bà Trưng dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự chỉ đạo của UBND và sự giúp đỡ của các sở, ban, ngành, với quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, đoàn kết nhất trí, nhất định xây dựng quận giàu về kinh tế, phát triển mạnh về văn hoá giáo dục, mạnh về an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội.

Digitized by Google

CÔNG TY PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN

ĐỊA CHỈ: THANH TRÌ- HÀ NỘI * ĐT: 04.6 884 489 * FAX: 04.6 884 277



BÍ THƯ ĐẢNG UỶ-GIÁM ĐỐC
BÙI QUANG LANH



CÔNG TY PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN - ÁP DỤNG BẰNG SÁNG CHẾ, ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP

Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển là doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1960 từ tên gọi cũ: Nhà máy Phân lân nung chảy Văn Điển và chính thức đi vào hoạt động từ năm 1963 với nhiệm vụ chủ yếu sản xuất phân lân nung chảy phục vụ cho nông nghiệp.

Dây chuyền công nghệ do Trung Quốc giúp đỡ gồm 2 lò cao, công suất thiết kế mỗi lò là 10 000 tấn/năm. Nguyên liệu sản xuất là quặng A-pa-tít Lào Cai, quặng Sec-pen-tin Thanh Hóa. Trong những năm 1970 - 1980, mặc dù đã có nhiều cố gắng nỗ lực nhưng hoạt động của Công ty cũng như hầu hết các đơn vị khác trong ngành phân lân nung chảy cả nước đứng trước nguy cơ sản xuất đình trệ do mức tiêu hao nhiên liệu lớn, giá nguyên liệu nhập ngoại cao dẫn đến giá thành sản phẩm cao, môi trường vùng sản xuất bị ô nhiễm.

Trước thực trạng trên, để tự cứu mình; đồng thời, đóng góp vào sự tồn tại và phát triển của ngành phân lân nung chảy cả nước, Công ty đã tận dụng nguồn nhiên liệu, nguyên liệu sẵn có, tận dụng triệt để chất thải rắn để giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật. Kết quả: trong 10 năm qua, Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển đã nghiên cứu đưa vào ứng dụng thực tế sản xuất hàng trăm giải pháp khoa học - kỹ thuật, trong đó có 6 giải pháp đã được Cục Sở hữu công nghiệp cấp bằng Độc quyền Sáng chế, bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích.

Điều đó được áp dụng vào thực tế sản xuất, quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành lân nung chảy trong cả nước. Sử dụng được 100% nhiên liệu than an-tra-xít nội địa thay cho than cok nhập ngoại. Đưa ra trắc đố lò cao phù hợp với công nghệ sản xuất lân nung chảy bằng nhiên liệu than an-tra-xít năng suất lò tăng 600%. Định mức tiêu hao than tại cửa lò cao giảm 76,7%, tiêu hao điện giảm 81,3%, công suất sản xuất của Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển năm 2001 so với năm 1989 (trước khi áp dụng bằng Độc quyền) tăng 8,6 lần (số lò cao giảm 02 lò). Trong 10 năm, tiết kiệm được 407 000 tấn than, 61 triệu kWh điện, làm lợi 253 tỉ đồng. Công ty đã dùng giải pháp công nghệ thu hồi triệt để chất rắn (quặng dưới cơ), đưa 100% chất thải rắn vào làm nguyên liệu sản xuất phân lân nung chảy, giảm ô nhiễm môi trường, giảm định mức tiêu hao [illegible] tấn/tấn SP xuống 1,25 tấn/tấn SP, giảm 21,8%. Tính trong 10 năm áp dụng bằng Độc quyền Giải pháp hữu ích đã tiết kiệm 287 000 tấn quặng mịn, làm lợi 51 tỉ đồng.

Nhờ áp dụng những giải pháp khoa học - kỹ thuật, đến nay chất lượng sản phẩm của Công ty đã được nâng lên một tầm cao mới, đạt được chỉ tiêu tiên tiến so với thế giới. Các loại sản phẩm đa yếu tố NPK thông dụng cũng như loại chuyên dùng cho cây lúa, lạc, ngô, khoai tây, chè, dâu, cà-phê, cây ăn quả,... do Công ty sản xuất, có độ ẩm nhỏ hơn 1,5% và không bị vón, không kết tảng trong quá trình sử dụng cũng như lưu kho, sản phẩm khó làm giả, chất lượng luôn ổn định. Sản phẩm phân lân Văn Điển ngoài việc đáp ứng nhu cầu trong nước, còn xuất khẩu sang các thị trường như: Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Ma-lai-xi-a, Đài Loan...

Do giá thành hạ, chất lượng sản phẩm tăng đáp ứng nhu cầu người sử dụng nên Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển ngày một phát triển, sản lượng phân bón cũng như lợi nhuận tăng, đời sống của người lao động và môi trường làm việc được cải thiện.

VỚI NHỮNG GÌ ĐÃ LÀM ĐƯỢC TRONG THỜI GIAN QUA, TẬP THỂ CBCNV CÔNG TY PHÂN LÂN NUNG CHẢY VĂN ĐIỂN ĐÃ ĐƯỢC ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG NHIỀU BẰNG KHEN VÀ HUÂN CHƯƠNG CAO QUÝ:

+ ĐƠN VỊ 02 LẦN ANH HÙNG
+ GIẢI THƯỞNG BÔNG LÚA VÀNG VIỆT NAM
+ 02 HUY CHƯƠNG VÀNG HỘI CHỢ NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
+ 1 BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ VÀ 05 BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH.
+ GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2000
+ GIẢI NHẤT GIẢI THƯỞNG VIFOTEC VIỆT NAM 1998
+ GIẢI NHẤT GIẢI THƯỞNG SÁNG TẠO VIỆT NAM 1991.



Sản phẩm lân NPK

Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

NORTHERN AIRPRORTS AUTHORITY (TÊN VIẾT TẮT: NAA)
Điện thoại: 04.8 865 047 * Fax: 04.8 865 540
Tổng Giám đốc: PHẠM QUÝ TIÊU

CÁC SÂN BAY TRỰC THUỘC:

- Sân bay Quốc tế Nội bài
- Sân bay Cát Bi - Hải Phòng
- Sân bay Quốc tế Điện Biên -Lai Châu
- Sân bay Nà Sản- Sơn La
- Sân bay Vinh - Nghệ An



NHẬN CỜ THI ĐUA CHÍNH PHỦ

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



CẦU HÀNH KHÁCH

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP



NHÀ GA

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải - Hà Nội - Việt Nam * DT: (84.4) 9 343 137 - (84.4) 8 240 876
Telex: 411 504 VCB *Website: http://www.vietcombank.com.vn

Chuẩn bị bước vào giai đoạn II của quá trình thực hiện"Đề án tái cơ cấu", Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank (VCB) được đánh giá là một ngân hàng đi tiên phong trong lĩnh vực đổi mới hoạt động ngân hàng, tạo ra nhiều dịch vụ tiện ích, tạo thuận tiện trong giao dịch cho khách hàng và có những đầu tư thích đáng cho công nghệ. Trung bình mỗi năm, VCB đầu tư khoảng 10 triệu USD cho việc đổi mới trang bị thiết bị máy móc, cải tiến và nâng cấp các chương trình công nghệ thông tin, từng bước bắt nhịp với tốc độ phát triển của các ngân hàng lớn trên thế giới, nhằm phát huy các lợi thế trong cạnh tranh. Năm 2002, tổng nguồn vốn của VCB đạt 81 156 tỉ VNĐ, là một trong những ngân hàng có tổng tích sản lớn nhất ở Việt Nam. Doanh số thanh toán XNK đạt trên 10 tỉ USD, chiếm gần 30% tổng kim ngạch thanh toán XNK của cả nước; doanh số mua - bán ngoại tệ đạt trên 8 800 triệu USD, đứng đầu các ngân hàng thương mại tham gia thị trường liên ngân hàng về ngoại tệ.

Đến nay, VCB đã triển khai và ứng dụng hai hệ thống tiện ích là Dịch vụ ngân hàng trực tuyến VCB - Online và Hệ thống giao dịch tự động ATM (Connect 24). VCB cũng là ngân hàng Việt Nam đầu tiên tham gia vào hệ thống phát hành và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế toàn cầu. Cùng sản phẩm ngân hàng điện tử E-bank (VCB Money), đây là những bước đột phá trong phát triển công nghệ của VCB so với các ngân hàng Việt Nam. Với chiến lược phát triển thành ngân hàng đa năng, VCB chú trọng đến đa dạng hoá các sản phẩm dựa trên công nghệ, lấy công nghệ là chính và là mũi nhọn; chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn phù hợp với yêu cầu sử dụng trong tình hình mới, huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi từ các DN và dân cư; đẩy mạnh công tác tín dụng nhằm cung ứng vốn tới mọi thành phần kinh tế, chú trọng DN vừa và nhỏ, phục vụ kịp thời nhu cầu vốn cho CNH, HĐH nền kinh tế nước nhà.

Theo đánh giá của Ngân hàng Chase, VCB đứng vào hàng ngũ 1% các ngân hàng trên toàn thế giới có chất lượng thanh toán tốt nhất với thành tích 6 năm liên tiếp được Ngân hàng JP Morgan Chase cấp giấy chứng nhận " Ngân hàng có chất lượng dịch vụ thanh toán tốt nhất". Tạp chí The Banker, một tạp chí có uy tín trong giới tài chính ngân hàng ở Anh, đã chọn CVB là ngân hàng tốt nhất Việt Nam trong ba năm liên tiếp (2000-2002).

Thời gian tới, VCB sẽ tập trung triển khai trong toàn hệ thống bước đổi mới toàn diện, sâu rộng trong công tác quản trị NH bao gồm phát triển mô hình tổ chức theo hướng quản lý ngân hàng hiện đại, thực thi chương trình hiện đại hoá ngân hàng bằng vốn vay của WB và chương trình hỗ trợ kỹ thuật của WB thông qua viện trợ Chính phủ Hà Lan để quản lý hoạt động ngân hàng, quản lý rủi ro kinh doanh NH theo chuẩn mực quốc tế, áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và tiếp tục kiểm toán quốc tế để minh bạch hoạt động NH và hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế. Phấn đấu đến năm 2005, VCB không chỉ là NHTM hàng đầu ở Việt Nam mà còn trở thành ngân hàng quốc tế cỡ trung bình trong khu vực.



Luôn mang đến cho bạn sự thành đạt!

Digitized by Google

S130

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG VIỆT NAM

VTN

CÔNG TY VIỄN THÔNG LIÊN TỈNH

VIETNAM TELECOM NATIONAL (VTN)

Chúc mừng năm mới





CÁC DỊCH VỤ CHỦ YẾU

1. Cho thuê kênh luồng truyền dẫn liên tỉnh để **kết nối mạng**, tổ chức mạng thông tin diện rộng trong nước và quốc tế.
2. Kênh thuê riêng: thoại, truyền số liệu tốc độ đến **155Mb/s.**
3. Dịch vụ truyền hình hội nghị (Video conferencing).
4. Truyền dẫn tín hiệu truyền hình trong nước **băng rộng** hai chiều, chất lượng cao(tốc độ 34Mb/s hoặc 140Mb/s).
5. Truyền dẫn tín hiệu phát thanh trong nước **với băng tần** tiêu chuẩn 0-20Khz, Mono hoặc Stereo.

CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢM CƯỚC

GIẢM CƯỚC ĐẤU NỐI HOÀ MẠNG

- 3% giá trị hợp đồng khi thiết lập đồng thời 5 kênh.
- 10%giá trị hợp đồng khi thiết lập đồng thời từ 6 đến 30 kênh.
- 15% giá trị hợp đồng khi thiết lập đồng thời từ 31 đến 60 kênh.
- 20% giá trị hợp đồng khi thiết lập đồng thời từ 61 đến 120 kênh.
- 30% giá trị hợp đồng khi thiết lập đồng thời từ 121 kênh trở lên.

GIẢM CƯỚC THUÊ BAO HẰNG THÁNG

- 5% giá trị hợp đồng thuê kênh nếu khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ từ 3 đến 5 năm.
- 10% giá trị hợp đồng thuê kênh nếu khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ trên 5 năm.

VTN

CÔNG TY VIỄN THÔNG LIÊN TỈNH

123 THÁI HÀ - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

Điện thoại: (84.4) 5 371 747 * Fax: (84.4) 5 371 738

Website: www.vtn. com.vn * E-mail: kh-vtn@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG KHU VỰC I

97 NGUYỄN CHÍ THANH - HÀ NỘI

ĐT: (84.4) 8 400 115 * Fax: (84.4) 8 354 598 * E-mail: vtn1@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG KHU VỰC 2

137 PASTEUR - QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

ĐT: (84.8) 8 294 179 * Fax: (84.8) 8 290 040 * E-mail: vtn2@hcm.vnn.vn

TRUNG TÂM VIỄN THÔNG KHU VỰC 3

04 ÔNG ÍCH KHIÊM - TP. ĐÀ NẴNG

ĐT: (84.511) 834 190 * Fax: (84.511) 826 047 * E-mail: vtn3@dng.vnn.vn

NHÀ CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG ĐƯỜNG TRỤC HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM

Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



6
2 - 2003

UNIV. OF MICH.
MAR 2 8 2003
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

BIDV

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Ngân hàng thương mại quốc doanh đầu tiên
áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn ISO 9001:2000



2003
Quý Mùi

Chúc Mừng Năm Mới
HAPPY NEW YEAR

Kính chúc Quý khách

An khang Thịnh vượng!

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tel: 04 8242 210; Fax: 04 8266 959;
Website: www.bidv.com.vn; Email: bidv@hn.vnn.vn;
Sở giao dịch I,II, III và chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh, thành phố trong cả nước.
Công ty Cho thuê Tài chính (Leasing Co Ltd.); Tel: 04 9347 853; Fax: 04 9347 343;
Công ty Chứng khoán (BSC Co. Ltd); Tel: 04 8261 269; Fax: 04 8261 279;
Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC Bank; Tel: 04 8268 307; Fax: 04 8268 228;
Công ty Bảo hiểm Việt - Úc (BIDV - QBE); Tel: 04 8223 738; Fax: 04 8223 740;
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt (Lao - Viet Bank); Tel: 04 9433 173; Fax: 04 9433 176.

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 669

6
2-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Hồ Ba Bể - Bắc Cạn
Ảnh : KIM SƠN

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Thông báo Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 3
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Đảng ta là Đảng của Mùa Xuân Dân tộc 8
TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Đảng ta là đạo đức, là văn minh 13

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PA-RI VỀ VIỆT NAM (27-1-1973 - 27-1-2003) VÀ 35 NĂM CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN (1968 - 2003)

TRẦN QUANG CƠ - Thắng lợi ngoại giao tuyệt vời ! 17
LÊ XUÂN LỰU - Cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân và sự phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ 20

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN NGỌC LONG - "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" với vấn đề chế độ sở hữu trong chủ nghĩa xã hội 24
PHẠM XUÂN NAM - Bản chất nhân văn và ý nghĩa thời sự sâu sắc của tư tưởng Hô-xê Mác-ti 28
ĐÀO DUY QUÁT - Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa 32
PHẠM HIỆP - Những thách thức cần vượt qua để miền núi phát triển 34

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THIỆN NHÂN - Thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao và bền vững 38
LƯU ĐỨC KHẢI - Những mặt hàng chủ lực của nền nông nghiệp Việt Nam năm 2002 42
DƯƠNG VIẾT Á - Với cách mạng, nhạc Việt khởi sắc Xuân 47
NGUYỄN VŨ CÂN- Xuân về trên đảo Cô Tô 51

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN THIỆN TRƯỞNG - Việt Nam với chương trình dân số : Thành tựu lớn và thách thức không nhỏ 54

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

VŨ TUYẾT LOAN - 30 năm quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a 58

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

* Hội nghị kiểm tra toàn quốc 63
* Hội nghị tổng kết các chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996 - 2000 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Информация о VII[ом] Пленуме (часть 2) Центрального Комитета Компартии Вьетнама IX[ого] созыва. НГУЕН ФУ ЧОНГ: Наша Партия - Партия национальной весны. ЧАН СУАН ЧЫОНГ: Наша Партия есть мораль, есть цивилизация. ЧАН КУАНГ КО: Какая прекрасная дипломатическая победа! ЛЕ СУАН ЛЫУ: Стратегическое наступление Тэт Мау Тхан и банкротство стратегии «Локальная война» американских империалистов. НГУЕН НГОК ЛОНГ: «Манифест Коммунистической Партии» и проблема собственности при социализме. ФАМ СУАН НАМ: Гуманитарная сущность и глубокое существенное значение идей Хосе Марти. ДАО ЗУЙ КУАТ: Крепкое удержание социалистической ориентации. ФАМ ХИЕП: Испытания, которые должны быть преодолимы для того, чтобы горные районы смогли развиваться. ЛЫУ ДЫК КХАЙ: Главные товары сельского хозяйства СРВ в 2002 году. НГУЕН ТХИЕН ЧЫОНГ: Вьетнам и программа населения: Большие достижения и немалые испытания. ВУ ТУЕТ ЛОАН: 30 лет Вьетнамо-Австралийских отношений (1973 – 2003гг).

CONTENTS

Information of the VII[th] Plenum (Part 2) of CPV Central Committee (IX[th] tenure). NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Out Party is Party of the nation's spring. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Our Party is morality; is civilisation. TRẦN QUANG CƠ: A superexcellent diplomatic victory! LÊ XUÂN LỰU: The Tết Mậu Thân strategic attack and bankruptcy of limited-war strategy of the American imperialism. NGUYỄN NGỌC LONG: "The Communist Party Manifesto" and the problem of ownership in socialism. PHẠM XUÂN NAM: Humane essence and profound contemporary significance of Jose Marti's ideas. ĐÀO DUY QUÁT: To hold fast the socialist orientation. PHẠM HIỆP: The challenges to be overcome in order that the mountainous areas could be developed. LƯU ĐỨC KHẢI: The principal commodities of Vietnam's agriculture in 2002. NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG: Vietnam and the population program: large achievements and big challenges. VŨ TUYẾT LOAN: 30 years of Vietnam – Australia relations (1973-2003).

SOMMAIRE

Communiqué de la 7e session (2e partie) du Comité central du PCV, issu du IXe Congrès. NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Notre Parti - Parti du printemps de la nation. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Notre parti - synonyme de la morale et de la civilisation. TRẦN QUANG CƠ: Quels magnifiques exploits diplomatiques! LÊ XUÂN LỰU: L'offensive stratégique du Tết Mâu Thân 1968 et l'effondrement de la stratégie "guerre locale" des impérialistes américains. NGUYỄN NGỌC LONG: Le "Manifeste du Parti communiste" et la question du régime de propriété sous le socialisme. PHẠM XUÂN NAM: La nature humaniste et la profonde signification d'actualité de la pensée de José Martí. ĐÀO DUY QUÁT: Tenir fermement l'orientation socialiste. PHẠM HIỆP: Les défits à surmonter pour le développement des régions montagneuses. LƯU ĐỨC KHẢI: Les produits essentiels de l'agriculture vietnamienne en 2002. NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG: Le Vietnam et son programme démographique: grandes réalisations et défits non moins importants. VŨ TUYẾT LOAN: 30 années de relations Vietnam-Australie (1973-2003).

SUMARIO

Comunicado del VII Pleno (segunda farte) del CC del PCV (IX Congreso). NGUYỄN PHÚ TRỌNG: Nuestro Partido, Primavera de la nación. TRẦN XUÂN TRƯỜNG: Nuestro Partido es la virtud y la civilización. TRẦN QUANG CƠ: ¡ Formidable victoria de relaciones exteriores! LÊ XUÂN LỰU: La ofensiva estratégica del Tet de Mậu Thân y la bancarrota de la estrategia de "guerra local" del imperialismo norteamericano. NGUYỄN NGỌC LONG: "La declaración del Partido Comunista" con la cuestión del régimen de propiedad en el socialismo. PHẠM XUÂN NAM: La naturaleza humanitaria y la profunda significación de actualidad en el pensamiento de José Martí. ĐÀO DUY QUÁT: Mantenemos firmemente en la orientación socialista. PHẠM HIỆP: Retos a vencer por el desarrollo de zona montañosa. LƯU ĐỨC KHẢI: Principales artículos agrícolas de Vietnam en el 2002. NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG: Vietnam y el programa demográfico: éxitos grandes y retos no pequeños. VŨ TUYẾT LOAN: 30 años de relaciones exteriores Vietnam-Australia (1973-2003).

目录

•越共党中央九届七中全会(第二部分)公告•阮富仲 我党是民族之春的党•陈春长 我党是道德 文明的党•陈光基 绝出的外交胜利•黎春榴 戊申春节战略进攻及美帝"局部战争"战略的破产•阮玉龙 《共产党宣言》与社会主义社会中的所有制问题•范春南 马蒂思想的人文本质和深刻的时事意义•陶唯括 坚定不移社会主义定向•范协 要使山区发展而必须战胜的挑战•刘德凯 2002年越南农业的支柱产品•阮善长 越南与人口计划项目—巨大的成就和不少的挑战•武雪鸾 越南—澳大利亚30年关系(1973-2003)。

Digitized by Google

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY (PHẦN 2) BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Từ ngày 13 đến ngày 21-1-2003, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ bảy (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc, phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị đã thảo luận sôi nổi và thẳng thắn, đi đến thông qua bốn Nghị quyết : Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; về công tác dân tộc ; về công tác tôn giáo ; tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong năm 2002 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

I - VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÌ DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

Đánh giá thực trạng tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong hơn 16 năm đổi mới vừa qua, Hội nghị khẳng định : Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã được mở rộng hơn, nội dung phong phú, đa dạng hơn. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân tuy đã được chăm lo củng cố và phát triển, nhưng chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới : lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, có phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, vì bất bình trước những bất công xã hội, trước tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương, pháp luật nhiều lúc, nhiều nơi bị buông lỏng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi gay gắt ; hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Những hạn chế, yếu kém trên do nhiều nguyên nhân : Đảng chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nội bộ nhân dân. Nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số chủ trương, chính sách chưa thể hiện đầy đủ, cụ thể quan điểm đại đoàn kết dân tộc. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất

Digitized by Google

đoàn kết, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về lối sống và đạo đức làm giảm sút vai trò hạt nhân lãnh đạo. Lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền của một bộ phận nhân dân làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm ; ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật còn nhiều yếu kém.

Hội nghị xác định mục tiêu trong thời gian tới là củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị cũng đã xác định rõ những quan điểm lớn trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, Hội nghị đã nhấn mạnh những chủ trương, giải pháp chủ yếu nhằm củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Một là, xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc (cả những định hướng chính sách chung và những định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội).

Hai là, đẩy mạnh việc thực hiện dân chủ, đồng thời coi trọng giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ; phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên nhân dân xây dựng chính quyền Nhà nước trong sạch, vững mạnh ; xây dựng phong cách, tác phong công tác cán bộ, công chức chính quyền "của dân, do dân, vì dân".

Ba là, mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

Năm là, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

II - VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

Hội nghị đã đánh giá khái quát thành tựu công tác dân tộc trong những năm đổi mới : Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản được thể hiện trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền núi và các vùng dân tộc từng bước được hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế từng bước được chuyển dịch theo sản xuất hàng hóa. Đời sống của đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Tình hình chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định ; an ninh quốc phòng được giữ vững. Bên cạnh đó, công tác dân tộc trong thời gian qua còn những hạn chế, yếu kém : Nhìn chung, nền kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỷ lệ đói nghèo ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn rất cao so với bình quân chung của cả nước. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Chất lượng, hiệu quả về giáo dục và đào tạo còn thấp. Hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc và miền núi còn nhiều mặt yếu kém v.v..

Về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, Hội nghị tập trung phân tích nguyên nhân chủ quan là : Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về công tác

Digitized by Google

dân tộc, chính sách dân tộc chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy nguồn lực của địa phương. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện. Cán bộ trong hệ thống Đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn quan liêu, xa dân, chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của đồng bào.

Hội nghị đã khẳng định những quan điểm cơ bản về công tác dân tộc ; xác định mục tiêu cụ thể công tác dân tộc đến năm 2010. Hội nghị đã chỉ rõ những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách về công tác dân tộc :

Một là, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Trong những năm trước mắt tập trung giúp đồng bào nghèo, các dân tộc đặc biệt khó khăn giải quyết ngay những vấn đề bức xúc như : tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ, tư liệu sản xuất, dịch vụ sinh hoạt tối thiểu ; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Hai là, tiếp tục thực hiện các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình ; tăng cường các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền, hướng về cơ sở ; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số ; phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc.

Ba là, đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng dân tộc và miền núi theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

Bốn là, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ; không để xảy ra những "điểm nóng" về an ninh - trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Năm là, đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc cho phù hợp yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hội nghị xác định 4 nhóm giải pháp chủ yếu : nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức ; nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách ; nhóm giải pháp về tổ chức và cán bộ ; nhóm giải pháp về vận động quần chúng.

III - VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

Hội nghị khẳng định : Thực hiện các nghị quyết của Đảng và Nhà nước, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã đạt nhiều tiến bộ và ngày càng có kết quả. Các tôn giáo đã xây dựng phương hướng hành đạo theo pháp luật. Các ngành và địa phương đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước. Nhìn chung các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hoạt động theo hướng gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Bên cạnh đó, tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Việc khiếu kiện và tranh

Digitized by Google

chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất tôn giáo ngày càng tăng, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là vùng dân tộc thiểu số, một số nhà tu hành đã lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối.

Hội nghị chỉ rõ những yếu kém nêu trên là do : Công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng, tín đồ. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong xử lý vấn đề tôn giáo. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu, việc giáo dục, tập hợp quần chúng còn hạn chế.

Hội nghị khẳng định những quan điểm về công tác tôn giáo và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cho chỉ đạo công tác tôn giáo trong thời kỳ mới. Hội nghị nhấn mạnh cần thực hiện các nhiệm vụ sau :

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời đẹp đạo" trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

- Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, tự giác phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ.

- Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Nhà nước ta.

- Tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo, tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, trước mắt và lâu dài.

Hội nghị cũng đã xác định các giải pháp chủ yếu : tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, đề cao trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo ; tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở, tăng cường quản lý Nhà nước về tôn giáo ; tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo.

IV - VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Hội nghị đã khẳng định : Đường lối, chủ trương đổi mới chính sách và pháp luật về đất đai của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị - xã hội. Đất đai được sử dụng có hiệu quả hơn. Đất xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ và xây dựng đô thị tăng tương đối nhanh, bộ mặt đô thị thay đổi một bước theo hướng văn minh, hiện đại. Công tác quản lý nhà nước về đất đai có những tiến bộ bước đầu rõ rệt. Người sử dụng gắn bó nhiều hơn với đất đai. Quyền sử dụng đất đã

Digitized by Google

bước đầu trở thành một nguồn vốn của Nhà nước và nhân dân để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Hội nghị chỉ rõ những hạn chế về hiệu quả sử dụng đất và tình trạng tùy tiện trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất ; những yếu kém trong quản lý của Nhà nước về đất đai, để kéo dài tình trạng vi phạm nghiêm trọng pháp luật đất đai ; những tác động tiêu cực của thị trường bất động sản do chưa có cơ chế, chính sách phù hợp và sự buông lỏng quản lý để tình trạng chuyển nhượng ngầm và sốt nhà đất gây nhiều khó khăn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ; đặc biệt là chưa phát huy tốt nguồn nội lực to lớn và quý giá về đất đai vào việc phát triển kinh tế - xã hội...

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém là do đất đai có nguồn gốc rất phức tạp ; chính sách đất đai thay đổi qua nhiều thời kỳ lịch sử ; quản lý đất đai chuyển từ hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường kết hợp với biện pháp hành chính, đặt ra nhiều vấn đề mới. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là : một số chủ trương, chính sách lớn rất quan trọng của Đảng chưa được thể chế hóa. Văn bản pháp luật về đất đai ban hành nhiều nhưng thiếu đồng bộ. Chưa nhận thức đúng mức đất đai là tài sản đặc biệt của quốc gia, là nguồn nội lực quan trọng và nguồn vốn to lớn của đất nước. Vai trò đại diện chủ sở hữu của Nhà nước đối với đất đai chưa được xác định rõ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên tha hóa, đã lợi dụng chức quyền để trục lợi, tham nhũng trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, gây ảnh hưởng xấu trong xã hội và gây bất bình trong nhân dân...

Hội nghị đã thống nhất các quan điểm chỉ đạo trong tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai :

Một là, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý ; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai.

Hai là, đất là hàng hóa đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn, rất quý giá của đất nước, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc.

Ba là, khai thác, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực quý giá về đất đai, đầu tư phát triển đất đai ; về cả diện tích và chất lượng.

Bốn là, đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phải phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước.

Năm là, kiên quyết lập lại trật tự về đất đai phù hợp với đường lối chính trị của Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và toàn dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

Hội nghị nhấn mạnh cần tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên những vấn đề cơ bản : về chế độ sử dụng đất đai ; về nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý đất đai của Nhà nước ; về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất ; về xây dựng, quản lý thị trường bất động sản và chính sách tài chính về đất đai.

(Xem tiếp trang 12)

Digitized by Google

ĐẢNG TA LÀ ĐẢNG CỦA MÙA XUÂN DÂN TỘC

NGUYỄN PHÚ TRỌNG*

TRONG không khí tràn ngập niềm vui đón Tết cổ truyền của dân tộc, mừng Đảng, mừng Xuân, mừng những thành tựu năm 2002 của đất nước, mừng kỷ niệm 35 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, 30 năm chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không" và ký kết hiệp định Pa-ri về Việt Nam ; sức xuân đang rộn rã trong lòng người và đất trời, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trọng thể kỷ niệm 73 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, người đã dẫn dắt cách mạng Việt Nam trong gần ba phần tư thế kỷ qua vượt biết bao khó khăn, ghềnh thác, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ôn lại những bước đường mà Đảng ta đã trải qua, cùng những thắng lợi vẻ vang mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta càng thấm thía và biết ơn vô hạn công lao trời biển của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu, càng hiểu thêm, tin yêu thêm và tự hào thêm về Đảng ta, dân tộc ta, nhân dân ta. Chúng ta thành tâm tưởng nhớ các bậc cách mạng tiền bối, các nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng qua các thời kỳ, các chiến sĩ cộng sản kiên cường, các anh hùng, liệt sĩ, đồng chí, đồng bào đã anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ của nhân dân ta vì sự trường tồn và tương lai rạng rỡ của dân tộc.

Chúng ta còn nhớ : Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đất nước ta chìm trong đêm đen nô lệ bởi kẻ thù xâm lược. Nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống ách áp bức bóc lột của thực dân cướp nước và phong kiến tay sai. Các phong trào diễn ra mạnh mẽ, tràn đầy khí phách bất khuất và sáng ngời tinh thần yêu nước, nhưng tất cả đều không thành công, vì thiếu một đường lối đúng.

Trong bối cảnh ấy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc với nhiệt tình yêu nước cháy bỏng, đã bôn ba khắp thế giới để tìm đường cứu nước, cứu dân, và Người đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người khẳng định : "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản". Ngày 03-2-1930, dưới sự chủ trì của Người, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam khi đó (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã họp Hội nghị hợp nhất thành một Đảng

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương

Digitized by Google

thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt*, và *Điều lệ tóm tắt* của Đảng do chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đồng thời định kế hoạch lập Ban chấp hành Trung ương lâm thời. Các văn kiện trên đã xác định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, lập ra Chính phủ của nhân dân, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, nhân dân được sống tự do, hạnh phúc.

Với sự kiện lịch sử này, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức được thành lập. Từ đây cách mạng nước ta có đường lối đúng đắn. Đảng Cộng sản Việt Nam thực sự trở thành người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Đây là sự phát triển tất yếu của lịch sử, là kết quả của sự phát triển phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kiện lịch sử trọng đại, là bước ngoặt lớn trong lịch sử cách mạng nước ta, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. 73 năm qua, dù con đường đi lên có lúc quanh co, phức tạp, dù Đảng ta có lúc phạm khuyết điểm, vấp váp, nhưng theo quy luật vận động của lịch sử và do có bản lĩnh vững vàng, thực sự khiêm tốn, cầu thị, Đảng ta nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, được nhân dân tin yêu, ủng hộ, cho nên Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, từng bước đi lên, không một thế lực nào ngăn cản nổi. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích trong thế kỷ XX, mà tập trung nhất là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ; thắng lợi của các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc ; thắng lợi của công cuộc đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Và chính trong quá trình đó, Đảng ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu, hun đúc nên những truyền thống vẻ vang mà hôm nay chúng ta có trách nhiệm phải ra sức giữ gìn và phát huy.

Đó là truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có đi theo con đường cách mạng mà chủ nghĩa Mác - Lê-nin vạch ra và Bác Hồ đã lựa chọn thì cách mạng Việt Nam mới giành được thắng lợi trọn vẹn, đất nước ta mới thật sự được độc lập, dân tộc ta mới thật sự được tự do, nhân dân ta mới ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Đó là truyền thống giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối, nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế trong việc đề ra và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm *chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo*, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Đó là truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Đảng ta luôn luôn lấy việc phụng sự nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Nhân dân ta là người đã nuôi dưỡng và bảo vệ Đảng từ những ngày còn trứng nước, hết lòng tin yêu Đảng, ủng hộ và ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Sức mạnh vô tận của nhân dân cũng là sức mạnh vô địch của Đảng ; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở mối liên hệ

Digitized by Google

mật thiết với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Đó là truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật trên cơ sở tình thương yêu đồng chí và nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Trải qua những thử thách khắc nghiệt trong nhà tù đế quốc, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù hay trên chiến trường lửa đạn, những người cộng sản Việt Nam đã nêu những tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết gắn bó, thương yêu nhau, về tình đồng chí, đồng đội. Chính tình nghĩa cộng sản đó đã gắn kết những người cộng sản Việt Nam thành một đội tiên phong gang thép được nhân dân tin yêu, bạn bè ngưỡng mộ, kẻ thù khiếp sợ ; tạo thành sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giữ vững niềm tin và giương cao ngọn cờ lãnh đạo.

Đó là truyền thống đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn qua các thời kỳ cách mạng, phát huy đến đỉnh cao sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Toàn bộ thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 73 năm qua đã chứng minh rằng, sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta ; đồng thời chính trong quá trình lãnh đạo cách mạng mà Đảng ta được tôi luyện, thử thách và ngày càng trưởng thành, dày dạn kinh nghiệm. Vì vậy, Đảng phải luôn luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ sống còn của toàn bộ sự nghiệp cách mạng, là điều kiện cơ bản để không ngừng nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, toàn Đảng toàn dân ta đang ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những thuận lợi và thành tựu cơ bản, chúng ta cũng phải đương đầu với không ít khó khăn, thử thách.

Chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong một bối cảnh rất phức tạp. Cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới đang tiếp tục diễn ra sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển với tốc độ thần kỳ. Toàn cầu hóa và kinh tế tri thức là xu thế khách quan đang lôi cuốn nhiều nước tham gia. Đất nước phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đứng trước nhiều vấn đề mới, phải xử lý nhiều việc hết sức phức tạp. Trong khi đó, trình độ nhận thức của chúng ta còn hạn chế. Không ít vấn đề lý luận và thực tiễn chưa tổng kết được hoặc chưa đủ sáng tỏ. Các thế lực thù địch thì đang tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, Nhà nước ta, đánh thẳng vào nền tảng tư tưởng của Đảng, vào Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, vào nguyên tắc tổ chức của Đảng, kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm. Trong tình hình ấy, Đảng ta hơn bao giờ hết, càng phải thật sự vững vàng về chính trị và tư tưởng, thống nhất về ý chí và hành động, trong sạch về đạo đức và lối sống, chặt chẽ về tổ chức và cán bộ.

Digitized by Google

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là, đi đôi với việc lãnh đạo, phát triển kinh tế - xã hội, coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, phải tích cực chăm lo hơn nữa công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết đã có về xây dựng Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tập trung sức làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức thực tiễn ; kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí ; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương thức lãnh đạo ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, bảo đảm kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Năm 2002, mặc dù tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, tình hình trong nước có nhiều khó khăn do thiên tai liên tiếp xảy ra, do âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, nhưng nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được những thành tựu khá toàn diện và rất đáng mừng. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá ; chính trị xã hội cơ bản ổn định ; văn hóa xã hội có bước phát triển mới ; quốc phòng an ninh được giữ vững ; vị thế nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Riêng về kinh tế, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt ; GDP tăng 7,04% ; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Đây là năm thứ hai chúng ta thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tiến thêm một bước quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Có được những kết quả đó là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân rất quan trọng là Đảng ta đã thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, bao gồm cả việc xác định chủ trương, đường lối phát triển, xây dựng chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách ; giáo dục rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên ; xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân ; củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh chống những hiện tượng sai trái, tiêu cực trong Đảng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu và tiềm năng đất nước, chúng ta vẫn còn không ít hạn chế, khuyết điểm. Kinh tế xã hội còn nhiều mặt yếu kém ; cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm ; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp ; xuất khẩu và đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết ; tệ tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội (nhất là ma túy, mại dâm), tai nạn giao thông,... vẫn là điều nhức nhối. Cải cách hành chính, chống quan liêu, phiền hà chuyển biến chưa mạnh. Công tác xây dựng Đảng vẫn là một lĩnh vực phải tập trung nhiều công sức hơn nữa.

Năm 2003 là năm "bản lề" - năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Vì vậy, đây là năm có ý nghĩa rất quan trọng, nhiệm vụ rất nặng nề. Năm 2003 phải tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh ; huy động tối đa các nguồn lực để phát triển, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư ; đẩy mạnh thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm ; thực hiện tốt các chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường xuất khẩu. Phát triển các hoạt động văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học -

Digitized by Google

công nghệ, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Đặc biệt, phải làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tệ quan liêu, tham nhũng, cùng các biểu hiện tiêu cực khác, bảo đảm cho tổ chức đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Đảng quang vinh của chúng ta sinh ra vào Mùa Xuân 1930. Từ đó đến nay, chúng ta đã có 73 Mùa Xuân cách mạng. Đảng sinh ra vào Mùa Xuân và Đảng đem lại Mùa Xuân cho dân tộc, Mùa Xuân cho đất nước. Vì thế, cũng có thể nói, Đảng ta là Đảng của Mùa Xuân Dân tộc.

Mùa Xuân năm nay, mừng Đảng ta tròn 73 tuổi, trùng khớp với Tết cổ truyền của dân tộc. Chúng ta càng thêm tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo ; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Mừng đất nước, mừng Đảng, mừng Xuân, ý Đảng, lòng dân ngày thêm hòa quyện. Chúng ta tin tưởng rằng, năm 2003 - năm Quý Mùi, hoa của đất trời và hoa của lòng người càng thêm nở rộ với sắc màu đẹp tươi và hương thơm ngào ngạt sẽ lan tỏa khắp mọi miền đất nước và bạn bè gần xa trên thế giới. Đảng ta sẽ ngày càng xuân sắc hơn, mạnh mẽ hơn và vĩ đại hơn. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được sự chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy (phần 2) khóa IX, vừa họp, sẽ không ngừng được củng cố vững chắc và toàn diện hơn, là động lực chủ yếu đưa đất nước ta phát triển lên một tầm cao mới.❑

THÔNG BÁO...

(Tiếp theo trang 7)

Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định để đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an thôi giữ chức Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương và bầu bổ sung sáu đồng chí vào Ủy ban Kiểm tra Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005. Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ban Chấp hành Trung ương cũng đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Chi vào Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét và biểu quyết thi hành kỷ luật đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương bằng hình thức khiển trách vì trong thời kỳ làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (khóa VI) chưa làm tròn trách nhiệm trong việc chỉ đạo điều tra, ngăn chặn những hoạt động tội phạm của Trương Văn Cam cùng đồng bọn và có những khuyết điểm trong công tác cán bộ.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục nêu cao truyền thống đoàn kết, phát huy thành tích đã đạt được trong năm 2002, tận dụng thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (phần 2), góp phần đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống, trước mắt thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003 - năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH

TRẦN XUÂN TRƯỜNG*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện lịch sử Việt Nam. Trên lĩnh vực tổ chức xây dựng Đảng, tư tưởng đó cũng là sự vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết về Đảng kiểu mới của V.I. Lê-nin vào điều kiện đất nước Việt Nam ở phương Đông, khi mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản không phải nổi bật lên hàng đầu như ở châu Âu. Ở Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ kết hợp với phong trào công nhân mà "chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào đầu năm 1930" (1).

Từ ý niệm của C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V.I. Lê-nin về Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã đưa ra một hình tượng về Đảng tiên phong. Trong Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Người nói :

"Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình.
Đảng ta là đạo đức, là văn minh,"...(2)

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản muốn đóng được vai trò tiên phong phải là một đảng tiêu biểu cho đạo đức cách mạng. Trong lịch sử phong trào cách mạng thế giới, hiếm có một lãnh tụ nào đặt cao vị trí của đạo đức cá nhân như Hồ Chí Minh đã đặt trong việc xây dựng Đảng. Điều đó phù hợp với thực tiễn Việt Nam và ngày nay càng có cơ sở để khẳng định ; quần chúng chỉ thực sự tin theo những người lãnh đạo có đạo đức, gương mẫu về đạo đức.

"Đảng ta là văn minh" ! Khái niệm văn minh mà Hồ Chí Minh dùng đã tương ứng với khái niệm trí tuệ, với năng lực nhận thức quy luật và hành động cách mạng đúng đắn mà hiện nay chúng ta đang dùng. Để là đội tiên phong chỉ có đạo đức thôi chưa đủ, tuy đạo đức là yêu cầu tiên quyết nhưng còn phải có năng lực, trí tuệ, phân tích chính xác tình hình, đề ra đường lối, chủ trương sát đúng, tổ chức được phong trào thực tiễn, đưa cách mạng tiến lên từng bước. Yêu cầu này là chung cho toàn Đảng ở tầm vĩ mô, cho mọi tổ chức đảng, thậm chí cho đến từng đảng viên.

Trong 73 năm qua, tuy cũng có lúc vấp váp, khuyết điểm, nhưng về cơ bản, Đảng ta là "đạo đức và văn minh" nên đủ tư cách lãnh đạo giai cấp và dân tộc, đưa đất nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đảng ta 15 tuổi, với 5 000 đảng viên, đã lãnh đạo thành công cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang toàn dân hiếm thấy trong lịch sử cách mạng thế giới ; 24 tuổi đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp, làm nên một "Điện Biên chấn động địa cầu" ; 45 tuổi đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, giành độc lập và thống nhất, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội ; và ngày nay đang tìm tòi khai phá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chưa từng có trong lịch sử, mở ra những bước đột phá về lý luận và thực tiễn mà không chỉ dân tộc ta mà cả

---

* GS, Trung tướng

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 8

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 5

Digitized by Google

nhân loại cần lao cũng đang dõi theo với sự tin cậy và lòng ngưỡng mộ.

Ra đời từ cuộc đấu tranh với mô hình *"Đảng kiểu cũ"* của Quốc tế thứ hai, học thuyết *"Đảng kiểu mới"* của V.I. Lê-nin - Hồ Chí Minh đã có lịch sử gần một trăm năm. Lẽ đương nhiên, lý luận đó cũng phải được đổi mới cho phù hợp với những điều kiện lịch sử đã thay đổi. Vấn đề là đổi mới như thế nào, theo hướng nào ? Dù có thể thay đổi nhiều điều nhưng không thể thay đổi bản chất cách mạng và khoa học, không thể thay đổi chính trị, tư tưởng và tổ chức cơ bản, cái tạo thành bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; không thể pha loãng nền tảng tư tưởng của Đảng bằng một xã hội - dân chủ hóa hay sự trở về đáng ngờ với chủ nghĩa dân tộc. Không thể từ bỏ nội dung giai cấp của đường lối chính trị bằng cách nhân danh một sự thích nghi có tính chất thực dụng. Không thể từ bỏ những nguyên tắc nói lên bản chất về mặt tổ chức của đội tiên phong của giai cấp công nhân.

Ngày nay, trong điều kiện hòa bình và nhiệm vụ xây dựng Tổ quốc được đặt lên hàng đầu, dễ xuất hiện xu hướng không đúng trong việc xem xét mối quan hệ đức - tài trong xây dựng Đảng ; dễ đề cao kiến thức năng lực và coi nhẹ đạo đức cách mạng. Thực tiễn xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới chứng minh rằng, đạo đức vẫn là cái gốc để xây dựng Đảng ; đương nhiên, đạo đức phải gắn liền với năng lực và hiệu quả thực tế trong công việc và trên một ý nghĩa nào đấy, các yếu tố đó cũng là biểu hiện của đạo đức. Cho đến nay, đạo lý Việt Nam vẫn luôn tin cậy và coi trọng những người lãnh đạo có đạo đức. Tham ô, lãng phí, quan liêu đang là thách thức hàng đầu đối với chế độ ta. Ở đó, có vấn đề năng lực quản lý, nhưng chủ yếu và trước hết là vấn đề đạo đức của những đảng viên. Chừng nào chúng ta không đẩy lùi những tệ nạn này thì uy tín chính trị của Đảng và Nhà nước ta sẽ bị xói mòn nghiêm trọng. Có thể nói rằng *"diễn biến hòa bình"*, mà điển hình là sự tự diễn biến của hệ thống chính trị có thể bắt đầu từ lý luận và đường lối chính trị, nhưng cũng có thể từ một hướng khác là sự hủ hóa, thói vô đạo đức, sự thối nát mọt ruỗng từng bước của bộ máy công quyền gây nên trạng thái thờ ơ về chính trị, giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước và điều này không kém phần nguy hiểm.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức của Đảng đã giải quyết một cách đúng đắn, khoa học mối quan hệ giữa lợi ích của Đảng, của dân với lợi ích cá nhân. Trong khi phê phán kịch liệt chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh không bao giờ phủ nhận sự cần thiết phải quan tâm sự phát triển chính đáng của nhu cầu, lợi ích cá nhân. Ngày nay, trong điều kiện một nền kinh tế nhiều thành phần và chế độ sở hữu dưới nhiều hình thức còn tồn tại lâu dài, thì những chuẩn mực giá trị cụ thể của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa tập thể, của mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể cũng như những tiêu chí cụ thể về mức sống, về lối sống... chắc chắn sẽ có sự phát triển, cần sự điều chỉnh chứ không thể giữ nguyên như thời chiến tranh hay như thời chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Theo cách nói của một số người, đạo đức ngày nay "thoáng" hơn ; có một phần chân lý trong ý tứ đó ; thế nhưng, không bao giờ được làm suy yếu những tiêu chuẩn cơ bản về đạo đức cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã dày công xây dựng cho Đảng ta ; không được lợi dụng việc phê phán những lệch lạc, cứng nhắc trong xây dựng đạo đức ở những thời kỳ trước đây để thổi lên ngọn gió "tự do hóa tư sản". Không ! Công cuộc xây dựng đất nước hôm nay càng cần đạo đức cách mạng hơn bao giờ hết, với những tiêu chuẩn càng chặt chẽ hơn bao giờ hết và việc thực hiện là cả một cuộc đấu tranh gian khổ đối với mỗi tổ chức đảng cũng như đối với mỗi đảng viên. Không củng cố và tăng cường được nền đạo đức đó thì Đảng ta sẽ khó có thể giữ được vai trò tiên

Digitized by Google

phong và tham mưu của giai cấp và dân tộc trong cuộc chiến đấu ác liệt, phức tạp để xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện mới.

Lịch sử 73 năm qua chứng tỏ rằng, Đảng ta vẫn là Đảng văn minh, Đảng trí tuệ. Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta đã là Đảng của trí tuệ. Không có trí tuệ, Đảng ta không thể đóng được vai trò tiên phong. Ngày nay, sự phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại đã dẫn loài người đi vào nền kinh tế tri thức mà nước ta không thể đứng bên lề mà phải nhanh chóng nắm bắt, hội nhập để khắc phục sự lạc hậu của mình. Từ tình hình yêu cầu phát triển xã hội như vậy, Đảng Cộng sản phải là Đảng của trí tuệ, như Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng ta đã đề ra. Thế nhưng, hiểu cho đúng yêu cầu xây dựng một Đảng trí tuệ cũng không phải là việc đơn giản. Không nên nhầm lẫn giữa tiêu chuẩn cơ bản và những tiêu chuẩn cụ thể của Đảng trí tuệ. Đảng ta nêu lên nhiệm vụ xây dựng Đảng trí tuệ hiện nay là muốn nói đến việc tổ chức đảng và đảng viên phải học tập, bổ sung nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng mới mà sự lãnh đạo và quản lý hiện đại phải có. Điều đó không có nghĩa là bây giờ vấn đề xây dựng Đảng trí tuệ mới được đặt ra, còn trước đây Đảng ta chưa phải là Đảng của trí tuệ. Càng không được đối lập những tiêu chuẩn cụ thể với những tiêu chuẩn cơ bản của trí tuệ Đảng, thậm chí đem cái thứ nhất thay thế cho cái thứ hai. Những tiêu chuẩn cụ thể có thể và cần phải thay đổi theo bước tiến của kinh tế, của khoa học và công nghệ, của văn hóa và văn minh. Theo ý nghĩa này, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ cơ chế tập trung, quan liêu sang cơ chế thị trường, Đảng ta phải học hỏi, bổ sung nhiều. Thế nhưng, dù là trong chiến tranh hay hòa bình thì những tiêu chí cơ bản làm nên trí tuệ của Đảng ta về cơ bản không có thay đổi.

Ngày nay, người ta đang nói đến *"chính phủ điện tử"*. Lẽ đương nhiên, với kinh tế tri thức mà hạt nhân là công nghệ thông tin thì việc Đảng cũng sẽ phải hiện đại hóa công nghệ và phương tiện lãnh đạo của mình, trong đó chắc chắn có việc ứng dụng rộng rãi công nghệ tin học. Không làm như vậy là bảo thủ. Tuy nhiên, nếu phiến diện chỉ nhấn mạnh một chiều, không chú ý củng cố và tăng cường những nhân tố cơ bản làm nên trí tuệ lãnh đạo của một Đảng tiên phong thì lại rơi vào sai lầm khác !

Một cách làm phổ biến ngày nay là đo trình độ trí tuệ của một tổ chức đảng và đảng viên bằng mặt bằng học vấn, bằng tỷ lệ bằng cấp đại học, sau đại học... Lẽ đương nhiên, xã hội đi lên, mặt bằng văn hóa của xã hội nâng cao thì mặt bằng học vấn của đội tiên phong cũng phải tăng lên ; cho nên, các tiêu chí đó trong xây dựng Đảng cần phải được tham khảo, đánh giá. Thế nhưng, không phiến diện cực đoan ; không rơi vào chủ nghĩa hình thức và nhất là quên hoặc coi thường những tiêu chuẩn cơ bản của một Đảng trí tuệ. Chúng ta đã thấy tệ nạn chạy bằng cấp, làm bằng rởm hoặc bằng tuy thật mà kiến thức thì rởm đã làm mất uy tín của Đảng như thế nào ! Giả sử như các bằng cấp là thật mà kiến thức cũng thật thì điều đó cũng chưa bảo đảm rằng tổ chức đảng và người đảng viên đó có trí tuệ lãnh đạo mà Đảng cần hay không. Đào tạo cán bộ lãnh đạo đảng khác với đào tạo chuyên gia các ngành hoạt động nghiệp vụ và quản lý kinh tế. Việc người đảng viên có bằng cử nhân, là kỹ sư một chuyên ngành hẹp nào đấy có thể giúp anh ta phát triển thuận lợi hơn năng lực lãnh đạo, nhất là trong thời gian học đại học đã tạo cho anh ta thói quen, kỹ năng tự học, tự hoàn thiện trí tuệ không ngừng. Thế nhưng, tự những kiến thức chuyên ngành hẹp đó chưa phải là trí tuệ đích thực của tổ chức đảng. Rất có thể một cấp ủy có rất nhiều người có bằng cấp đại học, nhưng lại chưa chắc đã có trí tuệ lãnh đạo cao.

Rút cục, chúng ta phải trở lại các chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về thế nào là lãnh đạo tốt, cũng tức là thế nào là lãnh đạo có trí tuệ, là

Digitized by Google

Đảng văn minh ?·Đối với bất cứ một tổ chức nào của Đảng, dù là ở trung ương hay cơ sở, lãnh đạo tốt là phải ra quyết định đúng về đường lối chủ trương, có quyết định đúng rồi phải tổ chức thực hiện cho tốt, trong đó nhất thiết phải biết kiểm tra công việc, phải *"khéo kiểm tra"*. Công việc lãnh đạo ngày nay ở nước ta, có trí tuệ hay không có trí tuệ cũng thể hiện chủ yếu trên những tiêu chuẩn cơ bản đó. Để có quyết định đúng về đường lối, chủ trương vẫn phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững điều kiện thực tiễn, có sự vận dụng sát, đúng, linh hoạt. Chỗ mới là, để quyết định đúng, Đảng phải thu thập nhiều thông tin và dữ kiện hơn, phải biết nhiều kiến thức về các lĩnh vực khoa học khác nhau, do đó phải biết tổ chức tập hợp trí tuệ của đất nước, của toàn Đảng, toàn dân, toàn thể giới khoa học để cân nhắc lựa chọn phương án thích hợp. Để có được những thông tin đầy đủ và chính xác là không đơn giản. Bên cạnh những phương pháp hiện đại mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đem lại, không thể coi thường những phương pháp truyền thống : quan sát phỏng vấn tại chỗ, tiếp cận những người *"không quan trọng"*, biết cách hỏi và biết lắng nghe..., kết hợp chặt chẽ phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại. Cần phải chú ý rằng, việc ra quyết định của cấp lãnh đạo ngày càng chịu nhiều sức ép khác nhau hơn. Sự phân hóa về kinh tế, sự phân tầng về xã hội tạo ra sự phân tâm trong đánh giá tình hình và nhu cầu xã hội. Tất cả những điều đó là những nhân tố mới đòi hỏi trí tuệ Đảng phải vươn lên phía trước ; dừng lại, không đáp ứng kịp thời những đòi hỏi đó là tụt hậu.

Có quyết định đúng rồi, còn phải biết tổ chức công tác thực tiễn, đưa quyết định vào cuộc sống. Công việc đó cũng thuộc phạm trù trí tuệ của Đảng. Vì Đảng là đội tiên phong cả về lý luận và về hành động, Đảng phải thể hiện trí tuệ trong hành động, thể hiện khoa học và nghệ thuật tổ chức công việc, động viên và tổ chức nhân dân trên mặt trận đấu tranh cho những mục tiêu trước mắt và lâu dài của cách mạng. Yêu cầu này về một Đảng trí tuệ càng được đặt ra một cách gay gắt trong điều kiện một Đảng cầm quyền và nhiệm vụ xây dựng và quản lý đất nước đặt lên hàng đầu.

So với thời kỳ chưa có chính quyền, thời kỳ chiến tranh thì công tác tổ chức thực tiễn của Đảng ta ngày nay phong phú, phức tạp hơn về nhiều mặt, đòi hỏi Đảng càng phải có đạo đức và trí tuệ hơn. Đó là công tác tổ chức thực tiễn của một đảng cầm quyền, của một nhà nước, một hệ thống chính trị với bao nhiêu sự phân công lao động lãnh đạo và quản lý phức tạp. Trong sự bộn bề của hàng núi công việc, người lãnh đạo dễ rơi vào sự vụ quan liêu, công việc tản mạn, hiệu quả thực tế chẳng được bao nhiêu. Chính trong điều kiện như vậy, đòi hỏi một tổ chức đảng cũng như mỗi đảng viên lãnh đạo phải thực hiện lời dạy cũng như phong cách của Bác Hồ : biết xác định những mắt khâu chủ yếu của công việc, vừa có tầm nhìn chiến lược chung, vừa có sáng kiến trong công việc cụ thể, kiên quyết tập trung lực lượng, đặc biệt là tập trung sức lãnh đạo, đột phá cho được mắt khâu chủ yếu, xoay chuyển cho được cục diện chung, giành thắng lợi cụ thể từng bước, đi đến thắng lợi chung như cách chúng ta đã làm trong chiến tranh.

Nhìn lại 73 năm lịch sử cách mạng cho thấy, *"Đảng ta thật là vĩ đại"*, như Bác Hồ đã tổng kết. Để làm tròn nhiệm vụ của một Đảng đạo đức, văn minh, trí tuệ, chúng ta phải học tập nhiều điều mới mẻ mà công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đang đặt ra. Những truyền thống đã làm cho Đảng ta là đạo đức, văn minh trong các giai đoạn trước đây, cần được phát huy trong hoàn cảnh mới. Đó chính là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại mà Đảng ta, nhân dân ta sẽ chuẩn bị hành trang tư tưởng và tổ chức trong cuộc trường chinh mới của thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

THẮNG LỢI NGOẠI GIAO TUYỆT VỜI !

TRẦN QUANG CƠ*

"Kháng chiến chống Mỹ là bản anh hùng ca trọn vẹn từ đầu đến cuối. Hiệp định Pa-ri năm 1973 là thắng lợi ngoại giao tuyệt vời". Đó là lời của Thủ tướng Phạm Văn Đồng kính yêu, người đứng đầu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong suốt những năm tháng đầy sóng gió của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khi cho ý kiến về việc tổng kết 50 năm ngoại giao Việt Nam.

Để hiểu thấu đáo sự đánh giá trên, chúng ta cần thấy rõ tính thời đại và ý nghĩa quốc tế lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Điều này hiển hiện ngay trong bối cảnh thế giới bội phần phức tạp so với thời kỳ ta chống thực dân Pháp : Đối thủ của ta lần này là đế quốc đầu sỏ, vô cùng lớn mạnh, chúng xâm lược Việt Nam với mưu đồ toàn cầu. Tâm lý sợ Mỹ, trong những năm đầu của thập niên 60 (thế kỷ XX), còn đang bao trùm thế giới. Mỹ coi như chưa có tiền lệ thua trận ở đâu. Mỹ có mạng lưới liên minh quân sự khắp nơi. Khống chế Liên hợp quốc. Phong trào cách mạng quốc tế lại đang có khủng hoảng về đường lối, không nhất trí về quan điểm cách mạng, thậm chí sinh ra chia rẽ, mâu thuẫn về tổ chức.

Tính thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước còn ở chỗ mục tiêu đấu tranh của dân tộc ta hoàn toàn phù hợp với bốn mục tiêu của thời đại : hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức rõ tính thời đại và ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hồ Chủ tịch thấy cần nâng ngoại giao lên thành một mặt trận với tầm cỡ chiến lược. Kỳ họp Trung ương lần thứ 13 (khóa III), tháng 1-1967, đã ra nghị quyết xác định điều đó. Mặt trận ngoại giao phối hợp với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa cuộc chiến đấu của toàn dân đến thắng lợi cuối cùng.

Trong chống Mỹ cứu nước, vị trí và chức năng của ngoại giao rất quan trọng với hai nhiệm vụ lớn :

a) Tăng cường hậu phương quốc tế của ta và làm suy yếu hậu phương địch. Để tăng cường hậu phương quốc tế của ta, phải thực hiện phương châm "thêm bạn bớt thù", tranh thủ từ bạn gần đến bạn xa, từ những đồng minh chiến lược cùng chung chí hướng xã hội chủ nghĩa cho đến những ai chỉ tán thành một trong những mục tiêu hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc.

b) Giải quyết vấn đề ta thắng địch thua. Đây là vấn đề phức tạp, phải có đầu óc thực tế. Có khái niệm thật đúng thế nào là ta thắng, thế nào là địch thua mới xác định được giải pháp. Ta thắng là khi nào ta bảo vệ được độc lập tự do, giải phóng được đất nước. Mỹ thua tức là Mỹ phải rút hết quân ra khỏi đất nước ta, chấm dứt xâm lược, phải cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam. Chính với tinh thần đó, Hồ Chủ tịch đã từng nói : *"Nếu Mỹ chịu nhận rút thì chúng tôi rải thảm đỏ cho mà rút".*

Đối với một địch thủ cỡ lớn như Mỹ, ta lại là nước nhỏ, cần có ngoại giao thực hiện phương châm "thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn".

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng thứ nhất Bộ Ngoại giao, thành viên Đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Pa-ri về Việt Nam

Digitized by Google

Để tạo được sự ủng hộ của toàn thế giới, tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa cũng như các nước dân tộc độc lập, các lực lượng dân chủ cũng như các lực lượng hòa bình, Đảng ta đã có một đường lối quốc tế đúng đắn và sáng tạo : độc lập tự chủ đi đôi với đoàn kết quốc tế.

Phải độc lập tự chủ vì cách mạng quốc tế khi đó đang có khủng hoảng về đường lối, quan điểm không thống nhất.

Độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế, hai vế phải đi đôi. Thoạt nghe tưởng chừng như hai vế này độc lập nhau, nhưng trong tình hình lúc đó, có độc lập tự chủ mới đoàn kết quốc tế được.

Độc lập tự chủ chứ không tự cô lập, đoàn kết quốc tế nhưng không lệ thuộc. Mấy điều đó nghe như đơn giản, nhưng trên thực tế vận dụng vô cùng phức tạp, vô cùng khó khăn, cực nhọc.

Quan điểm của ta về vừa đánh vừa đàm thể hiện đường lối độc lập tự chủ. Đánh cũng đánh theo kiểu của ta, đàm cũng đàm theo kiểu của ta. Khác với quan điểm chỉ đánh mà không đàm, cho rằng đàm là cản trở đánh, cho là chỉ dùng biện pháp quân sự - chính trị mới buộc được Mỹ chấp nhận những yêu cầu của ta. Cũng khác với quan điểm chỉ đàm không đánh, cho là đánh sẽ phá vỡ đàm, cho là Việt Nam không thể thắng Mỹ, phải sớm đi vào một giải pháp thỏa hiệp với Mỹ.

Những quan điểm đối chọi nhau thể hiện ngay từ việc đánh giá đế quốc Mỹ thế nào ? Xử sự với xâm lược Mỹ ra sao ?

Với bản lĩnh vững vàng, Đảng ta đã nhận định một cách khách quan và sáng suốt : Mỹ là kẻ thù mạnh, vô cùng nguy hiểm, song không phải là có sức mạnh vô hạn và vô địch. Nó ví như con cọp thật, có nanh vuốt, nguy hiểm chết người, nhưng con cọp trong thế bị bao vây săn đuổi. Những người Mỹ tỉnh táo như Thượng nghị sĩ Phun-brai năm 1966 đã nói : *"Nước Mỹ đang có dấu hiệu của sự ngạo mạn về sức mạnh. Đó là điều nguy hại làm suy yếu, đôi lúc trong lịch sử đã hủy hoại những nước lớn... Nguyên nhân những khó khăn của chúng ta ở Đông Nam Á không phải do thiếu sức mạnh mà do sử dụng quá đáng loại sức mạnh sai lầm. Điều đó đưa đến kết quả là gây nên một cảm giác về sự bất lực khi sức mạnh đó không thực hiện được đúng những mục tiêu mong muốn"*. Đảng ta đi đến kết luận là ta có thể đánh Mỹ và thắng Mỹ nếu như ta tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của tất cả lực lượng bạn bè trên thế giới.

Vì vậy, ta cần tạo lập Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ cứu nước để tập hợp dư luận quốc tế, cô lập Mỹ về chính trị, về tinh thần.

Việc tuyên truyền vận động quốc tế hướng vào ba nội dung chính : nêu cao chính nghĩa của ta, khẳng định quyết tâm đánh bại xâm lược, vạch rõ thiện chí hòa bình của ta.

- Việc nêu cao *chính nghĩa* của ta có thuận lợi vì ta sẵn có uy tín chính trị qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ và tên tuổi Hồ Chí Minh. Việt Nam đã là lá cờ đầu trong cách mạng giải phóng dân tộc.

- Khẳng định *quyết tâm chống xâm lược*. Muốn đạt được điều này phải vượt trở ngại tâm lý sợ Mỹ trên thế giới. Người ta có thể rất cảm tình với ta, tán thành Việt Nam đánh Mỹ nhưng chưa tin Việt Nam đánh được Mỹ. Phải chứng tỏ được ta quyết tâm chống Mỹ, cho đến khi nào đạt mục tiêu mới thôi, không bỏ cuộc. Điều đó không chỉ giải quyết bằng ngoại giao, mà phải qua thực tế chiến trường mới có sức thuyết phục.

- Nói rõ *thiện chí hòa bình của ta :* Phải làm đúng lúc và đúng mức mới có tác dụng. Khi Mỹ còn hung hăng leo thang chiến tranh mà ta đã nhấn mạnh "thiện chí hòa bình" thì người ta sẽ hiểu là ta lung lay, muốn rút lui rồi. Thời kỳ 1965 - 1967, đánh là chính, nêu chính nghĩa và quyết tâm là chính.

Nhờ tích cực và làm đúng hướng, ta đã sớm hình thành được một Mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi, làm nền tảng chính trị quốc tế vững chắc cho cuộc chống Mỹ cứu nước của ta. Đây thực sự là một kỳ tích lịch sử.

Ta đã cố gắng khắc phục mọi trở ngại để phát huy các nhân tố tích cực, hạn chế mặt tiêu cực nhằm tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ cao nhất của Liên Xô và Trung Quốc, phá tan âm mưu Mỹ lợi dụng chính sách hòa hoãn Xô - Mỹ,

Digitized by Google

Trung - Mỹ hòng chia rẽ làm suy yếu chỗ dựa chính của ta trên quốc tế.

H. Kít-xing-giơ nhận định : Bản thân Việt Nam rất nghèo, rất yếu. Việt Nam sống được, chiến đấu được, chống Mỹ được là do trông nhiều vào viện trợ bên ngoài, chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc. Nếu như Mỹ khai thác được mâu thuẫn Trung - Xô, chia rẽ được họ với Việt Nam thì sẽ cắt được nguồn viện trợ bên ngoài cho Việt Nam. Mất viện trợ bên ngoài thì dù Việt Nam kiên cường đến mấy cũng không thể chống Mỹ được.

Thời kỳ Mỹ "leo thang chiến tranh" (1964 - 1968) : thủ đoạn của Mỹ lúc này là thương lượng trên thế mạnh đồng thời dùng trung gian đủ các loại nhằm xoa dịu phản ứng quốc tế hòng chuyển sức ép dư luận sang ta. L.B. Giôn-xơn, trong một cuộc họp tại Nhà Trắng, đã nói : *"Cuộc chiến tranh này giống như một trận đấu ăn giải. Tay phải của ta nắm lực lượng quân sự, song tay trái cần có các đề nghị hòa bình. Mỗi khi đưa quân đội lên phía trước thì cũng phải đưa các nhà ngoại giao lên phía trước. Các tướng lĩnh đòi đưa quân nhiều nhiều hơn nữa. Song Bộ Ngoại giao cũng phải cung cấp cho tôi thêm cái gì nữa".*

Với bài học của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954, ta chủ trương đàm phán trực tiếp với đối thủ của mình, "vấn đề Việt Nam phải do nhân dân Việt Nam giải quyết", không đàm phán qua trung gian. Nhưng ngoại giao ta đã có thái độ đối xử thích hợp với từng nước trung gian theo phương châm "thêm bạn bớt thù", không để Mỹ lợi dụng tư tưởng hòa bình chủ nghĩa chuyển sức ép sang ta.

Tuy sức ép bên ngoài tăng lên, nhưng thời kỳ Mỹ tiến hành "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1972) cũng chính là thời kỳ đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế của Đảng ta chứng tỏ rõ nhất sự đúng đắn và hiệu quả của nó. Trong cuộc họp báo tại Mỹ ngày 24-6-1972, H. Kít-xing-giơ phải nhận : *"Mỹ thừa nhận rằng một dân tộc đã tận tụy hy sinh lâu dài như thế thì sẽ không chịu khuất phục trước những giải pháp do những nước khác ép buộc".*

Cuộc đàm phán Pa-ri ngay từ đầu đến cuối xoay quanh hai vấn đề cơ bản : vấn đề rút quân Mỹ và vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Trong suốt thời gian đàm phán kéo dài, lập trường đàm phán của hai bên hoàn toàn đối lập. Mỹ chủ trương rút được quân Mỹ về mà vẫn giữ được ngụy. Mỹ đặt điều kiện quân Mỹ rút thì đồng thời quân Bắc Việt Nam cũng phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Mỹ đòi tách riêng giải pháp quân sự và giải pháp chính trị. Chỉ giải quyết các vấn đề quân sự : ngừng bắn, rút quân, thả tù binh Mỹ và rút quân Bắc Việt Nam. Còn giải pháp chính trị để cho các bên Việt Nam giải quyết với nhau sau.

Lập trường của ta là phải có giải pháp "cả gói", tức là Mỹ có trách nhiệm giải quyết cả những vấn đề quân sự lẫn chính trị. Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chư hầu không điều kiện, gắn việc rút quân Mỹ với việc thả tù binh Mỹ ; về chính trị, lập chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam gồm ba thành phần, không có Thiệu - Kỳ - Khiêm, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ.

Đến giai đoạn chót của cuộc đàm phán, ta đấu tranh hướng vào một giải pháp đáp ứng các yêu cầu của ta : Mỹ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam ; Mỹ rút hết quân, chấm dứt dính líu vào chiến sự ở miền Nam, không được can thiệp công việc nội bộ miền Nam Việt Nam ; Mỹ phải công nhận trên thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng lãnh thổ, ba lực lượng chính trị.

Cuộc đàm phán Pa-ri đã kết thúc khi ta đã đạt được các mục tiêu cơ bản đề ra lúc ban đầu. "Một thắng lợi ngoại giao tuyệt vời !".

Trong bối cảnh thế giới phức tạp như vậy, với quyết tâm bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc, Đảng ta đã kiên trì đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế nên đã vượt qua được mọi thử thách, kết thúc đánh - đàm thắng lợi, thực hiện lời tiên định của Bác Hồ : "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Qua cuộc chống Mỹ cứu nước, càng thấy rõ khả năng to lớn của mặt trận đối ngoại. Ngoại giao đã thu được "thắng lợi tuyệt vời", góp phần làm nên "bản anh hùng ca trọn vẹn" của dân tộc Việt Nam. ❑

Digitized by Google

CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC TẾT MẬU THÂN VÀ SỰ PHÁ SẢN CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

LÊ XUÂN LƯU*

CHIẾN lược "chiến tranh đặc biệt" thất bại, đế quốc Mỹ chuyển qua chiến lược "chiến tranh cục bộ" hòng đè bẹp cách mạng miền Nam bằng chính quân xâm lược Mỹ. Kế hoạch của đế quốc Mỹ trong chiến lược này là đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (giữa năm 1965 đến 1967) với ba bước :

1. Triển khai lực lượng cứu nguy ngụy quân, ngụy quyền, chặn đứng chiều hướng thua trong cuộc chiến tranh.

2. Tiêu diệt chủ lực "Việt cộng" giành lại thế chủ động chiến lược trên chiến trường.

3. Phá hủy hết cơ cấu của cộng sản, tăng cường ngụy quân, ngụy quyền để biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới.

Biện pháp chủ yếu là tăng nhiều quân Mỹ, mở các cuộc tiến công "tìm diệt" chủ lực ta ở miền Nam ; đồng thời, dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc để cô lập và đè bẹp cách mạng miền Nam. Đây là cố gắng quân sự lớn nhất của đế quốc Mỹ, là lần đế quốc Mỹ đưa quân đi xâm lược lớn nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Triển khai chiến lược "chiến tranh cục bộ" theo ba bước với mục tiêu cụ thể và hai biện pháp chủ yếu trên đây, đế quốc Mỹ đã ào ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam ; đồng thời, tăng cường quân ngụy, sử dụng hai lực lượng chiến lược này với số quân từ 100 vạn rồi đến 120 vạn, với phương tiện chiến tranh hiện đại nhất (trừ vũ khí nguyên tử) kể cả máy bay B.52, liên tục mở các cuộc phản công chiến lược vào hai mùa khô (1965 - 1966 và 1966 - 1967). Quân Mỹ đã dùng các thủ đoạn tác chiến như : hỏa lực mạnh, cơ động cao, bước nhảy sâu, quây vùng rộng để tìm diệt chủ lực ta với tham vọng "bẻ gãy xương sống Việt cộng" và truy chụp cơ quan đầu não kháng chiến của ta ở miền Nam. Đồng thời, chúng điên cuồng dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, với ảo tưởng đưa miền Bắc "trở lại thời kỳ đồ đá" nhằm chặt đứt sự chi viện cho miền Nam, bao vây cô lập cách mạng miền Nam.

Cùng với đẩy mạnh hoạt động quân sự trên chiến trường, đế quốc Mỹ còn thực hiện các biện pháp ngoại giao xảo quyệt, xuyên tạc sự thật, lừa bịp dư luận, hù dọa các nước để cô lập và đè bẹp cuộc chiến đấu của nhân dân ta.

Trong "chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ đã huy động gần như sức mạnh tổng lực : 70% lục

* GS, Trung tướng

Digitized by Google

quân, 60% lính thủy đánh bộ, 40% hải quân và 60% không quân trực tiếp tham gia, cùng với 22 000 xí nghiệp trên đất Mỹ trực tiếp phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược này.

Tuy Mỹ sử dụng một lực lượng rất to lớn nhưng lại có nhiều chỗ yếu rất cơ bản về chính trị. Đó là chủ nghĩa thực dân kiểu mới bị cả loài người tiến bộ lên án ; cuộc chiến tranh phi nghĩa hao người tốn của bị nhân dân Mỹ phản đối ; quân đội Mỹ được trang bị đến tận răng và được huấn luyện chính quy nhưng lại phải đối phó với cách đánh của ta, cách đánh của nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam ; Mỹ không có cơ sở xã hội ở miền Nam Việt Nam, phải dựa vào bọn ngụy quân, ngụy quyền là những kẻ bán nước cầu vinh bị cả dân tộc nguyền rủa và lên án.

Chúng ta hãy nhìn lại sự lãnh đạo và những sáng tạo của Đảng ta trong việc đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Khi đế quốc Mỹ chuyển qua chiến lược "chiến tranh cục bộ", Đảng ta đã nhận định rằng : Sức mạnh của Mỹ có thể sử dụng được trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là sức mạnh bị hạn chế, còn chỗ yếu của Mỹ là những chỗ yếu không thể khắc phục được. Và, từ nhận định đó, Đảng ta đã chủ trương :

1. Phải giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động tiến công trên chiến trường, vừa đánh Mỹ vừa diệt ngụy.

2. Tiếp tục quán triệt và vận dụng phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, phải cố gắng tập trung lực lượng của cả hai miền, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

3. Phải ra sức chuẩn bị để đánh địch trong trường hợp chiến tranh kéo dài và mở rộng ra cả nước.

Thực hiện chủ trương đó, cả nước bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù trên cả hai miền. Do sự bố trí chiến lược chủ lực trên các chiến trường đúng hướng nên khi đế quốc Mỹ đổ quân vào miền Nam Việt Nam, mở cuộc phản công chiến lược "tìm diệt" lần thứ nhất thì ta đã đánh thắng Mỹ ngay từ những trận đầu. Đó là các trận Núi Thành, Vạn Tường (khu 5), Plây-me (Tây Nguyên), Đất Cuốc, Bàu Bàng (miền Đông Nam Bộ) ở miền Nam ; đồng thời, ở miền Bắc quân và dân ta đã bắn rơi hàng loạt máy bay của Mỹ.

Trong thời kỳ này, trên khắp chiến trường miền Nam, thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng sẵn và với phương châm : căng địch ra mà đánh, chen vào giữa địch mà đánh, luồn sâu vào hậu phương địch mà đánh, quân và dân miền Nam đã liên tục phản công và tiến công quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Vì thế, mục tiêu "tìm diệt chủ lực Việt cộng" và ngăn chặn miền Bắc chi viện cho miền Nam của đế quốc Mỹ đã không đạt kết quả và phải gánh chịu những tổn thất ngay từ những trận đầu.

Mùa khô 1966-1967, đế quốc Mỹ lại tiến hành cuộc phản công chiến lược lần thứ hai. Lần này, chúng tập trung trên một hướng là miền Đông Nam Bộ và cuộc hành quân lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xơn-xi-ti. Đồng thời, chúng đẩy mạnh thủ đoạn ngoại giao nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân và dân ta.

Khi Mỹ mở cuộc phản công mùa khô lần thứ hai, Đảng ta chủ trương chẳng những tiến công địch trên các chiến trường cũ, mà còn mở ra mặt trận Trị Thiên (tháng 4-1966) và sau đó, mặt trận đường số 9 (tháng 6-1966), để thu hút một lực lượng quân Mỹ ra một chiến trường bất lợi cho Mỹ, phân tán ý định của địch mở rộng chiến tranh bằng bộ binh ra phía Bắc giới tuyến và đưa quân Mỹ vào đồng bằng sông Cửu Long ; đồng thời, tạo điều kiện cho miền Đông Nam Bộ đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn-xi-ti của Mỹ.

Đầu năm 1967, Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (khóa III) quyết định mở rộng mặt trận ngoại giao, lấy đó làm một mũi tiến công nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa của thế giới đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ; đồng thời,

Digitized by Google

khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, cô lập chúng cao độ.

Sau hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của địch thất bại, trên chiến trường nổi lên tình hình : địch đã thất bại trên nhiều mặt, cả trên phạm vi chiến lược, chiến dịch và chiến thuật, cả về quân sự và ngoại giao. Đó là thất bại giai đoạn đầu của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

Trên thế giới, dư luận rộng rãi ngày càng phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày càng phát triển trong nhân dân Mỹ và giới cầm quyền Mỹ bắt đầu dao động và lúng túng. Tuy vậy, chúng vẫn ngoan cố, tiếp tục tăng quân, tăng viện trợ cho bù nhìn và chuẩn bị mở cuộc phản công lần thứ ba. Đế quốc Mỹ tuy đã thua to, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu từ bỏ âm mưu tiếp tục chiến tranh để xâm lược Việt Nam.

Về ta, tuy đã thắng lớn nhưng vẫn chưa làm chuyển biến được cục diện chiến tranh có lợi cho ta.

Đó là bối cảnh chung năm 1967. Các hội nghị của Bộ Chính trị, nhất là Hội nghị tháng 12-1967 đều nhận định như vậy ; và sau này, nhận định đó được Hội nghị Trung ương 14 (1-1968) thông qua, nhất trí khẳng định rằng : *Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta lúc này cần phải có và có thể tạo ra một bước biến chuyển lớn giữa lúc địch đã bắt đầu dao động và trong thời điểm rất nhạy cảm của năm bầu cử Tổng thống Mỹ để chuyển cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định.*

Muốn vậy, không thể tiến từng bước, không thể cứ đánh theo cách cũ như các trận đánh Đông - Xuân trước đây, mà phải tạo ra một bước nhảy vọt bằng một cách đánh mới, giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Đây sẽ là cách đánh chưa từng có trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và cũng hiếm có trong lịch sử chiến tranh cách mạng, khiến cho Mỹ - ngụy không thể nghĩ tới.

Yêu cầu hàng đầu của cuộc tiến công này vẫn là tiêu diệt địch nhưng có nhiều điều khác trước.

Hướng tiến công không phải là rừng núi và nông thôn mà là các đô thị, trước hết là Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, nơi địch sơ hở nhất và cũng là nhạy cảm nhất. *Mục tiêu* tiến công chủ yếu là các cơ quan đầu não chiến tranh của Mỹ, ngụy. Đây là chỗ hiểm yếu nhất và dễ chấn động nhất. *Không gian* tiến công là khắp toàn miền và phải tiến công đồng loạt. *Thời gian* tiến công không vào thời điểm thông thường mà vào giữa đêm giao thừa Tết Nguyên đán, lúc bất ngờ nhất và kẻ địch sơ hở nhất. *Phương châm* là kết hợp Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa (sau này ta gọi là Tổng tiến công và nổi dậy).

Tất cả những sự lựa chọn trên đây nhằm một mục tiêu : Đánh một đòn thật mạnh và hiểm, bất ngờ và đồng loạt làm cho Mỹ phải lung lay ý chí xâm lược, tạo nên một sự thay đổi cục diện của cuộc chiến tranh có lợi cho ta.

Đảng ta đã dự kiến ba khả năng của cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa :

1. Ta thắng lớn, buộc địch phải chịu thua và nhận thương lượng với ta để kết thúc chiến tranh.

2. Ta giành được thắng lợi ở nhiều nơi nhưng địch vẫn giữ được nhiều vị trí quan trọng để tiếp tục chiến tranh.

3. Mỹ tăng thêm quân để mở rộng chiến tranh.

Cuộc tiến công Tết Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta đã giáng một đòn sấm sét vào bọn trùm xâm lược Mỹ, làm choáng váng cả nước Mỹ và làm chấn động toàn thế giới.

Sau một tháng, Oét-mo-len, Tổng tư lệnh quân đội Mỹ bị cách chức, Mác-na-ma-ra, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ phải từ chức ; sau 2 tháng, ngày 30-3-1968, Giôn-xơn, Tổng thống Mỹ, tuyên bố ba điểm : 1) Đơn phương ngừng bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. 2) Nhận đàm phán với ta để chấm dứt chiến tranh. 3) Không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ hai nữa.

Đây là sự thú nhận về sự phá sản của chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ và đến tháng 5-1968, Mỹ phải bắt đầu đàm phán với ta về chấm dứt chiến tranh.

Digitized by Google

Thắng lợi của quân và dân ta Tết Mậu Thân năm 1968 thật to lớn. Cùng với thắng lợi liên tiếp đánh bại hai cuộc phản công mùa khô năm 1965 - 1966, năm 1966 - 1967 và việc gây cho địch những tổn thất nặng nề khi chúng tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, thì thắng lợi oanh liệt Tết Mậu Thân đã đánh bại cố gắng cao nhất của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này, ta đã giáng một đòn quyết định, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, làm lung lay ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, mở đầu quá trình xuống dốc về chiến lược của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Lần đầu tiên thực hiện một cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn, đánh vào hệ thống mục tiêu sâu trong lòng địch, kết hợp với quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, quân đội ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về tổ chức lực lượng và nghệ thuật tác chiến trong các đô thị.

Thắng lợi của Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đạt được yêu cầu mà Đảng ta đã đề ra là : *"Giáng cho địch những đòn tiến công sấm sét làm thay đổi cục diện chiến tranh, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, phải xuống thang chiến tranh"*[1].

Thắng lợi này bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng và sự nỗ lực phi thường của quân và dân ta. Đảng ta đã có nhiều sáng tạo trong tạo ra thời cơ và nắm vững thời cơ khi chúng xuất hiện, sáng tạo trong lựa chọn cách đánh, mục tiêu tiến công, không gian và thời gian tiến công. Quân và dân ta đã có quyết tâm cao và nỗ lực phi thường trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa.

Tuy nhiên, qua cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này, chúng ta cũng nhận ra được những khuyết điểm, rút ra được những bài học quý báu sau :

- Do phải giữ bí mật nên thời gian dành cho các đơn vị, các địa phương quá ít, vì thế, việc chuẩn bị về vật chất, tinh thần và cách đánh cụ thể chưa được đầy đủ. Kế hoạch công kích quân sự còn sơ sài và tổ chức hiệp đồng giữa các lực lượng, giữa các chiến trường, giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng còn thiếu cụ thể, thiếu chặt chẽ.

- Ta đã chủ quan trong đánh giá tình hình, nhất là, đánh giá các lực lượng chính trị của quần chúng ở các đô thị nên đề ra Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa. Sau này trong tổng kết ta sửa lại Tổng tiến công và nổi dậy, điều đó phù hợp với trình độ của phong trào chính trị của quần chúng trong các đô thị. Ta cũng đã đánh giá chưa hết khả năng phản ứng của địch.

- Công tác tư tưởng chỉ chuẩn bị một chiều, chỉ hướng vào dứt điểm, không quán triệt đầy đủ các khả năng mà Bộ Chính trị đã dự kiến, không chuẩn bị tư tưởng đối phó với khó khăn. Vì thế, khi xuất quân thì khí thế rất cao, quyết tâm rất lớn, nhưng khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy không thuận lợi, lực lượng tổn thất ở một số nơi thì xuất hiện bi quan, hoài nghi, dao động.

Tuy có những khuyết điểm trên đây và điều đó đã có ảnh hưởng đến việc đối phó với sự phản kích của địch sau Tết Mậu Thân, nhưng phải nói dứt khoát rằng : Không có Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân thì không có "Việt Nam hóa chiến tranh", không có sự xuống thang của đế quốc Mỹ để nhân dân ta tiếp tục đưa cách mạng Việt Nam phát triển và đi đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành toàn thắng năm 1975. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 cách đây đã tròn 35 năm nhưng vẫn còn sáng chói khí phách anh hùng chống giặc ngoại xâm của quân và dân ta. Những bài học về chuẩn bị lực lượng, về nghệ thuật quân sự trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy với quy mô lớn vẫn là những hành trang vô cùng quý báu của quân và dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới. ❑

(1) Lê Duẩn : *Thư gửi Trung ương cục và Quân ủy miền*, 18-1-1968

Digitized by Google

"TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN" VỚI VẤN ĐỀ CHẾ ĐỘ SỞ HỮU TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN NGỌC LONG *

CHẾ độ sở hữu là một trong những vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu cả về lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội. Về lý luận, chủ nghĩa Mác - Lê-nin coi việc xóa bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội. "Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội"(1). Nhưng mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu là sở hữu toàn dân (thực ra là sở hữu nhà nước) và sở hữu tập thể đã lâm vào khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu.

Ở nước ta, quan điểm về xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhân tố rất quan trọng góp phần vào thắng lợi to lớn của quá trình đổi mới hơn mười lăm năm qua. Trong nền kinh tế nhiều thành phần đó có sự tồn tại đan xen và kết hợp nhiều chế độ sở hữu, bao gồm cả sở hữu tư nhân. Vậy vấn đề chế độ sở hữu trong chủ nghĩa xã hội cần được "nhận thức lại" như thế nào ?

Mặt khác, mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ với nền kinh tế thị trường dựa trên chế độ tư hữu có sự điều tiết của nhà nước lại đã có một thời được không ít người ngưỡng mộ. Rồi quá trình tư nhân hóa kinh tế nhà nước diễn ra vài thập kỷ vừa qua như một tất yếu kinh tế ở một loạt nước, cả những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cũng như những nước đang phát triển.

Những thực tế đó đã được các học giả tư sản lấy làm căn cứ để bác bỏ học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội ; đồng thời, cũng đã gây nên sự bối rối trong hàng ngũ lý luận mác-xít, thậm chí là sự nghi ngờ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về một vấn đề có tính nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội : vấn đề thủ tiêu chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu.

1- "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" với vấn đề xóa bỏ chế độ tư hữu

Xóa bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu là một quan điểm cơ bản trong các học thuyết xã hội chủ nghĩa trước Mác, đặc biệt là trong chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp với tính cách là một nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa Mác. Từ đó, có người cho rằng các tác giả của Tuyên ngôn vẫn chưa thoát khỏi tính chất không tưởng trong quan niệm về chế độ sở hữu của chủ nghĩa xã hội.

Có người lại cho rằng trong Tuyên ngôn, C. Mác và Ph. Ăng-ghen chỉ nói đến việc xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản ; do đó cần hiểu chế độ tư

---

* GS, TS

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 467

Digitized by Google

hữu trong luận điểm "tóm tắt lý luận" của những người cộng sản không phải là chế độ tư hữu nói chung mà chỉ là tư hữu tư sản. Có như vậy, luận điểm "xóa bỏ chế độ tư hữu" mới không mâu thuẫn với luận điểm khác ngay trước đó : "Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư sản"(2).

Theo C. Mác và Ph. Ăng-ghen, việc xóa bỏ tư hữu nhỏ không phải là vấn đề của chủ nghĩa xã hội vì chế độ tư hữu nhỏ bị thủ tiêu bởi chính sở hữu tư sản ; "chế độ tư hữu tư sản", như đã được nói rõ trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, "là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất"(3) của chế độ tư hữu. Vì vậy, khi chủ nghĩa cộng sản thực hiện việc xóa bỏ tư hữu tư sản cũng có nghĩa là chế độ tư hữu nói chung cũng bị thủ tiêu. "Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là : xóa bỏ chế độ tư hữu"(4); nghĩa là xóa bỏ tư hữu nói chung.

Phải thừa nhận rằng, trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc xóa bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu có những khuyết điểm sai lầm mang tính chất không tưởng. Nhưng lại là sai lầm to lớn nếu xem đó là hệ quả tất nhiên của tính chất không tưởng trong quan điểm về xóa bỏ chế độ tư hữu của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. Thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chế độ tư hữu chăng ? Đó là một ảo tưởng của trào lưu xã hội chủ nghĩa mà các tác giả Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản gọi là "chủ nghĩa xã hội bảo thủ hay chủ nghĩa xã hội tư sản" ; ngày nay nó đã bị sụp đổ cùng với sự thất bại của mô hình được xem là lý tưởng nhất của nó. Vậy phải chăng theo C. Mác và Ph. Ăng-ghen thì trong chủ nghĩa xã hội *chế độ tư hữu nói chung không có tư hữu tư sản* sẽ được duy trì ? Đó lại là quan niệm của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản mà các ông đã phê phán, vạch trần tính chất "vừa là phản động vừa là không tưởng" của nó (5). Trong điều kiện nền kinh tế đa sở hữu còn là tất yếu khách quan thì bằng cách nào để đi tới chủ nghĩa xã hội, nếu không làm cho chế độ công hữu với nhiều hình thức khác nhau trở thành nền tảng ?

Quan niệm về xóa bỏ chế độ tư hữu của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản khác với chủ nghĩa xã hội không tưởng. Trong khi luận chứng một cách khoa học tính tất yếu của sự xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung, C. Mác và Ph. Ăng-ghen cho rằng, đó phải là sự tự phủ định với những tiền đề do sự phát triển của xã hội dựa trên chế độ tư hữu đã tạo ra. Ngay từ tác phẩm "Bản thảo kinh tế triết học 1844", C. Mác đã thể hiện tư tưởng đó khi cho rằng, sở hữu tư nhân do lao động bị tha hóa sinh ra ; nhưng đến lượt mình, nó lại là nguyên nhân làm cho lao động bị tha hóa phát triển. Khi đạt trình độ cao nhất với sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thì lao động bị tha hóa lại tạo tiền đề để tự phủ định bằng cách thủ tiêu sở hữu tư nhân tư bản. Tư tưởng đó được trình bày một cách khoa học và rõ ràng hơn trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức". C. Mác và Ph. Ăng-ghen chỉ rõ : "Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một trạng thái cần phải sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại đẻ ra"(6). Sự tha hóa con người do lao động bị tha hóa trong hình thức sở hữu tư nhân chỉ có thể được khắc phục với những tiền đề nhất định mà trình độ phát triển cao của sức sản xuất được các ông gọi là "tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết" vì nếu không có tiền đề đó thì "tất cả sẽ chỉ là *sự nghèo nàn* sẽ trở thành phổ biến ; mà với *sự thiếu thốn tột độ* thì ắt sẽ bắt đầu trở lại một cuộc đấu tranh để lại dành những cái cần thiết, thế là người ta lại không tránh khỏi rơi vào cũng sự ti tiện trước đây"(7). Như vậy là không thể xóa bỏ

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 615
(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 615
(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 616
(5) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 633
(6) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 3, tr 51
(7) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 3, tr 49

Digitized by Google

chế độ tư hữu ở bất kỳ trình độ phát triển nào của nền sản xuất xã hội theo ý muốn chủ quan của con người ; những người cộng sản chỉ đặt ra cho mình nhiệm vụ xóa bỏ tư hữu bằng cách xóa bỏ sở hữu tư sản mà thôi. Và ngay cả khi nhiệm vụ đó được đặt ra thì việc xóa bỏ tư hữu cũng không thể thực hiện ngay lập tức, như Ph. Ăng-ghen đã viết trong "Nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản". Trả lời câu hỏi : Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không ? Ph. Ăng-ghen viết : "Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu"[8]. Những biểu hiện của quan niệm không tưởng về xóa bỏ tư hữu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn xa lạ với quan điểm của các tác giả Tuyên ngôn.

2 - Sở hữu tư nhân, sở hữu cá nhân và chế độ công hữu

Theo các tác giả của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, xóa bỏ chế độ tư hữu không có nghĩa là xóa bỏ sở hữu nói chung. Hình thức sở hữu mà những người cộng sản không chủ trương xóa bỏ là sở hữu cá nhân của người lao động. Trong thực tế lịch sử chế độ tư hữu ra đời từ sự phát triển của sở hữu cá nhân. Nhưng sự khác nhau giữa hai loại sở hữu đó thì rất rõ ràng. Sở hữu cá nhân là "sở hữu do cá nhân mỗi người làm ra, kết quả lao động của cá nhân"[9] ; còn chế độ tư hữu lại là "phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia"[10], mà chế độ sở hữu tư sản là biểu hiện cuối cùng và hoàn thiện nhất.

Trong các xã hội có dựa trên chế độ tư hữu, sở hữu cá nhân của một số ít người được phát triển bằng cách tước đi sở hữu cá nhân của đa số những người khác. Chủ nghĩa cộng sản làm cho "sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa"[11].

Đương nhiên, trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C. Mác và Ph. Ăng-ghen chưa thể làm sáng tỏ vấn đề sở hữu cá nhân trong chủ nghĩa cộng sản ; bởi vì, một vấn đề phức tạp như vậy thì cũng như nhiều vấn đề khác của chủ nghĩa cộng sản, các ông chỉ có thể chờ kinh nghiệm của thực tiễn mà thôi. Không những thế, khi mà sở hữu cá nhân tồn tại dưới những hình thức tư hữu khác nhau, nhất là trong những điều kiện hiện tại của sản xuất tư sản, khi mà "tự do có nghĩa là tự do buôn bán, tự do mua và bán"[12] thì quan điểm xem sở hữu cá nhân là "cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân"[13] lại được sử dụng để biện hộ cho chế độ tư hữu, một quan điểm tư sản cần được vạch trần. Các tác giả Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản vạch ra rằng : nếu đó là sở hữu của người tiểu tư sản, của người tiểu nông thì "sự phát triển của công nghiệp đã xóa bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi"[14] ; còn đối với người công nhân thì chỉ có thể chiếm hữu "những sản phẩm của lao động, cần thiết để tái sản xuất ra đời sống"[15] mà thôi.

Vấn đề sở hữu cá nhân được C. Mác tiếp tục làm rõ trong bộ "Tư bản". C. Mác viết : "chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa nữa đều là sự phủ định đầu tiên đối với chế độ tư hữu cá nhân dựa trên lao động của bản thân. Nhưng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên. Đó là sự phủ định cái phủ định. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa : trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra"[16]. Như vậy là, chế độ công hữu xã hội chủ

(8) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 469
(9) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 616
(10) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 615
(11) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 618
(12) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 618
(13) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 616
(14) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 616
(15) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 617
(16) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 23, tr 1059 - 1060

Digitized by Google

nghĩa không những không loại trừ sở hữu cá nhân mà lại là sự khôi phục sở hữu cá nhân của người lao động đã bị chế độ tư hữu phủ định. Sở hữu cá nhân ở đây không phải chỉ là những sản phẩm lao động với tính cách là tư liệu tiêu dùng như quan niệm lâu nay được phổ biến trên sách báo mác-xít mà phải bao gồm cả sở hữu về tư liệu sản xuất nhưng không còn mang hình thức tư nhân mà tồn tại trong sự thống nhất với sở hữu xã hội. Nói cách khác, đó là sở hữu cá nhân được khôi phục trên cơ sở cao hơn vì không còn bị phủ định một cách tất yếu như trong chế độ tư hữu trước đây. Trong chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa, sở hữu xã hội phải được hiểu là sở hữu của những cá nhân đã liên hiệp với nhau, "toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp với nhau", một liên hợp "trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[17].

Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa như vậy sẽ ra đời với những hình thức và bước đi như thế nào ? Với cách tiếp cận chủ nghĩa cộng sản một cách khoa học, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản chỉ có thể chỉ ra rằng, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, xác lập chế độ công hữu nói riêng, phải được thực hiện với những biện pháp phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. "Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều"[18]. Các tác giả Tuyên ngôn có vạch ra một số biện pháp mà các ông cho là "có thể được áp dụng" đối với những nước tiên tiến. Nhưng đó lại là những điều mà 20 năm sau các ông cho rằng : "Ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi"[19].

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những hình thức kinh tế mà C. Mác xem là "những hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể"[20], khi nghiên cứu các công ty cổ phần và những nhà máy hợp tác của công nhân trong chủ nghĩa tư bản. Trong công ty cổ phần tư bản chủ nghĩa thì tư bản "trực tiếp mang hình thái tư bản xã hội", là tư bản, nhưng là "tư bản của những cá nhân trực tiếp liên hiệp lại với nhau"[21] nhưng là các cá nhân tư sản. Còn trong nhà máy hợp tác của công nhân, "dĩ nhiên vẫn lặp lại và không thể không lặp lại tất cả những khuyết điểm của chế độ hiện tại. Nhưng sự đối kháng giữa tư bản và lao động đã được xóa bỏ trong phạm vi những nhà máy hợp tác đó" ; đó là tư bản nhưng là tư bản của "những người lao động liên hiệp"[22] mà thành.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực ra đời và được xây dựng trong điều kiện các nước chưa có chủ nghĩa tư bản phát triển. Trong tình hình đó việc xác lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa không thể không là quá trình tìm tòi sáng tạo những hình thức và bước đi thích hợp. Không những thế, chế độ tư hữu nhỏ còn tồn tại một cách phổ biến và sự phát triển tư bản, như V.I. Lê-nin đã từng nói, còn là không tránh khỏi. Việc tìm ra những "hình thái quá độ", "những khâu trung gian" để đi tới chế độ công hữu là hết sức cần thiết không những để chuyển từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể mà còn để đưa nền sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với một sự nghiệp lớn lao và mới mẻ như vậy thì những thiếu sót, khuyết điểm mắc phải trong quá trình tìm tòi, thử nghiệm là khó tránh khỏi. Nhưng việc tuyệt đối hóa hình thức công hữu theo mô hình Xô-viết và nhất là biến cách thực hiện xóa bỏ tư hữu, xác lập chế độ công hữu trong điều kiện lịch sử cụ thể nước Nga thành nguyên tắc, thành quy luật phổ biến của chủ nghĩa xã hội thì lại là sai lầm của chủ nghĩa chủ quan, giáo điều. Nắm vững quan niệm khoa học của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản về vấn đề sở hữu không những để tránh tái phạm những sai lầm đã mắc phải, mà điều quan trọng là, để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của chủ nghĩa xã hội từ nền tảng kinh tế của nó. ❑

---

(17) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 628
(18) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 4, tr 627
(19) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 18, tr 128
(20) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 25, tr 673
(21) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 25, tr 667
(22) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Sđd*, t 25, tr 673

Digitized by Google

BẢN CHẤT NHÂN VĂN VÀ Ý NGHĨA THỜI SỰ SÂU SẮC CỦA TƯ TƯỞNG HÔ-XÊ MÁC-TI

PHẠM XUÂN NAM*

CÓ một luận điểm của nhà triết học duy vật Pháp C.A. Hen-ve-ti-út được nhà triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử C. Mác tâm đắc là : "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu nó không tìm ra những người như thế, thì... nó sẽ nặn ra họ"(1). Những con người vĩ đại (hay còn gọi là những vĩ nhân) luôn là những người mở đường cho sự phát triển của lịch sử. Họ có tầm nhìn xa hơn và có ý chí mãnh liệt hơn những người khác. Họ có khả năng hơn những người khác trong việc đáp ứng các nhu cầu xã hội lớn lao của thời đại.

Theo tinh thần đó, có thể nói Hô-xê Mác-ti chính là một trong những vĩ nhân tiêu biểu xuất hiện đúng vào thời đại đang diễn ra những chuyển biến có tính bước ngoặt trong lịch sử Cu-ba và châu Mỹ La-tinh mấy thập niên cuối thế kỷ XIX.

Lúc bấy giờ, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã giành được thắng lợi từ lâu tại hầu hết các thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ở châu Mỹ La-tinh, dẫn tới sự ra đời của hàng loạt quốc gia độc lập. Nhưng Cu-ba và Pu-éc-tô Ri-cô vẫn còn nằm dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha. Vì thế, giải phóng dân tộc càng trở thành đòi hỏi lịch sử bức thiết của hai dân tộc này. Cùng trong thời gian đó, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, sau khi giành được độc lập từ tay thực dân Anh hơn 100 năm trước, đã tiến nhanh trên con đường phát triển tư bản chủ nghĩa và lúc này chủ nghĩa tư bản Mỹ cũng đang chuyển mạnh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền, biến thành chủ nghĩa đế quốc. Nhu cầu tìm kiếm thị trường xuất khẩu tư bản, tiêu thụ hàng hóa, khai thác nguyên liệu, bóc lột nhân công rẻ... đã đẩy nước Mỹ đến chỗ tiến hành chiến tranh giành giật lãnh thổ, bành trướng kinh tế ra nhiều nơi trên thế giới, trước hết là khu vực Mỹ La-tinh. Trong tình hình ấy, hòn đảo Cu-ba - vốn từ lâu được giới cầm quyền Mỹ ví như "quả táo trên cái cây Tây Ban Nha"(2) - đã trở thành miếng mồi rất hấp dẫn mà "chú Sam" nhăm nhe giành lấy để dùng làm bàn đạp xâm nhập vào các nước châu Mỹ La-tinh khác. Do đó, sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Cu-ba giờ đây phải cùng một lúc giải quyết hai nhiệm vụ đan xen với nhau : vừa chống chủ nghĩa thực dân cũ Tây Ban Nha, vừa chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ với những thủ đoạn thực dân mới của nó để giành độc lập tự do thực sự cho Tổ quốc, đồng thời, góp phần "bảo đảm cho nền độc lập vẫn còn bị đe dọa"(3) của các nước cộng hòa non trẻ ở châu

---

* GS, TS, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, t 7, tr 88

(2) Trích thư của G.A-đam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ, gửi đại diện Hoa Kỳ tại Ma-đơ-rít, ngày 28-4-1832

(3) José Martí : *Obras ecogidas*, t 3, La Habana, 1992, p 362

Digitized by Google

Mỹ La-tinh. Cuộc cách mạng ấy, không thể tiếp tục tiến hành chỉ trong khuôn khổ của hệ tư tưởng truyền thống, cũng tức là trong khuôn khổ tầm nhìn của phong trào giải phóng châu Mỹ La-tinh mấy thập niên đầu thế kỷ XIX, mà rất cần phải có sự kế thừa và phát triển tư tưởng của các nhà giải phóng vĩ đại hồi đó, tiêu biểu như Si-môn Bô-li-va, để hình thành một tầm nhìn mới, một tư tưởng tiến bộ mới chỉ lối, soi đường.

Hô-xê Mác-ti đã đáp ứng được đòi hỏi nóng bỏng đó của dân tộc và của thời đại. Những trải nghiệm riêng trong toàn bộ cuộc đời của ông cũng đã tạo ra cả những cơ hội và thử thách để ông trau dồi, tôi luyện và từng bước vươn tới tầm cao nhân cách và bản lĩnh của một vĩ nhân như thế.

Sinh ra trong một gia đình quân nhân cấp thấp, ngay từ nhỏ cậu bé Hô-xê đã có dịp gần gũi và cảm thông sâu sắc với cuộc sống cơ cực của những người lao động Cu-ba dưới ách thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân cùng với chế độ nô lệ tàn bạo mà nó ra sức duy trì. Bước vào tuổi thanh niên, Hô-xê Mác-ti đã được khích lệ mạnh mẽ bởi cuộc khởi nghĩa vang dội ở La Đê-ma-ha-goa, ngày 10-10-1868, dưới sự lãnh đạo của Các-lốt Ma-nu-en đê Xê-xpê-đét, mở đầu cuộc Chiến tranh 10 năm. Vì viết báo, làm thơ ca ngợi những tấm gương anh hùng của các chiến sĩ nghĩa quân, Hô-xê Mác-ti đã bị chính quyền thực dân kết án 6 năm tù, sau đổi thành án trục xuất sang Tây Ban Nha. Gần 4 năm ở "mẫu quốc", Hô-xê Mác-ti vừa phải lao động kiếm sống, vừa miệt mài học tập, lần lượt thi đậu bằng cử nhân luật, cử nhân triết học và cử nhân văn chương, không phải để mưu cầu một cuộc sống "vinh thân phì gia" mà là tích lũy cho mình một vốn tri thức cơ bản để phục vụ cho sự nghiệp cứu nước cứu dân. Mấy năm tiếp theo, từ châu Âu, Hô-xê Mác-ti tìm cách trở về châu Mỹ La-tinh, lần lượt đến Mê-hi-cô, Goa-tê-ma-la, Hôn-đu-rát..., tích cực tham gia vào nhiều hoạt động báo chí, văn hóa, giáo dục tại những nước này. Sau Chiến tranh 10 năm, ở tuổi trưởng thành và đã lập gia đình, Hô-xê Mác-ti trở về Cu-ba hoạt động cách mạng. Vì thế, tháng 9-1879, Hô-xê Mác-ti lại bị trục xuất sang Tây Ban Nha lần nữa. Nhưng chỉ 3 tháng sau, ông đã trốn sang Pa-ri rồi từ Pa-ri đi Niu Óoc. Từ đấy, ông sống lưu vong tại Mỹ 15 năm. Trong suốt thời gian này, Hô-xê Mác-ti vừa sáng tác văn thơ, viết báo chính luận, làm đại diện ngoại giao cho một số nước châu Mỹ La-tinh tại Hoa Kỳ vừa hoạt động không mệt mỏi để tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước và tiến bộ của Cu-ba ở cả trong và ngoài nước vào một tổ chức chính trị thống nhất là Đảng cách mạng Cu-ba nhằm tiến tới phát động cuộc chiến tranh mới để giải phóng Tổ quốc. Nhưng khi cuộc chiến tranh giành độc lập mà ông là linh hồn vừa bùng nổ và đang lan rộng, thì ngày 19-5-1895, lúc mới hơn 42 tuổi, Hô-xê Mác-ti đã anh dũng hy sinh trong một trận chiến đấu chống quân Tây Ban Nha ở Đốt Ri-ốt.

Có thể nói, chính sự phong phú của những mối quan hệ hiện thực trong suốt cuộc đời đã là cơ sở tạo nên sự phong phú về tư tưởng, tình cảm của Hô-xê Mác-ti với tư cách là một nhà thơ nổi tiếng, một nhà văn lỗi lạc, một nhà báo sắc sảo, một diễn giả hùng biện, một nhà cách mạng tài ba, một chiến sĩ sẵn sàng hy sinh xả thân vì nước. Hoạt động của Hô-xê Mác-ti bao gồm nhiều lĩnh vực như vậy chứng tỏ nghị lực phi thường và trí thông minh xuất chúng của ông. Điều gì ông viết ra, nói ra cũng mang đặc điểm của tài năng và trí tuệ. Nhưng trước hết và bao trùm lên tất cả, Hô-xê Mác-ti là một nhà yêu nước vĩ đại. Hầu như toàn bộ hoạt động lý luận và thực tiễn của ông đều hướng về một mục tiêu cao cả là đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Ông viết : "Không thể có con người mà không có Tổ quốc, không thể có Tổ quốc mà không có tự do"(4). Ông còn mơ ước, sau khi giành được độc lập, Cu-ba sẽ xây dựng một nước cộng hòa lao động "với tất cả mọi người và vì quyền lợi của tất cả mọi người"(5).

---

(4) José Martí : *Obras completas*, t 1, La Habana, 1963, tr 459

(5) José Martí : *Obras ecogidas*, t 3, La Habana, 1992, tr 17

Digitized by Google

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước của Hô-xê Mác-ti là chủ nghĩa yêu nước rất tiến bộ trong thời kỳ lịch sử của ông. Ở ông, lòng yêu nước nồng nàn gắn liền với tình yêu tha thiết nhân dân lao động bị áp bức, không phân biệt là người da trắng, da đen, da đỏ hay người lai. Ông kịch liệt lên án chủ nghĩa phân biệt chủng tộc do bọn thực dân gieo rắc, xem đó là "tội ác chống lại loài người". Trong khi dành những lời thắm thiết nhất để biểu dương sự đóng góp quý báu, sự hy sinh quả cảm của những người nô lệ da đen, công nhân, nông dân, trí thức yêu nước cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, Hô-xê Mác-ti kiên quyết vạch trần và kịch liệt phê phán tư tưởng cải lương, thỏa hiệp, đầu hàng của một số người thuộc các tầng lớp trên có đặc quyền, đặc lợi trong xã hội thuộc địa, nhất là những kẻ chủ trương đòi quyền tự trị cho Cu-ba dưới quyền lực tối cao của quốc vương Tây Ban Nha, hoặc chủ trương sáp nhập Cu-ba vào Mỹ thời bấy giờ.

Mặc dù chưa được biết đến tác phẩm "Tư bản" của C. Mác, song với sự nhạy cảm về chính trị và với cách phân tích đặc biệt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mình, Hô-xê Mác-ti là một trong số rất ít nhà cách mạng châu Mỹ La-tinh cuối thế kỷ XIX đã đánh giá được bản chất và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản Mỹ thời bấy giờ, thể hiện ở mưu đồ tiến hành "cuộc chinh phục đê tiện các nước láng giềng nhỏ bé và cuộc chiến tranh vô nhân đạo chống các cường quốc khác nhằm giành quyền thống trị thế giới"[6].

Vì thấy trước một cách chính xác xu hướng bành trướng, xâm lược của nước Mỹ đế quốc, cho nên Hô-xê Mác-ti đã nhấn mạnh rằng : Đảng cách mạng Cu-ba phải chạy đua với thời gian, ra sức chuẩn bị chu đáo về mọi mặt để kịp thời phát động nhân dân nước mình đứng dậy tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc mà ông gọi là "chiến tranh cần thiết" nhằm đánh đổ ách thống trị đã kéo dài gần 4 thế kỷ của thực dân Tây Ban Nha, giành độc lập cho Cu-ba, thúc đẩy nền độc lập của Pu-éc-tô Ri-cô, và bằng cách đó, ngăn chặn bước chân bành trướng của tên khổng lồ miền Bắc qua quần đảo Ăng-ti vào các nước Trung và Nam Mỹ. Theo ông, "với nền độc lập của những nước nô lệ cuối cùng ở châu Mỹ", Đảng cách mạng Cu-ba sẽ "tạo nên quyền lực hiển nhiên đóng góp vào việc thiết lập sự cân bằng và sự tin cậy cần thiết đối với hòa bình và công lý phổ biến cho các dân tộc nói tiếng Tây Ban Nha ở châu Mỹ"[7]. Về sau, ông còn nhấn mạnh thêm : "Cái mà chúng ta cân bằng là cả một thế giới. Chúng ta không chỉ nhằm giải phóng hai hòn đảo. Vì điều đó quá nhỏ bé... [Trong khi] đây là sự nghiệp được dự kiến nhằm đạt tới điều lớn lao thật sự là bảo đảm nền hòa hiếu giữa các bộ phận đối nghịch của châu lục chúng ta trong niềm hạnh phúc của những người cần lao được hưởng độc lập dân tộc, và với cuộc sống tự do của các quốc đảo Ăng-ti phồn vinh, tránh cuộc xung đột không cần thiết giữa nhân dân bị nô dịch của châu Mỹ và thế giới liên minh chống lại tham vọng của họ"[8].

Rõ ràng ở đây, chủ nghĩa yêu nước chân chính của Hô-xê Mác-ti - kết tinh khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Cu-ba - gắn liền một cách hữu cơ với tinh thần đoàn kết châu Mỹ La-tinh, đoàn kết quốc tế chống lại mưu đồ bành trướng, xâm lược của một đế quốc hùng mạnh đang nổi lên, vì sự cân bằng của thế giới, vì hòa bình và công lý phổ biến của nhân dân các nước trong khu vực và mở rộng ra là trên cả địa cầu. Đó chính là một tiên đoán sáng suốt, một tư tưởng có sức sống lâu dài, một tầm nhìn xuyên thế kỷ. Nó vẫn giữ nguyên giá trị và ý nghĩa thời sự sâu sắc đối với ngày nay, khi nhân dân Cu-ba cùng với nhân loại tiến bộ đang đứng trước một nhiệm vụ lớn lao là phải tập hợp lại lực lượng, mở rộng khối đoàn kết để cùng nhau xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát triển bền vững, trong đó, độc lập, chủ quyền và quyền phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo con đường tự mình lựa chọn của tất cả các dân tộc - dù lớn hay nhỏ, dù mạnh hay yếu - đều

(6) José Martí : *Sđd*, tr 362
(7) José Martí : *Sđd*, tr 439
(8) José Martí : *Sđd*, tr 362

Digitized by Google

được tôn trọng ; các nước hợp tác với nhau trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi ; không một nước nào có quyền xâm lược, can thiệp, lật đổ, bao vây, cấm vận chống các nước khác bất chấp mọi đạo lý và luật pháp quốc tế.

Với đường lối chính nghĩa ngời sáng đó, chúng ta bày tỏ thái độ kiên quyết phản đối chủ nghĩa bá quyền và chủ nghĩa đơn phương siêu cường sau chiến tranh lạnh, tức những thế lực đang toan tính áp đặt sự thống trị của nó trên phạm vi toàn cầu nhân danh cái gọi là "can thiệp nhân đạo", "bảo vệ dân chủ, nhân quyền", và sau sự kiện 11-9-2001 - một thảm họa đau thương đối với nước Mỹ mà toàn thế giới đều cảm thông và chia sẻ - thì lấy cớ là "chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế", ngay cả khi chưa có bằng chứng xác thực, để "đánh đòn phủ đầu" bằng vũ khí công nghệ cao nhằm thay đổi những chế độ không vừa ý họ, giành ưu thế về địa vị chính trị ở nhiều nơi trên thế giới vì những quyền lợi ích kỷ của mình.

Cả ở đây nữa, cũng theo tinh thần của Hô-xê Mác-ti, trong khi phân tích chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ hiện nay, chúng ta không hề "vơ đũa cả nắm". Chúng ta luôn đánh giá cao nhân dân Mỹ yêu chuộng tự do và hòa bình, đồng thời, luôn phân biệt những chính khách thuộc phái "bồ câu" với các thế lực "diều hâu" trong giới cầm quyền Oa-sinh-tơn. Đúng như Hô-xê Mác-ti, trong một bài báo viết năm 1889, đã chỉ rõ : "Những người lao động Cu-ba... không muốn sáp nhập Cu-ba vào Mỹ. Điều đó đối với họ là không cần thiết. Họ khâm phục một dân tộc đã đạt tới nền tự do chưa từng thấy cho đến lúc bấy giờ, nhưng họ không tin vào các thế lực đen tối... đã bắt đầu công việc phá hoại của chúng tại nước cộng hòa. Họ kính trọng những người anh hùng của đất nước đó như những người anh hùng của mình và mong muốn sự phồn vinh của Hoa Kỳ đem lại vinh quang lớn hơn cho nhân loại, nhưng họ không thể thật sự tin vào một đất nước mà ở đó lẽ ra không cần có tham vọng thống trị các nước khác, cũng như không cần có những cuộc xâm chiếm bằng bạo lực, không cần có những chiến thắng mâu thuẫn với những khái niệm danh dự và chính nghĩa. Chúng ta yêu mến Tổ quốc của Lin-côn, nhưng chúng ta ghê sợ đất nước của Cá-tinh"[9].

Ta thấy, có sự tương đồng giữa tư tưởng của Hô-xê Mác-ti - người Thầy của nền độc lập Cu-ba với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Trong *Lời chúc đầu năm gửi nhân dân Mỹ* (1-1-1966), Bác Hồ viết : "Vì đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, cho nên nhân dân Việt Nam phải chống lại để bảo vệ độc lập và gìn giữ hòa bình... Nhân dân Việt Nam rất quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Mỹ vĩ đại đang tiếp tục những truyền thống của Hoa Thịnh Đốn và Lin-côn đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ"[10].

Tóm lại, điều cốt lõi nhất đồng thời cũng là bản chất nhân văn sâu sắc nhất trong tư tưởng của Hô-xê Mác-ti là lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại cần lao bị áp bức. Chính với lòng yêu thương bao la ấy mà Hô-xê Mác-ti đã suốt đời phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân, qua đó, góp phần vào việc thiết lập một thế giới cân bằng vì hòa bình và công lý không chỉ của nhân dân các nước châu Mỹ La-tinh mà của toàn thể loài người.

Mặc dù bối cảnh của thế giới ngày nay đã có nhiều biến đổi lớn lao so với thời điểm lịch sử của Hô-xê Mác-ti, song tầm nhìn và tư tưởng của ông vẫn đang là ánh sáng soi đường cho nhân dân Cu-ba trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo vệ sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của mình, đồng thời, ngày càng mở rộng tình "đoàn kết với tất cả thế giới, chứ không chỉ với một bộ phận của thế giới"[11], như Hô-xê Mác-ti đã dạy, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

Hô-xê Mác-ti sống mãi trong sự nghiệp cách mạng Cu-ba ! ❑

---

(9) José Martí : *Sđd*, tr 364

(10) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 3

(11) Manual de *capacitacion civica*, La Habana, 1960, p 296

Digitized by Google

GIỮ VỮNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐÀO DUY QUÁT *

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, khi khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã khẳng định : Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn ; đổi mới nhưng không được đổi màu, đổi mới là tìm ra bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản chỉ đạo sự nghiệp đổi mới, là sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là sự khẳng định dứt khoát đi theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội chứ không lựa chọn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa hay con đường thứ ba nào khác.

Sau 7 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tại Hội nghị Đảng giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng, cùng với việc khẳng định những thành tựu vô cùng quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại mà nhân dân ta đã giành được, Đảng ta đã cảnh báo bốn nguy cơ trong thời kỳ mới. Một trong bốn nguy cơ đó là : *chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường một mặt tạo ra động lực mạnh mẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế, kích thích năng lực lao động sáng tạo của mọi con người, nhưng mặt khác tự nó cũng chứa đựng nguy cơ chệch định hướng xã hội chủ nghĩa nếu chúng ta không đủ bản lĩnh, năng lực lãnh đạo và quản lý nó.

Nguy cơ chệch định hướng xã hội chủ nghĩa còn có nguyên nhân khách quan do các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" để chuyển hóa chế độ ta sang quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Nhận diện những biểu hiện của nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề không đơn giản. Tính phức tạp của sự nhận diện này bắt nguồn từ tính phức tạp của thời kỳ quá độ. Thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường, nhiều nấc thang quá độ. Với nước ta, thời kỳ quá độ thực chất là quá trình hiện thực hóa từng bước các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Tức là từng bước thực hiện hóa sáu đặc trưng mà "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" đã xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là xã hội *do nhân dân lao động làm chủ ; có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu ; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân ; các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ ; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.* Chỉ khi nào chúng ta kết thúc thời kỳ quá độ mới thực hiện được toàn diện tính chất của các đặc trưng này. Do đó, trong thời kỳ quá độ, nhất là khi chúng ta mới cơ bản kết thúc chặng đường đầu tiên thì vẫn còn *thể hiện đậm nét tính chất quá độ* trong một số lĩnh vực, nhất là kinh tế xã hội. Hiểu tính chất quá độ tức là vừa có tính chất xã hội chủ nghĩa vừa chưa có đầy đủ hoặc chưa có. Cần quán triệt sâu sắc tính chất quá độ, tính đan xen rất phức tạp này để không được

* TS, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

nhân danh khắc phục sự chệch hướng mà quy chụp cho một thực tiễn đang vận động dẫn đến cản trở, kìm hãm quá trình đổi mới và phát triển. Mặt khác, càng không vì tính chất quá độ, tính đan xen rất phức tạp mà chúng ta thiếu tỉnh táo, thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh khắc phục, đẩy lùi những biểu hiện chệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Dù mang tính chất quá độ, sự đan xen phức tạp nhưng trong tiến trình vận động của thời kỳ này, thì sau mỗi chặng đường, mỗi nấc thang quá độ, tính chất xã hội chủ nghĩa phải tăng lên. Có nghĩa là, sau mỗi thời kỳ, mỗi chặng đường, tính chất của 6 đặc trưng phải được hiện thực hóa nhiều hơn.

Quán triệt các đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, quán triệt tính chất quá độ, tính đan xen phức tạp của thời kỳ lịch sử này, bước đầu có thể nhận diện những biểu hiện của nguy cơ chệch định hướng xã hội chủ nghĩa trên một số mặt chủ yếu sau.

Về chính trị, trước hết đó là chiều hướng tăng lên của sự giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản và hiệu lực quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. V.I. Lê-nin đã cảnh báo nguy cơ này bằng việc Người nêu lên hình tượng : Người Bôn-sê-vích cầm lái nhưng chiếc xe không đi theo hướng lái nữa ! Sự chệch hướng về chính trị còn là những biểu hiện sai lầm trong đường lối, chính sách của Đảng, trong chiều hướng tăng lên của tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân (cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp ở cơ sở).

Sự chệch hướng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế - xã hội thể hiện nổi bật trong chiều hướng tăng lên của sự yếu kém của doanh nghiệp nhà nước, của kinh tế tập thể, của tình trạng tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế so với các nước khu vực và thế giới, sự tăng lên của sự phân cực xã hội, phân hóa giàu nghèo cùng với sự tăng lên của tình trạng áp bức, bóc lột, bất công.

Trong lĩnh vực văn hóa, sự chệch định hướng xã hội chủ nghĩa được biểu hiện ở sự tăng lên của tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống, sự gia tăng quá trình băng hoại các giá trị tinh thần bền vững của dân tộc như : lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết cộng đồng, tinh thần ham học tập, cầu tiến bộ, tinh thần lao động cần cù với lương tâm nghề nghiệp, lòng nhân ái trọng nghĩa tình...

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu, lý tưởng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, quán triệt sâu sắc và kiên quyết thực hiện thắng lợi đường lối Đại hội IX của Đảng là : Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải quán triệt sâu sắc 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức từng bước hiện thực hóa thắng lợi.

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên nắm vững và kiên quyết thực hiện thắng lợi phương hướng cơ bản mà "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa" đã xác định :

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

Những thách thức cần vượt qua ĐỂ MIỀN NÚI PHÁT TRIỂN

PHẠM HIỆP

NGÀY nay, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết các nước trên thế giới, sự quan tâm chủ yếu của con người không phải là khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên để tạo ra năng suất và sản lượng bằng mọi giá. Trái lại, vấn đề năng suất và sản lượng phải được tạo ra do sự cân đối với việc duy trì, bảo vệ và nuôi dưỡng nguồn tài nguyên cho các thế hệ mai sau. Cách nghĩ, cách làm ấy được coi là sự phát triển bền vững (PTBV) và được mọi quốc gia, mọi khu vực luôn tìm cách vươn tới.

Thật ra, trên thế giới khái niệm *"phát triển bền vững"* được biết đến không lâu. Nó xuất hiện vào thập kỷ 70 của thế kỷ XX, khi mà sự phát triển của khoa học công nghệ hiện đại đã làm cho sự giàu có của thế giới tăng lên gấp nhiều lần so với cuộc đại cách mạng công nghiệp trước đây. Sau những thảm họa của môi trường và những bài học về "sự trả thù của tự nhiên" (Ph. Ăng-ghen), con người nhận ra rằng : nguồn tài nguyên thiên nhiên không phải là vô tận. Áp lực nảy sinh trong quá trình phát triển, làm tổn hại về môi trường sinh thái đã đặt nhân loại trước những thách thức vô cùng to lớn.

Ở Việt Nam, vấn đề PTBV được chú trọng muộn hơn so với thế giới và khu vực. Thời gian dài đã qua và cả hiện nay, không ít nơi ứng xử với thiên nhiên và môi trường vẫn theo một chiều chỉ có khai thác và bằng mọi cách nhằm tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Nguy cơ và tình trạng cạn kiệt về tài nguyên môi trường đang là vấn đề nhức nhối khiến cả xã hội quan tâm lo lắng. Vào những năm 90 của thế kỷ XX, Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc đã bắt đầu cộng tác chặt chẽ, và một *"Chiến lược hành động quốc gia về môi trường"* được công bố, thể hiện thái độ dứt khoát của Đảng và Nhà nước Việt Nam hướng tới sự PTBV, nhằm bảo đảm tính liên tục về lợi ích và các nhu cầu phát triển đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho mọi thế hệ.

Chúng ta đều biết, nước ta là một quốc gia đa dân tộc. Trong 54 dân tộc, thì có 4 dân tộc là Kinh (Việt), Chăm, Hoa và Khơ Me sống chủ yếu ở đồng bằng còn 50 dân tộc thiểu số khác cư trú ở vùng núi trên một địa bàn rộng lớn, chiếm khoảng 3/4 lãnh thổ. Địa bàn này có tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế và quốc phòng ; là nơi tập trung hầu hết nguồn tài nguyên rừng và động thực vật quý hiếm, tài nguyên nước và khoáng sản. Như vậy, miền núi không chỉ là lá chắn bảo vệ biên cương, giữ vững chủ quyền quốc gia mà mọi chủ trương, chính sách cùng những giải pháp thực hiện đối với miền núi và dân tộc có ảnh hưởng không nhỏ đối với sự PTBV của cả nước.

Thực tế những năm qua, hàng loạt công trình thủy điện mang tầm thế kỷ và những dự án lớn về kinh tế được xây dựng, triển khai ở các vùng dân tộc và miền núi đã đem lại hiệu quả thiết thực cho nền kinh tế đất nước. Diện mạo các vùng nông thôn miền núi đã có những thay đổi cơ bản, nhưng một vấn đề nổi cộm hiện nay là tình trạng phân bố dân cư đang có biến động lớn.

Chỉ riêng 11 tỉnh miền núi phía Bắc, số xã có từ 3 dân tộc trở lên cư trú đã chiếm tới

Digitized by Google

79,2%. Tỉnh Lào Cai có tới 27 dân tộc, là tỉnh có số lượng dân tộc cao nhất các tỉnh miền núi phía Bắc. Khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên (từ phía Tây Quảng Bình, Quảng Trị... Kon Tum, Gia Lai đến Lâm Đồng, Bình Phước) trước đây là địa bàn sinh sống của 20 dân tộc, trong đó 16 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me (hệ Nam Á) và 4 dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo. Đến những năm cuối thế kỷ XX, địa bàn này có đầy đủ cư dân các nhóm thuộc cả 3 ngữ hệ (Nam Á, Nam Đảo và Hán - Tạng) ở nước ta cư trú và sinh sống. Tỉnh Đắc Lắc, nếu năm 1976 có 18 dân tộc, trong đó 90% số dân thuộc 3 dân tộc là Kinh, Ê Đê và Mnông thì đến năm 1997 tỉnh này đã trở thành quê hương của 37 dân tộc anh em. Tại huyện Nam Đông ở phía Đông Trường Sơn (Thừa Thiên - Huế), năm 1973 chỉ có 89 700 người, chủ yếu là dân tộc Cơ Tu, đến năm 2000, số dân trong huyện là 216 390 người. Huyện có 11 xã, thị trấn thì 5 xã là dân bản địa, còn lại đều là dân di cư từ đồng bằng hoặc ở nơi khác đến(1).

Sự dịch chuyển dân cư một phần theo chủ trương của Đảng và Nhà nước trong quá trình phân bố lại lao động, nhưng phần lớn là do nhân dân tự phát ra đi tìm nơi sinh sống bởi nơi ở cũ môi trường bị suy thoái, tài nguyên cạn kiệt. Đến vùng đất mới người dân lại tiếp tục nếp sống cũ : khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên, rồi tài nguyên cạn kiệt, đời sống gặp khó khăn và thế là họ lại hối hả đi tìm nơi đất mới. Cái vòng luẩn quẩn đó chỉ tạo nên cuộc sống bấp bênh và đặt ra cho sự PTBV nói chung và PTBV ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng nhiều thách thức. Những thách thức chính như :

Thứ nhất, áp lực về sự gia tăng dân số do nhiều nguyên nhân, và theo những dự báo khoa học thì tình trạng này trong một vài chục năm nữa chúng ta vẫn chưa thể kiểm soát nổi. Kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số năm 1999 cho thấy, trong khi tỷ lệ tăng dân số bình quân hằng năm của cả nước là 1,70% thì khu vực Tây Nguyên có mức tăng tới 4,88%. Ở người Việt : mức tăng là 2% ; dân tộc Mường là 3%, dân tộc Mông, dân tộc Thái là 3,2% ... Qua các tài liệu nghiên cứu điền dã, chúng tôi thấy rằng, mặc dù chính sách dân số của Nhà nước ta đã triển khai khá lâu, nhưng ở nhiều nơi thuộc khu vực miền núi vẫn còn rất nhiều hạn chế. Những tập quán, truyền thống văn hóa và các yếu tố tộc người đôi khi cũng là những trở ngại cho công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Chẳng hạn ở các dân tộc như : Việt, Mường, Mông, Cơ Tu ... cần có con trai hơn để "nối dõi tông đường" thì các dân tộc như : Ê Đê, Gia Rai lại có nhu cầu về một người con gái. Cả hai xu hướng tâm lý ấy đều là những trở ngại cho sự kiểm soát dân số. Vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản cũng chưa được triển khai rộng rãi. Tại xã La De, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, với số dân 1 816 người, chỉ có 63 lượt người được sử dụng các biện pháp tránh thai. Trong năm 2000, có 209 trẻ được khai sinh ở đây, chỉ có 171 em được uống Vitamin A và 28 phụ nữ mang thai được tiêm phòng uốn ván.

Thứ hai là sự suy giảm nhanh về tài nguyên rừng, làm xấu đi tình trạng chung của môi trường sinh thái. Đất, nước và rừng là ba nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Một khi sự đè nặng của áp lực dân số tăng nhanh thì nguồn tài nguyên này càng bị cạn kiệt. Ở Việt Nam, theo số liệu điều tra năm 1943 có 14,3 triệu héc-ta rừng với 43% diện tích được che phủ, tới năm 1997 chỉ còn 9,33 triệu héc-ta rừng và độ che phủ chỉ còn 28,8%. Thập kỷ 90 của thế kỷ XX, diện tích rừng bị tàn phá hằng năm lên tới 1,4%. Mất rừng là mất đi sự đa dạng sinh học động thực vật, mất đi sự cân bằng sinh thái. Độ bào mòn, rửa trôi đất mầu tăng lên, tình trạng sỏi hóa, đá ong hóa, nạn sụt lở và hạn hán theo đó tăng lên làm cho cuộc sống của cư dân miền núi càng trở nên khó khăn hơn.

Thứ ba, sự thu hẹp diện tích canh tác do đất chật người đông, năng suất và sản lượng suy giảm dẫn đến tình trạng đói nghèo là một hệ quả tất yếu. Ở miền núi nước ta, chỉ có một số nhóm cư dân Tày - Thái ở Tây Bắc hoặc dân tộc Hơ Rê ở Quảng Ngãi và một bộ phận dân tộc Ê Đê, Mnông ở Tây Nguyên có truyền thống

(1) Dẫn theo Viện Dân tộc học và tài liệu điền dã của tác giả

Digitized by Google

canh tác ruộng nước. Đại bộ phận còn lại là canh tác nương rẫy. Chu trình luân chuyển đất canh tác nương rẫy trước đây kéo dài tới 20-30 năm. Ngày nay, thời gian hưu canh bị rút ngắn lại chỉ còn 3 - 5 năm do thiếu đất. Vì vậy, năng suất lúa nương bị tụt xuống từ 2,4 tấn/ha ở Tây Nguyên trước năm 1945, nay chỉ còn 1,55 tấn/ha. Ở Tây Bắc (qua khảo sát dân tộc Khơ Mú), năng suất lúa từ 1,6 tấn trước kia, nay chỉ còn 0,6 - 1,2 tấn/ha. Tính ra, để đạt được sản lượng lương thực như trước đây, đồng bào dân tộc buộc phải phát đốt rừng để có thể sử dụng một diện tích gieo trồng gấp trên 10 lần so với trước. Như vậy, sức ép về kinh tế (mà chủ yếu là lương thực) cũng dẫn đến sự suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên rừng và đất rừng.

Thứ tư, điều kiện địa lý tự nhiên ở các vùng núi, nơi cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số với một cơ sở hạ tầng còn rất nghèo nàn và khó khăn. Về mùa mưa, tình trạng sạt lở và đèo dốc, sông suối làm cản trở nhiều đến việc giao lưu, đi lại và vận chuyển. Trong một chuyến đi thực tế một số tỉnh Tây Bắc, chúng tôi được quan sát và chứng kiến những nỗ lực của các tỉnh này trong việc xây dựng các cơ sở hạ tầng. Hầu hết các xã đều làm được đường ô-tô về tới trung tâm xã. Mùa khô thì có thể đi lại được nhưng vào mùa mưa thì trở ngại tăng lên, làm cho giao thông bị ách tắc. Ở Lai Châu, chỉ có hơn 60% và Lao Cai khoảng 59% số xã là xe đi lại được. Còn từ trung tâm xã về các thôn, bản thì vấn đề hoàn thiện cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều khó khăn. Có nơi từ thôn bản đến trung tâm xã phải đi mất vài ba ngày đường rừng. Ở khu vực Bắc Trường Sơn thuộc phía Tây các tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi còn khó khăn gấp nhiều lần so với vùng miền núi phía Bắc.

Thứ năm, tình trạng đói nghèo và sự phân tầng xã hội đang diễn ra ở mức độ rất đáng quan tâm. Sự đói nghèo ở đây không chỉ là vấn đề lương thực mà còn là chất lượng bữa ăn, đồ dùng sinh hoạt, nơi cư trú và các phương tiện phòng hộ khác cùng với các nhu cầu về hưởng thụ văn hóa tinh thần. Nếu như chỉ đơn thuần nhìn vào thu nhập theo con số thống kê thì chưa thể thấy hết được một thực trạng và sự thách thức không riêng với đồng bào dân tộc thiểu số miền núi mà còn là vấn đề chiến lược phát triển cho cả nước. Hiện tại, số dân thuộc các dân tộc thiểu số chiếm 14% số dân cả nước nhưng số hộ nghèo lại chiếm tới 29% trong tổng số hộ nghèo của cả nước. Phấn đấu để giảm các chỉ số đói nghèo, tiếp cận và hướng tới sự PTBV không phải là điều dễ dàng và cũng không thể hoàn tất trong một sớm, một chiều mà đây là vấn đề chiến lược, dài lâu và bền bỉ với những tác động tương hỗ về nhiều mặt.

Thứ sáu là vấn đề y tế. Mọi sự quan tâm của nhân loại trong đời sống đều xoay quanh hạt nhân là con người. Sức khỏe và sự an toàn nhờ những chăm sóc y tế mang lại là chiếc chìa khóa hữu hiệu để con người vượt qua những cửa ải khác đi vào tương lai. Dịch vụ y tế như thế nào, mức độ đến đâu chính là một tiêu chí quan trọng để xác định chất lượng cuộc sống. Một vài số liệu khảo sát, thống kê cho thấy, tỷ lệ người dân ở miền núi ốm nặng không đến khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế có tới 25% ; số người ốm vừa là 36,6% và ốm nhẹ là 58%. Ở các tỉnh vùng núi Tây Bắc, 70,2% phụ nữ các dân tộc thiểu số vẫn sinh đẻ tại nhà.

Bên cạnh những thách thức nêu trên, trong quá trình phát triển ở miền núi, chúng ta không thể không quan tâm đến các mặt giáo dục và văn hóa. Mặc dù trên cả nước chúng ta đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học trong độ tuổi. Tuy vậy, số người biết đọc, biết viết và có khả năng tiếp nhận các thông tin vẫn còn thấp so với tỷ lệ dân cư (chưa nói đến tình trạng tái mù chữ). Bản Khe Nóng thuộc huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, là một ví dụ. Ở đây, số người biết đọc, biết viết ở độ tuổi trên 17 tuổi chỉ chiếm 20%. Xã Thài Phìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, tỷ lệ này còn thấp hơn. Vào thời điểm năm 1997, ở 9 tỉnh miền Nam Trung Bộ từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận và 4 tỉnh Tây Nguyên vẫn còn 25 vạn người từ 15 đến 35 tuổi bị mù chữ. Điều đó cho thấy rõ sự thách thức lớn đối với quá trình PTBV.

Sự biến đổi về *văn hóa* trong những năm gần đây đang diễn ra nhanh chóng và sâu sắc do những tác động của cơ chế kinh tế thị trường

Digitized by Google

đối với truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc miền núi. Diện mạo văn hóa xã hội thay đổi ở cả lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, từ việc ăn mặc, đi lại, cư trú, trang phục và việc cưới, việc tang, lễ hội... đến các truyền thống bảo vệ môi sinh, tài nguyên... đều ảnh hưởng không ít đến sự bền vững trong quá trình phát triển. Nhiều tài sản văn hóa cũng bị lôi cuốn vào cơn lốc thị trường. Và, do nhu cầu đời sống vật chất tăng lên, người ta có thể bán đi những ngôi nhà sàn truyền thống, những bộ chiêng, ché quý giá được bảo vệ từ bao đời nay của một gia đình, dòng họ ... để đổi lấy những phương tiện sinh hoạt tân kỳ đắt tiền.

Như vậy, trong điều kiện và những đặc điểm của nước ta, việc giải quyết tốt vấn đề dân tộc và miền núi trở thành một hằng số trong quá trình PTBV. Xóa bỏ sự cách biệt giữa đồng bằng miền xuôi và vùng dân tộc miền núi, giữa dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số, thực hiện sự bình đẳng dân tộc thực sự, luôn luôn là một đòi hỏi cấp bách trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, một lần nữa Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh : *"Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng"*(2).

Cuộc sống vẫn phát triển và vận hành theo những quy luật của nó. Sự lựa chọn và thích nghi của con người đôi khi mất thời gian của cả một thế hệ, thậm chí có những yếu tố "một đi không trở lại". Vì vậy, các quyết định của hôm nay có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho một tương lai. Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đổi mới khẳng định tính đúng đắn về đường lối và bước đi của chúng ta. Khu vực nông thôn miền núi với việc thực hiện nhanh và mạnh cơ cấu chuyển đổi cây trồng vật nuôi đã mang lại giá trị kinh tế cao. Các chương trình và dự án dành cho nông thôn miền núi làm chuyển đổi vấn đề nhận thức, tạo ra ý thức mới đúng đắn về môi trường sinh thái sẽ là cơ sở để chúng ta đi tới một sự phát triển bền vững. ❑

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 127

GIỮ VỮNG ĐỊNH HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 33)

thức phân phối lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho thế giới quan Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người với trình độ trí thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Chủ nghĩa xã hội là lý tưởng cao đẹp, là khát vọng của cả dân tộc. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là trọng trách vẻ vang của mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. ❑

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHẤN ĐẤU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TỐC ĐỘ CAO VÀ BỀN VỮNG

NGUYỄN THIỆN NHÂN *

Phóng viên : ***Xin đồng chí cho biết khái quát những thành tựu đạt được trong năm qua của Đảng bộ và nhân dân Thành phố ?***

Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân : Năm 2002 là năm thứ 2 cả nước tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đồng thời cũng là năm thứ 2 Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bộ Thành phố. Thuận lợi có nhiều nhưng khó khăn, thách thức cũng không ít. Nhất là sáu tháng đầu năm, do tác động của nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan, một số chỉ tiêu về giá trị sản lượng đạt thấp. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, sự hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, Thành phố đã đánh giá kỹ tình hình, triển khai nhiều giải pháp mới, cụ thể, với quyết tâm cao, tạo chuyển biến mạnh vào sáu tháng cuối năm. Nhờ đó, Thành phố đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tổng sản phẩm nội địa GDP tăng 10,2%, vượt kế hoạch là 10% - mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Tổng thu ngân sách đạt 34 268 tỉ đồng, tăng 10,4% so với năm 2001. Kim ngạch xuất khẩu đạt 6,39 tỉ USD, tăng 6%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,8%. Sản xuất của doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh (tăng 19% và 20,4%), là yếu tố chính tạo tốc độ tăng trưởng công nghiệp khá trong năm qua. Điều đáng mừng là dịch vụ có tốc độ tăng cao với 9,2% ; trong thương mại nội địa, khu vực kinh tế trong nước giữ vị trí áp đảo chiếm đến 98,1% doanh số bán lẻ. Trên lĩnh vực công nghệ cao, công viên phần mềm Quang Trung tiếp tục phát triển (hiện có 47 công ty làm việc với hơn 1 770 lao động và học viên, trong đó có 12 công ty nước ngoài), việc triển khai khu công nghệ cao có nhiều tiến triển.

Trong lĩnh vực đầu tư, ngay từ đầu năm, Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại với tinh thần chủ động và sự chuẩn bị chu đáo, vừa thúc đẩy đầu tư và thương mại trong năm 2002 vừa tạo tiền đề cho các năm sau. Đã tổ chức ba đoàn xúc tiến đầu tư và thương mại tới Mỹ, châu Âu (Anh, Bỉ, Đức), Nhật Bản và Hàn Quốc do lãnh đạo UBND Thành phố dẫn đầu. Đã có 255 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, với tổng vốn mới và tăng thêm là hơn 500 triệu USD. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Thành phố đạt 32 524 tỉ đồng, bằng 33,7% GDP và tăng 14% so với năm trước. Trong đó, riêng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn đạt 28 012 tỉ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp hiện đại hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu tiếp tục thực hiện

* GS, TS. Phó Chủ tịch thường trực UBND TP HCM

Digitized by Google

với nội dung được mở rộng, đã góp phần hỗ trợ thiết thực các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tạo tiền đề thúc đẩy đầu tư, xuất khẩu. Tổng vốn đầu tư tiếp tục tăng nhanh, nhất là vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước. Hơn 11 000 doanh nghiệp trong nước được thành lập mới.

Về nông nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng 4,7%, vượt kế hoạch 2%. Đáng lưu ý là, cơ cấu nông nghiệp có bước chuyển biến tốt, chăn nuôi tăng 8,6% trong đó chủ yếu là bò sữa ; thủy sản tăng 14,3% so với năm 2001. Riêng sản lượng tôm sú đạt 3 795 tấn, tăng 26%. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Thành phố có tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản trong nông nghiệp thành phố vượt ngưỡng 50% (đạt 53%), góp phần tích cực vào nâng cao thu nhập cho nông dân và sự thay đổi diện mạo nông thôn vùng ngoại thành.

Việc ban hành chỉ thị tăng cường quản lý nhà nước về nhà đất đã có tác động tích cực trong việc ổn định thị trường nhà đất, góp phần cải thiện môi trường đầu tư. Kế hoạch thực hiện 12 chương trình và công trình trọng điểm trong giai đoạn 2001 - 2005 được thông qua đã tạo cơ sở tốt để lồng ghép với kế hoạch thực hiện "Năm trật tự đô thị". Nhờ đó, việc phân công trách nhiệm và tổ chức chỉ đạo của Thành phố cụ thể hơn, bước đi của các chương trình rõ ràng hơn, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời và cụ thể hơn ; đã tạo được một số chuyển biến trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, công trình trọng điểm.

Thành phố đã phối hợp với các bộ, ngành, Trung ương tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc. Chương trình "ba giảm" (giảm ma túy, giảm mãi dâm, giảm tội phạm) được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đã tạo bước đột phá trong việc phòng, chống ma túy và tội phạm có tổ chức. Gần 20 000 người nghiện ma túy đã được đưa vào các cơ sở cai nghiện và lao động tập trung do Nhà nước tổ chức. Sự nghiệp văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển tốt. Việc chăm lo các gia đình diện chính sách, hộ nghèo được quan tâm chu đáo, đã góp phần cải thiện đời sống của một bộ phận nhân dân đang gặp khó khăn, tạo cơ sở ổn định chính trị, xã hội. Đã giới thiệu việc làm cho 208 000 người, giảm được 21 000 hộ nghèo, đưa tỷ lệ nghèo từ 6% xuống còn 3%. Thành phố đã chỉ đạo xây dựng một số mô hình hoạt động mới như xây dựng các tuyến xe buýt mẫu ; trung tâm giao dịch thủy sản, chợ bò, chợ cỏ ; xây dựng trang điện tử của Thành phố ; tổ chức tuần lễ khoa học, công nghệ và giáo dục đại học ; xây dựng các đội tình nguyện sau cai nghiện. Những mô hình này bước đầu đã góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế, ổn định xã hội và giáo dục thế hệ trẻ.

Nhìn chung, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Thành phố đã đạt được tốc độ phát triển kinh tế vượt kế hoạch đề ra và đạt mức cao nhất so với 5 năm vừa qua. Điều đặc biệt có ý nghĩa là, chỉ số về hiệu quả chung của kinh tế Thành phố có bước tiến bộ, góp phần tạo sự bền vững cho phát triển. Đây là kết quả của sự nỗ lực, phấn đấu cao của các tầng lớp nhân dân, của Đảng bộ, đoàn thể, các cấp chính quyền Thành phố và là sự kế thừa những thành quả đạt được trong những năm trước đó. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, thực hiện 12 chương trình và công trình trọng điểm, cương quyết hơn, tác dụng rõ hơn. Thành phố vẫn giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh - quốc phòng, trật tự - an toàn xã hội, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

Phóng viên : ***Thành tựu là cơ bản, song theo đồng chí Thành phố còn những hạn chế gì và đâu là nguyên nhân của các hạn chế đó ? Vấn đề cần rút ra để khắc phục những hạn chế đó là gì ?***

Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân : Đúng, Đảng bộ và nhân dân Thành phố rất tự hào, trân trọng những thành tựu quan trọng đạt được trong năm qua, nhưng cũng thấy rõ các mặt còn yếu kém, hạn chế. Sức cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Mức tăng giá trị sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài chưa đạt kế hoạch. Công tác giải tỏa đền bù còn nhiều bất hợp lý, kéo dài, bộ máy chính quyền các cấp bộc lộ nhiều lúng túng, bị động ; xử lý vi phạm trong quản lý đất đai, xây dựng và bảo vệ môi trường không nghiêm, đang gây hậu quả xấu, có nơi rất nghiêm trọng. Tình trạng ách tắc và tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, mất

Digitized by Google

an toàn thực phẩm đang là nỗi bức xúc lớn của người dân, các nhà đầu tư và lãnh đạo Thành phố. Cải cách hành chính tuy đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng nhìn chung thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, người dân vẫn than phiền về các cơ quan chính quyền.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém tồn tại trên, trước hết phải nói đến là do yếu tố chủ quan. Cụ thể là, con người và bộ máy hành chính bộc lộ rõ sự yếu kém trong điều hành và chỉ đạo thực hiện. Do vậy, nhiều chủ trương, chính sách chậm đi vào cuộc sống, hoặc phát huy hiệu quả thấp. Công tác quản lý nhà, đất còn lỏng lẻo, các biện pháp chế tài, kiểm tra, chưa đủ mạnh và chưa thường xuyên. Quản lý doanh nghiệp sau đăng ký còn nhiều lúng túng, thiếu sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan chức năng. Môi trường đầu tư có những bất lợi thế cơ bản (chi phí lao động, giá đất cao hơn các địa phương khác, ách tắc viễn thông, giao thông) chậm được khắc phục hoặc được bù đắp bởi các lợi thế khác đủ mạnh. Nhiều doanh nghiệp vẫn ỷ lại, chưa chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường, việc tận dụng thời cơ do Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ mang lại chưa cao, chưa có phương án khả thi và tích cực trong đổi mới thiết kế sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh...

Thực tiễn sôi động của một năm với những thành tựu đạt được, những khó khăn thách thức, những yếu kém đang tồn tại đã giúp cho Thành phố rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để rồi tiếp tục một cuộc hành trình vào năm 2003 với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn, bền vững hơn. Cụ thể là :

- Không được tự thỏa mãn bằng cách so sánh mình trong quá khứ, mà phải xem xét sự phát triển của các thành phố khác, nước khác để nhận rõ những ưu điểm và yếu kém của mình, từ đó có quyết tâm, sáng tạo vươn lên không ngừng. Một nhiệm vụ quan trọng của lãnh đạo và các cơ quan tham mưu của Thành phố là, phải dự báo đúng, trúng và kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn của doanh nghiệp và cơ sở, để kịp thời giải quyết hoặc kiến nghị với Trung ương có biện pháp tháo gỡ.

- Để tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, phải vừa tăng cường công tác dự báo đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp qua liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các lực lượng khoa học để hỗ trợ doanh nghiệp trong đổi mới thiết kế sản phẩm, công nghệ, giảm chi phí sản xuất, đăng ký thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng năng lực cạnh tranh. Có cơ chế phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong cung cấp thông tin và tiếp nhận thông tin phản hồi giữa nhà nước - doanh nghiệp - nhân dân để tạo sự đồng hướng trong phát triển kinh tế.

- Phát triển kinh tế và quản lý đô thị là hai nhiệm vụ song song quan trọng cần được quan tâm đúng mức, không thể xem nhẹ nhiệm vụ nào đối với một đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế hiện nay cho thấy, nhiều bài toán quản lý đô thị như giao thông, môi trường, dân cư - nhập cư, trật tự an toàn xã hội, tệ nạn xã hội... đang đặt ra, mà việc giải quyết còn khó hơn so với vấn đề về tăng trưởng kinh tế. Do đó, cần kết hợp nhuần nhuyễn giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề đô thị, xã hội, môi trường, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Trong tình hình hiện nay phải thiết lập cho được kỷ cương, kỷ luật trong chính bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Nếu cứ tiếp tục tình trạng cấp dưới không thực hiện quyết định của cấp trên, cùng với sự thiếu phối hợp giữa các cấp, thì cải cách hành chính không mang lại kết quả thực sự.

Phóng viên : ***Những mục tiêu mà Đảng bộ và nhân dân thành phố phấn đấu để đạt được trong năm tới là gì ?***

Đồng chí Nguyễn Thiện Nhân : Những mục tiêu chủ yếu trong năm 2003 mà Thành phố phải đạt được là :

1- Tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao hơn nhưng phải đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm sự phát triển bền vững về kinh tế và xã hội, tạo tiền đề để phát triển cao hơn trong những năm tiếp theo.

Chuyển dịch mạnh hơn về cơ cấu kinh tế nhằm phát huy thế mạnh của một trung tâm về công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ. Tạo ra các sản phẩm chủ lực có sức cạnh tranh và

Digitized by Google

hiệu quả kinh tế cao, tận dụng được các thời cơ do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại.

Đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa phục vụ cho nhân dân, triển khai chương trình phổ cập giáo dục trung học, chương trình phát triển nguồn nhân lực, tổ chức tốt Seagames, hoàn thành cơ bản việc đưa người nghiện ma túy đến các cơ sở trường, trại tập trung để cai nghiện, và tổ chức lao động, ổn định cuộc sống lâu dài.

- Tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc lập lại kỷ cương nhà nước trong quản lý đô thị, đặc biệt là quản lý giao thông, xây dựng nhà ở, quản lý đất đai và bảo vệ môi trường. Thực hiện thành công năm 2003 là "Năm trật tự kỷ cương, nếp sống văn minh đô thị".

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, gắn với việc thực hiện đồng bộ Nghị định số 93/2002/NĐ-CP của Chính phủ, triển khai chương trình Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước, tạo chuyển biến cơ bản trong giải quyết khiếu nại của nhân dân.

- Giữ vững an ninh - chính trị, bảo đảm trật tự - an toàn xã hội, hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng.

- Theo đó, các chỉ tiêu chủ yếu được xác định là : Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng 11% trở lên ; tổng vốn đầu tư phát triển 35 500 tỉ đồng ; thu hút đầu tư nước ngoài đạt 700 triệu USD ; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 38 216,9 tỉ đồng, trong đó thu nội địa 20 347,2 tỉ đồng ; giảm 20 000 hộ nghèo, về cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chí hiện nay ; di dời 30% số doanh nghiệp phải di dời đã lên danh sách cho 2 năm 2003 - 2004.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, Thành phố tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau :

1- Tập trung sự chỉ đạo và vốn để triển khai cương quyết các chương trình mục tiêu phát triển các ngành kinh tế chủ lực và các sản phẩm chủ lực. Thực hiện tốt các chương trình, công trình trọng điểm đã được Đại hội Đảng bộ Thành phố xác định ; chương trình di dời các doanh nghiệp gây ô nhiễm ra khu quy hoạch ; tập trung đầu tư khu đô thị mới Thủ Thiêm, khu công nghệ cao, khu Tây Bắc Thành phố. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

2- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài, các giải pháp xã hội hóa đầu tư (đấu thầu quyền sử dụng đất, phát hành trái phiếu đô thị), sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách.

3- Điều chỉnh quy hoạch tổng thể của Thành phố, tập trung giải quyết một cách đồng bộ các vấn đề về quản lý đô thị như kiến trúc, xây dựng, nhà đất, cấp thoát nước, trật tự - an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa trong các khu dân cư. Chấm dứt cơ bản việc xây nhà không có giấy phép và nạn đua xe.

4- Thực hiện quy chế về tái định cư, đền bù, giải tỏa với phương châm chuẩn bị tái định cư phải đi trước đền bù giải tỏa, và hình thành quỹ đất sẵn sàng phục vụ nhu cầu đầu tư theo quy hoạch.

5- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 93/2001/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở các đề án cụ thể hóa phân cấp quản lý cho từng sở, ngành, quận, huyện, theo hướng phân cấp và ủy quyền rộng hơn cho các sở - ngành, quận - huyện và ban hành các quy định về quản lý đô thị, kinh tế phù hợp với đặc điểm của Thành phố. Tăng cường và củng cố trên cả ba mặt thể chế, bộ máy và nhân sự để nâng cao năng lực và hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước các cấp. Tiếp tục mở rộng thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Triển khai đồng bộ chương trình tin học hóa quản lý hành chính nhà nước (chương trình 112).

6- Triển khai chương trình hành động của UBND Thành phố để thực hiện Nghị quyết 20 của Bộ Chính trị *"Về phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010"*, đặc biệt quan tâm chỉ đạo và đầu tư, tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, củng cố quốc phòng.

Phóng viên : *Xin chân thành cảm ơn đồng chí. Chúc Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố đạt nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới.* ❑

Digitized by Google

Những mặt hàng chủ lực CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2002

LƯU ĐỨC KHẢI*

2003 là năm đánh dấu một mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, nhiều mặt hàng của nước ta đã bắt đầu thực hiện cắt giảm thuế quan xuống còn từ 0 đến 5% trong Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Những năm đổi mới, nền nông nghiệp Việt Nam đã có bước tiến mạnh mẽ và vững chắc. Mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong lĩnh vực nông nghiệp đạt trung bình khoảng 4,3%/năm. Sản phẩm nông nghiệp không những đáp ứng tốt thị trường tiêu dùng của gần 80 triệu đồng bào trong nước, chấm dứt vĩnh viễn cái thời đi xin, đi vay lương thực để cứu đói, mà còn vươn ra thị trường thế giới. Những năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản đạt trên dưới 5 tỉ USD/năm, nâng tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nông sản lên chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của đất nước, mức tăng trưởng xuất khẩu nông sản hằng năm khoảng 13%. Nhiều nông sản đã trở thành những mặt hàng xuất khẩu mũi nhọn của Việt Nam, có vị thế quan trọng trên thị trường thế giới và khu vực. Xuất khẩu gạo chỉ đứng sau Thái Lan, cà-phê nhân chỉ đứng sau Bra-xin, hồ tiêu chỉ đứng sau Ấn Độ, có năm đã vượt lên hàng đầu. Có những mặt hàng làm cho các đối thủ cạnh tranh thế giới đáng gườm và lo ngại thực sự như cá da trơn (catfish), tôm đông lạnh trên thị trường Mỹ, có mặt hàng do nguồn cung của Việt Nam lớn đã góp thêm phần làm đảo lộn thị trường thế giới như cà-phê...

Việt Nam đã có lịch sử trồng lúa nước từ lâu đời. Hiện nay, đây vẫn là ngành sản xuất chủ lực của nền nông nghiệp nước nhà. Hơn 2/3 số hộ gia đình Việt Nam sống bằng nghề trồng lúa. Lúa được trồng ở hầu hết các vùng trong cả nước dưới hai hình thức lúa nước và lúa nương. Diện tích canh tác hiện nay khoảng 4 - 4,1 triệu héc-ta. Năm 2000, diện tích gieo trồng lúa cả nước lên đến 7,6 triệu héc-ta, chiếm tới 69% tổng diện tích gieo trồng nông nghiệp. Lúa hàng hóa được sản xuất tập trung chủ yếu ở hai vùng châu thổ, sông Hồng (chiếm 14% diện tích lúa cả nước) và sông Cửu Long (chiếm 52%).

Gạo xuất khẩu của Việt Nam chiếm 15,4% thị phần thế giới (Thái Lan : 27,4% ; Mỹ : 11,4% ; Trung Quốc : 11,2% ; Ấn Độ : 10,2% ; Pa-kit-stan : 8% và các nước khác 16,7%).

Theo nghiên cứu của nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế, chi phí sản xuất lúa của Việt Nam thuộc vào loại thấp nhất trong khu vực Đông Nam Á. Riêng đồng bằng sông Cửu Long, mức chi phí khoảng 1000 - 1050 đồng/kg, thuộc vào loại thấp nhất thế giới. Giá thành sản xuất lúa của Thái Lan, đối thủ khá mạnh của Việt Nam, cũng đã cao hơn giá thành sản xuất lúa của Việt Nam tới 12 - 15%.

Chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam đang ngày càng được cải thiện đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của thị trường thế giới. Nếu năm 1990 loại gạo có 5 - 10% tấm chỉ mới chiếm 14,2% lượng gạo xuất khẩu, thì đến năm 2000 đã lên đến 40%. Những cố gắng hiện nay của ngành trồng lúa trong việc cải thiện giống, công nghệ xay xát, đánh bóng, chọn màu, có đầy đủ cơ sở để hy vọng rằng phẩm cấp gạo xuất khẩu của Việt Nam sẽ được cải thiện nhiều hơn nữa trong vài năm tới.

---

* Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

Digitized by Google

Hiện nay, nước ta có tới 140 giống lúa được Hội đồng giống quốc gia công nhận, trong đó các giống lúa truyền thống có chất lượng cao chiếm khoảng 20%.

Những năm gần đây, nhờ có chính sách đầu tư phát triển thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, nên không những diện tích trồng lúa được tưới tiêu tăng lên đáng kể (thế kỷ trước, những năm 80 tăng bình quân 2,9%/năm, những năm 90 tốc độ tăng bình quân đạt 4,6%/năm). Điều đó đã đưa Việt Nam trở thành nước có tỷ lệ lúa được tưới tiêu vào loại cao nhất trong khu vực, đạt 88% năm 2000.

Trong vài chục năm gần đây, ngành thủy sản Việt Nam đã lớn mạnh không ngừng, với tốc độ tăng trưởng khá cả về lượng và chất :

	Năm				So sánh 2001/1980 (lần)
	1980	1990	2000	2001	
1. Sản lượng thủy sản (tấn)	558660	978880	2003700	2226900	3,8
- Khai thác hải sản	402300	672130	1280590	1347800	3,4
- Nuôi trồng thủy sản	156360	306750	723110	879100	5,6
2. Xuất khẩu (triệu USD)	11,3	205	1 475	1760	155,8
3. Số lượng tàu thuyền, (chiếc)	48844	72328	79017	78978	1,6
4. Tổng công suất (CV)	453871	727585	3204998	3722577	8,2
5. Số nhà máy chế biến đông lạnh	30	99	240	246	8,2

Những năm đầu của thập niên 90 thế kỷ XX, ngành nuôi trồng thủy sản mới bắt đầu khởi sắc và những năm gần đây đã có sự bùng phát lớn cả về diện tích, đối tượng nuôi. Tính đến năm 2001, diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 1,7 triệu héc-ta, diện tích các mặt nước đã sử dụng là 1,091 triệu héc-ta, tăng 74,2% so với năm 1998. Nhiều hình thức nuôi thủy sản đã được áp dụng, như nuôi thâm canh, bán thâm canh, nuôi lồng bè, nuôi xen canh tôm - lúa, tôm vườn, tôm rừng.

Trong khai thác hải sản, ngư dân đã chuyển dần sang khai thác có chọn lọc các đối tượng có giá trị xuất khẩu, có thị trường tiêu thụ. Nhiều địa phương, ngư dân đã đầu tư xây dựng các đội tàu liên hoàn, trong đó có tàu hậu cần dịch vụ để khai thác hải sản xa bờ bám biển dài ngày, giảm chi phí, nâng cao chất lượng bảo quản.

Tháng 11-1999, Việt Nam lần đầu tiên đã chính thức được đứng trong danh sách các nước xuất khẩu thủy sản vào EU, với 18 doanh nghiệp. Đến nay, số doanh nghiệp này đã lên đến con số 68, chiếm 26% tổng số các cơ sở chế biến thủy sản hiện có. Trên 100 đơn vị đã áp dụng HACCP, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu hàng sang thị trường Mỹ. Chỉ tính riêng các doanh nghiệp này, giá trị kim ngạch xuất khẩu đã chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành, chứng tỏ chất lượng của các mặt hàng thủy, hải sản xuất khẩu của Việt Nam đang ngày càng có uy tín trên thị trường quốc tế.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là tôm đông lạnh, cá các loại, mực và bạch tuộc (loài chân đầu), hàng thủy, hải sản khô...

Riêng sản lượng nuôi tôm sú, Việt Nam đứng thứ ba trong số các nước Đông Nam Á và Nam Á, sau Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Đến nay, mặt hàng tôm xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt trên 60 nước và vùng lãnh thổ, trong đó có các thị trường lớn như Nhật, Mỹ.

Nghề nuôi cá da trơn, nhất là cá tra, cá ba sa đã phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây nhờ thị trường tiêu thụ được mở rộng, có nhiều sáng kiến trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng, nên chi phí sản xuất các loại cá da trơn của Việt Nam thấp hơn nhiều so với các nước trên thế giới. Từ chỗ chưa có thị trường, năm 2001 sản lượng cá tra, cá ba sa đã đạt khoảng 120 000 tấn, trong đó xuất khẩu ước đạt 32 000 tấn, kim ngạch xuất khẩu lên gần 75 triệu USD.

Do có khoảng 2000 ki-lô-mét bờ biển miền Trung tiếp giáp với đại dương nên nguồn mực của Việt Nam tương đối dồi dào, chất lượng cao và là một mặt hàng xuất khẩu có nhiều triển vọng đem lại nhiều lợi nhuận. Giá trị kim ngạch xuất khẩu trung bình mấy năm gần đây của các loài nhuyễn thể đạt trên dưới 100 triệu USD, thị trường tiêu thụ rộng, hiện đang có 38 nước nhập khẩu sản phẩm này của Việt Nam, trong đó Nhật Bản chiếm 53% thị phần.

Ngành chăn nuôi đã có sự phát triển đáng kể trong những năm đổi mới. Giai đoạn 1991 - 2000, số đầu lợn tăng bình quân 4,7%/năm, gia cầm

Digitized by Google

tăng 5,7%/năm, bò tăng 2,6%/năm, trâu tăng 0,14%/năm. Chăn nuôi gia cầm đang ngày càng được phát triển mạnh, chủ yếu trong các hộ gia đình nông dân. Sản lượng thịt lợn tăng gần 2 lần trong vòng 10 năm, đến năm 2000 đạt trên 1,4 triệu tấn. Sản lượng thịt gia cầm hơi năm 2000 đạt khoảng 286,5 ngàn tấn. Sản lượng thịt bò hơi cả nước năm 2000 đạt khoảng 92,2 ngàn tấn.

Thị trường tiêu dùng thịt của cả nước đang tăng lên đáng kể, nhất là tại các thành phố lớn. Mức tiêu thụ thịt hơi trong nước mới chỉ đạt bình quân 22kg/người/năm.

Người tiêu dùng cũng đang chuyển hướng từ số lượng sang chất lượng thịt. Do đó, các hộ gia đình ở nhiều địa phương đã nắm bắt kịp thời nhu cầu này đang tiến hành nuôi gà thả vườn, và các loại vật nuôi đặc sản, hiệu quả kinh tế không ngừng tăng lên.

Bên cạnh chăn nuôi gia súc lấy thịt, phong trào chăn nuôi gia súc lấy sữa cũng đang được quan tâm và cho hiệu quả kinh tế cao. Năm 2000, sản lượng sữa tươi trong nước đạt khoảng 50 ngàn tấn. Tuy nhiên, sữa nhập khẩu vẫn đang chiếm tới 90% nhu cầu tiêu dùng sữa của Việt Nam. Chính phủ đang có chủ trương phấn đấu đến năm 2010, sản lượng sữa sản xuất trong nước sẽ đạt khoảng 500 ngàn tấn, vươn lên đáp ứng 38% nhu cầu tiêu dùng sữa trong cả nước.

Cà-phê là mặt hàng xuất khẩu được Chính phủ Việt Nam xếp vào nhóm ngành hàng có thế mạnh xuất khẩu, lịch trình cắt giảm thuế đã bắt đầu từ năm 1998, sớm nhất trong số các mặt hàng nông sản của Việt Nam. Thuế suất sẽ còn 5% vào năm 2003, như lịch trình đã được cam kết.

Đây là mặt hàng rất quan trọng, doanh số buôn bán cà-phê trên thế giới chỉ đứng sau dầu mỏ. Trong khi đó các đồn điền cà-phê chính lại nằm ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Cà-phê nhân chiếm 95% sản phẩm tiêu thụ, còn lại là các sản phẩm cà-phê rang, cà-phê hòa tan.

Sản phẩm cà-phê của Việt Nam chủ yếu dành cho xuất khẩu (khoảng 90%), tiêu dùng trong nước chỉ chiếm tỷ trọng 10%. Thị trường tiêu thụ cà-phê Việt Nam trong những năm trước 1990 là Liên Xô và các nước Đông Âu. Giai đoạn 1990 - 1995, thị trường đã chuyển dịch sang Xin-ga-po (nơi trung chuyển). Từ khi Mỹ bỏ cấm vận (1995), cà-phê Việt Nam đã có mặt ở các thị trường khác. Khoảng 80% khối lượng xuất khẩu được xuất trực tiếp sang 30 nước trong đó có các nước phát triển như Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Bỉ, I-ta-li-a, Thụy Điển, Phần Lan, v.v.. Mỹ đã và đang trở thành khách hàng lớn của cà-phê Việt Nam. Nếu năm 2000, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ 112 nghìn tấn cà-phê, đạt kim ngạch 70 triệu USD thì 8 tháng năm 2001 đã xuất khẩu sang Mỹ 97 nghìn tấn, đạt kim ngạch 43 triệu USD. Sở dĩ như vậy là do mức thuế thấp, nhu cầu cà-phê trên thị trường châu Âu và Mỹ ổn định.

So sánh tổng khối lượng cà-phê buôn bán trên toàn thế giới, thì cà-phê Việt Nam chiếm khoảng 10%. Tuy tỷ trọng không cao, nhưng sự thay đổi khối lượng xuất khẩu cà-phê Việt Nam rõ ràng có tác động đáng kể đến cung cầu và giá cả cà-phê trên thế giới. Trên thực tế, việc sản xuất, buôn bán và xuất khẩu cà-phê ở Việt Nam đã bác bỏ nhận thức ấu trĩ một thời cho rằng, Việt Nam là nước nhỏ, nên khỏi phải lo sự ảnh hưởng của nguồn cung trong thị trường thế giới. Kể từ khi Việt Nam tham gia xuất khẩu với khối lượng tăng dần từ vài chục ngàn tấn lên hàng trăm ngàn tấn (bình quân mỗi năm tăng 20%) đã là một tác nhân quan trọng làm thị trường cà phê cung vượt cầu, giảm giá, đến tháng 9-2001 còn 320 USD/tấn thấp hơn cả giá cà-phê những năm 1992, 1993 (700 USD/tấn).

Năng suất cà-phê Việt Nam thuộc vào loại cao trên thế giới và tăng nhanh trong những năm vừa qua, trong khi năng suất cà-phê của các nước khác tăng không nhiều cụ thể qua biểu số liệu sau :

Đơn vị (kg/ha)

Năm	Việt Nam	In-đô-nê-xi-a	Châu Á	Thế giới	VN/TG (lần)
1991	800	561	421	469	1,7
1996	1 300	559	770	552	2,35
1997	1 700	847	775	600	2,85
1998	1 830	927	767	650	2,80
1999	1 900	930	780	680	2,90

Nguồn : Bộ Thương mại

Digitized by Google

Việt Nam là nước xuất khẩu hạt điều lớn, chỉ sau Ấn Độ và Bra-xin. Theo lịch trình giảm thuế của Việt Nam trong khuôn khổ CEPT/AFTA, hạt điều thuộc Chương 8 : Các loại quả hạt ăn được ; vỏ quả họ chanh hoặc dừa, và thuộc danh mục cắt giảm. Lịch trình cụ thể đến năm 2006 thuế suất xuất nhập khẩu sẽ còn 5%.

Do giá hạt điều xuất khẩu cao so với mức sống chung của dân cư trong nước, nên mức tiêu thụ trong nước ít, chỉ đạt khoảng 3 - 5% tổng sản lượng trong nước, chủ yếu cho các cơ sở sản xuất bánh kẹo, các nhà hàng sang trọng.

Hằng năm, toàn thế giới sản xuất khoảng trên 150 ngàn tấn hạt điều nhân khô. Những nước sản xuất điều lớn trên thế giới không nhiều. Riêng ba nước Ấn Độ, Bra-xin và Việt Nam đã chiếm 93,4% sản lượng điều toàn thế giới và cung cấp 92% sản lượng hạt điều xuất khẩu. Nhu cầu tiêu thụ hạt điều trên thế giới thời gian qua là ổn định và sắp tới sẽ có xu hướng tăng mạnh, nhất là thị trường ở các nước phát triển.

Sản phẩm điều nhân được sản xuất ở Việt Nam chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu, với khối lượng tăng từ 18 260 tấn (năm 1995) lên 27 000 tấn (năm 2000), kim ngạch xuất khẩu tương ứng tăng từ 90 ngàn USD lên 120 ngàn USD. Với tốc độ tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, sản phẩm hạt điều đã nhanh chóng vươn lên chiếm vị trí thứ 4 trong các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam.

Chi phí thấp, thời gian đầu tư kiến thiết cơ bản ngắn (3 - 4 năm), do đó việc trồng cây điều và chế biến hạt điều là ngành sản xuất và xuất khẩu có hiệu quả cao. Nhiều chuyên gia kinh tế nông nghiệp đánh giá cao tiềm năng cây điều ở Việt Nam. Giá nhân điều trong nước thấp hơn ngoài nước từ 7 đến 10%.

Trong thời gian qua, cây điều chủ yếu do người dân tự trồng và tự chăm sóc với mức đầu tư thấp (chỉ bằng 58% mức đầu tư của cà-phê và 60% của cây cao-su), nhưng năng suất đạt từ 6 - 7 tạ hạt thô/ha.

Năm 1980, cả nước mới có 30 ngàn héc-ta điều, đến năm 1999 diện tích điều đạt 255 ngàn ha cho sản lượng 140 ngàn tấn, năng suất bình quân 0,5 tấn nhân/ha. Năng suất này chỉ bằng 60% mức bình quân chung của thế giới. Thời gian qua, cây điều vẫn chủ yếu là quảng canh, diện tích thâm canh chỉ đạt 20%, trong điều kiện thiếu chọn giống, thiếu chăm sóc và thiếu quy trình canh tác tiên tiến.

Theo lịch trình đã cam kết, chè là mặt hàng thuộc nhóm 1 và có lịch trình cắt giảm thuế trong hiệp định CEPT/AFTA giống như đối với cà-phê. Nghĩa là, giảm thuế còn 5% vào năm 2003 đối với chè sơ chế và vào năm 2006 đối với chè thành phẩm. Việt Nam là nguồn cung cấp chè lớn trong các nước ASEAN, do có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai và cả yếu tố truyền thống.

Theo tính toán của FAO, sản lượng chè thế giới sẽ tăng nhanh từ 1,97 triệu tấn (năm 1994) lên 2,7 triệu tấn (năm 2005), đạt tốc độ tăng 2,8%/năm. Sản lượng chè tăng nhanh ở tất cả các nước sản xuất chè lớn trên thế giới.

So với mức xuất khẩu chè trên thế giới, Việt Nam chiếm tỷ trọng rất nhỏ : 4,4% (53 000 tấn/1,2 triệu tấn). Giá chè Việt Nam thấp hơn thế giới từ 20 đến 25% lại luôn biến động thất thường, chưa thể hiện hướng xích gần giá thế giới. Bạn hàng chè lớn của Việt Nam là I-rắc, Đài Loan (chiếm tới gần 60% sản lượng chè xuất khẩu), Li-bi, An-giê-ri, Anh, Pháp, Bun-ga-ri, Nga, Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, v.v..

Khả năng cạnh tranh cho thấy, chè Việt Nam có khả năng cạnh tranh ở mức trung bình yếu. Nghĩa là, muốn tăng khả năng cạnh tranh cần có sự thay đổi đáng kể về điều kiện sản xuất và công nghệ chế biến, cũng như thay đổi các yếu tố khác.

Các mặt hàng cao-su tự nhiên sơ chế của ta đang có thuế suất thấp (1%). Do đó, Chính phủ Việt Nam đã xếp ngành hàng cao-su vào nhóm "Cam kết cắt giảm ngay" để thực hiện CEPT/AFTA từ năm 1996 và 1997.

Do bị cao-su nhân tạo cạnh tranh mạnh, nên theo dự báo của FAO, sản xuất cao-su tự nhiên sẽ giảm sản lượng và ước đạt 7,76 triệu tấn vào năm 2005. Các nước Đông Á vẫn tiếp tục chi phối thị trường cao-su thế giới, trong đó sản lượng cao-su

Digitized by Google

của In-đô-nê-xi-a tăng mạnh đạt 1,9 triệu tấn vào năm 2005. Thái Lan sẽ giảm sản lượng, nhưng vẫn là nước sản xuất cao-su lớn nhất thế giới. Sản lượng cao-su của Trung Quốc, Ấn Độ, Phi-lip-pin tăng nhẹ. Sản lượng cao-su của Ma-lai-xi-a cũng sẽ giảm do một phần đất trồng cao-su sẽ được chuyển sang trồng cọ dầu, sản lượng ước đạt 900 ngàn tấn vào năm 2005. Ba nước Đông Nam Á là Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu cao-su toàn thế giới. Dự báo năm 2005, các nước này xuất khẩu 4,6 triệu tấn, chiếm 86% lượng cao-su xuất khẩu. Riêng Việt Nam chiếm khoảng 3% tổng xuất khẩu.

Cao-su của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Nga, các nước SNG, Trung Quốc. Riêng với Trung Quốc, chủ yếu lại theo con đường tiểu ngạch nên không ổn định.

Sản phẩm cao-su của ta có chất lượng cao, trong khi đó nhu cầu thị trường thế giới chủ yếu là loại cao-su có phẩm cấp trung bình và thấp, thích hợp cho sản xuất lốp ô-tô, nên không chiếm lĩnh được thị trường. Biện pháp trước mắt là, chuyển đổi cơ cấu chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường thế giới ; hạ giá thành sản phẩm ; đẩy mạnh phát triển sản xuất trong các ngành chế tạo dùng sản phẩm cao-su trong nước... sẽ góp phần giảm thiểu khó khăn của ngành cao-su trong những năm tới.

Theo lịch trình cắt giảm thuế đã cam kết, toàn bộ Chương 7 gồm "Các loại rau và một số củ rễ ăn được" đã được đưa vào Danh mục cắt giảm thuế ngay. Nhưng đối với ngành chế biến rau quả thì được xếp vào Danh mục loại trừ tạm thời (thuộc nhóm 2) với một tiến trình chậm hơn để có thời gian nâng cấp các cơ sở chế biến trong nước trước khi mở cửa thị trường. Lịch trình cụ thể như sau :

Năm	*1998*	*1999*	*2000*	*2001*	*2002*	*2003*	*2004*	*2005*	*2006*
Rau quả qua chế biến					40%	30%	20%	15%	5%
Rau, củ	20%	20%	15%	15%	10%	5%			
Quả (chương 7)	30%	20%	20%	20%	15%	15%	15%	10%	5%
Quả (Chương 8)			30%	20%	20%	20%	15%	10%	5%

Theo dự báo của FAO, nhu cầu nhập khẩu rau quả trên thế giới sẽ tăng. Tổng Công ty Rau quả Việt Nam cho biết, khoảng 80% sản phẩm quả để phục vụ nội tiêu. Tuy nhiên, mức tiêu thụ bình quân đầu người hiện nay của Việt Nam mới khoảng 38kg /năm (theo FAO), tức là còn khá thấp so với các nước trên thế giới (châu Á là 62 kg, châu Phi là 77 kg, Mỹ La-tinh là 196 kg). Với mức tăng trưởng kinh tế khoảng từ 5 đến 10 % và dân số tăng gần 2%/năm, mức tiêu thụ bình quân có thể tăng 10%/năm trong thời gian tới, đạt 81kg/người/năm vào năm 2005. Như vậy, thị trường tiêu thụ trong nước còn khá lớn.

Do mức độ phát triển kinh tế và thói quen tiêu dùng, thị trường trong nước sẽ tiêu thụ rau quả tươi là chính. Rau quả chế biến sẽ được tiêu thụ ít hơn, thường chỉ thích hợp với các nhà hàng sang trọng, nên việc nhập khẩu rau quả tươi khối lượng lớn vào thị trường Việt Nam ít có khả năng xảy ra (còn do chi phí cao bảo quản khó), trừ một số chủng loại do Việt Nam không.có. Điều đó cho thấy mở cửa thị trường rau tươi sẽ không làm ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ rau quả tươi trong nước.

Diện tích trồng rau quả năm 2000 là 613 ngàn héc-ta (tăng mỗi năm 3% tương đương 16 ngàn héc-ta). Cả nước có 377 nghìn héc-ta rau trong đó 113 nghìn héc-ta chuyên canh và 264 nghìn héc-ta xen canh với khoảng 70 loại rau khác nhau, đạt sản lượng 5,6 triệu tấn. Diện tích cây ăn quả cả nước đạt khoảng 425 nghìn héc-ha và đang tăng lên rất nhanh trong những năm gần đây, sản lượng đạt 3,8 triệu tấn quả/năm, sản lượng đạt 6,97 triệu tấn (mỗi năm tăng bình quân 0,15 triệu tấn), năng suất bình quân đạt 11,4 tấn/ha, đây là mức thấp so với thế giới, đặc biệt năng suất một số quả tươi còn rất thấp (vải : 6 tấn/ha ; quýt : 15 tấn/ha ; xoài : 10,8 tấn/ha ; cam : 20 tấn/ha).

Theo đánh giá của các chuyên gia, Việt Nam có tiềm năng lớn trong xuất khẩu các mặt hàng rau quả, cơ cấu mặt hàng phong phú, thu hoạch xen kẽ quanh năm, nên có nhiều lợi thế về tính chất tươi sống của rau quả, chất lượng tốt. Tuy nhiên, do nhiều lý do mà hiện nay kim ngạch xuất khẩu rau quả vẫn chưa ngang tầm với năng lực sản xuất thực tế. ❑

Digitized by Google

VỚI CÁCH MẠNG, NHẠC VIỆT KHỞI SẮC XUÂN

DƯƠNG VIẾT Á*

KHỞI SẮC TỪ MÀU ĐỎ

Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, màu đỏ dường như gợi thức sự bừng tỉnh hân hoan. Năm hết, Tết đến, Xuân sang... Một Năm Mới tràn trề hy vọng. Chẳng phải riêng ai ! Đền đài, cung điện, đình làng, miếu nhỏ... hòa đỏ màu cờ. Trong từng căn nhà, câu đối, cành hoa... như cùng thi sức : ai đỏ hơn ai.

Đúng là do tác động cực nhanh và cực mạnh vào thị giác mà màu đỏ thường được sử dụng để gọi gợi những điểm chuyển ngoặt khác thường. Từ màu đỏ do mắt ghi nhận, đi vào tâm thức, đã thành màu đỏ - tâm linh. Từ cõi phàm đến cõi thiêng, màu đỏ không chỉ còn là màu đỏ !

Với Cách mạng Tháng Tám - một bước ngoặt lịch sử của dân tộc - màu đỏ đã trở thành một kỷ niệm khó quên ! Sáng cờ đỏ ? Chưa phải ! Rừng cờ đỏ ? Chưa hẳn đúng ! Biển cờ đỏ ? Gần như thế ! Phải nói là đất trời Việt Nam là đất trời màu đỏ - màu đỏ cách mạng, màu đỏ chiến đấu. Nhưng trước hết, và là cội nguồn sâu xa, đó là màu đỏ của lòng người, của lý tưởng.

Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm. Âm nhạc cách mạng, nói rộng, ca khúc cách mạng, nói hẹp, khởi đầu từ năm 1930, rồi trải dài qua hai cuộc kháng chiến, cho đến những năm tháng hòa bình xây dựng và đổi mới - hôm qua và cả hôm nay - vẫn thắm tươi màu đỏ. Ngót ba phần tư thế kỷ trước đây, những con dân Việt Nam đã nhất tề đứng lên, *đời..., không cần lo ; nhà..., không cần tiếc; quyết hy sinh, đồng tâm, đều bước...*, hát vang khúc ca *"Cùng nhau đi Hồng binh"* của Đinh Nhu. Mang màu đỏ của trái tim yêu nước, những đội hồng binh, xích vệ... ngày càng phát triển và trưởng thành, đã cùng nhuộm thắm cho *"Màu Cờ Việt Minh"* (Vương Gia Khương), giương cao và *"Phất cờ Nam tiến"* (Hoàng Văn Thái), *tiến mau ra sa trường, vì nhân dân chiến đấu, để cờ in máu chiến thắng mang hồn nước* (*Tiến quân ca* - Văn Cao)... Để rồi có một ngày, *ba mươi sáu phố phường hôm ấy, là những ngày sông đỏ sóng cờ* (*Ba Đình nắng* - Bùi Công Kỳ, Vũ Hoàng Địch) ; và *tung bay là tung bay, cờ đỏ sao vàng* (*Lá cờ Tháng Tám* - Phan Thanh Nam)... Nhưng cách mạng cũng là một con đường với nhiều chặng, nhiều cung. Trên nửa phía Bắc được giải phóng, *rợp trời, cờ đỏ tung bay* trong *tiếng hoan hô* (*Quê tôi giải phóng* - Văn Chung), và trên nửa nước phía Nam, mọi người dân lại tiếp tục *vai sát vai chung một bóng cờ* (*Giải phóng miền Nam* - Lưu Hữu Phước). Bắc cũng như Nam, lớp lớp sóng người vững bước, muôn trái tim hòa nhịp, triệu đôi mắt... một hướng : *cờ hồng rực rỡ* (*Tiến bước dưới quân kỳ* - Doãn Nho). Để rồi lại có một ngày *cờ đỏ tung bay cuộc đời mới*, trên nửa nước phía nam, và cả nước cùng sống lại với không khí ba mươi năm về trước (1945) : *Mùa thu lại về* (*Nha Trang Mùa thu lại về* - Văn Ký).

Ôi ! Màu đỏ, màu đỏ thiêng liêng của nền cờ Tổ quốc ! Màu đỏ, màu tin yêu của nền cờ Đảng. Đó là màu của *Bình minh, màu của niềm tin và màu cờ ấy là lời tình yêu* (*Màu cờ tôi yêu* - Phạm Tuyên - Diệp Minh Tuyền).

Nhạc Việt đã khởi sắc từ màu đỏ hay là màu đỏ đã khởi sắc cho nhạc Việt ?

KHƠI DẬY NHỮNG MÀU XANH

Màu đỏ của niềm tin của lý tưởng đã được những trái tim - công dân nước Việt ấp ủ, để rồi chín dậy và lên men xanh trong tâm hồn của cả một thế hệ trẻ những ngày đầu cách mạng và kháng chiến - và trong âm nhạc, trước hết, phải nói đến các nhạc sĩ sáng tác. Đó là một lớp người đang độ thanh xuân, hăm hở theo cách mạng kháng chiến ; viết nhạc, làm thơ chỉ như một nhu cầu được dâng hiến. Có thể

* Nhà giáo Ưu tú, GS Mỹ học Âm nhạc, Nhạc Viện Hà Nội

Digitized by Google

vụng dại, ngây thơ, có thể hồn nhiên, ấu trĩ..., nhưng nổi trội và tỏa sáng vẫn là màu xanh của cảm xúc, men xanh của tiếng lòng. Đó là những nhạc sĩ đi theo cách mạng ? Không hẳn thế ! Trước hết, họ là những chiến sĩ, dùng âm thanh, bằng bài ca, khúc hát... dưới ngọn cờ cách mạng. Dường như danh hiệu nhạc sĩ chưa xuất hiện trong tâm trí, khi họ đặt bút vào bản thảo chắp cánh cho những dòng cảm xúc đang dào dạt trào dâng. Tuổi thanh xuân, họ định lập thân bằng con đường cứu nước, cứu nhà, hóa ra đó cũng lại là con đường lập danh, lập nghiệp. Khác nhau về nơi sinh, chốn ở, khác nhau về xứ sở, vùng miền ; khác nhau về trang đời, độ tuổi ; khác nhau về cảm hứng, đề tài..., nhưng lại chung gặp ở sức xuân tràn đầy niềm hy vọng. Vậy nên, tất cả các nhạc phẩm của họ đều là *nhạc tuổi xanh* như nhiều tên gọi cho nhiều bài hát, nói cho đúng đó là một gam màu xanh với nhiều sắc độ trong từng ca khúc. Này đây, màu xanh non tơ tuổi mười sáu trong *Chiều trên Bồng Sơn* (Nhật Lai), *Ca ngợi đời sống mới* (Nguyễn Đức Toàn), *Biệt đô thành* (Hoàng Việt)... Này đây, màu xanh mơn mởn tuổi mười bảy trong *Mùa trăng về* (Tân Huyền), *Bài ca công nhân quân giới* (Phan Thanh Nam), *Vũ khúc tưng bừng* (Lương Ngọc Trác)... Và đây nữa, xanh rờn tuổi mười tám trong *Bài ca tự cấp, tự túc* (Vĩnh An), *Người chiến sĩ khu ba* (Tô Hải), *Hồn nước* (Trần Hoàn), *Con kênh xanh xanh* (Ngô Huỳnh), *Trưng Vương* (Đỗ Nhuận), *Chiều Việt Bắc* (La Thăng), *Bộ đội qua làng* (Trọng Bằng)... Và đây nữa, xanh mượt tuổi mười chín trong *Làng tôi* (Hồ Bắc), *Khu rừng miền Đông* (Lưu Cầu), *Tâm sự người chiến sĩ thành Tô* (Vũ Trọng Hối viết khi chưa biết nhạc), *Nhớ vào quê em* (Tân Huyền), *Chiến thắng biên giới* (Chu Minh), *Vào lục quân* (Phạm Tuyên)... Lại đây nữa, xanh thắm tuổi hai mươi trong *Bình Trị Thiên quật khởi* (Văn Ký), *Nhanh bước nhanh nhi đồng* (Phong Nhã), *Mười chín Tháng Tám* (Xuân Oanh), *Hò voi* (Trần Ngọc Sương)... Còn đây, xanh biếc tuổi hai mươi mốt trong *Về đồng bằng* (Nguyễn An), *Đường lên Tây Bắc* (Văn An), *Đoàn giải phóng quân* (Phan Huỳnh Điểu), *Sáp chiến* (Đắc Nhẫn), *Qua miền Tây Bắc* (Nguyễn Thành), *Tin chiến thắng* (Hoàng Vân)... ; và rồi mở ra một màu xanh ngan ngát, bạt ngàn tuổi hai mươi hai, có dư và có lẻ, trong *Bắc Sơn* (Văn Cao), *Sẽ về Thủ đô* (Huy Du), *Kháng chiến ca* (tập ca khúc của Hoàng Hà), *Gửi anh du kích* (Xuân Hòa), *Toàn dân kháng chiến* (Trọng Loan), *Đánh giặc tăng gia* (Văn Cận), *Bước chân người chiến sĩ* (Vân Đông), *Nhắn người chiến sĩ* (Doãn Mẫn), *Anh thương binh về làng* (Hoàng Nguyễn), *Mùa hoa nở* (Nguyễn Văn Tý)... Đúng là những sắc tuổi xuân - và cũng là những sắc mơ xanh ! Mà tiếc thay không thể nào kể hết !

Những dòng âm thanh ấy đã khơi dậy một biển người cùng ca hát - một công chúng xanh tuổi đời, lại càng xanh hơn trong niềm tin và hy vọng gửi hòa vào từng tiếng hát câu ca. Từ cuộc đời "sống như cua cáy, ngẩng đầu lên chẳng thấy mặt trời" (Chung Anh), công chúng đó hát để "rũ bùn", hát để "đứng dậy" (Nguyễn Đình Thi). Từ những cá thể - người rời rạc như những củ khoai tây (C.Mác), họ hát để tìm thấy sức mạnh của khối, của đội, của đoàn...

Những từ cùng, đồng, chung... xuất hiện từ ngày đầu khi Đảng ra đời : *Cùng nhau đi hồng binh, đồng tâm ta đều bước* (*Cùng nhau đi hồng binh* - Đinh Nhu) dần dần trở thành *từ* chủ đạo trong ca khúc cách mạng. Với Vương Gia Khương, *thề cùng nhau quốc dân đồng tâm thống nhất (Cờ Việt Minh)* ; với Lưu Hữu Phước, *đồng lòng cùng nhau ta đi xá gì thân sống (Tiếng gọi thanh niên), cùng nhau xông pha, nguyền đồng lòng cùng hiên ngang (Lên Đàng)* ; với Đỗ Nhuận, *cùng vác súng, cùng lắp lưỡi lê, cùng nhau bắn (Du kích ca)* ; với Văn Cao, *chung lòng cứu quốc, cùng chung sức phấn đấu, cùng nhau lập chiến khu, cùng tiến lên (Tiến Quân ca)* ; với Xuân Oanh, *tiến lên cùng hô (Mười chín Tháng Tám)* ; với Lưu Bách Thụ, *cùng theo bước cụ Hồ Chí Minh (Biết ơn cụ Hồ Chí Minh)* ; với Văn Chung, *cùng tát nước, cùng chăm bón, cùng gặt, cùng nhau vui hát (Hò dân cày)*... Những từ ấy *(đồng, cùng, chung)* đâu phải là lạ lẫm trong vốn từ vựng Việt Nam ? Nhưng với cách mạng, với công chúng của âm nhạc cách mạng, nghĩa là vào hoàn cảnh, ngữ cảnh và nhạc cảnh đó, lại trở thành mới mẻ trong tâm thức văn hóa cách mạng của các con dân đất Việt thời ấy.

Lại còn một từ *ta* nữa ! Ai mà chẳng nhớ những câu ca dao sau đây: *Mình về mình nhớ ta chăng / Ta về ta nhớ hàm răng mình cười ; Mình về ta chẳng cho về / Ta nắm vạt áo ta đề câu thơ*... Đôi ta chữ tình !!! Ta cũng chỉ là tôi, hoặc tôi cộng một. Không có và không thể có khái niệm *ta* như là một tập hợp số học trong cuộc cách mạng mà cái ta đồng tính (chiến đấu) và đồng chất (cách mạng). Nếu có chăng nữa, trong câu xô, câu xướng, trong lao động í ới gọi nhau đều tay, đều nhịp *(Hò dô ta nào)*, thì đó cũng chỉ là hiệu lệnh, chỉ lệnh. Còn trong bảy mươi năm ca khúc cách mạng, ngay từ những ngày đầu cho đến tận những giây phút hôm nay, từ *ta* luôn

Digitized by Google

ngân vang đầy tự tin và tự hào, dõng dạc như là lời kêu gọi, đĩnh đạc như bản tuyên ngôn, thôi thúc như tiếng kèn xuất trận : *Ta quyết chí* (*Cùng nhau đi hồng binh*), *Ta kết đoàn* (*Tiếng gọi thanh niên*), *Ta chung thành* (*Du kích ca*), *Ta nguyện đồng tâm* (*Cảm tử quân* - Hoàng Quý), *Ta đi lên* (*Diệt phát xít* - Nguyễn Đình Thi), *Ta thi đua* (*Mùa lúa chín* - Hoàng Việt) ; *Ta giương cánh buồm* (*Vượt trùng dương* - Nguyễn Văn Tý), *Đời chúng ta đâu có giặc là ta cứ đi* (*Hành quân xa* - Đỗ Nhuận), *Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp, Chí ta lớn như biển Đông* (*Ta đã lớn* - Nguyễn Xuân Khoát, Tố Hữu)...

Ngay trong tên gọi của tác phẩm, gói gọn trong dăm bảy từ, mà vẫn dành chỗ cho từ *ta*. Bởi vì tên gọi của tác phẩm không chỉ mang chức năng sử dụng mà còn nhiều ý nghĩa sâu xa. Nó ẩn chứa cảm hứng chủ đạo, tứ trung tâm của tác phẩm và khơi gợi việc tạo dựng hình tượng âm nhạc trong tâm trí người nghe. Vậy nên những từ *ta* trong tên gọi của ca khúc cách mạng mang nhiều sức nặng, thật xứng đáng là "nhất tự thiên kim" (một chữ nghìn vàng). Tiêu biểu là các bài : *Ta đã lớn, Hòa bình trên đất nước ta* (Nguyễn Mạnh Thường), *Ca mừng đời ta tươi đẹp* (La Thăng), *Hát mừng quê ta* (Lê Lôi - Huyền Tâm), *Cả cuộc đời về ta* (Lưu Hữu Phước), *Việt Nam ta đang mùa hoa* (Vũ Trọng Hối), *Trên đường ta đi tới* (Bửu Huyền), *Ta người chiến sĩ giải phóng quân* (Văn Lưu, Triều Dâng), *Quảng Bình quê ta ơi* (Hoàng Vân), *Mỗi bước ta đi* (Thuận Yến), *Phi đội ta xuất kích* (Tường Vi), *Dân ta đánh giặc anh hùng* (Nguyễn Văn Thương), *Đường chúng ta đi* (Huy Du - Xuân Sách), *Xe ta đi trong đêm Trường Sơn* (Tân Huyền), *Ta tự hào đi lên, ôi Việt Nam !* (Chu Minh, Hoàng Trung Thông)... Chắc không cần kể thêm bởi chừng ấy cũng đã là quá đủ.

Trong những năm tháng cách mạng và kháng chiến, có thể nói cả nước cùng ca hát ; tiền tuyến và hậu phương, ruộng đồng và nhà máy, rừng núi và duyên hải, già và trẻ, nữ và nam, quân và dân... đều tìm thấy nguồn lực tinh thần trong ca hát. Và đã xuất hiện một đại công chúng của âm nhạc - hiện tượng chưa hề có trong lịch sử dân tộc. Và cũng chưa hề có cái ranh giới - dù là mong manh - giữa nhạc sĩ sáng tác và công chúng thưởng thức. Bởi vì các nhạc sĩ - tác giả ý thức rằng, đây là công dân đang thực hiện nghĩa vụ, và đại công chúng cũng ý thức rằng, ca hát là để thực hiện nghĩa vụ công dân. Đó là một sự giao cảm, giao hòa, hội nhập và hội lưu - một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử nghệ thuật của đất nước. Bởi vì, cả cộng đồng người Việt Nam vào những thời điểm ấy chỉ có một chữ *đồng* trong óc, chữ *chung* trong tim và chữ *cùng* trong hành động... để đạt tới một chữ *ta* cao rộng mênh mang.

TA trở thành tiếng gọi thiêng liêng của một thế hệ - một thế hệ sung sức tuổi thanh xuân. Không có sự ngăn cách giữa nhạc sĩ và diễn viên, không có ranh giới của tác giả và thính giả, không có "đơn ca" đơn độc mà chỉ có đơn ca trong dàn "đồng ca", "đồng thanh" của những người đồng trang, đồng lứa, đồng tuế, đồng niên, cùng hòa đồng trong chữ TA. Nên chăng chữ ta viết bằng màu xanh - xanh tuổi thanh xuân, xanh sức trẻ, và đan dệt những ước mơ xanh ? TA ca hát để ta cùng chiến đấu, sản xuất, và ta sản xuất, chiến đấu trong tiếng hát câu ca của chúng ta. Chức năng giáo dục của âm nhạc cách mạng đã hiện hữu trong đời sống cách mạng thật tuyệt vời - lại là một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam. Nói đúng hơn, chính lịch sử, chính cách mạng đã tạo điều kiện thuận lợi tuyệt vời đó cho âm nhạc thực thi chức năng giáo dục của mình.

LẮNG NGÂN THÀNH MÀU TÍM

Ca khúc cách mạng là của một thời chăng ? Đúng là sản phẩm tinh thần của một thời. Và, mãi mãi ! Như có phép tiên, ca khúc cách mạng sống vượt không gian, vượt thời gian, trẻ mãi không già ! Ra đời từ một vùng, miền, rồi lan tỏa khắp cả nước, rồi ngân vang trên cả hành tinh ; ra đời vào một thời điểm, rồi lại được hát tiếp vào mọi thời điểm - hôm nay và cả mai sau.

Người ta thường tìm cách lý giải về sức sống trường tồn, về giá trị vĩnh cửu của cái đẹp trong nghệ thuật, trong âm nhạc... Và thường dừng lại ở thủ pháp, bút pháp, thi pháp... nói chung là thuộc về hình thức nghệ thuật. Song nhìn lại lịch sử nghệ thuật, ta thấy thủ pháp không lặp lại, bút pháp luôn thay đổi, thi pháp sống từng thời... - hình thức nghệ thuật luôn bị vượt qua và không bao giờ có điểm cuối. Sức sống lâu dài của tác phẩm nghệ thuật thuộc về nội dung mang tính người, tình người, "Bản chất người".

Ca khúc cách mạng, nhất là khi mới ra đời, về hình thức nghệ thuật thật giản dị đến mức thành giản đơn, hồn nhiên đến mức tự nhiên... Song nó đã sống, đang sống và sẽ sống - dĩ nhiên không phải là tất cả. Từ màu đỏ của tâm chuyển sang màu xanh của tình, và rồi lắng đọng, lắng sâu, ngân dài, ngân xa gợi thức một màu tím trong lòng nhiều thế hệ - màu tím ngát hoài niệm màu tím thủy chung.

Digitized by Google

Những bậc lão thành, những người cao tuổi... cứ mỗi lần nghe ca khúc cách mạng là một lần được sống lại, được dậy với tuổi thanh xuân của mình. Hình và ảnh, người và cảnh... hiện và ẩn, đậm và nhạt... cho dù với sắc độ nào thì vẫn sáng rực màu cờ đỏ trong hồi ức. Bồi hồi..., một thời ! Xao xuyến..., một thời ! Một thời *rực cháy lên màu hoa đỏ* (*Màu hoa đỏ* - Thuận Yến - Nguyễn Đức Mậu), đã từng *mọc giữa dòng đời như mọc giữa dòng sông xanh* và mãi được gói ủ trong lòng để nảy lên *một bông hoa tím biếc* (*Mùa xuân nho nhỏ* - Trần Hoàn - Thanh Hải). Phải chăng, có thể nói, lớp cao niên, nghe ca khúc cách mạng với cảnh huống "lòng màu đỏ, vỏ màu tím".

Ph. Hê-ghen có nói đến âm nhạc mang trong mình nó hai lần phủ định : âm thanh và không gian. Hình tượng âm nhạc được tạo dựng lên bằng chất liệu âm thanh ; song, khi âm thanh đã vang lên thì đồng thời cũng bay biến và tan biến vào thinh không - phủ định lần thứ nhất. Âm nhạc là nghệ thuật thời gian, hình tượng âm nhạc được hình thành và chỉ hoàn thành trong trí óc người nghe từ âm thanh đầu tiên cho đến âm thanh cuối cùng của nhạc phẩm - không gian không còn tồn tại - đấy chính là lần phủ định lần hai. Song theo phép biện chứng vốn có trong cuộc sống, mặt yếu lại được chuyển hóa thành mặt mạnh.

Âm thanh bay biến và tan biến chăng ? Nó lại được lưu giữ trong trí nhớ của người nghe, để rồi được bổ sung, và chỉnh lý, gạn đục, và khơi trong... theo dòng chảy của truyền thống văn hóa cộng đồng. Các làn điệu dân ca, các bản dân nhạc cổ truyền sẽ mất hết sức sống, sẽ không còn giá trị, nếu thiếu sự tiếp biến vô hình của nhiều trí tuệ qua nhiều thời đại.

Còn mặt phủ định không gian, yếu lại thành mạnh ; đó chính là sức sống trường tồn của âm nhạc cách mạng trong trí óc của những con người đương thời mà nay là bậc cao niên. Nghe âm nhạc cách mạng : bằng tai ; vậy còn mắt ? Những giai điệu và lời ca rót vào lòng qua tai, đồng thời mắt cũng ghi nhận những hình ảnh đang xuất hiện như một cuộn phim ghi cả tiếng lẫn hình. Để rồi khi những dòng âm thanh ấy vang lên thì nó cũng khơi gợi trong ký ức những hình ảnh đã được ghi lại cùng thời. Mỗi người nghe, một cuộc đời ; bao nhiêu người nghe, có bấy nhiêu hình ảnh của đời sống cách mạng và kháng chiến.

Đã có ai đó nghĩ rằng : tuổi trẻ hiện thời lãng quên mất ca khúc cách mạng ! Thoạt nhìn cảnh sinh hoạt văn nghệ, những kỳ, cuộc liên hoan của họ, chỉ toàn là Jazz, rốc, pốp... không chát chúa thì cũng xập xình - không của nội thì cũng là hàng ngoại ! Thực ra, *nhìn* chưa chắc đã thấy ! *Nhìn* chỉ là một hoạt động mang tính cơ học, sinh học của mắt, còn *thấy* mới là nhận thức, hoạt động của khối óc, mang tính trí tuệ. Cứ *nhìn* những kỳ hội diễn, những dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, sẽ *thấy* đầy đủ hơn về tâm thức của thanh niên đương đại. Họ hát, hát say sưa, hát từ trái tim, hát cả bằng cả tâm huyết của mình. Rất hồn nhiên, vì rất thật lòng, vì đó là tấm lòng. Không gì khác hơn, đó là màu tím thủy chung trong tình cảm của các thế hệ sau đối với cách mạng, đối với máu và nước mắt của các thế hệ cha ông.

Đã có nơi, có lúc lớp trẻ trình diễn các tác phẩm âm nhạc cách mạng không giống thuở ngày xưa mà cha ông đã ca, đã hát ! Trước hết, cần nhận rõ sự khác biệt giữa một bên là bài hát tập thể, ca khúc của cả cộng đồng cùng hát ; một bên tiết mục được trình diễn trên sân khấu. Mà đã tiết mục trình diễn thì phải được dàn dựng, cách điệu, nghệ thuật hóa... thậm chí, còn có sự bổ trợ của ánh sáng, bài trí, trang phục... và khói lửa nữa. Trong nghệ thuật ở đây là trên sân khấu - hiện thực cuộc sống đều được chưng cất để mang tính ước lệ.

Hơn nữa, chỉ kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công cho đến nay, đã gần sáu thập kỷ trôi qua. Cuộc sống hiện thực của đất nước đã chuyển từ nhịp độ nông nghiệp sang nhịp độ công nghiệp. Con người, trong tính hiện thực của nó, là nơi tổng hòa những quan hệ xã hội (C.Mác). Lớp trẻ đương đại đang tổng hòa những quan hệ xã hội thuộc một thời đại khác trước - không đứt đoạn nhưng cũng không giống xưa. Vì thế, họ hát những bài ca cách mạng và kháng chiến theo những tiết tấu khác lạ, theo cách phối âm, phối khí khác lạ, theo những lối trình diễn khác lạ... và còn khác lạ cả trong cách hưởng thụ, hưởng ứng. Điều cốt lõi là, qua việc ca hát những nhạc phẩm cách mạng, tâm thức của họ được hâm nóng, được khơi dậy bằng tinh thần cũng như khí thế của một giai đoạn lịch sử. Bởi vì, nội dung hiện thực trong nghệ thuật không phải là sự tái hiện những sự kiện trong hiện thực lịch sử, mà là tinh thần của một giai đoạn lịch sử, ý niệm về lịch sử được biểu hiện trên những chặng đường hiện thực của nó. Đó chính là sắc xuân mà cách mạng đã mang lại cho đất nước và cả đất nước đã chiến đấu và dựng xây một xã hội mang sắc xuân bất tận. Sắc xuân ấy khởi phát từ màu đỏ, để rồi khơi dậy những màu xanh, và mãi lắng ngân thành màu tím. ❑

Digitized by Google

XUÂN VỀ TRÊN ĐẢO CÔ TÔ

NGUYỄN VŨ CẦN

BỐN giờ chiều một ngày chủ nhật cuối năm, trong mưa phùn, gió bấc, tôi đến thành phố Hạ Long để "bắt" tàu ra đảo. Biết tôi muốn đi Cô Tô, một đồng nghiệp thường trú lâu năm ở Quảng Ninh, ái ngại : "Ông ra Cô Tô làm gì vào thời tiết này ? Sóng to, gió lớn lắm, rồi ông sẽ say sóng mật xanh, mật vàng cho mà xem. Để lúc nào sóng yên, biển lặng hãy đi". Thấy tôi quyết tâm, anh bảo : "Ừ ! Đi cũng được, nhưng ông phải xuống ngay Vân Đồn vì sáng sớm mai có chuyến tàu đi".

Sáng hôm sau, từ thị trấn Cái Rồng, thủ phủ của huyện đảo Vân Đồn, cùng với một người bạn mới quen, chúng tôi rời nhà trọ ra bến tàu. Trời vẫn mưa, gió rét táp từng cơn, mang theo hơi lạnh phả ra từ đá núi và biển cả. Hôm nay, nước cạn, tàu không vào được bến, phải neo đậu ở ngoài xa. Vậy là, muốn lên tàu chúng tôi phải "lụy" một chuyến đò. Người bạn đường (vốn là một lính đảo) cho tôi kinh nghiệm : "Muốn đỡ say sóng, đỡ mệt, anh cố tìm lấy một chỗ trong khoang mà nằm".

Khi hành khách đã ngồi vào ghế và hàng hóa đã được sắp xếp gọn gàng là lúc con tàu hú còi, nhổ neo, rời bến, nhằm về hướng Đông. Lúc trong mưa bụi, lúc trong sương mỏng, con tàu len lỏi giữa những hòn đảo khoác trên mình tấm áo dệt bằng rêu phong và muôn loài cây, dây leo chằng chịt. Thấp thoáng ẩn hiện bên những kỳ quan đá, có một vài chiếc thuyền của dân vạn chài bập bềnh trên sóng đang thả lưới, buông câu. Tiếng sóng biển vỗ vào các mỏm đá và mạn tàu tung bọt trắng, cùng làn khói xanh lam như quấn lấy những con thuyền nhỏ bé, bồng bềnh trong sương sớm càng làm cho vẻ đẹp của Vịnh Hạ Long thêm hoang sơ, huyền ảo, nhưng cũng rất kỳ vĩ.

Sau hơn một giờ hành trình, tàu ra tới cửa Đối - cửa biển thông Vịnh Hạ Long với đại dương bao la. Cửa Đối hẹp, hứng gió từ biển cả thổi vào, nên ở đây lúc nào gió cũng to, sóng cũng mạnh. Từ xa, những con sóng lừng hung dữ lao tới, làm cho con tàu như bị tung lên không trung rồi lại như bị chìm trong nước. Đã từng đi biển, nhưng hôm nay tôi mới thực sự biết thế nào là say sóng. May là trong chuyến ra Cô Tô lần này cùng tôi có anh "cựu lính đảo" có kinh nghiệm giúp đỡ, nên tôi cảm thấy đỡ mệt hơn. Rồi Cô Tô dần dần hiện ra. Qua cửa sổ của con tàu, tôi thấy chiếc cầu cảng mới xây, đang vươn dài ra biển. Trên đó, nhiều người dõi mắt theo hướng con tàu đang tiến vào gần bờ. "Tàu không vào được cảng dân sự vì sóng to quá anh ạ ! Có lẽ nó phải đậu nhờ bến cảng bạn" - người bạn đường nói như hét vào tai tôi. Ít phút sau, tàu từ từ cập cảng.

"SỐNG ĐƯỢC" Ở CÔ TÔ

Cô Tô là huyện đảo xa đất liền nhất của tỉnh Quảng Ninh. Số dân khoảng 4 600 người, định cư chủ yếu trên hai đảo là Cô Tô lớn và Thanh Lân. Cô Tô lớn là thủ phủ của huyện đảo. Dân trong đất liền từ các tỉnh, thành như Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh... ra đảo lập nghiệp đã từ lâu theo chủ trương của Nhà nước, và đông nhất là vào các năm 1979, 1990, 1994. Rải rác từ năm 1998 đến nay, việc di dân ra đảo Cô Tô vẫn tiếp tục được khuyến khích. Nhiều người dân cho tôi biết, họ đã "an cư lạc nghiệp" và cảm thấy "sống được" trên đảo. Anh Hoàng Nguyễn Phông, 37 tuổi, có vợ và hai con trai sinh đôi, nay các cháu đã 12 tuổi. Anh chị là người Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình ra Cô Tô lập nghiệp từ năm 1992. Vài năm đầu, trước những khó khăn, thiếu thốn nơi đảo xa, anh chị đã định trở lại quê Thái Bình. Anh cho biết "đã xoay đủ nghề, nhờ trời, gặp vận nên chúng em quyết trụ lại". Bây giờ thì sống tốt

Digitized by Google

rồi, dễ làm ăn hơn ở quê. Mỗi năm, cũng để ra được mươi, mười lăm triệu đồng. Bác Lê Văn Chính vốn là người ở Xuân Hội, Nghi Xuân, Hà Tĩnh, ra đây từ năm 1997. Gia đình bác sinh sống bằng nghề vó đèn. Cô Tô là một trong những ngư trường, gia đình bác hay lui tới "kiếm ăn", do đó thuộc từng con nước, từng cơn gió ở đảo này. Thấy ở Cô Tô "sống được", năm 1997, bác Chính cùng với 23 hộ khác ở Nghi Xuân đã ra định cư trên đảo và đến nay các hộ đều làm ăn khấm khá bằng nghề vó đèn. Tôi gặp anh Nguyễn Văn Lục ở thôn 1, Thanh Lân và được biết anh là người trồng cam nhiều nhất huyện đảo. Anh Lục vốn người xã Đoàn Xá, Kiến Thụy, Hải Phòng ra Thanh Lân từ năm 1979. Khi đó các con anh còn nhỏ dại, hoàn cảnh gia đình nheo nhóc. Bây giờ, các con anh hầu hết đã có gia đình riêng, đời sống gia đình anh và các con trên đảo đều ổn định. Ở đây, tôi còn gặp ông bà Phạm Hữu Tiến, từ Kiến An, Hải Phòng sau khi nghỉ hưu đã ra Cô Tô sinh sống, đến nay gần 7 năm. Còn sức khỏe, ông bà cấy 1 mẫu ruộng, thu 1,5 - 2 tấn thóc, nuôi sáu - bảy chục con gà, gần chục con lợn, trồng 4 - 5 sào khoai, sắn, lạc... thu nhập được trên chục triệu/năm. Ông Tiến bộc bạch : "Ra đây được hít thở không khí trong lành, ngắm nhìn biển cả thanh bình, vui với hàng xóm láng giềng, lại không có tệ nạn ; an ninh - trật tự tốt, đời sống vật chất, tinh thần bảo đảm, tuổi già của chúng tôi thấy hợp, thấy khỏe ra".

Tối hôm ấy, anh Lê Thuận, quê ở Tiền Hải, Thái Bình, công tác ở Ban Quản lý xây dựng đảo rủ tôi đi sang xã Đồng Tiến để (như anh nói) "xem thực tế đảo về ban đêm thế nào". Ngồi trên chiếc xe máy, hai chúng tôi phải khá vất vả mới leo qua được dốc từ thôn Nam Hà sang thôn Nam Đồng. Trên đường đi, anh Thuận chỉ cho tôi Xí nghiệp chế biến hải sản, vị trí lắp đặt Trạm phát điện chạy bằng sức gió... Anh kể : Tuy là đảo nhưng ở đây có nhiều cửa hàng, cần mua gì đều có cả, phục vụ bất cứ lúc nào, giá cả không cao hơn trong đất liền. Tàu khách ra Cô Tô còn cách ngày, song các hàng hóa phục vụ sinh hoạt hằng ngày trên đảo khá phong phú. Xà-phòng, nước gội đầu, rượu, bia, bánh kẹo, mì tôm, gạo, nước khoáng, văn phòng phẩm,... không thiếu. Đến đầu thôn Nam Đồng, thấy ánh điện, anh Thuận giải thích : Đấy là điện chạy máy phát tư nhân. Nhưng chỉ có một số người dùng vì chạy 1 - 2 tiếng đồng hồ một tối cũng phải chi 300 000 đồng đến 400 000 đồng tiền dầu mỗi tháng. Qua một ngôi nhà ven đường có điện sáng, thấy trẻ con, người lớn đang xem phim vi-đi-ô. Qua vài nhà nữa, chúng tôi dừng chân ở một quán bên đường. Cô Tô thật huyền diệu, không sôi động, ồn ào như trên đất liền, nhưng cuộc sống đang từng ngày khởi sắc không kém phần quyến rũ. Mải vui với những câu chuyện anh Thuận kể, thì đèn điện vụt tắt. Nhìn đồng hồ, đã 11 giờ đêm.

ĐI HỌC NGHỀ LỒNG MỰC, LỒNG RÌA

Ngày thứ ba trên đảo, tôi đến thôn 2, xã Thanh Lân, gặp bác Nguyễn Văn Thuấn để tìm hiểu về một nghề mới du nhập vào Cô Tô - nghề lồng mực. Nói là nghề mới, vì vừa có cách đây khoảng ba năm, do người dân Thanh Hóa đưa ra. Theo bác, nghề này có lẽ từ nghề bóng mực mà ra, bởi đều là cách đánh bắt cá mực bằng lồng. Bóng mực khác lồng mực ở chỗ bẫy to hơn, không có mồi. Bác Thuấn hướng dẫn tôi làm lồng mực bằng gỗ của cây vối rừng làm khung, lưới để bọc khung lồng, lá móc để lợp lồng, dây ni-lông, miếng phao bằng xốp, một cục đá nặng hơn 1 ki-lô-gam buộc vào đáy lồng bằng một đoạn dây để cho lồng chìm xuống cách đáy biển khoảng 1,5 - 2m. Đầu trên của dây dài khoảng 20 - 30m được nối với miếng xốp làm phao, đánh dấu vị trí thả lồng. Nếu bóng mực là do lồng tạo thành bóng để mực thích bóng chui vào, thì ở lồng mực, ngoài tạo bóng còn phải có mồi. Người ta lấy trứng mực thả vào đó làm mồi. Vào mùa sinh sản, mực lầm tưởng đây là ổ đẻ chui vào và mắc bẫy. Cả buổi sáng, loay hoay mãi tôi cũng làm được một chiếc lồng. Bác Thuấn nói vui : "Bán được 15 000 đấy, trừ nguyên vật liệu, sáng nay anh được 2 000 tiền công". Nghề lồng mực, mỗi lần đi đánh tùy theo tàu nhỏ hay tàu to mà có thể thả từ 100 - 200 cái hoặc nhiều hơn. Một ngày có thể nhắc 1 - 2 lần. Nếu có gió mùa phải đi nhắc về, bởi có thể bị trôi mất. Xem ra thì đơn giản, nhưng muốn làm nghề này phải có tàu, thuyền to, để chứa lồng. Muốn có năng suất cao phải đánh bắt xa bờ. Nghề lồng mực rộ lên từ tháng 5 đến tháng 8 âm lịch. Đây chính là thời điểm mực lá đẻ. Khi tôi đến, Bác Thuấn đã thu hết lồng về, sửa chữa, làm mới

Digitized by Google

để chuẩn bị cho mùa đánh bắt năm sau. Nghề lồng mực cũng giống như đi câu. Có lồng, mực theo nhau vào hàng yến, nhưng cũng nhiều lồng nhấc lên chẳng có gì. Mực đánh được bán luôn cho các tàu thu mua trên biển với giá khoảng 28 000đ/kg lúc giữa vụ và 35 000 - 45 000 đ/kg lúc cuối vụ.

Rời nhà bác Thuấn tôi đến nhà anh Nguyễn Văn Quang để tìm hiểu về nghề lồng rìa. Nghe hơi lạ tai đối với người mới đến, nhưng nôm na có thể hiểu, đó là cách đánh bẫy cá rìa đã có từ lâu ở đảo Thanh Lân. Anh Quang làm ruộng nhưng lại nổi tiếng ở đảo Thanh Lân, bởi anh là người đầu tiên trên đảo đánh cá rìa theo một kiểu lồng mới do anh chế tạo. Hiện nay, loại lồng này đang được sử dụng nhiều trên đảo và một vài nơi khác trên biển Quảng Ninh. Cầm chiếc lồng trên tay, tôi thấy nó giống như một cái bu nhốt gà. Cạnh lồng được khoét một lỗ, hơi lõm vào để gài hom. Theo lối này cá rìa chui vào ăn mồi. Một đoạn dây dài, phía dưới buộc 1 - 2 hòn đá, hoặc gạch vào đáy lồng, phía trên buộc vào miếng xốp vừa làm phao, có tác dụng giữ cho lồng nổi lập lờ trên mặt biển. Theo người "sáng chế" thì "lồng kiểu này nhẹ dễ làm, đỡ tốn kém, dễ thả, dễ nhấc". Mồi nhử cá rìa tốt nhất là bã mắm nhào kỹ với khoai hoặc sắn luộc, nắm thành từng nắm, gắn thật chặt vào đáy lồng. Khác với nghề lồng mực, đánh nhiều lồng và phải đánh xa bờ mới "ăn". Nghề lồng rìa đánh ven bờ và chỉ dùng khoảng 6 - 7 lồng, nhiều thì chục lồng, thả gần nhau. Cá rìa ăn theo đàn. Vì vậy, gặp đàn rìa, nhấc lần lượt từng lồng một. Hết một vòng, chờ ít phút nhấc lại từ đầu, một lúc sau có thể "hốt" gọn cả đàn. Tuy là nghề tay trái, nhưng anh Quang nói "cũng sống được". Mỗi tháng anh kiếm được thêm khoảng 200 000 đồng, đủ chu cấp cho ba cháu đang học và ở trọ bên đảo Cô Tô. Chiều dần xuống, tạm biệt Thanh Lân, tôi về đảo Cô Tô bằng chuyến đò chiều.

Tối ấy, tôi đến thăm anh Sửu, Bí thư Huyện ủy Cô Tô để tìm hiểu thêm về tình hình trên đảo. Máy phát điện đi-ê-den của huyện đảo đã hết giờ hoạt động. Dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu, chúng tôi cùng nhau giải đáp câu hỏi : Vì sao dân trên đảo đều khẳng định "sống được ở đảo" ? Theo anh Sửu thì có nhiều câu trả lời khác nhau, nhưng đều chung một ý : nhìn vào chính sách của Nhà nước là thấy ý Đảng hợp với lòng dân. Trước hết là chính sách di dân. Chính việc di dân có trật tự, theo hình thức chuyển một nhóm dân ở một vài thôn xóm trong đất liền ra cùng định cư ở một khu vực, cùng làm một nghề, nên dân của một làng, xóm mới ở Cô Tô không xa lạ nhau, vẫn giữ được mối quan hệ "dây mơ, rễ má", sớm ổn định được cuộc sống, giúp đỡ, bảo ban nhau lúc "tắt lửa, tối đèn". Các đợt di dân sau năm 1979, chính sách hỗ trợ về nhà ở của Nhà nước đã giúp bà con sớm "an cư lạc nghiệp" hơn.

Một chính sách khác của Nhà nước đã làm thay đổi bộ mặt huyện đảo Cô Tô : đó là "Chương trình Biển Đông". Đây là một chương trình lớn của Chính phủ nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã, huyện đảo và ven biển. Con đường xuyên đảo, các cầu cảng, trường học, trung tâm y tế, các công sở của huyện, của xã là sản phẩm của chương trình này. Bây giờ tàu ra đảo Cô Tô lớn hay Thanh Lân đều dễ dàng cập cảng. Sau đó, khách thăm đảo có thể lên xe ô-tô hoặc xe máy chạy xuyên đảo đến tận những thôn, xóm xa nhất. Viết đến đây tôi lại nhớ đến lời kể của anh bạn đồng nghiệp rằng, trước đây theo tàu ra đảo phải gói quần áo, giấy tờ, máy ảnh vào túi ni-lông rồi nhảy ùm xuống biển lội vào đảo, sau đó theo những con đường mòn trên đảo để đến nơi cần đến. Bây giờ, cảnh ấy đã trở thành kỷ niệm.

Chính nhờ sự đầu tư thiết thực, đúng hướng của Nhà nước cộng với bản chất cần cù, chịu khó, chí thú làm ăn của người dân nên họ đã làm ăn tốt và sống được. Thế mới biết, khi ý Đảng đã hợp với lòng dân, lại có một chính sách đúng thì "có sức người sỏi đá cũng thành cơm".

Khi đặt chân lên chuyến tàu sáng thứ năm trở về đất liền, màu xanh bạt ngàn, mướt mắt của những cánh rừng nguyên sinh và bãi cát dài, mịn màng, trắng xóa, như muốn níu giữ chân tôi. Đây đó, trong những vụng nước nhỏ dưới chân đảo, một vài bè rau muống biển với những bông hoa tím dập dềnh theo nhịp sóng vỗ như vẫy chào. Trên sườn đồi, rừng thông, rừng sến lấy nhựa đang trong thời kỳ khép tán, tỏa hương thơm ngát, hòa quyện trong gió biển trong lành, gợi nhớ hương vị đặc trưng của ngày Tết cổ truyền.

Xuân đang về trên đảo Cô Tô... ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM VỚI CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ : THÀNH TỰU LỚN VÀ THÁCH THỨC KHÔNG NHỎ

NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG *

VIỆT Nam đang trải qua những thay đổi tích cực và nhanh chóng về kinh tế, xã hội và cả trong lĩnh vực dân số. Mặc dù sự kiện ngày 11-9-2001 tác động không thuận lợi đến nền kinh tế thế giới, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đạt được sự ổn định và mức tăng trưởng khá cao, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện vững chắc : tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 14,3%, tỷ lệ sinh giảm 0,42‰... Thành tựu này do sự đóng góp của nhiều yếu tố, song cũng phải tính đến một yếu tố tác động khá trực tiếp đến tăng trưởng GDP bình quân đầu người và các chỉ tiêu khác về phát triển con người là việc thực hiện một cách hiệu quả chương trình dân số.

Chiến lược dân số Việt Nam cho thời kỳ 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020 được xây dựng vào thời điểm mà mục tiêu giảm sinh đã về đích trước so với kế hoạch đề ra theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị 4 của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khóa VII, về *Chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình*. Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 1-4-1999, dân số Việt Nam là 76,8 triệu người. Kết quả này khẳng định xu thế giảm nhanh mức sinh trong thập niên 90 thế kỷ XX, nhất là khi thực hiện Chiến lược Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000. Tổng tỷ suất sinh đã giảm từ 3,8 con trên một phụ nữ năm 1989 xuống còn 3,1 con - năm 1995 và dự kiến đạt mức sinh thay thế vào năm 2003 là 2,3 con.

Kế thừa và phát huy những kết quả và các bài học thành công của Chiến lược Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000, Chiến lược dân số Việt Nam 2001 - 2010 được xây dựng nhằm giải quyết đồng bộ vấn đề dân số về cả quy mô, cơ cấu dân số, phân bố dân cư và chất lượng dân số, tiến tới ổn định dân số vào giữa thế kỷ XXI. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược Dân số ở Việt Nam nhằm : *Khuyến khích thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, từng bước giải quyết có hiệu quả việc phân bố dân cư, cơ cấu và chất lượng dân số.*

Tại Lễ mít tinh kỷ niệm Ngày Dân số thế giới (11-7-1998), Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh : "Việt Nam đã vượt qua thách thức về gia tăng dân số quá nhanh. Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi nhưng vẫn cần phấn đấu hơn nữa để đạt cho được mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con càng sớm

* TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

Digitized by Google

càng tốt, giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống mức hợp lý, tạo cơ sở để sớm ổn định quy mô dân số vào giữa thế kỷ XXI. Cùng với việc giải quyết quy mô dân số thì việc nghiên cứu và thực hiện phân bố dân cư hợp lý trên phạm vi cả nước, cải thiện chất lượng, cơ cấu dân số... đều là những việc quan trọng cần được triển khai trong Chương trình dân số".

Như vậy, công tác dân số phải được triển khai trên cả 3 lĩnh vực cơ bản : quy mô dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư. Trong thời gian qua, do tính cấp bách, Việt Nam đã tập trung giải quyết vấn đề quy mô dân số nhằm giảm nhanh tỷ lệ sinh, hướng tới mục tiêu xây dựng quy mô dân số hợp lý, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, để từ đó tạo khả năng nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi thành viên trong xã hội. Được sự hưởng ứng của toàn dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã đạt được những kết quả quan trọng. Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai tăng, tỷ suất sinh và tỷ lệ tăng dân số giảm rõ rệt. Số liệu so sánh giữa năm 1993 và năm 1998 cho thấy, tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai đã tăng từ 53,2% lên 71,9% ; tỷ suất sinh giảm từ 25,8‰ xuống còn 21,5‰ ; tổng tỷ suất sinh giảm từ 3,5 con xuống còn 2,5 con và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm từ 2,3% xuống còn 1,7%. Từ đó có thể thấy, số dân tăng thêm hằng năm đã giảm rõ rệt. Nếu như năm 1992, số dân tăng so với năm 1991 là khoảng 1,6 triệu người, thì năm 1998 tăng so với năm 1997 chỉ khoảng 1,3 triệu người, 1999 so với 1998 chỉ khoảng hơn 1,2 triệu người và hiện nay, số dân tăng hằng năm chỉ xấp xỉ 1 triệu người. Nếu Việt Nam tiếp tục làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình thì quá trình này sẽ được duy trì bình ổn trong thập niên đầu thế kỷ XXI.

Trên thế giới, vấn đề sức khỏe sinh sản được các nước hết sức quan tâm. Những số liệu tổng hợp đã cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này và lý do mà nó được quan tâm. Theo tính toán, hằng năm trên thế giới có tới 600 000 phụ nữ chết liên quan đến sinh sản ; và trong số đó, 90% rơi vào các nước đang phát triển ; 120 triệu phụ nữ mang thai ngoài ý muốn do không biết dùng các biện pháp tránh thai ; 20 triệu ca nạo phá thai không an toàn và chiếm 10% tổng số tử vong hằng năm cùng với hàng triệu người bị tai biến do những hậu quả kém được chăm sóc sức khỏe sinh sản. Theo số liệu chưa đầy đủ và dự báo của các nhà khoa học, mỗi năm trên thế giới có tới 15 triệu em gái vị thành niên mang thai ; trên 300 triệu trường hợp mắc bệnh do lây truyền qua đường tình dục. Đến nay, ước tính có tới hơn 40 triệu người nhiễm HIV, đối tượng chủ yếu lại ở trong độ tuổi lao động (20 - 40 tuổi), dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Ở nước ta, một điều rõ ràng là, Đảng và Nhà nước luôn coi công tác dân số là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu, là một yếu tố cơ bản góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, cả cộng đồng và toàn xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, với những cố gắng vượt bậc của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Bộ Y tế, các ban, ngành cùng sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình nói chung và sự chăm lo về sức khỏe sinh sản trong những năm qua đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi. Nếu so với các quốc gia có cùng mức thu nhập thì thành tựu mà Việt Nam đạt được là rất có ý nghĩa. Năm 1999, Việt Nam đã được nhận Giải thưởng Dân số của Liên hợp quốc. Kết quả cụ thể là :

- Giảm nhanh và rõ rệt tỷ lệ chết ở trẻ em dưới 1 tuổi từ 14,7‰ trong thập niên 60 xuống còn 11,8‰ ở thập niên 70 và 7‰ tại thập niên 80, tới 4,5‰ trong thập niên 90 thế kỷ XX.

- Giảm tỷ lệ chết ở trẻ em dưới 5 tuổi từ 82‰ ở thập niên 80 xuống còn khoảng 61‰ tại thập niên 90 thế kỷ XX.

Digitized by Google

- Giảm số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng từ 50‰ ở thập niên 80 xuống còn 44‰ tại thập niên 90 thế kỷ XX.

- Tỷ lệ tử vong ở người mẹ đã giảm từ 400/100 000 ca đẻ con sống tại thập niên 50 xuống còn 200/100 000 ở thập niên 80 và khoảng 137/100 000 trong thập niên 90 thế kỷ XX.

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề dân số và phát triển, ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam đã được triển khai rộng khắp với sự tham gia tích cực của các tổ chức và cộng đồng. Những năm gần đây, cùng với công cuộc đổi mới, chủ trương xã hội hóa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã làm thay đổi nếp suy nghĩ và hành động của nhiều người dân, khiến họ ngày càng gắn bó, chia sẻ với Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội nói chung, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình nói riêng. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nội dung, hình thức phong phú, đi vào từng đối tượng cụ thể, sát hợp. Do đó, tỷ lệ sinh đã giảm đáng kể, trung bình hằng năm giảm 1 phần nghìn, bằng mức một số quốc gia trên thế giới đã thực hiện thành công chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Cuộc vận động "dừng ở 2 con để nuôi dạy tốt" đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng, cũng như quy mô "gia đình nhỏ" được chấp nhận và đi vào cuộc sống.

Việt Nam hiện có khoảng 80 triệu người, là nước đông dân thứ 2 ở Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a) và đứng thứ 13 trong tổng số hơn 200 nước trên thế giới. Để xem xét quy mô dân số và sự phát triển của một nước, không chỉ dựa trên số dân mà còn so sánh với nhiều tiêu chí khác cùng các nguồn lực tự nhiên cần thiết cho đời sống con người. Chẳng hạn, về mối quan hệ giữa dân số và đất đai, các nhà khoa học đã tính toán, để cuộc sống thuận lợi, chỉ nên bình quân 35 - 40 người/km^2. Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới, nhưng cũng chỉ có 126 người/km^2, trong khi ở Việt Nam là 235 người/km^2. Như vậy, mật độ dân số Việt nam gấp 5 - 6 lần "mật độ chuẩn" và gần gấp đôi mật độ dân số của Trung Quốc.

Chất lượng dân số và cơ cấu dân cư Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, mất cân đối. Do sinh đẻ nhiều, trẻ em từ 14 tuổi trở xuống chiếm tỷ lệ cao trong tổng số dân, nên việc đầu tư nuôi dạy, chăm sóc, sức ép về lao động, việc làm ngày càng lớn. Dân cư phân bố không đều, tập trung nhiều ở vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long. Ngược lại, ở vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên lại thưa thớt. Một nghiên cứu gần đây cho thấy, bình quân 1 km^2 ở Thái Bình có 1 186 người, trong khi ở Lai Châu chỉ có 30 người và Kon Tum chỉ có 26 người. Như vậy, mật độ dân số ở các tỉnh chênh lệch nhau 40 - 50 lần. Có thể thấy, *đặc điểm lớn nhất của dân số Việt Nam là quy mô dân số lớn, phát triển nhanh, dân số trẻ, phân bố không đều.* Đặc điểm này đã tác động sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Cam kết mạnh mẽ đối với kế hoạch hóa gia đình không có nghĩa là không có các chương trình về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em hoặc các chương trình về sức khỏe phụ nữ, sức khỏe trẻ sơ sinh, tình dục và các nhu cầu về sức khỏe sinh sản của các nhóm dân số đặc biệt. Rất nhiều hoạt động như vậy đang được tiến hành, nhưng cho đến nay, vẫn nổi lên các vấn đề cơ bản sau :

- Việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ còn yếu kém và chất lượng chăm sóc sức khỏe ở từng vùng cũng khác nhau. Các nghiên cứu gần đây dự tính tỷ lệ tử vong ở người mẹ, tính trung bình trên toàn quốc ở vào khoảng 150/100 000. Các nguyên nhân phổ biến gây tử vong là mất nhiều máu, nạo thai không an toàn, nhiễm trùng sau khi đẻ, uốn ván, chứng kinh giật và vỡ tử cung. Đẻ khó, đẻ non và trẻ nhẹ cân cũng còn diễn ra phổ biến.

- Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai cao, khoảng 70%, nhưng tỷ lệ sử dụng các biện pháp truyền thống cũng chiếm một tỷ lệ rất cao (21%) vào những năm 1998 - 2001. Vòng tránh thai chiếm 3/4 các biện pháp tránh thai hiện đại.

Digitized by Google

Theo dự tính, các nhu cầu chưa đáp ứng được đối với việc tránh thai chiếm khoảng 32%, dẫn đến khoảng gần 1/3 tổng số trẻ em sinh ngoài ý muốn tại thời điểm phát hiện có thai.

- Tình trạng nạo phá thai còn rất phổ biến. Theo báo cáo của Bộ Y tế, số ca nạo thai tuy đã giảm trong những năm gần đây nhưng vẫn ở mức báo động, chiếm khoảng 40% tổng số trường hợp có thai. Việc ngăn chặn và quản lý các tai biến do hút điều hòa kinh nguyệt và nạo phá thai không an toàn vẫn là một mối lo ngại lớn.

- Các cuộc khảo sát về kiến thức cho thấy, vẫn còn một tỷ lệ rất cao phụ nữ và thanh niên thiếu các kiến thức cần thiết về HIV/AIDS và cách phòng ngừa căn bệnh này. Việc sử dụng bao cao-su còn rất thấp. Việc cung cấp máu an toàn chưa thật chủ động, do hầu hết máu được lấy từ những người bán máu chuyên nghiệp.

- Mặc dù không được phép về mặt văn hóa, truyền thống, tình trạng quan hệ tình dục trước hôn nhân đang gia tăng. Điều này, cùng với việc thiếu kiến thức chung về sinh sản, tình dục, đã làm cho lớp trẻ dễ bị rơi vào tình trạng có thai và nạo thai ngoài ý muốn (thường là không an toàn đối với phụ nữ chưa có gia đình), và tạo môi trường cho các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, HIV/AIDS phát triển. Trên thực tế, việc giáo dục giới tính trong nhà trường chưa toàn diện, chỉ có một số chủ đề được dạy lồng ghép trong các môn khoa học và sinh học. Tình trạng gia tăng nhanh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục đã chứng tỏ rõ ràng rằng, việc đưa môn *Giáo dục giới tính* vào trường học là vô cùng cần thiết và quan trọng.

Để giải quyết những thách thức trên, *Chiến lược dân số cho thời kỳ 2001 - 2010 và định hướng đến năm 2020* đặt ra nhiệm vụ giải quyết toàn diện vấn đề dân số trên cơ sở đặt con người vào vị trí trung tâm, coi nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Phân bố dân cư hợp lý, tạo ra sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, giữ gìn được tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản trong đó có kế hoạch hóa gia đình với chất lượng cao, củng cố gia đình, nâng cao phúc lợi xã hội. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, *Chiến lược* đã đề ra một số giải pháp chính cho chiến lược hành động trong giai đoạn mới và được chia ra thành các thời kỳ : 2001 - 2005, 2006 - 2010 và 2011 - 2020. Nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ *2001 - 2005* là tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp ở các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có mức sinh cao và có nhiều khó khăn. Thời kỳ *2006 - 2010* sẽ tập trung vào duy trì mức sinh thay thế và đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng dân số, từng bước giải quyết các vấn đề liên quan đến cơ cấu dân số, phân bố dân cư. Định hướng cho thời kỳ *2011 - 2020* là : 1. Nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dân số để chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam tương đương với các nước công nghiệp có trình độ hiện đại ở mức trung bình ; 2. Lồng ghép yếu tố dân số vào quy hoạch phát triển ; 3. Khai thác tốt nguồn nhân lực ; 4. Thực hiện bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực, tăng cường quyền năng cho phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đang thực hiện *Chương trình hành động* của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (Cai-rô, Ai Cập, 1994). Để Chương trình được thực hiện có hiệu quả, nhiều biện pháp và bước đi thích hợp đã được tiến hành. Một trong số đó là, kể từ năm 1997, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em đã có những thay đổi tích cực về hệ thống khuyến khích khen thưởng nhằm bảo đảm chắc chắn hơn việc chấp nhận tự nguyện và quyền lợi của người sử dụng cũng như nhằm tăng cường chất lượng các dịch vụ. UNFPA đang trợ giúp chính quyền trong việc đánh giá, cập nhật các chính sách dân số - phát triển và thực hiện ở các cấp hành chính thông qua việc trực tiếp làm việc với Quốc hội, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... trong khuôn khổ các chương trình và các tiểu chương trình về tuyên truyền, vận động. ❑

Digitized by Google

30 NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM - Ô-XTRÂY-LI-A (1973- 2003)

VŨ TUYẾT LOAN*

NGÀY 26-2-1973, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Đại sứ.

Sau ba thập kỷ, quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a đã trải qua những thăng trầm nhất định, nhưng mối quan hệ này ngày càng được củng cố và phát triển trên các mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội vì mục tiêu hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của hai nước, khu vực và toàn thế giới.

Trong bối cảnh hiện nay, xuất phát từ phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước", mối quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống Việt Nam - Ô-xtrây-li-a tiếp tục là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

1. Nhìn lại quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a trong 30 năm qua

Nếu như quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a giai đoạn trước 1973 mang đặc trưng của quan hệ quốc tế thời kỳ "Chiến tranh lạnh" thì trong giai đoạn tiếp theo 1973 - 1985, mối quan hệ này bước vào giai đoạn thăng trầm nhất kể từ khi hai bên thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1973. Điều này phản ánh mâu thuẫn trong quan hệ quốc tế và sự thay đổi chính trị ở Ô-xtrây-li-a lúc bấy giờ. Sự kiện Cam-pu-chia năm 1979 đã đặt Việt Nam vào một tình thế khó khăn trong việc cải thiện quan hệ với các nước phương Tây và trong khu vực. Nó cũng ảnh hưởng nghiêm trọng tới mối quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a trong hơn 4 năm liền (1979 - 1982). Đây chính là thời gian giá lạnh nhất trong quan hệ giữa hai nước kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao. Bằng việc cắt viện trợ cho Việt Nam và ủng hộ Cam-pu-chia dân chủ, Chính phủ của Thủ tướng Phra-xơ đã tạo ra hố ngăn cách trong quan hệ giữa hai nước. Công Đảng quay trở lại nắm quyền năm 1983 đã có một số cố gắng trong việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia. Quan hệ giữa hai nước bắt đầu ấm lên, Ô-xtrây-li-a đã viện trợ nhân đạo cho Việt Nam thông qua các tổ chức của Liên hợp quốc và tổ chức phi chính phủ của Ô-xtrây-li-a.

Thành công của Hội nghị Pa-ri về Cam-pu-chia năm 1991 đã loại bỏ trở ngại cuối cùng trong quá trình Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại đổi mới của mình. Với chính sách hội nhập khu vực, hội nhập quốc tế, hướng tới một khu vực ổn định, hòa bình để phát triển kinh tế và tận dụng những cơ hội mới trong sự năng động của Châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đã và đang đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực kinh tế thương mại, đầu tư và viện trợ phát triển. Những kết quả khả quan mà hai nước đã đạt được trong các lĩnh vực hợp tác kể trên góp phần vào việc phát triển kinh tế của mỗi nước. Chính phủ liên minh Tự Do - Quốc gia lên cầm quyền năm 1996 đã có những nỗ lực nhằm củng cố mối quan hệ hữu nghị với Việt Nam.

---

* TS, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Digitized by Google

Sự phát triển của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã khiến cho các quốc gia trong vùng mong muốn đẩy mạnh hợp tác với nhau mà kết quả là sự ra đời của tổ chức APEC. Tổ chức hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương là một diễn đàn ưu việt, là nơi tốt nhất để đạt được sự hợp tác kinh tế khu vực, hòa nhập và tự do mậu dịch.

Trước biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới và khu vực, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đều có sự điều chỉnh về chính sách đối ngoại của mình. Tại Ô-xtrây-li-a, Thủ tướng Pôn Kít-tinh đã cam kết đưa đất nước đến sự thịnh vượng gắn liền với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Chính sách đẩy mạnh hợp tác khu vực của Ô-xtrây-li-a phù hợp với xu thế hiện nay trên thế giới và phù hợp với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Từ năm 1991 đến nay, quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a đã phát triển mạnh mẽ trong điều kiện thuận lợi của bối cảnh quốc tế và khu vực. Sự hợp tác trên nhiều lĩnh vực giữa hai nước là kết quả của những nỗ lực ngoại giao của hai chính phủ trong việc gìn giữ một môi trường ổn định và phát triển cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Xuất phát từ lợi ích của mỗi quốc gia, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đã tìm thấy những cơ hội tốt đẹp trong sự phát triển mối quan hệ song phương giữa hai nước.

Quan hệ chính trị ngoại giao : Đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a là chuyến viếng thăm Ô-xtrây-li-a của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 5-1993. Đây là lần đầu tiên người đứng đầu Chính phủ Việt Nam đến thăm Ô-xtrây-li-a sau 20 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Ý nghĩa lịch sử của chuyến viếng thăm này là bằng chứng của sự thay đổi mạnh mẽ trong quan hệ giữa hai nước. Mối quan hệ này tiếp tục được củng cố bởi những chuyến viếng thăm của các vị đứng đầu Nhà nước trong những năm tiếp theo.

Tháng 4-1994, Thủ tướng Pôn Kít-tinh đã tới thăm Việt Nam. Chuyến viếng thăm này nằm trong khuôn khổ chuyến công du châu Á của Thủ tướng Ô-xtrây-li-a. Nó chứng tỏ sự cảm nhận ngày càng tăng về vai trò quan trọng của Đông Nam Á nói chung và của Việt Nam nói riêng đối với sự phát triển kinh tế của Ô-xtrây-li-a.

Năm 1995, ngoại giao Việt Nam đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Trong bối cảnh đó, quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a cũng được thúc đẩy lên một bước mới với chuyến viếng thăm Việt Nam của Ngài Toàn quyền Ô-xtrây-li-a Bin Hây-đen vào tháng 4-1995 và chuyến thăm Ô-xtrây-li-a của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười vào tháng 7-1995. Những cuộc viếng thăm liên tiếp giữa hai bên chứng tỏ mối quan tâm của chính phủ hai nước trong việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và khuyến khích xu hướng hợp tác và phát triển đang ngày càng gia tăng ở cả hai nước.

Tháng 7-1996, Ngoại trưởng Ô-xtrây-li-a A. Đao-nơ đã sang thăm Việt Nam, sau khi Chính phủ Liên minh Tự Do - Quốc gia lên cầm quyền 4 tháng. Đây là cuộc gặp có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai nước và khu vực nói chung. Trong tháng 8 và tháng 9 năm 1996, Việt Nam còn đón tiếp nhiều quan chức cấp cao khác của Ô-xtrây-li-a như Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Thương mại Tim Phi-sơ ; Bộ trưởng Tư pháp Đa-rin Uy-li-am và Chủ tịch hạ viện Bốp Han-vét-sơn.

Năm 1997, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm cũng đã có chuyến viếng thăm Ô-xtrây-li-a. Tháng 3-1999, Thủ tướng Phan Văn Khải gặp Thủ tướng Ô-xtrây-li-a Giôn Hô-uốt trong chuyến thăm chính thức Ô-xtrây-li-a. Trong chuyến đi này, hai bên đã thống nhất tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị trên mọi lĩnh vực. Thủ tướng hai nước cùng trao đổi về một số vấn đề đang được hai bên quan tâm, đánh giá cao những thành quả đạt được và ủng hộ lẫn nhau trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, trong khu vực cũng như trên toàn thế giới.

Sự quan tâm của cả hai chính phủ Việt Nam và Ô-xtrây-li-a trong việc củng cố và tăng cường quan hệ đối ngoại đã tạo cơ hội thuận lợi cho hợp tác kinh tế và thương mại giữa hai nước ngày càng phát triển. Hai bên đã thành lập Ủy ban hỗn hợp về kinh tế ; Hội đồng kinh doanh thương mại Việt Nam - Ô-xtrây-li-a nhằm tạo

Digitized by Google

điều kiện cho các doanh nghiệp hai nước hoạt động có hiệu quả.

Do quan hệ trên nhiều lĩnh vực và rất nỗ lực giúp đỡ Việt Nam nên các nhà kinh doanh Ô-xtrây-li-a luôn nhận được một vị thế ưu tiên trong thị trường đầy tiềm năng của Việt Nam.

Hợp tác song phương trong lĩnh vực kinh tế thương mại hai chiều giữa hai nước đã tăng lên nhanh chóng, từ 40 triệu đô la Ô-xtrây-li-a (đô-la Ô-xtrây-li-a) năm 1989 lên đến gần 500 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a năm 1995, và đặc biệt trong những năm chuyển giao thiên niên kỷ này, quan hệ thương mại giữa hai quốc gia đã vươn tới những đỉnh cao mới. Kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều năm 2000 đạt 2,6 tỉ đô-la Ô-xtrây-li-a. Ô-xtrây-li-a hiện nay đã trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Chính phủ Việt Nam thực sự đánh giá cao sự hợp tác bền vững này.

Ô-xtrây-li-a luôn là bạn hàng lớn của các nhà xuất khẩu Việt Nam. Năm 2000, Ô-xtrây-li-a là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của Việt Nam, sau Nhật Bản và Trung Quốc. Trong 10 tháng đầu của năm 2001, thị trường này đứng thứ tư, sau Trung Quốc, Nhật Bản và Xin-ga-po. Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là dầu thô, hàng nông sản, dệt may, giầy dép, thủy hải sản và rau quả. Năm 2000 Việt Nam là nước xuất khẩu dầu thô lớn nhất cho Ô-xtrây-li-a,vượt qua cả In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Pa-pua Niu Gi-nê, với kim ngạch xuất khẩu gần 2 tỉ đô-la Ô-xtrây-li-a, chiếm hơn 80% kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này. Ngoài ra, cà phê Việt Nam đã giành được chỗ đứng tương đối ổn định tại thị trường Ô-xtrây-li-a, song chủ yếu vẫn là các sản phẩm chưa qua chế biến.

Một loạt các Hiệp định quan trọng đã được ký kết giữa hai nước như : *Hiệp định Thương mại và Hợp tác kinh tế* (1990) ; *Hiệp định bảo hộ đầu tư* (1991) ; *Hiệp định tránh đánh thuế hai lần* (1992) ; *Hiệp định hàng không* (1995). Việt Nam còn có kiến nghị về những hiệp định khác để tạo thuận lợi cho việc phát triển hơn nữa quan hệ song phương như Hiệp định về du lịch, bản ghi nhớ về sở hữu trí tuệ.

Quan hệ hợp tác đầu tư : Trong những năm đầu của thập kỷ 90, Việt Nam được đánh giá là một địa điểm đầu tư lý tưởng, và Ô-xtrây-li-a là một trong 10 nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, với tổng số vốn lên đến 935 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a năm 1995. Những lĩnh vực đầu tư hàng đầu của Ô-xtrây-li-a là viễn thông, khai khoáng, dầu khí, dịch vụ tài chính - ngân hàng, xây dựng cơ sở hạ tầng và một số lĩnh vực khác trong thị trường Việt Nam, đa phần tập trung ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai. Năm 2000, các dự án của Ô-xtrây-li-a đã đạt doanh thu trên 427,4 triệu USD và xuất khẩu được 8 triệu USD, tạo công ăn việc làm cho gần 4 700 lao động.

Một số dự án có vốn đầu tư lớn của Ô-xtrây-li-a đang hoạt động rất hiệu quả tại Việt Nam, đó là : Dự án Hợp doanh INTELSAT của công ty Telstra International Ltd. (xây dựng hai đài mặt đất, mạng viễn thông quốc tế, cáp biển) với tổng số vốn thực hiện được gần 331 triệu USD. Tiếp đến là Công ty TNHH Foster's Tiền Giang chuyên sản xuất bia nhãn hiệu Foster và nước giải khát có ga với công suất 65 triệu lít/năm. Doanh thu 9 tháng đầu năm 2001 của công ty đạt trên 12 triệu USD, trong đó xuất khẩu gần 400 000 USD.

Ngân hàng ANZ (Australia and New Zealand Banking Group Limited) cũng là một trong những dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài của Ô-xtrây-li-a đang hoạt động rất có hiệu quả. Công ty sản xuất thép VINAUSTEEL, với tổng số vốn đầu tư trên 40 triệu USD, đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1995. Hiện doanh nghiệp này đang làm ăn có lãi và đạt mức doanh thu khoảng 30 triệu USD/năm (1).

Tính đến cuối năm 2001, Ô-xtrây-li-a đã đầu tư gần 800 triệu USD vào Việt Nam trong các lĩnh vực viễn thông, ngân hàng, nước giải khát, kế toán, giáo dục, dầu khí và khai thác dầu

---

(1) Chu Viết Luân (chủ biên) : *Khám phá Ô-xtrây-li-a. Con đường dẫn đến thành công*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 80

Digitized by Google

mỏ. Ô-xtrây-li-a hiện đứng hàng thứ 14 trong số 60 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam (2).

Ô-xtrây-li-a có 73 dự án đầu tư còn có hiệu lực với tổng số vốn đầu tư đăng ký gần 758 triệu USD (tính đến cuối năm 2001). Nguyên nhân thành công của các dự án đầu tư của Ô-xtrây-li-a là bám sát nhu cầu của thị trường Việt Nam và nhanh chóng đi thẳng vào công nghệ cao. Nhờ đó, nhiều dự án không những đã trụ vững mà còn "gặt hái" được nhiều kết quả tốt đẹp.

Viện trợ phát triển : Ô-xtrây-li-a là nước tư bản phát triển đầu tiên nối lại viện trợ trực tiếp cho Việt Nam khi cuộc khủng hoảng ở Cam-pu-chia đi đến hồi kết thúc năm 1991 với khoản tiền đầu tiên là 100 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a cho 4 năm 1991 - 1995. Khoản viện trợ cho 4 năm tiếp theo 1995 - 1998 là 200 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a. Các chương trình viện trợ của Ô-xtrây-li-a tập trung vào bốn lĩnh vực : giáo dục - đào tạo ; y tế và hạ tầng cơ sở. Trong dịp kỷ niệm 25 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (1998), Chính phủ Ô-xtrây-li-a đã cam kết dành cho Việt Nam khoản viện trợ trị giá 236 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a cho giai đoạn 1998 - 2002. Trong năm 2001, Việt Nam nhận được 60 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a từ nguồn phân bổ cho các chương trình viện trợ cho các nước của Ô-xtrây-li-a, và 13 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a từ các nguồn khác. Cơ quan Phát triển Quốc tế Ô-xtrây-li-a là người quản lý chính các chương trình viện trợ nước ngoài của Chính phủ Ô-xtrây-li-a.

- *Về giáo dục và đào tạo :* Ô-xtrây-li-a là một trong những nhà tài trợ song phương hàng đầu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Mối quan hệ giáo dục không chính thức giữa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a được bắt đầu vào những năm 1960 khi những sinh viên của chương trình học bổng Cô-lôm-bô đặt chân lên đất nước Ô-xtrây-li-a. Năm 2000 có gần 4 000 sinh viên Việt Nam du học ở Ô-xtrây-li-a, trong đó khoảng 20% sinh viên Việt Nam được nhận học bổng Ô-xtrây-li-a.

Về phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng : Chính phủ Ô-xtrây-li-a đã dành khoảng một nửa tổng số viện trợ cho khu vực phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng, bao gồm cơ sở hạ tầng nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn, dịch vụ tài chính - tín dụng và quyền sử dụng đất .

Trong giai đoạn 1995 - 2000, 127,8 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a đã được đầu tư cho 5 dự án, và trong giai đoạn tới 2001 - 2005, có 9 dự án với tổng trị giá 144,15 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a.

Cầu Mỹ Thuận - một biểu tượng của tình hữu nghị Việt Nam - Ô-xtrây-li-a, với tổng chi phí xây dựng 90 triệu đô-la Ô-xtrây-li-a. Đây là cây cầu dây văng lớn và hiện đại đầu tiên ở Việt Nam đã hoàn thành với sự tài trợ và giúp đỡ của Ô-xtrây-li-a. Việc xây dựng thành công cầu Mỹ Thuận, như ông A. Đao-nơ khẳng định là một "biểu tượng đầy ý nghĩa" đối với sự phát triển của Việt Nam khi đất nước bước vào thế kỷ XXI, đồng thời là "bằng chứng hùng hồn" của tình hữu nghị bền vững Việt Nam - Ô-xtrây-li-a.

Ngoài ra, Ô-xtrây-li-a còn giúp đỡ Việt Nam trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ; quản lý hành chính ; môi trường và giới...

2. Triển vọng quan hệ hợp tác Việt Nam - Ô-xtrây-li-a

Mối quan hệ song phương giữa Việt Nam - Ô-xtrây-li-a có ý nghĩa rất quan trọng và được xây dựng trên cơ sở tin tưởng lẫn nhau. Cả hai nước đều thể hiện mối quan tâm trên nhiều lĩnh vực. Hiện nay, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đang bước vào thế kỷ XXI với nhiều cơ hội thuận lợi và nhiều thách thức, nhất là trong bối cảnh quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp, nhất là sau sự kiện 11-9-2001, với cuộc chiến chống khủng bố và mưu đồ chống I-rắc của Mỹ.

Do có nhiều điểm tương đồng và gần gũi, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a có điều kiện hết sức thuận lợi để hợp tác trong nhiều lĩnh vực và hai bên đều có môi trường chính trị kinh doanh ổn định và thực sự tiềm năng.

Trên phương diện chính trị ngoại giao : Về phía Việt Nam, điều kiện thuận lợi đầu tiên là định hướng lớn trong chính sách của Chính phủ,

(2) Chu Viết Luân (chủ biên) : *Sđd*, tr 77

Digitized by Google

đó là chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới của Việt Nam với Châu Á - Thái Bình Dương. Chính sách của Nhà nước là hợp lý và tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Về phía Ô-xtrây-li-a, Chính phủ mới của ông Giôn Hô-uốt vẫn tiếp tục khẳng định chính sách của Chính phủ Ô-xtrây-li-a coi trọng quan hệ với Việt Nam. Việc Ô-xtrây-li-a có bốn Bộ trưởng và Bí thư Quốc hội phụ trách quan hệ với Việt Nam, trong đó có Bộ trưởng Ngoại giao A-lếch-xan-đơ Đao-nơ ; Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Thương mại Tim Phi-sơ cho thấy Ô-xtrây-li-a đặc biệt coi trọng quan hệ với Việt Nam. Các mối liên hệ thường xuyên giữa hai Chính phủ đã góp phần to lớn vào việc tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau và giúp hai bên mở rộng quan hệ sang các lĩnh vực nhạy cảm kể từ năm 1998.

Về lĩnh vực thương mại, đầu tư : Triển vọng quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai nước đang ngày càng được cải thiện với kim ngạch buôn bán giữa hai nước đã vượt qua mốc 2 tỉ AUD. Việt Nam khuyến khích việc đầu tư vào các lĩnh vực như : sản xuất hàng xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, đầu tư chiều sâu tận dụng các cơ sở hiện có, sử dụng nhiều lao động và tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam cũng như áp dụng kỹ thuật cao, các công trình kết cấu hạ tầng, công nghệ chế tạo, khai khoáng, chế biến nông, hải sản, lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và dịch vụ.

Các công ty của Ô-xtrây-li-a gia tăng số lượng đầu tư vào Việt Nam, ngoài những công ty đã và đang tham gia vào các ngành kinh tế cơ bản, có khả năng đầu tư sắp tới của Ô-xtrây-li-a sẽ xuất phát từ mối quan hệ hợp tác ngày càng tăng giữa các tổ chức khoa học - kỹ thuật của hai nước, đặc biệt trên lĩnh vực nông nghiệp.

Trên phương diện văn hóa, khoa học, giáo dục : Việc hỗ trợ đào tạo đại học và sau đại học, dạy nghề, đào tạo tiếng Anh, đào tạo ngắn hạn cho cán bộ Việt Nam về quản lý kinh tế... vẫn tiếp tục là ưu tiên cao nhất trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Các khóa học ngắn hạn, linh hoạt cũng được hỗ trợ gắn với các mục tiêu của Chương trình Phát triển Nguồn nhân lực của Chính phủ Việt Nam. Các lĩnh vực khác như hợp tác thể thao, âm nhạc, văn học - nghệ thuật cũng có nhiều bước phát triển đáng kể.

Những vấn đề đang đặt ra về tình hình khu vực và quốc tế ; về vấn đề toàn cầu hóa ; về sự chênh lệch trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và Ô-xtrây-li-a... là những thách thức mà cả hai nước cần phải tính đến để xây dựng kế hoạch cho tương lai.

Hiện nay, thị trường Ô-xtrây-li-a chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng của hai bên, nên trong chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu thời kỳ 2001 - 2010, Việt Nam cần kiên trì tìm kiếm, tạo lập và củng cố các quan hệ bạn hàng. Bên cạnh đó, cần cải thiện hành lang pháp lý cho xuất khẩu, tìm giải pháp tiếp tục tháo gỡ những vướng mắc về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch, tăng cường khả năng cạnh tranh cho hàng Việt Nam, mở rộng mặt hàng mới. Đồng thời, cần tập trung dịch chuyển cơ cấu hàng xuất nhập khẩu giữa hai thị trường.

Trong năm 2001, Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đã xúc tiến bàn bạc để xây dựng dự án lắp đặt hệ thống đường sắt dài 2 400 km với tổng trị giá 800 triệu USD nối Việt Nam với cảng nước sâu Đác-uyn ở miền Bắc Ô-xtrây-li-a. Dự kiến khoảng cuối năm 2003 sẽ đi vào sử dụng.

Thực tế 30 năm qua đã khẳng định sự phát triển của mối quan hệ giữa hai nước. Mối quan hệ này được thể hiện qua hợp tác có hiệu quả trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, thương mại và đầu tư, văn hóa - giáo dục...

Hai nước Việt Nam và Ô-xtrây-li-a đang bước vào thế kỷ XXI với đầy khó khăn và thách thức song cũng nhiều các cơ may và vận hội lớn. Chúng ta tin tưởng rằng, với truyền thống hữu nghị lâu đời, quan hệ Việt Nam - Ô-xtrây-li-a sẽ ngày càng phát triển tốt đẹp hơn nữa. Hai nước sẽ vượt qua được những khó khăn và thách thức, tranh thủ tốt hơn những vận hội đang mở ra, đáp ứng những lợi ích của nhân dân hai nước vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ KIỂM TRA TOÀN QUỐC

TRONG hai ngày (23, 24-1-2003), tại Hà Nội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tổ chức Hội nghị toàn quốc, tổng kết công tác kiểm tra năm 2002 và triển khai nhiệm vụ công tác kiểm tra năm 2003. Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an cùng các đồng chí lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra Trung ương, lãnh đạo ủy ban kiểm tra của 66 tỉnh ủy, thành ủy, đơn vị trực thuộc Trung ương đã về dự Hội nghị. Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư đã dự và chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo tổng kết của Ủy ban Kiểm tra Trung ương nêu rõ những việc đã làm được và những việc chưa làm được, những ưu điểm và hạn chế, khuyết điểm trong việc thực hiện những nhiệm vụ của công tác kiểm tra trong năm 2002. Ủy ban kiểm tra các cấp đã đầu tư nhiều công sức, trí tuệ, thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm như : kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm ; giải quyết tố cáo ; phát hiện, xử lý và giúp cấp ủy xử lý kịp thời đảng viên và tổ chức đảng vi phạm kỷ luật ; giúp cấp ủy xây dựng bổ sung Chương trình kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng. Hội nghị đi sâu phân tích đánh giá vai trò và hiệu quả chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với ủy ban kiểm tra các cấp và ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ do cấp ủy giao. Trên cơ sở đó, Hội nghị đã rút ra một số kinh nghiệm quý, giúp cho việc thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ của năm 2003.

Hội nghị đã thảo luận và nhất trí xác định : Nhiệm vụ trọng tâm của ủy ban kiểm tra các cấp năm 2003 là kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm ; giải quyết tố cáo đảng viên ; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và tham mưu giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng.

Phát biểu tại Hội nghị, thay mặt Bộ Chính trị, đồng chí Phan Diễn, đã biểu dương những cố gắng và kết quả công tác kiểm tra năm 2002. Đồng chí nhấn mạnh : "Trong năm 2003, công tác kiểm tra đảng phải được tăng cường hơn nữa, tập trung vào các nội dung chủ yếu : kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước ; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc ; củng cố đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng ; giáo dục, rèn luyện, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt công tác kiểm tra cần phải tập trung vào các lĩnh vực bức xúc như chống thất thoát tiêu cực trong xây dựng cơ bản, đấu thầu các công trình, giải phóng mặt bằng, quản lý và sử dụng đất đai ; chống buôn lậu, gian lận thương mại ; sai phạm trong thu thuế và các loại phí ; xâm phạm tài chính công ; tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí. Kiên quyết xử lý những tổ chức và cá nhân bao che cho các hoạt động tội phạm, tham ô, hối lộ, ức hiếp dân, trù dập những người đấu tranh chống tiêu cực...".

Hội nghị thảo luận Dự thảo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra số 01 và 02 của Ban Bí thư Trung ương về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, chỉ đạo thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Đây là hai cuộc kiểm tra có quy mô lớn, được tiến hành đồng thời trong phạm vi toàn Đảng, ở tất cả các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở. Hai cuộc kiểm tra này đã góp phần làm chuyển biến một bước quan trọng về nhận thức, nêu cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ; nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ và gương mẫu giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhiều ý kiến đóng góp vào bản Dự thảo đã được tổng hợp nhằm giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng tổng kết hai cuộc kiểm tra, đánh giá khách quan, đầy đủ ưu, khuyết điểm, chỉ ra nguyên nhân, rút ra những kinh nghiệm và đề ra những chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện tốt việc giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân và thực hiện tốt Quy định những điều đảng viên không được làm trong thời gian tới.

Hội nghị cũng đã nghe Báo cáo và tham gia bổ sung ý kiến rút ra những bài học qua vụ án Trương Văn Cam. ❑

PV

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

Hai ngày 19 và 20-12-2002, tại Hà Nội, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức Hội nghị tổng kết các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước giai đoạn 1996 - 2000.

Tới dự Hội nghị có lãnh đạo các bộ, ngành, hai trung tâm khoa học quốc gia, các sở khoa học công nghệ và môi trường, Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN giai đoạn 1996 - 2001, Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN giai đoạn 2001 - 2005, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp, các nhà khoa học trong cả nước...

Các đồng chí : Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính Phủ ; Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương ; Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội đã đến dự và tham gia chỉ đạo Hội nghị.

Sau Diễn văn khai mạc của đồng chí Hoàng Văn Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ KH&CN , bản Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình KH&CN cấp Nhà nước giai đoạn 1996 - 2000, Báo cáo kinh nghiệm do đồng chí Hoàng Văn Huây, Thứ trưởng Bộ KH&CN và các nhà khoa học phụ trách 18 Chương trình KH&CN cấp Nhà nước và gần 30 bản tham luận được trình bày. Các báo cáo đều đánh giá cao những kết quả và kinh nghiệm quý báu mà Chương trình KH&CN trong giai đoạn 1996 - 2000 đã đạt được.

Trong giai đoạn 1996 - 2000 Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ KH&CN) đã đầu tư 279,225 tỉ đồng để tổ chức triển khai 7 Chương trình KHXH&NV và 11 Chương trình KHCN.

Về việc thực hiện Chương trình KHXH&NV : Kết thúc giai đoạn 1996 - 2000, đã có 66/70 đề tài được nghiệm thu, trong đó có 53 đề tài xuất sắc ; đã góp phần xây dựng căn cứ khoa học cho việc xác định quan điểm và hoạch định chính sách vĩ mô của Nhà nước, phục vụ kịp thời cho việc chuẩn bị Văn kiện của các Hội nghị Trung ương lần thứ 4, 5, 6 và 7 ; góp phần làm rõ hơn quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đặc biệt, đề tài *"Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"*, mã số KHXH-01.01, được coi là công trình khoa học tổng hợp của 7 chương trình Khoa học Xã hội và Nhân văn giai đoạn 1996 - 2000. Đây là công trình khoa học có giá trị lý luận và thực tiễn cao, góp phần làm rõ thêm những luận điểm trong nhận thức và quan điểm chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Công trình có nhiều đóng góp quan trọng vào việc nghiên cứu lý luận, bổ sung những căn cứ khoa học trong định hướng chủ trương, chính sách và con đường thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ; bảo đảm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Về việc thực hiện Chương trình KHCN : Kết thúc giai đoạn 1996 - 2000, đã có 216/233 đề tài được nghiệm thu, trong đó, có 68,7% đề tài đạt loại xuất sắc. Các chương trình này đều tiếp cận và ứng dụng được nhiều thành tựu khoa học công nghệ của thế giới để tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao. Thông qua việc thực hiện các chương trình, hoạt động nghiên cứu KH&CN đã gắn chặt hơn với sản xuất, đời sống và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài đã được áp dụng vào sản xuất, tạo ra sản phẩm mới, có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, thay thế hàng nhập ngoại, góp phần đáng kể vào việc nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của kinh tế nước ta. Đáng chú ý là *Chương trình Công nghệ Vật liệu ; Chương trình Công nghệ tự động hóa ; Chương trình Công nghệ Chế tạo máy ; Chương trình Phát triển Nông nghiệp toàn diện ; Chương trình Bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng...* tạo ra bước đột phá căn bản cho nền khoa học công nghệ còn non trẻ của nước nhà.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, định hướng chiến lược phát triển và chính sách khoa học và công nghệ đã được hoạch định và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế chung của thế giới.

Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đã được đổi mới theo hướng chuyển dần từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế từng bước trao quyền chủ động cho các tổ chức khoa học và công nghệ và xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, thông qua việc tạo hành lang pháp lý, các cơ chế khuyến khích, điều tiết vĩ mô, tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất - kinh doanh... Sự ra đời của Luật Khoa học và Công nghệ là bước phát triển mới trong việc thể chế hóa hoạt động Khoa học và Công nghệ ở nước ta.

Các đại biểu nêu nhiều kiến nghị xung quanh cơ chế quản lý, chỉ đạo thực hiện các chương trình : từ khâu chọn đề tài, đến việc đào tạo và sử dụng nhân tài, tự chủ nguồn kinh phí... cho giai đoạn 2001 - 2005. ❑

Digitized by Google

HUYỆN GIA LÂM

ĐỊA CHỈ: CHÁU QUỲ - GIA LÂM - HÀ NỘI * ĐT: 04.8 276 217 * FAX: 04.8 276 982

HUYỆN ỦY GIA LÂM LÃNH ĐẠO ĐỔI MỚI, NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ, THỊ TRẤN

Gia Lâm là một huyện ngoại thành - cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 175,4 km². Gia Lâm có 31 xã, 4 thị trấn với trên 36 vạn dân, có trên 400 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp - toàn Đảng bộ có 13 918 đảng viên. Trên địa bàn huyện Gia Lâm có nhiều trục đường, tuyến đường giao thông quan trọng như: quốc lộ 1, quốc lộ 5, quốc lộ 1A, đường thuỷ dọc sông Hồng và sông Đuống, đường



Đc Lê Anh Hào Bí thư Huyện uỷ và Đc Đào Công Từ Chủ tịch UBND huyện động viên thanh niên lên đường nhập ngũ

sắt ngược phía Bắc và xuôi về cảng Hải Phòng. Nhiều trung tâm quan trọng như sân bay, bến bãi, kho tàng, nhà ga, các hệ thống thông tin giao dịch trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng và phát triển.

Nhận thức được vai trò to lớn và hết sức quan trọng của hệ thống chính trị, trong những năm qua, quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm; xây dựng Đảng, chính quyền là nhiệm vụ then chốt; xây dựng quản lý đô thị là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, Huyện ủy Gia Lâm đã quan tâm sâu sắc việc lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị ở xã, thị trấn để ngày càng đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

HUYỆN ỦY GIA LÂM ĐÃ TẬP TRUNG BÀN VÀ ĐƯA RA NHIỀU GIẢI PHÁP ĐỂ CỦNG CỐ VÀ NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ.

1. Tập trung tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ Đảng viên, tuyên truyền vận động nhân dân ra sức thi đua học tập, lao động sản xuất và công tác, chấp hành tốt chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Vấn đề then chốt của công tác tổ chức và cán bộ là đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị được huyện Gia Lâm tập trung lãnh đạo đảm bảo theo tinh thần NQTW 3 khoá VII, nghị quyết TW 3, TW 7 khoá VIII. Hằng năm, gần 10 nghìn lượt cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở của Gia Lâm được bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị và nghiệp vụ.

3. Lãnh đạo chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở xây dựng các chương trình công tác giai đoạn 2001 - 2005 sát với thực tế địa phương, tập trung vào ba chương trình đó là: chương trình phát triển kinh tế - xã hội; chương trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chương trình về an ninh quốc phòng.

4. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế dân chủ ở cơ sở, gắn với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Các xã, thị trấn đã tập trung xây dựng 3 quy chế, 4 quy ước và tổ chức thực hiện từng bước có hiệu quả; phương châm " Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra ".

5. Tập trung quan tâm giải quyết những cơ sở còn yếu trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đất đai, xây dựng đô thị, giải phóng mặt bằng... tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư.

6. Thực hiện lãnh đạo có kiểm tra đối với cơ sở thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần NQTW 6 (lần 2) khoá VIII.

CÁC THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC.

1. Các ngành sản xuất duy trì được tốc độ phát triển và có mức tăng trưởng khá. Đảm bảo chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp tăng nhanh. Năm 2002, giá trị sản xuất các ngành kinh tế ước đạt 1.433,5 tỉ đồng tăng 13,7% so với năm 2001. Trong đó, sản xuất công nghiệp, XDCB ước 471 tỉ đồng, tăng 15,2% so với năm 2001, công nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 369,66 tỉ đồng, tăng 18,5% so với năm 2001; giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ ước đạt 464,5 tỉ đồng, tăng 16,4% so với năm 2001, doanh thu ngành thương mại dịch vụ ước 5.432 tỉ đồng, tăng 14,7% so với năm 2001.

2. Duy trì và đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học, bậc học. **100% số trẻ 5 tuổi được ra lớp, số trẻ mẫu giáo đạt 77% tăng 0,5%, số trẻ ra lớp đạt 27,6% tăng 11%, tỷ lệ học sinh vào lớp 1 đạt 100%. Số học sinh giỏi bậc tiểu học tăng 0,9%, bậc THCS tăng 2,9% so với năm 2001. Đầu tư cho cho giáo dục được tăng cường mua sắm trang thiết bị dạy và học, tập trung xoá 118 phòng học cấp 4.**



Đc Nguyễn Văn Trịnh Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ (giữa) trao Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng

3. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn tiếp tục đẩy mạnh và có hiệu quả thiết thực. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách nhân các ngày lễ, ngày tết, ngày 27 - 7,...với tổng số tiền 1,8 tỉ đồng ngoài ngân sách trung ương và Thành phố cấp; xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ " tình nghĩa " được trên 1 tỉ đồng; hỗ trợ 38 hộ gia đình chính sách khó khăn về nhà ở, xây dựng 16 nhà tình nghĩa (mỗi nhà trên 31 triệu đồng) , sửa chữa 22 nhà với tổng số tiền đầu tư trên 727 triệu đồng.

4. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được củng cố, kiện toàn. Tỷ suất sinh 14,25% giảm 0,05% so với năm 2001, tỷ lệ sinh con thứ 3 là 4,32%, giảm 0,1% so với năm 2001....

5. Năm 2002, toàn huyện giảm 728 hộ nghèo đạt 121,3% kế hoạch, giảm 100% hộ nghèo là gia đình chính sách, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2,7% xuống còn 1,84%. Đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện cả về vật chất và tinh thần; tạo đà phát triển kinh tế xã hội vững chắc và ổn định theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hóa.

6. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tiến bộ, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền được nâng cao, phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh.

Tuy vẫn còn những khó khăn, nhưng những kết quả và thành tích đã đạt được trong những năm qua là cơ bản và có ý nghĩa rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị. Đảng bộ và cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở Gia Lâm tiếp tục nắm vững và thực hiện tốt nhiệm vụ, không ngừng **phấn đấu rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực thực tiễn, chăm lo củng cố, xây dựng tổ chức, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII.**

Digitized by Google

SỞ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Địa chỉ: 48 Đoàn Trần Nghiệp - Hà Nội * ĐT: 04. 9 764 605, 9 763 198
Fax: 84.4. 9 760 688 * E-mail: socongnghiep@hn.vnn.vn



Giám đốc Sở Công nghiệp Hà Nội:

Ks. LƯU TIẾN LONG

Chúc mừng năm mới

2003



SỞ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

- Cơ quan Sở Công nghiệp có 59 cán bộ công chức, trong đó 50/59 người có trình độ từ đại học trở lên.

- Đảng bộ Cơ quan Sở và Công đoàn ngành CN có 53 đảng viên. Trong 5 năm từ 1997 - 2002, đã kết nạp 8 đảng viên. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Trong tiến trình đổi mới, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Thành ủy và UBND Thành phố Hà Nội, Sở Công nghiệp đã có những đổi mới đáng kể, góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành kinh tế công nghiệp của Thành phố.

Tăng trưởng GDP ngành công nghiệp từ 5% (thời kỳ 1986 - 1990) lên 13,7%/ năm ; (thời kỳ 1991 - 1995) và 15,6%/ năm (thời kỳ 1996 - 2000). Các năm 2001 đạt 19,2% và năm 2002 tăng 24,3%.

Đến năm 2000, ngành công nghiệp đã đóng góp được 38% trong tổng GDP của toàn Thành phố.

Năm 1998-1999 Sở đã tổ chức một lớp bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên cho 52 đ/c.

Năm 2001-2002 phối hợp tổ chức một lớp đào tạo cán bộ DNNN gồm 52 đồng chí (Sở cử đi học 2 đồng chí).

- 1999 đến nay gửi đi đào tạo chính trị cao cấp 6 đ/c, chính trị trung cấp 5 đ/c.

Do đó, năm 1999, Sở được Chính phủ tặng cờ TĐXS dẫn đầu; năm 2000 Sở được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, Bộ Công nghiệp tặng cờ TĐXS của Bộ; năm 2001 được Bộ Công nghiệp tặng bằng khen.

Để tiếp tục nâng cao trình độ quản lý, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XIII, Sở Công nghiệp đã xây dựng kế hoạch, với mục tiêu tổng quát từ năm 2001 - 2005 là:

- Xác định rõ chức năng nhiệm vụ, không để hiện tượng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động quản lý điều hành.

- Cải cách cơ bản các thủ tục hành chính theo hướng chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan.

- Giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền, có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong công tác quản lý để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đảng và Chính quyền thành phố giao cho.

- Tổ chức đội ngũ công chức hành chính theo hướng định rõ trách nhiệm, quyền lợi, thẩm quyền gắn với chế độ khen thưởng và kỷ luật.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có trình độ quản lý tiên tiến, chuyên môn kỹ năng hành chính cao, có phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm, tận tụy công tâm, liêm khiết.

- Không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bộ máy quản lý hành chính nhà nước từ Sở đến các DN, đi đôi với công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, tiếp tục giữ vững là tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Tiếp tục hoàn thiện quy chế làm việc giữa Đảng và Chính quyền để vừa đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo, vừa tạo sự thông suốt trong công tác quản lý điều hành nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Thành phố giao.

Digitized by Google

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(NÔNG LÂM UNIVERSITY, HOCHIMINH CITY)

Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 8 966 780 (Hành chính) - 8 903 350 (Đào tạo) - 8 960 711 (VP Hiệu trưởng)

Email: bctuyen@hcm.vnn.vn (Hiệu trưởng) * Website: http://www.hcmuaf.edu.vn

Năm thành lập trường: 1955



HIỆU TRƯỞNG:

PGS. TS. NGƯT. BÙI CÁCH TUYẾN



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

ĐÀO TẠO KỸ SƯ (CỬ NHÂN, BÁC SĨ THÚ Y), THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ; NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - CHUYỂN GIAO KHCN VÀ KHUYẾN NÔNG; HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC NÔNG LÂM NGƯ.

(TỔNG SỐ 650 CBCNV, TRONG ĐÓ CÓ 400 CBGD VỚI 18 KHOA/BM TRỰC THUỘC, 14 TRUNG TÂM, 15 PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRƯỜNG).

KHEN THƯỞNG:

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT (2001); 4 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA; 9 BẰNG KHEN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (2001, 2002); BẰNG KHEN CỦA BỘ GD & ĐT); BẰNG KHEN CỦA UBND TPHCM; BẰNG KHEN CỦA BỘ GD & ĐT; BẰNG KHEN CỦA ĐHQGTPHCM; CỜ LUÂN LƯU "CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ XUẤT SẮC NHẤT KHỐI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CĐ & THCN TPHCM"; 15 BẰNG KHEN TỔNG CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM; 20 BẰNG KHEN CỦA CÔNG ĐOÀN NGÀNH GD & ĐT; 12 BẰNG KHEN CỦA LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TPHCM; DANH HIỆU "ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH" (5 NĂM LIÊN TỤC, 1998 - 2002).

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO:

1. Cơ khí chế biến bảo quản NSTP.
2. Cơ khí nông lâm
3. Chế biến lâm sản
4. Cao đẳng tin học
5. Chăn nuôi
6. Thú y
7. Nông học
8. Lâm nghiệp
9. Nuôi trồng thuỷ sản
10. Bảo quản - chế biến NSTP
11. Công nghệ sinh học
12. Kỹ thuật môi trường
13. Chế biến thuỷ sản
14. Kinh tế nông lâm
15. Quản lý đất đai
16. Khuyến nông - Phát triển nông thôn
17. Quản trị kinh doanh
18. Kế toán
19. Anh văn
20. Công nghệ thông tin (Đại học)
21. Cao đẳng Quản lý Đất đai
22. Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp
23. Cảnh quan và lâm hoa viên.

Digitized by Google

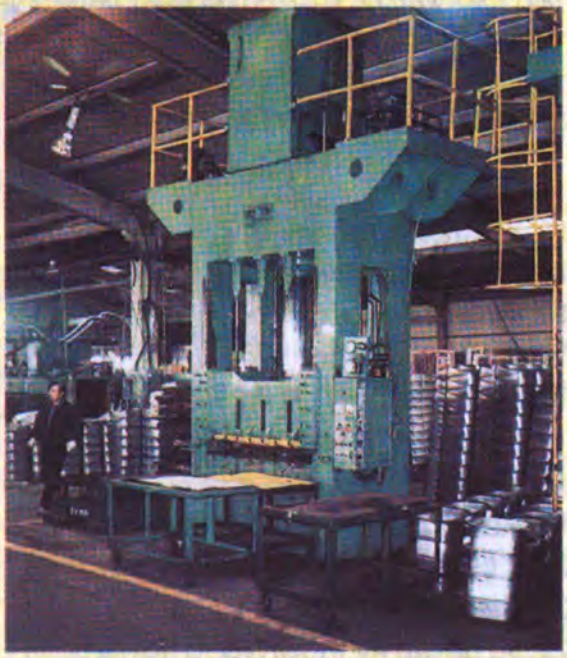
CÔNG TY HOÀNG TỬ

Địa chỉ: 26 Cát Linh - Hà Nội * ĐT: 04 7 338 799 * Fax: 04 7 337 537 * E- mal: hoangtu38@fpt.vn

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN HÙNG

Chúc Mừng Năm Mới
2003





Dây chuyền sản xuất chậu i-nốc

Cùng với sự hội nhập của nền kinh tế, các nhà doanh nghiệp trẻ Hà Nội nói riêng cũng như doanh nghiệp trẻ Việt Nam nói chung đang từng bước khẳng định vị trí, vai trò của mình đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Được thành lập ngày 29-11-1996 theo Quyết định số 2816 GP/TLDN của UBND Thành phố Hà Nội, có chức năng sản xuất ván sàn, đồ gỗ, sản xuất và lắp ráp bình nước nóng, dịch vụ in và quảng cáo, buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, sản xuất nguyên liệu nhựa và các sản phẩm bằng nhựa, sản xuất gia công các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất và tiêu dùng, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông thuỷ lợi.

Công ty hiện có hai Trung tâm Kinh doanh thương mại:

- Trung tâm Kinh doanh thương mại Hùng Túy
- Trung tâm Thương mại Hoàng Tử.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Năm 1997, Công ty nhập và lắp đặt một dây chuyền sản xuất chậu I-nốc và sản xuất bồn tắm, thực hiện phương châm sản xuất bền vững, luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, sản phẩm chậu I-nốc và bồn tắm của Công ty được thị trường chấp nhận và tiêu thụ khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Hằng năm, Công ty đều đạt các chỉ tiêu kế hoạch, doanh thu năm sau cao hơn năm trước; do đó, tăng tích luỹ và vốn tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, thu nhập và quyền lợi của người lao động được cải thiện và quan tâm hơn.

Năm 2002, với tổng doanh thu là 45 tỉ đồng, mức nộp ngân sách đạt trên 8 tỉ đồng.

Năm 2003, khi dây chuyền sản xuất gỗ ván sàn đi vào hoạt động, tổng doanh thu

Digitized by Google



Dây chuyền nhà máy gạch



Dây chuyền gỗ ván dăm CN

dự kiến đạt khoảng trên 80 tỉ đồng, mức nộp ngân sách vào khoảng 15 tỉ đồng.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Trong 2 năm gần đây, Công ty tiếp tục mở rộng thị trường, tăng đầu tư sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, nhất là tập trung vào các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu xây dựng. Đầu năm 2002, Công ty đã nhập và triển khai sản phẩm bình nước nóng có nhãn hiệu Pi-xen-da của I-ta-li-a. Xuất phát từ thực tiễn là tất cả các sản phẩm bình nước nóng trên thị trường được nhập từ nước ngoài, vỏ bình chứa nước chủ yếu được làm từ tôn tráng men; nhưng do điều kiện tự nhiên và thành phần cấu tạo của nguồn nước ở Việt Nam, vỏ bình rất dễ bị han và thủng. Chính vì vậy, Công ty đang xây dựng đề án lắp đặt nhà máy sản xuất bình nước nóng có vỏ chứa nước bằng I-nốc với dây chuyền và linh kiện được nhập từ các hãng lớn nhất của I-ta-li-a để có thể đáp ứng được mọi điều kiện của nguồn nước, giảm giá thành, tăng tuổi thọ của sản phẩm có thể gấp hai đến ba lần các loại bình nước nóng ngoại nhập hiện có trên thị trường. Dự án trên, đến nay đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt. Công ty cũng đã được UBND Thành phố cấp 5 000m^2 đất trong khu công nghiệp vừa và nhỏ ở Từ Liêm (Hà Nội) để xây dựng, lắp đặt nhà máy sản xuất gỗ ván sàn công nghiệp và các sản phẩm ván ép công nghiệp như BP; MDF; HDF; được phủ giấy trang trí có tráng lớp mê-la-min cung cấp cho ngành sản xuất thiết bị trang trí nội thất có chất lượng cao, công suất dự kiến 2 200 000 m^2/năm. Khi sản phẩm có mặt trên thị trường sẽ từng bước hạn chế, đẩy lùi hàng ngoại nhập. Công ty đã nhập dây chuyền sản xuất gạch ce-ra-míc của hãng Na-se-ti - Nhà sản xuất hàng đầu của I-ta-li-a và châu Âu về gạch ce-ra-míc. Đây chính là bước khởi động của dự án đầu tư hơn 60 tỉ đồng cho lắp đặt nhà máy sản xuất gạch ce-ra-míc tại Vĩnh Phúc với công suất 2000000 m^2/năm. Với chiến lược đa dạng hoá sản phẩm, tổ chức sản xuất và hoàn thiện các sản phẩm ngay tại thị trường trong nước theo một quy trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả tốt nhất hiện nay, Công ty đang tạo cho mình sự phát triển bền vững và lâu dài nằm trong lộ trình hội nhập thị trường chung khu vực APTA/CEPT từ nay đến 2006.

CÔNG TÁC XÃ HỘI

- Công ty xây dựng 2 nhà tình nghĩa cho 2 đồng chí thương binh hạng 4/4 ở phường Cát Linh và xã Dương Xá (Gia Lâm- Hà Nội).
- Công ty đã ủng hộ ba mươi triệu đồng cho quỹ vì người nghèo.
- Công ty cũng là đơn vị thường xuyên tài trợ cho các giải bóng đá học sinh, sinh viên và nhiều hoạt động xã hội khác.

Với tiềm lực và khả năng vốn có, Công ty Hoàng Tử đang cùng doanh nghiệp trẻ cả nước phát huy sức trẻ, vai trò của mình trong nền kinh tế nước nhà.

Digitized by Google

CÔNG VIÊN VĂN HÓA ĐẦM SEN

Số 03 đường Hòa Bình - F.3 - Q.11 - Tp.Hồ Chí Minh
ĐT: 9634963 - 8587826 - Fax: 84.8.9633073 - Email : damsenpark@hcm.vnn.vn

Thư giãn cùng những cảnh quan đẹp và bầu không khí trong lành
Giải trí bằng những trò chơi mới, hiện đại và hấp dẫn.

Chúc Mừng Năm Mới 2003

Mới lạ hơn
Ấn tượng hơn
Rực rỡ hơn

SẮC MÀU BĂNG ĐĂNG ĐẦM SEN 2003

ĐẶC BIỆT Lần đầu tiên Biểu diễn tại Việt Nam

Laser chiếu phim trên màn ảnh nước
Tàu ngầm săn thủy quái

TRÒ CHƠI MỚI
XE CHẠY MỌI ĐỊA HÌNH

ĐẦM SEN Thế Giới Tuyệt Vời!

CÔNG TY HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI PHÍA NAM
(INLACO SAIGON)

INLACO SAIGON

Địa chỉ : Lầu 2 & 4, 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM
ĐT : 914 0930 / 31 / 32 / 33 / 34 / 35 / 36 / 38 / 39 / 40 / 41
Fax : 914 0942/43/44 E-mail : inlacosaigon@hcm.vnn.vn

NHÂN DỊP NĂM MỚI,
CÔNG TY INLACO SAIGON
KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG

Vạn Sự Như Ý
An Khang Thịnh Vượng

Xuân Quý Mùi 2003

Digitized by Google



HUYỆN KIẾN THỤY

Bí thư Huyện ủy: BÙI TRỌNG TUẤN
ĐC: Kiến Thụy - Hải Phòng * ĐT: 031 881 597

Huyện Kiến Thụy nằm ở phía Đông Nam của Thành phố Hải Phòng, có diện tích 165 km², dân số 17,5 vạn người, gồm 23 xã và 1 thị trấn. Là huyện đồng bằng ven biển, tiếp giáp với nội thành và thị xã Đồ Sơn, lại nằm giữa 2 cửa sông lớn Văn Úc và Lạch Tray nên hệ thống giao thông thủy, bộ rất thuận lợi, tạo cho huyện có vị thế quan trọng trong chiến lược phòng thủ của Thành phố và Quân khu Ba.

Trong 2 cuộc kháng chiến của dân tộc, Kiến Thụy đã có 6 xã và 3 cá nhân được Đảng, Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; công nhận 3 581 liệt sĩ, 1 251 thương binh, trên 500 bệnh binh, 119 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hơn 1 vạn người được tặng thưởng huân, huy chương các loại; được Quân khu Ba tặng cờ "Bắt sống nhiều giặc lái Mỹ" và cờ "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường".

Phát huy truyền thống cách mạng, Kiến Thụy góp phần tìm ra giải pháp "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" giúp cho Thành ủy ra NQ 24, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100, Bộ Chính trị ra NQ 10, trở thành cơ chế chung, tạo ra bước phát triển mới của nền nông nghiệp nước ta.

Trong những năm qua, kinh tế của huyện liên tục tăng trưởng. Năm 2002, đạt tốc độ 11,88%. Cơ cấu kinh tế có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực: Nôngnghiệp-56,7%;CN-XDCB-39,2%;Dịchvụ-4,1%. Năng suất lúa đạt trên 10 tấn/ha/năm. Nhờ kết hợp xen canh cây lúa và nuôi trồng thủy sản nên giá trị sản xuất đạt trên 1 héc - ta canh tác là 36,5 triệu đồng.

Tạo nhiều điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động trên địa bàn, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho hơn một vạn lao động.

Cơ sở hạ tầng: 100% đường từ huyện đến các xã và đường trong hầu hết thôn xóm được nhựa hóa, cấp phối bê tông hoá. 99% số hộ nhân dân có điện sinh hoạt. Các xã đều có từ 2 ngôi trường trở lên được xây cao tầng, khang trang, sạch đẹp.

Văn hoá - xã hội: Huyện có 63 làng văn hoá. Các xã đều có "Nhà văn hóa", "Bưu điện văn hóa". Tính xã hội hóa của các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, văn hoá - thể thao, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, dân số - kế hoạch hoá gia đình... ngày càng cao. Toàn huyện không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,86%. Năm 2000, huyện được công nhận hoàn thành phổ cập PTCS.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững. Cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh. Hiệu lực của hệ thống chính trị không ngừng được nâng cao. Đảm bảo thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần NQTW 6 lần 2 (khoá VIII) gắn với việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Tháng 6 - 1999, Đảng bộ, quân và dân huyện Kiến Thụy vinh dự được Đảng, Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Lực lượng vũ trang của huyện được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhất. Năm 2002, huyện được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì.

Phát huy truyền thống anh hùng, Đảng bộ, quân và dân toàn huyện đã và đang tận dụng những cơ hội mới, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, triệt để khai thác tiềm năng, thế mạnh... quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2003, tạo đà thực hiện thắng lợi NQ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, góp phần cùng với thành phố và cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá , vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Digitized by Google

HUYỆN AN LÃO

Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch HĐND: VŨ RỤ
Địa chỉ: An Lão - Hải Phòng * ĐT: 031 872 492



Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển chung trong sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, sau nhiều lần tách nhập, từ ngày 8- 8- 1998, huyện An Lão đã trở lại đúng với cái tên của mình.

An Lão được tái lập trong quá trình đô thị hoá và phát triển của Thành phố Hải Phòng. Với diện tích tự nhiên 111 000 km², dân số 12 vạn người, cư trú trên 16 xã, 1 thị trấn. Những ngày đầu, huyện gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ cũng như trong sự nghiệp xây dựng phát triển của huyện. Được sự quan tâm của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, sự giúp đỡ của các sở, ban, ngành, đoàn thể các địa phương, đơn vị bạn, Đảng bộ và nhân dân huyện An Lão đã nhanh chóng phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của TW, của Thành uỷ và Đảng bộ huyện.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Cùng với những thành tựu của Thành phố, huyện An Lão đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách ban đầu, nhanh chóng ổn định và tạo ra những bước chuyển rõ nét. Huyện đã ổn định tổ chức bộ máy và hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội hằng năm. Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân được cải thiện, an ninh quốc phòng được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội có nhiều tiến bộ. Hệ thống chính trị được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý hành chính của các cấp chính quyền nâng cao hiệu quả và hiệu lực, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của huyện.

➤ Kinh tế giữ vững tốc độ tăng trưởng, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, từng bước đẩy mạnh CNH - HĐH, xây dựng 5 tiểu vùng kinh tế, chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tổng diện tích gieo trồng 11 705 ha, đạt tổng sản lượng 63 573 tấn lương thực, bằng 102,37% kế hoạch. Năng suất lúa đạt 108,8 tạ/ha đứng thứ hai toàn Thành phố. Kinh tế VAC, kinh tế trang trại tiếp tục ổn định và phát triển, kết hợp mô hình sản xuất - chăn nuôi khép kín mang lại hiệu quả kinh tế cao. Diện tích cây màu lương thực là 457 ha, rau đậu các loại là 568 ha. Tổng đàn lợn đạt 61 515 con, bằng 106,06% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thuỷ sản là 600 ha, sản lượng đạt 1650 tấn. Trên lĩnh vực nông nghiệp, nét nổi bật của năm 2002 là tập trung chỉ đạo chuyển giao KHKT trên các lĩnh vực, đưa giống cây, con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất: tôm sú, tôm he, cá chim trắng... Chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung. Nhiều hộ đầu tư hàng trăm triệu đồng xây dựng trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô lớn (6 trang tại nuôi gà công nghiệp với số lượng từ 5 000 con trở lên/trại). Hai doanh nghiệp nuôi lợn siêu nạc lớn nhất các tỉnh phía Bắc (3 000- 5 000 con). Các vùng rau an toàn được đầu tư phát triển cung ứng ổn định phục vụ cho Thành phố và các doanh nghiệp trên địa bàn.

➤ Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 28,7 tỉ đồng, đạt 107% kế hoạch. Các doanh nghiệp ở Khu Công nghiệp An Tràng tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt đã giải quyết việc làm cho hơn 7 000 lao động.

➤ Kết quả thu ngân sách đạt khá cao, hầu hết các sắc thuế đều hoàn thành và vượt kế hoạch.Tổng thu ngân sách nhà nước đạt trên 37 tỉ đồng, bằng 202% so với dự toán Thành phố giao.

➤ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được đầu tư đúng mức, tăng cường theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu năm 2005 chuẩn hoá 100% tiểu học.

➤ Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân được đặc biệt quan tâm, 100% trạm y tế xã đổi mới trang thiết bị hiện đại và có bác sĩ.

➤ Huyện đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt công tác an ninh quốc phòng, giáo dục chính trị, xây dựng củng cố các lực lượng vũ trang ở địa phương.

➤ Hoạt động của hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được coi trọng, nhằm nâng cao nhận thức, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Hệ thống chính trị cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, tổ chức Đảng ở cơ sở nhận thức và hoạt động đúng với vai trò hạt nhân chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn đổi mới phương thức và nội dung hoạt động phù hợp, hướng về cơ sở, nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, thực sự là cầu nối giữa Đảng và nhân dân. 74% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

Đảng bộ, quân và dân huyện An Lão vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Huân chương Lao động hạng nhì; Đảng bộ huyện được công nhận là Đảng bộ vững mạnh. Huyện An Lão tiếp tục khắc phục khó khăn, không ngừng phát huy truyền thống của một huyện tiêu biểu ở Thành phố Hải Phòng, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển huyện cùng hoà nhập trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Digitized by Google

CÔNG TY XĂNG DẦU HÀ SƠN BÌNH

PETROLIMEX HA SON BINH

TRỤ SỞ CHÍNH: 151 PHỐ TRẦN PHÚ, THỊ XÃ HÀ ĐÔNG, HÀ TÂY
ĐIỆN THOẠI: 84 34 826 286 - 824 821 - 824 699 * FAX : 84 34 825 208



Trụ sở Công ty

Nhân dịp Năm Mới chúc Quý Khách Sức khỏe, Thành đạt và Hạnh phúc.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN :

- CHI NHÁNH XĂNG DẦU SƠN LA, 15 TRẦN ĐĂNG NINH, THỊ XÃ SƠN LA, TỈNH SƠN LA
ĐIỆN THOẠI : 022 856 502 - FAX: 853 311
- CHI NHÁNH XĂNG DẦU HOÀ BÌNH, PHƯỜNG ĐỒNG TIẾN, THỊ XÃ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH
ĐIỆN THOẠI : 018 852 521 - FAX: 852 523
- XÍ NGHIỆP XĂNG DẦU K133, ĐỖ XÁ, HUYỆN THƯỜNG TÍN, TỈNH HÀ TÂY
ĐIỆN THOẠI: 034 854 346 - FAX: 854 366

Ngành nghề: kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và khí hoá lỏng; kho xăng dầu; vật tư thiết bị phục vụ ngành xăng dầu và các ngành khác.

Địa bàn hoạt động: 3 tỉnh Hà Tây, Hòa Bình, Sơn La.

Công ty có kho trung tâm sức chứa lớn, bến xuất tự động hoá cùng 60 cửa hàng trang bị cột bơm điện tử và hệ thống đại lý sẵn sàng phục vụ quý khách thoả mãn nhu cầu xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas, bếp gas, các sản phẩm hóa dầu khác.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

VNPT

VinaPhone

VMS MobiFone

Gọi 171

TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN
an toàn, tiện lợi

Lợi ích cho mọi nhà

VNPT

Nhà khai thác
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
Hàng đầu tại Việt Nam

VinaDaily
Prepaid Mobile



DATAPOST

mobi4U

EMS DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT NHANH

WWW.VNPT.COM.VN

Digitized by Google

thanh thanh



GẠCH MEN
& GẠCH GRANITE

PHÁT TRIỂN CÙNG ĐẤT NƯỚC

THE ARCH OF EUROPE
GOLD STAR AWARD
FOR QUALITY

HÀNG VIỆT NAM
2002
CHẤT LƯỢNG CAO
Do người tiêu dùng
bình chọn

thanh thanh

CÔNG TY GẠCH MEN THANH THANH
Khu công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai
ĐT : (84.61) 836 066 - 836 550
Fax : (84.61) 836 305

Digitized by Google

5130

PETROLIMEX

Chúc Mừng Năm Mới 2003

Happy New Year

QUÝ MÙI

LUB. PETROLIMEX
DẦU NHỜN

ASPHALT PETROLIMEX
NHỰA ĐƯỜNG

CK PETROLIMEX
CƠ KHÍ

CONSTRUCTION PETROLIMEX
XÂY DỰNG

PECO PETROLIMEX
THIẾT BỊ XĂNG DẦU

PEC PETROLIMEX
THIẾT KẾ & TƯ VẤN ĐẦU TƯ

PETROLIMEX
PETROLIMEX

OiL PETROLIMEX
XĂNG DẦU

PETROLIMEX
VẬN TẢI

CHEMICAL PETROLIMEX
HÓA CHẤT

Gas PETROLIMEX
KHÍ HÓA LỎNG

JICO INSURANCE
BẢO HIỂM

PITCO PETROLIMEX
XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP

PIAC PETROLIMEX
TIN HỌC & TỰ ĐỘNG HÓA

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

VIETNAM NATIONAL PETROLEUM CORPORATION

TRỤ SỞ CHÍNH:

SỐ 1 KHÂM THIÊN, HÀ NỘI, VIỆT NAM.
ĐT: (84-4) 851 2603 - 851 3258
FAX: (84-4) 851 9203 - 851 2410
TELEX: 844 241 - TCTXDVT

HEAD OFFICE:

N° 1 KHAM THIEN St., HANOI, VIETNAM.
TEL: (84-4) 851 2603 - 851 3258
FAX: (84-4) 851 9203 - 851 2410
TELEX: 844 241 - TCTXDVT

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV OF MICH.
APR 0 3 2003
CURRENT SERIALS

7
3-2003

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

TRUNG TÂM CẤP CỨU MỎ



ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG HÀ TU - TP. HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH
ĐIỆN THOẠI: (033) 835 917

FAX: (033) 836 346

ĐỘI CẤP CỨU CƠ ĐỘNG HÒN GAI:
ĐT: (033) 835 415

TRẠM CẤP CỨU KHU VỰC CẨM PHẢ:
ĐT: (033) 860 265 - 862 620

TRẠM CẤP CỨU KHU VỰC UÔNG BÍ:
ĐT: (033) 856 380 - 856 254

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- TỔ CHỨC HỌC TẬP, RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SẴN SÀNG ỨNG PHÓ TRONG MỌI TÌNH HUỐNG, KIỂM TRA PHÒNG NGỪA SỰ CỐ ĐỊNH KỲ TẠI CÁC MỎ
- GIẢI QUYẾT CÁC SỰ CỐ
- PHÂN TÍCH KHÍ MỎ, KIỂM TRA, HIỆU CHỈNH, SỬA CHỮA CÁC THIẾT BỊ CẤP CỨU MỎ
- NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG KỸ THUẬT CẤP CỨU MỎ TIÊN TIẾN CỦA THẾ GIỚI
- HUẤN LUYỆN CÔNG TÁC CẤP CỨU MỎ BÁN CHUYÊN CHO CÁC ĐƠN VỊ TVN







Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 670

7
3-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIỆP



Bìa 1 : Lễ hội Đền Cổ Loa Đông Anh - Hà Nội
Ảnh : TRƯỜNG THI

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN KHOA ĐIỂM - Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa hiện nay 3

PHẠM QUANG NGHỊ - Tiếp tục bồi đắp cho văn hóa Việt Nam thêm giàu đẹp 8

LÊ XUÂN ĐỨC - Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng 14

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ ĐỨC BÌNH - Kiểm tra - một khâu quan trọng của quá trình lãnh đạo 19

HOÀNG THỌ XUÂN - VÕ VĂN QUYỀN - Thương mại Việt Nam năm 2002 và giải pháp trong thời gian tới 25

HOÀNG ĐỨC THÂN - Phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam 29

LƯƠNG VĂN TỰ - Khai thác tiềm năng lớn của thị trường Hoa Kỳ 34

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ĐẶNG VŨ LIÊM - Bộ đội Biên phòng giúp dân xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học 37

THƯỢNG TÙNG - Quân khu 9 phát huy truyền thống đoàn kết quân - dân 41

VŨ NGỌC AM - Trà Vinh đổi mới và phát triển 46

LÊ THỊ PHƯƠNG MAI - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Hà Tây 50

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG - Lễ hội với mùa xuân 54

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

PHƯƠNG NHUNG - Đi theo ánh lửa từ trái tim mình 58

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

VŨ CÔNG GIAO - Quyền trẻ em : Mối quan tâm của toàn nhân loại 60

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН КХОА ДИЕМ: Повышение качества культурно-идеологической работы на данном этапе. ФАМ КУАНГ НГИ: Продолжается развитие Вьетнамской культуры более богатой и расцветающей. ЛЕ СУАН ДЫК: Общее дело создаётся словом «единодушие». ЛЕ ДЫК БИНЬ: Контрольная работа – важное звено в процессе руководства. ХОАНГ ТХО СУАН– ВО ВАН КУЕН: Вьетнамская торговля в 2002 году и способы решения в дальнейшем. ХОАНГ ДЫК ТХАН: Всемерно развиваются различные рынки во Вьетнаме. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Использование больших потенциалов рынка США. ДАНГ ВУ ЛИЕМ: Пограничники помогают народу ликвидировать неграмотность и осуществлять программу всеобщего обязательного начального обучения. ТХЫОНГ ТУНГ: 9ме Военный округ развивает традицию солидарности между армией и народом. ВУ НГОК АМ: Провинция Чавинь на пути обновления и развития. ЛЕ ТХИ ФЫОНГ МАЙ: Трансформация экономической структуры в провинции Хатей. НГУЕН ХОНГ ЗЫОНГ: Празднество и весна. ВУ КОНГ ЗАО: Права детей: забота всего человечества.

CONTENTS

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: To improve the quality of the ideological-cultural work in present time. PHẠM QUANG NGHỊ: To continue building up rich Vietnamese culture. LÊ XUÂN ĐỨC: Lifework is created by "comradeship". LÊ ĐỨC BÌNH: Inspection — an important work of leadership. HOÀNG THỌ XUÂN - VÕ VĂN QUYỀN: The Vietnamese trade in 2002 and solutions for the time to come. HOÀNG ĐỨC THÂN: To develop synchronously all types of market in Vietnam. LƯƠNG VĂN TỰ: To exploit great potentiality of the US market. ĐẶNG VŨ LIÊM: Border soldiers help the people to eliminate illiteracy and universalize primary education. THƯỢNG TÙNG: Military Zone 9 brings into play the tradition of unity between the army and the people. VŨ NGỌC AM: Trà Vinh renovates and develops. LÊ THỊ PHƯƠNG MAI: The structural shift in the economy of Hà Tây province. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG: Festivals with spring. VŨ CÔNG GIAO: Children's rights: mankind's concern.

SOMMAIRE

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Améliorer la qualité du travail idéologique et culturel à l'heure actuelle. PHẠM QUANG NGHỊ: Pour une culture vietnamienne de plus en plus riche et belle. LÊ XUÂN ĐỨC: L'œuvre aboutit grâce à l'élément "ensemble". LÊ ĐỨC BÌNH: Contrôle - un facteur primordial du travail de direction. HOÀNG THỌ XUÂN - VÕ VĂN QUYỀN: Commerce du Vietnam en 2002 et solutions pour les temps à venir. HOÀNG ĐỨC THÂN: Développement synchrone des différents marchés au Vietnam. LƯƠNG VĂN TỰ: Exploiter le grand potentiel du marché américain. ĐẶNG VŨ LIÊM: Les gardes frontaliers pour l'alphabétisation et la généralisation de l'éducation primaire parmi la population locale. THƯỢNG TÙNG: La IXe Zone militaire valorise la solidarité traditionnelle entre le peuple et l'armée. VŨ NGỌC AM: La rénovation et le développement de Trà Vinh. LÊ THỊ PHƯƠNG MAI: Restructuration économique à Hà Tây. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG: Les fêtes et le printemps. VŨ CÔNG GIAO: Droits de l'enfant : Intérêt de l'humanité.

SUMARIO

NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Elevar la calidad del actual trabajo ideológico y cultural. PHẠM QUANG NGHỊ: Seguir cultivando para que la cultura vietnamita sea más bella. LÊ XUÂN ĐỨC: El éxito de la causa depiende de la palabra de "unidad". LÊ ĐỨC BÌNH: El control - importante eslabón del proceso de dirección. HOÀNG THỌ XUÂN - VÕ VĂN QUYỀN: El comercio vietnamita de 2002 y las medidas para el próximo tiempo. HOÀNG ĐỨC THÂN: El desarrollo integral de mercado de todos tipos en Vietnam. LƯƠNG VĂN TỰ: La explotación de las grandes potencialidades del mercado norteamericano. ĐẶNG VŨ LIÊM: La ayuda de tropas guardafronteras ofrecida a la población en la alfabetización y generalización de la enseñanza primaria. THƯỢNG TÙNG: Tropas de IX zona en el despliegue de tradición de unidad de todo el ejército y pueblo. VŨ NGỌC AM: Trà Vinh – su renovación y desarrollo. LÊ THỊ PHƯƠNG MAI: La transformación de estructura económica en la provincia Hà Tây. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG: Fiestas con la primavera. VŨ CÔNG GIAO: Derechos de niños: atención de toda la humanidad.

目录

• 阮科恬: 提高目前思想 — 文化工作的质量• 范光议: 继续充实，使越南文化更加丰富多采、绚丽• 黎春德: 事业成功出于"同"字• 黎德平: 监察是领导中关键的一环• 黄寿春、武文枕 2002年越南贸易和将来的解决措施• 黄德申: 同步发展在越南的各类型市场• 梁文字: 开发美国市场的巨大潜能• 邓武廉: 越南边防军队帮助人民扫盲及普及小学教育• 尚松: 第九军区发扬军民团结的传统• 武玉庵: 茶荣省的革新和发展• 黎氏芳梅: 河西省经济结构转移• 阮鸿阳: 庙会与春天• 武公交: 儿童权— 全人类共同关心的问题。

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA HIỆN NAY

NGUYỄN KHOA ĐIỂM*

SAU một năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa IX *Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới*, công tác tư tưởng - văn hóa đã tiến một bước đáng ghi nhận. Ý nghĩa và tầm quan trọng của Nghị quyết này, đã thể hiện ngày càng rõ trên thực tế sống động của đất nước ta. Những thành tựu to lớn và quan trọng mà toàn Đảng, toàn dân ta đạt được trong năm 2002, đã có sự đóng góp tích cực của công tác tư tưởng - văn hóa qua việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống ; tổ chức, động viên nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiểm điểm công tác tưởng - văn hóa trong năm 2002, chúng ta rút ra những bài học kinh nghiệm thực sự có ý nghĩa tổng kết một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX *Về công tác tư tưởng, lý luận* ; qua đó, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức công tác, đưa Nghị quyết thành phong trào thực tiễn mạnh mẽ, sâu rộng và có hiệu quả hơn.

Công tác tư tưởng - văn hóa diễn ra trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến nhanh chóng, thời cơ và thách thức đan xen nhau, đòi hỏi chúng ta phải chủ động hơn nữa trong công tác tư tưởng, đáp ứng nhanh sự phát triển của tình hình.

Nhận thức rõ về thời cơ và thách thức, mục tiêu và phương hướng công tác tư tưởng - văn hóa trong năm 2003 là, tiếp tục quán triệt Nghị quyết Đại hội IX, triển khai mạnh mẽ, rộng khắp và toàn diện các Nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và các chỉ thị, thông báo, kết luận của Trung ương.

Cần khẳng định rằng năm 2003, công tác tư tưởng - văn hóa có nhiều thuận lợi hơn. Những thành tựu to lớn của đất nước trên đường đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang tạo ra khí thế và vị thế mới của đất nước ta, tiếp thêm sức mạnh và nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa. Sự quan tâm của Đảng, của xã hội và các tầng lớp dân cư về vai trò của công tác tư tưởng, của sự nhất trí trong Đảng và đồng thuận trong xã hội tăng lên là những cơ hội cho những người làm công tác

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Digitized by Google

tư tưởng đẩy mạnh các hoạt động, gắn bó với quần chúng, cùng quần chúng giải đáp những vấn đề về tư tưởng. Mặt khác, những khó khăn thách thức vẫn còn nhiều, đặc biệt là những diễn biến khó lường trước từ bên ngoài. Trong năm nay, chiến tranh Mỹ - I-rắc có xảy ra không và nếu xảy ra chiến tranh chúng ta phải làm gì, đó là câu hỏi đang đặt ra. Mới đây Hạ viện bang Vơ-gi-ni-a của Mỹ đưa ra dự luật cực kỳ sai trái càng làm chúng ta nhận thức sâu sắc hơn các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chủ động hơn trong công tác tư tưởng, bình tĩnh và kịp thời đối phó với các tình huống. Bởi vậy, tiếp tục bám sát thực tiễn, đi sâu vào cơ sở, đẩy mạnh tuyên truyền những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, đẩy lùi tiêu cực, lạc hậu trên cơ sở định hướng thông tin là *phương châm chủ đạo* của công tác tư tưởng - văn hóa hiện nay.

Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị ban hành một loạt các nghị quyết, văn bản, chỉ thị vào cuối năm 2002 và đầu năm 2003 đã tạo cơ sở và điều kiện quan trọng để đẩy mạnh công tác tư tưởng - văn hóa. Do đó, *nhiệm vụ trọng tâm* của chúng ta là triển khai nhanh, toàn diện với nhiều hình thức các nghị quyết, chỉ thị, thông báo... của Trung ương trong Đảng và toàn xã hội. Tất cả các binh chủng trong ngành phải vào cuộc, phải qua các hoạt động chuyên môn của mình để đưa nghị quyết, chỉ thị vào cuộc sống. Trên lĩnh vực này, chúng ta đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các hội chính trị, xã hội nghề nghiệp có sự phối hợp chặt chẽ, cụ thể hóa, xây dựng chương trình hành động cho mỗi địa phương, ngành, đơn vị.

Trong rất nhiều vấn đề chung quanh công tác tư tưởng - văn hóa, nổi bật bốn *trọng tâm* sau:

Một, tổ chức động viên chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Đó là đẩy mạnh sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế ; động viên tối đa nguồn nội lực đồng thời thu hút nguồn đầu tư nước ngoài ; nâng cao chất lượng sự nghiệp văn hóa - xã hội ; tăng cường an ninh quốc phòng ; đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường kỷ cương, pháp luật. Công tác tư tưởng phải góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp sức mạnh rộng rãi của toàn dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hai, tạo chuyển biến cơ bản về công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí, xuất bản, giúp đỡ báo chí thực hiện đầy đủ các định hướng tuyên truyền, góp phần thúc đẩy động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2003, ổn định chính trị xã hội, tăng cường uy tín quốc tế của đất nước. Báo chí cần làm tốt việc giải thích chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; nêu gương người tốt việc tốt và các phong trào thi đua tiên tiến trong cả nước ; phê phán các hiện tượng tiêu cực. Hướng tới việc nâng cao nhận thức và tình cảm tích cực của toàn xã hội, báo chí cần hạn chế việc đăng tải thông tin các mặt trái của xã hội. Nghiêm túc chấp hành các quy định về thông tin đối ngoại, thông tin các vụ án lớn, về bảo vệ bí mật nhà nước.

Digitized by Google

Ba, đẩy mạnh tuyên truyền về đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh, hình thành các chuẩn mực và thang bậc giá trị, xây dựng con người mới.

Đây là một nhiệm vụ lớn đã được Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII xác định, tuy nhiên kết quả đạt được còn hạn chế. Tới đây, nhiệm vụ của chúng ta là khơi dậy những giá trị truyền thống tốt đẹp, kết hợp với những giá trị đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành các chuẩn mực đạo đức và các thang bậc giá trị của xã hội. Bên cạnh biện pháp tuyên truyền về pháp luật, quy chế điều chỉnh các hành vi của con người, công tác tư tưởng - văn hóa phải đẩy mạnh việc hướng dẫn xã hội, tạo ra dư luận xã hội lành mạnh, biểu dương các hành vi đạo đức cao cả, hướng thiện, từ đó hình thành lối sống mới, nếp sống văn minh, văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Trước mắt, cùng với các thành phố lớn, cần triển khai có kết quả việc xây dựng nếp sống văn minh đô thị, lập lại trật tự kỷ cương về giao thông, xây dựng, ngăn chặn tệ nạn xã hội.

Bốn, kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần tạo sự thống nhất cao trong Đảng và trong xã hội.

Thực tế sự nghiệp cách mạng luôn luôn đặt ra cho công tác tư tưởng - văn hóa nhiệm vụ đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, của cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, với các phương tiện hiện đại và bối cảnh quốc tế bức xúc, cuộc đấu tranh đó càng trở nên phức tạp và phải được quan tâm hơn nữa. Kết hợp với các biện pháp quản lý và xử lý theo pháp luật, công tác tư tưởng - văn hóa phải có những đột phá mới, chỉ rõ tính chất sai trái, phản khoa học, phản động, đi ngược lại lợi ích dân tộc trong các bài viết của các phần tử cơ hội chính trị trong nước và các tài liệu của các tổ chức người Việt phản động ở nước ngoài chuyển vào trong nước. Đấu tranh quan điểm có mục tiêu hàng đầu là giành quần chúng. Với ưu thế của ngành, chúng ta phải đẩy mạnh tuyên truyền trong quần chúng, phát động quần chúng đấu tranh chống lại các quan điểm và hành động sai trái này ngay từ cơ sở. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cần chủ động, nhanh nhạy hơn, thông báo kịp thời về các vụ việc, các vấn đề liên quan đến các cấp ủy, Ban Tuyên giáo các cấp và qua đó đến với đảng viên và quần chúng.

Với các vấn đề liên quan đến nước ngoài, chúng ta cần nhận thức sâu sắc bản chất của các vụ việc, không lơ là, mất cảnh giác, đẩy mạnh tuyên truyền về bản chất và âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nhất là âm mưu "diễn biến hòa bình". Trên mặt trận đấu tranh công khai, phục vụ cho sự nghiệp chung và thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước cần có sự chỉ đạo và xử lý phù hợp, có sự phối hợp thống nhất để tạo sức mạnh tổng hợp.

Để thực hiện tốt phương hướng, mục tiêu và các trọng tâm trên, năm 2003 tiếp tục là năm đổi mới nội dung, phương thức công tác tư tưởng - văn hóa, trên ba loại việc chính sau :

Trước hết, công tác tư tưởng - văn hóa bám sát nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, cơ sở các cấp, ngành. Xuất phát từ điều kiện cụ thể, đặc thù của mỗi đơn vị, công tác tư tưởng - văn hóa phải xác định rõ làm gì để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình, trên cơ sở sự chỉ đạo chung của toàn ngành. Thực tế kinh nghiệm

Digitized by Google

các địa phương, cho thấy ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố đều đang cố gắng bám sát nhiệm vụ của cấp ủy giao cho.

Hai là, các cấp ủy đảng, ngành, cơ quan chủ động hơn nữa trong việc chỉ đạo tổ chức, kiểm tra hoạt động của cơ quan tuyên giáo trực thuộc. Các cơ quan làm công tác tư tưởng - văn hóa cần chủ động tham mưu, đề xuất và giúp các cấp ủy tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành. Các cấp ủy đảng hiện nay đã quan tâm hơn đến lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa. Đó là điều kiện thuận lợi cho chúng ta. Nhưng cũng chính từ đó mà các cơ quan làm công tác tư tưởng - văn hóa của cấp ủy đảng lại phải chủ động hơn, tham mưu, đề xuất nhiều hơn, giúp cấp ủy Đảng đẩy mạnh hơn công tác tư tưởng - văn hóa trên địa bàn.

Ba là, tăng cường khả năng làm việc của bộ máy tuyên giáo cơ sở. Đây là chủ trương, định hướng của chúng ta trong nhiều năm qua. Cơ sở trước hết là cấp xã, phường, thị trấn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các địa phương rà soát lại đội ngũ cán bộ và tổ chức lại công tác tư tưởng - văn hóa của cơ sở. Cần tăng cường cán bộ từ cấp trên xuống bố trí cho những vùng xung yếu, đang gặp khó khăn về cán bộ. Kinh nghiệm của Đắc Lắc, các tỉnh Tây Nguyên cũng như Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác là sự khẳng định bằng thực tế khả năng thực hiện công tác này.

Mặt khác, *tăng cường chế độ thông tin, thông suốt trong ngành, từ trên xuống, từ dưới lên và xử lý kịp thời thông tin chỉ đạo.*

Thông tin là điều kiện để thực hiện công tác tư tưởng - văn hóa. Trong điều kiện bùng nổ thông tin hiện nay, vấn đề thông suốt thông tin trong ngành càng có ý nghĩa quan trọng và đặt ra với yêu cầu bức thiết hơn. Sự chậm trễ thông tin sẽ làm mất thời cơ cho công tác tư tưởng - văn hóa. Để cải tiến chế độ thông tin, nhất thiết phải đổi mới một cách cơ bản các phương tiện chuyển tải thông tin và trách nhiệm cung cấp thông tin của các cấp, các ngành. Trước hết, cần quán triệt trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan thuộc ngành tư tưởng - văn hóa. Thông tin kịp thời cho các cơ quan cấp trên để xử lý, từ đó có ý kiến chỉ đạo là trách nhiệm của các cấp. Ngược lại, cần định hướng thông tin kịp thời, trả lời các câu hỏi bức xúc từ cơ sở là trách nhiệm của các cơ quan cấp trên. Vì vậy, các cấp trong ngành cần xác định rõ trách nhiệm này. Mặt khác, phương tiện và phương thức chuyển tải thông tin đã và đang trở thành vấn đề bức thiết trong ngành. Không thể vừa lòng với các phương tiện truyền thống như lâu nay đã làm. Cuộc sống đang cung cấp cho chúng ta các phương tiện hiện đại. Cần thiết phải sớm nắm lấy và làm chủ được nó ; tận dụng các phương tiện phục vụ cho công tác tư tưởng - văn hóa.

Thực hiện tốt công tác tư tưởng - văn hóa ở mọi cấp, mọi ngành, phối hợp công tác tuyên truyền của Đảng với công tác tuyên giáo của các đoàn thể chính trị, các bộ, ngành, làm cho công tác tư tưởng có mặt ở mọi nơi, mọi lúc, tham gia vào mọi mặt của hoạt động xã hội.

Hệ thống làm công tác tư tưởng - văn hóa đã được xây dựng và tổ chức tốt trong các cấp, các ngành, các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị. Tuy nhiên hoạt động đó còn chưa đều, nhất là trong các ngành, các cơ quan. Lâu nay, chúng ta chưa quan

Digitized by Google

tâm đúng mức đối với công tác này. Để cho công tác tư tưởng - văn hóa được mở rộng trên tất cả các lĩnh vực, phạm vi và trong toàn Đảng, cần quan tâm việc chỉ đạo các hoạt động công tác tư tưởng - văn hóa trong các ngành. Ban Tuyên huấn các đoàn thể chính trị, các đảng đoàn, các đảng ủy khối cần được củng cố và tăng cường, làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức.

Đồng thời, *hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy trong toàn ngành.*

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, trong năm 2003, chúng ta phải hoàn thiện một cách cơ bản công tác tổ chức trong toàn ngành, tạo ra một hệ thống thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở để triển khai thành công Nghị quyết.

Trước hết, cần thống nhất tên gọi và tổ chức của các Ban Tuyên giáo tỉnh và huyện. Ban cần phối hợp với các cơ quan, nhất là Ban Tổ chức Trung ương để thực hiện hướng dẫn liên ngành về biên chế bộ máy của các ban tuyên giáo tỉnh, huyện. Nhất quán quan điểm thành lập Trung tâm thông tin công tác tư tưởng của ban tuyên giáo các tỉnh và thành phố. Hướng dẫn việc tổ chức hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận, huyện để tạo ra một hệ thống thông tin công tác tư tưởng thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến quận, huyện. Về ban tuyên giáo cấp xã, phường, chúng ta tiếp tục đề nghị có một chỉ tiêu biên chế cho lĩnh vực tuyên giáo xã, phường. Trong công tác đào tạo cán bộ cho ngành tư tưởng cần thực hiện Thông báo số 311 của Bộ Chính trị khóa VIII về việc đào tạo cán bộ cho ngành, trước mắt cần xây dựng kế hoạch đào tạo 6 000 cán bộ chuyên trách ở cấp tỉnh và huyện hiện nay, tiến tới đào tạo cán bộ tuyên giáo xã, phường. Để thực hiện được điều này cần xử lý một loạt các vấn đề liên quan, trước hết là tổ chức, biên chế, chế độ chính sách cho người đi học. Các Ban Tuyên giáo địa phương cần chủ động lựa chọn những người có phẩm chất và năng lực, thiết tha với nghề để cử đi đào tạo và đào tạo lại. Cần sớm xây dựng trường đào tạo cán bộ cho ngành, bồi dưỡng thường xuyên về tư tưởng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ đang công tác trong ngành.

Cuối cùng là, *đổi mới phương thức và lề lối làm việc trong ngành Tư tưởng - Văn hóa.*

Tăng cường chế độ giao ban định kỳ theo các nội dung chuyên đề và giao ban khu vực, đặc biệt chú ý các khu vực có vấn đề và nhạy cảm.

Nâng cao công tác thông tin, đảm bảo thông tin nhanh, thông suốt từ trên xuống và dưới lên, sử dụng có hiệu quả các phương tiện phục vụ thông tin công tác tư tưởng - văn hóa. Năm 2003, sẽ phải đưa các website Đảng Cộng sản Việt Nam và website Tư tưởng - Văn hóa vào hoạt động, khai thác tối đa hiệu quả của các phương tiện và công cụ chuyển tải này.

Tăng cường chế độ làm việc giữa Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và ban tuyên giáo các địa phương một cách thường xuyên liên tục hơn theo hướng gắn chặt với cơ sở, cùng các địa phương bàn và giải quyết các vấn đề cụ thể. Các địa phương chủ động trao đổi đề xuất với Trung ương các vấn đề vướng mắc để sớm xử lý nhanh, thúc đẩy công tác tư tưởng - văn hóa phát triển mạnh mẽ trong toàn quốc, ngang tầm với nhiệm vụ được giao. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC BỒI ĐẮP CHO VĂN HÓA VIỆT NAM THÊM GIÀU ĐẸP

PHẠM QUANG NGHỊ*

VĂN hóa Việt Nam là thành quả hàng ngàn năm lao động, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thụ tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới để không ngừng làm giàu đẹp thêm nền văn hóa nước ta. Nguyễn Trãi đã tự hào khẳng định : *"Như nước Đại Việt ta từ trước ; vốn xưng nền văn hiến đã lâu"*. Truyền thống văn hóa Việt Nam đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh Việt Nam, làm rạng rỡ lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Nhìn lại quá trình phát triển, đi lên của dân tộc ta, có những thời kỳ bị ngoại xâm xâm lược, đô hộ hàng thế kỷ ; các thế lực ngoại xâm không chỉ mưu toan khuất phục nhân dân ta bằng sức mạnh quân sự bạo tàn mà còn mưu toan tiêu diệt, đồng hóa dân tộc ta cả về văn hóa, nhưng nhờ sức mạnh phi thường của nền văn hóa Việt Nam, chúng ta không những không bị đồng hóa mà còn hội tụ, nuôi dưỡng tinh thần quật khởi chống xâm lăng, giành lại non sông gấm vóc. Tổ tiên ta từ thế hệ này qua thế hệ khác, tiếp tục bồi đắp, dệt thêu nên một nền văn hóa Việt Nam tươi đẹp, phong phú và rất đỗi tự hào. Nền văn hóa của chúng ta không chỉ tự làm giàu đẹp cho mình mà còn góp phần làm phong phú, đa dạng nền văn hóa nhân loại. Đó là tài sản vô giá của dân tộc ta.

Theo UNESCO, *văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của cuộc sống (của mỗi cá nhân và các cộng đồng) diễn ra trong quá khứ cũng như trong hiện tại ; qua hàng bao thế kỷ nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống dựa trên đó mà từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.* Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa thế giới, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta cũng đã nói : *Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn ở và phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa.* Như vậy, văn hóa là một phạm trù rất rộng, bao gồm toàn bộ các tri thức và kinh nghiệm mà mỗi dân tộc đã tích lũy được qua quá trình nhận thức và cải tạo thế giới. Sức sống, sức sáng tạo của một dân tộc được hun

* TS Triết học, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Digitized by Google

đúc trong suốt quá trình lịch sử đấu tranh cho sự tồn tại và phát triển, tạo nên truyền thống, bản sắc văn hóa và đồng thời cũng tạo nên sức mạnh văn hóa vô cùng to lớn của riêng mình.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của văn hóa, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã chỉ ra những phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp có tính chiến lược, lâu dài để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết, kế thừa và phát triển những thành quả văn hóa hàng nghìn năm của cha ông, trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với những thành tựu trong lĩnh vực kinh tế, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên lĩnh vực văn hóa. Tư tưởng, đạo đức và lối sống của các tầng lớp nhân dân có những chuyển biến quan trọng. Niềm tin vào tương lai của đất nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được củng cố và nâng lên. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được khôi phục, đề cao và phát huy. Tính năng động và tích cực của công dân có được môi trường thuận lợi để phát triển ; sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích. Bầu không khí cởi mở, dân chủ trong xã hội ta đã trở thành nguồn cảm hứng và động lực thúc đẩy văn nghệ sĩ nước ta sáng tạo được nhiều công trình, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về truyền thống cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người khó khăn, thực hiện xóa đói giảm nghèo... đã được các ngành, các cấp quan tâm và đang trở thành phong trào sâu rộng của quần chúng, thể hiện một cách sinh động truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Trên các lĩnh vực của đời sống văn học, nghệ thuật các hoạt động sáng tạo tiếp tục đạt được những thành tựu mới, đóng góp tích cực vào quá trình dân chủ hóa, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ta.

Các hoạt động sáng tác và biểu diễn nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng. Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật tiếp tục đi sâu khám phá, hướng vào đề tài cách mạng, kháng chiến và công cuộc đổi mới ; hiện thực cuộc sống của đất nước được phản ánh sinh động, kịp thời. Đề tài cho thanh thiếu niên, nhi đồng, miền núi và đồng bào các dân tộc được chú ý hơn trước. Nhiều bộ môn nghệ thuật truyền thống đã vượt qua được những khó khăn thử thách khi chuyển đổi cơ chế kinh tế, có sự tìm tòi, đổi mới và nâng cao chất lượng. Nhiều bộ sưu tập, công trình, tác phẩm giới thiệu kho tàng văn hóa dân gian và văn hóa bác học Việt Nam trong nhiều thập kỷ được xuất bản, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị tư tưởng, học thuật và thẩm mỹ của dân tộc. Nhờ tiếp cận nhanh và ứng dụng công nghệ hiện đại nên các sản phẩm văn hóa không những đẹp, đa dạng về hình thức mà còn đạt được trình độ cao về kỹ thuật. Các loại hình nghệ thuật truyền thống tuồng, chèo, cải lương, quan họ, rối nước... không chỉ được bảo tồn, phát huy ở trong nước mà còn đại diện xứng đáng cho nền văn hóa, nghệ thuật của nước ta trong quá trình giao lưu, hội nhập. Các loại hình nghệ thuật hiện đại ca, múa, nhạc, kịch, xiếc... cũng có bước tiến mới. Nhiều tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh, âm nhạc, điện ảnh... đã nhận được giải

Digitized by Google

thưởng cao ở trong nước và quốc tế. Phong trào văn nghệ quần chúng ở các ngành, các địa phương, ngày càng phát triển rộng rãi. Nhân dân không chỉ là người tiếp nhận, hưởng thụ mà còn tích cực tham gia vào quá trình sáng tạo văn hóa, nghệ thuật. Hoạt động lý luận, phê bình khẳng định mạnh mẽ thành tựu văn nghệ cách mạng và kháng chiến, đẩy lùi một bước những quan điểm sai trái. Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số được trân trọng và có bước tiến đáng kể.

Giao lưu văn hóa với nước ngoài ngày càng mở rộng, tích cực góp phần thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Đảng và Nhà nước ta. Có thể nói, chưa bao giờ chúng ta có được những điều kiện thuận lợi triển khai các hoạt động giới thiệu các giá trị văn hóa nghệ thuật của đất nước ta với nhân dân thế giới tiếp thu, học hỏi tinh hoa văn hóa nhân loại có quy mô sâu rộng như hiện nay.

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đã quan tâm xây dựng các văn bản pháp luật như Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Di sản văn hóa, Pháp lệnh Thư viện, Pháp lệnh Quảng cáo và nhiều nghị định mới ra đời nhằm điều chỉnh và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa phù hợp với tình hình mới. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý văn hóa và công tác quản lý nhà nước trên mặt trận văn hóa cũng được kiện toàn và củng cố. Các thiết chế văn hóa từ trung ương đến địa phương được tăng cường. Nhiều tỉnh, thành phố đã quan tâm đầu tư xây dựng các công trình văn hóa mới như thư viện, bảo tàng, tượng đài các anh hùng dân tộc... Đời sống văn hóa ở cơ sở có bước phát triển, thu hút đông đảo quần chúng lao động tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Nhiều mô hình hay, điển hình tốt như các chương trình "Làng vui chơi, làng ca hát", các lễ hội văn hóa truyền thống và cách mạng như giỗ Tổ Hùng Vương, "Tiếng hát làng Sen"... được các tầng lớp nhân dân nô nức hưởng ứng. Chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa đã đi vào cuộc sống, thu được những kết quả thiết thực, tạo thêm nhiều nguồn lực cho phát triển văn hóa.

Bên cạnh những thành tựu và tiến bộ, trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật còn bộc lộ những mặt yếu kém cần nhanh chóng khắc phục. Trước những biến động chính trị phức tạp trên thế giới, những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và quá trình mở cửa, hội nhập, một số người dao động, hoài nghi về con đường xã hội chủ nghĩa. Không ít người mơ hồ, bàng quan hoặc mất cảnh giác trước những luận điệu thù địch xuyên tạc, bôi nhọ chế độ ta. Tâm lý sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Buôn lậu, tham nhũng, ma túy, mại dâm và những tệ nạn xã hội khác xảy ra nghiêm trọng, kể cả trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Đời sống văn học, nghệ thuật mặc dù có nhiều đổi mới và tiến bộ, nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhân dân. Chúng ta thiếu nhiều tác phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với tầm vóc sự nghiệp cách mạng và kháng chiến vĩ đại của dân tộc và thành quả to lớn của công cuộc đổi mới. Đây đó vẫn còn những tác phẩm có nội dung tư tưởng lệch lạc, phản ánh phiến diện cuộc sống phong phú, sinh động của đất nước. Không ít

Digitized by Google

tác phẩm còn thể hiện sự dễ dãi, chiều theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng, bạn đọc. Một bộ phận văn nghệ sĩ không bám sát thực tiễn cuộc sống của nhân dân lao động, chưa nâng mình lên ngang tầm thời đại ; vấn đề giáo dục, định hướng thẩm mỹ cho giới trẻ chưa được quan tâm đúng mức. Công tác lý luận, phê bình thiếu sắc bén ; chưa làm tốt chức năng định hướng sáng tác và hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật ; phê phán chưa sâu sắc, thiếu sức thuyết phục đối với những khuynh hướng sai trái, phủ nhận những thành tựu văn học cách mạng và kháng chiến.

Trong hoạt động giao lưu văn hóa với nước ngoài, chúng ta còn chưa chủ động và thiếu các nguồn lực để mở rộng hợp tác, giao lưu. Việc tuyên truyền, giới thiệu nền văn hóa Việt Nam, những thành tựu trong công cuộc đổi mới của đất nước ra nước ngoài chưa tương xứng với yêu cầu và thực tiễn phát triển của đất nước. Ở nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, kháng chiến trước đây đời sống văn hóa còn nghèo nàn ; khoảng cách về hưởng thụ và sáng tạo văn hóa giữa thành phố và nông thôn, miền núi còn lớn.

Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng văn hóa, một mặt chứng tỏ đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã và đang phát huy tác dụng tích cực, định hướng đúng đắn cho sự phát triển kinh tế - xã hội ; mặt khác đó là kết quả tham gia tích cực của văn nghệ sĩ và nhân dân trên lĩnh vực văn hóa. Tuy nhiên, những tồn tại, thiếu sót còn nhiều, thậm chí có mặt nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là, các thế lực thù địch ráo riết chống phá ta trên mặt trận tư tưởng, văn hóa nhằm thực hiện "diễn biến hòa bình". Tác động mặt trái của cơ chế thị trường và sự hội nhập quốc tế ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận nhân dân ta. Trong khi nhu cầu văn hóa của nhân dân rất lớn nhưng mức đầu tư ngân sách của Nhà nước để giữ gìn và phát huy vốn văn hóa truyền thống, xây dựng, phát triển những giá trị văn hóa mới còn chưa tương xứng. Trong lãnh đạo và quản lý có những biểu hiện buông lỏng, né tránh, hữu khuynh. Những tiêu cực xảy ra trong các hoạt động văn hóa như vũ trường, cưới xin, ma chay, lễ hội... không được ngăn chặn, xử lý nghiêm minh, kịp thời. Trong hoạt động kinh tế, có nơi, có lúc chưa chú ý và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và văn hóa. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ làm công tác văn hóa còn nhiều bất hợp lý. Còn thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích các tài năng nghệ thuật, phát huy nội lực của nhân dân tham gia phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ văn hóa dân tộc.

Đất nước đang đứng trước những thời cơ, thuận lợi lớn song những khó khăn, thử thách cũng đặt ra rất gay gắt. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã nêu rõ mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển văn hóa từ nay đến năm 2010 là : *Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát*

Digitized by Google

huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để đạt được mục tiêu đó, chúng ta cần tập trung thực hiện *các giải pháp* chủ yếu sau :

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của văn hóa ; coi phát triển sự nghiệp văn hóa là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân ; coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho con người và cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội ; xây dựng và phát triển văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển là những quan điểm lớn, mang tầm chiến lược lâu dài, chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần của đất nước ta.

Xây dựng và phát triển văn hóa chính là phát huy nguồn lực con người - nguồn nội lực lớn nhất và quyết định nhất của đất nước ta để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa phải được thể hiện trong nội dung quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng cấp, từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương ; trong việc bố trí ngân sách để giữ gìn phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa, công trình văn hóa mới ; trong việc thực hiện chính sách bồi dưỡng, phát huy các tài năng văn hóa nghệ thuật ; trong việc nâng cao mức hưởng thụ và năng lực sáng tạo văn hóa của nhân dân.

2. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa - nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người hưởng thụ, tham gia hoạt động và sáng tạo văn hóa ; ngăn chặn có hiệu quả những sản phẩm văn hóa - nghệ thuật độc hại, các tệ nạn xã hội xâm nhập vào đời sống xã hội.

Nhanh chóng tăng cường nguồn lực và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động văn hóa. Đặc biệt coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực và các tài năng văn hóa nghệ thuật. Chú trọng nâng cao chất lượng ba trung tâm đào tạo văn hóa nghệ thuật ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế và các trường văn hóa nghệ thuật ở các địa phương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng nhiệm vụ đào tạo. Thực hiện nâng cao trình độ cho giáo viên thông qua các hình thức đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước. Ưu tiên việc đào tạo đội ngũ trí thức văn hóa cho các dân tộc thiểu số, có chế độ ưu đãi khuyến khích họ trở về công tác ở địa phương ; miễn, giảm học phí cho học sinh học các bộ môn nghệ thuật truyền thống dân tộc. Nâng mức đầu tư và kinh phí cho sự nghiệp văn hóa - thông tin phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành và đòi hỏi của nhân dân. Triển khai mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa và phương châm Nhà nước, nhân dân cùng làm. Tích cực huy động các nguồn thu qua các hoạt động văn hóa, bao gồm thu qua tham quan di tích, bảo tàng, đào tạo, biểu diễn nghệ thuật... ; khuyến khích sự đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và nhân dân cho các hoạt động văn hóa.

3. Chúng ta cần đặc biệt quan tâm khuyến khích các văn nghệ sĩ lao động sáng tạo để nhanh chóng có được ngày càng nhiều tác phẩm, công trình có chất lượng cao, xứng tầm thời đại, phản ánh và ca ngợi cuộc đấu

Digitized by Google

tranh cách mạng anh hùng của dân tộc ta trong quá khứ và những thành tựu to lớn mà nhân dân ta giành được trong lao động, đổi mới xây dựng đất nước.

Xét cho cùng, nhiệm vụ bao trùm của sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là chúng ta phải ra sức giữ gìn, phát huy những di sản văn hóa của quá khứ và tiếp tục sáng tạo, bồi đắp thêm cho truyền thống ấy bằng những giá trị văn hóa mới của thời đại, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng thắm tươi, rạng rỡ.

4. Tăng cường giao lưu văn hóa với các nước, giới thiệu văn hóa Việt Nam với thế giới ; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài. Trao đổi và phổ biến những tác phẩm văn học nghệ thuật mang đậm bản sắc, tâm hồn, cốt cách của người Việt Nam với các nước. Hợp tác với các nước đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật trên các lĩnh vực điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, hội họa... Đấu tranh bài trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, đồi trụy. Quan tâm tạo điều kiện để cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được thu nhận thông tin và sản phẩm văn hóa từ trong nước, nêu cao lòng yêu nước và tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Trong quá trình mở rộng giao lưu, hợp tác trên lĩnh vực văn hóa, cần đấu tranh chống lại khuynh hướng xa rời, thoát ly truyền thống, tiếp thu không chọn lọc các khuynh hướng, các loại hình nghệ thuật không phù hợp với truyền thống văn hóa và định hướng xã hội chủ nghĩa. Cảnh giác với những âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo làm mất ổn định chính trị xã hội nước ta.

5. Quán triệt quan điểm xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân các cấp, các ngành, các đoàn thể đều phải quan tâm xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động và đáp ứng nhu cầu văn hóa cho ngành, lĩnh vực và địa phương ; gắn phát triển kinh tế với văn hóa. Phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục - Đào tạo đưa nội dung giáo dục văn hóa - nghệ thuật vào trường học. Quán triệt sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là việc vô cùng quan trọng và cần thiết.* Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa nghệ thuật, các hội trong Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật có vai trò hết sức quan trọng trong việc vận động, tổ chức văn nghệ sĩ, giới trí thức tham gia vào quá trình sáng tạo, bằng các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị để giáo dục và định hướng thị hiếu hưởng thụ văn hóa lành mạnh cho quần chúng nhân dân, đặc biệt là cho lớp trẻ ; làm cho mọi người có nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người ; khắc phục thái độ xem nhẹ vai trò văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục nói trên phải gắn với quản lý xã hội, quản lý các hoạt động văn hóa bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội, gắn với các phong trào hành động của quần chúng, mà trung tâm là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

SỰ NGHIỆP làm nên bởi chữ đồng

LÊ XUÂN ĐỨC*

CẢ cuộc đời hy sinh vì dân vì nước, vì nhân loại cần lao, Bác Hồ đã không ngừng xây dựng khối đoàn kết dân tộc bền vững, phát huy triệt để sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bác coi đoàn kết là một bí quyết vạn năng làm nên mọi thắng lợi. Chính Bác đã đúc kết một chân lý giản dị mà vĩnh cửu (1) :

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công."

Bác Hồ kính yêu của chúng ta, yêu thơ, làm thơ và dùng thơ để tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng đoàn kết đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ; tư tưởng đại đoàn kết dân tộc luôn tỏa sáng lấp lánh, trong mỗi bài thơ của Người. Giản dị mà hiện đại, hồn hậu, chân thành mà có sức thuyết phục lớn lao, mỗi bài thơ của Bác là một lời tâm huyết, đậm đà phong vị dân tộc, vừa dễ đọc, dễ hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ. Dân ta từ cụ già đến trẻ nhỏ đều mê thơ của Bác, thường ngâm nga truyền dạy cho nhau.

Thơ ca tuyên truyền của Bác tập trung vào ba nội dung chính : 1- Truyền thống đoàn kết của dân tộc trong những thử thách khắc nghiệt của lịch sử ; 2- Kêu gọi mọi người, mọi tầng lớp nhân dân nêu cao tinh thần đại đoàn kết ; 3- Tập hợp đồng bào đồng tâm hiệp lực đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Những nội dung đó được Bác triển khai thành một hệ thống luận điểm, các nguyên tắc, phương pháp và cách thức giáo dục, tổ chức, hướng dẫn hành động cho các lực lượng cách mạng, nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh dân tộc, sức mạnh quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong giai đoạn cách mạng còn trứng nước (1941 - 1942), lực lượng cách mạng còn mỏng, đồng bào chưa được giác ngộ, Bác đã viết một loạt bài thơ : *Khuyên đồng bào mua báo Việt Nam độc lập ; Thơ đề tranh cổ động báo Việt Nam độc lập ; Dân cày ; Phụ nữ ; Công nhân ; Ca binh lính ; Ca sợi chỉ ; Kêu gọi thiếu nhi ; Mười chính sách Việt Minh ; Lịch sử nước ta ; Mừng Xuân 1942 ; Hòn đá ; Con cáo và tổ ong ; Chơi trăng...* để tập hợp lực lượng, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, cùng nhau đánh đuổi thực dân đế quốc, giành tự do, độc lập cho Tổ quốc. Những bài ca này được Bác thể hiện bằng những bút pháp nghệ thuật khác

---

* Nguyên Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Giáo dục, Văn phòng Quốc hội

(1) Các trích dẫn thơ sử dụng trong bài được trích trong cuốn : Hồ Chí Minh, *Tuyển tập Văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1995, t 3

Digitized by Google

nhau, nhưng bài nào ngôn từ cũng giản dị, linh hoạt, ý tứ rõ ràng mang tính đại chúng sâu sắc.

Trong bài diễn ca *Lịch sử nước ta*, bằng 208 câu thơ lục bát truyền thống của dân tộc, Bác đã tái hiện dòng thời gian, làm sống lại trong lòng mỗi người dân đất Việt những mốc son lịch sử, những chiến công hiển hách của cha anh, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần quả cảm và trách nhiệm lớn lao của lớp lớp con cháu đối với giang sơn gấm vóc.... Kết thúc bài diễn ca, Bác nhắn nhủ mọi người :

Dân ta xin nhớ chữ đồng :
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh !

Ở bài ***Chơi trăng***, Bác khẳng định :

Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.

Chữ đồng, chữ *đoàn kết* xuất hiện trong nhiều bài thơ, bài ca của Bác. Thử làm phép thống kê đã cho kết quả, chữ đồng, chữ đoàn kết có một tần số xuất hiện tương đương với những chữ *thắng lợi*, chữ *thành công* được Bác dùng rất nhiều trong thơ. Nó chứa đựng tư tưởng lớn với nhiều khía cạnh nội dung và cách biểu đạt phong phú. Giáo sư Trần Văn Giầu có một nhận xét chính xác và thú vị : "Trong cửa Phật không có khái niệm nào được lặp đi lặp lại nhiều lần bằng khái niệm từ bi. Trong cửa Khổng sân Trình, không có khái niệm nào được nhắc đi nhắc lại nhiều lần bằng khái niệm nhân nghĩa. Vậy mà cho đến nay Phật tử và Nho gia vẫn không nhàm nói từ bi, nhân nghĩa. Trong vận động yêu nước, cách mạng, kháng chiến, kiến quốc mấy chục năm rồi, chúng ta luôn luôn nói đoàn kết mà không khi nào thấy thừa. Chữ khắc trên đá càng vạch càng sâu, ý niệm trong tâm càng tụng càng thấm. Lời cụ Hồ dặn : *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"* là chân lý vĩnh hằng, là bí quyết tồn tại, vinh quang của dân tộc" (2).

Bài ***Hòn đá***, Bác đã sử dụng hình ảnh thực trong đời sống, để nói về chữ đồng, về tư tưởng đại đoàn kết của mình. Một tư tưởng lớn được Bác chọn cách biểu đạt khá giản dị nhưng lại vô cùng sắc sảo, cách nói này đã để lại ấn tượng đặc biệt sâu nặng trong lòng người đọc nên sức thuyết phục rất lớn. Trong công việc tuyên truyền, tập hợp quần chúng cách mạng, bao giờ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dùng lý lẽ, dùng thực tiễn phân tích cái hay, cái đúng, cái lợi, cái hại để đồng bào thực hiện. Ở bài ***Hòn đá*** Bác đã lấy việc nhỏ để nói về việc lớn, dùng kết quả của việc nhỏ để chứng minh cho một tư tưởng lớn ; lấy thực tiễn hiển nhiên mà ai cũng từng trải nghiệm để chứng minh cho chân lý... Không phải ngẫu nhiên mà trong bài thơ ngắn ấy Bác đã ba lần nói về chữ "đồng"... *Biết đồng sức, / Biết đồng lòng, / Việc gì khó, / Làm cũng xong/ Đánh Pháp, Nhật,/ Giành tự do, / Là việc khó, / Là việc to. / Nếu chúng ta, / Biết đồng lòng, / Thì việc đó, / Quyết thành công".*

Trong bài : ***Thơ phụ đề tranh cổ động báo "Việt Nam độc lập"***, Bác kêu gọi cổ động toàn dân đoàn kết cùng nhau cứu nước :

Việt Nam độc lập thổi kèn loa,
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già.
Đoàn kết vững bền như khối sắt,
Để cùng nhau cứu nước Nam ta !

Về tư tưởng đại đoàn kết của Bác Hồ thể hiện qua thơ ca của Người, có một bài ca khá tiêu biểu về cả nội dung và hình thức, thể hiện quan điểm, đường lối chỉ đạo, ý thức tổ chức, cách thức tiến hành, lại được biểu đạt bằng thể thơ dân tộc, với nghệ thuật nhân cách hóa rất khéo léo, ai đọc, ai nghe cũng hiểu, cũng thấm, đó là bài ***Ca sợi chỉ***. Từ hình tượng sợi bông

(2) *Tin Tức*, số Xuân Tân Tỵ 2001, Số 569, tr 3

Digitized by Google

bé nhỏ, yếu ớt ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời đến sợi chỉ con con rồi nhiều sợi chỉ kết với nhau thành tấm vải mỹ miều. Qua sợi chỉ tự bạch về mình từ khi còn là đóa hoa, đến cái bông và thành sợi chỉ, rồi được dệt thành tấm vải, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập tới một vấn đề rất hệ trọng đó là vấn đề đoàn kết giai cấp, vấn đề tự ý thức, và sức mạnh không gì lay chuyển được của khối đại đoàn kết dân tộc. Đường lối chiến lược của Người là muốn chuyển yếu thành mạnh phải biết xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy tiềm năng của khối đại đoàn kết dân tộc. Cũng như những sợi chỉ khi để riêng rẽ rất mỏng manh bé nhỏ, ai bứt cũng đứt ngay *(Mạnh gì sợi chỉ con con / Khuôn thiêng có biết vuông tròn cho chăng ?)* nhưng khi đã biết tập hợp, biết kết đoàn *"họp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều"* thì đố ai bứt phá cho ra *(Dệt thành tấm vải mỹ miều / Đã bền hơn lụa, lại điều hơn da. / Đố ai bức phá cho ra / Đó là lực lượng, đó là vẻ vang).* Từ sự hình thành tấm vải, Bác đã nói tới sức mạnh của đoàn kết và đặc biệt là đoàn kết trong một tổ chức có mục đích thì sức mạnh được nhân lên bội phần.

Khi nói về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bao giờ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đặt quyền lợi tối cao của dân tộc, quốc gia lên trên hết *"Dân tộc trên hết ; Tổ quốc trên hết"*. Song Người cũng hết sức quan tâm đến quyền lợi thiết thân của mỗi người và mọi giai tầng trong xã hội. Trong tư tưởng đại đoàn kết của Người, vấn đề dân tộc kết hợp hài hòa với vấn đề giai cấp ; quyền lợi dân tộc, giai cấp, quyền lợi của người lao động hòa hợp, gắn bó mật thiết với nhau. Chính vì vậy, Người đã tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân thành một khối đại đoàn kết bền chặt, thống nhất. Cống hiến vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ở chỗ Bác đã nâng khối đoàn kết dân tộc từ tự phát lên trình độ tự giác. Khối đoàn kết dân tộc theo kiểu truyền thống, xuất phát từ tình cảm tự nhiên "Người trong một nước thì thương nhau cùng" với triết lý nhân sinh "Ba cây chụm lại thành hòn núi cao" phải được phát triển lên một trình độ mới, chất lượng mới - một khối đoàn kết có tổ chức, lãnh đạo. Cũng trong thời gian này, thơ ca của Bác tập trung cho chủ đề giác ngộ quần chúng nhận thức về tổ chức, ý thức về tổ chức, tự nguyện tham gia tổ chức và phát huy sức mạnh của tổ chức. Bài ***Chơi trăng*** được viết dưới hình thức hỏi - đáp. Trăng đã được nhân cách hóa để được hỏi và trả lời. Mà câu trả lời là nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng và hiệu quả của tổ chức. Ở những bài như ***Dân cày, Phụ nữ, Công nhân, Trẻ chăn trâu,*** Bác có lời khuyên, vận động mọi người, mọi tầng lớp gia nhập tổ chức Hội Việt Minh : *"Muốn phá sạch nỗi bất bình, / Dân cày phải biết Việt Minh mà vào" ; "Chị em cả trẻ lẫn già / Cùng nhau đoàn kết để mà đấu tranh. / Đua nhau vào Hội Việt Minh" ; "Cùng nhau vào Hội Việt Minh / Ra tay tranh đấu xông pha mới là"; "Nhi đồng cứu quốc" hội ta, / Ấy là lực lượng, Ấy là cứu tinh. / Ấy là bộ phận Việt Minh / Dân mình khắc cứu dân mình mới xong".*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân ta đã tập hợp lực lượng trong mặt trận Việt Minh, giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, tất cả đồng lòng nhất trí, anh dũng hy sinh làm nên thắng lợi cách mạng Tháng Tám vĩ đại.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh càng ăn sâu vào lòng quần chúng và biến thành hành động cách mạng cụ thể. Toàn dân ta không phân biệt trẻ già, trai gái, tôn giáo, đẳng cấp... đoàn kết xung quanh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tiền thân là Mặt trận

Digitized by Google

Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam) vượt qua muôn vàn gian nan thử thách, quyết chiến quyết thắng đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong di sản thơ ca mà Bác để lại, có một mảng thơ rất đặc biệt, đó là những bài thơ *Chúc Tết - Mừng Xuân*, hầu như bài nào Bác cũng chúc đoàn kết, đại đoàn kết. Thơ chúc tết của Bác vừa là lời chúc vừa là lời mừng, lời kêu gọi ; lời lẽ chân thành "thân ái nôm na" mà cũng hào hùng mạnh mẽ. Bài *Chúc năm mới, 1947* thể hiện quyết tâm triệu người như một, đồng lòng quyết chí, anh dũng tiến lên dưới lá cờ đỏ sao vàng và tiếng kèn kháng chiến vang dậy khắp non sông :

"Chí ta đã quyết lòng ta đã đồng
Tiến lên chiến sỹ ! Tiến lên đồng bào !"

Năm 1954, cuộc kháng chiến đã chuyển sang giai đoạn quyết định, Bác chúc :

" Quân dân ta nhất trí kết đoàn.
Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công"

(Thơ chúc Tết Giáp Ngọ, 1954)

Lời khẳng định của Bác vào thời khắc trọng đại của mùa xuân đó, sau này đã thành hiện thực.

Năm 1960, khi đất nước còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền, miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam kiên cường kháng chiến, Bác chúc mừng năm mới :

"Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền, mạnh mẽ.
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên,
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ !"

(Thơ mừng năm mới, 1960)

Kháng chiến và kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Bác kêu gọi đoàn kết kháng chiến, Bác cũng kêu gọi đoàn kết xây dựng đất nước. Trong tư duy chiến lược của Bác rất rành mạch, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đồng thời cũng là nhân tố có tầm quan trọng hàng đầu trong công cuộc xây dựng đất nước. Là người đứng đầu Nhà nước, với tầm nhìn xa rộng, Bác nhận thức rất rõ về nhiệm vụ hết sức nặng nề mới mẻ của sự nghiệp xây dựng đất nước "Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc (...) Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, (...) biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp" (3). Bác hoàn toàn tin tưởng sự nghiệp xây dựng đất nước "Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giầu mạnh", nhất định thành công. Bác chỉ rõ : "Toàn Đảng và toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ thành một khối khổng lồ. Chúng ta sáng tạo. Chúng ta xây dựng. Chúng ta tiến lên. Quyết không có lực lượng nào ngăn được..." (4). Trong Di chúc thiêng liêng, trước lúc đi xa, Bác khẳng định : Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Sự nghiệp giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước, trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có những nhiệm vụ chính trị và chiến lược khác nhau, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong từng giai đoạn cũng có những nội dung, hình thức khác nhau. Song ở bất kỳ giai đoạn nào, hoàn cảnh nào, Bác đều khẳng định một cách nhất quán về hai quan điểm có tính nguyên tắc :

---

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 493

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*. t 10, tr 206

Digitized by Google

Thứ nhất là, dựa vào dân, tin dân, phấn đấu hy sinh vì dân. Bác khẳng định : "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân" (5). Trong bài *Bài thơ cổ động* sau khi nói về mười hai điều răn, Bác kết luận : *"Gốc có vững cây mới bền, / Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân".*

Thứ hai là, kết hợp đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Ngay từ những năm còn lênh đênh trên những con tầu và bước chân đặt trên các châu lục đi tìm đường cứu nước, từ trong thực tế, hơn ai hết, Bác đã phát hiện, đã nhận thức và ý thức về đồng loại, về giai cấp cần lao trong cuộc đấu tranh này : *"Rằng đây bốn biển một nhà, / Vàng đen trắng đỏ đều là anh em".* Hay : *"Rằng nay bốn biển một nhà, / Cùng là bè bạn, cùng là thân yêu". (Nhật ký chìm tầu).*

Tình thương, sự đồng cảm và tinh thần đoàn kết của Bác không bó hẹp trong phạm vi một nước, một dân tộc, một số ít người nào đó mà nó mở rộng *"Lọ là thân thiết ruột rà, / Công nông thế giới đều là anh em".*

Trong bài phát biểu *"Tinh thần quốc tế của giai cấp công nhân"*, Bác đã trình bày những ý kiến cần thiết và tổng kết bằng mấy câu thơ :

"Tinh thần quốc tế của công nhân
Quý giá nghìn vàng há dễ cân
Giai cấp cần lao trong bể khổ
Một lòng ủng hộ với tương thân".

Bác luôn luôn nêu cao nhân nghĩa, hòa bình, tranh thủ cao nhất sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của giai cấp công nhân, nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên toàn thế giới đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta; đồng thời Bác cũng nêu cao tư tưởng đoàn kết quốc tế cao cả : Giúp bạn là giúp mình. Trước tình hình phong trào cộng sản quốc tế có những rạn nứt, bất hòa, Bác trăn trở chăm lo vun đắp cho khối đoàn kết của các Đảng Cộng sản và phát huy sức mạnh của giai cấp công nhân. Từ trong ý thức, tình cảm và hành động, Bác trân trọng, nâng niu mối tình đoàn kết vô sản anh em trên toàn thế giới, mối tình hữu nghị với các dân tộc. Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Bác chào mừng các Đảng Cộng sản và các tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân trên thế giới đến dự Đại hội Đảng ta bằng hai câu thơ chân thành xúc động :

"Quan sơn muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em".

Bác mãi mãi là hình ảnh cao đẹp về người chiến sỹ cộng sản quốc tế kiên cường đã trọn đời đấu tranh vì nhân loại cần lao, vì hòa bình, công bằng và tiến bộ xã hội ; mãi mãi Bác là hình ảnh kết tinh mối tình hữu nghị, đoàn kết giữa Đảng ta với các Đảng bạn, giữa nước ta với các nước, giữa Bác với các nhà lãnh đạo của các dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, là niềm tin, là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Cách mạng Việt Nam, đất nước Việt Nam đang bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thuận lợi nhiều mà khó khăn cũng không phải ít. Hơn lúc nào hết, cần phải tập trung trí tuệ, sức lực của toàn Đảng, toàn dân *"Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh"* để hoàn thành sự nghiệp vẻ vang của dân tộc, đất nước. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ, khắc sâu lời Bác Hồ kính yêu : *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", "Giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình".*❑

---

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 276

Digitized by Google

KIỂM TRA - MỘT KHÂU QUAN TRỌNG CỦA QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO

LÊ ĐỨC BÌNH*

NHỮNG năm qua, công tác kiểm tra đã góp phần bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực hiện đúng đắn, phát hiện và uốn nắn một số khuyết điểm, lệch lạc. Công tác kiểm tra kết hợp cùng công tác tổ chức đã giúp cho việc đánh giá rõ cán bộ, phân biệt được ai giỏi, ai kém, ai tốt, ai xấu để giáo dục, sử dụng, bố trí, đề bạt đúng ; đã thanh lọc một số cán bộ, đảng viên tha hóa về chính trị, thoái hóa về đạo đức, lối sống. Công tác kiểm tra đã đóng góp tích cực vào việc chấn chỉnh tình trạng mất đoàn kết nội bộ và vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số đảng bộ, đồng thời nêu gương những đảng bộ trong sạch vững mạnh, lãnh đạo tốt công tác xây dựng Đảng, thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Nhiều cấp ủy đã chủ động xây dựng chương trình kiểm tra từng thời gian, chú trọng rút kinh nghiệm xây dựng chế độ, quy trình kiểm tra nâng cao dần chất lượng công tác này. Cũng qua kiểm tra việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, đã phát hiện những điển hình tốt, tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, của cấp dưới, từ đó bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện đường lối chính sách ngày càng phù hợp với thực tiễn khách quan.

Như chúng ta đều biết, cuối những năm 70 (thế kỷ XX) chính là do kiểm tra, đi sâu nghiên cứu thực tiễn sản xuất đạt hiệu quả cao của các hợp tác xã nông nghiệp "khoán chui" mà Đảng đã đề ra chủ trương khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ và người lao động. Nhờ đó, đã giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng và chỉ trong một thời gian ngắn sản xuất nông nghiệp đã có phát triển vượt bậc. Đường lối đổi mới của Đảng được xác định ở Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 một phần quan trọng cũng là kết quả của kiểm tra, nghiên cứu thực tiễn phong phú từ những mô hình lãnh đạo sản xuất kinh doanh năng động, sáng tạo ở các địa phương và cơ sở.

Tuy nhiên, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ : Công tác xây dựng Đảng bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên ; chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng, chính trị và đạo đức, lối sống. Tình trạng đó có phần trách nhiệm của công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác kiểm tra.

---

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng

Digitized by Google

Có những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm kéo dài, thậm chí thoái hóa biến chất, mà tổ chức không hay biết, không kịp thời kiểm tra xử lý. Thậm chí có cán bộ xấu lại được đánh giá tốt, được đề bạt và giới thiệu đề cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Có những chi bộ, đảng bộ tiêu cực, tham nhũng nghiêm trọng, kéo dài nhưng do cấp trên không kiểm tra, phát hiện nên vẫn được đánh giá là trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền.

Thời gian qua, đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân không giảm, nội dung khiếu tố phần lớn là đúng hoặc đúng một phần. Nhưng việc giải quyết rất chậm, không rõ trách nhiệm, đùn đẩy vòng vo từ cấp dưới lên cấp trên, từ cơ quan này sang cơ quan khác, gây nên nỗi bức xúc, nặng nề trong xã hội. Vấn đề phức tạp và có nhiều nguyên nhân, trong đó có phần công tác kiểm tra, thanh tra của Đảng và Nhà nước còn yếu kém.

Vì đâu công tác kiểm tra còn những yếu kém như vậy ?

Có phần do cơ quan kiểm tra chưa được kiện toàn, kiến thức và năng lực của một số cán bộ kiểm tra có hạn, chưa đủ trình độ xem xét, đánh giá một chủ trương, một việc làm của cán bộ cấp dưới là đúng hay sai, đi tới kết luận thiếu chính xác. Có một số trường hợp, do người đi kiểm tra thiếu công tâm, khách quan, vi phạm tiêu cực dẫn tới những nhận định thiên lệch, thậm chí sự thật bị xuyên tạc, méo mó, kỷ luật không nghiêm minh.

Một nguyên nhân quan trọng và phổ biến là *bệnh quan liêu* - một căn bệnh nguy hiểm nhất của Đảng cầm quyền. "Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng. Đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề. Chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, *chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn*" (1). Lời giáo huấn đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn giá trị cho ngày hôm nay.

Có những cơ quan và người lãnh đạo quá bận rộn công việc bàn giấy, di chuyển từ cuộc họp này đến cuộc họp khác, ban hành hết nghị quyết nọ đến chỉ thị kia, nhưng rất ít đi kiểm tra công việc thực tế của cán bộ cấp dưới. Hoặc tiếng là đi kiểm tra nhưng chỉ là chuyển dịch từ phòng họp của mình xuống phòng họp của cấp dưới, chủ yếu là nghe lãnh đạo cấp dưới báo cáo rồi đưa ra vài lời động viên và góp ý chung chung. Có những người lãnh đạo chưa thật sự phát huy dân chủ, thường áp đặt ý kiến của mình cho người khác, ít lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên, của những người dân bình thường, ít đi sâu xuống cơ sở, nghiên cứu thực tiễn, để xem xét công việc của cán bộ cấp dưới và kiểm nghiệm chủ trương của mình. Lại có một số người lãnh đạo ưa được tâng bốc, họ tâm đầu ý hợp với những cán bộ cấp dưới thiếu trung thực, khéo xu nịnh, đón tiếp long trọng nhưng báo cáo thì che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích.

Công tác quản lý cán bộ còn thiếu sâu sát, chặt chẽ. Có những người lãnh đạo không nắm chắc cán bộ thuộc diện mình quản lý, nắm cán bộ chủ yếu qua các cuộc họp, không hiểu rõ kết quả hoàn thành nhiệm vụ của họ, không nắm được diễn biến tư tưởng cũng như

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 489

Digitized by Google

đời sống, tâm tư cán bộ. Có những cán bộ dưới quyền hư hỏng, tham nhũng, sa đọa đã lâu mà không hay biết, đến khi báo chí phanh phui mới bị động đi kiểm tra, xác minh. Một số cơ quan tham mưu và cán bộ kiểm tra nhiễm tác phong quan liêu, không sâu sát tình hình, không điều tra nghiên cứu cụ thể, thậm chí buông lỏng công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

Kiểm tra thường chỉ làm một chiều từ trên xuống, chưa mở rộng dân chủ phát huy kiểm tra từ dưới lên ; chưa động viên và tổ chức cho cấp dưới và nhân dân kiểm tra, giám sát công việc và tư cách của cán bộ lãnh đạo cấp trên.

Bệnh quan liêu thường đi liền với bệnh chủ quan. Vì quan liêu nên đánh giá tình hình hời hợt, theo cảm tính chủ quan, không nắm được thực chất của vấn đề, đến khi sự việc diễn biến phức tạp thì bối rối, bất ngờ, đối phó lúng túng, xử lý bị động và không chính xác.

*

Nhiều nghị quyết của Đảng đã nhận định, đường lối chủ trương của Đảng là đúng đắn, nhưng tổ chức chỉ đạo thực hiện kém, hiệu quả thấp. Đây đang là một khâu yếu trong sự lãnh đạo của Đảng. Không ít tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, lời nói và việc làm không đi đôi, nói nhiều làm ít, thậm chí làm sai trái nghị quyết. Tình trạng đó có nhiều nguyên nhân, nhưng thường có hai nguyên nhân chính là bố trí cán bộ không đúng và thiếu kiểm tra đôn đốc sâu sát.

Do vậy, cần nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, góp phần tích cực tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới hiện nay.

Nhiệm vụ công tác kiểm tra của Đảng là quán triệt Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, đối chiếu, xem xét việc làm, tư tưởng, quan điểm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để khẳng định và ủng hộ cái đúng, phát hiện và uốn nắn kịp thời các sai phạm nếu có.

Trong tình hình hiện nay, công tác kiểm tra *trước hết* hướng vào đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, đi ngược Cương lĩnh và Nghị quyết Đại hội Đảng. Công tác kiểm tra cần tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chống nguy cơ suy thoái về đạo đức lối sống, tham nhũng, quan liêu, phát hiện và đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, những kẻ thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức.

Công tác kiểm tra không chỉ nhằm phát hiện sai phạm và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên, mà điều có ý nghĩa tích cực là cần nghiên cứu phân tích nguồn gốc, nguyên nhân sai phạm, rút kinh nghiệm đưa ra những biện pháp hạn chế được khuyết điểm, sai lầm, cứu vớt được nhiều đảng viên khỏi sa ngã. Kiểm tra không chỉ nhằm vào những đảng bộ và đảng viên có sai phạm mà còn cần kiểm tra, nghiên cứu những đảng bộ, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, gương mẫu về đạo đức, v.v.. để tìm ra những bài học hay, những kinh nghiệm bổ ích giúp cho công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng có hiệu quả tốt hơn.

Sau khi đã đề ra chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, cơ quan lãnh đạo cần tập trung sức lực vào tổ chức chỉ đạo thực hiện, đặc biệt là kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ở các cấp

Digitized by Google

dưới. Cơ quan lãnh đạo có trách nhiệm quản lý cán bộ trong diện được phân cấp ; vì vậy, không thể thiếu việc kiểm tra công việc và tư cách của cán bộ. Không kiểm tra và buông trôi lãnh đạo, có kiểm tra nhưng chất lượng thấp, hiệu quả kém là làm yếu vai trò lãnh đạo.

Cấp trên xuống cơ sở để thăm hỏi, động viên cán bộ và quần chúng, nhưng cần tăng thêm hoạt động kiểm tra với đúng nghĩa của nó. Kiểm tra là đi làm việc thiết thực, hữu ích, giảm bớt những nghi thức đón tiếp và tuyên truyền phô trương, lãng phí, hình thức.

Có những cuộc kiểm tra từng vụ việc cụ thể như xem xét cán bộ, cấp ủy có vi phạm khuyết điểm không, mức độ vi phạm đến đâu, có cần xử lý kỷ luật không, với hình thức nào ? Nhưng rất cần kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, nhiệm vụ chính trị của Đảng ; khảo nghiệm chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống như thế nào, được người dân tiếp nhận ra sao, tìm hiểu những hoạt động sáng tạo của cơ sở, của quần chúng, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng. Việc kiểm tra như vậy phải do đích thân cán bộ lãnh đạo thực hiện, còn các cơ quan tham mưu chỉ là người giúp việc chứ không thể làm thay hoàn toàn được. Công tác kiểm tra được đặt trong chương trình công tác thường kỳ của các cấp ủy, có trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian, với yêu cầu nội dung rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể. Các cuộc họp cấp ủy, thường vụ cấp ủy không chỉ để bàn và ra nghị quyết, chỉ thị mà còn dành để nghe báo cáo kết quả các cuộc kiểm tra, qua đó đánh giá tình hình thực tiễn và có giải pháp bổ cứu thiết thực. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : *Người lãnh đạo* phải tự mình làm việc kiểm tra, mới đủ kinh nghiệm và oai tín" (2).

Ủy ban kiểm tra và các ban tham mưu của Đảng cần được kiện toàn và phối hợp chặt chẽ với nhau để giúp cấp ủy thường xuyên, kịp thời nắm được mọi thông tin về tổ chức đảng và cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý, chủ động kiểm tra khi thấy có dấu hiệu vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, khắc phục tình trạng bị động.

Là đảng cầm quyền, phần lớn đảng viên, cán bộ đảng hoạt động trong bộ máy của Nhà nước, việc kiểm tra đảng viên chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng có quan hệ khăng khít với việc kiểm tra, thanh tra cán bộ, công chức nhà nước chấp hành luật pháp, chính sách, nhiệm vụ công tác chuyên môn. Vì vậy, cần có chế độ phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan kiểm tra của Đảng với các cơ quan thanh tra, kiểm sát của Nhà nước.

Cùng với nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của cơ quan lãnh đạo, cần *mở rộng dân chủ, tăng cường kiểm tra từ dưới lên.*

Trong tác phẩm "Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền xô-viết", V.I. Lê-nin đã từng nói : "... những hình thức và những phương pháp kiểm tra từ dưới lên, càng phải hết sức muôn vẻ để làm tê liệt mọi khả năng, dù nhỏ đến đâu, dẫn tới xuyên tạc Chính quyền xô-viết, để tiếp tục và luôn luôn trừ cho tiệt cái thứ cỏ dại chủ nghĩa quan liêu" (3). Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói về cách kiểm tra : "Kiểm soát có hai cách : một cách là từ *trên xuống*. Tức là người lãnh đạo kiểm soát kết quả những công việc của

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 521

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 36, tr 253 - 254

Digitized by Google

cán bộ mình. Một cách nữa là từ *dưới lên*. Tức là quần chúng và cán bộ kiểm soát sự sai lầm của người lãnh đạo và bày tỏ cái cách sửa chữa sự sai lầm đó. Cách này là cách tốt nhất để kiểm soát các nhân viên" (4).

Những lời giáo huấn sâu sắc trên đây của V.I. Lê-nin và Hồ Chí Minh giúp ta nhận rõ : vận dụng những hình thức và phương pháp kiểm tra từ dưới lên là rất cần thiết để giữ vững bản chất của chính quyền cách mạng, bài trừ chủ nghĩa quan liêu, và là cách tốt nhất để quản lý cán bộ, giúp họ nhận ra và sửa chữa sai lầm. Đối với Đảng ta, việc kiểm tra từ dưới lên càng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Tuy nhiên, ở nhiều nơi nhận thức về vấn đề kiểm tra từ dưới lên chưa thật rõ, chưa đặt thành chế độ chặt chẽ, chưa được thực hiện nền nếp.

Để việc kiểm tra từ dưới lên được tiến hành có thực chất, đem lại hiệu quả thiết thực, điều cốt lõi là cần mở rộng dân chủ nội bộ trong Đảng và Nhà nước, tăng cường nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Không trên nền tảng dân chủ mở rộng thì kiểm tra từ dưới lên sẽ chỉ là hình thức, là lời hô hào suông. Mặt khác, kiểm tra từ dưới lên được phát huy chính là biểu hiện sinh động của sinh hoạt dân chủ trong Đảng và trong xã hội.

Mọi đảng viên bất kể chức vụ thấp hay cao đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức, của nhân dân. Quyền hành càng cao, trách nhiệm càng lớn lại càng cần được kiểm tra, giám sát vì một việc làm đúng hay sai của cán bộ lãnh đạo có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước và cuộc sống của người dân.

Mỗi đảng viên, cán bộ đều tự giác chịu sự quản lý của chi bộ, của cấp ủy, của tổ chức mà mình tham gia công tác, sinh hoạt. Chi bộ, đảng bộ cơ sở quản lý mọi đảng viên, kể cả đảng viên là thủ trưởng đơn vị, có quyền chất vấn, yêu cầu giải trình những việc làm có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, kiểm tra và phê bình những khuyết điểm về đạo đức, phong cách, lối sống nếu có. Các cấp ủy đảng có trách nhiệm quản lý cán bộ, kể cả đối với đồng chí đứng đầu đảng bộ thuộc danh mục quản lý cán bộ của cấp trên. Cần khắc phục tình trạng một số đảng viên là cán bộ lãnh đạo gia trưởng, độc đoán, không tự giác chịu sự kiểm tra của chi bộ, của cấp ủy, đặt mình lên trên tổ chức, lên trên tập thể. Đồng thời tăng cường trách nhiệm và tính chiến đấu của tổ chức, của tập thể trong quản lý đảng viên, cán bộ, khắc phục tình trạng e dè, nể nang. Các chế độ, quy chế về tổ chức và sinh hoạt nội bộ cần được hoàn thiện theo hướng đó.

Điều lệ Đảng và nhiều nghị quyết của Đảng đã nêu rõ : Đảng tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Đây là vấn đề nguyên tắc thuộc về đường lối xây dựng Đảng ta. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay, chúng ta đã có một số tiến bộ như : ban hành và triển khai thực hiện *Quy chế Dân chủ ở cơ sở*, tăng cường sinh hoạt dân chủ ở các kỳ họp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, cải cách một số thủ tục hành chính quan liêu... Tuy nhiên, vai trò giám sát trực tiếp của nhân dân cũng như thông qua các cơ quan dân cử, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân đều chưa được nêu cao, đúng tầm của nó. *Quy chế Dân chủ ở cơ sở* ban hành đáp ứng trúng yêu cầu của đông

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 288

Digitized by Google

đảo nhân dân, đã được triển khai tương đối rộng nhưng số cơ sở thực hiện có nền nếp đạt chất lượng cao hơn nhiều, nhất là ở những nơi mà đảng bộ và cán bộ cơ sở chưa thật sự tin dân, tôn trọng quyền làm chủ của dân.

Chấp hành có nền nếp chế độ chính quyền cơ sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, đảng viên, cán bộ lãnh đạo định kỳ tự phê bình trước công chức, công nhân trong cơ quan, đơn vị hoặc trước nhân dân ở xã, phường, thôn, bản. Tổ chức cho mọi người được trực tiếp phê bình, góp ý nhận xét, giám sát cán bộ cơ sở.

Các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân khi ra ứng cử hoặc sau khi đã trúng cử trong suốt nhiệm kỳ công tác cần được sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Do vậy, cần tạo điều kiện cho cử tri được tiếp xúc, đối thoại, chất vấn, trao đổi ý kiến với những người đó. Các cuộc tiếp xúc cử tri nếu được tổ chức tốt chính là dịp nhân dân thực hiện quyền làm chủ, kiểm tra, giám sát những đại biểu của mình trong các cơ quan quyền lực nhà nước. Theo Luật Tổ chức Quốc hội, cử tri có quyền bãi nhiệm đại biểu Quốc hội nếu thấy không còn xứng đáng. Cần có quy định cụ thể để có thể thực hiện trên thực tế điều khoản này của Luật.

Ngoài việc giám sát trực tiếp, nhân dân còn thực hiện quyền giám sát thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng.

Quốc hội, Hội đồng nhân dân phản ánh yêu cầu nguyện vọng, các kiến nghị của cử tri và giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính và tư pháp. Các phiên họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân dành một phần thời gian thỏa đáng để các đại biểu chất vấn và nghe trả lời chất vấn. Nội dung chất vấn cũng như trả lời chất vấn được rút kinh nghiệm để có chất lượng cao hơn, với những chế tài chặt chẽ, tránh tình trạng các kiến nghị, các điều chất vấn cứ lặp đi lặp lại từ kỳ họp này qua kỳ họp khác mà không có hiệu quả trên thực tế. Làm được như vậy chính là tăng cường hiệu lực kiểm tra, giám sát từ dưới lên.

Đơn thư khiếu nại, tố cáo phải được xem xét, giải quyết một cách nghiêm túc. Quy định rõ việc phân công, phân cấp trách nhiệm giải quyết, khắc phục tình trạng đùn đẩy, vòng vo thiếu trách nhiệm với dân, không xử lý nghiêm minh cán bộ, công chức có sai phạm. Đối với đơn thư tố cáo nặc danh, nếu nêu sự việc và chứng cứ khá cụ thể, có điều kiện thẩm tra được thì không nên bỏ qua. Bởi vì, hiện nay tình trạng trả thù, hãm hại người tố cáo không phải là ít, trong khi Đảng và Nhà nước chưa có cơ chế hữu hiệu bảo vệ họ, nên người tố cáo tuy có ý thức xây dựng nhưng buộc không dám ký tên thật.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ trong các cuộc bầu cử. Khắc phục bệnh hẹp hòi, khuyến khích những người có đức, có tài ra ứng cử, tăng thêm số người ngoài Đảng được giới thiệu vào danh sách đề cử. Đối với cấp cơ sở, nhân dân hiểu nhau rất rõ, nên để nhân dân chủ động xem xét, đề cử trước, trên cơ sở đó tổ chức đảng cân nhắc, phân tích và có sự lãnh đạo cần thiết. Tạo điều kiện cho cử tri có đầy đủ thông tin về những người trong danh sách ứng cử, được tìm hiểu, lựa chọn và bầu cử một cách tự giác với ý thức cao về trách nhiệm công dân. Nếu cách làm không dân chủ sẽ không tập hợp được nhân tài, là miếng đất nảy sinh bọn cơ hội - những kẻ chỉ cốt tranh thủ được lòng cấp trên mà không có ý thức trách nhiệm trước nhân dân. ❑

Digitized by Google

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM NĂM 2002 và giải pháp trong thời gian tới

HOÀNG THỌ XUÂN * VÕ VĂN QUYỀN **

SAU nhiều năm trầm lắng, thương mại và thị trường năm 2002 đã có những chuyển biến sâu sắc cả về số lượng và chất lượng. Tổng mức bán lẻ ước đạt 272,8 nghìn tỉ đồng, tăng 12,8% so với năm 2001 (tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm gần đây). Hàng hóa cung cấp trên thị trường phong phú, đa dạng và hầu như không có "cơn sốt" nào đáng kể do quan hệ cung cầu mất cân đối. Trong tổng mức bán ra, doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng khá lớn, chi phối được bán buôn một số mặt hàng thiết yếu như xăng dầu (100%), xi-măng (71%), sắt thép (60%), phân bón (58%), muối (50%),...

Nhờ chủ động khai thác nguồn hàng, kết hợp kinh doanh với đầu tư sản xuất, triển khai các hoạt động dịch vụ nên một số hợp tác xã thương mại đạt kết quả kinh doanh khá, so với năm 2001, số hợp tác xã thương mại đã tăng thêm 2%.

Kinh tế tư nhân vẫn giữ được nhịp độ phát triển khá nhanh. Với trên 20 000 doanh nghiệp được thành lập mới và 1,5 triệu hộ kinh doanh thương mại cá thể hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ (68 - 70%), khu vực kinh tế tư nhân, cá thể đã chiếm tới 73,8% tổng mức bán lẻ xã hội. Các hình thức kinh doanh thương mại được thực hiện theo hướng văn minh, hiện đại đã phát triển ở nhiều tỉnh, thành phố. Hiện tại đã có 681 trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tự chọn ở 21 tỉnh, thành phố, tăng 32,7% so với năm 2001.

Năm 2002, giá tiêu dùng tăng 4% (năm có tốc độ giá tiêu dùng cao nhất so với 3 năm trước : Năm 1999 là + 0,2%; năm 2000 là - 0,6% ; năm 2001 là + 0,8%), trong khi tỷ giá VND/USD lại tăng thấp hơn nhiều (2,1), thấp xa so với tốc độ tăng 3,8% của năm 2001. Như vậy, vượt qua tình trạng giảm thiểu mấy năm liền, thời kỳ giảm phát làm cho nền kinh tế "trì trệ và đông cứng" đã chấm dứt và bắt đầu thời kỳ "ấm lên", kích thích nền kinh tế phát triển. Các chính sách, cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển thương nhân, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xử lý nợ và các khoản nộp ngân sách, kích cầu, cải thiện môi trường đầu tư, cải thiện kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, giao lưu văn hóa... đã góp phần làm phong phú, sống động hoạt động thương mại trên thị trường.

Trong lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu (XNK), nhờ chính sách và cơ chế XNK

* PGS, TS, Vụ trưởng Vụ Chính sách thị trường trong nước, Bộ Thương mại

** Chuyên viên Bộ Thương mại

Digitized by Google

liên tục được nới lỏng theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện, xóa bỏ những bất hợp lý, cùng với sự cố gắng mở rộng, tìm kiếm những thị trường mới (đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ), kết hợp giá xuất khẩu của một số mặt hàng (như gạo, cao-su) tăng so với cùng kỳ năm trước và một số mặt hàng tuy giá giảm (hạt tiêu, điều, than đá, chè, lạc) nhưng lượng xuất khẩu lại tăng cao nên đã góp phần tạo nên bức tranh ngoại thương Việt Nam với nhiều gam màu tươi sáng. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 16 530 triệu USD, tăng 10% so với năm 2001. Kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng tăng khá là : thủy sản (13,9%), gạo (16,2%), cao-su (58,6%), hạt tiêu (18,4%), điều (39,5%), chè (5,5%), lạc nhân (36,1%), dầu thô (3,2%), than đá (31,3%), hàng dệt may (37,2%), giày dép (17,2%), hàng thủ công mỹ nghệ (39,1%). Tuy vậy, vẫn còn một số mặt hàng có cơ hội xuất khẩu nhưng lại thiếu nguồn hàng (như mủ cao-su, tôm, thịt lợn sữa, dứa, nấm...). Các thị trường có kim ngạch tăng nhanh là Hoa Kỳ, I-rắc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Đan Mạch...

Kim ngạch nhập khẩu đạt 19,3 tỉ USD, tăng 19,4% so với năm 2001. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là ô tô nguyên chiếc, bộ linh kiện lắp ráp ô tô, thép thành phẩm, phôi thép, chất dẻo nguyên liệu, sợi các loại, máy móc, thiết bị phụ tùng...

Đánh giá chung có thể nói : bên cạnh những kết quả đạt được thì thị trường trong nước còn ở trình độ phát triển thấp, vẫn tồn tại một khoảng cách khá lớn giữa thành thị và nông thôn, chưa thiết lập được mối liên kết lâu dài và ổn định giữa thương nhân và người sản xuất, giữa thương mại nhà nước trung ương và địa phương, giữa doanh nghiệp nhà nước với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, giữa xuất khẩu với nhập khẩu... để tạo ra các kênh lưu thông hàng hóa hợp lý và ổn định từ sản xuất đến tiêu thụ. Thị trường trong nước chưa thực sự là cơ sở vững chắc để mở rộng và tham gia quá trình hội nhập với thị trường khu vực và thế giới.

Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhìn chung còn yếu. Nhiều doanh nghiệp chưa định hình rõ mặt hàng, thị phần và mạng lưới kinh doanh một cách cơ bản và lâu dài nên hiệu quả thấp. Thương nghiệp tư nhân tuy đông đảo nhưng nhỏ bé trong khi chúng ta chưa có chính sách, cơ chế thật sự hấp dẫn, lôi cuốn, khai thác, phát huy và sử dụng hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ vào "kịch bản" chung phát triển thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự phối kết hợp của các tổ chức hỗ trợ, xúc tiến thương mại còn rời rạc, mạnh ai nấy làm, thiếu tính hệ thống và sự gắn kết, chưa đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi thiết thực của các doanh nghiệp nên phần nào cũng ảnh hưởng lớn đến khả năng tìm kiếm, mở rộng thị trường ngoài nước.

Vấn đề đặt ra là, thời gian tới, hoạt động thương mại phải làm gì và tác động như thế nào để vừa định hướng, vừa phục vụ cho cả sản xuất lẫn tiêu dùng để có thể thể chế hóa và thiết kế hóa theo trật tự của thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc Trung Quốc đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được phê chuẩn và thực thi, Hiệp định khung ASEAN - Trung Quốc đã ký kết và sự "bức bách" của việc thực hiện những cam kết của Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), cùng với sự ra đời và đi vào hoạt động của các khu chế xuất, khu

Digitized by Google

thương mại tự do, khu công nghiệp kỹ thuật cao, sự tác động của mậu dịch biên giới sẽ làm cho cường độ cạnh tranh tăng lên gấp bội so với trước. Đây là tín hiệu đáng mừng trong quá trình "mở cửa", nhưng đồng thời cũng đặt ra muôn vàn vấn đề cần phải giải quyết cả ở tầm chính sách vĩ mô lẫn vi mô.

Trước tình hình đó, để thương mại Việt Nam phát triển đúng hướng, mạnh mẽ hơn nữa, cần tiếp tục làm tốt mấy vấn đề sau :

1 - Củng cố và mở rộng các kênh lưu thông

a. Đối với hàng nông sản thực phẩm, nhất là những nông sản không hoặc ít qua chế biến công nghiệp, nên tổ chức mạng lưới thu mua (thông qua hợp tác xã, cá nhân, hộ kinh doanh) trên cơ sở hợp đồng hai chiều với nông dân. Đồng thời phát triển hệ thống chợ nông thôn với nhiều cấp độ, nhiều loại hình để trở thành những tụ điểm tiêu thụ và khởi đầu kênh lưu thông các hàng hóa nông sản này. Đối với nhóm nông sản phải qua chế biến công nghiệp, cần thông qua mạng lưới phân phối bán buôn của doanh nghiệp sản xuất - chế biến hay doanh nghiệp thương mại để hàng hóa tiếp tục đi đến tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Về lâu dài, hệ thống các cơ sở sản xuất - chế biến công nghiệp phải trở thành tụ điểm tiêu thụ và khởi đầu kênh lưu thông hàng hóa nông sản thuộc loại này.

b. Đối với vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng từ các doanh nghiệp sản xuất và từ nhập khẩu, phải được tập trung vào các doanh nghiệp thương mại đầu mối phát luồng, rồi qua hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ của mình hoặc của các doanh nghiệp thương mại khác để đến với người tiêu dùng trong nước, hoặc từ doanh nghiệp thương mại đầu mối xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

2 - Cấu trúc lại hệ thống doanh nghiệp thương mại chuyên doanh của cả nước

Cần kết hợp củng cố và hoàn thiện các tổng công ty, công ty hiện nay với hình thành những doanh nghiệp mới lớn mạnh, hoạt động trên phạm vi cả nước. Trong hệ thống tổ chức của từng doanh nghiệp, nên có mạng lưới trực thuộc là các đơn vị thành viên (hoặc công ty con) được bố trí tại các thị trường trọng điểm của vùng, miền, với mạng lưới phân phối - tiêu thụ chân rết (chi nhánh, cửa hàng) tới tận cơ sở của sản xuất và tiêu dùng, gắn liền với hệ thống kết cấu hạ tầng kèm theo (kho, cảng, sàn giao dịch hàng hóa, trung tâm thương mại...)

3 - Thực thi các chính sách khuyến khích phát triển thương nhân trên các địa bàn, đặc biệt là địa bàn nông thôn

Nhà nước nên cho phép các doanh nghiệp thương mại nhà nước được vay ưu đãi để phát triển mạng lưới đại lý mua bán, thực hiện hợp đồng hai chiều và tiến hành các phương thức thanh toán trả góp, trả chậm ở khu vực nông thôn.

Nới lỏng các điều kiện cho vay để các hợp tác xã thương mại được vay vốn từ các quỹ (đầu tư phát triển, tín dụng ưu đãi, quỹ quốc gia giải quyết việc làm...) mà không phải thế chấp tài sản khi vay vốn ngân hàng, nếu có chứng nhận về đất đai, nhà xưởng, cửa hàng, trụ sở mà hợp tác xã đang sử dụng.

Thực hiện việc miễn thu thuế VAT đối với hoạt động chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm cho mọi đối tượng kinh doanh trên địa bàn nông thôn. Trong giai đoạn 2003 - 2005, miễn hoàn toàn và trong giai

Digitized by Google

đoạn 2006 - 2010 giảm 50% đối với thuế thu nhập doanh nghiệp cho tất cả các doanh nhân, hợp tác xã trực tiếp chế biến, kinh doanh nông sản thực phẩm để tăng vốn đầu tư.

Xây dựng và kết nối mạng thông tin giữa Bộ Thương mại với các địa phương (trước mắt là các thành phố lớn, các tỉnh đại diện và điển hình cho các vùng và tiểu vùng, các tỉnh có biên giới, cửa khẩu lớn) để cung cấp, cập nhật thông tin, định hướng sản xuất, thị trường, chắp nối bạn hàng, quảng cáo, giới thiệu đối tác...

Tiếp tục phát triển các hiệp hội thương nhân để phối hợp và tạo lập các cơ hội tiêu thụ sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp trên thị trường.

Tập trung nguồn vốn để đẩy nhanh việc xây dựng các chợ tập trung, đầu mối chuyên doanh (như chợ lúa gạo, chợ rau, chợ trái cây, chợ trâu, bò, chợ hoa - cây cảnh, chợ cà-phê, tiêu, điều, chợ cá, thủy sản...), các sàn giao dịch nông sản, vật tư hàng hóa tại các vùng nông thôn trọng điểm, ven đô ; củng cố và mở rộng các chợ cửa khẩu, chợ biên giới.

4 - Tích cực chuẩn bị cho các doanh nghiệp tham gia hội nhập một cách có hiệu quả

Toàn cầu hóa và khu vực hóa với xung lực chính là tự do thương mại sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong những năm tới. Trong khi đó các lợi thế truyền thống (tài nguyên và nhân lực) sẽ giảm dần giá trị nên nếu xuất khẩu chỉ dựa vào đó, sẽ không thể đạt được sự tăng trưởng cao và bền vững. Ngoài ra, các rào cản kỹ thuật đã, đang và sẽ được các nước phát triển sử dụng để hạn chế nhập khẩu, bảo hộ hàng hóa trong nước. Do vậy, những yêu cầu về phương pháp sản xuất chế biến, tiêu chuẩn về môi trường, bao bì, đóng gói, kiểm dịch, chứng chỉ chất lượng, các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm... sẽ là những "lá chắn" mà thương nhân Việt Nam phải tính đến khi "xuất ngoại". Đặc biệt, rào cản chống bán phá giá sẽ là một trở ngại không dễ vượt qua. Chính vì lẽ đó, lộ trình hội nhập của Việt Nam phải được xây dựng rất cụ thể cho từng lĩnh vực, từng mặt hàng, từng loại hình dịch vụ, đầu tư với một thời gian biểu hợp lý. Trước mắt, cần phổ cập một cách rộng rãi, cụ thể lịch trình thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN, và định hướng về lịch trình gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Hai bộ luật đầu tư hiện nay nên thống nhất làm một để dần xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa trong nước và ngoài nước. Bên cạnh đó, cần sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn liên quan đến hàng hóa và quy trình sản xuất. Phổ biến rộng rãi luật chống bán phá giá của các nước cho thương nhân kinh doanh XNK Việt Nam.

Có thể nói, chúng ta đang có thời cơ và vận hội để rút ngắn con đường phát triển của đất nước. Tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế chẳng những giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình phát triển mà sẽ còn là cuộc "tổng diễn tập" và là để khẳng định Việt Nam mong muốn làm bạn với các nước trên thế giới. Đẩy nhanh tốc độ cải cách cùng với các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh ở cả 3 cấp : quốc gia, doanh nghiệp, sản phẩm phải chăng là bước phát triển hợp quy luật trong bối cảnh hiện nay của nước ta. ❑

Digitized by Google

Phát triển đồng bộ CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

HOÀNG ĐỨC THÂN *

I. Lý luận về phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam

Thị trường gắn liền với quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa. Thừa nhận sản xuất hàng hóa không thể phủ định sự tồn tại khách quan của thị trường. Sản xuất hàng hóa, lưu thông hàng hóa và thị trường đã được khẳng định về lý luận và tồn tại ở Việt Nam, song vấn đề đặt ra là phát triển thị trường như thế nào ? Sự đồng bộ các loại thị trường có phải là tất yếu không ? Bản chất và nội dung phát triển đồng bộ các loại thị trường là gì ?

Mọi sự vật, hiện tượng chỉ có thể phát triển trong trạng thái cân đối ; phá vỡ sự cân đối này phải hình thành sự cân đối mới tích cực hơn. Nền kinh tế quốc dân là một chỉnh thể thống nhất. Để nền kinh tế quốc dân phát triển ổn định, bền vững các bộ phận cấu thành nên nó phải đồng bộ với nhau. Đó chính là điều kiện cần cho sự vận hành nền kinh tế. Trong nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc khi mà sản xuất và tiêu dùng trực tiếp, đồng nhất, ăn khớp với nhau thì sự đồng bộ của nền kinh tế quốc dân rất giản đơn và chung quy lại chỉ là tương quan giữa sản xuất - tiêu dùng - dự trữ. Ở đây, không xuất hiện thị trường.

Kinh tế hàng hóa, đối lập với kinh tế tự nhiên, sản phẩm trước khi đi vào tiêu dùng phải qua khâu phân phối lưu thông. Thị trường vừa là kết quả của sản xuất hàng hóa vừa là điều kiện của sản xuất hàng hóa. Sự tách biệt giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa hàng và tiền đã dẫn tới sự không khớp nhau về khối lượng, tiến độ, thời gian sản xuất và tiêu dùng hàng hóa. Khi sản xuất xã hội càng phát triển thì đa số nhu cầu của con người được thỏa mãn thông qua thị trường. Bản thân sự tiêu dùng (tiêu dùng cho cá nhân và tiêu dùng cho sản xuất) luôn đòi hỏi sự đồng bộ cao, nếu không tiêu dùng không thực hiện được.

Trên thị trường có hai nhóm người hoạt động. Nhóm thứ nhất là những người mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ, nhóm thứ hai là những người bán hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho tiêu dùng. Sự phân nhóm này chỉ là tương đối và với mỗi người khi này thì thuộc nhóm người mua nhưng khi khác lại thuộc nhóm người bán. Thị trường là giao điểm gặp gỡ, tác động của hai nhóm người này. Cùng thông qua thị trường để giải quyết mâu thuẫn giữa người mua và người bán, bảo đảm thực hiện cân đối giữa cung và cầu. Mâu thuẫn trên thị trường phản ánh mâu thuẫn kinh tế, chính trị, xã hội. Khi mâu thuẫn được giải quyết thì người mua, người bán, người sản xuất, người tiêu dùng đều thực hiện được mục tiêu của mình. Những ách tắc trên thị trường có nguy cơ dẫn tới khủng hoảng kinh tế, mâu thuẫn gây mất ổn định xã hội.

* PGS, TS, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Digitized by Google

Như vậy, phát triển thị trường là điều kiện để phát triển sản xuất hàng hóa, suy rộng ra là điều kiện của sự phồn thịnh kinh tế xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực thi chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Để phù hợp với môi trường quốc tế mới, chúng ta phải phát triển các thị trường để đáp ứng yêu cầu giao lưu kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong môi trường quốc tế hóa, sự phát triển đồng bộ các loại thị trường không chỉ đáp ứng yêu cầu trong nước mà còn nhằm vươn tới thị trường ngoài nước, tranh thủ cơ hội quốc tế để phát triển.

Như vậy, cả điều kiện chủ quan và khách quan, điều kiện trong nước và ngoài nước, trước mắt và lâu dài đòi hỏi phải phát triển đồng bộ các loại thị trường. Đồng bộ là có sự ăn khớp giữa tất cả các bộ phận hoặc các khâu, tạo nên một sự hoạt động nhịp nhàng của chỉnh thể. Để có thể ăn khớp với nhau, các khâu, các bộ phận của một chỉnh thể phải được sắp xếp và hoạt động theo một tương quan tỷ lệ nhất định gọi là tỷ lệ đồng bộ. Vậy, sự phát triển đồng bộ các loại thị trường là sự ăn khớp giữa các thị trường về loại hình, trình độ phát triển và quy mô tạo nên một sự hoạt động nhịp nhàng của hệ thống thị trường và nền kinh tế quốc dân.

Sự đồng bộ của thị trường *trước hết* là hệ thống thị trường với đầy đủ các loại hình : thị trường tiền tệ, thị trường công nghệ, thị trường lao động, thị trường đất đai, thị trường hàng hóa dịch vụ... Các thị trường này vừa độc lập với nhau vừa liên hệ với nhau trong hệ thống thị trường. Mỗi loại thị trường đều có cung - cầu, giá cả, người mua - người bán đặc thù ; có quy luật vận hành đặc trưng và khuynh hướng phát triển khác nhau. Sự quan hệ lệ thuộc, tác động biện chứng giữa các thị trường do quá trình trao đổi hoạt động và phối hợp cung ứng hình thành sản phẩm cuối cùng. Sự độc lập tương đối của các thị trường luôn có xu hướng phá vỡ sự cân bằng tổng thể. Sự phụ thuộc và liên hệ giữa các thị trường đòi hỏi sự cân bằng mới và ăn khớp với nhau. Vấn đề ở đây là, để cân bằng tự phát hay chủ động điều tiết để có sự ăn khớp hợp lý. Vai trò tạo điều kiện và chủ động điều tiết của Nhà nước để tạo sự đồng bộ, ăn khớp và hợp lực các hệ thống thị trường là đặc biệt quan trọng.

Vấn đề thứ hai của sự đồng bộ các loại thị trường là vấn đề ăn khớp về cấp độ hay mức độ phát triển thị trường. Về phương diện lịch sử thị trường, có ba cấp độ phát triển như sau :

- *Cấp độ thị trường cổ điển :* Đây là dạng thức của thị trường mà ở cùng một không gian, thời gian, địa điểm ba yếu tố người mua, người bán và hàng hóa xuất hiện đồng thời với nhau. Với dạng thức thị trường này, người ta có thể nhận biết về quy mô, động thái mua bán trên thị trường.

- *Cấp độ thị trường phát triển :* Ở dạng thức thị trường này, hàng hóa không nhất thiết phải xuất hiện đồng thời với người mua, người bán. Người ta có thể mua bán ngay cả trước khi hàng hóa được sản xuất ra. Đó là mua bán theo hợp đồng ký trước. Với dạng thức thị trường này, tính "hiện hữu" của thị trường không nhìn thấy được. Thị trường trải rộng cả không gian và thời gian.

- *Cấp độ thị trường hiện đại :* Trên thị trường lúc này chỉ xuất hiện hoặc người mua, hoặc người bán. Khi đó, người trung gian xuất hiện làm các công việc giao dịch và dịch vụ thương mại. Việc ra đời của các sở giao dịch chứng khoán, sở giao dịch thương mại... đáp ứng yêu cầu dịch vụ mua bán trên thị trường. Đặc trưng của thị trường hiện đại là

Digitized by Google

các hình thức dịch vụ phong phú và phát triển rất cao.

Về lịch sử, thị trường lần lượt trải qua ba cấp độ phát triển. Song mỗi quốc gia, khu vực không phải tuần tự diễn ra như vậy. Khi một cấp độ thị trường mới xuất hiện thì ở các nước thực hiện kinh tế thị trường đều có thể xuất hiện dạng thức thị trường đó bất luận trình độ phát triển kinh tế như thế nào. Tuy nhiên, mức độ phát triển, phạm vi và ảnh hưởng của mỗi dạng thức không giống nhau. Hiện nay, với các nước phát triển thì cấp độ thị trường hiện đại chiếm ưu thế phổ biến, thị trường phát triển còn chi phối ở phạm vi rất rộng, thị trường cổ điển là tàn dư. Ở nước ta, có thể nói cấp độ thị trường cổ điển là phổ biến, chừng mực nào đó cấp độ thị trường phát triển đã có sức chi phối lớn trên thị trường, còn cấp độ thị trường hiện đại đang ở giai đoạn khởi phát.

Vấn đề thứ ba của phát triển đồng bộ các loại thị trường là sự ăn khớp, nhịp nhàng, cân đối và tạo hợp lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tương quan giữa các thị trường trong tổng thể nền kinh tế quốc dân hợp lý thì hoạt động mới có hiệu quả. Từng loại thị trường cũng như hệ thống thị trường trong nền kinh tế quốc dân là một chỉnh thể thống nhất, không bị chia cắt bởi địa giới hành chính. Sự ăn khớp nhịp nhàng, cân đối giữa các loại thị trường theo yêu cầu của sản xuất và đời sống. Tính nhịp nhàng, cân đối về mặt lượng là tương quan tỷ lệ hợp lý giữa hàng và tiền, cung và cầu ở tầm vĩ mô. Sự nhịp nhàng cân đối còn thể hiện ở sự khớp nhau về tiến độ, thời gian, phạm vi trong tiến trình hình thành và phát triển thị trường "đầu vào", "đầu ra" của quá trình sản xuất.

Sự ra đời của các loại thị trường và khả năng đồng bộ của chúng do trình độ và yêu cầu sản xuất xã hội quyết định. Nói một cách khác là nó mang tính khách quan. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện để phát triển sản xuất hàng hóa và tạo cơ sở cho thị trường phát triển. Nhà nước điều tiết, điều chỉnh thị trường bằng các công cụ quản lý vĩ mô. Không thể chủ quan "nặn ra" thị trường và khuôn ranh giới cho thị trường. Mọi sự tác động duy ý chí sẽ tạo ra thị trường ngầm, Nhà nước không quản lý được.

II. Giải pháp phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam

Gần mười sáu năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đất nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu to lớn. GDP tăng bình quân trên 7%/năm, năm 2002 đạt 7,04%. Cơ cấu kinh tế đã có thay đổi lớn : tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 38,7% (năm 1990) xuống còn 22,99% (năm 2002) ; các con số tương ứng về tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 22,7% lên 38,55% ; tỷ trọng dịch vụ là 38,6% và 38,46%. Đặc biệt, chúng ta đã đẩy lùi được chính sách bao vây cô lập, cấm vận của các thế lực thù địch ; khắc phục được tình trạng khủng hoảng thị trường do Liên Xô và các nước Đông Âu bị tan rã. Việt Nam đã thực hiện quá trình hội nhập có kết quả, chính thức là thành viên của ASEAN và APEC, ký Hiệp định khung với EU, Hiệp định Thương mại với Hoa Kỳ, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB. Kinh tế trong nước phát triển, quan hệ quốc tế rộng mở đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đó, nước ta đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức rất lớn. Nền kinh tế chưa phát triển ổn định, cơ bản vẫn là nước nghèo, GDP trên đầu người vẫn ở mức thấp. Những yếu kém về tổ chức quản lý nền kinh tế, cải cách hành chính chậm, hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, đầu tư trong nước và đầu

Digitized by Google

tư nước ngoài giảm sút... đang là lực cản và khó khăn cho tiến trình đổi mới.

Thị trường đã có những thay đổi lớn trong những năm qua. Thị trường mua bán hàng hóa dịch vụ phát triển khá tốt. Thị trường này hoạt động rất sôi động, khối lượng hàng hóa lưu thông tăng liên tục hằng năm với tốc độ tương đối cao ; mặt hàng ngày càng đa dạng đáp ứng được yêu cầu cơ bản của sản xuất và đời sống dân cư. Đã hình thành được thị trường thống nhất và thông suốt trong cả nước, mở rộng và phát triển thị trường quốc tế, từng bước đưa thị trường trong nước hội nhập khu vực và quốc tế. Đối với nhiều mặt hàng, ở một số trung tâm lớn, thị trường hàng hóa dịch vụ đã phát triển ở trình độ khá cao, tốc độ gia tăng mạnh mẽ. Thị trường này đã có đủ các thành phần kinh tế góp mặt và sự vận hành của nó, về cơ bản, được tuân thủ theo các quy luật khách quan ; sự quản lý và điều tiết của Nhà nước với thị trường hàng hóa dịch vụ đã có nhiều thay đổi theo hướng tôn trọng tính khách quan, phù hợp với tập quán, thông lệ trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, quy mô thị trường hàng hóa dịch vụ vẫn còn nhỏ bé, khả năng cạnh tranh trên thị trường của hàng hóa Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn hạn chế. Định hướng và các chính sách về thị trường của Nhà nước còn nhiều bất cập.

Quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng là quá trình hình thành và phát triển của thị trường tài chính.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hóa sở hữu, tự do hóa kinh doanh, đòi hỏi phải có thị trường tài chính đủ mạnh để nền kinh tế hoạt động bình thường. Thị trường vốn, tiền tệ, chứng khoán... ra đời vừa đảm bảo sự ăn khớp giữa lưu thông hàng hóa, lưu thông tiền tệ, vừa tạo vốn cho các hoạt động của nền kinh tế quốc dân.

Từ cơ chế "tiếp nhận" chuyển sang cơ chế tuyển chọn và đa dạng hóa kinh doanh, tự do hóa hành nghề trong điều kiện mở cửa với nước ngoài đã tạo tiền đề cho sự ra đời của thị trường lao động. Hiện nay, thị trường lao động phổ thông khá phát triển ; thị trường lao động có trình độ cao và đặc biệt thị trường chất xám còn nhỏ bé, trong lúc không ít cản trở như cư trú, hộ khẩu, sự chuẩn bị trình độ cho người lao động, các công ty cung ứng dịch vụ lao động đồng bộ đã làm chậm sự phát triển và đang chia cắt thị trường lao động.

Sức ép của cạnh tranh buộc các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới và áp dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh. Thị trường mua bán công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, hoàn thiện và nâng cao trình độ công nghệ của các nhà sản xuất kinh doanh. Thị trường này hiện nay chưa nhộn nhịp vì khả năng thanh toán của người mua còn hạn chế.

Đất đai ở Việt Nam thuộc sở hữu nhà nước. Các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, theo quy định của pháp luật không được tự do mua bán đất. Trong thực tế, người ta vẫn mua, bán đất nhưng dưới hình thức khác. Như vậy, thị trường "ngầm" mua bán đất đang tồn tại. Do đó, giá trị thật và giá trị danh nghĩa của đất đai có khoảng cách rất lớn. Giá trị của đất chuyển vào giá trị sản phẩm hàng hóa dịch vụ không phản ánh đúng giá trị thực tế và mang tính áp đặt hành chính. Nó không bảo đảm tương đồng về giá trị với các yếu tố chi phí khác của hàng hóa tiêu dùng trên thị trường.

Để phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam, cần thực hiện những giải pháp cơ bản như sau :

Thứ nhất, tạo môi trường và điều kiện cho tự do sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sở

Digitized by Google

hữu, đa dạng hóa thành phần kinh tế. Bảo đảm tự do hành nghề theo quy định của luật pháp, tự do lưu thông hàng hóa, tự do hóa lãi suất tín dụng. Doanh nghiệp được tự quyết định và chủ động trong kinh doanh. Đây là điều kiện cần thiết để phát triển sản xuất hàng hóa, tạo lập cơ sở quan trọng để hình thành và phát triển các loại thị trường.

Thứ hai, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng thành luật pháp, chính sách. Bảo đảm mọi hoạt động của người mua, người bán, người sản xuất, người tiêu dùng thực hiện trong khuôn khổ luật pháp và được điều chỉnh bằng luật pháp. Đó là cách để các tư tưởng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả trong thực tiễn, bảo đảm cơ sở ổn định và lâu dài, tạo dựng niềm tin cho người sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, xây dựng đồng bộ các chính sách về thị trường, mặt hàng, các chính sách về tài chính tiền tệ, đất đai, lao động, khoa học và công nghệ, đầu tư,... Sự đồng bộ, nhất quán của các chính sách sẽ tạo hợp lực thúc đẩy sự phát triển của hệ thống thị trường.

Thứ tư, giải pháp tăng nguồn cung ứng hàng hóa cho thị trường. Hàng hóa cho thị trường giống như lương thực cho cuộc sống của con người. Ở tầm vĩ mô, Nhà nước phải cân đối tổng cung và tổng cầu hàng hóa (cả hàng hóa vô hình và hàng hóa hữu hình) theo các thời hạn khác nhau. Trên cơ sở đó, kích thích tăng hoặc kìm hãm giảm lượng hàng hóa lưu thông. Đổi mới cơ cấu nền kinh tế phải xuất phát từ yêu cầu tiêu dùng xã hội, dân cư và thông qua thị trường chứ không phải là sự áp đặt chủ quan duy ý chí. Đồng thời, Nhà nước phải có quy hoạch, kế hoạch cụ thể, phù hợp để định hướng phát triển, phân bố và sử dụng hợp lý các nguồn lực. Ở tầm vi mô, các doanh nghiệp phải tăng đầu tư tích lũy, nhất là đổi mới công nghệ, thường xuyên thay đổi mới mẫu mã sản phẩm phù hợp với yêu cầu thị trường. Để phát triển thị trường, phải có cạnh tranh. Các doanh nghiệp phải điều chỉnh, hoàn thiện để thích ứng với môi trường cạnh tranh trong nước và quốc tế, từng bước xóa bỏ độc quyền hành chính.

Thứ năm, đầu tư tạo tiền đề cho sự ra đời và kích thích sự phát triển của các loại thị trường. Đối với những vùng kinh tế chậm phát triển, kinh tế tự cấp tự túc còn phổ biến như vùng núi, vùng sâu, vùng xa phải đầu tư xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi cho giao lưu hàng hóa giữa các vùng, xây dựng chợ hoặc trung tâm thương mại để có nơi trao đổi, mua bán hàng hóa. Ở những nơi kinh tế và thị trường phát triển chủ yếu đầu tư theo chiều sâu (đầu tư chất xám, phương tiện kỹ thuật hiện đại), phải phát triển dịch vụ, hình thành các trung tâm phát luồng và định hướng thị trường (thị trường bán buôn, trung tâm giao lưu kinh tế với nước ngoài, sở giao dịch hàng hóa, sở giao dịch chứng khoán, trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực...).

Thứ sáu, đào tạo và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, nhà kinh doanh. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Thực hiện đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại, đa dạng hóa các hình thức kinh doanh quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế.

Phát triển đồng bộ các loại thị trường theo tinh thần Đại hội lần thứ IX của Đảng vừa là vấn đề cấp bách vừa là vấn đề lâu dài. Chủ động tạo môi trường vĩ mô và khuyến khích mọi thành phần, mọi nguồn lực tham gia thị trường là vấn đề then chốt cho sự hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường ở Việt Nam. ❑

Digitized by Google

Khai thác tiềm năng lớn của THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

LƯƠNG VĂN TỰ *

Thực trạng quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất thế giới, là nước dẫn đầu công nghiệp thế giới về các phân ngành đa dạng và áp dụng những công nghệ tiên tiến nhất như : hóa dầu, luyện kim, ô-tô, thiết bị động cơ, hàng không, vũ trụ, viễn thông, hóa chất, điện tử, chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng, khai khoáng và gỗ.

Năm 1999, trong cơ cấu nền kinh tế Hoa Kỳ, nông nghiệp chiếm 2%, công nghiệp : 18%, dịch vụ : 80%. Hoa Kỳ chính là nước có lĩnh vực phát triển dịch vụ cao nhất thế giới, song Hoa Kỳ cũng là nước nhập siêu.

Nếu năm 2001 kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ là 998 tỉ USD, thì nhập khẩu là 1 356 tỉ USD, trong đó thủy sản, dệt may, giày dép, cà-phê là những mặt hàng nhập khẩu lớn. Năm 2000, Hoa Kỳ nhập khẩu tới 19 tỉ USD mặt hàng thủy sản, trong đó riêng tôm là 3,76 tỉ USD ; năm 2001 nhập khẩu 18,1 tỉ USD và tôm là 3,65 tỉ USD. Hàng dệt may năm 2000 nhập 76 tỉ USD, năm 2001 nhập 75,1 tỉ USD.

Hoa Kỳ còn là nước có dân số lớn. Tính đến đầu năm 2001, số dân Hoa Kỳ ước khoảng 278 triệu người ; tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là 10 082 tỉ USD, thu nhập bình quân đầu người năm 2000 là 36 200 USD. Tất cả những con số đó cho thấy, Hoa Kỳ là một thị trường đầy tiềm năng đối với các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Ngay sau khi chúng ta có quan hệ ngoại giao bình thường với Hoa Kỳ (28-7-1995) và nhất là sau khi Việt Nam và Hoa Kỳ ký *Hiệp định Thương mại* (13-7-2000 là ngày ký, và 10-12-2001 là ngày có hiệu lực), nhờ có những quyết sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta cùng các thuận lợi do những điều kiện nói trên đem lại, quan hệ thương mại giữa hai nước đã có những bước tiến đáng kể. Mặc dù trong hoàn cảnh kinh tế toàn cầu đang có những diễn biến phức tạp do Hoa Kỳ lâm vào cuộc suy giảm kinh tế sau sự kiện ngày 11-9-2001, nhưng nhìn chung năm 2001 quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn phát triển cao. Trong quan hệ kinh tế - thương mại với Hoa Kỳ, Việt Nam đã chuyển từ vị trí thứ 70 năm 2000 lên vị trí thứ 66 năm 2001.

Cụ thể là, năm 2001 xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1 065,3 triệu USD so với 732,4 triệu USD năm 2000, đạt mức tăng trưởng 45,5% ; 6 tháng đầu năm 2002, xuất khẩu đạt 814,6 triệu USD, tăng 62,2%

* Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

so với cùng kỳ năm trước, trong đó hải sản vẫn tiếp tục là mặt hàng chủ lực đạt 261,2 triệu USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước ; dệt may tăng tới 902,8% (do hàng dệt may được hưởng mức thuế Tối huệ quốc), đạt mức 223,4 triệu USD ; giày dép cũng đạt kim ngạch 87,6 triệu USD, tăng 59,8% ; nhập khẩu cũng tăng đáng kể với 39,4%, đạt 230,4 triệu USD. Tất nhiên, đây là sự tăng trưởng đạt được trên cơ sở kim ngạch chưa cao, nhưng dù sao đó cũng là một tín hiệu tốt thể hiện những phản ứng tích cực từ phía các doanh nghiệp đối với các diễn biến trong quan hệ thương mại giữa hai nước.

Đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng có chiều hướng tăng lên rõ rệt.Tính đến thời điểm ngày 31-3-2002, Hoa Kỳ xếp thứ 10 trong 60 nước và vùng lãnh thổ có đầu tư vào Việt Nam với 160 dự án và tổng số vốn là 1,5 tỉ USD (trong đó số dự án có hiệu lực là 139 và số vốn là 1,064 tỉ USD), thu hút khoảng 3 000 lao động trực tiếp. Riêng trong 8 tháng đầu năm 2002, các nhà đầu tư Hoa Kỳ đã có 13 dự án mới với tổng số vốn là 12 triệu USD vào những lĩnh vực chính như công nghệ thông tin và dịch vụ.

Như vậy, rõ ràng trong thực tế những kết quả về thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với Hoa Kỳ là khả quan và có triển vọng. Tuy nhiên, nếu đem so sánh những con số mà chúng ta đạt được với tổng số lượng hàng mà người Hoa Kỳ tiêu dùng hằng năm và nước Hoa Kỳ phải nhập khẩu, thì các kết quả trên còn quá nhỏ bé. Vậy phải làm thế nào để có thể xúc tiến, đẩy mạnh thương mại, đầu tư hơn nữa vào thị trường Hoa Kỳ ?

Phương hướng khai thác tiềm năng thị trường Hoa Kỳ

Vấn đề mà chúng ta cần đề cập đến trước tiên chính là phải đẩy mạnh bảo lãnh tín dụng. *Hiệp định về bảo lãnh tín dụng (OPIC)* đã được Việt Nam và Cơ quan đầu tư tư nhân hải ngoại của Hoa Kỳ chính thức ký kết vào ngày 19-3-1998. Và ngày 30-11-1999, OPIC đã ký thỏa thuận tài trợ đầu tiên cho hoạt động kinh doanh của Hoa Kỳ ở Việt Nam trị giá 2,3 triệu USD. Hiệp định này bao gồm những điều khoản cơ bản về các quy tắc điều chỉnh thuế suất áp dụng cho OPIC tại Việt Nam, xác định cụ thể những nguyên tắc sử dụng đồng tiền Việt Nam khi OPIC hoạt động tại Việt Nam, thừa nhận sự bảo đảm của OPIC đối với hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư Hoa Kỳ tại Việt Nam. Và theo đó, bất kỳ một tranh chấp nào xảy ra giữa hai bên trong khuôn khổ bảo lãnh của OPIC, sẽ được phán xử tại các cơ quan trọng tài quốc tế. Như vậy là, sẽ không có một cản trở pháp lý nào đối với những hoạt động của POIC tại Việt Nam.

Chúng ta cũng đã ký *Hiệp định với Ngân hàng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ (EXIM-BANK)* vào ngày 9-12-1999 với thỏa thuận giúp cho các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ và được sử dụng các chương trình trợ giúp của EXIMBANK. Những chương trình này bảo đảm cho nhà xuất khẩu và người vay tài chính của Việt Nam tránh các rủi ro về chính trị và về thương mại. Hiệp định này cũng giúp những doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam cạnh tranh bình đẳng với các nhà xuất khẩu khác vào Việt Nam. Chúng ta đã có những thuận

Digitized by Google

lợi đó, song các hoạt động xúc tiến chậm được triển khai nên trong thực tế chúng chưa phát huy hết tác dụng của hiệp định. Cần khai thác triệt để lợi thế do hai hiệp định này mang lại. Đây cũng chính là một phần quan trọng để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng vào thị trường Hoa Kỳ.

Trong thời gian qua, tuy có tăng xuất khẩu được một vài mặt hàng vào thị trường Hoa Kỳ, nhưng chúng ta cũng đã gặp không ít khó khăn như việc Hạ Nghị viện Hoa Kỳ đưa ra xem xét vấn đề về nhập cá tra, cá ba sa của Việt Nam. Hiệp hội cá da trơn Hoa Kỳ kiện chúng ta bán phá giá các loại cá này và gần đây nêu cả việc bán phá giá tôm. Các sự kiện đó buộc chúng ta cần có các biện pháp vượt qua rào cản chống bán phá giá như : phải biết điều tiết dung lượng thị trường sao cho không vượt quá thị phần 3% mà luật Hoa Kỳ đã quy định ; cố gắng bám sát giá của các nước để không bị coi là bán phá giá. Tất nhiên, làm được điều này không đơn giản. Vì muốn bán như giá của các nước, chúng ta phải có được những sản phẩm chất lượng tốt tương đương và các doanh nghiệp phải có chuyên gia giỏi về thị trường thì mới đàm phán và ký hợp đồng với giá có lợi nhất cho mình được.

Việc nâng cao chất lượng các doanh nghiệp cả về cơ sở vật chất, sản phẩm cũng như về công tác quản lý là cực kỳ quan trọng. Đây chính là yếu tố cần thiết để chúng ta hội nhập có kết quả và đây cũng chính là điểm chúng ta còn đang rất yếu. Chúng ta không thể hội nhập về kinh tế, trong khi con người lại không đủ kiến thức để hội nhập. Cần tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp vừa có được thông tin về thị trường kịp thời, vừa làm quen được với kinh doanh qua thương mại điện tử.

Việc tăng cường đội ngũ cán bộ pháp lý cũng không thể xem nhẹ. Vì đã là cạnh tranh thương mại tất phải có sự tranh tụng. Nếu chúng ta không có đội ngũ luật gia giỏi thì khó có thể bảo vệ được quyền lợi của mình, bởi không phải doanh nghiệp nào cũng có đủ tiền để thuê luật sư nước ngoài. Bên cạnh đó, việc chúng ta (kể cả cấp nhà nước lẫn các doanh nghiệp) mở các văn phòng đại diện, các chi nhánh, thành lập các trung tâm giới thiệu hàng hóa, sản phẩm Việt Nam tại Hoa Kỳ cũng như mở đường hàng không với Hoa Kỳ và đặc biệt là mở rộng thêm mặt hàng xuất khẩu, chắc chắn sẽ tạo thêm điều kiện cho việc đẩy mạnh xuất khẩu cũng như nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Trong năm 2002, kim ngạch xuất - nhập khẩu của Việt Nam với Hoa Kỳ lên đến khoảng 2,5 tỉ USD. Theo đánh giá của các nhà kinh tế thì trong năm 2002, kinh tế Hoa Kỳ bắt đầu có dấu hiệu phục hồi, đã khiến cho nhu cầu về nhập khẩu các hàng quần áo, xe cộ và hàng điện tăng cao. Bằng chứng là, thâm hụt mậu dịch của Hoa Kỳ trong tháng 5-2002 đạt kỷ lục 37,36 tỉ USD (tháng 4-2002 mới là 36,14 tỉ USD). Như vậy, nếu từng doanh nghiệp chúng ta biết tiếp tục tận dụng thời cơ, tích cực thực hiện đầy đủ các biện pháp xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời Nhà nước cũng có những hỗ trợ nhất định về mặt cơ chế chính sách, thì chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng sẽ đạt được mức kim ngạch xuất - nhập khẩu cao hơn nữa trong năm 2003. ❑

Digitized by Google

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
giúp dân xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học

ĐẶNG VŨ LIÊM*

CÙNG với bao thành tích vẻ vang giữ yên biên giới của Tổ quốc, Bộ đội Biên phòng có thêm niềm tự hào về thành tích mười năm tham gia xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học cho đồng bào trên vùng biên giới, hải đảo...

Trong cơ chế thị trường với những tác động tích cực và tiêu cực đan xen, cộng với nhiều khó khăn gian khổ, thiếu thốn, các chiến sĩ Biên phòng đã ý thức rất rõ về trách nhiệm vinh quang của mình là muốn bảo vệ biên cương Tổ quốc vững mạnh lâu dài phải xây dựng phòng tuyến lòng dân vững chắc. Để có được điều đó, có nhiều yếu tố, trong đó xóa mù chữ, nâng cao dân trí đồng bào là vấn đề có tính quyết định. Vì thế, cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng không những đã vượt được khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của mình mà còn tích cực tham gia xóa mù chữ ở nơi biên giới xa xôi.

Việc tham gia xóa mù chữ của các chiến sĩ Biên phòng đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên kể từ ngày thành lập (3-3-1959) đến nay. Nhất là từ giữa năm 1992, Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã ký kết chương trình phối hợp thực hiện "Phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ". Từ đó đến nay, đã hơn mười năm, chương trình này đạt được nhiều kết quả đáng phấn khởi. Tính đến tháng 7-2002, đúng mười năm chương trình được ký kết, cán bộ, chiến sĩ Biên phòng đã *trực tiếp* xóa mù chữ cho hơn 35 nghìn học viên với 1 576 lớp học ; trong đó học viên là cán bộ xã, bản gần 1 000 người, học viên là phụ nữ gần 15 nghìn người, hầu hết là người các dân tộc thiểu số.

Để đạt được thành tích đó, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đã quyết tâm và nỗ lực cao, bỏ ra nhiều công sức, vượt qua vô vàn khó khăn, gian khổ. Với suy nghĩ : "Tất cả vì sự bình yên của Tổ quốc, vì hạnh

* TS, Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Chính trị Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

phúc của nhân dân", cán bộ chiến sĩ Bộ đội Biên phòng không chỉ tham gia xóa mù chữ, mà còn tham gia phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng mình đóng quân.

Bộ đội Biên phòng đã trực tiếp mở và dạy 1 685 lớp học, với hơn 36 000 học sinh, trong đó hầu hết là người dân tộc thiểu số để phổ cập giáo dục tiểu học. Cán bộ, chiến sĩ Biên phòng còn tham gia phối hợp cùng giáo viên ngành giáo dục phổ cập tiểu học cho 46 334 học sinh với 1 545 lớp và vận động hơn 48 nghìn học sinh đã bỏ học trở lại trường học tiếp. Tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học gồm hàng nghìn cán bộ chiến sĩ Biên phòng từ các miền quê của Tổ quốc. Họ sẵn sàng chấp nhận thiếu thốn, khó khăn và coi đồn biên phòng là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào dân tộc là anh em ruột thịt, không quản gian nan, mưa, nắng, cống hiến hết mình vì sự nghiệp chung của đất nước.

Xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng đồng bằng đã khó, nhưng đối với vùng biên giới hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số càng khó khăn gấp bội. Vì, địa bàn hoạt động là nơi rừng núi hiểm trở, dân cư thưa thớt, thời tiết khắc nghiệt ; nhiều nơi không có trường lớp ; người học ở phân tán rất khó tập trung ; đời sống rất khó khăn lại cộng thêm tâm lý : "Cái chữ không làm cho con người no bụng" còn khá phổ biến, tồn tại trong đại đa số đồng bào... Cho nên, chỉ có xóa mù chữ, đồng bào biết đọc, biết viết, thì trình độ dân trí mới tăng lên, đời sống kinh tế, văn hóa dần dần phát triển, đồng bào mới chủ động, tự giác tiếp thu, thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng càng thấy tự hào về kết quả xóa mù chữ của mình, dù là xóa mù chữ được cho một người dân biên giới. Từ một người họ sẽ lôi kéo nhiều người hoặc dạy cho nhiều người khác học để cùng biết chữ. Để làm được điều đó, người lính biên phòng không chỉ có tình thương yêu, mà còn phải có trách nhiệm to lớn với đồng bào, với Đảng.

Để tổ chức được lớp học, đối với những người trực tiếp làm nghề dạy học của ngành giáo dục ở biên giới, vùng sâu, vùng xa đã khó, nhưng đối với chiến sĩ Biên phòng còn khó khăn hơn nhiều. Bởi vì, họ chưa được đào tạo về phương pháp sư phạm ; mặt khác, để tổ chức được một lớp học phải làm rất nhiều công việc, mà những công việc đó đều xa lạ với họ. Trước hết, họ phải làm tốt vai trò tham mưu cho các cấp ủy và chính quyền địa phương để tổ chức lớp học ; phải nhiệt tình vận động, làm sao thành lập được các ban chỉ đạo "xóa mù" ở các tỉnh và huyện vùng biên giới, hải đảo và họ phải là thành viên của ban chỉ đạo đó. Họ còn phải tốn công sức, thời gian và biết cách vận động quần chúng nhân dân và các em nhỏ đi học ; phải trèo đèo, lội suối, phải vận động từng phụ huynh, từng học sinh ; vận động già làng, trưởng bản người có uy tín trong đồng bào ; đôi khi cả với các chức sắc tôn giáo tham gia lớp học xóa mù chữ... Mặt khác,

Digitized by Google

để tổ chức lớp học, họ còn phải tận dụng hết khả năng, điều kiện về trường lớp. Hầu hết họ phải mở các lớp "cơ động", lúc thì ở hội trường xã, lúc thì ở hội trường của đồn biên phòng, có lúc lại phải mượn nhà dân. Điều đáng nói là, trong khi đời sống của họ nơi biên giới còn nhiều khó khăn thiếu thốn, và ngay cả ở nơi hậu phương xa xôi - quê hương của họ, đời sống của vợ con cha mẹ họ cũng còn khó khăn gian khổ chẳng kém... Nhưng các chiến sĩ biên phòng vẫn cố gắng dành dụm, bớt chút tiền, của và công sức giúp đỡ nhân dân xây dựng trường lớp. Để góp phần vào việc xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc nơi biên giới, những năm qua, các chiến sĩ Biên phòng đã góp gần 85 nghìn ngày công giúp nhân dân địa phương xây dựng trường lớp, với hơn 4 nghìn phòng học ; tặng 2 515 bộ bàn ghế, 150 nghìn dụng cụ, đồ dùng học tập ; hỗ trợ hơn 1 026 triệu đồng phục vụ cho sự nghiệp xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn đóng quân. Đây không chỉ là việc làm tình nghĩa mà còn tạo cơ sở vật chất thiết yếu để có được các điều kiện tối thiểu duy trì một lớp học xóa mù chữ, mặc dù còn rất đơn sơ. Bởi vì nơi biên giới, hải đảo nếu không chủ động tạo ra các điều kiện ấy thì khó có thể có được những lớp học cho đồng bào. Cho nên cùng với việc vận động đồng bào đi học, trực tiếp dạy học, người chiến sĩ biên phòng còn phải tổ chức lớp học, xây dựng phòng học, ủng hộ giấy bút, sách vở và những đồ dùng thiết yếu khác. Rõ ràng hình ảnh "người thầy giáo quân hàm xanh" đã trở thành một hình tượng đẹp vừa thân thương, vừa được đồng bào yêu quý, kính trọng, và biết ơn sâu sắc, thắt chặt tình quân dân cá nước ngày càng thắm thiết. Cùng với nhiệm vụ chính trị giữ vững chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc là nhiệm vụ tham gia xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho đồng bào dân tộc trên biên giới. Cấp ủy, chỉ huy các cấp Bộ đội Biên phòng đều tâm niệm : ở chốn xa xôi biên cương hải đảo, việc học hành của học sinh phải được tổ chức cho phù hợp, khi phải mở lớp vào ban ngày, lúc mở lớp vào ban đêm và phải tránh các thời điểm mùa vụ bận rộn. Làm sao chọn được thời điểm đồng bào có thời giờ nhàn rỗi để theo học, trong khi vẫn phải từng giờ, từng ngày canh giữ biên cương. Giải quyết được khó khăn này là cố gắng rất lớn, không chỉ đối với cán bộ chiến sĩ trực tiếp tham gia hay góp phần vào công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, mà đòi hỏi tất cả cán bộ chiến sĩ không ngừng phấn đấu gánh vác thêm phần công việc của những người tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, để họ yên tâm và có điều kiện tốt nhất giúp đỡ đồng bào. Có nhiệt tình và trách nhiệm cao chưa đủ, những "thầy giáo quân hàm xanh" còn phải vượt qua khó khăn trở ngại là làm sao có một chương trình và phương pháp dạy phù hợp với người học. Trên cơ sở chương trình của quốc gia đã xuất bản thành sách giáo khoa, giáo trình..., cán bộ, chiến sĩ còn phải phối hợp với cán bộ giáo dục địa phương tìm cách dạy, cách học sát với thực tế. Đó là tổ chức các lớp nhỏ lẻ, các lớp ghép thật linh hoạt, hợp với chương trình và lứa tuổi và điều kiện của các đối tượng khác nhau.

Digitized by Google

Mặt khác, trong khi dạy học phải sáng tạo sao cho hấp dẫn, gây hứng thú cho người học. Việc học kiến thức, học chữ phải gắn với yêu cầu cụ thể cuộc sống của nhân dân và người học. Vừa học, vừa kết hợp với vui chơi giải trí, lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền hướng dẫn, phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội, hay các chương trình : kế hoạch hóa gia đình, phát triển sản xuất làm giàu trên quê hương, xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo vệ an ninh, quốc phòng, bảo vệ biên giới, thực hiện tốt luật pháp của Nhà nước ta... Hơn nữa, phải tận dụng các phương tiện hiện có như truyền hình, vi-đi-ô, tranh, ảnh vào giảng dạy cho sinh động. Chính vì có cách dạy phù hợp, sáng tạo nên người học không thấy nhàm chán và không sợ học chữ quá khó, hay khô khan. Cách làm này kết quả đem lại rất khả quan.

Để tham gia có hiệu quả vào chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học nơi đóng quân, lãnh đạo các đồn biên phòng phải tuyển chọn cán bộ chiến sĩ có đủ điều kiện tham gia công việc này, như có năng lực, có nhiệt tình, trách nhiệm cao, biết nói tiếng dân tộc, sau đó phối hợp với ngành giáo dục - đào tạo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho họ ; phải cho họ chuẩn bị nghiên cứu chương trình, và tìm hiểu sách giáo khoa, học tập kỹ năng sư phạm...

Để hoàn thành nhiệm vụ xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, cán bộ, chiến sĩ Biên phòng ngoài những vấn đề nêu trên phải phối hợp tốt với giáo viên các trường học, các phòng, ban, sở giáo dục của địa phương cũng như với các cơ quan khác như đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng nhân dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... sao cho các tổ chức này tùy khả năng mà tham gia cụ thể, thiết thực. Đó chính là góp phần thực hiện "xã hội hóa giáo dục" một cách cụ thể, sống động trong cuộc sống hằng ngày ở địa phương, cơ sở một cách hiệu quả nhất. Làm được điều này là một cố gắng rất lớn và là cơ sở vững chắc để hoàn thành nhiệm vụ.

Mười năm qua, thực hiện việc giúp đỡ nhân dân xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, Bộ đội Biên phòng rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm bổ ích :

- Sự lãnh đạo chỉ huy của các cấp từ Bộ Tư lệnh đến các tỉnh, thành cũng như các đồn là yếu tố quan trọng tạo nên thắng lợi của công việc này. Đó là hoạt động sáng tạo có hiệu quả và luôn luôn đổi mới cho phù hợp với tình hình trong mọi điều kiện.

- Việc phối hợp chặt chẽ giữa Bộ đội Biên phòng và ngành giáo dục - đào tạo cũng như các ngành, các tổ chức, các cấp có liên quan phải thật sự ăn ý, nhịp nhàng trên cơ sở vì lợi ích chung.

- Nêu cao tinh thần trách nhiệm, cần cù sáng tạo của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Biên phòng tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Chú trọng công tác vận động quần chúng, bám sát địa bàn, có phương pháp tuyên truyền động viên phù hợp từng đối

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

QUÂN KHU 9 phát huy truyền thống đoàn kết quân - dân

THƯỢNG TÙNG

QUÂN khu 9 có *vị trí chiến lược quan trọng* về kinh tế, chính trị, xã hội, nhất là an ninh - quốc phòng. Suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, miền Tây Nam Bộ luôn được xác định là *một chiến trường có vị trí chiến lược xung yếu.* Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nơi đây là căn cứ hậu phương của Khu 8 và cũng là của Nam Bộ. Thời chống Mỹ, đây là chiến trường trọng điểm bình định của địch, là nơi đã sáng tạo ra nhiều cách đánh địch phong phú. Trong lịch sử 30 năm chiến tranh giải phóng, trên chiến trường đồng bằng của vùng sông nước này, quân và dân Quân khu 9 đã vượt qua muôn vàn khó khăn, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, từng bước trưởng thành, lập nên những kỳ tích oanh liệt, đóng góp to lớn vào thắng lợi vẻ vang chung của dân tộc, cùng cả nước đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Mỗi tên đất, tên làng : Tầm Vu, Xóc Xoài, Long Châu Hà, Cái Răng... thời chống Pháp đến Hòn Đất, Cầu Kè, Trà Vinh, Đầm Dơi, U Minh... thời chống Mỹ đều là những biểu tượng về ý chí quyết thắng, tinh thần sáng tạo trong nghệ thuật quân sự và đấu tranh cách mạng ; tinh thần đoàn kết quân dân và sự trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân. Chiến trường Khu 8 trước kia là chiến trường đồng bằng trống trải, có nhiều sông, rạch chia cắt, không có rừng, núi để xây dựng căn cứ, do đó phải *xây dựng căn cứ lòng dân,* dựa vào dân để tiến hành chiến tranh du kích rộng khắp, tiêu hao sinh lực địch.

Vùng Tây Nam Bộ gồm các dân tộc : Kinh (chiếm trên 89% dân số), Khơ Me (trên 7%), Hoa (chiếm khoảng 2%) và Chăm cùng sinh sống. Nơi đây đã tồn tại nhiều hình thức tôn giáo khác nhau. Ngoài các tôn giáo truyền thống (Thiên chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành, I-xlam..., du nhập vào, còn có các tôn giáo bản địa khác như : Cao Đài, Hòa Hảo, Đạo Dừa, Thiền Lâm, Bửu Sơn Kỳ Hương... Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vấn đề dân tộc, tôn giáo đã bị kẻ thù lợi dụng, gây chia rẽ và hằn thù dân tộc. Vì thế, ngay từ năm 1946, ở tỉnh Trà Vinh, vùng có đông đồng bào Khơ Me sinh sống đã bị kẻ thù lợi dụng chia rẽ nhiều nhất. Để phá tan âm mưu đó, ta đã tổ chức ngay hội nghị quân chính đề ra chủ trương tiến hành *hai cấm, hai vận động* nhằm động viên nhân sĩ trí thức và các sư sãi tiến bộ Khơ Me tham gia cách mạng. Ngay cả trong những thời kỳ khó khăn, gian khổ nhất, lực lượng vũ trang của Khu 8 (sau này là Quân khu 9) không quản hiểm nguy, gian khổ, đã luồn sâu vào nhiều vùng địch hậu hoạt động vũ trang,

Digitized by Google

tuyên truyền, kiên trì vận động, tạo nên khối đoàn kết quân - dân cùng đồng tâm hiệp lực chống kẻ thù ; hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ chiến lược mà Trung ương Đảng và Bác Hồ giao cho là : *giành và giữ kho dự trữ chiến lược về người và của ;* làm thất bại âm mưu của địch trong việc dùng người và của từ Nam Bộ đánh ra miền Trung và miền Bắc. Kết hợp chặt chẽ các hoạt động dân vận - địch vận và chiến tranh du kích ; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc, làm thất bại âm mưu võ trang cho người dân tộc và tôn giáo của địch ; mở rộng vùng giải phóng và giành chính quyền trên diện rộng. *Bám đất, bám dân, bám địa bàn, bám chiến trường* để tiến công địch, xây dựng và phát triển lực lượng là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc tạo thế, tạo lực, làm chuyển biến so sánh lực lượng giữa ta và địch ; tiến hành chiến tranh du kích, bao vây, diệt, bức rút, bức hàng và làm tan rã địch ; bảo đảm giành người, giành của, giành dân, giữ dân và giành quyền làm chủ của nhân dân từ thấp đến cao.

Thời kỳ giữa những năm 50, nhân dân miền Nam và khu Trung Nam Bộ vừa trải qua cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp lại bước ngay vào cuộc chiến đấu mới chống đế quốc Mỹ. Lúc này, Mỹ - Diệm điên cuồng tiến hành "tố cộng, diệt cộng". Tháng 7-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm thông qua Luật số 21, lê máy chém đi khắp nơi giết người man rợ nhằm đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng. Đây là thời kỳ ta thiệt hại nặng nhất. Các lực lượng vũ trang của ta vừa mở rộng công tác vũ trang tuyên truyền vào tận vùng địch kiểm soát, vừa tiến công tiêu diệt đồn, bốt địch góp phần hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh, biểu tình của quần chúng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đã chỉ ra đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà bằng kết hợp vũ trang với chính trị, khởi nghĩa giành thắng lợi. Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi toàn miền Nam (1960), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập ; lực lượng vũ trang nhân dân tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Năm 1962, khẩu hiệu chiến đấu được đề ra là : *"Dân bám đất, cán bộ, đảng viên bám dân, du kích, bộ đội bám giặc".* Chiến thắng Ấp Bắc (1963) - trận thua đầu tiên kể từ khi Mỹ - ngụy bắt đầu cuộc "Chiến tranh đặc biệt" là điển hình của một phương thức tác chiến của *chiến tranh nhân dân,* kết hợp cả quân chủ lực, quân địa phương, quân du kích ; cả bộ binh, công binh, đặc công và đội quân tóc dài của chúng ta.

Sau khi "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị phá sản, Mỹ dốc sức viện trợ cho quân ngụy, đồng thời đưa quân đội Mỹ vào miền Nam trực tiếp tiến hành "Chiến tranh cục bộ" với chiến lược "Tìm và diệt", "Tìm diệt và Bình định". Quân khu 8 chủ trương *"sử dụng sức mạnh tổng hợp ; hợp đồng chặt chẽ ba thứ quân, ba mũi tiêu diệt địch".* Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 thật sự đã mở ra bước ngoặt lớn, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, rút quân Mỹ về nước, nhưng Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Chính quyền Mỹ chủ trương tiến hành "Việt Nam hóa chiến tranh". Trọng điểm bình định của chúng ở Quân khu 8 lúc này là Long An, Mỹ Tho, Gò Công và Bến Tre. Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 8 tập trung chỉ đạo các địa phương ra sức *tạo thế đứng mới cho nhân dân ; tạo lại thế tiến công ba mũi* (chính trị, vũ trang, binh vận). Tháng 9-1969, Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 8 tổ chức triển khai Nghị quyết 9 của Trung ương Cục về tăng cường xây dựng cơ sở, đánh bình định, mở rộng vùng giải phóng. Năm 1970, lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia

Digitized by Google

được ta giúp đã hoàn toàn giải phóng 5 tỉnh Đông Bắc Cam-pu-chia. Năm 1972, ta đã mở chiến dịch tấn công tổng hợp : mở mảng, giành dân. Cuộc tiến công chiến lược 1972 thắng lợi và Hiệp định Pa-ri được ký kết đã tạo ra bước ngoặt căn bản cho cách mạng nước ta. Quân khu đã chỉ đạo cho các tỉnh : "Vận dụng phương châm, phương thức tiến công mới, *lấy đấu tranh chính trị và binh vận làm cơ sở,* lấy đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn đắc lực, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh dựa vào pháp lý của Hiệp định". Kế hoạch hoạt động mùa khô 1974 - 1975 được xây dựng với nội dung : "... mở đợt tiến công quân sự mạnh, phát động phong trào đồng khởi rộng, mạnh khắp các vùng, kiên quyết đánh bại về cơ bản ý đồ và kế hoạch lấn chiếm mới của địch, phá lỏng, phá rã thế bình định của địch ở vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng yếu, phá vỡ thế ngăn chặn biên giới hành lang...". Chiến trường Quân khu 8 có vinh dự là từ Mỹ Tho trở lên được nằm trong đội hình chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 6-5-1975, cờ giải phóng đã tung bay trên chùa Tây An - mảnh đất cuối cùng trên địa bàn Quân khu 8.

Quân khu 9 ngày nay bao quát địa bàn có diện tích hơn 35 400 km², gồm 11 tỉnh với hơn 16 triệu người (95 huyện thị, thành phố và hơn 1 200 xã, phường). Đường biên giới trên bộ dài hơn 207 ki-lô-mét qua ba tỉnh (Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang) ; và 742 ki-lô-mét bờ biển. Những năm gần đây, các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống phá cách mạng : lợi dụng địa hình biên giới và vùng biển Việt Nam - Cam-pu-chia đưa bọn phản động lưu vong về Cam-pu-chia làm bàn đạp chống, phá Việt Nam ; tình hình an ninh - chính trị vùng đồng bào dân tộc Khơ Me có nơi diễn biến khá phức tạp ; bọn phản động lợi dụng các tôn giáo kích động quần chúng tín đồ chống lại chính quyền, đẩy mạnh các hoạt động chống phá về tư tưởng - chính trị bằng nhiều con đường ; tình hình an ninh nông thôn, tranh chấp đất đai, khiếu kiện, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp...

Phát huy truyền thống bám dân, dựa vào dân chiến đấu của Quân khu 8 năm xưa, cán bộ, chiến sĩ Quân khu 9 tiếp tục làm tốt trọng trách của mình.

Luôn *tin tưởng dân, dựa vào dân, bám chắc vào dân* để kiên trì vận động cách mạng trong nhân dân ; tin tưởng sức mạnh và sự sáng tạo của nhân dân, không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân để tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh toàn dân, toàn diện. *Phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân ;* nắm vững đặc điểm của chiến trường để tổ chức lực lượng vũ trang nhân dân và có phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân ; phát huy nhiều cách đánh của dân để đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn, nhất là âm mưu bình định, giành người, giành đất của địch ở đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện Chỉ thị 36/ĐU QSTW, ngày 23-2-1999 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương *"Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quân đội thực hiện công tác tôn giáo trong tình hình mới"* và Hướng dẫn số 110/HD-CT, ngày 27-2-1999, của Tổng cục Chính trị, Thường vụ Đảng ủy Quân khu đã kịp thời chỉ đạo cho đảng ủy các cấp tiến hành quán triệt, học tập và tổ chức thực hiện. Các sĩ quan - đảng viên được học tập các chuyên đề : "Công tác dân vận của quân đội ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào tôn giáo" ; "Một số tôn giáo chính ở Việt Nam". Các hạ sĩ quan, chiến sĩ nghiên cứu các nội dung : "Công tác dân vận tham gia xây dựng cơ sở địa phương vùng đồng bào có đạo, vùng

Digitized by Google

đồng bào dân tộc" ; "Công tác dân vận của Quân đội trong tình hình mới".

Quân khu đã phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, đoàn thể ở địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân cũng như các chức sắc tôn giáo tích cực động viên con, em tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong những năm qua, các địa phương vùng tôn giáo hằng năm đều hoàn thành chỉ tiêu 100% giao quân. Số quân nhân có đạo được kết nạp vào Đảng, vào Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ngày càng tăng. Họ được cử đi học và là nguồn bổ sung cán bộ nòng cốt cho các địa phương. Nhiều hình thức thăm hỏi bà con giáo dân, chức sắc tôn giáo được duy trì nhằm củng cố khối đoàn kết cộng đồng. Bộ đội giúp bà con thực hiện các cuộc vận động : "Xóa đói, giảm nghèo", "Xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư", "Sống tốt đời, đẹp đạo"... Từ năm 1999 đến nay, đã tổ chức 44 lượt cấp tiểu đoàn, 96 lượt cấp đại đội, 180 lượt đội công tác về các vùng tôn giáo trọng điểm giúp dân ; phòng chống và khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai ; xây dựng 112 căn nhà tình thương ; dành giá trị 950 triệu đồng gồm tiền và hiện vật thăm hỏi bà con nghèo, bà con bị thiên tai ; tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa... Song song với việc giúp các địa phương phát triển kinh tế - xã hội, Quân khu còn giúp các địa phương tăng cường *công tác giáo dục quốc phòng ;* xây dựng các phương án phòng thủ khu vực, bảo vệ biên giới, phòng chống bạo loạn lật đổ.

Thực hiện Nghị quyết 8B của Trung ương Đảng (khóa VII) *"Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân"* ; Chỉ thị số 37 của Đảng ủy Quân sự Trung ương *"Về tăng cường công tác dân vận trong tình hình mới"* ; Chỉ thị số 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) và Chỉ thị 1209 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng *"Về công tác trong vùng đồng bào Khơ Me"*, Thường vụ Đảng ủy Quân khu đã có Nghị quyết số 49/NQ *"Về tăng cường công tác vận động quần chúng trong lực lượng vũ trang Quân khu"*. Nghị quyết chuyên đề và nghị quyết hằng năm của Đảng ủy Quân khu đều xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu của công tác vận động quần chúng nói chung và đồng bào Khơ Me nói riêng là *một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm*. Giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ có nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng và mục tiêu của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, tiếp tục phát huy phẩm chất tốt đẹp của Bộ đội Cụ Hồ.

Hành quân dã ngoại là hình thức mang lại hiệu quả công tác dân vận cao. Trong những năm qua, Bộ Tư lệnh Quân khu đã chỉ đạo tổ chức hành quân dã ngoại cho các đơn vị bộ đội chủ lực cùng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên tham gia công tác vận động quần chúng và lao động giúp dân với quân số hơn 14 000 lượt người. Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, học sinh, sinh viên kết nghĩa tổ chức các đợt "Hành quân về nguồn", "Trở lại chiến trường xưa". Tổ chức các tổ, đội công tác phối hợp với các địa phương xuống các vùng đồng bào dân tộc giải quyết các vụ việc phức tạp, tranh chấp, khiếu kiện... Tăng cường cán bộ cho các cơ quan quân sự địa phương góp phần làm tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cùng địa phương xây dựng các chùa Khơ Me thành các điểm sinh hoạt văn hóa. Từ năm 1998, Phân hiệu Thiếu sinh Quân Trường Quân sự Quân khu đã đào tạo được 56 em học sinh người dân tộc Khơ Me.

Digitized by Google

Năm 2002, lực lượng vũ trang Quân khu làm nòng cốt tham gia tích cực, có hiệu quả trong phòng chống thiên tai ; cứu hộ, cứu nạn trên các địa bàn, đặc biệt trong vụ cháy rừng U Minh Thượng và khắc phục hậu quả lũ lụt ; tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị xã, phường ở những địa bàn trọng điểm.

Trong kế hoạch hành động của những năm tới, Quân khu đã đặt ra việc nghiêm túc khắc phục những mặt yếu kém : số cán bộ sĩ quan là người dân tộc, theo tôn giáo - lực lượng nòng cốt trong tuyên truyền, vận động - còn rất mỏng. Tuy có kinh nghiệm trong vận động quần chúng, nhưng về cơ bản, các cán bộ, chiến sĩ còn hiểu biết ít về phong tục, tập quán dân tộc, đặc thù tôn giáo. Thêm vào đó, còn bị những rào cản về ngôn ngữ nên hiệu quả của công tác này còn bị hạn chế. Vì thế, việc xây dựng kế hoạch cụ thể và phân công địa bàn cho các đơn vị đảm nhiệm là hết sức cần thiết. Quân khu tiếp tục xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ là người dân tộc, xây dựng lực lượng nòng cốt lâu dài, góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với quần chúng.

Để làm tròn nghĩa vụ của mình, cán bộ, chiến sĩ Quân khu cần có những chính sách phù hợp, kịp thời của Nhà nước giải quyết những khó khăn, thiếu thốn trong huấn luyện, sinh hoạt và trong ổn định đời sống gia đình.

Dù ở bất kỳ hoàn cảnh, thời điểm, khó khăn nào, cán bộ, chiến sĩ Quân khu 9 luôn sẵn sàng làm tròn sứ mệnh cao cả của Anh Bộ đội Cụ Hồ mà Đảng và nhân dân đã tin cậy giao phó trên vùng đất của chín dòng sông - vùng nông nghiệp trọng điểm phía Nam. ❑

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG...

(Tiếp theo trang 40)

tượng, từng địa phương ; phải làm cho nhân dân thấy được lợi ích của việc học tập. Quá trình giảng dạy phải tiếp tục động viên, gây hứng thú, làm cho người học luôn luôn có nhu cầu học tập. Chỉ có làm tốt điều đó, mới vận động được người dân đi học và mới duy trì được lớp học ổn định.

Có chương trình kế hoạch cụ thể, có phương pháp tổ chức và cách thức giáo dục phù hợp với từng địa phương, từng dân tộc ; phát huy sự sáng tạo của mọi cá nhân, tập thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ ; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhắc nhở, đôn đốc các thành viên có liên quan, uốn nắn kịp thời các lệch lạc sẽ làm cho công việc tiến triển nhanh và vững chắc.

Trước mắt, từ Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đến các tỉnh, thành mà trực tiếp là các đồn biên phòng, cần phối hợp với ngành giáo dục đào tạo cũng như các cơ quan có liên quan ; đi sâu, đi sát cơ sở, từ cơ sở kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm, tìm ra cái hay, cái tốt, cũng như khắc phục cái hạn chế, để đề xuất với Đảng, Nhà nước tìm cách tháo gỡ những khó khăn, nhất là về cơ chế và kinh phí. Đây là vấn đề khó nhất mà cơ sở đang có nhiều vướng mắc. Phát huy những thành tựu và kinh nghiệm đã đạt được, trong tương lai Bộ đội Biên phòng sẽ làm tốt hơn việc tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, góp phần vào việc nâng cao dân trí cho vùng biên cương của Tổ quốc.❑

Digitized by Google

TRÀ VINH đổi mới và phát triển

VŨ NGỌC AM *

LÀ vùng đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, nhân dân các dân tộc của Trà Vinh luôn đoàn kết, nêu cao tinh thần yêu nước, đã có những đóng góp to lớn qua các thời kỳ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trà Vinh là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Bom đạn của Mỹ - ngụy đã tàn phá ác liệt và để lại hậu quả rất nặng nề.

Toàn tỉnh hiện có 27 818 liệt sĩ, thương binh, 735 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Lịch sử Trà Vinh mãi mãi ghi đậm những hy sinh to lớn và những chiến tích vẻ vang của đồng bào các dân tộc trong tỉnh, đã đóng góp vào thắng lợi chung của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, hiện nay, Đảng bộ và nhân dân Trà Vinh đang ra sức lao động sản xuất để xây dựng quê hương. Hơn 10 năm qua, kể từ khi được tái lập (5-1992) trong điều kiện còn có nhiều khó khăn : hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu và xuống cấp ; hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề ; mặt bằng dân trí thấp, cộng với những thói quen và những tập tục lạc hậu níu kéo làm cho kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tận dụng thời cơ và điều kiện, cùng nhau đoàn kết nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, khai thác và phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân làm cho bộ mặt của tỉnh không ngừng đổi mới.

Về *kinh tế*, tỉnh đã tận dụng các nguồn vốn đầu tư hàng ngàn tỉ đồng tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng như giao thông, thủy lợi, điện lưới quốc gia... đưa tiến bộ khoa học, hỗ trợ về vốn đến với nông dân. Đồng thời, chỉ đạo kiên quyết việc đổi mới cơ cấu kinh tế, phá thế độc canh cây lúa, chuyển sang sản xuất đa canh, phát triển ngành nghề, nuôi trồng, chế biến thủy sản, cải tạo vườn tạp, bước đầu hình thành kinh tế trang trại với những vật nuôi, cây trồng mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Sau hơn 10 năm phấn đấu, GDP đạt mức tăng trưởng bình quân mỗi năm trên 8,6%. Tổng sản lượng lương thực đạt hơn triệu tấn, tăng 2 lần so với năm 1992 ; giá trị thủy sản tăng 3,7 lần ; giá trị công nghiệp tăng 4 lần ; dịch vụ tăng 3,8 lần và thu ngân sách tăng 4,6 lần.

Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ trên 40% (1992) đến nay xuống còn khoảng 22%, cơ bản không có hộ đói. Trong tỉnh đã xuất hiện những chủ trang trại giỏi nuôi tôm, nuôi bò, trồng cây... hằng năm có thu nhập cao, từ 50 triệu đến hàng trăm triệu đồng/năm.

Sự nghiệp y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng được đẩy mạnh. Các chương trình, mục tiêu quốc gia về dân số, kế hoạch hóa gia đình được thực hiện có hiệu quả, giảm tỷ lệ tăng dân số từ 2,24% (1992) xuống còn 1,59 (2001). Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm đáng kể, từ 65% (1992) nay xuống còn gần 30%.

* TS. Phó Vụ trưởng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã có bước phát triển đáng kể. Nếu năm 1992, cả tỉnh có 250 điểm trường và 4 882 phòng học, thì đến nay có 303 điểm trường với gần 7 000 phòng học. Tình trạng học ba ca cũng như vấn đề thiếu giáo viên về cơ bản đã được giải quyết. Năm 1998, tỉnh được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học.

Hoạt động văn hóa, thông tin có bước phát triển, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Trà Vinh đã được đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất - kỹ thuật và trình độ nghiệp vụ, góp phần đắc lực cho việc tuyên truyền phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng nhu cầu thông tin và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Đài Phát thanh - Truyền hình đã phủ sóng trong toàn tỉnh. Ngoài tiếng phổ thông, Đài còn có chương trình tiếng Khơ Me. Các trạm truyền thanh của các huyện đã đi vào hoạt động. Các ấp văn hóa đều có trạm thông tin. Báo Trà Vinh ngày một tăng về số lượng và số kỳ, đặc biệt tỉnh vẫn duy trì có chất lượng tờ báo Trà Vinh bằng chữ Khơ Me ra 2 kỳ/tháng, Báo ảnh Trà Vinh chữ Khơ Me 3 tháng/kỳ, lượng phát hành 2000 tờ/kỳ...

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, thể dục - thể thao, lễ hội truyền thống được giữ gìn và phát huy. Đoàn nghệ thuật Khơ Me Ánh Bình Minh đã vượt qua nhiều khó khăn, từng bước xây dựng và hoàn thiện các chương trình phục vụ nhân dân. Đoàn đã được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới".

Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa do tỉnh phát động đã được nhân dân tham gia hưởng ứng tích cực. Hiện nay, toàn tỉnh đã có hơn 100 000 gia đình, gần 270 ấp, khóm được bình chọn công nhận "Gia đình văn hóa", "Khóm, ấp văn hóa".

Mấy năm qua, mặc dù kinh tế có bước phát triển nhưng Trà Vinh vẫn là một tỉnh nghèo, có nhiều khó khăn, song tỉnh rất quan tâm thực hiện tốt chính sách xã hội đối với những gia đình và những người có công với sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước.

Với truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa", tỉnh đã kịp thời giải quyết các chế độ, chính sách trợ cấp thường xuyên và đột xuất cho những gia đình chính sách ; nâng cấp nghĩa trang, xây dựng bia tưởng niệm... Cuộc vận động gây quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" đã huy động được hàng tỉ đồng, xây dựng được 884 nhà tình nghĩa, nhà tình thương ; tặng sổ tiết kiệm, bảo hiểm y tế cho các gia đình chính sách và người có công với cách mạng.

Hiện tại, toàn tỉnh có 70/94 xã, phường thực hiện tốt việc giúp đỡ, tạo điều kiện nâng mức sống của các gia đình chính sách ngang bằng với mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh nhận phụng dưỡng đến cuối đời. Ngoài ra, tỉnh còn có một trung tâm bảo trợ xã hội nuôi dưỡng người già cô đơn và trẻ mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Riêng xã Tân Hiệp (huyện Trà Cú), một xã vùng sâu có đông đồng bào Khơ Me, trong năm 2002, bằng sự nỗ lực với nguồn vốn tự có đã xây cất và bàn giao 5 căn nhà tình nghĩa, 2 căn nhà tình thương với giá trị trên 93 triệu đồng.

Hệ thống giao thông, nhất là giao thông nông thôn được tỉnh chú trọng phát triển. Ngoài hệ thống đường quốc lộ và tỉnh lộ do trung ương đầu tư, tỉnh đã cấp 65% vốn, còn lại 35% huy động sự đóng góp của nhân dân. Đến nay, toàn tỉnh đã làm được 710 km đường bê-tông đến tận thôn, ấp. Riêng xã Tân Hiệp dân góp hơn 500 triệu đồng, làm được 20 km đường bê-tông, hoàn chỉnh giao thông của xã.

Cùng với hệ thống giao thông, mạng điện lưới và nước sạch phục vụ cho dân cư cũng được tỉnh chú trọng, đầu tư xây dựng. Năm 1992, cả tỉnh chỉ có 10% số hộ dân được dùng điện. Đến

Digitized by Google

nay, tỉnh đã có gần 60% số hộ có điện, trên 70% hộ được dùng nước sạch, bình quân 100 người dân có gần 3 máy điện thoại.

Với những kết quả trên, bộ mặt nông thôn ở tỉnh Trà Vinh có những đổi mới căn bản. Đời sống của nhân dân kể cả vật chất và tinh thần từng bước được cải thiện rõ rệt. Điều đó càng được thể hiện một cách cụ thể đối với vùng có đông đồng bào Khơ Me sinh sống. Theo thống kê, hiện nay Trà Vinh có khoảng 300 000 người Khơ Me, chiếm gần 30% dân số trong tỉnh. Từ lâu đời, đồng bào Khơ Me đã sát cánh đoàn kết với các dân tộc anh em, giúp nhau trong sản xuất và chiến đấu, xây dựng nên nhiều truyền thống tốt đẹp, tạo nên sức mạnh để xây dựng và bảo vệ quê hương của mình.

Tuy nhiên, do đặc điểm và thói quen canh tác, trình độ dân trí thấp, nên đời sống kinh tế của bộ phận không nhỏ đồng bào Khơ Me còn gặp nhiều khó khăn. Đây là một bức xúc, một nhiệm vụ trọng tâm mà tỉnh cần quan tâm chỉ đạo, tập trung giải quyết.

Ngay sau khi tái lập tỉnh, Tỉnh ủy đã có Nghị quyết số 01 bàn về việc làm chuyển biến kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khơ Me. Đồng thời, tỉnh đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện để đồng bào Khơ Me phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo với nhiều biện pháp cụ thể như : hỗ trợ vốn để người dân chuộc lại ruộng đất, phát động phong trào cho mượn ruộng đất, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tạo điều kiện để bà con thâm canh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng giống cây trồng, vật nuôi...

Riêng huyện Cầu Ngang đã xây dựng được 6 dự án cho 57 hộ nghèo vay vốn (trong đó có 29 hộ người Khơ Me) để chuộc lại 24,4 héc-ta đất, đã cho 950 hộ mượn đất với diện tích là 606 héc-ta (trong đó có 460 hộ người Khơ Me)... Sau nhiều năm kiên trì phấn đấu, đến nay ở Trà Vinh không còn hộ đói. Nhiều hộ người Khơ Me đã vươn lên làm chủ trang trại, thu nhập từ 50 - 60 triệu đồng/năm, cá biệt có hộ thu đạt từ 80 triệu đến hơn 100 triệu đồng/năm như gia đình ông Sơn Ngọc Quang, ông Thạch Thône (xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú).

Để giúp cho người nghèo ổn định cuộc sống, tỉnh chủ trương vận động các ngành, các cơ quan cùng nguồn vốn của tỉnh hỗ trợ cất nhà cho những hộ cực nghèo trong vùng dân tộc Khơ Me. Tỉnh đã thí điểm xây dựng gần 500 căn nhà và đã bàn giao cho các hộ sử dụng. Kết quả đó, được bà con Khơ Me rất phấn khởi. Việc làm tình nghĩa trên được đông đảo nhân dân trong tỉnh đồng tình. Hiện nay, chủ trương này được tỉnh tiếp tục thực hiện.

Cùng với phát triển kinh tế, đời sống văn hóa, tinh thần của đồng bào Khơ Me cũng luôn được tỉnh quan tâm.

Trước hết là lĩnh vực giáo dục : Toàn tỉnh hiện có 2 783 phòng học dành cho đồng bào Khơ Me ở vùng sâu, vùng xa, tăng gần 500 phòng học so với năm học 1992 - 1993. Năm học 2001 - 2002, tổng số học sinh Khơ Me đến trường là 68 457 em, bằng 30% tổng số học sinh của toàn tỉnh. Nếu như năm 1992, hơn 9 người Khơ Me mới có 1 người đi học, thì nay cứ 5 người có một người đến trường. Tỉnh hiện có 6 trường dân tộc nội trú dành cho con em người Khơ Me ở vùng sâu, vùng xa. Ngoài ra, tỉnh còn có 454 lớp với 15 179 học sinh theo học ngữ văn Khơ Me. Xã Tân Hiệp (huyện Trà Cú), năm học vừa qua có hơn 2 000 học sinh trong đó có hơn 1 500 học sinh là người Khơ Me. Trong 10 năm qua, tỉnh Trà Vinh đã có gần 800 học sinh người Khơ Me thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng.

Trà Vinh hiện có 141 chùa của đồng bào Khơ Me với hơn 3 400 sư sãi. Trong kháng chiến, nhiều chùa và sư sãi trong chùa đã tích cực ủng hộ, tham gia cách mạng. Sau khi thống nhất đất nước, quán triệt đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tỉnh đã có nhiều chủ

Digitized by Google

trương tiếp tục bảo đảm tự do tín ngưỡng của nhân dân theo Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, thông qua Mặt trận Tổ quốc các cấp, vận động các chùa, các chức sắc và tín đồ tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều chùa đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa và dạy song ngữ (tiếng Việt và tiếng Khơ Me) cho con em đồng bào Khơ Me. Nhiều nhà sư đã tích cực tham gia dạy học và hoạt động từ thiện... Tỉnh đã hỗ trợ kinh phí để khoan giếng đảm bảo nước sạch, xây dựng đường, điện, cấp ti-vi, ra-đi-ô và tài liệu, báo chí cho các chùa... Để tạo điều kiện nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng nguyện vọng của các nhà sư, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã phối hợp với Hội sư sãi yêu nước của tỉnh mở 2 lớp học lý luận chính trị cho 160 nhà sư. Tỉnh còn biên soạn tài liệu bằng tiếng Khơ Me, phục vụ cho việc nghiên cứu và truyền đạt nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đồng bào dân tộc. Các tài liệu trên được cung cấp xuống các chùa trong tỉnh. Nhiều chùa đã có phòng đọc, tạo điều kiện đáp ứng yêu cầu tìm hiểu và nâng cao nhận thức của nhân dân.

Để làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân, nhất là đồng bào Khơ Me ở vùng sâu, vùng xa, tỉnh yêu cầu và tạo điều kiện cho cán bộ người Kinh học tiếng Khơ Me, thực hiện "bốn cùng" : cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc, cùng sinh hoạt văn hóa với đồng bào. Vì vậy, công tác vận động nhân dân có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng, thúc đẩy lao động sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh ở cơ sở. Chỉ tính riêng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở khu dân cư, kết hợp với việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã có bước phát triển và đi vào chiều sâu. Toàn tỉnh có 44 911 hộ người Khơ Me đăng ký hưởng ứng, thực hiện cuộc vận động xây dựng "Gia đình văn hóa", trong đó đã có 39 761 hộ đã được công nhận, 378/724 ấp, khóm được công nhận là khóm, ấp văn hóa, trong đó có 111 ấp hầu hết là đồng bào Khơ Me. Riêng xã Tân Hiệp, qua phát động trong năm 2002 đã có 318 hộ đăng ký. Tính đến nay đã có 284 hộ được bình chọn, công nhận chính thức, 34 hộ được công nhận tạm thời nâng số hộ đạt tiêu chuẩn được công nhận là 1494/1871 hộ, 6/9 ấp được công nhận là hộ gia đình văn hóa, ấp văn hóa.

Cùng với việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, những năm qua, tỉnh đã quan tâm xây dựng quy hoạch đào tạo, bố trí cán bộ người Khơ Me trong các tổ chức chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Về tổ chức đảng có 301/721 chi bộ khóm, ấp ; 71/96 đảng bộ xã, phường ; 108/349 tổ chức đảng trong cơ quan doanh nghiệp có đảng viên người Khơ Me. Công tác phát triển đảng trong đồng bào Khơ Me cũng được đẩy mạnh. Đến nay, số đảng viên người Khơ Me chiếm 11,21% trong tổng số đảng viên của tỉnh.

Qua quá trình được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện trong thực tế, nhiều cán bộ, đảng viên người Khơ Me đã trưởng thành, được nhân dân tín nhiệm bầu vào nhiều cương vị lãnh đạo của các tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Hiện nay, có 507 đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp là người Khơ Me, chiếm 32,17% tổng số đại biểu, trong đó cấp ủy tỉnh có 4 đồng chí, huyện ủy có 17 đồng chí, đảng ủy viên cơ sở có 213 đồng chí... Thực tiễn cho thấy, dù ở cương vị công tác nào, cán bộ, đảng viên người Khơ Me cũng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, được nhân dân tín nhiệm.

Mười năm là một khoảng thời gian chưa dài, nhưng những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Trà Vinh đã đạt được là rất quan trọng. Nó tạo tiền đề cho Trà Vinh tiếp tục phát triển, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện trong thời gian tới, để cùng với cả nước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh như Nghị quyết của Đảng đã đề ra. ❑

Digitized by Google

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh HÀ TÂY

LÊ THỊ PHƯƠNG MAI *

HÀ Tây là một tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ, có nhiều thuận lợi, nằm bên khu tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Hạ Long - trung tâm kinh tế của miền Bắc. Mạng lưới giao thông của Hà Tây phát triển cả đường sắt, đường bộ, đường sông, nối liền với các tỉnh khác và rải đều trong tỉnh, tạo thành một hệ thống liên hoàn thuận tiện cho giao lưu giữa các cụm dân cư, các vùng kinh tế và các khu du lịch. Hà Tây có nhiều tiềm năng về du lịch, với rất nhiều danh thắng nổi tiếng, như "Thập bát tú sơn" ở Quốc Oai được gọi là vịnh "Hạ Long cạn" ; động Hương Tích lưu dấu tu hành của bà Chúa Ba, một động đẹp nhất trời Nam ; Suối Hai ; Ao Vua ; Đồng Mô - Ngải Sơn ; và quần thể các chùa như : chùa Thầy, chùa Tây Phương, chùa Trăm Gian, chùa Đậu, chùa Trầm... Hàng nghìn năm nay, Hà Tây nổi tiếng là "đất trăm nghề". Có thể nói, những điều kiện trên rất thuận lợi để Hà Tây phát triển kinh tế làng nghề, kinh tế du lịch, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Hà Tây đã có bước phát triển kinh tế khá : tăng trưởng kinh tế hằng năm trong giai đoạn 1996 - 2000 là 7,3%, năm 2002 là 9,8% ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực : tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 48,03% (năm 1995) xuống còn 35,9% (năm 2002) ; cũng trong thời kỳ này, tỷ trọng công nghiệp xây dựng tăng từ 25,3% lên 34,59% ; dịch vụ du lịch từ 26,3% lên 29,51%. Trong từng ngành kinh tế cũng có bước chuyển dịch đáng kể.

Về nông nghiệp, khu vực kinh tế nông - lâm - thủy sản đã chuyển dịch khá mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hóa với cơ cấu đa dạng, vừa khai thác lợi thế, tiềm năng của từng vùng sinh thái, tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả, vừa nâng cao sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dần từ trồng cây lương thực sang thâm canh các loại cây trồng khác gắn với đa dạng hóa con vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Nếu năm 1998 ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng 68,22% thì đến năm 2001 chỉ còn 63,49% ; với thời gian tương ứng, ngành chăn nuôi tăng tỷ trọng từ 29,82% lên 35,29% theo hướng "nạc hóa" đàn lợn, Sind hóa 44% đàn bò với chất lượng cao. Nhờ vậy, nên giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2002 tăng 7,4% so với năm trước.

Về công nghiệp, phát huy thế mạnh của mình, tỉnh tập trung đầu tư các công trình khuyến công, mở rộng các làng nghề ; nhất là khôi phục các ngành nghề truyền thống và phát triển thêm nghề mới. Hiện nay, Hà Tây có 900 làng có nghề, chiếm 56,26% tổng số làng của tỉnh, trong đó 106 làng nghề được công nhận là làng nghề truyền thống. Kinh tế làng nghề (như dệt, chế biến gỗ lâm sản, sản xuất giường, tủ, bàn ghế...) phát triển trở thành trụ cột cho ngành công nghiệp chế biến, góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn tỉnh Hà Tây. Ngành công nghiệp tiêu dùng không ngừng tăng. Nếu năm 1995 ngành sản

* Ngân hàng Công thương Hà Tây

Digitized by Google

xuất chế biến thực phẩm, đồ uống đạt tỷ trọng 23,2%, ngành sản xuất trang phục là 2% thì năm 2001 các tỷ trọng tương ứng là 34,79% và 6,54%, góp phần cung ứng cho thị trường tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Mặt khác, nhờ có chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, kinh tế ngoài quốc doanh đã có cơ hội phát triển và nâng cao tỷ trọng, đóng góp từ 54,46% (năm 1998) lên 56,61% (năm 2001) trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp.

Dịch vụ có bước phát triển và chuyển dịch khá với nhiều loại hình, mở rộng mạng lưới khắp trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất kinh doanh và đời sống. Nhìn chung, các lĩnh vực của ngành dịch vụ đều phát triển : tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng hàng năm từ 7,5% đến 12% ; khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa tăng đáng kể ; thương nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong nội bộ ngành dịch vụ (71% năm 2001) và tăng trưởng nhanh, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu cho sản xuất - kinh doanh và sinh hoạt. Năm 1996 ngành du lịch còn chiếm tỷ trọng nhỏ (5%), nhưng nhờ biết phát huy lợi thế năm 2000 giá trị ngành này tăng gấp 12,3 lần năm 1996 (1).

Cơ cấu kinh tế Hà Tây về cơ bản đã chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường : giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ ; nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, chuyên môn hóa, đa dạng hóa cây trồng và con vật nuôi cho năng suất cao ; công nghiệp tăng mạnh trong các ngành công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng ; kinh tế du lịch khởi sắc ; cơ sở hạ tầng được củng cố một bước quan trọng; kinh tế làng nghề được chú trọng phát triển. Song, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Hà Tây vẫn chưa ngang tầm với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, chưa hình thành được những ngành kinh tế mũi nhọn, các khu công nghiệp với công nghệ cao..., chưa có sự hướng dẫn đồng bộ của tỉnh và các cơ quan chức năng. Để tiếp tục khai thác tốt tiềm năng của tỉnh trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau :

***Thứ nhất**, xây dựng quy hoạch cụ thể, chi tiết cho từng ngành, từng vùng*

Xuất phát từ quy hoạch tổng thể, các cơ quan quản lý, các ngành cần cân đối lại các quỹ "đầu vào" của sản xuất - kinh doanh để xây dựng quy hoạch từng ngành, từng vùng cụ thể, phân chia từng thời kỳ hợp lý trong định hướng lâu dài. Quy hoạch ngành cũng phải chỉ ra được mức tăng trưởng của ngành, tập trung ở vùng nào ?, vấn đề "đầu ra" của sản phẩm, vấn đề vốn, kỹ thuật công nghệ. Tất cả phải được cân đối một cách chính xác, cụ thể và phù hợp với quy hoạch tổng thể. Quy hoạch tổng thể chỉ có giá trị hiện thực khi các quy hoạch này ăn khớp với nhau. Hơn nữa, quy hoạch ngành, vùng sẽ là cơ sở cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý có sự phối hợp để cùng hướng dẫn nền kinh tế đi theo quỹ đạo phù hợp nhất, ngắn nhất, đem lại hiệu quả cao nhất. Hiện nay, quy hoạch tổng thể của tỉnh đến năm 2010 có những điểm còn chưa sát với thực tế, vì chưa có đầy đủ quy hoạch của các ngành, vùng cụ thể hoặc có nhưng không cụ thể, tỷ mỷ. Ví dụ như, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm đang cần được quan tâm củng cố và phát triển để đáp ứng việc chế biến gạo, rau, lợn... Trong khi xuất khẩu tăng rất nhiều so với năm 2000, thì quy hoạch tổng thể lại đề ra mức tăng trưởng cho ngành thấp hơn những năm 1995 - 2000. Như vậy, để xuất khẩu được những mặt hàng này cả tại chỗ cho khách du lịch và xuất ra nước ngoài, Hà Tây lại phải đem sản phẩm tươi sống đi các tỉnh khác để chế biến, và sau đó, lại quay về phục vụ ở Hà Tây. Hướng chuyển dịch này vừa không phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường, vừa mâu thuẫn giữa việc phát triển của các ngành kinh tế, không tạo thành một sự phát triển hài hòa, hợp lý giữa ngành công nghiệp và nông

(1) Theo *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tây* 1996 - 2001

Digitized by Google

nghiệp. Hoặc, ví dụ khác là đối với công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Những năm tới, để phát triển ngành du lịch thành ngành kinh tế chủ yếu, sẽ phải xây dựng nhiều cơ sở vật chất (như nhà cửa, khách sạn, nhà hàng) ; hoặc để chuẩn bị xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp cần đến rất nhiều vật liệu xây dựng. Hà Tây lại có tiềm năng về mặt này bởi ở Xuân Mai có núi đá, Mỹ Đức có núi đá vôi với trữ lượng lớn có thể khai thác trong nhiều năm. Vật liệu xây dựng của Hà Tây không chỉ cung cấp trong tỉnh mà còn có thể phục vụ cho thị trường Hà Nội ở kề cận và một số tỉnh bạn. Nhưng, quy hoạch tổng thể lại định hướng ngành này có mức tăng chỉ bằng 65% những năm 1995 - 2000. Như thế, để đầu tư phát triển cho ngành du lịch, công nghiệp Hà Tây phải lấy vật liệu xây dựng của tỉnh khác trong khi Hà Tây lại có sẵn.

***Thứ hai**, mở rộng và phát triển thị trường, thúc đẩy việc tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm của tỉnh*

Để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Hà Tây, cần có các nhân tố kích thích. Một trong những nhân tố quan trọng đó là thị trường. Để mở rộng và phát triển thị trường cần :

- *Nâng cao khả năng dự báo thị trường.* Muốn công tác dự báo chính xác, phải có thông tin chính xác và cung cấp đến từng hộ gia đình, cá nhân để người nông dân bố trí đầu tư thích hợp các loại cây, con, ngành nghề. Ngành công nghiệp và du lịch dịch vụ của tỉnh phải mở các trung tâm để tuyên truyền, quảng bá sản phẩm ra toàn quốc và nước ngoài ; mở và tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh để quảng cáo sản phẩm làng nghề và du lịch. Qua đó, tìm hiểu nhu cầu của thị trường và có những dự báo thị trường chính xác nhằm tìm được thị trường trước khi sản xuất chứ không phải sản xuất xong mới tìm thị trường tiêu thụ.

- *Tăng cường sức mua của nông dân.* Hà Tây có tới 80% dân số ở nông thôn với sức mua thấp. Sức mua của thị trường phụ thuộc vào thu nhập, giá cả hàng hóa và điều kiện phục vụ. Muốn tăng sức mua thị trường nông thôn, phải giảm thuế và các khoản đóng góp cho nông dân, tạo ra những sản phẩm phù hợp, có chất lượng, được người tiêu dùng ưa chuộng, ngày càng có nhiều sản phẩm qua công nghiệp chế biến, giá cả nông sản phẩm hợp lý với nhiều đối tượng tiêu dùng ; nâng cao thu nhập của người nông dân thông qua việc kết hợp với phát triển kinh tế làng nghề để sử dụng triệt để thời gian nông nhàn ; phát triển hệ thống phân phối sản phẩm và ma-ket-ting đảm bảo đưa hàng hóa đến thị trường kịp thời với chi phí hợp lý.

- *Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động tiêu thụ nông sản hàng hóa.* Để sản phẩm của người nông dân sản xuất ra tiêu thụ hết với giá ổn định có lợi cho nông dân, cần sớm hình thành hệ thống tổ chức tiêu thụ sản phẩm. Các ngành của địa phương có trách nhiệm tìm kiếm thị trường, nhất là thị trường xuất nhập khẩu ổn định, vững chắc và tổ chức tiêu thụ nông sản cho nông dân. Cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của thương nghiệp nhà nước. Tổ chức và khuyến khích các cửa hàng kinh doanh tổng hợp và chuyên doanh ở các cụm dân cư, thị tứ, chợ, cung ứng và tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh. Đồng thời, khuyến khích các thành phần kinh tế nhằm sớm xây dựng trung tâm thương mại tỉnh, tạo ra nơi trao đổi, buôn bán hàng hóa sôi động, thu hút khách hàng trong và ngoài tỉnh, cũng như khách hàng nước ngoài.

- *Hoàn thiện các chính sách thương mại trên địa bàn nông thôn.* Trước mắt, đổi mới chính sách hỗ trợ hàng nông sản, các phương pháp hỗ trợ gián tiếp (hỗ trợ vốn, thuế, lãi suất, giá, giúp tìm kiếm thị trường) nhất là chính sách thu mua nông sản phải hợp lý, mềm dẻo, giúp đỡ được nông dân, tránh sự ép giá. Kích thích tăng cầu của nông dân thông qua phương thức mua hàng trả góp, trả chậm, đổi hàng. Có chính sách đào tạo cán bộ, nhân viên làm công tác thương mại ở nông thôn.

Digitized by Google

***Thứ ba**, hoàn thiện hệ thống chính sách thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế như chính sách đầu tư, khoa học - công nghệ, đất đai...*

Về chính sách đầu tư, Hà Tây là tỉnh có tích lũy nội bộ trong nền kinh tế thấp, ngân sách luôn bội chi. Để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, vốn là điều kiện tiên quyết nhưng nếu chỉ dựa vào khả năng của tỉnh sẽ không đủ vốn để đáp ứng nhu cầu. Vì vậy, tỉnh cần thu hút vốn bằng những chính sách khuyến khích đầu tư đúng đắn về môi trường đầu tư, thuế, an toàn vốn đầu tư... để hút vốn thông qua các kênh như đầu tư trực tiếp của nước ngoài, đầu tư qua liên doanh giữa trong nước và nước ngoài, đầu tư của các doanh nghiệp trong tỉnh, đầu tư gián tiếp thông qua con đường tín dụng của các ngân hàng thương mại trong tỉnh.

Về chính sách khoa học - công nghệ, Hà Tây cần thu hút các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến bằng cách có chính sách khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ phù hợp với sản xuất của tỉnh và trích lập các nguồn để sử dụng vào việc nghiên cứu áp dụng những kết quả khoa học đem lại hiệu quả cao.

Về chính sách đất đai, Hà Tây đã có những văn bản hướng dẫn về sử dụng đất đai nhưng đến nay vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại như cấp giấy phép sử dụng đất ở, đất canh tác... còn quá chậm, xử lý đền bù giải phóng mặt bằng còn lúng túng, làm chậm tiến trình hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, làng nghề, du lịch. Để đất đai phát huy hiệu quả cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tỉnh cần căn cứ vào ngành nghề, vùng có điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội, xác lập quy mô tập trung giao đất phát triển làng nghề, du lịch. Đồng thời có các chính sách động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho các khu công nghiệp, làng nghề, cụm du lịch phát triển.

***Thứ tư**, có những giải pháp đúng đắn về nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực là một trong ba nhân tố quan trọng nhất của "đầu vào" sản xuất, là chủ thể tác động vào khách thể làm cho nền kinh tế thay đổi. Vì thế, để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, điều cần thiết là phải nâng cao trình độ và phẩm chất đạo đức của nguồn nhân lực, nhất là của những người làm công tác quản lý. Để làm được điều này phải xây dựng được tiêu chuẩn con người cho từng công việc. Cán bộ quản lý điều hành phải là người nắm vững mọi chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh trong từng thời kỳ phát triển kinh tế, nắm chắc định hướng phát triển của từng ngành ; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tổng hợp, phân tích tình hình, kinh nghiệm thực tế, thích ứng với công nghệ hiện đại ; có kiến thức cơ bản về pháp luật, khoa học tâm lý, thông tin, ngoại ngữ ; có phẩm chất đạo đức, uy tín để tập hợp được mọi người phát huy sức mạnh của tập thể. Ngoài ra, nên đặt ra những yêu cầu cụ thể về trình độ của những người đứng đầu các doanh nghiệp, vì họ có vai trò trực tiếp trong phát triển kinh tế. Khi đã có những tiêu chí, cần thường xuyên tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ trên cơ sở nắm bắt thực trạng trình độ cán bộ, so sánh với yêu cầu thực tiễn. Nên phân loại cán bộ để có những hướng đào tạo và sử dụng cho phù hợp. Đối với cán bộ trẻ có năng lực, nên cho đi học tập trung tại các trường, trung tâm để đào tạo cơ bản như đại học, trên đại học. Đối với cán bộ cao tuổi, nên đào tạo theo các lớp ngắn ngày bằng nhiều hình thức. Đồng thời với những việc làm trên, tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các trung tâm xúc tiến việc làm để giải quyết đội ngũ lao động dôi dư ở nông thôn và làm cho họ đóng góp sức mình vào phát triển kinh tế của quê nhà.

Hà Tây là tỉnh có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Song, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Hà Tây nhanh hay chậm lại phụ thuộc rất cơ bản vào sự định hướng và chỉ đạo của tỉnh thông qua quy hoạch, kế hoạch và hệ thống các chính sách cụ thể, đồng bộ. ❑

Digitized by Google

LỄ HỘI VỚI MÙA XUÂN

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG *

NHỮNG ngày lễ hội ở Việt Nam trải đều trong năm, nhưng thường tập trung nhiều vào mùa xuân. Trong tiết xuân ấm áp, nơi nơi theo lịch "vào đám". Lễ hội làng quê dịp xuân sang, *hình thành những giá trị cố kết nhân tâm, giáo dục truyền thống, đạo đức lối sống, thuần phong mĩ tục, sáng tạo ra những hình thức văn hóa.*

Lễ Tế giao - cày ruộng tịch điền và thờ cúng tổ tiên

Tế giao - cày ruộng tịch điền là một trong những nghi lễ của Nho giáo. Lễ Tế giao xuất hiện ở nước ta từ thời Lý. Sử cũ cho biết, đàn Nam Giao được vua Lý cho xây dựng ở phía Nam kinh thành Thăng Long vào năm 1153. Nhà Trần, nhà Lê tiếp tục tu bổ đàn Nam Giao để tế lễ. Lễ Tế giao (Tế Trời) được tổ chức vào mùa xuân và được xem như một trong những bổn phận cũng như quyền tối ưu của phẩm giá nhà vua.

Thừa sai Đắc Lộ (De Rhodes) đến Thăng Long từ năm 1627 đến năm 1630 có ghi chép về Tế giao của nhà Lê. Trong từ điển của ông, người ta thấy có cụm từ *Vua ra giao* và được ông giải thích : một thứ nghi lễ mà vua Đông kinh thường gọi là Vbua, đầu năm xuất hành rất long trọng ra giữa đồng để thờ trời, rồi sau đó tra tay cày ruộng. Đắc Lộ mô tả lễ Tế Giao ở Thăng Long là : vua đi qua thành phố ra ngoài đồng ruộng mênh mông. Vua xuống ngai, đầu tiên tế Trời nghiêm trang, rồi đến cầm cày trang trí rất nghệ thuật và sang trọng bắt đầu cày vài luống đất (1).

Việc cày ruộng tịch điền thực ra đã có từ thời Tiền Lê. Sử ghi : Đinh Hợi, năm thứ 8 (987)... Mùa xuân, vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở núi Đọi (Thanh Liêm - Hà Nam bây giờ) được một chĩnh nhỏ vàng, lại cày ở núi Bàn - hải, được một chĩnh nhỏ bạc, vì thế đặt tên là ruộng Kim ngân (2).

Thời Lý, việc cày ruộng tịch điền được tiếp tục duy trì, người thực hiện nghi lễ này không ai khác chính là nhà vua. Sử ghi : "tháng 4, ngày mồng 1 (1032), vua ngự đến Tín - hương ở Đỗ - động giang cày ruộng tịch điền ; nông dân dâng một cây lúa chiêm có 9 bông thóc. Xuống chiếu đổi ruộng ấy làm ruộng Ứng - thiên" (3). Cũng bắt đầu từ thời Lý, dần dần nghi lễ cày ruộng tịch điền được gắn với nghi lễ Tế Giao. Nghi lễ Tế giao từ đây có ba nội dung : Tế Trời - Khai Đất (cày ruộng) và Chúc Tết đầu năm.

Ở một đất nước nông nghiệp, gắn Tế Trời với Khai Đất là việc làm vừa mang ý nghĩa linh thiêng, vừa mang ý nghĩa trần thế. Đó là việc coi trọng nông nghiệp, khuyến khích thần dân trăm họ chăm lo sản xuất. Nghi lễ được tiến hành vào mùa xuân, mùa của phồn thực, khai hoa, ý nghĩa càng tăng lên gấp bội.

Thờ cúng Tổ tiên (tế Tổ) là một tín ngưỡng được hình thành rất sớm ở người Việt cổ. Sau này, Nho giáo vào Việt Nam góp phần hoàn thiện, điển chế, biến nó thành đạo - Đạo thờ *Tổ tiên* hay *Đạo Hiếu*. Thờ cúng Tổ tiên được thực hiện qua việc cúng giỗ người qua đời,

---

* TS, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia.

(1) *Những người bạn cố đô Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, t1, tr 93-94

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, t1, tr 171

(3) *Sđd*, t1, tr 209

Digitized by Google

dịp ngày Rằm, mồng Một hàng tháng âm lịch. Song, thờ cúng Tổ tiên còn được gắn với Tết đầu xuân - năm mới.

Đón tết mừng xuân với người Việt về tâm linh, trước hết, là *Thờ cúng Tổ tiên*. Trưa hoặc chiều ngày ba mươi tháng chạp, mỗi gia đình đều tổ chức *lễ cúng tất niên*. Bàn thờ Tổ tiên là trung tâm thu hút tâm linh mỗi thành viên trong gia đình. Chủ gia đình quần áo tề chỉnh, đọc lời khấn ông bà Tổ tiên về vui hưởng. Chủ gia đình cũng nhân dịp báo cáo với ông bà Tổ tiên những gì gia đình đạt được trong năm : xây, sửa ngôi nhà ; con cháu học hành tiến tới ; thêm con, thêm cháu trong gia đình. Trong bữa cơm tất niên, các thành viên trong gia đình thường "ăn cơm mới, nói chuyện cũ", ôn lại thuở hàn vi, nhắc lại đức hạnh, công lao của ông bà Tổ tiên, ngầm nhắc nhở con cháu sống sao cho xứng đáng.

Đón xuân mới là dịp mỗi người thực hiện nghĩa vụ với gia đình theo nếp : *Mồng một thì ở nhà cha ; mồng hai nhà mẹ ; mồng ba nhà thày*. Nhà cha là bên nội, nhà mẹ là bên ngoại, nhà thày là thày dạy (dạy chữ, dạy nghề, kể cả thày thuốc). Đêm giao thừa, thường thì mỗi gia đình đều có người đại diện đến nhà thờ họ tộc tham dự lễ tế họ tộc. Vào dịp tiết Thanh minh của mùa xuân, có tục đi tảo mộ. Người Việt còn thờ cúng Tổ họ tộc, Tổ nghề và Tổ làng. Việc tưởng niệm Tổ nghề, Tổ làng thường diễn ra dịp mùa xuân càng làm cho tôn giáo, tín ngưỡng gắn bó với mùa xuân dân tộc.

Từ quan niệm thờ Tổ tiên (theo họ tộc - dòng máu) cư dân Việt trong quá trình dựng nước, giữ nước, nhằm thắt chặt thêm mối đoàn kết cộng đồng đã mở rộng khái niệm Tổ tiên lên thành Tổ Nước. Quan niệm được đưa ra là tất cả con em dân tộc Việt do một tổ sinh ra đó là Hùng Vương. Và, giỗ Tổ Hùng Vương cũng diễn ra vào mùa xuân :

"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba"

Trong linh khí của mùa xuân hàng triệu con em dân Việt từ trăm miền nô nức trảy về mảnh đất thiêng - núi Hy Cương - Lâm Thao - Phú Thọ, nơi cội nguồn để dự Quốc giỗ.

Lễ hội mùa xuân của các tôn giáo, tín ngưỡng

Lễ hội tôn giáo trải thời gian, trở thành lễ hội làng và được tổ chức vào mùa xuân. Làng Việt là đơn vị hạt nhân của quốc gia theo chiều *làng - nước*. Làng Việt có lịch sử ra đời và tồn tại từ lâu. Mỗi làng như một lãnh thổ riêng với hoạt động kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù. Các hoạt động trên của làng xã truyền thống Việt Nam ít nhiều chịu sự tác động của các tôn giáo truyền thống như Phật, Lão, Nho, tín ngưỡng Thành hoàng, đạo Mẫu, sau này là Công giáo, nửa đầu Thế kỷ XX còn là Cao Đài, Hòa Hảo.

Có thể nói, hầu hết cư dân Việt hoặc theo Phật giáo hoặc chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Mỗi làng Việt xưa thường có một ngôi chùa với quan niệm "đất vua, chùa làng". Vì vậy, Phật giáo chứa đựng một "hàm lượng" lớn trong tâm linh cư dân Việt. Đó là nguyên nhân dẫn đến việc đồng nhất hội chùa với hội làng, dù trong làng có người là tín đồ của Khổng giáo, Đạo giáo, Công giáo hoặc không phải là tín đồ của tôn giáo nào.

Phần nhiều làng Việt cổ truyền, ngoài đình, chùa còn có đền, miếu, phủ... có thể thờ mẫu, thờ các nhân vật lịch sử được thần linh hóa. Vì thế, việc cúng tế, tưởng niệm các nhân vật lịch sử được thần linh hóa đều trở thành lễ hội của làng. Sở dĩ như thế là bởi tính khoan dung tôn giáo, bởi quan niệm tam giáo đồng nguyên được hình thành lâu đời trong tâm linh cư dân Việt.

Thế kỷ XVII, Công giáo cắm rễ ở Việt Nam và dần dần hình thành *Làng Công giáo*. Làng Công giáo là loại hình làng Việt vừa mang những đặc điểm chung của làng Việt truyền thống, lại vừa chứa đựng những đặc trưng riêng do đạo Công giáo qui định. Một số ngày lễ được tổ chức ở xứ họ đạo, Làng Công giáo có các lễ hội như lễ thánh quan thày, lễ thánh tử đạo, tuần chầu lượt...

Ở Nam Bộ, khi đạo Cao Đài và đạo Hòa Hảo xuất hiện, thì loại hình Làng Cao Đài và

Digitized by Google

Làng Hòa Hảo ra đời. Một số lễ hội của hai tôn giáo trên dần dần trở thành lễ hội của làng.

Lễ hội tôn giáo - lễ hội làng thường được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu (xuân - thu nhị kỳ), nhưng lễ hội mùa xuân giữ vai trò chủ đạo. Các làng Việt truyền thống đều có lễ hội mùa xuân. Trong dân gian còn lưu truyền nhiều câu ca về lễ hội mùa xuân :

"Tháng Giêng giỗ Thánh Sóc Sơn
Tháng Ba giỗ Tổ Hùng Vương nhớ về..."
"Có về xem hội Hạ Lôi
Tháng Giêng mồng sáu cho tôi đi cùng..."
"Hội làng Phú Mỹ, Kiều Mai
Tháng Giêng em đến, tháng Hai chị về".
V.v..

Sáng tạo ra những hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần là một trong những giá trị đặc sắc của lễ hội mùa xuân. Được tổ chức vào mùa xuân, các hình thức diễn xướng, các trò chơi trong hội làng đã làm cho mùa xuân - Đất Việt từ Bắc đến Nam rộn ràng, trẻ trung với một sức sống mới, khởi đầu cho một năm với những khát vọng, chờ mong. Các lễ hội ngoài nghi thức *lễ* là phần *hội* với các hình thức *hát, hò, trò, tích*. Hình thức diễn xướng trong lễ hội làng rất đa dạng, phong phú, bao gồm:

Rước : như rước sinh thực khí, rước lúa thần, rước rồng lửa.

Thi : thổi xôi, nấu cơm, làm cỗ chay, làm bánh, nấu rượu, cỗ cá... đó là những hình thức nấu nướng từ những sản phẩm nông nghiệp. Thi nấu cơm bao gồm nhiều công đoạn : kéo lửa, múc nước, vo gạo, đun bằng bã mía. Có thể là giã gạo, dần, sàng hoặc vừa đi vừa nấu. Những trò thi trên nhằm rèn luyện sự khéo léo, nhanh nhẹn.

Thi các trò như : bắt vịt, đấu vật, đánh gậy, múa roi, thi chạy, đánh cờ, chèo thuyền, múa kiếm, đi quyền, cướp cầu, đá cầu, cờ người, kéo co, hất phết, thi thả diều sáo... thể hiện sức khỏe, tài trí của dân làng. Thi chọi gà, chọi trâu, thả chim không chỉ nhằm khuyến khích cư dân chăn nuôi mà còn huấn luyện gia súc, gia cầm. Thi dệt vải (hoặc vừa dệt vải vừa hát), thi làm nón, thi đúc đồng là những hình thức thi trong lễ hội làng nghề, nhằm khuyến khích cư dân nâng cao tay nghề, rèn luyện sự tinh xảo.

Trong lễ hội làng có nhiều hình thức múa, hát như : múa trống, múa trắc, múa sênh tiền, múa mặt nạ đầu chim, đầu gà, múa lân, múa bài bông, múa đèn, múa tứ linh, múa đầu rối, múa hát chèo cạn, múa giáo cờ, giáo quạt, múa kiếm, múa gậy, múa chà cạn, chà sâu ; hát trải thờ, hát quan họ, hát ả đào, hát trống quân, hát chầu văn, hát ca trù, hát chèo cạn, hát ca công, hát xoan, hát bội.

Ngoài ra, trong lễ hội còn có những trò chơi như : chơi đu, kéo chữ hoặc các hình thức diễn xướng mô tả những việc làm đương thời của thần. Các hình thức diễn xướng trong lễ hội làng là sản phẩm văn hóa cộng đồng, quần chúng sáng tạo, chỉnh lý, nâng cao hoàn thiện theo thời gian. Lễ hội làng, vì vậy, góp phần quan trọng tạo nên văn hóa làng, văn hóa liên làng (vùng) văn hóa siêu làng (quốc gia) ; góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Các hình thức diễn xướng trong lễ hội làng đã và đang là "tài liệu gốc" cho những sáng tạo văn hóa - nghệ thuật mới.

Trong xã hội phong kiến, thân phận người nông dân thật thấp kém. Họ chỉ biết quanh năm làm lụng, "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời", đầu tắt, mặt tối. Lễ hội mùa xuân diễn ra, khi công việc nông tang đã tạm ổn, là dịp họ nghỉ ngơi, vui chơi và cũng là dịp để thăng hoa. Những con người làng quê ấy chỉ đến hội làng mới có môi trường, mới có điều kiện để thể hiện mình. Trong lễ hội : *Trai đua mạnh, gái đua mềm*, cá nhân mỗi con người mới được bộc lộ, được khẳng định trước cộng đồng.

Lễ hội tạo điều kiện cho con người hưởng thụ văn hóa tinh thần do chính họ, người thân hay chòm xóm sáng tạo, thể hiện. Ở trò, tục này họ là người diễn xướng nhưng ở trò, tục kia họ là khán giả. Mùa hội xuân năm nay họ là "nghệ sĩ"diễn xướng nhưng mùa hội xuân năm sau có thể một người trẻ hơn, khéo léo hơn thay họ.

Digitized by Google

Vậy là, giữa "nghệ sĩ" và khán giả không có sự phân biệt.

Lễ hội tạo sự hài hòa giữa người với người. Nam thanh, nữ tú đến lễ hội tham dự hát giao duyên, tự do luyến ái. Phải chăng hò, hát giao duyên đã là nguyên nhân ra đời những bài ca dao về tình yêu đôi lứa. Nhưng hơn tất cả, vượt lên trên những cấm đoán ngặt nghèo của quan niệm Nho giáo, qua hội làng mùa xuân nhiều đôi nam - nữ có dịp tìm hiểu, tỏ bày để rồi nên vợ, nên chồng. Lễ hội không chỉ cầu phồn thực mùa màng mà còn cầu phồn thực con người, bởi con người là chủ trời đất. Hội làng vì vậy mang tính nhân bản đích thực.

Lễ hội mùa xuân tạo sự hòa hợp giữa con người với môi trường thiên nhiên. Đến với lễ hội là đến với không gian thiêng. Ở đó, ngoài cơ sở thờ tự với những pho tượng, đồ thờ, nghi tượng là cỏ cây hoa lá. Trong không gian lễ hội, con người được dịp thả hồn với cỏ cây hoa lá, với mùa xuân xum xuê lá non, lộc biếc, lấy lại sự cân bằng, sự thanh thản, tạm quên đi những mệt nhọc, lam lũ ngày thường.

*

* *

Từ khi có Đảng, nhất là từ khi công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, lễ hội không ngừng được khôi phục. Những giá trị tốt đẹp của lễ hội được khơi dậy, một mảng hồn dân tộc bừng lên sức sống mới. Song, lễ hội cũng đã và đang bộc lộ những mặt trái cần chỉ ra và phê phán.

Lễ hội trực tiếp hay gián tiếp nảy sinh những hủ tục, đó là nạn buôn thần, bán thánh, đồng bóng, bói toán. Một số lễ hội kéo dài ngày gây lãng phí sức người, sức của. Nhiều trò chơi hiện đại được đưa vào lễ hội lấn át trò chơi truyền thống. Không ít người quan niệm lễ hội là dịp kinh doanh, thu lời nên tìm mọi cách "chặt đẹp" túi tiền của "thiện nam, tín nữ". Đã thấy những tệ nạn cờ bạc, tiêm chích, và cả "gái bán hoa" đến hành nghề ở một số lễ hội. Lễ hội mùa xuân nhiều nơi làm hủy hoại môi trường sinh thái. Lẽ ra cây cỏ mùa xuân phải được nâng niu bảo vệ, nhưng người ta mặc sức dẫm đạp, tàn phá.

Củng cố, duy trì phát triển lễ hội mùa xuân trong thời đại mới hiện đang còn nhiều vấn đề đặt ra. Mục đích mà lễ hội hướng tới là phải luôn trong sáng, lành mạnh, duy trì được bản sắc văn hóa dân tộc góp phần vào sự phát triển xã hội.

Trong *Quy chế tổ chức lễ hội*, tại Điều 2 xác định nội dung của lễ hội như sau :

1- Tưởng nhớ công đức các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, các liệt sĩ, các bậc tiền bối đã có công xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

3- Đáp ứng nhu cầu văn hóa, tín ngưỡng, tham quan các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan thiên nhiên và các nhu cầu chính đáng khác của nhân dân (4).

Củng cố, duy trì lễ hội cũng chính là góp phần xây dựng môi trường văn hóa mà Nghị quyết 5 của Trung ương khóa VIII chỉ rõ : "Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân" (5).

Lễ hội mùa xuân với sức sống mãnh liệt, với sự lôi cuốn lạ kỳ, với những giá trị văn hóa đặc sắc của nó, chắc chắn, sẽ trường tồn cùng tâm thức người Việt. Gạt bỏ những hạn chế, những tiêu cực của lễ hội, tôn vinh và phát huy những giá trị văn hóa nhân bản đích thực của nó là một việc làm thiết thực góp phần tạo lập hành trang văn hóa dân tộc để chúng ta chủ động hội nhập thế giới đầu thế kỷ XXI.❑

---

(4) Bộ Văn hóa - Thông tin : *Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về việc ban hành Quy chế Tổ chức lễ hội*

(5) *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 59-60

Digitized by Google

Đi theo ánh lửa từ trái tim mình

PHƯƠNG NHUNG

CHÚNG tôi, năm "chàng" cựu binh cùng một quân đoàn, có cái lệ là cứ đến ngày Táo quân về trời 23 tháng Chạp, thì cả bọn lại tập trung về nhà thủ trưởng cũ, để làm vài chén cay nhớ về những ngày tháng hào hùng mà cũng đầy cơ cực thời chiến tranh.

Năm nay cũng vậy. Chúng tôi tụ về trong căn nhà khang trang của anh Kiên - trung đoàn trưởng - anh cả của toàn nhóm. Sau những chuyện vui buồn quá khứ và nhớ về những người bạn đã khuất, câu chuyện chuyển sang chủ đề hiện tại và tương lai. Hoàng, anh chàng hay chuyện nhất hội, giám đốc một công ty kinh doanh, khơi ngòi câu chuyện bằng một giọng rất trầm tư :

- Mới ngày nào tụi mình ra quân, nhí nha nhí nhố kéo nhau về thăm, rồi dự đám cưới của anh Kiên và chị Hằng, vậy mà bây giờ tóc đã điểm bạc cả rồi. Hình như đã có một sức ỳ nào đó bắt đầu cản trở mình trong công việc. Những cái mà mới cách đây mấy năm thôi, mình xử lý cái rụp, ngon ơ, thì bây giờ cứ thận trọng, nâng lên, hạ xuống, không quyết được ngay. Tại sao vậy, có phải tại thằng Hoàng trong con người mình đã già rồi không ?.

Hoàng kết thúc tâm sự của mình bằng một câu hỏi cùng cái nhún vai quen thuộc, rồi ngồi im như chờ cho câu hỏi của mình thấm vào mọi người.

Hoàng và chúng tôi đã già rồi ư ?. Ngoài anh Kiên đã hơn 60 tuổi, còn cả bọn tôi, bọn "chíp hôi" ngày mới nhập ngũ, bây giờ đều ở tuổi xấp xỉ 50 - tuổi tri thiên mệnh, dù không còn trẻ, song chưa thể gọi là già. Tôi đang băn khoăn với cái sự "già, chưa già", thì Tiến hắng giọng :

- Hoàng này ! Cậu đừng buồn làm gì, chúng mình đã từng xông pha trận mạc, đánh giặc chẳng thua gì các bậc tiền bối, hòa bình về, lao vào công cuộc đổi mới, làm ăn cũng khá đấy chứ. Cậu cũng thế, bọn mình cũng vậy. Bây giờ, nhân ngày xuân, uống một chút chúc mừng sức khỏe và may mắn đi !

Tiếng cụng ly phá vỡ nỗi buồn mà Hoàng vừa nhen nhúm. Mỗi người một câu, chuyện lại rộ lên, dường như tình bạn và không khí nồng ấm của ngày xuân làm vợi đi những vất vả, toan tính, ưu tư đời thường. Là người cả nghĩ, tôi vẫn ngồi uống với bạn bè, nhưng không tài nào rứt nổi câu hỏi của Hoàng ra khỏi đầu.

Ngoài xa, tiếng gà gáy trưa le te. Bên kia hàng rào dâm bụt, tiếng mấy chị, mấy bà ra dáng đi Hà Nội sắm Tết, giục nhau í ới, họ sợ lỡ chuyến xe về Thành.

Anh Kiên, nhẹ nhàng đặt chén rượu xuống bàn, rồi khẽ khàng :

- Chú Hoàng có nói chuyện già và sức ỳ trong con người, lại vừa nghe mấy bà giục nhau, sợ nhỡ xe, anh chợt thoáng suy tưởng thế này. Anh về hưu đã ba

Digitized by Google

năm nay. Tất cả những chiến tích ngoài mặt trận và công lao xây dựng quê hương khi anh còn là giám đốc nhà máy xi-măng của tỉnh, đã lui lại phía sau cả rồi. Đó là những cái gì rất đẹp của thế kỷ XX. Dù đẹp, dù là hào quang đi chăng nữa thì nó cũng là của thế kỷ cũ, đã lùi vào dĩ vãng. Bây giờ về hưu, nhẽ ra anh có thể an nhàn chơi cây, nuôi chim, ngồi nhâm nhi chút vinh quang của thời trai trẻ và... đuổi gà cho vợ. Nhưng, anh lại nghĩ khác.

Anh Kiên dừng đoạn tự sự, nhấp chén rượu, rồi tiếp tục bằng một cái khoát tay về phía khu vườn trại của mình.

- Các chú xem đấy, mấy trăm gốc vải thiều, ao cá và bể nuôi ba ba, suốt mấy năm nay anh cố công gây dựng. Ngay từ khi còn đi làm, anh đã vạch kế hoạch xây dựng trang trại và bắt tay thực hiện, kế hoạch hậu chiến mà. Anh muốn mình phải có ích cho xã hội ngay cả khi đã về hưu, hay chí ít thì cũng có ích cho gia đình mình, cho người thân của mình, và anh cũng giống như mấy bà hàng xóm, không muốn để mình bị nhỡ chuyến xe, mà đây lại là chuyến xe vào thế kỷ mới.

Theo anh suy ngẫm thì cái sự già của con người không hoàn toàn phụ thuộc vào tuổi tác. Có chẳng ít người cao tuổi, mà vẫn rất trẻ trung, tính tình thoáng đạt, hăng hái và có ý chí trong công việc, nhưng cũng lắm anh chàng ít tuổi mà đã như ông cụ non, toan tính thái quá cho bản thân, thích quyền hành, nhưng lại sợ trách nhiệm, trông lúc nào cũng lọ mọ.

Chú Hoàng buồn vì cho rằng mình đã già. Anh nghĩ, có lẽ vì chú quá căng thẳng trong công việc nên ngờ vậy thôi. Bây giờ kinh doanh khác nhiều so với trước đây, hệ thống pháp lý ngày càng chuẩn hơn, do đó chú phải thận trọng hơn, chuẩn mực hơn. Việc chú nâng lên hạ xuống rồi mới dám quyết, âu cũng là nhẽ thường tình. Cái chính là trong chú, ngọn lửa của tuổi thanh xuân có còn rực cháy, chú có còn "đi theo ánh lửa từ trái tim mình" nữa hay không ?, đó mới là điều quan trọng.

Ta có đi theo ánh lửa từ trái tim mình, ta có còn chăng thời thanh niên sôi nổi, liệu ta có bị nhỡ chuyến xe vào thế kỷ mới ?. Tôi đang chìm đắm trong dòng suy tư, thì một âm hưởng trầm hùng dần dần lan tỏa trong căn phòng. Sơn và Tiến đã cất tiếng hát bài "Bước chân trên dải Trường Sơn"(1). Cả mấy anh em chúng tôi và chị Hằng cùng im lặng, lắng nghe, gian phòng tràn đầy giai điệu của bài hát mang hào khí của một thời thanh xuân. Và, rồi cao trào của bài hát ập đến, tất cả chúng tôi cùng hòa theo : "Núi vút thành vách đứng, nắng hè khoét đá, rừng khuya mất lối, ta đi theo ánh lửa từ trái tim mình...". Trước mắt tôi, đang nhòa đi trong ngấn lệ, là từng đoàn quân ra tiền tuyến, có cả bóng của những người bạn đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh sinh tử vì Tổ quốc. Ngày ấy, chúng tôi đã đi bằng gì, khi mà bệnh tật hành hạ, khi bụng không còn hạt cơm, khi mà gió rít trong đêm rừng tối đen. Chúng tôi đã đi bằng ngọn lửa từ trái tim với niềm tin tất thắng.

Vậy, giờ đây, không có lý gì, chúng tôi - những người được hưởng thành quả từ biết bao sự hy sinh ấy, lại chùn bước, đắn đo, không dám hăng hái tiến lên phía trước. Không thể tụt hậu, không thể nhỡ chuyến xe và không thể để đất nước ta nhỡ chuyến xe vào kỷ nguyên mới. Hãy đi theo ánh lửa từ trái tim mình.❑

(1) Nhạc và lời của cố nhạc sĩ Vũ Trọng Hối

Digitized by Google

QUYỀN TRẺ EM : *Mối quan tâm của toàn nhân loại*

VŨ CÔNG GIAO *

1. Một thế kỷ đấu tranh vì quyền trẻ em

Từ xa xưa, loài người đã ý thức được rằng, do còn non nớt cả về thể chất lẫn tinh thần, trẻ em cần phải được bảo vệ và chăm sóc một cách đặc biệt. Chính vì vậy, ngay từ thế kỷ XIV, XV, ở châu Âu, đã có những tổ chức cộng đồng hoạt động trên lĩnh vực này mà tiêu biểu là bệnh viện Spê-đan Đi-gơ-li In-nâu-xân-ti ở Flo-ren (I-ta-li-a).

Nhưng, quá trình công nghiệp hóa ở châu Âu (thế kỷ XVII - XIX) đã kéo theo tình trạng bóc lột sức lao động trẻ em một cách phổ biến. Thêm vào đó, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ I (1914-1918) đã đẩy hàng triệu trẻ em vào hoàn cảnh cùng khổ. Vì vậy, năm 1919, một số tổ chức cứu trợ trẻ em đã được thành lập ở Anh và Thụy Điển. Những năm tiếp theo, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đã ban hành một số công ước nhằm bảo vệ trẻ em trong các lĩnh vực lao động, việc làm và bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, những văn kiện đó chưa đặt vấn đề dưới góc độ các "quyền" của trẻ em.

Chỉ đến năm 1924, khái niệm "quyền trẻ em" mới chính thức được đề cập trong luật pháp quốc tế, khi *Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ về quyền trẻ em* được Hội Quốc liên (1) thông qua. Năm 1948, Liên hợp quốc (LHQ) thông qua *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người*, trong đó khẳng định trẻ em cũng là chủ thể bình đẳng của các quyền con người. Năm 1959, LHQ thông qua bản Tuyên ngôn (thứ hai) về quyền trẻ em, phát triển nội dung của Tuyên ngôn Giơ-ne-vơ năm 1924. Từ năm 1959 đến những năm 80 của thế kỷ XX, một loạt văn kiện quốc tế khác cũng được thông qua, trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến các quyền của trẻ em. Song, các văn kiện này hoặc không có tính ràng buộc về nghĩa vụ pháp lý, hoặc chưa tiếp cận từ vị thế đặc biệt và chú trọng đến những nhu cầu đặc thù của trẻ em nên tác động trên thực tế rất hạn chế. Trước tình hình đó, năm 1979, LHQ quyết định soạn thảo một điều ước quốc tế riêng về vấn đề này. Sau 10 năm soạn thảo, *Công ước về quyền trẻ em* được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 20-11-1989.

Công ước này hiện có 192 nước thành viên, chiếm kỷ lục về số thành viên của các văn bản quốc tế tham gia phê chuẩn (chỉ còn Hoa Kỳ chưa phê chuẩn). Với 54 Điều, Công ước tạo ra một bước ngoặt trong việc bảo đảm các quyền trẻ em. Lần đầu tiên, định nghĩa "trẻ em" được xác định, làm cơ sở cho việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền trẻ em trên thực tế. Một tập hợp các quyền trẻ em trên

---

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Tiền thân của Liên hợp quốc

Digitized by Google

tất cả các lĩnh vực (mà rất nhiều quyền chưa hề được các văn kiện trước đó đề cập) đã được Công ước ghi nhận, bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ, chăm sóc một cách có hiệu quả ; được phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, đạo đức và xã hội. Không chỉ đề cập đến trẻ em nói chung, Công ước còn đề cập đến việc bảo vệ quyền của những nhóm trẻ em đặc biệt (tàn tật, lang thang cơ nhỡ, bị ảnh hưởng của xung đột vũ trang...) ; đồng thời, xác định những biện pháp nhằm xóa bỏ những nguy cơ đang đe dọa nghiêm trọng cuộc sống của nhiều trẻ em như bị lạm dụng tình dục, bóc lột sức lao động, ảnh hưởng của chất ma túy và bị buộc phải tham gia vào các cuộc xung đột vũ trang... Cùng với các điều đó, Công ước còn xác lập một cơ chế quốc tế để giám sát việc thực hiện các quyền trẻ em trên thế giới.

Với nội dung trên, Công ước được coi là văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em trong thời điểm hiện nay. Tuy vậy, để hỗ trợ cho Công ước này, năm 2000, LHQ còn thông qua hai Nghị định thư bổ sung, đề cập đến việc cấm sử dụng trẻ em trong các cuộc xung đột vũ trang và việc cấm buôn bán, bóc lột mại dâm trẻ em và cấm văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em (Việt Nam phê chuẩn hai Nghị định thư này, ngày 20-12-2001).

Điểm lại từ đầu thế kỷ XX đến nay, đã có hơn 80 văn kiện quốc tế liên quan đến quyền trẻ em được ban hành. Đây là thành quả sau gần một thế kỷ đấu tranh liên tục của nhân loại nhằm cải thiện vị thế và cuộc sống trẻ em.

2. Xây dựng một thế giới phù hợp với trẻ em

Ngay sau khi Công ước về quyền trẻ em có hiệu lực, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về trẻ em đã được tổ chức tại Niu Oóc từ ngày 29 đến 30-9-1990. Hội nghị đã thông qua *Tuyên bố thế giới và Kế hoạch hành động về sự sống còn, phát triển và bảo vệ trẻ em*, đề cập đến những thách thức và mục tiêu cụ thể nhằm bảo đảm cuộc sống và các quyền của trẻ em trong giai đoạn 1990 - 2000. Kết thúc giai đoạn này, nhân loại đã đạt được những kết quả bước đầu nhưng rất to lớn trong việc bảo đảm quyền trẻ em. Bằng các chiến dịch tiêm chủng và phổ biến dùng muối i-ốt mà hằng năm trên thế giới có gần 3 triệu trẻ em được cứu sống, 75 vạn em khỏi bị tàn tật về thể chất, 12 triệu em thoát khỏi nguy cơ mắc bệnh tâm thần... Bằng việc phổ biến dùng nước sạch, vệ sinh môi trường, nuôi con bằng sữa mẹ... mà hằng năm có hàng chục triệu em không bị suy dinh dưỡng (2). Bằng việc giáo dục, tuyên truyền về quyền trẻ em, nhận thức về vị thế của trẻ em trong các xã hội đã thay đổi : từ việc coi trẻ em là đối tượng phụ thuộc, phải chịu sự chi phối hoàn toàn của người lớn đến chỗ trẻ em đã được thừa nhận và được đối xử với tư cách là những chủ thể của quyền chứ không đơn thuần chỉ là đối tượng của tình thương hay lòng nhân đạo.

Bên cạnh những kết quả tốt đẹp đó, trong thập niên vừa qua, nhiều cam kết trên lĩnh vực này vẫn chưa được thực hiện. Trên thế giới hiện nay, cứ 12 trẻ em thì có một em bị chết trước 5 tuổi vì các bệnh có thể phòng ngừa được ; 40% số trẻ em không được khai sinh, 26% không được tiêm chủng, 19% không có nước sạch để dùng, 30% suy dinh dưỡng trong 5 năm đầu, 30% không đến nhà trẻ, trong số 120 - 150 triệu trẻ em tàn tật chỉ có 6 - 8 triệu em được chăm sóc chu đáo, vẫn còn hơn 100 triệu trẻ em không được đến trường, 170,5 triệu trẻ em đang

(2) Xem UNICEF : *Báo cáo về tình hình trẻ em trên thế giới* các năm 1999, 2000, 2001, 2002, 2003

Digitized by Google

phải lao động kiếm sống, 1,8 triệu em bị lạm dụng tình dục...(3).

Trước thực trạng này, từ ngày 8 đến 10-5-2002, một khóa họp đặc biệt về quyền trẻ em đã được LHQ tổ chức tại Niu Oóc, với sự tham gia của các nhà lãnh đạo cao cấp từ 180 nước. Hội nghị xem xét và đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những tồn tại sau hơn một thập niên thực hiện *Tuyên bố thế giới và Kế hoạch hành động* giai đoạn 1990 - 2000 ; đồng thời, xác định những mục tiêu, cam kết cho một chương trình toàn cầu mới trong lĩnh vực này.

Tuyên bố và Chương trình hành động của khoá họp đặc biệt đã đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với việc cải thiện cuộc sống và các quyền trẻ em trên thế giới trong thời gian tới. Các quốc gia cam kết đầu tư nhiều hơn nữa cho trẻ em để *xây dựng một thế giới phù hợp với trẻ em* - một thế giới mà trong đó, tất cả trẻ em đều được yêu thương, tôn trọng ; được học tập, vui chơi, giải trí ; được bảo vệ trước các nguy cơ xâm hại và được bảo đảm các quyền một cách bình đẳng. Để đạt được những điều này, khóa họp kêu gọi các quốc gia ký kết những điều ước quốc tế cơ bản về quyền trẻ em, sử dụng triệt để các nguồn lực hiện có và các nguồn trợ giúp quốc tế để bảo đảm các quyền trẻ em, trong đó có việc thực hiện đúng cam kết 20-20 về đầu tư cho các dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, khóa họp cũng kêu gọi các nước phát triển tăng viện trợ phát triển chính thức (ODA) lên đúng mức 0,7% như họ đã cam kết, kết hợp với việc xóa, giảm nợ cho các nước nghèo ; xác định những mục tiêu toàn cầu vì trẻ em trong giai đoạn 2001 - 2010, thể hiện trên 4 lĩnh vực cơ bản : Phát triển cuộc sống lành mạnh cho trẻ em ; cung ứng cho trẻ em những dịch vụ giáo dục có chất lượng ; bảo vệ trẻ em khỏi sự xâm hại, bóc lột và bạo lực ; phòng chống tác động của HIV/AIDS với trẻ em...

3. Bảo đảm các quyền trẻ em ở Việt Nam

Bảo vệ, chăm sóc và giúp đỡ những nhóm xã hội yếu thế, trong đó có trẻ em, là truyền thống của dân tộc Việt Nam. Ngay từ thế kỷ XV, trong Bộ luật Hồng Đức đã có nhiều điều khoản quy định trách nhiệm của quan lại và dân chúng các địa phương phải giúp đỡ những trẻ em tàn tật, nghèo khổ, mồ côi không nơi nương tựa và phải bảo vệ, chăm sóc trẻ lạc... Bộ luật này cũng quy định việc trừng trị tội gian dâm với trẻ em gái, tội buôn bán phụ nữ, trẻ em ; việc giảm hoặc hoãn thi hành án với phụ nữ có thai hay đang nuôi con nhỏ ; quyền thừa kế của con nuôi (4).

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành tình cảm và sự quan tâm đặc biệt đến trẻ em. Tình cảm và sự quan tâm đó bắt nguồn từ nhân cách vĩ đại và lý tưởng cao cả mà Người theo đuổi, đó là giải phóng dân tộc, giải phóng loài người khỏi sự áp bức, bất công. Nó cũng thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của Người với tương lai của sự nghiệp cách mạng và của dân tộc : "Vì lợi ích mười năm trồng cây. Vì lợi ích trăm năm trồng người", "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết"...

Nối tiếp đạo lý truyền thống của dân tộc và thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này, từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Hiến pháp đầu tiên (năm 1946) của nước Việt Nam đã quy định: "...Trẻ con được săn sóc về mặt giáo dưỡng" (Điều 14), thực hiện

(3) Các *tài liệu đã dẫn*

(4) *Quốc Triều Hình Luật* (Bộ luật Hồng Đức), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995 (các Điều 295, 313, 404, 453, 604, 605, 680)

Digitized by Google

"...nền sơ học cưỡng bách và không học phí...Học trò nghèo được Chính phủ giúp..." (Điều 15). Những nguyên tắc hiến định mang đậm tinh thần vì trẻ em đó tiếp tục được khẳng định và phát triển trong các Hiến pháp sau này (năm 1959, 1980, 1992). Việt Nam là quốc gia đầu tiên ở châu Á và quốc gia thứ hai trên thế giới phê chuẩn *Công ước về quyền trẻ em*. Ngay sau khi phê chuẩn Công ước, năm 1991, Nhà nước Việt Nam đã ban hành hai đạo luật riêng về quyền trẻ em (Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em và Luật Phổ cập giáo dục tiểu học). Như vậy, càng về sau, pháp luật Việt Nam càng thể chế hóa những bảo đảm của Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách rộng rãi và hiệu quả hơn.

Ngày 11-12-1991, Hội nghị quốc gia đầu tiên về trẻ em được tổ chức tại Hà Nội, với sự tham gia của các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước. Hội nghị đã trịnh trọng tuyên bố: *"... Trẻ em là hạnh phúc của gia đình, là tương lai của đất nước...Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của Nhà nước, của toàn xã hội và của mỗi gia đình..."*. Hội nghị cũng đề ra Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 1991 - 2000 với 4 lĩnh vực ưu tiên và 7 mục tiêu cơ bản liên quan đến tất cả những vấn đề chủ yếu của *Công ước về quyền trẻ em*.

Về cơ bản, các mục tiêu trong Chương trình hành động giai đoạn 1991 - 2000 đã đạt được, trong đó, một số lĩnh vực đạt thành tựu nổi bật. Ví dụ, tính đến năm 2000, có trên 93,3% trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 loại vắc-xin (mục tiêu đề ra là 90%) ; 94% trẻ em dưới 5 tuổi được uống dung dịch bù nước khi bị tiêu chảy (mục tiêu đề ra là 80%) ; chỉ còn 8% trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2 500g (mục tiêu đề ra là còn 9%) ; 94% trẻ em dưới 14 tuổi học hết lớp 3 (mục tiêu đề ra là 90%) ; 95% trẻ em 6 tuổi đi học tiểu học (mục tiêu đề ra là 90%) ; 42% trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo (mục tiêu đề ra là từ 35 đến 40%) ; 100% trẻ em hồi hương được chăm sóc, tái hòa nhập cộng đồng ; 100% trẻ em được uống vi-ta-min A ; 80% trẻ em sứt môi, hở hàm ếch được "phẫu thuật nụ cười" ; 70% trẻ em mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc, giúp đỡ ; bệnh bại liệt do vi-rút hoang dại trong trẻ em đã bị thanh toán...(5).

Một số bài học kinh nghiệm trên lĩnh vực này trong thập niên qua là : Phải có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của Đảng, Nhà nước, sự tham gia của chính quyền các cấp và các ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các quyền trẻ em ; hệ thống pháp luật và chính sách trong lĩnh vực này phải đồng bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc ; việc xây dựng các mục tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em xuất phát từ Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em, *Công ước về quyền trẻ em* của LHQ cũng như tính đến các nhu cầu đặc thù của trẻ em và khả năng nguồn lực của từng cấp, ngành, địa phương ; tăng cường năng lực quản lý, tổ chức, sự kết hợp, hỗ trợ lẫn nhau và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, không ỷ lại vào ngân sách trung ương hoặc viện trợ nước ngoài của các cấp, ngành trong việc triển khai thực hiện Chương trình ; chú trọng và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, vận động xã hội cùng tham gia bảo đảm các quyền trẻ em.

Bên cạnh những tiến bộ kể trên, vẫn còn những thách thức to lớn trên lĩnh vực này đòi hỏi Đảng, Nhà nước và toàn xã hội tiếp tục giải quyết, như tỷ lệ tử vong trẻ em vẫn còn ở mức 36,7‰ (mục tiêu đề ra là 30‰), tỷ lệ chết của sản phụ vẫn còn là 100/100 000 (mục tiêu đề ra là 70/100 000),

(5) Ủy ban Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em : *Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt nam giai đoạn 2001 - 2010*, Hà Nội, 2002

Digitized by Google

tỷ lệ suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) ở trẻ em vẫn còn rất cao (33,1%), cơ hội tiếp cận với giáo dục của trẻ em tàn tật còn rất hạn chế (chỉ có 20% trẻ em khuyết tật được đi học các lớp bình thường), tỷ lệ nhập học của trẻ em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn thấp, tỷ lệ trẻ em tàn tật được điều trị còn thấp (chỉ khoảng 38%)(6).

Một số nguyên nhân của những tồn tại kể trên là : Việc xác định một số mục tiêu của Chương trình hành động 1991 - 2000 không sát hợp với thực tế tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước (như về tỷ lệ tử vong mẹ, tỷ lệ trẻ em tàn tật được chăm sóc...) ; kiến thức và hành vi của các bậc cha mẹ về các vấn đề sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, nước sạch, vệ sinh môi trường... còn nhiều hạn chế nhưng chưa được hướng dẫn, giúp đỡ đầy đủ, kịp thời ; công tác truyền thông giáo dục về chăm sóc sức khoẻ ban đầu ở các vùng sâu, xa thực hiện chưa tốt, trong khi hệ thống y tế cơ sở còn thiếu cán bộ và yếu về chuyên môn sản, nhi cũng như trang, thiết bị ; nhận thức về quyền và ý nghĩa của việc học tập với trẻ em của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, còn hạn chế ; trong khi cơ sở vật chất và điều kiện học tập ở các vùng này còn rất nghèo nàn, khó khăn ; đội ngũ giáo viên cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn, đặc biệt là giáo viên ngành tật học ; mặt trái của cơ chế thị trường, đặc biệt là sự lan truyền của văn hóa phẩm độc hại,... làm tăng những nguy cơ xâm hại trẻ em.

Để phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong lĩnh vực này, ngày 27-12-1999, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 34/1999/CT-TTg ban hành *Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010.* Về phương pháp luận, Chương trình này vẫn kế thừa cách tiếp cận trong Chương trình hành động giai đoạn 1991 - 2000 (chủ yếu dựa trên các nhu cầu đặc thù và các quyền của trẻ em). Tuy nhiên, Chương trình hành động giai đoạn này đồng thời chú ý đến việc tôn trọng, phát huy vai trò tích cực, chủ động tham gia của trẻ em. Về nội dung, nếu như Chương trình hành động giai đoạn 1991 - 2000 chủ yếu tập trung vào những mối quan tâm cấp bách của việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thì Chương trình hành động giai đoạn 2001 - 2010 hướng vào việc bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em từ thời thơ ấu đến lúc trưởng thành, với phạm vi, quy mô phát triển rộng lớn và những chiến lược mạnh mẽ hơn, trong đó đặc biệt quan tâm đến đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Bên cạnh việc duy trì và phát triển bền vững các mục tiêu đã đạt được, Chương trình hành động giai đoạn này còn nhằm thực hiện những mục tiêu mới và giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong giai đoạn trước.

Những phương hướng và mục tiêu kể trên đã được tái khẳng định trong Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng : "Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào việc thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức ; trẻ em mồ côi, bị khuyết tật, sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập và vui chơi..."(7).

Toàn bộ điều đó cho thấy sự thống nhất rất cao về tư tưởng và hành động không mệt mỏi của Đảng, Nhà nước và xã hội ta trên lĩnh vực này. Đó chính là cơ sở quan trọng bậc nhất cho việc bảo đảm và thúc đẩy hơn nữa các quyền trẻ em ở Việt Nam trong thời gian tới.❑

(6) *Tài liệu đã dẫn*

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 107

Digitized by Google

CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN I

Địa chỉ : 15 Cửa Bắc - Hà Nội
ĐT: 04.8 293 153 - 8 293 152 * Fax : 04.8 293 173 - 8 238 638
Giám đốc : KS. VŨ HỮU HOA

EVN

ĐỘC LẬP

TỰ DO

HẠNH PHÚC



Thay sứ đường dây 220 kV

NHIỆM VỤ:

Là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng Công ty điện lực Việt Nam, hoạt động chuyên ngành truyền tải điện trên phạm vi các tỉnh phía Bắc Việt Nam, với các chức năng :

- Quản lý vận hành lưới điện 220kV, 500kV khu vực miền Bắc.
- Sửa chữa, đại tu các loại thiết bị điện áp 6 kV trở lên đến 500kVgồm các loại máy cắt dầu, máy cắt không khí, máy cắt SF6, máy biến thế các cấp điện áp, các loại TU, TI và các loại dao cách ly.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh các thiết bị điện của các trạm biến áp ở các cấp điện áp.
- Sửa chữa điện nóng (đường dây đang vận hành) đường dây 220 kV
- Đào tạo chuyên sâu công nhân - nhân viên quản lý vận hành thiết bị lưới điện các cấp điện áp.

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ VẬN HÀNH:

- 18 trạm biến áp 220 kV với 26 máy có tổng công suất 4 000 MVA
- 7 trạm 110 kV với 14 máy 110kV có tổng công suất 433 MVA
- 1 trạm BA 500 kV với tổng dung lượng 450 MVA
- 1800 km đường dây 220kV
406 đường dây 500 kV



Trạm biến áp 220 kV Ninh Bình

CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- 1 đơn vị và 1 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động.
- 1 Huân chương Độc lập hạng Ba
- 2 Huân chương Lao động hạng Nhất
- 1 Huân chương Lao động hạng Nhì
- 8 Huân chương Lao động hạng Ba
- 4 cờ thi đua, 36 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 4 cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
- Nhiều cờ, bằng khen của Bộ Công nghiệp, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Digitized by Google

Trung tâm Y TẾ DỰ PHÒNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Phường Bạch Đằng - TP.Hạ Long - Quảng Ninh * Điện thoại:033 825 449 * Fax: 033 825 448

Là đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh, luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

MỘT SỐ KẾT QUẢ CƠ BẢN CỦA TRUNG TÂM TRONG NĂM 2002

- Không để dịch lớn xảy ra trên toàn tỉnh.
- Số vụ ngộ độc thực phẩm được giám sát, điều tra sớm và chỉ đạo phòng chống kịp thời, hiệu quả.
- Hầu hết các chương trình, mục tiêu y tế quốc gia đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được Nhà nước giao, nhiều chỉ tiêu đạt từ 130% đến 199% kế hoạch.
- Hoàn thành chỉ tiêu thu nộp ngân sách nhà nước.
- Đời sống của cán bộ công chức được cải thiện đáng kể.
- Cơ sở vật chất được nâng cấp trang thiết bị, điều kiện làm việc được cải thiện. Đặc biệt, năm 2002, bằng nguồn vốn tự có, Trung tâm tiếp tục mua sắm các trang thiết bị, máy móc có công nghệ hiện đại phục vụ cho các la-bô xét nghiệm, mua phương tiện ô-tô phục vụ cho công tác phòng chống dịch....
- Tỷ lệ đào tạo cán bộ năm 2002 đạt hơn 10% so với biên chế, trong đó: 2 nghiên cứu sinh tiến sĩ, 4 bác sĩ chuyên tu, 4 bác sĩ chuyên khoa 1, 2 cử nhân chuyên ngành và 2 cán bộ có trình độ đại học khác. Ngoài ra, Trung tâm có 2 đề tài khoa học báo cáo tại Hội nghị khoa học hệ Y tế Dự phòng toàn quốc tại Nha Trang. Nhiều đề tài đã, đang tiếp tục thực hiện nhằm đánh giá các hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực y tế dự phòng...

THÀNH TÍCH TRONG NĂM 2002 CỦA TRUNG TÂM

- Là chi bộ trong sạch, vững mạnh với 25/25 đảng viên loại 1
- 4 bằng khen của Bộ Y tế
- Bằng khen của Bộ Khoa học và Công nghệ môi trường
- Bằng khen của Công đoàn ngành Y tế Việt Nam
- Bằng khen về môi trường và quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của UBND tỉnh Quảng Ninh
- 2 bằng khen của UBND tỉnh, và 30 giấy khen của Sở Y tế cho các cá nhân của Trung tâm.
- Năm 2002 được UBND tỉnh khen tặng là đơn vị lá cờ đầu của ngành y tế.

CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG TÂY NINH

Địa chỉ: 177/4A đường 30/4 - Thị xã Tây Ninh * Điện thoại: 066. 822 769 * Fax: 066. 820 217

CHỨC NĂNG:

- SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ XÂY DỰNG
- KINH DOANH VẬN TẢI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

GIÁM ĐỐC : NGUYỄN THÀNH MỸ

Digitized by Google



Khoan tại tuyến đập Pa-Vinh II - Thủy điện Sơn La

1. CHỦ ĐẦU TƯ:

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

2. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ QUẢN LÝ DỰ ÁN:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SƠN LA

* Trưởng ban: VŨ ĐỨC THÌN
* Địa chỉ: D10 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội
* Điện thoại: 04.5 541 387 * Fax: 04.5 541 371

3. TỔNG QUÁT VỀ CÔNG TRÌNH

* Địa điểm xây dựng:

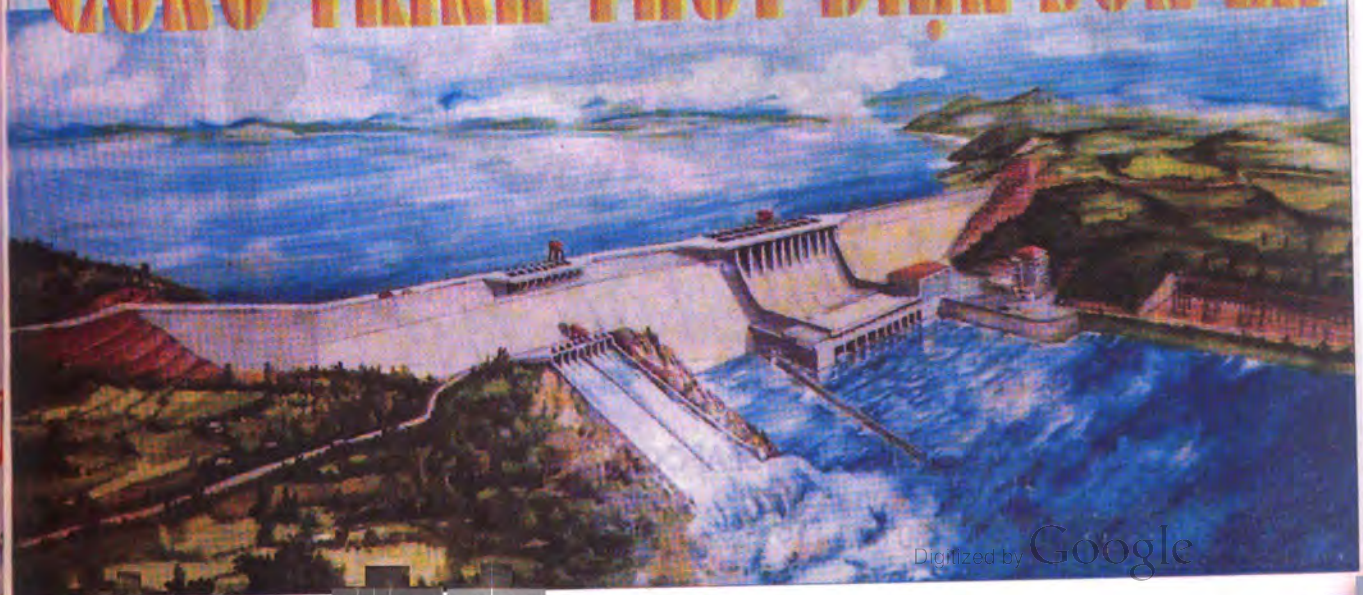
Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

* Quy mô công trình:

- Mực nước dâng bình thường của hồ chứa từ: 205 m đến 215 m, không vượt quá 215 m.
- Công suất lắp máy: từ 1970 MW đến 2400 MW.
- Sản lượng điện trung bình hàng năm từ 7 555 triệu kWh đến 9 209 triệu kWh.

* Vốn đầu tư (chưa có lãi): Từ 31 000 tỉ đồng đến 37 000 tỉ đồng.
* Số dân tái định cư đến 2010: 79 000 người đến 91 000 người.
* Khởi công: Năm 2005.
* Phát điện tổ máy số 1: Năm 2012.
* Hoàn thành: Năm 2015.

CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN SƠN LA



Digitized by Google

CÔNG TY
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
MINH PHÚ







Chúc Mừng Năm Mới



An Khang Thịnh Vượng

MINH PHU SEAFOOD CORP

Industrial Zone , Ward 8, CaMau City, Vietnam

Tel : 84 780 839 391*Fax : 84 780 833 119 * www.minhphu.com *Email: minhphu@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

CÔNG TY
THAN HÒN GAI

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

Địa chỉ : 95A Lê Thánh Tông - TP Hạ Long - Quảng Ninh
Điện thoại : (033) 825 233 - Fax (033) 826 085

Giám đốc : Kỹ sư Bùi Văn Khích

Điện thoại : (033)828732 - 0913262035

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

*** Xí nghiệp than Tân Lập**

Địa chỉ : Phường Hà Phong - TP Hạ Long - Quảng Ninh

*** Xí nghiệp Than Cao Thắng**

Địa chỉ : Phường Cao Thắng - TP Hạ Long - Quảng Ninh

*** Xí nghiệp Than Giáp Khẩu**

Địa chỉ : Phường Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh

*** Xí nghiệp Than 917**

Địa chỉ : Phường Hà Khánh - TP Hạ Long - Quảng Ninh

*** Xí nghiệp chế biến và tiêu thụ Than**

Địa chỉ : Phường Cao Xanh - TP Hạ Long - Quảng Ninh



Tạo nguồn than tiêu thụ trong nước và xuất khẩu





LÀM TỐT CÔNG TÁC XÃ HỘI GIÚP ĐỠ CÁC CHÁU HỌC SINH VÀ GIA ĐÌNH NGHÈO





Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN

Vietnam Electtrical Equipment Corporation - VEC

Trụ sở chính: Số 41 - Hai Bà Trưng - Quận Hoàn Kiếm - Hà nội * ĐT: (04) 8 261 606 - 8 265 890 ; Fax: (04)8 265 890

TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐIỆN LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1120 QĐ / TCCBĐT NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 1995 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG (CŨ) VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/QĐ- TCCB NGÀY 06-01-1996 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG.

ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ: 110350 NGÀY 20-01-1996 CỦA ỦY BAN KẾ HOẠCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện có 9 đơn vị thành viên với trên 5 000 lao động và 3 Liên doanh với nước ngoài, có địa bàn hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

1. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

- Nghiên cứu khảo sát, thiết kế các loại thiết bị điện công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu kỹ thuật điện ;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu phục vụ ngành chế tạo thiết bị điện và vật liệu kỹ thuật điện ;
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật...

2. CÁC NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Dây và cáp điện hạ áp và cao áp các loại
- Máy biến áp điện lực các loại
- Động cơ điện các loại
- Thiết bị đo điện các loại
- Khí cụ điện các loại...

Hầu hết các sản phẩm của Tổng Công ty đều đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN, IEC và đều có chứng chỉ đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng theo ISO - 9001 : 2000, ISO - 9002: 2000.

Nhiều sản phẩm của Tổng Công ty đã và đang xuất khẩu ra thị trường nước ngoài như: XriLan-ca, Xin-ga-po, Phi-lip-pin, Bu-tan, Băng-la-đét, My-an-ma, I-rắc, Mỹ...

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY

1. CÔNG TY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VIỆT NAM - CADIVI, 70 - 72 NAM KỲ KHỞI NGHĨA - QUẬN I - T.P HỒ CHÍ MINH.
2. CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN - THIBIDI, SỐ 10 KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI.
3. CÔNG TY THIẾT BỊ ĐO ĐIỆN EMIC, SỐ 10 TRẦN NGUYÊN HÃN, QUẬN HOÀN KIẾM - TP HÀ NỘI
4. CÔNG TY CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI - CTAMAD - HUYỆN TỪ LIÊM - HÀ NỘI
5. CÔNG TY CHẾ TẠO MÁY ĐIỆN VIỆT NAM HUNG-GA-RY - VIHEM - HUYỆN ĐÔNG ANH - TP HÀ NỘI
6. CÔNG TY TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN - ESC, SỐ 6 VŨ NGỌC PHAN - QUẬN ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
7. NHÀ MÁY CHẾ TẠO BIẾN THẾ - CTBT - CÂY SỐ 9 - QUỐC LỘ 1A, HUYỆN THANH TRÌ - HÀ NỘI.
8. CÔNG TY KHÍ CỤ ĐIỆN I - VINAKIP, THỊ XÃ SƠN TÂY - TỈNH HÀ TÂY.
9. CÔNG TY VẬT TƯ VÀ XÂY DỰNG - MCC, SỐ 39C - HAI BÀ TRƯNG, QUẬN HOÀN KIẾM, T.P HÀ NỘI

CÁC LIÊN DOANH

1. CÔNG TY LIÊN DOANH S.A.S - CTAMAD(KS MELIA) 44B LÝ THƯỜNG KIỆT - HÀ NỘI
2. CÔNG TY LIÊN DOANH DÂY ĐỒNG VIỆT NAM - CFT - KHU CN BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI
3. CÔNG TY TNHH HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP LG - VINA - ĐÔNG ANH - HÀ NỘI.



Digitized by Google

CÔNG TY SỔ XỐ KIẾN THIẾT ĐỒNG NAI

ĐỊA CHỈ: SỐ 96 - ĐƯỜNG 30/4 TP. BIÊN HOÀ - T.ĐỒNG NAI * ĐT: 061. 822 580 - 822 562 * FAX: 061. 821 066 - 821 067





Digitized by Google

Công ty Sản xuất - Kinh doanh Vật liệu xây dựng Cần Thơ

Cantho Construction materials producing & trading Company

SADICO CANTHO

* Văn phòng chính: Số 3 Nguyễn Trãi, TP Cần Thơ

Điện thoại : (071) 821 885 - 823 457 - 824 886 - Fax : (071) 821 141

* Văn phòng đại diện tại TPHCM : 37B Nguyễn Thông, Q3

Điện thoại : (08) 9 325 852 - Fax : (08) 9 320 489

Giám đốc Công ty : Kỹ sư Từ Quang Trạch (Anh hùng Lao động)

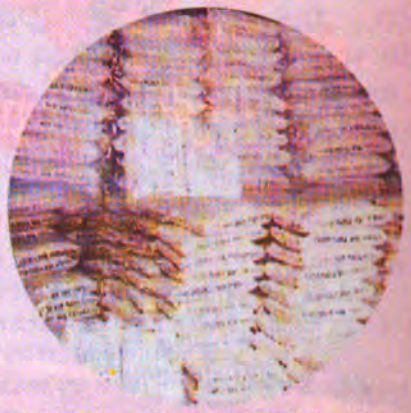




Sản phẩm bao bì của nhà máy sản xuất bao PP2

Công ty SADICO Cần Thơ là doanh nghiệp nhà nước được thành lập 1988, trực thuộc UBND tỉnh Cần Thơ, với máy móc thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất của châu Âu và châu Á cùng với đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời những sản phẩm có chất lượng cao như:

- Sản xuất kinh doanh vỏ bao PP - PK - KPK... cao cấp dùng để đựng xi-măng đen, xi-măng trắng, gạo xuất khẩu, hàng nông sản, đường, phân bón, hóa chất xử lý nước nuôi tôm, thức ăn cho tôm, thức ăn gia súc, gia cầm, tấm bạt và các loại bao phục vụ tiêu dùng.
- Sản xuất và kinh doanh các loại xi- măng, trụ điện bê-tông tiền áp, ống cống ly tâm thoát nước, cừ cọc bê-tông các loại và vật liệu xây dựng khác.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp, ủy thác và gia công xuất khẩu các loại vỏ bao PP - PK - KPK, các loại xi-măng, nguyên liệu ngành nhựa, ngành xi-măng, vật tư, hóa chất, thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất vỏ bao, xi-măng, vật liệu xây dựng.
- Sản xuất và cung cấp bao giấy kraft, bao PK đáy vuông đựng xi-măng và các sản phẩm khác.



Xi-măng Sadico sản xuất tại XN Xi-măng Cần Thơ



Sản phẩm trụ điện, ống cống thoát nước sản xuất tại XN Bê-tông

Chúc Mừng Năm Mới 2003

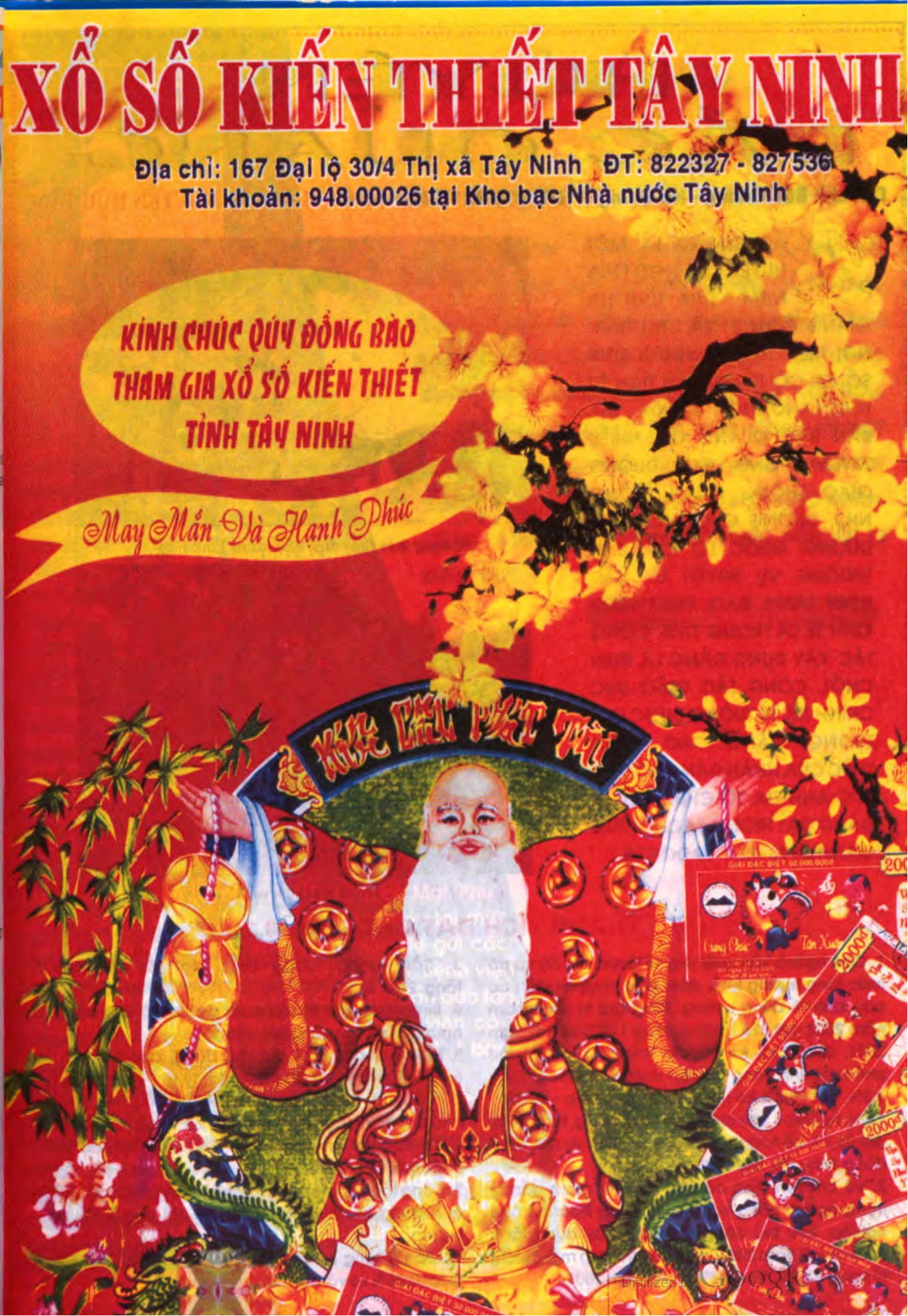
Công ty SADICO Cần Thơ sẵn sàng phục vụ quý khách

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QÚY ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc



Digitized by Google

HUYỆN BẮC QUANG

Địa chỉ: Bắc Quang - Hà Giang. * ĐT: 019 821 142 * Bí thư Huyện ủy: NGUYỄN HỮU TÂM

BẮC QUANG LÀ MỘT HUYỆN CỬA NGÕ PHÍA NAM CỦA TỈNH HÀ GIANG, GỒM 31 XÃ, 2 THỊ TRẤN, NƠI TRÊN 16 VẠN NGƯỜI SINH SỐNG; CÓ TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN KHOẢNG 1 600 Km^2. ĐỊA BÀN BẮC QUANG CÓ NHIỀU TUYẾN ĐƯỜNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUAN TRỌNG NHƯ: ĐƯỜNG QUỐC LỘ 2 VÀ ĐƯỜNG QUỐC LỘ 279. BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY XÁC ĐỊNH LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÀ TRỌNG TÂM, CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG LÀ THEN CHỐT. CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG ĐƯỢC COI TRỌNG, NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC ANH EM. TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG ĐẠT TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH LÀ 73 TRÊN 89 ĐƠN VỊ.



Sử dụng máy thủy điện nhỏ tại xã Vĩnh Hảo



Trang trại cam sạch

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2002

1. Các ngành sản xuất duy trì được tốc độ và có mức tăng trưởng khá, đảm bảo chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Tổng giá trị sản phẩm năm 2002 đạt 526 tỉ đồng, tăng 11,2% so với năm 2001, đạt 99,6% kế hoạch. Trong đó, giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp đạt 288 tỉ đồng, tăng 4,3%, đạt 99,6% kế hoạch; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng đạt 119 tỉ đồng, tăng 36%, đạt 96,7% kế hoạch; thương mại dịch vụ đạt 120 tỉ đồng, tăng 9%, đạt 100% kế hoạch.
2. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng 4,2% so với năm 2001; dịch vụ - thương mại chiếm tỷ trọng 23,3%, tăng 23% so với năm 2001.
3. Sản lượng lương thực đạt 56 475 tấn, tăng 2514 tấn
4. Bình quân giá trị sản xuất đạt 3 680 000 đồng/ người/ năm, tăng 380 000 đồng.
5. Tổng thu ngân sách đạt 15 tỷ đồng, tăng 21%.
6. Về giáo dục và đào tạo, đạt tỷ lệ 99% học sinh đến trường. Trong năm 2002 đã làm lễ công nhận phổ cập trung học cơ sở cho 10 xã, nâng tổng số xã được công nhận phổ cập THCS lên 25 xã, đạt kế hoạch đề ra.
7. Công tác xoá đói, giảm nghèo cũng đạt được kết quả đáng khích lệ, toàn huyện chỉ còn 8,5% hộ nghèo.
8. Tốc độ tăng dân số tự nhiên năm 2002 là 1,5%, giảm 0,06% so với năm 2001.

Digitized by Google

Bệnh viện
ĐA KHOA
KHU VỰC CẨM PHẢ



Giám đốc:
Thầy thuốc ưu tú. NGUYỄN THÀNH VY

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG 20 NĂM QUA

Liên tục 20 năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu khám chữa bệnh (khám bệnh cho 1 643 262 lượt người, tổng số bệnh nhân nội trú là 15 059 người, công suất sử dụng giường bệnh 131% tỷ lệ tử vong giảm xuống mức thấp nhất 0,19, mổ nội soi 120 ca và tổ chức điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu 7217 bệnh nhân).

Công tác nghiên cứu khoa học được đặt lên hàng đầu. Hội đồng khoa học của Bệnh viện hằng năm đã tổ chức nghiệm thu và đưa vào các đề tài khoa học thực tiễn, có hiệu quả cao.

Công tác đào tạo được Đảng ủy, Ban Lãnh đạo luôn chú trọng. Hằng năm, Bệnh viện quan hệ chặt chẽ với Trường Đại học Y Hà Nội, các bệnh viện tuyến TW như Việt-Đức, Bạch Mai, Phụ sản, Răng - Hàm - Mặt, Viện Mắt, Viện tai mũi họng, Viện Huyết học và Truyền máu để gửi các bác sĩ đi đào tạo. Từ năm 2000 đến nay, Bệnh viện được Bệnh viện Việt-Đức hợp đồng đỡ đầu đào tạo, giúp đỡ về chuyên môn. Hiện nay, Bệnh viện có 3 thạc sĩ, 58 bác sĩ, 25 bác sĩ chuyên khoa 1, 1 bác sĩ chuyên khoa 2.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, trong những năm qua, Bệnh viện đã tập trung đầu tư vào các hạng mục quan trọng với tổng kinh phí là 5 tỉ đồng (trong đó năm 2002 được đầu tư 2 tỉ đồng). Hiện đang tiếp tục đầu tư 3 tỉ đồng cho việc mua sắm trang thiết bị nhằm phục vụ tốt hơn nữa yêu cầu của nhân dân.

ĐƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 23-11-1983, TRẢI QUA 20 NĂM HOẠT ĐỘNG VÀ TRƯỞNG THÀNH, ĐẢNG BỘ, BAN LÃNH ĐẠO CÙNG TOÀN THỂ 176 CÁN BỘ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CẨM PHẢ VỚI KHẨU HIỆU " ĐOÀN KẾT, TRÍ TUỆ, DÂN CHỦ" TRÊN DƯỚI MỘT LÒNG, ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC ĐÃ HOÀN THÀNH TỐT CÔNG TÁC KHÁM - CHỮA BỆNH CHO CÔNG NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ KHU VỰC, THỰC HIỆN TỐT 12 ĐIỀU Y ĐỨC.

THÀNH TÍCH ĐƯỢC KHEN TẶNG

- Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh
- Được Bộ Y tế tặng bằng khen bệnh viện tình thương
- UBND tỉnh công nhận là đơn vị dẫn đầu ngành y tế
- 02 bằng khen của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
- Công đoàn liên tục nhiều năm liền đạt danh hiệu công đoàn vững mạnh xuất sắc và được nhận cờ của công đoàn ngành y tế.
- Bệnh viện nhiều năm liền đạt loại giỏi xuất sắc,
- 3 danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú, 10 Chiến sĩ thi đua
- Cùng nhiều bằng khen, giấy khen, cờ thi đua khác của các cấp, hội trung ương và địa phương.

Digitized by Google

Đc: Phường Cẩm Thịnh - Cẩm Phả - Quảng Ninh 8 ĐT: 033 865 096 8 Fax: 033 866 085

8130

NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

VIETNAM EXIMBANK

Nhân dịp

Xuân Quý Mùi 2003



Kính chúc Quý Khách

An Khang

Thịnh Vượng

HỘI SỞ

07 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 8.210.055 - 8.292.312

Fax: (84.8) 296063 - 216913

Telex: 812690 EIB VT - SWIFT: EBVIVNVX

Email: EIBACC@HCM.VNN.VN

CHI NHÁNH HÀ NỘI

19 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84.4) 824 2306 - 824 2307

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

48 Trần Phú, TP. Đà Nẵng

Tel: (84.511) 830 889 - 826 676 - 826 675

CHI NHÁNH CẦN THƠ

02 Điện Biên Phủ, TP. Cần Thơ

Tel: (84.71) 821 915 - 821 988

CHI NHÁNH CHỢ LỚN

55 Nguyễn Chí Thanh, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 832 1230

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
APR 01 2003
CURRENT SERIALS

8
3-2003

Digitized by Google

RESCO®

Tổng Công ty

ĐỊA ỐC SÀI GÒN

SAIGON REAL ESTATE CORPORATION (RESCO)

ĐỊA CHỈ: 94 - 96 NGUYỄN DU, QUẬN I, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI: 08 8 225 919 * FAX: 84-8-8 291 414

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG:

- Kinh doanh nhà ở theo Nghị định 61/CP, ngày 5-7-1994, của Chính phủ
- Khảo sát, thiết kế và thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật trên các quy mô.
- Trang trí nội thất, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các loại công trình xây dựng .
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và kinh doanh thang máy và các thiết bị nhà cao cấp, cao tầng.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất phục vụ nội địa và xuất khẩu.
- Tư vấn xây dựng và dịch vụ thiết yếu về nhà ở, đất ở, nhà làm việc cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.



Khu lưu trú công nhân tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 671

8

3-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**

TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Ngã tư Ô Cầu Giấy, Hà Nội
Ảnh : TRƯỜNG THI

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên 3

PHẠM GIA KHIÊM - Để công tác tư tưởng - văn hóa trở thành động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội 7

NGUYỄN THỊ DOAN - Đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội thực dụng trong thời kỳ mới 11

NHÂN KỶ NIỆM 28 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ BUÔN MA THUỘT (10-3-1975 - 10-3-2003)

VÕ CHÍ CÔNG - Chiến thắng Buôn Ma Thuột mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - niềm tự hào của quân và dân các dân tộc Tây Nguyên 16

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶNG VĂN THANH - Tài chính Việt Nam trong công cuộc đổi mới : Thành công và bài học 22

VÕ HÙNG DŨNG - Điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và tăng trưởng ngoại thương 28

PHẠM HẠNH SÂM - Về chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam hiện nay 33

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ"

TRẦN QUANG NHIẾP - Báo cáo để dẫn 38

*** Tổng quan hội thảo 42

HÀ ĐĂNG - Về vấn đề cán bộ và quy hoạch cán bộ 47

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TÔ HUY RỨA - Hải Phòng vững bước trên đường phát triển 51

HẢI NINH - Có một nền điện ảnh Việt Nam 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

KHƯƠNG DUY - Luật quốc tế và vấn đề quyền bình đẳng của phụ nữ 60

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НОНГ ДЫК МАНЬ: Эффективно разрешать актуальные проблемы, ускорять курс обновления страны, развивая силу широкого общенационального единения. ФАМ ЖА КХИЕМ: Чтобы культурно-идеологическая работа смогла стать сильным импульсом для социально-экономического развития. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Борьба против оппортунистических и прагматических явлений на новом этапе. ВО ТЬИ КОНГ: Победа Буонматхуот, открывшая Историческую Военную Операцию имени Хо Ши Мина – гордость армии и народа нацменьшинств в районе Тэйнгуен. ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Финансы Вьетнама в ходе обновления страны: успех и извлеченный урок. ВО ХУНГ ЗУНГ: Переориентация промышленной структуры и прирост внешней торговли. ФАМ ХАНЬ ШАМ: О требованиях, предъявляемых к вьетнамской женщине на данном этапе. ЧАН КУАНГ НИЕП: Вводный доклад к Научно-практическому Семинару: «Построение контингента кадров на местах». ХА ДАНГ: О кадровом вопросе и планировании кадров. ТО ХУ РЫА: Город Хайфон уверенно шагает на пути развития. ХАЙ НИНЬ: Есть Вьетнамская кинематография. КХЫОНГ ЗУЙ: Международное право и вопрос равноправия женщин.

CONTENTS

NÔNG ĐỨC MẠNH: To solve efficiently the urgent problems, to lead the renovation cause to continuously advance, promoting vitality of Great National Solidarity. PHẠM GIA KHIÊM: In order that cultural-ideological work could be a strong impulse for socio-economic development. NGUYỄN THỊ DOAN: To struggle against opportunistic - pragmatic manifestations in the new period. VÕ CHÍ CÔNG: Buôn Ma Thuột victory which started the historic Ho Chi Minh campaign is a pride of the army and people of Tây Nguyên ethnic nationalities. ĐẶNG VĂN THANH: Vietnam's finance in the renovation cause: the success and lessons. VÕ HÙNG DŨNG: Readjustment of industrial structure and growth of foreign trade. PHẠM HẠNH SÂM: Regarding standards of contemporary Vietnamese women. TRẦN QUANG NHIẾP: Introduction report to the scientific-pragmatic seminar: "Building up the contingent of grassroots cadres". HÀ ĐĂNG: In regards of cadres problem and the cadres planing". TÔ HUY RỨA: Hải Phòng steadily advances on the development path. HẢI NINH: There is a Vietnamese cinema. KHƯƠNG DUY: International laws and the problem of woman's equality right.

SOMMAIRE

NÔNG ĐỨC MẠNH: Valoriser la force de la grande union nationale en vue d'un règlement efficace des problèmes urgents et de l'avancement de l'œuvre de renouveau. PHẠM GIA KHIÊM: Pour faire du travail idéologique et culturel une force motrice du développement socio-économique. NGUYỄN THỊ DOAN: Lutte contre les tendances opportunistes et pragmatiques dans la nouvelle étape. VÕ CHÍ CÔNG: Le triomphe de Buôn Ma Thuột ouvrant la campagne historique de Hồ Chí Minh: fierté des forces armées et des ethnies des Hauts-Plateaux du Tây Nguyên. ĐẶNG VĂN THANH: Secteur financier du Vietnam au sein de l'œuvre de renouveau: Succès et leçons. VÕ HÙNG DŨNG: Réajustement de la structure agricole et croissance du commerce extérieur. PHẠM HẠNH SÂM: Sur les normes de la femme vietnamienne d'aujourd'hui. TRẦN QUANG NHIẾP: Rapport d'introduction du Séminaire science-pratique: "Edification du contingent de cadres à l'échelon de base". HÀ ĐĂNG: Sur la question de cadres et de disposition de cadres. TÔ HUY RỨA: Hải Phòng: A pas solides sur le chemin de progrès. HẢI NINH: Il y a un cinéma du Vietnam. KHƯƠNG DUY: Droit international et l'égalité des sexes.

SUMARIO

NÔNG ĐỨC MẠNH: Poner en juego la fuerza de unidad de toda la nación por resolver con eficiencia los apremiantes problemas para continuar llevando adelante la renovación. PHẠM GIA KHIÊM: Para que el trabajo ideológico y cultural devenga una potente fuerza motriz del desarrollo socio-económico. NGUYỄN THỊ DOAN: La lucha contra las demuestraciones oportunistas de progmatismo en el nuevo período. VÕ CHÍ CÔNG: La victoria de Buôn Ma Thuột, inicio de la histórica campaña Hồ Chí Minh y orgullo del ejército y de la población de Tây Nguyên. ĐẶNG VĂN THANH: La finanza vietnamita en la renovación: éxitos y lecciones. VÕ HÙNG DŨNG: El reajuste de estructura industrial y el crecimiento de comercio exterior. PHẠM HẠNH SÂM: Sobre la norma de la actual mujer vietnamita. TRẦN QUANG NHIẾP: Informe de introducción en el Seminario de ciencia y práctica: "Formación de cuerpo de cuadros en las instancias de base". HÀ ĐĂNG: Acerca de la cuestión de cuadros y su planificación. TÔ HUY RỨA: Hải Phòng, sus pasos firmes en el camino de desarrollo. HẢI NINH: La existencia de un cine vietnamita. KHƯƠNG DUY: Leyes internacionales y problemas sobre el derecho de igualdad de la mujer.

目录

• 农德孟 发挥全民族大团结力量，有效地解决一些迫切的问题，使革新事业不断向前迈进• 范嘉谦 使思想—文化工作成为发展经济、社会的巨大动力• 阮氏缘 在新时期进行反实用机会的表现• 武志公 邦美蜀大捷是揭开历史性胡志明战役的序幕—西原少数民族军民的自豪• 邓文青 越南财政在革新事业中—成功和教训• 武雄勇 工业机构的调整及外贸的增长• 范幸参 关于当代越南妇女的准则• 陈光摄 科学实践研讨会题目报告—《建立基层干部队伍》• 何登 关于干部和干部规划问题• 苏辉若 海防市在发展道路上稳步前进• 海宁 越南电影事业• 姜唯 国际法律及妇女平等权的问题。

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, GIẢI QUYẾT HIỆU QUẢ NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH, ĐƯA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TIẾP TỤC TIẾN LÊN *

NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng

VỚI tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 7 (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí thông qua nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và các nghị quyết về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo, về vấn đề đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đó là các vấn đề chính trị hệ trọng, có quan hệ đến sự phát triển của đất nước, đến đời sống thiết thân về chính trị, kinh tế, xã hội của các tầng lớp nhân dân, vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Đó lại là những vấn đề hệ trọng nhưng rất nhạy cảm, cần phải được giải quyết một cách khách quan khoa học.

Yêu cầu đối với chúng ta hiện nay là phải làm mọi việc cần thiết để các nghị quyết ấy sớm đi vào cuộc sống. Tinh thần và nội dung các nghị quyết phải được thấu hiểu sâu sắc và được thống nhất cao trong toàn Đảng và toàn dân, trong toàn bộ hệ thống chính trị và trong mọi tầng lớp xã hội, từ thống nhất nhận thức đẩy tới một phong trào hành động, kiên quyết thực hiện nghị quyết ; cả Đảng, Nhà nước và nhân dân đều thực hiện ; toàn xã hội, mọi người và mỗi người đều cùng làm.

Trước hết, cần nhận rõ ***vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc,*** đối với Đảng ta, không hoàn toàn là vấn đề mới vì đoàn kết dân tộc vốn là truyền thống quý báu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Tư tưởng đoàn kết các tầng lớp nhân dân để làm cách mạng dân tộc giải phóng được phát huy mạnh mẽ ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, được thể hiện xuyên suốt từ *Chính cương vắn tắt* và

(*) Trích Bài nói tại Hội nghị Trung ương 7 (phần 2). Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Sách lược vắn tắt do Bác Hồ khởi thảo, cho đến các chính sách mặt trận của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. Tư tưởng đó thể hiện một cách tập trung, nổi bật nhất trong câu nói mang tính tổng kết lịch sử nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"*. Tư tưởng đại đoàn kết, với nội dung và chất lượng mới, trở thành ngọn cờ chỉ đạo cho công tác vận động cách mạng nói chung và cho công tác mặt trận nói riêng trong thời kỳ mới. Thấm nhuần tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ, Đại hội IX của Đảng đã nêu lên phương hướng chiến lược "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc" nhằm tạo ra động lực mới để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết lần này của Trung ương chính là cụ thể hóa tư tưởng chiến lược ấy của Đại hội IX.

Mục tiêu chung là củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của chúng ta về đại đoàn kết toàn dân tộc là lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Nếu hiểu một cách sâu sắc, đó có nghĩa là chúng ta cần làm rất nhiều để các điểm tương đồng ngày càng được phát huy và nhân lên, những điểm còn khác nhau ngày càng giảm thiểu. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc phải được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Động lực của sự củng cố và phát triển ấy là : bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân ; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí ; không ngừng bồi dưỡng và nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước ; đấu tranh chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của các thế lực thù địch.

Đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước đây, hiện nay và sau này cũng vậy, vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Các vấn đề dân tộc và tôn giáo được đặt ra và giải quyết trong tổng thể, theo phương hướng và nội dung cơ bản của nhiệm vụ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời hết sức chú ý đến tính đặc thù của từng vấn đề ấy.

Digitized by Google

Về ***vấn đề dân tộc,*** chúng ta thực hiện nhất quán chính sách các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, đoàn kết rộng rãi trong nội bộ từng dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số ; thực hiện sự phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi ; thực hiện ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi ; bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ, nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Về ***vấn đề tôn giáo,*** chúng ta luôn luôn coi tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật ; thực hiện đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau và trong nội bộ từng tôn giáo, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Vì sự đoàn kết các dân tộc và các tôn giáo, chúng ta nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta đặc biệt coi trọng việc giải quyết đúng và thực hiện tốt các chính sách - chính sách chung cho mọi tầng lớp nhân dân và chính sách cụ thể cho từng giai cấp và giai tầng xã hội, cho mọi giới, mọi lứa tuổi, cho các dân tộc và tôn giáo, trước hết và quan trọng nhất là những chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, về xây dựng đội ngũ cán bộ. Những chính sách đó trực tiếp tạo nên và củng cố cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội cho đại đoàn kết.

Chúng ta khẳng định rằng, đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tức là của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội khác, trong đó hạt nhân là các tổ chức Đảng. Sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức Đảng là yếu tố quyết định để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Chúng ta đặc biệt coi trọng việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng, đổi mới phong cách và phương thức công tác của cán bộ hoạt động trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là cán bộ dân vận, theo tinh thần "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin", khắc phục bằng được lối làm việc hành chính, quan liêu, xa dân. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể, đội ngũ làm công tác dân vận, công tác dân tộc và tôn giáo có bản

Digitized by Google

lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực và sự hiểu biết cần thiết về các vấn đề mình phụ trách, có tác phong công tác tốt, vươn lên ngang tầm với nhiệm vụ.

Về ***chính sách đất đai,*** quan điểm cơ bản của chúng ta là đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý ; Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo quy định của pháp luật. Quan điểm cơ bản đó đã được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và các văn kiện Đại hội Đảng, liên quan đến bản chất của chế độ xã hội ta. Chúng ta cũng khẳng định rằng, đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn tài nguyên đặc biệt quý giá, là nguồn lực to lớn của đất nước, là không gian, môi trường sống của cả dân tộc. Do đất đai mang tính kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc, các giải pháp về đất đai phải chú ý đầy đủ tới các khía cạnh kinh tế, chính trị, xã hội ; phải vì lợi ích chung của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người đầu tư và người sử dụng đất. Đất đai phải được khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng và nguồn lực của đất, phải được đầu tư phát triển về cả diện tích và chất lượng nhằm phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường quốc phòng, an ninh. Việc đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai phải phù hợp với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trậnTổ quốc, Hội Nông dân và các đoàn thể nhân dân trong vấn đề đất đai.

Xuất phát từ những quan điểm cơ bản ấy, chúng ta tiếp tục bổ sung, sửa đổi những vấn đề quan trọng trong chính sách và pháp luật về đất đai, đặc biệt về chế độ sử dụng đất đai, về nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu và là người quản lý thống nhất đất đai, về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao quyền sử dụng đất, v.v.. Nghị quyết của Trung ương về vấn đề đất đai sẽ là cơ sở quan trọng để Quốc hội xây dựng và ban hành Luật Đất đai mới trong năm 2003, trước mắt đóng góp tích cực vào việc lập lại trật tự, kỷ cương trong việc quản lý, khai thác sử dụng đất đai, phấn đấu để đất đai được khai thác và sử dụng một cách hiệu quả nhất, phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giải quyết tốt các vấn đề trên là một bước tiến mới trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX. Vì đó là những vấn đề vừa có tính thời sự cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài, lại là những vấn đề rất nhạy cảm, được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Do đó, chắc chắn nó sẽ được sự đón nhận, đồng tình và ủng hộ rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân với quyết tâm sớm đưa các nghị quyết đó vào cuộc sống, tạo ra khí thế mới, những cố gắng mới và thành tựu mới. ❑

Digitized by Google

ĐỂ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC MẠNH MẼ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

PHẠM GIA KHIÊM *

NĂM 2002 là năm thứ hai toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, năm mở đầu nhiệm kỳ mới của Quốc hội, năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ Chính phủ. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, đất nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn : thị trường vốn đầu tư nước ngoài và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới biến động bất lợi, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt ; ở trong nước, thiên tai tại một số vùng đã gây thiệt hại lớn... Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã bám sát các nghị quyết của Đảng và Quốc hội, đề ra các cơ chế, chính sách và giải pháp mới, tăng cường chỉ đạo điều hành nhằm phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực, cùng toàn Đảng, toàn dân, khắc phục khó khăn, vươn lên đạt được những kết quả khá toàn diện. Đạt được thành tựu to lớn đó, có sự đóng góp quan trọng của công tác tư tưởng - văn hóa.

1. Công tác tư tưởng - văn hóa không chỉ động viên cổ vũ tinh thần của nhân dân, mà điều quan trọng hơn là làm cho chủ trương, nghị quyết của Đảng, các cơ chế, chính sách và các quyết sách của Chính phủ đi vào cuộc sống, tạo sự kết hợp hài hòa giữa ý Đảng với lòng dân, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn. Đó chính là mối quan hệ hữu cơ giữa công tác tư tưởng - văn hóa với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bài học kinh nghiệm rút ra là : khi công tác tư tưởng - văn hóa xuất phát từ mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bám sát thực tiễn cuộc sống, không ngừng đổi mới nội dung và phương pháp, hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại, thuyết phục thông qua các diễn đàn thật sự dân chủ, thật sự xây dựng của nhân dân thì hiệu quả sẽ nhân lên gấp bội.

2. Nét mới trong năm 2002 là công tác thông tin đối ngoại được mở rộng và tăng cường một bước, với nội dung và hình thức đa dạng, phong phú, đảm bảo sự chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất của Ban Chỉ đạo Thông tin đối ngoại Trung ương. Các

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

bộ, ngành, các địa phương, đơn vị, doanh nghiệp đã chủ động hơn trong công tác thông tin - đối ngoại, góp phần làm cho thế giới hiểu đúng và đầy đủ hơn về đường lối và chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta, mở rộng giao lưu kinh tế - văn hóa, thu hút khách du lịch và đầu tư nước ngoài, tạo bước đột biến trong lĩnh vực xuất khẩu, tranh thủ được sự ủng hộ, tín nhiệm ngày càng cao của bạn bè quốc tế ; kịp thời, chủ động chống lại các thủ đoạn tuyên truyền phản động, các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

3. Một vấn đề rất đáng quan tâm trong công tác tư tưởng - văn hóa là báo chí tích cực tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội, góp phần quan trọng chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương xã hội, xây dựng môi trường xã hội và đời sống tinh thần lành mạnh, đoàn kết toàn dân, củng cố niềm tin giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Báo chí đã giúp Chính phủ nắm được nhiều thông tin về các hành vi tiêu cực để có biện pháp uốn nắn, ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng - văn hóa trong năm 2002 cũng còn một vài điểm cần chú ý. Đó là, phương pháp truyền đạt, phổ biến các nghị quyết của Đảng chưa đủ sức hấp dẫn, thuyết phục, phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn ; chưa quan tâm đúng mức tới việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, cụ thể các cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đến đại đa số nhân dân. Việc cụ thể hóa Nghị quyết chưa sát tình hình và nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, chưa sâu sắc, thiếu các giải pháp thiết thực, khả thi. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, báo chí chưa cập nhật và thông tin kịp thời về những vấn đề thiết thực đến mọi tầng lớp nhân dân. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Đảng với các cơ quan chức năng của Nhà nước trong quản lý báo chí chậm được cụ thể hóa, nên hiệu quả quản lý báo chí chưa cao ; chưa phát huy hết vai trò của báo chí trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Để công tác tư tưởng - văn hóa tiếp tục trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành những mục tiêu do Đại hội lần thứ IX của Đảng đề ra, trước hết là nhiệm vụ của năm 2003, năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), chúng ta cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản sau :

Một là, công tác tư tưởng - văn hóa cần động viên tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân, phát huy mọi nguồn lực trong xã hội, tham gia thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2003 với các chỉ tiêu chủ yếu : GDP tăng 7% đến 7,5% ; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5%, công nghiệp tăng từ 14% đến 14,5%, dịch vụ tăng từ 7% đến 7,2%, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 7,5% đến 8%, tạo việc làm cho 1,5 triệu người, đào tạo nghề cho hơn 1 triệu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 12,5%.

Để làm được điều đó, công tác tư tưởng - văn hóa cần bám sát thực tiễn ở cơ sở, kịp thời nắm bắt và dự báo chính xác diễn biến tư tưởng, tâm tư và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, từ đó tuyên truyền, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về

Digitized by Google

đại đoàn kết dân tộc, tạo động lực cho công cuộc đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; chủ động kiến nghị với Nhà nước sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân, tập thể và nhà nước, tạo ra sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và sự đồng thuận xã hội ngày càng cao, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, tham gia có hiệu quả vào quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Công tác tư tưởng - văn hóa cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước với các cơ quan chức năng của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành thúc đẩy mạnh mẽ quá trình dân chủ hóa mọi mặt của đời sống xã hội gắn với giữ gìn kỷ cương, kỷ luật, khuyến khích và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để nhân dân phát huy sáng tạo, tự giác tham gia xây dựng chính quyền nhà nước trên cả ba mặt : tổ chức - bộ máy ; pháp luật và cơ chế, chính sách ; đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, góp phần làm cho cơ chế, chính sách và pháp luật của nhà nước đi vào cuộc sống, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân. Việc tuyên truyền, giải thích các cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ cần được các cơ quan làm công tác tư tưởng - văn hóa triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức thích hợp, hiệu quả. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng trong việc giải phóng mặt bằng, quy hoạch đô thị vừa qua rất cần được quan tâm.

Công tác tư tưởng - văn hóa phải gắn bó chặt chẽ và khơi dậy các phong trào của quần chúng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, làm cho công tác tư tưởng gắn liền với cuộc sống. Qua phong trào quần chúng mà xây dựng tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, tình cảm, rèn luyện đạo đức, lối sống ; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc ; hình thành nên những chuẩn mực giá trị tinh thần của xã hội, chuẩn mực đạo đức của con người mới. Mặt khác, từ trong phong trào quần chúng mà phát hiện những mô hình hay, điển hình tốt, cách làm sáng tạo, để nhân ra diện rộng và tổng kết thành đường lối, chủ trương của Đảng, làm căn cứ để hoạch định cơ chế, chính sách vĩ mô của nhà nước. Thực tế cho thấy, khi phong trào quần chúng phát triển sâu rộng, chúng ta không chỉ huy động được các nguồn lực to lớn của toàn xã hội vào giải quyết những nhiệm vụ kinh tế - xã hội to lớn, bức xúc, mà còn góp phần tạo nên một xã hội đồng thuận, nhân ái, công bằng, bình đẳng và văn minh, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững. Kinh nghiệm của Đắk Lắk, Hà Giang, gắn công tác tư tưởng - văn hóa với phát động phong trào quần chúng, với việc kiểm tra việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, kịp thời giải quyết tại chỗ những vấn đề nảy sinh ở cơ sở rất cần được tổng kết, nhân rộng.

Chính phủ sẽ tăng cường chỉ đạo các bộ, ngành, các cấp chính quyền phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đẩy mạnh phong trào

Digitized by Google

"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, đặc biệt là phòng, chống ma túy, ngăn chặn và giảm thiểu tai nạn giao thông, thực hiện có hiệu quả 6 chương trình mục tiêu quốc gia. Đó là, Xóa đói giảm nghèo và việc làm ; Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ; Dân số và Kế hoạch hóa gia đình ; Phòng chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS ; Giáo dục - Đào tạo ; Văn hóa ; cũng như các chương trình kinh tế - xã hội khác. Đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa trong Giáo dục, Văn hóa, Y tế, Thể dục thể thao... Chính phủ sẽ tiếp tục tạo các điều kiện cần thiết, chủ động tháo gỡ những khó khăn để thúc đẩy các cuộc vận động, các phong trào thi đua, các chương trình kinh tế - xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ cả chiều rộng và chiều sâu.

Hai là, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thông tin đối ngoại.

Năm 2003, chúng ta sẽ tiến thêm một bước mới trong lộ trình hội nhập AFTA và thực hiện cam kết quốc tế. Chúng ta cần nhận rõ các cơ hội, các thuận lợi, đồng thời phải thấy rõ các thách thức, khó khăn, kể cả sự chống phá của các thế lực thù địch để có giải pháp đối phó thích hợp. Vì vậy, công tác thông tin đối ngoại cần tiếp tục được mở rộng, nâng cao chất lượng, đảm bảo nhanh, nhạy, sắc bén, hiệu quả và giữ gìn bí mật quốc gia.

Chính phủ sẽ tăng cường chỉ đạo các bộ, ngành chức năng phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ trong việc xử lý những vấn đề thông tin đối ngoại, coi trọng tuyên truyền, phổ biến cơ chế và chính sách kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài ; đấu tranh kiên quyết, làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của các thế lực thù địch ; tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và kỹ thuật truyền thông, tăng thời lượng, mở rộng địa bàn, nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại theo đúng định hướng của Đảng, đảm bảo sự quản lý của nhà nước.

Ba là, tăng cường quản lý nhà nước về báo chí.

Thời gian qua, báo chí đã có những đóng góp rất tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là trong việc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực. Báo chí cũng đã giúp Chính phủ trong việc nắm thông tin, kịp thời có những biện pháp chỉ đạo, điều hành sát với tình hình thực tế... Tuy vậy, hoạt động báo chí vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, chậm được khắc phục. Trách nhiệm đó, trước hết thuộc về đội ngũ những người làm báo, Tổng biên tập các báo và có phần trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản báo chí.

Nhằm góp phần tạo nên dư luận xã hội lành mạnh, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, báo chí cần phải hoạt động đúng mục đích, tôn chỉ, phải đảm bảo tính chân thực, tính chiến đấu, tính xây dựng và tính đa dạng... Muốn vậy, phải tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo và quản lý báo chí, đề cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản báo chí và các cơ quan báo chí, trước hết là các đồng chí lãnh đạo, cho đến từng phóng viên, biên tập viên, nhằm phát huy mặt mạnh, mặt tích cực của báo chí ; đồng thời, khắc

(Xem tiếp trang 15)

Digitized by Google

ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG BIỂU HIỆN CƠ HỘI THỰC DỤNG TRONG THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN THỊ DOAN*

BẢN thân khái niệm chủ nghĩa cơ hội không có gì mới, nhưng ngày nay nó đang bị lẫn lộn, chi phối bởi các quan hệ thị trường, giữa việc tận dụng cơ hội để giải quyết thành công một vấn đề nào đó với những biểu hiện cơ hội chính trị trong hoạt động của Đảng. Chính vì vậy, trong một thời gian dài chúng ta lên tiếng đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa cơ hội, nhưng kết quả thu được không cao. Một phần có thể do việc nhận diện chủ nghĩa cơ hội trong cuộc sống hằng ngày còn mơ hồ, hữu khuynh. Để giúp cho các tổ chức đảng có thêm tài liệu tham khảo về vấn đề này, chúng tôi xin được đưa ra một vài suy nghĩ về loại cơ hội thực dụng - một loại cơ hội nguy hại đang được bàn luận nhiều trong thời gian hiện nay.

Vì sao có cơ hội thực dụng ? Xét về đại cục, cuộc cách mạng của chúng ta đã giành được thành quả to lớn và có những bước tiến quan trọng. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, nhân dân ta đã được hưởng tự do. Tuy còn nhiều việc phải làm, nhưng những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân là rất cơ bản và to lớn. Đảng ta đã đặt ra mục tiêu chiến lược về huy động sức mạnh toàn dân tộc để chấn hưng đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vị thế của quốc gia, dân tộc đang ngày càng được nâng cao. Ngày nay, chúng ta đang tham gia đàm phán bình đẳng với nhiều cường quốc trên thế giới về các hiệp định thương mại song phương và đa phương nhằm tạo lập các quan hệ buôn bán bình đẳng và cùng có lợi. Chúng ta cũng đang tham gia tích cực vào các vòng đàm phán để tiến tới gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước do Đảng ta - đội tiền phong của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc - lãnh đạo toàn diện, trực tiếp đã và đang đạt được những thành tựu quan trọng. Trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó, như Bác Hồ đã dạy : Đảng ta không có một mục đích nào khác là phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phấn đấu không mệt mỏi vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhưng cũng chính trong sự chiến thắng huy hoàng ấy, trong khi sự tín nhiệm tuyệt đối của nhân dân vào Đảng ngày càng tăng, thì đã xuất hiện những cá nhân có tư tưởng cơ hội chủ nghĩa. Biết được rằng xu thế

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Digitized by Google

cách mạng ở Việt Nam là không thể đảo ngược được, nên những biểu hiện cơ hội chủ nghĩa không cuồng nhiệt tới mức ngang nhiên xuyên tạc, hay cắt xén chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (trừ các thế lực phản động). Do đó, cơ hội chủ nghĩa, hay xét lại ở cấp độ cao không có hoặc ít xuất hiện. Ở cấp độ thấp, chủ nghĩa cơ hội thường gắn liền với chủ nghĩa thực dụng. Loại này là đặc trưng ở một số người chỉ chú tâm đến lợi ích cá nhân, mang nặng chủ nghĩa cá nhân. Trước những khó khăn, thử thách, họ không tin vào sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng, ngại khó ngại khổ, nhưng lại đầy tham vọng về công danh, quyền lực nhằm mục đích cá nhân, là "vinh thân, phì gia". Đây thường là mục tiêu cao nhất và xuyên suốt của dạng cơ hội thực dụng ngày nay. Những người thuộc dạng này hoạt động bằng nhiều cách và bằng nhiều thủ đoạn. Những biểu hiện của họ thường được thể hiện ở các dạng khác nhau, có thể hình dung, như sau :

1. Khéo léo thích nghi, thích ứng để đạt mục tiêu cá nhân. Trong tác phẩm "Về vấn đề thanh đảng", từ năm 1921, V. I. Lê-nin viết rằng : "Không những và thậm chí cũng không phải là do chủ nghĩa Ma-ki-a-ven-li (*) (dù rằng những người men-sê-vích đã chứng tỏ từ năm 1903 rằng họ rất thành thạo về thủ đoạn ngoại giao tư sản) mà đúng hơn là do "khả năng thích ứng" của họ. Bất cứ một người cơ hội chủ nghĩa nào cũng đều có khả năng thích ứng như vậy (nhưng không phải bất cứ một khả năng thích ứng nào cũng đều là chủ nghĩa cơ hội), và những người men-sê-vích, với tư cách là những người cơ hội chủ nghĩa, thì có thể nói là "về nguyên tắc" họ thích ứng với trào lưu thịnh hành trong công nhân, họ thay màu đổi sắc để ẩn nấp được dễ dàng hơn,..."(1). Đó là câu chuyện của lịch sử, diễn ra trong phong trào cộng sản. Nhưng một số người khéo léo luồn lách, nịnh bợ, không có chính kiến độc lập, luôn lấy lòng các cấp lãnh đạo... lại đang có cơ hội để thăng quan tiến chức. Khi nắm được quyền lực, số người này quay lại đối xử hách dịch với quần chúng cấp dưới, tác phong quan liêu, trù úm những người đấu tranh vì lợi ích chung. Một lô-gích hiện hữu là họ không bao giờ vì lợi ích của Đảng, của quốc gia dân tộc, mà họ làm việc chỉ vì lợi ích của chính cá nhân họ. Cho nên đứng trước lực hấp dẫn của đồng tiền và quyền lực, họ không kiềm chế được mình, họ trở nên dễ bị mua chuộc bằng các hình thức hối lộ, đút lót và lén lút vi phạm nguyên tắc.

2. Không dám biểu hiện ra bên ngoài, nhưng trong lòng thì cũng có một số người không tin vào sự thắng lợi tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng, của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, lý tưởng cách mạng ở họ chỉ ở cuộc sống vật chất tầm thường. Không ít trong số họ tìm mọi thủ đoạn và cơ hội để tham ô, tham nhũng. Thậm chí họ đã tạo cho mình cuộc sống xa hoa, vương giả, quan dạng, xa cách với quần chúng, nhất là một số đã không từ cả những thủ đoạn tiếp tay, bao che cho bọn tội phạm, xã hội đen, gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Một số vì say mê quyền lực, coi chức quyền như một thứ để trục lợi, kinh doanh,

---

(*) Chính sách của những kẻ không từ bất cứ phương tiện nào để đạt được mục tiêu, chà đạp lên bất cứ đạo đức và lòng trung thực nào. Thuật ngữ này có nguồn gốc và mang tên của nhà hoạt động chính trị I-ta-li-a cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI, Ma-ki-a-ven-li. Ông ta khuyên các nhà cầm quyền không từ bất cứ phương tiện nào (cho đến cả sự bội tín, lừa dối, phản bội, giết chóc) để đạt những mục tiêu đã đề ra.

(1) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 153

Digitized by Google

mua bán. Để tiến thân bằng chức tước, họ tìm mọi thủ đoạn, quên cả tình nghĩa, thậm chí chà đạp lên cả đồng chí, đồng đội. Họ bất chấp mọi quy trình, quy chế dân chủ trong tuyển chọn và đề bạt cán bộ. Họ dối trên lừa dưới, thực hành dân chủ một cách hình thức, trong thực tế là mất dân chủ, để hợp thức hóa các quyết định mang tính độc đoán, cá nhân. Lãnh đạo các cấp chỉ nhận được những thông tin sai lệch với thực tế, lại thiếu kiểm tra, kiểm soát, cho nên đã để cho chủ nghĩa quan liêu, xa dân trở thành "mảnh đất mầu mỡ" cho những kẻ cơ hội thực dụng phát sinh và phát triển.

4. Cũng có những nơi, người đứng đầu một cơ quan, tổ chức, đoàn thể... không đủ dũng cảm để nghe những ý kiến trung thực, thẳng thắn và có tính chất xây dựng của quần chúng, của cấp dưới. Trái lại, họ tìm cách cô lập những người đấu tranh thẳng thắn, chỉ sử dụng những người nịnh bợ, tận tụy ngày đêm đem lại lợi ích cho họ, lo lót và vun vén cho gia đình, vợ con của họ. Đó cũng là một dạng của những kẻ cơ hội thực dụng.

5. Những người chỉ vì địa vị, lợi ích cá nhân, không chịu tuyển dụng những người có đủ đức tài kế cận, sợ quần chúng đánh giá tài năng của người cấp dưới hơn mình, chỉ chọn lựa những người ủng hộ mình mọi lúc, mọi nơi, bất kể đúng sai. Không những thế họ còn tạo ra môi trường để cho một số cá nhân có tư tưởng cơ hội thực dụng dung thân và phát triển, lây lan.

6. Trong nhiều trường hợp khác, những kẻ cơ hội lại rất thành thạo trong việc xoay xở, tranh thủ lá phiếu. Nhất là khi trong tập thể có hai cách tiếp cận, hay hai quan điểm xử lý một vấn đề chung nào đó khác nhau, cao điểm là có thể không đi đến hòa giải được, thì nguyên tắc biểu quyết được dùng làm cơ sở cho các quyết định có tính chất dân chủ. Những kẻ cơ hội tìm cách "thỏa thuận", "thỏa hiệp" với cả quan điểm này lẫn quan điểm kia, để cuối cùng tranh thủ được cả hai phía và dành được số phiếu ủng hộ về cho mình.

7. Lại có người bằng nhiều thủ thuật, chạy chọt dựa vào những đánh giá không sát thực của cấp trên để bịt mọi ý kiến trong quần chúng về khuyết điểm của mình, thậm chí còn dùng cấp trên để "răn đe" những ý kiến của quần chúng, đảng viên nói thẳng, nói thật về những sự suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống, sự bè phái của họ. Công luận gọi cách làm này là đi "tìm bùa" để trấn an dư luận hoặc đi tìm "phao cứu hộ".

8. Những hiện tượng tiêu cực như cố tình hạch toán sai, báo cáo không đầy đủ, giấu nguồn thu, trốn thuế thu nhập, cản trở kiểm tra, kiểm soát, sử dụng tiền của tập thể lợi dụng danh nghĩa của cơ quan để chạy chọt... gây bất bình trong quần chúng cũng là những biểu hiện của cơ hội thực dụng.

9. Một biểu hiện nữa của cơ hội thực dụng là, việc đánh giá và đề bạt cán bộ. Chẳng hạn như : Có những cán bộ có đức, có năng lực thực sự, được đưa vào quy hoạch, nhưng khi người cơ hội lên lãnh đạo thì đánh giá ngược lại. Những người vốn trước đây được coi là có đức, có tài thì nay họ lại bị cô lập, không sử dụng. Họ đưa một số khác "cùng cánh" lên nắm các vị trí chủ chốt, tạo ra một "ê-kíp" trung thành với mình, để thực hiện những ý đồ cá nhân. Số này tuy không nhiều nhưng cũng không phải hiếm thấy hiện nay.

Có thể nói, những biểu hiện của cơ hội thực dụng trong cuộc sống muôn hình muôn vẻ. Trên đây chỉ mới nêu những biểu

Digitized by Google

hiện phổ biến hiện nay để chúng ta nhận diện và đấu tranh. Phải thấy rằng, cuộc đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội thực dụng là rất gay go, phức tạp. Theo chúng tôi, trước hết nên tập trung vào *bốn khâu trọng yếu*, như sau :

Một là, *các cấp ủy đảng cần thực hiện tốt Chỉ thị 95 của Ban Bí thư về phê bình và tự phê bình.* Rà soát lại việc đánh giá cán bộ, từ thực hiện các quy trình, quy chế tuyển chọn, đào tạo đến đề bạt cán bộ. Qua đó, hạn chế đến mức tối đa những tác hại của cơ hội thực dụng, mà cốt lõi của nó là : chủ nghĩa cá nhân, hẹp hòi ích kỷ, địa phương cục bộ, mất đoàn kết, không khách quan, thiếu công tâm trong xử lý các việc công. Muốn vậy, trong đánh giá đức và tài của cán bộ phải có tiêu chí, chuẩn mực rõ ràng, tránh cảm tính, chủ quan. Lưu ý những nhận xét đánh giá và những thông tin phản ảnh của quần chúng về cán bộ là rất quan trọng. Chúng ta thường nói, phát huy dân chủ trong lựa chọn cán bộ, lựa chọn nhân tài, nhưng vấn đề còn bỏ ngỏ là các cơ quan chức năng và những cán bộ chủ chốt đã tiếp thu ý kiến của dân đến đâu. Hiện tượng khá phổ biến của nhiều cơ quan hiện nay trong việc lựa chọn, bố trí đề bạt cán bộ là chưa thực sự lắng nghe ý kiến của quần chúng, hoặc có nghe cũng chỉ là hình thức, thủ tục. Vì vậy, không ít nơi có tình trạng dân chủ bị lợi dụng cho mục đích cá nhân, hoặc cho một nhóm cơ hội để hợp thức bằng vỏ bọc hình thức dân chủ.

Hai là, *tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng bằng những biện pháp thật hiệu quả, thiết thực và công tâm, khách quan.* Cấp ủy cần lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30 của Điều lệ Đảng. Lâu nay, ở nhiều nơi công tác này thường chỉ do ủy ban kiểm tra các cấp làm và tập trung vào các vụ việc, khi có đơn từ khiếu nại hoặc tố cáo. Do đó, có lúc, có nơi công tác kiểm tra còn bị động và kém hiệu quả. Cần làm đúng chức năng như Điều lệ Đảng đã nêu, nhất là chức năng của các cấp ủy đảng. Phải mở rộng nội dung và làm tốt việc kiểm tra thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các cấp ủy và đảng viên đương chức. Điều này nếu được thực hiện tốt, công tác kiểm tra của Đảng sẽ góp thêm nhiều thông tin quan trọng trong đánh giá một cách công tâm, khách quan đối với các hoạt động của cấp ủy, chính quyền và đảng viên.

Ba là, *thi hành trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các đơn vị và các tổ chức, phân công, phân nhiệm, đánh giá kết quả thật rõ ràng.* Trong dư luận thường nhắc đến từ "ê-kíp" trong lãnh đạo quản lý. Bản thân từ "ê-kíp" luôn chứa đựng tính ưu tiên của lợi ích tập thể và lợi ích cộng đồng. Nhưng trên thực tế, không ít nơi đã lạm dụng từ này để dung dưỡng "chủ nghĩa đỡ đầu" trong công tác, trong việc cất nhắc, đề bạt cán bộ, bất chấp các quy định về tiêu chuẩn, quy trình và các nguyên tắc, nhất là *nguyên tắc tập trung dân chủ.* Từ đó, nhằm tạo ra thứ "ê-kíp" bọc lót cho nhau để nhằm thao túng, vụ lợi cho cá nhân hoặc cho một nhóm người. Sở dĩ có đất cho tình trạng ô dù, kéo bè kéo cánh, là vì có chủ nghĩa cá nhân, và những người cơ hội thực dụng cũng như tình trạng không phân định trách nhiệm cá nhân rõ ràng đối với từng cương vị công tác. Tình trạng "hòa cả làng" mỗi khi làm sai nguyên tắc hay công việc không hoàn thành, nhưng không ai chịu trách nhiệm vẫn đang diễn ra ở nhiều nơi, hoặc hiện tượng có những tổ chức cơ sở

Digitized by Google

đảng nhiều năm đạt danh hiệu "trong sạch vững mạnh" nhưng thực chất khi kiểm tra thì vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng. Rút cục, lợi ích chung bị xâm hại, của công bị lãng phí, cán bộ vi phạm bị kỷ luật, còn người đứng đầu cơ quan thì trách nhiệm không rõ ràng. Do đó, muốn đề cao trách nhiệm cá nhân để khắc phục những biểu hiện của cơ hội thực dụng, đòi hỏi phải chống quan liêu, hời hợt, chủ quan trong đánh giá cán bộ.

Bốn là, *chấn chỉnh một bước căn bản sự tôn trọng của mọi người đối với kỷ cương phép nước,* thực hiện "sống và làm việc theo pháp luật". Kỷ cương phép nước được thực hiện tốt sẽ có tác dụng phát huy dân chủ tốt, cô lập và ngăn chặn các biểu hiện cơ hội thực dụng, lợi dụng dân chủ để thực hiện các động cơ cá nhân gây mất ổn định nội bộ. Không ít người cho rằng tình trạng kỷ cương, phép nước không nghiêm vừa qua ở một số nơi là do những sơ hở trong cơ chế hiện hành. Nhưng chúng ta hãy tự đặt câu hỏi, vì sao trong cùng một khung pháp lý, không ít các tỉnh, thành phố, các địa phương, các cơ quan, tổ chức và nhiều cá nhân vẫn làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình, không những thế còn tích cực tham gia đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội ?. Vì vậy, trong khi hoàn thiện thể chế, chấn chỉnh kịp thời những sơ hở trong cơ chế, chính sách, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng lạm quyền và không rõ ràng trong đánh giá cán bộ, cũng cần thấy rõ vai trò to lớn của công tác chỉ đạo thực tiễn và giáo dục đạo đức, tư tưởng, công tác tuyên truyền nhằm thực hiện tốt kỷ cương phép nước, đề cao những tấm gương tốt trong xã hội, hướng thiện và đẩy lùi cái ác trong cuộc sống nhằm đưa đất nước ta phát triển hơn nữa.❑

ĐỂ CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 10)

phục khuynh hướng thương mại hóa, đưa thông tin thiếu khách quan, không chính xác, không nhất quán gây tâm lý hoang mang trong dư luận, coi nhẹ việc biểu dương những cái tốt, cái tích cực đang có xu hướng tăng trong xã hội ta. Báo chí phải kết hợp chặt chẽ giữa "xây" và "chống", xác định "xây" là chính, coi "xây" là biện pháp chống tiêu cực một cách tích cực và hiệu quả nhất. "Chống" là cần thiết, nhưng phải tính đến hiệu quả mọi mặt của vấn đề, "chống" nhưng không được gây ra tâm lý bi quan, tiêu cực trong xã hội. Đây là vấn đề hết sức quan trọng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ, tìm ra những giải pháp có hiệu quả để đảm bảo cho báo chí thực sự là công cụ sắc bén trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng.

Công tác tư tưởng - văn hóa trong thời gian tới có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Do vậy, cần có những biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm huy động được lực lượng đông đảo trong xã hội cùng tham gia, nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên đang làm việc trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Công tác tư tưởng - văn hóa phải thực sự gắn bó với thực tiễn cuộc sống, hướng mạnh về cơ sở, tới từng gia đình, từng cá nhân. Làm được như vậy, chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện thắng lợi các yêu cầu, nhiệm vụ của công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

CHIẾN THẮNG BUÔN MA THUỘT MỞ ĐẦU CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ - *niềm tự hào của quân và dân các dân tộc Tây Nguyên*

VÕ CHÍ CÔNG*

TÂY Nguyên là địa bàn chiến lược rất quan trọng của Liên khu V và của cả nước. Các dân tộc Tây Nguyên có truyền thống đấu tranh anh dũng, kiên cường chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, có niềm tin sắt đá đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Bọn thực dân Pháp thường rêu rao : "Ai nắm được miền cao nguyên Tây Nam này sẽ nắm chắc cả miền Nam Việt Nam và cả xứ Đông Dương". Vì vậy, chúng ra sức bắt đồng bào các dân tộc thiểu số từ 18 đến 60 tuổi phải thay phiên nhau đi làm xâu ở các đồn điền của chúng, tuyển mộ công nhân người Kinh từ miền xuôi lên lao động cật lực dưới làn roi vọt của bọn chủ các đồn điền của Pháp với đồng lương rẻ mạt. Khi bọn thực dân mới đặt chân tới đây, nhiều nơi công nhân đã nổi dậy chống lại chúng.

Về cơ bản, các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng như các dân tộc thiểu số ở nước ta, nếu ta nắm vững đường lối chính sách dân tộc của Đảng, đi sâu vào quần chúng các dân tộc và tích cực tuyên truyền giáo dục giác ngộ, tổ chức, lãnh đạo họ đứng lên đấu tranh thì sẽ đạt được những thắng lợi to lớn.

Trải qua 18 năm đấu tranh kiên cường bất khuất chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên đã giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, nhất là từ sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, quân và dân ta đã từng bước đánh bại "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" rồi đến "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy.

Tháng 5-1973, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đã đánh giá sự phát triển của phong trào đấu tranh miền Nam, tình hình địch ta, đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới và trở thành Nghị quyết 21 của Trung ương tháng 10-1973.

Đảng bộ Liên khu V mở Đại hội triển khai thực hiện Nghị quyết 21 của

* Nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Digitized by Google

Trung ương đã đề ra nhiệm vụ chiến đấu, tạo ra thời cơ tổng tiến công và tổng khởi nghĩa bằng mở các đợt hoạt động đánh địch mạnh từ Xuân Hè năm 1974. Ở đồng bằng Liên khu V, quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy tiêu diệt, bức hàng, bức rút 300 cứ điểm của địch, làm chủ được một vùng rộng lớn.

Chúng ta đã đánh một loạt cứ điểm, nhất là các cụm cứ điểm Đắc Pét, Ia Súp, v.v.. diệt các cứ điểm ở phía Bắc và phía Tây của địch, mở rộng thế làm chủ và xây dựng vùng căn cứ bảo đảm thông đường chiến lược vững chắc, nối liền hành lang đường ô-tô vận tải từ Nam Tây Nguyên đến đồng bằng và đi vào Đông Nam Bộ. Vùng ta kiểm soát được mở rộng liên hoàn từ Tây Nguyên miền núi đến gần các thành phố, lực lượng cách mạng nhanh chóng phát triển.

Bị thất bại nặng, địch co về phòng ngự, bị ta phá vỡ nhiều nơi làm cho thế phòng ngự của chúng suy yếu, dao động chưa từng thấy. Ta tích cực chuẩn bị lực lượng các mặt mạnh lên, tinh thần sôi nổi hơn lúc nào hết, tạo đủ điều kiện cho thế tấn công và nổi dậy để năm 1975 có thể hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Liên khu V bao gồm cả Tây Nguyên.

Tháng 12-1974, tôi và đồng chí Chu Huy Mân (Tư lệnh Quân khu V) đi dự Hội nghị Bộ Chính trị đợt 2, với sự tham dự của các đồng chí lãnh đạo ở chiến trường miền Nam. Trên cơ sở phân tích tổng hợp tình hình phong trào cách mạng miền Nam, so sánh lực lượng địch và ta, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị kết luận : "Ta đứng trước thời cơ chiến lược mới tạo ra sau 20 năm đấu tranh liên tục, ngoài thời cơ đó không còn thời cơ nào nữa. Ta đã tạo ra được cơ sở cần thiết về thế và lực, về vật chất và tinh thần, về chuẩn bị chiến trường và các mặt, bảo đảm hạ quyết tâm chiến lược trong năm 1975 - 1976, động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất bằng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước".

Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược 2 năm 1975-1976 nhưng cũng dự kiến một phương án khác cực kỳ quan trọng là, nếu thời cơ đến vào đầu năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Nếu trong tình hình ta đánh một đòn lớn, địch bị đảo lộn, ta đánh tiếp cho địch tan rã và đánh như chẻ tre. Do đó, trên các chiến trường, ta tích cực thực hiện kế hoạch đánh địch và xây dựng lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị thật khẩn trương về chiến lược : tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt, tạo yếu tố bất ngờ về chiến lược dẫn đến những bước phát triển nhảy vọt. Cần tạo ra thời cơ, bất cứ tình huống nào cũng không được để lỡ thời cơ chiến lược.

Quán triệt nội dung trên, tôi bàn với đồng chí Chu Huy Mân phải về Khu V trước để chuẩn bị chiến trường. Vấn đề hết sức quan trọng có tính quyết định là chọn hướng trọng điểm và trận mở đầu của kế hoạch chiến lược, đánh ở đâu ? Đây là vấn đề được Hội nghị thảo luận kỹ.

Digitized by Google

Nhiều hướng trên chiến trường được đưa ra chọn trong Hội nghị. Có hai loại ý kiến khác nhau nên Hội nghị thảo luận rất sôi nổi trên hai hướng : một bên là Đông Nam Bộ và Sài Gòn, một bên là Nam Tây Nguyên, mở đầu bằng việc đánh chiếm Buôn Ma Thuột. Ý kiến nêu ra của hai bên hoàn toàn không có ý thức cục bộ, địa phương, mà để thảo luận, chọn phương án tối ưu, nhưng lại trùng hợp với những người phụ trách địa phương đó. Cuối cùng, đồng chí Lê Duẩn kết luận : Khu vực có đủ điều kiện chọn và hạ quyết tâm là Nam Tây Nguyên. Đây là hướng chủ yếu mở đầu của kế hoạch chiến lược Tổng tiến công và nổi dậy. Trọng điểm là đánh chiếm Buôn Ma Thuột và xem đây là bước mở đầu chiến dịch, của hướng chiến lược, trận đầu quyết chiến chiến lược tiêu diệt địch.

Kết luận đó là sự cô đúc những ý kiến được thảo luận tập thể trong Bộ Chính trị, bằng một nhận định chính xác : Tây Nguyên nói chung là địa bàn quan trọng cả địch và ta. Buôn Ma Thuột là điểm chốt mà địch bố trí lực lượng mạnh trong chiến lược phòng ngự từ xa bảo vệ Sài Gòn và các sườn của các thành thị ven biển miền Trung. Ta bất ngờ đánh chiếm Buôn Ma Thuột sẽ làm đảo lộn hệ thống phòng thủ chiến lược của địch ở Tây Nguyên, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng Tây Nguyên, sẽ tạo được hành lang an toàn thuận lợi về mọi mặt cho cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

So sách địch - ta ở chiến trường Liên khu V nói chung và Tây Nguyên kể cả lực lượng chi viện của miền Bắc và lực lượng tại chỗ thì ta hơn địch về thế và lực. Sức mạnh tổng hợp của ta là các thứ quân, với tinh thần và quyết tâm cao, còn quân địch thì tinh thần suy yếu ; về số lượng thì ta bằng chừng 1/3 của địch, nhưng chất lượng mạnh hơn nhiều. Lực lượng quần chúng nông thôn cũng như thành phố, các dân tộc Tây Nguyên tuyệt đại bộ phận đứng về phía ta, đang nao nức nổi dậy, rất tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, hết lòng đóng góp sức người sức của vào sự nghiệp giải phóng quê hương. Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên vững vàng, dám hy sinh đã trải qua vô vàn thử thách, trong lãnh đạo quân dân đánh địch kiên cường, linh hoạt. Nhất là ta có kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh cũng như trên từng chiến trường, luôn giành thế chủ động tiến công địch liên tục, bất ngờ, đập vào chỗ yếu của địch, v.v.. Những yếu tố trên cho thấy, ta nhất định đánh thắng địch.

Với niềm tin tất thắng của kế hoạch chiến lược, về tâm lý mà nói đồng chí phụ trách chiến trường nào cũng muốn quyết định mở màn chiến dịch ở chiến trường mình, nhưng đều có sự nhất trí cao về ý nghĩa chiến thắng to lớn của chiến lược đánh chiếm Buôn Ma Thuột trên địa bàn Tây Nguyên. Hội nghị đều phấn khởi và nhất trí hoàn toàn với kết luận của đồng chí Lê Duẩn.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập ngay Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên do Thượng tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh trưởng, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy.

Kết luận được thông qua với quyết tâm và niềm phấn khởi trên, tôi cấp tốc đi trong 3 ngày về đến Khu V và họp ngay

Digitized by Google

Thường vụ Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, truyền đạt nội dung Hội nghị Bộ Chính trị, bàn kế hoạch thực hiện và phân công các đồng chí đi truyền đạt, bàn kế hoạch với các tỉnh.

Thường vụ Khu ủy V họp ngày 18-3, quyết định mở chiến dịch Xuân Hè. Chỉ trong 15 ngày đầu chiến dịch, quân dân trong toàn khu đã giáng những đòn sấm sét tiêu diệt và làm tan rã 1/3 tổng số lực lượng địch bao gồm quân chủ lực, biệt động, bảo an của chúng ở Tây Nguyên. Lực lượng dân vệ của chúng thì tan rã gần hết.

Trước khi đánh chiếm Buôn Ma Thuột, từ ngày 4 đến ngày 10-3-1975, ta bắt đầu đánh một số cứ điểm Tây Plây Ku, chia cắt đường 14 giữa hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Địch chủ quan cho rằng, ta chỉ có thể đánh Bắc Tây Nguyên. Cuộc chuẩn bị đánh chiếm Buôn Ma Thuột là cuộc đấu trí giữa ta và địch.

Thời gian này, quân ta ở Tây Nguyên thường có 2 sư đoàn chủ lực (Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320). Từ lâu, bọn Mỹ - ngụy ở Tây Nguyên cho rằng, hễ Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 của ta di chuyển về hướng nào thì nơi đó sẽ xảy ra đánh lớn. Ta đã bí mật thế chỗ của Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 bằng Sư đoàn 968 từ Hạ Lào hành quân vượt biên giới Việt - Lào vào Tây Nguyên và Sư đoàn 316 hành quân từ Nghệ An vào đầu tháng 1-1975. Khi các Sư đoàn (10 và 320) chuyển quân, đã để lại toàn bộ mạng thông tin vô tuyến điện và cả nhân viên báo vụ. Các đài vô tuyến vẫn duy trì phát sóng đúng giờ, tung ra cả báo cáo giả đường dây hữu tuyến. Tình báo địch khi theo dõi các tín hiệu của ta phát ra, chúng vẫn đinh ninh là Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 vẫn còn ở vị trí cũ. Sau này, một chuyên gia tình báo Mỹ đã thừa nhận một cách cay đắng rằng : "Chúng ta quá tin vào kỹ thuật nên đã bị cộng sản dùng kỹ thuật để lừa" (theo tài liệu của Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên).

Đến ngày 9-3-1975, ta đã cài thế trận xong : nghi binh phía Bắc Tây Nguyên, cắt tuyến đường quan trọng để chia Tây Nguyên ra nhiều đoạn, lập thế trận của các lực lượng được tăng cường : bộ binh, đặc công, xe tăng, pháo binh, bộ đội địa phương và dân quân du kích bí mật bám sát và vây chặt Buôn Ma Thuột.

Để giấu việc tập trung quân về Buôn Ma Thuột, Bộ Tư lệnh Mặt trận điều động một số đơn vị và rất nhiều dân công hỏa tuyến lên phía Kon Tum - Plây Ku rậm rịch mở đường đào hào, chuẩn bị trận địa, như sắp đánh lớn ở Plây Ku.

Bị các hoạt động nghi binh của ta đánh lừa, Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân khu II của ngụy, khi bàn kế hoạch đối phó với ta, đã nhận định : "Nếu đánh lớn cộng sản sẽ lấy Kon Tum - Plây Ku làm điểm quyết chiến. Nơi thứ hai có thể bị tấn công là Quảng Đức vì cộng sản đã chiếm được Phước Long nên cần đánh Quảng Đức để thông đường vào Nam Bộ". Chúng đã tăng cường lực lượng phòng ngự cho Plây Ku và Quảng Đức, trong khi ở Buôn Ma Thuột không được chú ý và lực lượng chống đỡ của chúng rất mỏng. Những tin tức tình báo ngụy và Mỹ trái ngược nhau đã làm bọn chỉ huy hoang mang và tướng Phú cho rằng : "Hoạt động của cộng sản ở Kon Tum - Plây Ku là nghi binh để đánh Buôn Ma Thuột, còn tình báo Mỹ thì

Digitized by Google

khẳng định là tình hình chưa có gì thay đổi, các đơn vị lớn của Việt cộng vẫn ở chỗ cũ".

Tướng ngụy không tin tình báo Mỹ, vẫn cho một đơn vị đến khu vực Ea H'leo để thăm dò tìm Sư đoàn 320 của ta, nhưng ta đã rút khỏi khu vực này. Bộ Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên nhận thấy : Địch đã bị lừa, nên đã đưa quân xuống phía Nam. Nhận được tin này, tướng Phú càng tin là ta sẽ chắc đánh Plây Ku - Kon Tum. Trong khi đó, lực lượng ta (Sư đoàn 986) đánh nghi binh tấn công bằng cả pháo lớn vào các vị trí ngoại vi thị xã Plây Ku và một số cứ điểm chung quanh. Do đó, bọn ngụy gấp rút tăng cường lực lượng chống đỡ ở Plây Ku. Mưu kế này chứng minh rằng, "kế đánh thật" mà "giả" là có hiệu lực nhất trong nghi binh lừa địch. Trong chiến dịch đánh chiếm Buôn Ma Thuột tháng 3-1975, kế lừa địch là kế cao nhất không những bọn tướng lĩnh ngụy mà cả tình báo Mỹ - quan thầy của chúng - cũng bị "sập bẫy".

Ngày tận số của quân ngụy ở Buôn Ma Thuột đã điểm.

Đúng 2 giờ ngày 10-3-1975, bắt đầu pháo binh ta nhả đạn, lực lượng đặc công và 5 mũi tấn công có xe tăng yểm trợ đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thị xã, chiếm sân bay, chiếm các điểm phòng ngự bên ngoài, đánh thọc sâu vào cơ quan đầu não của địch : Sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy, dinh tỉnh trưởng, trung tâm thông tin và trận địa pháo binh, xe tăng địch. Địch phản ứng quyết liệt, dùng pháo bắn cấp tập vào những nơi chúng nghi ta tập trung quân, và lính ngụy leo lên các khu nhà cao tầng chống trả lại ta rất điên cuồng. Đến 10 giờ sáng, xe tăng và bộ binh ta đã tiến sâu vào thị xã, một trận đấu tăng diễn ra rất kinh khủng, và đến 13 giờ toàn bộ khu pháo binh của địch bị tiêu diệt. Điều nực cười là, đến lúc này bọn ngụy vẫn bán tín, bán nghi, cho rằng ta đánh Buôn Ma Thuột cốt để nghi binh nhằm kéo quân ngụy từ Kon Tum, Plây Ku xuống ứng cứu để thừa cơ tấn công các cứ điểm này.

Ta chiếm nhiều mục tiêu quan trọng trong thị xã. Hệ thống chỉ huy phòng ngự của địch bị rối loạn, binh lính, sĩ quan địch hoang mang cực độ. Sáng ngày 11-3-1975, bộ binh, xe tăng ta đồng loạt tấn công ; pháo binh của ta bắn cấp tập vào Sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy. Quân địch phòng ngự tại Sở chỉ huy phải bỏ chạy, Đại tá ngụy Vũ Thế Quang đã vứt bỏ cả giày, mũ chạy trốn, bị quân ta bắt sống ; Tỉnh trưởng ngụy quyền Đắc Lắc, Nguyễn Trọng Luật, bị ta bắt khi đang lẩn trốn trong rừng cà-phê.

Đến 10 giờ 30 phút, về cơ bản ta đã thanh toán xong quân địch, giải phóng Buôn Ma Thuột. Cờ giải phóng tung bay trên nóc Sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy, và thị xã Buôn Ma Thuột.

Bảy vạn dân vùng giải phóng phục vụ chiến dịch, nhiều cơ sở bên trong thị xã ra dẫn đường cho các cánh quân ta đánh vào các nơi trong thị xã. Quần chúng nổi dậy bắt ác ôn, bảo vệ tài sản và các cơ quan.

Địch dùng máy bay trực thăng đưa quân lên phản kích điên cuồng và dùng cả không quân oanh tạc nhưng bị ta đánh bại.

Trong lúc này, tôi được điện đi gặp anh Văn Tiến Dũng đang ở Nam Tây Nguyên. Dọc đường đi, tôi thấy tình hình sau khi ta giải phóng Buôn Ma Thuột, địch ở 2 tỉnh

Digitized by Google

lân cận rơi vào tình trạng rối loạn, mất tinh thần nên đã điện đề nghị anh Văn Tiến Dũng chuyển một trung đoàn chủ lực ra cùng lực lượng địa phương đánh địch ở Plây Ku và Kon Tum.

Ngày 14-3-1975, Tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu quyết định rút bỏ Tây Nguyên, co về giữ đồng bằng. Ý định của địch là tháo chạy theo các đường 21, 19, 14 nhưng vì ta chiếm giữ, địch buộc phải rút xuống theo đường số 7 đi Cheo Reo. Đường này tuy có yếu tố bất ngờ vì không có chủ lực ta chiếm giữ, nhưng đường hư hỏng, qua nhiều đoạn hiểm trở nên 10 000 tên địch chui vào tử lộ. Ta lập tức truy kích, cử hai tiểu đoàn bộ đội địa phương của Phú Yên chặn đánh ở Củng Sơn. Cuộc tháo lui của địch hoàn toàn thất bại.

Tôi đến Kon Tum khi địch đang rút, bộ đội địa phương giải phóng Kon Tum (ngày 18-3) và giải phóng Plây Ku (ngày 19-3). Trong những ngày này, phong trào tiến công và nổi dậy của bộ đội, quần chúng rất mạnh mẽ. Ta đã làm chủ 20 quận ly, và ngày 18-3 giải phóng hoàn toàn tỉnh Đắc Lắc, tiêu diệt và bắt sống 19 020 tên địch, giải phóng hoàn toàn bốn tỉnh Tây Nguyên.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột của ta buộc địch rút bỏ Tây Nguyên, đồng thời ở mặt trận phía Bắc ta đang tiến công và nổi dậy ở Quảng Trị, Huế. Địch dồn quân về Đà Nẵng trong tình trạng hỗn quân, hỗn quan. "Một tình thế mới xuất hiện" có thể tạo ra bước phát triển nhảy vọt cả thời cơ và thế chiến lược mới. Từ đây, tôi đã điện đề nghị Bộ Chính trị cho phép chớp thời cơ chuyển quân tấn công bất ngờ đánh địch, giải phóng Đà Nẵng và được Bộ Chính trị đồng ý. Khu ủy khu V, Bộ Tư lệnh Quân khu cấp tốc triển khai thực hiện quyết định chuyển Sư đoàn 2 của Quân khu hoạt động ở phía Nam ra phía Bắc cùng lực lượng của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tiến về Đà Nẵng. Đó là một sự chuyển hướng tiến công có ý nghĩa quyết định cho việc giải phóng Đà Nẵng, ngày 29-3-1975.

Buôn Ma Thuột - Tây Nguyên được chọn làm trọng điểm mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử và thắng lợi vẻ vang của trận mở màn chiến dịch là niềm tự hào to lớn của quân dân các dân tộc Tây Nguyên, đi vào lịch sử như bản anh hùng ca của dân tộc ta.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên đã phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng anh dũng, kiên cường, vì độc lập tự do, chịu đựng mọi hy sinh gian khổ, nuôi nấng, bảo vệ, che chở bộ đội, cán bộ và giữ bí mật tuyệt đối chiến trường, v.v.., bảo đảm vững chắc cho thắng lợi của chiến dịch.

Kỷ niệm ngày chiến thắng Buôn Ma Thuột và giải phóng Tây Nguyên, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, ra sức thực hiện tốt nhất Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị với tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo, đạt hiệu quả thiết thực nhằm phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân, ổn định chính trị vững chắc, lâu dài, đập tan âm mưu đen tối của kẻ thù luôn tìm cách chia rẽ khối đoàn kết dân tộc chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

TÀI CHÍNH VIỆT NAM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI : Thành công và bài học

ĐẶNG VĂN THANH *

QUA hơn 15 năm đổi mới và mở cửa, nền tài chính quốc gia của Việt Nam đã được củng cố và phát triển. Hệ thống tài chính của cơ chế kinh tế mới, kinh tế thị trường, mở cửa đã được tạo dựng. Tài chính đã làm tốt vai trò *động viên, phân phối nguồn lực, quản lý, kiểm soát và giám sát vĩ mô* nền kinh tế quốc dân. Có thể đánh giá những công việc đã làm, những thành công của tài chính Việt Nam trên các mặt sau :

Thứ nhất : Những quan điểm nhận thức mới đầy đủ hơn về hoạt động tài chính trong cải cách kinh tế và kinh tế thị trường ở Việt Nam đã được hình thành. Mạnh dạn dứt bỏ tư duy về một nền tài chính của kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tài chính đã đổi mới nếp nghĩ, cách làm, hình thành mới quan điểm về động viên và phân phối nguồn lực, đảm bảo thúc đẩy kinh tế phát triển, giải quyết hài hòa quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội. Cùng với việc sớm từ bỏ phương thức quản lý bằng biện pháp hành chính, bằng mệnh lệnh sang quản lý và điều hành tài chính, tiền tệ bằng luật pháp, bằng biện pháp kinh tế, bằng công cụ và đòn bẩy kinh tế. Xác lập và mở rộng quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính cho các đơn vị kinh tế, các cấp ngân sách, các đơn vị thụ hưởng ngân quỹ được xác lập và tăng cường, tạo điều kiện phát huy tối đa tính độc lập, khả năng sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của đơn vị. Tài chính chăm lo phát huy sức mạnh nguồn lực trong nước, giảm dần sự phụ thuộc vào nước ngoài, nhưng cũng tranh thủ tối đa nguồn lực nước ngoài cho đầu tư phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập, tự chủ về chính trị, mở rộng quan hệ về hợp tác kinh tế với tất cả các nước. Trong quản lý chi ngân sách nhà nước (NSNN) và sử dụng nguồn lực, giảm dần sự bao cấp của Nhà nước, trước hết là chế độ bao cấp đối với các doanh nghiệp, các hoạt động sự nghiệp công, mở rộng phạm vi, lĩnh vực công để Nhà nước và nhân dân cùng làm. Với chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao, văn hóa và nhiều hoạt động mang tính xã hội khác đã khơi dậy và cuốn hút nhiều nguồn lực, tài trí trong dân cư ở trong nước và ở nước ngoài. Với tư duy và cách làm ấy,

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

Digitized by Google

phạm vi bao cấp của NSNN đã dần được thu hẹp và xóa bỏ, phạm vi trang trải của NSNN đang được xác lập lại, chi NSNN được cơ cấu lại hợp lý hơn, phù hợp hơn. Nhà nước có điều kiện tập trung các nguồn lực còn hạn hẹp cho những mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm của phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai : Bằng những chủ trương, chính sách đúng, bằng nỗ lực và kiên trì Tài chính *đã động viên hợp lý sức người, sức của trong cả nước, thu hút có chủ định các nguồn vốn từ nước ngoài để phát triển kinh tế.* Nguồn vốn đầu tư phát triển trong xã hội được huy động và sử dụng hiệu quả cao hơn. Kết quả đầu tư đã và đang phát huy tác dụng, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Năm 2002, theo ước tính tổng mức vốn đầu tư toàn xã hội đạt 34,2% GDP, tăng 12,4% so với năm 2001. Năm 2003, dự kiến huy động 35,2% GDP cho đầu tư phát triển. Tỷ lệ động viên từ GDP vào NSNN từ 13% giai đoạn 1986 - 1990, đã đạt 19,4% giai đoạn 1997 - 2000, và năm 2002 đạt 20,7% GDP (trong đó qua thuế, phí đạt 19,8% GDP). Thu NSNN tăng đều qua các năm, so với năm trước, năm 1997 tăng 4,8% ; năm 1998 tăng 8% ; năm 1999 tăng 11,2%, năm 2000 tăng 15,6%, năm 2001 tăng 14,5% và năm 2002 tăng 7,8%. Vốn đầu tư từ NSNN bình quân hằng năm chỉ đạt hơn 10 nghìn tỉ đồng ở giai đoạn 1991 - 1996, đã đạt hơn 40 nghìn tỉ đồng mỗi năm 2001, 2002. Nâng vốn tín dụng từ tỷ trọng 2% GDP năm 1991 lên 12% GDP năm 2000 ; và năm 2002, riêng vốn tín dụng đã đạt 24 nghìn tỉ đồng. Đặc biệt, vốn đầu tư của doanh nghiệp, của tư nhân, của dân cư ngày càng lớn, tăng khá, với gần 100 nghìn tỉ đồng chủ yếu dành tập trung đầu tư cho sản xuất, đổi mới thiết bị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Bằng chính sách phù hợp, thông thoáng, đã thu hút đáng kể lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Cho đến nay, có khoảng 3 500 dự án FDI còn hiệu lực, với số vốn đăng ký 39 tỉ USD, trong đó 1 800 dự án đã đi vào sản xuất kinh doanh với vốn đăng ký là 24 tỉ USD. Tài chính đã góp phần tạo nên bước tiến bộ trong phân phối tổng sản phẩm trong nước, mở rộng sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế và dân cư, nâng tỉ lệ tích luỹ trong nước là 14% GDP (năm 1991) lên 27% - 28% (năm 2000), 34,2% (năm 2002) và kế hoạch năm 2003 là 35%.

Thứ ba : Thiết lập và hoàn thiện từng bước hệ thống pháp lý và hệ thống chính sách tài chính. Nhận thức rõ sự cần thiết trong đổi mới phương thức quản lý tài chính trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước đã xây dựng chính sách, cơ chế làm căn cứ chiến lược chỉ đạo và điều hành công tác tài chính. Các quy định pháp lý về chính sách tài khóa, về NSNN, về thuế đã được ban hành. Luật NSNN có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1997 đã đảm bảo quản lý thống nhất NSNN, ngân quỹ quốc gia, quy định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của các ngành, các cấp trong quy trình quản lý và điều hành NSNN, góp phần khơi dậy mọi tiềm năng, giữ vững các nguyên tắc trong quản lý kinh tế, quản lý và điều hành nền tài chính quốc gia. Khuôn khổ pháp lý về thuế đã không ngừng được cải cách. Trong chương trình cải cách thuế bước 2, nhiều luật thuế đã được ban hành mới hoặc bổ sung, sửa đổi. Đặc biệt là sự ban hành và đưa vào áp dụng

Digitized by Google

Luật Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp là bước tiến quan trọng trong quá trình hoàn thiện hệ thống thuế Việt Nam, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, đảm bảo nguồn thu cho NSNN, công bằng xã hội, chuẩn bị tiền đề cho Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Phải nói rằng, chính sách động viên của Nhà nước, chính sách cơ cấu lại nguồn thu, cơ cấu lại các khoản chi của NSNN đã được đổi mới khá cơ bản. Tỷ lệ động viên trong nội bộ nền kinh tế hợp lý hơn, vừa đảm bảo thu NSNN, khuyến khích, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, vừa đảm bảo công bằng xã hội... Chi NSNN được cơ cấu lại theo hướng xóa dần bao cấp, tập trung vốn và kinh phí cho nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm từng giai đoạn phát triển kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng. Chi cho đầu tư phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn được coi trọng. Ưu tiên dành vốn cho các chương trình, các mục tiêu quốc gia, tăng chi cho văn hóa, giáo dục, y tế và phát triển khoa học - kỹ thuật. Nhờ có chính sách đúng về phân cấp NSNN, ổn định nhiệm vụ chi cho các địa phương để tăng tính chủ động, sáng tạo của các cấp ngân sách trong việc khai thác nguồn thu và giải quyết nhiệm vụ chi trên địa bàn. Quỹ NSNN được quản lý chặt chẽ hơn, lưu chuyển thông thoáng hơn, hiệu quả hơn.

Thứ tư : Với nhận thức, *kinh tế là gốc của tài chính, tài chính mạnh là hệ thống tài chính được vận hành trong một nền kinh tế phát triển bền vững,* trong hơn 15 năm đổi mới, tài chính Việt Nam luôn hướng về phục vụ, khuyến khích sản xuất, kinh doanh phát triển. Tài chính, NSNN đã được cơ cấu lại, tập trung xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, giữ vững an ninh quốc phòng, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Từ nền kinh tế chỉ huy kiểu hành chính, từ NSNN bao cấp, chúng ta đã thành công trong việc xóa bỏ bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế, mở rộng quyền tự chủ kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, giải quyết hài hòa lợi ích kinh tế, lợi ích tài chính. Nhiều năm liền, nền kinh tế tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong giai đoạn 1991 - 1996 là 8,5%. Sau khủng hoảng tài chính khu vực, tăng trưởng GDP năm 2002 đã đạt 7% ; sản lượng công nghiệp liên tục 12 năm tăng hai con số và năm 2002 tăng 14,4%, sản lượng lương thực quy thóc đạt 35,8 triệu tấn. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã trụ vững và làm ăn có lãi trong kinh tế thị trường. Nền kinh tế nhiều thành phần ngày càng phát triển trong sự bình đẳng của luật pháp và sự công bằng của chính sách tài chính. Việt Nam đã chủ động trong lộ trình hội nhập, tham gia tích cực trong các quan hệ kinh tế song phương và đa phương. Với việc gia nhập AFTA, APEC, trở thành thành viên của Liên đoàn kế toán thế giới (IFAC) và của các nước ASEAN. Bằng chính sách tài chính linh hoạt, thích hợp, đã tháo gỡ từng vướng mắc, mở cửa thu hút khối lượng lớn vốn FDI và tăng kim ngạch xuất khẩu. Dù còn khiêm tốn, nhưng kinh tế Việt Nam bắt đầu mở cửa, tham gia và chiếm lĩnh thị trường ngoài nước.

Thứ năm : Nhận thức rõ, tiết kiệm là quốc sách, tài chính không chỉ chăm lo cho sản xuất phát triển, chăm lo động viên nguồn lực, mà còn coi trọng phân phối sử dụng sao

Digitized by Google

cho có hiệu quả, tiết kiệm. Thi hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, ngành tài chính đã triển khai hàng loạt biện pháp tiết kiệm trong sản xuất, trong chi tiêu NSNN, sử dụng quỹ công, tiêu dùng của dân cư. Hàng trăm tỉ đồng đã được tiết kiệm, dành để chi dùng cho những nhiệm vụ đột xuất, cho đầu tư, cho xóa đói, giảm nghèo, v.v.. Tiết kiệm lớn nhất đạt được không chỉ là cắt giảm chi tiêu, mà chính là có được sự tăng trưởng cao hơn, có được sản lượng, hiệu quả cao hơn với quy mô chi tiêu như cũ hoặc ít hơn. Để thực hiện tiết kiệm có hiệu quả, cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát. Tài chính không chỉ là nguồn lực, là cơ chế, chính sách mà còn là công cụ hướng dẫn chi tiêu, kiểm tra, kiểm soát việc tập trung, phân phối, sử dụng nguồn lực sao cho có hiệu quả, đạt được nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Hằng năm, qua kiểm soát chi, ngành kho bạc nhà nước đã từ chối thanh toán hàng chục nghìn khoản với số tiền hàng trăm tỉ đồng, hạn chế chi tiêu sai mục đích, lạm dụng công quỹ góp phần lành mạnh nền tài chính quốc gia, tăng cường kỷ cương, phép nước trong chi tiêu ngân quỹ.

Từ thực tiễn hoạt động của nền tài chính Việt Nam sau hơn 15 năm đổi mới, có thể rút ra những bài học sau :

Thứ nhất, tạo dựng chiến lược tài chính quốc gia với những mục tiêu, định hướng rõ ràng, những giải pháp tài chính mang tính tổng thể, liên hoàn, đồng bộ.

Chiến lược phát triển kinh tế của Đảng là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược tài chính quốc gia phải phục vụ cho được chiến lược tổng thể đó; phải có những chiến lược cụ thể trong chiến lược tổng thể. Vấn đề cực kỳ quan trọng cho mọi thành công là nhận thức rõ tính đồng bộ. Trong mọi hoàn cảnh phải kiên trì chiến lược tài chính, thiết lập được hệ thống tài chính tiền tệ, các loại thị trường và đặc biệt là thị trường vốn năng động, an toàn, hiệu quả, với hệ công cụ tài chính hoàn chỉnh phù hợp từng giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước. Giải pháp tài chính tình thế phải nằm trong chiến lược tổng thể và phải phục vụ cho mục tiêu chiến lược của tài chính quốc gia. Tuyệt đối không vì những chính sách tài chính cụ thể trong động viên thu nhập, trong chi tiêu ngân sách, trong tài chính doanh nghiệp, v.v. làm phá vỡ cơ cấu, định hướng chiến lược tài chính hoặc làm chậm tiến trình đổi mới nền tài chính quốc gia. Tất nhiên, cũng phải thấy rằng, diễn biến trong thực tế của nền kinh tế là vô cùng phức tạp, nhiều biến động khó lường. Nền tài chính Việt Nam đứng trước nhiều thách thức trong quá trình phát triển. Do đó, phải luôn chủ động trong vị thế mới, lựa chọn những mục tiêu cụ thể cho phép khai thác tốt nhất mọi lợi thế so sánh của đất nước. Tài chính luôn sẵn sàng ứng phó tốt mọi diễn biến, mọi đòi hỏi của nền kinh tế. Có lúc cần tập trung vốn cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa, có lúc cần dồn sức, dồn của cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Mục tiêu lâu dài của chính sách thuế là động viên hợp lý, đảm bảo công bằng xã hội, đảm bảo cho nông dân được dùng hàng rẻ, hàng tốt. Nhưng trước mắt, chúng ta phải chấp nhận còn quá nhiều sắc thuế, thuế suất, bảo hộ sản xuất trong nước, còn tình trạng bao cấp trong chi NSNN, v.v.. Nhưng, đó là những giải pháp cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế

Digitized by Google

và hoàn thiện hệ thống tài chính của Việt Nam. Vấn đề đặt ra là, cần chủ động, tỉnh táo, có bước đi và cách làm cho từng mục tiêu chiến lược, sách lược cho từng nhóm giải pháp tài chính cụ thể.

Thứ hai, tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác tài chính, coi trọng sự phối hợp đồng bộ các chính sách, công cụ kinh tế tài chính.

Luôn duy trì và đảm bảo nền tài chính quốc gia là một thể thống nhất, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong chỉ huy, điều hành nền tài chính quốc gia. Phê phán và lên án mạnh mẽ mọi tư tưởng, việc làm vô kỷ luật, không chấp hành nghiêm các quy định về thu, chi, về điều tiết ngân sách, về quản lý và sử dụng ngân quỹ quốc gia. Chống tư tưởng, việc làm cục bộ, vì quyền lợi ngành, địa phương gây tổn hại lợi ích chung, đặc biệt trong việc chấp hành chế độ chính sách và kỷ luật tài chính. Tuy nhiên, cũng cần mạnh dạn phân cấp, trao quyền và phát huy cao nhất tính tự chủ, sáng tạo của các ngành địa phương, đặc biệt trong khai thác các nguồn thu và tự đảm bảo nhiệm vụ chi. Mở rộng quyền hạn phải đi đôi với tăng cường trách nhiệm, tạo dựng cơ chế, kỷ luật phối hợp hài hòa giữa các nội dung hoạt động, giữa các mảng công tác tài chính, tạo nên một sức mạnh tổng thể, hỗ trợ, kích thích và làm tiền đề cho nhau cùng đạt hiệu quả. Kinh nghiệm cho thấy, mọi sự rời rạc, chia cắt... trong giải pháp, trong chính sách tài chính, trong điều hành hoạt động tài chính đều không đem lại kết quả, nếu không nói là đưa đến những hậu quả xấu. Cần xử lý tốt, hài hòa mối quan hệ giữa thu và chi NSNN ; giữa động viên thu nhập, huy động nguồn lực và thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu ; giữa bảo hộ sản xuất trong nước và yêu cầu nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp ; giữa tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính dân cư ; giữa các tổ chức tài chính, các trung tâm tài chính với các công cụ tài chính trong một thị trường mở ; giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế với các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường, giữa tài chính với tiền tệ, tài chính với giá cả.

Thứ ba, mọi giải pháp tài chính và hoạt động tài chính phải hàm chứa và tính đến các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, phải xuất phát từ cuộc sống và giải quyết được những vấn đề của cuộc sống.

Đời sống kinh tế - xã hội rất đa dạng và luôn vận động, phát triển, đòi hỏi công tác tài chính phải bám sát thực tế, mọi giải pháp tài chính cần được thực tế kiểm nghiệm và đánh giá. Hơn 15 năm đổi mới đã cho chúng ta bài học là, cần nhanh nhạy, linh hoạt triển khai và điều chỉnh các chủ trương, giải pháp tài chính, cần cân nhắc tính toán mọi yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội trong từng giải pháp, từng quyết sách. Hoạch định chính sách tài chính quốc gia là một nghệ thuật tổng hợp. Mọi sơ suất, sai lầm, chậm trễ trong từng quyết sách sẽ gây hậu quả xấu không chỉ về kinh tế - tài chính, mà có thể cả chính trị - xã hội.

Thứ tư, thiết lập, vận hành và nâng cao hiệu lực kiểm tra, kiểm soát, giám sát tài chính đối với toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Một trong những yêu cầu của tài chính trong nền kinh tế mở là an ninh, an toàn và lành mạnh. Nguy cơ của những tiêu cực, những đổ vỡ về tài chính trong nền kinh tế thị trường luôn luôn tồn tại bên cạnh những

Digitized by Google

thời cơ và tính năng động của nền tài chính quốc gia. Hơn lúc nào hết, cùng với sự thiết lập các khuôn khổ pháp lý, cần tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hệ thống giám sát bằng nghiệp vụ, bằng tổ chức có sẵn trong bản thân công tác tài chính, bản thân từng quy trình chuyên môn. Thường xuyên rà soát, thiết lập mối duy trì các quy trình, các cơ cấu tổ chức có tính kháng thể cao với các việc làm gây tổn hại tài chính nhà nước. Tăng cường và nâng cao tính hiệu lực của hệ thống giám sát nội bộ, bộ máy và quy trình kiểm soát nội bộ ; đảm bảo mọi hoạt động tài chính, sự luân chuyển từng đồng tiền của Nhà nước, của ngân khố phải được giám sát thường xuyên, liên tục. Hoạt động tài chính tiền tệ của các tổ chức tài chính, các quỹ nhà nước, các trung gian tài chính phải được giám sát từ xa, cần có hệ thống cảnh báo. Các hệ thống thanh tra, kiểm tra từ bên ngoài, từ trên xuống cần tăng cường có sự sắp xếp hợp lý, coi trọng thực chất hơn là hình thức. Thanh tra, kiểm tra có trọng điểm, có chủ định, xử lý dứt điểm mọi sai phạm, giữ nghiêm kỷ cương phép nước.

Công khai tài chính là biện pháp hạn chế tiêu cực, là việc làm thể hiện bản lĩnh của các cơ quan, tổ chức và cũng là tiền đề cho sự sôi động của thị trường tài chính mở. Công khai tài chính là một trong những điều kiện cực kỳ quan trọng trong thực hiện dân chủ từ cơ sở, theo phương châm : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đảm bảo Nhà nước pháp quyền Việt Nam thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hệ thống kiểm toán bao gồm : kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ đã được thiết lập và hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao độ tin cậy của thông tin tài chính. Cần tạo dựng thói quen công khai tài chính trong đời sống xã hội, coi đó vừa là nghĩa vụ và là quyền lợi của cả người cung cấp thông tin và sử dụng thông tin, bảo đảm định hướng đúng cho sự phát triển của Kiểm toán Nhà nước, phục vụ tốt nhất cho các quyết định của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân về ngân sách và phân bổ, quyết toán ngân sách. Tạo môi trường pháp lý tốt hơn, chặt chẽ hơn cho thị trường dịch vụ kiểm toán, nâng cao trách nhiệm và độ tin cậy đối với những thông tin tài chính đã được kiểm toán.

Thứ năm, thường xuyên chăm lo hoàn thiện và nâng cao năng lực bộ máy tổ chức ngành tài chính.

Thực hiện cải cách mạnh thủ tục hành chính, thủ tục nghiệp vụ, tối ưu hóa các qui trình công tác, qui trình quản lý và cấp phát vốn. Mở rộng phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm cho các cấp trong công tác chuyên môn, quản lý cán bộ, đặc biệt là các hệ thống chuyên môn tổ chức theo ngành dọc. Có chiến lược dài hạn và biện pháp chăm lo nâng cao năng lực nghiệp vụ, năng lực điều hành của đội ngũ cán bộ tài chính phù hợp yêu cầu của cơ chế kinh tế mới. Cùng với việc tăng cường tính kỷ cương, kỷ luật trong công tác tài chính, cần phát huy tối đa tính tự giác, tính chủ động sáng tạo của viên chức tài chính theo lời dạy của Bác Hồ : "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Đó là phương châm cực kỳ quan trọng cho sự thành công của nền tài chính quốc gia. Biết tin vào cán bộ, biết động viên khơi dậy tính tích cực, tính năng động của cán bộ tài chính, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ, sự nghiệp tài chính chắc chắn sẽ thành công. ❑

Digitized by Google

Điều chỉnh cơ cấu công nghiệp và tăng trưởng ngoại thương

VÕ HÙNG DŨNG*

I - Tăng trưởng công nghiệp trong mối quan hệ với ngoại thương

1- Tăng trưởng và cơ cấu các ngành khu vực II

Công nghiệp có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế và đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian từ 1991 - 2000. Tuy nhiên, khi phân tích cơ cấu, vẫn còn có nhiều vấn đề đáng được quan tâm.

Biểu 1 : Tăng trưởng và cơ cấu các ngành khu vực II từ 1986 - 2000

Đơn vị : %

Năm	1986	1990	1991	1995	1996	1997	1998	1999	2000	86-90	91-95	96-00
KV II	10,9	2,3	7,7	13,6	14,5	12,6	8,3	7,7	10,1	4,7	12,0	10,6
CN KT mỏ	19,4	52,5	26,0	13,5	13,6	13,2	14,1	13,4	4,5	39,4	17,6	11,7
CN chế biến	12,6	-6,7	5,6	13,6	13,6	12,8	10,2	7,5	13,2	1,8	10,3	11,4
Sx,pp điện, nước	11,5	5,1	-4,5	18,5	17,8	14,7	12,3	7,0	10,5	6,8	10,1	12,4
Xây dựng	5,8	4,0	5,2	12,7	16,1	11,3	-0,5	2,4	7,5	2,3	12,7	7,2
Cơ cấu GDP	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**	**100**
KV II	28,9	22,7	23,8	28,8	29,7	32,1	32,5	34,5	36,6	25,4	27,5	33,1
CN KT mỏ	1,84	5,21	5,4	4,8	5,62	6,30	6,70	8,4	9,5	2,62	5,06	7,31
CN chế biến	22,4	12,3	13,1	15,0	15,2	16,5	17,2	17,7	18,7	18,0	14,7	17,0
Sx, pp điện, nước	1,84	1,37	1,3	2,2	2,40	2,74	2,86	2,9	2,9	1,52	1,56	2,77
Xây dựng	2,84	3,84	4,0	6,9	6,53	6,54	5,78	5,4	5,5	3,18	6,27	5,96

Nguồn : Niên giám thống kê

Bảng trên cho thấy, tăng trưởng của khu vực II trong thế kỷ trước, ở các năm 86 - 90 là 4,7% ; 91 - 95 là 12% và 96 - 2000 là 10,6%. Tuy nhiên, công nghiệp chế biến chỉ đạt mức tăng trưởng là 1,8% ; 10,3% và 11,4% ; tỷ trọng của nó cũng chỉ ở mức 15 - 17% GDP trong 15 năm kể từ 1986.

Phân tích về cơ cấu ngành cho thấy, những ngành công nghiệp đóng vai trò then chốt trong tương lai lại phát triển chậm và chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Sự mất cân bằng trong cơ cấu phát triển của một số ngành như : dệt và may ; công nghiệp thực phẩm và nông nghiệp ; thuộc da và sản phẩm da ; xây dựng và vật liệu xây dựng ... là một trong nhiều nguyên nhân của tình trạng tăng trưởng thất thường, khả năng cạnh tranh kém và hiệu quả thấp của nền công nghiệp. Sự yếu kém kéo dài nhiều năm của công nghiệp chế biến đã ảnh hưởng đến tăng trưởng của nhiều ngành khác, trong đó có ngoại thương. Do nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, nhưng cơ cấu đầu tư cũng là một trong những tác nhân chính.

Trong cơ cấu đầu tư của Nhà nước, nhân tố chính hình thành nên cơ cấu công nghiệp có tới 37% vốn được đưa vào khu vực II, ngành điện chiếm đến 53% nhưng công nghiệp chế biến chỉ chiếm 41%. Sự phân bố vốn đầu tư cũng không có mối quan hệ với

* TS. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ

Digitized by Google

hiệu quả vốn. Trung bình 1 đồng vốn đầu tư trong ngành điện chỉ làm ra được 1,4 đồng giá trị sản lượng, trong khi ở công nghiệp chế biến là 10,8 đồng. Tổng cộng 5 ngành công nghiệp có hệ số hiệu quả vốn đầu tư cao nhất (trên 20 đồng giá trị sản lượng (GTSL)/1 đồng vốn đầu tư (VĐT) chỉ chiếm 14,2% tổng vốn đầu tư của Nhà nước trong khu vực II, nhưng 5 ngành có hệ số thấp nhất (dưới 6 đồng GTSL/1đồng VĐT) lại chiếm đến 27% (số liệu 3 năm 96 - 98, tính theo giá trị hiện hành).

Công nghiệp quốc doanh đã liên tiếp giảm sút, từ 60% so với toàn bộ ngành công nghiệp trong các năm 80 - 90 trước đây, 50% trong các năm 91 - 95 gần đây và dưới 45% từ năm 1996 đến nay. Các ngành bị giảm mạnh về tỷ trọng là : thiết bị điện, điện tử, ra-đi-ô, ti-vi, hóa chất, vật liệu xây dựng, sản xuất kim loại, máy móc thiết bị, sản phẩm da, cao-su, nhựa. Các ngành thuộc nhóm độc quyền như thuốc lá, điện - nước... giữ được tỷ trọng cũ ; các ngành dệt, may, thực phẩm đồ uống tuy có thay đổi nhưng không đáng kể.

Theo số liệu từ cuộc điều tra năm 1999, có đến 60% số ngành của công nghiệp Việt Nam có công nghệ thấp, trên 20% thuộc công nghệ trung bình, chỉ có 20% là công nghệ cao. So với nhiều nước trong khu vực thì *công nghệ thấp của Việt Nam là quá cao, còn công nghệ cao lại quá thấp.*

Đầu tư của khu vực kinh tế trong nước mà chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước đã tập trung quá nhiều vào những ngành thâm dụng vốn với trình độ kỹ thuật trung bình mà sự sa lầy ngày một lớn làm cho khu vực kinh tế quốc doanh trở nên nặng nề, hiệu quả thấp, sức cạnh tranh kém.

Tương quan giữa khu vực kinh tế trong nước và đầu tư nước ngoài (tính theo giá trị sản xuất), từ năm 1996 đến nay, cũng có sự thay đổi nhanh chóng. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài từ 25% trong năm 1995 đã tăng lên 35,5% trong năm 2000, trong khi khu vực kinh tế trong nước từ 75% giảm còn 64,5% trong thời gian tương ứng.

Nhìn chung, khu vực kinh tế trong nước hiện chiếm đa số trong những ngành có công nghệ sản xuất thấp và trung bình, có mặt rất ít trong những ngành có hàm lượng công nghệ cao, ngược hẳn với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Cũng theo số liệu từ cuộc điều tra này, trang bị cho lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cao gấp 7,7 lần trang bị cho khu vực kinh tế trong nước và năng suất lao động cao gấp 3,5 lần. Khu vực kinh tế trong nước tuy chiếm đến 77% lao động nhưng chỉ chiếm 49% giá trị tăng thêm. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chỉ có 22,8% lao động, nhưng chiếm trên 50% giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp.

Thị trường đang là vấn đề lớn của công nghiệp. Tình trạng dư thừa, ứ đọng hàng hóa diễn ra thường xuyên trong các năm 1997, 1998, 1999 do sức tiêu thụ yếu đã hạn chế lớn đến tăng trưởng của công nghiệp. Nguyên nhân của tình hình trên là do xuất khẩu khó khăn và thị trường trong nước hạn hẹp.

Khảo sát về dân số qua các cuộc điều tra cho thấy, trong 20 năm, tỷ lệ dân số đô thị mới tăng từ 19% năm lên 23,5% vào năm 1999, nhưng từ năm 1979 đến năm 1989, số dân đô thị hầu như không tăng. Sự gia tăng chậm chạp đã làm cho công nghiệp không có thị trường bên trong làm chỗ dựa.

Công nghiệp Việt Nam đã mang *tính hướng nội* từ khi mới xây dựng. Biểu hiện trong các năm gần đây là các chính sách thay thế nhập khẩu, bảo hộ công nghiệp qua thuế xuất, nhập khẩu cao và hàng rào phi

Digitized by Google

thuế quan. Yếu kém của thị trường trong nước hạn chế khả năng phát triển của công nghiệp cho thấy mâu thuẫn giữa chính sách công nghiệp với chính sách thị trường.

2 - Yếu kém của công nghiệp chế biến ảnh hưởng đến xuất, nhập khẩu

Phân tích bảng cân đối liên ngành (bảng I/O năm 1996) của Việt Nam cho thấy, công nghiệp chế biến có mối liên hệ liên ngành rất cao. Các ngành cung cấp đầu vào phát triển chậm sẽ làm phương hại đến những ngành sử dụng sản phẩm trung gian, nhưng nếu tăng trưởng nhanh, kéo dài, trong khi các ngành sử dụng sản phẩm trung gian tăng trưởng nhanh lại dẫn đến tình trạng dư thừa sản phẩm.

Sự thiên lệch trong cơ cấu công nghiệp bởi chính sách thay thế nhập khẩu, đầu tư nhiều vào các công trình thâm dụng vốn có công nghệ thấp làm cho những ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu không có điều kiện phát triển, vì thế, xuất khẩu nhóm hàng này gia tăng rất chậm.

Do một lượng vốn lớn đã bị "đóng băng" trong các dự án đầy tốn kém, việc chuyển đổi, thay thế thiết bị để thích ứng nhu cầu mới là hết sức khó khăn. Điều đó cũng đồng nghĩa với sự mất vốn đầu tư, suy giảm hiệu quả đồng vốn, đội giá thành sản phẩm, giảm sức cạnh tranh. Điều đó đã từng là những bài học đắt giá xảy ra trong các năm trước đây đối với các ngành khách sạn, xi-măng, mía - đường.

Trong số các ngành của công nghiệp chế biến, phân tích từ bảng I/O của Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước năm 1997 cho thấy, công nghiệp chế biến gỗ, giấy ; sản xuất *máy móc thiết bị ; hóa chất* có mối liên kết ngược và liên kết thuận rất cao ; kế đến là các ngành *vật liệu xây dựng ; cao-su, nhựa, sản xuất sản phẩm kim loại.* Các ngành *may mặc, da, giày ; chế biến thực phẩm* có hệ số liên kết cao ở mức vừa phải (ở mức thấp nhất là các ngành thuộc khu vực nông lâm) và tuy là những ngành có triển vọng nhưng thời gian qua đã không có sự tăng trưởng tương xứng.

3 - Tăng trưởng của công nghiệp và ngoại thương

Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng ngoại thương với tăng trưởng công nghiệp và nông nghiệp từ năm 1981 đến năm 2001 cho thấy : Trong khoảng thời gian từ năm 1981 đến năm 1993, tăng trưởng xuất khẩu và nông nghiệp có quan hệ mật thiết với nhau, công nghiệp gắn liền với nhập khẩu. Từ năm 1994 đến năm 2001, mối quan hệ này đã thay đổi : công nghiệp gắn liền với xuất khẩu và thời kỳ sau đó (năm 1997 đến năm 2001) với cả nhập khẩu.

Trên thực tế, mối quan hệ giữa các ngành đan xen nhau và phức tạp hơn nhiều. Mỗi khi xuất khẩu nông sản gặp khó khăn thì nông nghiệp gần như bị ảnh hưởng ngay, kéo theo là công nghiệp. Công nghiệp suy giảm, dẫn tới nhập khẩu nguyên liệu cũng suy giảm (điều này thể hiện khá rõ khi phân tích đồ thị về mối quan hệ này từ năm 1997 đến nay). Có thể nói, do cơ cấu công nghiệp lạc hậu nên cơ cấu ngoại thương cũng yếu kém, lạc hậu theo.

Tính hướng nội cao của công nghiệp sau nhiều năm phát triển hoàn toàn không đạt được những mục tiêu ban đầu là xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, không phụ thuộc bên ngoài. Nền công nghiệp ngày một phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và ngoại thương, xuất khẩu sản phẩm thô, lấy nông sản làm chỗ dựa. Mười năm qua, kể từ bước ngoặt xuất khẩu năm 1989, vẫn "quanh quẩn" với 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực, không có thay đổi đáng kể nào, ngoại trừ sự đổi chỗ cho nhau.

Digitized by Google

Trên thực tế, nền công nghiệp hướng vào sản xuất sẽ luôn phải đối phó với sự biến động của thị trường quốc tế, nhưng nền công nghiệp thay thế nhập khẩu lại ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu. Sự yếu kém trong cạnh tranh quốc tế rất dễ dẫn đến chính sách bảo hộ công nghiệp cực đoan, kết cục sẽ làm suy yếu khả năng cạnh tranh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, một đất nước với gần 80 triệu người không thể không chú ý tới thị trường trong nước để nền công nghiệp nhờ đó mà phát triển, nhưng đó cũng không phải là mục tiêu cuối cùng.

II - Một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngoại thương

1 - Về hoạt động xuất nhập khẩu trong thời gian qua

Ngoại thương Việt Nam đã khởi điểm từ sự thiết lập quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, mua bán với hình thức hàng đổi hàng mà trong đó, Việt Nam được hưởng nhiều ưu đãi.

Biểu 2 : Kim ngạch xuất nhập khẩu 1976 - 2000

	76 - 80	81- 85	86 - 90	91 - 95	96 - 2000	2001
Tổng kim ngạch (Tr.R- USD	7917,2	10875,9	19716,8	39940,2	113286	31100
K.vực đồng R %	54,5	69,8	62,7	1,9		
Xuất khẩu %	19,3	26,6	35,7	43,0	45,7	48,6
Nhập khẩu %	80,7	73,4	64,3	57,0	54,3	51,4
Nhập siêu (so xk) %	-317,1	-176,0	-80,4	-32,8	-18,8	-6,0
Tỷ lệ tăng	**76-80**	**81-85**	**86-90**	**91-95**	**96-2000**	**2001**
Tổng kim ngạch XNK	7.7	9,4	15,4	33,7	11.5	3.4
Xuất khẩu	8,7	14,1	35,7	26.8	17,4	4,5
Nhập khẩu	7,5	7,9	5,5	39,5	7,1	2,3

Nguồn : Niên giám thống kê

Biểu trên khái quát tình hình ngoại thương Việt Nam từ năm 1976 đến năm 2000. Trong đó, giai đoạn từ năm 1976 đến năm 1985, kim ngạch xuất khẩu thấp, tăng trưởng rất chậm, nhập siêu cực kỳ lớn. Những năm sau này, nhập siêu đã giảm nhưng vẫn luôn ở mức rất cao trong nhiều năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt mức cao nhất trong giai đoạn năm 1986 - năm 1990 với tỷ lệ tăng 35,7%. Bước ngoặt xảy ra vào năm 1989 khi xuất khẩu sang khu vực USD đạt mức 1,14 tỉ USD, chiếm gần 60% kim ngạch xuất khẩu nhờ 2 mặt hàng lớn là dầu thô và gạo.

Từ năm 1991 đến năm 2000, tăng trưởng của xuất khẩu đạt mức 22,7%, được đánh giá là nước có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trên thế giới trong suốt một thập niên. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trong các năm sau này đã chậm lại. Năm 1994, tăng 35,8% ; năm 1998 chỉ còn 1,9% ; năm 1999 và năm 2000 tình hình có cải thiện thì năm 2001, mức tăng trưởng xuất khẩu chỉ còn 4,5%.

Ngoại thương có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, vai trò của nó đã tăng lên đáng kể từ năm 1995 đến nay. Vai trò của nhập khẩu đối với sản xuất và đời sống, tính theo GDP, từ năm 1996 đến nay ở mức trên dưới 50% so GDP. Ngoại thương đã tác động rất lớn đến tăng trưởng kinh tế trong các năm qua.

So sánh số liệu xuất, nhập khẩu với 10 quốc gia (và vùng lãnh thổ) trong 10 năm qua cho thấy, đã có sự đa dạng hơn trong các quan hệ thương mại. Xu hướng này tuy nói lên sự đa dạng về cơ cấu mặt hàng, bạn hàng, nhưng gần 70% hàng xuất khẩu và 80% nhập khẩu của Việt Nam chỉ với 10 quốc gia (và vùng lãnh thổ) thì tình trạng phụ thuộc của nền ngoại thương là rất đáng quan tâm.

Tuy nhiên, xét trên nhiều mặt, ngoại thương Việt Nam cho đến nay vẫn là nền ngoại thương mang đậm dấu ấn của nền kinh tế khai thác nguyên liệu. 70% lượng

Digitized by Google

hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam từ năm 1990 đến nay là từ khu vực nông nghiệp và khai thác dầu thô. 30% còn lại là hàng thủ công và hàng công nghiệp mà hầu hết trong số đó thuộc những ngành sử dụng ưu thế nhân công rẻ như may mặc, giày dép ... Trong nhập khẩu thì nhập khẩu nguyên, nhiên liệu chiếm đến trên 60%, nhập khẩu máy móc thiết bị, kể cả thiết bị dầu khí cũng chỉ vào khoảng 30%.

Sự gia tăng sản xuất nông sản không còn mang lại sức mạnh cho nền kinh tế Việt Nam như trước đây, trái lại, từ năm 1999 đến nay, sự gia tăng này lại có tác dụng ngược lại.

2 - Những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngoại thương

Để ngoại thương phát triển ngang tầm với thời kỳ mới, đòi hỏi phải xác lập một hệ giải pháp thống nhất, đồng bộ và hiệu quả. Trước mắt, theo chúng tôi, cần tập trung vào mấy việc sau :

- Tăng cường công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm và xuất khẩu rau quả

Trung Quốc là thị trường rộng lớn mà Việt Nam phải tính đến trước tiên. Việc mua bán biên mậu lâu nay đã có những ảnh hưởng nhất định đến tốc độ phát triển của nhiều loại cây trái, hoa quả, nhưng còn mang tính tự phát, tùy tiện, và rủi ro. Khả năng xuất khẩu của nhóm hàng này có thể đạt tới 2 tỉ USD trong 10 - 15 năm tới, nhưng mục tiêu 500 triệu USD đến năm 2005 cũng có thể không đạt, nếu như nhiều vấn đề không được giải quyết. Cần phải tính đến những biện pháp đồng bộ, từ việc xây dựng những kho lạnh ở các cửa khẩu, mở thêm tuyến buôn bán mới đến nâng cao chất lượng bao gói, chế biến bảo quản cho tới chất lượng giống và kỹ thuật canh tác cũng như những biện pháp hữu hiệu kiểm soát việc sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong quy trình sản xuất.

Không có sự đột phá trong công nghiệp chế biến thì không có sự tăng trưởng bền vững của ngoại thương. Sự đột phá ấy trước hết phải trên các lĩnh vực liên quan đến sản phẩm lương thực, rau quả, cà-phê, cao-su, chè... - những sản phẩm nông nghiệp hiện đang có lợi thế về năng suất, chi phí sản xuất thấp.

Việc hoạch định chiến lược phát triển của một ngành phải có sự phân tích về nhu cầu và khuynh hướng tiêu dùng của thị trường thế giới. Lợi thế về đất đai, cây trồng hiện nay chỉ có ý nghĩa rất nhỏ. Cần phải giúp cho người nông dân có thêm tư duy của nhà công nghiệp, của nhà kinh doanh, chỉ như thế mới có thể đa dạng hóa được cơ cấu nông nghiệp và sản xuất ở nông thôn.

- Nâng cao hàm lượng công nghệ và đa dạng hóa cơ cấu xuất khẩu.

Cần có chính sách khuyến khích phát triển những ngành có hàm lượng công nghệ cao, thay đổi trong bố trí cơ cấu vốn đầu tư và phân công lại giữa các thành phần kinh tế trong nước, giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp dân doanh. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong xuất khẩu những mặt hàng thô (kể cả gạo, cà-phê, chè...) cần được xem xét để có sự chuyển giao hợp lý ; các hiệp hội ngành hàng cần phải được củng cố, tăng cường hơn.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần sớm làm quen với hoạt động xuất khẩu, quen dần tập quán kinh doanh quốc tế, giảm bớt mặc cảm và tạo được sự tự tin trong quan hệ với đối tác nước ngoài. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp dân doanh cũng đòi hỏi phải điều chỉnh phương thức cho vay ; giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

Về chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam hiện nay

PHẠM HẠNH SÂM*

TRONG tiến trình lịch sử phát triển của đất nước, phụ nữ Việt Nam luôn là một nguồn nhân lực quan trọng, có trí tuệ dồi dào và đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với 51% lực lượng lao động xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phụ nữ Việt Nam đã được phát huy khả năng của mình, tham gia trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Phụ nữ là những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ra sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội. Tuy nhiên, khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước, phụ nữ Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới.

Thời kỳ CNH, HĐH sẽ có nhiều công việc, ngành nghề phù hợp với khả năng chị em. Đất nước ta có nhiều tiềm năng về tài nguyên, lao động, đặc biệt về tinh thần, trí tuệ trong đó phụ nữ có những đóng góp quan trọng. Tuy nhiên, để phát huy vai trò của mình, chị em cũng phải vượt qua vô vàn khó khăn, thử thách về tình trạng thiếu việc làm, thu nhập thấp, đói nghèo, thiếu dinh dưỡng ; trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tay nghề thấp không đủ điều kiện để đảm nhận những công việc đòi hỏi có trình độ kỹ thuật cao trong nền kinh tế thị trường ; sự phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái, bạo lực gia đình còn tồn tại, tệ nạn xã hội, nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em, bệnh tật có chiều hướng gia tăng, cùng với sự diễn biến khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu, môi trường sống bị xâm hoại nghiêm trọng gây ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống, sức khỏe con người, mà người gánh chịu hậu quả nhiều hơn vẫn là phụ nữ.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, phụ nữ Việt Nam phải không ngừng phấn đấu để đạt được các tiêu chí cụ thể đặt ra trong cuộc sống. Những tiêu chí đó phải vừa hàm chứa những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, kế thừa nét đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam từ bao đời nay, vừa phản ánh xu thế thời đại, song lại phải rất gần gũi đối với mỗi người phụ nữ Việt Nam dù ở bất cứ cương vị gì hay điều kiện, hoàn cảnh nào. Xuất phát từ yêu cầu đó, Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (nhiệm kỳ 2002 - 2007) đã đề ra mục tiêu xây dựng ***Người phụ nữ Việt Nam yêu nước, có tri thức, có sức khỏe, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu, quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng.*** Đó cũng chính là chuẩn mực của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.

---

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Hội LHPN Việt Nam

Digitized by Google

Cụ thể hóa chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, ta thấy rõ nội dung được đề cập từ nhiều khía cạnh khác nhau. Phấn đấu thực hiện chủ đề này là nhiệm vụ chính, là hoạt động trọng tâm nhằm hiện thực hóa những quyết sách của Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ IX. Hiểu đúng từng nội dung của chuẩn mực để từ đó tìm ra cách thức thực hiện có hiệu quả chính là một trong những yêu cầu đối với các cấp Hội và đối với mỗi người phụ nữ Việt Nam.

Yêu nước, trước hết là luôn tin tưởng và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Trong tình hình hiện nay, yêu nước còn thể hiện ở ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta. Yêu nước cũng chính là yêu gia đình, làng xóm, quê hương, cộng đồng của mình ; là yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, phấn đấu vì con đường xã hội chủ nghĩa - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, nhằm thực hiện mục tiêu *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".*

Có tri thức là có kiến thức, trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp ; là không ngừng học tập, nâng cao trình độ, hiểu biết về mọi mặt để có thể nắm bắt, tiếp thu và biết vận dụng khoa học, công nghệ vào cuộc sống.

Có sức khỏe là để thực hiện tốt trách nhiệm người công dân trong xã hội, đảm đang tốt vai trò người vợ, người mẹ trong gia đình ; là chủ động tiếp cận tích cực với phong cách lao động công nghiệp, có khả năng tập trung cao độ sức lực, trí tuệ để đạt được năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Năng động là tính chủ động, dám nghĩ, dám làm, có ý thức trách nhiệm và tìm cách khắc phục khó khăn, biết nắm lấy thời cơ để thực hiện tốt công việc được giao một cách tốt nhất ; là biết khắc phục lối sống thụ động, trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm, tự ti, mặc cảm.

Sáng tạo là luôn có những suy nghĩ, say mê, tìm tòi cái mới và áp dụng cái mới vào công việc xã hội cũng như công việc gia đình. Có tính sáng tạo sẽ giúp người phụ nữ làm chủ trước những công việc đòi hỏi kỹ thuật cao, có những sáng kiến, cải tiến, áp dụng cái mới, tiến bộ khoa học - công nghệ để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Lối sống văn hóa là thể hiện sự tôn trọng với mọi người, giao tiếp lịch sự nhưng kiên quyết, biết dùng lời hay, ý đẹp nhằm vận động, thuyết phục người khác cùng làm việc tốt; có tinh thần đoàn kết anh em, bạn bè, láng giềng, đồng chí, đồng nghiệp.

Lòng nhân hậu được thể hiện ở tình thương yêu sâu sắc đối với mọi người, giàu lòng nhân ái, bao dung, thủy chung, sẵn sàng giúp đỡ và cảm thông với những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, với tinh thần tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách" ; là lòng độ lượng, vị tha, biết chia sẻ vui buồn với mọi người, không xa lánh những người mắc lỗi lầm, tạo cơ hội cho họ tái hòa nhập với cộng đồng trở về với cuộc sống đời thường.

Quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng là luôn đặt lợi ích chung của mọi người lên trên lợi ích của cá nhân, sống vì

Digitized by Google

tập thể và cộng đồng, không cá nhân vụ lợi, vun vén cho riêng mình. Biết tạo mối đoàn kết đùm bọc thương yêu, nhường nhịn lẫn nhau giữa người với người; sẵn sàng tham gia công tác xã hội với tinh thần tự nguyện, góp phần xây dựng một cộng đồng bền vững, xã hội lành mạnh, trong đó mọi người đều ý thức quan tâm đến người khác với phương châm "mình vì mọi người".

Làm thế nào để vận động phụ nữ thực hiện tốt những nội dung của chuẩn mực đó, thu hút chị em và được chị em chấp nhận, ủng hộ, đó chính là một trong những khó khăn hiện nay của các cấp Hội.

Việc nắm tình hình tư tưởng các tầng lớp phụ nữ, định hướng dư luận xã hội được đẩy mạnh sẽ giúp cho phụ nữ nắm bắt nhanh và thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Hội. Nhận thức được điều đó, các cấp Hội đã tiến hành nhiều hoạt động như đi thực tế cơ sở, khảo sát, đánh giá nhanh, tiếp cận trực tiếp đối tượng, giao ban định kỳ, tổ chức tọa đàm, báo cáo tình hình tư tưởng hằng tháng và báo cáo đột xuất. Chính vì vậy, việc nắm tư tưởng các tầng lớp phụ nữ, thu thập thông tin, nhất là ở các "điểm nóng" được kịp thời hơn, góp phần ổn định tình hình chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Các hình thức như gặp mặt phụ nữ tiêu biểu, tham quan di tích lịch sử, cách mạng với các hoạt động hướng về cội nguồn đã được nhiều cấp Hội phụ nữ trong cả nước thực hiện nhằm thực hiện nội dung "yêu nước". Hội Phụ nữ thành phố Đà Nẵng phát động phong trào *"Tháng 3 tình thương, tháng 7 tình nghĩa"*, tổ chức các cuộc hành trình về thăm các xã anh hùng, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, thân thế sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lịch sử Hội LHPNVN, vận động phụ nữ phát huy và bảo tồn truyền thống cách mạng của thành phố anh hùng. Hội Phụ nữ Cao Bằng, Lai Châu đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng tổ chức cho phụ nữ các xã biên giới đất liền được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ Trung Quốc ; học tập quy chế biên giới, giáo dục động viên chị em nêu cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ đường biên, mốc giới.

Một trong những hoạt động lớn được Hội LHPNVN tổ chức trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 năm nay là *Hội thi cán bộ Hội cơ sở giỏi trong các dân tộc thiểu số toàn quốc* được tổ chức trong 3 ngày (từ 25 đến 27-2-2003), tại thành phố Plây Ku (tỉnh Gia Lai), do Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Dân tộc, Đài Truyền hình Việt Nam cùng với Hội LHPNVN đồng tổ chức. Thành phần chủ yếu của Hội thi là cán bộ Hội cơ sở thuộc 35 tỉnh, thành phố có từ 5% dân tộc thiểu số sinh sống trở lên. Hội thi không chỉ là dịp giao lưu, học tập, nâng cao nhận thức, tăng thêm hiểu biết, kỹ năng trong đội ngũ cán bộ Hội cơ sở mà còn mang ý nghĩa lớn là tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc nói chung và phụ nữ các dân tộc thiểu số nói riêng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, góp phần củng cố, phát huy tinh thần yêu nước, ý thức chính trị cho các tầng lớp phụ nữ Việt Nam.

Cái khó trong việc thực hiện nâng cao trình độ học vấn hiện nay là trình độ của phụ nữ còn nhiều bất cập, đặc biệt phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng

Digitized by Google

bào dân tộc thiểu số. Ở một số nơi, tỷ lệ tái mù chữ còn cao, thậm chí có nơi Chủ tịch Hội Phụ nữ xã vẫn còn mù chữ. Để khắc phục điều đó, các cấp Hội cần đẩy nhanh chương trình xóa mù chữ cho phụ nữ và trẻ em gái, nhất là tập trung xóa mù chữ cho cán bộ Hội ở cơ sở. Hiện tại các cấp Hội đã và đang tiến hành khảo sát, thống kê số lượng cán bộ Hội ở cơ sở mù chữ, xây dựng kế hoạch xóa mù chữ, sau xóa mù chữ và giáo dục thường xuyên. Một số tỉnh đã xây dựng tủ sách cộng đồng với nhiều đầu sách, báo giúp chị em có cơ hội tiếp cận với kiến thức, chống tái mù chữ. Mô hình điểm kết hợp giữa giáo dục và vay vốn Ngân hàng người nghèo giúp phụ nữ có con bỏ học dưới 17 tuổi tại 18 xã của 7 tỉnh bước đầu đã đạt kết quả tốt, cần sớm tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân rộng. Để nâng cao trình độ, năng lực cho phụ nữ, Hội Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh đã tham mưu đề xuất lãnh đạo thành phố có những chủ trương, chính sách hỗ trợ các Câu lạc bộ cán bộ nữ chủ chốt cấp thành phố và quận, huyện ; chú ý phát hiện những tài năng nữ sinh viên để tuyển chọn theo các phương thức như cấp học bổng hoặc cho vay tiền để đi học, giới thiệu, tuyển chọn cho chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ của Thành phố. Trong năm 2002, các cấp Hội đã duy trì và phát huy có hiệu quả các chương trình học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, đặc biệt là nữ sinh viên.

Thực hiện nội dung "có sức khỏe" đối với phụ nữ nông thôn là một vấn đề khó, bởi trong thực tế, tỷ lệ phụ nữ thiếu máu do đời sống chị em còn nhiều thiếu thốn, điều kiện tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe còn rất hạn chế (nhất là đối với phụ nữ nghèo). Để khắc phục khó khăn đó, các cấp Hội đã tập trung vào những hoạt động như : phổ biến, giáo dục nâng cao kiến thức về sức khỏe, nhất là sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, cho các cặp vợ chồng, kiến thức về nuôi con, về vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với ngành y tế tổ chức khám sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em. Vận động phụ nữ có thai đi khám thai đủ 3 lần đạt chỉ tiêu 80% như *Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam 2001 - 2005 đề ra.*

Có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng là những nội dung bao gồm những nét chung, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Trong nền kinh tế thị trường, một yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi người phụ nữ là phải năng động, sáng tạo. Có năng động, sáng tạo mới đứng vững và phát triển trong kinh tế thị trường đầy sự cạnh tranh gay gắt. Cũng chính vì yêu cầu này mà lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu và quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng nhiều khi bị xem nhẹ. Xuất phát từ thực tế đó, trong công tác tuyên truyền, giáo dục, các cấp Hội đã tập trung vào giáo dục phẩm chất, đạo đức truyền thống tốt đẹp của phụ nữ thông qua các phong trào như : người con hiếu thảo ; phụ nữ đảm đang duyên dáng ; thi nữ công gia chánh, thi hát ru, thi ứng xử, giao tiếp... Các cấp Hội tổ chức nhiều khóa tập huấn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, nhất là trong sản xuất nông nghiệp để giúp phụ nữ đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế gia đình. Bên cạnh đó, các cấp Hội vận động chị em thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đẩy mạnh các hoạt động tuyên

Digitized by Google

truyền, hướng dẫn phụ nữ sử dụng đúng thuốc trừ dịch hại nhằm bảo vệ môi trường và giữ gìn sức khỏe cho người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp với tinh thần: không chạy theo kinh tế mà ảnh hưởng tới sức khỏe của cộng đồng xã hội. Đối với chị em làm công việc kinh doanh, dịch vụ, Hội cũng có những "chi hội chợ" với nội dung tuyên truyền phù hợp, vận động chị em trau dồi đạo đức, văn hóa nghề nghiệp, cạnh tranh lành mạnh, giữ đạo lý truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam.

Để giúp chị em thể hiện trách nhiệm với xã hội, các cấp Hội còn tổ chức vận động phụ nữ tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo, công ích như đóng góp ủng hộ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt, hạn hán, phụ nữ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, phòng chống các tệ nạn xã hội, tội phạm, phòng chống HIV/AIDS, bảo vệ vệ sinh môi trường.

Phấn đấu thực hiện chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH là một mục tiêu lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của các cấp Hội, của những người phụ nữ. Mỗi cấp Hội, mỗi tầng lớp phụ nữ, tùy thuộc vào đặc điểm tâm lý, lứa tuổi, nghề nghiệp, địa bàn cư trú của mình có thể có những cách hiểu và cách thức thực hiện khác nhau, động viên, vận động, chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở chọn nội dung và cách thức tuyên truyền, giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhằm thu hút đông đảo các tầng lớp phụ nữ tham gia, phấn đấu đạt các tiêu chí về chuẩn mực người phụ nữ Việt Nam thời kỳ CNH, HĐH đất nước, tạo nên hình ảnh mới người phụ nữ Việt Nam của thế kỷ XXI.❑

ĐIỀU CHỈNH ...

(Tiếp theo trang 32)

nguồn vốn và quản lý được việc sử dụng đồng vốn là biện pháp quan trọng bậc nhất giúp họ thành công.

- Nâng cao hàm lượng dịch vụ trong hàng hóa xuất khẩu.

Sự xuất hiện của thương mại điện tử và sự thành công của những siêu thị khổng lồ với nguyên tắc phân phối hàng không qua kho. Sự yếu kém của các ngành công nghiệp, dịch vụ xuất khẩu, như in ấn, bao bì, bao gói, vận tải, giao hàng, quảng cáo, tiếp thị ... là những hạn chế đối với tăng trưởng của xuất khẩu, cần phải sớm được khắc phục.

Giá cả sẽ không còn là yếu tố cạnh tranh hàng đầu, mà chính yêu cầu nghiêm ngặt về sức khỏe con người mới là yếu tố hàng đầu để bán được sản phẩm của mình. Các tiêu chuẩn về chất lượng (như ISO 9000), những tiêu chuẩn về môi trường (ISO 14 000), tiêu chuẩn về vệ sinh và an toàn lao động (SA 8 000) sẽ là những thử thách, là nấc thang đánh giá sự tiến bộ và trình độ của một doanh nghiệp đi vào xuất khẩu.

Trong xây dựng chiến lược cạnh tranh dài hạn cần chú ý việc phân tích thị trường thế giới và xu hướng phát triển. Giá nhân công thấp là một trong những yếu tố cạnh tranh, nhưng quan trọng hơn năng suất và chất lượng.

Muốn thực hiện thắng lợi chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, điều quan trọng là phải có nguồn nhân lực có tri thức, có phẩm chất và trình độ chuyên môn cao. Đây còn là một ngành kinh tế sinh lợi lớn, ngành kinh tế mũi nhọn quyết định tốc độ tăng trưởng trong hiện tại và trong tương lai. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ

Lời Bộ Biên tập : *Tiếp theo cuộc Hội thảo tổ chức tại tỉnh Hà Nam vào tháng 8-2002, ngày 20-2-2003, tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Tạp chí Cộng sản, Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.03-02 và Tỉnh ủy Nghệ An đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn "Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở". Gần 200 nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, ở trung ương và địa phương, lãnh đạo của các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình đã tham dự.*

Các báo cáo và ý kiến tham luận tại Hội thảo đề cập tới nhiều nội dung của việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở - bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc bản Báo cáo đề dẫn, Tổng quan Hội thảo và một số tham luận.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

PGS.TS TRẦN QUANG NHIẾP

XÂY dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở là vấn đề quan trọng, luôn được Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm. Trong quá trình đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ cơ sở nói riêng đã góp phần có ý nghĩa quyết định vào sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước.

Từ trước đến nay, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị cũng như các chính sách về công tác cán bộ, nhằm xây dựng được đội ngũ cán bộ đáp ứng những đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng ngày càng cao qua các giai đoạn.

Trong thời kỳ thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, bên cạnh những thuận lợi to lớn, cơ bản, còn có không ít thử thách, khó khăn, trong đó có cả những nguy cơ tác động đến sự nghiệp cách mạng. Để vượt lên những khó khăn thử thách, đẩy lùi các nguy cơ, có nhiều yếu tố, trong đó đội ngũ cán bộ có vai trò quyết định. Bởi vậy, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung cũng như cán bộ ở cơ sở nói riêng càng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Vừa qua, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa IX) đã ra Nghị quyết : ***Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường,***

Digitized by Google

thị trấn. Mới đây, Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) lại có nghị quyết về công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay. Điều đó càng thấy rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Có xây dựng được đội ngũ cán bộ cơ sở vững mạnh mới bảo đảm cho đất nước ổn định và phát triển, đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn giành được thắng lợi.

Thực tiễn cho thấy cán bộ cơ sở là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nơi nào quan tâm đầy đủ và làm tốt công tác cán bộ ở cơ sở, có đội ngũ cán bộ cơ sở vững mạnh, thì nơi ấy tình hình chính trị - xã hội ổn định, kinh tế, văn hóa phát triển, quốc phòng - an ninh giữ vững, cán bộ được dân tin, mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước triển khai có kết quả, tạo được các phong trào cách mạng sâu rộng. Ngược lại, ở đâu công tác cán bộ không được quan tâm, đội ngũ cán bộ không đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, có những biểu hiện tham ô, tham nhũng, lãng phí, hống hách với dân, suy thoái về đạo đức, lối sống... thì ở đó tình hình sẽ gặp khó khăn, có nơi còn bị những kẻ xấu kích động, gây rối trở thành những "điểm nóng", phức tạp, kéo dài. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở cần thiết và quan trọng như vậy, nhưng lại không tự nhiên mà có. Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ cơ sở tùy thuộc vào quá trình xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng sử dụng và tự rèn luyện một cách chủ động, sáng tạo của từng cá nhân và các cấp bộ đảng, chính quyền, các đoàn thể. Để góp phần làm sáng rõ thêm những vấn đề quan trọng, thiết thực này, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Chủ nhiệm đề tài KX.03-02 và Tỉnh ủy tỉnh Nghệ An phối hợp nghiên cứu, tổ chức cuộc Hội thảo Khoa học - Thực tiễn *"Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở"*. Đây là vấn đề rộng lớn, luôn luôn mới, đã được Đảng, Nhà nước, các cơ quan, địa phương, các ngành từng quan tâm dưới những khía cạnh và các mức độ khác nhau nhằm đáp ứng sự phát triển của đất nước.

Hội thảo khoa học - thực tiễn lần này với chủ đề : *"Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở "* nhằm góp phần làm sáng rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở trong giai đoạn cách mạng ở nước ta hiện nay, để từ đó triển khai một cách có hiệu quả những nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ nói chung, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở nói riêng.

Trong khuôn khổ của chủ đề nêu trên, có phạm vi nội dung rộng lớn và nhiều vấn đề cụ thể cần được đi sâu nghiên cứu giải quyết. Ban tổ chức hội thảo đã nhận được hơn 40 bản tham luận tập trung nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu khách quan của việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở ; phản ánh thực trạng mặt mạnh mặt yếu và những nguyên nhân các mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ cơ sở ; nêu lên những yêu cầu trong việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ, cũng như các chế độ, chính sách cụ thể để đội ngũ cán bộ cơ sở yên tâm công tác, phục vụ tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài những vấn đề chung của việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, nhiều bản tham luận đã đi sâu phân tích các khía cạnh cụ thể như công tác đánh giá tình hình đặc điểm đội ngũ cán bộ cơ sở, công tác quy hoạch và những vấn đề đặt ra cần giải quyết để xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay.

Viết tham luận tham gia Hội thảo gồm các nhà khoa học, các đồng chí cán bộ các cơ quan trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu cùng nhiều đồng chí lãnh đạo ; các nhà hoạt động thực tiễn ở các địa phương và cơ sở của bốn tỉnh : Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình. Vì vậy, phản ánh trong Hội thảo bên cạnh những vấn đề lý luận sâu

Digitized by Google

sắc, sẽ có nhiều ý kiến phong phú về lý luận, sinh động của thực tiễn đang đặt ra. Chính vì vậy những kinh nghiệm được đúc rút từ thực tiễn góp phần làm phong phú thêm nhận thức về công tác cán bộ của Đảng dưới nhiều khía cạnh khác nhau như : quan điểm nhìn nhận đánh giá cán bộ thế nào cho khoa học và thực tế ; nguồn lựa chọn cán bộ cơ sở nói chung, ở miền Trung nói riêng có những khó khăn, thuận lợi gì ? Ngay trong địa bàn một tỉnh thì cán bộ cơ sở xã, phường ở thành phố, nông thôn đồng bằng và vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo có những điểm giống và khác nhau như thế nào ? Cần có những chủ trương, biện pháp cụ thể ra sao để có được đội ngũ cán bộ cơ sở đủ về số lượng, tốt về chất lượng ? Nội dung chương trình biện pháp đào tạo của các trường chính trị, các cơ quan đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay cần đổi mới như thế nào cho sát hợp ? Vai trò của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể trong việc lựa chọn, bồi dưỡng, kiểm tra cán bộ như thế nào để phát huy hiệu quả ? Cần phải có chủ trương, biện pháp, cơ bản gì để ổn định và phát triển đội ngũ cán bộ cơ sở lâu dài ?...

Thực tế cho thấy, trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở hiện nay, tuy đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, nhưng vẫn còn nhiều bất cập chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong giai đoạn cách mạng mới. Thậm chí có nơi, có lúc nổi lên những vấn đề bức xúc, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo tập trung cụ thể, sát sao hơn của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương. Bởi vậy, để thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 5 và 6 (khóa IX) nhằm xây dựng được đội ngũ cán bộ ở cơ sở có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đạo đức, có khả năng tập hợp và vận động quần chúng xây dựng hệ thống chính trị cơ sở thật sự vững mạnh, chúng ta cần dành nhiều công sức tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, rút ra những kinh nghiệm bổ ích và những bài học thiết thực.

Trong khuôn khổ của Hội thảo lần này do thời gian và điều kiện có hạn, chúng ta tập trung vào những nội dung chính sau :

Một là, làm rõ hơn căn cứ lý luận và thực tiễn để nhận thức sâu hơn tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở hiện nay. Đây không hoàn toàn là vấn đề mới, nhưng phải thừa nhận rằng, trong thực tế cả nhận thức và việc làm chúng ta vẫn còn chưa thể hiện được đầy đủ, đúng mức. Còn quan niệm giản đơn về vị trí, vai trò đội ngũ cán bộ cơ sở, chưa thấy hết tính phức tạp, tính quyết định của họ đối với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Người cán bộ ở cơ sở hằng ngày cọ sát với thực tiễn rất phức tạp thuộc nhiều lĩnh vực, nên họ cần có bản lĩnh, nhiều kinh nghiệm và hiểu biết cùng thời gian vật chất để làm việc. Nhưng họ lại ít được đào tạo, bồi dưỡng lý luận ; hiểu biết đường lối chính sách, pháp luật còn hạn chế. Việc quan tâm chăm lo đời sống vật chất , tinh thần đối với họ cũng chưa tương xứng. Đây là những vấn đề làm cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở gặp khó khăn, dẫn tới tình trạng bị coi nhẹ, thiếu những chủ trương, biện pháp tích cực có tính chiến lược để xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vững mạnh lâu dài.

Hai là, đánh giá đúng đắn tình hình, đặc điểm của đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay trong điều kiện nền kinh tế thị trường có những đặc trưng nổi bật gì ? Đâu là mặt mạnh, mặt yếu cơ bản của đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay ? Phát huy mặt mạnh và khắc phục những thiếu sót, yếu kém của đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay như thế nào ? Đâu là động lực để người cán bộ cơ sở mang hết tài năng, sức lực, trí tuệ để cống hiến ? Những vướng mắc trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở hiện nay ? Trên cơ sở đó chúng ta có biện pháp gì để xây

Digitized by Google

dựng đội ngũ cán bộ cơ sở tốt là nội dung cần được tập trung làm rõ một cách sâu sắc hơn. Đâu là những phẩm chất và năng lực cần thiết, riêng có và không thể thiếu được đối với người cán bộ cơ sở trong thời kỳ kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy đánh giá đúng thực trạng, làm rõ được tình hình, đặc điểm, khó khăn, thuận lợi của đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở trong từng thời kỳ sẽ góp phần quan trọng trong việc lựa chọn, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ một cách có hiệu quả.

Ba là, hiện nay chúng ta có nhiều trường đào tạo cán bộ cho cơ sở theo các hệ thống đảng, chính quyền, đoàn thể, nhưng còn phân tán, hoặc chồng chéo về mặt tổ chức và nội dung, chương trình cần được xem xét sao cho phù hợp, thiết thực cũng đang là những vấn đề quan trọng đặt ra. Vừa qua, vấn đề này ở một số địa phương, một số cơ sở đào tạo đã có sự đổi mới từng bước rút kinh nghiệm, nhưng vẫn còn lúng túng, hiệu quả thấp, chưa thực sự góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở có chuyên môn giỏi, nghiệp vụ vững vàng và phẩm chất chính trị đạo đức tốt. Chúng ta chưa đi sâu nghiên cứu, tổng kết để có được những mô hình đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở thật cụ thể, phù hợp với điều kiện hiện nay. Do vậy trong cuộc hội thảo này, chúng ta nghiên cứu tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về các mô hình đào tạo là rất cần để có được những đóng góp thiết thực.

Bốn là, việc chuẩn bị nguồn đào tạo cán bộ cho cơ sở là điều rất quan trọng đối với trước mắt và lâu dài. Muốn đào tạo cán bộ, phải có nguồn để đào tạo tốt. Nguồn đó lựa chọn ở đâu, chuẩn bị như thế nào và cần có chính sách tạo nguồn ra sao đối với các loại hình cơ sở khác nhau, nhất là ở cơ sở vùng biên giới, hải đảo, vùng các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo. Rõ ràng tình trạng : đầu ra của cán bộ về hưu ở các huyện, tỉnh và trung ương lại là đầu vào của cán bộ cơ sở như ở một số nơi là không phù hợp. Lựa chọn tại chỗ, hay từ số chiến sĩ, sĩ quan quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương, hoặc số học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học... Tất cả các vấn đề như vậy cần được nghiên cứu trao đổi, thảo luận, đi sâu phân tích, làm rõ những mặt thuật lợi, khó khăn để từ đó có những chủ trương, chính sách thích hợp tạo nguồn đào tạo cán bộ cho cơ sở phù hợp, có hiệu quả nhất.

Năm là, về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở hiện nay, Đảng và Nhà nước quan tâm cụ thể và vừa qua đã dành một phần kinh phí không nhỏ, giúp họ ổn định đời sống, yên tâm công tác. Nhưng thực tế đời sống cán bộ cơ sở còn rất khó khăn ; lương, phụ cấp thấp, chế độ chính sách chưa thật rõ ràng, công việc nhiều cho nên không ít cán bộ có khả năng, có trình độ lại không muốn về công tác ở cơ sở, ngay cả đó là quê hương mình. Điều này có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là chế độ chính sách còn nhiều điểm chưa phù hợp, điều kiện làm việc còn khó khăn. Bởi vậy chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở cũng là vấn đề khá phức tạp và rất quan trọng cần đi sâu nghiên cứu, tìm câu trả lời chuẩn xác, khoa học có ý nghĩa thiết thực.xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở lâu dài.

Sáu là, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương với xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Đây là yếu tố, là điều kiện kinh tế - xã hội quan trọng thu hút và tạo sự hấp dẫn cho cán bộ phấn khởi, yên tâm công tác lâu dài và đóng góp có kết quả ở địa phương. Có thể lúc đầu có người sẵn sàng tình nguyện về công tác ở cơ sở, nhưng sau một thời gian họ lại tìm cách về thành phố, bởi vì ở cơ sở, họ thấy có nhiều thiệt thòi cả vật chất và tinh thần, lại không có điều kiện để phát triển cho họ và con cái mình. Hoặc giả làm mọi cách

Digitized by Google

họ lo cho con em ra thành phố học tập rồi ở lại tìm việc làm và mua nhà thu xếp cả gia đình về thành phố sinh sống. Rõ ràng, những chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương chính là một yếu tố không kém phần quan trọng thu hút cán bộ về công tác. Thực tế cho thấy, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở, là nền tảng cho sự phát triển chung, toàn diện, bền vững, trong đó có tác động trực tiếp đến công tác cán bộ. Tất nhiên đây là vấn đề lớn, ở Hội thảo này chúng ta không thể bàn sâu và cụ thể, nhưng rõ ràng là một nội dung không thể thiếu trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở.

Ngoài những vấn đề nêu trên, còn nhiều vấn đề quan trọng khác liên quan đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, chúng ta có thể đề cập khi thảo luận, đóng góp ngay tại cuộc hội thảo này và những công trình nghiên cứu tiếp sau. Với tinh thần khoa học và trách nhiệm cao chúng ta vừa "hội", vừa "thảo", đóng góp nhiều ý kiến chân thành, thẳng thắn, sôi nổi, sâu sắc với hy vọng, nhiều nội dung về xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở sẽ được làm sáng rõ hơn, giúp cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 và 6 (khóa IX) của Đảng một cách hiệu quả, thiết thực nhằm xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tiến hành thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

TỔNG QUAN HỘI THẢO

SAU phát biểu khai mạc của TS Lê Doãn Hợp, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Nghệ An ; PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản trình bày Báo cáo đề dẫn ; và 17 tham luận được trình bày tại Hội thảo. PGS, TS Vũ Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ nhiệm đề tài KX.03-02 tổng kết Hội thảo. Chúng tôi xin tổng thuật những nội dung chính sau.

Về vị trí vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở, Hội thảo đều nhất trí cho rằng cơ sở là địa bàn rất quan trọng ; đội ngũ cán bộ cơ sở là người tổ chức, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng ở địa phương. Thông qua đội ngũ cán bộ cơ sở mà ý Đảng, lòng dân được thống nhất, làm cho đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với quần chúng, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, trực tiếp xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ cơ sở nói riêng đã góp phần có ý nghĩa quyết định vào sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng đất nước. Trong những năm vừa qua, Đảng ta đã đạt nhiều thành tựu trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ như đã nêu trong các nghị quyết của Đảng.

Nhiều ý kiến cho rằng, cán bộ cơ sở đông đảo nhất trong đội ngũ cán bộ nói chung. Hiện nay, trong cả nước, số lượng cán bộ được hưởng các loại phụ cấp, sinh hoạt phí gồm khoảng 2 triệu người. Trình độ văn hóa của đội ngũ này đã từng bước được nâng lên. Chỉ tính riêng ở Nghệ An, nhiệm kỳ 2001 - 2005, toàn Đảng

Digitized by Google

bộ có 3102 đồng chí giữ các chức vụ chủ chốt ở cơ sở với trình độ văn hóa : cấp tiểu học có 5 đồng chí chiếm 0,16% ; cấp trung học cơ sở có 750 đồng chí chiếm 24,27% ; cấp trung học phổ thông có 2 347 đồng chí chiếm 75,66% ; 49% cán bộ có trình độ chuyên môn đã qua đào tạo từ sơ cấp đến đại học.

Tính năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng được nâng lên, nhanh chóng thích ứng với tình hình giai đoạn cách mạng mới, đủ khả năng giải quyết những vấn đề nảy sinh tại cơ sở. Đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm của cơ quan quyền lực nhà nước, quyết định những chủ trương và biện pháp quan trọng theo chức năng, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Nhiều đồng chí vững vàng, phong cách và phương pháp làm việc tốt, năng lực công tác, chất lượng tham mưu trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đô thị... được nâng lên một bước. Tinh thần thái độ phục vụ từng bước đi vào nền nếp, hiệu quả. Từ thực tiễn lao động sản xuất, đội ngũ cán bộ cơ sở gắn bó với quần chúng, học hỏi ở quần chúng, tích lũy kinh nghiệm sáng kiến của quần chúng, góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung cho đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những mặt mạnh là cơ bản, Hội thảo cũng chỉ ra việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở còn có những hạn chế chính sau :

Công tác cán bộ cơ sở vẫn còn chậm chuyển biến, chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn chuyển đổi cơ chế, nhiều yếu kém càng bộc lộ rõ hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguồn cán bộ vừa thiếu, vừa yếu, tuổi đời cao, phần lớn chưa được đào tạo về chính trị, chuyên môn kỹ thuật, quản lý hành chính và pháp luật. Ở Hà Tĩnh, mỗi chức danh chủ trì và trưởng ngành cơ sở có tuổi đời bình quân là 46 (bí thư chi bộ và xóm trưởng có tuổi bình quân là 53, trình độ trung cấp chính trị 6,3%, trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 4,9%). Cơ cấu cán bộ bất hợp lý, không đồng đều, tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số còn thấp. Trình độ nắm bắt các nghị quyết, chủ trương, chính sách còn yếu, cán bộ chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao. Trình độ cán bộ đôi khi còn thấp hơn mặt bằng ở địa phương. Do cán bộ cơ sở thiếu kiến thức và sự hiểu biết cần thiết, dẫn đến làm bừa, làm ẩu, coi thường pháp luật, vi phạm dân chủ, quan liêu, tham nhũng, làm cho quần chúng mất lòng tin với Đảng và chính quyền. Ở một số nơi, tình trạng mất đoàn kết, gây bè kéo cánh, cục bộ địa phương, vô hiệu hóa cán bộ được luân chuyển từ nơi khác đến... đã làm cho công tác cán bộ cơ sở chậm đổi mới, thậm chí trì trệ, ảnh hưởng không tốt đến các phong trào ở địa phương.

Sau khi phân tích khái quát thực trạng đội ngũ cán bộ cơ sở nêu trên, Hội thảo tập trung làm rõ những nội dung, nhiệm vụ cơ bản của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở như sau :

1 - Về quy hoạch cán bộ

Hội thảo cho rằng, quy hoạch cán bộ là quy hoạch đặc biệt, cán bộ vừa là đối tượng vừa là chủ thể của công tác quy hoạch. Từ trước đến nay chúng ta đã chú ý đến công tác quy hoạch cán bộ. Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII "Về chiến lược cán bộ..." đã chỉ rõ : "Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, đảm bảo cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài". Trước và sau Nghị quyết Trung ương 3, chúng ta đã từng làm và tiếp tục làm quy hoạch cán bộ. Tuy vậy, nhiều cấp ủy địa phương, ngành,

Digitized by Google

đơn vị chưa thật sự coi trọng, không chủ động làm quy hoạch cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý, hoặc làm một cách qua loa hình thức, chất lượng thấp, quy hoạch một đằng, đào tạo sử dụng một nẻo, quy hoạch không gắn với đào tạo, luân chuyển cán bộ.

Thông qua thảo luận, các đại biểu đã đưa ra những kiến giải rất cụ thể : quy hoạch cán bộ phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị ở cơ sở và phải được tiến hành đồng thời với việc chuẩn bị các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương. Quy hoạch cán bộ phải luôn nhất quán, tránh phiến diện, tránh nhảy từ thái cực này sang thái cực khác, đảm bảo hài hòa hợp lý các độ tuổi. Quy hoạch một chức danh có nhiều nguồn và một người có thể quy hoạch cho nhiều chức danh... Nhiều ý kiến đề nghị, để quy hoạch cán bộ thực sự có hiệu quả, cần giải quyết tốt một số vấn đề như : cần cụ thể hóa, cần lượng hóa những nội dung trong Nghị quyết của Đảng để làm cơ sở triển khai, đồng thời làm cơ sở đánh giá công tác quy hoạch. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt nhờ quy hoạch thì bản thân một số hoạt động phục vụ cho công tác quy hoạch cũng phải được quy hoạch (trong tổ chức và đào tạo, bồi dưỡng).

2 - Về đánh giá, sử dụng cán bộ

Hội thảo nhấn mạnh, đánh giá cán bộ là khâu mấu chốt của công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Đánh giá và sử dụng cán bộ là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau. Đánh giá đúng thì sử dụng cán bộ mới đúng, sử dụng đúng cán bộ mới tạo điều kiện để đánh giá đúng, trên cơ sở đó sẽ định hướng đào tạo, sử dụng, đề bạt, cất nhắc, luân chuyển và là tiền đề đảm bảo tính chính xác, khoa học của khâu quy hoạch cán bộ.

Hội thảo cho rằng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương đã có nhiều chỉ thị về đánh giá, sử dụng cán bộ. Nhiều nơi thực hiện tốt, đã xây dựng được đội ngũ cán bộ về cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy vậy, việc đánh giá cán bộ cũng đang bộc lộ những khiếm khuyết cần khắc phục. Việc đánh giá còn tùy tiện, theo ý người đứng đầu, thiếu dân chủ, thiếu khách quan, cứng nhắc, không khoa học, còn bị ảnh hưởng bởi sự yêu ghét, chủ quan, thiếu tinh thần xây dựng. Vẫn còn tình trạng phe cánh, bè phái cục bộ, đánh giá sai lệch, trù dập những cán bộ trung thực, sử dụng cán bộ phẩm chất và năng lực kém do thân quen, nể nang, chạy chọt. Việc xác định những tiêu chí đúng đắn để đánh giá cán bộ một cách thống nhất vẫn còn nhiều vấn đề phải bàn bạc, nhất là trong thời kỳ kinh tế thị trường hiện nay.

3 - Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ

Nhiều ý kiến cho rằng, trong những năm qua, mặc dù trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở chúng ta đã có những tiến bộ, nhưng trên thực tế, ở nhiều địa phương còn bất cập. Một số tham luận nêu rõ : 80% đại biểu Hội đồng nhân dân cấp cơ sở không có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ; 46% cán bộ UBND xã, phường, thị trấn chỉ có trình độ học vấn từ phổ thông cơ sở trở xuống. Số cán bộ chuyên môn, giúp việc ở cơ sở chưa qua đào tạo còn khá cao như tài chính : 59% ; địa chính : 71% ; văn phòng, thống kê : 80%; tư pháp : 85%. Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị cơ sở cũng trong tình trạng tương tự. Chương trình đào tạo còn nặng về lý thuyết, lý luận. Kinh phí đào tạo chưa tương xứng với kết quả đào tạo...

4 - Về tạo nguồn cán bộ

Các tham luận đều đề cập tới vấn đề này và cho rằng nguồn cán bộ cơ sở, trước hết

Digitized by Google

phải xuất phát từ cơ sở. Thông qua các phong trào hành động cách mạng của nhân dân ở cơ sở, lãnh đạo các ngành, các đồng chí cán bộ, đảng viên và nhân dân phát hiện, giới thiệu nguồn để tuyển chọn đưa vào quy hoạch. Tuy vậy, nguồn cán bộ ở cơ sở vẫn đang là một khó khăn lớn trong xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là lớp thanh niên trưởng thành ngay từ cơ sở chưa được quan tâm khai thác thỏa đáng. Số thanh niên tốt nghiệp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp có xu hướng "ly hương", thậm chí có nhiều trường hợp đã được quy hoạch, sau khi tốt nghiệp vẫn không trở về quê hương, mà ở lại thành phố tìm việc làm. Vì lẽ đó, nguồn phát triển cán bộ cơ sở đã hạn hẹp lại càng thiếu, rơi vào tình trạng chắp vá, bị động, khó khăn hơn.

5 - Về chính sách cán bộ

Nhiều báo cáo tham luận đã đưa ra nhận định chung : cán bộ cơ sở làm nhiều, hưởng ít. Việc bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ cơ sở còn nhiều hạn chế. Chính sách sử dụng cán bộ chưa ổn định, tính chuyên nghiệp hóa đối với một số chức danh cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên môn chưa cao đã tạo nên tâm lý coi công tác cán bộ ở cơ sở là hoạt động nghiệp dư. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ cơ sở tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần nhưng do chưa được nghiên cứu cơ bản, toàn diện nên thiếu ổn định, nhất quán, chưa hợp lý và chưa phù hợp với thực tiễn. Việc qui định số lượng cán bộ tính theo quy mô dân số chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế làm nảy sinh tư tưởng muốn chia tách đơn vị hành chính. Chế độ, chính sách đối với từng loại hình cán bộ còn nặng tính bình quân chủ nghĩa, thiếu công bằng.

Đề cập tới các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở, Hội thảo nêu rõ :

1. Nhận thức rõ và thống nhất về vị trí, vai trò của cán bộ cơ sở để hướng về cơ sở, dồn sức cho cơ sở

Hầu hết các ý kiến đều cho rằng tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có tính nguyên tắc đối với một đảng cầm quyền. Điều đó phải được thể hiện thông qua việc xây dựng chiến lược, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở với tính cách là một bộ phận của chiến lược cán bộ nước ta trong thời kỳ mới ; chủ động, tích cực làm công tác chuẩn bị nguồn cán bộ cho cơ sở ; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ cơ sở. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác cán bộ cần được cụ thể hóa thành những chương trình, kế hoạch cụ thể. Trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cán bộ lâu dài, toàn diện cho cơ sở.

Phải cụ thể hóa tiêu chuẩn cho từng chức danh của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Đây là một nội dung trọng yếu trong công tác cán bộ. Có xác định tiêu chuẩn cán bộ đúng mới có thể xây dựng được đội ngũ cán bộ tốt. Tiêu chuẩn cán bộ chính là những đòi hỏi cụ thể của cơ sở, là tiền đề để thực hiện các khâu tiếp theo trong công tác cán bộ như đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, tuyển chọn, bố trí, đề bạt cán bộ. Đảng ta đã vạch ra tiêu chuẩn chung về cán bộ, song các cấp ủy cần xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh, tiêu chuẩn đặc thù cho từng loại hình cơ sở, từng vùng miền, đảm bảo tính khả thi cao và phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.

2. Gắn công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở với xây dựng hệ thống chính trị và công tác xây dựng Đảng

Nhiều đại biểu đã bày tỏ sự đồng tình với ý kiến cho rằng, việc thực hiện công tác cán

Digitized by Google

bộ ở cơ sở sẽ gặp nhiều khó khăn nếu không gắn với việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, không gắn với việc xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở phải được coi là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là công tác trọng tâm của công tác xây dựng Đảng ở từng cơ sở. Các cấp ủy đảng cần đề cao, phát huy dân chủ, động viên sức sáng tạo của quần chúng nhân dân trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Coi đây là động lực quan trọng để thúc đẩy việc đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Thông qua sự giám sát của nhân dân mà tiến hành công tác sàng lọc, tuyển chọn cán bộ.

3. Đổi mới công tác khảo sát, quy hoạch, thu hút, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở

Hội thảo cho rằng mỗi địa phương, mỗi cơ sở cần tìm kiếm những lợi thế, điều kiện cụ thể của mình để kịp thời phát hiện nguồn cán bộ, phục vụ cho công tác quy hoạch. Quy hoạch cán bộ cần theo hướng phải có mặt bằng kiến thức nhất định về chức danh được quy hoạch rồi mới bổ nhiệm hay bầu vào chức danh đó. Chú trọng việc trẻ hóa, trí thức hóa cán bộ cơ sở. Phấn đấu đến năm 2005, có khoảng 70 - 80% cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định ; khoảng 80% cán bộ, công chức chuyên môn có trình độ trung cấp trở lên đối với đồng bằng ; sơ cấp đối với miền núi.

Bên cạnh việc tạo nguồn ngay từ cơ sở phải chú trọng việc luân chuyển cán bộ quản lý về cơ sở. Những cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có triển vọng và nằm trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cấp trên cần phải được luân chuyển về cơ sở. Việc luân chuyển phải được tiến hành vừa tích cực, vừa thận trọng, kết hợp chặt chẽ giữa việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý với việc ổn định đội ngũ. Kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cục bộ, khép kín, những biểu hiện không lành mạnh khi lợi dụng việc luân chuyển cán bộ.

4. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với cán bộ

Đây là vấn đề thu hút sự quan tâm lớn của Hội thảo, các ý kiến đều cho rằng việc xây dựng và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở phải dựa trên nguyên tắc bảo đảm công bằng hợp lý. Muốn vậy, phải hoàn thiện chính sách đãi ngộ một cách cơ bản, đồng bộ, hợp lý trên cơ sở tính đến các đặc điểm, tính chất của mỗi loại cán bộ. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cán bộ chuyên trách và không chuyên trách, tạo nên sự thống nhất, đoàn kết, gắn bó tương trợ lẫn nhau ngay trong nội bộ đội ngũ cán bộ cơ sở. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động ở cơ sở theo hướng gọn nhẹ, có hiệu lực, hiệu quả cao ; từ đó, giảm số lượng, nâng cao chất lượng và đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ cơ sở, để họ yên tâm công tác lâu dài.

Thống nhất đầu mối nghiên cứu và ban hành các chính sách, chế độ đối với cán bộ cơ sở, đảm bảo chính sách phải hoàn thiện đồng bộ, kể cả chính sách về tiền lương, phụ cấp, sinh hoạt phí, chính sách về đào tạo. Mặt khác, xây dựng một số chính sách đặc thù cho từng loại cán bộ, từng địa phương, vùng, miền như chính sách thu hút nhân tài, chính sách đối với cán bộ là người dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng xa...

NGUYỄN VŨ CÂN
(Tổng thuật)

Digitized by Google

VỀ VẤN ĐỀ CÁN BỘ và quy hoạch cán bộ

HÀ ĐĂNG *

1- Về xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở

Lý luận và thực tiễn hoạt động của Đảng ta trong gần ba phần tư thế kỷ đều chứng tỏ rằng, đối với một Đảng cách mạng, đường lối và tổ chức cán bộ là hai vấn đề sinh tử. Sau khi đã có đường lối đúng (đường lối chính trị, đường lối kinh tế, đường lối tổ chức, v.v..) thì cán bộ là quyết định nhất.

Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) nêu rõ : "Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng".

Đó là nói về vai trò của cán bộ nói chung, còn cán bộ ở cơ sở thì sao ?

Ngày 20-2-1947, nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hóa, Bác Hồ nói : Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy, toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thực hiện được.

Chính vì nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề cán bộ mà Bác Hồ và Đảng ta đã dày công đào tạo, huấn luyện, xây dựng được một đội ngũ cán bộ tận tụy, kiên cường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng.

Tôi thấy không cần phải nhắc lại những thành tựu cụ thể của Đảng ta trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Những thành tựu đó đã được nêu rõ trong các nghị quyết của Đảng, kể từ khi Nghị quyết Trung ương 3 và Trung ương 6 (lần 2) của khóa VIII cho đến Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết Trung ương 5 và Trung ương 6 gần đây.

Chỉ xin lưu ý một điều rằng, trong khi khẳng định những thành tựu ấy, Đảng ta đã thẳng thắn chỉ rõ những mặt tồn tại và yếu kém. Năm năm trước, năm 1997, Nghị quyết về Chiến lược cán bộ nhận định : "Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa". Vừa qua, Hội nghị Trung ương 6, trong khi kiểm điểm việc thực hiện 3 nghị quyết lớn của Trung ương trước đây về công tác tổ chức và cán bộ, đã một

* Trợ lý Tổng Bí thư

Digitized by Google

lần nữa chỉ rõ rằng, nhận định đó đến nay vẫn còn đúng.

Thành tựu và sự bất cập của đội ngũ cán bộ có nguyên nhân trực tiếp từ những ưu điểm và khuyết điểm của công tác cán bộ. Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 nêu rõ : "Tình trạng cán bộ thoái hóa, biến chất chưa được ngăn chặn và đẩy lùi. Trong đội ngũ cán bộ vẫn tồn tại tình trạng trì trệ, thiếu trách nhiệm và tính chiến đấu chưa cao. Quản lý và đánh giá cán bộ là khâu yếu nhất nhưng chậm khắc phục ; quan điểm, phương pháp, tiêu chí đánh giá cán bộ chưa rõ ràng, nhất quán, chưa căn cứ trước hết vào kết quả thực hiện nhiệm vụ. Chưa làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ; việc bố trí cán bộ còn chắp vá, bị động, chính sách cán bộ còn nhiều bất hợp lý".

Nhận định về công tác cán bộ như trên là cho cả cấp Trung ương, cấp tỉnh, huyện và cả cấp cơ sở. Đương nhiên, mỗi cấp đều vừa có những ưu điểm và khuyết điểm mang tính phổ biến, vừa có những ưu điểm và khuyết điểm mang tính đặc thù, không khác nhau về bản chất nhưng khác nhau về mức độ và cách biểu hiện.

Trước nay, trong công tác xây dựng Đảng nói riêng và xây dựng hệ thống chính trị nói chung, Đảng ta luôn luôn chủ trương coi trọng cơ sở, hướng mạnh về cơ sở, có nhiều chủ trương, chính sách đề ra xuất phát từ thực tiễn cơ sở. Thử nhìn lại xem : Có phải những nhân tố đầu tiên của đổi mới đều nảy sinh từ cơ sở mà các cấp trên, đặc biệt là Trung ương đã tổng kết lại, quyết định thành chủ trương và chính sách để chỉ đạo chung không ? Có phải sự ổn định chung của đất nước cũng có cái nền từ sự ổn định của từng cơ sở không ? Và ngược lại, những nhân tố mất ổn định, như các sự việc ở Thái Bình, ở Tây Nguyên và một vài nơi khác, cũng đều phát sinh từ cơ sở và việc giải quyết nó, cũng lại xuất phát từ và dựa chủ yếu vào cơ sở không ? Nói thế để thấy, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở vững mạnh, đủ tầm là có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) là nghị quyết đầu tiên của Trung ương trực tiếp đề cập một cách toàn diện vấn đề đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở - mà cơ sở ở đây được xác định là xã, phường, thị trấn. Nghị quyết đó đã dành một phần quan trọng để nói về nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Hai chính sách cơ bản, có tính trụ cột là :

1. Xác định hệ thống chính trị ở cơ sở có cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách ; cán bộ chuyên trách ở cơ sở có chế độ làm việc và được hưởng chính sách về cơ bản như cán bộ, công chức nhà nước, được xếp vào ngạch cán bộ, công chức cơ sở mà sẽ được bổ sung trong Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

2. Xác định chế độ đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức cơ sở theo hướng tích cực trẻ hóa và từng bước chuẩn hóa.

Với hai chính sách cơ bản đó, Đảng ta đã xác định một cách đúng đắn, có tính khoa học vị trí, vai trò của cơ sở và đội ngũ cán bộ cơ sở trong hệ thống chính trị, không chỉ giải quyết tư tưởng về "bốn cấp làm, ba cấp hưởng" mà còn tạo ra được niềm tin mới và sức mạnh mới để đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở vươn lên làm tròn trách nhiệm của mình, xây dựng cơ sở mạnh, để địa phương mạnh và cả nước mạnh.

Digitized by Google

2- Về quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở

Quy hoạch, theo nghĩa thường dùng, là bố trí, sắp xếp toàn bộ theo một trình tự hợp lý trong từng thời gian, làm cơ sở cho việc lập các kế hoạch cụ thể, dài hạn và ngắn hạn. Ta hay nói : quy hoạch đồng ruộng, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch trồng cây gây rừng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, v.v.. Khác với các loại quy hoạch đó, quy hoạch cán bộ là một loại quy hoạch đặc biệt. Đối tượng của nó không phải là cơ sở vật chất, là những công trình, mà là cán bộ, là con người, là những thực thể, vừa là đối tượng vừa là chủ thể của quy hoạch.

Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) "Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" chỉ rõ : "Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài". Trước và sau Nghị quyết Trung ương 3, chúng ta đã từng làm và tiếp tục làm quy hoạch cán bộ. Nhưng cho đến nay, như Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 6 mới đây, chỉ rõ một thực tế là : Nhiều cấp ủy địa phương, ngành, đơn vị chưa thật sự coi trọng, không chủ động làm quy hoạch cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý, hoặc làm một cách qua loa hình thức, chất lượng thấp, quy hoạch một đằng, đào tạo sử dụng một nẻo, quy hoạch không gắn với đào tạo, luân chuyển cán bộ. Nhiều nơi không có kế hoạch chủ động luân chuyển cán bộ, nặng về điều động bị động, ứng phó với tình hình. Quy hoạch cán bộ không gắn với đào tạo và luân chuyển, cán bộ kế cận trong quy hoạch không được tạo điều kiện để học tập, phấn đấu tự rèn luyện qua hoạt động thực tiễn, thậm chí còn nhiều trường hợp bị dèm pha, kèn cựa, cô lập, vô hiệu hóa, nguồn dự bị cán bộ lãnh đạo và quản lý thiếu phong phú, chất lượng chưa cao, dẫn đến bị động lúng túng về công tác nhân sự, nhất là nhân sự cán bộ chủ chốt trong mỗi kỳ đại hội, kể cả việc chuẩn bị nhân sự cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Về công tác quy hoạch cán bộ sắp tới, Báo cáo của Bộ Chính trị nhấn mạnh : "Đổi mới nhận thức và cách làm quy hoạch cán bộ, khắc phục những khuyết điểm đã nêu trong kiểm điểm. Lúc này cần xem việc quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý gắn với luân chuyển và đào tạo là khâu đột phá trong công tác tổ chức và cán bộ để tập trung lãnh đạo, tổ chức thực hiện".

Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 nêu cụ thể : "Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đặc biệt quan tâm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có thành tích xuất sắc, những cán bộ xuất thân công nhân, con em công nông, gia đình có công với cách mạng, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Trên cơ sở quy hoạch, đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, chú ý bồi dưỡng phẩm chất chính trị, trình độ nghề nghiệp, năng lực thực tiễn, xử lý tình huống, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong quá trình đào tạo...". Kết luận của Trung ương cũng nêu lên yêu cầu : "Làm tốt việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt, coi đây là giải pháp quan trọng, một khâu đột phá trong công tác cán bộ. Kết hợp việc luân chuyển để đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý

Digitized by Google

với việc xây dựng đội ngũ chuyên gia, công chức chuyên sâu. Lấy quy hoạch cán bộ làm căn cứ để luân chuyển và đào tạo. Kết hợp tốt công tác tổ chức với công tác tư tưởng và thực hiện chính sách hợp lý, tổ chức thực hiện chu đáo, có hiệu quả cao việc luân chuyển cán bộ. Nghiêm cấm việc lợi dụng chủ trương luân chuyển cán bộ để đẩy cán bộ mình không thích đi nơi khác".

Từ xuất phát điểm trên, chúng ta càng nhận thức sâu sắc hơn vị trí và vai trò của quy hoạch cán bộ. Song cũng không thể không đặt ra câu hỏi : Phải chăng xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ như trên là việc của cấp Trung ương, của cấp tỉnh và ít ra là cấp huyện ?. Vậy cấp cơ sở có xây dựng quy hoạch cán bộ không, xây dựng như thế nào, ai xây dựng và chỉ đạo thực hiện ?. Tôi nghĩ, cơ sở là một trong bốn cấp lãnh đạo và quản lý trong hệ thống chính trị của ta. Cơ sở là cấp có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý rất lớn, nếu cộng lại trong cả nước thì số lượng đó đông đảo nhất so với bất cứ cấp nào. Vì vậy, cấp cơ sở vẫn cần có quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ của mình. Quy hoạch ấy đương nhiên là giản đơn hơn, cụ thể hơn. Song đừng nghĩ rằng, đó chỉ là bản thiết kế về một khung cán bộ cho tương lai của cơ sở do một vài người lãnh đạo nào đó "nặn" ra, và chỉ làm một lần là xong. Không. Lối làm quy hoạch cán bộ như thế là quan liêu, và quy hoạch kiểu như thế là quy hoạch "chết đờ" và "khép kín". Chúng ta phải xây dựng cho được một quy hoạch cán bộ "động" và "mở", không chỉ chăm bẵm vào một số chức danh mà phải bao quát cả đội ngũ. Trước đây, khi làm quy hoạch, chúng ta thường chuẩn bị một người cho mỗi chức danh, đến khi có tình huống bất trắc thì không biết xoay xở vào đâu, thậm chí, có tình trạng như đồng chí Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh có lần nhận xét, làm quy hoạch mà cứ như soi đuốc bắt ếch, thấy con nào trồi đầu lên thì chộp, không chộp được ếch lại chộp phải nhái. Bây giờ, quy hoạch phải làm chu đáo, một người dự bị cho nhiều chức danh và một chức danh phải có nhiều người dự bị. Quy hoạch cũng không phải là chiếc cẩm nang, đút của báu vào đó, đến khi gặp tình huống bức bách mới giở ra, trái lại, nó được thực thi thông qua một tiến trình sống động, phải thường xuyên được bổ sung, sửa đổi khi tình hình đã có sự thay đổi. Làm quy hoạch, giống như người trồng cây, phải bắt đầu từ việc chọn giống tốt, gieo được giống trên đất tốt và tạo những điều kiện môi trường thuận lợi để cây phát triển tốt và chọn được những cây tốt nhất. Nhưng, đối với con người, cần có một điều kiện nữa : sự rèn luyện và thử thách. Có một chuyện vui thế này : nuôi hai con mèo, nhốt vào cũi, và hằng ngày cho ăn hai bữa cơm trộn cá. Chúng lớn rất nhanh. Nhưng đến khi thả ra, chúng thấy con chuột mà cứ ngơ ngác, con chuột cũng ngơ ngác nhìn chúng một chặp rồi bỏ đi. Ở cơ sở, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ thực chất là quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ một cách có bài bản, vừa sử dụng vừa tạo nguồn, sử dụng đi đôi với thử thách và rèn luyện, bảo đảm vừa đủ số lượng vừa đạt tiêu chuẩn, trình độ, năng lực và chất lượng công tác, làm cho các lớp cán bộ nối tiếp nhau với chất lượng ngày càng cao hơn và không bị hụt hẫng. Quy hoạch cán bộ ở cơ sở không chỉ là sản phẩm của cơ quan lãnh đạo cấp cơ sở mà còn là sản phẩm của sự hướng dẫn, sự giúp đỡ và chỉ đạo thực hiện của cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp.❑

Digitized by Google

HẢI PHÒNG vững bước trên đường phát triển

TÔ HUY RỨA *

NĂM 2002 - năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ thành phố, dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Đảng bộ, quân và dân Thành phố Hải Phòng đã nỗ lực phấn đấu vượt bậc, khắc phục nhiều khó khăn đạt được những thành tựu rất đáng phấn khởi trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, vận động quần chúng, bảo đảm quốc phòng - an ninh và cải thiện đời sống nhân dân, ghi tiếp một mốc son mới trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Cảng.

Nét mới nổi bật là lần đầu tiên sau nhiều năm, Thành phố đã thực hiện được và ở mức khá cao tất cả các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong đó có các chỉ tiêu đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của Thành phố Hải Phòng như : tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước GDP, tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch.

Phân tích những kết quả về tình hình kinh tế - xã hội, của Hải Phòng những năm gần đây, nhất là năm 2002 cho thấy, bức tranh toàn cảnh được thể hiện khá toàn diện, sâu sắc và thực chất hơn. Đó là :

1. Kinh tế thành phố phát triển nhanh, liên tục, khá lành mạnh, tạo lập được xu hướng phát triển ổn định đi lên, năm sau cao hơn năm trước cả về tốc độ, quy mô, cơ cấu và hiệu quả.

Tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố đạt 8,1% vào năm 1998, năm 1999 giảm xuống còn 6,3%. Trong 3 năm từ 2000 đến 2002, tăng trưởng kinh tế của thành phố không những đã chặn được sự giảm sút mà còn đạt được sự tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước (năm 2000 : 9,1%, năm 2001 : 10,38%, năm 2002 : 10,64%). Các ngành kinh tế mà Hải Phòng có lợi thế như sản xuất công nghiệp, cảng, thủy sản... trong năm 2002 cũng đều phát triển nhanh hơn bình quân của những năm gần đây. Ví dụ, giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 5 năm từ 1998 đến 2002 tăng 19,12% thì riêng năm 2002 tăng 25,1%, trong đó ngành đóng tàu, 5 năm trước tăng trưởng bình quân có 33%, năm 2002 đã đạt được sự tăng trưởng đột phá tới 70% ; lượng hàng hóa thông qua cảng - một chỉ số kinh tế hết sức quan trọng không chỉ cho riêng thành phố Hải Phòng mà còn cho cả miền Bắc cũng rất khả quan, tăng trưởng bình quân 5 năm 1998-2002 là 17,4%, năm 2002 đạt 19,1%... Sự phát triển đi lên của kinh tế Thành phố không chỉ ở tốc độ tăng trưởng về giá trị, mà còn được thể hiện rất rõ ở chỗ Thành phố đã sản xuất được nhiều sản phẩm mới đánh dấu bước tiến quan trọng

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng

Digitized by Google

về trình độ công nghệ, kỹ năng quản lý và quy mô sản xuất, kinh doanh như : thép cán các loại, sản phẩm cơ khí nặng, chế biến thủy sản và thức ăn gia súc đạt tiêu chuẩn EU, sơn tàu biển, linh kiện xe máy... Đặc biệt, ngành công nghiệp tàu thủy Hải Phòng đã chặn đứng được sự sa sút, 3 năm gần đây có bước trưởng thành vượt bậc, đóng được nhiều loại tàu cho sử dụng trong nước và xuất khẩu, trong đó đã đóng thành công nhiều tàu biển trọng tải 6 500 tấn, năm 2002 đã hạ thủy tàu 11 500 tấn đạt tiêu chuẩn đăng kiểm quốc tế.

Các chỉ số kinh tế khác thể hiện chất lượng tăng trưởng, hiệu quả của kinh tế thành phố như thu ngân sách, lợi nhuận, thu nhập doanh nghiệp và của người lao động đều tăng khá, số doanh nghiệp bị thua lỗ giảm còn 15% và tổng lỗ của doanh nghiệp nhà nước giảm tới 30%, lãi suất ngân hàng tuy có nhích lên nhưng vẫn đẩy mạnh được cho vay và thu hồi nợ, tăng mức dư nợ, giảm nợ quá hạn. Sức mua xã hội tăng làm cho tổng mức lưu chuyển hàng hóa tăng trên 20%.

2. Thành phố tập trung cao cho việc cải thiện môi trường đầu tư và sản xuất - kinh doanh dưới chủ đề "Năm doanh nghiệp 2002". Bên cạnh việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước tại cảng, thủ tục hải quan, thủ tục đầu tư, quy trình cấp đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng... nâng cao trình độ cán bộ công chức để môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh thông thoáng hơn, thành phố đã tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, khắc phục một bước quan trọng sự ách tắc và trầm lắng, làm tăng đáng kể sức thu hút của Hải Phòng đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển đã huy động vượt mức kế hoạch và tăng nhiều hơn năm trước, trong đó có 85% nguồn vốn là vốn trong nước. Nhiều dự án đầu tư quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng cho sự phát triển của thành phố trong những năm tới đã được khởi công hoặc quyết định đầu tư như : nhà máy xi-măng Hải Phòng (công suất 1,4 triệu tấn/năm), nhà máy phân bón DAP, nhà máy nhiệt điện Tam Hưng (công suất 600 MW), cảng mới ở Đình Vũ, các nhà máy sản xuất thép tấm, sơn, mạ kim loại... Trong năm 2002, đã có 123 doanh nghiệp được giao cho thuê đất với tổng diện tích gấp 5 lần năm 2001.

3. Quản lý và phát triển đô thị - nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của thành phố trực thuộc Trung ương, được nhận thức đúng và thu được kết quả bước đầu. Thành phố coi trọng tuyên truyền giáo dục, phát huy vai trò của các đoàn thể và các cơ quan chính quyền trong công tác quản lý đô thị, xây dựng cấp phường làm địa bàn chính nên đã tạo được sự chuyển biến khá tốt trong giữ gìn trật tự vệ sinh, nếp sống văn minh đô thị. Nhiều công việc xây dựng, chỉnh trang cơ sở hạ tầng đô thị như dự án cấp nước 1A, thoát nước 1B, làm lại vỉa hè các tuyến phố chính với 30% kinh phí do dân đóng góp, dải trung tâm, công viên Rồng Biển, công viên An Biên, hồ Sen, nút giao thông cầu Rào, kè và đường bờ sông Tam Bạc... được hoàn thành hoặc đang triển khai, làm cho bộ mặt đô thị Hải Phòng có bước cải thiện đáng kể, rõ nét.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đô thị Hải Phòng đến năm 2020 và các quy hoạch không gian, quy hoạch chi tiết, Thành phố đã triển khai các dự án đầu tư phát triển các khu đô thị mới có quy mô lớn và vừa như khu đô thị ngã 5 - Sân bay Cát Bi, Cựu Viên, Cái Giá (Cát Bà), Hồ Sen - Cầu Rào 2, Cầu Bính, mở rộng địa giới hành chính quận Lê Chân, thành lập quận mới Hải An, đề nghị Chính phủ công nhận Hải Phòng là đô thị loại 1... Những dự án này như đã tạo ra một luồng sinh khí mới cho đô thị Hải Phòng, phác họa những đường nét chủ đạo của một đô thị lớn hiện đại bên bờ biển Đông của Tổ quốc.

4. Nhiệm vụ làm "một cực" tăng trưởng trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc mà Trung ương giao đã được thành phố tích cực thực hiện và thu được kết quả đáng kể.

Digitized By Google

Trước hết và quan trọng nhất là thành phố thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò là cảng đầu mối, cửa chính ra biển của miền Bắc, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của các địa phương, tỉnh bạn. Nhờ sự quan tâm đầu tư của Trung ương xây dựng quốc lộ số 5, quốc lộ số 10, cải thiện khả năng vận tải của hệ thống đường sắt, đường sông, cảng Hải Phòng đã làm nhiều việc trong đổi mới thiết bị, công nghệ xếp dỡ, xây dựng cảng mới theo hướng hiện đại và chỉnh trị luồng lạch. Các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng cũng có nhiều đổi mới tích cực. Nhờ đó, trong 10 năm qua, sản lượng hàng thông qua cảng tăng liên tục, bình quân 15%/năm, riêng năm 2002 tăng tới 21% và đạt sản lượng 10,34 triệu tấn hàng, về trước 8 năm so với dự kiến của Chính phủ (Quy hoạch số 202 được Chính phủ phê duyệt năm 1999, dự kiến đến năm 2010 sản lượng hàng hóa bốc xếp ở cảng Hải Phòng mới đạt 10 triệu tấn). Trong năm 2002, thực hiện ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Chính phủ, Thành phố Hải Phòng đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông Vận tải và các nhà khoa học của Trung ương cùng khảo sát, nghiên cứu cơ bản, tìm ra những địa điểm có thể xây dựng cảng nước sâu cho tàu biển từ 5 vạn tấn trở lên.

Liên tục trong 2 năm 2001 và 2002, tốc độ tăng trưởng GDP của Hải Phòng bằng 1,5 lần tốc độ tăng bình quân của cả nước, đạt yêu cầu của Chính phủ đặt ra cho các địa phương trọng điểm. Năm 2002, tổng thu ngân sách trên địa bàn Hải Phòng đạt 5 420 tỉ đồng, tiếp tục là địa phương có số thu cao thứ tư cả nước, chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Hà Nội, đóng góp tích cực vào tốc độ tăng trưởng chung và vào cân đối thu, chi ngân sách của cả nước.

5. Hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở được chăm lo, củng cố, đã đóng vai trò quyết định trong việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của Thành phố. Các cấp ủy đảng - hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị đã dành nhiều công sức triển khai công tác xây dựng đảng trên các lĩnh vực tư tưởng, tổ chức, vận động quần chúng, xây dựng chính quyền, vừa thực hiện tốt các đợt tổng kết học tập, quán triệt nghị quyết theo chỉ đạo của Trung ương, vừa đi sâu nghiên cứu, tổng kết các sáng kiến, cách làm mới sáng tạo ở cơ sở, tạo sự nhất trí cao trong Đảng bộ và nhân dân Thành phố, tạo niềm tin, niềm phấn khởi mới trong cán bộ đảng viên và nhân dân vào bước phát triển mới của Thành phố và đất nước. Từ đó phát động phong trào quần chúng rộng khắp tham gia phát triển kinh tế, nhất là việc giải phóng mặt bằng cho các dự án, giải quyết các vấn đề xã hội như phòng chống ma túy, xây dựng các khu dân cư, làng văn hóa, bảo đảm quốc phòng - an ninh...

Nguyên nhân của những thành tựu, kết quả đạt được có nhiều, song có thể nêu một số nguyên nhân chủ yếu sau đây :

Một là : Thành phố Hải Phòng đã tiếp thu, vận dụng có hiệu quả Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương vào thực tiễn của địa phương. Nhiều chủ trương của Trung ương như : phát huy sức mạnh toàn dân tộc, phát huy nội lực và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp Nhà nước, phát triển kinh tế biển, phát huy kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân, quy chế dân chủ ở cơ sở... đã đi vào thực tiễn cuộc sống, trở thành hiện thực sinh động ở Thành phố Hải Phòng. Đồng thời, Thành phố luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sự động viên cổ vũ quý báu của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ có hiệu quả của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, sự hợp tác thường xuyên của các địa phương bạn.

Hai là : Thành phố nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá hết những thành tựu, đồng thời nhìn thẳng vào những hạn chế,

Digitized by Google

yếu kém, thảo luận dân chủ, làm rõ những tiềm năng, lợi thế, chỉ ra những cản trở đang kìm hãm sự phát triển của địa phương. Thành phố nhận thức đầy đủ hơn về các tiềm năng, lợi thế của mình trong cơ chế mới, nhất là 4 lợi thế cơ bản : Cảng, nguồn lợi biển, đô thị lớn và nguồn nhân lực. Ở đây, cảng vừa là lý do ra đời, vừa là điểm tựa để xây dựng, phát triển đô thị và kinh tế Thành phố. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh, càng nổi rõ hơn lợi thế to lớn về kinh tế của một địa phương có đô thị lớn, lâu đời, có nền kinh tế đa dạng và có cảng biển đầu mối cùng hệ thống hạ tầng giao thông vận tải khá tốt, đa dạng, thuận tiện, đồng bộ, tạo điều kiện cho kinh tế địa phương hạ thấp chi phí sản xuất - kinh doanh, góp phần không nhỏ nâng cao sức cạnh tranh của cả nền kinh tế Thành phố. Năm 2002, cũng đánh dấu bước tiến mới của Thành phố trong việc nhìn nhận đúng đắn vai trò của các doanh nghiệp và doanh nhân - những lực lượng chủ yếu trong việc biến tiềm năng, lợi thế của Thành phố cùng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành phố về kinh tế - xã hội thành hiện thực.

Ba là : Công tác lãnh đạo của Thành ủy, điều hành của chính quyền có nhiều đổi mới. Thành ủy chỉ ra Nghị quyết mới khi thật cần thiết, dành thời gian của các hội nghị Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cho việc sơ kết, bổ khuyết để thực hiện tốt hơn những nghị quyết đã ban hành song vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Năm 2002, Thành ủy cũng đã đặt trọng tâm công tác của mình vào khâu lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng, khắc phục nhận thức lệch lạc của một bộ phận cán bộ cho rằng việc tổ chức thực hiện nghị quyết là việc của các cấp chính quyền. Trong khi đề cao vai trò điều hành của chính quyền và đòi hỏi các cấp chính quyền phải làm nhiều việc để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác điều hành, Thành ủy đã phân công nhiều đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy trực tiếp phụ trách hoặc tham gia chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho các dự án quan trọng, các công việc liên quan đến khâu yếu là đền bù, giải phóng mặt bằng cho các dự án. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của thành phố thường xuyên đi cơ sở, chủ trì các buổi làm việc tại cơ sở để giải quyết tại chỗ các vướng mắc ở cơ sở đã mang lại hiệu quả thiết thực, làm cho nhiều công việc ở thành phố triển khai tốt hơn.

Vui mừng về những thành tựu đã đạt được, song Đảng bộ, quân và dân thành phố không chủ quan, thỏa mãn bởi còn nhiều tồn tại, yếu kém, khó khăn đang là những thách thức không nhỏ trên chặng đường phát triển của Thành phố Cảng. Nổi lên là tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã rất cấp bách, song nhìn chung Thành phố còn khá lúng túng, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa nhận thức đầy đủ, chưa xây dựng được chương trình, kế hoạch hội nhập quốc tế của mình. Hiệu quả, sức cạnh tranh của cả thành phố và từng doanh nghiệp tuy có được nâng lên, song nhìn chung còn thấp, trong khi đó thiết bị, công nghệ còn phổ biến là lạc hậu và có nhiều bất cập trong quản lý. Đời sống của nhân dân có bước cải thiện rõ song ma túy, lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội còn diễn biến rất phức tạp. Tâm trạng chung của nhân dân phấn khởi, tin tưởng, nhưng vẫn còn một số vụ khiếu kiện đông người chưa được giải quyết dứt điểm...

Năm 2003 - năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ Thành phố, đã mở ra trước Hải Phòng những vận hội và thách thức mới. Những thành tựu mà Hải Phòng đã đạt được trong năm 2002 tạo cơ sở để tin rằng, năm 2003 sẽ tiếp tục là năm thành công đối với Thành phố Hoa phượng đỏ.❑

Digitized by Google

Có một nền ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

HẢI NINH*

NGÀY 15-3-1953, từ chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 147 thành lập "Doanh nghiệp quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam". Như vậy, từ ngày ấy, lịch sử của nền Điện ảnh nước ta đã tròn nửa thế kỷ.

Trong chiều dày hàng ngàn năm lịch sử văn hóa dân tộc, lịch sử các loại hình văn học, nghệ thuật thì Điện ảnh là một nghệ thuật trẻ nhất. Văn học, hội họa, âm nhạc, sân khấu... đã sinh ra và lớn lên trong nền văn hóa truyền thống hàng nghìn năm của dân tộc. Điện ảnh là một nghệ thuật duy nhất được sinh ra và trưởng thành trong bão táp cách mạng. Tuy sinh sau đẻ muộn song trong nửa thế kỷ lịch sử của mình, Điện ảnh Việt Nam đã có một sức sống mãnh liệt, vượt qua những thử thách của thời gian, những biến cố lịch sử phức tạp của đất nước, đặc biệt đã được tôi luyện trong hai cuộc chiến tranh chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vô cùng ác liệt để tồn tại và phát triển như ngày nay.

Điều quan trọng hơn là, Điện ảnh Việt Nam khẳng định được vị trí và vai trò của mình trong đời sống văn hóa của dân tộc, phục vụ hàng triệu người xem phim trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, thu hút đông đảo khán giả nhiều nước trên thế giới. Trong các cuộc giao lưu văn hóa, trong các liên hoan phim quốc tế, đã tìm thấy chỗ đứng của mình trên trường quốc tế bằng nhiều giải thưởng cho các tác phẩm điện ảnh tài liệu, phim truyện, phim hoạt hình có giá trị cao về nghệ thuật, về nội dung, mang đậm tính nhân văn cao cả và bản sắc dân tộc Việt Nam.

ĐIỆN ẢNH CÓ MẶT Ở VIỆT NAM

Sau khi thực dân Pháp xâm lược và áp đặt chế độ cai trị nước Việt Nam, thì điện ảnh theo chân những nhà kinh doanh điện ảnh Pháp du nhập vào Việt Nam (1910).

Năm 1910 cũng là năm Hãng phim và Xi-nê-ma Đông Dương (Indochine Fims et Cine'ma) mở đầu cho việc kinh doanh xi-nê-ma ở Việt Nam - một thuộc địa của đế quốc Pháp lúc bấy giờ. Từ năm 1910 đến năm 1923, lần lượt các rạp chiếu phim của Pháp ra đời. Rạp đầu tiên của Hà Nội có tên gọi là Tông-ki-noa (Tonkinois) ở Hàng Quạt. Sau đó là các rạp Pa-tê-phờ-re-rơ (Pathe' Frères) ở gần đền Bà Kiệu ; rạp Pa-la-xơ (Palace) ở phố Tây Pôn Béc (Paul Bert) ; rạp Pha-mi-ly (Family) ở phố Hàng Buồm... Cũng như ở Hà Nội, công chúng Sài Gòn rất thích xi-nê, thường tụ tập đông đảo ở một số rạp lớn ở Sài Gòn, Chợ Lớn, trước khách sạn Pa-la-xơ để được xem phim của Vua hề Sác-lô (Charlot), phim cao bồi, binh lính Pháp...

Đến năm 1930 có thêm Công ty Chiếu bóng Đông Dương (Socie'te' des Cine' - The'âtres d'Indochine) cạnh tranh với Hãng phim và Xi-nê-ma Đông Dương (Indochine Fims et Cine'ma), mở rộng ra phạm vi toàn quốc. Ở các thành phố nhỏ, các nhà tư sản Hoa kiều và Việt Nam đứng ra kinh doanh,

* Đạo diễn điện ảnh, Nghệ sĩ nhân dân

Digitized by Google

song đều phải thuê phim của các hãng kể trên của Pháp. Hai công ty điện ảnh của Pháp đã nắm độc quyền và chi phối toàn bộ công việc phân phối phim trên mạng lưới chiếu bóng nước ta lúc bấy giờ.

Sự xuất hiện điện ảnh ở nước ta thời ấy trước tiên là do lợi ích về kinh doanh của các nhà tư bản Pháp, sau đó là phục vụ cho bọn quan lại, sĩ quan cao cấp trong guồng máy cai trị của thực dân Pháp, các tầng lớp quý tộc giàu có, phục vụ cho các đội quân lê dương, binh lính thuộc địa, và để mua vui trong các chợ phiên, hội chợ, mở xổ số độc đắc... Nhưng điều quan trọng hơn là, trong âm mưu xâm chiếm nước Việt Nam lâu dài, thực dân Pháp đã dùng "công cụ văn hóa" để làm mê hoặc lòng người, khoe khoang nền văn minh của "nước mẹ", với sứ mệnh cao cả đi "khai hóa văn minh" cho các dân tộc còn man di mọi rợ. Với chính sách ngu dân để dễ bề cai trị, với những hoạt động văn hóa, vui chơi kiểu thuộc địa, thực dân Pháp hy vọng làm cho dân bản xứ (nhất là thanh niên) sao nhãng, thậm chí quên đi nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc, đòi quyền độc lập, tự do cho đất nước.

Trong khi các công ty tư bản Pháp cho xây dựng các rạp chiếu bóng, tranh nhau khai thác tối đa trong kinh doanh, thu về những món lợi nhuận kếch xù trên thương trường thì về mặt sản xuất chúng không hề quan tâm. Sau này, một số các nhà sản xuất, một vài đạo diễn người Pháp bỏ vốn ra xây dựng một số bộ phim tài liệu, phim truyện như Kim Vân Kiều, Hội Kiếp Bạc, phong cảnh Kinh đô Huế, Bà Đế... nhưng đều không thành công. Nguyên nhân chính là mục đích của tác phẩm không phải để phục vụ cho số đông dân chúng, cho lợi ích và sự tiến bộ của xã hội và con người. Những bộ phim đó thường khai thác về mặt thương mại, những khía cạnh phong tục tập quán lạc hậu, những hình ảnh đóng khố, trèo dừa, người nông dân gày gò, răng đen, nai lưng kéo cày trên đồng lầy, nhằm chứng minh cho sự "khai hóa" của bọn thực dân là cần thiết. Ngoài ra là những cảnh đàn áp các phong trào yêu nước đòi quyền sống, độc lập, tự do của người Việt Nam. Đối với chúng ta, những hình ảnh ấy là dấu vết của một thời nô lệ nhục nhã, tinh thần dân tộc bị xúc phạm nghiêm trọng.

Từ năm 1929 đến năm 1935 do kinh tế thế giới khủng hoảng, các tổ chức làm phim ở các thuộc địa không thể nào đứng nổi, dần dần trì trệ và suy tàn.

Năm 1937, với sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật điện ảnh ngày càng phát triển rộng lớn trên thế giới, phim có tiếng ra đời đã ảnh hưởng tới một số trí thức Việt Nam. Họ hy vọng xây dựng những bộ phim nói về đất nước, con người Việt Nam, do diễn viên Việt Nam đóng, và nói tiếng của dân tộc mình. Đại diện cho số người đó là Đàm Quang Thiện (đồng thời là nhà văn với bút danh là Nguyễn Văn Nam), hợp tác với ông Pei-Song-Kinh - chủ rạp chiếu bóng của Hoa Kiều ở phố Hàng Quạt - đại diện cho Hãng Nam Duyt gọi là Hương cảng Việt Nam ảnh nghiệp công ty (The South China Motion Pichere Co), để quay bộ phim truyện *Cánh đồng Ma* (kịch bản Đàm Quang Thiện). Bộ phim *Cánh đồng Ma* được thực hiện ở Hồng Công, do Trần Phi - người Trung Quốc - làm đạo diễn. Bị lệ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài, không những không thực hiện được ước mơ của mình, mà còn bị bao cảnh ức hiếp, vu vạ, lăng nhục, vi phạm hợp đồng, giữa mồng hai Tết Mậu Dần, cả nhóm làm phim Đàm Quang Thiện bị đuổi ra khỏi nơi ở. Họ còn chia rẽ nội bộ, giữ lại một số người Việt Nam đã sang Hồng Công làm phim *Cánh đồng Ma* ở lại để quay tiếp bộ phim mới *Trận phong ba*. Cả hai bộ phim ra đời

Digitized by Google

cũng chỉ dừng lại với mục đích thương mại thuần túy, không có chỗ đứng trong lòng khán giả Việt Nam.

Những năm sau đó (1938 - 1940) các nhóm làm phim A-SI-A (ASIA) ; nhóm A-TÊ-XI-NÊ-A (ANTE'CINE'A) của Ăng-toan Giầu ở Sài Gòn - Chợ Lớn bỏ tiền ra làm các phim *Trọn vì tình* và *Một chiều trên sông Cửu Long* nhưng đều không thành công. Sau nhiều năm lận đận, các nhà điện ảnh Việt Nam cũng đã có nhiều cố gắng, kể cả tâm huyết, để tìm một con đường đi cho nền điện ảnh của người bản xứ, nhưng không tạo ra được một dòng chảy nghệ thuật điện ảnh để từ đó làm cơ sở ra đời cho một nền điện ảnh dân tộc.

Cho đến ngày 22-9-1940, Nhật hất cẳng Pháp ở Việt Nam. Dưới chính sách tàn bạo của phát xít Nhật, các hoạt động văn hóa tạm lắng xuống, Điện ảnh cũng nằm chung trong số phận ấy. Nhật đưa vào Việt Nam các phim tuyên truyền cho chủ nghĩa "Đại Đông Á", ca ngợi "Thiên Hoàng" và quân đội phát xít Nhật.

Có thể nói, gần 100 năm cai trị, thực dân Pháp không hề xây dựng trên đất nước Việt Nam một cơ sở vật chất - kỹ thuật nào như phim trường, máy móc in tráng, thu thanh, các phương tiện sản xuất... và tài sản duy nhất của chế độ thực dân Pháp để lại cho Điện ảnh Việt Nam là một máy quay phim Xi-nê-sết (Cine'-sept) (mỗi lần chỉ lắp được 7 mét phim), mà anh chị em điện ảnh đặt tên cho là máy "cục gạch" (vì nó nhỏ và vuông vức như một cục gạch).

Như vậy là, trước Cách mạng Tháng Tám - 1945, Việt Nam chúng ta chưa có một nền điện ảnh theo đúng nghĩa của nó.

ĐIỆN ẢNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Cách mạng Tháng Tám thành công, mở ra một chân trời mới cho các nhà hoạt động điện ảnh Việt Nam. Từ chỗ bị áp chế, cấm đoán phụ thuộc dưới chế độ thực dân Pháp họ đã có thể tự do hoạt động, có điều kiện để thực hiện những ước mơ của mình. Nhưng chẳng bao lâu, quân đội Pháp đã trở lại xâm lược Việt Nam, và cuộc kháng chiến trường kỳ chống bọn thực dân Pháp của chúng ta diễn ra suốt 9 năm (1946 - 1954).

Lịch sử của bất kỳ một loại hình nghệ thuật nào bao giờ cũng có một giai đoạn phôi thai, một quá trình diễn biến và vận động, mà ta thường gọi là tiền đề của lịch sử. Nghệ thuật điện ảnh cũng không nằm ngoài quy luật đó. Nó được bắt đầu từ những người có tinh thần yêu nước, đặc biệt là có chí hướng, tâm huyết với điện ảnh dân tộc đã theo tiếng gọi của non sông đất nước đi theo cách mạng lên chiến khu Việt Bắc "Thủ đô kháng chiến của Cách mạng Việt Nam" ; hay vào bưng biền, các căn cứ kháng chiến chống Pháp ở đồng bằng Nam Bộ, và đã hình thành các nhóm, các tổ điện ảnh khu 9, khu 7, khu 8...

Giữa khi đó, trong rừng rậm của chiến khu Việt Bắc - nơi đặt cơ quan đầu não của chính phủ kháng chiến Việt Nam - một bộ phận "Điện - Nhiếp ảnh" trong Bộ Thông tin - Tuyên truyền được thành lập. Họ phải làm việc trong một hoàn cảnh ngặt nghèo, trong khói lửa chiến tranh, và bắt đầu bằng hai bàn tay trắng. Theo đồng chí Phan Nghiêm, người phụ trách bộ phận "Điện - Nhiếp ảnh" trong Bộ Thông tin - Tuyên truyền cho biết : chỉ có một máy quay phim 35mm chạy bằng cót, thường gọi là xi-nê-sết, như đã nói ở trên. Còn các cơ sở sản xuất phim của các nhà Điện ảnh Tháp Mười phải nằm sâu trong lòng đất để tránh bom đạn và tai mắt địch. Họ phải tráng phim trong các chum vại hay trong các thùng gỗ kín mít...

Nhưng điều kỳ diệu là, trong hoàn cảnh nghèo nàn, thiếu thốn, khó khăn như vậy, các tác phẩm điện ảnh vẫn ra đời, như bộ phim tài liệu đầu tiên "Trận Mộc Hóa" của

Digitized by Google

đạo diễn Mai Lộc (năm 1948). Tiếp theo, là các phim thời sự nói về các trận đánh La Ngà, Bến Tre, Bến Cát, Trảng Bàng, Trảng Bom, chiến khu Đ... đã kịp thời phục vụ và cổ vũ tinh thần kháng chiến của quân dân Nam Bộ. Ở Việt Bắc, đồng chí Phan Nghiêm và những người cộng tác với anh đã tham gia Chiến dịch Biên giới (1950) giải phóng ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Các nhà điện ảnh mặt trận đã ghi được vào ống kính những hình ảnh vô cùng quý giá trong các trận chiến thắng Đông Khê, Thất Khê... Như một bản hòa tấu tuyệt vời, Điện ảnh cả hai miền Nam - Bắc đã phối hợp chặt chẽ để cho ra đời những bộ phim thời sự, tài liệu kịp thời ca ngợi, cổ vũ động viên tinh thần chiến đấu của quân dân cả nước trong giai đoạn đầu khó khăn nhất của cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc. Đây chính là giai đoạn tạo tiền đề cho nền Điện ảnh Việt Nam ra đời.

Những người làm công tác điện ảnh đều coi ngày 15-3-1953 là ngày Bác Hồ khai sinh ra nền Điện ảnh Cách mạng Việt Nam. Người đầu tiên được giao thành lập ngành là Đạo diễn Phạm Văn Khoa. "Đồi cọ" trong chiến khu Việt Bắc trở thành cơ quan Trung ương của Điện ảnh toàn quốc. Từ chiến trường Nam Bộ các anh Mai Lộc, Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền ra ; từ mặt trận, các địa phương, các cơ quan miền Bắc các anh Phan Nghiêm, Vũ Phạm Từ, Nguyễn Ngọc Trung, Nguyễn Hồng Nghi, Nguyễn Tiến Lợi, Nguyễn Đăng Bảy, các họa sĩ Đào Đức, Lê Lam, các nhạc sĩ Văn Cao, Nguyễn Đình Phúc, nhà báo Trung Sơn... lên chiến khu Việt Bắc hình thành một đội ngũ nòng cốt, đặt những viên gạch đầu tiên xây dựng nền Điện ảnh Cách mạng Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Điện ảnh Việt Nam đã đi lên từ hai bàn tay trắng với tấm lòng yêu nước, yêu cách mạng, tài trí và sáng tạo của những người nghệ sĩ, những người làm công tác điện ảnh đã tạo nên một cơ đồ điện ảnh mang tầm vóc quốc gia, có đầy đủ các thể loại nghệ thuật, các cơ sở sản xuất... như bất cứ một nền điện ảnh tiên tiến nào trên thế giới.

Có thể coi nền Điện ảnh Việt Nam được khởi đầu từ Sắc lệnh 147 lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự ra đời của "Doanh nghiệp quốc gia Chiếu bóng và Nhiếp ảnh Việt Nam" (1953). Ngày khai sinh nền nghệ thuật điện ảnh dân tộc ấy khi đất nước vẫn ngập trong khói lửa chiến tranh. Nhưng chỉ một năm sau khi hòa bình lập lại (1954), Điện ảnh Việt Nam đã nhanh chóng hình thành một hệ thống bao gồm các cơ sở sản xuất và phát hành, các trường lớp đào tạo được tổ chức chặt chẽ và chính quy dưới sự lãnh đạo của một cơ quan mẹ - Cục Điện ảnh - nằm trong Bộ Văn hóa. Chỉ trong một thời gian không dài, lần lượt các cơ sở sản xuất chủ yếu nhất của một nền điện ảnh quốc gia được thành lập : Xưởng phim Thời sự - tài liệu Trung ương (1958) ; Xưởng phim truyện Việt Nam (1959); Xưởng phim Hoạt họa (1960) ; Cục Điện ảnh Việt Nam (1960) ; Xưởng phim Quân đội nhân dân Việt Nam (1963) ; Xưởng kỹ thuật điện ảnh (1964). Song song với các cơ sở sản xuất phim là hệ thống phát hành và chiếu bóng Việt Nam. Sau này các cơ sở điện ảnh vẫn tiếp tục phát triển đa dạng đến các ngành, các tổ chức chính trị, hành chính quan trọng, trong đó có Xưởng phim Giải phóng, Xưởng phim Công an nhân dân...

Trong những năm còn đầy rẫy khó khăn ấy, công tác đào tạo cũng rất được coi trọng. Ngay từ năm 1956, lớp quay phim đầu tiên ra đời, kịp thời phục vụ cho chiến trường miền Nam. Năm 1959, Trường Điện ảnh Việt Nam được thành lập và tổ chức một cách chính quy (theo mẫu đại học của Liên Xô), bao gồm các khoa : Đạo diễn,

Digitized by Google

Diễn viên, Kịch bản, Họa sĩ thiết kế mỹ thuật, Chủ nhiệm... Điều đáng nói là, công tác đào tạo cán bộ đã đi trước một bước. Trường Điện ảnh ngày ấy thực sự là cái nôi nghệ thuật đã cho ra đời những tên tuổi lớn, với những tác phẩm có giá trị nghệ thuật, góp phần khẳng định vị trí của nền Điện ảnh Việt Nam trên trường quốc tế : *Chị Tư Hậu, Hai người lính, Chim vành khuyên, Kim Đồng, Người chiến sĩ trẻ, Nổi gió, Đến hẹn lại lên, Em bé Hà Nội, Vợ chồng anh Lực, Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm, Ngày lễ thánh, Trừng phạt, Mối tình đầu, Về nơi gió cát, Cánh đồng hoang...*

Kết hợp đào tạo trong nước với đào tạo ở nước ngoài như Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Khắc, Ba Lan, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Cộng hòa dân chủ Đức... và cả những người học từ Pháp về, chúng ta đã xây dựng được một đội ngũ đông đảo các nghệ sĩ, các nhà sản xuất, kỹ thuật có đầy đủ kiến thức, nghề nghiệp để xây dựng nên một nền điện ảnh khoa học, hiện đại, mang tính bác học. Có thể nói, thời điểm ấy trong khu vực Đông Nam Á, khó có được một nền điện ảnh phát triển như Việt Nam.

Đi liền với sản xuất, đào tạo là phát hành và chiếu bóng. Cả trong hai cuộc chiến tranh, công tác phát hành và chiếu bóng đã lập được những thành tích to lớn, đã phổ biến các tác phẩm điện ảnh đến mọi miền đất nước. Vượt qua mọi gian khổ, khó khăn kể cả hy sinh xương máu, các cán bộ, nhân viên đã đem phim đến các mặt trận, các hải đảo xa xôi, hay các vùng sâu, vùng xa, rừng rậm, núi cao... để phục vụ chiến sĩ và đồng bào.

Những điều nói trên chỉ đề cập tới giai đoạn đầu của nền Điện ảnh Việt Nam.

Sự ra đời của Điện ảnh Việt Nam được các bạn bè quốc tế đánh giá là một sự "thần kỳ". Vì điện ảnh là một công nghệ kỹ thuật cao, chỉ có thể ra đời ở các nước có nền công nghiệp hiện đại, nhưng ở Việt Nam lại ra đời trong rừng rậm, trên những cánh đồng hoang, trong khói lửa chiến tranh. Và thật khó hiểu đối với họ là, chiến tranh càng ác liệt thì nền Điện ảnh Việt Nam càng phát triển đầy đủ các thể loại, đặc biệt là thể loại phim sản xuất quy mô và phức tạp như phim truyện. Các anh chị em ở Hãng Phim truyện Việt Nam đã từng chứng kiến nhiều đoàn điện ảnh quốc tế sang tìm hiểu điều "thần kỳ" ấy, trong đó có đoàn Điện ảnh An-giê-ri, đã đặt ra một câu hỏi : "Làm thế nào trong chiến tranh ác liệt như ở đất nước các bạn lại có thể xây dựng và sản xuất một cách khép kín các công đoạn một bộ phim mà không phải đưa ra nước ngoài làm?". Sau khi các bạn An-giê-ri được nghe trình bày về quá trình hoạt động của các nhà điện ảnh Việt Nam đã phải chịu đựng muôn vàn gian khổ, khó khăn, vượt qua mọi thử thách tưởng như không thể vượt qua nổi, kể cả nhiều người đã hy sinh trong chiến tranh để có được một nền điện ảnh của dân tộc thì có người đã khóc, và xúc động nói : "Tôi đề nghị các bạn điện ảnh Việt Nam hãy giữ lại các máy móc, phương tiện sản xuất thô sơ này để xây dựng thành một nhà bảo tàng lịch sử về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới, sẽ là một nơi cho những người hoạt động điện ảnh như chúng tôi đến chiêm ngưỡng, nghiên cứu và học tập".

Những giọt nước mắt và những lời nói chân tình của bạn bè chính là điều khẳng định, trước năm 1945, ở Việt Nam, không có một chế độ nào làm được. Điều kỳ diệu ấy chỉ có thể diễn ra khi Nhà nước Cách mạng Việt Nam lên nắm chính quyền và cho ra đời một nền Điện ảnh Việt Nam từ trong khói lửa chiến tranh và đã ra đời, trưởng thành, lớn mạnh như ngày nay. ❑

Digitized by Google

LUẬT QUỐC TẾ VÀ VẤN ĐỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ

KHƯƠNG DUY*

1. Một thế kỷ đấu tranh vì quyền con người của phụ nữ

Sự bình đẳng được coi là hòn đá tảng của nền hòa bình, ổn định, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, từ xa xưa cho đến nay, ở hầu khắp các khu vực trên thế giới, vẫn tồn tại 3 hình thức bất bình đẳng chủ yếu, như C. Mác và Ph. Ăng-ghen từng chỉ ra : Đó là bất bình đẳng về *chủng tộc, giai cấp* và *giới.*

Cơ sở kinh tế của sự bất bình đẳng giới là chế độ tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Cơ sở xã hội của nó là những định kiến về vai trò giới trong phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa đã tồn tại từ lâu trong đời sống của hầu hết các dân tộc trên thế giới và vẫn còn ảnh hưởng cho đến nay. Các nghiên cứu gần đây về vấn đề này cho thấy, sự phân biệt đối xử với phụ nữ hiện vẫn thể hiện ở khắp mọi nơi, trong gia đình, ngoài xã hội, ở nơi làm việc...dưới rất nhiều hình thức, kể cả trong pháp luật và chính sách của một số nhà nước.

Thực chất của bình đẳng giới chính là bảo đảm sự bình đẳng của phụ nữ với nam giới trong việc được thừa nhận các quyền con người và có các cơ hội, điều kiện để hưởng thụ các quyền đó. Vậy nên, bình đẳng giới được xác định là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt, không chỉ đối với cuộc sống và sự phát triển của phụ nữ, mà còn đối với sự phát triển của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Song, phải đến đầu thế kỷ XX mới xuất hiện những văn kiện quốc tế của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) có nội dung bảo vệ phụ nữ. Tuy nhiên, những văn kiện này cũng chỉ giới hạn ở một vài nội dung trên một số lĩnh vực như lao động, việc làm, trợ cấp xã hội. Khái niệm "quyền" của phụ nữ vẫn chưa được đề cập đến một cách cụ thể.

Vấn đề quyền bình đẳng của phụ nữ chỉ được quan tâm thực sự và có những chuyển biến mạnh mẽ kể từ khi Liên hợp quốc (LHQ) ra đời. Hiến chương LHQ năm 1945, ngay tại Lời nói đầu, đã khẳng định *"niềm tin vào sự bình đẳng nam nữ về các quyền"*. Nhiều hoạt động nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ bắt đầu được tiến hành. Ủy ban về địa vị của phụ nữ trực thuộc Hội đồng Kinh tế - Xã hội của LHQ, đã được thành lập ngay từ năm 1946. Đây là cơ quan giúp việc chuyên trách, có chức năng nghiên cứu, đưa ra các khuyến nghị, soạn thảo các

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

văn kiện quốc tế nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh vì sự tiến bộ của phụ nữ. Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc (ĐHĐ LHQ) thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Văn kiện nổi tiếng này tiếp tục khẳng định nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong việc hưởng thụ các quyền và tự do cơ bản của con người : "Mọi người đều có quyền hưởng thụ các quyền và tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo..." (Điều 2).

Năm 1949, một công ước quốc tế có nội dung dành riêng về bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái đã được LHQ ban hành, đó là Công ước về trấn áp việc buôn người và bóc lột mại dâm người khác. Công ước này đề cập đến các biện pháp nhằm hạn chế và xóa bỏ một trong những hình thức xâm hại phụ nữ tồi tệ nhất, đó là buôn bán và khai thác tình dục phụ nữ.

Năm 1952, ĐHĐ LHQ thông qua Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ. Công ước này yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho phụ nữ quyền bình đẳng với nam giới trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là phụ nữ phải có quyền bầu cử, ứng cử, quyền được nhận vào làm việc và giữ các chức vụ trong các cơ quan nhà nước...

Năm 1957, ĐHĐ LHQ thông qua công ước thứ ba trên lĩnh vực này, đó là Công ước về quốc tịch của phụ nữ khi kết hôn. Công ước này quy định phụ nữ không thể bị thay đổi quốc tịch một cách đương nhiên do kết hôn, do hủy bỏ hôn nhân hoặc do người chồng thay đổi quốc tịch...

Tới năm 1962, điều ước quốc tế thứ tư về phụ nữ được LHQ ban hành, đó là Công ước về đăng ký kết hôn, tuổi tối thiểu khi kết hôn và việc kết hôn tự nguyện. Công ước này khẳng định phụ nữ có quyền được tự do lựa chọn người phối ngẫu, không phải là nạn nhân của nạn tảo hôn và việc cưỡng ép kết hôn... Hai điều ước cơ bản về nhân quyền năm 1966 là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa đều quy định rõ : Các quốc gia thành viên phải bảo đảm các quyền đã được ghi nhận trong hai công ước này một cách bình đẳng cho cả nam và nữ.

Năm 1967, ĐHĐ LHQ thông qua Tuyên bố về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Tuyên bố này bước đầu đã đưa ra một cách tiếp cận mới trong việc bảo đảm các quyền con người cho phụ nữ. Nó yêu cầu các quốc gia phải bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới trước pháp luật, bao gồm quyền sở hữu tài sản. Nó cũng khẳng định nghĩa vụ chung của các bậc cha mẹ trong việc bảo đảm sự bình đẳng cho con cái, cấm tảo hôn, đính hôn cho trẻ em... Tuy nhiên, Tuyên bố này không phải là một văn kiện ràng buộc về pháp lý, vì vậy, nó không đủ hiệu lực để ngăn ngừa tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ diễn ra một cách rộng khắp và trầm trọng trên thế giới. Chính vì vậy, LHQ đã quyết định xây dựng một điều ước quốc tế nữa về vấn đề này. Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được tổ chức soạn thảo vào năm 1972. Nó được ĐHĐ LHQ thông qua vào ngày18-12-1979 và có hiệu lực từ ngày 3-9-1981. Tính đến hết năm 2001, đã có 167 quốc gia là thành viên của

Digitized by Google

CEDAW. Việt Nam phê chuẩn Công ước này vào ngày 19-3-1982.

CEDAW là một trong số các công ước quan trọng nhất trong hệ thống các công ước quốc tế về phụ nữ do LHQ ban hành. Khác với một số công ước về phụ nữ đã được ban hành trước đó, CEDAW không tập trung xác định các quyền của phụ nữ, mà chỉ hướng vào *những cách thức, biện pháp nhằm loại trừ những sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền con người.* Nói cách khác, mục đích của CEDAW là nhằm trao cho phụ nữ những quyền con người đã được pháp luật quốc tế thừa nhận, nhưng họ không được hưởng trên thực tế bởi sự phân biệt đối xử với phụ nữ. CEDAW đã chỉ ra những lĩnh vực cụ thể có sự phân biệt đối xử nặng nề với phụ nữ, như hôn nhân gia đình, quan hệ dân sự, lao động việc làm, đời sống chính trị, giáo dục đào tạo và nêu ra các vấn đề có tính toàn cầu về giới, trong đó phụ nữ cần phải được bình đẳng thật sự với nam giới để thực hiện đầy đủ các quyền con người của họ. Điều đó cho phép xác định những biện pháp phù hợp nhằm xóa bỏ triệt để sự bất bình đẳng với phụ nữ. Ngoài ra, CEDAW cũng đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia thành viên phải thừa nhận những đóng góp của phụ nữ trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, cả trong gia đình và ngoài cộng đồng, đồng thời xác định rõ ràng các mục tiêu hành động nhằm thực hiện công bằng xã hội, bình đẳng cho phụ nữ, kể cả việc tiến hành những biện pháp đặc biệt tạm thời (có tính chất tình thế) để đạt được những mục tiêu hành động đó.

Ngoài các công ước kể trên, từ năm 1975 đến năm 1999, không kể những hội nghị quốc tế khác, đã có bốn hội nghị thế giới về phụ nữ được tổ chức (trong các năm 1975, 1980, 1985, 1995). Những hội nghị đó thu hút sự quan tâm rất lớn của dư luận, đã thảo luận và thông qua nhiều văn kiện quan trọng nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giữa nam và nữ trên toàn thế giới.

Mặc dù còn rất nhiều việc phải làm, song những nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong thời gian qua đã tạo nên những chuyển biến to lớn trong cuộc đấu tranh nhằm bảo đảm quyền bình đẳng cho phụ nữ trên thế giới.

2. Quyền bình đẳng của phụ nữ trong pháp luật Việt Nam

Xét trên phương diện lịch sử, những truyền thuyết xa xưa của dân tộc Việt Nam đã cho thấy sự hiện diện của chế độ xã hội mẫu hệ ở nước ta, qua việc mô tả Bà Sao Cái dạy nhân dân trồng lúa nước ; Bà Âu Cơ chia tay chồng, mang 50 con trai lên rừng lập nghiệp, hay ca ngợi các nữ anh hùng dân tộc là Hai Bà Trưng, Bà Triệu... Một số công trình nghiên cứu về văn hóa cũng cho thấy, ảnh hưởng của các định kiến bất bình đẳng với phụ nữ của Nho giáo ở Việt Nam không nặng nề như ở Trung Quốc, Triều Tiên hay Nhật Bản... Dẫn chứng sinh động cho nhận định này có thể tìm thấy trong Bộ luật Hồng Đức (đời Hậu Lê). Mặc dù được ban hành từ thế kỷ XV, song Bộ luật nổi tiếng này đã thừa nhận một số quyền dân sự của phụ nữ như quyền được ly hôn, tái hôn, quyền thừa kế tài sản, quyền được chia tài sản chung trong hôn nhân, quyền được bảo vệ về tính mạng, danh dự, nhân phẩm... Cùng với nhiều quy định khác, những quy định kể trên thể hiện sự tiến bộ nổi bật trên phương diện bảo đảm nhân quyền của

Digitized by Google

Bộ luật Hồng Đức so với pháp luật của các nước trên thế giới - điều mà ngay các học giả Phương Tây cũng phải thừa nhận.

Tuy nhiên, xét tổng quát, địa vị phụ nữ trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam, đặc biệt trên các phương diện chính trị, dân sự là rất thấp kém. Người phụ nữ không được tham gia vào hoạt động chính trị và hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông trong các quan hệ dân sự, đặc biệt là trong quan hệ hôn nhân, gia đình. Những định kiến mang tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ, kiểu như quan niệm *"nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô"* (một nam là có, mười nữ là không), *"tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử"* (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con)... đã trói chặt người phụ nữ vào vai trò nội trợ, nuôi con, vào thân phận phụ thuộc người chồng.

Thời kỳ thuộc Pháp là giai đoạn mà các quyền con người cơ bản của nhân dân Việt Nam, kể cả đàn ông và phụ nữ, đều bị tước bỏ. Bởi những đặc trưng về giới tính, phụ nữ còn phải chịu những hạn chế khắc nghiệt khác trên lĩnh vực này. Địa vị của họ trong suốt thời kỳ Pháp thuộc hầu như không có sự cải thiện gì đáng kể so với thời kỳ phong kiến.

Sự thật không thể phủ nhận là, những người cộng sản Việt Nam đã coi việc đấu tranh cho các quyền bình đẳng của phụ nữ là một trong những mục tiêu quan trọng nhất, trong tất cả các giai đoạn của sự nghiệp cách mạng. Bản Luận cương năm 1930 - cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam - đã khẳng định mục tiêu đấu tranh cho nam nữ bình quyền. Cùng năm đó, Hội Phụ nữ cứu quốc (tiền thân của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập, trở thành một trong những tổ chức xã hội của phụ nữ lâu đời nhất trên thế giới.

Từ khi giành được độc lập (1945), việc bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ luôn là chính sách nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta. Ngay trong Sắc lệnh số 14, ngày 18-9-1945 - một trong những văn bản pháp luật đầu tiên của nhà nước Việt Nam mới, đã quy định quyền bình đẳng của phụ nữ trong vấn đề bầu cử. Hiến pháp năm 1946 khẳng định nguyên tắc bình đẳng nam nữ trên tất cả các lĩnh vực khi quy định : "Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện" (Điều 9) ; "Mọi công dân đều bình đẳng về quyền trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa" (Điều 6) và " Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 7)...

Những quy định kể trên đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại về địa vị pháp lý của phụ nữ Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ Việt Nam được pháp luật thừa nhận và bảo đảm có những quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực. Những quy định đó cũng cho thấy tính chất tiến bộ của pháp luật Việt Nam trên lĩnh vực này, nếu so sánh với pháp luật quốc tế.

Bình đẳng nam nữ (trên tất cả các phương diện) được khẳng định ngay từ Hiến pháp năm 1946, khi nước Việt Nam mới được thành lập. Trong khi đó, tính từ thời điểm Hiến pháp Mỹ được ban hành (1789), phải 133 năm sau (1920)

Digitized by Google

phụ nữ Mỹ mới được ghi nhận có quyền bình đẳng với nam giới về bầu cử và ứng cử. Phụ nữ ở Thụy Sỹ đến năm 1971, phụ nữ ở Cô-oét mãi đến năm 1991 mới được quyền bầu cử. Đó là chưa kể một số quốc gia, cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật vẫn chưa ghi nhận phụ nữ có các quyền bình đẳng quan trọng này...

Các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 của nước ta đã kế thừa những nguyên tắc tiến bộ của Hiến pháp năm 1946 và liên tục bổ sung những nội dung mới nhằm bảo đảm và thúc đẩy hơn nữa vị thế, việc hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ. Không những vậy, rất nhiều đạo luật quan trọng như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân - Gia đình... cũng được Nhà nước ban hành và sửa đổi, bổ sung qua các thời kỳ, nhằm cụ thể hóa các nguyên tắc về bình đẳng nam nữ trong Hiến pháp.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước Việt Nam không chỉ chú trọng đến việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ, mà còn đưa ra nhiều chính sách nhằm cải thiện cuộc sống và tăng cường vai trò của phụ nữ trong các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Từ năm 1986, một loạt chính sách nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ nữ đã được ban hành, tiêu biểu như Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 12-7-1993, "Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới" ; Chỉ thị 37-CT/TU, ngày 16-5-1994, của Ban Bí thư Trung ương "Về một số vấn đề về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới"... Các văn kiện này đã xác định rõ đường lối, chính sách của Đảng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ và củng cố tăng cường vị trí, vai trò, thúc đẩy việc bảo đảm các quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội ; đồng thời đề ra phương hướng, chiến lược quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng lao động nữ nói chung, cán bộ nữ nói riêng. Chỉ thị 37 quy định rõ : cần đảm bảo ít nhất 20% vị trí lãnh đạo trong bộ máy tổ chức của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng là do phụ nữ đảm nhiệm... Các văn kiện kể trên đã tạo ra một bước chuyển biến mới, cả về lượng và về chất, cả trên bình diện lý luận và bình diện thực tiễn trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ ở nước ta.

Mặc dù còn những hạn chế nhất định, song, cho đến thời điểm hiện nay, có thể khẳng định rằng, Việt Nam đã xác lập được một khung pháp lý về bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ hoàn chỉnh vào bậc nhất, nếu so sánh với pháp luật của các nước trên thế giới. Về cơ bản, hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn toàn phù hợp với các văn kiện pháp luật quốc tế có liên quan trên lĩnh vực này, đảm bảo cho phụ nữ có thể hưởng thụ các quyền con người một cách bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực. Đây chính là cơ sở của những thành tựu của Việt Nam trên lĩnh vực bình đẳng giới trong những năm gần đây mà minh chứng sinh động là những nỗ lực và thành quả trong nhiều năm liên tiếp, chỉ số phát triển về giới và chỉ số phát triển con người của Việt Nam (theo sự xếp loại của UNDP) luôn ở vị trí cao hơn so với chỉ số phát triển về kinh tế ; tỷ lệ phụ nữ là đại biểu Quốc hội ở Việt Nam hiện nay cao nhất trong khu vực châu Á (26,2%) và đứng thứ hai trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.❑

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH

SUNIMEX

71 - 79 ĐỒNG KHỞI - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH - VIỆT NAM
Tel : (84.8) 8 230 081 - 8 296 406 **Fax:** (84.8) 8 222 941
Website: www.sunimex.com **Email:** sunimex@saigonnet.vn



➡ **Bán sỉ và lẻ các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kinh doanh vàng bạc và đá quý. Nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Xuất khẩu các mặt hàng nông hải sản, thực phẩm chế biến, sản phẩm da, giả da, hàng may mặc thủ công mỹ nghệ, văn hóa phẩm v.v... Nhận làm tổng đại lý, đại lý bán hàng cho các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước.**

➡ **Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, dịch vụ lưu trú : khách sạn, văn phòng, căn hộ, biệt thự; nhà hàng, vui chơi giải trí, passport, visa; kiều hối, thu đổi ngoại tệ; vận chuyển khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa. Dịch vụ thủ tục hải quan, vận tải hàng hóa và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, tư vấn thiết kế - xây dựng, dịch vụ địa ốc. Dịch vụ vi tính chế bản; dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và các dịch vụ khác.**

➡ **Sản xuất hàng may mặc, hàng giả da, hàng thủ công mỹ nghệ; lắp ráp các loại xe gắn máy. Sản xuất các sản phẩm cơ khí: bu-lông, ốc vít các loại, phụ tùng xe hơi và gắn máy. In ấn, sản xuất các chương trình băng đĩa Audio-Video, văn hóa phẩm các loại. Chế tác vàng, bạc, đá quý. Chế biến các mặt hàng lương thực thực phẩm. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.**

➡ **Hợp tác, đầu tư với các tổ chức trong và ngoài nước ở các lĩnh vực: sản xuất, xây dựng địa ốc, khu công nghiệp, khách sạn, văn phòng, căn hộ, biệt thự, nhà ở cho thuê, bưu chính viễn thông, ngân hàng, cho thuê tài chính và các hoạt động tài chính: Chứng khoán, trái phiếu ...**

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

- Công ty Dịch vụ du lịch Bến Thành (Ben Thanh Tourist)
- Công ty Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (Savico)
- Công ty Phát triển và dịch vụ nhà (HDSC)
- Công ty Thương mại tổng hợp Bến Thành (Ben Thanh GTC)
- Công ty Văn hóa tổng hợp Bến Thành (Ben Thanh GCC)
- Công ty Xây dựng và kinh doanh nhà (Coresco)
- Công ty Vàng bạc đá quý Bến Thành (BTJ)
- Công ty Vật tư Bến Thành (Sunimex-Material)
- Công ty May Bến Thành (Sunimex-Garment)
- Công ty Nông sản thực phẩm Bến Thành (Nosaco)
- XN sản xuất phụ tùng xe hơi, xe máy (LIDOVIT)
- Trung tâm Thương mại dịch vụ
- Công ty Dịch vụ Phát triển hạ tầng khu Công nghiệp Bình Chiểu
- Cao ốc văn phòng 27 Nguyễn Trung Trực
- Nhà hàng Maxim's
- Trạm Dịch vụ kho vận

CÁC ĐƠN VỊ CÓ PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH
CÁC LIÊN DOANH VỚI ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI

- Công ty Liên doanh nhôm Việt Nam (Vijalco)
- Công ty Liên doanh Khách sạn Norfolk (Norfolk Hotel)
- Công ty LD Khách sạn Sài Gòn Riverside (Renaissance Riverside Hotel Sai Gon)
- Công ty LD Khách sạn Plaza (Sofitel Plaza)
- Công ty Liên doanh Căn hộ - Văn phòng Sài Gòn (Somerset Chanceller Court)
- Công ty Liên doanh Lê Lợi Plaza (Le Loi Plaza Service Office)
- Công ty TNHH Bến Thành Windhorst (Ben Thanh Windhorst Tower)
- Công ty Liên doanh TNHH Larkhall Savico (Savico Twin Towers)
- Công ty Liên doanh RSC (Norfolk Mansion)
- Công ty Liên doanh Saigon Tower (Saigon Tower)
- Công ty Liên doanh Kumho Saigon (Kumho Saigon Joint Venture Company)
- Công ty Liên doanh TOYOTA Giải Phóng

CÁC LIÊN DOANH VỚI ĐỐI TÁC TRONG NƯỚC

- Ngân hàng Thương mại CP Phương Đông (Oricombank)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (Saigon Postel)
- Công ty TNHH Sài Gòn Bến Thành
- Công ty TNHH Sài Gòn ô-tô (Saigon Ford)
- Công ty TNHH Sài Gòn - Mũi Né
- Công ty TNHH Bến Thành Hoàng Thành
- Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ ô-tô Ford (Dana Ford)
- Công ty TNHH Han Nam
- Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Non Nước
- Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn
- Công ty TNHH căn hộ cho thuê nhà Phong Lan
- Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân (Ben Thanh - Phu Xuan Hotel)
- Cty TNHH Bến Thành-AA (Ben Thanh-AA Apartment Co., Ltd)
- Công ty TNHH Bạch Đằng (Bach Dang Co., Ltd)
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Bến Thành HMI (Ben Thanh HMI service & Trading Co., Ltd)
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật (Technical Infrastructure Investment J.V., Co)

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

PETROVIETNAM TRADING COMPANY - PETECHIM

PETROVIETNAM

PETECHIM

HEADQUARTERS:
70A Ba Huyen Thanh Quan St, Dist 3, HCM City.
Tel: (84.8) 9325092 - 9325775
Fax: (84.8) 9326637
Telex: 813209 PETIM VT

HANOI BRANCH:
80 NguyenDu - HaNoi
Tel: (84-4) 8228982
Fax: (84-4) 8220145

VUNG TAU BRANCH:
10 Le Loi - VungTau
Tel: (84-64) 852 929
Fax: (84-64) 852 500



1. Xuất- Nhập khẩu dầu thô và các sản phẩm dầu khí.
2. Xuất- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và các sản phẩm khác phục vụ trong và ngoài ngành dầu khí.
3. Dịch vụ thương mại cho các nhà thầu khí.
4. Giới thiệu và tư vấn các hoạt động thương mại và đầu tư phục vụ hoạt động dầu khí tại Việt Nam. Ký các hợp đồng xuất nhập khẩu do các đơn vị ngoài ngành dầu khí ủy thác.
5. Liên doanh liên kết với các công ty, các đơn vị thương mại trong và ngoài nước để triển khai các dự án về dầu khí cũng như các dự án khác tại Việt Nam hoặc nước ngoài.
6. Thực hiện các dự án lớn về dầu khí theo sự ủy quyền của Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
7. Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
8. Vận tải dầu thô. Đại lý vận tải, môi giới và cung ứng tàu biển vận tải dầu thô.

Digitized by Google

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA

ĐẠ CHỈ: 19 ĐƯỜNG TÔ HIỆU-THỊ XÃ SƠN LA-TỈNH SƠN LA * ĐIỆN THOẠI: 022 852 224 * FAX: 022 852 791



Giám đốc
LÒ VĂN NA

* VỚI CHỨC NĂNG LÀ THAM MƯU CHO HỘI ĐỒNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỈNH VÀ UBND TỈNH, ĐÃ PHÊ CHUẨN CHO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN 100 ĐỀ TÀI VÀ DỰ ÁN KHOA HỌC, TẬP TRUNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, VẬT LIỆU XÂY DỰNG...

* VỀ MẶT QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, NGÀNH ĐÃ THAM MƯU TRÌNH UBND TỈNH PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2010.

CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH TRÊN LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

* Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ (Qui định việc tuyển chọn đề tài, dự án, tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện, qui định phương thức làm việc của các Hội đồng tuyển chọn); ban hành qui chế hoạt động của Hội đồng khoa học - công nghệ tỉnh theo tinh thần đổi mới; hoàn thành đề tài khảo sát đánh giá trình độ công nghệ của một số cơ sở sản xuất và ngành sản xuất; biên soạn giới thiệu các đề tài, dự án thời kỳ 1996 - 2000,.v.v.

* Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ theo hướng công khai, dân chủ, hiệu quả, chống bao cấp tràn lan.

* Hội đồng khoa học đã xét tuyển và trình tỉnh 18 đề tài (50% thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, 25% thuộc công nghiệp, 25% thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn).

* Đang nghiên cứu trình tỉnh cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ vào sản xuất.

* Tham gia thẩm định công nghệ và môi trường của các dự án đầu tư để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dự án đầu tư. Phối hợp tham mưu về chủ trương, chính sách đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành kinh tế (về cả máy móc, thiết bị, thông tin, tổ chức sản xuất, nhân lực...).

* Tiếp tục phát triển công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin khoa học công nghệ, để phục vụ rộng rãi sản xuất và đời sống.





Digitized by Google

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 41 Lê Duẩn - Đà Nẵng * ĐT: 0511 822 041 * Fax : 0511 823 683
Email: reiint@dng.vnn.vn * Website: http://www.ud.edu.vn/



PGS. TSKH. PHAN QUANG XỨNG
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG CÓ 05 TRƯỜNG THÀNH VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT

* Đào tạo kỹ sư các chuyên ngành: Công nghệ Điện hóa, Công nghệ Hóa dầu, Công nghệ Hóa học, Công nghệ Môi trường, Công nghệ Nhiệt - Điện lạnh, Công nghệ Polime, Công nghệ Silicat, Công nghệ Sinh học, Công nghệ Thực phẩm, Cơ - Điện tử, Cơ khí Chế tạo Máy, Cơ khí Động lực, Cơ khí Luyện - Cán thép, Điện kỹ thuật, Điện tử - Viễn thông, Hệ thống Điện, Kiến trúc, Kinh tế Xây dựng và Quản lí Dự án, Sư phạm Kỹ thuật Điện - Điện tử, Sư phạm Điện tử - Tin học, Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật Cơ khí, Thiết bị Điện, Trang thiết bị và Công nghệ Sợi dệt, Tự động hóa, Tự động hóa quá trình sản xuất, Tin học, Xây dựng Cầu đường, Xây dựng Công trình Biển, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Xây dựng Thủy lợi và Thủy điện.

* Đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các lĩnh vực: Động cơ Nhiệt, Kỹ thuật Nhiệt và Máy lạnh, Mạng và Hệ thống điện, Công nghệ Chế tạo máy, Công nghệ Hoá thực phẩm, Thủy lợi-Thủy điện, Sức bền Vật liệu, Công nghệ Thông tin.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

* Đào tạo cử nhân đại học các chuyên ngành: Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Kinh doanh Ngoại thương, Kinh doanh Thương mại, Kinh doanh Du lịch-Dịch vụ, Kinh doanh Marketing, Kinh tế Phát triển, Kinh tế Lao động, Kinh tế Công, Kinh tế Chính trị, Thống kê và Tin học trong quản lý, Tài chính-Tín dụng.

* Đào tạo cử nhân cao đẳng các chuyên ngành: Kinh doanh Ngoại thương, Tin học Quản lý, Kế toán, Ngân hàng, Marketing

* Đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ thuộc các lĩnh vực: Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế Công nghiệp, Quản trị Kinh doanh, Kế toán và Phân tích hệ thống.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

* Đào tạo cử nhân sư phạm các chuyên ngành: Toán-Tin, Vật lý, Hoá học, Sinh - Môi trường, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục Chính trị.

* Đào tạo cử nhân khoa học các chuyên ngành: Toán - Tin, Sinh - Môi trường.

* Đào tạo cử nhân cao đẳng các chuyên ngành: Toán-Tin, Lý-Kỹ thuật công nghiệp, Hóa-Kỹ thuật phổ thông, Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp, Thể dục-Sinh, Văn-Giáo dục công dân, Nhạc-Công tác đội, Tiểu học, Mầm non.

* Đào tạo thạc sĩ các lĩnh vực: Hóa học hữu cơ, Quản lý Giáo dục.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

* Đào tạo cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học các chuyên ngành: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung.

* Đào tạo cử nhân cao đẳng chuyên ngành: Tiếng Anh.

* Đào tạo thạc sĩ các lĩnh vực: Ngôn ngữ và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ

* Đào tạo hệ Cao đẳng các chuyên ngành kỹ thuật: Cơ khí Chế tạo, Cơ khí Giao thông, Công nghệ Nhiệt-Điện lạnh, Điện kỹ thuật, Điện tử, Tin học ứng dụng, Xây dựng Dân dụng-Công nghiệp, Xây dựng Cầu Đường, Công nghệ Hóa học, Công nghệ Môi trường.

* Đào tạo hệ Trung học chuyên nghiệp các ngành: Cơ khí Chế tạo, Cơ khí Ô tô, Điện kỹ thuật, Điện tử và Tin học ứng dụng.

* Đào tạo Công nhân lành nghề các ngành: Cơ khí chế tạo, Cơ khí Ô tô, Nhiệt-Điện lạnh, Điện kỹ thuật, Kỹ thuật Sắt, May Công nghiệp.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG CÒN CÓ 16 TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.

Công ty

QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ TRIỂN LÃM

ĐC: SỐ 9 ĐINH LỄ - HÀ NỘI * ĐT: (84.4) 8 255 546 -9 340 474
FAX: (84.4) 8 255 556 * E-mail: vinexad@hn.vnn.vn





Công ty Quảng cáo và Hội chợ Thương mại (VINEXAD) đã đóng góp tích cực vào quá trình phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại và kinh doanh xuất nhập khẩu của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Công ty VINEXAD hiện nay được đánh giá là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam chuyên doanh trong lĩnh vực quảng cáo, tổ chức hội chợ triển lãm và các chương trình XTTM (chiếm 40% thị phần trong lĩnh vực quảng cáo). Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia gần 100 cuộc hội chợ triển lãm quốc tế trong nước và nước ngoài, Công ty đã tạo nên hiệu quả tập trung trong các nỗ lực tìm kiếm cơ hội XTTM.

Với vai trò là thành viên của Hiệp hội Quảng cáo Việt Nam, Hiệp hội Hội chợ triển lãm Châu Á - Thái Bình Dương (APECC), Hiệp hội những nhà tổ chức hội chợ châu Á (XM ASIA), và đang góp phần xúc tiến thành lập Hiệp hội Hội chợ triển lãm Việt Nam.

Với phương châm lấy chữ tín làm đầu, VINEXAD đã đang và sẽ luôn là người bạn đồng hành đáng tin cậy của các tổ chức kinh tế, các nhà doanh nghiệp cùng vươn tới sự phồn thịnh.

NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP

Digitized by Google

Indeco
VIGLACERA

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GỐM XÂY DỰNG

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

ĐC: 671 Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội * ĐT: 04. 7 612 182 * Fax: 04.07 611 144 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 218/QĐ-BXD, NGÀY 07-05-1998, CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG.



Khu đô thị Tiên Sơn, phục vụ CB-CNV làm việc tại KCN Tiên Sơn và nhân dân địa phương
Diện tích: 24 ha, cách Hà Nội 20 km



Dự án tổ hợp nhà ở cao tầng và văn phòng làm việc, siêu thị và dịch vụ tại 671 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội. Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 191 căn hộ cao cấp

KCN Tiên Sơn, được đầu tư nút giao liên thông Tiên Sơn, từ quốc lộ 1B vào KCN. Dự kiến hoàn thành tháng 12-2003 diện tích: 600ha, cách Hà Nội 20 km



TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CMC

79B Lý Thường Kiệt - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh

Dự án được duyệt theo Quyết định số 5978/QĐ-UB, ngày 17/09/2001, của UBND TP.HCM

Tổng diện tích : 30.510 m^2

Mục tiêu của Trung tâm:

* Thương mại chuyên ngành vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
* Tư vấn xây dựng, dịch vụ địa ốc và trưng bày sản phẩm.
* Tổ chức dịch vụ hội thảo giới thiệu công nghệ và sản phẩm, vật liệu mới.
* Siêu thị bách hóa tổng hợp và điện máy.



Dự án đang được triển khai xây dựng.

Trung tâm sẵn sàng tiếp nhận tham gia đầu tư, kinh doanh của Quý đơn vị có nhu cầu.

Chủ đầu tư:

Công ty Vật tư Xây dựng - Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn
104 Nguyễn Du, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8 277 794 - 8 298 560. Fax: 8 230 280
Email: vtxd-hcm@hcm.vnn.vn - cmc-ltk@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM DƯỢC

Địa chỉ: đường Lương Thế Vinh - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 8 311 614 - 5 530 061 Fax: (84-4) 5 530 061 * Email: dopharco@hotmail.com

GIÁM ĐỐC: ĐÀM THỊ TIẾP

Ngày 28-10 vừa qua, tại Giơ-ne-vơ (Thụy Sỹ), Công ty TNHH Đông Nam Dược Hà Nội đã trở thành công ty đầu tiên đại diện cho ngành dược Việt Nam vinh dự nhận Giải thưởng Vàng Ngôi sao Quốc tế chất lượng lần thứ 27 của Tổ chức BiD trao tặng, trước sự chứng kiến của 164 nước thuộc 5 châu lục. Công ty TNHH Đông Nam Dược Hà Nội nói riêng và ngành dược Việt Nam nói chung tự hào về nền y học dân tộc của nước nhà. Điều này khẳng định nền y học Việt Nam đã có chỗ đứng vững chắc trên thế giới.



Để có được thành quả to lớn đó, bên cạnh việc kế thừa truyền thống y học dân tộc với các bậc danh y như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông, Công ty TNHH Đông Nam Dược Hà Nội đã nghiên cứu bào chế ra các loại thuốc có chất lượng cao. Qua hơn 6 năm hoạt động, các loại thuốc của Công ty không chỉ khách hàng trong nước biết đến mà các khách hàng từ Ấn Độ, Nga, Mỹ ...cũng ưa chuộng vì những ưu điểm riêng như: ít tác dụng phụ, công dụng chữa bệnh rất hữu hiệu. Công ty đang tiếp tục mở rộng sản xuất, tận dụng nguyên liệu tại chỗ xuất khẩu theo đơn đặt hàng và xuất khẩu sang Mỹ.

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM
XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW.25

HEPAPHYL



THÀNH PHẦN:
- Bột Diệp Hạ Châu đắng.... 200mg
- Cốn nghệ..... 20mg
- Tá dược v.đ..... 1 viên

CHỈ ĐỊNH:
- Làm giảm men gan.
- Điều trị viêm gan siêu vi B mãn tính, mụn nhọt, mẩn ngứa.
- Phục hồi chức năng gan.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
Không dùng cho phụ nữ có thai và người có bệnh chảy máu.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:
- Người lớn: 2 - 3 viên, ngày 3 lần.
- Trẻ em: Dùng nửa liều người lớn hoặc theo chỉ định của thầy thuốc.

TRÌNH BÀY:
- Hộp 20 vỉ x 10 viên nang.
- Hộp 1 chai x 100 viên nang.

BẢO QUẢN:
Nơi khô mát, tránh ánh sáng.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NƠI PHÂN PHỐI:
* 120 HAI BÀ TRƯNG, Q.1, TP. HCM.
ĐT: 8 294 548.
* 90A LÝ THƯỜNG KIỆT, Q.1, TP. HCM
ĐT: 8 653 964
* 57 NGUYỄN DU, Q.1, TP. HCM
ĐT: 8 292 955
* 64 TRẦN QUỐC THẢO, Q.3. TP. HCM
ĐT: 9 325 290
* D8 - SỐ 7 NGỌC KHÁNH, Q. BA ĐÌNH, HN
ĐT: (04) 8 312 519

▶Điều trị viêm gan siêu vi B mãn tính
▶Làm giảm men gan



SĐK : VNA-4313-02

UPHACE
GMP

XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW.25

Central Pharmaceutical Factory Nº 25

120 Hai Bà Trưng - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam * Tel: (84.8) 8 295 046 - 8 297 941 - 8294 754
Fax: (84.8) 8 296 591 * E.mail: duocphamtw25@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo số: 218/02/QLD - TT, ngày 05 - 09 - 2002

BỘ TƯ PHÁP

VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

ĐC: 25A Cát Linh, Hà Nội * ĐT: (04) 08 042 791 - 8 231 130 -7 340 259 *Fax : (84.4) 8 237 473 * Email : nckh97@hn.vnn.vn



VIỆN NCKH PHÁP LÝ LÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC THUỘC BỘ TƯ PHÁP DƯỢC THÀNH LẬP NGÀY 22/11/1981 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 143/ HĐBT CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG.

CHỨC NĂNG CHÍNH

Nghiên cứu, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ chiến lược xây dựng pháp luật và phát triển ngành tư pháp ; giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý công tác nghiên cứu khoa học pháp lý và công tác thông tin - thư viện của ngành.

Viện NCKH Pháp lý - Bộ Tư pháp là một trong số 41 viện trong cả nước được sắp xếp theo Quyết định số 782 ngày 24-10-1996 của Thủ tướng Chính phủ.

CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VIỆN

+ Ban Nghiên cứu Pháp luật Dân sự - Kinh tế - Thương mại ;

+ Ban Nghiên cứu Pháp luật Hành chính - Nhà nước

+ Trung tâm Nghiên cứu Luật so sánh và Pháp luật quốc tế

+ Ban Nghiên cứu Tư pháp - Hình sự;

+ Phòng Tổng hợp - Kế toán ;

+ Trung tâm Thông tin - Thư viện.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VIỆN

1. Nghiên cứu, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học pháp lý :

Nghiên cứu các đề tài khoa học

Nghiên cứu điều tra xã hội học pháp luật làm căn cứ cho việc xây dựng các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, các đề án công tác của Bộ, ngành ;

Tổ chức khai thác, phối hợp triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học pháp lý vào hoạt động của Bộ, ngành.

2. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học pháp lý:

Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học pháp lý dài hạn và kế hoạch nghiên cứu khoa học pháp lý hằng năm của Bộ Tư pháp ;

Tổ chức triển khai, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình , kế hoạch nghiên cứu đã được phê duyệt;

Xây dựng báo cáo trình các cơ quan có thẩm quyền về công tác nghiên cứu khoa học pháp lý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

Tổ chức nghiệm thu kết quả của các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở ;

Giúp việc cho Hội đồng khoa học của Bộ ;

Tổng kết công tác nghiên cứu khoa học pháp lý hàng năm và trong từng giai đoạn.

3. Về công tác thông tin - thư viện :

Tổ chức thực hiện công tác thông tin khoa học pháp lý ; xây dựng và tổ chức khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp lý và các cơ sở dữ liệu thông tin pháp luật có liên quan;

Quản lý và tổ chức khai thác thư viện phục vụ cho hoạt động của Bộ, ngành.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học pháp lý ; lưu giữ và tổ chức khai thác các kết quả nghiên cứu khoa học từ các dự án hợp tác quốc tế.

5. Chủ trì, tham gia xây dựng, thẩm định, góp ý kiến đối với dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tham gia rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, tham gia xây dựng và thẩm định các đề án, dự án công tác tư pháp của Bộ trong phạm vi được giao.

6. Quản lý công chức, kinh phí và tài sản của Viện theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

8. Xây dựng và vận hành Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Viện NCKH Pháp lý được Lãnh đạo Bộ giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và triển khai Dự án khả thi xây dựng Hệ CSDL Quốc gia về Pháp luật từ năm 1998. Trong Đề án tin học hóa quản lý hành chính giai đoạn 2001 - 2005, (được phê duyệt theo Quyết định số 112/ 2001/QĐ - TTg ngày 25-7-2001, của Thủ tướng Chính phủ) vẫn xác định Hệ CSDL Quốc gia về Pháp luật là một trong 8 CSDL Quốc gia quan trọng tiếp tục được đầu tư xây dựng.



Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN TỬ HÀ NỘI

HANEL

CÔNG TY ĐIỆN TỬ HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Số 2 Chùa Bộc - Đống Đa - Hà Nội * Tel: 04.8 524 555, 8 522 097 * Fax: 84.4.8 525 770



TRƯỜNG NGHIỆP VỤ THỂ DỤC THỂ THAO

Thành lập 1986 * Hiệu trưởng: ĐỒNG MINH HỘI

ĐC: Phường Đồng Tâm - TP Yên Bái * ĐT: 029 853 382 * Fax: 029 853 382

Thành tích đạt được (tính đến 30-12-2002)

Chỉ tiêu giao: 23 giải, 29 HC (3 HCV, 8 HCB, 18 HCĐ).12 VĐV KT, 35 VĐV CI, 5 đội A. Chỉ tiêu thực hiện: 25 giải, 46 HC (14 HCV, 12 HCB, 20 HCĐ, 12 VĐV KT, 35 VĐV CI, 5 đội A.

Năm 2002, về huy chương so với chỉ tiêu giao, Nhà trường đã hoàn thành vượt mức 17 huy chương, bằng 159%, trong đó HCV vượt 11 huy chương - HCB vượt 4 HC - HCĐ vượt 2 HC. So với năm 2001, tăng 15 HC trong đó HCV tăng 6 HC - HCB tăng 4 HC - HCĐ tăng 6 HC. Đặc biệt, tại Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ IV - 2002, đã giành được 9 HC trong đó có 1 HCV, 4 HCB, 4 HCĐ vượt 3 HC so với kế hoạch. Đội bóng rổ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giành 1 HCV tại Đại hội TDTT Toàn quốc lần thứ IV, môn cử tạ giành 4 HCB, môn Pi A giành 3 HCĐ, giúp Yên Bái đứng thứ 4/16 tỉnh miền núi và Tây Nguyên được tặng cờ của UBTDTT. 12 VĐV tham gia đội dự tuyển trẻ và tuyển quốc gia ở các môn Bóng rổ, Điền kinh và Cử tạ.

* Đội ngũ giáo viên của trường: 25 GV. Trình độ ĐH và Tiến sĩ.

* Hằng năm đào tạo từ 90 - 170 ở tuyến 1, 120 - 140 VĐV ở tuyến 2, 400 VĐV ở tuyến nghiệp dư. Xây dựng hệ thống tuyển chọn VĐV từ huyện đến tỉnh.

Được sự nhất trí của Thường vụ Tỉnh ủy, đề nghị Bộ GD & ĐT thành lập trường Trung học vào năm 2003. Mục đích: Cung cấp giáo viên TDTT cho ngành học phổ thông và cán bộ TDTT cấp xã, phường dưới sự quản lý của 2 ngành GD ĐT và TDTT.



Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH NAM ĐỊNH

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

ĐỊA CHỈ: SỐ 04 HÀ HUY TẬP - TP.NAM ĐỊNH * ĐT: (0350) 848 216 ; FAX: (0350) 845 909



TỈNH ỦY VIÊN, BÍ THƯ ĐẢNG BỘ, GIÁM ĐỐC BƯU ĐIỆN TỈNH

TRẦN ĐỨC NGHĨA







Bưu điện tỉnh Nam Định là một đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính-Viễn thông Việt Nam.

Bưu điện tỉnh Nam Định đã thực hiện thành công chiến lược tăng tốc BC-VT giai đoạn I (1993 - 1995) và giai đoạn II (1996 - 2000), hiện đại hóa mạng lưới BC-VT với công nghệ tiên tiến theo kịp khu vực và quốc tế. Các điểm giao dịch từ Bưu điện trung tâm đến bưu cục II, III được xây dựng khang trang, sạch đẹp. 100% các xã có máy điện thoại từ năm 1996 và có điểm bưu điện phục vụ cộng đồng. Phương tiện vận chuyển thư báo, bưu phẩm, bưu kiện được cơ giới hóa bằng ô-tô chuyên ngành. 100% số xã có báo chủ yếu đọc trong ngày....Cùng với việc duy trì các dịch vụ truyền thống, việc phát triển nhanh các dịch vụ mới xuống vùng sâu, vùng xa, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân: dịch vụ điện hoa, chuyển tiền nhanh, siêu nhanh, tiết kiệm bưu điện, bưu phẩm khai giá, 171 gọi trong nước và đi quốc tế...

12 năm liên tiếp Bưu điện tỉnh luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh. Năm 2002, lần đầu tiên Bưu điện tỉnh Nam Định đã cân bằng được thu chi và nộp lãi. Do những nỗ lực phấn đấu và hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ 01-07-2002, Bưu điện tỉnh Nam Định đã chính thức được Nhà nước quyết định nâng hạng doanh nghiệp từ loại II lên loại I.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, lực lượng tự vệ liên tục nhiều năm giữ vững danh hiệu vững mạnh quyết thắng, được cấp trên khen thưởng. Đảng bộ Bưu điện 15 năm liên tục được công nhận là "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh". Đời sống CBCNV không ngừng được nâng cao và ngày càng ổn định.

VỚI NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ LÀM ĐƯỢC, BƯU ĐIỆN TỈNH NAM ĐỊNH ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN; 7 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT, NHÌ, BA; 8 BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; CÙNG NHIỀU CỜ THƯỞNG, BẰNG KHEN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, UBND TỈNH VÀ NHIỀU GIẢI THƯỞNG CAO QUÝ KHÁC.

Digitized by Google

CÔNG TY TƯ VẤN TKXDCT THỦY LỢI SƠN LA

TRỤ SỞ : 186 - Nguyễn Lương Bằng - P. Quyết Thắng - TX Sơn La

TEL : 022.852 141 - 852 508 * FAX : 022. 856 882

CHÚC MỪNG NĂM MỚI



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH

+ Khảo sát thiết kế, lập quy hoạch thủy lợi

+ Khảo sát thiết kế, lập dự án khả thi, thiết kế kỹ thuật - thi công - tổng dự toán các công trình : thủy lợi, thủy điện, đường giao thông nông thôn, các công trình dân dụng (đến cấp 3 - 1 tầng), nước sinh hoạt nông thôn.

+ Dịch vụ tư vấn quản lý và thẩm định dự án.

Giám đốc

KS. NGUYỄN ĐÌNH HIỂN

SEAPRODEX SAIGON

SEAPRODEX SAIGON

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THUỶ SẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 87 Hàm Nghi. Q1. TP. Hồ Chí Minh

Tel : (84.8) 8 290 079 - 8 291 779 - 8 293 601 - 8 295 594 * Fax: (84.8) 8 224 951

Telex : 811.280-SPDEXVT * Website: WWW.seaprodexsg.com * Email: seaprodex.saigon@bdvn.vnd.net.

Là Công ty chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu thuỷ sản ở khu vực phía Nam Việt Nam, với doanh số hằng năm khoảng trên 50 000 000USD; có mối quan hệ với nhiều tập đoàn thương mại của các nước.

Rất hân hạnh mong được sự hợp tác của quý vị trong các lĩnh vực sau đây:

- Xuất khẩu: Các sản phẩm thủy sản như: tôm, cá, mực nhuyễn thể ở các dạng đông lạnh, thức ăn chín và khô; nhiều loại nông sản, hoa quả khác.
- Nhập khẩu: Thiết bị, vật tư, vật liệu, phương tiện vận tải phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- Vận tải bộ lạnh, sản xuất chế biến, kho bảo quản lạnh...



Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY LẮP VẬT TƯ KỸ THUẬT

TECHNOLOGY MATERYALS AND CONSTRUCTION COMPANY

ĐỊA CHỈ: 534 MINH KHAI, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tel: (04) 6 330 759 - 6 330 745 * Fax: (84-8) 6 330 737 * E-mail: tematco@hn.vnn.vn.com



Giám đốc

Kỹ sư kinh tế TRIỆU VĂN TIẾN



CÁC LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH :

Nhận thầu các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và nông thôn.

Kinh doanh nhà ở, bất động sản, du lịch và khách sạn.

Thi công nạo vét sông ngòi, kênh mương.

Thi công xây lắp các công trình nước sạch.

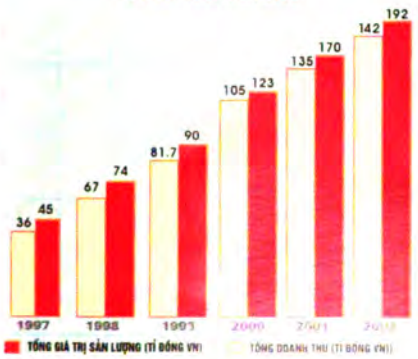
Nhập khẩu các mặt hàng sắt thép, các loại đường ống thép và trang thiết bị nội, ngoại thất để cung cấp cho các công trình xây dựng.

Kinh doanh chế biến các mặt hàng chè, đường, cà-phê, cao-su, nước giải khát, các mặt hàng nông, lâm sản và hàng hóa khác.

Nhập khẩu thiết bị, phụ tùng chế biến chè phục vụ lắp đặt tại các nhà máy chè.

Tư vấn đầu tư xây lắp phát triển sản xuất kinh doanh chè.

BIỂU ĐỒ DOANH THU VÀ SẢN LƯỢNG CỦA CÔNG TY
TỪ NĂM 1997 ĐẾN 2002





Trụ sở Công ty





VƯƠN XA MÃI MÃI MỞ RỘNG

ĐỔI MỚI TEMATCO UY TÍN

Digitized by Google

Công ty XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI KIÊN GIANG

Địa chỉ :1262 Đường Nguyễn Trung Trực - Khu phố 8 - Phường An Hòa - Thị Xã Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang
Điện thoại: 077 864 148 - 910 406 * Telex (Fax): 077 910 461



Trụ sở Công ty

Công ty xây dựng giao thông thủy lợi Kiên Giang thành lập theo quyết định số : 1129/QĐ-UB, ngày 09-10-1996, của UBND Tỉnh Kiên Giang.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 111434, ngày 19-10-1996 và bổ sung ngày 06-4-1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

*Xây dựng các công trình giao thông - thủy lợi

*Khai thác kinh doanh đất sỏi đỏ

*Sản xuất cấu kiện bê-tông ly tâm, bê-tông nhựa nóng, bê-tông đúc sẵn.

*Xây dựng dân dụng, san lấp mặt bằng.

KHẢ NĂNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đã đầu tư các trang thiết bị, máy móc hiện đại như : xáng thổi Beaver 1200 HP, trạm trộn bê-tông nhựa nóng cố định 40 t/h, trạm trộn bê-tông nhựa nóng di động 30t/h, các thiết bị giao thông và thủy lợi khác. Đội ngũ cán bộ khoa học-kỹ thuật và công nhân lành nghề gồm: 1 Thạc sỹ , 19 kỹ sư, 3 cử nhân, 16 trung cấp, 65 công nhân kỹ thuật. Công ty tham gia xây dựng hầu hết các công trình giao thông - thủy lợi của tỉnh Kiên Giang và các công trình có quy mô lớn của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông Thôn thuộc các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long. Mặt khác, còn tham gia xây dựng các cảng, các khu trung tâm thương mại lớn, các công trình san lấp, lấn biển bằng xáng thổi Beaver 1200 HP.

Với tổng giá trị sản lượng hằng năm từ 70 tới hơn 100 tỉ đồng, đều đạt và vượt kế hoạch từ 105 - 120%, Công ty đã vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Công ty Xây dựng Giao thông Thủy lợi Kiên Giang sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của các chủ đầu tư, liên doanh liên kết với các đơn vị để thực hiện thi công các công trình đạt chất lượng cao, vượt tiến độ thời gian theo yêu cầu của các chủ đầu tư với phương châm "nhanh gọn, chất lượng & hiệu quả".

Kính chúc Quý vị
Hạnh phúc và Thành đạt



Công trình: Đường Tám Ngàn - huyện Hòn Đất - tỉnh Kiên Giang
Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 1 - PMU1 - Bộ Giao thông Vận tải



Công trình: Cầu 283 - quốc lộ 80 - tỉnh Kiên Giang
Chủ đầu tư: Ban Quản lý giao thông 9 - Bộ Giao thông Vận tải



Công trình: Kênh Lung Lớn 2 - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang
Chủ đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



RÈN ĐỨC LUYỆN TÀI

UNIV. OF MICH.
APR 24 2003
CURRENT SERIALS

9
3-2003

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

XÍ NGHIỆP XÂY LẮP CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN

TRỤ SỞ CHÍNH: 105 LÊ LỢI, VŨNG TÀU * ĐIỆN THOẠI: 064. 839 871/72 * FAX: 064. 839 857

XÍ NGHIỆP XÂY LẮP CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN LÀ MỘT TRONG 16 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC SAU:

1. Chế tạo kết cấu kim loại, vận chuyển lắp đặt các công trình dầu khí (giàn khai thác dầu khí, kho chứa - xuất dầu)

2. Lắp đặt trên biển đường ống ngầm các loại

3. Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí biển

4. Nhận thi công các công trình thủy khác đạt tiêu chuẩn quốc tế



Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 672

9

3-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**
TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Tuổi trẻ lập nghiệp

Ảnh : TL

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

PHAN DIỄN - Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng 3

NGUYỄN TÚC - Về đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay 8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CAO THỊ SÍNH - Quan niệm của Hồ Chí Minh về sức khỏe 13

TRƯƠNG GIANG LONG - Định hướng giá trị trong giáo dục thanh niên hiện nay 17

NGUYỄN VŨ CÂN - Xu hướng phát triển của thanh niên và Phong trào thanh niên 21

*** Về hướng sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã 26

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

GIÀNG SEO PHỬ - Lào Cai trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa 31

NGUYỄN MINH ĐỨC - Chủ động và năng động Bình Dương 35

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN - Thị trường chứng khoán Việt Nam : Định hướng và giải pháp phát triển 40

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

PHẠM KHÔI NGUYÊN - Cân bằng kinh tế, dân số và môi trường vì sự phát triển bền vững 46

TỪ ĐIỂN - Việt Nam và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 51

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Buồn, vui ở xã ? 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN LỘC - Những nỗ lực chính trị - pháp lý quốc tế loại bỏ phân biệt chủng tộc 56

ĐẶNG MINH ẤT - Về thị trường chứng khoán Mỹ và Trung Quốc - bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam 60

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

● Tọa đàm : Các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn với nhiệm vụ nghiên cứu, tuyên truyền lý luận và tổng kết thực tiễn 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ЗИЕН: Более повышать качество и эффективность партийной культурно-идеологической работы. НГУЕН ТУК: О широком общенациональном единении на данном этапе. КАО ТХИ ШИНЬ: Концелция Хо Ши Мина о здоровье. ЧЫОНГ ЖАНГ ЛОНГ: Ориентации о ценности в воспитании молодёжи в настоящее время. НГУЕН ВУ КАН: Тенденции развития молодёжи и молодёжного движения. *** О направлениях внесения изменений и дополнений в Закон о Кооперативах. ЖАНГ ШЕО ФЫ: Провинция Лаокай на пути индустриализации, модернизации. НГУЕН МИНЬ ДЫК: Инициативность и динамичность провинции Биньзыонг. НГУЕН ТХИ ФЫОНГ ЛИЕН: Фондовая биржа Вьетнама: Ориентации и решения для развития. ФАМ КХОЙ НГУЕН: Балансирование экономики, населения и окружающей среды за устойчивое развитие. ТЫ ДИЕН: Вьетнам и цель развития Тысячелетия. НГУЕН ЛОК: Международные политико-правовые усилия для ликвидации расовой дискриминации. ДАНГ МИНЬ АТ: О фондовых биржах США и Китая – извлеченный урок для Вьетнама.

CONTENTS

PHAN DIỄN: To enhance higher quality and efficiency of the Party's ideological-cultural work. NGUYỄN TÚC: Regarding Great National Solidarity in the present period. CAO THỊ SÍNH: Hồ Chí Minh's conception of health. TRƯƠNG GIANG LONG: Value instruction in current youth education. NGUYỄN VŨ CÂN: The trends of youth development and youth movement. *** Regarding directions of amendments to the Law on Cooperatives. GIÀNG SEO PHỬ: Lao Cai province on the path of industrialisation, modernisation. NGUYỄN MINH ĐỨC: The initiative and dynamic Binh Dương province. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: Vietnam's stock market: orientations and developmental solutions. PHẠM KHÔI NGUYÊN: To balance the economy, population and environment for the sake of permanent development. TỪ ĐIỂN: Vietnam and development targets of the Millennium. NGUYỄN LỘC: International political – legislative endeavours to reject racial discrimination. ĐẶNG MINH ẤT: About the USA's and China's stock markets – the experience lessons for Vietnam.

SOMMAIRE

PHAN DIỄN: Rehausser davantage la qualité et l'efficacité du travail idéologique et culturel du Parti. NGUYỄN TÚC: A propos de la grande union nationale à l'heure actuelle. CAO THỊ SÍNH: La conception de Ho Chi Minh de la santé. TRƯƠNG GIANG LONG: L'orientation des valeurs dans l'éducation des jeunes à l'heure actuelle. NGUYỄN VŨ CÂN: La tendance de développement des jeunes et du mouvement de la jeunesse. *** Sur l'amendement et le complètement de la Loi sur les coopératives. GIÀNG SEO PHỬ: La province de Lao Cai sur la voie de l'industrialisation et de la modernisation. NGUYỄN MINH ĐỨC: La province de Binh Duong : initiative et dynamique. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: La Bourse du Vietnam : orientation et solution pour son développement. PHẠM KHÔI NGUYÊN: Equilibrer l'économie, la démographie et l'environnement pour un développement durable. TỪ ĐIỂN: Le Vietnam et ses objectifs de développement millénaires. NGUYỄN LỘC: Les efforts politico-juridiques internationaux visant à l'éradication du racisme. ĐẶNG MINH ẤT: La Bourse des Etats-Unis et celle de la Chine – une expérience pour le Vietnam.

SUMARIO

PHAN DIỄN: Elevar más la calidad y eficacia del trabajo ideológico y cultural del Partido. NGUYỄN TÚC: Acerca de la gran unidad nacional en la actual etapa. CAO THỊ SÍNH: La concepción del Presidente Hồ Chí Minh sobre la salud. TRƯƠNG GIANG LONG: La orientación del valor en la actual educación juvenil. NGUYỄN VŨ CÂN: La tendencia de desarrollo de la juventud y del movimiento juvenil. *** Sobre las orientaciones de modificación y complementación de la Ley de Cooperativas. GIÀNG SEO PHỬ: Lào Cai en el camino de industrialización y modernización. NGUYỄN MINH ĐỨC: La iniciativa y el dinamismo de provincia Bình Dương. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN: El mercado bursátil de Vietnam: orientaciones y medidas para su desarrollo. PHẠM KHÔI NGUYÊN: Equilibrar la economía, la población y el medio ambiental por un seguro crecimiento. TỪ ĐIỂN: Vietnam y sus objetivos de desarrollo de milenio. NGUYỄN LỘC: Esfuerzos político - derechos internacionales para eliminar la discriminación racial. ĐẶNG MINH ẤT: Sobre los mercados bursatiles norteamericano y chino – experiencias para Vietnam.

目录

•潘演 进一步提高党的思想文化工作质量和效果• 阮粟 关于现阶段的民族大团结 • 高氏生 胡志明对保健问题的指导• 张江龙 目前对青年教育的价值定向• 阮武中 青年及青年运动的发展趋势•••关于《合作社法》的修改、补充方向• GIANG SEO PHU: 老街省在工业化、现代化道路上前进• 阮明德 平阳省的主动和创造性精神• 阮氏芳莲 越南证券市场定向及发展措施 • 范魁元 为稳固发展而平衡经济、人口及环境• 词典 越南与千禧年的发展目标• 阮禄 从国际政治、法理方面努力解除种族歧视• 邓明乙 美国和中国的证券市场— 越南的借鉴。

Digitized by Google

NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG

PHAN DIỄN *

NĂM 2002, đất nước ta đã vượt qua những thách thức to lớn, những khó khăn gay gắt cả ở trong nước và trên thế giới, tiếp tục giành được những thành tựu rất quan trọng và khá toàn diện. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất trong 5 năm qua (7,04%), xếp thứ hai trong khu vực châu Á, đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua ; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao rõ rệt ; giải quyết có hiệu quả nhiều vấn đề xã hội ; giữ vững sự ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng ; mở rộng quan hệ đối ngoại, tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế nước ta trong quan hệ quốc tế. Chúng ta đã tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội với tỷ lệ cử tri đi bầu rất cao (hơn 99%) để lập ra các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ mới. Công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII tiếp tục được đẩy mạnh, và đã thu được nhiều kết quả tích cực. Nhiều nhân tố mới đã hình thành và được nhân rộng trong đời sống xã hội cả nước ; nhân dân ngày càng tin tưởng vững chắc hơn vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Sở dĩ chúng ta đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng và toàn diện nêu trên là do những nỗ lực phấn đấu, những đóng góp công sức, trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ; trong đó, có sự đóng góp tích cực của đội ngũ những người chiến sĩ trên mặt trận công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng. Chính đội ngũ cán bộ này, trong thời gian qua, từ trung ương đến cơ sở đã góp phần tạo ra các nhân tố quan trọng về tư tưởng, tình cảm, trí tuệ, đạo đức và văn hóa, làm nên động lực thúc đẩy cả nước phấn đấu giành được những thành tựu quan trọng và toàn diện.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư

Digitized by Google

Khi khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được trong năm 2002 - những thành tựu quan trọng đã làm tăng thêm thế và lực của đất nước trong phát triển và hội nhập quốc tế, chúng ta cần phải khách quan, thẳng thắn nhận thấy rằng, nước ta vẫn còn là một nước nghèo, kém phát triển. Sự phát triển của nền kinh tế nước ta còn chưa ổn định, vững chắc ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm ; năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế chưa cao ; mức độ thu hút đầu tư nước ngoài chưa đạt được như mong muốn ; sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm quan trọng cũng như của nền kinh tế nhìn chung còn thấp. Đây là thách thức rất lớn đối với nước ta khi hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc đòi hỏi được tiếp tục quan tâm giải quyết. Tình trạng thiếu việc làm còn gay gắt ; các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm và một số tội phạm chưa được ngăn chặn có hiệu quả ; tai nạn giao thông xảy ra nghiêm trọng ; khiếu kiện đông người của nhân dân ở một số địa phương vẫn xảy ra và kéo dài ; sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu tham nhũng, ức hiếp quần chúng của một số cán bộ chưa bị đẩy lùi và giải quyết một cách căn bản... Điều đó chứng tỏ rằng, những kết quả đạt được trong lĩnh vực xã hội chưa tương xứng, chưa ngang tầm với những kết quả đạt được trong lĩnh vực kinh tế và đã tác động gây ảnh hưởng xấu tới an ninh xã hội, làm ảnh hưởng cuộc sống bình yên của nhân dân. Vì vậy, mặc dù đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao rõ rệt, nhưng tâm trạng của một bộ phận nhân dân chưa thật vui, chưa thật phấn khởi. Không ít những hiện tượng bất ổn khác làm cho chúng ta tiếp tục phải suy nghĩ như, sự phân hóa giầu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, các vùng miền, các dân tộc ngày càng có xu hướng gia tăng ; khoảng cách chênh lệch về phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa miền núi và đồng bằng ngày càng nới rộng..., trong khi đó, các thế lực phản động, thù địch không ngừng chống phá Nhà nước ta, chế độ ta gay gắt, quyết liệt.

Lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa trong giai đoạn hiện nay vẫn bộc lộ không ít những hạn chế, yếu kém ; đôi khi còn tỏ ra chưa theo kịp những biến đổi mau lẹ của thực tiễn đất nước. Công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác phổ biến quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng chất lượng còn chưa cao, có nơi, có lúc còn mang tính hình thức. Công tác nghiên cứu lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, chưa làm sáng tỏ được nhiều vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra để định hướng tư tưởng và thực tiễn, ngay cả trên nhiều vấn đề rất cơ bản. Việc đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, của các phần tử cơ hội chính trị chưa thật mạnh mẽ, sắc bén, có khi còn lúng túng, bị động. Trong hoạt động báo chí, xuất bản ; hoạt động văn hóa, nghệ thuật cũng có xu hướng thương mại hóa, có những biểu hiện tiêu cực. Nhiều năm qua, chúng ta vẫn chưa có những tác phẩm văn học, nghệ thuật, các công trình văn hóa tương xứng với chiến công và tầm vóc của dân tộc ta, đất nước ta v.v..

Digitized by Google

Rõ ràng, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Tư tưởng - Văn hóa ở Trung ương và ở các địa phương, các cơ quan, các cán bộ công tác trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa cần suy nghĩ, phân tích một cách sâu sắc về những hạn chế, yếu kém của mình, cũng như của đất nước, thấy rõ trách nhiệm của mình để có biện pháp khắc phục một cách tích cực, cụ thể.

Năm 2003 là năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, năm "bản lề" có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2001 - 2005). Vì vậy, mặc dù trong hoàn cảnh còn rất nhiều khó khăn thách thức, có mặt có thể còn gay gắt hơn năm 2002 ; tình hình quốc tế có thể còn có những diễn biến phức tạp khó lường trước, nhưng vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế năm 2003 với những chỉ tiêu rất cao và quyết tâm phấn đấu tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao (7% - 7,5%), đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế ; tạo bước chuyển biến tích cực trong việc giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững an ninh, ổn định chính trị - xã hội trong mọi tình huống ; tiếp tục cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh ; đẩy mạnh cải cách hành chính và cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước và sinh hoạt xã hội ; mở rộng quan hệ giao lưu và hội nhập quốc tế, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Theo kế hoạch, vào cuối năm 2003, Đảng ta còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa là kiểm điểm, đánh giá tình hình 2 năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội IX để trên cơ sở đó đề ra phương hướng và các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX và để chuẩn bị cho Đại hội X của Đảng.

Nhiệm vụ của công tác tư tưởng - văn hóa trong năm 2003 phải bám sát thực tiễn, đi sâu vào cơ sở ; quán triệt các quan điểm, tư tưởng của các nghị quyết Trung ương, góp phần thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng, của đất nước ; phải nỗ lực tuyên truyền, giáo dục làm cho mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân quán triệt sâu sắc trong nhận thức, tình cảm và hành động những nhiệm vụ to lớn, nặng nề của đất nước thời gian tới ; phát huy tiềm năng và sức mạnh, tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, thực hiện bằng được các mục tiêu lớn của năm 2003, tạo đà cho bước phát triển mới trong các năm tiếp theo.

Để thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ đó, công tác tư tưởng - văn hóa năm 2003 phải đặc biệt chú ý tập trung vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính chiến đấu, tính sắc bén của công tác tư tưởng - văn hóa.

Công tác tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phải

Digitized by Google

đổi mới cả nội dung và phương pháp. Xây dựng những phương pháp tuyên truyền, giáo dục phong phú, đa dạng, sinh động, hấp dẫn phù hợp với từng đối tượng, phù hợp với thực tiễn cuộc sống để nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong thế hệ trẻ.

Việc phổ biến, học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cần được đổi mới phong phú, đa dạng phù hợp với từng đối tượng, từng loại chỉ thị, nghị quyết ; gắn phổ biến, quán triệt nghị quyết với xây dựng các chương trình hành động, chương trình công tác thiết thực, tập trung giải quyết đúng, có kết quả những vấn đề bức xúc của cuộc sống, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều, đã nói thì phải làm.

Công tác tư tưởng - văn hóa cần bám sát thực tiễn, hướng mạnh về cơ sở, nắm vững tâm tư, tình cảm, tâm lý và nguyện vọng của nhân dân, trực tiếp giải đáp kịp thời những vướng mắc trong tư tưởng của mọi đối tượng, ở mọi tầng lớp ; hướng vào phục vụ nhân dân, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ; đặc biệt chú ý nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có nhiều khó khăn.

Hướng trọng tâm trong hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 2003 và các năm tới là tăng cường công tác nghiên cứu lý luận ; nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận, làm sáng tỏ những vấn đề về nhận thức, quan điểm đặt ra trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của đất nước ta. Đó là : Xây dựng và quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như thế nào ? Công tác xây dựng Đảng, phát huy dân chủ, xây dựng hệ thống chính trị Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ như thế nào trong điều kiện một đảng cầm quyền ?... và nhiều vấn đề cụ thể khác.

Cần nâng cao tính sắc bén, đấu tranh kịp thời, có hiệu quả với các hoạt động vu cáo, kích động, xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch, của các phần tử cơ hội chính trị ; những kẻ truyền đạo trái phép, các hoạt động mê tín dị đoan. Cung cấp kịp thời những thông tin đúng đắn tới mọi tầng lớp nhân dân về các sự kiện lớn trong nước và quốc tế để hướng dẫn dư luận, củng cố vững chắc khối đoàn kết toàn dân, sự gắn bó giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Cùng với việc tạo môi trường thuận lợi, cần làm tốt công tác quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khắc phục các biểu hiện tiêu cực và khuynh hướng thương mại hóa. Tiếp tục phát huy vai trò của báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực. Đặc biệt, cần làm tốt hơn nữa việc phát hiện, tuyên truyền, giới thiệu các gương người tốt việc tốt, các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, xuất sắc trong mọi lĩnh vực, mọi miền của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào xây dựng nếp sống văn hóa ở cơ sở, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ của nhân dân ; đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các văn nghệ sĩ đi sâu vào thực tiễn của đất nước để có những tác phẩm, những công trình tương xứng với những chiến công

Digitized by Google

mang tầm vóc của lịch sử và thời đại của dân tộc ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cũng như trong lĩnh vực kinh tế, việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa là đòi hỏi của nhân dân, của xã hội hiện nay. Vì thế, trong tình hình cách mạng mới, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - tư tưởng cần tìm tòi, sáng tạo, đề xuất những sáng kiến, kiến nghị những giải pháp mới nhằm thực hiện tốt nhất công tác tư tưởng - văn hóa.

Làm tốt công tác tư tưởng - văn hóa là trách nhiệm của toàn Đảng, của các cấp ủy đảng và của mọi đảng viên, nhưng trong đó, các ban tư tưởng - văn hóa của các cấp ủy đảng, các cơ quan, các cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở là lực lượng nòng cốt. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa của chúng ta có quyền tự hào là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Nhiệm vụ của các chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa rất vẻ vang, quan trọng, nhưng cũng hết sức nặng nề.

Người cán bộ, đảng viên, hơn nữa, lại là người chiến sĩ trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của Đảng, phải không ngừng phấn đấu, rèn luyện, vững vàng về bản lĩnh chính trị, lập trường quan điểm, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bám sát thực tiễn đất nước, bám sát cuộc sống của nhân dân, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh để giành được sự tin cậy, yêu mến của nhân dân. Đồng thời, mỗi cá nhân phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng sáng tạo, đổi mới phương pháp công tác ; biết sử dụng thành thạo các phương tiện mới hết sức lợi hại, hiệu quả trong thời đại công nghệ thông tin vào công tác tư tưởng - văn hóa.

Cùng với sự rèn luyện, phấn đấu của mỗi cán bộ, các ban tư tưởng - văn hóa, các cơ quan làm công tác tư tưởng - văn hóa của Đảng, Nhà nước cũng cần tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc, nhất là, cần được tăng cường về cơ sở vật chất, kỹ thuật để có điều kiện thuận lợi hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Vừa qua, Bộ Chính trị đã có quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và tặng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Huân chương Sao vàng, huân chương cao nhất của Nhà nước ta nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày truyền thống vì những đóng góp to lớn của ngành vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của đất nước. Với truyền thống đó và với đội ngũ hùng hậu những cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa của ngày hôm nay, Đảng và nhân dân ta tin tưởng chắc chắn rằng các chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, đất nước giao cho trong thời gian tới. Sự thành công của công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới của cách mạng sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng không ngừng lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, vào việc bồi dưỡng và xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN TÚC*

ĐOÀN kết là truyền thống cực kỳ quý báu, là tài sản vô giá của dân tộc ta được hình thành qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, ngay từ ngày thành lập, Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết, coi trọng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận Dân tộc thống nhất, phát huy sức mạnh dân tộc, kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống kết hợp với sức mạnh thời đại, đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Tổng kết quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một chân lý mang tính thời đại :

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Qua hơn 16 năm thực hiện đường lối đổi mới đúng quy luật, đầy sáng tạo, hợp lòng dân do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhờ kiên cường phấn đấu, nhân dân ta đã vượt qua biết bao khó khăn, thách thức, đã giành được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Đó là, tổng sản phẩm trong nước năm 2002 tăng gấp hơn hai lần so với năm 1990 ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng mạnh. Từ tình trạng thiếu thốn, khan hiếm hàng hóa nghiêm trọng, đến nay sản xuất đã đáp ứng được hầu hết những nhu cầu thiết yếu của nhân dân và của nền kinh tế với chất lượng ngày càng cao và mẫu mã ngày càng đẹp hơn ; từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã chuyển hẳn sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; từ một nước sản xuất nông nghiệp là chủ yếu nhưng trong nhiều năm liên tục lương thực vẫn phải ăn vay, ăn đong, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới ; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần kinh tế là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, đã và đang chuyển nhanh sang nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy nội lực của toàn dân tộc. Đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện, trong đó có một bộ phận trở thành giàu có.

Đất nước đã thực sự ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã phá được thế bao vây,

* Ủy viên Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

cấm vận của các thế lực thù địch ; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định ; quốc phòng, an ninh được giữ vững ; quan hệ quốc tế được mở rộng ; vị thế của nước ta trên thế giới ngày càng được nâng cao.

Những thành tựu đó đã trở thành những tiền đề hết sức quan trọng để tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận Dân tộc thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc tiếp tục đi vào cuộc sống.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và bài học "lấy dân làm gốc", Đảng ta đã quan tâm đến việc củng cố, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân và sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, coi đó là vấn đề sống còn của Đảng, của chế độ trong điều kiện mới.

Quán triệt *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nghị quyết của các Đại hội VII, VIII và IX, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ra nhiều nghị quyết, chỉ thị về đại đoàn kết dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, về các giai cấp, tầng lớp xã hội như : Nghị quyết 22 (ngày 27-11-1989) của Bộ Chính trị (khóa VI) về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi ; Nghị quyết 24 (năm 1990) của Bộ Chính trị (khóa VI) về công tác tôn giáo ; Nghị quyết số 25 (ngày 9-2-1991) của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên ; Nghị quyết 8B (ngày 27-3-1990) của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) *"Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân"* ; Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) tháng 6-1992 về đổi mới và tăng cường công tác vận động nhân dân, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân ; Nghị quyết số 04 (ngày 12-7-1993) của Bộ Chính trị *"Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới"* ; Nghị quyết số 07, ngày 17-11-1993, của Bộ Chính trị khóa VII *"Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất"* cùng nhiều nghị quyết khác về các tầng lớp nhân dân. Những nghị quyết nêu trên đã từng bước được thể chế hóa thành pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện các nghị quyết nói trên, các cấp ủy đảng đã quan tâm hơn đến việc lãnh đạo công tác dân vận ; củng cố tổ chức và tăng cường cán bộ, điều kiện, phương tiện cho Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động. Công tác dân vận của chính quyền ở nhiều nơi thực sự có chuyển biến. Nhiều chính sách, dự án về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm chăm lo đời sống cho dân được thực hiện có kết quả. Quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội được thể chế hóa đã từng bước được phát huy ; sự đổi mới từng bước hệ thống chính trị, việc tăng cường dân chủ hóa đời sống xã hội, nhất là việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần tích cực vào việc động viên nhân dân và cán bộ phấn khởi tham gia ngày càng đông đảo vào các sinh hoạt chính trị của đất nước, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Việc tập hợp nhân dân với những hình thức tổ chức đa dạng, đáp ứng yêu cầu,

Digitized by Google

nguyện vọng và thị hiếu của các tầng lớp nhân dân trong nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có bước phát triển mới.

Mặt trận và các tổ chức thành viên không ngừng được mở rộng về tổ chức và hoạt động thực tiễn với nội dung ngày càng phong phú và thiết thực, làm tăng thêm tính liên hiệp rộng rãi và tính quần chúng sâu sắc của tổ chức mình ; vị trí và vai trò của Mặt trận trong xã hội học được nâng cao, đã tập hợp, động viên, lôi cuốn được hàng chục triệu đồng bào ở trong và ngoài nước tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, nhất là Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*.

Có thể khẳng định, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức vì mục tiêu : giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã được mở rộng hơn với nội dung phong phú, sâu sắc hơn, hình thức đa dạng hơn. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội trước tình hình thế giới đầy biến động.

Cùng với những thành tựu, tiến bộ và chuyển biến nêu trên, nhiều vấn đề phức tạp mới đã và đang nảy sinh trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường. Đó là : xã hội, giai cấp, tầng lớp, nhóm dân cư đang trong quá trình phân hóa, điều mà trước đây chúng ta chưa từng thấy trong nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp. *Giai cấp công nhân*, giai cấp lãnh đạo cách mạng phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về ngành nghề với hơn hai phần ba đội ngũ hiện nay hoạt động trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nhiều công nhân đang gặp khó khăn về đời sống, một bộ phận không có việc làm. *Giai cấp nông dân* - lực lượng đông đảo nhất đang trong quá trình phân hóa nhanh chóng. Đời sống của đại bộ phận nông dân được cải thiện, song mặt khác tuyệt đại đa số người nghèo hiện nay lại là nông dân. *Đội ngũ trí thức* phát triển nhanh, ngày càng đông đảo về số lượng và đa dạng về ngành nghề, song đang thiếu nghiêm trọng những trí thức đầu đàn, nhất là những ngành mũi nhọn và đang có nhiều tâm trạng khác nhau. *Cán bộ, đảng viên, công chức* bên cạnh số đông sống bằng đồng lương rất khó khăn, đã có một số người bằng nhiều nguồn thu nhập khác nhau kể cả chính đáng lẫn không chính đáng, đã trở thành giàu có, sống xa dân. Với tác động của nền kinh tế nhiều thành phần, đã xuất hiện lớp doanh nghiệp tư nhân ngày càng đông đảo, có vai trò ngày càng lớn trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, đóng góp một tỷ trọng lớn và ổn định vào tổng thu nhập quốc dân, song hiện tượng buôn gian, bán lận, lậu thuế, trốn thuế ở một số người trong tầng lớp này cũng đang là vấn đề bức xúc cần được giải quyết.

Cùng với sự chuyển hóa của các giai cấp, các tầng lớp xã hội là sự chênh lệch ngày càng lớn về mức thu nhập và hưởng thụ giữa các vùng miền, giữa người đương chức với người về hưu ; sự đối xử thiếu bình đẳng giữa các thành phần kinh tế ; sự phân biệt giữa người trong Đảng và người ngoài Đảng xảy ra ở không ít nơi.

Tình hình đó đã làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc tuy đã được củng cố một bước song chưa bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới, những nguy cơ tiềm

Digitized by Google

ẩn. Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân tuy đã được chăm lo củng cố song bắt đầu xuất hiện những hiện tượng không thể xem thường.

Lòng tin của một bộ phận nhân dân vào Đảng, Nhà nước, vào chế độ có phần giảm sút vì đời sống của họ còn nhiều khó khăn. Họ bất bình trước những bất công xã hội, trước tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và ngày càng nghiêm trọng ; kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi bị buông lỏng ; đạo đức xã hội có lúc, có nơi xuống cấp ; tội phạm, tai nạn giao thông và tệ nạn xã hội gia tăng ; việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách không đến nơi đến chốn, nói không đi đôi với làm. Do mắc mưu của những thế lực thù địch, đã xuất hiện tư tưởng ly khai ở một số đồng bào dân tộc thiểu số. Một bộ phận chức sắc tôn giáo và đồng bào có đạo ở một số nơi chưa thật yên tâm trước thái độ đối xử của chính quyền cơ sở.

Hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước và trong công tác vận động nhân dân. Việc tập hợp nhân dân vào tổ chức còn nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Mâu thuẫn giữa một bộ phận nhân dân với chính quyền cơ sở, giữa nhân dân với nhau ở không ít nơi ngày càng tăng. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn không giảm, có lúc, có nơi rất gay gắt. Các thế lực thù địch đã triệt để khai thác những sơ hở và yếu kém trên, kích động gây bạo loạn và đang tìm mọi cách tạo thêm những điểm mất ổn định mới.

Vì sao có tình hình trên ? Giải đáp trúng nguyên nhân, Đảng ta nhất định sẽ tìm được những giải pháp khả thi để giải quyết tình hình.

Phải khẳng định rằng, có nhiều nhân tố dẫn đến tình hình yếu kém trên. Cả chủ quan lẫn khách quan có khuyết điểm thiếu sót của ta, song cũng có cả sự xúi giục, phá hoại của các thế lực thù địch. Trong phạm vi bài này, người viết tập trung phân tích những nhân tố chủ quan.

a) Công cuộc đổi mới, một cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để nhưng chưa có tiền lệ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, song trước tình hình đó, *Đảng ta có biểu hiện chủ quan và có phần đơn giản trong việc đánh giá tình hình khối đại đoàn kết toàn dân ;* chưa phân tích đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và tâm lý của tầng lớp nhân dân, chưa nghiên cứu những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, những yếu tố mới trong việc đoàn kết, tập hợp nhân dân nên trong một thời gian dài không có chủ trương đúng đắn, cụ thể, kịp thời để khắc phục những yếu kém trên và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tổ chức đảng, chính quyền nhiều nơi còn coi nhẹ công tác Dân vận - Mặt trận do nhận thức không đúng về vai trò của nhân dân và công tác dân vận trong công cuộc đổi mới, chưa chú ý đầy đủ đến mặt trái của cơ chế thị trường tác động tiêu cực đến khối đại đoàn kết.

b) Tổ chức, bộ máy và hoạt động của Nhà nước còn nhiều bất cập trước yêu cầu, nhiệm vụ. Công tác quản lý nhà nước vừa tập trung, quan liêu, hình thức, vừa có mặt bị buông

Digitized by Google

lỏng. Nhiều chính sách của Nhà nước chưa thể hiện đầy đủ đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đảng ; việc thực hiện còn nhiều yếu kém. Luật Đất đai còn nhiều sơ hở để một số kẻ lợi dụng làm giàu bất chính ; các chính sách liên quan đến đầu tư trong nước và nước ngoài chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động. Chính sách tôn giáo được đổi mới, được đa số đồng bào theo đạo đồng tình, hưởng ứng song do việc thực hiện ở một số nơi chưa tốt nên vẫn còn hiện tượng nghi kỵ, mặc cảm đối với những người có đạo, nhất là các chức sắc tôn giáo ; một số nơi đã can thiệp cả vào những hoạt động thuần túy tôn gáo, có nơi lại buông lỏng và thiếu sự phối hợp trong việc quản lý các hoạt động tôn giáo. Việc xây dựng và thực hiện các chính sách dân tộc chưa chú ý đến tính đặc thù của từng dân tộc, và mối quan hệ giữa các dân tộc ; chưa đầu tư nghiên cứu để đề ra những biện pháp nhằm giải quyết những mâu thuẫn mới nảy sinh khi đi vào kinh tế thị trường đối với đồng bào các dân tộc. Chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài tuy có nhiều tiến bộ, song vẫn chưa thể hiện rõ đó là chính sách đối với *"một bộ phận không thể tách rời của dân tộc Việt Nam"* như đã khẳng định trong Hiến pháp, nên chưa có sức hút mạnh đối với tiềm năng của đông đảo bà con, nhất là tiềm năng trí tuệ và công nghệ hiện đại. Chính sách tiền lương và phân phối thu nhập còn quá nhiều bất hợp lý và là một nguyên nhân quan trọng làm cho người lao động phải xoay xở, kiếm sống dẫn đến nhiều tiêu cực và tệ nạn xã hội. Sự nghiệp giáo dục, y tế đang đứng trước những thách thức của xu hướng thương mại hóa, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội, làm cho nhiều gia đình nông dân và người nghèo gặp khó khăn. Chưa thực hiện tốt việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, vẫn còn tình trạng vừa buông lỏng, vừa trì trệ. Các hội hiện có chưa được chăm lo củng cố ; một số hội được lập ra còn mang tính hình thức. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, chưa thật gắn với hoạt động kinh tế và đời sống hằng ngày của đoàn viên, hội viên. Nhiều tổ chức đoàn thể tuy là cấp cơ sở song không nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của dân, hoặc có nơi nắm được nhưng không bày tỏ chính kiến, phản ánh với Đảng và chính quyền, đề xuất biện pháp và cùng phối hợp giải quyết những vướng mắc của nhân dân.

c) Trong điều kiện Đảng cầm quyền, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất, sống thực dụng, chạy theo đồng tiền khi bước vào kinh tế thị trường, làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm, tình đồng chí, nghĩa đồng bào. Ý thức công dân, tinh thần chấp hành chính sách, pháp luật của một bộ phận nhân dân còn yếu kém. Đã xuất hiện những "Chí Phèo" thời hiện đại, không chấp hành chính sách, pháp luật, chống người thi hành công vụ. Tình trạng mất đoàn kết trong cấp ủy, trong bộ máy nhà nước ở một số nơi có xu hướng tăng. Tệ bè phái, cục bộ địa phương, cơ hội, buông lỏng tập trung dân chủ, thiếu gương mẫu tuy sau Đại hội IX có giảm nhiều, nhưng đã làm giảm sút sức chiến đấu của Đảng, làm ảnh hưởng đến vai trò hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân.

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỨC KHỎE

CAO THỊ SÍNH *

TRONG bài báo có tiêu đề : *Sức khỏe và thể dục,* viết sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (27-3-1947) và ngày này được Nhà nước ta chính thức lấy làm ngày truyền thống của ngành Thể dục - Thể thao Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên sự cần thiết của việc tập thể dục, rèn luyện sức khỏe và Người đưa ra một quan niệm có tính chuẩn mực về sức khỏe : "Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khỏe"(1). Như vậy, sức khỏe trong quan niệm của Hồ Chí Minh bao gồm sự lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Nội dung quan niệm về sức khỏe của Hồ Chí Minh hoàn toàn thống nhất với định nghĩa về sức khỏe của Tổ chức Y tế thế giới (World health organization - WHO) đưa ra sau 31 năm trong *Tuyên ngôn Alma Ata* (1978) : "Sức khỏe không chỉ là không bệnh tật, mà còn là trạng thái thoải mái về tâm hồn, về thể xác, về xã hội"(2).

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, quan niệm của Bác về sức khỏe vẫn còn nguyên giá trị và rất gần gũi với quan niệm của xã hội đương đại ; nó tồn tại lâu bền về phương diện lịch sử và khoa học không chỉ riêng với Việt Nam mà cho cả cộng đồng nhân loại. Tìm hiểu sâu thêm vấn đề này, chúng ta thấy quan niệm về sức khỏe của Hồ Chí Minh là một nhận thức đầy đủ và toàn diện, trong chiến lược về chăm sóc sức khỏe toàn dân. Và, chúng ta luôn luôn bám sát và thực hiện, làm cho tư tưởng của Người ngày càng thấm sâu vào đời sống xã hội.

Trước hết, *đó là sự thống nhất giữa hai yếu tố : thể chất và tinh thần*

Một người khỏe mạnh không chỉ có thân thể cường tráng mà tinh thần phải thoải mái, lành mạnh. Ngược lại, tinh thần có lành mạnh thì cơ thể mới khỏe khoắn và là điều kiện quan trọng nhất để con người phát triển trí tuệ. Cũng xuất phát từ quan niệm về sức khỏe như trên, trong *Thư gửi Hội nghị Quân y* tháng 3-1948, Hồ Chí Minh nêu ra cách chăm sóc người bệnh vừa khoa học, vừa có tính nhân văn, Người căn dặn : thầy thuốc chẳng những có nhiệm vụ cứu chữa bệnh tật mà còn phải nâng đỡ tinh thần những người ốm yếu. Quan điểm này được Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc lại và đã làm cho nó đi vào đời sống không chỉ trong giới y học, giới thể thao mà còn được chuyển biến một cách nhất quán đối với toàn xã hội. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng cho rằng sức khỏe của con người bao gồm thể chất,

* ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 212

(2) Báo *Thể thao Việt Nam,* ngày 1-1-2000

Digitized by Google

thần kinh và tinh thần. Ông nói : "Phải là con người khỏe mạnh, con người luôn luôn sẵn sàng. Sẵn sàng nghĩa là lúc nào cũng sung sức, cơ thể tốt, thần kinh tốt, tinh thần tốt. Sức khỏe là như vậy. Chúng ta phải hiểu sức khỏe đây là sức khỏe của cơ thể, sức khỏe của tinh thần"(3).

Hai là : Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm : *sức khỏe gắn liền với cuộc sống lao động, gắn với một nếp sống đẹp, có văn hóa*

Từ xưa, ông cha ta có câu : "Ăn được, ngủ được là tiên", coi đây là một tiêu chuẩn của sức khỏe con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan niệm về sức khỏe của con người là không chỉ dừng lại ở việc ăn, ngủ, sinh hoạt mà còn gắn với hoạt động. Vì vậy, sức khỏe - lao động - làm việc là những yếu tố thấm sâu vào cuộc sống hằng ngày của Người :

"Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe
Trần mà như thế kém gì tiên"(4)

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, sức khỏe gắn với một nếp sống đẹp, thanh đạm, yêu lao động, hòa nhập với con người và tự nhiên, hướng tới hoạt động thực tiễn lao động sản xuất. Vì vậy, quan niệm của Người về sức khỏe còn bao gồm các yếu tố : sinh hoạt vật chất vừa và đủ - *"tự cung thanh đạm"* ; trạng thái tinh thần thanh thản, sáng suốt - *"tinh thần sảng"* ; hướng tới lao động hữu ích - *"tố sự thung dung"* để hưởng sự sống lâu dài - *"nhật nguyệt trường"*. "Tự cung thanh đạm, tinh thần sảng", đây không chỉ là một phong cách sống "lão thực", một nếp sống đẹp của riêng Hồ Chí Minh mà còn là một triết lý sống đặt ra cho mọi người trong thời đại ngày nay.

Ba là, *sức khỏe cá nhân gắn liền với sức khỏe cộng đồng - quan điểm sức khỏe toàn dân, sức khỏe cộng đồng*

Từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã hết sức quan tâm đến sức khỏe của mỗi người dân, sức khỏe của toàn thể dân tộc. Người cho rằng : "Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân khỏe mạnh tức là cả nước mạnh khỏe... Dân cường thì quốc thịnh"(5). Như vậy, sức khỏe của cá nhân là một bộ phận của sức khỏe cộng đồng, mỗi người khỏe mạnh cả dân tộc sẽ khỏe mạnh. Ngược lại, khi cộng đồng khỏe mạnh, không bệnh tật thì mỗi người cũng khỏe mạnh, thoải mái, một khi quốc gia dân tộc phát triển thì đời sống của con người được nâng cao, tạo điều kiện để mỗi người dân được nâng cao sức khỏe. Bởi vì xã hội càng phát triển thì mỗi cá nhân tiếp nhận được ngày càng nhiều những giá trị vật chất và tinh thần do xã hội đó đáp ứng. Ở đây, Hồ Chí Minh đã đặt mối quan hệ giữa sức khỏe cá nhân với sức khỏe xã hội, sức khỏe cộng đồng trong tính thống nhất và biện chứng. Nhận thức sâu sắc về điều đó, cho nên từ các hội nghị cán bộ cao cấp đến các cuộc thăm hỏi, gặp gỡ và nói chuyện với nhân dân các địa phương, từ nông thôn đến thành thị, từ trường học đến đơn vị quân đội, từ đồng bào miền núi đến đồng bào miền xuôi, Hồ Chủ tịch thường xuyên nhắc nhở nhân dân : chăm nom sức khỏe mình, sức khỏe gia đình mình, sức khỏe cơ quan mình. Đối với Người, sức khỏe của mỗi cá nhân là một bộ phận không tách rời cộng đồng. Song, sức mạnh của cộng đồng lại góp phần tăng cường sức mạnh cho mỗi cá nhân. Người viết : "Tuổi tuy hơi già, nhưng vì nước ta trẻ, dân ta trẻ cho nên tinh thần và lực lượng tôi vẫn trẻ"(6).

Quan điểm sức khỏe toàn dân, sức khỏe cộng đồng của Hồ Chí Minh còn được coi là một nhiệm vụ của cách mạng, là một trong những yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự nghiệp "giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà,

---

(3) Ủy ban Thể dục Thể thao : *Xây dựng và phát triển nền thể dục thể thao Việt Nam dân tộc, khoa học và nhân văn,* Nxb Thể dục Thể thao, Hà Nội, 1995, tr 185

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 6, tr 55

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 4, tr 212

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd,* t 6, tr 213

Digitized by Google

gây đời sống mới". Đó cũng chính là sự thể hiện chủ nghĩa nhân văn cao cả trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nay, sức khỏe toàn dân là một mục tiêu có ý nghĩa chiến lược. Trí tuệ là tài sản quý nhất của mọi tài sản và chính sức khỏe là một tiền đề cần thiết để sản sinh tài sản đó. Theo Tổ chức Y tế thế giới, sức khỏe toàn dân là một trong những yếu tố cần thiết của mỗi cộng đồng văn minh và tượng trưng cho một trong những nguồn lợi quý giá nhất để tạo ra mọi nguồn lợi giàu có khác. Vì vậy, quan điểm trên của Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị trong hiện tại mà còn có giá trị cả ở tương lai.

Bốn là, *đề cao sức mạnh tinh thần, coi trọng sức mạnh ý chí*

Là một người rất thực tiễn và duy vật, nhưng Hồ Chí Minh đã đánh giá cao yếu tố tinh thần, ý chí. Hồ Chí Minh quan niệm về sức khỏe là sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố : thể chất và tinh thần, chúng là điểm tựa, bổ sung thúc đẩy lẫn nhau, nhưng trong nhiều trường hợp, Người lại hết sức chú trọng đến sự khai phóng, lành mạnh, phong phú của đời sống tinh thần ngay cả khi mà điều kiện và cuộc sống vật chất còn có những khó khăn. Tập thơ *Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù) đã thể hiện được sức mạnh tinh thần, sức mạnh ý chí của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh. Trên trang bìa tập thơ này là hình vẽ hai tay bị xiềng cùng bốn câu thơ, được Nam Trân dịch như sau :

"Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao"(7)

Trong khổ thơ trên, chúng ta thấy nổi lên một hoàn cảnh, một con người. Hoàn cảnh thì đen tối, nặng nề ; con người thì muốn thoát hoàn cảnh, vượt lên tình thế. Hồ Chí Minh nói lên một sự thật : chấp nhận một thực tại đọa đày của thân thể (thân thể ở trong lao) nhưng lại hoàn toàn chủ động về tinh thần (tinh thần ở ngoài lao). Ở đây, tác giả miêu tả hai không gian đối lập : trong lao và ngoài lao, quan hệ giữa nhà tù và người tù, quan hệ giữa thân thể và tinh thần trong bản thân người tù. Người tù về mặt thân xác bị cầm tù, đọa đày, nhưng không chịu giam hãm tinh thần, tự giải phóng tinh thần mình khỏi nhà tù. Tinh thần người tù vẫn tự do, không gì giam hãm được. Bởi lẽ, muốn làm nên sự nghiệp lớn phải có tinh thần lớn. Tinh thần lớn sẽ làm nên sự nghiệp lớn. Người chiến sĩ cộng sản trong gian lao, đọa đày thì "tinh thần càng phải cao" để chiến thắng kẻ thù, chiến thắng ngục tù.

Trong *Ngục trung nhật ký* hiện tượng "tinh thần tại ngục ngoại" còn được thể hiện ở nhiều bài thơ khác. Các nhà nghiên cứu văn học đã thống kê hai chữ "tự do" xuất hiện tới 13 lần trong tập thơ này, đó chính là "cuộc vượt ngục về tinh thần". Theo chúng tôi, chính sức mạnh của tinh thần, ý chí đã giúp Hồ Chí Minh vượt lên trên hoàn cảnh sống tù đày để trở về sự ung dung, tự tại, đầy lạc quan cách mạng : *"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ, Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"*(8).

Hồ Chí Minh luôn đề cao sức mạnh tinh thần, coi trọng sức mạnh ý chí - Bài thơ *Tứ cá nguyệt liễu* (Bốn tháng rồi). Trong bài thơ này, Hồ Chí Minh đã phản ánh cuộc sống của người tù, đó là cuộc sống không phải của loài người, là cuộc sống hoàn toàn đối lập với cuộc sống của con người, hủy diệt giá trị của con người : "Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt" (Sống khác loài người vừa bốn tháng). Hoàn cảnh sống đó là nguyên nhân làm cho thân thể người chiến sĩ cộng sản bị hủy hoại. Tính chất phi nhân của hoàn cảnh đã dẫn tới tính chất

(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 265
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 288

Digitized by Google

phi nhân của hình hài : răng rụng, tóc bạc, ghẻ lở, gầy đen như quỷ đói... Nhưng sức mạnh tinh thần, ý chí của người chiến sĩ cộng sản đã chiến thắng hoàn cảnh ấy :

"Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần"(9).

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, ý thức, tinh thần chịu sự quy định, quyết định của vật chất. Song, ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất. Ở đây, thông qua những trải nghiệm của chính mình, Hồ Chí Minh đã cho chúng ta thấy sự tác động tích cực của yếu tố tinh thần đối với điều kiện vật chất. Người đã thể hiện sức mạnh của tinh thần, ý chí trong điều kiện và cuộc sống vật chất còn khó khăn. Vì vậy, tư tưởng trên của Người không hề đối lập, mâu thuẫn với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Tóm lại, quan niệm Hồ Chí Minh về sức khỏe là sự kết hợp hài hòa giữa thể chất và tinh thần, sức khỏe cá nhân với sức khỏe cộng đồng, sức khỏe con người gắn với tự nhiên, với lao động, việc làm ; đề cao sức mạnh tinh thần, coi trọng sức mạnh ý chí để vươn tới những giá trị cao đẹp của nhân loại. Tư tưởng, quan niệm ấy vẫn nóng hổi giá trị hiện thực và điều quan trọng hơn là tấm gương luyện tập hằng ngày của Người để có sức lực cường tráng, có trí tuệ mẫn tiệp và dồi dào dâng hiến cho cách mạng sẽ mãi mãi là động lực lôi cuốn mỗi người chúng ta vươn lên để trở thành con người có sức khỏe. ❑

(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 388

VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT...

(Tiếp theo trang 12)

Cùng những sự việc nêu trên, không ít những vấn đề tồn đọng trong lịch sử chưa được làm rõ và giải quyết, cộng với nhiều vấn đề bất công mới phát sinh đã ảnh hưởng tiêu cực đến khối đại đoàn kết toàn dân.

Để phát huy được sức mạnh toàn dân tộc và đại đoàn kết dân tộc thực sự trở thành động lực chủ yếu để phát triển đất nước như Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra, với nhận thức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần căn dặn : Trong chế độ ta *dân là chủ, dân làm chủ ; cán bộ, đảng viên là công bộc, là đầy tớ trung thành của dân,* Hội nghị lần thứ bảy (phần II) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã tập trung trí tuệ phân tích nguyên nhân, xác định mặt được cũng như chưa được, đề ra mục tiêu, các quan điểm và giải pháp cụ thể cũng như những định hướng chính sách đối với từng giai cấp, tầng lớp, đối với các dân tộc thiểu số và tôn giáo.

Chúng ta tin tưởng rằng, một khi Nghị quyết quan trọng của Đảng được tổ chức nghiên cứu nghiêm túc, được thực hiện đến nơi, đến chốn thì mối quan hệ giữa Đảng với dân, Nhà nước với dân và dân với dân sẽ ngày càng mật thiết, khối đại đoàn kết của toàn dân tộc ngày càng bền chặt. Chúng ta nhất định thực hiện được điều mong muốn là : Trên dưới một lòng, trong ngoài một hướng, mọi người Việt Nam mang trong mình dòng máu con Lạc cháu Hồng, đồng tâm, hiệp lực đem hết nhiệt tình, trí tuệ, tiền của và tài năng thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

Digitized by Google

Định hướng giá trị TRONG GIÁO DỤC THANH NIÊN HIỆN NAY

TRƯƠNG GIANG LONG

ĐỊNH hướng giá trị và giáo dục giá trị cho thanh niên là một công việc rất cần thiết đối với vận mệnh và tương lai của đất nước. Chúng ta nhận thức rất rõ, đất nước đang ở vào một thời điểm mà thanh niên có vị trí đặc biệt quan trọng. Hơn bao giờ hết, đổi mới và chủ động hội nhập đang rất cần một thế hệ thanh niên tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng ; có trình độ hiểu biết cao, năng lực chuyên môn sâu, có thái độ cảm nhận và ứng xử quốc tế vững vàng, thông minh và sáng tạo và có khả năng tổng hợp kiến thức theo kịp với nhu cầu phát triển của thời đại. Để làm được điều đó, thanh niên rất cần có lý tưởng, có những định hướng giá trị sống lành mạnh, có một tâm thức luôn rộng mở, cầu thị, sẵn sàng học hỏi, sẵn sàng chịu trách nhiệm; biết sống vì lợi ích chung, vì mọi người.

Những tiêu chí về một lớp thanh niên như vậy, đang đặt chúng ta trước những thách thức rất nghiêm trọng của thời cuộc và của cả những cản trở tự thân trong chính quá trình phát triển.

Nếu chúng ta nhận thức, thanh niên là lực lượng chủ lực, là tương lai của đất nước, thì hiển nhiên, muốn làm suy yếu đất nước, trước hết kẻ thù cũng phải chọn thanh niên làm đối tượng.

Thực tiễn cuộc sống cho thấy, chủ nghĩa xã hội không tồn tại theo kiểu biệt lập, tự cấp, tự túc, đóng cửa như những thập niên 60 - 70 ; nhưng cũng không thể tồn tại trong điều kiện bị bao vây, phong tỏa cô lập, tách khỏi xu thế phát triển chung của nhân loại ; càng không thể rơi vào cạm bẫy "tự do hóa thị trường" và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là sự lựa chọn sáng tạo của Đảng trên con đường phát triển. Thành tựu của sự lựa chọn ấy đã đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tạo ra những tiền đề vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; tích tụ những điều kiện và khả năng mới cho một cuộc bứt phá mới của cả dân tộc trong thế kỷ XXI. Sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng về thực chất là công cuộc giải phóng năng lực sản xuất, tạo ra những tố chất mới kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất, đưa đất nước lên một tầm cao mới và nâng cao một bước đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân.

Từ nhận thức trên, trong giai đoạn phát triển hiện nay, định hướng giá trị của thanh

Digitized by Google

niên, rất cần phải được tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau :

Thứ nhất : Phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong các chương trình giáo dục và phong trào cách mạng, cần làm cho quan điểm trên thấm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động của thanh niên. Hiện nay, chủ nghĩa bá quyền, chủ nghĩa sen đầm quốc tế đang đẩy loài người tới bờ vực của các cuộc chiến tranh hủy diệt. Chúng hủy diệt không chỉ con người mà hủy diệt cả những chuẩn giá trị văn minh của mỗi dân tộc. Buộc tất cả các dân tộc phải tuân thủ, phải tôn thờ một trật tự - trật tự vâng lệnh và cúi đầu trước bạo lực của kẻ mạnh, bất chấp luân thường và các chuẩn mực luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh ấy, độc lập và tự do cho mỗi dân tộc là định hướng giá trị, là nền tảng và là tiêu chí cốt lõi nhất trong định hướng giá trị sống của thanh niên. Một dân tộc giàu lòng tự trọng là một dân tộc không qùy gối trước bạo lực, không đánh mất tổ quốc, không làm nô lệ. Chúng ta kịch liệt phản đối các hành vi khủng bố, nhưng không khó hiểu vì sao những thanh niên Pa-le-xtin, những con người mà tuổi đời còn rất trẻ, đường đời còn rất dài, nhưng đã dám chọn cái chết cảm tử làm lẽ sống. Chết vì sự nghiệp đấu tranh bảo vệ nền độc lập cho tổ quốc. Họ nhận thức rất rõ không có độc lập cho dân tộc, cũng sẽ không bao giờ, có tự do đúng nghĩa cho mỗi cá nhân. Phấn đấu cho độc lập dân tộc là sự phấn đấu vì một lý tưởng, một định hướng giá trị sống chân chính và cao đẹp nhất.

Thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay có một may mắn được các thế hệ cha ông trao cho một đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất và ngày càng có vị thế cao trên trường quốc tế. Một đất nước được giành lại bằng máu xương của nhiều thế hệ, có bề dày truyền thống yêu nước và đầy tinh thần lạc quan cách mạng. Trọng trách của thanh niên Việt Nam trước hết là phải gìn giữ và bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của tổ quốc. Thanh niên không khuất phục trước mọi uy lực và không sa ngã trước mọi cám dỗ. Thanh niên kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải là tiêu chuẩn trước tiên của những định hướng giá trị trong thanh niên.

Thứ hai : Toàn cầu hóa mang lại cho đất nước nhiều cơ hội để phát triển, nhưng cũng tác động cả những yếu tố làm suy thoái về đạo đức lối sống với nhiều người, nhất là thanh niên. Chưa bao giờ chúng ta phải đứng trước những áp lực về phân cực xã hội đang diễn ra sâu rộng như hiện nay. Tính tự điều chỉnh của nền kinh tế thị trường đã chứng tỏ những ưu việt nhất định của nó trong các thập niên vừa qua, nhưng đồng thời cũng đang bộc lộ hàng loạt những hạn chế không thể tự khắc phục. Cuộc cạnh tranh thôn tính lẫn nhau trong bản thân nền kinh tế thị trường và tính chất đối kháng loại bỏ quyết liệt giữa các tập đoàn tư bản tài phiệt đang làm cho sự phân hóa xã hội ngày càng gay gắt. Trong thầm lặng của cuộc chiến kinh tế ấy, người thắng cuộc là một nhóm các nhà tư sản. Chỉ với 358 tỉ phú hàng đầu mà Liên hợp quốc thống kê đã có thu nhập bằng gần 50% dân số thế giới. Nhờ có tiền và biết cách ứng dụng các thành tựu phát triển của khoa học vào cạnh tranh, sự phân cực xã hội sẽ còn

Digitized by Google

quyết liệt hơn nữa. Bần cùng hóa đại bộ phận dân số ở cả các nước tư bản và các nước nghèo, kinh tế kém phát triển đang là một thực tế. Tương lai của loài người sẽ đi về đâu, nhân loại sẽ đi về đâu nếu chủ nghĩa đế quốc và các tập đoàn tư bản tài phiệt tiếp tục nắm quyền điều khiển. Trong tương quan ấy của thời cuộc, thế hệ trẻ không thể là những người vô tình.

Ở Việt Nam, sự phân cực dưới tác động của kinh tế thị trường cũng đang xuất hiện. Một bộ phận nhân dân ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng căn cứ cách mạng cũ... đều đang có mức sống khá cách biệt so với miền xuôi và các vùng đô thị. Nếu không có một trái tim đa cảm và tấm lòng nhân hậu, người ta sẽ dửng dưng trước những thiếu thốn, còn nghèo khổ của một bộ phận nhân dân, sẽ lạnh lùng và thực dụng trong ứng xử và trong lối sống. Vì vậy, lý tưởng và định hướng giá trị sống của thanh niên ở giai đoạn nào của lịch sử cũng vẫn phải là lẽ sống thấm đượm sâu sắc tính nhân bản nhân văn, lẽ sống mang hồn cốt của dân tộc "nhiễu điều phủ lấy giá gương", "lá lành đùm lá rách". Trách nhiệm của xã hội là phải tạo những điều kiện và môi trường tốt để tuổi trẻ tôi luyện. Thông qua hoạt động thực tiễn của chính họ trong các phong trào cách mạng của quần chúng mà giáo dục lòng nhân ái. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, về nguồn, mùa hè xanh, thanh niên tình nguyện... là những nhân tố tốt cần phải được nhân rộng. Dù phát triển trong bất cứ hoàn cảnh nào, dân tộc Việt Nam cũng vẫn phải nuôi dạy con cháu theo nguyên tắc "giấy rách phải giữ lấy lề". Lối sống thực dụng, vụ lợi, cá nhân, ích kỷ, vô trách nhiệm... luôn luôn là những chuẩn giá trị xa lạ và đối lập với chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn cao cả của người Việt Nam. Tình dân tộc, nghĩa đồng bào là thước đo không chỉ ở trong suy nghĩ mà phải ở ngay trong các hành động hằng ngày của tuổi trẻ. Nó phải trở thành nguyên tắc sống bất di bất dịch trong định hướng giá trị của thanh niên.

Thứ ba : Nền kinh tế thị trường chứa đựng trong bản thân nó tính chất cạnh tranh và đối kháng gay gắt. Để có một sản phẩm thắng lợi trên thương trường, ngoài hàm lượng lao động trí tuệ kết tinh trong bản thân mỗi sản phẩm, yếu tố đạo đức cũng chiếm phần không nhỏ. Dù làm cho ai, ở đâu và bất cứ công việc gì, con người có hiểu biết, có tự trọng cũng đều biết lấy hiệu quả của hành động làm thước đo giá trị. Yêu lao động, lao động hết mình, tiết kiệm và có hiệu quả cao là một định hướng giá trị rất cần đối với thanh niên. Làm việc với ý thức trách nhiệm, tính năng động sáng tạo, và hiệu quả cao là chuẩn giá trị chung cho mọi thời đại và càng đòi hỏi đối với xã hội ta. Đối với nước ta trong điều kiện hiện nay, đó càng là một trong những tiêu chuẩn cốt lõi nhất của lối sống. Một lớp thanh niên mới sống giàu lòng tự trọng phải là lớp thanh niên luôn luôn làm việc với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Bàn đến tuổi trẻ Việt Nam nói riêng và người lao động Việt Nam nói chung, thì cho dù bất cứ ai, ở bất kỳ đâu cũng đều phải có cùng một cảm nhận : Đó là một dân tộc làm việc có uy tín và hiệu quả. Lao động và lao động hết mình chính là những tố chất, để mỗi khi nhận một đồng tiền lương, người lao động Việt Nam cũng đều có quyền tự hào rằng, đó là những đồng lương chính đáng làm nên bởi sức lao động của chính

Digitized by Google

bản thân mình, đã tạo ra những giá trị kinh tế - xã hội cho đất nước. Dòng chảy của những quan niệm sống như vậy có mạch ngầm từ triết lý sống từ cội nguồn của dân tộc - lối sống giầu lòng tự trọng. Trách nhiệm của tuổi trẻ là phải biết trân trọng gìn giữ và phát huy đến cao nhất những gì thuộc về di sản của cha ông.

Thứ tư: Giá trị sống đối với thanh niên hiện nay còn là phải biết vươn lên làm chủ tri thức và khoa học công nghệ hiện đại. Không làm chủ được tri thức và khoa học công nghệ hiện đại, tuổi trẻ sẽ tự đánh mất chính mình. Ngày nay khoa học và công nghệ đang phát triển rất nhanh. Với mũi nhọn là công nghệ thông tin, khoa học công nghệ đang tạo ra sự biến đổi lớn và nhanh chóng không những trong đời sống kinh tế kỹ thuật mà còn cả trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nhân văn, môi trường. Nó tạo điều kiện cho cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, chu trình luân chuyển vốn và thay đổi công nghệ, sản phẩm ngày càng rút ngắn, lợi thế của các quốc gia được khai thác có hiệu quả. Rõ ràng, khoa học đang trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển, đòi hỏi mỗi quốc gia cũng như từng doanh nghiệp phải rất nhanh nhạy để thích ứng và vươn lên làm chủ. Trình độ làm chủ khoa học công nghệ và làm chủ về sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quyết định sự phát triển của các dân tộc. Nhờ đó các nước đang phát triển có cơ hội thu hẹp khoảng cách, nhưng đồng thời cũng đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn và bị lệ thuộc, thậm chí sẽ trở thành nô lệ nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục được yếu kém. Làm chủ khoa học công nghệ vừa là đòi hỏi khách quan, vừa là ý chí và lòng tự trọng của mỗi dân tộc. Là một trong số những quốc gia chậm phát triển, Việt Nam không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải nhanh chóng ứng dụng và làm chủ khoa học và công nghệ. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, tuổi trẻ phải là lớp người đi tiên phong. Thiếu hiểu biết sẽ là "sợi dây xích" vô hình trói buộc họ vào thân phận của kẻ nô lệ. Bác Hồ đã từng chỉ dẫn, nỗi nhục mất nước, nỗi nhục đói nghèo và dốt nát là những nỗi nhục mà nhất định tuổi trẻ không thể cam chịu. Vươn lên chiếm lĩnh và làm chủ khoa học công nghệ chính là phương thức tốt nhất để tự làm chủ bản thân, làm chủ tương lai và góp phần làm chủ vận mệnh của dân tộc. Đó chính là một trong những định hướng giá trị cơ bản và quyết định đối với sự nghiệp của mỗi một con người. Bởi vì suy đến cùng, thước đo giá trị sống của con người là sự cống hiến, sự sáng tạo. Dù họ là ai, ở bất kỳ cương vị nào nhưng lao động bằng trí tuệ, bằng sự hiểu biết và sáng tạo cao, cống hiến cho xã hội nhiều, họ sẽ được xã hội tôn vinh. Trách nhiệm của các thế hệ đi trước là phải tạo cho được môi trường và điều kiện tốt nhất để tuổi trẻ nỗ lực học tập : "Học, học nữa, học mãi". Làm chủ trí tuệ, nguồn tài sản vô giá của nhân loại, chính là định hướng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thanh niên hiện nay.

Tóm lại, xét về tổng thể, định hướng giá trị sống là một lĩnh vực rất nhạy cảm. Dù có biến đổi theo những nhu cầu của mỗi giai đoạn lịch sử, nó vẫn có những tiêu chí có tính bền vững. Những tiêu chí ấy vừa là nền tảng vững chắc, đồng thời vừa là nhân tố động lực thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển của nhân cách và lý tưởng sống của mỗi người. ❑

Digitized by Google

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN của thanh niên và phong trào thanh niên

NGUYỄN VŨ CẦN

THEO dự báo, đến năm 2005, dân số trong độ tuổi thanh niên (từ 15 tuổi đến 34 tuổi) của nước ta sẽ hơn 31 triệu người, chiếm khoảng 38% dân số cả nước(1). Đây là lực lượng xã hội, là nguồn nội lực to lớn, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và là chủ nhân tương lai của đất nước. Từ ngàn xưa, thanh niên luôn đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò, vị trí của thanh niên, tầm quan trọng của công tác thanh niên lại càng được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm hơn bao giờ hết. Đảng ta đã khẳng định : *"Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không, phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên ; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng"*(2).

Bước vào thế kỷ mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 với mục tiêu tổng quát : *"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"*(3). Đảng ta chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, coi đại đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để thực hiện thành công mục tiêu trên. Trải qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, trong những thời điểm thử thách quyết liệt, Đảng ta luôn đặt vấn đề đoàn kết, tập hợp thanh niên; tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, giáo dục thanh niên thành một lực lượng hùng hậu, tiên phong là một trong những vấn đề trọng tâm của cách mạng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn

(1) Nguồn : *Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam 1999 - 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000, tr 47

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr 82

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 89 - 90

Digitized by Google

mạnh : "Đối với *thế hệ trẻ*, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp ; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"(4). Điều đó cho thấy, thanh niên đã trở thành một trong những vấn đề quan trọng trong chiến lược con người của Đảng và Nhà nước ta. "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, không thể tách rời những vấn đề của quốc gia, dân tộc và luôn gắn liền với chiến lược phát triển của đất nước. Như nhiều vấn đề khác, thanh niên và phong trào thanh niên cũng phát triển theo những xu hướng khách quan. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thanh niên nước ta ; tình hình công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên trong 16 năm đổi mới, chúng ta có thể nắm bắt được những xu hướng đó.

Thanh niên vẫn luôn luôn là lực lượng xã hội to lớn, có vai trò quyết định trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là nguồn lực quý giá và đầy tiềm năng của quốc gia. Dân số nước ta được xếp vào loại trẻ. Mặc dù đã đạt những kết quả tốt về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, nhưng trong vòng 10 năm tới, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và số lượng dân cư tăng thêm mỗi năm vẫn cao. Tỷ lệ tăng của lực lượng lao động nước ta trong vòng 15 năm tới vẫn không giảm, khoảng từ 2,3 - 2,5% năm, nhưng có xu hướng giảm dần và đi tới ổn định trong thập niên thứ 3.

Hiện nay, công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao ngày càng tỏ rõ ưu thế so với tài nguyên thiên nhiên, trong đó nguồn nhân lực giữ vị trí trung tâm. Con người và nguồn nhân lực đang trở thành yếu tố chủ đạo đối với tăng trưởng kinh tế và "... là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"(5). Lứa tuổi thanh, thiếu niên hôm nay, sẽ là lực lượng lao động cơ bản của đất nước, là lớp người sẽ tiếp tục tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp trong vòng 20 năm tới. Do đó, khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đầu tư phát triển nguồn nhân lực là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Nhận thức chính trị của thanh niên sẽ ngày càng được củng cố và nâng cao. Thanh niên Việt Nam ngày càng tin tưởng hơn vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, trung thành với dân tộc, với Tổ quốc. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ cha anh, thế hệ trẻ tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh... Được sự chăm lo giáo dục, rèn luyện của Đảng, của nhân dân, thanh niên nước ta có nhiều tiến bộ, trưởng thành về mọi mặt: bản lĩnh chính trị, lý tưởng, hoài bão, trình độ văn hóa, khoa học công nghệ, lối sống, thể lực... Các chính sách phát triển giáo dục, dạy nghề đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho thanh niên nâng cao học vấn và tay nghề. Các chính sách khuyến khích đầu tư, chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần là cơ hội cho những thanh niên có bản lĩnh và tài năng lập nghiệp, phát triển sản xuất, dịch vụ, làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và cho đất nước. Nhiều ngành nghề hiện đại xuất hiện cùng với sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức đã mở ra chân trời mới cho nhiều chuyên gia, trí thức trẻ

(4) *Văn kiện đd*, tr 126
(5) *Văn kiện đd* , tr 201

Digitized by Google

thể hiện tài năng. Sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp, xây dựng theo hướng hiện đại là môi trường thuận lợi, giúp hàng vạn thanh niên trở thành người lao động có chuyên môn, góp phần trí thức hóa giai cấp công nhân Việt Nam. Việc mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế đang tạo điều kiện cho thanh niên nước ta tiếp xúc ngày càng rộng rãi và trực tiếp với thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu thêm trí tuệ Việt Nam. Những tiềm năng to lớn của thanh niên sẽ được phát huy ngày càng cao, cống hiến xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tính tích cực chính trị - xã hội của thanh niên ngày càng rõ nét và phát triển. Điều đó thể hiện ở sự chủ động tích cực trên các mặt học tập, nâng cao trình độ nắm bắt khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới, ngoại ngữ, tin học; tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, lập thân, lập nghiệp. Tư tưởng ỷ lại, chờ đợi sẽ giảm mạnh, nhưng tư tưởng làm giàu, vì sự thành đạt của cá nhân mà coi nhẹ đạo lý, thuần phong, mỹ tục sẽ có nguy cơ nảy nở và phát triển.

Cùng với tiến trình đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường, dưới tác động mọi mặt của tình hình trong nước và ảnh hưởng của mở rộng giao lưu quốc tế, thanh niên nước ta sẽ có biến đổi sâu sắc về mọi mặt. Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp của thanh niên sẽ có thay đổi lớn so với hiện nay do tác động của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng lên ở khu vực công nghiệp, xây dựng, khu vực dịch vụ và giảm đi ở khu vực nông nghiệp. Địa vị kinh tế, vị trí xã hội của thanh niên tăng lên.

Trong quá trình phát triển của lớp trẻ hiện nay, tiếp tục có sự phân hóa mạnh trong nhận thức, trình độ học vấn, về mức thu nhập, biến đổi về định hướng giá trị, lối sống. Một bộ phận thanh niên tích cực sẽ vượt lên về mọi mặt, từng bước hình thành một lớp thanh niên ưu tú. Họ là những người tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam, có nhận thức và bản lĩnh chính trị vững vàng, có hoài bão lớn và ý chí cao để vươn lên, có ý thức dân tộc, có học vấn và trình độ. Nguồn nhân lực nước ta sẽ tiếp tục được bổ sung những người lao động lành nghề, những chuyên gia xuất sắc, những nhà kinh doanh giỏi, những nhà lãnh đạo, quản lý trẻ. Mặt khác, một bộ phận do những điều kiện khách quan và chủ quan vẫn gặp những khó khăn trên con đường lập thân, lập nghiệp; một bộ phận nhỏ, ít được giáo dục và tu dưỡng sẽ trở thành gánh nặng cho xã hội.

Những nét mới trong chân dung của lớp trẻ theo hướng khẳng định cá nhân và cá tính sẽ xuất hiện. Nhiều thanh niên lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu để đánh giá mọi việc, nhận thức được giá trị của sức lao động, biết quý trọng thời gian, tác phong hiện đại hơn, hội nhập nhanh hơn với tuổi trẻ trong khu vực và trên thế giới. Tuy vậy, việc không theo kịp phong cách lao động hiện đại, tác phong công nghiệp vẫn còn là hạn chế của thanh niên. Vì vậy, vấn đề tăng cường giáo dục tinh thần cộng đồng cho thanh niên cần tiếp tục được chú trọng giải quyết; trên tinh thần tôn trọng những đặc điểm tâm lý, lứa tuổi của thanh niên.

Do kết quả của việc nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của người dân, phát triển của hệ thống y tế ; sự quan tâm của xã hội và gia đình đối với việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em ngày càng được chú trọng ; quá trình đô thị hóa và sự dịch chuyển dân cư diễn ra ngày càng nhanh chóng nên thể lực nói chung và tầm vóc của thanh niên Việt Nam sẽ có cải thiện đáng kể so với hiện nay. Tuy vậy, khoảng cách chênh lệch giữa thanh niên đô thị và thanh

Digitized by Google

niên nông thôn vẫn tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu của lao động công nghiệp hiện đại.

Hệ thống các nhu cầu của thanh niên sẽ tiếp tục có biến đổi, phát triển đa dạng hơn, phong phú hơn và ngày càng cao hơn. Những vấn đề về việc làm, thu nhập; về học tập, nâng cao trình độ văn hóa, nghề nghiệp; về hoạt động văn hóa tinh thần, nghỉ ngơi, giải trí ; về giao tiếp, tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình... trong những năm tiếp theo vẫn là những nhu cầu chính đáng của thanh niên.

Kết quả việc thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước sẽ tạo nên những tiền đề thuận lợi để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của thanh niên. Tuy vậy, những nhu cầu lớn vẫn tồn tại và sẽ có những vấn đề trở nên gay gắt hơn. Các vấn đề về giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghề nghiệp ; về lao động và việc làm ; về nâng cao sức khỏe, thể lực cần được tập trung ưu tiên giải quyết.

Bạo lực, tội phạm, tệ nạn xã hội, lây nhiễm HIV/AIDS vẫn là những vấn đề nhức nhối, đang có chiều hướng gia tăng cả về số lượng, tính chất và quy mô, nhất là nạn nghiện hút, mại dâm, băng nhóm và tội phạm có tổ chức. Các hành vi bạo lực trong quan hệ xã hội, gây mất trật tự công cộng như đua xe máy, hô-li-gân bóng đá, cá độ trong thể thao... tuy đã bị dư luận lên án, các cơ quan bảo vệ pháp luật ngăn chặn, nhưng vẫn có nguy cơ bùng phát khi có điều kiện. Nhu cầu việc làm gắn với quá trình đô thị hóa kéo theo tốc độ tăng dân số cơ học sẽ làm nảy sinh vấn đề nhà ở và các vấn đề xã hội khác đối với thanh niên và gia đình trẻ tại các thành phố và trung tâm công nghiệp.

Trong mấy năm gần đây, số lượng học sinh phổ thông, học sinh trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và sinh viên đại học, cao đẳng đều tăng. Năm 2000, nền giáo dục nước ta đã hoàn thành phổ cập tiểu học trong cả nước. Đến tháng 3-2002 đã có 10 tỉnh, thành phố đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và đại học từng bước đổi mới theo hướng hiện đại. Số thanh niên du học nước ngoài dưới nhiều hình thức ngày càng tăng. Do đó, trình độ học vấn của thanh niên được nâng lên đáng kể. Mặt khác, sự phân hóa về học vấn, thu nhập, điều kiện hưởng thụ văn hóa và mức sống trong thanh niên cũng có xu hướng tăng.

Hiện nay, nước ta vẫn dư thừa lao động trẻ, nhất là lao động trẻ trong nông nghiệp. Sự dịch chuyển lao động trẻ từ nông thôn ra đô thị vẫn tiếp tục gia tăng. Cơ cấu lực lượng lao động trẻ vẫn còn mất cân đối. Lao động trẻ có trình độ kỹ thuật, nghề nghiệp cao vẫn còn thiếu. Nếu không có các biện pháp hữu hiệu sẽ vẫn tồn tại dòng di chuyển tự phát lực lượng lao động kỹ thuật cao, lao động chất xám từ khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể sang các khu vực kinh tế khác.

Phong trào thanh niên, những năm qua đã phát triển rộng trong các đối tượng, tầng lớp thanh niên, ở các vùng, miền, địa phương, các ngành, các cấp. Hai phong trào lớn *"Thanh niên lập nghiệp"* và *"Tuổi trẻ giữ nước"* được triển khai có hiệu quả với sự hưởng ứng và tham gia tự giác của đông đảo đoàn viên, thanh niên. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào *"Thanh niên tình nguyện"* là điểm nổi bật của hai phong trào lớn trên đây. *"Thanh niên tình nguyện"* đã đáp ứng nhu cầu, tình cảm và khẳng định bản chất xung kích cách mạng của đông đảo thanh niên mong muốn được cống hiến, rèn luyện và trưởng thành. Sự phát triển ngày càng sâu rộng của phong trào thanh niên do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt chứng tỏ tổ chức đoàn đã thoát ra khỏi sự lúng túng về nội dung và phương thức hoạt động trong giai đoạn chuyển đổi về cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, chứng tỏ sức sống của phong trào thanh niên nước ta. Sẽ không quá lạc quan khi cho rằng, xu hướng chung của phong trào thanh niên trong giai đoạn tới

Digitized by Google

sẽ tiếp tục phát triển hơn nữa cả về chiều rộng, chiều sâu. Phương thức xây dựng, phát triển phong trào sẽ ngày càng được đổi mới trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả của hai phong trào *"Thanh niên lập nghiệp"* và *"Tuổi trẻ giữ nước"*. Đồng thời, động lực tinh thần sẽ có vai trò ngày càng rõ nét hơn. Tính tình nguyện, tự giác của thanh niên được nâng cao hơn. Thi đua học tập, tiến quân vào khoa học công nghệ ; thi đua lập nghiệp, lao động sáng tạo; tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng; xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... sẽ là những nội dung chính của những phong trào thanh niên tình nguyện trong giai đoạn mới.

Tính năng động, tích cực xã hội của thanh niên tăng lên sẽ làm nảy nở nhiều sáng kiến, sẽ làm xuất hiện nhiều mô hình tốt từ cơ sở, đặc biệt ở những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển. Mặt khác, những yếu tố tự phát, thiếu hướng dẫn cũng có khả năng lan truyền nhanh chóng. Vì vậy, vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong phong trào thanh niên ngày càng quan trọng.

Sự giao lưu, hội nhập giữa phong trào thanh niên nước ta với phong trào thanh niên các nước trong khu vực và trên thế giới sẽ tăng lên. Nếu được định hướng đúng đắn và tổ chức tốt, thanh niên ta sẽ có cơ hội để tiếp thu những cái hay, cái tốt từ hoạt động phong trào thanh niên các nước và đóng góp nhiều hơn, phát huy ảnh hưởng của mình trong phong trào thanh niên khu vực và trên thế giới.

Cùng với sự phát triển của phong trào thanh niên và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, uy tín của đoàn, hội trong xã hội và đối với thanh niên được củng cố vững chắc hơn. Khả năng thu hút, tập hợp, đoàn kết thanh niên vào các phong trào, hoạt động và tổ chức đoàn, hội ngày càng lớn. Các hình thức tập hợp thanh niên sẽ đa dạng hơn, bên cạnh việc duy trì các "đội hình lớn", sẽ phát triển mạnh các dạng đội, nhóm nhỏ, các đội hình thanh niên tình nguyện. Số lượng đoàn viên, tỷ lệ đoàn viên so với tổng số thanh niên tiếp tục tăng sẽ hình thành một lớp cán bộ đoàn, hội trẻ, năng động, có năng lực, phẩm chất, gần gũi thanh niên. Các mô hình tổ chức cơ sở đoàn sẽ được cải tiến, hoàn chỉnh phù hợp với các loại hình cơ sở kinh tế, văn hóa, giáo dục... trong sự phát triển của đất nước. Chất lượng đoàn viên, chất lượng tổ chức cơ sở đoàn vẫn là vấn đề cần tập trung để củng cố, nâng cao, các hội đoàn tôn giáo vẫn tiếp tục phát triển và thu hút thanh niên. Vai trò và ảnh hưởng của các tổ chức thể thao với thanh niên và hoạt động thanh niên ngày càng nhiều.

Những hoạt động của các thế lực thù địch nhằm lôi kéo, chia rẽ thế hệ trẻ, phá hoại phong trào thanh niên nước ta, có biểu hiện gia tăng cả về quy mô, tính chất với những hành vi, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới hiện nay, đây là những thách thức lớn đối với bản lĩnh chính trị, hệ thống giá trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của thanh niên nước ta.

Thời kỳ phát triển mới của đất nước trao cho thế hệ trẻ nước ta sứ mệnh lịch sử rất vẻ vang là bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, không ngừng phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn cách mạng mới đòi hỏi mỗi đoàn viên, thanh niên cũng như toàn bộ thế hệ trẻ phải nỗ lực vượt bậc, nhanh chóng khắc phục những hạn chế, yếu kém, nhanh chóng trưởng thành ngang tầm thời đại, trở thành lớp người mới "vừa hồng, vừa chuyên", để thực hiện thắng lợi những trọng trách mà đất nước và dân tộc đã giao phó. ❑

Digitized by Google

Về hướng sửa đổi, bổ sung LUẬT HỢP TÁC XÃ

(Lược thuật Hội thảo Khoa học)

TẠI Hà Nội, đầu năm 2003 Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương đã tổ chức Hội thảo khoa học thực tiễn với chủ đề : *"Tình hình tổ chức thực hiện Luật Hợp tác xã, kiến nghị hướng sửa đổi, bổ sung Luật và chính sách phát triển hợp tác xã"* nhằm quán triệt sâu sắc thêm những quan điểm của Đảng về kinh tế tập thể, bước đầu đánh giá 5 năm thực hiện Luật HTX và thảo luận chuẩn bị cho việc sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản chính sách đối với HTX trong thời gian tới.

Tham gia Hội thảo có đông đảo các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo một số địa phương và HTX tiêu biểu cho các ngành, lĩnh vực kinh tế, Liên minh HTX Việt Nam. Các đại biểu tham dự Hội thảo đã bước đầu làm rõ một số vấn đề chính sau :

Quá trình thực hiện Luật Hợp tác xã

- HTX đã ra đời từ rất sớm ở nước ta, sau đó phong trào HTX phát triển mạnh mẽ, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Nhưng trong thời kỳ đó vẫn chưa có Luật HTX. Sau khi Luật được ban hành (năm 1996), Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 68, Chính phủ ban hành 9 nghị định hướng dẫn, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành đều đã có các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về phát triển kinh tế hợp tác và HTX. Có thể nói chưa bao giờ HTX có nhiều văn bản pháp quy và chỉ đạo thực tiễn như mấy năm vừa qua. Gần đây nhất, tại Kỳ họp thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã ra Nghị quyết số 13 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Trong 5 năm thực hiện, Luật HTX đã đưa lại những kết quả khả quan bước đầu, song cũng nảy sinh một số vấn đề cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để hoàn thiện luật pháp. Có ý kiến so sánh, sau khi có Luật Doanh nghiệp (năm 1998) thì Luật HTX trở nên lạc hậu, không phù hợp với thực tiễn, vì mọi người đều có quyền tự do kinh doanh, mà đã kinh doanh trong kinh tế thị trường thì đều vì mục tiêu lợi nhuận. HTX là một tổ chức kinh tế, nên cũng phải tuân thủ nguyên tắc lợi nhuận. Nhưng nếu nhìn thẳng vào hoàn cảnh cụ thể của đất nước, chúng ta vẫn còn khoảng 80% dân số sinh sống ở nông thôn và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, thu nhập không cao, trình độ văn hóa thấp, tỷ lệ hộ đói nghèo còn lớn, điều kiện cơ sở hạ tầng thấp kém... Số người biết làm ăn, có vốn, dám chịu rủi ro để đứng ra lập doanh nghiệp còn quá ít, số hộ cần sự hợp tác, hỗ trợ nhau để cùng tồn tại và phát triển trong

Digitized by Google

cơ chế thị trường lại chiếm đa số. Trong điều kiện đó yêu cầu họ đứng ra thành lập doanh nghiệp để kinh doanh là không thực tế.

- HTX là một tổ chức vừa hoạt động kinh tế, vừa có chức năng tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Đây là một hình thức hoạt động phù hợp với người nghèo, người yếu về thế lực kinh tế. Họ cùng hợp tác giúp nhau để tồn tại, phát triển trong cạnh tranh thị trường. Trong nền kinh tế thị trường doanh nghiệp và HTX đều có vai trò của nó. Doanh nghiệp và HTX không thể thay thế được nhau dù nền kinh tế đang ở trình độ nào. Tại các quốc gia phát triển nhất hiện nay, HTX vẫn phát triển mạnh mẽ, như ở Mỹ, Nhật Bản, Anh, Đức... Phải thừa nhận rằng, HTX có khả năng làm được những điều mà doanh nghiệp không thể làm được, đó là đề cao lợi ích cộng đồng, tương trợ giúp đỡ nhau, dân chủ và bình đẳng. Tất nhiên, không thể đề cao quá mức tính chất xã hội của HTX, biến HTX thành một tổ chức từ thiện, nhân đạo thì cũng không đúng, bởi vì trong nền kinh tế thị trường HTX phải tính đến hiệu quả và tính thiết thực của nó. Tinh thần của Luật HTX cũng đã nêu rõ *giúp nhau là để thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...* Nếu chỉ vì hình thức, vì phong trào mà không có hiệu quả và thiết thực thì không thể tồn tại trong cơ chế thị trường, không có trường hợp ngoại lệ cho HTX. Sự sàng lọc của thị trường là khách quan, vì vậy chuyện ra đời hay giải thể một hay một số HTX đều nên coi là chuyện thường tình.

- HTX là tổ chức do dân tự lập ra theo quy định của pháp luật với nguyên tắc quan trọng nhất là tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi. Xã viên thấy lợi thì tham gia, không thì tự nguyện xin rút. Đây là một cách sinh hoạt dân chủ và bình đẳng góp phần làm cho HTX hoạt động có hiệu quả và thiết thực. Và đây cũng là điểm khác nhau căn bản nhất so với các doanh nghiệp chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp.

Vì sao Luật Hợp tác xã chậm đi vào cuộc sống ?

Sau khi Quốc hội thông qua Luật HTX, nhiều chuyên gia nước ngoài đánh giá rất cao những tư tưởng tiến bộ trong Luật HTX của Việt Nam. Trong thời điểm lịch sử lúc đó, Luật HTX cũng đã tỏ ra tiên tiến về phương diện cải cách hành chính. Việc triển khai thực hiện Luật HTX liên quan đến gần chục triệu hộ dân cư, nhất là ở nông thôn, vốn đã gắn bó với mô hình HTX kiểu cũ. Vì vậy không thể ngay lập tức xóa bỏ các HTX cũ để nhanh chóng lập các HTX kiểu mới. Chúng ta phải chấp nhận một quá trình chuyển biến, chuyển đổi từng bước mới có thể tạo lập được các HTX kiểu mới thực sự.

Phân tích những câu hỏi vì sao có Luật rồi mà HTX vẫn phát triển chậm ? Tại sao Luật chậm đi vào cuộc sống ? Các ý kiến tại Hội thảo cho rằng, có 4 lý do chính sau :

- Ấn tượng quá nặng nề về HTX cũ còn tồn tại trong tiềm thức của người dân, nhất là nông dân, về cơ chế quản lý hành chính tập trung quan liêu (tập thể hóa triệt để các tư liệu sản xuất, phân phối bình quân...). Thực hiện đường lối đổi mới, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế khác ra đời và phát triển mạnh mẽ, hộ nông dân (vốn là xã viên) nay trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, trước tình hình đó, tuyệt đại đa số các HTX đều tỏ ra rất lúng túng, nhất là HTX nông nghiệp và tập đoàn sản xuất phía Nam. Nhiều nơi HTX tan rã từng mảng lớn. Thêm vào đó, cán bộ quản lý HTX lại yếu cả về trình độ quản lý và nhận thức tư tưởng. Cho nên hầu như không dám giải thể HTX cũ để tổ chức các HTX kiểu mới

Digitized by Google

mặc dầu chúng không hoạt động và xã viên không ủng hộ.

- Công tác tuyên truyền, giải thích, giáo dục các nội dung mới về chính sách, luật pháp đối với HTX rất yếu kém. Do vậy, các chỉ thị, nghị quyết, văn bản pháp quy đã được ban hành, nhưng rất chậm vào cuộc sống. Dân chưa thấu hiểu các nội dung của chính sách, luật pháp mới, trong khi hình ảnh của mô hình HTX cũ vẫn còn in đậm, mặt khác một bộ phận lớn cán bộ quản lý HTX các cấp cũng chưa nắm chắc luật pháp, nên khó tuyên truyền, giáo dục, giải thích cho nhân dân thực hiện Luật HTX.

- Các cấp, các ngành tuy có ban hành không ít văn bản hướng dẫn, song nội dung vẫn còn chung chung, chưa thật cụ thể, thậm chí chồng chéo nhau hoặc có những vấn đề không được hướng dẫn. Ví dụ, việc giảm và xóa nợ cho các HTX nông nghiệp đã có chủ trương (Chỉ thị 68 của Ban Bí thư và Nghị định 16/CP của Chính phủ), song không được các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể, vì vậy đến nay chủ trương này mới được triển khai thực hiện; vấn đề quản lý nhà nước đối với HTX đã có Nghị định số 02/CP, nhưng vẫn chưa có hướng dẫn thực hiện... Tóm lại, có thể nói, do sự yếu kém trong tổ chức thực hiện, và những hạn chế khác như văn bản thiếu cụ thể, chồng chéo, chưa sát thực tế nên Luật HTX chậm đi vào cuộc sống.

- Mặt khác, bản thân HTX cũng có nhiều mặt yếu kém. Bên cạnh sự nặng nề của tư duy cũ, thì trình độ đội ngũ cán bộ quản lý HTX cũng không đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, bộc lộ nhiều lúng túng trước cơ chế mới. Xã viên với nhiều lý do cũng "đeo bám" HTX cũ. Đa số HTX, nhất là HTX nông nghiệp nợ nần "dây dưa" nhiều... không rõ hướng xử lý.

Tuy nhiên, phải thừa nhận, bắt đầu từ năm 1997 cả nước đã chặn đứng được đà suy giảm và tan rã của HTX. Một bộ phận HTX (các HTX khá, có đội ngũ cán bộ giỏi) thích ứng với cơ chế mới đã trụ vững và tiếp tục phát triển, nhiều HTX mới ra đời. Theo thống kê ban đầu, đến nay cả nước đã có 10 311 HTX có mặt ở hầu hết các ngành kinh tế - xã hội, trong đó số HTX cũ chuyển đổi là 7 652 HTX và số mới thành lập theo Luật HTX là 2 659. Số HTX sản xuất, kinh doanh có hiệu quả (có lãi) đang tăng dần lên. Phân tích, đánh giá về những thành tựu đã đạt được trong 5 năm thực hiện Luật HTX, Hội thảo cho rằng, về tổng thể trong thời gian tới phải triển khai tổng kết một cách thật cặn kẽ, có cơ sở khoa học và thực tiễn 5 năm thực hiện Luật HTX để làm rõ những mặt thực sự đã đạt được trong phát triển kinh tế tập thể (tránh lối đánh giá chạy theo thành tích, thiếu khách quan, không sát thực tế của cấp dưới) ; đánh giá những mặt đúng trong Luật nhưng chưa đi vào cuộc sống, nguyên nhân vì sao, vật cản là gì, giải pháp nào để tháo gỡ ; những điểm quy định nào của Luật không có tính khả thi, bất hợp lý cần sửa đổi hoặc bỏ ; những điểm nào đã được đúc kết từ thực tiễn, thấy phù hợp, mà Luật chưa quy định, thì kiến nghị bổ sung ; cần giảm thiểu các văn bản hướng dẫn dưới luật để tránh chồng chéo, gây khó khăn cho cơ sở trong triển khai thực hiện.

Một số kiến nghị rút ra từ Hội thảo.

Sau nhiều ý kiến tranh luận, Hội thảo đã kiến nghị như sau :

1. Luật HTX nên sửa đổi theo hướng mở rộng các đối tượng tham gia HTX, tạo thuận lợi cho đông đảo người lao động có nhu cầu, có lợi ích chung, có ý tưởng hợp tác, tuân thủ các nguyên tắc HTX đều có thể tham gia HTX. Các pháp nhân phải cử người đại diện

Digitized by Google

tham gia HTX. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định : "Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt". Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa IX cũng đã chỉ rõ : "... liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn... Thành viên kinh tế tập thể bao gồm cả thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và người nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ"(1).

2. Để đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của HTX, có tính đến các nguyên tắc của Liên minh HTX quốc tế, kiến nghị giữ nguyên 5 nguyên tắc đã ghi trong Luật HTX hiện hành. Riêng nguyên tắc thứ 4 : chia lãi đảm bảo kết hợp các lợi ích... nên bỏ phần chia theo công sức đóng góp của xã viên, vì phần lớn các HTX đã xử lý việc này bằng tiền công, tiền thưởng hoặc "hoa hồng" cho từng việc. Cần khuyến khích việc chia lãi theo mức độ sử dụng dịch vụ của HTX để tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa xã viên với HTX. Chuyển nội dung quyền và nghĩa vụ của HTX và xã viên ở Khoản 10, Điều 9 và Khoản 3, Điều 24 để bổ sung nguyên tắc thứ 6 : giáo dục, đào tạo, thông tin để tương xứng với tầm quan trọng của công tác này, đồng thời phù hợp với các nguyên tắc của Liên minh HTX Quốc tế, phát huy sức mạnh cộng đồng, tạo điều kiện cho việc mở rộng tuyên truyền giáo dục những giá trị tinh thần, đạo đức của tổ chức HTX.

3. Luật nên quy định rộng rãi hơn quyền lựa chọn ngành nghề kinh doanh theo hướng "HTX có quyền kinh doanh những ngành nghề và lĩnh vực mà pháp luật không cấm". Quy định như vậy sẽ đảm bảo "mặt bằng" chung với các khu vực kinh tế khác. Về quyền vay vốn ngân hàng việc sửa đổi nên tập trung xem xét lại quy định, cơ chế và hướng dẫn thực thi, mở rộng cho vay theo dự án, không mở rộng cho vay tín chấp để đảm bảo khả năng thanh toán và hoạt động có hiệu quả cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước sớm ban hành văn bản hướng dẫn các HTX về vay vốn ngân hàng. Bổ sung quyền "được cung cấp các thông tin kinh tế", quyền "được thuê đất dài hạn để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh". Đây là những quyền chính đáng mà các HTX phải được hưởng để đảm bảo công bằng với các thành phần kinh tế khác.

4. Về quyền "Hưởng lãi theo vốn góp, công sức đóng góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã" nên sửa đổi theo hướng : *Thứ nhất,* tách thành từng nội dung cho cụ thể và chi tiết ; *Thứ hai,* nên quy định hưởng lãi theo vốn góp là đương nhiên ; ngoài ra, xã viên có thể hưởng lãi theo mức sử dụng dịch vụ của HTX (đối với xã viên giá rẻ hơn các đối tượng khác). Về quy định nghĩa vụ góp vốn, đề nghị Luật quy định góp vốn là nghĩa vụ, vì vậy bắt buộc khi tham gia HTX xã viên phải góp vốn, nhưng tùy theo nhu cầu của HTX. Tuy nhiên, để đảm bảo tính "xã hội" của HTX, đối với các đối tượng là người nghèo việc góp vốn nên quy định làm nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định tùy theo điều lệ của HTX. Điểm này cần hướng dẫn kỹ để đảm bảo thực hiện có hiệu quả kinh tế - xã hội. Luật nên quy định các HTX phải thực hiện góp vốn cổ phần trách nhiệm chi tiết hơn. Ví dụ, cần quy định rõ hơn về việc xử lý (rút hay không rút)

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 23-7-2002

Digitized by Google

vốn cổ phần trách nhiệm của những người góp thuộc nhiệm kỳ này nếu không được bầu vào ban quản trị trong nhiệm kỳ tới. Luật và các văn bản dưới luật nên quy định người góp vốn cổ phần trách nhiệm được hưởng các quyền lợi như hưởng lãi cổ phần theo vốn góp nhưng quy định rõ quyền bầu cử thì bình đẳng như các xã viên khác.

5. Bổ sung thêm quyền thuê và chọn chủ nhiệm cho ban quản trị và quy định về tiêu chuẩn của các thành viên ban quản trị là phải có bằng cấp, có trình độ chuyên môn, năng lực điều hành, lãnh đạo và kinh nghiệm. Xem xét việc quy định nhiệm kỳ của các thành viên ban quản trị là 5 năm hoặc tương ứng với nhiệm kỳ của tổ chức đảng, chính quyền tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành và quan hệ của HTX với chính quyền địa phương.

6. Nên xem xét các quy định về quyền và trách nhiệm của ban kiểm soát theo hướng : a - Quy định các tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của kiểm soát trưởng và kiểm soát viên để đảm bảo các quyền và trách nhiệm được thực hiện có hiệu quả và thực tế; việc quy định các quyền và trách nhiệm hiện hành không có tính khả thi, phần lớn các thành viên ban kiểm soát không thể thực hiện hoặc thực hiện rất hình thức vì thiếu năng lực và do đó không có thực quyền ; b - Nên quy định quyền và trách nhiệm trong một số công việc cho rõ ràng và khả thi hơn.

7. Không nên ban hành Điều lệ mẫu cho từng ngành như hiện nay mà chỉ nên ban hành văn bản "hướng dẫn xây dựng Điều lệ HTX" để các HTX căn cứ vào điều kiện cụ thể, đặc điểm, tình hình của từng HTX tiến hành xây dựng điều lệ HTX. Về xác nhận điều lệ HTX : Tại Khoản 3, Điều 14 của Luật HTX không phù hợp với nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX, có thể còn tạo ra tâm lý ỷ lại, xây dựng điều lệ chung chung, không sát thực tế, hạn chế tác dụng điều chỉnh các hoạt động của HTX (vì nếu đưa vào điều lệ HTX những vấn đề cụ thể sẽ không phù hợp với các quy định của pháp luật), thậm chí có thể gây tình trạng lợi dụng sơ hở trong việc xác nhận điều lệ HTX. Việc xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ sao cho phù hợp với các quy định của pháp luật là quyền và trách nhiệm của HTX.

8. Về tính chất của Liên minh HTX Việt Nam, theo đề nghị của đa số các HTX và cán bộ địa phương, Luật HTX sửa đổi nên xác định Liên minh HTX Việt Nam là tổ chức kinh tế - xã hội (trong Luật HTX hiện hành là tổ chức phi chính phủ). Cần làm rõ thêm tổ chức liên minh do ai lập ra và cơ cấu của tổ chức này nên như thế nào cho phù hợp với thực tiễn. Hiện nay, tổ chức liên minh HTX do Nhà nước lập ra và hưởng lương từ Ngân sách nhà nước, khác với quy định của Luật HTX hiện hành ("các HTX, Liên hiệp HTX được tự nguyện cùng nhau thành lập Liên minh HTX..."). Trong vòng 5 năm tới Liên minh HTX vẫn chưa thể hoàn toàn là tổ chức tự nguyện và "tự lập" của các HTX theo đúng nghĩa được vì nhiều lý do. Bởi vậy, Nhà nước vẫn còn phải tiếp tục giúp đỡ, hỗ trợ liên minh cả về cán bộ và tài chính cho các hoạt động của liên minh (nếu chúng ta muốn rút ngắn thời gian, bỏ qua con đường tuần tự...). Kinh nghiệm một số nước cho thấy, việc làm này là cần thiết (nhất là ở các nước đang phát triển), nhưng để nâng cao tính tự lập và trách nhiệm của các HTX, đề nghị cần quy định rõ sự hỗ trợ của Nhà nước đối với tổ chức liên minh ngay trong Luật HTX để có căn cứ thực hiện. Tránh tình trạng thực hiện tùy tiện và lợi dụng cơ chế "xin cho" như hiện nay. ❑

PV

(Thực hiện)

Digitized by Google

LÀO CAI
TRÊN ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

GIÀNG SEO PHỬ *

LÀO Cai có cửa khẩu quốc gia và quốc tế, có thị xã nằm ngay sát đường biên giới trên ngã ba sông Hồng và sông Nậm Thi. Lào Cai có hệ thống đường bộ, đường sắt và đường thủy ; lại ở vị thế cầu nối giữa Việt Nam với tỉnh Vân Nam và cả vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc. Lào Cai có nhiều tiểu vùng khí hậu, vùng sinh thái phong phú đa dạng. Rừng Lào Cai có độ tán che phủ trên 36%, với hệ sinh thái tự nhiên rất phong phú, có trên 2000 loài thực vật, 442 loài chim, đặc biệt là có các loại dược liệu rất quý như : thảo quả, tam thất, nấm linh chi, nhân sâm ; ngoài ra, còn nhiều loài thú, bò sát quý hiếm khác... Lào Cai có hơn 30 loại khoáng sản, trên 130 điểm mỏ đã được xác định và rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp và phát triển nông, lâm nghiệp. Những năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai đã và đang tập trung trí lực để khai thác mọi tiềm năng của mình phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đã có lúc Lào Cai ở vào một tình thế rất khó khăn, nhất là những năm 90 của thế kỷ trước. Khi đó, cơ sở hạ tầng bị xuống cấp nghiêm trọng ; 87% số xã, phường, thị trấn không có điện ; 12 vạn người thiếu nước sinh hoạt, nhiều nơi thiếu nước sản xuất, đất canh tác ; hơn 30% số xã chưa có đường ô-tô đến trung tâm ; chỉ có 4,7% xã, phường được phủ sóng phát thanh, truyền hình ; trình độ dân trí thấp, còn 17 vạn người mù chữ. Kinh tế mang nặng tính tự nhiên, tự cung, tự cấp ; tỷ lệ đói nghèo chiếm 54% (tiêu chí cũ). Một số nơi phong tục tập quán nặng nề, lạc hậu cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Được sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành trung ương và các tỉnh trong cả nước cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, Lào Cai đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, tận dụng tiềm năng lợi thế vững bước đi lên giành được thắng lợi khá toàn diện, tạo ra những biến đổi sâu sắc trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Lào Cai đang từng ngày, từng giờ thay da, đổi thịt, trở thành nơi "đất lành, chim đậu". Sự thay đổi ấy đối với những ai năm bảy năm về trước đến Lào Cai, nay có dịp trở lại không khỏi ngỡ ngàng. Ngay cả người dân ở những nơi vùng sâu, vùng xa

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai

Digitized by Google

trong tỉnh cũng dễ dàng cảm nhận được qua cuộc sống sinh hoạt về vật chất cũng như tinh thần diễn ra thường ngày. Bình quân nhịp độ tăng trưởng GDP hằng năm đạt trên 8%. Cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng khai thác lợi thế của tỉnh nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từ thị xã đến vùng sâu, vùng xa đang được cải thiện, năm 2001 giảm 3,7% số hộ đói, nghèo, năm 2002 giảm 6,58%. Nhịp độ tăng trưởng năm 2001 là 8,5%, năm 2002 là 10,3%. Các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm đều đạt và vượt mức cao so với kế hoạch, có những mục tiêu đến nay đã đạt kế hoạch của năm 2005. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng cơ bản và dịch vụ. Đặc biệt, cùng với tăng trưởng và phát triển kinh tế, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị được đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động và ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Do có sự chuyển dịch cơ cấu và *sự đầu tư đúng mức trong nông nghiệp* nên diện tích, năng xuất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi đều tăng đáng kể. Năm 2001, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 167 nghìn tấn, năm 2002 đạt 177 nghìn tấn, cao nhất từ trước đến nay. Lào Cai cơ bản tự giải quyết được lương thực. Đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung cả vùng thấp và vùng cao như : vùng chè Than Uyên ; vùng mía Bảo Yên ; vùng lúa Than Uyên, Văn Bàn ; vùng ngô, vùng mận Bắc Hà, thảo quả Bát Sát...

So với những năm trước, *công nghiệp Lào Cai đã có bước phát triển đáng kể*, nhiều cơ sở mới được xây dựng đã phát huy hiệu quả như : Công ty khoáng sản, xí nghiệp liên doanh đồng, công ty xi-măng... Một số sản phẩm công nghiệp có mặt trên thị trường trong và ngoài nước đã được khách hàng chú ý như : tinh quặng đồng, xi-măng và quặng kim loại khác. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2002 đạt 365 tỉ đồng, tăng 15,5% so với năm 2001.

Cơ sở hạ tầng được xây dựng, củng cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thị xã Lào Cai từ trong hoang tàn, đổ nát của những năm trước đây, đến nay được xây dựng khang trang xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị và thương mại của tỉnh. Trước yêu cầu bức xúc của sự phát triển, tỉnh đang xúc tiến chuẩn bị các điều kiện xây dựng một thành phố Lào Cai trong tương lai. Mới đây, Lào Cai khởi công xây dựng khu thương mại Kim Thành (thuộc thị xã Lào Cai) rộng trên 300 héc-ta, đối diện với khu kinh tế Thương Thành của Hà Khẩu, Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc và Trung tâm Thương mại cửa khẩu quốc tế với diện tích sàn trên 22 000 m². Đây là điều kiện thuận lợi để những năm tới Lào Cai không những chỉ nổi tiếng trong nước và thế giới về du lịch hấp dẫn như : Sa Pa, Bắc Hà, thị xã Lào Cai..., mà còn là trung tâm thương mại lớn của khu vực Tây Bắc Tổ quốc ; hơn nữa, Lào Cai còn là cầu nối giữa Việt Nam và vùng Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc. Cùng với việc xây dựng thị xã, các công trình khác như : "điện, đường, trường, trạm" cũng được tập trung đầu tư, nâng cấp. Tuyến đường du lịch Lào Cai - Sa Pa được nâng cấp mở rộng đang gấp rút hoàn thành phục vụ kỷ niệm 100 năm du lịch Sa Pa vào mùa Thu năm 2003. Đến nay đã có 176/180 xã,

Digitized by Google

phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã, những xã còn lại sẽ được giải quyết trong năm 2003 ; các huyện, thị đều có điện lưới quốc gia, trong đó có trên 70 xã có điện lưới và điện thoại. Toàn tỉnh có gần 60 điểm bưu điện văn hóa xã.

Với lợi thế có cửa khẩu quốc tế và nhiều cửa khẩu tiểu ngạch giáp với tỉnh Vân Nam và các tỉnh kế cận của Trung Quốc, là thị trường khổng lồ với trên 300 triệu dân, có thế mạnh về công nghiệp chế tạo máy và luyện kim màu..., tháng 5-1998, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Lào Cai áp dụng thí điểm một số chính sách ưu đãi về hoạt động khu kinh tế cửa khẩu. Kể từ đó đến nay, *khu kinh tế cửa khẩu đã từng bước phát huy tác dụng,* góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Lào Cai năm 2001 đạt 162 triệu USD, tăng 37% so với năm 2000, năm 2002 đạt 184 triệu USD, tăng 8,7% so với năm 2001. Số thu ngân sách qua khu vực này đạt 180 tỉ đồng, tăng 4 lần so với năm 1999. Có hơn 325 000 lượt khách du lịch đến Lào Cai, trong đó khách quốc tế là 190 000 lượt, doanh thu từ du lịch đạt trên 70 tỉ đồng, tăng 17,3% so với năm 2001. Với tiềm năng, lợi thế cùng với những chính sách linh hoạt, thông thoáng của Lào Cai, nhất là từ sau Hội nghị "Lào Cai - cầu nối với thị trường Tây Nam Trung Quốc - cơ hội đầu tư và phát triển" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - tỉnh Lào Cai đồng tổ chức hồi tháng 10-2002 thì số doanh nhân tìm đến Lào Cai tìm cơ hội đầu tư tăng lên rõ rệt. Nguồn vốn ODA đầu tư vào Lào Cai đến nay đạt trên 500 tỉ đồng, có 13 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư 30 triệu USD.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng được quan tâm và có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh - truyền hình đạt gần 70%. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường năm học 2002 - 2003 đạt 96,7%. Hiện nay tất cả các xã, phường, thị trấn đều đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, củng cố, chấm dứt tình trạng xã không có trạm y tế.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ tỉnh Lào Cai *còn chăm lo xây dựng hệ thống chính trị,* trong đó công tác xây dựng Đảng luôn được xác định là nhiệm vụ then chốt. Đảng bộ thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Công tác đào tạo cán bộ thu được nhiều kết quả. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2, Đảng bộ tiếp tục có bước chuyển biến đáng kể, những vụ việc tiêu cực, nổi cộm nhanh chóng được giải quyết dứt điểm. Đa số cán bộ, đảng viên luôn chăm lo giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết các dân tộc và đoàn kết nội bộ. Các cấp ủy Đảng đã có nhiều đổi mới trong phong cách lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành. Với tư tưởng chỉ đạo hướng về cơ sở, tăng cường sức mạnh của cơ sở, Tỉnh ủy Lào Cai đang từng bước triển khai việc luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã. Riêng đợt 1 năm 2002 đã có 196 cán bộ của tỉnh, huyện có trình độ, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức tốt được tăng cường về 87 xã đặc biệt khó khăn. Công tác đánh giá, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản

Digitized by Google

lý được thực hiện dân chủ, đúng quy trình có tác dụng củng cố khối đoàn kết nội bộ, thúc đẩy cán bộ phấn đấu, rèn luyện vươn lên, tạo sự tin tưởng, phấn khởi trong đội ngũ cán bộ, viên chức và nhân dân.

\+

\+ \+

Có được kết quả trên, trước hết là do có sự giúp đỡ có hiệu quả của Trung ương Đảng, Chính phủ, của các bộ, ban, ngành trung ương và sự động viên, giúp đỡ của các tỉnh, thành phố trong cả nước. Bên cạnh đó, Đảng bộ Lào Cai có sự đoàn kết, thống nhất cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là cấp tỉnh năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nghị quyết của Đảng ; biết phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực thông qua việc xây dựng cơ chế chính sách thông thoáng tạo cơ sở ban đầu có sức hấp dẫn đầu tư trong nước và ngoài nước. Chọn đúng những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm để dồn sức thực hiện tạo bước đột phá cho những năm tiếp theo. Thường xuyên gần dân, sát cơ sở, nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh nhằm ổn định chính trị. Thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở theo phương châm : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh, đảm bảo ngang tầm với nhiệm vụ hiện nay. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, phát triển đảng viên, trong đó chú trọng tới đối tượng là người dân tộc thiểu số, là nữ ở những nơi vùng sâu, vùng xa.Thực hiện tốt chính sách cán bộ, chú trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài để có đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi của tỉnh trong thời gian qua, cũng như những năm tiếp theo.

Để tiếp tục sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm tạo đà và chờ đón sự đầu tư cho tương lai, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đang cố gắng phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo thực hiện tốt một số mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau : Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng cơ bản và thương mại - dịch vụ. Đến năm 2005 đạt cơ cấu kinh tế : Nông - lâm nghiệp chiếm 41% ; công nghiệp - xây dựng cơ bản 25% ; thương mại - dịch vụ 34%. Lĩnh vực xã hội được quan tâm phát triển. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố hệ thống chính trị ; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng an ninh, quốc phòng vững chắc. Trước hết, phải tập trung phát triển nông nghiệp - nông thôn và ổn định đời sống nhân dân, phấn đấu đến năm 2005 số hộ đói nghèo chỉ còn dưới 15%... Đặc biệt triển khai thực hiện tốt việc xây dựng thị xã Lào Cai theo đề án, đảm bảo đúng quy hoạch, tiến độ và những vấn đề có liên quan để trong những năm tới thị xã Lào Cai đủ điều kiện đề nghị trung ương nâng cấp thành thành phố Lào Cai. Lào Cai thực hiện thắng lợi 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề cùng với các công trình trọng điểm.

(Xem tiếp trang 39)

Digitized by Google

Chủ động và năng động BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC*

Phóng viên : *Thưa đồng chí, Bình Dương là một trong những tỉnh có các khu công nghiệp tập trung lớn và rất năng động, xin đồng chí vui lòng giới thiệu đôi nét về các khu công nghiệp của tỉnh ?*

Đồng chí Nguyễn Minh Đức : Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong vùng kinh tế động lực phía Nam, được tái lập từ tỉnh Sông Bé và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1-1-1997. Từ một tỉnh có bước khởi đầu rất thấp, nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và thủ công nghiệp, ngay từ thời kỳ những năm 90 (khi còn là tỉnh Sông Bé), lãnh đạo tỉnh đã có chủ trương quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp tập trung và đã tiến hành quy hoạch 15 khu công nghiệp với diện tích 6 200 héc-ta. Sau khi chia tách tỉnh Sông Bé thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, quy hoạch của tỉnh Bình Dương là 13 khu công nghiệp với diện tích 6 000 héc-ta. Đến nay, Bình Dương đã được Chính phủ phê duyệt thành lập 9 khu công nghiệp với diện tích gần 1 800 héc-ta (gồm các khu công nghiệp : Sóng Thần I, Sóng Thần II, Bình Đường, Việt Hương, Đồng An, Tân Đông Hiệp A, Tân Đông Hiệp B, Mỹ Phước và Việt Nam - Xin-ga-po). Các khu công nghiệp của Bình Dương tập trung chủ yếu ở các huyện phía Nam tỉnh, giáp Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai ; có vị trí địa lý và đất đai rất thuận lợi cho việc hình thành, xây dựng các khu công nghiệp tập trung. Trong xây dựng các khu công nghiệp có nhà máy xử lý nước thải. Các Công ty xây dựng hạ tầng khu công nghiệp rất quan tâm xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình để tạo sức hấp dẫn cho các nhà đầu tư theo hình thức cuốn chiếu, để từng bước hoàn thiện các hạng mục công trình theo thiết kế được phê duyệt như : đường giao thông, cấp thoát nước, điện, cây xanh... Tỉnh đã xây dựng cảng khô trong khu công nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất nhập hàng hóa. Hiện nay, các trục đường chính trong nội bộ các khu công nghiệp đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Đặc biệt tỉnh đã đầu tư nâng cấp các trục đường giao thông chính nối liền các khu công nghiệp với các đầu mối giao thông của vùng kinh tế trọng điểm tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại được thuận lợi.

Qua 7 năm hình thành và phát triển, các khu công nghiệp đã lấp kín khoảng 70% diện tích đất công nghiệp cho thuê (không tính các khu công nghiệp 65,6% số dự án), bước đầu đã có đóng góp cho ngân sách trên 9,5 triệu USD/năm (riêng 9 tháng năm 2002 nộp ngân sách đạt 14,6 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu chiếm 38,3% trong tổng

* Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương

Digitized by Google

kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh). Đến nay, các khu công nghiệp Bình Dương đã thu hút trên 66 800 lao động của trong và ngoài tỉnh làm việc tại các doanh nghiệp, trong đó lao động Bình Dương chiếm khoảng 16,9%, còn lại đa phần là lao động của các tỉnh phía Bắc và các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Ngoài ra, các khu công nghiệp còn gián tiếp tạo việc làm cho hàng ngàn lao động trong các ngành dịch vụ cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp như : công nhân xây dựng, vận tải và dịch vụ công cộng. Thu nhập bình quân của lao động trong các khu công nghiệp đạt từ 700 000 - 850 000 đồng/người/tháng.

Quá trình nỗ lực phấn đấu, tập trung đầu tư xây dựng các khu công nghiệp đã tạo ra bước ngoặt tác động đến sự phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh. Và Bình Dương hiện nay là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng kinh tế và phát triển công nghiệp. Thời kỳ 1997-2001, bình quân hằng năm tổng sản phẩm trong tỉnh tăng 14% ; đặc biệt giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm khoảng 30%. Cơ cấu kinh tế năm 1995 là, công nghiệp : 25,52%, dịch vụ : 24,48% và nông nghiệp : 50% ; chỉ trong vòng 7 năm xây dựng và phát triển, nền kinh tế của tỉnh đã chuyển dịch thành một tỉnh công nghiệp với cơ cấu kinh tế tương ứng : 59,3%, 25,5% và 15,2% (năm 2001) ; tổng thu ngân sách tăng dần qua các năm, bước đầu đã có tích lũy và đóng góp cho ngân sách nhà nước. Sự hình thành các khu công nghiệp đã thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tại chỗ như lao động, tài nguyên ; đồng thời, tạo điều kiện cho việc quản lý môi trường và giảm được chi phí. Mô hình phát triển khu công nghiệp tuy còn rất mới mẻ nhưng đã có tác động rất tích cực đến phát triển kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước nói chung và của tỉnh Bình Dương nói riêng.

Hoạt động của các khu công nghiệp ở Bình Dương đạt được kết quả trên, trước hết là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, toàn diện của Đảng và những chủ trương, chính sách chỉ đạo kịp thời trong từng giai đoạn và tình hình cụ thể. Đó cũng là sự vận dụng các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện đặc điểm của tỉnh ; Đảng bộ và chính quyền thống nhất cao và nhất quán trong quan điểm, đường lối chỉ đạo, từ đó tạo được sự đồng tình ủng hộ của quân, toàn dân, các cấp các ngành trong tỉnh thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra.

Phóng viên : *Theo đồng chí đâu là bài học mà đồng chí tâm đắc nhất rút ra từ thực tiễn lãnh đạo và quản lý các khu công nghiệp tập trung của địa phương thời gian qua ?*

Đồng chí Nguyễn Minh Đức : Với những kết quả đã đạt được trong mô hình kinh tế khu công nghiệp ở Bình Dương, chúng tôi xin nêu ra một số bài học chủ yếu như sau ;

- Trong công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, Bình Dương thực hiện chính sách đa dạng hóa các thành phần kinh tế, với phương châm "nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng". Từ đó đã thu hút được nguồn vốn đầu tư mạnh mẽ (kể cả nguồn vốn của kinh tế tư nhân) trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển khu công nghiệp. Khi định hướng quy hoạch xây dựng và phát triển khu công nghiệp, tỉnh

Digitized by Google

đã phân tích tất cả các yếu tố thuận lợi và khó khăn để từ đó đề ra các giải pháp cho phù hợp từ việc chọn địa điểm, chọn mô hình, chọn phương án...

- Trên lĩnh vực thu hút đầu tư, tỉnh nhất quán thực hiện khẩu hiệu "Trải chiếu hoa để mời gọi các nhà đầu tư, trải thảm đỏ để mời gọi trí thức". Để thực hiện được khẩu hiệu trên, lãnh đạo tỉnh đã có các giải pháp tích cực nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vào tỉnh. Trong công tác kêu gọi thu hút đầu tư, vấn đề cải tiến thủ tục hành chính rất quan trọng, chúng ta không chỉ cải tiến thủ tục hành chính bằng biện pháp hành chính, mà phải đổi mới tư duy hành chính và xây dựng "Cái tâm" phục vụ của từng cán bộ đảng viên trong các cơ quan hành chính mới tạo được sự thông thoáng thực sự đối với các nhà đầu tư. Chúng ta phải xem sự thành công của các nhà đầu tư là sự thành công của chúng ta và ngược lại. Không có biện pháp tiếp thị đầu tư nào hữu hiệu hơn chính những nhà đầu tư hiện có tiếp thị kêu gọi đầu tư cho chúng ta. Những điều kiện thông thoáng và thuận lợi đến với những nhà đầu tư hiện có là một kênh quan trọng để thu hút thêm những nhà đầu tư mới.

- Khi xây dựng khu công nghiệp, tỉnh luôn tính đến vấn đề ổn định dân cư. Song song với việc thành lập khu công nghiệp phải dành quỹ đất thích hợp để xây dựng khu dân cư nhằm tái định cư cho nhân dân trong khu vực bị giải tỏa, có những chính sách thỏa đáng cho nhân dân và ưu tiên giải quyết lao động, việc làm để nhân dân ổn định cuộc sống. Hiện nay, Bình Dương đã hình thành được 7 khu tái định cư, người dân ở khu tái định cư đã có cuộc sống ổn định và tăng nguồn thu nhập bằng các loại hình dịch vụ của khu công nghiệp. Bên cạnh đó, tỉnh luôn quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp trong công tác đền bù, giải tỏa để nhanh chóng có mặt bằng triển khai thi công. Trung tâm dịch vụ việc làm khu công nghiệp phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh cung cấp lao động cho doanh nghiệp và đào tạo nghề cho công nhân.

Những vấn đề nêu trên chính là những giải pháp mà Bình Dương đã áp dụng trong thời gian qua trong công tác xây dựng phát triển khu công nghiệp và kêu gọi thu hút đầu tư. Theo chúng tôi, một vấn đề có tính chung nhất đó là, nơi nào có vị trí thuận lợi, có chính sách thông thoáng, cán bộ tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ các nhà đầu tư, tất yếu ở đó sẽ đạt được kết quả.

Phóng viên : *Ở góc độ nhà lãnh đạo quản lý, để phát triển năng động hơn nữa các khu công nghiệp tập trung phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bình Dương cần phải làm gì ?*

Đồng chí Nguyễn Minh Đức : Để các khu công nghiệp của tỉnh phát triển năng động hơn nữa phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bình Dương cần thực hiện tốt một số vấn đề sau :

- Phối hợp với các chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tăng cường công tác tiếp thị, kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước, trên cơ sở thực hiện nghiêm túc cơ chế "một cửa, tại chỗ" trong quá trình đầu tư vào khu công nghiệp. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục cho doanh nghiệp.

- Nhanh chóng xây dựng hoàn chỉnh các công trình hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp, tập trung đầu tư nâng cấp các trục đường của tỉnh nối với các đầu mối

Digitized by Google

giao thông của vùng kinh tế trọng điểm. Đẩy mạnh triển khai xây dựng nhà ở cho công nhân. Khuyến khích các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia xây dựng nhà ở cho công nhân. Quan tâm hơn nữa đến vấn đề xử lý môi trường một cách đồng bộ (xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải khu công nghiệp, khai thác tài nguyên...) vì nếu không làm tốt vấn đề này ngay từ đầu sẽ dẫn tới hậu quả khó lường, sau này xử lý rất tốn kém nhưng chưa chắc đã khắc phục được hậu quả.

- Tăng cường chất lượng phục vụ và sự phối hợp của các cơ quan chức năng như : Hải quan, Cục thuế, Điện lực, Bưu điện, Ngân hàng, Công an, Lao động, Công đoàn... để bảo đảm cung cấp đầy đủ và thuận lợi các dịch vụ trong các khu công nghiệp, giữ gìn an ninh trật tự, đồng thời hướng dẫn và giải quyết kịp thời những kiến nghị và vướng mắc phát sinh của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần chuyển dịch cơ cấu lao động cho phù hợp với nhu cầu về lao động của các ngành nghề. Cần chú ý bố trí lực lượng lao động ở nông thôn cho hợp lý và chuyển dịch một bộ phận lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Để đáp ứng nhu cầu lao động hiện nay, Bình Dương cần quan tâm đến vấn đề đào tạo lao động có tay nghề cao.

Hoạt động của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đạt được một số kết quả, song bên cạnh đó vẫn còn không ít khó khăn, nhất là : vấn đề quản lý hoạt động các khu công nghiệp và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Hiện nay, vấn đề quản lý sau giấy phép gặp rất nhiều khó khăn do thiếu những chế tài cụ thể cũng như các điều luật cần chi tiết hơn.

Để Bình Dương tiếp tục phát triển mạnh mẽ, chúng tôi xin kiến nghị với Đảng và Chính phủ một số vấn đề sau :

+ Để Bình Dương và các địa phương trong vùng kinh tế động lực phía Nam giữ được vai trò đầu tàu kinh tế của đất nước, Trung ương cần thực hiện cơ chế phân cấp và có những chính sách "đặc thù" cho các địa phương này (phân cấp mạnh hơn, đầy đủ hơn thẩm quyền giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, điều chỉnh tỷ lệ điều tiết ngân sách về Trung ương để tạo cho địa phương có điều kiện thực hiện tốt các mục tiêu phát triển trong một thời gian nhất định) ; ưu tiên đầu tư mạng lưới cơ sở hạ tầng đồng bộ cho vùng về : giao thông đường bộ, đường sắt, mạng lưới cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc... Cần có sự tổ chức, chỉ huy, chỉ đạo thống nhất chung của Chính phủ, các bộ, ngành trong việc liên kết giữa các địa phương trong vùng kinh tế động lực về : phân công từng ngành nghề trong từng địa phương theo lợi thế so sánh để tạo điều kiện phát triển cân đối hài hòa trong vùng ; phối hợp đào tạo nguồn nhân lực, cung ứng nguyên liệu và dịch vụ, bảo vệ môi trường, giải quyết các tệ nạn xã hội. Mặt khác, phải rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng thể để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng, của các địa phương trong vùng nhằm có hướng đầu tư phát triển năng lực sản xuất mới, tránh hiện tượng đầu tư tràn lan, chồng chéo, manh mún mang đến sự lãng phí và kém hiệu quả.

+ Tiếp tục nghiên cứu để đồng bộ hóa các bộ luật, tránh sự chồng chéo giữa luật này với bộ luật khác, nhất là Luật Đất đai, vì

Digitized by Google

hiện nay công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn.

+ Cần có cơ chế chính thức khuyến khích ưu đãi các dự án đầu tư vào khu công nghiệp để hạn chế việc đầu tư các nhà máy nằm ngoài khu công nghiệp xen lẫn với khu dân cư, vì như vậy sẽ phá vỡ quy hoạch và gây nhiều khó khăn cho việc xử lý môi trường cũng như việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của Nhà nước và địa phương sau này.

+ Vấn đề nhà ở của công nhân, người có thu nhập thấp hiện nay đang trở thành một gánh nặng cho địa phương, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình an ninh trật tự xã hội. Đảng và Nhà nước sớm có chính sách ưu đãi cụ thể để tạo điều kiện cho địa phương thực hiện việc xây dựng nhà ở cho công nhân, nhất là số lao động nhập cư tăng nhanh ở những địa bàn có khu công nghiệp ; cần có cơ chế chính sách tạo điều kiện cho việc quản lý đô thị, trật tự trị an trong các khu công nghiệp được thuận lợi (tăng thêm định biên công an cho các xã, thị trấn có khu công nghiệp).

+ Nhu cầu lao động kỹ thuật cao đang là một vấn đề đặt ra hiện nay, gây nhiều khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu sản xuất của các nhà đầu tư. Nhu cầu lao động hằng năm của tỉnh khoảng 20 - 25 ngàn lao động, nhưng khả năng cung cấp chỉ đáp ứng khoảng 8 - 10 ngàn lao động. Chính phủ cần có sự quan tâm hơn nữa, mở thêm các trường dạy nghề, đồng thời có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư dạy nghề để cung cấp lao động có kỹ thuật theo yêu cầu ngành nghề sản xuất của nhà đầu tư, tăng thêm sức thu hút đầu tư cho các địa phương.

Phóng viên : *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí !* ❑

LÀO CAI...

(Tiếp theo trang 34)

Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đề ra nhiều giải pháp khai thác các nguồn thu trên địa bàn, ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa - xã hội, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ du lịch. Có chính sách thu hút cán bộ đến làm việc tại Lào Cai, nhất là các chuyên gia đầu đàn về các ngành kinh tế trọng yếu của tỉnh. Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ với nhiều hình thức, nhiều ngành nghề mà tỉnh đang có nhu cầu.Tỉnh tập trung các nguồn lực đầu tư cho các công trình trọng điểm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội ; khắc phục tình trạng đầu tư tràn lan, dàn trải kém hiệu quả ; đồng thời, tăng cường quản lý tránh thất thoát, lãng phí...

Tuy tiềm năng dồi dào và kinh tế - xã hội có bước phát triển như vậy, song đến nay Lào Cai vẫn là một trong những tỉnh nghèo trong cả nước, có 138 xã/180 xã, phường, thị trấn thuộc diện đặc biệt khó khăn. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai hiểu rằng phát triển Lào Cai không chỉ vì Lào Cai mà vì cả nước, Lào Cai là của cả nước. Lào Cai cố gắng hết sức mình, góp phần cùng cả nước đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự nghiệp phát triển của Lào Cai bên cạnh việc phát huy nội lực, rất cần sự quan tâm, giúp đỡ ủng hộ của Đảng, Nhà nước, của các bộ, ban, ngành trung ương cũng như của các tỉnh, thành phố trong cả nước. Lào Cai với tiềm năng, thế mạnh và những chính sách thông thoáng, đang là cơ hội cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến làm ăn. ❑

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM : Định hướng và giải pháp phát triển

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN*

NHỮNG nghiên cứu về lý luận cũng như thực tiễn hoạt động của thị trường chứng khoán (TTCK) ở các nước trên thế giới đã chứng minh rằng : trong nền kinh tế thị trường, TTCK là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của thị trường tài chính. Cùng với thị trường tín dụng ngân hàng, thị trường tiền tệ,... sự phát triển và hoàn thiện của TTCK sẽ góp phần tạo nên một thị trường tài chính hoàn chỉnh để phục vụ đắc lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước.

Sự ra đời (ngày 20-7-2000) và chính thức đi vào hoạt động (ngày 28-7-2000) của TTCK tập trung đầu tiên ở Việt Nam - Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá là một trong mười sự kiện lớn nhất ở Việt Nam trong năm 2000. Đây là sự kiện ghi nhận bước phát triển quan trọng, khẳng định tư duy kinh tế mới, chủ trương mới và phù hợp của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình đổi mới kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Những thành công bước đầu

Sau hơn hai năm hoạt động, TTCK Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Đó là :

- Thiết lập mô hình TTCK thích hợp với điều kiện, trình độ phát triển của nền kinh tế nước ta, tạo tiền đề cho việc huy động vốn trung và dài hạn, thúc đẩy tiến trình đổi mới quản lý doanh nghiệp.

- Xây dựng một hệ thống văn bản pháp quy bảo đảm cho quá trình vận hành và quản lý TTCK thông suốt, an toàn, công bằng, công khai.

- Các chủ thể tham gia TTCK đã quản lý và nắm bắt kịp thời các thông tin về các chứng khoán niêm yết, thông tin thị trường, thực hiện đầy đủ quy chế, quy tắc, quy trình niêm yết, giao dịch và kinh doanh chứng khoán, lưu ký và thanh toán, công bố thông tin, giám sát và thanh tra trên TTCK.

Dù còn nhiều thăng trầm, nhưng TTCK Việt Nam đang có xu hướng phát triển, ngày một ổn định và dần mang tính chuyên nghiệp. Điều này được thực tiễn chứng minh rõ nét :

- Đối với thị trường cổ phiếu, lúc ban đầu chỉ có 4 loại cổ phiếu với tổng giá trị vốn cổ phần là 302,08 tỉ đồng, đến nay số lượng cổ phiếu được phép niêm yết và giao dịch trên thị trường đã lên tới 21 loại cổ phiếu, với tổng số vốn cổ phần là 999,633 tỉ đồng, gấp hơn 3 lần giá trị cổ phiếu niêm yết ban đầu.

- Đối với thị trường trái phiếu, cho dù chưa được giao dịch mạnh, nhưng giá trị trái phiếu

* TS, Giảng viên Trường Đại học Thương mại Hà Nội

Digitized by Google

đã phát hành và niêm yết tăng rất nhanh. Ban đầu chỉ có 2 loại trái phiếu chính phủ với tổng giá trị niêm yết là 600 tỉ đồng, đến nay các nhà đầu tư đã có thể tiếp cận với 40 loại trái phiếu chính phủ với tổng giá trị hơn 4126,638 tỉ đồng và 2 loại trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng giá trị là 157,7 tỉ đồng.

Sự quan tâm của công chúng đến loại hình đầu tư chứng khoán ngày càng đông đảo. Tính đến 31-12-2002, đã có gần 13 000 tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại các công ty chứng khoán (trong đó có 91 nhà đầu tư có tổ chức và 33 nhà đầu tư nước ngoài), tăng gấp 5,4 lần so với thời điểm tháng 8-2000.

Nếu như giá chứng khoán trong suốt thời gian dài (từ khi mở cửa thị trường) chịu ảnh hưởng nặng nề của yếu tố tâm lý nên chỉ biến động theo một chiều hướng : hoặc tất cả các cổ phiếu đều tăng giá hoặc đều giảm giá.(mặc dù tình hình kinh doanh, tài chính của các công ty niêm yết được đánh giá là ổn định hoặc phát triển) thì gần đây giá cổ phiếu đã biến động theo nhiều chiều hướng khác nhau. Ngay trong cùng một phiên giao dịch, có loại cổ phiếu tăng giá, có loại cổ phiếu đứng giá, có loại cổ phiếu giảm giá. Có được sự thay đổi này là do những hiểu biết về đầu tư chứng khoán của công chúng từng bước được nâng cao. Nhà đầu tư đã quan tâm hơn tới các loại thông tin về thị trường, về môi trường kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến ngành nghề kinh doanh, về tình hình kinh doanh, tài chính của công ty cổ phần, v.v..

Qua hơn hai năm cọ sát với thương trường, trình độ của các nhà môi giới, đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành thị trường được nâng lên một bước, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển của TTCK.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành công nêu trên, TTCK Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế :

- Hệ thống pháp lý về chứng khoán và TTCK còn thiếu (như các quy định pháp lý về phát hành chứng khoán riêng lẻ, về hoạt động của TTCK phi tập trung), không đồng bộ, gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Mô hình TTCK ở Việt Nam chưa hoàn chỉnh, mới chỉ có TTCK tập trung (nơi giao dịch có tổ chức của các chứng khoán đã được cấp phép niêm yết) và thị trường tự do, chưa có thị trường giao dịch chứng khoán phi tập trung (nơi giao dịch có tổ chức của các chứng khoán chưa được cấp phép niêm yết). Trong khi đó, trên thực tế, số lượng các công ty cổ phần không đủ điều kiện niêm yết chứng khoán trên TTCK tập trung (các doanh nghiệp vừa và nhỏ) là rất lớn.

- Các thành viên tham gia TTCK chưa đa dạng, còn thiếu một số tổ chức định chế quan trọng như : các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán, các quỹ đầu tư chứng khoán. Số nhà đầu tư tham gia thị trường còn ít, chủ yếu tập trung vào một số nhà đầu tư trong nước. Nhiều doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn niêm yết nhưng không tham gia niêm yết chứng khoán trên thị trường.

- Cơ cấu hàng hóa niêm yết chưa đa dạng và chưa phù hợp với nhu cầu đầu tư của công chúng. Thực tế giao dịch cho thấy, các nhà đầu tư chủ yếu tập trung đầu tư mua bán cổ phiếu (giá trị giao dịch cổ phiếu chiếm khoảng 90% tổng giá trị giao dịch của thị trường), còn giao dịch trái phiếu thì rất trầm lắng ; trong khi đó giá trị cổ phiếu niêm yết chỉ chiếm khoảng trên 20%, còn giá trị trái phiếu niêm yết chiếm trên 80%.

- Quy mô thị trường cổ phiếu còn quá nhỏ bé (tổng giá trị cổ phiếu niêm yết chỉ vào

Digitized by Google

khoảng 0,35% GDP), khối lượng cổ phiếu giao dịch còn ít (bình quân giá trị giao dịch mỗi phiên chỉ khoảng 5 tỉ đồng). Thị trường phát triển chậm, không tương xứng với khả năng và điều kiện phát triển của nền kinh tế. Việc mua bán chứng khoán nhìn chung chưa được thực hiện trên cơ sở phân tích thực trạng và triển vọng tương lai của chứng khoán, của các công ty niêm yết mà chủ yếu dựa vào tâm lý, mua bán theo trào lưu, hoặc theo đám đông trên thị trường.

- Với chức năng là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, TTCK tập trung của Việt Nam mới chỉ dừng lại ở thị trường phát hành trái phiếu chính phủ, còn thị trường phát hành cổ phiếu hầu như chưa được triển khai (trong 2 năm hoạt động chỉ có Công ty Cổ phần giấy Hải Phòng (HAPACO) và Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE) gọi thêm cổ phần và đã phát hành được 8,5 triệu cổ phiếu).

- Mạng lưới kinh doanh của các công ty chứng khoán (CTCK) còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ tập trung ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một vài tỉnh, thành phố lớn khác như : Bình Dương, Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai, Long An ; cách thức nhận lệnh đơn điệu (nhận lệnh trực tiếp). Đây chính là một trong những nguyên nhân làm hạn chế sự tham gia của các nhà đầu tư ở những nơi chưa có chi nhánh, đại lý nhận lệnh của CTCK, làm tăng chi phí về thời gian đối với nhà đầu tư. Mặt khác, nghiệp vụ kinh doanh của các CTCK chưa đa dạng, hầu hết các CTCK mới chỉ chú trọng và tập trung vào nghiệp vụ môi giới, chưa nghiên cứu triển khai các nghiệp vụ khác như : bảo lãnh phát hành, quản lý danh mục đầu tư... Vai trò tư vấn đầu tư của các CTCK còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện được chức năng của người tạo thị trường.

- Công tác thông tin về chứng khoán và TTCK còn ít và không kịp thời. Công tác giám sát, thanh tra và quản lý hoạt động của TTCK chưa triển khai đồng bộ. Các biện pháp quản lý mới chỉ chú trọng vào TTCK tập trung mà chưa nghiên cứu triển khai các biện pháp kiểm soát đối với thị trường tự do. Có biện pháp quản lý hành chính duy trì quá lâu hoặc quá sâu, gây nên những tác động ngược làm hạn chế vai trò quản lý của Nhà nước đối với TTCK.

3. Định hướng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam

Quy mô TTCK Việt Nam hiện nay còn quá nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của nền kinh tế. Vì vậy, tiếp tục phát triển và hoàn thiện TTCK Việt Nam là một xu hướng tất yếu nhằm góp phần tích cực vào quá trình huy động và khơi thông các nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "... Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả"(1).

Để có một TTCK hoàn chỉnh, hiện đại có khả năng hòa nhập với thị trường vốn quốc tế và trở thành kênh huy động vốn dài hạn chủ yếu trong nền kinh tế, theo chúng tôi, quá trình xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam trong những năm tới cần tập trung vào các định hướng sau :

- Xây dựng một TTCK hoàn chỉnh bao gồm cả thị trường tập trung và thị trường phi tập trung, trong đó Nhà nước giữ vai trò quyết định trong việc kiến tạo, quản lý, khuyến khích và tạo điều kiện cho TTCK phát triển

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 101

Digitized by Google

theo đúng đường lối của Đảng và Chính phủ, đồng thời có một cơ quan quản lý nhà nước thống nhất, nhằm tạo điều kiện cho thị trường hoạt động thông suốt, hiệu quả và an toàn. Để phù hợp với quy luật phát triển của thị trường, TTCK Việt Nam sẽ đi từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn hơn, hiện đại hơn ; tận dụng các thành tựu khoa học - công nghệ và lợi thế của nước đi sau để đi tắt, đón đầu đối với một số lĩnh vực. Xây dựng TTCK Việt Nam một cách phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nước, đồng thời có tính đến các tiêu chuẩn hiện hành của quốc tế.

- Từng bước nâng cao năng lực và quy mô hoạt động của các tổ chức kinh doanh chứng khoán, khuyến khích và tạo điều kiện hình thành các quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức xếp hạng tín nhiệm ; thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nhỏ ; tăng cường công tác quản lý, giám sát, kiểm tra để thị trường hoạt động minh bạch, bình đẳng, an toàn và hiệu quả.

- Khuyến khích các pháp nhân, thể nhân huy động vốn và đầu tư qua TTCK, tạo dựng một môi trường đầu tư hấp dẫn, thông thoáng.

- Phát triển TTCK theo hướng chủ động và từng bước mở cửa một cách tích cực, thu hút các chủ thể hoạt động chứng khoán trong và ngoài nước để từng bước hội nhập vào TTCK khu vực và thế giới.

4. Giải pháp phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam

Để thực hiện định hướng nêu trên, cần tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau đây :

Thứ nhất : *Hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường chứng khoán*

Sửa đổi Nghị định 48/1998/NĐ-CP và bổ sung văn bản pháp quy hướng dẫn theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của thị trường. Hoàn chỉnh các văn bản quy định về thuế, phí, chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ quản lý ngoại hối đối với hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài theo hướng thông thoáng nhằm khuyến khích các chủ thể tích cực tham gia thị trường. Tiến tới xây dựng và ban hành Luật Chứng khoán và TTCK.

Thứ hai : *Tăng thêm chủng loại, khối lượng và nâng cao chất lượng hàng hóa cung cấp cho thị trường chứng khoán*

Giống như thị trường các hàng hóa thông thường khác, đối với TTCK, hàng hóa là một trong những yếu tố cấu thành thị trường. Chủng loại hàng hóa càng phong phú, đa dạng ; chất lượng hàng hóa được nâng cao và không ngừng cải thiện là những điều kiện cực kỳ quan trọng góp phần tạo nên sự sôi động, hấp dẫn của thị trường. Nó bảo đảm cho thị trường có thể hoạt động an toàn, hiệu quả và không ngừng phát triển. Để phát triển thị trường, không chỉ cần tăng thêm số lượng hàng hóa mà quan trọng hơn là phải đa dạng chủng loại hàng hóa cung cấp cho thị trường. Chất lượng hàng hóa phải được bảo đảm trên cơ sở tăng cường hoạt động quản lý phát hành, cấp phép niêm yết và loại bỏ những hàng hóa kém chất lượng ra khỏi thị trường. Vì vậy, cần tập trung giải quyết một số vấn đề cụ thể sau :

- Cải tiến quy chế cổ phần hóa doanh nghiệp, đặc biệt là việc định giá doanh nghiệp và phương thức phát hành cổ phiếu để bảo đảm xác định đúng giá trị doanh nghiệp, tránh thất thoát vốn của Nhà nước và để các nhà đầu tư đều có cơ hội như nhau nếu muốn mua cổ phiếu. Mạnh dạn thí điểm cổ phần hóa một vài doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Tiến hành niêm yết cổ phiếu của một số ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khuyến khích thành lập mới và sắp xếp lại các công ty cổ phần nhằm nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh

Digitized by Google

tranh của doanh nghiệp, tạo điều kiện nâng cao chất lượng các cổ phiếu cung cấp cho thị trường.

- Tăng cường phát hành trái phiếu chính phủ ở trong nước. Cần lựa chọn phương thức phát hành thích hợp với điều kiện, đặc điểm của nền kinh tế trong từng thời kỳ. Có cơ chế thông thoáng hơn trong việc xác định lãi suất, hạn chế dần sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường bằng lãi suất chỉ đạo, tiến tới tự do hóa lãi suất. Cho phép chính quyền địa phương được phát hành trái phiếu, nhất là trái phiếu công trình để huy động vốn đầu tư cho các công trình do các cấp chính quyền địa phương quản lý, nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát hành trái phiếu. Đồng thời, cần khuyến khích thành lập một vài tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tốt nhất là liên doanh với nước ngoài để vừa học tập kinh nghiệm quốc tế, vừa kiểm soát được hoạt động của các tổ chức này và bảo đảm mức độ tin cậy của các đánh giá, giúp các doanh nghiệp có cơ sở xác định lãi suất của trái phiếu.

Thứ ba : *Thành lập thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC)*

Như đã nêu ở trên, thực tế khối lượng cổ phiếu giao dịch trên thị trường tự do (nhất là tại Thành phố Hồ Chí Minh) hiện nay là khá lớn. Hoạt động mua bán trên thị trường này bên cạnh những ưu điểm nhất định như : chi phí giao dịch thấp, phù hợp với thói quen của dân chúng Việt Nam,... thì cũng chứa đựng không ít những hạn chế, bất cập, nhất là thiếu thông tin, thiếu môi trường pháp lý và nằm ngoài sự kiểm soát của Nhà nước. Vì vậy, để có một thị trường có tổ chức đối với các chứng khoán chưa niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và để chứng khoán của các công ty vừa và nhỏ được giao dịch, mua bán một cách nhanh chóng, thuận lợi, an toàn, Nhà nước nên sớm tổ chức một thị trường phi tập trung. Trước mắt, nên tổ chức thị trường dưới dạng đơn giản thông qua việc thành lập một trung tâm quản lý thị trường phi tập trung và cho phép các CTCK được mở quầy giao dịch loại chứng khoán này. Muốn tạo điều kiện cho thị trường hoạt động sôi động ngay từ đầu cần vận hành thị trường phi tập trung theo hướng thông thoáng về thủ tục và tiêu chuẩn hàng hóa.

Việc xây dựng và phát triển thị trường phi tập trung cần quán triệt các yêu cầu sau :

+ Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ (có vốn dưới 10 tỉ đồng) huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh hoạt động mua bán cổ phiếu.

+ Đảm bảo khả năng quản lý, giám sát nhằm ngăn ngừa các hoạt động thao túng, lừa đảo trên thị trường, bảo vệ người đầu tư, tạo ra thị trường hoạt động công khai, minh bạch, ổn định và hiệu quả.

+ Phù hợp với điều kiện của Việt Nam về kinh phí, quy mô thị trường, trình độ quản lý, khả năng khai thác, vừa tận dụng được các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, vừa có thể mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống giao dịch.

+ Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với các TTCK khác, không chồng chéo, cản trở lẫn nhau.

Thứ tư : *Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các công ty chứng khoán*

Thực tế cho thấy, hoạt động của các CTCK trong 2 năm qua còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần thực hiện một số biện pháp cụ thể như : Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên trong các CTCK. Phát triển mạng lưới kinh doanh

Digitized by Google

chứng khoán, đa dạng hóa các hình thức nhận lệnh để bảo đảm cho nhà đầu tư ở mọi nơi đều có thể tham gia thị trường một cách thuận lợi với chi phí giao dịch thấp nhất. Khuyến khích các CTCK phát triển các nghiệp vụ bảo lãnh phát hành, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán. Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của CTCK, tiến tới nối mạng trực tiếp giữa CTCK với Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Hoạt động kinh doanh chứng khoán phức tạp về kỹ thuật nghiệp vụ và xác suất rủi ro cao. Vì vậy, cần triển khai một số loại hình bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, bảo hiểm tội phạm máy tính và gian lận điện tử, bảo hiểm trách nhiệm giám đốc và viên chức,...) để bảo đảm sự ổn định trong hoạt động của CTCK và tạo niềm tin cho khách hàng.

***Thứ năm :** Khuyến khích thành lập quỹ đầu tư chứng khoán*

Ở nước ta, do trình độ hiểu biết về chứng khoán và TTCK của công chúng còn nhiều hạn chế nên yếu tố tâm lý ảnh hưởng rất nhiều đến việc mua bán chứng khoán. Vì vậy, Quỹ đầu tư được thành lập không chỉ tạo nên "cầu nối" để huy động các nguồn vốn tiết kiệm nhỏ lẻ trong công chúng mà còn có vai trò lớn trong việc giúp đỡ những nhà đầu tư nhỏ, tạo thói quen đầu tư cho họ. Đặc biệt Quỹ đầu tư còn có vai trò quan trọng trong việc định hướng đầu tư, là tác nhân ổn định thị trường. Các nhà quản lý và điều hành Quỹ là những người có chuyên môn trong lĩnh vực chứng khoán nên quyết định đầu tư của Quỹ thường dựa trên cơ sở cân nhắc kỹ những cơ hội, lợi ích và rủi ro. Vì vậy, Quỹ đầu tư sẽ góp phần hạn chế hoạt động đầu tư theo trào lưu, ổn định thị trường, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong đầu tư chứng khoán.

Quỹ đầu tư nên theo mô hình công ty cổ phần, vì mô hình này có địa vị pháp lý vững chắc theo luật định nên tạo được sự tin tưởng cao hơn từ phía các nhà đầu tư. Đồng thời, nó phát huy được hiệu quả tối ưu trong việc huy động vốn và có nhiều ưu thế trong quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Để Quỹ đầu tư sớm được thành lập và đi vào hoạt động cần thực hiện một số chính sách khuyến khích sau : 1 - Việc bán lại số cổ phiếu do Nhà nước nắm giữ trong các công ty cổ phần nên ưu tiên trước hết cho các quỹ đầu tư ; 2 - Thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế đối với Quỹ như : miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu hoạt động.

***Thứ sáu :** Nâng cấp, hiện đại hóa các hệ thống của Trung tâm Giao dịch chứng khoán*

Để đáp ứng yêu cầu giao dịch theo phương thức khớp lệnh liên tục với quy mô ngày càng lớn, rút ngắn thời gian thanh toán các giao dịch mua bán chứng khoán nhưng vẫn bảo đảm an toàn cho nhà đầu tư và cho thị trường, cần tiến hành nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động lưu ký, giao dịch, thanh toán. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống giám sát tự động, kết nối với các hệ thống giao dịch, công bố thông tin, lưu ký, thanh toán. Nâng cấp hệ thống công bố thông tin để có thể truyền phát rộng và truy cập dễ dàng cho các đối tượng tham gia thị trường, đặc biệt là các nhà đầu tư.

Ngoài ra, cần tăng cường công tác quản lý, giám sát thị trường để kịp thời ban hành chính sách điều chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, tuyên truyền phổ cập và nâng cao kiến thức về chứng khoán và TTCK cho công chúng, cho các nhà quản trị doanh nghiệp... ❑

Digitized by Google

CÂN BẰNG KINH TẾ, DÂN SỐ VÀ MÔI TRƯỜNG vì sự phát triển bền vững

PHẠM KHÔI NGUYÊN*

Một bước tiến vì môi trường sống tốt đẹp hơn trên phạm vi toàn cầu

Thực tế cho thấy, trong vòng mười năm kể từ Ri-ô - 92, môi trường toàn cầu tiếp tục bị xuống cấp, tài nguyên thiên nhiên tiếp tục bị hủy hoại, ô nhiễm gia tăng, nguồn nước sạch ngày càng khan hiếm. Mỗi năm có từ 11 đến 13 triệu héc-ta rừng bị xóa sổ trên bản đồ thế giới, hàng chục triệu héc-ta đất bị hoang mạc hóa. Tình trạng đói nghèo trên thế giới ngày càng gia tăng trầm trọng, với 2,4 tỉ người sống trong nghèo đói, các điều kiện xã hội, y tế không được cải thiện. Các nước nghèo, các khu vực nghèo ngày càng nghèo hơn. Các nước giàu, những người giàu ngày càng giàu lên. Khoảng cách Bắc - Nam ngày càng sâu, rộng. Các nước phát triển chỉ huy động 0,22% GNP cho ODA so với 0,7% mà Liên hợp quốc (LHQ) đã kêu gọi và được nhiều nước cam kết tại Ri-ô - 92. Tác động của toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại ngày càng lan rộng, bao gồm cả tác động tích cực lẫn tiêu cực. Nhất là, gần đây đã xảy ra những diễn biến phức tạp trong đời sống chính trị thế giới, những cuộc khủng bố lớn, trong đó có sự kiện 11-9-2001 tại Mỹ, tác động trực tiếp và chứa nhiều nguy cơ tiềm ẩn đối với quá trình phát triển bền vững của toàn thế giới.

Tổ chức Hội nghị cấp cao về phát triển bền vững tại Giô-han-ne-xbớc (Nam Phi), LHQ phấn đấu để hội nghị trở thành một Hội nghị cấp cao toàn thế giới bàn về các hành động thúc đẩy cuộc cách mạng phát triển bền vững đang hình thành. LHQ mong muốn tại Giô-han-ne-xbớc cộng đồng thế giới tái khẳng định các nguyên tắc phát triển bền vững tại Ri-ô đê Gia-nê-rô, đánh giá lại các nỗ lực đã được thực hiện trong thời gian qua, đưa ra được các quyết định hành động có tính định lượng, những cam kết chính trị mới trong sự nghiệp phát triển bền vững thế giới.

Với những mục tiêu to lớn và trọng đại đó, Hội nghị cấp cao thế giới về phát triển bền vững đã được chuẩn bị một cách công phu từ năm 1997. Hàng trăm cuộc hội nghị, hội thảo quốc tế, khu vực và quốc gia đã được tổ chức trong những năm qua. Trong suốt tháng 8 và nửa đầu tháng 9-2002, tại Giô-han-ne-xbớc đã tiến hành hàng loạt các hoạt động hưởng ứng Hội nghị chính thức diễn ra từ ngày 26-8 và Hội nghị cấp cao được tiến hành từ ngày 2 đến ngày 4-9. Có 196 quốc gia và 92 tổ chức quốc tế cử đoàn đại biểu ; 55 nguyên thủ quốc gia, 53 thủ

* TS, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Digitized by Google

tướng chính phủ, 42 phó tổng thống và phó thủ tướng cùng hàng trăm bộ trưởng và tương đương đã đến dự và phát biểu ý kiến tại Hội nghị. Tổng số quan chức chính phủ của các đoàn lên đến 9 200 người ; nhiều đoàn có số lượng đại biểu rất lớn (Nhật Bản 800, Trung Quốc 700 và Hàn Quốc 400 đại biểu ...). Hơn 627 nghìn người thuộc các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, các nhà khoa học, các tầng lớp nhân dân đã tham gia các hoạt động của Hội nghị. Hơn 5 000 phóng viên đến Giô-han-ne-xbóc và đưa tin trong suốt thời gian diễn ra Hội nghị. Chi phí Hội nghị lần này gấp năm lần so với Hội nghị Ri-ô - 92 (hơn 80 triệu USD). Sự nỗ lực của các nguyên thủ quốc gia, các trưởng đoàn của các nước, các tổ chức quốc tế và tất cả những người tham gia vì sự thành công của Hội nghị là rất đáng trân trọng. Tất cả đều tập trung vào trọng tâm của Hội nghị, cố gắng tối đa để các văn kiện thể hiện được những vấn đề cùng quan tâm, không làm phương hại đến các lợi ích của từng quốc gia.

Hội nghị cấp cao về phát triển bền vững tại Giô-han-ne-xbóc năm 2002 đã đạt được những kết quả rất cơ bản :

Thứ nhất, Hội nghị khẳng định lại các nguyên tắc và giá trị các văn bản đã được thông qua tại Hội nghị Ri-ô năm 1992, chỉ rõ ba trụ cột của phát triển bền vững là : Bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế và công bằng xã hội. Hội nghị cấp cao đã nhấn mạnh các thách thức đối với quá trình phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu hiện nay là : Nghèo đói, chậm phát triển, sự xuống cấp môi trường sinh thái và bất bình đẳng về kinh tế - xã hội. Hội nghị thống nhất nhận định các nhiệm vụ trọng tâm mang tính toàn cầu, liên quan đến phát triển bền vững là : Xóa bỏ nghèo khó, ngăn chặn căn bệnh thế kỷ (HIV) và bảo vệ môi trường.

Thứ hai, Hội nghị cấp cao đã đạt được một loạt các cam kết có tính chất định lượng : phấn đấu giảm 1/2 số người không được hưởng các điều kiện nước sạch và vệ sinh môi trường vào năm 2015 ; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học vào năm 2010 ; phục hồi nguồn thủy sản của các đại dương vào năm 2015 ; tăng tỷ lệ sử dụng các nguồn năng lượng sạch lên 15% tổng năng lượng được sử dụng vào năm 2010 ; phấn đấu để Nghị định thư Ky-ô-tô về phát thải khí nhà kính có hiệu lực ; cải tổ Quỹ môi trường toàn cầu, xem suy thoái đất như là một lĩnh vực ưu tiên mới, mở rộng sự hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các dự án mang lại nhiều lợi ích cho các quốc gia ; hiệp định quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại ; ...

Thứ ba, Hội nghị khẳng định sự tôn trọng các nguyên tắc của Hiến chương LHQ, thành lập nhanh các hệ thống theo dõi, đánh giá khách quan việc thực hiện Chương trình Nghị sự 21.

Thứ tư, Hội nghị đã xác lập và thực hiện thành công phương thức thảo luận trực tiếp giữa các đối tác theo các chuyên đề được lựa chọn.

Hội nghị cấp cao là một diễn đàn rộng lớn, hoàn thành một kế hoạch đồ sộ, bàn bạc và thống nhất về những vấn đề mang tính sống còn của nhân loại, vấn đề phát triển bền vững.

Bên cạnh những thành công lớn, tại Hội nghị này cũng còn nhiều bất đồng chưa được giải quyết. Bất đồng gay gắt và kéo dài trong việc thực hiện nguyên tắc "trách nhiệm chung nhưng có phân biệt" về bảo vệ môi trường giữa các nước phát triển và đang phát triển. Cũng tại Hội nghị này, các cam kết về việc các nước phát triển sẽ nâng tỷ lệ đóng góp ODA lên 0,7% GNP ; các nước giàu xóa nợ cho các nước nghèo ; các nước

Digitized by Google

giàu chuyển giao công nghệ cho các nước nghèo với các điều kiện ưu đãi được đặt ra. Thế giới tiếp tục bị chia rẽ về vấn đề xóa bỏ đói nghèo, về việc xóa bỏ sự cách biệt giữa các nước phát triển và đang phát triển. Một số vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa vẫn tỏ ra khó tìm được sự đồng thuận tại Hội nghị cấp cao.

Tại Hội nghị cấp cao phát triển bền vững Giô-han-ne-xbớc 2002, Đoàn đại biểu Việt Nam đã tích cực và chủ động tham gia tất cả các hoạt động. Trưởng Đoàn đại biểu Việt Nam Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã có bài phát biểu tại phiên họp toàn thể và Hội nghị bàn tròn, nêu bật những thành tựu to lớn của Việt Nam thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề phát triển bền vững. Mười năm qua, kể từ Hội nghị Ri-ô - 92 cho đến Hội nghị này, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã làm hết sức mình vì một tương lai tốt đẹp hơn của toàn nhân loại ; những thành tựu đã đạt được là rất đáng kể trong cả ba lĩnh vực : Phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường ; thực hiện công bằng xã hội theo mục tiêu : "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đặc biệt, trong bài phát biểu tại Phiên họp toàn thể, Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã đề cập hậu quả của chất độc màu da cam đối với môi trường và con người Việt Nam do cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra, kêu gọi cộng đồng quốc tế vì lòng nhân đạo và đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ vì trách nhiệm và đạo lý cần có những biện pháp thiết thực hỗ trợ về vật chất, kỹ thuật cũng như về tài chính giúp Việt Nam khắc phục hậu quả lâu dài do chất độc màu da cam đi-ô-xin gây ra.

Những nỗ lực của chúng ta trong thời gian tới

Trong giai đoạn sắp tới, chúng ta sẽ quyết tâm biến những ý chí và nguyện vọng đã được sự thống nhất tại Giô-han-ne-xbớc thành hành động, sát cánh cùng nhân dân thế giới phát triển bền vững, vì sự trường tồn và thịnh vượng của Trái đất - ngôi nhà chung của chúng ta. Nhiều công việc sẽ được triển khai tại Việt Nam sau Hội nghị Giô-han-ne-xbớc vì sự phát triển bền vững. Chúng ta cần nhanh chóng đưa tinh thần và các cam kết tại Hội nghị cấp cao vào chiến lược bảo vệ môi trường, Chương trình Nghị sự về phát triển bền vững của Việt Nam, nhanh chóng triển khai đưa các văn bản này được thực thi trong cuộc sống. Các bộ, ngành tích cực, chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ, mở rộng hợp tác quốc tế, xúc tiến các dự án xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường. Trước hết, chúng ta cần tập trung nỗ lực thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau :

1. Thực hiện chiến lược quốc gia về môi trường. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh. Chủ động lồng ghép vấn đề cải thiện môi trường vào kế hoạch, chương trình, dự án và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá các giải pháp phát triển. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong việc bảo vệ môi trường và duy trì cuộc sống trong lành cho người nghèo. Chú ý bảo đảm an toàn hóa chất, vệ sinh an toàn thực phẩm. Lồng ghép đầy đủ và cụ thể các vấn đề môi trường - tài nguyên vào các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, huyện đảm bảo cho các quy hoạch phát triển bền vững và không làm giảm tài nguyên.

2. Không ngừng cải thiện chất lượng môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng tăng cường đa dạng sinh học ở các vùng nghèo, vùng cát, vùng hoang

Digitized by Google

mạc, đầm lầy... đảm bảo tạo nguồn tài nguyên cho các hoạt động sản xuất của dân cư, nhất là cho người nghèo. Nâng cao chất lượng nước, tăng tỷ lệ người dân được cung cấp nước sạch. Cải thiện chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, không ngừng nâng cao các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, sinh thái của các loại rừng. Cải tạo các hệ sinh thái nghèo, tăng cường tính ổn định của các hệ sinh thái ở các vùng nhạy cảm như : vùng cát ven biển, vùng bãi triều, vùng đất trống, đồi trọc ...

3. Tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội, ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn bằng cách khuyến khích sản xuất sạch, công nghệ tốt cho môi trường, hiệu quả cao về năng lượng và quản lý chặt chẽ vấn đề chất thải. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra. Cải tạo, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương, ruộng đồng, nhà ở... sau thiên tai, bão lụt ; mở rộng cơ sở hạ tầng và dịch vụ ra ngoại ô, phát triển các đô thị vệ tinh, hình thành các cụm công nghiệp cấp huyện, xã, làng nghề ở nông thôn. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đầu nguồn, mở rộng các khu rừng bảo vệ lưu lượng nước, xây dựng các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học. Phát triển và nâng cao chất lượng các vườn động thực vật ở các trung tâm nghiên cứu và các vườn quốc gia để duy trì, bảo tồn các nguồn gien di truyền quý hiếm. Xây dựng các công trình làm sạch môi trường như xử lý rác, chất thải, nguồn nước thải, bụi, tiếng ồn... ở các thành phố, thị xã ; phát triển các công trình vệ sinh tự hoại ở nông thôn ; vận động và hướng dẫn đồng bào dân tộc miền núi kiến thức về sức khỏe, lối sống vệ sinh, không chăn nuôi trâu bò, lợn, gà dưới sàn nhà ở...

Có biện pháp phòng ngừa đối với các vấn đề môi trường, như sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý nước, quản lý chất thải và định cư hợp lý liên quan tới các vấn đề phát triển. Thực hiện đánh giá tác động của môi trường đối với mọi dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thử nghiệm các phương án, chính sách để tăng thêm sự tham gia của khu vực tư nhân trong các dự án sản xuất ; đảm bảo tiếp cận lâu dài nguồn nước bằng cách tăng cường bảo vệ lưu vực đầu nguồn. Thúc đẩy các chính sách hỗ trợ và khuyến khích sản xuất sạch, công nghệ tốt với môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả. Chấm dứt tình trạng suy thoái tài nguyên, môi trường, thực hiện bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên như bảo vệ khí quyển, chống nạn phá rừng, nhất là rừng đầu nguồn ; tiếp tục đóng cửa các khu rừng ở những vùng sinh thái dễ bị tổn thương và những khu rừng tự nhiên đang bị xuống cấp ; thực hiện chống hoang mạc hóa và hạn hán, phát triển bền vững vùng núi, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý công nghệ sinh học, quản lý nguồn nước ngọt, sử dụng an toàn hơn các hóa chất độc hại ...

Quản lý đất đai một cách bền vững, quy hoạch sử dụng đất đai, nước và các dạng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, tiết kiệm cho các loại hình kinh tế - sinh thái (ven biển, trung du, miền núi, đô thị, đồng bằng ...), chú trọng các khu vực đói nghèo, vùng sâu, vùng xa, thực hiện kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ tài nguyên môi trường. Có chính sách đảm bảo quyền lợi của người dân gắn với lợi ích của việc bảo vệ nguồn tài nguyên chung.

Digitized by Google

4. Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2010. Bảo đảm đến năm 2010 có khoảng 85% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh với số lượng 60 lít/người/ngày, 70% gia đình và dân cư nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh và thực hiện tốt vệ sinh cá nhân. Phấn đấu đến năm 2005 tất cả các nhà trẻ, trường học, bệnh viện, trạm xá, công sở, chợ ở nông thôn có đủ nước sạch và đủ hố xí hợp vệ sinh. Ưu tiên giải quyết nước sạch cho những vùng thiếu nước và gặp khó khăn (vùng bị hạn hán, hải đảo, vùng núi cao, vùng nhiễm mặn...). Chống cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ chất lượng nguồn nước mặt, nước ngầm. Tăng cường giáo dục, vận động và kiểm soát việc chăn nuôi tại gia đình, chăn nuôi tập trung, sản xuất ở các làng nghề để giữ sạch vệ sinh môi trường làng, xã ... Ưu tiên nhiều hơn vốn ngân sách hỗ trợ cho các địa bàn khó khăn, tập trung nhiều người nghèo, đặc biệt là vùng núi cao, có nhiều đồng bào dân tộc ít người. Các vùng khác áp dụng chính sách huy động cộng đồng, sự đóng góp của địa phương và người hưởng lợi để xây dựng các công trình nước sạch, chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường... Nhà nước hỗ trợ đầu tư các công trình tạo nguồn (bể chứa và một số vật tư, thiết bị khác), dành nguồn vốn ngân sách thích đáng dưới hình thức vốn trợ cấp và vốn vay tín dụng ưu đãi để hỗ trợ nông dân phát triển các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn. Khuyến khích các tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ xã hội phát triển các dịch vụ môi trường như trồng vườn hoa, cây xanh, thu gom rác thải, phát triển các khu du lịch sinh thái, bảo tồn các vườn cây chim thú quý... Có chính sách khuyến khích áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích sử dụng khí đốt sinh học ở các vùng nông thôn và phát triển năng lượng mặt trời, gió và các nguồn nhiệt năng khác. Sửa đổi các quy định về bảo vệ môi trường liên quan đến quá trình đầu tư để vừa đảm bảo quyền tự do đầu tư của công dân vừa đảm bảo không xuất hiện nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

5. Kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là hợp tác với các nước láng giềng, các nước trong khu vực trong việc ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, chuyển giao công nghệ xử lý ô nhiễm và xây dựng các mô hình xử lý chất thải. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường thông qua chương trình giáo dục môi trường với nhiều hình thức, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục phổ thông. Huy động và khuyến khích sự tham gia của mọi tầng lớp dân cư, của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

Thực hiện việc kiểm kê, đánh giá đầy đủ và cụ thể các dạng tài nguyên và nguồn lực, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo đói. Trên cơ sở đó quy hoạch cơ cấu sản xuất để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. Tập trung đánh giá và báo cáo kịp thời 3 chỉ số về môi trường : *tỷ lệ che phủ của rừng, mức độ tiếp cận với nước sạch, chất lượng nước và không khí* để làm công cụ quản lý. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động môi trường dựa trên cộng đồng để tăng nhận thức và sự tham gia của người dân. Hoàn thiện, bổ sung và xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hiện Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân và các văn bản pháp luật khác. ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM VÀ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THIÊN NIÊN KỶ

TỪ ĐIỂN *

TRONG những ngày cuối năm 2002 vừa qua, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Hà Nội đã phát hành Bản báo cáo *"Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến với người dân"*, trong đó ghi nhận những thành tựu về xã hội Việt Nam đạt được trong 15 năm qua, qua đó xếp Việt Nam đứng đầu các nước đang phát triển về thành tích giảm tỷ lệ nghèo, tiến bộ đáng kể về khả năng tiếp cận giáo dục tiểu học, nước sạch, vệ sinh môi trường, giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi... Đồng thời, bản báo cáo cũng đưa ra một chỉ tiêu gọi là *Chỉ số các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ* (Millennium Development Goals Index - MDGs) để đánh giá điều kiện và chất lượng cuộc sống. Đáng quý hơn, UNDP đã vận dụng và tính toán ngay cho cả 61 tỉnh, thành của Việt Nam. Theo đó, Thủ đô Hà Nội được đánh giá là dẫn đầu cả nước, chỉ số MDG đạt 0,749. Nghiên cứu số liệu ở cấp tỉnh, các tổ chức Liên hợp quốc (xem xét đến nửa đầu năm 2001) tham khảo ý kiến của Chính phủ Việt Nam, đã gắn lên Hà Nội - thành phố Hòa bình, Thủ đô Anh hùng của chúng ta một bông hoa mở đầu thiên niên kỷ mới.

1 - MDG - sự phát triển của quan niệm về phát triển

Thuật ngữ "phát triển" trên phạm vi quốc gia xuất hiện vào những năm 50 của thế kỷ XX, ban đầu người ta chỉ hiểu đơn giản và cụ thể là phát triển kinh tế. Thời kỳ này Liên hợp quốc kêu gọi các nước tham gia vào những chương trình phát triển kinh tế trên khắp các châu lục và đã lấy hai thập niên 50 và 60 là những thập niên phát triển kinh tế. Các biện pháp phát triển kinh tế truyền thống được thực hiện nhằm tạo ra sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hằng năm từ 5 đến 7% ... Sang những năm 70, Liên hợp quốc mới đề ra thập niên phát triển xã hội, vì thực tế cho thấy phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển xã hội để hai quá trình đó thúc đẩy lẫn nhau. Bản thân khái niệm "phát triển kinh tế" cũng mở rộng nội hàm, không chỉ là tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người mà còn bao gồm cả thay đổi cơ cấu kinh tế, được coi như mặt chất lượng của sự phát triển đó.

Thập niên 80 đã diễn ra với những thất bại nặng nề do những hậu quả của hơn 30 năm phát triển kinh tế thuần túy trước đó để lại, đó là sự tàn phá môi trường, hủy hoại nguồn nước, tình trạng ô nhiễm ở khắp nơi... Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phải họp về "nạn dịch" của sự phát triển và ra Tuyên bố năm 1986 về *Quyền Phát triển*. Các yếu tố cấu thành sự phát triển cũng được bổ sung, bao gồm những nội dung chủ yếu như kinh tế, kỹ thuật, xã hội, chính trị, văn hóa và cả không gian. Tháng 3-1995, tại Cô-pen-ha-ghen, Liên hợp quốc ra Tuyên bố về *Phát triển xã hội*, với ý nghĩa khái quát cả những vấn đề loài người đặt ra trên bước đường phát triển. Tháng 9-2000 gồm 189 vị nguyên

* GS, TSKH, Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ

Digitized by Google

thủ quốc gia - trong đó có Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương - tham dự Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, đã ký Tuyên bố, khẳng định mạnh mẽ cam kết của các quốc gia và cộng đồng quốc tế sẽ đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs) vào năm 2015. Về cơ bản, các mục tiêu này nhất trí với những cam kết tại nhiều hội nghị thượng đỉnh thế giới, hội nghị toàn cầu của Liên hợp quốc trong suốt thập niên 90. Cụ thể gồm 8 mục tiêu chung, 18 mục tiêu cụ thể được biểu hiện bằng 48 chỉ tiêu. Tám mục tiêu chung đó là :

1 - Xóa đói giảm nghèo ;

2 - Đạt phổ cập giáo dục tiểu học ;

3 - Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế của phụ nữ ;

4 - Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em ;

5 - Tăng cường sức khỏe cho các bà mẹ ;

6 - Phòng chống HIV/AID, sốt rét và các dịch bệnh khác ;

7 - Đảm bảo sự bền vững của môi trường ;

8 - Tăng cường các quan hệ đối tác toàn cầu vì mục tiêu phát triển.

Như vậy, các mục tiêu đã phản ánh nội dung phát triển với những yếu tố cấu thành đầy đủ hơn. Nếu đi sâu vào các chỉ tiêu, sẽ thấy 6 mục tiêu đầu gồm các chỉ tiêu xã hội tương tự các chỉ tiêu xã hội được Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) xây dựng giúp Việt Nam trong khuôn khổ Dự án VIE/93/P16 trước đây. Điểm khác biệt là, có thêm các mục tiêu 7 và 8, và không phải ngẫu nhiên việc lựa chọn các chỉ tiêu cho các mục tiêu này vẫn còn tiếp tục được điều chỉnh. Chỉ số MDG tổng hợp dựa trên các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ được gọi là chỉ số đánh giá điều kiện và chất lượng cuộc sống (sẽ trình bầy rõ ở phần sau).

2 - Việt Nam cam kết sớm đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ

Tại Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ ở Niu Oóc, Việt Nam đã ký kết Tuyên bố thiên niên kỷ, và Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo của Chính phủ Việt Nam năm 2002, trực tiếp dựa trên các MDG và đề ra các mục tiêu phát triển của Việt Nam (Việt Nam Development Goals-VDGs), với số mục tiêu cụ thể nhiều hơn. Đáng chú ý là, khi so sánh các MDGs với VDGs, cho thấy Việt Nam sẽ vượt sớm hơn. Chẳng hạn ở hai mục tiêu đầu :

MDG	VDG
Mục tiêu I : Xóa đói giảm nghèo	
1- Trong 25 năm (1990-2015), giảm được một nửa số người cực nghèo có thu nhập dưới 1 đô la/ngày	1- Trong 10 năm (2001-2010), giảm 60% tỷ lệ người dân sống dưới chuẩn nghèo quốc gia
2- Trong 25 năm (1990-2015), giảm được một nửa số dân bị thiếu đói	2- Trong 10 năm (2001-2010), giảm 40% số người sống dưới chuẩn nghèo quốc tế và 75% số người sống dưới chuẩn nghèo lương thực
Mục tiêu II : Đạt phổ cập giáo dục tiểu học	
1- Chậm nhất là năm 2015 tất cả trẻ em trai và gái đều được học hết chương trình bậc tiểu học	1- Tăng tỷ lệ nhập học tiểu học đúng tuổi lên tới 97% vào năm 2005 và 99% vào năm 2010 ; 2- Tăng tỷ lệ nhập học trung học cơ sở (THCS) đúng tuổi lên tới 80% vào năm 2005 và 90% vào năm 2010 ; 3- Xoá bỏ chênh lệch giới ở bậc tiểu học và THCS vào năm 2005 và chênh lệch về giáo dục giữa các dân tộc vào năm 2010 ; 4- Tăng tỷ lệ biết đọc biết viết ở phụ nữ dưới 40 tuổi lên tới 95% vào năm 2005 và 100% vào năm 2010.

UNDP đã đưa ra cách giải thích đúng đắn, khoa học về nguyên nhân vì sao Việt Nam có thể thực hiện được các mục tiêu như vậy, như sau : "Theo định hướng xã hội chủ nghĩa từ xưa đến nay, các chiến lược và kế hoạch quốc gia của Việt Nam trong nhiều năm qua đều đã ẩn chứa hầu hết các mục tiêu có trong MDGs. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001-2005) và các kế hoạch của các ngành là những ví dụ cụ thể, trong đó đề ra nhiều mục tiêu và chỉ tiêu suy cho cùng đều góp phần thực hiện các MDG vào năm 2015". "Định hướng xã hội chủ nghĩa từ xưa đến nay của Việt Nam đã đảm bảo cho các khoản thu nhập dù là nhỏ cũng được chuyển hóa thành những kết quả đầy ấn tượng trong việc cải thiện cuộc sống của người dân"[1]. Cùng với đó,

(1) Những đoạn trích trong ngoặc kép được trích từ Bản báo cáo *Đưa các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đến với người dân*, Văn phòng Điều phối viên thường trú LHQ tại Việt Nam, tháng 11-2002

Digitized by Google

UNDP đánh giá cao công cuộc đổi mới của Việt Nam và nhận xét : "Việt Nam đã đạt được những kết quả to lớn như vậy chủ yếu là nhờ có quá trình cải cách rộng rãi về chính sách và thể chế - gọi là công cuộc đổi mới, do chính Việt Nam khởi xướng, chủ trì và quản lý thực hiện". Liên hợp quốc tin rằng để thực hiện đúng tinh thần cũng như cam kết của các MDG, cần phải khơi sâu thêm công cuộc đổi mới. Theo ông Giooc-đan Rai-ân, Trưởng Đại diện UNDP tại Việt Nam, khi thu nhập quốc gia tăng đến năm 2015, Việt Nam có cơ hội thực hiện trọn vẹn các MDG.

Bên cạnh những kết quả đạt được, UNDP cũng đã thẳng thắn nêu ra những thách thức đối với Việt Nam.

Trước hết, trong lĩnh vực kinh tế và tài chính, cần tiếp tục cố gắng tăng cường hơn nữa nội lực và khả năng tự lực cánh sinh của quốc gia để tránh bị lệ thuộc vào các nguồn tài chính nước ngoài có tính không ổn định. Cụ thể hơn, Bản báo cáo cho biết "hiện nay khoản nợ nước ngoài của Việt Nam vẫn ở mức độ kiểm soát được (khoảng 40% GDP), song không phải là không đáng kể". Phải chăng đây là một lời cảnh báo ?.

Tiếp đến, "để đảm bảo cho nợ nước ngoài không gây ra tình trạng bất ổn định và khó khăn như đã từng xảy ra ở những nước đang phát triển khác, đòi hỏi Nhà nước phải có kỷ cương đồng thời phải nâng cao hơn nữa thu nhập và tiết kiệm, cũng như khả năng tự lực cánh sinh chung của quốc gia". Tỷ lệ tiết kiệm của Việt Nam là 25% GDP, thấp hơn nhiều so với mức tiết kiệm cần có để đảm bảo phát triển mạnh như ở những nước Đông Á thành công khác trong 40 năm qua.

Thứ đến là vấn đề công bằng xã hội. Theo giải thích của UNDP, việc đảm bảo công bằng xã hội thể hiện ở mức chấp nhận được và khả năng tiếp cận bình đẳng với các cơ hội (điều này do công cuộc đổi mới đưa lại). Đó là hai yếu tố quan trọng để duy trì tính bền vững về mặt xã hội. Mặc dù đã có những thành công đáng kể về giảm nghèo như trình bày ở trên, những hiện tượng phân hóa giàu nghèo có xu hướng ngày càng gia tăng. Ví dụ một vài con số :

- Xét trên phạm vi toàn quốc, tỷ lệ chi tiêu của 20% số người nghèo nhất trong khoảng thời gian 5 năm từ năm 1993 đến 1998 lại giảm từ 8,8% xuống còn 8% ; trong khi đó chi tiêu của 20% số người giàu nhất lại tăng từ 40,4% lên 43,7%.

- Tỷ lệ nghèo ở các khu vực nông thôn trung bình cao gấp 5 lần so với khu vực thành thị, của các nhóm dân tộc thiểu số trung bình cao gấp 2,5 lần của người Kinh.

"Sự cách biệt về mặt địa lý, xã hội, kinh tế kèm theo sự khan hiếm về nguồn lực là lý do chính dẫn đến sự tập trung ngày càng tăng số người nghèo ở khu vực nông thôn Việt Nam trong những năm gần đây". Liên hợp quốc cảnh báo, nếu không có biện pháp hữu hiệu "Việt Nam có nguy cơ trở thành một đất nước có hai tốc độ phát triển, trong đó chênh lệch ngày càng gia tăng giữa những người được hưởng lợi từ quá trình hội nhập quốc tế và những người bị thiệt thòi". Về Chiến lược xóa đói giảm nghèo, Liên hợp quốc cũng nói rõ "thách thức là phải làm sao đảm bảo cho Chiến lược mang lại nhiều tác dụng như mục tiêu đề ra chứ không chỉ đơn thuần là một khuôn khổ tài chính để hỗ trợ tăng tốc độ giải ngân các khoản ODA".

Cũng trong lĩnh vực xã hội, cần tiến hành những biện pháp khẩn cấp trong thời gian ngắn để ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS có thể xảy ra, gây tổn thất to lớn về người và tài chính cũng như đe dọa tính bền vững của những thành quả phát triển tiếp theo của quốc gia.

Sau cùng là vấn đề môi trường. Đây là vấn đề đòi hỏi phải có các biện pháp cấp bách và có ý nghĩa hơn trong thời gian tới. Diện tích rừng che phủ đã bắt đầu tăng trong những năm gần đây, song vẫn còn ở mức thấp (34%) ; kho báu thiên nhiên của Việt Nam với khoảng bảy trăm loại động thực vật đang bị đe dọa sẽ có nguy cơ bị mất đi vĩnh viễn !

Digitized by Google

3 - Chỉ số MDG - một chỉ tiêu tổng hợp về sự phát triển

Đi đôi với sự phát triển của bản thân khái niệm phát triển, người ta cũng cố gắng đi tìm một chỉ tiêu để đo đạc sự phát triển. Đó chính là chỉ số MDG tổng hợp (MDG Index). Dựa trên phương pháp tính chỉ số phát triển con người (HDI) - không chỉ tính đến mức sống mà còn bao gồm các khía cạnh xã hội của đời sống con người (sức khỏe, học vấn), chỉ số MDG ngoài những khía cạnh xã hội còn tính đến khía cạnh tự nhiên, môi trường, hơn nữa còn bao gồm cả khía cạnh quản trị quốc gia (governance).

Từ những số liệu ở cấp tỉnh, các nhóm công tác của các tổ chức Liên hợp quốc ở Việt Nam đã tính toán chỉ số MDG tổng hợp dựa trên 17 chỉ tiêu phản ánh các khía cạnh xã hội và quản trị khác nhau của MDG. Đó là giá trị trung bình sau khi đã được chuẩn hóa và điều chỉnh theo quyền số (hay còn gọi là trọng số) là thứ tự xếp hạng các tỉnh theo 17 biến số. Theo các tác giả tính toán, trong giai đoạn này chỉ số MDG tổng hợp chỉ có tính gợi ý, vì còn thiếu nhiều biến số mới, cũng như những số liệu có chất lượng cao hơn, khi có thêm số liệu với chất lượng cao hơn thì các chỉ tiêu, các quyền số và mối liên hệ trong chỉ số MDG tổng hợp sẽ được tiếp tục phát triển và hoàn thiện thêm. Ở đây có hai vấn đề : nội dung và kỹ thuật tính toán. Trong phạm vi ở đây, chỉ bàn về nội dung tính toán có nhiều ý kiến phải giải quyết ; vấn đề kỹ thuật sẽ dành cho một chuyên khảo riêng.

Như chính các tác giả của MDG cho biết, việc lựa chọn các chỉ tiêu thuộc mục tiêu 7 và 8 vẫn còn tiếp tục được điều chỉnh, và con số này hiện là 24, chiếm một nửa tổng số chỉ tiêu - vận dụng tính cho Việt Nam là 4/17 chỉ tiêu. Thật ra, với những chỉ tiêu thuộc các mục tiêu khác cũng còn phải xem xét khi áp dụng với điều kiện ở Việt Nam. Ví dụ thuộc mục tiêu 5 - Tăng cường sức khỏe cho các bà mẹ, chỉ có một chỉ tiêu : tỷ lệ bà mẹ đẻ tại nhà không có cán bộ y tế trợ giúp ; trong VDG cũng đã ghi : "Giảm tỷ lệ tử vong ở các bà mẹ xuống còn 80/100 000 vào năm 2005 và còn 70/100 000 vào năm 2010...".

Rất khó giải thích trong số 17 chỉ tiêu dùng để tính toán cho Việt Nam, chỉ tiêu tỷ lệ đại biểu nữ trong Hội đồng nhân dân tỉnh lại được sử dụng hai lần - cho mục tiêu 3 (Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế của phụ nữ) và mục tiêu 8 (Tăng cường quản trị cho phát triển con người).

Theo ý nghĩa của mục tiêu 8 trong khuôn khổ MDG nói đến phạm vi thể chế cần thiết nhằm đạt được 7 mục tiêu trên, bao gồm cơ cấu quản trị quốc gia trên bình diện toàn cầu nhằm xóa nghèo, vai trò then chốt của quan hệ đối tác giữa khu vực công và tư trong phát triển, trách nhiệm cộng đồng tài trợ trong việc hỗ trợ để đạt được các mục tiêu thiên niên kỷ. Khi tính toán cho Việt Nam, các chuyên gia của UNDP đã có sự lựa chọn rất hay - dùng chỉ tiêu số doanh nghiệp mới đăng ký trung bình tính theo 100 000 dân trong hai năm 2000 và 2001, theo chúng tôi là rất có ích đối với các địa phương. Rất đáng tiếc là, ở đây, chưa tính đến chỉ tiêu số điện thoại trên 1 000 dân mà trên phương diện này, thực tiễn Việt Nam đang vận động mạnh.

Trong điều kiện Việt Nam hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng diễn ra nhanh hơn ở một số mặt, bao gồm thương mại về hàng hóa và dịch vụ, tài trợ nước ngoài và mở rộng tiếp cận với thông tin và kiến thức từ bên ngoài... phải chăng nên dùng chỉ tiêu tỷ lệ xuất khẩu trong GDP, giá trị xuất khẩu bình quân đầu người ?.

Cũng như chỉ số HDI đã có hơn một thập niên vận dụng tính toán trên phạm vi thế giới đồng thời có xét đến đặc thù của mỗi quốc gia, việc hoàn thiện chỉ số MDG tổng hợp là điều tất yếu và chắc chắn với một thiên niên kỷ phía trước nhân loại sẽ có nhiều bước tiến đòi hỏi phải hoàn thiện tiếp tục. ❑

Digitized by Google

BUỒN, VUI Ở XÃ ?

NAM DŨNG

Ở huyện C thuộc tỉnh M, dân nói chung chưa giàu, nhưng trong cái mặt bằng hạng trung ấy nổi bật lên sự khá giả một cách kỳ lạ của đội ngũ cốt cán một số xã. Nhìn qua, tưởng như đáng mừng. Có điều sự giàu có ấy chẳng phải do họ giỏi sản xuất - kinh doanh, hoặc có vốn liếng ông cha để lại, và cũng không phải nhờ có con em sống ở nước ngoài gửi tiền về... Họ giàu lên là do được làm cán bộ xã, như dân nói.

Chính vì vậy nên có chuyện chạy đua để làm cán bộ xã. Số là, cứ ngồi vào ghế chủ tịch, bí thư hay cán bộ chủ chốt xã thì chỉ cần một nhiệm kỳ là "nền kinh tế" gia đình lên ngôi trông thấy như có phép thần. Chuyện lạ mà có thật : Bà D. - vợ ông Bí thư xã B. vừa đắc cử được hai năm - chỉ sau có một vụ đất đai của xã mà đã quần là áo lượt, son phấn ngất trời, điện thoại di động "dắt" ngang hông để đi chỉ đạo làm cỏ lúa ngoài đồng. Vợ ông chủ tịch xã T, thì lại kiểu khác. Bà luôn "đánh" bộ sồi lụa tơ tằm vào loại "xịn", "cưỡi" chiếc Xpây-xy màu mận chín bóng lộn chạy dòng dòng trong xã để cầm chịch một sòng bạc có cỡ. Lực lượng an ninh xã, theo dân được biết đã làm "gác-đờ-co" trông nom cho sòng bạc của bà thì còn ai dám hỏi nữa. Những con bạc lọc lõi ở vùng đồ đoán rằng, một năm bà Ph "thâm canh" và nhập quỹ riêng ít nhất hai trăm triệu đồng, nếu quy ra thóc tương đương gần một trăm tấn, cỡ bằng 50 gia đình giỏi nghề nông ở xã. Đấy là chưa kể đến nguồn thu của "đức lang quân" cũng từ nguồn rất riêng ở cái vị thế "đắc địa" mà ông đang có... Dân râm ran truyền miệng nhau rằng, làm cán bộ như vậy thì ai chả thích làm !

Còn huyện H. cùng tỉnh là một huyện miền núi, đất cằn cỗi, khí hậu khắc nghiệt, Dự án PAM về phủ xanh đất trống, đồi trọc chưa "leo" lên được đến đây, đời sống dân phổ biến còn nghèo khó. Dân ca thán, cái cán bộ huyện tôi nó "giỏi" lắm, cây gỗ to thế, nặng thế mà nó chuyển về xuôi rất dễ dàng ; hạt muối nhỏ thế, nhẹ thế mà đem lên cho dân bản rất khó khăn. Điều khác hẳn huyện C. là, chẳng ai thiết làm cán bộ xã, quyền "rơm" vạ "đá". Cứ mỗi lần tuyển quân, hay trước đây còn thu thuế nông nghiệp, rồi đến các phong trào này, phong trào kia thì rõ khổ : Đội ngũ cốt cán đôn đáo ngược xuôi, thậm chí đi "lạy" từng gia đình mà cũng chưa bao giờ đạt chỉ tiêu trên giao. Mỗi lần lên huyện họp phải đi trước một ngày, rồi về mất một ngày, tiền lương không đủ để làm phí tiêu đường, mà cũng chẳng có nguồn để thu nhập thêm ngoài việc làm nương, làm rẫy, chăn nuôi. Cho nên khi lãnh đạo huyện về quy hoạch, bố trí cán bộ thì dường như mọi người đều muốn xin rút lui và đưa ra đủ loại lý do để không tham gia cán bộ xã. Họ kiến nghị với cấp trên cho giải pháp điều động hoặc luân chuyển cán bộ xã khác trong huyện đến để hỗ trợ...

Cái khó của huyện H là nguồn để quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ hiếm đã đành, đến khi làm thì chẳng có chính sách gì hỗ trợ thêm. Nguồn thu của các xã chỉ trông vào thuế nông nghiệp. Bây giờ, Nhà nước đã miễn thuế thì chỉ còn cách chờ ngân sách cấp trên xuống. Vì vậy, hầu như thanh niên lớn lên ai có điều kiện thì "xuất ngoại" để kiếm sống, còn ở lại thì chẳng ai muốn làm cán bộ xã.

Hai cảnh cán bộ xã mà tôi được biết trên, có lẽ rất hiếm hoi song thấy cũng muốn góp đôi điều với lãnh đạo tỉnh M trong dịp triển khai Nghị quyết *"Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở"*, trong đó có việc rất căn cơ là xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở xã. ❑

Digitized by Google

NHỮNG NỖ LỰC CHÍNH TRỊ - PHÁP LÝ QUỐC TẾ LOẠI BỎ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

NGUYỄN LỘC*

VÀO ngày 21-3-1966, để ghi nhớ sự kiện đã xảy ra trước đó 6 năm, khi 69 công dân da đen Nam Phi bị chính quyền nước này giết hại vì đã biểu tình hòa bình để phản đối những đạo luật dã man mang nặng tính chất A-pác-thai, Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ) đã thông qua Nghị quyết số 2142 lấy ngày 21-3 hằng năm làm Ngày quốc tế Chống phân biệt chủng tộc. Sự kiện này là một trong hàng loạt nỗ lực không mệt mỏi của cộng đồng quốc tế trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và tệ phân biệt chủng tộc.

1. Quá trình hình thành hệ thống các văn kiện chính trị - pháp lý quốc tế nhằm loại bỏ tệ phân biệt chủng tộc

Mặc dù Hiến chương LHQ không đưa ra một định nghĩa cụ thể về phân biệt chủng tộc, nhưng nó đã xác lập một trong những nguyên tắc pháp lý cơ bản mang tính bắt buộc liên quan đến việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người : nguyên tắc không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, sắc tộc (1).

Văn kiện pháp lý chính thức mở ra cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc là Công ước ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng, được Đại hội đồng LHQ thông qua ngày 9-10-1948. Mục đích của Công ước này nhằm ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng được tập trung xác định tại Điều 2 : "Bất cứ những hành vi nào cố ý tiêu diệt toàn bộ hay một phần của một nhóm thiểu số sắc tộc, chủng tộc". Trong điều kiện chưa có các văn kiện pháp lý đưa ra một giải pháp toàn diện để xóa bỏ tệ phân biệt chủng tộc, sự ra đời của Công ước thể hiện sự phản ứng kịp thời của cộng đồng quốc tế trước những biểu hiện tập trung nhất và nguy hiểm nhất của tệ phân biệt chủng tộc, đó là nạn diệt chủng.

Sau đó, LHQ nhất trí thông qua một văn kiện khác liên quan đến quyền con người, trong đó nhắc lại và nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử và lên án tệ phân biệt chủng tộc. Đó là Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới, được công bố ngày 10-12-1948.

Vào thời điểm này, cuộc đấu tranh của các nước thế giới thứ ba và của các dân tộc thuộc địa chống chủ nghĩa thực dân đang ngày một lên cao, làm cho nhân loại tiến bộ nhận thấy rõ hơn, rằng chính chủ nghĩa thực dân cũ và mới là căn nguyên và thủ phạm của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cũng như các hành vi liên quan đến phân biệt chủng tộc. Cộng đồng quốc tế, thông qua LHQ, đã tích cực xây dựng nhiều văn kiện quốc tế quan trọng khác nhằm thúc đẩy quá trình phi thực dân hóa ; công nhận nền độc lập, quyền tự quyết dân tộc và tư cách thành viên của nhiều quốc gia trước đây vốn là thuộc địa. Trong số những văn kiện đó, phải kể đến Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và dân tộc thuộc địa, được thông qua ngày 14-12-1960.

---

* ThS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem *Hiến chương Liên hợp quốc*, Điều 1 (3), 55 (c) và 76 (c)

Digitized by Google

Trong những năm 1959 và 1960, trước sự hoành hành của các trào lưu phân biệt chủng tộc ở một số nước Tây Âu, có nguy cơ làm sống lại chủ nghĩa phát xít, Đại hội đồng LHQ đã nhanh chóng thông qua một loạt nghị quyết lên án chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và những hành vi gây hận thù dân tộc, chủng tộc, tôn giáo ; đồng thời, kêu gọi và yêu cầu các chính phủ tiến hành những biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, trừng trị những hành vi trên.

Với Nghị quyết số 1510, ngày 12-12-1960, LHQ đã khẳng định mạnh mẽ trách nhiệm của mình trong việc chống lại những hành vi phân biệt chủng tộc và sự cần thiết phải nghiên cứu nguyên nhân, nguồn gốc của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và các hành vi phân biệt chủng tộc nhằm đưa ra các biện pháp ngăn chặn có hiệu quả. Hai năm sau, LHQ tiếp tục thông qua Nghị quyết số 1779, ngày 7-12-1962, và nhấn mạnh mối quan ngại về nguy cơ hiện hữu và tiếp tục phát triển của những định kiến, hành vi phân biệt về chủng tộc, sắc tộc ở trên phạm vi toàn thế giới. Nghị quyết yêu cầu phải có những biện pháp cụ thể và hiệu quả hơn nữa để ngăn ngừa và loại trừ chúng.

Để đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống tệ phân biệt và các hình thức phân biệt chủng tộc, ngày 20-11-1963, Đại hội đồng LHQ tiếp tục thông qua bản Tuyên ngôn về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Nỗ lực này được ghi nhận như một bước đệm, tiến tới việc thông qua một văn kiện pháp lý mang tính ràng buộc các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế trong cuộc chiến loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc.

Ngày 21-12-1965, với 106 phiếu thuận, không có phiếu chống, Đại hội đồng LHQ đã nhất trí thông qua Công ước quốc tế về ngăn ngừa và loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, được thể hiện bằng Nghị quyết số 2106A. Công ước có hiệu lực từ ngày 4-1-1969. Đây là văn kiện pháp lý quốc tế đầu tiên đưa ra một giải pháp pháp lý toàn diện trong việc ngăn ngừa và xóa bỏ tệ phân biệt chủng tộc, đảm bảo cho các cá nhân được hưởng đầy đủ quyền con người và quyền tự do cơ bản. Công ước nêu lên định nghĩa về phân biệt chủng tộc ; yêu cầu các quốc gia lên án và tiến hành các biện pháp thích hợp để loại trừ tệ phân biệt chủng tộc nhằm bảo đảm cho các cá nhân, trong phạm vi thẩm quyền pháp lý của mình, đều được đối xử bình đẳng trong hưởng thụ các quyền và sự tự do cơ bản của con người. Theo quy định của Công ước, Ủy ban loại trừ phân biệt chủng tộc đã được thiết lập và có trách nhiệm giám sát, theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện những nội dung của Công ước.

Về cơ bản, mặc dù một hệ thống các văn kiện chính trị pháp lý làm nền tảng cho cuộc đấu tranh loại bỏ tệ phân biệt chủng tộc đã được xây dựng, nhưng cộng đồng quốc tế vẫn nhận thấy sự cần thiết phải có những văn kiện pháp lý khác cụ thể hơn để loại bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đang hoành hành một cách có hệ thống ở Nam Phi. Vậy nên, ngày 30-11-1973, Đại hội đồng LHQ đã thông qua *Công ước ngăn chặn và trừng trị tội ác A-pác-thai.* Công ước có hiệu lực từ ngày 18-7-1978.

Chống phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc còn được đề cập rất rõ và trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của nhiều văn kiện quốc tế về quyền con người, trong đó đáng chú ý là *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* (1966), *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* (1966), *Công ước quyền trẻ em* (1989), *Tuyên bố về quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số quốc gia, sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ* (1982)...

Một số tổ chức chuyên môn của LHQ, như Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục (UNESCO) cũng đã tham gia tích cực trong cuộc chiến chống phân biệt chủng tộc. Hai tổ chức này đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng liên quan đến việc loại bỏ tệ phân biệt chủng tộc, như : Công ước số 100 liên quan đến trả công bình đẳng cho các lao động nam và lao động nữ đối với các công việc có giá trị ngang nhau (ILO, 1951) ; Công ước số 111 liên quan đến việc chống phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (ILO, 1958) ; Công ước số 169 liên quan đến những người thuộc bộ lạc và người bản xứ (ILO,1989)... ; Công ước chống phân biệt đối xử trong thể thao (UNESCO, 1960) ; Tuyên bố về chủng tộc và định kiến chủng tộc (UNESCO, 1978) ; Tuyên bố về các

Digitized by Google

nguyên tắc cơ bản liên quan đến sự đóng góp của các phương tiện thông tin đại chúng đối với việc củng cố hòa bình và hiểu biết quốc tế, thúc đẩy nhân quyền, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, A-pác-thai và sự kích động chiến tranh (UNSECO, 1978)...

2. Những nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc phối hợp hoạt động chống tệ phân biệt chủng tộc

Hội nghị nhân quyền quốc tế lần thứ nhất do LHQ tổ chức tại I-ran vào năm 1968 đã thông qua Tuyên bố Tê-hê-ran kêu gọi các dân tộc trên thế giới phải nhận thức đầy đủ những tội ác phân biệt chủng tộc và phải cùng nhau chống lại những tội ác này. Tất cả những tư tưởng về sự "siêu đẳng chủng tộc" và thái độ không khoan dung phải bị lên án và loại bỏ.

Thực hiện lời tuyên bố đó, LHQ đã tiến hành các hoạt động đa dạng trong khuôn khổ Ba Thập kỷ hành động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc. Mục tiêu cụ thể của Thập kỷ thứ nhất diễn ra từ năm 1973 đến năm 1983, được Đại hội đồng LHQ nêu rõ : "Thúc đẩy quyền con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, dòng dõi, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt thông qua việc loại bỏ định kiến chủng tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự phân biệt dựa trên chủng tộc ; ngăn chặn bất kỳ sự xuất hiện nào của các chính sách phân biệt chủng tộc và loại bỏ mọi chính sách phân biệt chủng tộc đang tồn tại" (2).

Trong khuôn khổ của Thập kỷ thứ nhất hành động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, Hội nghị thế giới lần thứ nhất chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc đã được tổ chức tại Giơ-ne-vơ vào năm 1978. Hội nghị vạch trần bản chất xấu xa của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ; cảnh báo rõ nó là mối đe dọa đối với quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc. Đặc biệt, Hội nghị đã cực lực lên án chủ nghĩa A-pác-thai là tội ác chống lại nhân loại, hạ thấp nhân phẩm và đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế.

Hội nghị lần thứ hai về chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc cũng được tổ chức tại Giơ-ne-vơ vào năm 1983. Hội nghị này kiểm điểm và đánh giá những hoạt động của cộng đồng quốc tế đã được thực hiện trong Thập kỷ thứ nhất hành động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc ; đồng thời, đề ra những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả những văn kiện của LHQ về loại bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc và chủ nghĩa A-pác-thai.

Thập kỷ thứ hai hành động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc diễn ra từ năm 1983 đến năm 1993. Mục tiêu chính của Thập kỷ này là tập trung loại bỏ chủ nghĩa A-pác-thai. Đại hội đồng LHQ yêu cầu Hội đồng Bảo an LHQ áp đặt lệnh cấm vận phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế nhằm chống lại chính quyền A-pác-thai ở Nam Phi ; kêu gọi các phương tiện thông tin đại chúng ở các quốc gia phát huy vai trò hơn nữa trong việc phổ biến thông tin và kỹ thuật chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc và chủ nghĩa A-pác-thai.

So với hai Thập kỷ trước, mục tiêu của Thập kỷ thứ ba rộng lớn hơn, xem xét những hoạt động chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc ở cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia thông qua nghiên cứu, báo cáo và phối hợp toàn cầu. Mục tiêu của Thập kỷ còn nhằm đánh giá toàn diện tác hại của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đối với các quốc gia ; tìm ra nguyên nhân sâu xa để từ đó có các biện pháp ngăn chặn và loại bỏ chúng. Trong khuôn khổ của Thập kỷ thứ ba, Hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, tư tưởng bài ngoại và các hình thức không khoan dung khác, đã diễn ra tại Nam Phi, từ ngày 31-8 đến ngày 7-9-2001. Hội nghị đã xem xét những tiến bộ đạt được trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối

(2) Xem *Nghị quyết Đại hội đồng LHQ*, số 3015 (XXVIII) ngày 2-11-1973 (tiếng Anh)

Digitized by Google

xử dựa trên chủng tộc ; để ra các biện pháp nhằm nâng cao mức độ nhận thức về mối đe dọa của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc ; nâng cao hiệu quả hoạt động và cơ chế của LHQ trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc ; đánh giá các nguyên nhân và đề ra những định hướng, biện pháp để các quốc gia, khu vực và cộng đồng quốc tế có thể ngăn ngừa và loại bỏ tất cả các hình thức của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và sự phân biệt đối xử về chủng tộc...

Nhìn chung, cuộc đấu tranh của cộng đồng quốc tế chống phân biệt chủng tộc đã đạt được những kết quả to lớn thể hiện qua việc loại bỏ những hình thức phân biệt chủng tộc có hệ thống được tập trung nghiêm trọng nhất ở chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa A-pác-thai.

Tuy nhiên, phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vẫn chưa bị xóa bỏ hoàn toàn. Nó vẫn tồn tại và thậm chí còn phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau ở nhiều quốc gia và khu vực khác nhau trên thế giới. Đó là nạn bài ngoại, chủ nghĩa phát xít mới, các chính sách và chủ trương bài xích và phân biệt chủng tộc, sắc tộc dưới nhiều hình thức của những tổ chức chính trị cực hữu ở nhiều nước Tây Âu. Thậm chí ở những quốc gia được xem là "chuẩn mực" nhất về quyền con người, tệ phân biệt chủng tộc vẫn công khai diễn ra hằng ngày.

3. Việt Nam với những nỗ lực loại bỏ phân biệt chủng tộc

Có thể nói rằng, Việt Nam là một trong những nước điển hình trong cuộc chiến chống lại tệ phân biệt chủng tộc. Các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới mà nhân dân Việt Nam đã tiến hành và giành những thắng lợi rực rỡ đã trở thành nguồn động viên và cổ vũ lớn lao đối với cộng đồng quốc tế trong quá trình phi thực dân hóa nói riêng và trong cuộc chiến toàn diện chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc nói chung trên thế giới.

Việt Nam là quốc gia thành viên của Công ước quốc tế về ngăn ngừa và loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc và của Công ước quốc tế về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng kể từ ngày 9-6-1981. Cùng ngày này, Việt Nam đồng thời gia nhập Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội A-pác-thai. Mặt khác, Việt Nam đã gia nhập hoặc phê chuẩn những công ước quốc tế cơ bản về quyền con người, trong đó có nhiều quy định và nguyên tắc chống phân biệt đối xử về chủng tộc. Trong số đó, có Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (gia nhập ngày 24-9-1982), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (gia nhập ngày 24-9-1982), Công ước quyền trẻ em (phê chuẩn ngày 20-2-1990)...

Tuy nhiên, không phải đến khi trở thành thành viên của các công ước nói trên thì chúng ta mới thực hiện các nguyên tắc và quy định chống sự phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, sắc tộc. Trước đó, hệ thống chính sách và pháp luật của Việt Nam đã thể hiện nhất quán nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử, đặc biệt là không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, sắc tộc. Các nguyên tắc và quy định này được nêu trong bản Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam mới và được phát triển, bổ sung và hoàn thiện tại Hiến pháp năm 1992. Các luật và văn bản dưới luật được ban hành đều thể hiện rõ nét tinh thần này của Hiến pháp.

Không những đảm bảo tốt nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, sắc tộc trong hệ thống pháp luật quốc gia, Việt Nam còn triển khai một số chính sách mang tính ưu đãi đối với những cộng đồng dân tộc (sắc tộc) thiểu số nhằm từng bước tạo điều kiện cho đồng bào thiểu số đạt được sự hưởng thụ bình đẳng trong phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Với những nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực hiện chính sách, pháp luật đảm bảo sự bình đẳng của mọi cá nhân trong việc hưởng thụ các quyền con người, Việt Nam đã và đang tích cực và chủ động loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, góp phần vào cuộc đấu tranh lâu dài của cộng đồng quốc tế nhằm diệt trừ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và tệ phân biệt chủng tộc, vì một thế giới hòa bình, an ninh, hữu nghị và tôn trọng quyền con người. ❑

Digitized by Google

Về thị trường chứng khoán Mỹ và Trung Quốc : BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

ĐẶNG MINH ẤT *

THÔNG tin trong thời đại ngày nay là một phần không thể thiếu được đối với toàn bộ đời sống kinh tế và xã hội, đặc biệt là những ngành nhạy cảm, trong đó có thị trường chứng khoán (TTCK). TTCK Việt Nam khai trương hoạt động vào tháng 7-2000. Đây là lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ và liên tục xuất hiện hết bất cập này đến khó khăn khác. Kinh doanh chứng khoán, về thực chất là quá trình xử lý thông tin và ra quyết định. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống thông tin (HTTT) đầy đủ, tin cậy, dễ sử dụng và kịp thời là điều kiện tiên quyết để TTCK hoạt động hiệu quả. Thực tiễn hơn 2 năm hoạt động của TTCK Việt Nam đã bộc lộ rất nhiều yếu kém của HTTT. Các nhà đầu tư không tin tưởng vào các thông tin trên thị trường vì có quá nhiều thông tin kém tin cậy, không trung thực, thiếu chính xác hoặc không cập nhật.

Việc nghiên cứu các HTTT cho TTCK ở các nước như Mỹ, Trung Quốc sẽ giúp chúng ta có được những kinh nghiệm và bài học quý giá, kịp thời đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện, cải tiến HTTT của TTCK Việt Nam.

1. Hệ thống thông tin của thị trường chứng khoán Mỹ

Cùng với sự phát triển kinh tế nói chung và sự phát triển của công nghệ thông tin nói riêng, ngày nay các quốc gia đã đầu tư khá nhiều vào việc phát triển HTTT và TTCK. Kinh nghiệm cho thấy, việc tổ chức tốt HTTT làm cho TTCK phát triển nhanh, hiệu quả và có sức mạnh.

TTCK Mỹ có lịch sử phát triển đã hơn 200 năm với 14 sở giao dịch, thậm chí cả thị trường phi tập trung (OTC), khối lượng giao dịch thuộc loại lớn nhất thế giới. Tính ổn định về mặt kỹ thuật của nó đủ cho thấy HTTT được tổ chức tốt đến mức nào. HTTT của TTCK Mỹ vận hành trôi chảy là do nó được tổ chức tốt, được đầu tư hợp lý về cơ sở hạ tầng. Ủy ban Chứng khoán Mỹ là cơ quan quản lý, giám sát về lĩnh vực chứng khoán, đã thiết lập được khung pháp luật thực sự mạnh và có hiệu lực để quản lý TTCK nói chung và HTTT chứng khoán nói riêng. Mọi hoạt động của các chủ thể tham gia trên TTCK như sở giao dịch chứng khoán, các công ty niêm yết, công ty chứng

* TS. Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Digitized by Google

khoán... đều phải tuân theo những quy định của Ủy ban trong quy chế công bố thông tin cũng như các hoạt động giao dịch.

Các công ty niêm yết có những ràng buộc rất chặt chẽ. Ngoài việc chấp hành các nguyên tắc về công bố thông tin chung của các TTCK, họ còn có sự kiểm soát khác từ phía người đầu tư. Chẳng hạn, các công ty muốn phát hành cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ đông lớn, họ phải lập và nộp bản thông cáo phát hành. Các nhà đầu tư có quyền khởi kiện công ty, nếu công ty công bố bất cứ điều gì sai sự thật trong bản thông cáo phát hành.

Các công ty chứng khoán khi đưa ra thông tin của mình cho các nhà đầu tư bằng các hình thức tư vấn cũng phải rất thận trọng. Bởi, một mặt họ phải tuân theo những quy định rất rõ ràng trong việc công bố thông tin thông qua Đạo luật Tư vấn đầu tư ; mặt khác, nếu vi phạm, họ lập tức sẽ bị tẩy chay và sẽ có người thay thế họ ngay trên thị trường. Vì vậy, các thông tin của các TTCK là rất đáng tin cậy. Hơn nữa, tại TTCK Mỹ có thêm loại hình công ty bảo vệ người đầu tư. Do đó, các hành vi công bố thông tin sai trái, thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến người đầu tư thì khó có thể tồn tại. Đặc biệt, TTCK Mỹ luôn chú trọng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho HTTT để quản lý và giao dịch hiệu quả, đảm bảo lợi ích về thông tin cho người đầu tư. Cụ thể là, các sở giao dịch được khuyến khích áp dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong giao dịch. Lúc đầu các giao dịch tại sở được thực hiện bằng thủ công, nhưng cùng với sự phát triển của các ngành công nghệ, việc giao dịch đã chuyển dần sang hình thức bán tự động và tự động. Tại các sở giao dịch chứng khoán của Mỹ, chẳng hạn TTCK Niu Oóc, A-mếch... đều có riêng bộ phận giao dịch và kỹ thuật, có chức năng tạo ra môi trường giao dịch công bằng, công khai và hiệu quả cho các thành viên. Bộ phận này có nhiệm vụ đảm bảo mọi thông tin, số liệu về giao dịch các chứng khoán được phổ biến kịp thời, chính xác tới các thành viên, người giao dịch và thị trường.

Vấn đề mạng truyền thông cũng được phát huy tối đa tại TTCK Mỹ. Thông tin tại các sở giao dịch luôn thông suốt, có thể xóa đi tối đa sự chênh lệch về giá và sự lệch pha về thông tin, do nó được bảo đảm bởi hệ thống mạng CORES với cấu hình mạnh và phần mềm ổn định, có thể kết nối được với các TTCK lớn khác trên toàn thế giới.

HTTT chứng khoán được phát triển cũng bởi mạng lưới các hãng cung cấp thông tin chuyên nghiệp, các công ty chuyên làm dịch vụ tư vấn với hơn 80 000 khung màn hình vi tính khác nhau thể hiện bản tin chứng khoán của hơn 80 000 công ty, cung cấp các số liệu, phân tích chứng khoán đến từng địa phương ở Mỹ. Những công ty này chỉ phục vụ cho khách hàng hội viên của công ty, cho nên, để được tham gia, người đầu tư phải trở thành hội viên thực sự và phải cần một chi phí cũng rất lớn. Trên thực tế, các nhà đầu tư muốn đầu tư tại Mỹ thường tập trung một số chương trình quan trọng qua những kênh lớn là CNN, AOL, REUTER, FINANCIAL TIMES...

Thị trường phi tập trung ở Mỹ hoạt động cũng rất có hiệu quả, nằm dưới sự kiểm soát của Ủy ban Chứng khoán quốc gia. Hệ thống giao dịch tại thị trường này cũng được tự động hóa hoàn toàn. Hầu hết các giao dịch tại đây đều được tiến hành thông qua mạng lưới điện thoại và vi tính với doanh số lớn gấp nhiều lần so với các sở giao dịch.

Digitized by Google

Thị trường OTC sử dụng hệ thống báo giá tự động của NASD (National Association of Securities Dealer - Hiệp hội các nhà kinh doanh chứng khoán) là một hệ thống được điện toán hóa hoàn toàn, cung cấp giá cả chứng khoán cho các thành viên để tiến hành thương lượng, đàm phán trước khi ký hợp đồng tiêu thụ chứng khoán. Hệ thống này nối mạng với các máy con của các hội viên thuê bao hệ thống NASD.

2. Hệ thống thông tin của thị trường chứng khoán Trung Quốc

Thị trường chứng khoán Trung Quốc ra đời rất muộn (1981), và cho đến đầu những năm 90 thế kỷ XX, phát triển không mấy hiệu quả.

Do phát triển thị trường từ tự phát lên có tổ chức, từ không tập trung đến tập trung, nên TTCK Trung Quốc hoạt động lỏng lẻo. Trong thời gian đầu, HTTT của TTCK Trung Quốc hết sức lộn xộn, các thông tin giữa hai sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến và Thượng Hải không thống nhất bởi chúng tuân theo các quy định của địa phương, mạng truyền thông chưa được chú trọng và áp dụng các giao dịch thủ công, mặc dù lúc đó ngành điện toán đã có những ứng dụng rất hiệu quả vào giao dịch chứng khoán của một số TTCK trên thế giới. Cũng chính vì chưa có cơ quan nhà nước quản lý thống nhất về chứng khoán nên các quy chế, quy định về thông tin không được coi trọng nên chất lượng thông tin trên thị trường rất kém, các công bố thông tin của các công ty niêm yết, công ty chứng khoán có độ tin cậy rất thấp. Kết quả là, TTCK Trung Quốc phát triển một cách chậm chạp, không đáp ứng được nhu cầu cổ phần hóa, không đẩy mạnh việc thu hút vốn từ TTCK và gây lãng phí thời gian.

Chỉ từ năm 1992 đến nay, khi Ủy ban Chứng khoán nhà nước được thành lập, TTCK Trung Quốc mới dần đi vào trật tự. Ủy ban Chứng khoán nhà nước giữ vai trò quản lý và giám sát các hoạt động thuộc lĩnh vực chứng khoán. Các công ty niêm yết, công ty chứng khoán, các sở giao dịch chứng khoán hoạt động theo chuẩn thống nhất, đặc biệt là các quy chế về công bố thông tin trên thị trường.

Trung Quốc nhận thức rằng, trong điều kiện tin học phát triển như hiện nay, các TTCK cần được hiện đại hóa. Các Sở giao dịch Thâm Quyến và Thượng Hải đã áp dụng giao dịch tự động, đưa khối lượng giao dịch tăng lên nhanh chóng. Thông qua hệ thống giao dịch tự động, mỗi giờ có thể tiến hành 100 000 cuộc giao dịch, đáp ứng lượng giao dịch ngày càng tăng của đất nước có hơn 1,3 tỉ dân này.

Các sở giao dịch chứng khoán Trung Quốc đã nối mạng với nhau và với các công ty chứng khoán trong nước. Toàn bộ các giao dịch đã được thực hiện thông qua mạng vi tính, xóa đi sự không thống nhất về thông tin. Gần đây, Trung Quốc đang tiến hành khảo sát lại hiện trạng và học hỏi kinh nghiệm về phát triển HTTT chứng khoán của thế giới.

3. Bài học kinh nghiệm đối với thị trường chứng khoán Việt Nam

Từ việc tìm hiểu, nghiên cứu HTTT của TTCK Mỹ và Trung Quốc có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam như sau :

Một là, HTTT tại các sở giao dịch cần được hiện đại hóa ngay từ đầu, nhất là đối với các xử lý giao dịch trên sàn. Ngay từ khi mới bắt đầu đi vào giao dịch, TTCK Trung Quốc đã quá giản tiện trong trang

Digitized by Google

thiết bị hệ thống xử lý giao dịch (nhận lệnh, truyền lệnh, xử lý lệnh...) nên các giao dịch rất chậm, người đầu tư thấy lãng phí thời gian nên không mặn mà ; hơn nữa, tình trạng thủ công còn nặng nề trong khi sự tiến bộ không ngừng của công nghệ thông tin trên thế giới nên vô hình trung rơi vào sự tụt hậu và lãng phí. TTCK Mỹ có bộ phận kỹ thuật và thông tin tại các sở chuyên đánh giá những công nghệ mới để đưa ra ứng dụng trên thị trường. Đối với Việt Nam, trong điều kiện TTCK phát triển muộn, tuy chúng ta có được lợi thế so sánh như chi phí cho hệ thống tự động hóa ngày càng có xu hướng giảm xuống, nhưng phải luôn chú ý đến vấn đề trang thiết bị phục vụ việc giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán. Các thiết bị không nên quá giản tiện, vì như thế sẽ rất khó hiện đại hóa, khi quy mô TTCK phát triển. Song, không chỉ vì hiện đại hóa thuần túy mà xây dựng hệ thống trang thiết bị quá cầu kỳ. Chúng ta cần chú ý đến trạng thái mở để khi khối lượng giao dịch tăng lên có thể nâng cấp, mở rộng công suất xử lý của hệ thống. Cách làm như vậy sẽ cho phép tiết kiệm được các chi phí ban đầu, đồng thời vẫn đảm bảo tính liên tục của hệ thống khi TTCK phát triển.

Hai là, *nên có một chiến lược phát triển HTTT từ phía Ủy ban Chứng khoán nhà nước.* Bài học thực tế từ TTCK Mỹ cho thấy, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Mỹ đã có chiến lược bao quát, theo sát thị trường với sự phát triển của công nghệ thông tin cùng các đạo luật chặt chẽ về quản lý thị trường, quy chế thông tin cho các thành viên thị trường. Vì vậy, HTTT có sự thông suốt đồng bộ thông tin giữa các sở giao dịch và với toàn bộ thị trường, chất lượng thông tin đầu ra có độ tin cậy cao. TTCK Trung Quốc lúc đầu được giao phó cho các sở giao dịch tự tổ chức HTTT của mình theo những quy chế của địa phương khác nhau nên chất lượng thông tin kém, hiệu quả hoạt động của thị trường thấp.

Ba là, *cần chú ý đến vấn đề mạng truyền thông giữa các bộ phận thị trường.* Thông tin trên TTCK cần phải thông suốt và có sự thống nhất. Ở TTCK Mỹ, do được quan tâm đến vấn đề truyền tin đúng mức nên giữa các sở giao dịch cũng như các bộ phận thị trường thông tin đều đáp ứng được các nguyên tắc về *độ tin cậy, kịp thời, chính xác, nhanh chóng và hiệu quả.* Còn ở TTCK Trung Quốc, vấn đề mạng truyền thông lúc đầu chưa được chú trọng gây nên tình trạng lộn xộn thông tin, sai lệch thông tin, nay đã kịp thời điều chỉnh.

Bốn là, *khuyến khích hoạt động của các hãng cung cấp thông tin chuyên nghiệp,* nhất là khi TTCK phát triển, có thị trường phi tập trung. Ở TTCK Mỹ, đội ngũ các hãng thông tin chuyên nghiệp khá hùng hậu, nó cung cấp thông tin rất nhiều và phong phú cho các nhà đầu tư trên toàn thế giới. Tại TTCK Trung Quốc, do đội ngũ thông tin chuyên nghiệp mỏng nên việc cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư trong nước còn kém, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến TTCK Trung Quốc, nhất là khi cần quan sát TTCK Trung Quốc thông qua những kênh chuyên nghiệp cũng trở nên rất khó khăn. Vì thế điều đó trực tiếp hạn chế rất nhiều đến việc thu hút vốn của Trung Quốc. Do vậy, khi TTCK Việt Nam phát triển, nhất là khi chúng ta chuẩn bị để tiếp nhận nguồn vốn lớn của các nhà đầu tư nước ngoài thì càng phải khuyến khích các hãng cung cấp thông tin chuyên nghiệp có những đầu tư về thông tin chứng khoán. ❑

Digitized by Google

TỌA ĐÀM : CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN VỚI NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN LÝ LUẬN VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

NGÀY 12-3-2003, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức tọa đàm khoa học : "Các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn với nhiệm vụ nghiên cứu, tuyên truyền lý luận và tổng kết thực tiễn". Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cuộc tọa đàm. Đại diện các tạp chí : Tạp chí Cộng sản, Xưa và Nay, Thông tin Khoa học xã hội, Nghiên cứu tôn giáo, Nghiên cứu kinh tế, Triết học, Gia đình và trẻ em, Tư tưởng Văn hóa, Nghiên cứu về phụ nữ và Vụ Báo chí xuất bản Bộ Văn hóa - Thông tin... trình bày tham luận. Các ý kiến đề cập tương đối toàn diện những nội dung tuyên truyền trên các tạp chí trong thời gian qua. Một số ý kiến cho rằng, trong nghiên cứu khoa học xã hội, cần coi trọng yếu tố sáng tạo, thực tiễn, phát hiện và dự báo. Chỉ có trên cơ sở giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, mới phát huy được quyền dân chủ trong nghiên cứu, giữ vững được tôn chỉ mục đích của từng tạp chí. Khoa học xã hội không phải là sự sao chép, thêm thắt hay minh họa nghị quyết, bê nguyên xi tri thức của nhân loại mà phải biết kế thừa, chọn lọc, phát triển và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn hôm nay.

Các tham luận đề cập tác dụng của các bài viết trên tạp chí, nêu kinh nghiệm tuyên truyền, đổi mới tư duy trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành, góp phần hoạch định đường lối, chính sách đổi mới đất nước, dưới nhiều hình thức như xây dựng luận cứ khoa học, làm sáng tỏ nội dung nghị quyết của Đảng, tham gia cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn, các đại biểu cho rằng : Để không ngừng nâng cao chất lượng bài viết trên tạp chí, Ban Biên tập cần chú ý định hướng tư tưởng, coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, gắn lý luận với cuộc sống, với hoạt động của các bộ, ngành, tăng thêm các bài viết đấu tranh chống quan điểm sai trái của các thế lực thù địch bảo vệ quan điểm đường lối của Đảng một cách sáng tạo, nhiều chiều, nhất là những thông tin từ các cơ quan lãnh đạo của Đảng, cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, trên cơ sở định hướng và thông tin thường xuyên của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Mặt khác, cơ quan quản lý báo chí cần giúp đỡ tạp chí tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, có cơ chế, chính sách phù hợp để tạp chí hoạt động tốt hơn.

Kết luận cuộc tọa đàm, đồng chí Hồng Vinh gợi ý một số vấn đề và đề nghị các tạp chí cần quan tâm. Đó là bám sát nội dung Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng, trong đó có vấn đề định hướng phát triển khoa học, giáo dục và công nghệ từ nay đến năm 2010. Khoa học xã hội và nhân văn phải góp sức giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra ; dự báo xu thế phát triển của tình hình và những sự kiện cụ thể ; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách ; tham gia phát triển nguồn lực con người, phát huy giá trị của nền văn hóa mới Việt Nam. Trước mắt, trong việc quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) "Về công tác tư tưởng lý luận", cần chú ý hai điểm : một là, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm sáng rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; hai là, nâng cao hiệu quả hoạt động báo chí xuất bản, văn hóa văn nghệ, thông tin đối ngoại.

Phân tích tình hình thực tiễn đất nước thời gian gần đây, đồng chí nhấn mạnh những công việc các tạp chí khoa học xã hội cần làm tốt trong thời gian tới. *Một là,* coi nhiệm vụ hàng đầu của tạp chí là tập trung sức của mọi cán bộ, phóng viên tham gia nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn theo chức năng, nhiệm vụ của từng tạp chí trên cơ sở quán triệt đầy đủ 9 điểm được đề cập trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). *Hai là,* cần làm tốt công tác tư tưởng, giáo dục tư tưởng cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước, khí phách con người Việt Nam. *Ba là,* phải làm cho tạp chí ngày càng thêm hấp dẫn bằng cách chọn từng vấn đề trao đổi, nghiên cứu, tuyên truyền ; cách đề cập phải có sức cuốn hút, sâu sắc, thuyết phục bằng chất lý luận và giàu tính thực tiễn ; chú trọng việc cấu trúc các chuyên mục sao cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu bạn đọc. *Bốn là,* có cơ chế chính sách thu hút động viên nội bộ và đội ngũ cộng tác viên (chế độ nhuận bút, chế độ đãi ngộ khuyến khích phóng viên đi thực tế). *Năm là,* xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các ban, bộ, ngành với các tạp chí và giữa các tạp chí với nhau ; duy trì chế độ giao ban theo khối, đồng thời chủ động giao lưu với nhau ; xây dựng cơ chế bảo đảm dân chủ. ❑

VĂN HÙNG

Digitized by Google

BỆNH VIỆN MẮT HÀ NỘI



Giám đốc:
BS. CAO MỸ LỆ

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2002

-Chương trình phòng chống mù lòa

*Giải phóng mù lòa do đục thể thuỷ tinh:

Trong năm qua, Bệnh viện Mắt đã triển khai mổ đục thể thuỷ tinh xuống tận xã, phường. Đã mổ được 2383 ca, trong đó mổ đục thể thuỷ tinh bằng phương pháp pha-cô 1688 ca (tại Bệnh viện Mắt Hà Nội)

*Phòng chống bệnh mắt hột: qua chương trình y tế học đường.

*Chương trình phòng chống khô nhuyễn giác mạc ở trẻ em dưới 5 tuổi do thiếu Vi-ta-min A.

- Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Năm qua, Bệnh viện cử 2 bác sĩ học cao học, 1 bác sĩ học chuyên khoa II, 1 bác sĩ học lớp chính trị cao cấp và một số bác sĩ học lớp công chức.

- Quan hệ hợp tác ngoại tỉnhvà quốc tế

Trong năm 2002, Bệnh viện Mắt thực hiện 86 phẫu thuật từ thiện, nhân đạo cho các trẻ em khuyết tật của tỉnh Cao Bằng. Phối hợp với đoàn tàu sức khoẻ Trung Quốc trao đổi triển khai phẫu thuật và trao đổi kỹ thuật mổ pha-cô. Dự án chương trình phòng chống mù loà đã được tổ chức CBM (Christoffel Blinden Mission) tiếp tục tài trợ. Năm 2002, thực hiện được 300 ca mổ thể tinh thuỷ miễn phí. Năm 2002, đã mổ miễn phí (nhân đạo) 926 ca cho những người bị bệnh đục thể thuỷ tinh trong diện chính sách và người nghèo.

- Thi đua khen thưởng:

có 78 cá nhân và 7 tập thể đạt danh hiệu "Lao động giỏi" cấp cơ sở. Đề nghị cấp trên công nhận 4 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. 1 tập thể đạt "Lao động giỏi" cấp ngành.





Mổ đục thủy tinh thể bằng phương pháp pha-cô

ĐỊA CHỈ: 37 HAI BÀ TRƯNG-HÀ NỘI (PHÍA TRONG BỆNH VIỆN VIỆT NAM - CU BA)
ĐIỆN THOẠI: 04. 8256 829; 8 252 376

VIỆN CƠ HỌC (IMECH)



TRỤ SỞ CHÍNH: 246 ĐỘI CẤN, QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (04) 7 628 320 * FAX: (04) 8 333 039

HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH:

* CƠ HỌC THUỶ - KHÍ CÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

* CƠ HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG BIỂN.

* CƠ HỌC CÔNG TRÌNH VÀ NỀN MÓNG.

* CƠ HỌC MÁY VÀ TỰ ĐỘNG HOÁ.

VIỆN CÓ MỘT LỰC LƯỢNG CÁN BỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ MẠNH GỒM: 6 GIÁO SƯ, 9 PHÓ GIÁO SƯ, 11 TIẾN SĨ KHOA HỌC, 29 TIẾN SĨ, 10 THẠC SĨ VÀ 80 KỸ SƯ.

VIỆN CÓ 9 PHÒNG NGHIÊN CỨU CHUYÊN MÔN VÀ 5 ĐƠN VỊ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.

TỪ NGÀY 22-11-2000, CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐƯỢC THÀNH LẬP ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - KỸ THUẬT KHÁC.

VIỆN ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA VÀ HẠNG NHẤT.

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

THE UNION OF HAIPHONG IMPORT & EXPORT CORPORATIONS
ĐC: 18 Cù Chính Lan - Hải Phòng * ĐT: (84.31) 823 191 * Fax: (84.31) 842 097 * Email: unimexhpg@hn.vnn.vn
Cable: UNIMEX HAIPHONG * Bí thư Đảng uỷ, Giám đốc: **ĐOÀN DUY TRỌNG**

CHỨC NĂNG, NGÀNH NGHỀ CHÍNH

- Sản xuất, thu mua, khai thác, gia công chế biến hàng xuất nhập khẩu, kinh doanh nội địa bán buôn, bán lẻ vật tư hàng hóa.
- XNK trực tiếp, ủy thác, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu quá cảnh và dịch vụ XNK trong và ngoài nước.
- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh xe gắn máy 2 bánh và sửa chữa ô-tô chuyên dùng; kinh doanh đại lý xăng dầu, khí hóa lỏng; phá dỡ tàu cũ và kinh doanh sắt thép, phế liệu.
- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; đánh bắt, ươm, nuôi trồng, chế biến thuỷ sản.
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ đổ rác và giải quyết chất thải sinh hoạt của tàu nước ngoài, dịch vụ du lịch và lữ hành nội địa; kinh doanh khách sạn.
- Ứng dụng và phát triển tin học; dịch vụ tin học,v.v.



Lễ kết nạp Đảng viên

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM (2000 - 2002)

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM THỰC HIỆN		
		2000	2001	2002
1. Doanh thu	1 000 000VNĐ	108 000	123 000	100 000
2. Kim ngạch XK	1 000 USD	1 000	1 500	1 900
3. Nộp ngân sách	1 000 000VNĐ	17 583	23 567	12 000
4. Lợi nhuận	1 000 000VNĐ	2 094	1 278	1 300

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

- Năm 2001, được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh và năm 2002 đang được đề nghị công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh .
- 100% chi bộ thuộc Đảng bộ là chi bộ trong sạch, vững mạnh và chi bộ khá, không có chi bộ yếu kém.
- 100% đảng viên được phân loại là đảng viên đủ tư cách, trong đó có 42% đảng viên tiên phong, gương mẫu.
- Năm 2002, đã kết nạp được 8 đồng chí quần chúng ưu tú vào Đảng Cộng sản Việt Nam.



Quang cảnh Công ty

Digitized by Google

BỘ CÔNG NGHIỆP

INDUSTRIAL COLLEGE No.4

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP 4

ĐỊA CHỈ : 12 NGUYỄN VĂN BẢO - PHƯỜNG 4 - QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
* ĐIỆN THOẠI : (84 - 8) 8 955 858 - 8 940 390 * FAX ; (84 - 8) 8 946 268
* EMAIL : CCS @ BDVN.VND.NET. * HIỆU TRƯỞNG : TẠ XUÂN TỀ



Một lớp công nghệ thông tin



Trung tâm hàn chất lượng cao

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

- Cơ khí
- Điện
- Điện tử
- Công nghệ hóa
- Công nghệ Thông tin
- Kinh tế
- Kỹ thuật môi trường

CÁC TRUNG TÂM CHUYÊN MÔN HÓA

- Đào tạo quốc tế
- Đào tạo tại chức
- Hàn chất lượng cao
- Giáo dục thường xuyên
- Đào tạo lái xe
- Đào tạo xuất khẩu lao động
- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ

Digitized by Google

Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam

CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HOÁ PHẨM DẦU KHÍ (DMC)

PETROVIETNAM DMC

Trụ sở chính: 97 Láng Hạ, Hà Nội * Tel: (84.4) 8 561 053 - 8 562 513

Fax: (84.4) 8 562 552 * E-mail: dmc@hn.vnn.vn

QMS Approved Company ISO 9002 — QMS Cert. No: V96008

VIỆT NAM ISO 9002: 1994

SẢN XUẤT KINH DOANH

* Các hệ dung dịch khoan và hóa phẩm phục vụ công nghiệp khoan thăm dò khai thác và vận chuyển dầu khí: Ba-ri-tơ API, ben-tôni API, Si-li-a Phlo, chất bôi trơn, chất diệt khuẩn (Bi-ô-sa), Po-ly-me sinh học, Can-xi-um Clo-xít, xi-măng giếng khoan - Clát G, xi-măng bền sun-phát, CMC, FCl, Nacl, $Ca(OH)_2$, Can-xi-um Các-bô-nát, Mi-ca, Demulsifier, PPD,...

* Vật liệu cách nhiệt cách âm trên cơ sở sợi khoáng ba-zan, sử dụng trong công trình biển và trong xây dựng dân dụng.

* Xuất nhập khẩu hóa chất phục vụ cho khoan khai thác dầu khí và các ngành công nghiệp khác.

* Hóa phẩm xử lý móng công trình dân dụng, khoan cọc nhồi, khoan các giếng khoan giảm áp để bảo vệ đê điều, khoan nước ngầm, địa chất công trình...

* Đô-lô-mít, Phét-spa, Quátz cho công nghiệp gốm sứ, que hàn...

* Khai thác chế biến đá vôi trắng (Marble) cho công nghiệp sản xuất giấy, cao-su, bột giặt, nhựa, sơn... trong nước và xuất khẩu.

DỊCH VỤ KỸ THUẬT

* Nghiên cứu chuyển giao công nghệ và dịch vụ kỹ thuật về dung dịch khoan, xi măng, dung dịch hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu.

* Cung cấp kỹ sư dung dịch cho các giàn khoan, giám sát khoan cho công trình thủy lợi, khoan nước ngầm, địa chất công trình...

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

* Xí nghiệp Hóa phẩm dầu khí Yên Viên:
Tel: (84.4) 8 271 483; Fax: (84.4) 8 780 902
* Xí nghiệp Hóa phẩm Dầu khí Quảng Ngãi
Tel: (84.55) 823 819; Fax: (84.55) 828 990
* Chi nhánh Vũng Tàu:
Tel: (84.64) 832 036 ; Fax: (84.64) 832 084
* Văn phòng Đại diện TP Hồ Chí Minh:
Tel: (84.8) 8 996 377; Fax: (84.8) 8 995 284
*Liên doanh M-I Vietnam, Vũng Tàu:
Tel: (84.64) 832 670; Fax: (84.64) 839 855
*Liên doanh Barite Tuyên Quang - DMC:
Tel: (84.27) 835 274 ; Fax: (84.27) 835 551
* Công ty TNHH Kinh doanh - Khai thác - Chế biến đá vôi trắng Nghệ An - DMC;
Tel: (84.38) 675 538
* Xí nghiệp Vật liệu cách nhiệt - DMC
Khu Công nghiệp Phú Mỹ I - huyện Tân Thành - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
Tel: (064) 894 630; Fax: (064) 894 631

TRƯỜNG TRUNG HỌC KỸ THUẬT MAY VÀ THỜI TRANG I

TRƯỜNG TRUNG HỌC KỸ THUẬT MAY VÀ THỜI TRANG I

25 NĂM 1977 - 2002

TECHNICAL SECONDARY SCHOOL FOR GARMENT AND FASHION NO.1

Địa chỉ: Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội * ĐT: 8 276 514 - Fax: 8 766 585 - Email: sgf1 @fpt.vn

Hiệu trưởng: Nhà giáo Ưu tú Bùi Thị Thi

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

1. Kỹ thuật viên trung học các ngành: công nghệ may; thiết kế thời trang; cơ điện; nghiệp vụ kinh doanh may;

2. Công nhân kỹ thuật lành nghề: công nghệ may 3/6; công nghệ may 4/6; cơ điện 3/7;

3. Đào tạo ngắn hạn từ 3-9 tháng; bồi dưỡng các chuyên đề kỹ thuật; bồi dưỡng cán bộ quản lý, tổ trưởng sản xuất, chuyền trưởng may;

4.Liên kết đào tạo: cao đẳng, đại học công nghệ may;

5. Đào tạo lao động đi xuất khẩu.



THÀNH TÍCH

* HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT NĂM 1988;
* HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ NĂM 1996
* HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA NĂM 2000;
* 14 HUY CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
* 11 HUY CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP;
* 01 NHÀ GIÁO ƯU TÚ;
* 01 CÁ NHÂN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA;
* NHIỀU CỜ, BẰNG KHEN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ

Digitized by Google

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THÁI BÌNH

Địa chỉ: Đường Lý Bôn - Thị xã Thái Bình * Điện thoại: (036) 831 042



Bí thư Đảng bộ
Thầy thuốc Ưu tú, BSCKII
NHÂM ĐÌNH HÙNG



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Bệnh viện là tuyến y tế cao nhất của ngành y tế Thái Bình; đồng thời, là cơ sở thực hành của trường Đại học Y Thái Bình. Hằng năm, Bệnh viện khám chữa bệnh, thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân trong tỉnh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2002

Có 189 000 lượt người được khám bệnh, tăng 13% so với năm 2001, bằng 136% so với kế hoạch được giao; có 554 giường, đạt 106% kế hoạch; điều trị nội trú 25 000 bệnh nhân. Thực hiện 47 000 ca phẫu thuật, tổng số tiêu bản xét nghiệm trong năm gần 800.000 tiêu bản.

TRANG THIẾT BỊ

Hiện nay, Bệnh viện có một số trang thiết bị phục vụ cho việc chuẩn đoán và điều trị như: máy sinh hoá, máy huyết học tự động, máy X-quang tăng sáng truyền hình, máy phẫu thuật nội soi, máy thận nhân tạo và nhiều máy khác.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Với 537 CBCC, trong đó đại học và trên đại học là 158 đ/c, trung học 226 đ/c, cán bộ khác là 149 đ/c, Bệnh viện khuyến khích, hỗ trợ CBCC trong đào tạo thêm, cập nhật kiến thức, tiếp thu kỹ thuật chuyên sâu theo từng chuyên ngành, đồng thời quan tâm đào tạo nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị cho CBCC....

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nhờ những đổi mới liên tục và không ngừng phát huy năng lực, năm 2002 đơn vị được công nhận đạt tiêu chuẩn bệnh viện xuất sắc theo biểu điểm của Bộ Y tế.



Digitized by Google

CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TÂN THUẬN

KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC

ĐC : 210 - 212 Lê Hồng Phong, Quận 5, TP.HCM, VN * ĐT: (84-8) 835 3596 - 835 0780
Fax: (84-8) 835 1564 * E-mail: hiepphuocmkg@hcm.vnn.vn * Homepage: http:// www.ipcvn.com

❖ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ TỐT

- Cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20km.
- Xuôi dòng sông Soài Rạp ra biển Đông khoảng 40km.
- Đầu mối quan trọng của các tuyến đường thủy nội địa trọng yếu nối Thành phố Hồ Chí Minh với đồng bằng sông Cửu Long & các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nằm trong tổng thể phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về phía Nam.

❖ GIAO THÔNG THUẬN LỢI

- Mạng lưới đường bộ ngoại vi và nội vi phát triển hoàn chỉnh.
- Hệ thống cảng biển và cảng đường thủy nội địa riêng.

❖ QUY HOẠCH HOÀN CHỈNH

- Một khu công nghiệp đặc biệt dành cho các ngành công nghiệp nặng, có quy mô lớn và có mức độ ô nhiễm cao.
- Một cảng nước sâu cho các tàu có tải trọng trên 30.000dwt cập cảng nhằm phục vụ cho khu công nghiệp và các khu vực lân cận.
- Nạo vét sông Soài Rạp để mở một luồng tàu mới từ biển Đông đến khu công nghiệp Hiệp Phước và hệ thốngCảng Sài Gòn.

❖ CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG HOÀN CHỈNH

- Nhà máy điện Hiệp Phước, công suất 675 MW.
- Hệ thống cấp nước từ Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy nước ngầm Long Hậu.
- Hệ thống thu gom nước thải.
- Hệ thống thông tin liên lạc hiện đại.
- Hệ thống đường nội vi khu công nghiệp, hệ thống cống rãnh thoát nước, hệ thống chiếu sáng công cộng, khu hành chính và dịch vụ, hệ thống an ninh, phòng cháy chữa cháy, các khu vực công viên công cộng và vành đai xanh,...

❖ CHI PHÍ ĐẦU TƯ HỢP LÝ

- Giá cho thuê đất cạnh tranh.
- Phương thức thanh toán linh hoạt.

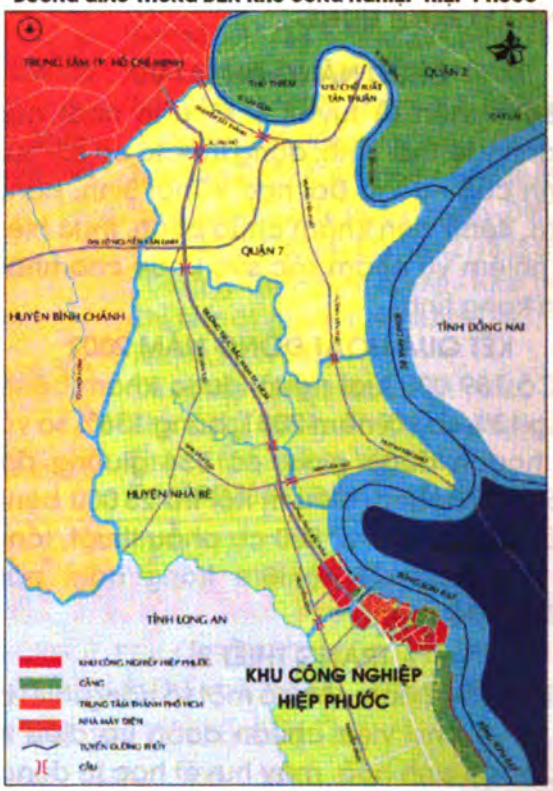
❖ THỦ TỤC DỄ DÀNG

- Áp dụng chính sách Một Cửa.

❖ NHIỀU ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

- Giá cho thuê đất ưu đãi.
- Các ưu đãi về thuế.
- Các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn miễn phí,...

ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐẾN KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC











Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG

Trụ sở: 33 Đại lộ Hồ Chí Minh - TP. Hải Dương - T.Hải Dương
Điện thoại: 0320. 852 611, 852 323 * Fax: 0320. 856 613

NGÀY THÀNH LẬP: 08 - 4 - 1969

TỔ CHỨC BỘ MÁY:

* 25 đơn vị trực thuộc gồm: 12 phòng nghiệp vụ, 3 phân xưởng , 1 đội sản xuất, 1 tổ và 8 chi nhánh điện nằm trên 12 huyện, thành phố trong địa bàn tỉnh Hải Dương.

* Tổng số CBCNV là: 654 người

Trình độ học vấn CBCNV: Đại học 115 người; cao đẳng 25 người; trung cấp 138 người; công nhân kỹ thuật 376 người.

TỔ CHỨC ĐẢNG:

Đảng bộ Điện lực Hải Dương trực thuộc Đảng bộ các cơ quan tỉnh gồm 117 đồng chí đảng viên sinh hoạt trong 14 chi bộ (chi bộ của các chi nhánh điện trực thuộc đảng bộ các huyện).

CƠ SỞ VẬT CHẤT:

5 trạm biến áp 110 kV, công suất: 192 600 kVA; 1 166 trạm, 1 246 máy biến áp trung gian, phụ tải. Tổng công suất lắp đặt là: 335,75 MVA và 1 637,05 km đường dây các loại 110, 35, 10, 6 và 0,4 kV.

Tổng số công-tơ: 42 934 cái, trong đó: 3 043 công tơ 3 Fa; 39 891 công-tơ 1 Fa.

NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ ĐƯỢC GIAO:

Điện lực Hải Dương được cấp trên giao nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Quản lý vận hành, xây dựng, sửa chữa lưới điện trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo kế hoạch của cấp trên.
- Quản lý và kinh doanh điện năng, cung ứng điện an toàn liên tục và đảm bảo chất lượng.
- Tham gia với tỉnh trong việc xây dựng quy hoạch phát triển lưới điện thông qua quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả toàn bộ tài sản lưới điện, nguồn điện, vốn... đã được cấp trên giao.
- Quản lý, sử dụng và xây dựng đội ngũ CBCNV để đáp ứng nhiệm vụ của điện lực trong từng giai đoạn phát triển .

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Từ năm 1997 đến nay, Điện lực Hải Dương đã nghiên cứu và mạnh dạn áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh nhiều giải pháp phù hợp với nền kinh tế thị trường, tạo được niềm tin đối với khách hàng. Sản lượng điện thương phẩm ngày càng tăng cao.

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

Huân chương Lao động hạng Ba năm 1999.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc cho CBCNV Điện lực Hải Dương về công tác an toàn, bảo hộ lao động năm 2000.

Bằng khen của Chính phủ năm 1998.

Bằng khen của Bộ Công nghiệp.

Bằng khen của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội năm 2000.

Bằng khen của tỉnh Hải Dương từ năm 1994 - 2001.

Đồng chí Giám đốc được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, 9 CBCNV được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh giai đoạn 1996 - 2000 và nhiều cá nhân được Bộ, UBND tỉnh Hải Dương và các ngành tặng bằng khen.

Digitized by Google

Tổng Công ty

XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

VINACCO

Địa chỉ: 68 đường Trường Chinh - Hà Nội * ĐT: (04) 8 693 992 - 8 692 621 * Fax: (04) 8 693 689

Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập theo QĐ số 1853 NN/TCCB /QĐ ngày 01-11-1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến thế từ 35 kV trở xuống, sản xuất, khai thác và cung ứng vật liệu xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, thiết bị máy móc và xuất khẩu lao động.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tổng số CBCNV của Tổng Công ty là 3227 người, hằng năm sử dụng khoảng 18 000 lao động thời vụ. Đảng bộ Tổng Công ty có 368 đảng viên sinh hoạt trong 19 chi bộ. Ngoài ra, 187 đảng viên khác sinh hoạt tại các chi bộ địa phương.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN

Kè sông Hồng Hà Nội - Hà Tây (kè Liên Trì, Phú Gia), hệ thống thủy lợi sông Chu, Linh Cảm, kè sông Thạch Hãn, sông Hàn, san nền cụm khí-điện-đạm Cà Mau, Bệnh viện Đa khoa Đồng bằng Sông Cửu Long; các công trình khai hoang đắp đập, kênh thoát lũ, cống ngăn mặn phục vụ cho phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, các dự án điện, đường, trường, trạm, chợ, ở vùng sâu vùng xa, xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, hoa quả...Ngoài ra, Tổng Công ty còn đang triển khai nhiều chương trình, dự án mới như: hệ thống thủy lợi Đông - phu - xi, Tha-pha-nông-phông, đập thủy lợi Nậm Tiên tại CHDCND Lào; xuất khẩu lao động đi các nước: Tiểu vương quốc Á-rập Thống nhất, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản; xuất khẩu đồ gỗ thành phẩm sang thị trường EU và đang chuẩn bị vào thị trường Mỹ.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

Thử nghiệm làm đường chống thấm trong và nền đê đập bằng phương pháp đào hào trong dung dịch Ben-tô-nít theo đề tài cấp Bộ.

THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Nhiều đơn vị và cá nhân đã được Nhà nước phong tặng Huân chương Lao động, bằng khen của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

* Huân chương Lao động hạng Nhất và hạng Nhì cho 2 tập thể và 1 cá nhân
* Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 4 đơn vị và 4 cá nhân
* Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 21 đơn vị và 46 cá nhân.

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ LASER - NACENLAS

ĐỊA CHỈ: C6 - THANH XUÂN BẮC - HÀ NỘI - VIỆT NAM
ĐIỆN THOẠI: 04 8 549 064 * FAX: 04 8 549 262 * E-MAIL: NACENLAS@FPT.VN

Trung tâm Công nghệ LASER - NANCENLAS (trước đây gọi là Viện Công nghệ Laser trực thuộc Viện Nghiên cứu ứng dụng công nghệ - Bộ Khoa học - Công nghệ) thành lập ngày 05 - 11 - 1986.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

1. Nghiên cứu ứng dụng đưa nhanh vào thực tiễn sản xuất những thành tựu có triển vọng của công nghệ laser.
2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, chế thử, chuyển giao công nghệ vào sản xuất các sản phẩm công nghệ cao thuộc các lĩnh vực.
3. Tham gia xây dựng chính sách phát triển công nghệ vào sản xuất các sản phẩm công nghệ cao.
4. Tham gia thẩm định về mặt khoa học - công nghệ những công nghệ được Nhà nước và Bộ Khoa học - Công nghệ giao.



Thiết bị tán sỏi cơ thể bằng sóng xung kích

5. Tham gia đào tạo cán bộ khoa học công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ laser
6. Hợp tác, liên doanh, liên kết, dịch vụ với các tổ chức khoa học công nghệ và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong việc thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm.

Digitized by Google

TRUNG TÂM TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

TCVN

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (04) 7 564 443 - 7 562 807 * Fax: (04) 8 361 771
E-mail: tcvn@hn.vnn.vn * Website: vsc.org.vnn.vn

Là đơn vị trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ), thực hiện chức năng nghiên cứu lý luận nghiệp vụ, pháp chế cơ bản, tổ chức xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, phát triển công tác tiêu chuẩn hoá và các hoạt động liên quan ở Việt Nam.



Trung tâm Tiêu chuẩn Chất lượng đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

Chức năng và nhiệm vụ

- Nghiên cứu phương hướng, mục tiêu, chính sách phát triển công tác tiêu chuẩn hoá chất lượng của Việt Nam;
- Đề xuất kế hoạch xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.
- Tổ chức xây dựng TCVN, tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.
- Tổ chức và điều hành hoạt động mã số, mã vạch theo sự phân công của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Xuất bản, in, phát hành các TCVN & các tài liệu liên quan khác
- Tiến hành hoạt động thông tin, phổ biến, đào tạo và tư vấn liên quan đến các hoạt động tiêu chuẩn hoá. Tư vấn xây dựng tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn công ty, phổ biến, tư vấn áp dụng tiêu chuẩn trong tất cả các lĩnh vực (trong đó có ISO 9000, ISO 14000, ...) và các hoạt động khác
- Tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế và khu vực trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa theo ủy quyền của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI

Địa chỉ: 369 Đường Trường Chinh - Hà Nội * Điện thoại: 04. 8534 546 * Fax: 04. 8531 337



Giám đốc:
TRẦN HỮU SÁN

Năm 1999, sau khi tổ chức sắp xếp lại, gia nhập Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, Công ty đã chủ động phát huy nội lực của chính mình.

Cùng với việc thu hút tuyển chọn những tri thức trẻ, năng động, tâm huyết với nghề, Công ty chủ động đầu tư nâng cao trình độ năng lực của toàn bộ CBCNV. Quy chế dân chủ được Ban lãnh đạo Công ty rất coi trọng, đặc biệt là vấn đề tiền lương, tiền thưởng nên CBCNV phấn khởi, tin tưởng, yên tâm làm việc.

Hoạt động SXKD của Công ty luôn đạt hiệu quả cao, sản lượng tăng từ trên 10 tỉ đồng (năm 1999) lên trên 50 tỉ đồng (năm 2002). Công ty còn tham gia hai liên doanh với Nhật Bản và Thái Lan là Nhà máy Vinax và Stanley Việt Nam, cả hai liên doanh đang làm ăn rất có hiệu quả.

Năm 2003, Công ty đang cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch với chỉ tiêu giá trị SXKD 100 tỉ đồng mà Tổng Công ty giao.



Trụ sở của Cục Hàng hải do Công ty thi công

Digitized by Google

BỆNH VIỆN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Trung Thành-T.p Thái Nguyên * ĐT: 0280.832 255 - Fax: 0280.832 549



Bí thư đảng ủy - Giám đốc: Nguyễn Huy Thắng



Ca mổ nội soi vì dạ dày do ung thư

Là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, có nhiệm vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNVC Khu liên hợp gang thép Thái Nguyên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Trong nhiều năm qua, Đảng bộ Bệnh viện đã liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nhiều lần được Công đoàn ngành Y tế Việt Nam, Bộ Y tế, UBND tỉnh tặng cờ thi đua, bằng khen và danh hiệu Bệnh viện tình thương.



Một ca chụp cắt lớp

Bệnh viện có đội ngũ thầy thuốc giàu kinh nghiệm, tay nghề giỏi, trách nhiệm cao, có hệ thống trang thiết bị y tế tiên tiến và hiện đại như: máy chụp cắt lớp CT SCANER, máy siêu âm thế hệ mới, máy điện tim, máy điện não, máy xét nghiệm tế bào máu 18 thông số tự động hoàn toàn, máy thở, máy theo dõi bệnh nhân, và nhiều máy móc hiện đại khác. Bệnh viện còn có một hệ thống phòng mổ hoàn chỉnh với máy gây mê thở tự động, dao mổ điện... Bệnh viện đã triển khai thành công công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Bệnh viện.

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

(VIETNAM METROLOGY INSTITUTE)

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Trung tâm thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ về đo lường phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

TIỀM NĂNG

Trung tâm có 10 phòng thí nghiệm hiện đang duy trì và bảo quản hệ thống chuẩn đơn vị đo lường có độ chính xác cao nhất ở Việt Nam, bao gồm các lĩnh vực: khối lượng, độ dài, lực - độ cứng, áp suất, dung tích - lưu lượng, hoá lý - mẫu chuẩn, điện, nhiệt, điện từ trường, thời gian - tần số.

Tất cả các phòng thí nghiệm đều đã xây dựng và áp dụng hệ thống chất lượng ISO/IEC 17025.



Trụ sở Trung tâm Đo lường

KHẢ NĂNG

Tiến hành hiệu chuẩn, kiểm định các chuẩn đo lường và các loại phương tiện đo;

Thiết kế, chế tạo, cung cấp chuẩn đo lường và các loại phương tiện đo;

Đảm bảo đo lường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ;

Tư vấn xây dựng:

- Các đơn vị được ủy quyền kiểm định Nhà nước phương tiện đo;
- Các phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn theo chuẩn mực quốc tế ISO/IEC 17025;
- Hệ thống chất lượng theo ISO 9000, ISO 14000...

Đào tạo cán bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực đo lường, thử nghiệm, đào tạo kiểm định viên nhà nước về đo lường.

Địa chỉ: Số 8 - Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (84-4) 8 363 242 - 836 1872 * Fax: (84-4) 756 4260 * E-mail: vmi@fpt.vn * Website: www.tcvn.gov.vn/vmi

Gạch men VITALY®

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

ISO 9002



CÔNG TY GẠCH ỐP LÁT SỐ 1

2/34 Phan Huy Ích, P.15, Q. TB, TP.HCM , 927 Trần Hưng Đạo, Q.5,TP.HCM
Tel:(84.8) 8153367- 8152991- 8153998 , Fax: (84.8) 8153292
Website: www.vitaly-ceramic.com.vn
E-mail:gbdol1@hcm.vnn.vn , sale@vitaly-ceramic.com.vn

Digitized by Google

5730

EVN

THỦY ĐIỆN IALY

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN IALY

IALY HYDRO POWER PLANT (IHPP)

ĐC : XÃ IALY, HUYỆN CHƯPĂH, TỈNH GIA LAI * ĐT : 84.59. 845 467; 845 479 - FAX : 84.59.845 470



Gian máy ngầm của Nhà máy



Tuyến áp lực Nhà máy thủy điện Ya-Li

GĐ NHÀ MÁY: KỸ SƯ HUỲNH NỞ

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY

* Tổng công suất lắp đặt : 720 MW
* Số tổ máy : 4
* Điện năng trung bình nhiều năm : 3,68 tỉ kWh
* Ngày khởi công công trình chính: 04-11-1993
* Ngày khánh thành nhà máy : 27-4-2002

Tính đến hết năm 2002 Nhà máy đã sản xuất được 7 600 000 000 kWh điện Năm 2002 Nhà máy được Chính phủ tặng cờ xuất sắc

Sản lượng điện năm 2002: 3 733 629 000 kWh, đạt 115 % kế hoạch và đã hoàn thành các chỉ tiêu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam giao.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA NHÀ MÁY

- Quản lý, vận hành và sản xuất điện năng.
- Sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp các thiết bị và công trình của Nhà máy.
- Nhà máy có đủ năng lực sửa chữa, thí nghiệm và gia công cơ khí cho các đơn vị có nhu cầu.



Lớp quán triệt Nghị quyết TW 6 - Khoá IX

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 36 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 + CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 + GIÁ : 5000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



10
4-2003

UNIV. OF MICH.
MAY 06 2003
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

XÍ NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ SƠN LA

Trụ sở : số 278 - Đường Trường Chinh - Thị xã Sơn La * Tel: 022.855 024 - 855 440 * Fax: 022.855 023



Giám đốc:
Ks. NGUYỄN THANH XUÂN



Công nhân XN tham gia thi công khoan nổ mở đường phục vụ giao thông nông thôn của tỉnh



Xe chuyên dụng sản xuất và nạp thuốc nổ bảo đảm an toàn đến tận lỗ khoan công trình



Trụ sở chính và dịch vụ nhà nghỉ tại TX. Sơn La



XN Hoá chất Mỏ Sơn La tham dự lễ khởi công công trình NM Thuỷ điện Sơn La

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Là đơn vị trực thuộc Công ty Hoá chất Mỏ, có nhiệm vụ: cung ứng, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho hai tỉnh Sơn La và Lai Châu; dịch vụ khoan nổ mìn làm đường giao thông miền núi; tư vấn và thiết kế mỏ khai thác đá; kinh doanh nhựa đường, sắt thép xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi và kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ.

NĂNG LỰC.

Đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có kinh nghiệm,đáp ứng được công việc khoan nổ mìn phục vụ các công trình giao thông miền núi (thi công bằng máy khoan hiện đại BMK-5, đường kính10,5cm).

Cung ứng vận chuyển vật liệu nổ, nhựa đường, sắt thép xây dựng theo yêu cầu của khách hàng đến chân công trình đảm bảo an toàn.

THÀNH TÍCH

Từ năm 1998 - 2002 trực tiếp tham gia thi công 18 công trình giao thông trong tỉnh, bảo đảm chất lượng, an toàn, đúng tiến độ.

Đỡ đầu xã Chiềng Đen (thị xã Sơn La) mở 4km đường giao thông liên bản.

Doanh thu tăng bình quân 10-20%/năm.

Ổn định thu nhập cho cán bộ công nhân viên, bình quân 1,72 triệu đồng/tháng.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.



Sản phẩm nổ Zecno, Anfo và Anfo chịu nước do Công ty sản xuất



Thuốc nổ AD1 do Công ty cung ứng

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 673

10
4-2003

● **BỘ BIÊN TẬP :**
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**
TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Bác Hồ với Đại đoàn Quân tiên phong, tại Đền Hùng
Ảnh : ĐINH ĐĂNG ĐỊNH

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

*** Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" 3

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC - Để những quyết sách quan trọng của Đảng đi vào cuộc sống 12

HỒNG VINH - Các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn với việc nghiên cứu, tuyên truyền lý luận, tổng kết thực tiễn 14

NHÂN KỶ NIỆM 96 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN (7-4-1907 - 7-4-2003)

HẢI NINH - Kỷ niệm về cố Tổng Bí thư Lê Duẩn với điện ảnh 18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH - Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đền Hùng và chúng ta làm theo lời Người dạy 23

ĐINH NGỌC GIANG - Đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện 28

VŨ ANH TUẤN - Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp để hội nhập AFTA 32

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG - Về xây dựng tổ chức, bộ máy của Đảng 37

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN HỮU CHÍ- Tiền Giang - tiềm năng và triển vọng 40

DOÃN HUỀ - Lộc Bình chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp 43

NGUYỄN VIỆT DŨNG - Công tác đào tạo cán bộ xã, phường, thị trấn ở tỉnh Kon Tum 48

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

MAI NINH - Bốn cần, ba chọn 52

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

LÊ MINH - Chân lý ở đâu ? 54

QUANG LỢI - Bạo lực cường quyền 57

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

- Chính phủ họp sơ kết hai tháng đầu năm 2003 62

- Trao đổi kinh nghiệm công tác luân chuyển cán bộ các tỉnh phía Bắc 63

- Hội nghị tổng kết công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng năm 2002 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

*** О развитии силы широкого общенационального единения во имя цели «богатый народ, могучее государство, справедливое, демократическое и цивилизованное общество». ЧЫОНГ КУАНГ ДЫОК: Чтобы важные партийные решения были воплощены в жизнь. ХОНГ ВИНЬ: Социально-научные и гуманитарные журналы и теоретическое изучение, пропаганда, подведение итогов практической работы. ХАЙ НИНЬ: Воспоминание о покойном Генеральном Секретаре КПВ Ле Зуан и кино. НГУЕН ТХИ ТУЕТ ХАНЬ: Президент Хо Ши Мин и Храм Королей Хунгов и мы следуем заветы Хо Ши Мина. ДИНЬ НГОК ЖАНГ: Обновление организации и деятельности уездных Народных комитетов. ВУ АНЬ ТУАН: Повышение конкурентоспособности предприятий для участия в свободном торговом регионе АСЕАН (AFTA). НГУЕН ФЫОНГ ХОНГ: Об устройстве организационной работы, аппарата Партии. НГУЕН ХЫУ ТЬИ: Провинция Тиенжанг – потенциалы и перспективы. ЗОАН ХУЭ: Уезд Локбинь – переориентация структуры в сельском хозяйстве. НГУЕН ВЬЕТ ЗУНГ: Работа по подготовке кадров общин, кварталов, уездных центров в провинции Контум. ЛЕ МИНЬ: Где истина? КУАНГ ЛОЙ: Насилие грубой силы.

CONTENTS

*** Regarding promotion of vitality of Great National Solidarity for the sake of "rich people; strong country; just, democratic and civilised society". TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: In order that the Party's important resolutions could come into life. HỒNG VINH: Reviews of social sciences and humanities and the matters theoretical study, agitation, summing-up of practices. HẢI NINH: Reminiscence of the late Party's general secretary Lê Duẩn and the cinema. NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH: President Hồ Chí Minh and the Hùng Kings' Temple. We are following His teachings. ĐINH NGỌC GIANG: To renovate organisation, activity of the People's Council of district level. VŨ ANH TUẤN: To enhance enterprises' competitiveness to merge into AFTA. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG: In regards of building organisation, apparatus of the Party. NGUYỄN HỮU CHÍ: Tiền Giang province – its potentials and prospects. DOÃN HUÊ: District Lộc Bình is shifting agricultural structure. NGUYỄN VIỆT DŨNG: Training of cadres of communes, wards, towns in Kon Tum province. LÊ MINH: Where is the truth? QUANG LỢI: Violence of cruel power.

SOMMAIRE

*** Sur la valorisation de la force de la grande union nationale pour "un peuple prospère, une nation puissante, une société équitable, démocratique et avancée". TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Pour la mise en exécution des décisions importantes du Parti. HỒNG VINH: Les revues de sciences sociales et humaines et l'entreprise de recherche, de vulgarisation théorique et de récaptitulation de la réalité. HẢI NINH: Souvenir: L'ex-Secrétaire général Lê Duẩn et le septième art. NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH: Le Président Hồ Chí Minh et le Temple des rois Hùng. A nous de poursuivre ses enseignements. ĐINH NGỌC GIANG: Réforme de l'organisation et du fonctionnement du Comité populaire à l'échelon de district. VŨ ANH TUẤN: Amélioration de la compétitivité des entreprises pour l'intégration à l'AFTA. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG: A propos de l'édification et de l'organisation de l'appareil du Parti. NGUYỄN HỮU CHÍ: Province de Tiền Giang: potentialités et perspectives. DOÃN HUÊ: Restructuration agricole à Lộc Bình. NGUYỄN VIỆT DŨNG: Formation des cadres à l'échelon de commune, de quartier, de chefs-lieux de district à la province de Kon Tum. LÊ MINH: Où est la vérité?. QUANG LỢI: La violence du despotisme.

SUMARIO

*** Acerca del despliegue de fuerza de gran unidad de toda la nación por "un pueblo rico, un país fuerte, una sociedad justa, democrática y civilizada". TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC: Para que las políticas y decisiones del Partido se imbuyan en la vida. HỒNG VINH: Las revistas de ciencias sociales y humanitarias con el estudio, la propaganda teórica y el recuento práctico. HẢI NINH: Recuerdos sobre el ex-secretario general Lê Duẩn y el cine. NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH: El Presidente Hồ Chí Minh con el Templo de Reyes Hùng y nuestro cumplimiento de su enseñanza. ĐINH NGỌC GIANG: Renovar la organización y actividad de Consejos Populares distritales. VŨ ANH TUẤN: Elevar la capacidad competitiva de empresa para integrarse a la AFTA. NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG: Sobre la edificación de organización y de aparato del Partido. NGUYỄN HỮU CHÍ: Tiền Giang – su potencialidad y perspéctiva. DOÃN HUÊ: Lộc Bình en transmutación agrícola. NGUYỄN VIỆT DŨNG: El trabajo de formación de cuadros de comuna, barrio y cabeza distrital en la provincia Kon Tum. LÊ MINH: Dónde está la verdad¿. QUANG LỢI: La violencia del despotismo.

目录

*** 为“民富、国强、社会公平、民主、文明”而发挥全民族大团结的力量• 张光得 让党的重要决策进入生活中• 鸿荣 科学社会和人文杂志与研究、宣传理论、总结实践• 海宁 有关故总书记黎笋与电影事业的一些纪念• 阮氏雪杏 胡志明主席与雄王庙 我们遵循胡志明主席的教导• 丁玉江 革新县级人民议会的组织和活动• 武英俊 提高各企业的竞争能力以融入AFTA • 阮方红 有关党组织及其机构的建设• 阮友志 前江－潜力与展望• 尹锵 禄平县农业结构的转移• 阮越勇 昆嵩省乡、坊、市镇干部的培训工作• 黎明 真理在何处? • 光利 强权暴力。

Digitized by Google

VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÌ "DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH"

Lời Bộ Biên tập : *Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Nghị quyết* ***"Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" "****. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu toàn văn Nghị quyết đó.*

I - TÌNH HÌNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1- Từ sau Đại hội VI, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thông qua việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đó, quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Việc tập hợp nhân dân với các hình thức đa dạng có bước phát triển mới. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên được mở rộng, vai trò và vị trí trong xã hội được nâng cao, nội dung hoạt động phong phú, thiết thực hơn, đã động viên, lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước.

Đạt được thành tựu trên là do nhân dân ta có truyền thống yêu nước, thương nòi, đoàn kết trong quá trình dựng nước và giữ nước ; từ ngày có Đảng, luôn gắn bó với Đảng, với cách mạng. Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp nhân dân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Tổ chức đảng và chính

Digitized by Google

quyền các cấp có bước chuyển biến về công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân nỗ lực đổi mới công tác, hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn.

2 - Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới.

Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, phần vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi rất gay gắt.

Việc tập hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế, nhất là ở khu vực kinh tế tư nhân, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ở một số vùng có đông đồng bào theo đạo, đồng bào dân tộc thiểu số...

Nguyên nhân chủ yếu là do :

- Đảng ta chưa phân tích và dự báo đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nhân dân, trong một thời gian dài chưa có chủ trương khắc phục những mâu thuẫn ấy một cách đúng đắn, kịp thời. Nhiều tổ chức đảng, chính quyền còn coi nhẹ công tác dân vận. Hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt. Ở một số nơi, cấp ủy đảng còn mất đoàn kết ; một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thậm chí thoái hóa, hư hỏng ; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn hẹp hòi, định kiến với những người ngoài Đảng, người làm kinh tế tư nhân, chức sắc tôn giáo... làm giảm sút vai trò hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết của tổ chức đảng.

- Một số chủ trương, chính sách của Nhà nước chưa thể hiện đầy đủ quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc ; việc thực hiện còn nhiều thiếu sót.

- Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân.

- Sự suy thoái về lối sống và đạo đức, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm. Ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật của một bộ phận nhân dân còn yếu kém.

- Các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đoàn kết của nhân dân ta, luôn kích động những vấn đề "dân chủ, nhân quyền", dân tộc, tôn giáo... để gây ly gián, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

II - MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1 - Mục tiêu

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ,

Digitized by Google

văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2 - Quan điểm

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam ; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân ; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội ; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí ; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước ; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

III - NHỮNG CHỦ TRƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1 - Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm ; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển ; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng. Tổ chức việc kết nghĩa, giúp đỡ nhau giữa các vùng, các địa phương có kinh tế phát triển với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục-đào tạo và khoa học - công nghệ, phấn đấu nâng dần độ đồng đều về trình độ dân trí, văn hóa và mức độ hưởng thụ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân các vùng trong nước ; gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương ; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi ; thực hiện phương châm" dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", coi trọng vai trò của nhân dân trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Digitized by Google

Định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội :

Giai cấp công nhân : Nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, bồi dưỡng tác phong công nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân".

Giải quyết việc làm, giảm tối đa tỉ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt pháp luật lao động, bảo hộ lao động và việc chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho công nhân. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với công nhân, viên chức, lao động ; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao.

Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và phát triển đảng trong công nhân. Nghiên cứu việc giao cho tổ chức công đoàn giới thiệu những công nhân ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Giai cấp nông dân : Nhà nước có chính sách điều tiết, hỗ trợ, tổ chức tốt việc tiêu thụ nông sản cho nông dân ; đưa công nghệ sản xuất tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn ; có chính sách điều chỉnh hợp lý việc sử dụng quỹ đất, vừa bảo đảm an ninh lương thực, vừa thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất ; có chính sách khuyến khích nông dân chuyển sang các nghề phi nông nghiệp ; thúc đẩy khôi phục làng nghề, phát triển ngành nghề mới ở nông thôn ; mở rộng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân hết tuổi lao động... Mở rộng các loại hình đào tạo nghề, chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các trung tâm học tập cộng đồng và các điển hình nông dân sản xuất giỏi.

Hội Nông dân là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Đội ngũ trí thức : Có cơ chế cụ thể phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng ; mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng tạo, phát minh, sáng kiến và bảo vệ sở hữu trí tuệ ; mở rộng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và văn học nghệ thuật chuyên ngành đối với các đề án phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Có chính sách động viên các nhà khoa học, kể cả những người đã nghỉ hưu và những người đang sinh sống ở nước ngoài tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của quốc gia và xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh phát triển đảng và nâng cao chất lượng công tác chính trị tư tưởng đối với trí thức và sinh viên.

Thanh niên : Đẩy mạnh giáo dục nhận thức chính trị, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng, nâng cao giác ngộ lý tưởng và hoài bão cho thanh niên, động viên thanh niên xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tích cực tạo việc làm cho thanh niên. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài để trở về phục vụ đất nước. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ,

Digitized by Google

dạy nghề cho thanh niên trong lực lượng vũ trang khi hết thời gian làm nghĩa vụ quân sự. Tăng cường tuyên truyền về Đảng và công tác phát triển Đảng trong thanh niên. Thu hút rộng rãi thanh, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

Phụ nữ : Tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về công tác phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới. Khẩn trương thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới ; lồng ghép vấn đề giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch chung. Coi trọng các chính sách xã hội, các chính sách về giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ. Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp.

Cựu chiến binh : Phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa ; giúp nhau cải thiện đời sống ; xóa đói, giảm nghèo ; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ ; là chỗ dựa tin cậy của Đảng và chính quyền ở cơ sở.

Người cao tuổi : Xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam.

Các nhà doanh nghiệp : Coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý chung để các nhà doanh nghiệp yên tâm phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hiệp hội các nhà doanh nghiệp.

Các dân tộc thiểu số : Thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam ; chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Nêu cao ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Đồng bào các tôn giáo : Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không

Digitized by Google

theo tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của đạo lý và truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với nước, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan. Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo *có trách nhiệm sống* "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo luật pháp và được luật pháp bảo hộ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài : Có chính sách động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước. Khuyến khích đồng bào đầu tư về trong nước, có chính sách thu hút, phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều. Vận động đồng bào chấp hành tốt pháp luật ở các nước sở tại, đồng thời có biện pháp tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của nhà nước ta trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Có chính sách khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

2 - Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền Nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cụ thể hóa để thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở thuộc các cấp, các ngành, kể cả trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Khắc phục mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, coi nhẹ dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Phát huy dân chủ đồng thời đề cao pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn xã hội.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước phải đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống nhân dân ; thực hiện đúng đắn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Nhà nước có cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện cần thiết để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân ; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật ; tập hợp, động viên nhân dân đồng tâm, hiệp lực thực hiện thắng lợi những chủ trương, nhiệm vụ của Nhà nước ; đồng thời, làm tốt vai trò giám sát đối với các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử,

Digitized by Google

cán bộ, công chức, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Trước khi ban hành những chủ trương, chính sách quan trọng, cần tổ chức chu đáo, thiết thực việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân có liên quan, bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụp mũ, áp đặt.

- Nhà nước chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho cán bộ chính quyền các cấp. Xây dựng phong cách và phương thức công tác của cán bộ, công chức phù hợp với đạo đức cách mạng và đáp ứng yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giáo dục cán bộ, công chức xây dựng và thực hành phong cách *"trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin".*

Cán bộ, công chức phải có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân ; không thành kiến, phân biệt đối xử khi làm việc với dân.

Bổ sung, hoàn chỉnh Pháp lệnh cán bộ, công chức, chú ý phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức.

Thực hiện *phương thức dân chủ* trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.

3 - Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc

- Mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nhân dân. Sớm ban hành luật về hội quần chúng. Xây dựng các văn bản dưới luật để cụ thể hóa những nội dung nói trên và để Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy hiệu lực tốt hơn trong đời sống xã hội.

Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật. Chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn những người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung.

Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như làng, bản, dòng họ, gia đình ; đồng thời, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động nhiều hơn về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vận động và giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng

Digitized by Google

cộng đồng dân cư. Đi sát để hiểu tâm tư, nguyện vọng nhân dân, phát huy, nhân rộng những sáng kiến tích cực ; vừa làm tốt chức năng tuyên truyền, giáo dục, vừa quan tâm bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Cử đại diện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia các ủy ban, hội đồng, ban điều hành một số dự án, chương trình kinh tế - xã hội có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở. Nghiên cứu việc đại diện công đoàn tham gia hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và việc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trích quỹ lương để tạo kinh phí cho công đoàn hoạt động.

4 - Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước ; trách nhiệm công dân ; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong nhân dân. Giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đảng và trong nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm.

Củng cố và tăng cường các tổ chức làm công tác chính trị - tư tưởng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hóa, nghệ thuật, coi trọng xây dựng và tạo điều kiện hoạt động cần thiết cho lực lượng tuyên truyền miệng, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo, các trung tâm dân cư lớn, vùng sâu, vùng xa. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch vận động, giáo dục, bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị cho đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt các cuộc vận động về từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động chung : *"Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, tập trung vào các vấn đề :

+ Xây dựng phong trào toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp, từng gia đình làm giàu cho mình, cho cộng đồng, cho đất nước ; xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu hằng năm có thêm nhiều đơn vị, địa phương không còn hộ nghèo.

+ Tiếp tục thực hiện tốt phong trào *"Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa"* và các cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và "văn hóa phẩm" độc hại.

+ Xây dựng phong trào *"Cả nước trở thành một xã hội học tập"*, *"học tập suốt đời"*, trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

+ Tôn vinh người tốt, biểu dương việc tốt ; bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến ; lên án, phê phán, đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những hành động coi thường kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

Digitized by Google

5 - Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Củng cố sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân. Có cơ chế cụ thể để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Kết hợp thực hiện chế độ tập trung, dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta.

Khi Đảng có các chủ trương, chính sách lớn, đại diện của cấp ủy đảng cần chủ động trình bày trước hội nghị Mặt trận để mọi thành viên cùng bàn bạc, đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ, xây dựng.

Tiếp tục cụ thể hóa việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ mới. Giao cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số mặt công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

Chăm lo đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Sắp xếp, tổ chức lại và hiện đại hóa từng bước hệ thống các trường đoàn thể ở Trung ương. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố cần có Khoa Dân vận. Cử những cán bộ đủ tiêu chuẩn sang công tác Mặt trận và đoàn thể theo chủ trương luân chuyển cán bộ, qua đó phát hiện những cán bộ tốt để bồi dưỡng, đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 - Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên, trong nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết ở cấp mình.

2 - Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự đảng Chính phủ cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành những chủ trương, chính sách, pháp luật cụ thể, xây dựng chương trình hành động, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện.

3 - Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, tổ chức tốt việc phổ biến Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

4 - Các ban của Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện và theo dõi thực hiện Nghị quyết này. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc triển khai Nghị quyết và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện.❑

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Digitized by Google

ĐỂ NHỮNG QUYẾT SÁCH QUAN TRỌNG CỦA ĐẢNG ĐI VÀO CUỘC SỐNG

TRƯƠNG QUANG ĐƯỢC *

THÔNG thường, cứ mỗi lần Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp xong lại có nghị quyết. Sau đó, chúng ta tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hành động, tổ chức thực hiện nghị quyết trong toàn Đảng, toàn dân. Nhưng trong thực tế cũng có một số nghị quyết chậm được thực hiện hoặc thực hiện với hiệu quả chưa cao. Chúng ta thường nói, nghị quyết thì hay, nhưng tổ chức thực hiện không đến nơi đến chốn, kém hiệu lực, hiệu quả, làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng. Vì sao vậy ? Điều này có cả những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, sâu sắc để tìm ra phương thức tổ chức thực hiện hiệu quả hơn. Đó cũng chính là một biện pháp để nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống và cuộc sống được phản ánh chân thực vào nghị quyết.

Vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tiến hành Hội nghị lần thứ bảy (phần 2), khóa IX, thảo luận và ra bốn nghị quyết : Nghị quyết *"Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"* ; Nghị quyết *"Về công tác dân tộc"* ; Nghị quyết *"Về công tác tôn giáo"* ; Nghị quyết về *"Tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*. Đây là những nghị quyết rất quan trọng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Vậy làm thế nào để thực hiện tốt những nội dung của các nghị quyết này ? Qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, từ trước đến nay các nghị quyết của Đảng ban hành là đúng đắn, nhưng có một số nghị quyết chưa thực sự đi vào đời sống của nhân dân. Một nguyên nhân rất quan trọng là do ***khâu tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết chưa được coi trọng.*** Vì vậy, để khắc phục tình trạng này và để những quyết sách quan trọng của Đảng thực sự đi vào cuộc sống, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau đây :

Một là : Với vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, cần nêu cao trách nhiệm của cấp ủy đảng và của đảng viên trong tổ chức thực hiện nghị quyết và gương mẫu thực hiện nghị quyết. Căn cứ vào

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

nội dung của nghị quyết, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở và biết chọn việc, chọn khâu đột phá để chỉ đạo thực hiện. Tránh rập khuôn máy móc nghị quyết của Trung ương vào địa phương, cơ sở.

Hai là : Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt của các cấp ủy đảng cần phải nêu cao trách nhiệm trước Đảng về tổ chức thực hiện nghị quyết, "nói phải đi đôi với làm" ; phân công, phân nhiệm rõ trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong việc cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành chủ trương, chính sách, biện pháp (thực hiện) cụ thể. Tránh tình trạng "cha chung không ai khóc". Phải thực hiện đồng bộ và liên hoàn các khâu trong thực hiện nghị quyết từ học tập, nghiên cứu, quán triệt, xây dựng chương trình hành động ; phân công chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc, đến việc sơ kết, tổng kết rút ra những kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nghị quyết.

Có thể nói, việc tổ chức thực hiện nghị quyết thành công phần lớn phụ thuộc vào cán bộ. Bác Hồ đã khẳng định : "Cán bộ là gốc của công việc", "Công việc thành hay bại đều do cán bộ tốt hay kém". Ở đâu bố trí đúng cán bộ, cán bộ tốt thì nghị quyết của Đảng được tổ chức thực hiện tốt, được nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ. Còn ở nơi nào cán bộ mất đoàn kết, nội bộ lủng củng, không thống nhất thì nghị quyết dù có hay đến mấy vẫn không thực hiện có hiệu quả, dân bất bình, không tin tưởng và ngay cả trong nội bộ Đảng ở những nơi đó cũng có nhiều tâm tư, băn khoăn. Nơi nào cũng có những ví dụ sinh động về vấn đề này.

Ba là : Sau khi có nghị quyết của Đảng thì Quốc hội, Chính phủ và các cấp chính quyền phải thể chế hóa, cụ thể hóa thành các chính sách, pháp luật để thực thi trong cuộc sống. Trong thời gian qua có những nghị quyết của Đảng thực thi chậm hiệu quả thấp, chính là do khâu này làm chưa tốt. Điều này đòi hỏi phải phân công rõ trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan trong hệ thống chính trị, của các bộ, ban ngành, cơ sở theo từng lĩnh vực, nội dung, nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện.

Bốn là : Sâu sát tình hình, hiểu kỹ dân và biết khơi dậy các phong trào thi đua của nhân dân để thực hiện nghị quyết của Đảng. Biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, dựa vào sức dân, Đảng ta sẽ kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, bổ sung thêm kinh nghiệm và lý luận lãnh đạo cách mạng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Năm là : Tăng cường kiểm tra thường xuyên và định kỳ về công tác thực hiện nghị quyết của Đảng từ trung ương đến cơ sở. Thực hiện kiểm tra theo hệ thống, kiểm tra chéo, kiểm tra liên ngành về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận động thi đua của Mặt trận, đoàn thể về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo của các cấp ủy, chính quyền trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện nghị quyết. Kịp thời phát hiện và uốn nắn những lệch lạc trong tổ chức thực hiện

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN VỚI VIỆC NGHIÊN CỨU, TUYÊN TRUYỀN LÝ LUẬN, TỔNG KẾT THỰC TIỄN

HỒNG VINH *

TRONG thành tựu chung của công cuộc đổi mới hơn 16 năm qua, có sự đóng góp rất quan trọng của công tác tư tưởng lý luận và đội ngũ những người làm công tác tư tưởng lý luận. Trong sự phát triển của công tác tư tưởng lý luận, các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn có vị trí, vai trò và cống hiến đáng ghi nhận trên nhiều phương diện. Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, mỗi tạp chí trong Khối Khoa học Xã hội và Nhân văn đã có những đóng góp trong công tác nghiên cứu, tuyên truyền lý luận, tổng kết thực tiễn. Nắm vững mục tiêu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước là *"Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*, các tạp chí gồm Tạp chí Cộng sản, Triết học, Xã hội học, Nghiên cứu tôn giáo, Dân tộc học, Nghiên cứu lịch sử, Xưa và Nay, Nghiên cứu kinh tế, v.v.. đã góp phần tham gia giải đáp có căn cứ khoa học hơn về một số vấn đề được dư luận quan tâm như : lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ; mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ; phát triển kinh tế gắn liền với thực hiện các tiến bộ và công bằng xã hội ; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện mới, v.v..

Một số tạp chí đã đăng các bài về tính chất, đặc điểm của thời đại, về thời cơ và thách thức trên con đường đi lên của đất nước ; giới thiệu một số công trình nghiên cứu của nước ngoài về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa tư bản hiện đại. Nhiều tạp chí có bài viết phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Một số tạp chí tham gia các đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ, cấp Nhà nước. Kết quả các đề tài nghiên

* TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

cứu, tổng kết thực tiễn được công bố trên tạp chí. Những công trình nghiên cứu của nghiên cứu sinh trong lĩnh vực khoa học xã hội được bạn đọc biết đến qua các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn. Có một số bài viết phân tích khá sâu sắc sự tác động nhiều mặt của kinh tế thị trường đối với đời sống xã hội, trong quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội, trong việc giáo dục đạo đức và nếp sống văn hóa gia đình truyền thống, trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam, v.v..

Những gì mà các tạp chí khoa học xã hội và nhân văn đã làm được trong nghiên cứu, tuyên truyền lý luận, tổng kết thực tiễn là đáng trân trọng. Tuy nhiên, thực tiễn đang đặt ra rất nhiều vấn đề đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực nhiều hơn nữa mới đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới và sự mong đợi của Đảng ta.

Từ trước đến nay, Đảng ta luôn quan tâm và đánh giá cao vai trò của khoa học xã hội và nhân văn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định nội dung phát triển khoa học và công nghệ là một trong 10 nhiệm vụ lớn của Đảng ta trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. Văn kiện Đại hội chỉ rõ : Khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu những luận cứ cho việc tạo động lực phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới sâu rộng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo hướng đó, khoa học xã hội và nhân văn đặt trung tâm nghiên cứu và tổng kết thực tiễn của đất nước, đi sâu vào những vấn đề lớn của khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phát huy nhân tố con người Việt Nam. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 đã ra Nghị quyết về "Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới". Nghị quyết xác định nhiệm vụ đầu tiên trong sáu nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới là : "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Các tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn phối hợp bàn giải pháp để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ nêu trên.

Đảng ta đã nhận định : Mặc dù trong công tác lý luận những năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta mới dừng lại ở những nét khái quát chung, còn không ít vấn đề cụ thể đặt ra từ thực tiễn nhưng chưa có lời giải đáp hoặc giải đáp chưa đủ thuyết phục. Chẳng hạn, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có quan hệ như thế nào với những quy định phổ biến của kinh tế thị trường nói chung ? Tình trạng kém hiệu quả trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước kéo dài nhiều năm nay bắt nguồn từ những nguyên nhân nào ? Cần có những cơ chế, chính sách, giải pháp gì để kinh tế nhà nước thực sự phát huy vai trò chủ đạo ? Làm thế nào để kinh tế thị trường phát

Digitized by Google

triển, vừa hạn chế được sự phân hóa giàu nghèo, bảo đảm công bằng xã hội ? Làm thế nào và bằng cách nào chủ động tham gia quá trình toàn cầu hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam ? Cần có cơ chế cụ thể như thế nào để đảm bảo thật sự phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường chống quan liêu, tham nhũng v.v..

Mặt khác, các thế lực thù địch đang phối hợp với bọn cơ hội chính trị chống phá ta quyết liệt trên nhiều lĩnh vực, trong đó chúng tập trung mũi nhọn vào lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền và tâm lý bất an của một bộ phận nhân dân trước những bức xúc của đời sống, việc làm, tranh chấp đất đai, khiếu kiện kéo dài để chúng tuyên truyền xuyên tạc, kích động. Gần đây, các thế lực thù địch dùng những thủ đoạn rất thâm độc để tiếp tục lừa phỉnh, dụ dỗ một số người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên vượt biên trái phép với mưu đồ sử dụng họ phục vụ chiêu bài dân chủ, nhân quyền và chống phá ta lâu dài.

Tình hình trên đây dẫn đến những nguy cơ tiềm ẩn làm mất ổn định chính trị - xã hội. Nhiệm vụ của các tạp chí chúng ta là, bên cạnh nghiên cứu, tuyên truyền lý luận phải coi trọng việc nắm bắt và phân tích bản chất của tình hình thực tiễn, đưa ra các giải pháp nhằm góp phần ổn định tình hình, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững. Yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay, đòi hỏi các tạp chí cần giải quyết tốt các vấn đề sau :

Một là, từ nay đến Đại hội X, từng tạp chí có biện pháp huy động trí tuệ của cán bộ, biên tập viên trong tạp chí và lực lượng cộng tác viên đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền lý luận, tổng kết thực tiễn, tập trung góp phần làm sáng rõ một số vấn đề cơ bản sau :

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới.

- Phát triển nền văn hóa, con người và nguồn nhân lực.

- Đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức.

- Những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa.

- Dự báo các xu thế phát triển chủ yếu của thế giới và khu vực.

- Những vấn đề lý luận phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Hai là, tuy mỗi tạp chí khoa học xã hội và nhân văn có tôn chỉ, mục đích và đối tượng riêng nhưng đều có nhiệm vụ góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; trong đó nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Các bài trên tạp chí cần cổ vũ chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; có ý chí vươn lên, đưa đất nước nhanh thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu ; tăng cường đoàn kết cộng đồng, phấn đấu vì lợi ích chung ; xây dựng lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, v.v..

Digitized by Google

Ba là, để làm tốt hai nhiệm vụ trên đây, mỗi tạp chí cần chú trọng cải tiến, tăng sức hấp dẫn của tạp chí. Cùng một vấn đề trong các đề tài trên đây, nhưng ở từng tạp chí như: tạp chí Triết học, Xã hội học, Nghiên cứu tôn giáo, Nghiên cứu lịch sử, Dân tộc học, Nghiên cứu con người, Thông tin khoa học xã hội... có cách lựa chọn đề tài và cách thức đề cập riêng sát với yêu cầu thực tiễn của ngành và đòi hỏi của bạn đọc ; đồng thời phân tích, lý giải có sức thuyết phục.

Bốn là, tập trung sức nâng cao tính chiến đấu của các tạp chí Khoa học - xã hội và nhân văn. Các thế lực thù địch đang tích cực thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" trên các lĩnh vực, trong đó chúng rất coi trọng lĩnh vực lý luận, tư tưởng - văn hóa, hướng mạnh vào việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) chỉ rõ : Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình" âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Đây là một trong 6 nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình hiện nay.

So với các tạp chí khác, các tạp chí của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn có lợi thế trong thông tin tuyên truyền vấn đề này. Chúng ta có đội ngũ biên tập, những cán bộ lý luận, khoa học xã hội chuyên sâu, có kinh nghiệm thực tiễn đang trực tiếp nghiên cứu những vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh này. Không có tạp chí nào nắm vững và hiểu vấn đề dân tộc hơn tạp chí Dân tộc học, không có tạp chí nào hiểu vấn đề tôn giáo hơn tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, không có tạp chí nào có điều kiện đi sâu nghiên cứu và truyền bá những giá trị truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc ta bằng tạp chí Xưa và Nay, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, v.v.. Những bài đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận về những vấn đề nêu trên phải là chỗ dựa cho báo chí nói chung khai thác, sử dụng.

Năm là, nâng cao tính thuyết phục của các bài đăng trên tạp chí. Hiện nay ở một vài tạp chí có tình trạng bài quá dài, cấu trúc, văn phong khó hiểu, trình bày không khoa học, thiếu hơi thở cuộc sống. Do vậy, cần chú ý cải tiến chuyên trang, chuyên mục cho phù hợp nhằm tăng sức thu hút bạn đọc. Hiện nay, Tạp chí Cộng sản và nhiều tạp chí khác có mục "Trao đổi ý kiến" xung quanh những vấn đề lý luận và thực tiễn. Các tạp chí cần tìm ra những hình thức trao đổi lý luận tổng kết thực tiễn một cách thiết thực. Cố gắng tìm ra cơ chế, chính sách thu hút động viên nguồn chất xám trong và ngoài tạp chí. Hàng năm có thể bình chọn bài tiêu biểu trong năm để có hình thức động viên người có tâm huyết với tạp chí. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin với các tạp chí ; xây dựng cơ chế cung cấp thông tin và định hướng thông tin trong từng thời gian, v.v.. Điều quan trọng hàng đầu là vai trò chủ động của các Tổng biên tập, ý thức nghiên cứu nghiêm túc và sự vận dụng sáng tạo của từng tạp chí trong việc tổ chức lực lượng và triển khai đề tài. Làm được như vậy, chắc chắn chất lượng của từng tạp chí chúng ta sẽ được từng bước nâng cao. ❑

Digitized by Google

KỶ NIỆM VỀ CỐ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN VỚI ĐIỆN ẢNH

HẢI NINH*

NHỮNG năm đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XX, cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước đang ở giai đoạn quyết liệt nhất. Mỹ - ngụy huy động các đội quân tinh nhuệ của chúng áp sát bờ Nam sông Bến Hải, lập hàng rào điện tử Mác-na-ma-ra (Marnamara) dọc giới tuyến quân sự tạm thời, xây dựng nhiều đồn bốt, sân bay, cứ điểm dày đặc : Cửa Tùng, Dốc Miếu, Ái Tử, Cam Lộ, Khe Sanh...

Trong thời gian ấy, những người làm phim truyện Việt Nam cũng đang xây dựng bộ phim dài hai tập đầu tiên "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm". Máy bay địch bắn phá miền Bắc ác liệt, công việc quay phim gặp rất nhiều trở ngại.

Phần kết của bộ phim là một trường đoạn có tính quyết định đến chủ đề, nội dung tư tưởng của tác phẩm, phản ánh cuộc đấu tranh sống còn giữa ta và địch, bao gồm những cảnh lớn của "đội quân tóc dài", đông tới hàng ngàn người khiêng xác những người thân của mình chống lại cuộc chiến tranh hủy diệt của địch ở vùng giới tuyến. Những đại cảnh "đội quân tóc dài" phải huy động 7 xã vùng ven biển Hải Hậu (Nam Hà) đã quay xong. Nhưng còn hàng trăm quân địch được vũ trang bằng các phương tiện vũ khí hiện đại như máy bay, xe tăng, xe bọc thép, súng ống tối tân của Mỹ... để đàn áp cuộc đấu tranh của "đội quân tóc dài" thì chưa quay được, đành phải chờ quân ta chiến thắng mới có "đạo cụ" để đóng phim. Đúng giữa lúc ấy, Xưởng Phim truyện Việt Nam được lệnh đem phim vào chiếu cho đồng chí Lê Duẩn xem.

Trong những năm ấy, gần như một thông lệ, mỗi khi làm xong một bộ phim truyện các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ đều xem, có lúc ở văn phòng, có khi ở ngay Xưởng phim. Sự quan tâm đặc biệt của các đồng chí lãnh đạo làm cho anh chị em văn nghệ sĩ thấy gần gũi, thân mật và cảm động. Các đồng chí dù bận những công việc lớn nhưng vẫn rất chú trọng đến văn học, nghệ thuật. Song khác với những lần trước, lần này bộ phim làm chưa xong, mới chỉ là bản "ráp" thôi. Điều ấy làm chúng tôi lo lắng. Nỗi lo ấy cứ đeo đuổi chúng tôi cho đến lúc gặp anh Ngọc - thư ký riêng của đồng chí Lê Duẩn.

Tôi trình bày với anh Ngọc là bộ phim chưa làm xong. Đây mới chỉ là "ráp" (chất liệu) sơ dựng theo truyện phim, chưa có lời,

---

* Đạo diễn Điện ảnh, Nghệ sĩ nhân dân

Digitized by Google

có tiếng, lại còn thiếu đoạn kết, chưa quay được vì chiến tranh. Anh Ngọc cũng có sự thông cảm trước những bức xúc của chúng tôi. Anh trầm tĩnh nói : "...Tôi đã nghe Giám đốc Xưởng phim trình bày và đã phản ánh đầy đủ lên đồng chí Tổng Bí thư, song đồng chí vẫn muốn xem...". Tuy anh Ngọc không nói hết, nhưng tôi cảm nhận được phần nào những điều anh chưa nói ra. Truyện phim cũng chính là hình ảnh quê hương của đồng chí Lê Duẩn. Điều đó làm chúng tôi rất cảm động, vì bên cạnh trách nhiệm của người lãnh tụ, chúng tôi còn thấy tình cảm của một người con bình thường với quê hương sâu nặng.

Khi chúng tôi bước vào phòng chiếu phim thì mọi việc đã sẵn sàng. Gian phòng khá rộng, chiếc ghế bành độc nhất đặt ở giữa. Lùi lại sau một chút là chiếc máy chiếu phim lưu động do Liên Xô sản xuất. Bàn thuyết minh đặt ở góc phòng trên có đủ đèn bàn, cốc nước. Chiếc chao đèn đen kịt, chỉ để hở một quầng sáng đủ để đọc lời thuyết minh. Bên ngoài vẫn nghe tiếng loa báo động, máy bay Mỹ vào Hà Nội cách 60 cây số... 40 cây số... Những ngày ấy, vùng trời Hà Nội luôn luôn bị kẻ thù khuấy động, đe dọa, bắn phá.

Lúc này, trong phòng chiếu phim ai cũng cảm nhận đằng sau sự tĩnh lặng là chiến tranh, là khoảnh khắc yên bình trước giông bão và bom đạn có thể xảy ra bất kỳ ở đâu, lúc nào. Tôi bồi hồi đặt bản thuyết minh xuống bàn, thì đồng chí Lê Duẩn từ cửa phòng bên đi vào. Với phong thái trầm tĩnh, thân mật, đồng chí nhìn chúng tôi. Sau khi nghe anh Ngọc giới thiệu biên kịch, đạo diễn, đồng chí ân cần hỏi :

- Chuyện trong phim xảy ra ở đâu ?

- Thưa anh, câu chuyện ở dòng sông Bến Hải - giới tuyến quân sự tạm thời.

- Các đồng chí nói gì trong phim ?

- Thưa anh, bộ phim phản ảnh về cuộc đời hoạt động của chị Dịu - nhân vật chính trong phim - và những cán bộ cơ sở, du kích làng Cát hoạt động trong vùng địch tạm chiếm. Chị Dịu có chồng là bộ đội tập kết miền Bắc, nhưng chị vẫn ở lại quê hương hoạt động cùng nhân dân bám làng, giữ nước.

- Tên phim là gì ?

- Thưa... "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm"...

- Tên phim mang ý nghĩa gì ?

- Thưa anh ...."Vĩ tuyến 17" là nơi xảy ra câu chuyện. Còn "Ngày và đêm" là nói theo ngôn ngữ hình tượng, đó là cuộc đấu tranh giữa ta và địch như giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cái thiện và cái ác, giữa phi nghĩa và chính nghĩa. "Ngày và đêm" còn là thời gian của một cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ và quyết liệt của nhân dân làng Cát kéo dài hàng mấy chục năm trời để gia đình, làng xóm được đoàn tụ, đất nước được giải phóng và thống nhất...

- Các đồng chí làm trong bao lâu ?

- Thưa... thời gian để hoàn thành kịch bản là 5 năm và mất hơn hai năm làm phim. Đây là một bộ phim dài hai tập, mang màu sắc sử thi, hoành tráng, do thực hiện trong điều kiện chiến tranh nên rất khó khăn, trở ngại.

Đồng chí Lê Duẩn như hiểu ra phần nào về lao động sáng tạo của những người làm phim chiến tranh. Không hỏi thêm điều gì, vừa ngồi vào ghế, vừa nói :

- Ta xem phim, hè...

Lúc này trong gian phòng chỉ còn tiếng thuyết minh và tiếng máy chạy xè xè. Đôi lúc có tiếng loa báo máy bay địch xa, gần, nhưng buổi chiếu vẫn không có dấu hiệu ngừng. Đồng chí Lê Duẩn vẫn chăm chú theo dõi từng hình ảnh đang diễn ra trên

Digitized by Google

màn ảnh. Ngay lúc ấy, tôi đã ý thức được đây là một buổi chiếu phim thật đặc biệt, là những giờ phút hiếm hoi đối với những người làm điện ảnh. Ngày ấy, Hà Nội đã là một mặt trận, vấn đề là lúc nào địch đánh ở ngoại vi và lúc nào đánh vào trung tâm Thủ đô. Trong lúc người đứng đầu của Đảng phải đương đầu với bao trọng trách lớn lao của đất nước, lại có thể dành thời gian hơn 3 tiếng đồng hồ để xem và góp ý kiến cho một bộ phim đang trong quá trình hoàn thiện là một việc làm mang ý nghĩa sâu sắc đối với người nghệ sĩ. Trước tiên là tấm lòng của người lãnh đạo, sau đó là một tầm nhìn chiến lược về văn hóa, thực sự coi văn hóa - tư tưởng là một mặt trận, một thứ vũ khí trang bị cho con người còn mạnh hơn cả bom đạn. Và, ngược lại đối với người lãnh tụ cũng là dịp nhìn thấy những hình ảnh đang diễn ra trên đất nước mình, dù đó là nghệ thuật. Điện ảnh là một ngôn ngữ của hiện thực, một thứ ngôn ngữ của thị giác và thính giác, với những hình ảnh chuyển động như thật, một ngôn ngữ đặc thù hơn bất cứ một phương thức biểu hiện nào khác. V.I. Lê-nin đã có một nhận xét nổi tiếng : *Trong tất cả các nghệ thuật, Điện ảnh là nghệ thuật quan trọng nhất.*

Phần cuối của buổi chiếu phim diễn ra khá suôn sẻ, đã giúp tôi đọc lời thuyết minh có sức truyền cảm và khớp với nội dung trên màn ảnh. Nhưng càng về sau, khi các vấn đề trong phim được phát triển và diễn ra phức tạp thì tôi thấy đồng chí Lê Duẩn ngồi không yên như trước, luôn trở mình như đang trăn trở một điều gì. Tôi bị phân tán giữa nhiệm vụ thuyết minh và xem xét lại nội dung đang diễn ra trên màn ảnh có điều gì khiếm khuyết khiến đồng chí không yên tâm. Điều "tai hại" đến với chúng tôi đúng với những lo lắng ban đầu. Trên màn ảnh lúc này là những cảnh "đội quân tóc dài" khiêng xác người thân đi đấu tranh với địch. Đây là một trường đoạn chủ chốt, nhằm làm sáng tỏ chủ đề và đảm nhiệm phần kết quan trọng của bộ phim có chiều dài lịch sử gần 20 năm. Phần kết là cuộc đụng độ giữa ta và địch, nếu quay hoàn chỉnh thì trên màn ảnh sẽ diễn ra cuộc giáp mặt giữa "đội quân tóc dài" và "đội quân đàn áp của Mỹ- ngụy". Nhưng lúc này trên màn ảnh chỉ mới quay được phía "đội quân tóc dài", còn phía địch thì chưa quay được, vì lý do đã trình bày ở trên. Chờ quân ta chiến thắng mới có "đạo cụ" để đóng phim. Vì vậy, gây cho người xem sự hụt hẫng.

Khi buổi chiếu vừa kết thúc, đồng chí Lê Duẩn hỏi chúng tôi khá gay gắt : "Đoàn người khiêng xác người đi đâu thế kia ? Không có mục đích gì mà kéo nhau đi lũ lượt để giặc nó bắn chết hết à...". Chúng tôi chưa kịp trình bày thì đồng chí nói tiếp : "Nội dung của phim rất phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn, trong một thời gian lịch sử dài như vậy, các tác giả cần làm rõ những diễn biến mang tính chiến lược của ta từng thời kỳ. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị - thời kỳ đầu Hiệp định Giơ-ne-vơ (Geneve), Mỹ đổ quân vào miền Nam Việt Nam, rồi Mỹ rút chạy và thực hiện chủ nghĩa thực dân mới... Đồng chí Lê Duẩn đã nói một cách nghiêm khắc những vấn đề mà sau này đã góp phần nâng cao tầm vóc cho tác phẩm mang màu sắc sử thi đầu tiên của điện ảnh Việt Nam.

Chúng tôi ngồi im lắng nghe và tiếp thu. Tuy giọng nói của đồng chí có phần gay gắt, song chúng tôi lại thấy rất rõ bên trong sự "gay gắt" ấy là cả một tấm lòng của lãnh tụ đối với tác phẩm, với tình yêu nghệ thuật sâu sắc. Đồng thời, thấy rõ trách nhiệm của một vị Tổng Tư lệnh trên nhiều mặt trận

Digitized by Google

nóng bỏng, nhưng không bỏ quên mặt trận của những người cầm bút, cầm máy quay, những người lính văn nghệ.

Đêm đã khuya, kể cả thời gian xem phim và góp ý kiến là gần 4 tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ đấy là một việc làm "phi thường" của một lãnh tụ đối với một tác phẩm điện ảnh.

Cuối năm 1973, Bộ Văn hóa quyết định đem bộ phim "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm" tham dự liên hoan phim quốc tế Mát-xcơ-va. Đoàn điện ảnh Việt Nam có tôi, nữ nghệ sĩ Trà Giang và đạo diễn Bùi Đình Hạc.

Cùng thời gian ấy, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - dẫn đầu thăm Liên Xô. Trong khi đoàn chúng tôi đang chuẩn bị cho buổi ra mắt bộ phim dự thi "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm" của Việt Nam thì Đại sứ quán của ta ở Mát-xcơ-va cho biết đồng chí Lê Duẩn muốn xem phim. Khi nghe tin đó, tôi và chị Trà Giang rất bất ngờ về sự quan tâm của đồng chí đối với bộ phim. Trong đời sống tinh thần, cái ấy được cảm nhận như một phẩm chất cao đẹp mang tính nhân văn của một con người, có sức thuyết phục hơn bất cứ một điều gì khác. Đặc biệt đây là lần thứ hai đồng chí Lê Duẩn xem bộ phim này, chăm chút cho một "đứa con" tinh thần từ trong bào thai cho đến khi chào đời. Đối với người sáng tác, tình cảm ấy không thể nào quên được. Có lẽ đây là lần đầu tiên một người đứng đầu Đảng ta (dù mang danh nghĩa "anh Ba"), xem một bộ phim của nền điện ảnh dân tộc mình ở nước ngoài, trước một liên hoan phim quốc tế lớn nhất hành tinh lúc bấy giờ.

Đúng 19 giờ, buổi chiếu phim được bắt đầu ở phòng chiếu phim của nhà khách Chính phủ Liên Xô trên đồi Lê-nin dành cho đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam. Phòng chiếu phim thật sang trọng và hiện đại làm tôn vẻ trang nghiêm của buổi chiếu. Tôi bước vào phòng với cả niềm vui và nỗi lo, có đôi chút hồi hộp. Điều làm tôi lo lắng là tuy những người làm phim chúng tôi đã làm hết sức mình, nhưng liệu có đáp ứng được tầm nhìn đất nước của một nhà chính trị, có gây được dấu ấn cho một con người có tình yêu quê hương sâu nặng, đang nằm trong vùng bom đạn ác liệt của kẻ thù...? Nhưng khác với lần trước, lần này chúng tôi thấy tự tin vào tác phẩm của mình hơn.

Có thể nói tôi chưa bao giờ dự một buổi phim xúc động đến như vậy. Hơn ba tiếng đồng hồ, người xem gần như quên đi cái không gian thật của nước Nga, để hồn mình nhập vào những hình ảnh của quê hương đất nước còn ngập trong khói lửa chiến tranh. Thông thường xem một bộ phim như thế, chưa nói tới một vị lãnh tụ, sức lực của một người tuổi đã cao, mà ngay những người bình thường cũng cần nghỉ giữa chừng. Nhưng điều ấy không xảy ra. Đôi lần đồng chí thư ký riêng nhấp nhổm có ý kiến xin cho nghỉ sau một tập, nhưng đồng chí Lê Duẩn vẫn tập trung xem liền một mạch từ đầu cho tới kết thúc cuốn phim.

Khi gian phòng bừng sáng, trong tiếng vỗ tay, đồng chí Lê Duẩn đứng ngay dậy với một nụ cười rất tươi và hỏi ngay : "Trà Giang đâu ?". Khi nữ nghệ sỹ Trà Giang vừa chạy đến, đồng chí giang cả đôi tay ôm lấy và nói trong xúc động : "Cháu đóng giỏi lắm". Đồng chí Lê Duẩn nhìn tôi với ánh mắt vẫn chưa hết xúc động : "Bộ phim các đồng chí làm rất công phu... Việc gì cũng vậy, làm công phu thì bao giờ cũng mang lại những kết quả tốt đẹp. Bộ phim đã làm cho tôi rất xúc động...". Đồng chí nhìn mọi người như muốn chia sẻ tình cảm của mình và nói tiếp : "Việt Nam chưa có phim nào

Digitized by Google

chứa đựng một nội dung đồ sộ và phức tạp như vậy. Tuy nói về một người phụ nữ, một xóm làng, nhưng người xem thấy được hình ảnh một đất nước kiên cường, bất khuất, một dân tộc anh hùng quyết tâm đấu tranh nhằm giải phóng và thống nhất Tổ quốc. Đấy là sự thành công của tác phẩm. Bộ phim đã phần nào phản ánh chân thực đường lối đấu tranh của một cuộc chiến tranh nhân dân. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, vận dụng ba mũi giáp công để từng bước làm thất bại âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy. Bộ phim cũng đã làm người xem thấy được sự lục đục, chia rẽ trong nội bộ các đảng phái chính trị ở Sài Gòn, sự suy yếu dần của Mỹ - ngụy, dẫn đến thất bại hoàn toàn là điều không tránh khỏi. Tuy trong phim các đồng chí không nói đến ngày giải phóng đất nước, nhưng cũng đã làm cho người xem thấy được ngày thắng lợi đang đến gần...".

Đồng chí Lê Duẩn đã nói rất nhiều điều, nhưng tôi chỉ ghi lại những nét chính. Trong khi tôi chuẩn bị tiếp thu những mặt có thể còn thiếu sót về đường lối chiến lược, những yếu kém trong phim, thì chỉ ngừng trong giây lát, đồng chí lại nói tiếp : "Tôi tin rằng khi bộ phim này được chiếu ở liên hoan phim quốc tế Mát-xcơ-va, bạn bè trên thế giới sẽ hiểu chúng ta, hiểu mục đích chính nghĩa của cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam...".

Với cách nói say sưa, khoáng đạt, mạnh mẽ, chân tình liền một mạch ấy, khiến chúng tôi dạt dào những cảm xúc, cùng một lúc vỡ vạc ra nhiều vấn đề, nhiều ý nghĩa... Điều đó, đã làm cho chúng tôi không bao giờ quên được những giây phút đẹp đẽ, ấm cúng đầy ấn tượng mà đồng chí Tổng Bí thư của Đảng đã dành cho nghệ thuật. Chúng tôi coi đó là một phần thưởng cao quý đối với những người làm bộ phim này.

Chỉ sau đó ít ngày, bộ phim : "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm" của Việt Nam tham dự liên hoan phim quốc tế Mát-xcơ-va đã được Ban giám khảo trao tặng giải vàng cho nữ nghệ sĩ Trà Giang - người đã đóng vai chính một cách xuất sắc trong bộ phim. Bộ phim còn được trao giải thưởng của Hội đồng Hòa bình thế giới. Niềm vinh dự ấy đã được đăng trên hàng loạt báo chí Liên Xô và các nước. Trên trang nhất báo Nước Nga đã viết : *Có thể nói rằng chưa bao giờ trên màn ảnh lại được thể hiện hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh với một sức mạnh và tài năng như vậy. Hình ảnh người phụ nữ - một phụ nữ dịu hiền, dễ thương một cách ngạc nhiên và lại là người mẹ, người lính, người chiến sỹ cộng sản. Trà Giang đã đóng được vai trò đó một cách tuyệt vời và bằng cả trái tim của mình...* Cũng trong ngày hôm đó một nữ phóng viên báo *Phụ nữ và Điện ảnh* Mỹ đã đến tận phòng của Trà Giang với một thái độ hết sức khiêm nhường, có đôi chút dè dặt, nắm lấy hai bàn tay của Trà Giang, nghẹn ngào nói : ... *Bộ phim... nhân vật chị đóng đã làm cho tôi hết sức xúc động... Tôi nghĩ rằng chính phủ Mỹ rất xấu xa trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam...*

Đã 30 năm rồi, nhưng những người làm công tác điện ảnh vẫn còn ghi nhớ sâu sắc sự chỉ bảo ân tình và sự quan tâm đặc biệt của đồng chí cố Tổng Bí thư Lê Duẩn trong hai lần xem phim : "Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm". Đó cũng chính là sự ưu ái, quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền điện ảnh trong đấu tranh giải phóng đất nước, cũng như trong công cuộc đổi mới hôm nay. ❑

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI ĐỀN HÙNG và chúng ta làm theo lời Người dạy

NGUYỄN THỊ TUYẾT HẠNH*

1 - Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đền Hùng

Khu Di tích lịch sử Đền Hùng đã hai lần được vinh dự đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và làm việc.

Lần thứ nhất : Ngay sau Hội nghị Giơ-ne-vơ, ngày 19-9-1954, trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn Đền Hùng làm nơi gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong. Khi đó, đất nước vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chín năm chống Pháp, còn bề bộn ngổn ngang, đầy rẫy những khó khăn và thử thách, cuộc gặp mặt của lãnh tụ kính yêu với chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong không phải là sự tình cờ, mà là chủ đích của Người. Lịch sử dân tộc suốt mấy nghìn năm được Người tổng kết và chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ sau kết tinh trong một câu nói lịch sử nổi tiếng : "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định thành tựu lịch sử của các bậc tiền nhân và nhiệm vụ cách mạng của dân tộc hiện tại là con đường xuyên suốt có tính lô-gích : dựng nước gắn liền với giữ nước là quy luật nội tại bảo đảm sự trường tồn của dân tộc ta cũng chính là giao trọng trách cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu sâu sắc và toàn diện hơn nữa về thời đại Hùng Vương. Tại Đền Hùng, Người khẳng định : thời đại Hùng Vương là thời kỳ bình minh của lịch sử dân tộc, các Vua Hùng đã khai sinh ra đất nước Việt Nam. Sự khẳng định ấy của Người đã được chứng minh bằng những di chỉ khảo cổ về những dấu tích người Việt cổ ở khắp mọi nơi, có niên đại hai nghìn năm trước Công nguyên. Việc Người khẳng định quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước tại Đền Hùng không những có ý nghĩa giáo dục lớn mà còn là sự tôn vinh Tổ tiên - các Vua Hùng - của người đứng đầu Nhà nước Việt Nam hiện đại. Chọn Đền Hùng để khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tôn vinh Đền Hùng lên một tầm cao lịch sử mới.

Dân tộc Việt Nam trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Hôm nay, để tiếp tục phát triển, vẫn là phải tiếp tục dựng nước để giữ gìn đất nước. Bác nói : "Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Lời Người nói thật giản dị mà xiết bao thân thương gần gũi, kết tinh ý chí đoàn kết thống nhất và sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc bảo vệ vững chắc Tổ quốc, để xây dựng đất nước.

* Ban Quản lý Khu Di tích Đền Hùng

Digitized by Google

Lần thứ hai : Năm 1962, đế quốc Mỹ chuẩn bị cuộc chiến tranh đánh phá ra miền Bắc. Một lần nữa, ngày 19-8-1962, Đền Hùng lại đón nhận sự kiện lịch sử : Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm. Trong hồ sơ lý lịch *"Di tích lưu niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích Đền Hùng"*, có ghi lời Người dặn trên đỉnh núi Hùng : "Đã đi là phải tới đích, cũng như người làm cách mạng không được bỏ dở chừng". Người còn dặn : "Chú ý bảo vệ, trồng thêm hoa, cây cối, để xây dựng Đền Hùng trở thành một công viên lịch sử cho con cháu sau này tới thăm viếng".

Hai lần Người về Đền Hùng là cả hai lần Người đều đi tới đỉnh cao nhất, nơi mà ngày xưa Tổ tiên ta từng làm lễ cầu Trời đất cho mưa thuận gió hòa, toàn dân hạnh phúc. Cả hai lần Người về Đền Hùng, lịch sử dân tộc đều ở vào những mốc thời điểm trọng đại. Người về Đền Hùng không phải để mượn tới vong linh của người xưa, hay tìm một sức mạnh làm cứu cánh từ niềm tin huyễn hoặc nơi quyền năng của cõi thánh thần để đương đầu với những khó khăn của dân tộc. Người về Đền Hùng, tìm đến cội nguồn của dân tộc với "các Vua Hùng đã có công dựng nước", chính là để cổ vũ sự cố gắng, quyết tâm dựng nước và giữ nước trong thời đại mới, là bồi đắp mạnh mẽ và sâu sắc thêm những tình cảm thiêng liêng của dân tộc đối với các Vua Hùng, để gìn giữ những điều bất diệt, tạo nên sức mạnh và nguồn sinh lực mới cho cách mạng trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2 - Thành tựu bốn mươi năm xây dựng và tôn tạo Khu di tích Đền Hùng theo lời dạy của Bác Hồ

Sau sự kiện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Đền Hùng, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước cùng hàng chục vạn đồng bào Việt Nam từ trên khắp mọi miền của Tổ quốc tiếp tục về Đền Hùng không chỉ vào trong những dịp giỗ Tổ, mà đã trở thành lễ sống thường nhật trong đời sống văn hóa tinh thần của toàn dân tộc. Với tầm quan trọng và ý nghĩa đặc biệt ấy, Nhà nước đã không ngừng bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và quản lý Đền Hùng.

Sự quan tâm và tôn vinh Đền Hùng không chỉ là tình cảm thiêng liêng mà còn là trách nhiệm cao cả của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đền Hùng được công nhận là di tích loại A1 và phân cấp quản lý từ năm 1962. Cùng với thời gian và sự phát triển của đất nước, Đền Hùng ngày càng được quan tâm một cách toàn diện, đánh dấu sự thay đổi vượt bậc về quy mô và tầm vóc, nâng nó lên một tầm cao mới.

Về thiết chế quản lý, năm 1962, tỉnh Phú Thọ đã thành lập một bộ phận quản lý và bảo vệ Khu Di tích Đền Hùng. Năm 1968, khi sáp nhập hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc thành tỉnh Vĩnh Phú, đã lập tổ công tác về Đền Hùng, gồm 5 người trực thuộc Ty Văn hóa - Thông tin. Năm 1976, thành lập Ban quản lý Đền Hùng thuộc Ty Văn hóa - Thông tin Vĩnh Phú. Năm 1988, thành lập Ban quản lý liên ngành khu vực Đền Hùng, do đồng chí Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao làm Trưởng ban.

Và, ngày 21-11-1989, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú ra Quyết định số 801/QĐ-UB, thành lập Ban quản lý Khu di tích Đền Hùng. Khu Di tích Đền Hùng được công nhận theo văn bản nhà nước với tổng diện tích, bao gồm : 32 héc-ta của núi Hùng (kể cả đường viền chân núi) và khu rừng cấm Đền Hùng (có diện tích là 253 héc-ta), và vùng đệm với diện tích 1 340 héc-ta. Tổng số biên chế là trên 60 cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ quản lý, gìn giữ, bảo vệ, tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị của Khu Di tích Đền Hùng.

Digitized by Google

Trên cơ sở đó, việc tôn tạo, tu sửa Đền Hùng và Khu Di tích Đền Hùng không ngừng đẩy mạnh. Từ những năm giữa thập kỷ 70 đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, công tác tiến hành khảo sát, điền dã điều tra quy hoạch Khu Di tích Đền Hùng đã được các cấp, các ngành hữu quan triển khai mạnh mẽ. Từ năm 1985, ngoài các kiến trúc đền, chùa, lăng mộ mà chúng ta tôn tạo, trùng tu trước đây đã tiếp tục được nâng cấp, tại Khu Di tích Đền Hùng đã có thêm một thiết chế văn hóa mới - Nhà Bảo tàng Hùng Vương.

Quyết định số 63/TTg, ngày 8-2-1994, của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt dự án tổng thể Khu Di tích lịch sử Đền Hùng", gồm Khu di tích lịch sử thuộc xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú (cũ), và vùng đệm (thuộc 6 xã : Hy Cương, Kim Đức, Phù Ninh, Chu Hóa, Tiên Kiên, Vân Phú), với tổng diện tích là 1 625 héc-ta (trong đó quy định rõ các khu vực quản lý tôn tạo và xây dựng) được ban hành.

Tiếp tục thực hiện Quyết định đó của Thủ tướng Chính phủ, đáp ứng tình hình và nhiệm vụ quản lý, phát huy tác dụng của khu di tích này, Đền Hùng đã trở thành một trọng điểm trong đầu tư xây dựng các hạng mục công trình văn hóa của cả nước. Cụ thể : năm 1995, 1996 Đền Thượng và Lăng Hùng Vương được đại trùng tu ; năm 1998 tiếp tục trùng tu lớn các Đền Hạ, Đền Trung, Đền Giếng ; năm 1999 trùng tu toàn diện chùa Thiên Quang. Công tác tôn tạo, tu sửa các kiến trúc đền, chùa trên núi Hùng tuân thủ theo nguyên tắc bảo tồn một cách nghiêm túc. Việc đại trùng tu các công trình kiến trúc là các đền, chùa trên núi Hùng không làm phá vỡ cảnh quan diện mạo của Khu Di tích.

Để tiếp tục mở mang xây dựng kiến trúc các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng liên quan đến việc thờ phụng các Vua Hùng (và thời đại Hùng Vương) một cách căn bản, cuộc Hội thảo khoa học - thực tiễn về việc "Tôn tạo và tu bổ Khu Di tích Đền Hùng", tháng 4-2000, đã bàn định khá cụ thể việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm kết tinh đầy đủ các giá trị văn hóa - tín ngưỡng thờ Hùng Vương (và thời đại Hùng Vương) gồm việc xây dựng Đền Âu Cơ, Đền Lạc Long Quân, Tháp tôn vinh các Vua Hùng mang đậm dấu ấn văn hóa của dân tộc ta ở cuối thế kỷ XX, để tưởng nhớ công lao của các Vua Hùng. Tháng 8-2001, chúng ta xây dựng Đền Âu Cơ trên núi Vặn (một trong ba ngọn núi chính trong hệ thống "tam sơn cấm địa" ở Khu Di tích Đền Hùng).

Chúng ta xây dựng khu trung tâm lễ hội vào năm 2000, gồm các tuyến đường, hệ thống điện, nước, ao hồ ở Khu di tích một cách cơ bản. Điều đáng kể nữa là, việc trồng, chăm sóc khu rừng cấm quốc gia, gìn giữ và cải tạo môi trường được không ngừng chú trọng, trồng mới 42 héc-ta rừng ; tại khu vực trung tâm của Khu di tích, trồng lại 6 héc-ta rừng bản địa ; trồng nhiều cây bụi, cây thuốc và dây leo với diện tích 5,1 héc-ta, làm phong phú thêm về thành phần loài của khu rừng cấm ; xây dựng vườn cây lưu niệm hướng về cội nguồn, có diện tích là 13 575,3 m^2, với sự tham gia của 61 tỉnh, thành trong cả nước.

Việc quản lý và quy hoạch Đền Hùng theo hướng đó đã tạo ra Khu di tích Đền Hùng tương đối hoàn chỉnh về quy mô cùng các thể chế văn hóa chặt chẽ. Đặc biệt, việc tu bổ, tôn tạo đồng bộ được sự chỉ đạo, quan tâm của Đảng, Nhà nước và góp sức của nhân dân đã cơ bản hoàn thành theo quy hoạch tổng thể. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, chúng ta đã có một Khu Di tích Đền Hùng thực sự ngày một khang trang và ngang tầm.

Quản lý và tổ chức tốt lễ hội Giỗ Tổ là một trong những việc rất quan trọng, trong

Digitized by Google

toàn bộ hoạt động của Khu di tích Đền Hùng. Tín ngưỡng thờ Hùng Vương và lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành lễ hội mang tính văn hóa tâm linh lớn nhất trong toàn quốc. Ngày Giỗ Tổ, con cháu mọi miền của Tổ quốc về dự lễ hội.

Hằng năm, lễ hội Giỗ Tổ được tổ chức theo truyền thống văn hóa của dân tộc, nhưng có sự quản lý chặt chẽ, hướng dẫn cụ thể. Vào những năm chẵn, Nhà nước ta tổ chức, những năm lẻ do tỉnh tổ chức. Việc tổ chức lễ hội Giỗ Tổ rất quy củ, dưới sự điều hành của Ban tổ chức lễ hội.

Từ Tết Nguyên Đán cho đến hết mùa Xuân, mỗi ngày hàng nghìn lượt người về viếng Tổ. Đặc biệt, từ mùng 1 đến mùng 10 tháng Ba âm lịch, dòng người về lễ hội dài tới vài cây số. Đường sá, núi đồi nườm nượp người, nườm nượp xe cộ.

Lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức theo truyền thống, chủ yếu gồm hai phần : phần lễ và phần hội. Phần lễ được duy trì trang nghiêm trong các đền, chùa trên núi Hùng ; phần hội diễn ra xung quanh các đền, chùa và dưới chân núi Hùng.

Công cuộc đổi mới càng góp sức tô điểm và phát huy sức sống mạnh mẽ của Đền Hùng và lễ hội Giỗ Tổ Hùng Vương. Về với cội nguồn, về với Tổ Tiên - về Đền Hùng - đã trở thành nếp nghĩ và nếp sinh hoạt truyền thống không thể thiếu được trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam dù sinh sống trong nước hay định cư ở nước ngoài, không phân biệt già trẻ, không phân biệt tuổi tác, không phân biệt tôn giáo...

3 - Tình cảm của nhân dân Việt Nam và bè bạn trên thế giới đối với di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng

Thời gian như càng khắc sâu thêm tình cảm nồng thắm của người Việt Nam của bạn bè trên khắp các châu lục khác nhau khi đến với Đền Hùng, đến với Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền Hùng.

Năm 1975, đất nước ta hoàn toàn độc lập, hai miền Nam Bắc lại sum họp một nhà. Khát vọng về thăm viếng Đất Tổ không phải chỉ của đồng bào miền Bắc, mà ước nguyện "một lần ra thăm miền Bắc, một lần thăm Đất Tổ Hùng Vương" của đồng bào miền Nam đã được thực hiện. Những người con ưu tú của cách mạng miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ, đã về thăm viếng Đền Hùng, thắp một nén nhang trước Mộ Tổ mà không thể nén nổi niềm vui sướng tự hào, rưng rưng nước mắt : "Chúng tôi đến đây với tất cả mơ ước của những người con từ vùng đồng bằng sông Cửu Long, với tất cả tấm lòng của những người con từ vùng đất cuối cùng của Tổ quốc... chúng tôi xiết bao xúc động... Chúng tôi muốn thưa với Tổ Tiên và với Bác Hồ rằng : Vâng lời Người, miền Nam đã sắt son chung thủy trở về nguyên vẹn với cội nguồn". Đó là những dòng lưu bút của một người con gái đồng bằng sông Cửu Long, đến thăm Đền Hùng ngày 7-5-1976, trong Sổ lưu niệm của Nhà Bảo tàng Hùng Vương.

Chúng ta càng tự hào vì Tổ Tiên - các Vua Hùng dựng nước, và dân tộc đã sinh ra một người con ưu tú như Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc đời Người đã gắn bó một phần với Đền Hùng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, ngày 13-4-1984, về thăm Đền Hùng đã nói : "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Những con người Việt Nam vừa kế tục truyền thống tốt đẹp của các Vua Hùng, vừa phản ánh tinh hoa của thời đại Hồ Chí Minh, cùng nhau thực hiện xuất sắc di huấn của Bác Hồ vĩ đại, góp phần xứng đáng

Digitized by Google

vào sự nghiệp xây chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thân yêu".

Đền Hùng như là sự tự nhiên đã gắn với người con ưu tú vĩ đại nhất của dân tộc - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và sự thành kính của Người với các Vua Hùng, sự quan tâm của Người với Khu Di tích Đền Hùng không chỉ là sự kết tinh đạo lý của người Việt Nam với Tổ tiên, với cội nguồn, với truyền thống mà từ Đền Hùng, ta càng thấy Người tỏa sáng đức nhân văn của người Việt Nam, được bạn bè trên thế giới ngưỡng mộ.

Tham tán Văn hóa Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, ngài C.Va-la-jô-li, tháng 12-1997, đã xúc động viết trong Sổ Lưu niệm : "Một cuộc thăm viếng rất xúc động : lịch sử Việt Nam - một cuộc hành trình anh dũng và lâu dài, từ ngôi mộ của các Vua Hùng đến Lăng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, biết bao chặng đường đã qua". Tháng 9-1978, Ông Rô-man, thay mặt Đoàn chuyên gia Liên Xô, chân thành ghi lại những dòng suy nghĩ của mình : "Đoàn chuyên gia Liên Xô sau khi thăm khu di tích lịch sử này... chúng tôi tin tưởng rằng lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ thành hiện thực, và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ là đất nước tươi đẹp, và là thành trì của hòa bình tại Đông Nam Á".

Và đây nữa, tình cảm chân thành của ông Kim Sang Ghen, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, như dồn nén, chắt chiu ở từng con chữ trong Sổ lưu niệm, đề ngày 28-7-1978 : "Chúng tôi đến thăm Đền Hùng với tình cảm sâu sắc... Qua tham quan, chúng tôi biết rõ lịch sử lâu đời và truyền thống đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Chúng tôi rất vui mừng thấy các đồng chí đã thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh"...❑

ĐỂ NHỮNG QUYẾT SÁCH...

(Tiếp theo trang 13)

nghị quyết. Cần phải giữ nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ và giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước trong thực hiện nghị quyết.

Sáu là : Cần hệ thống hóa các nghị quyết của Đảng, xem vấn đề nào đã có chủ trương, đã thực hiện và vấn đề nào chưa được đề cập đến, để tham mưu, đề xuất với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy xem xét, quyết định. Nhất là trước những vấn đề mang tính chiến lược, cơ bản, lâu dài và những vấn đề bức xúc cần được quan tâm giải quyết nhanh chóng trong cuộc sống xã hội thì việc đó càng cần thiết và hệ trọng.

Mỗi lần học tập, quán triệt nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, chúng ta nhận thức rõ thêm những điều mới, có thêm quyết tâm và sáng tạo thực hiện tốt nhất với hiệu quả cao nhất nghị quyết. Bốn mươi hai năm trước đây, tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết Trung ương 3, khóa III, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Đường lối, chủ trương có rồi, phải có biện pháp thực hiện cho tốt. Chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp. Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần, (...). Phải xuyên qua ba điều đó mà thường xuyên kiểm tra đôn đốc" (1). Lời dạy đó của Người vẫn còn nguyên tính thời sự trong cuộc sống của chúng ta hôm nay. ❑

---

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 266

Digitized by Google

ĐỔI MỚI TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

ĐINH NGỌC GIANG*

NƯỚC ta hiện nay có 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với 604 huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện). Theo Điều 4 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi năm 1994), Hội đồng nhân dân được thành lập ở 3 cấp của địa phương : tỉnh, huyện, xã. Điều 119 Hiến pháp 1992 (sửa đổi năm 2001) quy định : "Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên". Trong những năm qua, thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nói chung và Hội đồng nhân dân huyện nói riêng đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước.

Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 1999 - 2004 đi vào hoạt động được gần 4 năm. Tại kỳ họp thứ nhất của nhiệm kỳ, đã bầu đủ các chức danh theo đúng luật định. Phần lớn chủ tịch Hội đồng nhân dân đều kiêm bí thư huyện ủy. Thực tiễn cho thấy, việc bố trí bí thư hoặc phó bí thư huyện ủy kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng vào cuộc sống một cách linh hoạt và kịp thời. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện từ 25 đến 35 người. Qua tìm hiểu thực tế ở một số địa phương cho thấy, số lượng như vậy là ít, đặc biệt đối với những huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Nhất là, nhiều xã thuộc huyện vùng cao không có đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, trong khi để đi từ xã đó ra trung tâm huyện phải mất mấy ngày đường. Tuy nhiên, chất lượng của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ này được nâng lên một bước quan trọng. Trong thời gian qua, các huyện tích cực mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, chính trị, kiến thức quản lý nhà nước về các lĩnh vực phù hợp yêu cầu của địa phương. Hội đồng nhân dân huyện có 2 ban : ban kinh tế - xã hội và ban pháp chế. Số lượng thành viên của các ban này từ 3 đến 5 người.

Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cấp huyện cũng được tăng cường. Thông qua hoạt động giám sát, đã phát hiện những tiêu cực trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ bản, thu chi tài chính, giáo dục... ; nhiều sai trái trong việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở ; kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết, xử lý kịp thời việc ban hành các văn bản trái thẩm quyền, trái với nội dung văn bản của cấp trên. Đồng thời, tích cực đôn đốc việc thực

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hiện nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra, làm tiền đề cho sự phát triển của địa phương trong thời gian tiếp theo. Việc thiết lập, củng cố mối quan hệ, sự phối kết hợp với Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong huyện trên tinh thần trách nhiệm chung được chú trọng hơn.

Những kết quả về tổ chức và hoạt động trên chứng tỏ, Hội đồng nhân dân cấp huyện đã không ngừng đổi mới và dần khắc phục tính hình thức, từng bước đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện còn có những mặt hạn chế, yếu kém.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân ở một số huyện rất mờ nhạt, mang nặng tính hình thức, có nơi quá yếu kém, không đủ sức giải quyết những vấn đề tồn đọng, nổi cộm, bức xúc trên địa bàn, dẫn đến tình trạng nhân dân bất bình, khiếu kiện vượt cấp ; còn lúng túng trong việc cụ thể hóa các đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong công tác chuẩn bị cho kỳ họp Hội đồng nhân dân, các văn bản trình kỳ họp còn sơ sài, chung chung.

Hội đồng nhân dân một số huyện chưa thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương ; chức năng giám sát đối với hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn còn nhiều hạn chế ; chưa xây dựng được lịch hoạt động giám sát định kỳ, hoặc nếu có cũng mang tính hình thức. Việc chuẩn bị các bước cần thiết cho công tác giám sát chưa chu đáo, nên hiệu quả chưa cao. Các kết luận giám sát thường chung chung, cộng thêm với sự thiếu đôn đốc, kiểm tra nên việc thực hiện các kết luận đó rơi vào tình trạng "bắt cóc bỏ đĩa", "đánh trống, bỏ dùi". Một số vụ việc tiêu cực của các tổ chức, cá nhân chưa được phát hiện kịp thời, việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân còn chậm. Trình độ, năng lực, trách nhiệm của một số đại biểu Hội đồng nhân dân chưa tương xứng với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao ; là người đại diện cho nhân dân nhưng lại ít tiếp dân, ít tiếp xúc cử tri, thiếu gương mẫu trong chấp hành pháp luật.

Những hạn chế, yếu kém đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân song chủ yếu là, Hội đồng nhân dân cấp huyện tuy có "quyền", nhưng thiếu "lực" để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Hội đồng nhân dân ở nhiều huyện thiếu cơ sở vật chất để hoạt động. Nhiều huyện, trong cơ cấu đại biểu vẫn còn nặng về hình thức, chưa thật sự coi trọng chất lượng nên trình độ đại biểu còn thấp. Ở một số huyện, lượng đại biểu dành cho các cơ quan của huyện chiếm phần lớn, do đó nhiều xã không có đại biểu ; hoặc có trường hợp do cơ cấu giới tính, độ tuổi ràng buộc nên phải hiệp thương, bố trí đề cử cả những người yếu về năng lực, trình độ, bản lĩnh... gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của đại biểu nói riêng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân nói chung. Một số đại biểu phải kiêm nhiệm quá nhiều chức vụ nên trực tiếp ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng hoàn thành công việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của thường trực, các ban của Hội đồng nhân dân không tương xứng nhau. Thường trực chỉ là người đôn đốc, nhắc nhở, báo cáo, nên không có thực quyền ; trong lúc chỉ có 2 người, trong đó một người kiêm nhiệm nên khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Điều cần nhấn mạnh là, sự nhận thức chưa đúng đắn về vị trí, vai trò của cơ quan dân cử ở địa phương nói chung và của Hội đồng nhân dân huyện nói riêng trong không ít người, thậm chí không ít tổ chức nên việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đại biểu Hội đồng nhân dân chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức.

Để tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện trong điều kiện hiện nay, trước hết phải đổi mới mạnh mẽ nhận thức về chức

Digitized by Google

năng, nhiệm vụ, vị trí và vai trò của tổ chức này. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện. Có ý kiến cho rằng : Ở đơn vị hành chính lãnh thổ cấp huyện chỉ nên có Ủy ban nhân dân, không nên có Hội đồng nhân dân vì đây chỉ là cấp trung gian giữa đơn vị chính quyền cơ sở với đơn vị chính quyền địa phương cấp cao nhất. Trong điều kiện Đảng và Nhà nước ta đang tăng cường dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước thì quan điểm này không phù hợp. Bởi lẽ, đối với khu vực miền núi, khoảng cách địa lý giữa các huyện với tỉnh rất xa nhau. Nếu không có Hội đồng nhân dân cấp huyện, vấn đề dân chủ sẽ khó được thực hiện vì người dân sẽ không có điều kiện để đề đạt nguyện vọng của mình một cách nhanh chóng tới cơ quan đại diện của mình. Loại ý kiến khác cho rằng, trước mắt tiếp tục củng cố vai trò cơ quan đại diện của nhân dân địa phương, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, nhưng cần phân biệt tính chất, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Hội đồng nhân dân theo từng loại đơn vị hành chính. Theo đó có thể bỏ Hội đồng nhân dân ở một số loại đơn vị hành chính mà do tính chất, cũng như thực tế kiểm nghiệm ở đó Hội đồng nhân dân tỏ ra không thiết thực, hiệu quả. Loại ý kiến khác nữa cho rằng, trong điều kiện hiện nay, không nên xóa bỏ Hội đồng nhân dân huyện mà ngược lại, phải củng cố, hoàn thiện, để nó có thực quyền, thực sự là cơ quan đại diện của nhân dân, là công cụ để nhân dân thực hiện quyền hạn làm chủ của mình. Quan điểm này đang được đông đảo các nhà nghiên cứu đồng tình.

Để tiếp tục kiện toàn tổ chức Hội đồng nhân dân cấp huyện đạt kết quả, cần thực hiện những biện pháp sau :

- Quy định hợp lý về số lượng đại biểu. Việc quy định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân huyện từ 25 - 35 người trên thực tế là chưa hợp lý, nhất là ở những huyện có số dân đông, diện tích rộng, địa hình phức tạp. Mặt khác, do số lượng đại biểu còn phải phân bổ cho các cơ quan của huyện, nên có xã không có đại biểu Hội đồng nhân dân huyện. Vì vậy, việc tăng số lượng đại biểu là cần thiết, song phải căn cứ vào số dân, yếu tố địa lý, số lượng thôn, làng, ấp, bản... trong từng huyện.

- Cơ cấu đại biểu cần thể hiện tính cân đối, bảo đảm tính toàn diện nhưng phải rất coi trọng các tiêu chí : chất lượng, trình độ, năng lực. Cần tăng cường cơ cấu đại biểu là trí thức, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, pháp lý ; trẻ hóa đội ngũ đại biểu nhằm đảm bảo tính kế thừa và chuyển giao giữa các thế hệ.

- Nhằm đảm bảo thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, thường trực Hội đồng nhân dân huyện cần hoạt động theo hướng chuyên trách ; tăng thẩm quyền của thường trực, các ban của Hội đồng nhân dân ; có cơ chế hoạt động bảo đảm "thực quyền" của thường trực cũng như của Hội đồng nhân dân.

- Hiện nay, có quan điểm cho rằng luật chỉ cần quy định những vấn đề chung nhất, còn để luật đi vào cuộc sống, cần có sự hướng dẫn của các văn bản dưới luật như pháp lệnh, nghị định... Chúng tôi cho rằng, quan điểm này không phù hợp trong bối cảnh chúng ta đang tiến hành xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, một nhà nước pháp quyền là một nhà nước mà những quan hệ xã hội cơ bản nhất phải được điều chỉnh bằng chính các đạo luật chứ không phải bằng các "văn bản hướng dẫn". Hơn nữa, trình độ của cán bộ cấp huyện hiểu và thực hiện pháp luật chưa thể đạt được mặt bằng như cán bộ ở các cơ quan trung ương. Vì vậy, nội dung của luật phải được cụ thể hơn nữa, nhằm bảo đảm việc thi hành luật được thống nhất, đồng bộ và dễ dàng trong cuộc sống.

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, để phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở địa phương, cần đổi mới phương thức hoạt động

Digitized by Google

của Hội đồng nhân dân cấp huyện trên các phương diện sau:

- Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng các kỳ họp. Hiện nay, mỗi năm Hội đồng nhân dân họp 2 kỳ (có thể có kỳ họp bất thường) với thời gian từ 1 đến 4 ngày. Đây là hình thức hoạt động cơ bản nhất của Hội đồng nhân dân, nơi thể hiện đầy đủ nhất tính đại diện, tính quyền lực nhà nước của Hội đồng nhân dân. Để nâng cao chất lượng các kỳ họp, thường trực Hội đồng nhân dân, các ban cần chuẩn bị kỹ nội dung các báo cáo, dự thảo nghị quyết trên cơ sở tổng hợp ý kiến cử tri trong huyện. Tập trung giải quyết những vấn đề cần thiết, bức xúc của địa phương, tránh dàn trải, dẫn đến việc thông qua nghị quyết chỉ mang tính hình thức, thiếu tính khả thi.

- Nâng cao trình độ, năng lực của chủ tọa các kỳ họp của Hội đồng nhân dân. Trong quá trình thảo luận của đại biểu, chất vấn các thành viên của Ủy ban nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân cùng cấp... chủ tọa phải hướng đại biểu tập trung thảo luận những vấn đề chủ yếu.

- Hội đồng nhân dân huyện cần xây dựng chương trình, nội dung giám sát hằng quý, hằng năm. Nội dung giám sát cần tập trung vào những vấn đề bức xúc ở địa phương như : việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Hội đồng nhân dân đã đề ra, các chương trình đầu tư, xây dựng cơ bản, thu - chi ngân sách, việc bắt giam, truy tố, xét xử, thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân trên địa bàn.

- Trong hoạt động giám sát, cần đổi mới cách thức xem xét, thẩm tra các báo cáo, thực hiện tốt các chế độ báo cáo. Các ban của Hội đồng nhân dân cần tập trung thẩm tra kỹ các nội dung báo cáo, đề án, không đưa vào nội dung kỳ họp những vấn đề mà cơ quan hữu quan chưa chuẩn bị kịp hoặc chưa được thẩm tra. Trong những trường hợp cần thiết, có thể mở rộng thành phần dự họp, quy định các hình thức để nhân dân có thể tham gia giám sát hoạt động của đại biểu, của Hội đồng nhân dân. Cần có cách thức để nhân dân được theo dõi diễn biến, nội dung các kỳ họp của Hội đồng nhân dân qua các phương tiện thông tin của huyện.

- Đổi mới hình thức chất vấn của đại biểu. Cần có những quy định cụ thể về vấn đề chất vấn, giải trình chất vấn, hình thức xử lý đối với những trường hợp trả lời chất vấn thiếu nghiêm túc, không đáp ứng được yêu cầu chính đáng của đại biểu cũng như của cử tri. Nội dung chất vấn cần được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân theo dõi. Điều đó buộc người trả lời chất vấn phải chuẩn bị tốt nội dung trả lời, nâng cao trách nhiệm của mình trước cử tri.

- Đổi mới hình thức giám sát của đại biểu, của Hội đồng nhân dân trong việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân trên địa bàn. Tăng thời gian tiếp dân, có lịch tiếp dân cụ thể để nhân dân tiện liên hệ, yêu cầu ; cải tiến hình thức tiếp dân, tránh gây phiền hà cho nhân dân. Khi nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, phải gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu của công dân hoặc trực tiếp giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo dõi đầy đủ yêu cầu gửi đến, kiến nghị và đôn đốc cơ quan được yêu cầu giải quyết thực hiện giải quyết dứt điểm mọi khiến kiện, nhằm củng cố và tăng cường lòng tin của nhân dân vào các cơ quan nhà nước, bảo đảm ổn định tình hình an ninh, trật tự trong địa bàn.

- Xây dựng cơ chế điều hòa, phối hợp hoạt động của thường trực với các ban của Hội đồng nhân dân, phân công các ban kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân ; tổ chức tiếp xúc cử tri gắn với việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở theo Nghị định 29/1998/NĐ-CP của Chính phủ, tạo điều kiện để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra " ; đổi mới hình thức, nội dung giao ban và hướng dẫn hoạt động đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp dưới. ❑

Digitized by Google

Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp để hội nhập AFTA

VŨ ANH TUẤN*

1 - Nhìn nhận về cạnh tranh và hội nhập

Khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản (giai đoạn chuyển tiếp từ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do sang chủ nghĩa tư bản độc quyền), V.I. Lê-nin đã khẳng định cạnh tranh tất yếu dẫn đến độc quyền, đến lượt nó, độc quyền sẽ thủ tiêu cạnh tranh, sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, kìm hãm động lực phát triển của xã hội. Chúng ta đều biết trong cơ chế thị trường, giá cả thị trường là cốt lõi, quan hệ cung cầu là trung tâm, cạnh tranh là sức sống, là thuộc tính cơ bản và là động lực mạnh mẽ nhất của sự phát triển. Tư tưởng về cạnh tranh đã từng được các nhà kinh tế học cổ điển như A. Smít và D. Ri-các-đô đề cao. Tư tưởng cạnh tranh thịnh hành gắn với thời kỳ xuất hiện chủ nghĩa trọng thương và thống trị đến đầu thế kỷ XX. Thực tế hơn hai thế kỷ qua, ở đa số các nước có nền kinh tế thị trường đã đạt được những thành tựu lớn lao trong phát triển kinh tế xã hội. Động lực mạnh mẽ nhất của tăng trưởng kinh tế và phát triển là sức sống của môi trường cạnh tranh.

Mặc dù sự can thiệp của công quyền trong nền kinh tế thị trường ngày càng sâu rộng ở đa số các quốc gia từ những năm 30 thế kỷ XX, nhưng xu thế hiện nay là xu thế tự do hóa thương mại, xu thế phục hồi những tư tưởng tự do kinh doanh. Cùng với xu thế toàn cầu hóa, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ra đời thay thế cho Hiệp định chung về thương mại và thuế quan (GATT). Đây là một định chế thương mại của nhiều bên tham gia, lấy tự do hóa làm trung tâm và là động lực của sự phát triển.

Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa để tăng cường khả năng tiêu thụ sản phẩm và nâng cao hiệu quả hạch toán là vấn đề mấu chốt đối với sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường bắt đầu từ năm 1986. Đặc biệt, trong khoảng 10 năm qua, khi chính sách kinh tế nhiều thành phần đi vào cuộc sống, tư tưởng cạnh tranh giữa các đơn vị, giữa các thành phần kinh tế được thừa nhận thì một số doanh nghiệp và mặt hàng của Việt Nam đã vươn ra thị trường tham gia cạnh tranh và cạnh tranh được với nước ngoài. Đây chính là biểu hiện kết quả bước đầu và

* TS, Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

chủ trương đúng đắn của Đảng ta trong phát triển kinh tế trước xu thế hội nhập. Tuy nhiên, trước sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, bên cạnh những thành tựu nhỏ bé đạt được, sức cạnh tranh của phần lớn doanh nghiệp và hàng hóa của ta còn yếu kém cả về chất lượng, mẫu mã và giá cả. Tốc độ hội nhập của Việt Nam hiện nay được đánh giá ở mức trung bình, ngoại trừ lĩnh vực hạ tầng thông tin. Năm 1999, năng lực cạnh tranh của ta đứng thứ 59/62 quốc gia, năm 2001 là 62/67. Như vậy, nhìn chung sức cạnh tranh của ta còn yếu. Vì vậy, nâng cao sức cạnh tranh trong việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Việt Nam đã là thành viên của ASEAN và đang cam kết AFTA, đang trực tiếp buôn bán với hơn 100 quốc gia và đã ký kết hiệp định thương mại với hơn 70 nước, hiện đang trong giai đoạn đàm phán để gia nhập WTO. Trước hết, theo lộ trình của khu vực mậu dịch tự do khu vực Đông Nam Á (AFTA) mà thuế quan sẽ phải giảm dần tới 0% vào năm 2015, trước mắt là từ 0 đến 5% vào năm 2006. Trong xu thế này, hàng hóa của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt với hàng hóa cùng loại của các nước trên thế giới và trong khu vực, đặc biệt với các nước ASEAN và Trung Quốc. Do vậy, việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam đang trở thành một yêu cầu bức xúc.

Thời gian qua, một số mặt hàng của Việt Nam xuất khẩu được trên thị trường thế giới chủ yếu là những mặt hàng có lợi thế so sánh như tài nguyên có sẵn, những sản phẩm thông dụng lao động với nhân công rẻ... nhưng theo dự báo, những lợi thế này đang mất dần. Trái lại, do nhiều yếu tố đầu vào với giá cao, chất lượng thấp làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng tới năng suất, giá thành và chất lượng hàng hóa, việc cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam vì thế sẽ gặp khó khăn. Cần nhận thức rằng, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là vấn đề tổng hợp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố như môi trường kinh doanh, năng lực hoạt động của doanh nghiệp, trình độ hạ tầng cơ sở, chính sách vĩ mô, trình độ kỹ thuật công nghệ... và năng lực dự báo. Những yếu tố này tác động đến năng suất lao động, chi phí sản xuất và sức cạnh tranh của hàng hóa.

Ở Việt Nam, những yếu tố cơ bản tác động đến cạnh tranh (nhiều người cho là có lợi thế) như : nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ, môi trường đầu tư tốt, nguồn vốn "ẩn" trong dân lớn, nguồn tài nguyên phong phú... nhưng hiện nay, những yếu tố này không những không còn là cơ hội nữa mà thậm chí đang trở thành những thách thức cần được khắc phục. Vì vậy, việc tìm lời giải đáp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam đòi hỏi phải có cái nhìn nghiêm túc và kịp thời ở tất cả các doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế.

2 - Các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa để hội nhập

Tư duy hiện vật tồn tại một cách phổ biến trong thời kỳ bao cấp đã đẩy lùi và hạn chế cạnh tranh, do đó môi trường kinh tế xơ cứng, tính năng động sáng tạo mất dần, sự thụ động trì trệ tăng, làm mất đi động lực phát triển, dẫn đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thấp. Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh là đặc tính cơ bản, tư duy giá trị là phổ biến, với tính tự chủ của các

Digitized by Google

chủ thể rất cao. Do vậy, hiệu quả hoạt động tăng lên sẽ thúc đẩy xã hội phát triển. Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, có thể vận dụng các giải pháp sau đây :

Thứ nhất, phát triển nguồn nhân lực

Đảng và Nhà nước ta đều cho rằng con người là vốn quý, là nguồn lực cơ bản nhất và là mục tiêu lâu dài của sự phát triển. Vì thế, chính sách giáo dục và đào tạo luôn được coi là quốc sách hàng đầu.

Cạnh tranh chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố, nhưng nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản, quyết định nhất. Chất lượng nguồn nhân lực có ý nghĩa quan trọng đối với cơ cấu sản xuất, khả năng cạnh tranh, hoạt động khoa học - công nghệ, quản lý và đầu tư... quyết định tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Trước nay, chúng ta luôn đánh giá nguồn nhân lực ở Việt Nam rất dồi dào, năng động sáng tạo, cần cù thông minh, chi phí nhân công giá rẻ là những lợi thế trong cạnh tranh. Nhưng ngày nay, những yếu tố ấy không hẳn là ưu thế cho sự phát triển nữa, bởi yêu cầu chất lượng nhân lực đã đổi khác. Đúng như dự báo của C. Mác theo đà phát triển của xã hội thì lao động cơ bắp trong các ngành sản xuất vật chất sẽ giảm xuống, còn lao động trí óc trong các ngành kinh tế dịch vụ sẽ tăng dần. Hay theo P. Đrắc-cơ - nhà tương lai học người Mỹ - từ những năm 60 của thế kỷ XX, đã cho rằng "việc làm trong tương lai sẽ chuyển từ phương thức lao động bằng thể lực sang lao động bằng não lực". Nước Nhật đã đạt được những điều kỳ diệu trong phát triển kinh tế những năm 50 - 60 của thế kỷ trước là minh chứng cho việc biết khai thác và sử dụng tốt nguồn nhân lực. Người ta cho rằng, người Nhật Bản thành công nhờ biết bắt đầu bằng sự nghiệp giáo dục và họ cũng khẳng định rằng người Nhật cũng sẽ kết thúc bằng sự nghiệp giáo dục. Do đó, chất lượng nguồn nhân lực và việc sử dụng nguồn nhân lực sẽ làm điểm mấu chốt cần giải quyết để nâng cao sức cạnh tranh. Theo một nghiên cứu quốc tế về quan hệ giữa chất lượng nguồn nhân lực với năng suất lao động năm 1996, thì nguồn nhân lực có quan hệ tỷ lệ với năng suất lao động. Các tác giả công trình nghiên cứu này cho rằng, khi các yếu tố khác giữ nguyên, nếu cứ tăng thêm một năm đào tạo cho người lao động thì năng suất sẽ tăng thêm 8%. Thực tế này cũng có thể nhận thấy qua tương quan chỉ tiêu gia tăng thu nhập quốc dân ở các nước giữa hai miền Nam - Bắc Triều Tiên ; Nhật Bản, Đài Loan với các nước khác ; Mỹ với Mê-hi-cô hoặc giữa Hàn Quốc với Ga-na...

Ở thế kỷ XX, tài nguyên thiên nhiên và lao động cơ bắp được coi là nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển, thì hiện nay chìa khóa của sự phát triển thuộc về chất lượng trí tuệ của nguồn nhân lực. Tốc độ tăng trưởng phụ thuộc phần lớn vào tương quan giữa nguồn vốn con người, tri thức và những tiến bộ công nghệ. Khi phân tích hồi quy hàm số sản xuất của 87 nước và các nền kinh tế Đông Á thời kỳ 1961 - 1985, một kết luận lý thú được rút ra là : 60% tốc độ tăng trưởng do vốn con người chiếm từ 51 đến 65%, còn vốn vật chất tích lũy chiếm từ 35 đến 49%. Ở các nước có nền kinh tế phát triển hiện đang quá độ sang nền kinh tế tri thức thì đầu tư cho tư bản con người đến trên 70%, do đó công nghệ cao và tri thức mới đóng góp đến 80% sự tăng trưởng kinh tế. Như vậy, tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực không chỉ tác động đến tăng năng suất lao động, thực hiện

Digitized by Google

tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân mà còn hướng đến việc phát triển, hoàn thiện bản thân con người, đồng thời góp phần điều chỉnh cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu kinh tế về nâng cao chỉ số HDI. Điều này một mặt nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa của Việt Nam, mặt khác thúc đẩy tiến bộ xã hội. Do đó, cần nhìn nhận nghiêm túc và thực hiện đầu tư đúng mức cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Sự hạn chế về tài chính và cơ chế đầu tư cho giáo dục đang là những cản trở lớn, làm chậm mục tiêu xã hội hóa giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài. Bởi những năm qua, ngân sách dành cho giáo dục chỉ khoảng 3% GDP, trong khi nhiều nước, tỷ lệ ngân sách đầu tư cho giáo dục rất cao. Chẳng hạn Ô-xtrây-li-a và Áo : 5,4%, Ca-na-đa : 6,9%, Cu-ba : 6,7%, Phần Lan : 7,5%, I-xra-en : 6%, Thụy Điển : 8,3%... Để đạt mục tiêu bước đầu, cần tăng ngân sách cho giáo dục lên từ 4 đến 5% trong thời gian tới (gần đây Chính phủ đã quyết định tăng ngân sách cho giáo dục vào năm 2003 nhưng cũng chỉ ở mức 16,4% ngân sách, tức < 3,5% GDP), đồng thời phải thực hiện đồng bộ theo một quy trình gắn kết giữa đào tạo, phát triển, phát hiện, cử tuyển và sử dụng. Cần xóa bỏ những mặc cảm đố kỵ trong công tác cán bộ, thực hiện tư tưởng "chiêu hiền đãi sĩ", thay đổi quy trình cũ là "sử dụng - đào tạo" để chuyển sang quy trình mới là "đào tạo - sử dụng", nâng cao trách nhiệm và lòng tự trọng công chức không được đào tạo, không đủ năng lực cần thiết để điều hành trong môi trường kinh tế thị trường, dẫn đến sức cạnh tranh yếu kém, hiệu quả sản xuất và lao động thấp, gây hậu quả nặng nề.

Thứ hai, duy trì cạnh tranh, chống độc quyền

Tình trạng độc quyền tồn tại một cách phổ biến ở hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế thời kỳ bao cấp nhất là trong thương mại đã tác động xấu đến nền kinh tế, làm cho nó trở nên thiếu năng động. Trong kinh tế thị trường, cạnh tranh trở thành động lực của sự phát triển. Vì thế, đa số các chính phủ đều chú trọng bảo vệ cạnh tranh, chống độc quyền.

Việt Nam đã thực hiện đổi mới và chuyển sang nền kinh tế thị trường từ hơn 15 năm qua, nhưng tình trạng độc quyền vẫn còn khá phổ biến, nhất là đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực Nhà nước. Đa số hàng hóa của các doanh nghiệp nhà nước độc quyền đều có giá cả cao so với các nước trong khu vực. Chẳng hạn, giá điện cao hơn 50%, giá nước cao hơn 70%, cước phí vận tải biển 27%, xi-măng 7%, thép xây dựng cao hơn 20 USD/tấn, chi phí điện thoại quốc tế cao gấp 7 lần so với Xin-ga-po, gấp 2 lần so với Trung Quốc ; giá thuê đất ở các thành phố của Việt Nam cao hơn ở Trung Quốc bình quân là 5 lần, cao hơn ở Thái Lan 6 lần, v.v.. Bên cạnh đó, sự yếu kém của hệ thống và những cản trở trong thủ tục hành chính đã làm tăng đáng kể các chi phí đầu vào, nâng cao giá thành sản phẩm, làm giảm khả năng cạnh tranh so với hàng hóa cùng loại của các nước khác.

Trong số 17 tổng công ty hiện chỉ có 5 tổng công ty làm ăn có lãi, nhưng phần lớn là do độc quyền về giá cả. Trong khi đó, 12 tổng công ty còn lại bị thua lỗ hoặc hòa vốn. Có thể nhìn nhận từ nhiều lý do : sự tồn tại một cách nhập nhằng giữa độc quyền nhà nước với độc quyền doanh nghiệp, giữa mục tiêu công ích với mục tiêu

Digitized by Google

lợi nhuận, cộng với sự bảo hộ quá lớn của Nhà nước dẫn đến hình thức hóa cạnh tranh, làm cho cạnh tranh thiếu hiệu quả.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam, cần phải tạo một "sân chơi" bình đẳng về mặt pháp lý. Không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế để tiến tới cùng hoạt động thống nhất theo luật doanh nghiệp. Đẩy mạnh chống độc quyền thông qua bãi bỏ đặc quyền và những ưu đãi về thương mại, thuế, tín dụng, giải quyết nợ tồn đọng, cấp phép đầu tư, giao đất, quy định giá cả, v.v.. Điều này một mặt tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, khơi dậy động lực phát triển ; mặt khác, thể hiện sự phù hợp với lộ trình cắt giảm thuế quan, để tiến tới khung thuế quan từ 0 đến 5% vào năm 2006.

Cần sớm ban hành luật chống độc quyền, luật phá sản, thực hiện giá các yếu tố đầu vào cơ bản như năng lượng, thông tin, giá thuê đất... ngang bằng với các nước trong khu vực và thế giới. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mở rộng điều tiết nhà nước về kinh tế, thông qua thuế một cách bình đẳng. Đổi mới chính sách và cách thức sử dụng cán bộ... là những yếu tố quan trọng tác động đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ ba, khai thác lợi thế so sánh

Trong nền kinh tế thị trường, tư duy cơ bản không còn là "bán cái mình có" mà là "bán cái thị trường cần". Mặc dù thương mại mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia tham gia ở những mức độ khác nhau, nhưng hiệu quả cao nhất luôn thuộc về những quốc gia biết khai thác tốt nhất lợi thế so sánh của mình trong thương mại. Cần lưu ý rằng, cả lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh đều có khuynh hướng "ẩn, hiện" thường xuyên qua các giai đoạn, tùy thuộc sự phát hiện và lựa chọn.

Việc lựa chọn đúng và đẩy mạnh đầu tư sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh để tham gia thương mại quốc tế sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa. Nhờ vậy mà nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ở Việt Nam nói chung, mà điển hình là Thành phố Hồ Chí Minh, cần đẩy mạnh đầu tư vào các ngành có lợi thế như : chế biến thức ăn gia súc ; xay xát, chế biến lương thực ; sản xuất sản phẩm bơ sữa ; chế biến thủy sản ; thuốc trừ sâu, nông dược và phân bón ; thuốc chữa bệnh ; giày dép ; may mặc quần áo ; thiết bị thu hình, thu thanh, máy công cụ, máy chế biến thực phẩm... Nếu so sánh với các nước ASEAN, có thể thấy những mặt hàng nói trên của ta có tính cạnh tranh cao.

Có thể nhận thấy những ngành và sản phẩm có lợi thế thuộc về nhóm ngành công nghiệp chế biến, những ngành thâm dụng lao động, dựa vào tài nguyên tại chỗ. Về lâu dài, phải đẩy mạnh đầu tư, nghiên cứu chiếm lĩnh các ngành thâm dụng công nghệ cao, lao động tri thức như công nghệ phần mềm, công nghệ điện tử tin học...

Ngoài ra, để nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam, cần phải giải quyết tốt vấn đề tài chính và vốn đầu tư, cần có chính sách công nghệ theo hướng khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, công nghệ kỹ thuật cao vào sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động, hạn chế việc sử dụng kỹ thuật thủ công lạc hậu năng suất thấp, gây ô nhiễm môi trường. ❑

Digitized by Google

Về xây dựng tổ chức, bộ máy của Đảng

NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG *

Bộ máy của tổ chức Đảng từ cấp trung ương đến cấp địa phương, các bộ, ngành, các khối, cơ quan tham mưu, các đảng đoàn, ban cán sự... gắn bó chặt chẽ với nhau, hợp thành một khối thống nhất và tạo nên hệ thống tổ chức chặt chẽ của Đảng. Hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng là một chỉnh thể thống nhất và phát triển, có Cương lĩnh, Điều lệ ; được tổ chức chặt chẽ theo một nguyên tắc và cơ chế hoạt động thống nhất trong toàn bộ hệ thống Đảng. Vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào cách mạng Việt Nam, ngay từ khi mới thành lập, tổ chức của Đảng đã được lập thành 4 cấp từ trung ương đến tỉnh, huyện và cơ sở.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần căn dặn : "Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi". Có thực hành dân chủ rộng rãi mới chấp hành tốt các nguyên tắc về xây dựng Đảng, mới củng cố và phát triển được sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Đảng ta coi tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, hoạt động và sinh hoạt Đảng, kiên quyết phản đối việc xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ.

Kinh nghiệm lịch sử phong trào công nhân thế giới trước đây, ở Liên Xô và Đông Âu vừa qua cho thấy, những kẻ phản bội đảng đều phá đảng từ việc tìm mọi cách phủ nhận nguyên tắc quan trọng này. Do vậy, ở nước ta càng đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu, hội nhập kinh tế quốc tế, thì tổ chức, bộ máy đảng càng phải chặt chẽ, khoa học, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, Đảng ta luôn luôn thực hiện xây dựng tổ chức đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Tuy nhiên đất nước ta rộng lớn và phân tán, để bảo đảm tính tập trung, thống nhất, hệ thống tổ chức đảng được thành lập tới các tỉnh, huyện, cơ sở và các đơn vị sản xuất. Sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện có chính quyền bao trùm lên toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, do đó việc xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng tới các vùng miền kết hợp với đơn vị sản xuất là một đòi hỏi khách quan, thể hiện mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân.

Hệ thống tổ chức đảng được lập cùng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước, nhưng không phải Nhà nước có tổ chức nào thì Đảng cũng có tổ chức đó. Nói hệ thống tổ chức của Đảng là nói tính thống nhất, tính không thể chia cắt của

* TS. Ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

Đảng. Mọi tổ chức đảng hình thành và hoạt động đều nằm trong quy định của hệ thống tổ chức đảng. Vì vậy, giải quyết đúng đắn vấn đề hệ thống tổ chức của Đảng sẽ nhân sức mạnh của Đảng và sẽ tạo ra chất lượng mới, là nhân tố cơ bản bảo đảm thực hiện đường lối chính trị của Đảng nói riêng và đường lối của hệ thống chính trị nói chung.

Đặc trưng nổi bật về vai trò tổ chức, bộ máy trong công tác xây dựng Đảng và trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, thể hiện ở sự hoạt động của cấp ủy đảng các cấp và cơ quan tham mưu của Đảng ở các cấp ủy từ trung ương đến cơ sở. Tổ chức, bộ máy của Đảng là một bộ phận nằm trong cấu trúc bộ máy của hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận lãnh đạo hệ thống chính trị đó. Tổ chức, bộ máy đảng bao gồm các cơ quan lãnh đạo của Đảng : ban chấp hành đảng bộ các cấp ; các cơ quan tham mưu các cấp của Đảng (các ban của cấp ủy). Sự lãnh đạo của Đảng về tổ chức thể hiện ở việc bố trí nhân sự, cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội ; đề ra những đường lối, chính sách về tổ chức và cán bộ của cả hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị để bảo đảm khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trở thành nền tảng xã hội, thành sức mạnh của Nhà nước. Với sức mạnh ấy, Nhà nước mới đích thực là cơ quan quyền lực của nhân dân, mới thực sự là của dân, do dân, vì dân. Nhà nước ấy không phải là một thứ nhà nước phi giai cấp, nhà nước đứng trên xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền lực của Nhà nước phải được khẳng định về mặt pháp lý. Phủ nhận điều đó sẽ phá vỡ cấu trúc và tính thống nhất của hệ thống chính trị và hệ thống tổ chức của Đảng ; sẽ tạo ra sự hỗn loạn trong Đảng và trong xã hội.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động của Đảng phụ thuộc vào tính hợp lý hệ thống tổ chức của Đảng và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Năng lực và sức chiến đấu của Đảng phụ thuộc vào uy tín và quyền lực của tổ chức, bộ máy. Uy tín của bộ máy, một mặt do uy tín của cơ cấu thành phần tham gia, và uy tín của từng thành viên trong bộ máy ; mặt khác, do quyền lực của bộ máy quyết định. Bởi vậy, khi nói đến bộ máy của một tổ chức, chúng ta cần xem xét đầy đủ các yếu tố cơ bản cấu thành bộ máy.

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, đều xác định vai trò quan trọng hàng đầu là phải xây dựng Đảng đồng bộ cả về ba mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bác Hồ đã chỉ rõ : Đảng phải có trí tuệ, trong sạch, vững mạnh. Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân, dựa trên sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đại đoàn kết toàn dân. Tư tưởng đó chỉ đạo xuyên suốt quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng, nhất là khi Đảng giành được chính quyền và trở thành Đảng cầm quyền.

Cùng với việc xây dựng đảng, trong đường lối cách mạng cũng như trong phương thức lãnh đạo, Đảng ta *đặc biệt coi trọng* vấn đề giành chính quyền, xây dựng và củng cố chính quyền vững mạnh. Đồng thời cũng rất chú ý các hình thức, bước đi, cách làm... được vận dụng linh hoạt, mềm dẻo, phụ thuộc vào điều kiện khách quan, sao cho phù hợp.

Đảng ta rất coi trọng việc tổ chức hoạt động thực tiễn ; coi lý luận đi đôi với thực hành ; nói và làm là một. Thực tế cách mạng nước ta đã chứng minh quan điểm đúng đắn của Đảng : mọi thành công hay thất bại của cách mạng đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng. Sức mạnh của Đảng lại

Digitized by Google

bắt nguồn ở tổ chức bộ máy của Đảng. Tổ chức đảng được thành lập và hoạt động theo kiểu giáo điều, xơ cứng, duy ý chí, vi phạm các nguyên tắc của Đảng sẽ dẫn đến sai lầm và thất bại. Những quan điểm, tư tưởng của Đảng về xây dựng tổ chức đảng và xây dựng Đảng rất phong phú, toàn diện, sâu sắc, có hệ thống và sát hợp với đặc điểm nước ta ; có vai trò rất quan trọng trong quá trình rèn luyện, xây dựng Đảng ta trưởng thành như ngày hôm nay.

Bọn cơ hội, phản động luôn tìm mọi cách xuyên tạc, nhằm phủ nhận giá trị của học thuyết Mác - Lê-nin về Đảng và công tác tổ chức xây dựng Đảng. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chúng ta là phải bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng ta về xây dựng tổ chức đảng. Chúng ta cần phê phán tư tưởng, nhận thức cảm tính, chủ quan, suy diễn, định kiến, thù địch ; hoặc hiểu biết hời hợt, phiến diện, méo mó, cắt xén... học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng.

Để giữ vững vai trò là người lãnh đạo xã hội, Đảng phải đổi mới công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức cũng như phương thức lãnh đạo cho phù hợp với thực tiễn cách mạng. Khi nghiên cứu việc thiết lập và kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, cần chú ý tới mối quan hệ giữa tổ chức, bộ máy với việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng. Vai trò lãnh đạo của Đảng là ở chỗ định ra đường lối, nghị quyết đúng đắn để cải tạo và phát triển xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Muốn vậy, tổ chức, bộ máy của Đảng phải vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ đòi hỏi như Lê-nin đã chỉ rõ : muốn hoàn thành nhiệm vụ tiên phong phải có đảng tiên phong. Để có đảng tiên phong phải có lý luận tiên phong. Vì thế, việc chăm lo xây dựng Đảng về nhận thức, tư tưởng, lý luận là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, thường xuyên.

Với tư cách là đảng cầm quyền, sự lãnh đạo chính trị của Đảng được thể hiện : ***Thứ nhất,*** *ở cương lĩnh, đường lối, phương châm, chính sách* thông qua quy trình khoa học, sẽ biến thành ý chí của Nhà nước, do các tổ chức chính quyền nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện, được nhân dân đồng tình, ủng hộ. ***Thứ hai,*** *quan hệ chặt chẽ giữa tổ chức, bộ máy với việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức Đảng,* đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. ***Thứ ba,*** *quan hệ giữa củng cố xây dựng tổ chức, bộ máy Đảng với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.* Đảng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ để xây dựng tổ chức đảng vững mạnh ; bồi dưỡng cất nhắc, sử dụng và giám sát cán bộ, đảng viên nắm các cương vị lãnh đạo trong hệ thống tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức nên bản thân các tổ chức của Đảng phải tương xứng với nhiệm vụ của đảng cầm quyền. Đảng thể hiện tính tiên phong của mình bằng lý luận cách mạng, bằng hành động gương mẫu của đảng viên, và bằng tổ chức vững mạnh. Trước hết là tổ chức của Đảng phải mang tính tiên phong, có chất lượng cao, bao gồm những đảng viên ưu tú về phẩm chất và trí tuệ, một tổ chức có sức chiến đấu mạnh mẽ luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn để đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

TIỀN GIANG - TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN HỮU CHÍ *

VỚI những lợi thế riêng có của một vùng đất nằm bên dòng sông Tiền, những năm gần đây, Tiền Giang được biết đến là tỉnh trọng điểm lúa và trái cây của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Năm 2002, Tiền Giang đạt tốc độ tăng trưởng về nông - lâm - ngư nghiệp là 5,32%, bằng 150% kế hoạch năm, vượt 4,6% so với kế hoạch 5 năm. Và còn nhiều tín hiệu khả quan khác, hứa hẹn một Tiền Giang vững vàng tiến bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; khi mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh bước vào năm thứ 3 của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005). Nhân dịp này, phóng viên Tạp chí Cộng sản có cuộc trao đổi với đồng chí **Nguyễn Hữu Chí - Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang.**

Phóng viên : *Thưa đồng chí Chủ tịch, trong báo cáo năm 2002 của tỉnh có đánh giá "tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh vẫn đảm bảo ổn định và tiếp tục phát triển...". Trong niềm tin đó, đồng chí tâm đắc nhất điều gì ?*

Đồng chí Nguyễn Hữu Chí : Đó là những chỉ tiêu cơ bản và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm qua, Tiền Giang đều đạt, vượt kế hoạch và đều làm được. Là một tỉnh trọng điểm về nông nghiệp, năm 2002, sản lượng lương thực của Tiền Giang là 1 triệu tấn, sản lượng trái cây là 476,4 ngàn tấn... đều vượt chỉ tiêu đề ra. Cùng với đưa một số giống lúa đầu dòng có chất lượng cao vào sản xuất (chiếm 74% tổng diện tích gieo trồng) nhằm tăng giá trị xuất khẩu, Tiền Giang đã triển khai thành công một loạt các mô hình lúa - ngô ; lúa - dưa ; lúa - màu ; lúa - tôm và lúa - cá... với mức lợi nhuận cao hơn rất nhiều trên một đơn vị diện tích. Giá trị sản xuất công nghiệp 1 575 tỉ đồng, bằng 104,8% kế hoạch, tăng 18,19% so với năm 2001. Các ngành kinh tế mũi nhọn như lương thực, rau quả, may mặc... đều đạt những thành công đáng kể trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu, bước đầu quảng bá hình ảnh của Tiền Giang ra bên ngoài. Trong thu hút đầu tư, các khu và cụm công nghiệp đều đã thực sự chuyển động. Trong năm, Khu Công nghiệp Mỹ Tho đã có 11 dự án thuê đất, trong đó có 2 dự án đầu tư nước ngoài, nâng tổng số dự án thuê đất tại đây lên 19 dự án ; hơn 54 héc-ta đất của khu công nghiệp này đã có chủ sử dụng. Cụm Công nghiệp Trung An tiếp nhận 6 dự án, trong đó có một công ty liên doanh may mặc

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

Digitized by Google

xuất khẩu. Về phát huy nội lực, trong năm đã có thêm 229 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; với tổng số đầu tư trên 200 tỉ đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2001 ; 244 doanh nghiệp đăng ký đầu tư bổ sung ngành nghề với số vốn xấp xỉ 110 tỉ đồng. Như vậy, tổng nguồn đầu tư trong 2 năm 2001 - 2002 của Tiền Giang đạt 37,5% mục tiêu phấn đấu của 5 năm.

Là một tỉnh xuất phát và đi lên từ nông nghiệp nên vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Nhưng với những thành quả ban đầu đó, tuy không lớn so với các địa phương khác trong nước, nhưng với Tiền Giang là vô cùng phấn khởi.

Phóng viên : *Xin được chia sẻ những tâm đắc đó với Tiền Giang. Vậy thưa đồng chí, tỉnh nhà sẽ có thêm những kinh nghiệm vào trong quá trình xây dựng và phát triển ?*

Đồng chí Nguyễn Hữu Chí : Ngoài những kinh nghiệm đã được rút ra từ thực tiễn những năm qua, sau thêm một năm phấn đấu, Tiền Giang đang có thêm những kinh nghiệm sau :

- Để lập lại trật tự, kỷ cương và đảm bảo cho bộ máy nhà nước địa phương hoạt động có hiệu quả, UBND tỉnh Tiền Giang đã có quy chế làm việc giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành cũng như UBND các huyện, thành, thị. Điều này đã tạo ra sự đồng thuận trên - dưới, ngang - dọc trong tất cả các mối quan hệ. Nhờ đó, thời gian thực hiện được rút ngắn mà hiệu quả thực hiện được nâng cao.

- Để đảm bảo huy động được mọi nguồn lực cho sự phát triển và hướng đến hội nhập, cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ; tăng cường sự giám sát chặt chẽ để thực sự bảo đảm quyền bình đẳng trong sản xuất - kinh doanh cho mọi thành phần kinh tế. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục về nhà đất, xây dựng, thuế, v.v... đi kèm theo đó, phải thực hiện đơn giản hóa các thủ tục, nhất là việc cho vay, thanh lý tài sản thế chấp tại ngân hàng ; đảm bảo cho các bên đều an tâm và có lợi. Các cơ quan quản lý cũng như cán bộ, công chức nhà nước cần phải mạnh dạn thay đổi cách nghĩ, cách nhìn nhận và đánh giá về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế, từ đó tạo mọi điều kiện có thể để các doanh nghiệp phát triển.

- Trong vấn đề hội nhập, có 3 việc liên quan đến sự thành, bại của doanh nghiệp mà tỉnh cần lưu ý.

Một là, phải đánh giá một cách khách quan và nghiêm túc tiềm lực, vị trí và sự ảnh hưởng của mình, trong khu vực ĐBSCL và cả nước ? Có xác định đúng mới tránh được sự nóng vội, chủ quan ; tránh được sự thờ ơ hoặc tự ti trong quá trình phấn đấu vươn lên. *Hai là,* phải gấp rút đào tạo lại đội ngũ cán bộ để đáp ứng tốt các yêu cầu, nhiệm vụ mới. *Ba là,* phải ưu tiên tập trung mọi nguồn lực để thực hiện mục tiêu đã xây dựng.

Bước sang năm 2003, với Tiền Giang, đây là năm có vị trí hết sức quan trọng, có tính chất quyết định khả năng hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005). Do vậy, chúng tôi xác định mọi kế hoạch và dự định đều phải được tính toán kỹ lưỡng và phải được hoàn thành với nỗ lực quyết tâm cao nhất, nhằm tạo đà cho 2 năm còn lại. Trên tinh thần đó, UBND tỉnh đã thống nhất xây dựng các chỉ tiêu phát triển cho năm 2003. Đó là giá trị GDP tăng từ 8,5 đến 9% ; giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,2% ; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng trên 16% (trong đó công nghiệp tăng trên 14%, xây dựng tăng 18%) ; giá trị các ngành thương mại - dịch vụ tăng trên 12,7% ; kim ngạch xuất khẩu đạt từ 75 - 80 triệu USD ; tổng thu

Digitized by Google

ngân sách trên địa bàn khoảng 717 tỉ đồng ; vốn đầu tư phát triển xã hội vào khoảng 3 475 tỉ đồng (chiếm 35% GDP) ; và về dân số, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh ở mức 0,04% so với năm 2002. Tiền Giang vừa đi qua năm 2002 với nhiều tâm đắc, sẽ tiếp tục phấn đấu hơn nữa để bước sang một năm mới với nhiều hứa hẹn.

Phóng viên : *Trên cương vị Chủ tịch của một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, đồng chí có những đề xuất, kiến nghị gì ?*

Đồng chí Nguyễn Hữu Chí : Trước hết, tôi muốn khẳng định rằng : tiềm năng để phát triển của Tiền Giang nói riêng và ĐBSCL nói chung rất lớn và đa dạng, nhất là về lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và du lịch. Liên tục nhiều năm, các tỉnh trong khu vực này luôn dẫn đầu cả nước về xuất khẩu lương thực, nông sản và thủy sản. Tuy vậy đến nay, đây vẫn là vùng đất... chưa giàu ; mặt bằng dân trí còn thấp và không đều ; cơ sở hạ tầng còn yếu kém và đời sống nhân dân, nhất là ở những vùng thường xuyên bị ngập lụt còn rất nhiều khó khăn. Do vậy, để khai thác có hiệu quả các tiềm năng của Tiền Giang cũng như của toàn khu vực, nhằm tạo cho nơi đây một bộ mặt và sức bật mới, tôi xin kiến nghị với Chính phủ và các bộ, ngành ba vấn đề :

Một là, Chính phủ cần có chính sách cụ thể ưu tiên cho việc phát triển nguồn nhân lực ở khu vực ĐBSCL, trong đó có Tiền Giang. Chúng ta thừa nhận rằng, con người là nhân tố quyết định. Nhưng ngày nay, phải là con người có trí tuệ. Vậy nên, tri thức sẽ đóng vai trò quyết định trong sản xuất vật chất. ĐBSCL, trong đó có Tiền Giang, muốn nắm được lượng vật chất đó, phải thực sự làm chủ các khoa học, mà trong đó, khoa học cơ bản luôn gắn liền với khoa học công nghệ. Nếu so với các địa phương trong cả nước thì hệ thống các cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo đại học của vùng ĐBSCL còn quá yếu và bất cập. Với dân số hơn 16 triệu người nhưng toàn khu vực mới chỉ có 3 trường đại học, khó có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai, khi mà chỉ trong 10 - 15 năm tới, cả vùng đều bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hai là, Chính phủ và các bộ, ngành cần nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng ĐBSCL, trước hết là giao thông thủy bộ. Tiếp xúc với các nhà đầu tư trong nước và nhất là nước ngoài, chúng tôi thấy rõ là họ không khỏi ngần ngại trước khi quyết định đầu tư ở ĐBSCL. Lý do là suất đầu tư cao hơn so với các tỉnh miền Đông Nam bộ (do hạ tầng thiếu thốn, manh mún) và bất tiện trong khâu vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu. Chỉ có giải quyết được vấn đề hạ tầng mới có thể rút ngắn được khoảng cách giữa các tỉnh ĐBSCL với Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông và cả nước ; đồng thời, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng cho toàn khu vực.

Ba là, Chính phủ cần đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai thực hiện chiến lược ổn định đời sống dân cư của vùng ĐBSCL về lâu dài, trong đó có hai việc cấp thiết phải làm.

Trước hết, cần ổn định chỗ ở cho dân, nhất là xây dựng cụm tuyến dân cư ở các vùng thường xuyên bị ngập lũ. Nếu tình trạng dân cư phân bố rải rác như hiện nay sẽ rất khó cho việc đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng là điện, đường, trường, trạm, chợ v.v... và trong 10 đến 15 năm nữa, đây sẽ là lực cản đối với quá trình đô thị hóa nông thôn. Do vậy, một mặt phải khẩn trương xây dựng các cụm tuyến dân cư trong vùng ngập lũ để ổn định đời sống nhân dân và làm điểm nhân rộng ra toàn khu vực ; mặt khác, phải tiến hành quy hoạch các

(Xem tiếp trang 53)

Digitized by Google

LỘC BÌNH *chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp*

DOÃN HUỆ

CHUYỂN sang nền kinh tế thị trường, huyện Lộc Bình (Lạng Sơn) đã vươn lên phát triển kinh tế vượt bậc. Cách đây 8 năm, tôi đến Lộc Bình, màu xanh của cánh rừng, vườn rừng chưa được đẹp như bây giờ. Chuyện sản phẩm dưa hấu, khoai tây của Lộc Bình vào miền Nam và Thành phố Hồ Chí Minh tưởng là mơ mà hóa thật. Máy móc được đưa vào sản xuất để thay sức người và sức trâu của đồng bào các dân tộc thiểu số trở thành hiện thực. Người dân ở các thôn bản càng thấy cuộc sống ấm no hơn, tin vào Đảng lãnh đạo. Cái đói, cái nghèo đã dần dần đi vào dĩ vãng.

... Màu xanh hôm nay

Từ thị xã Lạng Sơn theo đường 4 đi tiếp về phía Đông đến thị trấn huyện Lộc Bình là màu xanh ngút ngàn của những cánh rừng, vườn rừng, ruộng bậc thang do chính con người tạo ra. Xa xa, đỉnh Mẫu Sơn mây mờ (cao 1 500 m) là điểm du lịch sinh thái lý tưởng với đặc sản đào Mẫu Sơn được nhiều người mến mộ. Cửa khẩu quốc gia Chi Ma - nơi giao lưu hàng hóa tiểu ngạch và chính ngạch - luôn sôi động và là địa chỉ đáng tin cậy của bạn hàng cả nước và nước ngoài. Những xe ô-tô chở hàng từ Cà Mau, TP. Hồ Chí Minh, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Hồng... nối nhau về đây. Phía Đông Lộc Bình là thị trấn Na Dương, nơi có mỏ than trữ lượng lớn đang được khai thác phục vụ cho nền kinh tế.

Đồng chí Phó Bí thư huyện ủy Vi Xuân Mai tiếp chúng tôi với tâm trạng phấn khởi, tự hào : "Lộc Bình bứt phá đi lên nhờ công cuộc đổi mới của Đảng". Chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn ở Lộc Bình thể hiện tập trung vào chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, tuyển chọn giống mới ; chuyển dịch cơ cấu đất đồi rừng, chuyển dịch cơ cấu sản xuất đất ruộng ; chuyển dịch cơ cấu từng hộ gia đình ở nông thôn. Cũng đồng đất ấy, nhưng bàn tay con người đã tạo nên sức mạnh to lớn mà xưa kia không có được. Lộc Bình có diện tích tự nhiên là 98 000 km², đất nông nghiệp 10 000 héc-ta, đất lâm nghiệp 34 000 héc-ta, đất chuyên dùng 17 000 héc-ta, bình quân 2,9 ha/người ; có 13 ngàn hộ với 40 000 lao động. Đáng chú ý là Lộc Bình có mức tăng trưởng GDP là 10-12%/năm. Nhờ có giống mới (lúa 98%, ngô 100%) mà cây lương thực, cây màu, cây công nghiệp, cây ăn quả trên địa bàn huyện có năng suất cao (dưa hấu 200 tạ/ha, khoai tây 96 tạ/ha). Việc chuyển đổi đúng cơ cấu cây trồng đã được thực tiễn chứng minh

Digitized by Google

trên đồng đất của Lộc Bình. Các loại giống mới có năng suất cao được bà con chủ động đưa vào sản xuất mà không cần vận động. Đây cũng là kết quả của quá trình nhận thức về khoa học - kỹ thuật đối với sản xuất nông nghiệp của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện. Chính vì vậy, từ vùng đất cằn cỗi, Lộc Bình đã có bước đi đúng hướng, phá thế độc canh cây lúa, tìm được lối ra, tạo bước thay đổi về chất, đưa nền kinh tế đi lên. Với đất đồi rừng, thiếu nước, bà con đã lựa chọn các giống cây cho phù hợp với từng mùa vụ, luân canh theo chu kỳ sinh trưởng của cây. Chính vì vậy, đất ruộng thâm canh từ một vụ trở thành hai vụ ; có vùng từ hai vụ chuyển thành ba vụ... Đáng chú ý là, một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chiếm tỷ trọng cao về sản lượng trong tỉnh (dưa hấu : 70%, khoai tây : 40%, khoai lang : 27%, thuốc lá : 25%...) đã được hình thành. Có hiệu quả kinh tế, bà con say mê lao động sản xuất, đầu tư thâm canh để đưa giống cây trồng có năng suất cao hơn. Nhiều xã có trình độ thâm canh khá như Đồng Bục, Xuân Mãn, Bằng Khánh, Hữu Khánh, Khuất Xá, Tú Đoạn, Yên Khoái, Tú Mịch, Đông Quan, Na Dương. Nhiều bà con đã phổ biến kỹ thuật cho các xã trong và ngoài huyện. Chẳng hạn, cây dưa hấu (giống Trung Quốc) và khoai tây (giống Hà Lan) đã được nhân ra diện cả vùng lớn của Lộc Bình.

Sự chuyển giao kỹ thuật và ứng dụng khoa học - kỹ thuật đã được thực hiện ở Lộc Bình rất năng động và linh hoạt. Các giống mới đều được trung tâm khuyến nông của tỉnh và huyện thử nghiệm trên địa bàn sau đó mới đưa ra diện rộng.

Cùng với các loại cây trên, cây ăn quả ở Lộc Bình cũng là thế mạnh. Toàn huyện có hơn 500 héc-ta cây ăn quả các loại, 30 trang trại (trong đó có trang trại lớn tới 10 héc ta), gồm nhiều loại cây ăn quả như nhãn lồng, hồng, xoài, mận, đào, vải... Vấn đề khó khăn nhất hiện nay là tiêu thụ sản phẩm. Nếu vấn đề tiêu thụ sản phẩm được giải quyết sẽ thúc đẩy việc phát triển cây ăn quả ở Lộc Bình. Hiện nay, tư thương ở thành thị có hình thức mua bán theo địa chỉ, giá cả thông qua điện thoại, gửi hàng đóng gói thành thùng hàng gửi chủ xe ô-tô đưa về. Mặt khác, ở thị xã Bắc Giang đang xây dựng nhà máy chế biến hoa quả, khi đi vào sử dụng sẽ là nơi tiêu thụ sản phẩm của Lộc Bình nói riêng và của Lạng Sơn nói chung.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi ở Lộc Bình cũng có nhiều thuận lợi. Đây là vùng có nhiều đồng cỏ (Lợi Bác, Xuân Dương, Ái Quốc, Tĩnh Bắc, Tam gia, Sàn Viên, Đông Quan, Nam Quan, Minh Phát, Hữu Lân) để nuôi trâu, bò. Nhiều hộ gia đình nuôi hàng chục con bò đem lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, tỉnh có dự án nuôi 5 000 con bò ở Lộc Bình và Chi Lăng (chủ yếu lấy giống từ Bắc Cạn và Thanh Hóa). Những hộ nuôi bò (từ 3-5 con) theo dự án sẽ được ưu tiên vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất. Số bò nuôi được sẽ cung cấp thịt cho thị trường trong tỉnh và các thành phố, thị xã của cả nước. Thực tế cho thấy, đàn bò phát triển mỗi năm một tăng, nhưng đàn trâu xu hướng chững lại, vì cơ giới hóa khâu làm đất đã được giải quyết ở nông thôn. Đàn trâu ở Lộc Bình phát triển theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng cho những nơi cần sức kéo.

Digitized by Google

Những năm gần đây, con trâu của Lộc Bình đã được đưa về đồng bằng sông Hồng và tới cả các tỉnh phía Nam.

Ở Lộc Bình, do lương thực hằng năm tăng nhanh nên chăn nuôi lợn, gà, vịt... cũng phát triển nhanh chóng. Căn cứ vào nhu cầu của thị trường nên người dân Lộc Bình cũng thay đổi cách nghĩ, cách làm. Việc tạo ra thịt sạch, rau sạch, nước sạch là những vấn đề mà người dân ở đây đang quan tâm.

Điều đáng ghi nhận ở Lộc Bình là, bà con các dân tộc rất gắn bó với ruộng, với nương, với đất rừng nhận khoán. Họ đầu tư chăm sóc thâm canh làm cho màu xanh trên quê hương càng đậm nét hơn. Hiện nay, toàn huyện còn 10 hợp tác xã nông nghiệp ; ở vùng cao có hợp tác xã quy mô toàn xã trồng thông và khai thác, chế biến lâm sản, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, không còn tình trạng thiếu ăn như trước đây. Điển hình là hợp tác xã Nhượng Mạ có từ thời bao cấp với 255 hộ và 1 400 khẩu. Trước năm 1995, Nhượng Mạ nghèo nhất huyện, nay đã có thu nhập khá do phát triển nông lâm nghiệp và thực hiện các biện pháp tích cực để xóa đói giảm nghèo. Nhiều xã đã có thu nhập cao bằng thu nhập từ trồng, khai thác rừng, chế biến lâm sản. Mỗi năm Lộc Bình trồng được 1 165 héc-ta rừng, tốc độ tăng bình quân là 12,25% ; nâng độ rừng che phủ từ 27% (năm 1996) lên 32% (năm 2001) và lên 35% (năm 2002). Việc chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn ở Lộc Bình đã có hiệu quả kinh tế rõ rệt. Đời sống bà con các dân tộc trong huyện ngày càng một nâng cao. Bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc, trình độ dân trí được nâng cao, việc sử dụng máy móc phục vụ sản xuất thay sức người, các phương tiện phục vụ cuộc sống ngày một hoàn thiện, 100% số hộ đã "ngói hóa".

... Màu xanh tương lai

Việc chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn Lộc Bình đang vận động để ngày càng hợp lý hơn. Nhưng mọi sự duy trì quá lâu hay sự thay đổi quá nhanh chóng nếu không phù hợp với những biến đổi tự nhiên, kinh tế - xã hội đều ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, làm cản trở đến tăng trưởng kinh tế. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ huyện Lộc Bình chỉ rõ : Đẩy mạnh thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, đất đai, vốn, sức lao động, thực hiện xóa đói giảm nghèo, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Mục tiêu chính trong giai đoạn 2001 - 2005 là : Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm đạt 10,8%, trong đó nông nghiệp - lâm nghiệp : 7,9%, công nghiệp - xây dựng : 15,1%, thương mại - dịch vụ : 14,5% ; GDP bình quân đầu người (theo giá năm 2000) là 4 400 000 đồng. Tỷ trọng các ngành trong tổng GDP là nông - lâm nghiệp : 52%, công nghiệp - xây dựng : 16% ; thương mại - dịch vụ : 32%. Đến năm 2005, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 32 000 tấn, tăng 23% so với bình quân 5 năm trước ; bình quân lương thực đầu người 390 kg ; đàn trâu : 31 000 con, bò : 7 000 con, lợn : 40 000 con, rừng trồng mới 5 000 héc-ta, nâng độ che phủ rừng lên 44%. Điều đáng chú ý là sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn là quan trọng hàng đầu. Cho nên, việc chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn vẫn xác định là khâu mũi nhọn.

Digitized by Google

Để phát triển kinh tế - xã hội ở Lộc Bình theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nhằm đạt được các mục tiêu trên, theo tôi cần tập trung vào mấy điểm sau đây :

1. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Muốn thực hiện được mục tiêu này, cần rà soát lại các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện để có sự bố trí cho phù hợp và đạt hiệu quả kinh tế cao. Nắm bắt kinh nghiệm, điển hình, các tiến bộ kỹ thuật của các địa phương trong nước và nước ngoài, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Lộc Bình. Kết hợp với tỉnh làm tốt công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật xuống tận thôn, bản để bà con các dân tộc thực hiện có hiệu quả. Nhân rộng các điển hình sản xuất giỏi của các hộ gia đình, các xã trên địa bàn huyện. Đưa các giống mới vào sản xuất phải tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội cụ thể. Xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm có trình độ kỹ thuật, thành thạo chuyên môn và nghiệp vụ để hướng dẫn bà con các dân tộc sản xuất. Chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp tập trung vào chuyển dịch cơ cấu giống, tuyển chọn giống mới ; chuyển dịch cơ cấu sản xuất đất đồi rừng (trồng hồi, thông, cây ăn quả) ; chuyển dịch cơ cấu sản xuất trên đất ruộng (lúa xuân - lúa mùa - khoai tây, ngô - thuốc lá - lúa mùa, ớt - dưa hấu - lúa) ; chuyển dịch cơ cấu hộ gia đình ở nông thôn (tìm ngành nghề phụ : chở hàng, đóng gạch, mở quán, máy sát...).

2. Phát triển hệ thống kênh mương nội đồng nhằm thâm canh cao trên từng đơn vị diện tích

Để sản xuất thâm canh trong nông nghiệp có hiệu quả, yếu tố đầu tiên là phải có nước. Có nước tưới mới mở rộng được diện tích, tăng thâm canh, chuyển giao kỹ thuật một cách thuận lợi. Đối với các tỉnh miền núi, thủy lợi là vô cùng quan trọng. Cho nên, cần kiên cố hóa kênh mương, xây dựng các đập nước hồ nước để chủ động tưới tiêu các vùng và liên vùng trên địa bàn huyện. Từ thực tế Tây Nguyên cho thấy, vùng nào có nguồn nước chủ động, ở đó cây cà phê phát triển mạnh. Để sản xuất nông nghiệp có nhiều vụ trong năm trên một đơn vị diện tích phải coi trọng khâu thủy lợi. Việc xây dựng hệ thống thủy lợi và kênh mương nội đồng cần huy động vốn với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Khôi phục lại các công trình thủy lợi cũ, ưu tiên các công trình có năng lực tưới khá như hồ Đắc Lắc, Bó Tảng, Lọ Nhạy, Nà Dày ; kiên cố hóa 50 ki-lô-mét hệ thống kênh mương Bản Gia, Tằm Lịp, Khuổi Quật, Khòn Chang... nhất là ba công trình bản Tà Keo, Nà Cáy, Bản Chành. Lộc Bình là huyện có nhiều hồ nước nhất tỉnh, cần phát huy lợi thế này.

3. Xây dựng các trung tâm thương mại, các chợ của vùng nhằm phục vụ phát triển sản xuất hàng hóa

Có trung tâm thương mại và các chợ của vùng sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa. Do đó, cần mở rộng chợ Lộc Bình, xây dựng chợ Na Dương, Chi Ma, một số chợ khu vực như Xuân Tình... nhằm mở rộng thị trường trao đổi hàng hóa của bà con các dân tộc. Đáng chú ý là, các công trình thuộc nguồn vốn Trung ương, tỉnh thực hiện trên địa bàn như đường Lộc Bình - Chi Ma, khu kinh tế cửa khẩu Chi Ma, đường Pò Lòi - Bản Chặt,

Digitized by Google

Nhà máy nhiệt điện Na Dương đang được thi công, nhưng công tác giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, gây vướng mắc đến tiến độ và khối lượng thi công. Vì vậy, huyện và các xã có liên quan đến mặt bằng các công trình trên cần tìm giải pháp để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các công trình mau chóng thực hiện để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

4. Phát triển du lịch và các dịch vụ nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách

Trong lĩnh vực du lịch, nguồn thu bằng các dịch vụ thường chiếm tỷ trọng khá lớn so với các ngành kinh tế khác. Lộc Bình có danh lam thắng cảnh Mẫu Sơn, Suối Long Đầu... là những điểm du lịch sinh thái mà ít nơi có được. Du khách từ thị xã Lạng Sơn đi ô-tô khoảng 30 ki-lô-mét lên đến đỉnh Mẫu Sơn ngắm cảnh núi non hùng vĩ của đất nước ta và nước bạn. Du khách sẽ thưởng thức hoa quả ôn đới : đào Mẫu Sơn và các đặc sản khác. Mẫu Sơn mùa hè mát mẻ, là điểm đến của nhiều khách thập phương yêu thích núi rừng. Vấn đề đặt ra làm thế nào để khách dừng chân tại đây, mua các sản phẩm, quà lưu niệm của Mẫu Sơn và Lộc Bình. Cửa khẩu Chi Ma đang xây dựng một khu kinh tế mở, cũng là điểm du lịch du khách đến ngắm cảnh vùng biên, nghe các điệu hát Si, hát Lượn của xứ Lạng. Du khách dừng chân ở khu kinh tế mở Chi Ma để sắm hàng, ký các hợp đồng kinh tế, làm thủ tục xuất nhập khẩu cần có các dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của du khách. Mặt khác, hình thành tuyến du lịch quốc tế qua cửa khẩu Chi Ma - Vịnh Hạ Long. Từ Lộc Bình du khách đi Tiên Yên (Quảng Ninh) sẽ gặp bãi biển Trà Cổ và Vịnh Hạ Long - di sản thiên nhiên thế giới. Phát triển du lịch nội địa kết hợp với du lịch xuyên vùng, xuyên quốc gia đòi hỏi sự liên doanh, liên kết giữa các địa phương có điểm du lịch. Sẽ có nhiều nguồn thu ngân sách từ ngành công nghiệp không có khói này, nếu Lộc Bình năng động trong cơ chế mới, hợp tác, liên kết, liên doanh làm dịch vụ có hiệu quả.

5. Coi trọng phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn

Muốn phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp cần mở rộng chế biến hàng nông, lâm sản tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, đồng thời giải quyết việc làm cho người lao động. Các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, thủ công mỹ nghệ, mây tre, đan lát cần được phục hồi và phát triển. Ngoài ra, cần phát triển thêm nhiều nghề mới dựa trên nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Huy động tối đa nguồn lực tại chỗ, vốn nhàn rỗi trong dân cùng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, trước hết là xây dựng cơ sở hạ tầng. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn, lao động, trí tuệ vào phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như gốm, gạch ngói, chế biến nông - lâm sản. Sớm xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút vốn đầu tư, sản xuất - kinh doanh ở khu vực cửa khẩu Chi Ma, khu nghỉ mát Mẫu Sơn, Suối Long Đầu... ; phát triển các chợ nông thôn, trung tâm thương mại khu vực. Tiếp tục có chính sách trợ giá, trợ giống, trợ lãi suất... để tạo mô hình, chuyển biến nhận thức của bà con các dân tộc, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất kinh doanh có năng suất cao trên địa bàn huyện.

Là một huyện miền núi biên giới, Lộc Bình đang có nhiều yếu tố hội tụ "thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Lộc Bình cần phát huy hơn nữa nội lực kết hợp với ngoại lực để vươn lên, phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

Digitized by Google

Công tác đào tạo cán bộ xã, phường, thị trấn ở TỈNH KON TUM

NGUYỄN VIỆT DŨNG *

SAU 27 năm giải phóng và hơn 10 năm tái lập, Kon Tum đã có sự đổi thay nhất định. Kinh tế - xã hội của tỉnh có bước chuyển biến tích cực, đúng hướng ; tốc độ tăng trưởng kinh tế khá. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc không ngừng được nâng lên, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm đáng kể. Cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật được củng cố và có bước phát triển. An ninh, quốc phòng được giữ vững. Tuy nhiên, Kon Tum hiện nay vẫn còn là một tỉnh nghèo. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nghèo nàn và lạc hậu. Dân cư phân bố không đều, trình độ dân trí thấp. Các hủ tục, tập quán lạc hậu còn tồn tại khá nặng nề. Kết quả định canh, định cư, xóa đói, giảm nghèo chưa vững chắc, số hộ định canh, định cư mới đạt trên 58% số hộ trong diện vận động ; hơn 30% số hộ nghèo. Phương thức canh tác lạc hậu, tập quán sản xuất tự cấp, tự túc còn phổ biến ở nhiều xã vùng sâu, vùng xa. Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ bé, kinh tế đối ngoại chưa phát triển. Thương mại - dịch vụ phát triển nhỏ lẻ, thị trường còn sơ khai.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh khi tái lập bị hụt hẫng ở cả 3 cấp, nhất là cấp cơ sở. Cán bộ cơ sở phần đông lớn tuổi, trưởng thành từ trong thời kỳ chiến tranh, đa số có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhưng trình độ, năng lực còn yếu, tâm lý ỷ lại còn nặng, nhất là đối với số cán bộ là người dân tộc thiểu số, do đó chuyển sang cơ chế mới năng lực lãnh đạo, điều hành còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số còn thiếu và yếu. Mặt khác, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ dự nguồn có tính chiến lược lâu dài chưa được chuẩn bị chu đáo. Hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở còn nhiều yếu kém, nhất là năng lực triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đó là những khó khăn, thách thức lớn và là nhiệm vụ bức xúc mà tỉnh Kon Tum phải tập trung giải quyết trong thời gian tới.

Để kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển ổn định và bền vững trong các giai đoạn tiếp theo, đòi hỏi phải tập trung giải quyết đồng bộ hàng loạt vấn đề, cả trước mắt và lâu dài, trong đó, công tác đào tạo đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm.

Từ ngày tái lập tỉnh đến nay, ngoài việc triển khai thực hiện tốt các chương trình, chính sách của Trung ương về công tác cán bộ, Tỉnh ủy Kon Tum đã kịp thời đề ra nhiều nghị

* Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy tỉnh Kon Tum

Digitized by Google

quyết, đề án phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương như : Nghị quyết về quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ (khóa X) ; Nghị quyết về củng cố, xây dựng hệ thống chính trị xã, phường, thị trấn (khóa XI) ; Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ đến năm 2005 và 2010 (khóa XII), trong đó có nhiều nội dung quan trọng về xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở. Những nghị quyết, đề án trên đều xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu của từng thời gian, làm cơ sở để các cấp, các ngành thực hiện.

Gắn với các nghị quyết, đề án trên, tỉnh đã có nhiều cố gắng bổ sung một số chính sách tạo điều kiện cho việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đối với cán bộ ở cơ sở. Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ, quy định của Trung ương, tỉnh còn có những chính sách như : hỗ trợ 400 000 đ/học viên/tháng đối với cán bộ đào tạo dự nguồn cơ sở tại trường Chính trị tỉnh ; hỗ trợ 100% học phí đối với cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn được cử đi học tại trường Chính trị tỉnh, đồng thời hằng tháng hỗ trợ thêm 100 000 đ đối với người dân tộc thiểu số, 150 000 đ đối với nữ dân tộc thiểu số, 50 000 đ đối với người kinh ; với cán bộ là thôn trưởng, bí thư chi bộ thôn và cấp ủy viên cơ sở được hỗ trợ thêm 30 000 đ. Ngoài ra các huyện còn tiết kiệm chi ngân sách cùng với một phần kinh phí của tỉnh hỗ trợ để hằng năm lựa chọn từ 20 - 30 học sinh là người dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp cấp phổ thông trung học cơ sở được học tiếp cấp phổ thông trung học, nhằm tạo nguồn cán bộ lâu dài cho cơ sở. Những hỗ trợ tuy còn ít ỏi nêu trên nhưng là nguồn động viên lớn, là biện pháp cụ thể giải quyết kịp thời những khó khăn để có được đội ngũ cán bộ ở cơ sở, miền núi, vùng dân tộc tỉnh Kon Tum.

- *Về quy hoạch cán bộ chủ chốt :* Trên cơ sở danh sách quy hoạch các chức danh chủ chốt ở cơ sở năm 1998, các cấp ủy đã nhận xét, đánh giá, phân loại đưa ra khỏi danh sách 230 người hạn chế về sức khỏe, trình độ, năng lực, vi phạm tiêu chuẩn chính trị và bổ sung được 383 cán bộ trẻ, khỏe, có triển vọng phát triển vào danh sách quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư ; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân ; trưởng các đoàn thể. Trong số đó, nữ chiếm 11,1%, dân tộc thiểu số : 70,7%, dưới 30 tuổi : 44,4%, từ 30 đến 35 tuổi : 14,3%, trình độ văn hóa cấp III : 17,2%, trình độ chuyên môn trung cấp trở lên : 5%, trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên : 10,1%.

- *Về xây dựng nguồn cán bộ lâu dài :* Đến nay đã có 54 xã, phường, thị trấn của 5 huyện trên tổng số 82 xã, phường, thị trấn của 7 huyện, thị xã cơ bản lựa chọn và lập được danh sách là 1 751 em đưa vào nguồn lâu dài (bình quân mỗi xã có trên 30 em). Trong đó nữ chiếm 23,7% ; dân tộc thiểu số 77% ; là đoàn viên ưu tú : 502 em ; học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông : 539 em ; học sinh, sinh viên đang học ở trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện, các trường cao đẳng, đại học 496 em ; số bộ đội, công an xuất ngũ : 214 em.

- *Về xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.* Những năm qua, các cấp ủy đã lựa chọn đưa đi đào tạo 5 lớp với gần 250 người dự nguồn cán bộ chủ chốt cơ sở ; đào tạo, bồi dưỡng trình độ các mặt cho trên 700 lượt cán bộ dự nguồn các chức danh chủ chốt. Riêng đối với số dự nguồn lâu dài vừa được xét chọn, các huyện đã đưa đi đào tạo được 95 em.

- *Về bố trí, sử dụng cán bộ.* Trong số dự nguồn các chức danh chủ chốt nhiệm kỳ vừa qua, đã lựa chọn giới thiệu ứng cử và trúng cử cương vị chủ tịch Hội đồng nhân dân được 30 đồng chí, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân : 16 đồng chí ; chủ tịch Ủy ban nhân dân :

Digitized by Google

21 đồng chí, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân : 23 đồng chí ; vào cấp ủy là 95 đồng chí, trong đó có 23 bí thư, 18 phó bí thư.

Theo đánh giá bước đầu của tỉnh, phần đông có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt. Đội ngũ cán bộ chủ chốt nhiệt tình, chịu khó, năng lực lãnh đạo điều hành công việc được nâng lên rõ rệt. Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng về vị trí, vai trò của hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở được nâng lên đáng kể. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên đối với việc quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ xã, phường, thị trấn, trước hết là cán bộ chủ chốt có bước chuyển biến tích cực trong cả nhận thức và việc làm cụ thể. Việc xây dựng và lập được danh sách nguồn cán bộ lâu dài cho cơ sở tương đối bài bản được xem là một kết quả quan trọng, tạo tiền đề để đào tạo toàn diện, cơ bản, chuẩn bị cho việc bổ sung, trẻ hóa và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ cho những giai đoạn tiếp theo, nhất là từ năm 2010 trở đi. Lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền ở cơ sở sát việc, sát dân hơn, có hiệu quả hơn.

Tuy đã có một số chuyển biến quan trọng, nhưng nhìn chung công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở hiện vẫn là khâu yếu nhất. Ở nhiều cấp ủy, công tác cán bộ còn khoán trắng cho cán bộ tổ chức, có lúc làm theo kiểu phong trào, lúc đầu triển khai ồ ạt, sau đó thì lắng xuống. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ ở cơ sở còn yếu, một số nơi rất yếu, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa. Phần đông nắm chủ trương, nghị quyết không chắc, làm việc thiếu chương trình và kế hoạch cụ thể, dẫn đến lãnh đạo, chỉ đạo còn chung chung, không sáng tạo, chưa sát dân, sát việc. Một số nơi nắm và xử lý công việc, nhất là đối với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, hoạt động móc nối, tuyên truyền của kẻ xấu thường bị động, lúng túng. Tâm lý trông chờ, ỷ lại cấp trên của một bộ phận cán bộ chủ chốt, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số chậm được khắc phục. Một số khác làm việc cầm chừng. Quy hoạch đội ngũ cán bộ ở nhiều nơi thiếu vững chắc (chủ yếu mới nắm qua danh sách, một số tuy đã đưa vào diện quy hoạch nhưng chưa được cấp ủy, chính quyền tìm hiểu, trao đổi trước ; một số có tâm tư nguyện vọng không muốn làm cán bộ ở xã, nhất là số đang học ở các trường cao đẳng, đại học). Một số nơi quy hoạch cán bộ vẫn còn tình trạng chắp vá, theo trình tự xếp hàng, mang tính tự phát nhiều hơn ; còn có biểu hiện cục bộ, dòng họ, gia đình. Chính sách đối với cán bộ cơ sở, nhất là chính sách đào tạo, bồi dưỡng còn nhiều bất cập. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn nặng về lý luận, chưa gắn với thực tiễn, chưa chú ý bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng xử lý tình huống cụ thể. Đời sống của phần lớn cán bộ cơ sở còn khó khăn, chi phối đến chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và uy tín trong nhân dân.

Từ những việc làm được và chưa làm được qua hơn 10 năm thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở của Kon Tum, bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

Một là, trên cơ sở nắm vững quan điểm, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước về cán bộ và công tác cán bộ, các cấp ủy, trước hết là tỉnh ủy, các huyện ủy phải cụ thể hóa thành những chương trình, kế hoạch cho từng công tác cụ thể, phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương mình. Có như vậy mới vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ, vừa chỉ đạo, tổ chức thực hiện sâu sát cơ sở, tránh được những khuynh hướng lệch lạc trong nhận thức và hành động, nhất là quan điểm về dân tộc, tôn giáo - vốn mang tính đặc thù trong công tác cán bộ đối với Tây Nguyên. Đồng thời có chủ trương, biện pháp chỉ đạo kiên quyết, thường xuyên mới có hiệu quả.

Digitized by Google

Hai là, đề cao trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương. Chú trọng việc lựa chọn, nâng cao phẩm chất, trình độ kiến thức và năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức vững vàng về lý luận, có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, trung thực, trong sáng, công tâm và nhiệt tình say sưa với công việc.

Ba là, làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để bảo đảm tính kế thừa, liên tục trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Trong quy hoạch phải làm đúng quy trình, phát huy dân chủ và phải sát với thực tế của từng địa phương. Cấp ủy đảng, Ban Tổ chức các cấp phải coi quy hoạch, đào tạo cán bộ là nhiệm vụ trực tiếp, là "công việc gốc" của mình, phải gắn quy hoạch cán bộ với quy hoạch phát triển đảng viên và đoàn viên.

Bốn là, phải có chính sách và chế độ đãi ngộ phù hợp để tạo ra động lực và thu hút cán bộ về cơ sở công tác. Để xây dựng được một đội ngũ cán bộ đồng bộ có phẩm chất và năng lực từng bước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) xác định : Phấn đấu đến năm 2010 có 60 - 65% số xã có cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học ; 50% số xã có cán bộ xã có trình độ trung học trở lên. Riêng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã có từ 10 - 15% có trình độ đại học. Các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số, cán bộ chủ chốt phải là người dân tộc thiểu số.

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ cán bộ hiện có và yêu cầu của đội ngũ cán bộ trong thời gian tới, để đạt được mục tiêu nêu trên, chúng ta tập trung thực hiện một số giải pháp chính sau :

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ xã, phường, thị trấn. Hiện nay, đối với cấp xã ở Kon Tum, nguồn cán bộ để quy hoạch ngày càng khó khăn và là bài toán nan giải. Xây dựng chiến lược và kế hoạch về quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài cho cơ sở (mỗi xã từ 20 - 30 người). Lựa chọn xong đến đâu tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo đến đó.

- Tích cực đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Kiên quyết chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ rồi mới đưa đi đào tạo, hoặc đào tạo rồi nhưng không bố trí được. Nhiệm vụ, giải pháp cho vấn đề này trong thời gian tới là : công tác đào tạo, bồi dưỡng phải được kế hoạch hóa chi tiết cho từng năm và dài hạn, phải có địa chỉ sử dụng. Trước hết, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng một số chức danh chủ chốt (bí thư, chủ tịch xã, bí thư chi bộ thôn, thôn trưởng). Cán bộ thiếu, yếu mặt nào đào tạo, bồi dưỡng mặt đó theo kế hoạch ; kết hợp đào tạo chuyên sâu với đào tạo toàn diện ; đào tạo gắn với hoạt động thực tiễn, chú trọng trang bị những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực xử lý những vấn đề thực tiễn. Quản lý chặt chẽ và thực hiện tốt chính sách cử tuyển đối với học sinh người dân tộc thiểu số, nhằm tạo nguồn cán bộ lâu dài cho cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới việc bố trí, sử dụng cán bộ. Mạnh dạn bố trí cán bộ trẻ có năng lực và triển vọng phát triển vào cương vị lãnh đạo, quản lý từ thấp đến cao, từ việc đơn giản đến phức tạp để thử thách và rèn luyện nhằm tạo nguồn cho cương vị cao hơn.

- Ngoài việc thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, hằng năm tỉnh sẽ trích một khoản kinh phí phù hợp từ ngân sách để xây dựng quỹ đào tạo cán bộ, hỗ trợ thêm chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ cơ sở. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về công tác ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn để giúp các vùng này phát triển và góp phần đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số ngay tại cơ sở.❑

Digitized by Google

BỐN CẦN, BA CHON

MAI NINH

"DÂN xứ Nghệ chúng tôi có thói quen hay khái quát vấn đề và nói gọn trong dăm câu ba chữ cho dễ nhớ. Xin đồng chí thông cảm". Đó là lời một cán bộ chủ chốt tỉnh Nghệ An trong một buổi chuyện trò về phong cách cán bộ. Anh bắt đầu từ chuyện của ba, bốn chục năm về trước cho đến chuyện của ngày nay.

Anh nhắc lại câu nói của đồng chí Bí thư Huyện ủy Quỳnh Lưu ngày ấy : "Mo cơm, quả cà, tấm lòng cộng sản đi làm thủy lợi". Sau này có người thay bốn chữ "đi làm thủy lợi" thành "đi lên chủ nghĩa xã hội" để lấy đó chế giễu tư tưởng duy ý chí. Thật ra, câu nói của Bí thư Huyện ủy đó thể hiện một quyết tâm lớn và cũng có sức động viên lớn cho phong trào nhân dân địa phương làm thủy lợi, mà cho đến nay, những gì đạt được vẫn còn giá trị. Cũng đồng chí Bí thư Huyện ủy ấy gói gọn mấy cuộc vận động lúc đó thành câu : "mạ vô sân, dân vô rú,...". "Mạ vô sân" là nói về cuộc vận động gieo mạ trên sân nhằm giải quyết vấn đề thiếu ruộng mạ, đồng thời chủ động chống rét cho mạ. "Dân vô rú" nói về cuộc vận động nhân dân xây dựng nhà ở trên gò đồi để quy hoạch lại đồng ruộng và tạo nơi ăn ở cao ráo, sạch đẹp cho dân.

Những năm gần đây, cũng có những đồng chí bí thư huyện ủy khác khái quát phong trào địa phương thành mấy chữ cái. Như **5Đ** : *đồng, đồi, đường, điện, đô*. Đô là chữ mới ghép vào để nói về việc làm hàng xuất khẩu, tạo ra ngoại tệ (đô-la). **5L** : *lúa, lang, lạc, lợn, lòng*. Lòng là nói lòng dân, cái gì hợp với lòng dân, được dân ủng hộ thì đều làm được. **5C** : *cơ chế, chính sách, cán bộ (hay cốt cán), cơ cấu, cơ sở*. Hai từ *cơ cấu* và *cơ sở* được nhắc đến do có các chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng cơ sở vững mạnh, v.v..

Nói chuyện với Bí thư Tỉnh ủy, anh cũng lại có cách khái quát vấn đề như vậy. Anh nói, đã là cán bộ chủ chốt thì phải biết **4 cái cần** và **3 cái chọn**.

Bốn cái cần là :

Một : cái gì khó, cần phải nhảy vào. Có nhảy vào mới biết được cách giải quyết, giải quyết trúng thì ra khỏi cái khó, không trúng ít ra cũng đẩy lùi được cái khó. Mà nếu có thất bại thì sẽ thấy được cách giải quyết mới. Câu nói này giống như câu nói của Bí thư Huyện ủy Quỳnh Lưu ngày trước "nhảy vào, tóe ra" (tóe vấn đề, tóe sáng kiến).

Hai : cái gì cãi nhau thì cần phải quyết. Cãi nhau về lý luận thì còn có thể chờ đợi được, chứ cãi nhau về chủ trương cho những vấn đề bức xúc thì không thể để lâu. Càng cãi càng rối. Trên

Digitized by Google

phân tâm, dưới càng phân tâm hơn. Cho nên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải đề cao tinh thần trách nhiệm để quyết. Quyết để làm, và thông qua hành động để kiểm tra tính chính xác của quyết định. Tất nhiên, không được quyết ẩu, quyết không có cơ sở.

Ba : cái gì nhạy cảm, lời đáp cần phải rõ ràng. Không thể lấy cớ nhạy cảm để né tránh.

Bốn : Cái gì có lợi cho dân thì cần phải làm. Có chủ trương đưa ra lúc đầu bị một số người phản đối, nhưng nếu xét kỹ, có lợi cho dân (không phải chỉ cho một số người) thì kiên quyết không từ bỏ. Nghệ An là địa phương có chủ trương sớm nhất về việc "ai có giấy phép lái xe mới được đăng ký xe máy". Chủ trương đó nay đã thành chủ trương chung của ngành giao thông - vận tải.

Ba chọn là :

Một : Chọn việc dân cần. Việc gì dân cần thì khó mấy cũng làm. Việc dân không cần thì chớ bày vẽ ra.

Hai : Chọn chính sách thúc đẩy được "tăng tốc". Chính sách nào cản trở sản xuất thì phải bỏ. Chủ trương nào đem lại hiệu quả cao hơn thì phải ưu tiên chọn.

Ba : Chọn cán bộ dân tin. Cán bộ giỏi đến đâu mà dân không tin thì không dùng. Nếu lý do dân không tín nhiệm là đúng thì hoặc cán bộ phải sửa, hoặc không dùng cán bộ ấy.

Bốn cần và ba chọn không phải một tổng kết toàn diện. Tuy vậy, nó vẫn là một kiểu tư duy và phong cách lãnh đạo. ❑

TIỀN GIANG...

(Tiếp theo trang 42)

khu dân cư ở những vùng còn lại, (cũng trên cơ sở cụm tuyến) để hạn chế tình trạng xây dựng nhà rải rác, thiếu tập trung.

Việc thứ hai là, nâng cao thu nhập cho người dân. Để làm được việc này, chúng ta phải tạo cho được "đầu ra" của nông sản, đảm bảo tập trung về các đầu mối lớn và ổn định. Muốn vậy, một mặt Chính phủ phải có quy hoạch phát triển chung cho toàn vùng theo hướng trồng cây gì, nuôi con gì ; trồng và nuôi ở đâu. Mặt khác, trên cơ sở quy hoạch chung đó, Chính phủ cần ưu tiên công tác ứng dụng, chuyển giao các thành tựu và tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất : từ khâu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi đến khâu chăm sóc, thu hoạch ; bảo quản và chế biến, xuất khẩu.

Về phía mình, để phát triển toàn diện và vững chắc, các tỉnh ĐBSCL cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ khi tính toán các dự án đầu tư và phải chú ý đến yếu tố kinh tế toàn vùng, chứ không phải của riêng từng tỉnh. Có như vậy mới tránh được tình trạng cùng đổ xô vào xây dựng hàng loạt các nhà máy, xí nghiệp cùng ngành nghề ; giẫm đạp lên nhau, kìm hãm sự phát triển chung của đất nước.

Tôi tin tưởng rằng, với quyết tâm của các cấp chính quyền và sự đoàn kết, nỗ lực của nhân dân ; đặc biệt là, được sự động viên, ủng hộ của Chính phủ và các bộ, ngành ; nhất định các tỉnh ĐBSCL, trong đó có Tiền Giang sẽ phát huy có hiệu quả các thế mạnh, sớm đạt được các mục tiêu phát triển, giàu mạnh và không ngừng khởi sắc.

Phóng viên : *Xin trân trọng cảm ơn đồng chí !* ❑

Digitized by Google

CHÂN LÝ Ở ĐÂU ?

LÊ MINH

NHỮNG ngày này cả thế giới hồi hộp, căng thẳng lo âu, theo dõi tình hình chiến sự đang leo thang hết sức ác liệt tại Vùng Vịnh, bởi cuộc chiến tranh mà nhà cầm quyền Mỹ, Anh khai hỏa tấn công nhân dân I-rắc.

Lại một lần nữa, nền hòa bình an ninh của Vùng Vịnh và thế giới bị đe dọa, lương tri tiến bộ nhân loại bị xúc phạm ; sức mạnh quân sự lại được kẻ hiếu chiến mang ra làm công cụ áp đặt ý chí và tham vọng của nó.

Nhận rõ những nguy cơ của thảm họa chiến tranh, loài người tiến bộ trên hành tinh vô cùng phẫn nộ, chỉ trích, lên án, cực lực phản đối cuộc chiến tranh phi lý, vô nhân đạo này. Thế nhưng bất chấp sự bất bình, lo ngại có căn cứ của cả loài người ; bất chấp làn sóng phản đối của dư luận thế giới ; bất chấp lời cảnh báo về những hậu quả khôn lường của hành động bạo lực..., những thế lực chủ chiến, đứng đầu là nhà cầm quyền Mỹ, Anh vẫn khai hỏa cuộc chiến tranh tàn bạo, vô nhân đạo đánh vào một đất nước có chủ quyền vì những mục đích đen tối của họ. Những "lý lẽ" mà nhà cầm quyền Mỹ đưa ra để tấn công quân sự I-rắc không chút mảy may thuyết phục được ai, nhưng họ vẫn cứ làm theo điều họ muốn.

Điều nguy hiểm, đáng lo ngại chính là ở sự phi lý của nhà cầm quyền Mỹ và Anh. Tính chất phi lý thể hiện trước hết ở sự coi thường những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, kể cả Hiến chương Liên hợp quốc. Họ đã phớt lờ tính pháp lý của Liên hợp quốc và vô hiệu hóa tổ chức này, và vì vậy có nguy cơ tạo ra tiền lệ vô cùng nguy hiểm trong quan hệ quốc tế. Họ đã lấy sức mạnh đè bẹp công bằng, công lý. Không những vậy, họ lại dùng những lời hoa mỹ, giả nhân giả nghĩa, đầy dối trá để che đậy cho hành vi ngang ngược, vô nhân đạo của mình. Loài người thừa hiểu và thực tế cho thấy điều gì đang xảy ra và sẽ xảy ra khi Mỹ, Anh dùng những lực lượng quân sự cực mạnh đánh vào một đất nước độc lập, có chủ quyền, đánh vào những người dân vô tội. Trong suốt mấy ngày nay, Mỹ và Anh dùng hàng trăm quả tên lửa Tô-ma-hốc vượt tầm xa và hàng ngàn tấn bom đạn có sức công phá lớn cùng nhiều máy bay hiện đại, xe tăng và bộ binh tấn công các mục tiêu mà phần lớn là các khu dân cư, bệnh viện... hòng khuất phục ý chí của các nhà lãnh đạo và nhân dân I-rắc. Máu của nhân dân I-rắc đã đổ bởi nhà cầm quyền Mỹ, Anh. Họ không thể biện hộ được cho việc làm phi lý, vô nhân đạo của mình bằng những lời tuyên bố đầy xảo trá là tấn công I-rắc vì mục tiêu "cao cả" bảo đảm nền hòa bình và an ninh cho thế giới !? Mỉa mai hơn khi họ đưa ra cái "lý thuyết" sau chiến tranh sẽ giúp đỡ nhân đạo cho nhân dân I-rắc và tái thiết đất nước v.v... và v.v.. Làm gì lại có cái thứ "nhân đạo" tàn phá, giết chóc rồi lại cứu trợ theo kiểu mị dân bằng thủ đoạn cây gậy và củ cà rốt đã hết sức lỗi thời để lòe bịp người đời trong thế giới văn minh ngày nay ?

Digitized by Google

Rõ ràng, hành động nhà cầm quyền Mỹ, Anh dùng quân sự đánh chiếm I-rắc là một tội ác, một hành vi vô nhân đạo chống lại hòa bình, đi ngược đạo lý. Trong khi nhà lãnh đạo và nhân dân I-rắc đang ra sức đáp ứng mọi yêu cầu của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhằm tìm mọi cách để giải quyết vấn đề khủng hoảng bằng biện pháp hòa bình thì nhà cầm quyền Mỹ ngang nhiên ra tối hậu thư buộc Tổng thống Xát-đam Hu-xê-in cùng các con trai ông trong vòng 48 giờ phải ra đi khỏi đất nước của mình - nơi mà họ hoàn toàn có chủ quyền. Thật thậm vô lý về một tối hậu thư không thể thuyết phục được lòng người ! thử hỏi nếu ai đó làm việc này đối với ông Tổng thống Mỹ thì sự bình tĩnh của ông ta sẽ thể hiện thế nào ?

Cuộc chiến chống I-rắc là lời cảnh báo đầy tính đe dọa rất phi lý của nhà cầm quyền Mỹ đối với độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước. Điều này làm cho thế giới lo ngại, phải đối mặt với một nghịch lý "lẽ phải thuộc về kẻ mạnh" và "ai không nghe lời Mỹ sẽ bị Mỹ trừng phạt bằng bạo lực" !? Rõ ràng, cuộc chiến chống I-rắc mà Mỹ, Anh tiến hành là một thảm kịch của công lý, là một sự đảo lộn trắng đen, đúng sai, dù bất cứ ai, là người bình thường cũng không chấp nhận được. Không ai có thể lường hết được những hậu quả của hành động này, rồi đây thảm họa của chiến tranh sẽ tiếp tục ập tới những người dân vô tội ở bất cứ nơi đâu, nếu cái "lý thuyết" vô cùng phi lý trên còn tồn tại ở trong đầu những nhà cầm quyền Mỹ ? !

Để thực hiện mục tiêu mà chính quyền Mỹ cho là "vì hòa bình và an ninh cho thế giới", các thế lực hiếu chiến Mỹ đã bất chấp tất cả những cái gì phi lý, gây nên một thảm họa chết chóc đau thương, sự tàn phá những thành tựu về vật chất và tinh thần của nhân dân I-rắc. Họ cắt đứt con đường ngoại giao khi thấy không thể ép được Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thông qua nghị quyết hợp thức hóa cuộc chiến tranh xâm lược của họ. Và như thế, cỗ máy chiến tranh khổng lồ của Mỹ, Anh đã lập tức vận hành, tăng tốc, giáng đòn phủ đầu xuống nhân dân I-rắc như chúng ta phần nào chứng kiến qua các kênh truyền hình, các đài phát thanh được phát đi hằng ngày trên khắp thế giới.

Trong khi tên lửa hành trình Tô-ma-hốc và bom đạn Mỹ gầm rú trên bầu trời Thủ đô Bát-đa cùng nhiều nơi khác trên đất nước I-rắc bất kể đêm, ngày thì nhà cầm quyền Mỹ tuyên bố "cuộc chiến tranh này của Mỹ là nhằm đem lại đất nước tự do cho người dân I-rắc". Và bao nhiêu điều phi lý khác nữa "biện minh" cho việc bất chấp mọi thứ nhằm tiến hành cuộc chiến tranh vô lối, vô nhân đạo của nhà cầm quyền Mỹ. Vậy thực chất là họ nhằm những mục đích gì ? Đây là vấn đề dù nói ra hoặc không, nhưng nhiều người đều hiểu từ thâm sâu, cội rễ các mưu đồ của họ.

Lời tuyên bố của nhà cầm quyền Mỹ rằng, cần phải vượt qua mọi cản trở để tiến công I-rắc, họ coi đây là "canh bạc lớn" nhằm mưu đồ thực hiện mục tiêu học thuyết chiến lược mới với ưu thế quân sự của Mỹ mà không bị trừng phạt. Đây là hiện thân của học thuyết dùng "tiến công phòng ngừa" hay "đánh đòn phủ đầu" thay cho phương thức "răn đe" trước đây. Mỹ tấn công I-rắc vì cho rằng I-rắc dám thách thức vị thế của Mỹ. Mặt khác, những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật quân sự, cho phép Mỹ sản xuất hàng loạt vũ khí mới hiện đại rất cần được thử nghiệm trên chiến trường. Do đó, tổ hợp quân sự - công nghiệp ở Mỹ ra sức ủng hộ và cổ vũ giải pháp chiến tranh trong vấn đề I-rắc vì những món lợi khổng lồ của mình.

Digitized by Google

Mỹ ra sức chớp thời cơ từ khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan vỡ, khi Mỹ cảm thấy không còn đối thủ cạnh tranh tầm cỡ, nên đã tự coi mình là "siêu cường duy nhất" trên thế giới. Lối tư duy đó khiến Mỹ sớm muốn áp đặt "lối sống" của mình cho phần còn lại của thế giới. Họ muốn thực hiện mưu đồ xuất khẩu mô hình Mỹ trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và áp đặt "các giá trị Mỹ" ra khắp hành tinh. Họ giở nhiều trò nhằm áp đặt tự do, dân chủ, nhân quyền kiểu Mỹ như chúng ta đã biết. Họ cho rằng, I-rắc là nước "bất trị", dám chống lại Mỹ và thách thức vị trí siêu cường của Mỹ. Vì thế, Mỹ "trừng trị" I-rắc để qua đó "răn đe" các nước còn lại, nếu ai có ý định chống lại quá trình "Mỹ hóa toàn cầu". Các nhà hoạch định chiến lược ở Mỹ cho rằng, "mô hình phát triển của Mỹ" và "lối sống Mỹ" là "tiêu chuẩn chân lý", còn mọi sự lựa chọn khác đều "tiềm ẩn nguy cơ phá hoại trật tự thế giới". Cho nên Mỹ phải trừng phạt sự lựa chọn đó bằng mọi phương tiện, kể cả tiến công quân sự. Bởi vậy, họ huy động lực lượng vũ khí, phương tiện, bộ máy chiến tranh hiện đại, đồ sộ để tấn công I-rắc là để làm cái gọi là kịp thời dọn dẹp vật cản trên con đường thực hiện "lý thuyết" phi lý này.

Bao trùm lên tất cả là lợi ích. Theo nhận định của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), trong vài ba thập kỷ tới, dầu mỏ sẽ là mục tiêu kinh tế then chốt. Mỹ tiến công I-rắc là nhằm chiếm dụng nguồn dự trữ lượng dầu mỏ lớn thứ hai thế giới (sau Ả-rập Xê-út) và làm thay đổi bản đồ năng lượng trên thế giới theo hướng có lợi cho Mỹ trong tương lai. Về lâu dài, mọi sự tính toán về dầu lửa, Mỹ không thể bỏ qua vùng tập trung chủ yếu trữ lượng dầu của thế giới. Vì thế, I-rắc đã được nhà cầm quyền Mỹ đưa vào tầm ngắm và chế độ Xát-đam Hu-xê-in trở thành mục tiêu cần lật đổ bằng mọi cách. Tiến hành chiến tranh chống I-rắc của nhà cầm quyền Mỹ, Anh là việc làm đầy mưu mô. Nhưng họ đã nhầm. Họ đi ngược lại xu thế hòa bình, ổn định, cùng hợp tác để phát triển trong thời đại ngày nay. Vả chăng đây cũng chính là lúc Mỹ bộc lộ những hành động phi lý của một quá trình đi xuống trước xu thế trỗi dậy của các cường quốc mới ở thế kỷ XXI.

Cái giá phải trả cho cuộc chiến tranh xâm lược đầy tính phi lý và vô nhân đạo này của họ sẽ rất lớn mà chắc chắn họ chưa thể hình dung hết được.

Trước những hành động ngang ngược, tàn bạo, vô nhân đạo của nhà cầm quyền Mỹ, Anh trong cuộc tiến công quân sự I-rắc với cường độ ngày càng tăng, chúng ta lại một lần nữa khẳng định lập trường có nguyên tắc là trong quan hệ quốc tế, mọi dân tộc đều bình đẳng, phải triệt để tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Chúng ta phản đối mạnh mẽ mọi hành động cường quyền, áp đặt.

Là một nước đã từng trải qua chiến tranh chống quân xâm lược, bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, phải chịu bao đau thương, mất mát, chúng ta thông cảm sâu sắc với nhân dân I-rắc, bày tỏ sự chia sẻ và quan tâm đặc biệt đến tình hình căng thẳng đang diễn ra hằng ngày, hằng giờ và những đau thương, mất mát to lớn về tính mạng, tài sản đối với nhân dân I-rắc. Chúng ta cùng với các tổ chức quốc tế, nhân dân các nước trên thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ và Anh, tiếp tục đòi các nhà cầm quyền Mỹ, Anh chấm dứt ngay cuộc chiến tranh phi lý, vô nhân đạo này, trả lại cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, bình yên chính đáng cho nhân dân I-rắc.❑

Digitized by Google

BẠO LỰC CƯỜNG QUYỀN

QUANG LỢI

MỘT thảm kịch lớn của Vùng Vịnh và thế giới đã thực sự bắt đầu vào lúc 9 giờ 39 phút (giờ Hà Nội) ngày 20-3-2003 : Chỉ khoảng 100 phút sau khi "Tối hậu thư 48 giờ" hết hạn, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã ra lệnh phát động cuộc chiến tranh mang danh "Chiến dịch tự do cho I-rắc". Lầu Năm Góc đã mở chiến dịch không kích "Cú sốc kinh hoàng" mà họ cho là "có sức hủy diệt ghê gớm nhất" từ trước tới nay với sự tham gia của máy bay B1, B2, B52, tên lửa hành trình Tô-ma-hốc và các loại vũ khí hủy diệt hiện đại nhất nhằm vào Thủ đô Bát-đa và nhiều mục tiêu trên lãnh thổ I-rắc.

Khác với cuộc chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất năm 1991, cuộc chiến tranh Cô-xô-vô năm 1999 và cuộc chiến tranh Áp-ga-ni-xtan năm 2001, trong cuộc chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ hai này, Lầu Năm Góc có bước điều chỉnh đáng kể học thuyết chiến tranh không - bộ. Mỹ đã không chờ cho các cuộc không kích đè bẹp hoàn toàn sức kháng cự của đối phương, mà sử dụng bộ binh và lực lượng đặc nhiệm ngay từ đầu. Các sư đoàn bộ binh Mỹ đã vượt biên giới tiến vào lãnh thổ I-rắc và đang vấp phải sức kháng cự quyết liệt của quân đội I-rắc. Dự kiến các trận quyết chiến điểm sẽ diễn ra tại các thành phố lớn. I-rắc đã chia lãnh thổ đất nước thành bốn quân khu để phòng thủ. Trận quyết chiến điểm cuối cùng có thể sẽ diễn ra tại Thủ đô Bát-đa, nơi mà I-rắc đã tổ chức ba lớp phòng thủ từ ngoài vào trong với lực lượng vệ binh Cộng hòa khá thiện chiến. Tinh thần chiến đấu của quân đội I-rắc sẽ quyết định chiến tranh kéo dài bao lâu. Không loại trừ cuộc chiến tranh này sẽ có những diễn biến rất bất ngờ.

Ánh chớp từ bom điều khiển bằng vệ tinh và tên lửa hành trình Tô-ma-hốc đã soi rõ bộ mặt vô nhân đạo của những kẻ gây ra cuộc chiến tranh phi nghĩa này. Nhà cầm quyền Mỹ rêu rao rằng, họ phát động cuộc chiến tranh là để "giải phóng nhân dân I-rắc" và "để xây dựng lại nền dân chủ". Nhưng sao lại "giải phóng" bằng cách dội bão lửa xuống đầu người dân vô tội từ các loại vũ khí siêu hiện đại ? Và làm sao có thể "xây dựng được nền dân chủ" bằng cách phóng hàng nghìn quả tên lửa Tô-ma-hốc định vị chính xác nhằm phá hủy toàn bộ đất nước này ? Ông chủ Nhà Trắng nói rằng : Liên hợp quốc sinh ra là để "đương đầu với những tên độc tài phá hoại hòa bình thế giới và tấn công những người dân vô tội". Vậy với việc tấn công I-rắc hiện nay, phải chăng ông ta đang không làm những việc của những tên độc tài ?

Digitized by Google

Phát động cuộc tấn công xâm lược I-rắc là đỉnh cao của thói ngạo mạn bạo lực vốn đã trở thành một thuộc tính trong cách hành xử với thế giới của "siêu cường tối thượng" từ nhiều năm nay. Cuộc chiến tranh này đã vi phạm thô bạo Hiến chương Liên hợp quốc và những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Công lý và pháp lý quốc tế còn đâu chỗ đứng trong bóng đen ghê rợn của cuộc chiến tranh này ?

Vận mệnh hòa bình và an ninh thế giới đang đứng trước một thử thách vô cùng khắc nghiệt. Cuộc chiến tranh do Mỹ cầm đầu không chỉ nhằm vào I-rắc mà còn là đòn bạo lực răn đe ngang ngược đối với cộng đồng quốc tế. Đây không chỉ là việc bắt các quốc gia phải hùa theo lập trường chiến tranh của Mỹ mà còn ép cả Liên hợp quốc - tổ chức quốc tế lớn nhất, có sứ mệnh trọng đại là giữ gìn hòa bình và an ninh trên thế giới - phải chứng kiến một sự đã rồi trong việc Mỹ phát động cuộc chiến tranh xâm lược chống I-rắc. Đó là sự xúc phạm lớn tới danh dự và uy tín của Liên hợp quốc. Ai cũng hiểu rằng, nếu I-rắc bị đánh vì những lý do ngụy tạo, thì rồi bất cứ một quốc gia nào cũng có thể trở thành mục tiêu của đòn đánh tiếp theo và lúc đó trật tự pháp lý quốc tế hiện hành sẽ bị xóa bỏ và hiểm họa lớn của thế giới đã bắt đầu thực sự xuất hiện.

Những cái cớ mà Oa-sinh-tơn không ngớt rêu rao rằng, Bát-đa "tích trữ vũ khí hủy diệt, đe dọa an ninh thế giới", rằng chính quyền X. Hu-xê-in cấu kết với các tổ chức khủng bố như An-kê-đa đã không hề thuyết phục được Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và hầu hết 200 quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Đây là một cuộc chiến tranh nhằm vào những mục tiêu chiến lược đã được xác lập : Khẳng định quyền bá chủ thế giới không ai có thể cạnh tranh, thiết lập trật tự tại khu vực "rốn dầu của thế giới" theo sự sắp đặt của Mỹ, là đòn răn đe đối với bất cứ một quốc gia nào không chịu tuân theo cây gậy chỉ huy của "siêu cường tối thượng". Tổ chức quốc tế lớn nhất đã bị một quốc gia qua mặt một cách sỗ sàng và đáng buồn thay, cơ cấu quyền lực quốc tế và trật tự pháp lý quốc tế hiện hành đã chưa đủ sức mạnh để ngăn chặn thói lộng hành bạo lực đó.

Đây có lẽ là một trong những nỗi đau nhức nhối nhất của nhân loại đầu thế kỷ XXI. Trong nỗi đau này ẩn chứa mối lo ngại lớn về một hiểm họa có tính thời đại và toàn cầu : Đó là, một quốc gia tự cho phép mình đứng trên tất cả, tự mình làm luật, tự mình ra lệnh cho cả thế giới. Đó có thể là, sự mở đầu của sự sụp đổ trật tự pháp lý quốc tế hiện hành, tuy chưa phải đã hoàn thiện nhưng vẫn đang được coi là công cụ cần thiết để duy trì và điều tiết các mối quan hệ quốc tế, để tránh cho thế giới thảm cảnh rối loạn, luật rừng "cá lớn nuốt cá bé".

Bước vào thế kỷ mới, câu hỏi lớn nhất đang nổi cộm trong tư duy chính trị là : Thế giới sẽ sống thế nào với một nước Mỹ lên ngôi đế chế, và nước Mỹ sẽ hành xử thế nào với phần còn lại của thế giới ?

Trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX và trong hai năm mở đầu thế kỷ XXI, thế giới đã trải qua một cuộc bể dâu mà trước đó không ai có thể hình dung nổi, tiên lượng được. Một sự mất cân bằng lớn đang diễn ra trên mọi lĩnh vực, dưới mọi góc độ, trên tầm vĩ mô nhất, cũng như ẩn chứa len lỏi dưới mọi tầng nấc vi mô nhất. Đây là nỗi băn khoăn bức xúc tới

Digitized by Google

mức ám ảnh nặng nề trong đời sống tinh thần của nhân loại.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là một trong những sự biến kịch tính nhất trong thế kỷ XX. Cũng từ đó, trật tự thế giới lưỡng cực tan vỡ và thế giới bước vào một trật tự chính trị, không gian chiến lược hoàn toàn khác. Cuộc chiến tranh mà Mỹ đang giáng xuống đầu nhân dân I-rắc hiện nay không chỉ là vấn đề quan hệ song phương giữa một quốc gia giàu dầu lửa, bị xếp vào "trục ma quỷ" với siêu cường duy nhất trên thế giới, mà còn là vấn đề thế giới đang phải đối mặt với chủ nghĩa đơn phương độc đoán Mỹ.

Đã có quá nhiều minh chứng về sự áp chế toàn cầu của Oa-sinh-tơn trong thời gian gần đây : Tẩy chay Hiệp ước cấm vũ khí sinh học ; không chịu phê chuẩn Hiệp ước cấm hoàn toàn các cuộc thử hạt nhân (CTBT), xé bỏ Hiệp ước phòng thủ chống tên lửa đạn đạo (ABM) ; rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô về cắt giảm khí thải độc hại gây "hiệu ứng nhà kính" ; không chịu tham gia Hiệp ước thành lập Tòa án hình sự quốc tế ; áp đặt các lệnh cấm vận kinh tế đối với những quốc gia không hợp khẩu vị ; ép các nước trên thế giới phải giải quyết vấn đề nhân quyền theo đòi hỏi của Mỹ ; sẵn sàng giáng đòn trừng phạt thương mại một cách bất công đối với nước nào bị buộc tội "làm thiệt hại lợi ích kinh tế của Mỹ" ; sẵn sàng dùng nắm đấm quân sự đối với những quốc gia "cứng đầu", v.v..

Cuộc chiến tranh xâm lược I-rắc là đòn thử nghiệm đầu tiên của "Chiến lược an ninh mới", được đưa ra ngày 20-9-2002, mà cốt lõi của nó là đánh đòn phủ đầu vào bất cứ tổ chức, quốc gia nào bị Mỹ coi là đe dọa an ninh hay có ý đồ cạnh tranh quyền lực với Mỹ. Chiến lược an ninh quốc gia mới này được đưa ra trong bóng đêm chưa tan của "sự kiện ngày 11-9-2001". Người ta thấy trong chiến lược này nổi lên bóng dáng đồ sộ của một đế chế nổi khùng, kiêu căng và ngạo mạn, tự cảm thấy mình quá mạnh, nhưng lại đang bị giễu cợt bởi đòn đánh táo tợn ngày 11-9. Và đế chế này đang tự đẩy mình lên ngôi vị chúa tể thế giới, tự cho mình quyền đánh đòn phủ đầu bất cứ ai, vì bất cứ một nguyên cớ gì do đế chế đó hình dung hoặc tạo ra. Như thế, nếu nói rằng "sự kiện ngày 11-9-2001" đã dựng lên một cột mốc xám xịt trong lịch sử nước Mỹ và thế giới về khía cạnh sử dụng bạo lực trong bóng tối để chống lại con người, thì chiến lược an ninh mới mà đòn thử nghiệm bạo lực khủng khiếp đầu tiên là cuộc chiến tranh I-rắc lại cũng đang dựng lên một cột mốc xám xịt khác trong lịch sử bang giao quốc tế. Đó là thứ bạo lực công khai giữa thanh thiên bạch nhật được phô diễn như một thứ luật riêng của nước Mỹ - luật của siêu cường, luật của bạo lực. Điều này đang gây lên một mối lo ngại sâu sắc trong cộng đồng quốc tế. Không phải ai khác mà chính cựu Phó Tổng thống Mỹ A. Go, khi phê phán chiến lược an ninh mới của Tổng thống G. Bu-sơ, đã nói rằng : "Sau sự kiện 11-9, có biết bao thiện cảm, thiện chí và sự ủng hộ mà thế giới dành cho chúng ta (nước Mỹ). Chúng ta đã để phung phí điều đó và thay thế bằng mối lo sợ, nghi ngại không phải vì điều mà bọn khủng bố sẽ làm, mà về điều nước Mỹ sẽ làm".

Chiến lược an ninh mới, với bản chất cực kỳ nguy hại của nó, là sản phẩm của chủ nghĩa đơn phương Mỹ mà chính quyền G. Bu-sơ đã và đang ráo riết thực hiện từ

Digitized by Google

gần hai năm nay. Cuộc chiến tranh I-rắc đang phủ một bóng đen tiêu cực lên bầu không khí quốc tế đầu thế kỷ XXI khi mà các dân tộc, các quốc gia trên thế giới đang nỗ lực xây dựng một nền hòa bình, an ninh hợp tác bền vững. Cuộc chiến này sẽ tác động sâu xa tới các mối quan hệ quốc tế, đe dọa giấc mơ hòa bình của nhân loại tiến bộ.

Chiến lược an ninh này được công bố đồng nghĩa với sự cáo chung của "chiến lược kiềm chế" được thực hiện từ sau Chiến tranh thế giới thứ II. Đây là cái mốc điều chỉnh quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ. Nó sẽ thay đổi nguyên tắc dùng binh của Mỹ từ hơn nửa thế kỷ nay. Điều này cho thấy, Mỹ đặt bạo lực quân sự vào trọng tâm chiến lược an ninh của mình trong thế kỷ XXI.

Tự trao cho mình sứ mệnh lãnh đạo thế giới, Mỹ đã và đang áp đặt các chuẩn xử sự trong quan hệ quốc tế. Nhìn một cách toàn cục, Oa-sinh-tơn đang ép buộc thế giới hướng theo giá trị Mỹ, sống theo giá trị Mỹ. Nhờ có ưu thế quân sự và sức mạnh kinh tế vượt trội không ai có thể sánh nổi trong lịch sử hiện đại, Mỹ đang tìm cách vẽ lại bản đồ thế giới, phá bỏ cấu trúc trật tự pháp lý quốc tế hiện hành. Việc Mỹ là siêu cường duy nhất còn lại kể từ sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, không phải là điều gì mới mẻ. Cái đáng nói nhất, là việc họ ngày càng thấy rõ đây là "cơ hội vàng", chưa từng có, kể từ khi nước Mỹ ra đời đến nay và khó có thể lặp lại trong hàng thế kỷ nữa. Vì thế, họ quyết định tập hợp những yếu tố thành công nhất của mình, cũng như tận dụng triệt để những lợi thế của siêu cường trên mặt trận quốc tế để khống chế, áp đặt một thứ "dân chủ cưỡng bức" lên phần còn lại của thế giới. Cố nhiên, thứ "dân chủ cưỡng bức" này được hỗ trợ bởi hai gọng kìm : sức mạnh kinh tế và ưu thế quân sự.

Tuy nhiên, dưới thời G. Bu-sơ, người ta cảm thấy, không phải tiềm lực kinh tế, tài chính và kỹ thuật làm cho sức mạnh của Mỹ trở nên đáng sợ mà chính là sức mạnh quân sự đang được Mỹ đặt ở vị trí trọng tâm của chiến lược toàn cầu. Sức mạnh quân sự đang trở lại vị trí hàng đầu trong tư duy chính trị của Mỹ. Hiện nay, chi phí quân sự của Mỹ chiếm 40% ngân sách quân sự của toàn thế giới. Với 379 tỉ USD năm 2003, chi phí này cao hơn ngân sách quân sự gộp chung của 15 nước chi tiêu quân sự nhiều nhất thế giới gồm cả Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và châu Âu. Cuộc chiến tranh I-rắc dự kiến tiêu phí hết từ 90 đến 100 tỉ USD.

Theo chính một học giả nổi tiếng ở Mỹ, bà P. Be-ni-xơ, tác giả cuốn sách *"Oa-sinh-tơn đã thống trị Liên hợp quốc như thế nào ?"*, cần ngược trở lại lịch sử, nhất là lịch sử của những đế quốc đang ở đỉnh cao quyền lực và ảnh hưởng. Các đế quốc đó đã lần lượt sửa lại những quy tắc chung để một mình cai quản thế giới, áp dụng cái mà người ta có thể gọi là "luật đế quốc". Từ thời cổ xưa, người Hy Lạp muốn bảo đảm sự ổn định của đế quốc họ trong thời kỳ hoàng kim, khi tới chinh phục đảo Mê-lô-sơ đã áp dụng những nguyên tắc hoàn toàn khác với những nguyên tắc của nền dân chủ A-ten. Đế quốc La Mã cũng hành động như vậy. Và trong vòng hai thế kỷ qua, đế quốc Anh với lãnh thổ rộng lớn đến nỗi "mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh" cũng không hành xử khác thế. Ngày nay, nước Mỹ cũng đang đi theo con đường đó.

Digitized by Google

Nhưng, các đế chế thường không chịu nổi sức nặng của chính mình. Đó dường như là một phán quyết mang tầm vóc lịch sử. Các đế chế thường không sụp đổ bởi những đòn đánh từ bên ngoài mà thường suy tàn và tiêu vong bởi những nguyên nhân nội tại mà trước hết là từ những chính sách sai lầm của bản thân họ.

Các nhà phân tích chiến lược cho rằng cục diện "nhất siêu, đa cường" hiện nay sẽ còn tồn tại ít nhất trong vòng 15 đến 20 năm nữa. Từ thực tế phát triển và suy vong của các đế chế trong suốt chiều dài lịch sử, có thể thấy rằng, vào thời điểm đế chế đang ở điểm cực thịnh, choáng ngợp trước sức mạnh của chính mình, vung vãi sức mạnh đó với tham vọng nắm trọn thế giới trong bàn tay của mình thì đó chính là lúc xuất hiện đường cong đi xuống của đế chế.

Điều rõ ràng nhất là hiện nay, với cách hành xử độc đoán của mình, bằng việc tạo ra những nguy cơ đối với tiến trình phát triển công bằng, bình đẳng và dân chủ vốn là những giá trị cao quý mà nhân loại hằng theo đuổi, nước Mỹ đang tự đặt mình đối chọi với phần còn lại của thế giới. Từng quốc gia đang xây dựng chiến lược của mình, trong đó, không ít quốc gia, đặc biệt là các cường quốc, đang ngấm ngầm đặt Mỹ ở vị trí trung tâm trong chiến lược đối ngoại của họ như là một đối thủ trực tiếp và lâu dài. Lòng tự trọng của châu Âu đang bị tổn thương khi bị Mỹ lấn lướt và giễu cợt. Nước Nga sau hơn một thập kỷ vật vã và suy kiệt đang gượng dậy tìm lại chính mình như một cường quốc. Trung Quốc đang trỗi dậy với một tốc lực gây ái ngại cho bất cứ một đối thủ nào. Với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, người ta dự báo trong vòng 50 năm tới, Trung Quốc sẽ vượt Mỹ và trở thành cường quốc kinh tế số một thế giới. Và lần đầu tiên kể từ hơn nửa thế kỷ qua người ta đã thấy rõ sự phản ứng gay gắt... Nếu Mỹ vẫn khăng khăng đối kháng, xung khắc với các cường quốc, với hàng trăm quốc gia đang phát triển vốn đang chịu nhiều bức bối của một kiểu "nô dịch mới" trong thời đại toàn cầu hóa, thì ắt sẽ đến lúc con đường sai lầm đó dẫn nước Mỹ đến tai họa.

Không phải là một bất ngờ gì ghê gớm, nếu cuộc chiến tranh này kết thúc với phần thắng quân sự thuộc về Mỹ và một vài nước đồng minh tham chiến. Nhưng phát động cuộc chiến tranh chống lại một nước nhỏ, bất chấp luật pháp quốc tế, không được phép của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, bất chấp tiếng thét phẫn nộ của hàng trăm triệu người chống chiến tranh trên khắp hành tinh thì đó là một thất bại chính trị, ngoại giao và tinh thần nặng nề của những kẻ gây chiến. Trái với luận điệu của các thế lực hiếu chiến, các lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới lại cho rằng hoàn toàn có khả năng giải quyết cuộc khủng hoảng I-rắc bằng biện pháp hòa bình.

Cuộc chiến tranh này là một vết đen trong lịch sử nhân loại. Đây là một cuộc chiến tranh đáng xấu hổ đối với siêu cường đang tự trao cho mình quyền lãnh đạo thế giới. Đây cũng là tấn thảm kịch lớn của công lý. Nó đang gây ra những hậu quả nặng nề trên mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao... không lường hết được. Toàn nhân loại lên tiếng đòi các thế lực gây chiến phải dừng ngay tội ác, chấm dứt ngay cuộc chiến tranh phi nghĩa này.❑

Digitized by Google

CHÍNH PHỦ HỌP SƠ KẾT HAI THÁNG ĐẦU NĂM 2003

TRONG hai ngày 27 và 28 tháng 2-2003, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ sơ kết hai tháng đầu năm 2003, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phan Văn Khải và các Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Gia Khiêm, Vũ Khoan.

Chính phủ đã giành nhiều thời gian thảo luận : Về tình hình xây dựng các nghị định, quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ ; Nghị định, quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục ; Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ; Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ; Dự án Luật Thuế thu nhập, doanh nghiệp ; Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ; Nghị định, Quy định về thu viện phí.

Sau khi thảo luận, phân tích *Tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2003*, Chính phủ nhận định : Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục duy trì được đà tiến bộ của các tháng cuối năm 2002 ; sản xuất công nghiệp tăng khá, xuất khẩu đạt được nhiều kết quả, thị trường dịch vụ sôi động ; các mặt hoạt động xã hội đều được duy trì và tăng cường. Tháng 2-2003, kinh tế - xã hội có bước chuyển biến tích cực trong nhiều ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, dịch vụ ; các hoạt động văn hóa, xã hội. Tính chung 2 tháng đầu năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2002, trong đó khu vực Nhà nước tăng 13,4%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 21,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16,4%. Đây là mức tăng khá cao so với nhiều năm qua trên cả hai mặt sản xuất và tiêu thụ. Hầu hết các tổng công ty, các doanh nghiệp sản xuất đã chủ động tổ chức sản xuất, bám sát nhu cầu thị trường, đã ký được nhiều hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngay từ đầu năm. Thị trường hàng công nghiệp đã được mở rộng hơn ở trong nước, hiện tượng tồn đọng hàng hóa đối với một số mặt hàng công nghiệp chủ yếu không còn xảy ra ; nhưng chất lượng hàng công nghiệp vẫn đang là khâu yếu hiện nay. Một số sản phẩm công nghiệp tiêu thụ còn chậm, nhất là hàng công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định. Trong 2 tháng đã trồng được 40 ngàn héc-ta rừng tập trung ; chăm sóc 33 ngàn héc-ta rừng trồng ; trồng khoảng 115 triệu cây phân tán, tăng 17%. Tuy nhiên, khí hậu, thời tiết sẽ còn diễn biến phức tạp : hạn hán ở Tây Nguyên và một số vùng đang tiếp tục kéo dài nghiêm trọng ; nguy cơ cháy rừng vẫn rất lớn.

Phát biểu kết thúc phiên họp, Thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh : Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội trong 2 tháng đầu năm có nhiều tiến bộ, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới đang và sẽ tiếp tục có nhiều biến động mạnh... Để thực hiện tốt kế hoạch nhà nước năm 2003, trong các tháng tới, Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành và địa phương tập trung dứt điểm việc giao kế hoạch cho các đơn vị cơ sở ; tiếp tục tìm nguồn để tăng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng Bộ Tài chính nghiên cứu dành một phần nguồn vượt thu để bổ sung cho đầu tư phát triển với hai mục tiêu : tăng vốn đối ứng cho các dự án ODA mà kế hoạch đầu năm chưa bố trí đủ vốn do thiếu nguồn, tạo điều kiện giải ngân tốt nguồn vốn ODA. Triển khai thực hiện các giải pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng của chiến tranh tại I-rắc tới hoạt động của nền kinh tế nước ta. Tìm kiếm các thị trường mới thay thế đối với các mặt hàng chè, gạo, xà-phòng... Tăng cường kiểm soát các tiêu chuẩn an toàn trong hoạt động ngân hàng thương mại như (trạng thái ngoại tệ, vay và bảo lãnh vay nước ngoài, thanh toán quốc tế...) để bảo đảm tính an toàn cho hệ thống ngân hàng thương mại và toàn nền kinh tế nước ta. Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả để kịp thời điều hành kinh tế vĩ mô, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. ❑

Digitized by Google

TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ CÁC TỈNH PHÍA BẮC

VỪA qua, tại PhúThọ, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Tỉnh ủy Phú Thọ tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm công tác luân chuyển cán bộ các tỉnh phía Bắc sau một năm thực hiện Nghị quyết 11/NQ-TW, ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị. Tham dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương ; các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy thuộc 28 tỉnh, thành phố phía Bắc. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương ; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng : Phạm Văn Thọ, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương ; Hoàng Xuân Cừ, Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ, cùng chủ trì Hội nghị.

Đồng chí Phạm Văn Thọ trình bày Báo cáo để dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, nêu rõ : Qua một năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhiều cấp ủy địa phương đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tạo sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng trong cán bộ và đảng viên ; xây dựng kế hoạch, đề án luân chuyển cán bộ theo quy hoạch. Đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quyết định luân chuyển 23 đồng chí thuộc diện Trung ương quản lý ; 28 tỉnh, thành phố phía Bắc đã luân chuyển 498 đồng chí. Báo cáo cũng chỉ ra những yếu kém, hạn chế cần được giải quyết và khắc phục trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ; nêu lên một số kinh nghiệm bước đầu, đồng thời đề xuất một số vấn đề cụ thể để trao đổi, cách tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cần được làm rõ và thống nhất, nhằm thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ trong thời gian tới.

Hơn 20 báo cáo và ý kiến tham luận tại Hội nghị, với tinh thần thẳng thắn, xây dựng, tập trung trao đổi các bài học kinh nghiệm của công tác này ; đồng thời, nghiêm túc nhìn nhận những mặt còn hạn chế, yếu kém trong thời gian qua, rút kinh nghiệm, tổ chức chỉ đạo việc thực hiện luân chuyển cán bộ trong những năm tới đạt kết quả tốt hơn. Các đại biểu tham dự hội nghị đều thống nhất : Trước hết, phải làm tốt công tác chuẩn bị, tiến hành đồng bộ các khâu từ khảo sát, đánh giá cán bộ, tạo nguồn và quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch luân chuyển ; làm tốt công tác tư tưởng với cán bộ luân chuyển, nơi đi, nơi đến. Cần gắn luân chuyển với quy hoạch, đào tạo theo yêu cầu, nhiệm vụ. Luân chuyển cán bộ phải đúng sở trường, năng lực cán bộ, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngành. Giải quyết tốt giữa luân chuyển và đang phát triển tại chỗ, giữa luân chuyển với ổn định.

Phát biểu ý kiến tại Hội nghị, sau khi phân tích nguyên nhân của những việc làm được và chưa làm được, đồng chí Trần Đình Hoan nhấn mạnh : Các cấp ủy đảng cần nhận thức đầy đủ và thống nhất về công tác luân chuyển cán bộ. Để làm tốt việc luân chuyển cán bộ, cần tiến hành đồng bộ các khâu : đánh giá cán bộ, quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ, cơ chế và chính sách đối với cán bộ luân chuyển. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đồng chí Bí thư cấp ủy, tập thể Ban Thường vụ cấp ủy, cơ quan tham mưu tổ chức. Đồng chí Trần Đình Hoan đề nghị, các tỉnh ủy, thành ủy tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo làm tiếp ; rà soát lại quy hoạch cán bộ (nhất là quy hoạch A1), trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch luân chuyển và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ; có tiêu chí đánh giá cán bộ sau luân chuyển ; tiếp tục tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về luật pháp, cơ chế, chính sách để thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ và cán bộ được luân chuyển hoàn thành nhiệm vụ.❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHÁT HÀNH BÁO, TẠP CHÍ CỦA ĐẢNG NĂM 2002

NGÀY 12-3-2003, tại thị xã Hà Đông (Hà Tây), Tạp chí Cộng sản và Tỉnh ủy Hà Tây phối hợp tổ chức Hội nghị thường niên đã thành nền nếp về tổng kết công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng, trong đó có công tác phát hành - bạn đọc Tạp chí Cộng sản năm 2002 trên địa bàn Hà Tây theo Chỉ thị của Bộ Chính trị gồm Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 28-12-1996, "Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng" và Chỉ thị số 60-CT/TW, ngày 22-12-2000, "Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới". Tham dự Hội nghị có lãnh đạo Tỉnh ủy Hà Tây, đại diện Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, báo Nhân Dân, tạp chí Xây dựng Đảng, báo Hà Tây, và đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp ủy và Bưu điện của 14 huyện, thị tỉnh Hà Tây.

Các đồng chí Trần Đức Long, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Hà Tây và PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản, tới dự và chỉ đạo Hội nghị.

Các báo cáo tại Hội nghị khẳng định : Năm 2002 vừa qua, Hà Tây đứng thứ tư trong số 61 tỉnh, thành của cả nước (sau Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thanh Hóa) về chỉ số phát hành và công tác bạn đọc Tạp chí Cộng sản, với bình quân 858 bản/kỳ Tạp chí. Hai tháng đầu năm 2003, chỉ số tương ứng là 1 400 và 1 410 bản/kỳ Tạp chí. Thành quả đó là do nhiều nguyên nhân. Trước hết, đó là sự nỗ lực, cố gắng của Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản không ngừng đổi mới và nâng cao về nội dung và hình thức Tạp chí. Qua đó, đã chuyển tải những chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến với đông đảo bạn đọc, góp phần làm rõ những vấn đề vừa chiến lược vừa bức xúc trong thực tiễn xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời nói tiếng nói của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng từ cơ sở. Trong thành tích đó, đặc biệt có sự ủng hộ, cổ vũ của đông đảo bạn đọc từ cơ sở.

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Tây, các đơn vị và cơ quan hữu quan, trước hết là Ban Tuyên giáo và Bưu điện các cấp đã phấn đấu nâng dần số lượng phát hành Tạp chí qua từng tháng, từng quý. Với việc đọc và làm theo Tạp chí một cách có hiệu quả, vận dụng vào thực tiễn xây dựng kinh tế - xã hội địa phương, Đảng bộ và nhân dân Hà Tây đã thiết thực làm tốt công tác phát hành - bạn đọc báo chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng. Các mô hình tuyên truyền, đọc và sử dụng Tạp chí Cộng sản có hiệu quả ở thị xã Hà Đông, Sơn Tây, các huyện Thanh Oai, Thường Tín, Thạch Thất, Phúc Thọ... đã được Hội nghị đánh giá cao.

Các ý kiến tại Hội nghị cũng đã nhìn thẳng vào những thiếu sót, khiếm khuyết trong công tác phát hành - bạn đọc báo chí của Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản. Trước hết, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và sâu hơn cơ chế, chính sách trong việc mua, đọc, tuyên truyền và làm theo báo chí của Đảng.

Hội nghị thống nhất về phương hướng hành động chung, các giải pháp thiết thực nhằm đưa báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng đến với cơ sở, với bạn đọc ở Hà Tây một cách rộng rãi và hiệu quả hơn nữa.

Thay mặt Bộ Biên tập, Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản đã trao tặng Bằng khen và phần thưởng cho bảy Ban Tuyên giáo huyện ủy, thị ủy thuộc Tỉnh ủy Hà Tây đạt thành tích xuất sắc trong công tác phát hành và bạn đọc báo, tạp chí của Đảng năm 2002. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY MÁY KÉO VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP

ĐC: PHỐ CHU VĂN AN - TX. HÀ ĐÔNG - T. HÀ TÂY
TEL (FAX) TỔNG ĐÀI: (84-04) 8542 747 * PHÒNG KẾ HOẠCH THƯƠNG MẠI : 034.826 093



Giám đốc: KS. BÙI QUỐC VIỆT



Được thành lập ngày 22 - 10 - 1960,có nhiệm vụ chuyên sản xuất các loại máy kéo công suất từ 8 - 32 mã lực và các công cụ cơ khí phục vụ sản xuất, vận tải nông nghiệp mang NHÃN HIỆU BÔNG SEN BS

* Với đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và trang bị công nghệ tiên tiến, trong những năm qua, Công ty Máy kéo và Máy Nông nghiệp đã chế tạo trên 100 000 máy kéo "Bông Sen", gần 2 000 000 bình bơm thuốc trừ sâu, cung cấp hàng chục vạn tấn phụ tùng và các công cụ cơ khí góp phần đáng kể cho phát triển cơ khí trong sản xuất nông nghiệp của cả nước.

* Sản phẩm mang nhãn hiệu "Bông Sen" của Công ty đã được tặng Huy chương Vàng tại Hội chợ Giảng Võ, được Tổng cục tiêu chuẩn chất lượng cấp dấu TCVN và hoàn toàn có thể thay thế các loại máy kéo nhập ngoại của Trung Quốc, Nhật Bản....

* Để đẩy mạnh phát triển sản xuất, Công ty đã và đang phối hợp với các tỉnh Nghệ An, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Tuyên Quang..., hỗ trợ cho nông dân vay vốn đầu tư mua máy kéo Bông Sen, được trả chậm không tính lãi.

* Trong 3 năm gần đây, đã có 3 000 máy kéo Bông Sen được chuyển giao cho người dân các tỉnh mua theo Dự án Hỗ trợ vốn phát triển, cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn.

* Hiện nay, Công ty đã và đang tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm có đủ khả năng cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên con đường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.



MÁY KÉO BÔNG SEN * BS8 - BS10 - BS15



MÁY KÉO 4 BÁNH - BS20 * BS20 TRACTOR

Digitized by Google

SẢN PHẨM Mới

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Lớn mạnh
do bạn và vì bạn

GẠCH TỰ CHÈN:



Lát vỉa hè khu trung tâm thị xã Đồng Xoài

- Hình chữ S : 6,0 x 16,4 x 25,0cm, lát 1m² cần 39 viên.
- Hình chữ I : 6,0 x 16,5 x 20,0cm, lát 1m² cần 35 viên.
- Hình chìa khóa : 5,0 x 13,6 x 22,4cm, lát 1m² cần 40 viên.
- Hình lục giác : 6,0 x 25,0 x 28,5cm, lát 1m² cần 18,5 viên.
- Hình thoi : 6,0 x 14,2 x 25,0cm, lát 1m² cần 55,5 viên.

ƯU ĐIỂM:

- *Chịu lực lớn, không bị rỗ mặt, không phai màu.*
- *Tạo thẩm mỹ vỉa hè, sân vườn, đường đi.*
- *Thi công nhanh, có thể thay thế từng viên khi cần.*
- *Không tốn hồ chèn mạch.*

GẠCH BLOCK:



Xây dựng khu du lịch Thuyền Buồm, Phan Thiết

* Gạch xây tường
* Gạch nửa (đòmi)
* Gạch xây cột

ƯU ĐIỂM:

- *Chịu lực lớn : cường độ chịu nén từ 35Kg/cm² trở lên*
- *Tiết kiệm hồ : giảm 3,5 lần so với dùng gạch đất nung*
- *Tiết kiệm thời gian : việc đặt gạch chỉ bằng 1/4 thời gian so với đặt gạch đất nung*
- *Giảm chi phí : Từ 9 đến 10% so với xây bằng gạch đất nung*



Trộn nước dùng liền, Xây tô láng mịn!

CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Km 8 đường Hà Nội, Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (08) 8966 608 * FAX: (08) 8967 635

Digitized by Google

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN THANH TRÌ

ĐC: Thị trấn Văn Điển - Thanh Trì Hà Nội * ĐT: (84-4) 8615 221 * Trưởng phòng: ĐẶNG VĂN TRƯỜNG



Đồng chí Trần Thị Thanh Nhàn Chủ tịch UBND Huyện Thanh Trì phát biểu tại Lễ Tuyên dương đơn vị tiên tiến - Chiến sĩ thi đua - Giáo viên giỏi - "Người tốt việc tốt" ngành GD&ĐT huyện Thanh Trì năm 2001-2002

NHỮNG THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

* Huân chương Lao động hạng Nhất.
* Huân chương Lao động hạng Nhì.
* Huân chương Lao động hạng Ba.
* Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
* Cờ Đơn vị tiên tiến xuất sắc của UBND Thành phố Hà Nội.
* Hoàn thành phổ cập tiểu học năm 1990.
* Hoàn thành phổ cập THCS năm 1999.
* 100% số xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng
* Chi bộ 3 năm liền đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1999-2002).



Đồng chí Đặng Văn Trường Trưởng phòng GDĐT Huyện Thanh Trì trao bằng khen "Người tốt việc tốt" năm 2001-2002



BẢO TÀNG MỸ THUẬT VIỆT NAM

Số 66 Phố Nguyễn Thái Học - Quận Ba Đình - Thủ đô Hà Nội
Tel: (84.4) 8 233 084 - Fax: (84.4) 8 231 085



* Huân chương Lao động hạng Nhất
* Huân chương Lao động hạng Nhì
* Huân chương Lao động hạng Ba
* Năm 2001 BTMT vinh dự được nhận Cờ thi đua của Chính phủ

Nguyễn Sỹ Ngọc
Cái bát
Sơn mài - 1951 - 80cm x 60cm

Giờ vào xem Bảo tàng: từ 9 giờ 15 đến 17 giờ. Thứ hai nghỉ

Digitized by Google

CÔNG TY GIỐNG THỦY SẢN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Cầu Nguyệt - Kiến An - Hải Phòng * Điện thoại: 031. 876 534



Lãnh đạo Công ty kiểm tra chất lượng cá



Thu hoạch cá

Công ty Giống thuỷ sản Hải Phòng là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống thuỷ sản.

* Năm 2002, có 5 trại sản xuất giống thuỷ sản, gồm có 4 trại nước ngọt, 1 trại nước mặn; trong đó có 3 trại đang sản xuất ổn định, 2 trại Cầu Giá và Cát Bà đang tiến hành đầu tư xây dựng cơ bản.

* Kết quả năm 2002:

- Giá trị tổng sản lượng đạt 3 388 triệu đồng, tăng so với kế hoạch 101%, tăng 399% so với năm 2001

- Cá bột các loại: 548 triệu con, tăng 107% so với kế hoạch, tăng 180 % so với năm 2001 .

- Cá giống các loại: 16 triệu con, tăng 266% so với kế hoạch, tăng 100% so với năm 2001.

- Tôm càng xanh P15: 15 triệu con.

- Tôm càng xanh cỡ 2 - 3 cm: 530 nghìn con.

- Cá thịt: 20 tấn.

- Nộp ngân sách 20 triệu đồng, tăng 400% so với kế hoạch, tăng 213% so với năm 2001.

* Trại tôm Cát Bà được Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường, UBND thành phố Hải Phòng chọn làm mô hình trại tôm được chuyển giao công nghệ sản xuất tôm giống các loại theo điều kiện sinh lý, sinh thái miền Bắc.

CÔNG TY GIỐNG THUỶ SẢN HẢI PHÒNG LUÔN SẴN SÀNG HỢP TÁC ĐỂ CUNG CẤP GIỐNG THUỶ SẢN, HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP VÀ HỘ DÂN NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN TRONG CẢ NƯỚC.



Trại nuôi tôm Cát Bà

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
XÍ NGHIỆP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ (PTSC)

Số 65A Đường 30 tháng 4, Vũng Tàu, Việt Nam
Tel : 84.64.838 104/838 504 - Fax : 84.64.838 313/838 344
Email : ptscsupplybase@hcm.vnn.vn

PETROVIETNAM
PTSC

DNV

ISO 9001:2000

1/ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT :

PTSC là căn cứ hậu cần chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ trên bờ phục vụ hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí.

PTSC chúng tôi được điều hành và khai thác bằng các hệ thống quản lý sản xuất, chất lượng, an toàn, môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001 - 2000, OHAS 18001).

Cơ sở vật chất hạ tầng hiện có :

Văn phòng : 3000 m²
Kho kín : 17000 m²
Bãi chứa hàng : 140000 m²

PTSC hiện cung cấp dịch vụ cho hơn 40 khách hàng trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam.

2/ BẾN CẢNG VÀ CẦU TÀU :

PTSC nằm cách trạm hoa tiêu 4 hải lý theo luồng Sông Dinh. Với chiều dài cầu cảng 450m, mớn nước sâu 9.3m, chúng tôi có thể đồng thời tiếp nhận từ 8 đến 9 tàu với tải trọng tối đa của tàu hàng lên đến 20,000 DWT.

3/ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ BỐC XẾP :

Phương tiện hiện đại bao gồm :

- Các loại cần cẩu có công suất từ 30T đến 160T.
- Các loại xe tải, xe kéo khác nhau có tải trọng tới 60T.
- Các loại xe nâng hàng trọng tải 2,5T - 7T.

Hiện chúng tôi cung cấp dịch vụ cho khách hàng 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần.

- **Các dịch vụ khác :**

Ngoài ra, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí có khả năng cung cấp các dịch vụ hậu cần dưới đây :

- ❖ Dịch vụ bốc dỡ hàng hóa.
- ❖ Cung cấp xăng, dầu, nhớt các loại.
- ❖ Cung cấp nước ngọt.
- ❖ Dịch vụ quản lý và xử lý chất thải.
- ❖ Hệ thống bơm cắt hóa chất, hóa phẩm.
- ❖ Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế,...
- ❖ Chứng nhận kiểm tra thử tải và thử áp lực.
- ❖ Chứng nhận thử không phá hủy (NDT).
- ❖ Cho thuê container và thùng chứa hàng.
- ❖ Dịch vụ cân.
- ❖ Xưởng sửa chữa và bảo trì :
  - ♦ Gia công sửa chữa container, máy móc, thiết bị dầu khí.
  - ♦ Dịch vụ chống ăn mòn, phun sơn, phun cát, bảo dưỡng thiết bị.
- ♦ Các dịch vụ cơ khí khác theo yêu cầu khách hàng.

4/ CÁC DỊCH VỤ :

- **Cung cấp nhân lực :**

Với một đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm và công nhân lành nghề được đào tạo chuyên môn, kỹ năng quản lý, an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, chúng tôi có thể cung cấp nhân lực hỗ trợ cho các hoạt động của khách hàng.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn có khả năng cung cấp các dịch vụ quản lý trọn gói cho khách hàng :

- ❖ Cung cấp vật tư thiết bị hàng hóa.
- ❖ Bảo quản hàng hóa, lưu kho bãi.
- ❖ Quản lý, thống kê, kiểm tra hàng hóa, tài sản.
- ❖ Các dịch vụ hậu cần khác.

- **Vận tải và xếp dỡ :**

Bảo đảm sự tin tưởng cho khách hàng về tính hiệu quả và sự an toàn tuyệt đối trong việc xếp dỡ và vận chuyển hàng hóa, máy móc, thiết bị đặc biệt với các loại mã hàng siêu trường, siêu trọng. Chúng tôi đã tham gia các dự án quan trọng trên công trường xây dựng và lắp ráp Kho cảng Thị Vải, Trạm nén khí Dinh Cố với việc tiếp nhận, bốc dỡ, lưu kho bãi, vận chuyển và phân phối toàn bộ vật liệu cùng máy móc, thiết bị các loại bao gồm cả việc cung cấp chứng chỉ theo yêu cầu của khách hàng.

Mở rộng hoạt động phát triển dầu khí trên khắp lãnh thổ Việt Nam, hiện đang triển khai mở rộng dịch vụ đến các khu vực Đà Nẵng, Thái Bình, Hải Phòng, Nghi Sơn...

5/ XƯỞNG CƠ KHÍ VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ DẦU KHÍ (O & M) :

Đây là mô hình dịch vụ dầu khí mới theo chiến lược phát triển nhằm hỗ trợ cho công tác điều hành và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống khai thác dầu khí của các Nhà thầu khai thác dầu khí tại Việt Nam và trong khu vực.



Cần cẩu 160 tấn



Nhà kho



Bãi chứa hàng



Bến cảng và cầu tàu

Digitized by Google

THUẬN PHÁT

CHUYÊN SẢN XUẤT NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT







Five Star®

★★★★★

DRINKING WATER

ĐC: FB 26-27-28 BÀU CÁT, P.13 - Q. TÂN BÌNH, TP.HCM * ĐT: (08) 8427 079; (0651) 667 330; ĐĐ: 090 935 485









NƯỚC UỐNG CAO CẤP - ĐẠT CHẤT LƯỢNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM - SẢN PHẨM CỦA MỌI GIA ĐÌNH

TFS

HÃNG PHIM TRUYỀN HÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HOCHIMINH CITY TELEVISION FILM STUDIOS

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

* Hãng Phim Truyền hình Tp. HCM thành lập ngày 18-10-1991 theo Quyết định số : 526/QĐUB, của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh và Giấy phép sản xuất tác phẩm điện ảnh (phim nhựa, băng hình) số: 32/91 VHTTTTDL/ĐA, cấp ngày 17-12-1991, của Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao và Du lịch.

** Sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim ca nhạc và chương trình Tạp chí Văn nghệ* phát sóng trên kênh HTV7 vào sáng CHỦ NHẬT và phát lại trên kênh HTV9 vào sáng THỨ NĂM hàng tuần gồm nhiều tiết mục phong phú, hấp dẫn, bổ ích.

** Hằng năm, TFS sản xuất 100 giờ phim truyện và phát sóng 100 giờ phim truyện mới. Hình ảnh, âm thanh kỹ thuật số, đạt tiêu chuẩn phim video chất lượng cao.*

* Nhận cung cấp bản quyền, hợp tác sản xuất, trao đổi, mua bán các sản phẩm trên với các đối tác trong và ngoài nước.

9 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.8) 9102 022 - 9102 437 - 9102 753 - 8229 600. FAX: (84.8) 8292 738
tfs-hcm@hcm.vnn.vn ; tfs@hcm.vnn.vn ; tcvn-tfs@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐC: số 8, đường Lê Duẩn, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh * ĐT: 8 294 623 - 8 230 078 - Fax: 84.8.8 290 403

Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ tháng 12 - 1975 theo Quyết định số 517/VT-QĐ. Công ty trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

Chuyên kinh doanh các mặt hàng sắt thép bao gồm:

* Kim loại đen, kim loại màu, vật liệu hàn, gang, Ferrô.

* Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ kinh doanh, thực hiện các dịch vụ về giao nhận hàng hoá. Xuất, nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất.

* Kinh doanh và dịch vụ kho bãi.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

1- XN. KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 1:
157/R8 Tô Hiến Thành, Quận 10.
ĐT: 8 645 012 - 8 659 830 * Fax: 8 659 830

2- XN. KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 2:
Số 6/12 Đường số 3, Cư xá Lữ Gia - Q.11
ĐT: 8 651 094 * Fax: 8 638 892

3- XN. KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 3:
Số 8 - Lê Duẩn (lầu 1), Q.1
ĐT: 8 220 510 - 8 245 823 * Fax: 8 245 823

4- XN. KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 4:
232 - Nguyễn Tất Thành, P13 , Q.4
ĐT: 9 404 462 - 8 254 817 * Fax: 9 404 462

5- XN. KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 5:
Ấp 4, P. Linh Trung, Quận Thủ Đức
ĐT: 8 963 974
Văn phòng Xí nghiệp
Số 8 - Lê Duẩn (lầu 1) Q.1
ĐT: 8 275 137 * Fax: 8 299 166

6- XN. KINH DOANH THÉP CHUYÊN DÙNG:
ĐT: 8 730 143 - 8 730 851
Ấp 1, P. Phú Thuận, Quận 7
Văn phòng số 8 - Lê Duẩn (lầu 1) Q.1
ĐT: 8 274 771 * Fax: 8 244 156

7- TRUNG TÂM KINH DOANH SẮT THÉP 609:
Số 609 Thị trấn An Lạc - Bình Chánh.
ĐT: 8 754 807 * Fax: 8 754 807

8- TỔNG KHO KIM KHÍ SỐ 1:
P13. Quận Tân Bình
ĐT: 8 100 824 - 8 100 364

9- TỔNG KHO KIM KHÍ SỐ 2:
Ấp 4, P.Linh Trung, Quận Thủ Đức
ĐT: 8 974 316 - 8 960 400 * Fax: 8 974 316

QUA 26 NĂM HOẠT ĐỘNG CÔNG TY KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VỚI DOANH SỐ LUÔN TĂNG TRƯỞNG NĂM SAU CAO HƠN NĂM TRƯỚC.

CÔNG TY SẴN SÀNG LIÊN DOANH VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ KINH DOANH, SẢN XUẤT TRÊN CƠ SỞ ĐÔI BÊN CÙNG CÓ LỢI VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VIỆT NAM.
ĐẾN VỚI CÔNG TY CHÚNG TÔI, QUÝ KHÁCH SẼ HOÀN TOÀN HÀI LÒNG VÀ YÊN TÂM

KHU CÔNG NGHIỆP TRẢNG BÀNG - TỈNH TÂY NINH

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

KHU CÔNG NGHIỆP TRẢNG BÀNG, XÃ AN TỊNH, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH
ĐT: 84.66. 882 728 - 896 014 * FAX: 84.66.882 307
E-mail: Indeco@hcm.vnn.vn. Website: www.trangbang-iz.com.vn.

- Khu Công nghiệp Trảng Bàng đã có 26 nhà máy, thuê 46 ha đất công nghiệp, hiện có sẵn 14 ha đất đã được san ủi bằng phẳng, có thể xây nhà, xưởng ngay.
- Hạ tầng đã có: đường bê-tông nhựa, cống thoát nước mưa, cống thoát nước bẩn, đường điện đến trước hàng rào nhà máy.
- Thời hạn thuê đất tối đa là 46 năm.
  * Giá cho thuê: 0,32 USD/m²/năm + 5% VAT.
  * Phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng: 0,20 USD/m²/năm + 10%VAT.
- Lập hồ sơ xin cấp: Giấy phép Đầu tư miễn phí; giúp triển khai các thủ tục sau Giấp phép Đầu tư.
- Ban Quản lý và Hải quan nằm tại Khu Công nghiệp. Thủ tục hành chính "một cửa, tại chỗ", có thể đăng ký đầu tư qua mạng tại website www.taniza.com.

THÀNH CÔNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ CŨNG LÀ THÀNH CÔNG CỦA CHÚNG TÔI.
HÃY TIN TƯỞNG VÀO SỰ HỖ TRỢ MẠNH MẼ CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH TÂY NINH.

Digitized by Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH

Địa chỉ: 167 Đại lộ 30/4 Thị xã Tây Ninh ĐT: 822327 - 827536
Tài khoản: 948.00026 tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn Và Hạnh Phúc



Digitized by Google

EVN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

THUDUC ELECTRO - MECHANICAL COMPANY (THUDUC E.M.C)

EMC ISO 9002

Địa chỉ: Km số 9 Đường Hà Nội - Quận Thủ Đức - TP. HCM * Tel: 8 965 591 - 8 967 721
Fax: 84.8.8 963 159*E-mail: codientd @hcm.fpt.vn

CHUYÊN:

* Chế tạo máy biến thế các loại: 1 pha, 3 pha từ 10 kVA đến 63 000 kVA (điện áp từ 15 kV đến 110 kV).
* Sửa chữa đại tu máy phát điện đi-ê-den và thiết bị các nhà máy điện.
* Sửa chữa máy biến thế và động cơ các loại 1 pha, 3 pha từ 10 kVA đến 125 000 kVA, điện áp từ 230 kV trở xuống.
* Sản xuất phụ kiện lưới điện, trụ thép và giá đỡ thiết bị từ hạ thế đến 500 kV.
* Gia công, phục hồi phụ tùng nhà máy đi-ê-den, thuỷ nhiệt điện và tuốc-bin khí.
* Nhận các hợp đồng: gia công cơ khí, mạ phun kẽm, gia công phụ tùng thiết bị cho các nhà máy công nghiệp, các giàn khoan dầu khí.
* Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện.
* Kinh doanh và xuất nhập khẩu máy biến thế, các phụ tùng, thiết bị cơ điện.
* Lắp đặt máy biến thế và thiết bị trạm đến 230 kV.



Cung cấp máy biến áp phân phối cho Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh

Chân thành cảm ơn Quý khách đã tín nhiệm sản phẩm của Công ty Cơ điện Thủ Đức



Kính chúc Quý khách Hạnh Phúc An Khang Thịnh Vượng

Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT KINH DOANH VLXD I SƠN LA

TRỤ SỞ: 71 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, PHƯỜNG QUYẾT THẮNG-TX SƠN LA * TEL: 022. 852654 - 852144 * FAX: 022. 854475



Giám đốc: NGÔ VĂN THỀM

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

* SẢN XUẤT CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG (GẠCH, NGÓI, ĐÁ, CÁT, SỎI CÁC LOẠI).
* KINH DOANH CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG.
* XÂY LẮP CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP, CẤP NƯỚC SINH HOẠT.
* XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI, CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NÔNG THÔN.
* CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẰNG LÒ TUY-NEL.
* ĐẠI LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG.



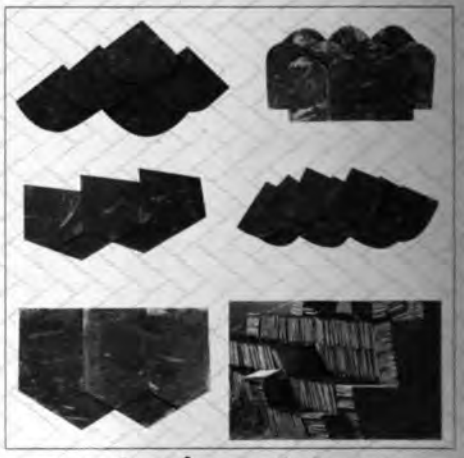


Nhà máy Gạch Tuy-nel Chiềng Sinh (thị xã Sơn La)



Nhà máy Gạch Tuy - nel Mộc Châu





Các sản phẩm gạch ốp lát, ngói lợp bằng đá chẻ ACSĐOA

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



11
4-2003

UNIV. OF MICH.
MAY 05 2003
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY DỊCH VỤ VẬT TƯ BƯU ĐIỆN HÀ NỘI

HANOI POST AND TELECOMMUNICATION MATERIAL - SERVICE COMPANY (HPTMS)

ĐC: 811 đường Giải Phóng - Giáp bát - Hà Nội * Tel:04. 934 0485/ 664 3805 * Fax: 04. 664 3804

Là đơn vị chuyên:

★ **Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh, đại lý vật tư thiết bị chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông và các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép.**

★ **Sản xuất, cung ứng vật tư, thiết bị chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông phục vụ nhu cầu phát triển mạng lưới Bưu chính - Viễn thông của Bưu Điện TP. Hà Nội.**

★ **Lắp đặt, hoà mạng tổng đài (PABX).** ➡ TEL: 04 825 8828; 825 0191.

★ **Cung cấp bảo hành sửa chữa các loại thiết bị viễn thông .**

➡ TEL: 04 824 1162; 825 9304; 833 1008; 854 3491; 869 9183.

★ **Đại lý bán và hòa mạng điện thoại di động: Mobifone, Vinaphone.**

➡ TEL: 04 825 0182.

CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 3 ĐINH TIÊN HOÀNG - TP. ĐÀ LẠT - LÂM ĐỒNG * ĐIỆN THOẠI: 822 457

Là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG có nhiệm vụ chính là cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn tỉnh và nhất là Thành phố Đà Lạt từ hai nhà máy nước Đan Kia (Suối Vàng) và Hồ Xuân Hương. Công ty đã nghiên cứu thành công và đưa vào sử dụng máy khoan ngang với tính năng kỹ thuật sau:

1.Khoan xuyên ngang mặt cắt các dạng đất (ngoại trừ các loại đất lẫn đá cuội có đường kính lớn hơn 50 mm). Phôi đất tự đùn ra khỏi lỗ khoan, tạo thành một tu-nen để đặt các loại ống lồng.

2.Đường kính lỗ khoan: Tùy thuộc các loại lưỡi khoan khác nhau, có các cỡ 100 mm, 200 mm, 300 mm, đường kính tiêu chuẩn mặc nhiên là 100 mm.

3.Chiều dài đường khoan: Tùy loại đường khoan, chất liệu đất. Trung bình đối với loại đất có hệ số K=1,22 (như Đà Lạt) có thể khoan dài 30 m, với độ dốc mặc nhiên của tu-nen sau khi khoan là 0,5%. Chiều dài tiêu chuẩn mặc nhiên là 10 m.

4.Diện tích tối thiểu của hố đào đặt giàn máy khoan: 2m x 0,7m.

5 Công suất động cơ: Động cơ nổ (Mỹ hoặc Nhật Bản), chạy xăng thường, 6HP. Trung bình đạt 10 phút/mét, tiêu hao nhiên liệu 0,5 lít/mét.

6.Giá thành chuyển nhượng toàn bộ giàn máy khoan theo tiêu chuẩn mặc nhiên: 45 000 000đ. Thời gian bảo hành 1 năm (ngoại trừ phần máy nổ).

Ngoài ra, CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG còn thực hiện một số dịch vụ: Khảo sát, thiết kế, thi công xây lắp các công trình cấp nước công nghiệp, dân dụng, đặc dụng; thi công khoan ngang, đặt ống lồng băng ngầm qua các công trình; gia công chế tạo hệ thống đồn hổ đo nước kiểu liên hợp (Combine) có đường kính từ D50 đến D150 mm; thiết lập các hệ thống SCADA cho các công trình kiểm soát hệ thống cấp nước; thiết lập hệ thống quản trị khai thác khách hàng, khai thác mạng lưới bằng công nghệ GIS; dò tìm, gia công sửa chữa tất cả các sự cố đường ống; sửa chữa phục hồi tất cả các trang thiết bị ngành nước; mô phỏng và tối ưu hoá hoạt động của mạng lưới cấp nước bằng máy tính.

Digitized by Google

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 674

11
4-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**
TRẦN QUANG NHIỆP



Bìa 1 : V.I. Lê-nin với những năm tháng cuối đời, tại Mát-xcơ-va
Tranh của ***Đ.Nan-ban-đi-an***

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ***Về công tác dân tộc*** 3

NÔNG ĐỨC MẠNH - Báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng là bộ phận xung kích trên mặt trận tư tưởng 10

TÒNG THỊ PHÓNG - Nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân vận hiện nay 15

NHÂN KỶ NIỆM 133 NĂM NGÀY SINH V.I.LÊ-NIN (22-4-1870 - 22-4-2003)

TRẦN NGỌC LINH - Quan điểm của V.I. Lê-nin về công tác tư tưởng, lý luận với công cuộc đổi mới của chúng ta 19

PHAN HUY ĐƯỜNG - Phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước - một tư tưởng lớn của V.I.Lê-nin 24

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN THỊ DOAN - Phát huy nội lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển đất nước 29

HOÀNG VĂN HẢO - Chủ quyền quốc gia và nhân quyền 35

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ CƠ SỞ

LÊ QUANG MINH - Để thực hiện dân chủ ở cơ sở 39

TRỊNH NGỌC ANH - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh 45

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGÔ NGỌC THẮNG - Xây dựng đội ngũ cán bộ các dân tộc thiểu số 50

NGUYỄN VĂN HUY - LƯU HÙNG - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam với việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc 54

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN TRỌNG - Vì sao Mỹ tiến công quân sự I-rắc ? 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

* Hội nghị Thương mại toàn quốc năm 2003 63

* Hội nghị tổng kết đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bằng phương pháp cho điểm 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• Резолюция VII^ого Пленума Центрального Комитета КПВ IX^ого созыва о национальной работе. НОНГ ДЫК МАНЬ: Пресса под руководством Партии есть ударная сила на идеологическом фронте. ТОНГ ТХИ ФОНГ: Главные задачи агитационной работы среди народных масс в настоящее время. ЧАН НГОК ЛИНЬ: Точка зрения В. И. Ленина об идеологической, теоретической работе и наш курс обновления. ФАН ХУ ДЫОНГ: Развитие государственного капитализма – великая идея В. И. Ленина. НГУЕН ТХИ ЗОАН: Развитие внутренних сил с целью осуществления задач развития страны. ХОАНГ ВАН ХАО: Государственный суверенитет и права человека. ЛЕ КУАНГ МИНЬ: Чтобы была осуществлена демократия на местах. ЧИНЬ НГОК АНЬ: Усиление права народа быть хозяином во имя построения сильной политической системы на местах. НГО НГОК ТХАНГ: Продолжение устройства контингента кадров нацменьшинств. НГУЕН ВАН ХУ - ЛЫУ ХУНГ: Этнографический Музей Вьетнама и работа по охране и развитию культурного наследия национальностей. ЧАН ЧОНГ: Почему США ведут военное наступление на Ирак?

CONTENTS

• Resolution of 7th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure) regarding nationality work. NÔNG ĐỨC MẠNH: The press under the Party's leadership is a vanguard element on the ideological front. TÒNG THỊ PHÓNG: The key task of the current work of propaganda and agitation among the people. TRẦN NGỌC LINH: Lenin's view-point of ideological, theoretical work and our renovation cause. PHAN HUY ĐƯỜNG: Development of state capitalism – a great idea of Lenin. NGUYỄN THỊ DOAN: To promote endogenous forces, striving to fulfil the targets of the country development. HOÀNG VĂN HẢO: State sovereignty and human rights. LÊ QUANG MINH: In order to implement grassroots democracy. TRỊNH NGỌC ANH: To promote the right to be the master of the people, to build a strong grassroots political system. NGÔ NGỌC THẮNG: To continue to build up the contingent of cadres of the ethnic minorities. NGUYỄN VĂN HUY - LƯU HÙNG: Ethnography Museum of Vietnam and the work of preservation, promotion of nationalities' cultural heritages. TRẦN TRỌNG: Why the USA has launched military attack upon Iraq?

SOMMAIRE

• Résolution de la 7e plénum du Comité central du PCV (issu du IXe Congrès) sur les questions ethniques. NÔNG ĐỨC MẠNH – La presse sous la direction du PCV : une force d'assaut sur le front idéologique. TÒNG THỊ PHÓNG – La tâche primordiale du travail de mobilisation auprès du peuple à l'heure actuelle. TRẦN NGỌC LINH – Le point de vue de V.I. Lénine sur le travail idéologique, théorique et notre œuvre de renouveau. PHAN HUY ĐƯỜNG – Le développement du capitalisme étatique – une grande pensée de V.I. Lénine. NGUYỄN THỊ DOAN – Valorisation des forces intérieures pour l'atteinte des objectifs de développement du pays. HOÀNG VĂN HẢO – Souveraineté nationale et droits de l'homme. LÊ QUANG MINH – Pour une bonne application du règlement de démocratie à la base. TRỊNH NGỌC ANH – Mise en valeur de la démocratie du peuple afin d'édifier un réseau politique de base efficace. NGÔ NGỌC THẮNG – Formation permanente du contingent de cadres issus des ethnies minoritaires. NGUYỄN VĂN HUY – LƯU HÙNG – Le Musée d'Ethnographie du Vietnam : conservation et valorisation des patrimoines culturels des ethnies. TRẦN TRỌNG – Pourquoi l'attaque militaire des Etats-Unis sur l'Irak ?

SUMARIO

• Resolución del VII Pleno del CC del PCV (IX Congreso) sobre el trabajo étnico. NÔNG ĐỨC MẠNH: La prensa bajo la dirección del Partido constituye la parte de choque en el frente ideológico. TÒNG THỊ PHÓNG: La tarea central del actual trabajo de agitación popular. TRẦN NGỌC LINH: El punto de vista de Lenin sobre el trabajo ideológico y teórico y nuestra obra de renovación. PHAN HUY ĐƯỜNG: Desarrollar el capitalismo estatal – una gran idea de V.I. Lenin. NGUYỄN THỊ DOAN: Desplegar la fuerza interna esforzándonos por cumplir los objetivos de desarrollo nacional. HOÀNG VĂN HẢO: La soberanía nacional y el derecho humano. LÊ QUANG MINH: A fin de cumplir la democracia en las bases. TRỊNH NGỌC ANH: Poner en alto juego el derecho de hacerse dueño del pueblo y edificar un fuerte sistema político en las bases. NGÔ NGỌC THẮNG: Seguir construyendo el cuerpo de cuadros de minorías étnicas. NGUYỄN VĂN HUY - LƯU HÙNG: El Museo etnográfico de Vietnam y su trabajo de conservación y despliegue de patrimonios de las etnias. TRẦN TRỌNG: ¿Por qué efectúa EE.UU los ataques militares contra Irak?

目录

• 越共九届七中全会会议关于民族工作的决议• 农德孟：党领导下的新闻报刊工作是思想战线上的先锋队• 从氏放：目前民运工作的重心任务• 陈玉灵：列宁有关思想、理论工作的观点与越南的革新事业• 潘辉堂：发展国家资本主义—列宁的一个伟大思想• 阮氏缘：发挥国家的内在潜能，努力奋斗完成国家发展目标• 黄文好：国家主权及人权• 黎光明：为实现基层的民主• 郑玉英：发挥人民的当家作主权，建设稳固的基层政治系统• 吴玉胜：继续建设少数民族的干部队伍• 阮文辉、刘雄：越南民族学博物馆与保存、弘扬各民族文化遗产• 陈仲：为何美国对伊拉克进行军事进攻？

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

VIỆT Nam là một quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, kề vai sát cánh với nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Các dân tộc thiểu số nước ta cư trú xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc nước ta có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vấn đề dân tộc, công tác dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương, chính sách dân tộc, với những nội dung cơ bản là: "Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển". Trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước.

I - TÌNH HÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI GIAN QUA

1- Những thành tựu cơ bản

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 22-NQ/TW, ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi, tình hình miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có bước chuyển biến quan trọng.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc cơ bản đã được Hiến pháp xác định và được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đoàn kết giữa các dân tộc tiếp tục được củng cố. Nền kinh tế nhiều thành phần ở miền núi và các vùng dân tộc từng bước hình thành và phát triển, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Việc triển khai thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án đầu tư đã

Digitized by Google

làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở nhiều vùng đồng bào dân tộc được cải thiện rõ rệt. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt được những kết quả to lớn. Mặt bằng dân trí được nâng lên. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đã được thực hiện ; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được hình thành từ Trung ương đến tỉnh, huyện, cụm xã. Văn hóa phát triển phong phú hơn ; đời sống văn hóa của đồng bào được nâng cao một bước ; văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn và phát huy. Các loại bệnh dịch cơ bản được ngăn chặn và từng bước đẩy lùi ; việc khám, chữa bệnh cho người nghèo vùng sâu, vùng xa được quan tâm hơn.

Hệ thống chính trị ở các vùng dân tộc và miền núi bước đầu được tăng cường và củng cố. Tình hình chính trị, trật tự xã hội cơ bản ổn định ; an ninh, quốc phòng được giữ vững.

2- Những hạn chế, yếu kém

Nhìn chung, kinh tế ở miền núi và các vùng dân tộc còn chậm phát triển, nhiều nơi còn lúng túng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập quán canh tác còn lạc hậu. Chất lượng sản phẩm thấp, tiêu thụ rất khó khăn. Tình trạng du canh, du cư, di cư tự do còn diễn biến phức tạp. Một số hộ còn thiếu đất sản xuất. Kết cấu hạ tầng ở một số vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn rất thấp kém. Kinh tế lâm nghiệp chuyển biến chậm, chính sách đối với lâm nghiệp chưa thật sự bảo đảm cho đồng bào sống và gắn bó với nghề rừng. Nhiều nơi môi trường sinh thái đang tiếp tục bị suy thoái.

Ở nhiều vùng dân tộc và miền núi tỷ lệ đói nghèo hiện còn cao so với bình quân chung của cả nước ; khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc ngày càng tăng ; chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, việc đào tạo nghề chưa được quan tâm, công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Một số tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan có xu hướng phát triển. Một số bản sắc tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc thiểu số đang bị mai một. Mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào còn thấp.

Hệ thống chính trị cơ sở ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn yếu : trình độ của đội ngũ cán bộ còn thấp, công tác phát triển đảng chậm ; cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, không sát dân, không tập hợp được đồng bào.

Ở một số nơi tôn giáo phát triển không bình thường, trái pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán của nhân dân ; một số nơi đồng bào bị các thế lực thù địch và kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Nguyên nhân là :

- Về khách quan :

Địa bàn các vùng dân tộc và miền núi rộng lớn, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt. Đồng bào dân tộc ở nhiều vùng sâu, vùng xa sống phân tán, đi lại khó khăn, ít cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ, phúc lợi xã hội và nền kinh tế thị trường.

Do lịch sử để lại, kinh tế - xã hội ở nhiều vùng dân tộc và miền núi còn kém

Digitized by Google

phát triển, mang nặng tính tự cấp, tự túc, dựa nhiều vào tự nhiên ; phương thức sản xuất, tập quán canh tác còn lạc hậu.

Các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng khó khăn về đời sống, trình độ dân trí thấp của đồng bào và những sai sót của các cấp, các ngành trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta để kích động, chia rẽ các dân tộc nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

- Về chủ quan :

Nhận thức của các cấp, các ngành và của nhiều cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc, chưa toàn diện. Một số chính sách dân tộc chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng dân tộc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, chưa chủ động khơi dậy và phát huy tốt các nguồn lực của địa phương.

Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách dân tộc ở các vùng dân tộc và miền núi còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở vùng dân tộc và miền núi còn thiếu về số lượng, yếu về năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số chưa được quan tâm. Bộ máy đảng và chính quyền các cấp ở nhiều nơi còn quan liêu, xa dân, chưa sâu sát thực tế, chưa nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Một số nơi còn để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, vi phạm chính sách dân tộc, làm giảm lòng tin của đồng bào. Trong quản lý, điều hành lại buông lỏng công tác kiểm tra, thanh tra, để nhiều sai phạm kéo dài.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, chưa được các cấp ủy quan tâm xây dựng, kiện toàn để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình, nhiệm vụ mới.

II - CÔNG TÁC DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ MỚI

1 - Một số quan điểm cơ bản

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam.

- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc.

- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi ; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc ; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và

Digitized by Google

cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo ; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái ; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

2 - Mục tiêu cụ thể đến năm 2010

- Phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc. Đến năm 2010, các vùng dân tộc và miền núi cơ bản không còn hộ đói ; giảm hộ nghèo xuống dưới 10%; giảm dần khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các dân tộc, các vùng ; trên 90% hộ dân có đủ điện, nước sinh hoạt ; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát ; 100% số xã có đường ô-tô đến trung tâm xã ; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn ; hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư ; chấm dứt tình trạng di cư tự do ; giải quyết cơ bản vấn đề đất sản xuất cho nông dân thiếu đất ; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái.

- Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào: hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở ; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo ; đẩy mạnh việc dạy và học chữ dân tộc. Hầu hết đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng dân tộc. Phấn đấu 90% đồng bào được xem truyền hình ; 100% được nghe đài phát thanh ; các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được bảo tồn và phát triển.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của địa phương ; củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh ; nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc.

- Giữ vững an ninh, quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, biên giới, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết giữa các dân tộc, làm mất ổn định xã hội.

3 - Những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách

- Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa ; trong những năm trước mắt tập trung trợ giúp đồng bào nghèo, các dân tộc đặc biệt khó khăn giải quyết ngay những vấn đề bức xúc như : tình trạng thiếu lương thực, thiếu nước sinh hoạt, nhà ở tạm bợ, không đủ tư liệu sản xuất, dụng cụ sinh hoạt tối thiểu ; xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở và vấn đề tranh chấp đất đai ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở Tây Nguyên, Tây Bắc và vùng đồng bào dân tộc Khơ Me Nam Bộ.

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Làm

Digitized by Google

tốt công tác định canh, định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới ; công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bổ lại hợp lý dân cư, nguồn nhân lực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình ; tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở ; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc thiểu số ; làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc.

Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp ; đẩy mạnh việc tổ chức các trường mẫu giáo công lập ; mở rộng việc dạy chữ dân tộc. Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc ; đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú ; tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học và cao đẳng ; mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở khu vực miền trung, Tây Nguyên. Nghiên cứu tổ chức hệ thống trường chuyên đào tạo, bồi dưỡng trí thức và cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Tăng cường cơ sở khám, chữa bệnh, cán bộ y tế cho các xã, bản, thôn, ấp ; nâng cao hơn nữa chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số ; khuyến khích trồng và sử dụng các loại thuốc dân gian.

- Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở ; kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ ; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, luân chuyển cán bộ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng cơ sở không có tổ chức đảng và đảng viên.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch ; tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những "điểm nóng" về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh các khu kinh tế kết hợp quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng và tôn giáo ở vùng dân tộc và miền núi ; kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng để hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tích cực, chủ động tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

Digitized by Google

Thông qua các chính sách, biện pháp cụ thể, động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

4 - Một số giải pháp chủ yếu

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới. Xem việc quán triệt và thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

Tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cho mọi cán bộ, đảng viên và cho nhân dân. Phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi ; rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh những chính sách đã có và nghiên cứu ban hành những chính sách mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển các vùng dân tộc và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới.

Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển, giúp đỡ vùng dân tộc và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho xóa đói, giảm nghèo, phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giải quyết những khó khăn bức xúc của đồng bào vùng dân tộc và miền núi ; trước hết tập trung cho các vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nghiêm chỉnh việc công khai hóa các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư... để đồng bào biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc và miền núi.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc. Trong những năm trước mắt, cần tăng cường lực lượng cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt đến công tác ở vùng dân tộc, nhất là các địa bàn xung yếu về chính trị, an ninh, quốc phòng ; coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở ; nghiên cứu sửa đổi tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm và các cơ chế, chính sách đãi ngộ cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi, nhất là những cán bộ công tác lâu năm ở miền núi, vùng cao.

Kiện toàn và chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Một số bộ, ngành cần tổ chức bộ phận và có cán bộ chuyên trách làm công tác dân tộc.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Nâng cao hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong việc tham gia triển khai, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Digitized by Google

Có chính sách động viên, bồi dưỡng, hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở các địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi.

Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc ; quán triệt phương châm : chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc ; sử dụng nhiều phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc và miền núi phải quán triệt và thực hiện thật tốt phong cách công tác dân vận : "Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân".

III - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt Nghị quyết này cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc ở các bộ, ngành và địa phương vùng đồng bào các dân tộc thiểu số phải nắm chắc, hiểu rõ nội dung nghị quyết để tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết.

2- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ thể chế hóa nội dung nghị quyết ; kết hợp với các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi đã và đang thực hiện, để xây dựng chương trình hành động của Chính phủ ; đồng thời chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa nghị quyết bằng chương trình hành động, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm và công tác thường xuyên của các cấp.

3- Các cấp ủy vùng dân tộc và miền núi nghiên cứu vận dụng nội dung nghị quyết vào tình hình cụ thể ở địa phương, kết hợp với việc triển khai các Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) : "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn"; "Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010" để xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện nghị quyết.

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân cần tổ chức quán triệt nghị quyết, xây dựng các chương trình hành động cụ thể ; làm tốt công tác giáo dục, vận động quần chúng thực hiện các chính sách dân tộc của Đảng.

5- Ban cán sự đảng Ủy ban Dân tộc phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc ở các nơi cần thiết ; khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số ở các vùng dân tộc và miền núi ; đề xuất chính sách đặc thù, thống nhất trong cả nước nhằm sử dụng có hiệu quả số học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số đã được đào tạo.

6- Ban cán sự đảng Ủy ban Dân tộc cùng Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện nghị quyết ; trong quá trình triển khai, cần bám sát thực tế, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết. ❑

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Digitized by Google

BÁO CHÍ DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG LÀ BỘ PHẬN XUNG KÍCH TRÊN MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG *

NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư BCH TƯ Đảng

Lời Bộ Biên tập - *Theo chương trình làm việc với các ban của Đảng, sau buổi làm việc với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, ngày 28-3-2003, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã tới thăm và làm việc với Báo Nhân Dân. Tại đây, đồng chí đã có bài phát biểu quan trọng về Báo Nhân Dân và về nhiệm vụ của báo chí cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Đây là ý kiến chỉ đạo không chỉ đối với Báo Nhân Dân mà còn là đối với báo chí nói chung, với những nhà lãnh đạo, quản lý báo chí. Sau đây, chúng tôi trân trọng trích giới thiệu bài phát biểu đó.*

HƠN nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân đã đóng góp xứng đáng trong công tác tuyên truyền, cổ vũ các phong trào hành động cách mạng của toàn dân, toàn quân ta đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng Việt Nam, bắt đầu từ Báo Thanh niên do Bác Hồ kính yêu sáng lập và các tờ báo của Trung ương Đảng, Báo Nhân Dân không ngừng trưởng thành và phát triển.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Báo Nhân Dân đã bền bỉ phấn đấu, phản ánh hiện thực sinh động của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thông tin, tuyên truyền và bình luận kịp thời đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, bám sát cuộc sống, biểu dương các nhân tố mới, gương người tốt, việc tốt đi đôi với việc đấu tranh chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Báo Nhân Dân đã tích cực tuyên truyền, phản ánh công tác xây dựng Đảng, đồng thời tham gia đấu tranh chống lại các quan điểm, luận điệu sai trái của các thế

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

lực thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta.

Phát huy những thành tựu đó, trong những năm qua, bám sát sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Báo Nhân Dân đã giữ vững định hướng chính trị của báo Đảng, thể hiện đúng đắn các đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ được sự nghiêm túc, được cán bộ, đảng viên và bạn đọc tin cậy. Báo đã có những cố gắng trong tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm là phát triển kinh tế, phát hiện và cổ vũ các nhân tố mới, các phong trào thi đua yêu nước của nhân dân, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Trung ương vào cuộc sống. Đồng thời, chú trọng tuyên truyền việc thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng, góp phần đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tích cực tham gia đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội. Nhìn chung, chất lượng các ấn phẩm của Báo Nhân Dân có tiến bộ. Lượng thông tin nhiều hơn, nhanh hơn. Trước những vấn đề lớn và sự kiện quan trọng của đất nước và quốc tế, bên cạnh thông tin định hướng, báo có bình luận thể hiện rõ thái độ, chính kiến theo đường lối, quan điểm của Đảng. Báo đã có cố gắng mở thêm những chuyên mục thu hút nhiều cộng tác viên và bạn đọc tham gia, nêu lên tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và đóng góp ý kiến với các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước về những vấn đề của đất nước và những vấn đề đặt ra trong cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ, đảng viên, nhân viên trong cơ quan, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, các ngành, các tổ chức và của đông đảo cộng tác viên và bạn đọc trong cả nước cũng như ở nước ngoài, nhìn chung, Báo Nhân Dân đã thực hiện đúng chức năng là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước và là diễn đàn của nhân dân ta. Đội ngũ những người làm báo Đảng từng bước trưởng thành. Cơ sở vật chất - kỹ thuật làm báo được tăng cường. Các ấn phẩm Nhân Dân hằng ngày, Nhân Dân cuối tuần, Nhân Dân hằng tháng, Nhân Dân điện tử tiếng Việt và tiếng Anh có số lượng phát hành và số người truy cập ngày càng tăng.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là những thành tích bước đầu. Các đồng chí cần chú ý lắng nghe và tiếp thu những ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng nghiệp cũng như của đông đảo bạn đọc ; nghiêm túc chỉ ra và kiên quyết khắc phục những mặt còn hạn chế, thiếu sót để nỗ lực phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng toàn diện các ấn phẩm của báo Đảng, chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, khoa học, chất lượng nghiệp vụ. Làm thế nào để có nhiều bài viết sắc sảo, có tính lý luận và tổng kết thực tiễn được bạn đọc ghi nhận. Làm thế nào để thông tin trên Báo Nhân Dân nhanh hơn, có định hướng rõ nét, không chỉ dừng lại ở mô tả thực trạng tình hình mà còn nêu được những giải pháp thiết thực. Làm thế nào để có nhiều bài phóng sự, điều tra phát hiện các nhân tố mới, không những nêu đúng, nêu trúng vấn đề mà có cách thể hiện hay, lôi cuốn người đọc ; những bài chuyên luận, bình luận kịp thời, có tính chiến đấu và tính thuyết phục cao. Việc biên tập, trình bày, sử dụng ảnh, in ấn cần được cải tiến mạnh mẽ hơn nữa để giảm

Digitized by Google

bớt những bài dài, nghèo thông tin, để các trang báo, các số báo hấp dẫn hơn, không rơi vào khuôn sáo, tẻ nhạt. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng ; hoạt động sáng tạo, phong phú của các tầng lớp nhân dân phải chiếm phần lớn và nổi bật trên các trang báo. Chất lượng văn hóa, chất lượng nghiệp vụ là những yếu tố làm thành chất lượng chính trị để báo Đảng ngày càng có đông người đọc hơn, khả năng định hướng dư luận, hiệu quả xã hội được tăng cường và mở rộng hơn.

Khi đất nước bước vào thế kỷ thứ XXI, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã xác định phương hướng "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Đại hội đã đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong hơn 2 năm qua, cùng với việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã ra các nghị quyết và kết luận để cụ thể hóa đường lối Đại hội IX. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã và đang nỗ lực phấn đấu triển khai tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, giành được nhiều thành tựu rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới để đất nước tiếp tục phát triển nhanh và bền vững. Nhưng bên cạnh thời cơ và thuận lợi, đất nước ta, dân tộc ta cũng đang đứng trước những khó khăn và thách thức rất lớn. Thêm vào đó, như chúng ta đã và đang chứng kiến, tình hình thế giới có những diễn biến rất phức tạp. Ban Chấp hành Trung ương sẽ tổng kết những mặt làm được và những mặt chưa làm được trong nửa nhiệm kỳ vừa qua, đề ra các giải pháp cho những năm tới để tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ của toàn bộ nền báo chí nước ta nói chung và của Báo Nhân Dân nói riêng rất nặng nề.

Báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng là bộ phận xung kích trên mặt trận tư tưởng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ. Trong các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đều rất quan tâm chỉ đạo báo chí và báo chí đã đóng góp những công lao xứng đáng trong các giai đoạn cách mạng và phát triển rất nhanh. Những đóng góp to lớn đó đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ghi nhận, đánh giá cao. Song bên cạnh đó, cũng tồn tại những hạn chế, khuyết điểm mà những người làm báo chân chính day dứt, dư luận xã hội bày tỏ sự lo ngại. Đó là tình trạng xa rời tôn chỉ, mục đích, là xu hướng thương mại hóa ở một số cơ quan báo chí. Hoặc là do thiếu nhạy bén chính trị, hoặc là do "chạy theo lợi nhuận đơn thuần", lúc này lúc khác, đã có những định hướng của Đảng, làm phương hại đến lợi ích xã hội và lợi ích đất nước, thậm chí vi phạm pháp luật, để lộ bí mật quốc gia. Bên cạnh những tấm gương trong sáng, đã có một số nhà báo vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật, đã tham gia hoặc tiếp tay cho các phần tử xấu trong các hoạt động tiêu cực... Những hạn chế, khuyết điểm đó dù là không

Digitized by Google

phổ biến, cũng cần được nghiêm túc rút kinh nghiệm, xử lý nghiêm minh và sửa chữa kịp thời, không để làm ảnh hưởng tới truyền thống vẻ vang của báo chí Việt Nam.

Xuất phát từ khẳng định vai trò to lớn của báo chí trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, trong thời kỳ mới, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, xuất bản... làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái ; coi trọng, nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin". Báo chí nước ta phải tham gia tích cực góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong mọi tình huống, bảo đảm an ninh quốc gia ; viết gì, nói gì, thông tin gì lúc nào cũng phải vì lợi ích của cách mạng, của đất nước, của Đảng và của nhân dân ; thực hiện nói đi đôi với làm, cổ vũ phong trào quần chúng vượt qua mọi khó khăn, giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế bền vững, đi đôi với việc giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc ; tham gia tích cực vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính nhà nước.

Để làm được việc đó, báo chí cần tuyên truyền kịp thời, rộng rãi đường lối, chủ trương, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, đồng thời là diễn đàn để nhân dân trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, góp phần tham gia giải quyết các vấn đề của đất nước. Báo chí cần tích cực tham gia vào quá trình mở rộng và thực hành dân chủ đi đôi với việc thiết lập trật tự, kỷ cương phép nước. Báo chí góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, trong đó con người được tôn vinh, được sống trong ấm no, hạnh phúc ; đồng thời phải tích cực tham gia đấu tranh chống tiêu cực, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội, chống các âm mưu, thủ đoạn và luận điệu thù địch để giữ vững định hướng phát triển của đất nước với đầy đủ trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình.

Vấn đề có ý nghĩa quyết định để thực hiện sứ mệnh nặng nề đó là sự tu dưỡng, rèn luyện về bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ văn hóa và nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của mỗi người làm báo, đồng thời là trách nhiệm của các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, các cơ quan chủ quản và những người đứng đầu các cơ quan báo chí, bảo đảm giữ vững định hướng chính trị, định hướng thông tin của Đảng, Nhà nước. Thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là nguồn đề tài vô tận, là môi trường sáng tạo thuận lợi để các nhà báo rèn luyện, trưởng thành và tiến bộ về nghề nghiệp. Tôi tin rằng, nền báo chí nước ta sẽ tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ hơn nữa, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng với sự nghiệp vĩ đại của nhân dân anh hùng và của Đảng quang vinh.

Digitized by Google

Nhiệm vụ trọng tâm của Báo Nhân Dân là phải không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện các ấn phẩm, bao gồm chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, khoa học, chất lượng nghiệp vụ. Muốn thế, những người làm Báo Nhân Dân cần không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chịu khó học tập để có kiến thức rộng và nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn ; đồng thời bám sát thực tiễn, gắn mình với cuộc sống của đất nước, của nhân dân để hiểu biết các vấn đề từ bản chất, phát hiện được những vấn đề mới, viết nên những tác phẩm có giá trị, hấp dẫn bạn đọc.Trong điều kiện giao lưu, hợp tác quốc tế mở rộng như hiện nay, đội ngũ các nhà báo nói chung, trong đó có những người làm Báo Nhân Dân phải nắm được những vấn đề đang đặt ra cho thế giới và khu vực, đồng thời phải biết ngoại ngữ, vươn lên làm chủ phương tiện và công nghệ làm báo hiện đại. Người làm báo cách mạng phải có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, trung thực, khiêm tốn. Đó là những phẩm chất rất cơ bản cần phải có của người làm báo.

Sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta đòi hỏi những người làm báo nói chung, nhất là cán bộ, phóng viên Báo Nhân Dân, phải có sự nhạy bén về chính trị, có bản lĩnh nghề nghiệp trong việc lựa chọn vấn đề để thông tin, liều lượng, thời điểm và cách thức thông tin, cũng như phân tích, lý giải một cách thuyết phục các sự kiện, vấn đề được nêu lên trên báo, hình thành dư luận xã hội lành mạnh, cổ vũ phong trào cách mạng của nhân dân góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đất nước.Thông tin phải trung thực, kịp thời, chính xác, biểu dương hay phê phán đều phải đúng mực, với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ của người trong cuộc : vui cùng niềm vui của đồng chí, đồng bào ; lo nỗi lo chung của đất nước, của nhân dân.

Cần chú trọng và có biện pháp cụ thể, thiết thực để đào tạo, bồi dưỡng những người làm báo Đảng, chú trọng lớp trẻ, cho trước mắt và cho tương lai trong quá trình giao lưu văn hóa, báo chí quốc tế và sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện truyền thông và công nghệ thông tin. Cùng với việc đào tạo và bồi dưỡng tại chỗ, cần mạnh dạn tuyển chọn từ các ngành khác những cây bút có uy tín trên từng lĩnh vực, từng thể loại, phụ trách các trang, mục quan trọng của báo. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của báo cần được tăng cường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài.

Báo Đảng phải là một kênh, một diễn đàn quan trọng để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trong việc quản lý đất nước, quản lý xã hội. Báo phải trân trọng từng ý kiến, từng bài viết của bạn đọc.

Ban Biên tập Báo Nhân Dân cần tích cực hơn nữa trong việc thu hút rộng rãi trí tuệ của toàn Đảng, toàn xã hội để đổi mới, nâng cao chất lượng báo Đảng. Cần xây dựng hệ thống cộng tác viên vừa đông đảo, vừa có hiểu biết sâu rộng và khả năng viết báo trên các lĩnh vực của xã hội. Xúc tiến điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút, bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên của báo. Đồng thời, đẩy mạnh phát hành nhanh và rộng rãi các ấn phẩm của báo Đảng đến mọi tầng lớp nhân dân, đến từng chi bộ đảng, từng cơ quan, đơn vị, đến tận các xóm, ấp, bản, làng ở vùng sâu, vùng xa. Tổ chức tốt việc đọc báo Đảng. ❑

Digitized by Google

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC DÂN VẬN HIỆN NAY

TÒNG THỊ PHÓNG*

NĂM 2002, mặc dù gặp không ít khó khăn do tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, thiên tai xảy ra nhiều nơi trong nước, nhưng nền kinh tế nước ta tiếp tục ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,04%. Công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ đều tăng với tốc độ khá, cơ cấu sản xuất từng ngành chuyển dịch theo hướng tích cực. Các biện pháp phát huy nội lực, tập trung đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân được triển khai thực hiện có hiệu quả tại hầu khắp các ngành, các địa phương trong cả nước. Nhân dân tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động được nhân dân đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia. Đời sống của nhân dân trong năm 2002 và 2 tháng đầu năm 2003 tiếp tục được cải thiện.

Hai năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, công tác dân vận và đội ngũ những người làm công tác dân vận trong cả nước đã có rất nhiều cố gắng, thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng về công tác dân vận, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Công tác dân vận đã giúp các cấp ủy đảng, chính quyền nắm chắc tình hình nhân dân ; tham mưu cho Đảng, chính quyền giải quyết tốt, kịp thời những vấn đề bức xúc ở cơ sở. Cùng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, đội ngũ cán bộ dân vận đã tuyên truyền, vận động nhân dân, chăm lo, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Công tác dân vận của các cấp ủy đảng, của Nhà nước và của các lực lượng vũ trang nhân dân đã có nhiều tiến bộ mới, góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định chính trị ở những địa bàn trọng điểm.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đã chủ động xây dựng kế hoạch góp phần thực hiện chương trình kinh tế - xã hội, hướng về cơ sở, trực tiếp giúp đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tháo gỡ khó khăn, ổn định và cải thiện cuộc sống. Mặt khác, chăm lo củng cố, kiện toàn tổ chức, nhất là ở cơ sở, góp phần củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, từng bước vươn lên đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Công tác dân tộc và công tác tôn giáo đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

nhân dân quan tâm hơn so với những năm trước đây. Đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo được chăm lo và có nhiều điển hình tốt.

Hoạt động của Ban Dân vận các cấp có những đổi mới và chuyển biến rõ nét ; đã tham mưu đề xuất những giải pháp để thực hiện các chủ trương, chính sách dân vận của Đảng, Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, về công tác dân tộc, tôn giáo. Trong tổ chức và hoạt động đã có sáng tạo, chủ động, có trách nhiệm và bước đầu có những kinh nghiệm quý như : Kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng cán bộ, thi cán bộ dân vận khéo, tiếp cận với các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong đồng bào các dân tộc, bám sát dân, chống quan liêu, nắm tâm tư nguyện vọng của nhân dân, kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng... Những ưu điểm đó là tiền đề quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để công tác dân vận tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Năm 2003, năm "bản lề" của kế hoạch 5 năm (2001-2005), của nhiệm kỳ Đại hội IX, là năm của những chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế - xã hội. Đối với công tác dân vận, năm 2003 là năm triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX), làm chuyển biến sâu sắc hơn công tác dân vận của cả hệ thống chính trị. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ đó, *trước hết*, cần quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đảng, tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX, đặc biệt là Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy phải tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ở chính các địa phương, cơ sở về công tác dân vận. Đồng thời tiếp tục đổi mới tác phong, phương pháp, phương châm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân để tiếp cận có hiệu quả với thực tiễn đang có nhiều chuyển biến, để công tác dân vận xứng đáng là một bộ phận, một mặt công tác xây dựng Đảng. *Tiếp tục* tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền Nhà nước, giải quyết nhạy bén, hiệu quả những vấn đề mới của công tác vận động quần chúng ở tất cả các tầng lớp nhân dân như : Công nhân, Nông dân, đội ngũ Trí thức giành sự quan tâm, tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và công tác đoàn kết tập hợp thanh niên. *Tăng cường* sự phối hợp giữa các lực lượng làm công tác dân vận của hệ thống chính trị để phối hợp đồng bộ, hiệu quả hơn ; hướng về cơ sở, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng, những kiến nghị, đề xuất chính đáng của các tầng lớp nhân dân với Đảng, Nhà nước. Đồng thời, phải đổi mới phong cách làm việc để phối hợp được đồng bộ hơn giữa Ban Dân vận với Đảng đoàn Mặt trận, với các Đảng đoàn của các tổ chức thành viên của Mặt trận. *Chăm lo* công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân vận trong hệ thống chính trị bao gồm : cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền, cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân. Cán bộ sơ sở cho vùng sâu, vùng xa và cán bộ làm công tác tôn giáo. Đặc biệt coi trọng việc tự học, tự rèn luyện, gắn với cơ sở để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác dân vận. *Đề cao* hơn nữa vai trò của Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tạo được sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ ở từng lĩnh vực cụ thể, từng chuyên đề công tác, từng địa bàn. Tạo điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động đúng vai trò là một liên minh chính trị, dân chủ hiệp thương tự nguyện giữa các tổ chức thành viên, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận đối với hoạt động của cơ quan thực thi chính sách, pháp luật, của cán bộ,

Digitized by Google

đảng viên, công chức Nhà nước. Trên cơ sở đó, hệ thống dân vận trong cả nước tích cực triển khai, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau :

Một là, tham mưu cho cấp ủy triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (phần 2), khóa IX. Đây là một trong những việc trọng tâm của năm 2003. Do vậy, hệ thống dân vận các cấp cần làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, phối hợp với các ngành, xây dựng kế hoạch triển khai, truyền đạt nghị quyết tới toàn thể cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận, đoàn thể. Đồng thời, Ban Dân vận các cấp xây dựng và giúp cấp ủy chỉ đạo xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 7. Trong chương trình thể hiện rõ nội dung công việc, thời gian hoàn thành, phân công người phụ trách...

Từng bước đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Trung ương 7 tới đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, với cách làm dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và bằng nhiều thứ tiếng dân tộc. Đặc biệt quan tâm truyền đạt nghị quyết tới đội ngũ trí thức và các nhà doanh nghiệp, tín đồ các tôn giáo, đồng bào các dân tộc, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo. Chủ động giúp cấp ủy đôn đốc, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, định kỳ có báo cáo với cấp ủy và Ban Dân vận cấp trên để thực hiện đồng bộ trong phạm vi địa phương và trong cả nước.

Hai là, gắn thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (phần 2), khóa IX với việc đẩy mạnh thực hiện công tác dân vận của chính quyền. Công tác dân vận của chính quyền là rất quan trọng. Do vậy năm nay theo kế hoạch của Ban Bí thư, Ban Dân vận các cấp phải giúp Đảng, Nhà nước tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 10 của Ban Bí thư về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở gắn với củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Yêu cầu phải tổng kết từ cơ sở tới trung ương, tiến hành thật sâu sắc, cụ thể, có trọng tâm, sát thực tiễn. Qua đó có kiến nghị với Trung ương chỉ đạo Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc xây dựng và ban hành Pháp lệnh về Dân chủ ở cơ sở và các nghị định của Chính phủ cho phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Phối hợp với các cấp chính quyền tiến hành kiểm tra công tác triển khai thực hiện Chỉ thị 18-CT/TW ngày 21-9-2000 của Thủ tướng Chính phủ về *Tăng cường công tác dân vận của chính quyền ở* một số bộ, ngành và các tỉnh, thành phố ; góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức về trách nhiệm trước nhân dân và công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức các cơ quan Nhà nước. Gắn công tác dân vận với thực hiện nghiêm túc cải cách hành chính.

Phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ, tiến hành tổng kết Chỉ thị 37, ngày 16-5-1994, của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VII) về *"công tác cán bộ nữ"* từ cơ sở tới Trung ương.

Phối hợp, chăm lo củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là vùng trọng điểm, khu vực khó khăn ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và tăng cường cán bộ cho miền núi.

Ba là, công tác dân vận phải giúp cấp ủy, chính quyền triển khai tốt các chương trình kinh tế xã hội các vùng khó khăn ở miền núi, dân tộc, biên giới. Xây dựng cơ sở của Mặt trận, đoàn thể nhân dân ở các cơ sở tại các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, tiếp tục phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiến hành sơ kết Thông tri 03-TT/TW ngày 17-10-1991, của Ban Bí thư Trung ương

Digitized by Google

Đảng (khóa VI), *"Về công tác đối với đồng bào Chăm"*. Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Chăm lo đào tạo cán bộ là người các dân tộc thiểu số, nhất là ở cơ sở. Vận động và phát huy người có uy tín trong các dân tộc (già làng, trưởng các dòng họ, người cao tuổi, giáo viên, thầy thuốc, chiến sĩ lực lượng biên phòng, cán bộ hưu...) trong công tác dân vận.

Bốn là, tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư mở Hội nghị sơ kết Thông báo 184 ngày 30-11-1998 của Thường vụ Bộ Chính trị và Thông báo số 255, ngày 20-10-1999, của Bộ Chính trị (Khóa VIII) về *"Chủ trương công tác đối với đạo Tin lành"*. Đồng thời, phải chủ động tham mưu, phối hợp với chính quyền và các ngành chức năng chăm lo kiện toàn bộ máy, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo, dân tộc ở các địa phương ; hướng dẫn để các tôn giáo tiến hành Đại hội nhiệm kỳ, kiện toàn tổ chức, giúp hoạt động của các tôn giáo thực hiện đường hướng tiến bộ, phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

Năm là, tham mưu phối hợp với Ban tổ chức cấp ủy cùng cấp xây dựng kế hoạch, khảo sát, tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Hướng dẫn 01/HDLB/TCTW-DVTW ngày 25-5-2000 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế cán bộ của Ban Dân vận cấp ủy địa phương. Làm rõ mặt được, chưa được, xem xét Hướng dẫn 01 đã thực hiện đến đâu, tìm nguyên nhân, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp tăng cường chất lượng tham mưu của các Ban Dân vận của cấp ủy.

Thực hiện quyết định 38-QĐ/TW ngày 15-7-2002 về tổ chức, bộ máy, biên chế cán bộ, quy chế, chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân vận Trung ương, bồi dưỡng giúp đỡ cho các Ban Dân vận địa phương và khối dân vận cơ sở (xã, phường, thị trấn).

Coi trọng công tác luân chuyển cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ đã trưởng thành từ công tác Mặt trận và các đoàn thể, để tạo nguồn cung cấp cán bộ cho cấp ủy đảng và chính quyền các cấp.

Sáu là, tham mưu, phối hợp chỉ đạo Đại hội các cấp của Mặt trận, đoàn thể và các tôn giáo.

Ban Bí thư đã chỉ thị về tổ chức Đại hội các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam. Do đó, Ban Dân vận các cấp cần làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung và nhân sự, tiến hành Đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể theo đúng quy định, điều lệ của từng tổ chức.

Chủ động phối hợp, hướng dẫn để giúp các tổ chức giáo hội và hệ phái tôn giáo như : Hội Thánh Tin lành miền Bắc, Hội Thánh Cao đài Tây Ninh... tổ chức được Đại hội, kiện toàn giáo hội, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bảy là, phát động phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương. Trên cơ sở các hướng dẫn của Trung ương, Ban Dân vận các tỉnh, thành ủy căn cứ vào thực tiễn ở địa phương, cơ sở xây dựng tiêu chuẩn, nội dung thi đua ở địa phương, đơn vị mình cho phù hợp. Gắn xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (phần 2), khóa IX với phát động phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2003.❑

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊ-NIN VỀ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, LÝ LUẬN VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA CHÚNG TA

TRẦN NGỌC LINH*

LÀ lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp vô sản, nhà tổ chức thực tiễn năng động sáng tạo, đồng thời là một nhà lý luận thiên tài, nhà tư tưởng sáng suốt, V.I. Lê-nin hết sức coi trọng và đánh giá cao vị trí, vai trò của công tác tư tưởng, lý luận trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người coi lý luận cách mạng là điều kiện thiết yếu để hình thành và thúc đẩy phong trào cách mạng, để khẳng định vai trò tiên phong của đảng cách mạng. Người nhấn mạnh : "Không có lý luận thì xu hướng cách mạng mất quyền tồn tại và sớm hay muộn, nhất định sẽ rơi vào tình trạng phá sản về chính trị"(1).

Lý luận cách mạng mà phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và đảng cách mạng tiên phong lãnh đạo phong trào cách mạng đó cần có là lý luận phản ánh những lợi ích của giai cấp vô sản, đáp ứng được những đòi hỏi của giai cấp vô sản. V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng : Không thể có một lý luận cách mạng nào ngoài chủ nghĩa Mác cả, chủ nghĩa Mác là lý luận cách mạng duy nhất của giai cấp vô sản. Vì sao chủ nghĩa Mác lại giữ được địa vị độc tôn duy nhất như vậy đối với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản ?. Theo V.I. Lê-nin, trước hết là vì đối với C. Mác, tiêu chuẩn duy nhất của lý luận là phải trung thành với hiện thực, phải diễn đạt và giải thích về mặt lý luận nguyên nhân của cuộc đấu tranh đang diễn ra trước mắt chúng ta giữa các giai cấp xã hội và giữa những lợi ích kinh tế. Đáp ứng tiêu chuẩn này, trong các công trình khoa học của mình, C. Mác đã phân tích một cách khoa học xã hội tư bản chủ nghĩa, chứng minh tính tất yếu của sự diệt vong của chế độ tư bản và sự ra đời của một xã hội mới có trình độ phát triển cao hơn, là xã hội xã hội chủ nghĩa. V. I. Lê-nin khẳng định rằng, những người cách mạng, những người mác-xít chân chính hoàn toàn và luôn luôn đứng trên cơ sở lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác. Bởi vì đó là lý luận đầu tiên biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học, tạo cơ sở vững chắc cho chủ nghĩa xã hội khoa học, vạch rõ con đường, cách thức để phát triển và làm phong phú thêm cho khoa học đó.

---

* TS, Quyền Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh điển mác-xít, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 6, tr 468

Digitized by Google

Đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước Nga, khi bàn về những nội dung, nhiệm vụ của công tác lý luận, V. I. Lê-nin chỉ ra rằng, *trước hết* trên cơ sở vững chắc là lý luận khoa học cách mạng của chủ nghĩa Mác, các nhà lý luận cần xây dựng quan điểm cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp với hiện thực và với lịch sử những quan hệ kinh tế - xã hội nhất định. Điều đó có nghĩa là nội dung công tác lý luận của các nhà lý luận xã hội chủ nghĩa Nga phải hướng vào sự phát triển thực tế của nước Nga, vào các quan hệ kinh tế - xã hội có thực và tất cả mọi biểu hiện của sự đối kháng kinh tế của nước Nga. Họ phải vạch trần những đối kháng kinh tế đó, phản ánh đúng đắn hiện thực nước Nga với tính cách là một hệ thống quan hệ sản xuất nhất định, chỉ ra con đường tất yếu về mặt kinh tế để có thể giải quyết những đối kháng kinh tế và xây dựng nên một lý luận cách mạng đáp ứng được những yêu cầu cách mạng của giai cấp vô sản Nga. V.I. Lê-nin nhấn mạnh rằng, trong công tác lý luận của mình, các nhà lý luận Nga chỉ mượn của chủ nghĩa Mác "những phương pháp quý báu", mà nếu không có chúng thì không thể hiểu được những quan hệ xã hội. Còn bản thân lý luận của Mác không phải là một công thức lịch sử - triết học bắt buộc mọi người phải theo, mà chỉ là kim chỉ nam cho hành động.

Nhiệm vụ *thứ hai* mà công tác lý luận phải thực hiện là phải bảo vệ và phát triển lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác. Với bản chất cách mạng và khoa học của mình, học thuyết Mác là nỗi ám ảnh kinh hoàng của chủ nghĩa tư bản. Chính vì thế mà học thuyết này bị các nhà lý luận và tư tưởng của giai cấp tư sản xuyên tạc, chống phá, tuyên bố là lỗi thời, phủ nhận. Trong khi đó, như V.I. Lê-nin nhận định, chỉ có lý luận chủ nghĩa Mác cách mạng mới có thể dùng làm ngọn cờ cho phong trào của giai cấp công nhân. Ở đây, V.I. Lê-nin cũng đã chỉ ra những biện pháp thiết thực và đầy hiệu quả để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác :

Một là, những nhà lý luận phải biết tiếp thu, kế thừa chọn lọc, có phê phán những di sản tư tưởng tinh hoa của nhân loại, những thành tựu khoa học mà loài người đã đạt được cho đến ngày nay để bổ sung cho học thuyết Mác. Chính bản thân chủ nghĩa Mác cũng đã phát sinh từ tổng số những kiến thức của nhân loại, là sự kế thừa thẳng và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất trong triết học, kinh tế chính trị học, lý luận chủ nghĩa xã hội, và đã không vứt bỏ những thành tựu hết sức quý báu của thời đại tư sản. Sự tiếp thu có chọn lọc những thành tựu tư tưởng, khoa học của nhân loại đã, đang và sẽ làm cho học thuyết Mác ngày càng thêm phong phú, giàu sức sống và khả năng đề kháng hơn.

Hai là, phải kết hợp chặt chẽ công tác lý luận với công tác thực tiễn. Theo V.I. Lê-nin, phải hết sức coi trọng công tác thực tiễn. Không thể gò thực tiễn sinh động theo lý luận của ngày hôm qua, bởi vì dù thế nào đi chăng nữa thì lý luận cũng chỉ vạch ra được những nét cơ bản, chỉ tiến gần đến chỗ nắm được tính phức tạp của thực tiễn cuộc sống sinh động. Phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, luôn luôn đổi mới lý luận cho phù hợp với cuộc sống, lấy sự phân tích các tài liệu thực tế làm cơ sở cho lập luận và đưa ra những phương pháp đấu tranh mới. Nếu giải quyết những nhiệm vụ cách mạng bằng lối cũ thì có nghĩa là, theo V.I. Lê-nin, đã hy sinh chủ nghĩa Mác sinh động để đổi lấy cái từ ngữ chết.

Sự vận dụng chủ nghĩa Mác vào thực tiễn cách mạng xã hội, chủ nghĩa nước Nga của V.I. Lê-nin là kiểu mẫu sáng ngời về việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác. Những phân tích của V.I. Lê-nin về mối quan hệ giữa cải lương và cách mạng khi giai cấp vô sản chưa nắm chính quyền và khi đã giành

Digitized by Google

được chính quyền, những cương lĩnh cách mạng trong thời kỳ chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Mười, chính sách "cộng sản thời chiến", "chính sách kinh tế mới", v.v. là những đóng góp vĩ đại của V.I. Lê-nin vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác, làm phong phú, tăng thêm sức sống của chủ nghĩa Mác, và làm cho chủ nghĩa Mác trở thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân, trong thời đại ngày nay.

Công tác lý luận là một lĩnh vực đòi hỏi sự đóng góp lâu dài, liên tục của đội ngũ cán bộ lý luận. Học tập V.I. Lê-nin, những người làm công tác lý luận mác-xít phải phấn đấu không ngừng bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bồi đắp thêm cho nền móng lý luận ấy ngày càng vững chắc thêm.

Tuy nhiên, xây dựng lý luận, tạo ra một học thuyết khoa học không phải là mục đích tự thân. Mục tiêu của lý luận cách mạng là lợi ích của giai cấp vô sản và toàn thể nhân dân lao động. Lý luận cách mạng phải đáp ứng được những đòi hỏi của giai cấp vô sản, phải trở thành sức mạnh vật chất, góp phần vào công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, lật đổ chế độ tư bản, giải phóng triệt để giai cấp vô sản và toàn thể nhân loại khỏi mọi hình thức áp bức và bóc lột. Công tác tư tưởng chính là nhằm thực hiện sự chuyển hóa quan trọng này của lý luận. V.I. Lê-nin chỉ ra rằng : Không thể là một nhà lãnh đạo tư tưởng mà lại không làm công tác lý luận nói trên, cũng như không thể là một nhà lãnh đạo tư tưởng mà lại không hướng công tác đó theo những nhu cầu của sự nghiệp, mà lại không tuyên truyền trong công nhân những kết luận của lý luận đó và không giúp đỡ họ tổ chức nhau lại.

Theo V.I. Lê-nin, nhiệm vụ *đầu tiên*, quan trọng nhất của công tác tư tưởng là phải kéo phong trào công nhân khỏi cái khuynh hướng tự phát... của chủ nghĩa công liên, cái khuynh hướng đến nấp dưới bóng của giai cấp tư sản, "đến chính cái chỗ lệ thuộc vào hệ tư tưởng tư sản"[2]. Công tác tư tưởng phải làm nhiệm vụ truyền bá, giáo dục, đưa học thuyết Mác vào giai cấp công nhân. Học thuyết khoa học và cách mạng đó sẽ giúp cho giai cấp công nhân hiểu rõ tình cảnh thực sự của mình, cơ cấu kinh tế - chính trị của chế độ đang áp bức họ, tính tất yếu của việc xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột và xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn. V.I. Lê-nin khẳng định rằng, nhờ công tác tư tưởng với những mục tiêu nói trên, đồng thời kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức đấu tranh thực tiễn, mà phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân sẽ chuyển từ tự phát sang tự giác và giai cấp công nhân sẽ hoàn thành trọn vẹn sứ mệnh lịch sử của mình.

Nhiệm vụ *tiếp theo* của công tác tư tưởng là động viên, phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân lao động trên cơ sở trình độ giác ngộ cách mạng đã được nâng cao. V.I. Lê-nin nêu rõ, chủ nghĩa Mác khác tất cả các lý luận khác ở chỗ, nó kết hợp một cách tài tình tính sáng suốt khoa học trong việc phân tích tình hình khách quan và sự tiến hóa khách quan với việc thừa nhận một cách hết sức dứt khoát tác dụng của nghị lực cách mạng, tính sáng tạo cách mạng và tính chủ động cách mạng của quần chúng.

Cuối cùng, công tác tư tưởng còn có nhiệm vụ xây dựng cho giai cấp công nhân lòng tin tưởng và tình yêu sâu sắc đối với sự nghiệp cách mạng, tinh thần kiên định biết bảo vệ đến cùng những nhiệm vụ cách mạng của mình, ý chí, nghị lực vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để đạt tới mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh, v.v...

---

(2) *Sđd*, t 6, tr 50

Digitized by Google

Để làm tốt công tác tư tưởng, đạt hiệu quả cao, *trước tiên* phải làm tốt công tác lý luận, đề cao vai trò của lý luận, làm cho lý luận cách mạng thực sự có tính khoa học, thể hiện đúng bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác. V.I. Lê-nin nói : "Thái độ coi thường lý luận, thái độ lảng tránh quanh co đối với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa nhất định làm lợi cho hệ tư tưởng tư sản".(3)

Đồng thời, V.I. Lê-nin cũng đã nêu ra một cách cụ thể, sinh động những biện pháp tổ chức để tiến hành công tác tư tưởng phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, thậm chí của từng địa phương, từng dân tộc, phù hợp với những đối tượng khác nhau về lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, v.v.. Một trong những nguyên tắc quan trọng của công tác tư tưởng là phải gắn việc tuyên truyền lý tưởng với việc đem lại những lợi ích thiết thực trong đời sống thường ngày cho quần chúng nhân dân lao động.

Ngoài ra, V.I. Lê-nin cũng chỉ ra rằng, xây dựng một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân là một trong những điều kiện quan trọng nhất và quyết định nhất để hoàn thành cả công tác lý luận lẫn công tác tư tưởng. Bởi vì, không có lý luận cách mạng thì không thể có đảng cách mạng của giai cấp công nhân ; ngược lại nếu không có đảng cách mạng của giai cấp công nhân thì sẽ không có người tổ chức, lãnh đạo biến lý luận thành hiện thực.

V.I. Lê-nin cũng đã làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng, hữu cơ giữa công tác lý luận, công tác tư tưởng và công tác thực tiễn. Nếu không tiến hành công tác lý luận sẽ không có lý luận khoa học cách mạng để chỉ đường vạch lối cho hoạt động thực tiễn. Nếu không tiến hành công tác thực tiễn sẽ không có chất liệu bồi đắp cho lý luận ; lý luận sẽ mất sức sống, sẽ không còn lý do tồn tại và phát triển. Mặt khác, nếu không tiến hành công tác tư tưởng, thì sẽ không đưa được lý luận thâm nhập vào quần chúng, biến thành tri thức, tình cảm, ý chí, nghị lực của họ và sẽ không biến lý luận thành sức mạnh vật chất trong hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, phục vụ cho con người ngày một tốt hơn. "Công tác lý luận - công tác tư tưởng-công tác thực tiễn" là một hệ thống hoạt động đồng bộ ; chúng tạo cơ sở, điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Từ khi ra đời đến nay, quán triệt những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng, lý luận, Đảng ta luôn luôn quan tâm chú trọng đến công tác này, đã có những đường lối, chính sách khẳng định vai trò của lý luận, của công tác tư tưởng, lý luận trong sự nghiệp cách mạng, tạo điều kiện cho công tác này tiến hành một cách có hiệu quả.

Thực hiện Nghị quyết các đại hội, hội nghị Trung ương Đảng, lĩnh vực công tác tư tưởng, lý luận đã có bước phát triển và đạt được những thành tựu mới rất quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và hoạch định đường lối, chính sách. Công cuộc đổi mới đất nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1986 được khởi đầu từ đổi mới tư duy lý luận. Ngày nay, chính công tác tư tưởng, lý luận đang góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Thông qua việc tổng kết thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn của những năm đổi mới, trình độ lý luận của Đảng ta đã có những bước phát triển. Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh một lần nữa được khẳng định một cách đúng đắn, có căn cứ lý luận khoa học cũng như căn cứ thực tiễn sinh động. Nhận thức của Đảng ta về mô hình

(3) *Sđd*, t 6, tr 462

Digitized by Google

CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng rõ nét, cụ thể hơn. Nhiều vấn đề phức tạp về lý luận và thực tiễn đã có được lời giải đáp một cách thuyết phục.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, tiến bộ đáng ghi nhận, công tác tư tưởng, lý luận của chúng ta vẫn còn có nhiều hạn chế, yếu kém. Hạn chế lớn nhất là công tác này chưa góp phần xứng đáng, có hiệu quả vào việc củng cố lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị cho cán bộ đảng viên ; chưa tiến hành một cách thường xuyên cuộc đấu tranh mạnh mẽ, có luận cứ khoa học xác đáng, thuyết phục để chống lại những quan điểm sai trái thù địch. Trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có sự suy thoái về nhận thức, tư tưởng, lập trường chính trị, phẩm chất đạo đức. Tư tưởng cơ hội, thực dụng, chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần v.v.. có chiều hướng phát triển.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém nói trên, Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta đã chỉ ra phương hướng chung của công tác tư tưởng, lý luận là : "Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta"(4), và cần phải. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nẩy sinh từ thực tiễn ; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng ; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái. Theo đó, có thể thấy, trong thời gian tới phương hướng chung của công tác tư tưởng, lý luận là :

Thứ nhất, nghiên cứu toàn diện, sâu sắc và có hệ thống chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; đẩy mạnh việc tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước, nghiên cứu thực tiễn các nước nhằm nâng cao trình độ lý luận của Đảng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng về chính trị và tư tưởng.

Thứ hai, nắm vững thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; nghiên cứu có phê phán các trào lưu tư tưởng ngoài mác-xít ; tiếp thu có chọn lọc các yếu tố có giá trị tư tưởng khoa học, những tinh hoa lý luận của thế giới ; đấu tranh chống những tư tưởng sai trái, thù địch, chống chủ nghĩa cơ hội chính trị, chủ nghĩa xét lại ; nâng cao cảnh giác, chống "diễn biến hòa bình" của kẻ thù trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.

Thứ ba, ra sức khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa giáo điều trong hoạt động nghiên cứu lý luận ; thực hiện phương châm đổi mới tư duy, thực sự cầu thị, tôn trọng khách quan, phát huy dân chủ, phát triển sáng tạo lý luận phục vụ đắc lực sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phương hướng chung nói trên của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ta trong tình hình mới đã tiếp tục được nêu rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) : "Quán triệt đường lối đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp công tác tư tưởng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta".

Để hoàn thành tốt các phương hướng, nhiệm vụ trên, rõ ràng cần phải thấm nhuần sâu sắc những quan điểm của V.I.Lê-nin về công tác tư tưởng, lý luận và vận dụng những quan điểm đó một cách sáng tạo vào thực tiễn công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. ❑

---

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 84

Digitized by Google

Phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước - MỘT TƯ TƯỞNG LỚN CỦA V. I. LÊ-NIN

PHAN HUY ĐƯỜNG *

CÁCH đây ngót tám thập niên, sau bước thử nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng "con đường trực tiếp" (chính sách cộng sản thời chiến, chỉ sử dụng các quan hệ phi hàng hóa, quan hệ xã hội hóa trực tiếp) không đem lại kết quả, V. I. Lê-nin đã chủ trương chuyển sang phát triển Chính sách Kinh tế Mới (NEP), trong đó coi việc phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước, phát triển các quan hệ thương mại... như là một bước ngoặt cách mạng để cứu vãn nước Nga và dẫn dắt cách mạng đi đến thắng lợi một cách chắc chắn hơn.

Nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích NEP dưới nhiều góc độ khác nhau. Có quan điểm coi nội dung cơ bản của NEP chỉ là việc chuyển từ chế độ trưng thu lương thực sang thuế lương thực. Nói như vậy không sai nhưng rõ ràng là chưa đủ. Gần đây nhiều công trình nghiên cứu một cách có hệ thống đã cho rằng, phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước và các quan hệ thương mại mới thực chất là nội dung quan trọng, quyết định đặc trưng của giai đoạn cách mạng mới của nước Nga lúc bấy giờ và đồng thời cũng là đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói chung. Chủ nghĩa xã hội không phải là cái gì khác hơn là một bước tiến liền ngay sau chế độ độc quyền tư bản - nhà nước. Đó đồng thời cũng là kết quả của việc V. I. Lê-nin đã phát hiện một cách tài tình những mâu thuẫn nội tại của nền kinh tế nước Nga lúc bấy giờ và tìm cách giải quyết các mâu thuẫn ấy để đưa cách mạng tiến lên, cụ thể :

Thứ nhất, xác định đúng mâu thuẫn chính của giai đoạn cách mạng cụ thể, từ đó đề ra giải pháp cách mạng táo bạo, vượt lên trên những lối mòn cũ kỹ, đó là mâu thuẫn giữa một nhà nước cách mạng được lịch sử giao phó những nhiệm vụ chính trị cực kỳ tiến bộ, cực kỳ nhân đạo với những cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém của nền kinh tế và trình độ văn hóa lạc hậu, khó có thể thực hiện trọn vẹn các mục tiêu vĩ đại ấy. Người nói bây giờ cần nắm lấy đúng cái mắt xích quan trọng nhất : "Mấu chốt lúc này" (mắt xích) = sự xa cách giữa các nhiệm vụ vĩ đại được giao phó và *sự nghèo nàn* không những về vật chất mà cả về *văn hóa*"(1). Việc tháo gỡ cái mắt xích đó chính là việc đẩy mạnh *nội thương* theo sự điều tiết (sự chỉ đạo)

* TS Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập,* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 474

Digitized by Google

đúng đắn của nhà nước. Theo V. I. Lê-nin, chủ nghĩa tư bản nhà nước đã là một bước lùi, thì "Ngày nay, chúng ta đang lùi tới chỗ nhà nước điều tiết thương nghiệp"[2]. Điều đó có nghĩa là cách mạng Nga lúc bấy giờ đã lùi từ những hình thức kinh tế, hay còn gọi là thành phần kinh tế, cụ thể là chủ nghĩa tư bản nhà nước, sang các quan hệ kinh tế có tính chất tư bản chủ nghĩa - quan hệ buôn bán tự do, quan hệ thương mại. V. I. Lê-nin viết : "... ở chỗ nào có những thành phần tự do buôn bán và những thành phần tư bản chủ nghĩa nói chung, thì ở đó, có chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức này hay hình thức khác, ở trình độ này hay trình độ nọ"[3]. Có thể nói đó là "bước lùi" về phát triển, trở lại đúng với quy luật khách quan của lực lượng sản xuất. Khái niệm chủ nghĩa tư bản nhà nước đã trở nên rộng hơn bản thân nó là thành phần kinh tế.

Thứ hai, xác định rõ trình độ phát triển của nước Nga trong trục phát triển chung của lực lượng sản xuất. Người cho rằng, chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội, nhưng lại là tốt so với chủ nghĩa phong kiến. Trong bối cảnh nước Nga lúc bấy giờ, các quan hệ sản xuất nhỏ, tiểu nông gia trưởng của nông dân lại đang "chiếm ưu thế" với đầy rẫy các tật xấu và hủ lậu, như : tự phát, vô chính phủ, tự do tiểu tư sản và đầu cơ, buôn lậu, hối lộ... Chủ nghĩa tư bản nhà nước là cái gì có tính chất tập trung, được tính toán, được kiểm soát và được xã hội hóa, thế mà nước Nga lại thiếu chính cái đó, và đang bị đe dọa bởi tính tự phát của cái thói vô tổ chức tiểu tư sản ; tính tự phát ấy đẻ ra chủ yếu từ lịch sử nước Nga và từ nền kinh tế của nó, và tính tự phát ấy hiện đang ngăn cản việc thực hiện chính cái bước ấy, cái bước quyết định sự thành công của chủ nghĩa xã hội. V. I. Lê-nin còn so sánh rằng, "... nếu ta đứng *về mặt kinh tế* mà suy xét, thì chủ nghĩa cộng sản với thương nghiệp cũng không xa gì nhau, hơn là chủ nghĩa cộng sản với nền tiểu nông, gia trưởng của nông dân"[4]. Và "... từ chủ nghĩa tư bản tiểu tư sản đi đến chủ nghĩa tư bản nhà nước với quy mô lớn cũng như đi đến chủ nghĩa xã hội, đều trải qua *cùng một con đường, thông qua cùng một* trạm trung gian, đó là "sự kiểm kê và kiểm soát của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm"[5].

Thứ ba, trong nhận thức tư tưởng của đại đa số đảng viên Đảng cộng sản Nga lúc đó vẫn đang bị hạn chế bởi lối mòn đem "chủ nghĩa tư bản" đối lập một cách trừu tượng với "chủ nghĩa xã hội", mà không nghiên cứu những hình thức cụ thể và các giai đoạn cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng V. I. Lê-nin đã đánh giá "cao" chủ nghĩa tư bản nhà nước từ rất sớm, thậm chí ngay từ khi những người bôn-sê-vích chưa nắm được chính quyền[6] (tháng 9 năm 1917). Thời đó nước Đức là "đỉnh cao" của chủ nghĩa tư bản về kỹ thuật đại tư bản chủ nghĩa hiện đại và về tổ chức có kế hoạch, nhưng nền kinh tế đó lại *phục tùng chủ nghĩa đế quốc gioong-ke tư sản.* V. I. Lê-nin nói : "Nếu... thay tiếng nhà nước quân phiệt, gioong-ke, tư sản, đế quốc cũng bằng một tiếng là nhà nước, nhưng là một nhà nước kiểu khác về mặt xã hội và khác về nội dung giai cấp, nhà nước xô-viết, tức là nhà nước vô sản, thì các anh sẽ có tất cả các điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội."[7]

---

(2) V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 44, tr 284
(3) V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 43, tr 268
(4) V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 44, tr 280
(5) V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 36, tr 369
(6) Xem: V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 43, tr 255
(7) V. I. Lê-nin: *Sđd,* t 43, tr 252 - 253

Digitized by Google

Những tư tưởng cách mạng vĩ đại của V. I. Lê-nin đã soi rọi thực tiễn của công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng. Đất nước đang trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm tương đồng về cái mắt xích cần phải nắm. Đó là mâu thuẫn giữa mục tiêu đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa với sự nghèo nàn, lạc hậu về cơ sở vật chất, kỹ thuật và văn hóa. Sự khác nhau có chăng là hố ngăn cách ấy ở chúng ta sâu rộng hơn do điểm xuất phát thấp hơn nước Nga thời kỳ NEP. Điều đó còn cho phép khẳng định rằng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử. Và thực tế cũng đã và đang chứng minh điều đó. Toàn bộ những thành tựu mà chúng ta đã đạt được trong kháng chiến cũng như trong xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa có một nguyên nhân sâu xa là chúng ta đã phát triển sáng tạo những tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nay, nhất là sau hơn 16 năm đổi mới, khi nhìn lại những quyết định sáng suốt của Đảng về chuyển nền kinh tế từ tập trung, quan liêu, bao cấp sang phát triển nền kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần ; xác định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang gặt hái những thành quả quan trọng, chúng ta lại càng thấy thấm nhuần những tư tưởng lớn của V. I. Lê-nin về phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Từ thực tế ở nước ta cũng như một số nước khác đang chứng tỏ bản thân phạm trù chủ nghĩa tư bản nhà nước có thể được hiểu trên hai phương diện - *rộng và hẹp*. Phương diện hẹp đề cập đến những hình thức kinh tế hay thành phần kinh tế cụ thể, đó là đầu tư trực tiếp của nhà nước và sự kiểm soát của nhà nước đối với sản xuất tư nhân, là hợp đồng tô nhượng hay cho thuê các xí nghiệp nhà nước, là hợp tác xã của các tư bản tư nhân, tiểu chủ hay tiểu nông, là đại lý thương nghiệp, các hình thức cho tư nhân thuê khác và đấu thầu các cơ sở sản xuất kinh doanh hay vùng mỏ...

Trên phương diện rộng, phạm trù chủ nghĩa tư bản nhà nước là một hệ thống các quan hệ kinh tế, trong đó có sự đan xen giữa một bên chủ thể là nhà nước cách mạng và bên kia là các quan hệ kinh tế có tính chất tư bản chủ nghĩa. Nhà nước, một mặt là quản lý, điều tiết và cao hơn nữa là định hướng sự phát triển của các quan hệ tư bản chủ nghĩa theo hướng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Nhà nước tập trung thống nhất các quyền lực chính trị nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của các thành viên trong một xã hội, trước hết là lợi ích của người lao động. Toàn bộ nội dung của sự kết hợp này được thể hiện trong mô hình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Các quan hệ có tính chất tư bản nhà nước, ngày nay, không chỉ nằm trong giới hạn của các quan hệ sản xuất, kinh doanh trong nước, mà còn phát triển rộng ra bên ngoài, quan hệ giữa nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tất cả các nước trên thế giới, trong đó phần đông là các nước tư bản chủ nghĩa. Điều đó được thể hiện phần nào trong mục tiêu và là tuyên bố của Đảng ta, như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định : "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước

Digitized by Google

trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"[8].

Với tư cách là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế tư bản nhà nước hay thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trên thực tế, lại cũng đang rất cần đến một nhà nước thống nhất để tổ chức xã hội trên cơ sở pháp luật, duy trì sự ổn định kinh tế - chính trị - xã hội, nếu không chính bản thân quá trình sản xuất với trình độ công nghệ hiện đại của chúng không thể vươn lên chiến thắng tự do vô chính phủ, đầu cơ và hối lộ của lề lối tiểu tư sản, tiểu nông sản xuất nhỏ, và do đó không thể tiến lên sản xuất lớn. Ngoài ra, còn cần đến các hình thức quản lý và công nghệ tiên tiến của các thành phần kinh tế này để hình thành các mô hình thích hợp dẫn dắt hàng triệu hộ nông dân, khu vực kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển đúng quỹ đạo tiến lên sản xuất lớn, đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua "những chiếc cầu nhỏ vững chắc" của chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Ngày nay, đứng trong toàn bộ bối cảnh kinh tế quốc tế, khi mà xu thế hội nhập và toàn cầu hóa các nền kinh tế là không thể đảo ngược, nhìn lại điều kiện của nước Nga lúc bấy giờ, mới thấy đó là một quyết định cực kỳ sáng suốt, cực kỳ cách mạng. Nhưng nếu đem toàn bộ quá trình đó để so sánh với những nhận thức và thực tiễn cách mạng hiện nay ở nước ta, thì thấy ngày nay chúng ta còn lùi sâu hơn, xa hơn nữa, nhưng ngược lại vị thế của cách mạng lại đang vững chãi và ở thế đi lên. Từ chỗ bị xâm chiếm, đô hộ bởi chủ nghĩa đế quốc, chúng ta đã giành được hoàn toàn độc lập cho đất nước, mang lại tự do cho nhân dân. Chúng ta hoàn toàn có chủ quyền và tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc. Chúng ta đã lựa chọn con đường phát triển theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", mà không ai có thể can thiệp hay cản trở. Từ chỗ bị bao vây, cấm vận trên thế giới, nay chúng ta hoàn toàn có quyền ngồi vào bàn đàm phán với tất cả các nước trên cơ sở "bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, và đôi bên cùng có lợi" để ký kết các hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế - xã hội đang trên đà tăng trưởng đều đặn và bền vững, nền chính trị được giữ vững và ổn định ; trật tự và an toàn xã hội đang được bảo đảm... Tất cả những thành tựu ấy chính là những bước tiến vững chắc trên con đường xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hơn thế nữa, ngày nay Đảng và Nhà nước đang tạo thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng và đều trở thành những bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đồng thời thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Đặc biệt là chúng ta xác định và cam kết lịch trình để hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, đang tích cực đàm phán để được gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... Như ông cha ta đã từng có câu nói bất hủ là phải "dĩ bất biến ứng vạn biến". Và như Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng cũng đã nhấn mạnh phương châm : "Vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội..."[9]. Trong quá trình đó, để luôn luôn bảo đảm định hướng xã hội chủ

(8) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 119

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 72

Digitized by Google

nghĩa, chúng tôi thấy cần thiết phải quan tâm mấy vấn đề sau :

Một là, khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự lựa chọn hoàn toàn đúng đắn. Nhưng trên con đường thiết lập thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta không được lơi là mất cảnh giác, nhất định phải nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước. Rõ ràng, các thành phần kinh tế càng phát triển lên những trình độ cao hơn, thì chẳng những Nhà nước phải quản lý tốt hơn, mà chính phương thức sản xuất hiện đại sẽ cần đến sự quản lý có hiệu lực và hiệu quả ngày càng cao của nhà nước. Ngoài ra, cơ sở kinh tế để điều tiết nền kinh tế là phát huy vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước, coi khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Muốn vậy, trước mắt phải gấp rút cải cách hệ thống doanh nghiệp nhà nước để làm cho vai trò ấy đi vào chiều sâu và chất lượng thông qua việc nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Hai là, trong hợp tác và cạnh tranh trên thị trường quốc tế phải bằng mọi cách, huy động toàn bộ lực lượng và trí tuệ để, một mặt, bảo vệ và duy trì lợi ích của quốc gia, dân tộc. Mặt khác, phải thấy rõ những xu hướng và những nhân tố tiến bộ trên khắp thế giới để đánh giá xu thế tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp với các phong trào tiến bộ ấy để làm mạnh thêm lực lượng của chính mình, như phong trào đòi thương mại công bằng, phong trào đấu tranh vì hòa bình, ổn định trên toàn thế giới, phong trào vì sự phát triển bền vững, đấu tranh chống mọi sự gây hại môi trường sinh thái...

Ba là, muốn bảo đảm được bản chất của chế độ, nhất là trong xu thế hiện nay, Nhà nước phải vững và phải được tăng cường tính đảng một cách sâu sắc. Với một bản chất như vậy, lại được Đảng lãnh đạo, được chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường chỉ lối, nhất định chúng ta sẽ xây dựng nên một hệ thống pháp luật ngày càng hoàn chỉnh, trong đó không những bảo đảm quyền công dân, quyền con người một cách đầy đủ nhất, mà hơn nữa những quan hệ kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa tư bản cũng sẽ được kiểm tra và kiểm soát bằng pháp luật của nhà nước. Phấn đấu để khẩu hiệu "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" sẽ bao hàm hết thảy các lĩnh vực trong cuộc sống và trở thành lối sống hiện đại. Tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nói một cách vắn tắt, đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Thứ tư, nâng cao trình độ nghiệp vụ và đạo đức "chí công vô tư" của đội ngũ công chức nhà nước để thông qua đó nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của nhà nước. Muốn vậy, trong Đảng phải chống mọi biểu hiện tha hóa, biến chất, nhất là chống chủ nghĩa cơ hội thực dụng. Đảng lãnh đạo Nhà nước, đồng thời Đảng đào tạo và rèn luyện đội ngũ cán bộ để thường xuyên bổ sung cho bộ máy quản lý nhà nước. Bên cạnh việc Đảng luôn luôn trung thành với chủ thuyết của mình, các đảng viên cũng phải nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và kỷ luật của Đảng. Mọi hành vi thoái hóa, biến chất, sa đà vào chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội thực dụng đều phải được sớm phát hiện và tẩy trừ. Có như vậy mới giữ gìn được sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, mới làm cho Đảng ngày càng ngang tầm với công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY NỘI LỰC, PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN THỊ DOAN *

QUA hơn 16 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo tiền đề để bước vào giai đoạn đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như Đại hội IX của Đảng xác định : "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững ; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường ; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh"(1).

Nhìn lại thành tựu trên mặt trận kinh tế trong những năm đổi mới, chúng ta không thể không tự hào về những kết quả đã đạt được.

Trong lĩnh vực nông nghiệp : Sản xuất lương thực, từ chỗ thiếu lương thực triền miên đã đạt tới đủ ăn, có dự trữ và vươn lên trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Tính bình quân từ năm 1986 đến năm 2001, sản lượng lương thực tăng trên 1 triệu tấn /năm. Nếu như năm 1986 cả nước mới đạt 18,37 triệu tấn thì đến năm 2001 đạt 35,4 triệu tấn lương thực.

Cây công nghiệp và cây ăn quả tăng nhanh cả về diện tích và sản lượng. Tỷ trọng diện tích cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả tăng từ 8,37% (năm 1989) lên 14,8% (năm 2001), tương ứng tỷ trọng diện tích cây hằng năm giảm từ 91,63% xuống còn 85,2%. Trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi và giá trị dịch vụ, tuy sự chuyển dịch còn chậm nhưng đây là sự chuyển động theo hướng

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 24

Digitized by Google

tích cực, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường. Nếu như năm 1990, trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, trồng trọt chiếm 80,25%, chăn nuôi chiếm 16,66%, dịch vụ 3,09% thì đến năm 2001 tỷ trọng tương ứng là 78,4%, 17,5% và 4,1%. Năm 2002, các chỉ số này là : tỷ trọng ngành trồng trọt chỉ còn chiếm 76,2%, chăn nuôi : 19,8% và dịch vụ : 4%. Với đà chuyển dịch như vậy, chắc chắn tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp sẽ đạt mục tiêu 25% vào năm 2010, như Đại hội IX đã đề ra.

Trong lĩnh vực công nghiệp, giá trị sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Thời kỳ 1991 - 2001, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13%/năm, trong đó khu vực công nghiệp nhà nước tăng 15%, khu vực công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 10%. Các ngành công nghiệp then chốt chiếm tỷ trọng lớn cũng đều tăng trưởng nhanh : nhiên liệu, năng lượng, hóa chất tăng 20%, luyện kim đen 16%, chế biến lương thực 13,6%...

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, nhờ kiên trì thực hiện đường lối đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nên khi khu vực thị trường chính và truyền thống là Liên Xô và các các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu biến động, chúng ta đã chủ động chuyển hướng có hiệu quả sang các thị trường mới. Đến nay, Việt Nam đã tham gia vào nhiều tổ chức kinh tế và thương mại quốc tế ; đã có quan hệ buôn bán với 170 quốc gia, trong đó đã ký hiệp định Thương mại song phương với 60 nước và thỏa thuận về tối huệ quốc với 89 nước và vùng lãnh thổ. Thời kỳ 1991 - 2000, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 19,25%/năm, từ 2,4 tỉ USD năm 1990 lên 14,3 tỉ USD năm 2000. Mức xuất khẩu bình quân đầu người năm 2000 đạt trên 175 USD/người/năm. Với mức đó, Việt Nam đã ra khỏi danh sách các nước có nền ngoại thương kém phát triển. Trong các năm 2001 và 2002, do gặp rất nhiều khó khăn nên kim ngạch xuất khẩu không đạt được kế hoạch đề ra song vẫn tăng trên 7% so với năm trước.

Lĩnh vực dịch vụ phát triển nhanh và đa dạng. Chúng ta đã tận dụng các lợi thế về thiên nhiên, văn hóa để phát triển nhanh các loại hình du lịch. Nếu năm 1991, số lượt khách quốc tế đến Việt Nam chỉ có 250 ngàn người thì năm 2002 đạt tới trên 2,3 triệu người. Xuất khẩu lao động tăng nhanh và là nguồn thu ngoại tệ khá cho đất nước...

Đặc biệt, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Trong cơ cấu GDP năm 1990, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 40,49%, công nghiệp và xây dựng chiếm 23,79%, dịch vụ chiếm 35,72% ; đến năm 2000 tỷ trọng tương ứng trên là 24,3%, 36,61%, 39,09%. Năm 2001và 2002, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn cả trong nước và ngoài nước nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển khá và ổn định, tăng 6,74% so với năm 2001, và đạt 7,04% trong năm 2002.

Đây là một thành công rất tích cực và đáng khích lệ, là sự kết tinh của quá trình phát huy nội lực của đất nước. Trong quá trình phát triển, nội lực là nhân tố quyết định, ngoại lực là nhân tố quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu rất quan trọng, nền kinh tế nước ta vẫn còn bộc lộ một số yếu kém : Nông nghiệp vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, hiện trạng trang

Digitized by Google

thiết bị lạc hậu, năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, chất lượng hàng hóa chưa cao, nên tính cạnh tranh còn thấp ; công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định song chủ yếu là do tăng nguồn vốn đầu tư, còn đổi mới công nghệ toàn ngành mới đạt từ 8 đến 10%/năm, trong khi đó chỉ tính ở các nước cùng khu vực tỷ lệ này là từ 15 đến 20%/năm. Hiện nay, công nghệ hiện đại, tiên tiến mới chiếm khoảng 25%, công nghệ trung bình khoảng 50%, lao động thủ công và bán cơ giới còn khá phổ biến. Một số ngành then chốt như công nghiệp cơ khí chế tạo đang trong tình trạng rất lạc hậu, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước. Công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm chưa hỗ trợ đắc lực cho nông nghiệp trong việc chế biến, bảo quản... Nguồn nhân lực có kỹ thuật cao và có trình độ quản lý tiên tiến còn rất hạn chế. Mặt khác, nếu nước ta chỉ đạt ở tốc độ phát triển của 2 năm đầu thực hiện chiến lược 10 năm 2001 - 2010, thì đến năm 2010 chúng ta không thể đạt được các mục tiêu đề ra là : "Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô ; cán cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng GDP của nông nghiệp đạt từ 16 đến 17%, công nghiệp là 40 - 41%, dịch vụ đạt 42 - 43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%"[2]. Do vậy, thời gian tới cần thực hiện các giải pháp mạnh, đồng bộ và hữu hiệu thì mới đạt được mục tiêu của chiến lược.

Một là, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tạo chuyển biến có ý nghĩa cơ bản cả về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu thành phần kinh tế.

Đối với kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phải quán triệt sâu, rộng Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn để chuyển mạnh nền nông nghiệp nước ta sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đa dạng, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề phi nông nghiệp, phân công lại lao động ở nông thôn. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch mạnh cả về cây trồng, vật nuôi và cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, cần phát huy vị trí, vai trò của kinh tế hộ gia đình, trang trại và của các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến nông sản thực phẩm. Xây dựng và phát huy vai trò quan trọng của hợp tác xã kiểu mới, làm cầu nối trực tiếp giữa sản xuất nông nghiệp với thị trường. Các tổ chức khuyến nông thực sự hỗ trợ "đầu vào", đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

Đối với sản xuất công nghiệp, phải chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế tạo và chế biến, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, các ngành có công nghệ cao. Chú trọng các ngành công nghiệp phục vụ sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm.

---

(2) *Văn kiện đd*, tr 159-160

Digitized by Google

Đối với lĩnh vực dịch vụ, phải tăng tỷ trọng trong GDP, mở rộng và phát triển nhanh các loại hình dịch vụ theo phân loại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Phát triển đi đôi với tăng chất lượng và giảm giá thành các loại dịch vụ phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa. Đẩy mạnh phát triển du lịch và dịch vụ xuất khẩu lao động. Mở rộng các loại dịch vụ phục vụ đời sống công cộng và gia đình.

Đối với kinh tế vùng, tiếp tục chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm, trong đó có các thành phố lớn cần được tiếp tục có các cơ chế, chính sách thuận lợi để phát triển nhanh và tăng cường liên kết kinh tế với các địa bàn nhằm phát huy vai trò đầu tàu. Ở các vùng nông thôn, gắn chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp với phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống và công nghiệp, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, giảm áp lực dân nông thôn di chuyển tự do về các thành phố lớn.

Đối với các thành phần kinh tế, sẽ giảm dần số lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX. Các thành phần kinh tế khác cần được tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển. Xóa bỏ các rào cản và hỗ trợ, khuyến khích tư nhân phát triển nhanh để các thành phần kinh tế thực sự bình đẳng trong sản xuất kinh doanh.

Hai là, bổ sung và hoàn thiện môi trường sản xuất - kinh doanh. Nhà nước cần tập trung giải quyết một số vấn đề lớn về quản lý kinh tế như : rà soát lại hệ thống pháp luật, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện môi trường pháp lý phù hợp với phát triển kinh tế thị trường để mọi thành phần kinh tế yên tâm làm ăn theo luật pháp. Đồng thời, luật pháp phải được thi hành nghiêm chỉnh và vận hành thông suốt. Trong việc lành mạnh môi trường kinh tế vĩ mô, điều quan trọng là thực hiện chính sách tài chính tích cực, linh hoạt và thận trọng, đẩy mạnh cải cách tài chính, tiền tệ, tăng dự trữ quốc gia về tài chính, ngoại tệ. Điều chỉnh cơ cấu thu ngân sách nhà nước cho phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật thuế phù hợp với đặc điểm của nước ta và tương thích dần với thông lệ quốc tế, trong đó đề cao tính tự giác của các đối tượng nộp thuế.

Đổi mới và có biện pháp chấn chỉnh từng khâu trong quy chế quản lý ngân sách nhà nước từ lập và xét duyệt dự toán, trình tự giải ngân, đấu thầu tới khâu quyết toán, kiểm toán. Đổi mới phương thức đánh giá hiệu quả chi tiêu công cộng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế đảm bảo kinh phí hoạt động cho khu vực dịch vụ công theo hướng chính thức hóa, công khai hóa việc thu phí từ người hưởng dịch vụ, đồng thời có chính sách biện pháp cụ thể hỗ trợ cho người nghèo được hưởng các dịch vụ cơ bản. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút khu vực dân doanh tham gia đầu tư công cộng và cung ứng một số dịch vụ công mà Nhà nước không cần nắm giữ.

Phân định rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp ngân sách, giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính nhiều hơn cho chính quyền địa phương, đảm bảo thực quyền của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc phân bổ ngân sách ở địa phương mình... Cơ chế, chính sách tài chính, tín dụng phải được sử dụng linh hoạt, từng bước tự do hóa tài chính, tín dụng.

Digitized by Google

Ba là, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần đã được xác định tại Đại hội lần thứ IX và Nghị quyết số 7/NQTU của Bộ Chính trị (khóa IX) nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội vừa không ít thách thức. Do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập, vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực có thể phát sinh trong tiến trình hội nhập. Lộ trình hội nhập vừa phải hợp lý, phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của đất nước vừa phải đáp ứng các quy định của các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế mà ta cam kết tham gia ; tranh thủ và tận dụng các ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia nhằm giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, cảnh giác với mọi mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình" đối với nước ta.

Chính phủ cùng các bộ quản lý chuyên ngành và các hiệp hội doanh nghiệp, ngành nghề cần tạo điều kiện và hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường, đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa. Đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng đa dạng hóa thị trường và mặt hàng, tăng thị phần trên các thị trường truyền thống, khai thông và mở rộng thị trường mới, quan tâm mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với các nước ASEAN, Trung Quốc, Mỹ, Nga, EU, Nhật Bản - là những thị trường có tiềm năng lớn. Điều chỉnh sự phân công giữa các bộ để khắc phục sự tách rời giữa sản xuất với xuất khẩu trong quản lý nhà nước. Mở rộng hoạt động hỗ trợ và bảo lãnh, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu nhằm hạn chế các rủi ro thương mại có thể xảy ra trong hoạt động xuất nhập khẩu. Chủ động khai thác khả năng và cơ hội mới để thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tăng hệ số sử dụng các khu công nghiệp tập trung đã xây dựng ; đổi mới cơ chế khu chế xuất để mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa, dịch vụ với thị trường nội địa.

Bốn là, phát triển toàn diện các nguồn lực, nhất là phát huy cao độ yếu tố con người. Phát triển toàn diện cả trí lực, thể lực và nhân cách, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đồng thời giải quyết tốt việc làm để nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo ở các vùng khó khăn. Trong phát triển nguồn nhân lực cần đặc biệt nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, điều chỉnh hợp lý cơ cấu đào tạo theo ngành nghề và theo trình độ để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Tạo mọi điều kiện cho mọi người, mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên bằng nhiều hình thức, tự học, học thường xuyên và học suốt đời để có tri thức không chỉ làm chủ được các công nghệ tiên tiến mà còn sáng tạo ra khoa học và công nghệ mới. Coi trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ và phẩm chất của nhà giáo, từng bước thực hiện yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục. Thực hiện một nền giáo dục công bằng cho mọi người, mọi vùng

Digitized by Google

của đất nước, chú trọng quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, hải đảo và vùng đồng bào khó khăn. Có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực trong thi cử, cấp văn bằng, khắc phục khuynh hướng "chạy" theo đồng tiền, làm xói mòn những giá trị đích thực của nền giáo dục định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nghiêm túc Luật Khoa học và Công nghệ để sớm hình thành và vận hành thị trường khoa học và công nghệ làm cho sản phẩm khoa học thực sự là một loại hàng hóa có địa chỉ sử dụng và có sức cạnh tranh. Các nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn cần tập trung vào giải quyết các vấn đề mà cuộc sống đặt ra, tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ lý luận về phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa... Có chính sách sử dụng và đãi ngộ nhân tài để phát huy tiềm năng tri thức trong nước, thu hút Việt kiều có trình độ cao đóng góp trí tuệ cho đất nước.

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước nhằm xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực ngang tầm giai đoạn cách mạng mới và phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của Chính phủ, các bộ và chính quyền địa phương ; tăng cường tính công khai, minh bạch về thể chế, chính sách và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ; tạo điều kiện cho nhân dân tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao kỷ luật thi hành công vụ trong toàn bộ hệ thống bộ máy nhà nước. Các cấp, các cơ quan hành chính nhà nước phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc giải quyết khiếu kiện của dân, tích cực xử lý những vụ nổi cộm còn tồn đọng và không để các vụ, việc tiêu cực mới phát sinh.

Sáu là, đổi mới phương thức và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, đặc biệt tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước trên mọi lĩnh vực. Cùng với các biện pháp mạnh mẽ ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu cần đổi mới công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ làm trong sạch bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị...

Trước mắt, cần quán triệt sâu rộng trong tất cả các ngành các cấp, các đơn vị về 4 khâu đột phá then chốt mà Đảng ta đã xác định là :1- Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước ; 2- Phát huy tối đa nội lực, thực hiện tốt kích cầu đầu tư và tiêu dùng, kích thích sản xuất, nâng cao sức mua, cải thiện đời sống dân cư ; 3- Tạo bước chuyển mạnh mẽ về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ; 4- Cải cách bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trước mắt là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. ❑

Digitized by Google

Chủ quyền quốc gia và nhân quyền

HOÀNG VĂN HẢO *

NHÂN quyền và chủ quyền quốc gia là những khái niệm có nội hàm khác nhau. Nhưng, trong quá trình thực hiện, chúng lại có quan hệ hữu cơ, làm tiền đề tồn tại và phát triển cho nhau. Do vậy, về mối quan hệ này, thường có những quan điểm khác nhau, thậm chí đối lập nhau, đến mức có quan điểm tách nhân quyền khỏi chủ quyền quốc gia, hoặc đối lập nhân quyền với chủ quyền quốc gia, rằng "nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia" hoặc "hy sinh chủ quyền quốc gia cho nhân quyền" ! Trong bối cảnh thế giới hiện nay, quan điểm trên còn là "cơ sở tư tưởng" cho những hành động can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của quốc gia này đối với quốc gia khác. Vì vậy, trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa về kinh tế, cần có quan điểm đúng đắn để giải quyết mối quan hệ giữa nhân quyền và chủ quyền quốc gia, bảo vệ, phát triển nhân quyền, đồng thời giữ vững chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, mới bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

I

Nhân quyền là vấn đề có nội dung lớn, tính chất phức tạp, bởi nó gắn với các chế độ chính trị khác nhau. Có người cho nhân quyền chỉ là "giá trị đạo đức" ! Nghĩa là, không xác định rõ trách nhiệm pháp lý của nhà nước trong việc thực hiện nó. Mặc dù, còn những quan niệm khác nhau về nhân quyền, có thể hiểu đơn giản, "nhân quyền là những nhu cầu, lợi ích và năng lực vốn có của con người, được pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế ghi nhận và bảo vệ". Nói cách khác, khái niệm nhân quyền được xác định bởi hai yếu tố. Một là, có nhu cầu lợi ích và năng lực nhất định của một chủ thể quyền đã hình thành. Hai là, có quy chế pháp lý thừa nhận và bảo vệ lợi ích, năng lực đó. Những lợi ích và năng lực vốn có của con người được nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, được nhà nước bảo vệ, mới trở thành quyền, đúng là : không có luật thì không có quyền.

Nhân quyền là những nhu cầu thiết thân, tất yếu của con người như ăn, mặc, ở, đi lại ... xuất hiện như là những nhu cầu tự nhiên, vốn có của con người. Vì vậy, trong "Tuyên ngôn độc lập của Mỹ" cũng như "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp" đều ghi nhận như là một nhu cầu tự nhiên, rằng "Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng ..." mà trước hết là bình đẳng về nhân phẩm. Điều đó khẳng định rằng, nhân quyền không phải là "thứ ban phát", là "của ban ơn, bố thí" của bất kỳ ai, lại càng không thể là cái có thể đem ra trao đổi, mua bán, chuyển nhượng !

---

* GS, TS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Nhân quyền là nhu cầu tự nhiên, nhưng con người trong bản chất của nó là con người xã hội, nó cần dựa vào xã hội để tồn tại và phát triển, nhu cầu của cá nhân được giải quyết trong quan hệ xã hội. Do vậy, nó có quyền, đồng thời có trách nhiệm đối với xã hội. Quyền và nghĩa vụ ấy của con người trong xã hội có giai cấp được tồn tại trong thực tế dưới dạng pháp luật, quyền dân sự chính trị cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Vì vậy, có thể nói, trong đời sống hiện thực, sự phát triển nhân quyền đồng hành với quá trình phát triển pháp luật, trước hết là pháp luật quốc gia. Và, một khi nhu cầu nhân quyền trở thành phổ biến, nhất là sau thảm họa của Đại chiến thế giới thứ II, nhân quyền trở thành khát vọng chung của nhân loại. Trước nhu cầu bức bách đó, "Tuyên ngôn nhân quyền thế giới" ra đời, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, cộng đồng quốc tế khẳng định trách nhiệm bảo vệ nhân quyền thông qua hệ thống pháp luật quốc tế. Đến nay, với nội dung "Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948" và "hai công ước quốc tế năm 1966" về quyền dân sự chính trị và quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, nhiều quốc gia đã coi đó là "Bộ luật nhân quyền quốc tế".

II

Cũng trong quá trình phát triển nhân quyền ấy, ở các quốc gia, ý thức dân tộc phát triển mạnh mẽ, dấy lên phong trào giải phóng dân tộc, nhiều nước đã giành được độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, tạo nên điều kiện cơ bản để bảo vệ và phát triển nhân quyền trong mỗi nước. Vì vậy, đến nay, nhân quyền và chủ quyền quốc gia đều là những nội dung cơ bản trong đời sống chính trị ở mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi quốc tế, và đều được ghi nhận như là những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại.

Trong thời đại chúng ta, việc tôn trọng chủ quyền quốc gia được ghi nhận như là nguyên tắc hàng đầu của luật quốc tế hiện đại. Nội dung của nó được xác định trên các bình diện sau đây :

- Chủ quyền quốc gia bao gồm quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ đối ngoại. Trong phạm vi lãnh thổ, mỗi quốc gia có toàn quyền quyết định mọi vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của mình. Trong quan hệ quốc tế, mỗi quốc gia đều có quyền quyết định mọi vấn đề về lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế, xã hội cũng như chính sách đối ngoại của mình mà các quốc gia khác không có quyền can thiệp.

- Tất cả các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, dù khác nhau về tính chất chính trị, trình độ kinh tế, xã hội đều được bình đẳng về chủ quyền quốc gia, bình đẳng về sự toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị, bình đẳng trong quyền tự do lựa chọn và phát triển chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, mà không một quốc gia nào được áp đặt hay can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác dưới bất kỳ hình thức nào.

Dĩ nhiên, trong khi được hưởng các quyền nói trên, các quốc gia cần có thiện chí và làm đầy đủ trách nhiệm quốc tế và tôn trọng pháp luật quốc tế.

Chủ quyền quốc gia được bao hàm trong nội dung luật pháp quốc tế hiện đại hoàn toàn không mâu thuẫn với nhân quyền ; ngược lại, đó chính là điều kiện thuận lợi bên trong và bên ngoài cho sự bảo vệ và phát triển nhân quyền đích thực. Và, một khi nhân quyền ở các quốc gia được thừa nhận và phát triển,

Digitized by Google

thì đúng như "Tuyên ngôn nhân quyền thế giới" đã khẳng định, đó là : nền tảng của tự do, công bằng và hòa bình trên thế giới. Vì vậy, muốn phát triển nhân quyền phải giữ vững chủ quyền quốc gia, luật quốc tế hiện đại thừa nhận cả nhân quyền và chủ quyền quốc gia đều là những nguyên tắc cơ bản của nó, cộng đồng quốc tế đều có trách nhiệm bảo vệ cả nhân quyền lẫn chủ quyền quốc gia. Ở đây, hoàn toàn không có chuyện "hy sinh chủ quyền quốc gia cho nhân quyền" ! Ngược lại, có giữ vững chủ quyền quốc gia mới thực sự có điều kiện để bảo vệ nhân quyền.

Từ kinh nghiệm lịch sử, một người dân bình thường ở Việt Nam cũng dễ dàng thấy được mối liên hệ hữu cơ giữa nhân quyền và chủ quyền quốc gia, rằng không có chủ quyền quốc gia thì không thể có nhân quyền. Do truyền thống cộng đồng, truyền thống dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm cũng như kinh nghiệm cách mạng Việt Nam trong những thập kỷ gần đây đều cho thấy, khi "vong quốc nô" thì không thể có nhân quyền. Nói cách khác, nước Việt Nam có độc lập thì dân Việt Nam mới có tự do. Thực tế ở Việt Nam, bảo vệ và phát triển nhân quyền trước hết lại bắt đầu bằng quá trình giải phóng dân tộc, nhân quyền chỉ có trong độc lập dân tộc, người Việt Nam đã phải hy sinh xương máu của biết bao thế hệ mới giành được chủ quyền quốc gia, bởi "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Thực tế ở đây, không thể có cái gọi là "nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia", mà chỉ có sự thống nhất giữa nhân quyền và chủ quyền quốc gia, nhờ có chủ quyền quốc gia mà phát triển được nhân quyền, khi phong trào giải phóng dân tộc giành được thắng lợi, những người dân mất nước đã thực sự trở thành người làm chủ đất nước và xã hội. Và, thông qua nhà nước dân chủ của mình, họ tham gia một cách quyết định vào quản lý nhà nước, thực hiện quyền dân sự chính trị cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Trên thực tế, ở Việt Nam dưới ngọn cờ "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội", quyền con người, quyền công dân đã được mở rộng ngay từ khi sự nghiệp giải phóng dân tộc giành được thắng lợi, bảo đảm cho các tầng lớp nhân dân tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội. Quyền con người, quyền công dân ở nước ta được phát triển liên tục qua các Hiến pháp, nếu Hiến pháp năm 1946 có 18 điều, thì các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 tương ứng là 21, 29, 34 điều. Và, những quyền hiến định ấy đã được cụ thể hóa trong hàng trăm văn bản luật và hàng nghìn văn bản dưới luật. Và, Hiến pháp xác định quyền, đồng thời cũng xác định nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, "quyền công dân đi đôi với nghĩa vụ công dân". Bởi vì, kinh nghiệm thực tế cho thấy, nhu cầu của cá nhân không thể vượt lên trên lợi ích của cộng đồng dân tộc, tách khỏi cộng đồng thì cá nhân không thể có tự do chân chính, chỉ có trong cộng đồng thì mỗi cá nhân mới có những phương tiện để phát triển toàn diện những năng khiếu của mình, chỉ có trong cộng đồng thì mới có thể có cá nhân tự do.

III

Cũng cần thấy một thực tế là, trong thế giới hiện nay, những khái niệm "nhân quyền" và "chủ quyền quốc gia" đang bị xuyên tạc và lợi dụng. Nói cách khác, người ta lợi dụng nhân quyền để vi phạm chủ quyền quốc gia dưới nhiều hình thức. Chúng ta biết rằng, từ lâu Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã theo đuổi

Digitized by Google

chính sách "ngoại giao nhân quyền", theo đó lấy "nhân quyền" là điều kiện cho viện trợ nhân đạo và hợp tác phát triển. Sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, các lực lượng thù địch càng ra sức lợi dụng ngọn cờ "dân chủ", "nhân quyền" để phục vụ cho âm mưu chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các nước độc lập dân tộc, hòng đặt vấn đề nhân quyền lên trên chủ quyền quốc gia, lôi kéo Liên hợp quốc áp dụng những biện pháp trừng phạt, can thiệp thô bạo vào độc lập chủ quyền của những nước mà chúng cho là "vi phạm nhân quyền".

Ở Việt Nam, các lực lượng thù địch đang tiến hành chiến lược "diễn biến hòa bình" mà vấn đề nhân quyền được coi là nội dung quan trọng của chiến lược đó. Dưới chiêu bài bảo vệ nhân quyền, chúng tiến hành các hoạt động phá hoại về tư tưởng, vu cáo, công kích chế độ và sự lãnh đạo của Đảng ta. Nhân danh kẻ bảo vệ nhân quyền, chúng khuyến khích, tập hợp, hỗ trợ cho bọn phản động, bọn cơ hội, bất mãn phát triển lực lượng, hình thành lực lượng đối lập và các tổ chức phản động hòng gây mất ổn định chính trị.

Chúng ta biết rằng, trong thế giới mở và phụ thuộc lẫn nhau hiện nay, còn nhiều vấn đề phức tạp mà bất cứ quốc gia nào cũng không tự mình giải quyết được, như vấn đề lương thực, bệnh tật hiểm nghèo, môi trường sống, tội phạm quốc tế ..., do vậy, đòi hỏi có sự hợp tác quốc tế mới bảo đảm được nhân quyền. Nhưng, sự hợp tác quốc tế và khu vực lại phải đặt trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau, dựa trên những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế hiện đại, mới thật sự là bảo vệ nhân quyền cho mọi người và mọi dân tộc.

Ở Việt Nam, có thể nói đường lối nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam là, tất cả vì sự nghiệp giải phóng con người, vì quyền con người đích thực. Đặc biệt, trong những năm gần đây, nhân dân thực hiện đường lối đổi mới toàn diện mà thực chất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội. Với đường lối đổi mới toàn diện ấy không những đã thúc đẩy kinh tế phát triển, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế, mà về mặt nhân quyền đã có bước phát triển rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, quyền dân sự chính trị cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Trên lĩnh vực quốc tế, Việt Nam đã tham gia hoặc phê chuẩn nhiều công ước quốc tế về nhân quyền như công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị ; công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ; công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ ; công ước quốc tế về quyền trẻ em... Và, điều quan trọng hơn là việc bảo vệ nhân quyền trên thực tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nhân quyền trong quá trình phát triển. Việt Nam đã thực hiện nhiều báo cáo quốc gia về nhân quyền, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao về thiện chí cũng như kết quả thực hiện các công ước. Trên cơ sở những thành tựu đạt được về nhân quyền, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp tục khẳng định phương hướng : chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người ; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia các điều ước ấy ; coi đó là mục tiêu và cũng là động lực phát triển của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

ĐỂ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

LÊ QUANG MINH

Về quan điểm, Đảng ta xác định thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Đây thật sự là một quan điểm khoa học và cách mạng. Đảng ta luôn thực hiện quan điểm này một cách sáng tạo, có hiệu quả suốt quá trình lãnh đạo cách mạng qua các thời kỳ.

Mấy năm gần đây, để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 30 và Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 29 và Nghị định số 71 về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Thời gian thực hiện tuy chưa nhiều, nhưng bước đầu đã cho ta những thành tựu và kinh nghiệm, đồng thời cũng đặt ra không ít những vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nâng cao nhận thức, đổi mới biện pháp nhằm thực hiện tốt hơn Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Chúng ta biết rằng, Trung ương là cấp chiến lược, hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật ; cơ sở là cấp thực hiện và thể hiện những vấn đề đó một cách sinh động, sáng tạo. Thực hiện dân chủ ở cơ sở là một biện pháp quan trọng trong nhiều biện pháp để đạt được những mục tiêu trên.

Chủ thể thực hiện dân chủ ở cơ sở là nhân dân, các thành viên trong cộng đồng dân cư, đơn vị công tác ở cơ sở. Thực tế cho thấy, nhận thức về vấn đề này ở các cá nhân còn khác nhau. Có người cho rằng, không thể thực hiện được dân chủ khi trình độ nền kinh tế - xã hội của đất nước ta còn khó khăn, thấp kém như hiện nay. Có người đòi hỏi phải thực hiện dân chủ tuyệt đối ngay lập tức, một cách toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có người lại yêu cầu thực hiện dân chủ không có giới hạn, tự do theo sở thích cá nhân, bất chấp kỷ cương pháp luật. Cũng có kẻ lợi dụng dân chủ để kích động, gây rối tình hình.

Nhưng từ những kết quả đã đạt được sau hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị số 30 của Bộ Chính trị và các Nghị định số 29 và 71 của Thủ tướng Chính phủ, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tiếp tục gặt hái những kết quả mới.

Trước hết, phải hiểu thực hiện dân chủ phát huy quyền làm chủ của nhân dân là vấn đề có tính quy luật của xã hội loài người. Chúng ta đều biết, lịch sử phát triển của xã hội loài người là lịch sử con người vươn lên làm chủ không ngừng. Trong xã hội nguyên thủy, con người để tồn tại và phát triển đã phải làm chủ trong việc săn bắn, hái lượm để sinh sống, duy trì nòi giống. Khi những sản vật của tự nhiên vơi cạn dần, con người không thể chỉ trông chờ vào những vật phẩm

Digitized by Google

tiêu dùng sẵn có như vậy mà phải chủ động trồng trọt, chăn nuôi để tạo ra những thức ăn nuôi sống mình cùng các đồ dùng sinh hoạt khác bằng cách chế tạo ra các công cụ, các tư liệu sản xuất cần thiết. Nhờ quá trình vươn lên làm chủ như vậy mà con người đã thoát khỏi loài vượn, trải qua thời kỳ xã hội nguyên thủy, dựng nên nền văn minh nông nghiệp. Không dừng lại ở đấy, con người bằng lao động sáng tạo, đã chế tạo ra máy móc, công cụ, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả vô cùng cao, như C. Mác nói *một ngày bằng mấy mươi năm*. Đó là nền văn minh công nghiệp. Đến thời đại ngày nay, loài người đang chuyển mạnh từ nền văn minh công nghiệp sang nền văn minh tin học. Nhờ sự tiến bộ vượt bậc về khoa học - công nghệ, con người tiến sâu vào lòng đất, xuống đáy biển, vào vũ trụ, khám phá biết bao nhiêu điều bí ẩn, bất ngờ của thế giới, để tìm lời giải chuẩn xác phục vụ cho cuộc sống của mình.

Chính nhờ sự phát triển không ngừng của quá trình vươn lên làm chủ, loài người đã tạo ra những tiến bộ của lực lượng sản xuất và đưa xã hội loài người trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội từ cộng sản nguyên thủy qua chiếm hữu nô lệ tới chế độ phong kiến đến tư bản chủ nghĩa và nhất định tới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trình độ làm chủ cũng như hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng cao hơn thời kỳ trước. Sự tiến bộ của hình thái kinh tế - xã hội cơ bản là nhờ sự tiến bộ của lực lượng sản xuất và sự tiến bộ của lực lượng sản xuất chính là sự tiến bộ của quá trình vươn lên làm chủ của con người.

Lịch sử xã hội loài người không bao giờ dừng lại mà luôn phát triển và tiến bộ không ngừng. Đó là xu hướng mang tính quy luật của quá trình vươn lên làm chủ của xã hội loài người. Đảng ta nhận thức sâu sắc về tính khách quan của quy luật đó và vận dụng sáng tạo trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình cách mạng.

Thứ hai, thực hiện dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân với bản chất xã hội tiến bộ như vậy nhưng bao hàm trong nó những tính chất quan trọng sâu sắc. Trong xã hội có giai cấp, dân chủ bao giờ cũng mang tính giai cấp. Xã hội nô lệ là chế độ chủ nô và xã hội phong kiến là chế độ quân chủ chuyên chế. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, quyền lực thuộc về giai cấp bóc lột, vì thế dân chủ chỉ là dân chủ hình thức, dân chủ là của và với giai cấp tư sản thống trị. Nhân dân chỉ tuân thủ những luật pháp hà khắc do giai cấp thống trị ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của chúng. Uy lực của đồng tiền và bộ máy Nhà nước tư sản đã khống chế tất cả quyền lực.

Đảng ta chủ trương dân chủ là dân chủ với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, và như Bác Hồ dạy *bao nhiêu lợi ích và quyền hạn đều thuộc về nơi dân*. Chúng ta thực hiện phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nhân dân là người quyết định mọi công việc và Nhà nước là của dân, do dân, vì dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân và giai cấp nông dân với tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dân chủ ở cơ sở vì thế mang tính chính trị - xã hội sâu sắc. Nó cuốn hút mọi chủ thể vào tham gia các hoạt động xã hội trên tất cả các lĩnh vực nhằm bảo vệ mọi quyền lợi chính đáng của người dân. Đối tượng được thụ hưởng nền dân chủ cũng chính là các chủ thể tạo nên nền dân chủ ấy. Cho nên, muốn thực hiện dân chủ ở cơ sở, mấu chốt là xã hội hóa được các điều khoản của Quy chế để mọi người dân cùng chủ động, tự giác tổ chức thực hiện. Thực hiện

Digitized by Google

dân chủ ở cơ sở còn mang tính hệ thống và tính toàn dân. Chúng ta không chỉ thực hiện dân chủ trên lĩnh vực chính trị mà quan trọng và đồng thời, phải thực hiện dân chủ về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Cơ sở kinh tế không vững chắc, trình độ văn hóa thấp kém, an ninh quốc phòng không ổn định thì không thể thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở. Những vấn đề nêu trên cho thấy, tính biện chứng của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ các quan điểm, nội dung chỉ đạo của Quy chế là định hướng quan trọng cho việc xây dựng chương trình kế hoạch hành động, biện pháp tổ chức thực hiện, động viên các tầng lớp nhân dân phát huy mọi nguồn lực, trí tuệ, công sức thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực hiện dân chủ nói chung, dân chủ ở cơ sở nói riêng bao giờ cũng mang tính lịch sử cụ thể. Nó tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố chủ quan, khách quan. Cùng nội dung Quy chế Dân chủ ở cơ sở, cùng triển khai một thời điểm, nhưng có nơi thực hiện tốt, có hiệu quả và tác động tích cực đến phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xã hội ổn định nhân dân phấn khởi, tin tưởng. Ngược lại, có nơi lại không triển khai được, nội dung Quy chế ít thâm nhập vào dân ; người dân thờ ơ, thiếu niềm tin vào tính khả thi của những qui định trong Quy chế. Cán bộ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở thì coi nhẹ, thậm chí xem thường công việc này, chăm chú lo việc làm ăn kinh tế thuần túy hoặc đối phó với những vấn đề bức xúc trước mắt đang đặt ra, v.v..

Rõ ràng, ngay trong nhận thức, quan niệm về dân chủ ở cơ sở đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau, do đó dẫn đến những kết quả khác nhau. Cho nên, vấn đề mấu chốt để thực hiện có hiệu quả Quy chế Dân chủ ở cơ sở là thống nhất nhận thức, thấy rõ tính khoa học và cách mạng, cùng những tính chất toàn diện, hệ thống biện chứng... như đã nêu trên đối với từng cán bộ, mỗi người dân ở cơ sở. Họ phải tự thấy đây là biện pháp tất yếu, không thể khác được để bảo vệ lợi ích chính đáng của cá nhân mình và là điều kiện để đóng góp vào sự nghiệp phồn thịnh chung của đất nước. Song cũng phải thấy, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở là cả quá trình lâu dài, trải qua những đấu tranh gian khổ, phải tiến hành từng bước, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Chúng ta không thể sốt ruột, không vì những hiện tượng tiêu cực, hay những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ở nơi này, nơi khác, lúc này lúc khác mà phủ nhận, mất niềm tin vào khả năng thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Hơn 5 năm thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chúng ta thấy rõ những hiệu quả thiết thực. Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi được củng cố vững chắc ; nhân dân phấn khởi, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được giữ vững. Nhiều vụ, việc tiêu cực ở cơ sở được nhân dân đấu tranh, làm sáng rõ, cán bộ, đảng viên được nhắc nhở, do đó đã hạn chế đáng kể các hành vi tiêu cực. Quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm trên thực tế ở những lĩnh vực cần thiết. Nhân dân chủ động giúp nhau xóa đói, giảm nghèo ; cả nước tạo việc làm thêm cho hàng triệu người. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực thành thị và nông thôn đều giảm, tăng thêm lượng người có việc làm. Số lao động qua đào tạo tăng lên. Đã huy động hàng ngàn tỉ đồng của nhân dân cho việc xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống văn hóa. Sau 2 năm (2000 - 2002) thực hiện phong trào toàn dân làm chủ xây dựng nền văn hóa mới, cả nước có hàng chục

Digitized by Google

ngàn làng ấp và khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa với hàng vạn khu dân cư tiên tiến văn hóa xuất sắc, cùng hàng chục ngàn đơn vị được công nhận cơ quan công sở văn minh sạch đẹp, v.v..

Với tinh thần chủ động giúp đỡ lẫn nhau, cả nước đã xây dựng và sửa chữa hàng chục ngàn căn nhà tình thương cho người nghèo với tổng giá trị lên tới trăm tỉ đồng. Các địa phương đã hỗ trợ cho hàng chục ngàn hộ nghèo mua vật tư phục vụ sản xuất, cây con giống với số tiền hàng tỉ đồng. Trong công nhân, đã có hàng trăm lượt người được cộng đồng giúp đỡ vay vốn phát triển kinh tế gia đình ; hỗ trợ giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn người ; hơn 90% các doanh nghiệp nhà nước thực hiện ký kết hợp đồng lao động. Và trên 80% số công nhân các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được ký hợp đồng lao động. Trong nông nghiệp, nông thôn có phong trào "nông dân giúp nhau sản xuất kinh doanh giỏi". Nhờ vậy, hàng chục vạn hộ được xóa đói giảm nghèo. Nông dân đã đóng góp hàng trăm tỉ đồng và hàng chục triệu ngày công để làm mới và sửa chữa hàng chục ngàn ki-lô-mét đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương. Phụ nữ, thanh niên đều có phong trào thi đua phát huy quyền làm chủ, xây dựng hàng chục ngàn câu lạc bộ văn hóa, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, lập thân lập nghiệp, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, thanh niên...

Qua sự khái quát nêu trên, mặc dù còn rất chưa đầy đủ, nhưng rõ ràng, việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội không thể phủ nhận.

Phát huy những kinh nghiệm đã có, để tiếp tục thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, chúng ta cần làm tốt một số việc chính sau :

Một là, nâng cao nhận thức đúng đắn, đầy đủ về thực hiện dân chủ ở cơ sở hiện nay.

Hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề, nhưng điều quan trọng là mỗi người dân tìm câu trả lời vì sao chúng ta vẫn chưa phát huy tốt tinh thần làm chủ của mình ? Vì sao có nơi, có lúc, cán bộ vô tình hoặc hữu ý vẫn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ? Điều đó tùy thuộc vào nhiều yếu tố, song nhận thức là cơ bản mà trước hết là nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở.

Có thể không ít người còn hiểu chưa thật đầy đủ, đúng đắn về Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Dân chủ ở cơ sở là gì ? Nó bao hàm những nội dung nào ? Quá trình phát triển của nó ra sao ? Mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở như thế nào ? Biện chứng của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước ra sao ? Mối quan hệ giữa dân chủ và tập trung ; dân chủ và kỷ luật kỷ cương như thế nào ?... Tất cả cần được nhận thức thật đúng đắn, đầy đủ ở mọi người, từ người lãnh đạo, quản lý đến người dân bình thường trong xã hội. Chính do nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ nên có hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, quan liêu, hống hách, trù dập dân, dân chủ cực đoan, vô tổ chức, vô kỷ luật dẫn đến vi phạm pháp luật...

Vì vậy, để nhận thức đúng đắn, đầy đủ về dân chủ, chúng ta không ngừng nâng cao trình độ dân trí, khả năng nghiên cứu và công tác tuyên truyền, giáo dục của các cấp bộ đảng chính quyền và đoàn thể.

Hai là, xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế bảo đảm cho việc thực thi dân chủ ở cơ sở.

Trong xã hội, mỗi con người là một thành viên, đồng thời là một chủ thể. Việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của mỗi

Digitized by Google

thành viên, mỗi chủ thể ấy cũng tuân theo quy luật của một trật tự xã hội nhất định. Điều đó được thể hiện ở hệ thống chính sách, pháp luật và cơ chế vận hành của tổ chức, bộ máy. Việc xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, bộ máy, cá nhân là cơ sở để bảo đảm cho từng thành viên đó phát huy tối đa khả năng của mình mà không bị "lấn sân", cản trở hoặc kìm hãm lẫn nhau.

Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một hệ thống pháp luật bảo đảm cho các thành phần kinh tế tự do khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của mình để phát triển. Chúng ta đã một thời thiếu chủ trương, chính sách như vậy trong nền kinh tế bao cấp nên đã kìm hãm sức sản xuất, không phát huy một cách có hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân. Rõ ràng, cơ chế, chính sách, pháp luật là yếu tố không thể thiếu được để thực hiện dân chủ ở cơ sở. Có cơ chế, chính sách đúng sẽ phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân.

Ba là, *tạo lập các tiền đề, các yếu tố kinh tế - xã hội để thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

Dân chủ ở cơ sở không phải tự nhiên mà có, càng không phải là vấn đề chung chung, trừu tượng, tồn tại ở ngoài cuộc sống thực tại của con người. Nó gắn liền với mọi trạng thái sinh hoạt của con người trong xã hội và tùy thuộc vào những yếu tố vật chất, tinh thần tạo ra nó.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền dân chủ được xây dựng với những thuộc tính và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Những thuộc tính, bản chất đó dần dần thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm lý, nếp tư duy, khả năng sáng tạo của mỗi người một cách tự nhiên, hình thành nên bản lĩnh, bản chất của con người. Môi trường xã hội với những thuộc tính, bản chất mạnh mẽ của chủ nghĩa xã hội sẽ chi phối nhận thức và hành vi của mỗi thành viên một cách tích cực, và ngược lại. Bên cạnh đó, trình độ phát triển của nền kinh tế, cơ sở vật chất, kỹ thuật tiến bộ, cũng là những điều kiện giúp cho việc thực hiện dân chủ ở cơ sở có hiệu quả và mang tính khả thi. Con người không thể làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân khi mình còn nghèo đói, ốm yếu, bệnh tật, không có học vấn. Cho nên, chủ quan duy ý chí, thoát ly tình hình thực tế về điều kiện kinh tế, xã hội của người dân ở những vùng, miền khác nhau rồi áp đặt những việc làm thiếu cơ sở vừa là phi khoa học, vừa không thật sự dân chủ đối với nhân dân.

Bốn là, *tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

Trong thực tiễn, có những nơi, những lúc quyền làm chủ của nhân dân chưa được coi trọng ngay khi thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Ví dụ, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân chưa được hiểu một cách thấu đáo là để thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, Nhà nước ấy là cơ quan đại diện quyền làm chủ của nhân dân, là nơi thực hiện quyền lực lớn nhất của nhân dân. Thế nhưng vẫn còn số nơi không triển khai Quy chế Dân chủ ở cơ sở, hoặc triển khai qua loa hình thức, vì ngại dân phản ứng, vì sợ bị phanh phui những vụ bê bối, vì có những địa phương, cơ quan nhà nước ở cấp này cấp nọ, nơi này, nơi kia có một bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất đã quan liêu, tham nhũng, xa rời dân, ức hiếp dân, làm cho dân bất bình, nổi giận.v.v. Như vậy, thực chất họ đã vi

Digitized by Google

phạm quyền làm chủ của nhân dân và có khi chính những người ấy đang nhân danh làm nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở hoặc nói khá nhiều về dân chủ. Cho nên, cần có biện pháp ngăn chặn đi đến đẩy lùi các hiện tượng dân chủ hình thức, dân chủ một chiều, dân chủ chỉ dành cho người có chức có quyền ; dân chủ cực đoan, v.v.. Đó cũng là sự bảo đảm và tăng cường dân chủ ở cơ sở.

***Năm là,** tăng cường cung cấp thông tin, nâng cao dân trí, bảo đảm định hướng đúng cho thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

Dân biết mới có thể bàn, mới có thể làm và mới có thể kiểm tra. Làm cho dân biết là yếu tố đầu tiên và cơ bản bảo đảm cho dân thực hiện quyền làm chủ của mình một cách đúng đắn. Trong thời đại khoa học - công nghệ phát triển và bùng nổ thông tin, việc cung cấp và định hướng thông tin cho nhân dân là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Thiếu thông tin chính xác sẽ làm cho nhân dân khó có thể phát huy quyền làm chủ của mình. Nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập với thế giới, chúng ta nếu không có đầy đủ thông tin sẽ rất khó làm ăn và thiếu chủ động trong sản xuất kinh doanh. Việc trồng cây gì, nuôi con gì, bán ở đâu, bán vào lúc nào, bán cho ai, bán như thế nào... là rất quan trọng. Thực tế cho thấy, do thiếu thông tin nên một loạt sản phẩm nông nghiệp mà nông dân đầu tư khá nhiều công sức, tiền của đã không bán được, gây tổn thất lớn. Đấy là một biểu hiện về nông dân không làm chủ được trong sản xuất, kinh doanh.

Cung cấp thông tin, cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa, khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin một cách chủ động là yêu cầu của quá trình thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Những thông tin mà chúng ta cung cấp cho nhân dân cần được chọn lọc, định hướng đúng đắn vừa phù hợp trước mắt, vừa có tính chiến lược lâu dài.

Để khai thác và tiếp nhận thông tin có hiệu quả, chúng ta phải hiện đại hóa hệ thống cung cấp thông tin, mở rộng giao lưu trên các lĩnh vực đối với các vùng miền trong nước và thế giới...

***Sáu là,** xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.*

Hệ thống chính trị ở cơ sở là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động dân chủ ; nơi cọ sát với dân, nơi truyền đạt các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho dân. Đồng thời, đây cũng là nơi phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân với Đảng và Nhà nước, góp phần đưa cuộc sống vào Nghị quyết, chính sách, pháp luật. Vì vậy, hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, trong sạch sẽ thực thi dân chủ có hiệu quả, và ngược lại. Để tăng cường vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, phải phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ; thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đặc biệt, phải tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị nói chung, nhất là thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở nói riêng.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở luôn luôn là vấn đề mới và phát triển không ngừng, đầy tính sáng tạo. Nó đòi hỏi chúng ta một mặt phải đi sâu nghiên cứu nhận thức đúng đắn về lý luận ; mặt khác, thường xuyên đổi mới hình thức, biện pháp tổ chức thực hiện để đưa Quy chế Dân chủ ở cơ sở vào cuộc sống một cách vững chắc. ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở CƠ SỞ VỮNG MẠNH

TRỊNH NGỌC ANH

CÁCH mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đánh dấu một bước chuyển vô cùng trọng đại của dân tộc ta. Nó đập tan ách thống trị thực dân tàn bạo, xóa bỏ chế độ phong kiến lỗi thời, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tuy trải qua nhiều giai đoạn có bối cảnh quốc tế và trong nước khác nhau, nhiệm vụ cụ thể và sách lược cách mạng có sự vận dụng linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn, song sợi chỉ đỏ xuyên suốt là *"lấy dân làm gốc"*, coi trọng dân vốn đã hình thành trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước được Đảng ta kế thừa và phát huy trong điều kiện mới.

Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng là một nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, có tính chiến lược trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Điều đó không chỉ khẳng định quyết tâm của Đảng ta trong việc đẩy mạnh cải cách tổ chức, hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế mà còn đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của sự nghiệp xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Sự nghiệp xây dựng Nhà nước ta gần sáu thập kỷ qua luôn gắn liền với ý tưởng về Nhà nước pháp quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định : "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"(1). Nhận thức đúng và vận dụng sáng tạo những lời chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã sớm xác định mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng chế độ nhà nước dân chủ với nguyên tắc "toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân" là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta. Đó là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng theo nguyên tắc : Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân ; quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ; Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật ; mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, công dân đều có nghĩa vụ

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 515

Digitized by Google

chấp hành và bình đẳng trước pháp luật. Một trong những nội dung quan trọng để xây dựng nhà nước pháp quyền là coi trọng quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao chất lượng nền dân chủ đại diện thông qua các cơ quan dân cử đồng thời mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Nghị quyết *"Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, xã, phường, thị trấn"*, tạo ra cho hệ thống chính trị ở cơ sở những khả năng mới trong việc hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm cơ chế : *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"* được thực hiện một cách đầy đủ ở cơ sở. Đổi mới hệ thống chính trị không chỉ là mục đích tự thân mà vì thực hiện dân chủ bởi vì Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định : "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng từng bước, hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân".

Nhằm phát huy đầy đủ, hiệu quả quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước, ngày 18-2-1998, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII đã ra Chỉ thị số 30 về việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Việc ban hành Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển đổi mới của đất nước, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ; thể hiện ý thức trách nhiệm cao cả của Đảng và Nhà nước trước xã hội, trước nhân dân. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã tạo ra bầu không khí cởi mở trong xã hội, tạo cho người dân có nhiều cơ hội tốt để thực hiện nhiều hơn, tốt hơn quyền làm chủ của mình. Quy chế đã góp phần quan trọng vào việc khởi động các nguồn lực trong nhân dân, tạo ra bộ mặt mới ở từng xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở có tác động tích cực, góp phần quan trọng vào cuộc vận động xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh ; tạo ra những chuyển biến tích cực về ý thức, tác phong và phong cách làm việc của cán bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, thật sự tôn trọng dân, gần dân và có trách nhiệm với dân hơn.

Một trong những nhân tố tạo ra thành công của việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là do các cấp ủy đảng và chính quyền ở xã, phường có nhận thức đúng về vai trò và ý nghĩa to lớn của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở ; thực sự quan tâm, tập trung lãnh đạo và chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, kịp thời giải quyết các khó khăn, các vấn đề mới nảy sinh, kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Những nơi thực hiện tốt Quy chế chính là nơi Đảng và chính quyền biết chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết tốt các yêu cầu của nhân dân trong cuộc sống như đi lại, ăn ở, học hành, chữa bệnh, vui chơi, giải trí ; giải quyết kịp thời, dứt điểm các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của nhân dân ; ngăn ngừa, xử lý các hành động tiêu cực lợi dụng dân chủ gây rối, làm tổn hại tới đời sống nhân dân. Tổ chức Đảng và chính quyền ở cơ sở biết đoàn kết thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng của từng tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức xã hội. Chính quyền phải thực sự tin dân, tôn trọng dân, lắng nghe dân, tạo ra sự gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Nhân dân tin vào Đảng, chính quyền, tự giác, chủ động phối hợp cùng với Đảng, chính quyền và Mặt trận thực hiện tốt các việc đã đề ra trong Quy chế.

Tuy nhiên, hệ thống chính trị ở cơ sở hiện nay còn nhiều mặt yếu kém, bất cập trong

Digitized by Google

công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và vận động quần chúng. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất đoàn kết nội bộ, vừa vi phạm quyền làm chủ của dân, vừa không giữ đúng kỷ cương, phép nước xảy ra ở nhiều nơi, có những nơi nghiêm trọng. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm không rõ ; nội dung và phương thức hoạt động chậm đổi mới, còn có biểu hiện của cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng ; chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chắp vá. Những yếu kém đó có phần trách nhiệm của bản thân hệ thống chính trị ở cơ sở, có phần thuộc trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Một nguyên nhân không kém phần quan trọng là từ trung ương đến các cấp, các ngành chưa nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở ; quan liêu, không sát cơ sở, sát dân, không kịp thời bàn định các chủ trương, chính sách để củng cố, tăng cường các tổ chức và đội ngũ cán bộ cơ sở.

Để đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở, cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ cơ sở ; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, gần dân, sát dân hơn. Thực hành dân chủ trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện. Quy định cụ thể quyền giám sát của dân, bãi miễn của dân đối với các tổ chức, cán bộ ở cơ sở. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, nâng cao dân trí , năng lực thực hành cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả hơn nữa, Quy chế Dân chủ ở cơ sở, trước mắt tập trung làm tốt một số giải pháp như sau :

Thứ nhất, **đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở cơ sở**

Đảng bộ, chi bộ cơ sở là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các mặt công tác ở cơ sở, cần nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị hướng vào phục vụ nhân dân, đưa đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với mọi người dân. Tổ chức tốt các việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, khơi dậy trí tuệ và mọi nguồn lực trong dân. Các tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo việc thể chế hóa Quy chế thành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và lãnh đạo việc kiểm tra, giám sát, tổng kết, hoàn thiện Quy chế. Kết quả của quá trình quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Quy chế Dân chủ gắn liền với hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết của tổ chức đảng. Kiểm tra từ việc chuẩn bị triển khai của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đến việc kiểm tra quá trình triển khai, tuyên truyền và thực hiện Quy chế. Đổi mới việc ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, của cấp ủy đảng. Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc giữa Bí thư cấp ủy với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và những người đứng đầu các đoàn thể nhân dân để bàn và giải quyết kịp thời những công việc bức xúc và quan trọng trên địa bàn, bảo đảm cho cấp ủy quán xuyến được các mặt công tác ở cơ sở. Đảng bộ, chi bộ và cấp ủy đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ gồm nhiều thế hệ bổ sung, kế tiếp nhau thông qua

Digitized by Google

việc rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên ; phát hiện, bồi dưỡng những người có đức, có tài để đảm đương các vị trí công tác trong hệ thống chính trị. Chú trọng công tác phát triển đảng viên mới, nhằm vào những người lao động giỏi, có đạo đức, lối sống lành mạnh, có uy tín. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành nghị quyết của đảng bộ, đảng ủy ; kiểm tra công tác và tư cách đảng viên. Chú trọng tìm hiểu, lắng nghe ý kiến nhận xét, đánh giá của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức cơ sở đảng thông qua việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

Thứ hai, **đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở**

Chính quyền cơ sở có chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ; thực hiện quản lý hành chính nhà nước theo thẩm quyền trên địa bàn ; hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự quản của nhân dân, tạo thuận lợi cho dân và doanh nghiệp làm ăn trong khuôn khổ pháp luật. Cấp trên không dồn cho cơ sở những việc thuộc chức năng cấp trên phải làm và không buộc cơ sở phải làm tất cả mọi việc về quản lý hành chính nhà nước. Phân cấp rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong việc thu, chi ngân sách, quản lý đê điều, quản lý đất đai, y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, các dự án đầu tư... Chính quyền phường không quản lý toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống dân cư trên địa bàn như chính quyền xã, thị trấn, song có nhiệm vụ quan trọng trong quản lý đô thị. Thôn, làng, ấp, bản, sóc là địa bàn phát huy có hiệu quả các hình thức tự quản của cộng đồng dân cư trên cơ sở quan hệ gắn bó tình làng, nghĩa xóm. Tổ nhân dân tự quản tuy không phải là cấp chính quyền, chỉ là tổ chức quần chúng có chức năng tự quản lý và giải quyết các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư, bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, vệ sinh môi trường, phong tục tập quán, phòng chống tệ nạn xã hội, giúp đỡ nhau sản xuất - kinh doanh. Tổ tự quản là nơi nhân dân gửi gắm tình cảm, tâm tư nguyện vọng, yêu cầu bức xúc của dân đối với Đảng và Nhà nước. Để tổ nhân dân tự quản phát huy tốt vai trò của mình cần tổng kết những mô hình tự quản tốt, pháp luật hóa vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nó. Ở những nơi đông đồng bào dân tộc thiểu số phải coi trọng vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng thôn.

Hoàn thiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, sửa đổi những quy định không phù hợp, bổ sung điều kiện và phương tiện để việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở thành nền nếp thường xuyên. Cần khẳng định và đề cao tính pháp lý của Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Quy chế là một văn bản pháp lý, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, phản ánh bản chất của Nhà nước, tuy nhiên ở mức độ Quy chế thì chưa tương xứng với tầm vóc của vấn đề. Cần nâng Quy chế Dân chủ ở cơ sở thành luật hoặc pháp lệnh thì tính hiệu lực mới cao và tính khả thi mới thực tế hơn.

Thứ ba, **đổi mới công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân**

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân sát hợp với nhu cầu và lợi ích của đoàn viên, hội viên ; tập hợp rộng rãi, nâng cao tính tự giác của đoàn viên, hội viên ; tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến tận người dân ; vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị,

Digitized by Google

kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi người hiểu và sử dụng đúng các quyền của mình được quy định trong Quy chế, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Thực hiện tốt Quy chế là động lực phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương, cơ sở đặc biệt là gắn với cuộc sống của người dân. Ủy ban Mặt trận các cấp đã lồng ghép nội dung các phong trào, các cuộc vận động như : *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư" ; "xóa đói, giảm nghèo" ; "đền ơn, đáp nghĩa"...* vào các nội dung của Quy chế để nhân dân tham gia, thực hiện. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thúc đẩy việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phản ánh ý kiến của quần chúng về xây dựng Đảng và chính quyền, phát giác những hành vi tham nhũng, lãng phí, vi phạm dân chủ ; tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, bày tỏ thái độ đối với những khiếu kiện của dân để góp phần giải quyết từ gốc. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng ; coi trọng và mở rộng các tổ chức và hoạt động tự quản của nhân dân dưới nhiều hình thức phong phú. Phát huy tính chủ động của các đoàn thể ở cơ sở trong việc tạo nguồn và sử dụng kinh phí. Sửa đổi những quy định không còn phù hợp về hội phí, đoàn phí ; thu đủ hội phí, đoàn phí và ưu tiên dành cho cơ sở. Nhà nước cấp một phần kinh phí hoạt động cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để các đoàn thể gây quỹ theo đúng pháp luật.

Thứ tư, **xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở**

Phải tích cực trẻ hóa và từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở. Phấn đấu từ nay đến hết năm 2005 có khoảng 70 - 80 % số cán bộ chuyên trách giữ chức vụ qua bầu cử được đào tạo, bồi dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định ; khoảng 80% cán bộ, công chức chuyên môn có trình độ trung cấp trở lên đối với đồng bằng, sơ cấp trở lên đối với miền núi. Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy đối với cán bộ cơ sở theo hướng đào tạo cơ bản, bồi dưỡng theo chức danh, bảo đảm tính thiết thực. Nâng cao mặt bằng dân trí ; mở rộng mạng lưới trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng ở các tỉnh, huyện, các trường, lớp nội trú cho con em đồng bào các dân tộc để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở. Có chính sách thu hút những người được đào tạo chuyên môn, nhất là sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc ở cơ sở. Những nơi còn thiếu cán bộ tại chỗ, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, cần kết hợp đào tạo cán bộ thông qua việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, làm tốt công tác luân chuyển cán bộ ở huyện, tỉnh về công tác ở cơ sở với nhiệm vụ chính là dìu dắt, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ.

Để phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, các tổ chức trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cấp huyện phải đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, khắc phục bệnh quan liêu, xa dân, hướng mạnh tới cơ sở. Tăng cường đi sát, làm việc trực tiếp với cơ sở, với dân, thấu hiểu nguyện vọng của dân, giải quyết kịp thời những vướng mắc của dân. Tổng kết, nhân rộng những điển hình tốt từ cơ sở, những sáng kiến của dân. Cần sớm sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân (với quy định cụ thể về phân cấp, ủy quyền cho cán bộ cơ sở) ; Pháp lệnh về cán bộ, công chức (bổ sung quy định đối với cán bộ, công chức cơ sở) ; ban hành Luật về Hội, các quy chế về tổ chức, phương thức làm việc của tổ chức đảng, đoàn thể ở cơ sở, các chính sách đối với cán bộ ở cơ sở.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGÔ NGỌC THẮNG*

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh : "Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương"(1). Cụ thể hóa một bước quan điểm trên đây, Kết luận Hội nghị Trung ương 6, khoá IX nêu rõ : "Đặc biệt quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia giỏi, từ những cán bộ trẻ, thanh thiếu niên ưu tú, ưu tiên đối với những người xuất thân công nhân, nông dân ưu tú, con em gia đình có công với cách mạng, dân tộc ít người..."(2). Vì vậy, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở và đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số là những vấn đề quan trọng, là chìa khóa để giải quyết vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng, chính sách dân tộc của Nhà nước.

Trong các thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Cho đến nay chúng ta đã xây dựng được một hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bao gồm : 180 trường cấp huyện, 45 trường cấp tỉnh và 7 trường do trung ương quản lý, trong đó có 3 trường dự bị đại học. Đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng, tham gia ngày càng đông đảo trong hệ thống chính trị, trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, xã hội, an ninh - quốc phòng... Tính đến tháng 12-2000 số cán bộ dân tộc thiểu số có trình độ trên đại học là 126 người, số có trình độ đại học, cao đẳng là 11 471 người, trung học chuyên nghiệp là 72 642 người, công nhân kỹ thuật là hơn 60 000 người. Nhiều cán bộ dân tộc thiểu số đã và đang giữ những vị trí chủ chốt trong các cơ quan đảng và nhà nước từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Số liệu cho thấy, trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII có 16 đồng chí, chiếm 9,41% ; khóa IX có 16 đồng chí, chiếm 10,6%. Trong các cơ quan chính phủ, các ngành ở trung ương nhiều người được bổ nhiệm làm bộ trưởng, thứ trưởng v.v.. Trong bộ máy đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp ở các địa phương miền núi và vùng dân tộc có nhiều cán bộ dân tộc thiểu số nắm giữ các chức vụ chủ chốt quan trọng. Đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đã và đang góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó chính

* TS, Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 128

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 202

Digitized by Google

là biểu hiện sinh động của đường lối đại đoàn kết toàn dân, là thắng lợi của chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi nói riêng, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, thiếu về số lượng, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cơ cấu chưa hợp lý. Cụ thể là :

- Hầu hết các tỉnh miền núi hiện nay chưa tự cân đối được lực lượng cán bộ tại chỗ mà còn phụ thuộc vào sự điều động, tăng cường từ các ngành trung ương và các địa phương khác đến. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các huyện vùng cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là vùng đặc biệt khó khăn chủ yếu là do cán bộ tăng cường đảm nhận. Đội ngũ cán bộ chuyên môn như giáo viên, y tế, tài chính ngân hàng, nông, lâm nghiệp, khoa học - công nghệ... hầu hết là người miền xuôi. Số cán bộ được đào tạo tại chỗ hoặc được cử đi đào tạo trở về công tác tại địa phương, chiếm tỷ lệ hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ rất thấp, nhất là ở vùng cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ cán bộ là người dân tộc không đồng đều giữa các vùng và các dân tộc. Ở Lạng Sơn tỷ lệ cán bộ người Tày là 42,4%, người Kinh là 37,7%, người Nùng là 18,8%, người Mông là 0,4%, người Dao là 0,3%. Ở Lào Cai, người Mông chiếm 30% số dân nhưng cán bộ là người Mông chỉ chiếm khoảng 10% tổng số cán bộ của tỉnh. Ở huyện Đồng Văn (Hà Giang) người Mông chiếm khoảng 90% dân số toàn huyện nhưng số cán bộ là người Mông chỉ chiếm khoảng 20%.

Thực tiễn cho thấy, tại các xã đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của cán bộ cơ sở rất thấp, chênh lệch khá lớn so với mặt bằng chung. Đại bộ phận cán bộ cấp xã chưa được đào tạo về chuyên môn. Độ tuổi cán bộ ở cơ sở khá cao (dưới 35 tuổi chiếm 21,33%, từ 35 đến 50 tuổi chiếm 52,67%, trên 50 tuổi chiếm 26%). Tỉ lệ cán bộ hưu trí, cựu chiến binh tham gia công tác giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt tại cơ sở khá đông. Đội ngũ cán bộ Đảng, Mặt trận, đoàn thể phần lớn chưa được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về pháp luật, về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế.

Nhiều dự án, công trình đầu tư ở miền núi đã không được thực hiện hoặc thực hiện không đạt mục tiêu đề ra, phần lớn do cán bộ cơ sở chưa biết xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lập các dự án đầu tư phù hợp. Năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra giám sát vốn đã yếu kém lại bị chi phối bởi tâm lý ỷ lại, trông chờ, dẫn đến tình trạng công trình kém chất lượng, chậm trễ, giá thành cao, vốn bị thất thoát hoặc sử dụng không đúng mục đích.

Để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, theo chúng tôi vấn đề mấu chốt là xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ tại chỗ, cán bộ người dân tộc thiểu số đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Muốn vậy, cần tập trung giải quyết tốt một số vấn đề sau đây :

Một là, phải xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số người địa phương, gắn liền giữa nhu cầu cán bộ với đào tạo, sử dụng tại chỗ người dân tộc, hình thành ở mỗi vùng, mỗi dân tộc có một đội ngũ cán bộ đồng bộ, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Có kế hoạch đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có để sử dụng trước mắt, đồng thời chuẩn bị đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ lâu dài. Cần rà soát lại đội ngũ cán bộ hiện có, tập trung vào đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở, xem lại nguồn cán bộ bổ sung, thay thế, nhất là đối với các chức danh chủ chốt. Cần đổi mới cơ chế tuyển dụng, mở rộng phạm vi, đối tượng để có thể lựa chọn được cán bộ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh, từng loại công việc, từng địa bàn công tác.

Digitized by Google

Hiện nay cán bộ chủ chốt ở cơ sở chủ yếu do dân bầu, làm việc theo nhiệm kỳ. Phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm này bảo đảm dân chủ nhưng lại tạo tâm lý không an tâm làm việc cho cán bộ. Những người được bầu và đảm nhiệm các chức danh lại chưa qua đào tạo, chưa có kiến thức quản lý nhà nước, không am hiểu công việc, khi cần thay thế, điều động, luân chuyển gặp nhiều phức tạp, khó khăn. Vì vậy, xuất phát từ điều kiện đặc thù của khu vực miền núi và dân tộc, cần kết hợp và vận dụng một cách linh hoạt các phương thức bố trí, sử dụng cán bộ. Những cán bộ trúng cử trước khi bổ nhiệm phải qua một lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày về nghiệp vụ quản lý. Nhà nước cần sớm ban hành quy định tổng thể về đội ngũ cán bộ cơ sở, tiêu chuẩn hóa đối với từng chức danh, trên cơ sở đó xây dựng quy chế tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo. Nghiên cứu, thể chế hóa chủ trương "Hệ thống chính trị ở cơ sở có cán bộ chuyên trách và cán bộ không chuyên trách"(3).

Hai là, coi trọng phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ tại chỗ, cán bộ người địa phương vùng dân tộc, miền núi kết hợp với việc phát huy vai trò tích cực của các già làng, trưởng dòng họ, những người có uy tín trong cộng đồng. Cán bộ địa phương, cán bộ người dân tộc thiểu số là những người am hiểu phong tục, tập quán, tâm lý, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc, gắn bó với họ hàng, bà con và quê hương. Họ là những người có nhiều ưu thế trong việc tuyên truyền, thuyết phục, vận động và tổ chức đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Do đó, muốn công việc được thuận lợi và có kết quả phải thu hút được sự đồng tình, ủng hộ và tham gia tích cực của cán bộ người dân tộc tại địa phương, nhất là những người có uy tín trong dòng họ, trong cộng đồng. Trước đây, chính quyền phong kiến, thực dân khi thiết lập bộ máy cai trị ở vùng dân tộc, miền núi đã không xóa bỏ các thiết chế cổ truyền mà vẫn sử dụng những người có thế lực và uy tín của địa phương. Ngày nay, trong vùng dân tộc và miền núi, tại các cộng đồng làng bản, thôn xóm luôn có những người giữ vai trò quan trọng, có ảnh hưởng lớn trong cư dân như các già làng, trưởng bản, tộc trưởng, trưởng họ, v.v.. Tuy những người này không thuộc cơ cấu bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở, nhưng vai trò của họ lại có tác động không nhỏ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, nếu nơi nào cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể biết sử dụng họ, đoàn kết, động viên họ tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội, các sinh hoạt chung của cộng đồng, làng bản thì sẽ dễ dàng hơn trong tập hợp và vận động quần chúng, giải quyết các mâu thuẫn nội bộ, xây dựng và phát triển làng bản.

Ba là, Thực hiện tốt chủ trương của Đảng về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, gắn việc luân chuyển cán bộ với việc điều động, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân ta đang đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống. Nghị quyết 11/NQ-TW ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị, khóa IX về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đang được thực hiện trong cả nước, bước đầu thu được kết quả và một số kinh nghiệm tốt. Muốn đạt hiệu quả, việc luân chuyển phải dựa trên cơ sở quy hoạch, đảm bảo sự cân đối, hài hòa giữa các loại cán bộ của địa phương. Việc luân chuyển phải có thời hạn nhất định, kèm theo những chế độ, chính sách cụ thể như : nâng lương trước thời hạn, trợ cấp khó khăn cho gia đình cán bộ, giải quyết nhà ở, cải thiện điều kiện sinh hoạt, v.v.

Bốn là, Nhà nước cần nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách ưu tiên, đãi ngộ đối với cán bộ dân tộc thiểu số cũng như với cán bộ người miền xuôi lên công tác tại miền núi cho phù hợp với tình hình và điều kiện mới. Cần có những chính sách ưu đãi để thu hút những sinh viên đã tốt nghiệp các

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 178

Digitized by Google

trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, những cán bộ trẻ có năng lực tự nguyện công tác, lập nghiệp và phục vụ lâu dài ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị ở vùng dân tộc, miền núi. Mặt khác, cần ban hành quy chế với những điều kiện mang tính chế tài để số cán bộ đã được địa phương, cơ sở cử đi học tập, bồi dưỡng trở về phục vụ theo sự phân công của tổ chức.

Cần tăng cường công tác quản lý cán bộ, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh những trường hợp lợi dụng, làm sai chế độ chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc và miền núi, gây tác động tiêu cực đối với đồng bào các dân tộc.

Năm là, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho vùng dân tộc và miền núi theo hướng đa dạng hóa các loại hình đào tạo với nội dung và chương trình thích hợp cho từng đối tượng, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Có chính sách khuyến khích và bắt buộc cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ để có thể đảm đương được công việc, vừa chú ý đến cán bộ đương chức, vừa quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ trong diện quy hoạch. Trong điều kiện hiện nay ở miền núi, cần thiết phải kết hợp nhiều hình thức như lập quỹ khuyến học, kết hợp đào tạo chính quy, dài hạn, tập trung với tại chức, ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn, luân chuyển cán bộ, v.v.. để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ. Tổ chức việc sắp xếp, chấn chỉnh lại hệ thống các trường đào tạo cán bộ từ trung ương đến địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX.

Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, sát với yêu cầu công việc cơ sở đòi hỏi ; phù hợp với từng loại đối tượng của các vùng miền khác nhau. Người cán bộ, công chức ở địa phương, vùng dân tộc và miền núi, ngoài những kiến thức cơ bản nói chung, họ rất cần được trang bị phương pháp công tác, những kiến thức về nghiệp vụ quản lý kinh tế, quản lý hành chính, những tri thức phổ thông tổng hợp để có thể chủ động, tự tin giải quyết những vấn đề thường xuyên xảy ra ở cơ sở. Vì vậy, các cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho vùng dân tộc, miền núi, cần đổi mới nội dung, chương trình đào tạo để học viên nâng cao được kỹ năng tổ chức hoạt động thực tiễn, đảm nhiệm tốt hơn nhiệm vụ, cương vị được giao. Nhà trường cũng phải có kế hoạch và giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đổi mới giáo trình, giáo khoa, tài liệu giảng dạy, cải tiến phương pháp truyền thụ, cải thiện môi trường dạy và học, đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Những cán bộ được cử đi học cần xác định học là để làm việc, nâng cao trình độ. Cần khắc phục nhận thức cho rằng, chỉ cần có kinh nghiệm, trải qua thực tiễn hay tự học là đủ và ngại xa nhà, ngại học tập trung, chính quy, dài hạn v.v.

Sáu là, chăm lo phát triển nguồn nhân lực bằng các chủ trương, chính sách đồng bộ nhằm tạo nguồn cán bộ ổn định, bền vững cho hệ thống chính trị vùng dân tộc, miền núi. Nhà nước cần tiếp tục đầu tư để củng cố, hoàn thiện hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học ; thực hiện chế độ cử tuyển theo Điều 78 Luật Giáo dục, tạo điều kiện để con em đồng bào các dân tộc miền núi, vùng cao, biên giới có điều kiện được học trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề. Đồng thời có kế hoạch sử dụng số học sinh đã tốt nghiệp ở các trường này, tạo điều kiện để họ trở về phục vụ tại quê hương, bổ sung vào đội ngũ cán bộ ở địa phương, cơ sở. Phấn đấu từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.❑

Digitized by Google

BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM *với việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các dân tộc*

NGUYỄN VĂN HUY* - LƯU HÙNG**

TUY thuộc số bảo tàng trẻ nhất ở Việt Nam, nhưng Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã sớm trưởng thành, phát triển và trở thành một bảo tàng nhanh chóng phát huy vai trò của mình cùng với hệ thống các Bảo tàng quốc gia ở nước ta hiện nay. Bảo tàng dân tộc học Việt Nam được coi như "ngôi nhà chung của các dân tộc", như "nơi lưu giữ cội nguồn dân tộc" v.v..

Trong thực tế, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và đang đóng góp rất đáng kể trên các lĩnh vực khoa học và văn hóa.

Thứ nhất, *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thực sự đóng vai trò một trung tâm lưu giữ, bảo tồn các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc.* Ban đầu, Bảo tàng chỉ được thừa hưởng một lượng hiện vật ít ỏi do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam chuyển giao (đây là số hiện vật sưu tầm thời thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, mà phần lớn không rõ xuất xứ để có thể sử dụng trưng bày). Vì thế, ngay sau khi thành lập, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam vừa phải xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất, vừa phải tiến hành sưu tầm mới hầu như toàn bộ hiện vật. Sau 7 năm triển khai công tác nghiên cứu - sưu tầm, đến nay Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có được vốn liếng khá phong phú : gần 20 000 hiện vật về văn hóa của tất cả 54 dân tộc ở Việt Nam và một số lượng lớn tư liệu nghe nhìn, gồm 63 000 phim âm bản (và ảnh kèm theo) với hơn 3 000 phim dương bản, hơn 300 băng ghi âm, hơn 600 băng phim vi-đi-ô, 30 đĩa CD-Room. Nguồn hiện vật và tư liệu vừa lớn vừa quý giá này không chỉ là cơ sở quan trọng hàng đầu để phục vụ cho những hoạt động khác nhau của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam mà còn góp phần tích cực và thiết thực vào sự nghiệp bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa của các dân tộc trong đại gia đình Tổ quốc Việt Nam. Ý nghĩa lớn lao cũng như tầm quan trọng chiến lược của nó được Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng, đề cao.

Với mục đích đẩy mạnh việc xây dựng các bộ sưu tập hiện vật, mà vai trò của chúng có thể ví như máu của cơ thể sống, trong 3 năm từ 2002 đến 2004, Bảo tàng sẽ thực hiện dự án nghiên cứu - sưu tầm mới, tập trung chủ yếu vào khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đây là thời kỳ sưu tầm lớn thứ 2. Điểm mới của thời kỳ này là chú trọng song song sưu tầm với điều tra, khảo sát, kết hợp triển khai dự án với tăng cường thiết lập mối quan hệ giữa Bảo tàng

* PGS, TS, Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
** TS, Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

Digitized by Google

với các địa phương, đặc biệt là mở ra hình thức kết hợp với một số trường đại học và cao đẳng để huy động lực lượng sinh viên tham gia công tác sưu tầm hiện vật dân tộc học cho Bảo tàng nhằm vừa hình thành các bộ sưu tập hiện vật, đáp ứng yêu cầu về tư liệu và hiện vật cho những hoạt động đa dạng của mình, vừa giữ gìn và quảng bá di sản văn hóa của các dân tộc ở nước ta.

Thứ hai, *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một cơ sở nghiên cứu về các dân tộc và văn hóa dân tộc.* Công tác nghiên cứu khoa học luôn được coi trọng và không tách rời các hoạt động chuyên môn của Bảo tàng. Việc nghiên cứu được tiến hành đa dạng theo những hình thức, cấp độ khác nhau, từ các hệ thống đề tài cấp Viện hằng năm liên quan trực tiếp các hoạt động của Bảo tàng, đến những nghiên cứu phục vụ cho từng trưng bày, từng cuộc trình diễn v.v.. Nhiều công trình nghiên cứu của Bảo tàng được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành (như : *Dân tộc học, Nghiên cứu Đông Nam Á, Văn hóa dân gian,* v.v.), hay trong những tập sách *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (1999, 2001, 2002). Đội ngũ cán bộ khoa học của Bảo tàng đã cho ra đời một số ấn phẩm có giá trị, như : *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam* (1997, tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp), *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam* (1997, tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp), tập ảnh *Đại gia đình các dân tộc Việt Nam* (1998), *Hoa văn cổ truyền Đắk Lắk* (2000), *Đổi mới tiếp cận dân tộc học trong các bảo tàng* (2002) ; hoặc tham gia trong những công trình xuất bản như : *Người Xơ Đăng ở Việt Nam* (1998), *Các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỷ XX* (2001), *A Yao community in Sapa, Vietnam* (2001) v.v...

Một số công trình nghiên cứu trực tiếp liên quan đến công tác dân tộc và cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách dân tộc cũng có sự tham gia của cán bộ Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, như : Đề tài cấp Nhà nước, mã số KHXH.04-05 : *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến dân tộc, sắc tộc ở nước ta và trên thế giới. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta* (1997-2000) ; đề tài VIE 96/010 : *Đánh giá các chính sách dân tộc và miền núi của Đảng và Nhà nước giai đoạn 1989-1999* (1998-1999) ; đề tài : *Đánh giá tổng quan những tác động của quá trình thực hiện các chính sách đổi mới đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam,* thuộc Dự án Điều tra đánh giá tình hình kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi Việt Nam sau 15 năm thực hiện các chính sách đổi mới (1999) ; đề tài : *Điều tra, khảo sát về môi trường vùng các dân tộc thiểu số* (2000-2001) ; đề tài *Đặc điểm tình hình các dân tộc Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra về chính sách phát triển* (2001-2002), v.v..

Lực lượng cán bộ khoa học của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn tích cực tham gia nhiều cuộc hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước, như : Hội thảo quốc tế về *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam* (Buôn Ma Thuột, 1999), Hội thảo *Đổi mới các hoạt động bảo tàng trong thế kỷ XXI* (Thụy Điển, 2000), Hội thảo về *Người Di* (Trung Quốc, 2000), về *Người Thái Hoa* (Trung Quốc, 2001), về *Thái học* (Thái Lan, 2001), Hội thảo quốc tế *Các bảo tàng* (Áo, 2001), Hội thảo *Luật tục - hương ước và những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên* (Plây Ku, 2001), Hội thảo *Vấn đề bảo tồn làng bản truyền thống* (Hà Nội, 2002), Hội nghị *các bảo tàng Ô-xtrây-li-a* (2002), Hội thảo *Những vấn đề cấp bách về dân tộc ở nước ta hiện nay* (2002), Hội thảo *Bàn về tiêu chí xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam* (2002) v.v.. Bảo tàng còn là địa chỉ tin cậy tạo điều kiện tiếp cận và cung

Digitized by Google

cấp tư liệu, giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu những vấn đề khoa học một cách hiệu quả.

Trong công tác nghiên cứu khoa học, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể trên nhiều phương diện nghiên cứu về dân tộc học, bảo tàng học, về công tác dân tộc, công tác văn hóa... trong nước và quốc tế ở chừng mực nhất định.

Thứ ba, *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam là một trung tâm giới thiệu, phổ cập tri thức và giáo dục rộng rãi về các dân tộc và văn hóa các dân tộc.* Số lượng khách thăm Bảo tàng mỗi năm một nhiều, chứng tỏ sức thu hút và hiệu quả xã hội của Bảo tàng ngày càng lớn : Từ tháng 10-1997 đến giữa tháng 11-2002, Bảo tàng đã đón hơn 2 179 700 lượt khách tới thăm quan, trong đó 911 000 khách là người nước ngoài, đến từ hơn 60 nước trên thế giới.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã thực sự trở thành một địa chỉ văn hóa được nhiều công chúng và du khách yêu thích. Đến Bảo tàng khách trong nước hiểu sâu sắc hơn nền văn hóa lâu đời, đa dạng và phong phú của các dân tộc trên đất nước ta, đồng thời bồi đắp cho bản thân tình cảm tôn trọng văn hóa cổ truyền, khích lệ lòng tự tôn, tự hào đúng đắn và ý thức bình đẳng về văn hóa của các cộng đồng tộc người khác nhau. Khách nước ngoài, đến Bảo tàng được cung cấp thêm kiến thức và điều kiện khám phá, về đất nước, con người và nền văn hóa Việt Nam, về chính sách văn hóa dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn vinh dự được đón nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta, nhiều vị nguyên thủ quốc gia, nhiều đoàn khách cao cấp quốc tế và phục vụ nhiều hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế họp ở Việt Nam.

Một điều đáng chú ý là, tuổi trẻ đến Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam ngày một đông, nhất là sinh viên, học sinh. Họ tới đây để phát hiện và hiểu biết nhiều điều mới mẻ, bổ ích và lý thú từ các trưng bày cũng như từ những cuộc trình diễn văn nghệ dân gian hoặc nghề thủ công trong chương trình "Truyền thống dân gian của chúng ta". Có những đoàn, những lớp sinh viên, kể cả sinh viên nước ngoài, tới đây với mục đích học tập, nghiên cứu theo chương trình đào tạo chuyên môn của họ.

Tham gia thực hiện chính sách đối ngoại về văn hóa, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn tổ chức các cuộc trưng bày giới thiệu về Việt Nam, tạo điều kiện cho nhân dân thế giới hiểu biết phong phú và đúng đắn về Việt Nam. Đó là cuộc trưng bày "Những cuộc hành trình của con người, tinh thần và linh hồn" tổ chức tại Hoa Kỳ (phối hợp với Bảo tàng Lịch sử tự nhiên ở Niu Oóc, 2003-2005) ; cuộc trưng bày về văn hóa Việt Nam tổ chức tại Áo (2003).

Thứ tư, *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam không ngừng tiếp cận những quan niệm mới về bảo tàng để đổi mới hoạt động bảo tàng, có đóng góp xuất sắc trong lĩnh vực công tác bảo tàng ở nước ta hiện nay.* Nếu các bảo tàng khác còn lúng túng tìm cách tạo ra sự hấp dẫn lôi cuốn công chúng đến thăm quan, và nói chung vẫn chưa tìm được lối thoát khỏi quỹ đạo của các hoạt động bảo tàng đã tỏ ra bất cập thì Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có nhiều sáng tạo để không bị rơi vào tình trạng đó.

Trong trưng bày, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam trưng bày hiện vật gốc là chủ yếu, rất hạn chế sử dụng mô hình và không dùng hình vẽ. Hiện vật tuy chỉ là những vật dụng hằng ngày trong đời sống thông thường ở làng bản của nhân dân các dân tộc, nhưng bằng thủ pháp trưng bày bảo tàng, chúng được giới thiệu như những tác phẩm nghệ thuật, hấp dẫn du khách.

Hiện vật được lựa chọn kỹ, xác đáng, được trưng bày hợp lý, tạo sự trang trọng và giá trị thẩm mỹ cao, hấp dẫn người xem. Cùng với

Digitized by Google

hiện vật là bài viết và ê-ti-két, đều thể hiện bằng ba ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp), cung cấp cho người xem những thông tin về xuất xứ, bối cảnh và cuộc sống của hiện vật. ảnh và phim vi-đi-ô được sử dụng thích hợp để phản ánh con người trong những hoạt động sáng tạo ra hiện vật cũng như sử dụng chúng. Tất cả các thành tố trưng bày kết hợp với nhau nhằm cố gắng làm cho hiện vật như sống động lại và được gắn với cuộc sống thực của nó trong từng cộng đồng dân cư cụ thể, làm cho người xem tiếp nhận được nhiều thông tin và dễ hiểu về các yếu tố văn hóa thông qua hiện vật. Tổng thống Cộng hòa Pháp J. Si-rắc từng nhận xét : Bảo tàng "đã biết làm nổi lên những bộ sưu tập tuyệt vời, biết làm thế nào cho người ta hiểu chúng".

Cùng với các phần *trưng bày thường xuyên*, Bảo tàng quan tâm tổ chức những cuộc *trưng bày chuyên đề* để luôn tạo ra cái mới, tạo ra sự thay đổi bộ phận, giúp du khách luôn thu nhận những thông tin mới, cố gắng tránh cảm giác nhàm chán. Một năm sau khi mở cửa, Bảo tàng đã có cuộc trưng bày chuyên đề đầu tiên với chủ đề *Tương đồng văn hóa các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái và nhóm ngôn ngữ Nam Đảo qua nghệ thuật trang trí dân gian*. Sau đó, những cuộc trưng bày chuyên đề khác thay nhau xuất hiện, tiêu biểu là các trưng bày : *Tết Trung thu - Mũ trẻ em Mông và Dao ; Múa rối Si-ci-li-a (I-ta-li-a) ; Gia phả ; Phục dựng y phục cung đình Huế ; Nghề sản xuất ngư cụ ở đảo Hà Nam (Quảng Ninh) ; Thư họa Trung Quốc ; Gốm và đồ đất nung của các dân tộc Chăm, Thái và Việt ; Các mùa qua tranh vẽ của một cư dân bản địa Ô-xtrây-li-a* v.v.. đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng du khách.

Ngoài khu trưng bày trong tòa nhà lớn "Trống đồng", Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn có khu trưng bày ngoài trời (đây là khu bảo tàng dân tộc học ngoài trời đầu tiên ở nước ta) rộng khoảng 2 héc-ta được dành cho 9 công trình kiến trúc dân gian và một số hiện vật lớn đặc biệt. Tiêu biểu là Nhà mồ của người Gia Rai, nhà ở của các dân tộc Tày, Dao, Mông, Việt, Chăm, Ê Đê, Hà Nhì, nhà rông người Ba Na, cọn nước người Mường, ghe ngo người Khơ Me, v.v.. Mỗi ngôi nhà ấy như một bảo tàng nhỏ, giới thiệu cả về kiến trúc, về cuộc sống, về văn hóa của những cộng đồng cư dân đã sản sinh ra chúng. Phần trưng bày ngoài trời giúp khách thăm quan thu nhận thêm nhiều hiểu biết sinh động, nó có sức hấp dẫn riêng và cùng với các trưng bày trong tòa nhà lớn tạo nên một chỉnh thể văn hóa giàu bản sắc, đa dạng, phong phú của các dân tộc ở Việt Nam.

Nhằm mở ra một hướng hoạt động mới và thực hiện đa dạng hóa hoạt động của mình, cùng với các trưng bày ngoài trời, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn tổ chức trình diễn tại chỗ các hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian cổ truyền, các nghề thủ công... của các vùng quê trong cả nước, để khách thăm quan vừa được thưởng thức nghệ thuật, vừa được giao lưu trực tiếp với các nghệ nhân, tạo không khí giao lưu, thân thiện cởi mở giữa những người ở khắp miền đất nước với nhau. Tiêu biểu là các cuộc trình diễn *Hát chèo tàu* (xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Tây) ; *Liên hoan múa rối quốc tế* (với sự tham gia của nhiều đoàn rối, trong đó có rối của người Tày ở Thái Nguyên, rối cạn và rối nước ở Hà Tây) ; *Làm giấy dó, in tranh Đông Hồ, làm mặt nạ và đồ chơi đất sét ; Ngày văn hóa dân tộc Ê Đê ; Kỹ thuật chế tác thổ cẩm và in hoa văn bằng sáp ong của người Mông ; Nghề dệt vải của người Thái, Việt, Cơ Tu ; Nghệ thuật cồng chiêng Ba Na ; Ngày văn hóa Chăm ; Múa rối nước của phường rối Hồng Phong (Hải Dương) ; Sản xuất gốm Phù Lãng (người Việt, Bắc Ninh) ; gốm Mường Chanh (người Thái, Sơn La) và gốm Bầu Trúc (người Chăm, Ninh Thuận) v.v..*

Digitized by Google

Thông qua những hoạt động như thế, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam mở rộng mối liên hệ với các cộng đồng là chủ thể văn hóa, và các cộng đồng trở nên gắn bó hơn với Bảo tàng ; công chúng cũng quan tâm thường xuyên hơn đến Bảo tàng, thậm chí họ chờ đợi những hoạt động mới ở Bảo tàng.

Những việc làm trên, dù mới mẻ nhưng đã được thể nghiệm thành công và đang phát triển tiếp để phục vụ công chúng ngày một tốt hơn. Để ngày càng sinh động, tăng sự hấp dẫn đáp ứng nhu cầu của công chúng và góp phần thiết thực vào sự nghiệp bảo tồn và phát triển vốn văn hóa cổ truyền các dân tộc, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có sáng kiến, đưa vào trưng bày, tạo điều kiện cho người dân được tự giới thiệu về văn hóa của mình. Phần tiếng nói trực tiếp của người dân, được thực hiện bằng nhiều hình thức sinh động như : phỏng vấn, lý giải quan niệm hay nhận xét, tâm sự..., về một hiện vật hay một tập tục, v.v.., được sử dụng đúng chỗ, đúng lúc, với liều lượng thích hợp, đã làm tăng tính thuyết phục và giá trị cho trưng bày cũng như cho việc giới thiệu bằng ấn phẩm, bằng phim vi-đi-ô.

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đặc biệt quan tâm đến việc phát triển mảng tư liệu nghe - nhìn, và sử dụng kết hợp loại tư liệu này trong trưng bày là hết sức quan trọng, cần thiết. Hiện nay, tư liệu phim vi-đi-ô về những sinh hoạt văn hóa cổ truyền của các dân tộc đã khá phong phú, một số phim đã được thực hiện bước đầu để sử dụng trong những trưng bày quan trọng. Việc thực hiện thành công phim *Chuyện rối Tày làng Thẩm Rộc* (năm 2000) được xem như một thể nghiệm đầu tiên về thể loại phim dân tộc học của Bảo tàng. Trên bước đường phát triển, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam hướng tới chiến lược sản xuất hệ thống phim dân tộc học và đĩa CD-Room âm nhạc, coi đó là những kênh tham gia hữu hiệu trong việc lưu giữ và phổ biến các giá trị văn hóa đa dạng đáng trân trọng của các dân tộc.

Trong sự quan tâm đến công chúng nói chung, Bảo tàng dân tộc học Việt Nam còn đặc biệt quan tâm đến trẻ em và có nhiều sáng tạo để hấp dẫn trẻ em khi đến bảo tàng. Một trong số sáng tạo nổi bật là tổ chức được hình thức "phòng khám phá" dành cho trẻ em. Cuối năm 2001, phòng khám phá thứ nhất đã ra đời, kích thích trẻ em ở tuổi học sinh tiểu học tìm hiểu theo lối *học mà chơi, chơi mà học*, tiếp thu một cách tự nguyện những thông tin, tri thức về một số chủ đề cụ thể, như : sự phân bố các dân tộc ở Việt Nam, việc in tranh dân gian Đông Hồ, việc dệt vải, v.v.. Trong tương lai, phòng khám phá về âm nhạc cổ truyền các dân tộc sẽ là cơ sở thứ hai của dạng thức hoạt động đặc biệt này, tiếp tục đem tới cho khách thăm quan những sự lý thú, bổ ích trong việc tiếp cận, tìm hiểu các dân tộc và văn hóa các dân tộc ở Bảo tàng.

Với những những cố gắng vượt bậc trong chặng đầu hình thành, phát triển và tự khẳng định đó, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã được xã hội đánh giá là một điểm sáng trong số gần 120 bảo tàng ở nước ta hiện nay, bởi sự hấp dẫn, tính năng động của mình. Hội đồng Văn hóa châu Á (Mỹ) nhận xét : Đây là một trong số bảo tàng dân tộc học hấp dẫn nhất, ấn tượng nhất ở khu vực châu Á... Với uy tín ngày càng cao, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đang vươn lên vị trí đầu đàn, trong hệ thống các bảo tàng có trưng bày dân tộc học ở nước ta. Ghi nhận và tuyên dương những thành tích xuất sắc của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, năm 2000, Nhà nước ta đã trao tặng tập thể cán bộ và nhân viên Bảo tàng phần thưởng cao quý : **Huân chương Lao động hạng Ba.**

Tuy vậy, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam vẫn còn nhiều việc phải làm để xứng đáng hơn nữa với niềm tin của đại gia đình các dân tộc Việt Nam.❑

Digitized by Google

VÌ SAO MỸ TIẾN CÔNG QUÂN SỰ I-RẮC ?

TRẦN TRỌNG

TRÊN trái đất chúng ta, có một vùng diện tích rộng trên 26 triệu km², nằm tiếp giáp giữa ba châu lục Á, Phi và Âu, trải dài từ Trung Á, qua Trung Cận Đông-Bắc Phi đến Ban-căng. Trong lòng đất của vùng này là cả một biển dầu mênh mông. Theo tài liệu nghiên cứu của Bộ Năng lượng Mỹ, hơn 70% các mỏ dầu của thế giới tập trung ở Trung Đông. Đại bộ phận cư dân sống ở vùng đất nói trên đều thuộc các nước Ả-rập và theo Đạo Hồi. *Họ là chủ sở hữu của cả kho "vàng đen" khổng lồ đó.* Đây còn là nơi xuất xứ của ba tôn giáo lớn : Đạo Thiên chúa, Đạo Do Thái và Đạo Hồi. Một số nhà nghiên cứu quốc tế nhận định rằng, ai nắm được Trung Đông sẽ khống chế được con đường hàng hải chiến lược giữa ba châu lục ; và ai thâu tóm được quyền kiểm soát toàn bộ kho dầu mỏ Trung Đông thì sẽ chi phối được nền kinh tế thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, do chịu tác động ảnh hưởng của các cao trào cách mạng quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, chống đế quốc ở khu vực Trung Đông bùng lên khá mạnh, đáng kể là các cuộc cách mạng I-rắc năm 1958, cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979. Cũng từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ bắt đầu nhảy vào giành giật ở Trung Đông : bành trướng lãnh thổ ; lập khối quân sự Bát-đa lấy I-rắc làm trụ cột ; lập khối quân sự CENTO ; bán vũ khí cho cả hai bên I-ran và I-rắc trong cuộc chiến tranh kéo dài suốt 8 năm, và đỉnh cao là phát động cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991 dưới danh nghĩa "giải phóng Cô-oét".

Năm 1997, trong cái gọi là *"Đề án cho một thế kỷ mới của Hoa Kỳ"*, nhóm tác giả gồm Đích Trê-ni (nguyên Bộ trưởng Quốc phòng thời Bu-sơ cha và hiện là Phó Tổng thống Mỹ), Đ.Răm-xphen hiện là Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã đưa ra công thức "Hòa bình bằng sức mạnh". Đề án đó còn xác định thêm : Phải thiết lập mạng lưới căn cứ quân sự trên toàn vùng Trung Á để hỗ trợ cho việc làm chủ cả Trung Đông. Và thực tế, trong chiến tranh Áp-ga-ni-xtan, Mỹ đã len chân được vào Trung Á.

Tất cả những nhân tố nói trên làm cho *Trung Đông trở thành nơi hội tụ mọi mâu thuẫn gay gắt, luôn luôn nóng bỏng, cả trong giai đoạn toàn cầu hóa và do vậy việc dẫn đến cuộc xâm lược I-rắc lần này.* Sự phát triển của tình hình phản ánh thực tế đó. Song đó chưa phải là lời giải đáp cụ thể. Cần nhìn bao quát về ý đồ chung của Mỹ cùng những bước đi triển khai chiến lược có nhiều thành, bại, kết nối một chuỗi gắn liền với nhau bằng những mối liên hệ bản chất mà khi xem xét, không được tách rời.

Từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ thế giới năm 1973, các nhà nghiên cứu chiến lược Mỹ bắt đầu đưa ra những phác thảo về vai trò bá quyền năng lượng của Mỹ trong thế kỷ XXI

Digitized by Google

với ý đồ thực sự là chiếm trọn cả khu vực gồm các nước dầu mỏ ở Trung Đông và các vùng phụ cận. Mỹ đã thành lập Bộ chỉ huy Trung tâm (CENTCOM) phụ trách cả chiến trường rộng lớn từ Pa-ki-xtan, Áp-ga-ni-xtan qua Trung Đông-Bắc Phi sang Ban-căng, trong đó Trung Đông là chiến trường trọng điểm. Trước cuộc chiến tranh hiện nay, Mỹ đã tiến hành ba cuộc chiến tranh để phục vụ cho mục tiêu chiếm kho dầu Trung Đông. Cả ba cuộc chiến tranh có liên quan móc xích với nhau bởi những vấn đề rất cơ bản của chiến tranh.

Năm 1991, lợi dụng danh nghĩa Liên hợp quốc, Mỹ đã phát động chiến tranh I-rắc là một bước đột phá rất táo bạo có tính chất quyết định, đúng thời cơ, khi I-rắc phạm sai lầm và các chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sắp sụp đổ. Nhưng chiến thắng "vang dội" này lại chứa nhiều ẩn số của một sự chiến bại. Mỹ và liên quân đa quốc gia với sức mạnh áp đảo hơn 53 vạn quân nhưng vẫn không vào được thành Bát-đa. Chiến tranh kết thúc, chính quyền I-rắc vẫn đứng vững. Đúng 2 tháng 3 ngày sau chiến thắng, Tổng Tư lệnh chiến trường, tướng Xoa-dơ-cốp bị cách chức. Bảy tháng sau ngày chiến thắng, báo chí Mỹ phanh phui hội chứng về chiến tranh Vùng Vịnh đã làm cho hàng vạn lính Mỹ tham chiến bị nhiễm xạ bởi vũ khí Mỹ.

Năm 1999, nhằm tránh sử dụng liên minh chiến tranh lỏng lẻo và nạn "quân góp" trong chiến tranh Cô-xô-vô, Lầu Năm Góc quyết định dùng khối NATO vừa để "xé vụn" Liên bang Nam Tư, vừa để thách thức hiệu lực của NATO trong việc sử dụng khối này vào cuộc chiến tranh Trung Đông. Tuy nhiên, "hội chứng chiến tranh Vùng Vịnh" một lần nữa lại là nỗi ám ảnh của quân Mỹ, và tiếp tục lây lan sang quân Anh và Pháp.

Sau "sự kiện ngày 11-9-2001", ý đồ đánh chiếm cả vùng dầu mỏ Trung Đông của Mỹ đã lộ rõ hơn. Oa-sinh-tơn đưa ra chiến lược chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu mang tên "học thuyết Bu-sơ". Từ tháng 10-2001, Mỹ phát động chiến tranh chống khủng bố ở Áp-ga-ni-xtan và thu được hai kết quả quan trọng có ý nghĩa chiến lược : Thiết lập được liên minh chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu do Mỹ cầm đầu được nhiều nước hưởng ứng, kể cả các nước lớn trong hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và đứng chân về quân sự ở một loạt nước Trung Á. Đó là những tiền đề quan trọng đối với Mỹ để chuẩn bị chiến tranh ở Trung Đông. Tuy nhiên, trong suốt nhiều tháng công khai ráo riết chuẩn bị chiến tranh tiến công I-rắc, thì một bất ngờ lớn đã xảy ra đối với Mỹ : Liên minh chống khủng bố toàn cầu mới hình thành có nguy cơ tan rã. Làn sóng biểu tình phản đối chiến tranh xâm lược I-rắc ngày một dâng cao trên thế giới.

Tất cả điều đó cho thấy tham vọng của Mỹ chiếm đoạt tài nguyên dầu mỏ của I-rắc và Trung Đông đã có từ lâu. Viện Nghiên cứu Chính sách của Mỹ (IPS) khẳng định "dầu mỏ là động lực chính thúc đẩy Mỹ dùng chiến tranh nhằm thay đổi chế độ ở I-rắc". Tổng thống G. Bu-sơ viện cớ đánh I-rắc vì nước này sở hữu vũ khí hạt nhân và vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tuy nhiên, ba tháng qua, các đoàn thanh sát của Liên hợp quốc vẫn không tìm thấy bằng chứng. Trong lúc đó, theo chính các tài liệu của Mỹ, hiện nay trên thế giới có 12 nước đang phát triển vũ khí hạt nhân, 13 nước có vũ khí sinh học, 16 nước có vũ khí hóa học. Ngay cả I-xra-en, một đồng minh thân cận của Mỹ cũng có hàng trăm đầu đạn hạt nhân.

Sự biện hộ vụng về của Tổng thống G. Bu-sơ sao che đậy nổi bản chất xâm lược của họ ?

Digitized by Google

Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa của việc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược I-rắc là ở chỗ : Với tư tưởng chiến lược chủ đạo muốn nhanh chóng thiết lập trật tự thế giới mới theo chủ nghĩa "một cực", Mỹ rất cần nắm nguồn dầu mỏ Trung Đông làm thứ vũ khí lợi hại để kiềm chế và triệt tiêu sức cạnh tranh của cộng đồng châu Âu và Nhật Bản bởi nền kinh tế của hai đối thủ này phụ thuộc nhiều vào dầu mỏ khu vực này. Thủ tướng Anh T.Ble đã nói thẳng rằng, cuộc chiến tranh này có tầm quan trọng quyết định "làm thay đổi hẳn trật tự thế giới" bởi vai trò của Mỹ và sẽ "đưa Anh lên vị trí bá chủ châu Âu" !

Sự háo hức chiến tranh đến cuồng nhiệt của chính quyền Oa-sinh-tơn còn do sự thôi thúc từ một nguyên nhân rất quan trọng khác mà dư luận quốc tế đã cảnh báo. Đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến Mỹ dựa trên cơ sở sức mạnh siêu quyền lực của Tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ mạnh lên trong toàn cầu hóa mà đại diện tiêu biểu là nhóm diều hâu ở Lầu Năm Góc và Nhà Trắng. Một chuyên gia của cơ quan chuyên nghiên cứu về chính sách của Mỹ (FPIF) cho rằng, "chiến tranh chính là vụ làm ăn rất béo bở" và theo ước tính của Ủy ban Ngân sách Hạ viện Mỹ, năm 2001, cái "hóa đơn cho cuộc chiến tranh I-rắc ít nhất cũng 100 tỷ USD" (*Tuần báo châu Á*, 15-10-2002). Theo *Niên giám hợp đồng hàng quốc phòng* của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 2002, trong số 200 nhà thầu quân sự của Lầu Năm Góc, 10 công ty nhà thầu hàng đầu đã trúng thầu trong năm là 64,8 tỉ USD. Vậy là càng tạo ra nhiều không khí chiến tranh thì hàng quân sự càng chạy. Theo báo cáo *"Chi phí quân sự và chuyển giao vũ khí"* của Bộ Ngoại giao Mỹ công bố gần đây, Mỹ là nước xuất khẩu vũ khí nhiều nhất, chiếm tới 65% tổng lượng vũ khí bán ra trên toàn thế giới. Số lượng vũ khí nhập khẩu của cả ba khu vực Tây Âu, Trung Đông và Đông Á chiếm 78% tổng lượng vũ khí bán ra trên toàn cầu (AFP, ngày 9-2-2003).

Một nét đặc biệt đáng chú ý là, nhằm tạo ra không khí nóng bỏng, sục sôi cho thị trường kinh doanh vũ khí, các thế lực hiếu chiến đại diện cho các tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ thường có những thủ thuật kích động vụng về, lộ liễu mà các giới quan sát dễ dàng phát hiện. Mỹ là cường quốc quân sự hàng đầu thế giới với một đội quân thường trực khổng lồ khoảng 2 triệu quân tấn công một nước nhỏ hơn gấp 13 lần (về dân số), trong lúc chiến tranh chưa nổ ra mà đã 3 lần phát lệnh động viên quân dự bị! Chỉ tính riêng từ tháng 4-2002 đến tháng 3-2003, Lầu Năm Góc đã 7 lần "làm lộ" kế hoạch tác chiến tối mật của quốc gia cho báo chí phương Tây ! Điều đó cho thấy, nếu như trước kia những hoạt động tuyên truyền chiến tranh tâm lý của Mỹ thường do bộ máy thông tin truyền thông đảm nhiệm thì ngày nay các cơ quan chỉ đạo chiến tranh lại trực tiếp "ôm" luôn cả những việc đó.

Qua cuộc chiến tranh của Mỹ ở I-rắc lần này, có thể thấy rõ những đặc điểm của nó. Đó vừa là một cuộc chiến tranh hiện đại thông thường mang đầy đủ các đặc điểm của chiến tranh xâm lược cổ truyền, vừa là một cuộc chiến tranh đặc biệt mang nhiều biểu hiện đặc trưng của chiến tranh xâm lược mới. Đó là một cuộc chiến tranh phi pháp, phi đạo lý vì nó tiến công một nước độc lập có chủ quyền bất chấp cả Liên hợp quốc. Chiến tranh đã và sẽ diễn ra hết sức ác liệt. Mỹ dùng nhiều loại vũ khí công nghệ cao được điều khiển bằng vệ tinh, các loại vũ khí có sức tàn phá hủy diệt cực lớn như "bom động đất" (đã thí nghiệm ở Áp-ga-ni-xtan), "bom - E" (làm tê liệt vĩnh viễn các hệ thống điện tử và viễn thông), "bom-Mẹ" (trọng lượng 10 tấn/quả,

Digitized by Google

nổ trên không), và có thể cả các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt khác. Báo chí phương Tây cho rằng sức tàn phá khủng khiếp của vũ khí Mỹ ở thời kỳ đầu của cuộc chiến này gấp 10 lần trong cuộc chiến Mỹ đánh I-rắc năm 1991.

Với cách đánh tàn bạo đó, Mỹ hy vọng hạn chế được thương vong cho quân Mỹ, đồng thời còn nhằm đạt những mục đích khác. Chiến trường I-rắc không những là nơi tiêu thụ vũ khí, là bãi thử nghiệm các loại vũ khí mới mà còn là dịp phô trương quảng cáo các loại vũ khí công nghệ cao và dùng chiến tranh I-rắc để răn đe, uy hiếp các quốc gia khác. Do vậy, cuộc chiến tranh cực kỳ tàn bạo này sẽ tiêu biểu cho các loại hình chiến tranh xâm lược mà quân đội Mỹ sẽ tiến hành trong tương lai.

Về so sánh lực lượng trên chiến trường, rõ ràng Mỹ chiếm ưu thế áp đảo gần như tuyệt đối về không quân và tên lửa.

Theo đánh giá của phương Tây, sức mạnh quân sự của I-rắc hiện nay chỉ bằng 40% của năm 1991, còn của Mỹ tăng gần gấp 2 lần so với chiến tranh năm 1991. Chiến tranh kết thúc sớm hay muộn, kết quả ra sao, không những phụ thuộc vào so sánh lực lượng mà còn tùy thuộc vào ý chí quyết tâm, vào nghệ thuật và phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật chỉ đạo chiến lược của cả đôi bên.

Trong khoa học quân sự, người ta tổng kết có năm nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi trên chiến trường, trong đó có hai nhân tố mà khi bàn đến chiến tranh của Mỹ, các nhà học giả quân sự phương Tây thường lảng tránh. Đó là nhân tố chính trị tinh thần của quân đội trên mặt trận và nhân tố hậu phương chiến tranh. Cũng trên chiến trường I-rắc, quân đội Mỹ đã vấp phải "Hội chứng chiến tranh Vùng Vịnh" năm 1991 và đến cuộc chiến xâm lược Nam Tư năm 1999, binh sĩ chiến đấu trên bộ của Mỹ đã không tham gia. Và liên tiếp suốt mấy tháng nay, hàng chục vạn người dân Mỹ biểu tình phản đối chiến tranh quyết liệt, làm rung chuyển cả hậu phương nước Mỹ. Tình hình đó sẽ có tác động mạnh đến tinh thần và ý chí chiến đấu của binh sỹ Mỹ trên chiến trường I-rắc.

Trong cuộc chiến tranh này, Mỹ có hai chỗ rất mạnh là nhiều vũ khí hiện đại và nhiều đô-la để bù đắp cho hai chỗ yếu trí mạng về chính trị của chiến tranh xâm lược phi nghĩa... Do bị cô lập, Mỹ đã bỏ ra hàng tỉ đô-la để mua chuộc, gây sức ép một số nước nhằm lập ra liên minh chiến tranh và dùng thật nhiều bom đạn, vũ khí hủy diệt đối phương hòng bù đắp cho tinh thần chiến đấu yếu kém của quân đội Mỹ trên chiến trường.

Diễn biến chiến tranh còn rất phức tạp, quyết liệt và có thể có nhiều bất ngờ. Điều cần lưu ý là, khi nổ súng phát động chiến tranh thì bộ máy tuyên truyền chiến tranh tâm lý Mỹ được mở hết công suất. Vì vậy, dư luận nên tỉnh táo, cảnh giác trong tiếp nhận và xử lý thông tin chiến tranh.

Tấn công xâm lược I-rắc là một thất bại chính trị nặng nề đối với Mỹ. Sau những "đòn phủ đầu" ào ạt, cực mạnh bằng tên lửa hành trình và bom trong những ngày qua nhưng I-rắc vẫn đứng vững và kiên cường giáng trả, thì đó lại là một thất bại nữa - cả về chính trị và quân sự - của Mỹ trong cuộc chiến tranh này.

Chiến tranh đang tiếp diễn và hậu quả của cuộc chiến tranh này chưa thể lường trước được. Vì vậy, các lực lượng cách mạng, các quốc gia độc lập, các phong trào hòa bình dân chủ, tiến bộ và nhân dân các dân tộc trên thế giới phải tiếp tục kiên quyết đấu tranh đòi chính quyền Mỹ và Anh chấm dứt chiến tranh, vì độc lập và hòa bình cho nhân dân I-rắc và các nước Trung Đông, vì sự ổn định, phát triển và tiến bộ của nhân loại.❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ THƯƠNG MẠI TOÀN QUỐC NĂM 2003

TRONG 2 ngày, 20 và 21-2-2003, tại Hà Nội, đã diễn ra Hội nghị Thương mại toàn quốc năm 2003. Tham dự Hội nghị có Thủ tướng Phan Văn Khải ; Phó Thủ tướng Vũ Khoan ; đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ ; đồng chí Nguyễn Công Tạn, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam. Tham dự Hội nghị còn có các đồng chí lãnh đạo Bộ Thương mại, lãnh đạo các ban, ngành ở Trung ương, địa phương và đông đảo các nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách, đại diện doanh nghiệp từ các thành phần kinh tế.

Sau khi nghe ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Khoan ; ý kiến của các đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Công Tạn ; Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Thương mại Trương Đình Tuyển về *"Đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2003"*, Hội nghị đã sôi nổi thảo luận, tập trung vào một số nhóm vấn đề sau :

1- *Vấn đề xây dựng thương hiệu :* Hội nghị nhất trí khẳng định ý nghĩa của thương hiệu trong việc nâng cao sức cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm, xây dựng hình ảnh của sản phẩm, doanh nghiệp và đất nước. Tuy nhiên, trên thực tế, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng thương hiệu. Một số ý kiến đề xuất những tiêu chí cần thiết để doanh nghiệp được gắn thương hiệu quốc gia và đưa ra những giải pháp, kiến nghị hỗ trợ cho việc xây dựng thương hiệu.

2 - *Vấn đề hiệp hội :* Hiệp hội có ý nghĩa nhiều mặt, không chỉ tạo công ăn việc làm, huy động nguồn vốn trong xã hội, đào tạo nhân tài kinh doanh cho đất nước mà còn là tổ chức xã hội góp phần gắn kết giữa các nhà sản xuất với các nhà tiêu thụ, tạo thuận lợi cho việc hợp tác, đổi mới, quản lý chất lượng, bình ổn giá cả... Vai trò của Hiệp hội càng quan trọng hơn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Vì thế, để phát huy vai trò Hiệp hội, các đại biểu đề nghị sớm thành lập một số hiệp hội ngành hàng cần thiết, Nhà nước cần có chính sách tạo hành lang pháp lý thông thoáng, có quy chế cụ thể cho hoạt động của Hiệp hội...

3 - *Vấn đề phát triển xuất khẩu, mở rộng thị trường nội địa :* Chung quanh vấn đề này, các nhà doanh nghiệp đã trình bày những khó khăn, vướng mắc của mình trong sản xuất, phát triển thị trường và đề xuất một số kiến nghị cũng như những giải pháp chủ yếu liên quan đến vấn đề hỗ trợ thông tin từ phía Nhà nước ; cải tiến thủ tục hành chính ; nâng cấp cơ sở hạ tầng ; giảm thiểu các chi phí ; hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức tốt hệ thống phân phối trong nước ; có cơ chế chính sách phù hợp về thuế, vốn, thanh toán, thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng...

Để làm tốt những công tác trên, Hội nghị còn đề cập đến công tác quản lý nhà nước về thương mại, nhất là đối với các sở thương mại để góp phần vào sự nghiệp phát triển thương mại của đất nước. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHO ĐIỂM

NGÀY 24-3-2003, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương triển khai Hội nghị tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn số 09, số 10 - HD/TC-TW, ngày 30-10-2002, về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bằng phương pháp cho điểm. Tham dự Hội nghị có năm đơn vị được chọn làm điểm gồm : Bắc Giang, Hà Nam, Thành phố Đà Nẵng, Long An và Ban Dân vận Trung ương cùng một số ban, ngành ở Trung ương, địa phương và cơ quan thông tấn báo chí.

Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương và đồng chí Nguyễn Đông Sương, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, chủ trì Hội nghị.

Các ý kiến tham luận tại Hội nghị đều đánh giá cao tính đổi mới, sát hợp và thiết thực, nhất là sự cải tiến về phương pháp đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên của Hướng dẫn số 09 và số 10. Các ý kiến tập trung phân tích những ưu điểm từ thực tiễn đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ; khẳng định đây là phương pháp rất đúng đắn và là giải pháp tốt để nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở.

Một số ý kiến đề nghị điều chỉnh cơ cấu khung điểm chuẩn, cụ thể hóa các tiêu chí cơ bản và biểu điểm chi tiết cho từng loại hình tổ chức cơ sở đảng và đảng viên để việc đánh giá chính xác và sát thực hơn ; cấu trúc lại việc phân loại đảng viên theo 4 loại để dễ đánh giá ; kết hợp tốt hai phương pháp : đảng viên tự kiểm điểm, tự chấm điểm và tự nhận loại ; chi bộ phê bình góp ý và bỏ phiếu kín phân loại đảng viên, v.v..

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan nêu rõ : Việc đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên là một trong những khâu rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Đánh giá không sát thực, không đúng sẽ dẫn đến việc đưa ra các giải pháp, các chủ trương sai, xa rời thực tế. Chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm trong công tác đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Yêu cầu của thời kỳ mới đòi hỏi chúng ta phải có một phương pháp đánh giá khoa học và sát thực hơn. Đồng chí phân tích việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bằng phương pháp cho điểm là mới, khó và có nhiều ưu điểm nhưng cũng không coi đây là phương pháp duy nhất, bất biến. Sau khi làm điểm và triển khai thực hiện tại các ngành, các địa phương sẽ tổng kết, đúc rút kinh nghiệm đồng thời khuyến khích tìm ra phương pháp mới có cơ sở và luận cứ ưu trội hơn.

Đồng chí Trần Đình Hoan nhấn mạnh : Xuất phát từ tầm quan trọng và mục đích của việc đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương tiếp thu các ý kiến của các địa phương, các ngành, nhất là các đơn vị làm điểm và đặt ra mục tiêu đến quý III-2003 sẽ hoàn thiện các văn bản, đồng thời tiến hành tập huấn để đến năm 2004 tổ chức triển khai trên diện rộng phương pháp này. Đồng chí cũng yêu cầu các cấp ủy nhận thức đầy đủ, đúng đắn, có quyết tâm cao, thống nhất hành động, chỉ đạo chặt chẽ ; tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để tìm ra cách tổ chức tốt nhất. Phương châm chung là, phải làm thật đơn giản, sát thực để đánh giá đúng nhất, làm căn cứ vững chắc để ra các chủ trương, biện pháp thiết thực, hiệu quả cho việc tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY CƠ KHÍ NGÂN HÀNG 1

BANKING MECHANICAL COMPANY Nº 1

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG KHUẤT DUY TIẾN - QUẬN THANH XUÂN - HÀ NỘI * TEL: (84.4)8 544 944 - 5 540 193 * FAX: (84.4)8 543 240



Trụ sở Công ty



CHUYÊN

Sản xuất các loại két bạc lắp khoá mã số của Mỹ, các loại két lắp khoá nhíp chìa đúp, các loại két gia đình theo tiêu chuẩn Ngân hàng. Chế tạo và lắp đặt cửa kho bạc, cửa kho đòi hỏi an toàn cao, các loại tủ bảo mật, các loại kệ đựng hàng, các loại giá đựng hàng , các loại giá hồ sơ di động. Sản xuất các loại huân chương, huy chương, các loại kỷ niệm chương, phù hiệu, huy hiệu lưu niệm.

NHẬN LÀM CÁC CÔNG VIỆC

* Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo động: Chống đột nhập, hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động, hệ thống Ca-mê-ra bằng các thiết bị do các hãng có uy tín hàng đầu của Mỹ, Nhật Bản sản xuất.

* Thiết kế lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, thông gió, điều hoà, hút ẩm trong các kho tàng, trụ sở.

* Cung cấp lắp đặt, thay thế sửa chữa các ổ khoá số và các loại khoá nhíp của Mỹ với một triệu mã số và các loại khoá nhíp của Mỹ, chủ nhân có thể thay đổi mã số một cách thuận tiện, dễ dàng.

* Thiết kế, chế tạo các loại giá đỡ, giá hồ sơ di động liên hoàn cho các đơn vị và cá nhân trong toàn quốc.

* Đóng các loại thùng xe chuyên dùng theo yêu cầu của khách hàng.

* Dịch vụ bán và vận chuyển các sản phẩm do công ty sản xuất đến các đơn vị trong toàn quốc.

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ KINH DOANH NHÀ

TÂN HỒNG UY

Văn phòng: 56 (R8) Bàu Cát I, P.13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8427 668 - 8494 390 * Fax: (84-8) 8427 688 * Email: tanhonguy@hcm.fpt.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

*Thương mại - xây dựng - đầu tư - kinh doanh nhà; đại lý ký gửi hàng hoá; san lấp mặt bằng; xây dựng cầu đường.

*Công ty Tân Hồng Uy đã và đang thực hiện các dự án khu nhà ở; khu phố chợ trên địa bàn thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá: Khu phố chợ Tân Trụ, phường 15, quận Tân Bình; khu nhà ở cán bộ công nhân viên phường Hiệp Thành, quận 12; khu nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại Thủ Đức; khu biệt thự ven sông quận 2, Tp. Hồ Chí Minh và các dự án đang triển khai khác.

CÔNG TY CHÚNG TÔI CHÂN THÀNH CẢM ƠN QUÝ KHÁCH HÀNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC TRONG THỜI GIAN QUA ĐÃ QUAN TÂM, HỢP TÁC VỚI CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY



Digitized by Google

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

NHÀ MÁY Z43

ĐC: xã Thụy An - Ba Vì - Hà Tây * ĐT: 034 863 090 * Fax: 034 863 864
Văn phòng đại diện: số 6- A32 phường Nghĩa Tân - quận Cầu Giấy - Hà Nội

HAI LẦN ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG HẠNG NHÌ


MÁY ÉP NHỰA


Giám đốc
ĐẠI TÁ, KỸ SƯ LÊ VĂN KHANH


TỔ HỢP MÁY ĐỆN CÁP THÔNG TIN


TRỤ SỞ CÔNG TY

Hơn 30 năm xây dựng và phát triển, với đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm, Nhà máy chúng tôi sẽ đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu của Khách hàng

SẢN PHẨM CHÍNH CỦA NHÀ MÁY

Cáp thông tin một đôi đến 100 đôi nhồi mỡ chống ẩm có dây treo.

Dây điện thoại dã chiến PEDT-T3-(7x0.3).

Dây điện dân dụng các loại, súp đôi, đơn cứng, đơn mềm.

Cáp động lực các loại: AV, AC dây trần hoặc bọc nhựa PVC.

Ống nhựa bảo quản đạn các loại.

Cầu dao điện các loại: 830V-20A, 380V-60A, 380V-100A.

Các phụ tùng ôtô như: tăng điện, con quay...

Các sản phẩm sứ cao thế, sứ hạ thế, sứ dân dụng.

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÁI NGUYÊN

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG TÂN THỊNH - TP. THÁI NGUYÊN * ĐT: 0280 855 272 - 857 445 - 855 464 - 857 383 - 857 417 * FAX: 0280 855 464

Công ty Công trình Giao thông I được thành lập theo Quyết định số 607 UB/QĐ, ngày 28-11-1992, của UBND tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) và được cấp Giấy phép kinh doanh số 104 662, ngày 31-10-1999, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, với các ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông dưới 50 tỉ đồng.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi
- Xây lắp điện dân dụng và điện công nghiệp dưới 35 kV
- San lấp mặt bằng, sản xuất cấu kiện bê-tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Sông Công
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ VỐN, CÓ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG NHÂN KỸ THUẬT LÀNH NGHỀ, CÁC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG TIÊN TIẾN...ĐẢM BẢO THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, XÂY DỰNG DÂN DỤNG...CHẤT LƯỢNG CAO.


Trạm trộn bê-tông nhựa- công suất 35 tấn/h


Thi công quốc lộ 3

Công ty chúng tôi mong muốn được phục vụ mọi Quý khách và hợp tác, liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài nước

Digitized by Google



Công ty Xổ số kiến thiết

Phú Yên

ĐC: 41 B Nguyễn Trãi - thị xã Tuy Hòa

ĐT: (84.057) 823 525 - 823 468

Fax: (84.057) 824 364

Tích luỹ từ hoạt động xổ số kiến thiết, đầu tư chủ yếu cho

- **Giáo dục**
- **Y tế**
- **Văn hóa - Xã hội**

Nơi

* **Đem lại niềm vui bất ngờ cho mọi gia đình**
* **Lĩnh tiền trúng thưởng xổ số nhanh chóng và đầy đủ**
* **Tham dự để chứng kiến các buổi quay số trung thực và khách quan**

Digitized by Google

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 1 Phạm Ngũ Lão - TP. Hải Phòng * Điện thoại: 031 846 046 * E-mail: hoang Ngoc Tuan@hn.vnn.vn

Giám đốc Sở KHCN và MT TP. Hải Phòng: **TS. HOÀNG NGỌC TUẤN**



Hội nghị triển khai chương trình áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến năm 2002



Lễ ký kết nghiên cứu cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường giữa TP. Hải Phòng và Nhật Bản

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚCVÀ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2003:

1. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI

* Sở đã tiến hành tuyển chọn qua nhiều bước, với sự tham gia chủ động, tích cực của Ban Chủ nhiệm các chương trình khoa học.

* Giúp Thành phố phê duyệt danh mục các đề tài được tiến hành trong năm và cấp kịnh phí.

* Kế hoạch nghiên cứu triển khai đã được thông báo sớm và rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Số đề tài được duyệt và cấp kinh phí từ 40 đến 50 đề tài.

2. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI

* Sở đã mở lớp tập huấn cho các Ban Chủ nhiệm đề tài về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và hướng dẫn những chế độ chi tiêu tài chính trong lĩnh vực này theo quy định hiện hành.

* Nâng cao chất lượng cácđề tài nghiên cứu.

3. ĐỔI MỚI TRONG KHÂU NGHIỆM THU ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI

* Xây dựng quy chế nghiệm thu trước khi bảo vệ chính thức đề tài.

* Xây dựng thang điểm xếp loại đề tài, giúp các thành viên Hội đồng nghiệm thu đánh giá chính xác và khách quan hơn.

* Tham mưu cho UBND Thành phố ban hành quy chế khen thưởng trong nghiên cứu khoa học.

4. TỔ CHỨC PHỔ BIẾN VÀ ỨNG DỤNG CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

* Tham mưu cho Thành phố trong việc triển khai, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn và kiểm tra, giám sát công tác này.

* Tổ chức phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nhiệp, nông thôn; xây dựng luận cứ cho việc hoạch định chính sách; hỗ trợ các doanh nghiệp hội nhập.

5. TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CHO VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU

* Thành lập Ban Giám sát gồm: đại diện cơ quan chức năng, tổ chức xã hội, cơ quan thông tin đại chúng trong giám sát, đánh giá quá trình quản lý công tác nghiên cứu, triển khai của Sở và việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu của các đơn vị liên quan.

* Xây dựng cơ sở dữ liệu các kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước và của một số tỉnh, thành phố bạn để cung cấp thông tin phục vụ việc tuyển chọn, xác lập các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tư vấn và phản biện khoa học; chọn lọc những thông tin phù hợp để phổ biến trên địa bàn thành phố.

Trong năm 2003, Sở sẽ tiến hành thử nghiệm mở các "chợ công nghệ" - nơi các doanh nghiệp, người nuôi trồng thủy sản, nông dân, các nhà làm vườn ... Gặp gỡ các nhà khoa học, các cơ quan nghiên cứu triển khai, các trường đại học, các nhà môi giới công nghệ... để đàm phán, mua bán giống cây con, các vật tư kỹ thuật, các quy trình kỹ thuật, các dây chuyền công nghệ...

Digitized by Google



Trụ sở Công ty

CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XUẤT NHẬP KHẨU CẦN THƠ

CANTHO AGRICULTURAL & ANIMAL PRODUCTS IMEX COMPANY

Trụ sở chính: 8 Ngô Hữu Hạnh, TP. Cần Thơ, T. Cần Thơ
ĐT: 071 821 455 - 071 820 069 - 071 826 722
Fax: 071 820 285 * Email: pktcataco,@hcm.vnn.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

1.Chế biến nông, thủy hải sản, thực phẩm xuất khẩu.
2.Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản - Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
3.Xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng đường, thủy lợi, kinh doanh địa ốc, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng.
4.Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ, du lịch.
5.Kinh doanh dịch vụ - Thương mại tổng hợp.
LÀ ĐƠN VỊ XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP.

1.XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU:
Địa chỉ: Khu công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
ĐT: 071 841 289 - 071 841 819 * Fax: 071 841 116.

2.XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC CÁT:
Địa chỉ: 148 Đường 30/4, Tp. Cần Thơ
ĐT: 071 838 754 * Fax: 071 840 707

3.XÍ NGHIỆP CHĂN NUÔI MIỀN TÂY:
Địa chỉ: huyện Ô Môn, Tỉnh Cần Thơ * ĐT: 071 861 902

4.XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ CUNG ỨNG HÀNG XK:
Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, Tp. Cần Thơ.
ĐT: 071.831 660 * Fax: 071 831 458

5.KHÁCH SẠN CỬU LONG
Địa chỉ: 52 Quang Trung, Tp. Cần Thơ.
ĐT: 071 822 669 - 071 820 300 * Fax: 071 826 157

6.KHÁCH SẠN HÒA BÌNH
Địa chỉ: 05 Đại lộ Hòa Bình, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 820 059 - 071 810 221 * Fax: 071 810 217

7. CƠ SỞ SẢN XUẤT PHƯỚC THỚI
Địa chỉ: Phước Thới, Ô Môn, tỉnh Cần Thơ * ĐT: 071 862 221

8. XÍ NGHIỆP THỨC ĂN CHĂN NUÔI
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ
ĐT: 071 842 491 * Fax: 071 842 660

9. XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DUYÊN HẢI
Địa chỉ: Khu Cảng cá Láng Chim, H.Duyên Hải, T.Trà Vinh
ĐT: 074 836 359 * Fax: 074 836 369

10. NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT HẬU GIANG
Địa chỉ: 78 Nguyễn Trãi, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 820 004 * Fax: 071 820 076

11. KHÁCH SẠN TÂY ĐÔ
Địa chỉ: 61 Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 821 009 * Fax: 071 827 008

12. KHÁCH SẠN HÙNG VƯƠNG
Địa chỉ: 74-76 Hùng Vương, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 813 574 * Fax: 071 813 847

13. NHÀ HÀNG THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 03 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 822 030 * Fax: 071 751 967

14. CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY CẦN THƠ
Địa chỉ: 20 Lê Thánh Tôn, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 811 846 * Fax: 071 823 909

15. CỬA HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG
Địa chỉ: 09 Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 826 829

16. CỬA HÀNG LƯƠNG THỰC CHẾ BIẾN
ĐC: 20- 24 Nguyễn An Ninh, TP. Cần Thơ * ĐT: 071 824 010

17. CỬA HÀNG HOÁ MỸ PHẨM CẦN THƠ
ĐC: 09 Cách Mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ * ĐT: 071 824 601

18. CỬA HÀNG HOÁ MỸ PHẨM Ô MÔN
Địa chỉ: TT. Ô Môn, H. Ô Môn, Cần Thơ
ĐT: 071 860 986 * Fax: 071 860 986

19. CỬA HÀNG KINH DOANH TỔNG HỢP SÓC TRĂNG
Địa chỉ: 4 Võ Đình Sâm, TX. Sóc Trăng
ĐT: 079 828 740 * Fax: 079 828 740

20. NHÀ MÁY NƯỚC ĐÁ CẦN THƠ
ĐC: TT Cái Răng, Châu Thành, Cần Thơ * ĐT: 071 846 009

21. NHÀ MÁY XAY XÁT
Địa chỉ: phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ * ĐT: 071 841 044

22. XÍ NGHIỆP NƯỚC ĐÁ VỊ THANH
Địa chỉ: 33 đường 1/5, Vị Thanh, Cần Thơ * ĐT: 071 876 322

23. KHU DU LỊCH SINH THÁI CỒN ẤU
Địa chỉ: phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ
ĐT: 071 826 722 * Fax: 071 820 285

Digitized by Google

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

CONSTRUCTION CONSULTATION COMPANY FOR MARITIME BUILDING (CMB)



Giám đốc Công ty nhận Giải thưởng Vàng cho sự ưu tú và uy tín kinh doanh do tổ chức Truyền thông quốc tế trao tại Hội nghị thượng đỉnh chất lượng Quốc tế tại NEW YORK 2002

TRỤ SỞ CÔNG TY TẠI HẢI PHÒNG:
Số 25 - Võ Thị Sáu - Q. Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
ĐT: 84 31 826 817 - 84 31 826 814 *Fax: 84.31.826815
Email:cmb@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI:
Nhà G21 - Làng quốc tế Thăng Long - P.Dịch Vọng - Q. Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 84 4 7 566 891 * Fax: 84 4 7 566 892
Email: cnhntvxdhh@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:
Số. 123 Tôn Thất Thuyết - Q. 4 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT:84.8.8260176, 84.8.9404862* Fax: 84.8.9404233
Email: cmb@hcm.vnn.vn

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

1. Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình cơ sở đóng tàu, cảng, đường thủy, các công trình giao thông.

2. Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khí tượng thủy hải văn phục vụ lập dự án đầu tư, thiết kế các công trình cảng, đường thủy, giao thông, dân dụng và công nghiệp khác.

3. Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá nền móng các công trình xây dựng phục vụ cho lập dự án đầu tư, thiết kế và kiểm định đánh giá chất lượng công trình.

4. Thiết kế quy hoạch chuyên ngành cảng, đường thủy, công trình giao thông.

5. Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình cảng, đường thủy, cơ sở đóng tầu các công trình phục vụ liên quan và các công trình giao thông khác.

6. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế kỹ thuật các công trình cảng, đường thủy, giao thông, xây dựng.

7. Giám sát kỹ thuật xây dựng: Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình cảng, đường thuỷ, cơ sở đóng tầu, công trình giao thông, xây dựng.

8. Xây dựng thực nghiệm các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật xây dựng do Công ty nghiên cứu thiết kế. Xây dựng các công trình giao thông.

9. Thực hiện các dịch vụ tư vấn xây dựng khác:

-Kiểm định đánh giá chất lượng công trình, đánh giá tài sản, thiết bị là sản phẩm xây dựng.

- Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập các phương án gia cố, sửa chữa, cải tạo hoặc phá dỡ.

- Lập các tài liệu kĩ thuật phục vụ việc công bố mở các cảng biển và luồng tầu biển.

-Tư vấn quản lý dự án, thực hiện các dịch vụ tư vấn khác giúp chủ đầu tư và các tổ chức xây dựng phục vụ cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh xây dựng...

10. Dịch vụ tư vấn hàng hải.



Cơ sở sửa chữa tầu biển 20 000DWT - của Ship Marine TP. Hồ Chí Minhdo Công ty thiết kế đưa vào sử dụng năm 2002

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ TP.HCM

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN (RESCO)

CÔNG TY PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ

36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP. HỒ CHÍ MINH - ĐIỆN THOẠI : 8 392 718 - 8 397 766 - Fax : 8 398 378

E-mail : phattriennha@hcm.vnn.vn - ptn.resco@az.com.vn



DỰ ÁN XÂY DỰNG KHU CHUNG CƯ 5 TẦNG

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG & CHỈNH TRANG
KHU DÂN CƯ AN SƯƠNG - QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH

SAIGON REAL ESTATE CORPORATION
HOUSING DEVELOPMENT AND TRADING COMPANY
36 BUI THI XUAN street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: 8 392 718 - 8 397 766 Fax: 8 398 378

Digitized by Google

SỞ Y TẾ HÀ TÂY

NHÀ THƯƠNG Vân Đình

Địa chỉ: thị trấn Ứng Hòa - Hà Tây
Điện thoại: (034) 882 244 - 882 211



Giám đốc
THẦY THUỐC ƯT. BS. **ĐẶNG NGỌC TIỄM**

MẠNG LƯỚI Y TẾ CƠ SỞ

30 xã và thị trấn của huyện có trạm y tế để phục vụ sức khoẻ nhân dân, với tổng số 123 cán bộ, trong đó:

+ 27 bác sĩ/ 30 trạm y tế xã, thị trấn, đạt 90%
+ 100% số xã có nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi

Các trạm y tế đều được xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

- Tổng số giường bệnh là: 170 giường
- Tổng số cán bộ Bệnh viện là: 185 người (15 cán bộ có trình độ trên đại học, 42 cán bộ có trình độ đại học, nhất là 3 dược sĩ có trình độ đại học)
- Bệnh viện có thể khám, chữa và điều trị những căn bệnh như: sỏi mật, sỏi thận, cắt nối ruột, dạ dày, tháo lồng ruột bằng hơi, chữa áp-xe gan quá to bằng dẫn lưu APSE trên màn hình

Với chất lượng chuyên môn cao, phạm vi hoạt động ngày càng rộng, hơn nữa Ban Lãnh đạo và đội ngũ y, bác sĩ Bệnh viện luôn coi trọng vấn đề y đức, tinh thần, thái độ làm việc phục vụ người bệnh tận tình chu đáo. Bệnh viện đang ngày càng gây được lòng tin yêu của nhân dân trong và ngoài huyện



Bệnh viện mang tên "Nhà thương Vân Đình" do bác Hồ đặt nhân dịp Người về thăm ngày 20-4-1963



Bệnh viện đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng



Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây về thăm và tặng hoa các y bác sĩ và nhân viên Bệnh viện nhân Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27-2-2002)



Năm 2002, tập thể CB-NV Bệnh viện đã được UBND huyện Ứng Hòa tặng danh hiệu Đơn vị Văn hóa do truyền thống đoàn kết, tinh thần khám chữa bệnh cho bệnh nhân tận tình, chu đáo và luôn coi trọng y đức



Lãnh đạo Bệnh viện nhận bằng khen vào dịp lễ kỷ niệm Ngày Thầy thuốc Việt Nam và tổng kết công tác y tế huyện Ứng Hòa năm 2002



Mỗi năm, gần 200 ca mổ sản nhi được thực hiện tại Bệnh viện, đã đem lại niềm hạnh phúc cho người dân

Digitized by Google

5730

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY LẮP VÀ VẬT TƯ XÂY DỰNG 3

ĐỊA CHỈ: 244/52A - CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - TP. CẦN THƠ
* Điện thoại: 071 826 407 - 826 408 * Fax: 071 826 407 * E-mail: ctxlvtxd3@hcm.vnn.vn

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG

- XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP, DÂN DỤNG, GIAO THÔNG, THỦY LỢI, ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN THẾ TỪ 35 KV TRỞ XUỐNG
- XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KINH DOANH PHÁT TRIỂN NHÀ, SỬA CHỮA VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
- ÉP VÀ ĐÓNG CỌC BÊ-TÔNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG
- SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

VINACCO



Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



12
4-2003

UNIV. OF MICH.
MAY 21 2003
CURRENT SERIALS

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

ĐỊA CHỈ: SỐ 63 PHỐ VŨ THẠNH - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI.
Điện thoại: (04) 5 120 523 / 5 120 537 / 5 120 538 * Fax: (04) 5 120 524 * E-mail: cnmbcienco5@hn.vnn.vn



Lễ khởi công xây dựng khu dân cư Anh Dũng 1



Thiết bị thi công công trình

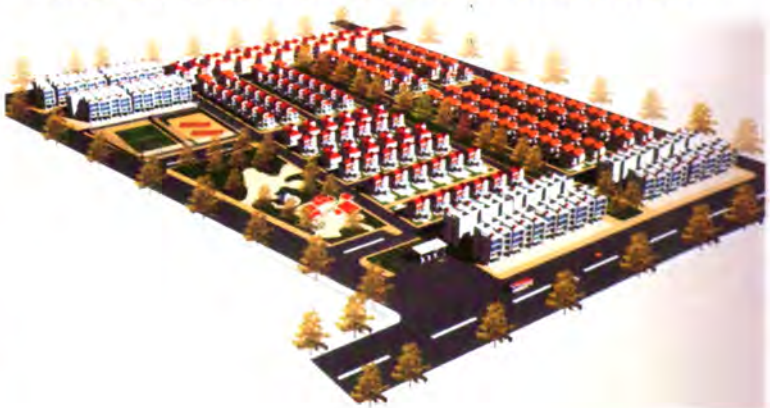


Trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng
- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, cụm dân cư và khu đô thị
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà đất, cho thuê văn phòng làm việc
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện
- Khai thác và chế biến vật liệu xây dựng, cung ứng xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị giao thông vận tải

KHU DÂN CƯ ANH DŨNG I - HẢI PHÒNG



BAN QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN KHU DÂN CƯ ANH DŨNG I

ĐỊA CHỈ: SỐ 349 VĂN CAO - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG * ĐIỆN THOẠI: 031 744 655 * FAX: 031 727 176

* Dự án khu dân cư Anh Dũng nằm cạnh Cầu Rào, trong đồ án quy hoạch cơ cấu khu đô thị mới, chạy dọc trục đường 353 từ Cầu Rào đi Đồ Sơn.

* Tổng mức đầu tư 146 tỉ đồng, dự kiến hoàn thành vào tháng 3 - 2004. Khu đất dự án có tổng diện tích là 14,4 héc-ta.

* Các lô đất xây dựng nhà liền kề, biệt thự ghép, biệt thự cao cấp được bố trí giáp với ba tuyến đường quy hoạch của thành phố Hải Phòng.

* Khu nhà liền kề giáp với đường 353 sẽ tạo nên bộ mặt hiện đại và điểm nhấn kiến trúc cảnh quan không gian trên tuyến đường du lịch này.

* Dọc theo tuyến trục vuông góc với đường 353 là các lô biệt thự cao cấp xen cây xanh trên hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và đồng bộ tạo nên khu đô thị hiện đại.

* Trong khu đô thị gồm: nhà trẻ mẫu giáo và sân chơi thể dục thể thao, bồn hoa cây xanh.

* Giao thông trong khu đô thị được tổ chức rõ ràng, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc theo trục giao thông nội bộ và đảm bảo đủ hệ thống dẫn điện cho từng hộ sử dụng.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG RA 3 KỲ

SỐ 675

12
4-2003

• **BỘ BIÊN TẬP :**
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Điện thoại : (04) 9 422 061
Fax : (04) 8 222 846
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Phó Tổng Biên tập phụ trách :**
TRẦN QUANG NHIẾP



Bìa 1 : Thành phố Hồ Chí Minh - từ một góc nhìn

Ảnh : HỮU CẤY

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX **Về công tác tôn giáo** 3

TRẦN ĐÌNH HOAN - Qua một năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ 8

HUỲNH ĐẢM - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc 13

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC - Một đỉnh cao của trí tuệ Việt Nam 17

LÊ MÃ LƯƠNG - Đại thắng mùa xuân 1975 - mốc son chói lọi 21

VŨ TIẾN LỘC - Về chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam 24

ĐINH XUÂN DŨNG - Văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 29

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

HOÀNG XUÂN CỪ - Luân chuyển cán bộ ở tỉnh Phú Thọ - những kinh nghiệm bước đầu 34

NGUYỄN ĐỨC MẠNH - Cơ chế "một cửa" ở Quảng Trị 38

PHẠM SƠN KHANH - Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương 43

DÂN SỐ - PHÁT TRIỂN

TRƯƠNG MẠNH TIẾN - Bảo vệ môi trường với phát triển cộng đồng dân cư vùng dân tộc miền núi 47

NINH VIẾT GIAO - Gia đình với nâng cao chất lượng dân số 51

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

XUÂN HOÀNH - Chọn phương án 54

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Sự lộng hành của triết lý bạo lực 56

VĂN QUANG - Mỹ mưu đồ kiểm soát các nguồn dầu khí chủ yếu trên thế giới 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Tổng quan kinh tế - xã hội quý I - 2003 64

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• Резолюция VII-го Пленума Центрального Комитета КПВ IX-го созыва о религиозной работе. ЧАН ДИНЬ ХОАН: За год выполнения Резолюции Политбюро о работе по смене и расстановке кадров. ХУИНЬ ДАМ: Отечественный Фронт Вьетнама и дело широкого общенационального единения. НГУЕН ДИНЬ ЫОК: Вершина интеллекта Вьетнама. ЛЕ МА ЛЫОНГ: Великая победа весной 1975 года – блестящая веха. ВУ ТИЕН ЛОК: О стратегии повышения конкурентоспособности вьетнамских предприятий. ДИНЬ СУАН ЗУНГ: Традиционная культура в ходе индустриализации и модернизации сельского хозяйства, села. ХОАНГ СУАН КЫ: Смена и расстановка кадров в провинции Футхо – первые опыты. НГУЕН ДЫК МАНЬ: Механизм «одна дверь» в провинции Куангчи. ФАМ ШОН КХАНЬ: Решения для повышения эффективности деятельности промышленных зон в провинции Биньзыонг. ЧЫОНГ МАНЬ ТИЕН: Охрана окружающей среды и курс развития населенных сообществ нацменьшинств в горных районах. НИНЬ ВЬЕТ ЖАО: Семья и вопрос по повышению качества населения. НГУЕН ХОАНГ ЖАП: Злоупотребление философией о насилии. ВАН КУАНГ: США замышляют контролировать главные нефтегазовые источники в мире.

CONTENTS

• Resolution of 7th Plenum of CPV Central Committee (IXth tenure) regarding the religious matter. TRẦN ĐÌNH HOAN: After one year implementing the Political Bureau's resolution on cadres circulation. HUỲNH ĐẢM: The Vietnamese Fatherland Front and the cause of great national solidarity. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: A height of Vietnamese intelligence. LÊ MÃ LƯƠNG: The great victory in spring of 1975 – a resplendent landmark. VŨ TIẾN LỘC: Regarding the strategy to enhance competitiveness of Vietnamese enterprises. ĐINH XUÂN DŨNG: Traditional culture in the process of industrialisation, modernisation of agriculture and the countryside. HOÀNG XUÂN CỪ: Cadres circulation in province Phú Thọ – the primary experiences. NGUYỄN ĐỨC MẠNH: The "One door" mechanism in Quảng Trị province. PHẠM SƠN KHANH: Solution to the enhancement of activity efficiency of industrial zones in Binh Dương province. TRƯƠNG MẠNH TIẾN: Environment protection and the development of population communities in the areas of mountainous nationalities. NINH VIẾT GIAO: Family and the problem of enhancement of population quality. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Usurpation of violence philosophy. VĂN QUANG: The USA scheme to control the World's principal oil sources.

SOMMAIRE

• Résolution du 7e Plénum du Comité central du PCV (issu du IXe Congrès) sur les questions religieuses. TRẦN ĐÌNH HOAN: Bilan d'un an d'application de la Résolution du Bureau politique sur la mutation des cadres. HUỲNH ĐẢM: Le Front de la Patrie du Vietnam et la grande union nationale. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Un sommet de l'intelligence vietnamienne. LÊ MÃ LƯƠNG: La grande victoire du printemps 1975 – un jalon brillant . VŨ TIẾN LỘC: Sur la stratégie d'amèlioration de la compétitivité des entreprises vietnamiennes. ĐINH XUÂN DŨNG: La culture traditionnelle dans le processus d'industrialisation, de modernisation agricoles et rurales. HOÀNG XUÂN CỪ: La mutation des cadres dans la province de Phú Thọ – premières expériences. NGUYỄN ĐỨC MẠNH: Le mécanisme d'"une porte" dans la province de Quảng Trị. PHẠM SƠN KHANH: Solutions pour améliorer l'efficacitè des zones industrielles dans la province de Binh Dương. TRƯƠNG MẠNH TIẾN: La protection de l'environnement et le développement de la communauté des ethnies minoritaires dans les régions montagneuses. NINH VIẾT GIAO: La famille et l'amélioration de la qualitè démographique. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: L'abus du pouvoir de la philosophie de la violence. VĂN QUANG: Les manœuvres américaines pour contrôler les grands gisements pétrolifères dans le monde.

SUMARIO

• La Resolución del VII Pleno del CC del PCV (IX Congreso) sobre el trabajo de religión. TRẦN ĐÌNH HOAN: Un año de cumplimiento de la Resolución del Buró Político sobre la circulación de cuadros. HUỲNH ĐẢM: El Frente de la Patria Vietnamita y su causa de gran unidad nacional. NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC: Una cima de inteligencia vietnamita. LÊ MÃ LƯƠNG: La gran victoria de primavera de 1975 – espléndido hito. VŨ TIẾN LỘC: Sobre la estrategia de alzar la capacidad competitiva de empresas vietnamitas. ĐINH XUÂN DŨNG: La cultura tradicional en el proceso de industrialización e modernización agrícola y rural. HOÀNG XUÂN CỪ: La circulación de cuadros en la provincia Phú Thọ – primeras experiencias. NGUYỄN ĐỨC MẠNH: El mecanismo de "una puerta" en la provincia Quảng Trị. PHẠM SƠN KHANH: La solución de aumentar la eficiencia operacional de zonas industriales de la provincia Binh Dương. TRƯƠNG MẠNH TIẾN: La protección de medio ambiente y el desarrollo de comunidad popular en las zonas de etnias montañosas. NINH VIẾT GIAO: La familia y la cuestión de aumentar la calidad de población. NGUYỄN HOÀNG GIÁP: El abuso de poder de la filosofía de violencia. VĂN QUANG: La intención norteamericana de controlar las principales fuentes petróleras del mundo.

目录

•越共九届七中全会关于宗教工作的决议•陈庭欢：一年来落实政治局关于干部交流决议情况•黄胆：越南祖国阵线与民族大团结•阮庭约：越南智慧的一个顶峰•黎马良：1975年春节大捷—辉煌的标志•武进禄：关于提高越南企业竞争力的战略•丁春勇：农业、农村工业化、现代化进程中的传统文化•黄春渠：富寿省干部交流工作中的一些初步经验•阮德孟：广治省的"一个窗口"机制•范山卿：平阳省工业区提高活动效益的措施•张孟进：发展山区少数民族居民区与环保问题•宁日交：家庭与提高人口素质问题•阮皇甲：暴力哲理的滥用•文光：美国企图控制世界上的主要石油源。

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

I - TÌNH HÌNH TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

Qua các giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề tôn giáo có những nội dung mới. Năm 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định "Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới", "các giáo hội và tổ chức tôn giáo nào có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp nhà nước, có tổ chức phù hợp và bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về cả hai mặt đạo, đời thì sẽ được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động".

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, công tác vận động đồng bào có đạo, các tín đồ, chức sắc... hưởng ứng tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng *khối đại đoàn kết toàn dân tộc* đạt được nhiều tiến bộ.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhìn chung, các tổ chức tôn giáo đã xây dựng đường hướng hành đạo, hoạt động theo pháp luật ; các tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó với dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước. Các ngành, các cấp đã chủ động, tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị ở các vùng đồng bào tôn giáo, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại những hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người chưa tuân thủ pháp luật, còn tổ chức truyền đạo trái phép ; còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị

Digitized by Google

đoan. Việc khiếu kiện và tranh chấp liên quan đến đất đai và cơ sở vật chất của tôn giáo ở một số nơi tăng lên, có nơi gay gắt, phức tạp. Ở một số nơi, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số, một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

Có tình hình trên đây là do : công tác tôn giáo chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, trong khi các thế lực thù địch ráo riết tranh thủ, giành giật, lôi kéo quần chúng tín đồ, chức sắc tôn giáo. Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn trong giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo ; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo chậm được thể chế hóa. Tổ chức, bộ máy làm công tác tôn giáo của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo chưa xác định rõ được mô hình, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế phối hợp, thiếu sự quan tâm đầu tư bảo đảm các điều kiện hoạt động ; đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng đông tín đồ tôn giáo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số còn yếu, việc tập hợp quần chúng còn hạn chế.

II - QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để thực hiện phương hướng trên, các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, các ngành cần thống nhất nhận thức về các quan điểm và chính sách sau đây:

1 - Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

2 - Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau ; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Digitized by Google

3 - Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng

Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc ; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

4 - Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

5 - Vấn đề theo đạo và truyền đạo

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các *tổ chức tôn giáo* được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật ; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

III - NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TÔN GIÁO

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

- Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo" trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo, tự giác và phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại đoàn kết dân tộc, chống đối chế độ.

- Hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ; đấu tranh làm thất bại những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta.

Digitized by Google

- Tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách trước mắt và lâu dài đối với tôn giáo.

IV - CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1 - Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

- Giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc, làm cho các tôn giáo gắn bó với dân tộc, với đất nước và chủ nghĩa xã hội, hăng hái thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân ; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo, thông qua đó tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không tín ngưỡng, tôn giáo ; giữa những người có các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau ; đồng thời, tạo cơ sở để đấu tranh chống những tà đạo, những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo làm hại đến lợi ích của Tổ quốc, dân tộc và nhân dân.

2 - Tăng cường công tác vận động quần chúng, xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở ; đổi mới nội dung, phương thức công tác vận động đồng bào tín đồ các tôn giáo, phù hợp với đặc điểm của đồng bào có nhu cầu luôn gắn bó với sinh hoạt tôn giáo và tổ chức tôn giáo.

- Tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo.

3 - Tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo

- Tăng cường đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân các vùng khó khăn, đặc biệt quan tâm các vùng đông tín đồ tôn giáo và vùng dân tộc miền núi còn nhiều khó khăn.

- Sớm ban hành *Pháp lệnh về tôn giáo* và các văn bản hướng dẫn thực hiện ; chuẩn bị để tiến tới xây dựng *Luật về tín ngưỡng, tôn giáo.*

- Tăng cường cảnh giác cách mạng, xây dựng phương án cụ thể, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Giải quyết việc tôn giáo tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... của Nhà nước, theo nguyên tắc:

Khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật.

Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật.

Digitized by Google

- Thống nhất chủ trương xử lý vấn đề nhà, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo:

Đối với đất đai, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với việc khiếu kiện liên quan đến nhà và cơ sở tôn giáo đã chuyển giao cho chính quyền hoặc đoàn thể sử dụng: về nguyên tắc, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành ; riêng đối với những trường hợp nhà, đất do tôn giáo đã hiến tặng có văn bản xác nhận thì không đặt vấn đề trả lại.

- Đối với hội đoàn tôn giáo, thực hiện theo nguyên tắc mọi tổ chức tôn giáo phải được Nhà nước công nhận và hoạt động theo quy định của pháp luật.

4 - Tăng cường công tác tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo

- Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác tôn giáo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức quản lý nhà nước về tôn giáo ở các cấp ; xây dựng quy chế phối hợp phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác.

- Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng, sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo.

- Quan tâm thỏa đáng việc đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp. Cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải được bồi dưỡng, huấn luyện để hiểu biết phong tục tập quán, tiếng nói của dân tộc nơi mình công tác.

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1 - Các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt *Nghị quyết về công tác tôn giáo* đồng thời với *Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc* và *Nghị quyết về công tác dân tộc*. Tổ chức nghiên cứu sâu trong cán bộ làm công tác tôn giáo và trong những địa phương có đông đồng bào theo đạo và những địa phương có vấn đề tôn giáo phát sinh. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch phổ biến tinh thần nghị quyết trong chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

2 - Đảng đoàn Quốc hội và Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa nội dung nghị quyết thành chính sách, pháp luật ; xây dựng chương trình hành động của Quốc hội và Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. Đối với các luật, pháp lệnh mà phạm vi điều chỉnh có liên quan đến tôn giáo cần có điều khoản riêng quy định những nội dung cụ thể liên quan đến vấn đề về tôn giáo.

3 - Các cấp ủy căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống.

4 - Đảng đoàn Mặt trận và các đoàn thể nhân dân xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết, tổ chức đoàn viên, hội viên thực hiện.

5 - Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện nghị quyết ; trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Digitized by Google

QUA MỘT NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

TRẦN ĐÌNH HOAN*

SAU hơn một năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-12-2002, của Bộ Chính trị về *"Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý"*, bước đầu có thể nêu lên một số vấn đề cần được thống nhất về nhận thức và hành động, nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý trong thời gian tới như sau:

1 - Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý là một trong những khâu đột phá của công tác cán bộ, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tình hình hiện nay. Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý không phải là một vấn đề mới, mà là sự kế thừa, phát triển truyền thống của dân tộc ta và những quan điểm, tư tưởng của Đảng, Bác Hồ về công tác cán bộ qua các thời kỳ cách mạng. Trong thời kỳ phong kiến, ông cha ta đã có những quy định khá chặt chẽ, cụ thể về vấn đề này như : trước khi bổ nhiệm giữ chức Tổng quản ở Kinh đô thì người đó phải có một số năm làm quan ở các tỉnh biên giới ; một số chức vụ ở huyện, tổng nhất thiết không được bố trí người của địa phương, hoặc khi làm quan ở địa phương nào thì không được mua ruộng ở địa phương đó, v.v.. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, lúc chưa có chính quyền cũng như khi có chính quyền, trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong hòa bình xây dựng đất nước, công tác luân chuyển cán bộ đã được Đảng ta rất coi trọng và thực hiện có kết quả trong các thời kỳ cách mạng như : thực hiện chủ trương "vô sản hóa", đưa cán bộ, đảng viên về các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền... hoạt động để xây dựng cơ sở cách mạng ; phân công cán bộ ở các cơ quan Trung ương về công tác ở các địa phương ; điều động cán bộ từ nơi này sang nơi khác, từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ và coi đó là nhiệm vụ thường xuyên của công tác cán bộ. Do vậy, cùng với sự phát triển của cách mạng qua các thời kỳ, đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đã không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, công tác luân chuyển cán bộ chưa được các cấp ủy Đảng quan tâm đúng mức. Hiện nay, đội ngũ

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

Digitized by Google

cán bộ kế cận cho các đại hội tới của hệ thống chính trị ở các cấp phần lớn là trưởng thành sau năm 1975, trong khi đó, số cán bộ lãnh đạo, quản lý đã được tôi luyện, thử thách và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ngày càng giảm dần. Mặt khác, trong quá trình tiến hành sự nghiệp đổi mới, đại đa số cán bộ giữ gìn được phẩm chất, đạo đức cách mạng, nhưng cũng có một bộ phận cán bộ bị tha hóa, biến chất, có những biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng ; tình trạng khép kín và tư tưởng cục bộ địa phương, "sống lâu lên lão làng" trong công tác cán bộ có xu hướng phát triển ở một số ngành và địa phương, ảnh hưởng đến chất lượng của công tác cán bộ và việc xây dựng đội ngũ cán bộ. Do vậy, việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là một yêu cầu, đòi hỏi khách quan của công tác cán bộ nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho lâu dài.

Sau khi có Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII về *"Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*, công tác luân chuyển cán bộ được nhiều cấp ủy quan tâm, chú ý hơn và đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trong thực hiện vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong các cấp ủy ; còn lẫn lộn giữa điều động và luân chuyển ; luân chuyển cán bộ chưa dựa trên cơ sở quy hoạch nên chất lượng, hiệu quả còn hạn chế.

Để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đó và chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25-1-2002, về *"Luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý"*, nhằm tạo điều kiện để những cán bộ trẻ, trong quy hoạch, có triển vọng phát triển được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn cuộc sống, giúp cho cán bộ trưởng thành, phát triển nhanh và toàn diện hơn. Nghị quyết của Bộ Chính trị cũng chỉ rõ : luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý là *một trong những khâu đột phá* của công tác cán bộ, bởi vì nếu làm tốt công tác luân chuyển cán bộ sẽ có tác dụng thúc đẩy công tác đánh giá cán bộ, xây dựng quy hoạch cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Mặt khác, thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý sẽ có tác dụng hạn chế và từng bước khắc phục tư tưởng cục bộ địa phương, tình trạng khép kín trong công tác cán bộ, tạo nên động lực và nguồn sáng tạo mới trong đội ngũ cán bộ, góp phần chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho lâu dài, bảo đảm cho sự trường tồn và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tuy nhiên, công tác luân chuyển cán bộ chỉ có thể phát huy tác dụng và trở thành khâu đột phá khi nó được kết hợp chặt chẽ, đồng bộ với các khâu của công tác cán bộ vì : *đánh giá cán bộ là tiền đề, quy hoạch cán bộ là nền tảng, luân chuyển cán bộ là đột phá và đào tạo bồi dưỡng cán bộ là yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài.* Các khâu trên có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau, làm tiền đề cho nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

2 - Qua thực tiễn việc thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý của các địa phương cho thấy : Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được các tỉnh, thành ủy triển khai nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện khá nghiêm túc, đồng bộ ; nhiều cấp ủy đã xây dựng kế hoạch cụ thể và tích cực thực hiện, đem lại một số kết quả bước đầu như : Phú Thọ, Yên Bái, Sơn La, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Phú Yên, Khánh Hòa, Cà Mau, An Giang, Gia Lai, Kon Tum... Thực tiễn cũng

Digitized by Google

chứng tỏ rằng, công tác luân chuyển cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình. Từ đầu năm 2002 đến nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thực hiện luân chuyển 28 cán bộ từ các ban, ngành Trung ương về công tác ở các địa phương và ngược lại, hoặc từ địa phương này sang địa phương khác, trong đó có 18 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa IX ; các tỉnh, thành ủy cũng đã luân chuyển trên 1 200 cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh, Thành ủy quản lý từ các sở, ban, ngành của tỉnh, thành phố về các huyện, quận và ngược lại. Đa số các đồng chí cán bộ được luân chuyển đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn của bản thân và gia đình, tự giác nhận nhiệm vụ; nhiều đồng chí đã nhanh chóng tiếp cận với điều kiện, môi trường công tác mới và bước đầu phát huy tác dụng tốt, được cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương hoan nghênh. Do chủ động, tích cực tiến hành công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ, nên một số địa phương đã xây dựng được đội ngũ cán bộ kế cận phong phú, khắc phục một bước tình trạng bị động, chắp vá trong công tác cán bộ, chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ cho bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ tới. Một số nơi, hầu hết các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh, thành ủy đã kinh qua các chức vụ chủ chốt ở quận, huyện, thị ủy. Thông qua việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý, đã *tạo ra động lực và nguồn sáng tạo mới* trong đội ngũ cán bộ, tạo nên không khí làm việc và sự chuyển động mới trong công tác cán bộ, khắc phục một bước tình trạng trì trệ, khép kín và tư tưởng cục bộ địa phương trong công tác cán bộ ; có tác dụng thúc đẩy các khâu khác của công tác cán bộ như : nhận xét, đánh giá cán bộ ; xây dựng quy hoạch cán bộ ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chính *qua thực tiễn, càng ngày chúng ta càng thấy rõ hơn tính chất đột phá của việc luân chuyển trong công tác cán bộ.*

Bên cạnh những kết quả và ưu điểm đã đạt được, việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị cũng còn có một số hạn chế, thiếu sót như : một số cấp ủy và tổ chức đảng chưa tạo được sự thống nhất về nhận thức, quyết tâm thực hiện chưa cao, nên việc triển khai còn chậm và không đồng đều ; một số nơi chưa tích cực xây dựng quy hoạch cán bộ, nên chưa có cơ sở để luân chuyển hoặc luân chuyển cán bộ không dựa trên cơ sở quy hoạch ; còn lẫn lộn giữa luân chuyển cán bộ theo quy hoạch với điều động, bố trí cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ ; việc luân chuyển cán bộ mới chủ yếu thực hiện từ cấp huyện trở lên, luân chuyển cán bộ về cơ sở còn ít ; việc nghiên cứu, cụ thể hóa, thể chế hóa nội dung Nghị quyết 11 thành các văn bản hướng dẫn theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương còn chậm.

Những kết quả cụ thể của các địa phương, nhất là ở những nơi đã làm tốt công tác luân chuyển cán bộ thời gian qua, là do thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu như : tạo được sự thống nhất về nhận thức trong cấp ủy, có sự chỉ đạo tập trung, chặt chẽ của Ban Thường vụ, đặc biệt là vai trò của đồng chí Bí thư ; vai trò tham mưu chủ động, tích cực của Ban Tổ chức tỉnh, thành ủy ; kết hợp chặt chẽ việc luân chuyển cán bộ với đánh giá, quy hoạch và đào tạo cán bộ ; công tác chuẩn bị được tiến hành thận trọng, kỹ lưỡng, có bước đi thích hợp ; căn cứ vào năng lực, sở trường của mỗi cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương để xác định nơi luân chuyển cán bộ cho phù hợp ; làm tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ, tạo được sự thống nhất cao trong cấp ủy ở nơi

Digitized by Google

cán bộ đi cũng như nơi cán bộ luân chuyển đến, v.v..

**

Để đẩy mạnh thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý trong thời gian tới, chúng ta cần thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau đây :

Một là, các tỉnh, thành ủy cần tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý ở địa phương mình trong Ban Thường vụ hoặc trong hội nghị cán bộ chủ chốt, để đánh giá những việc đã làm được, những việc chưa làm được, xác định rõ nguyên nhân của những ưu khuyết điểm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời tiếp thu những kinh nghiệm tốt của các địa phương khác. Trên cơ sở đó, đề ra những giải pháp cụ thể, thiết thực để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.

Hai là, các tỉnh, thành ủy cần tiến hành ngay việc nhận xét, đánh giá cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ diện cấp ủy quản lý để làm cơ sở cho xây dựng quy hoạch cán bộ. Việc đánh giá cán bộ phải được tiến hành dân chủ, công khai và là trách nhiệm của tập thể Ban Thường vụ cấp ủy. Đánh giá cán bộ không chỉ căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ở cơ quan mà còn phải xem xét cả các mối quan hệ xã hội của bản thân, gia đình cán bộ đó. Trên cơ sở đánh giá cán bộ, khẩn trương xây dựng quy hoạch cán bộ, trước hết là quy hoạch đội ngũ cấp ủy và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở các cấp. Những nơi đã xây dựng quy hoạch cán bộ thì tiến hành rà soát lại để kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nhân tố mới cho phù hợp. Việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý phải quán triệt yêu cầu, quan điểm và nguyên tắc của Đảng về công tác cán bộ ; phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của ngành, địa phương và căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh của từng loại cán bộ ; kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch ngắn hạn với quy hoạch dài hạn ; giữa quy hoạch của cấp dưới với quy hoạch của cấp trên. Quy hoạch cán bộ của cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên duyệt và là cơ sở cho quy hoạch cán bộ của cấp trên. Để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quá trình tiến hành phải vừa "mở", vừa "động", tức là : mở rộng nguồn cán bộ quy hoạch, đối với các chức danh lãnh đạo và quản lý chủ chốt không chỉ khép kín trong phạm vi một ngành, địa phương, đơn vị ; một chức danh có thể quy hoạch từ 2 đến 3 người và một người có thể quy hoạch cho từ 2 đến 3 chức danh để tạo động lực và môi trường bình đẳng cho những người có khả năng ngang nhau có cơ hội rèn luyện, phấn đấu, tự khẳng định về phẩm chất và năng lực của mình ; thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo sự phát triển của từng cán bộ.

Khi xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và quản lý, cần đặc biệt coi trọng về tiêu chuẩn. Những cán bộ đưa vào quy hoạch phải là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức và lối sống trong sáng, có khả năng đoàn kết và quy tụ cán bộ, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng ; có năng lực và kinh nghiệm thực tiễn, đã kinh qua các chức vụ chủ chốt ở cấp dưới, biết vận dụng sáng tạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, Nghị quyết của Đảng trong cuộc sống ; bản thân và gia đình chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú ý phát hiện, lựa chọn và tạo nguồn quy hoạch từ những cán bộ trẻ, đã được đào tạo cơ bản, có triển vọng phát triển, những người xuất thân từ thành phần công nhân, nông dân, là con em các gia đình có truyền thống

Digitized by Google

cách mạng, người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ... Phấn đấu từ năm 2005 trở đi, đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt dưới 45 tuổi từ cấp huyện trở lên, phải có trình độ đại học về chuyên ngành và đã học chương trình lý luận chính trị cao cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII.

Ba là, trên cơ sở quy hoạch cán bộ, các cấp, các ngành cần tiến hành xây dựng kế hoạch đưa cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng và kế hoạch thực hiện luân chuyển cán bộ ; chủ động chuẩn bị nhân sự phục vụ bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp năm 2004, đại hội đảng bộ các cấp năm 2005 và nhân sự Đại hội X của Đảng. Cần phân biệt sự khác nhau giữa luân chuyển với điều động cán bộ. Luân chuyển và điều động cán bộ đều nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhưng luân chuyển chỉ thực hiện đối với những cán bộ trẻ, trong quy hoạch và có triển vọng phát triển để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ cho lâu dài. Muốn làm tốt công tác luân chuyển cán bộ, phải tiến hành đồng bộ và kết hợp chặt chẽ giữa các khâu của công tác cán bộ ; kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức ; kết hợp việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý để đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho lâu dài với việc xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn và chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực.

Bốn là, luân chuyển cán bộ là một việc khó, mang tính khoa học và hết sức nhạy cảm, tác động không nhỏ đến tâm tư, tình cảm của đội ngũ cán bộ. Do vậy, khi thực hiện luân chuyển cán bộ, cần có sự thống nhất và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, đặc biệt là trách nhiệm của tập thể Ban Thường vụ, của đồng chí Bí thư, của Ban Tổ chức. Quá trình tiến hành phải chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng, mở rộng dân chủ, có bước đi thích hợp và có quyết tâm cao. Trong thời gian cán bộ luân chuyển về địa phương, cấp ủy phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giúp đỡ để cán bộ kịp thời phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm. Cần có những tiêu thức cụ thể để đánh giá cán bộ sau khi thực hiện luân chuyển ; định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm, từng bước đưa việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý trở thành thường xuyên, nền nếp, tạo sự chuyển biến về chất trong công tác cán bộ.

Năm là, các cơ quan tham mưu của Trung ương cần khẩn trương nghiên cứu, cụ thể hóa, thể chế hóa các nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị thành các quy định, quy chế và hướng dẫn cụ thể để thực hiện thống nhất trong cả nước ; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương, cơ sở như : nghiên cứu bổ sung, sửa đổi luật tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Pháp lệnh cán bộ công chức ; hướng dẫn về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở ; về chế độ nhà công vụ đối với cán bộ khi luân chuyển, v.v.. ❑

SỬA LẠI

Do sơ xuất về kỹ thuật in, trong bài ***"Báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng là bộ phận xung kích trên mặt trận tư tưởng"***, đăng trên Tạp chí Cộng sản, số 11 - 2003, tại trang 12, cột 2, dòng thứ 9 từ dưới lên, đã thiếu mấy từ. Xin đọc lại toàn câu như sau : "Hoặc là do thiếu nhạy bén chính trị, hoặc là do "chạy theo lợi nhuận đơn thuần", lúc này lúc khác, đã có những sơ hở trong thông tin, thông tin phiến diện một chiều, không theo đúng những định hướng của Đảng, làm phương hại đến lợi ích xã hội và lợi ích đất nước, thậm chí vi phạm pháp luật, để lộ bí mật quốc gia".

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

Digitized by Google

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VỚI SỰ NGHIỆP ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

HUỲNH ĐẢM*

TRONG suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhất là những năm đổi mới vừa qua, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã không ngừng mở rộng, nội dung phong phú hơn, đa dạng hơn. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều 9 của Hiến pháp Việt Nam năm 1992 đã đề cập về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Theo tinh thần đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là *liên minh chính trị, liên hiệp trên cơ sở tự nguyện, phối hợp thống nhất hành động ; là đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.*

Hội nghị lần thứ 7 (phần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã xác định rõ những quan điểm lớn, đưa ra những chủ trương, giải pháp chủ yếu nhằm củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

I. Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Nhằm đổi mới phương thức hoạt động, thật sự hướng về cơ sở và tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức thành viên và các cấp, trong thời gian qua, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được triển khai theo ***5 nội dung*** khá đồng đều ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Những hoạt động đó đã và đang đi vào cuộc sống của các giới đồng bào, các tầng lớp nhân dân, đến từng cơ sở, khu dân cư.

1 - Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, đưa nhanh nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc đã phát hiện và xây dựng những nhân tố tích cực, những mô hình hay, những tấm gương tiêu biểu trong thực hiện các nghị quyết của Đảng ; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp các tầng lớp nhân dân, các giới đồng bào ; phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ; chủ động và góp phần chống lại mọi âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực phản động. Trong thời gian gần đây, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tích cực tham gia vào xây dựng đề án chuẩn bị cho Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ; về công tác dân tộc, tôn giáo trong tình hình mới. Xây dựng, bổ sung, cụ thể hóa Chương trình thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"*.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Người Cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ...) tăng cường chỉ đạo nhằm thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào, giải quyết những vấn đề bức xúc liên quan trực tiếp đến lợi ích của mọi tầng lớp xã hội. Chú trọng thu hút người cao tuổi, các nhân sĩ, trí thức, chuyên gia, người tiêu biểu thuộc các dân tộc, tôn giáo khác nhau... tham gia công tác Mặt trận. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai nhiều chương trình quốc gia : phòng chống tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội ; bảo đảm trật tự an toàn giao thông ; giải quyết việc làm... Qua các phong trào hành động, nhân dân đã cung cấp cho lực lượng công an hàng vạn nguồn tin liên quan đến tội phạm, trong đó có 60 tới 70% nguồn tin có giá trị ; cảm hóa, giáo dục được hàng triệu lượt đối tượng vi phạm pháp luật, giúp đỡ hàng chục ngàn đối tượng tiến bộ, tái hòa nhập cộng đồng.

2 - Mở rộng, nâng cao hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước

Cuộc vận động đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường đoàn kết, giữ vững an ninh trật tự ở cơ sở, ngăn ngừa các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Đến cuối tháng 12 - 2002, đã có 34 tỉnh, thành phố thực hiện cấp kinh phí cho khu dân cư theo Thông tư liên tịch số 02 giữa Bộ Tài chính và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Sau hai năm phát động, cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" đang có ảnh hưởng sâu rộng, đạt kết quả tích cực từ trung ương đến cơ sở, được nhiều cấp ủy, chính quyền và nhân dân quan tâm. Riêng năm 2002, đã phân bổ cho các địa phương 8 tỉ 560 triệu đồng xây dựng nhà tình thương, tặng 500 xuất quà với tổng trị giá 184,6 triệu đồng cho nhiều gia đình nghèo. Nhiều hoạt động thiết thực khác được phát động (Quỹ Xã hội từ thiện, Quỹ Tấm lòng vàng ; cho nông dân vay vốn, dạy nghề cho thanh niên...) của các hiệp hội cũng ngày càng phát huy tác dụng. Phong trào đền ơn đáp nghĩa được đẩy mạnh.

3 - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia xây dựng Nhà nước, cùng nhà nước chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân

Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tích cực vận động mọi người tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI ; phối hợp thống nhất hành động trong thực hiện 5 bước của quy trình hiệp thương, đảm bảo dân chủ, đúng luật, đúng tiến độ ; tiến hành công tác kiểm tra, giám sát bầu cử. Coi việc tham gia thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở là một trong những nội dung trọng tâm, thường xuyên. Tới nay, đã có từ 50 đến 60% số thôn, bản, tổ dân phố trong cả nước đã tiến hành xây dựng hương ước, quy ước ; 9 829/10 500 xã, phường, thị trấn lập Ban thanh tra nhân dân.

4 - Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc ; cải cách điều hành, chỉ đạo công việc của cơ quan chuyên trách ; hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, khu dân cư

Công việc rất được quan tâm hiện nay của bộ máy chuyên trách công tác mặt trận là : quan tâm tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ; tiến hành cải cách lề lối làm việc, thường xuyên đi cơ sở ; tiến hành thông tin báo cáo giữa địa phương với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ; đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, thông tin tuyên truyền ; chuẩn bị kỹ nội dung và nhân sự cho một số tổ chức thành viên tiến hành đại hội.

5 - Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần cùng Đảng và Nhà nước thực hiện tốt phương châm Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng mối quan hệ sẵn có với

Digitized by Google

các tổ chức tương ứng, tiếp tục mở rộng các đối tác mới ở nước ngoài ; vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp dựng xây đất nước.

II. Tiếp tục nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc

Thành tựu đạt được trong thời gian qua là không nhỏ, tuy nhiên, hiện đang có nhiều vấn đề cần phải giải quyết : khối đại đoàn kết toàn dân vẫn chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới ; lòng tin vào Đảng, Nhà nước, chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, có phần vì đời sống còn nhiều khó khăn vì bất bình trước những bất công xã hội, trước tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương, pháp luật nhiều lúc nhiều nơi bị buông lỏng ; đạo đức xã hội có mặt bị xuống cấp, trật tự, an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu, kém về nhiều mặt. Công tác Mặt trận tuy đạt nhiều thành tích đáng kể nhưng vẫn còn không ít thiếu sót : chưa thực sự phát huy tính chủ động, tích cực của quần chúng ; chưa coi trọng công tác tuyên truyền ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo, dân tộc ; chưa phản ánh đầy đủ và tổng kết thực tiễn từ cơ sở ; chưa đề xuất được những giải pháp mang tính chiến lược lâu dài ; thiếu sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các tổ chức thành viên với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp.

Trên thực tế, mối quan tâm của xã hội và việc triển khai thực hiện Hiến pháp và Luật Mặt trận chưa đến nơi, đến chốn. Nhiều nơi, nhiều ngành, nhiều cấp còn chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của Mặt trận. Một số cơ quan nhà nước vẫn chưa thật sự lắng nghe và tham khảo ý kiến đóng góp của các tổ chức Mặt trận. Các chế độ, chính sách (lương, phụ cấp, trang thiết bị, phương tiện...) đối với đội ngũ cán bộ và những người hoạt động Mặt trận chưa phù hợp, chưa động viên và thu hút được những người có trình độ và khả năng. Mặt khác, cũng phải nói rằng, bản thân hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn thụ động, hình thức, thiếu đồng bộ, nặng về hành chính, mang tính hiệu triệu, không sát dân. Tổ chức bộ máy còn quá yếu, chưa đủ trình độ và chưa theo kịp với yêu cầu mà cuộc sống đặt ra.

Trong buổi làm việc với đại diện Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ngày 22-1-2003), sau khi nghe báo cáo về tình hình công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2002 và phương hướng hành động trong thời gian tới, đồng chí Phan Văn Khải, Thủ tướng Chính phủ, kết luận : Hoạt động của Mặt trận đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của đất nước năm 2002 và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, thái độ xây dựng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quá trình thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đề xuất phối hợp xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Chính phủ sẽ quan tâm và chỉ đạo các cấp chính quyền phối hợp tạo mọi điều kiện để Mặt trận các cấp đẩy mạnh hoạt động chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội Mặt trận từ cơ sở, tiến tới Đại hội lần thứ VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào quý III năm 2004.

Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng ra Chỉ thị "Về lãnh đạo Đại hội Mặt trận các cấp và Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam". Bản chỉ thị đề ra những nhiệm vụ cụ thể :

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chuẩn bị tốt nội dung báo cáo trình Đại hội. Báo cáo cần đánh giá chính xác thực trạng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mối liên hệ giữa dân với Đảng và Nhà nước cũng như những hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Nêu rõ những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, phát hiện và đề cao nhân tố mới, những điển hình tiên tiến. Xác định những

Digitized by Google

biện pháp, cơ chế và điều kiện cần thiết nhằm nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới, đảm bảo để Mặt trận phát huy được vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc. Xem xét việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho phù hợp với yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

- Tiến hành nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 "Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" ; "Về công tác dân tộc" ; "Về công tác tôn giáo".

- Chỉ đạo tốt công tác nhân sự của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, quan tâm xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảm bảo tính liên hiệp rộng rãi, tính quần chúng sâu sắc. Chú ý thu hút đông đảo các nhân sĩ, trí thức tiêu biểu, những người có uy tín trong các dân tộc thiểu số, trong các chức sắc tôn giáo, đại biểu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ người ngoài Đảng tham gia Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Phát biểu tại Hội nghị lần thứ năm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa V), đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cũng nhấn mạnh vị trí, vai trò của Mặt trận trong công cuộc xây dựng đất nước và yêu cầu phải hướng các hoạt động của Mặt trận về cơ sở.

Trước những yêu cầu mới của giai đoạn hiện nay, công tác Mặt trận cần có những chuyển biến, thiết thực hơn, lấy trọng tâm *hướng về cơ sở và địa bàn dân cư*. Trước hết, phải xác định thật đầy đủ vai trò của Mặt trận, có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ, sát sao và đồng bộ giữa Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên (bao gồm 32 tổ chức). Không chỉ bằng hô hào, kêu gọi mà phát động trên *toàn quốc, trong toàn dân, một cách toàn diện và đi vào chiều sâu* các phong trào thi đua yêu nước, phong trào bảo vệ an ninh - quốc phòng, nhất là các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Xóa đói, giảm nghèo", "Đền ơn, đáp nghĩa", "Trật tự, an toàn giao thông", cuộc vận động "Ngày vì người nghèo"... Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức tập hợp nhân dân, thể hiện được *tính tiêu biểu, đại chúng, thiết thực*. Chủ động góp phần tham gia ý kiến và thúc đẩy việc ban hành : Luật Dân tộc, Luật Thanh niên, Luật về Hội, Pháp lệnh Tôn giáo, Pháp lệnh Dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Chống tham nhũng... Chuẩn bị tham gia tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vào năm 2004. Phấn đấu đến Đại hội VI của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp đều xây dựng và thực hiện Quy chế phối hợp công tác với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp. Coi trọng việc tuyên truyền trong nước và đối ngoại về truyền thống đại đoàn kết của dân tộc ta, về chính sách dân tộc, tôn giáo, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngăn chặn và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc về dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch. Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền của Tạp chí Mặt trận, thông tin công tác Mặt trận ; mở rộng và nâng chất lượng các loại ấn phẩm thông tin khác của các cấp Mặt trận phục vụ cơ sở. Tập trung nâng cao chất lượng báo Đại đoàn kết, đưa tờ báo này đến với các cộng đồng dân cư trong cả nước ; chú trọng đến các loại hình báo Đại đoàn kết bằng các ngôn ngữ dân tộc. Đưa báo Người Công giáo Việt Nam tới các tổ đoàn kết, các vị chức sắc trong xứ họ đạo. Chủ động đề xuất về luân chuyển cán bộ, về hệ thống đào tạo, bồi dưỡng và chính sách cán bộ Mặt trận các cấp.

Để làm tốt vai trò của mình và khẳng định vị trí quan trọng của chính sách đại đoàn kết dân tộc, Mặt trận Tổ quốc các cấp rất cần có sự chỉ đạo kịp thời, những chính sách phù hợp từ trung ương ; và điều quan trọng nhất là phải tự vươn lên, phát huy mọi khả năng sẵn có, hoàn thành tốt sứ mệnh mà Đảng và nhân dân đã tin tưởng giao phó. ❑

Digitized by Google

MỘT ĐỈNH CAO CỦA TRÍ TUỆ VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC*

NGÀY 30-4-1975 - Ngày Đại thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cũng là Ngày Toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thần kỳ của dân tộc ta.

Thắng lợi vĩ đại này là kết quả của quá trình đấu tranh lâu dài của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng ta đã tổ chức và phát huy một cách tuyệt vời sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, vì thế đã đánh bại sức mạnh của cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù với quy mô lớn. Trong cuộc đấu tranh này, Mỹ đã huy động tối đa trí tuệ về quân sự và ngoại giao của chủ nghĩa đế quốc, từ Thống tướng Tay-lo, người "phát minh" ra chiến lược "phản ứng linh hoạt" đến H. Kít-sinh-gơ, nhà ngoại giao sừng sỏ, cùng các chuyên gia quân sự hàng đầu nước Anh là Tôm-sơn và Lên-đên - những tác giả của học thuyết chống "nổi dậy"... Về phía ta, hoạt động chính trị, quân sự, ngoại giao đã thể hiện một tầm cao mới về trí tuệ Việt Nam, vượt lên trên những tính toán của đối phương, lần lượt làm thất bại các chiến lược quân sự, các thủ thuật ngoại giao của đế quốc Mỹ.

Cuộc Đồng khởi năm 1960 ở miền Nam là một sáng tạo về phương pháp cách mạng trong tình thế Mỹ - Diệm đã tàn sát khốc liệt cơ sở cách mạng, đẩy cách mạng "vào chân tường", nếu nhân dân ta tiếp tục lùi thì cách mạng miền Nam sẽ mất tất cả. Bởi vậy, Đảng ta đã huy động sức mạnh nổi dậy đồng loạt của quần chúng ở nhiều vùng nông thôn, nên đã chuyển phong trào cách mạng từ thế thủ sang thế công, làm cho Mỹ - Diệm bị bất ngờ vì không lường được sự bùng nổ bạo lực của nhân dân bị đè nén và sự sáng tạo của cách mạng. Đồng thời, đã làm sụp đổ những mảng lớn của chính quyền Sài Gòn ở thôn, xã. Trên đà thắng lợi đó, phong trào cách mạng đã phát triển thành chiến tranh cách mạng, tạo ra bước tiến "nhảy vọt" của lực lượng kháng chiến. Trí tuệ Việt Nam bước đầu đã làm đảo lộn chiến lược xâm chiếm thuộc địa bằng những thủ đoạn xảo quyệt của chủ nghĩa thực dân mới.

Sau thất bại này, Mỹ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Miền Nam Việt Nam đã sáng tạo ra sức mạnh mới của chiến tranh nhân dân bao gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ; tiến công địch bằng cả đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị và binh vận ; cả ở thành thị, nông thôn và rừng núi (không theo lối nông thôn bao vây thành thị). Cuộc chiến tranh nhân dân đã huy động được sức mạnh toàn dân tộc, vận dụng các hình

* Trung tướng, PGS

Digitized by Google

thức đấu tranh phong phú, kể cả hình thức mới như "ba mũi giáp công" và hoạt động của các "đội quân tóc dài", nên đã đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển đến đỉnh cao mà tư duy quân sự của Mỹ không thể nào dự kiến được. Vì thế, chúng bị rơi vào thế bị động, buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh - thực hiện "Chiến tranh cục bộ".

Năm 1965 - nước ta đứng trước một thử thách cực kỳ nghiêm trọng: Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam và dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc, với tham vọng đánh "gãy xương sống Việt cộng" và đưa miền Bắc trở về "thời kỳ đồ đá". Ngay lúc đó, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được xác định chính xác, có căn cứ lý luận và thực tiễn phong phú. Đảng đã chỉ rõ: Mỹ đem quân vào trong thế thua và bị động, trước thế trận đã bày sẵn của ta trên khắp chiến trường ; Mỹ "giàu nhưng không mạnh", ta nhất định thắng.

Quan điểm của ta về so sánh lực lượng đôi bên trên chiến trường, khác với Mỹ (và một số nước là, họ chỉ tính đầu súng và đầu quân), Đảng ta đã xem xét cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, cả thế trận và lực lượng, cả số lượng và chất lượng, cả điều kiện vật chất khách quan và tính năng động chủ quan, cả ở chiến trường miền Nam gắn liền với cục diện chính trị trên thế giới, nhất là tình hình nước Mỹ. Ta đang ở thế chủ động tiến công, có thế trận rộng khắp của chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng : thành thị, nông thôn và rừng núi ; có các "quả đấm" chủ lực bố trí hợp lý ở miền Đông Nam Bộ, ven biển Khu 5, Tây Nguyên và Trị Thiên, căng mỏng quân địch ra, dù Mỹ có bao nhiêu quân viễn chinh vẫn thiếu. Thế đã làm tăng lực. Ta bố trí một tiểu đoàn chủ lực ở quanh Sài Gòn thì uy lực sẽ bằng một sư đoàn ở cách xa. Ta có nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo có thể tạo ra hiệu lực chiến đấu rất cao. Một đại đội đặc công, biệt động có cơ sở nhân dân ở thành thị, có thể tạo ra hiệu xuất bằng một sư đoàn không quân oanh tạc vào một sân bay, một căn cứ hậu cần kỹ thuật... Tính năng động chủ quan của ta trong chiến tranh đã làm đảo lộn tư duy quân sự khô cứng, lạnh lùng của đối phương.

Vì có quan điểm mới về so sánh lực lượng giữa đôi bên, nên ta đã quyết định tiếp tục thực hiện chiến lược tiến công, không rút lui và bị động phòng ngự, chủ động đánh thắng quân Mỹ ngay từ những trận đầu : Vạn Tường, Bàu Bàng, Plây Me... ; chống chiến tranh phá hoại của địch trên miền Bắc một cách toàn diện, bắn rơi nhiều máy bay, làm tốt giao thông vận tải, vừa chiến đấu vừa sản xuất ; cả nước dốc sức đánh thắng địch trên chiến trường quyết định : miền Nam Việt Nam.

Ta không đủ sức đánh những đòn tiêu diệt lớn quân viễn chinh Mỹ, như kiểu Điện Biên Phủ, nên phải sáng tạo ra cách đánh mới. Từ giữa năm 1966, ta mở Mặt trận Quảng Trị kéo gần 2 phần 5 lực lượng quân Mỹ ra đường 9 - Khe Sanh, vô hiệu hóa nó như "con cá voi mắc cạn". Tướng Oét-mo-len với tư duy quân sự cứng nhắc cho rằng trận Điện Biên Phủ mới sẽ là Khe Sanh. Nhưng trận chiến không diễn ra như vậy, ta đã tạo ra cách đánh mới, tấn công thẳng vào ý chí của đối phương. Do có thế trận chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược lại có sự chuẩn bị từ trước, vì sớm có ý đồ chiến lược đưa chiến tranh vào thành thị, nên đầu năm 1968, dịp Tết Mậu Thân, ta mở cuộc tiến công đồng loạt vào 41 thành phố, thị xã làm đảo lộn thế chiến lược của quân Mỹ, phơi bày rõ sự thất bại về quân sự sau 3 năm thực hiện chiến lược "Tìm diệt và bình định" của Mỹ ngụy.

Cuộc Tổng tiến công thần kỳ này đã làm rung chuyển nước Mỹ, làm choáng váng giới cầm quyền Oa-sinh-tơn. Ngày 25 và 28-3-1968, Tổng thống L.B. Giôn-xơn họp

Digitized by Google

Hội đồng các nhà chiến lược giỏi nhất tại Bộ Ngoại giao Mỹ : có 14 người dự, phần lớn là thuộc phái diều hâu, thì 11 vị không tán thành tăng thêm 20 vạn quân Mỹ nữa, và tìm cách rút quân, chỉ có 3 vị tán thành tăng thêm quân kéo dài chiến tranh. Ý chí chiến tranh của giới cầm quyền Mỹ đã bị giáng một đòn cực mạnh, lung lay tận gốc. L.B. Giôn-xơn đành phải tuyên bố không ra ứng cử nhiệm kỳ tổng thống thứ 2, không tăng quân Mỹ, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri và "phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh".

Từ năm 1969, Mỹ bắt đầu rút quân. Bộ chỉ huy Mỹ ở miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị bất ngờ trước cuộc tiến công đồng loạt với quy mô lớn này, không phải là do tình báo kém mà chính là họ không thể dự báo, hình dung được một hình thức tiến công hoàn toàn mới, chưa từng xuất hiện trong lịch sử chiến tranh ở Việt Nam và trên thế giới. Trí tuệ Việt Nam đã vượt lên trên tư duy quân sự của các nhà chiến lược phương Tây, bằng sự sáng tạo về cách đánh, tiến công đồng loạt, về chọn hướng tiến công chính là thành thị, về chớp thời cơ do điều kiện chính trị và quân sự mới (năm 1968 - năm bầu cử Tổng thống Mỹ, năm mà tình hình chính trị nước Mỹ rất nhạy cảm).

Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã nhận xét rằng : Tuy ta có khuyết điểm là chậm chuyển hướng cuộc tiến công về nông thôn, song, cuộc tiến công đồng loạt Tết Mậu Thân năm 1968 đã giành được thắng lợi lớn, tạo ra một bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến.

Từ năm 1971, R. Ních-xơn, H. Kít-sinh-gơ thực hiện chính sách ngoại giao hiểm độc, xúc tiến quan hệ giữa Mỹ và các nước lớn, hòng "móc ngoặc" để ép Việt Nam vào thế yếu, phải chấp nhận điều kiện của Mỹ trên bàn đàm phán. Song, Việt Nam với bản lĩnh độc lập tự chủ, dự kiến sớm tình hình quốc tế phức tạp, đã dự trữ vật tư chiến tranh ; một mặt, chỉ đàm phán tay đôi giữa ta và Mỹ ở Pa-ri ; mặt khác, tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên chiến trường, mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam, đánh trận "Điện Biên Phủ trên không" ở miền Bắc, đi đến ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, buộc Mỹ rút hết quân, còn quân ta vẫn ở nguyên tại chỗ. Trí tuệ Việt Nam tỏa sáng cả trên mặt trận ngoại giao, vượt lên sự tính toán của Mỹ cùng với các nước "móc ngoặc" với Mỹ ; không để cho ai lợi dụng "chơi con bài Việt Nam". Trí tuệ Việt Nam còn thể hiện ở trình độ làm chủ khoa học - kỹ thuật hiện đại : đánh thắng không quân Mỹ - một trận đánh hiện đại nhất trong lịch sự chiến tranh, bắn rơi 34 máy bay B.52 cùng với sự chế áp hiệu quả chiến tranh điện tử của Mỹ.

Cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam đã được sự ủng hộ rộng lớn có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Được như vậy, vì Việt Nam đi đúng quy luật phát triển của loài người tiến bộ, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Việt Nam trước sau rất coi trọng bầu bạn, chẳng những chiến đấu vì lợi ích chân chính của dân tộc mình mà còn kết hợp với lợi ích của cách mạng thế giới, góp phần làm cho bầu bạn tăng cường thêm sức mạnh và thế mạnh của mình trên trường quốc tế. Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam thể hiện tầm vóc mới trong thời đại mới, kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Từ sau năm 1973, quân Mỹ đã rút hết, so sánh lực lượng giữa ta và đối phương trên chiến trường miền Nam Việt Nam đã có thay đổi căn bản về "chất". Thời cơ chiến lược để hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc, đã mở ra.

Digitized by Google

Song, thời cơ đó cũng có thể mất đi, nếu ta không xem xét chiến lược của các nước lớn đối với Đông Dương và Đông Nam Á, sau khi Mỹ đã rút khỏi Việt Nam. Với nhãn quan toàn cầu, với tầm nhìn thấu sự biến đổi mới ở khu vực, Đảng ta đã sáng tạo và nắm bắt thời cơ lịch sử, kịp thời hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Từ đầu năm 1974, ta đã có kế hoạch chiến lược : 1975 - 1976, nhưng từ sau chiến thắng Phước Long ta đã quyết tâm nắm bắt thời cơ, giải phóng miền Nam sớm hơn kế hoạch cũ.

Ban lãnh đạo tối cao của Đảng xác định mở đầu chiến dịch Tây Nguyên bằng trận đánh lớn Buôn Ma Thuột để tạo ra thế và lực mới, sức mạnh mới, thúc đẩy nhanh sự phát triển cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Sau chiến thắng lớn Buôn Ma Thuột, ngày 20-3-1975, Bộ Chính trị đã quyết định ngay việc giải phóng Sài Gòn - Chợ Lớn trước mùa mưa. Quân ta từ Tây Nguyên đánh xuống Nha Trang, chia cắt địch về chiến lược, không cho chúng co cụm về Sài Gòn - Chợ Lớn. Cùng với thắng lợi giòn giã ở Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định,... quân ta tập trung lực lượng bằng 5 quân đoàn, với lối đánh thần tốc tiến công trong hành tiến, với các binh đoàn cơ giới thọc sâu theo 5 hướng vào các mục tiêu xung yếu nhất ở Sài Gòn, làm cho kẻ địch không kịp trở tay, không tàn phá được thành phố. Chính quyền ngụy và quân đội tay sai của nó sụp đổ tan tành.

Ngày 30-4-1975, tướng Dương Văn Minh đã đầu hàng vô điều kiện ; cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam toàn thắng, trước sự "chưng hửng" của các thế lực phản động quốc tế. Nếu như trí tuệ của Đảng ta không sáng suốt, lo ngại đủ bề trước sức ép từ ngoài, hoặc không chủ động tạo và nắm thời cơ, quyết đoán, táo bạo thì sẽ bỏ lỡ thời cơ lịch sử "ngàn năm có một" để hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong các cuộc đấu tranh ở những thời điểm gay cấn nhất, trí tuệ Việt Nam đã tỏa sáng và thắng lợi rực rỡ.

Trí tuệ Việt Nam thể hiện tập trung trước hết vào các vấn đề chiến lược, và tạo ra sức mạnh tổng hợp, về quan điểm mới trong so sánh lực lượng trong chiến tranh, về thời cơ chiến lược (cả chính trị và quân sự), về nghệ thuật của chiến tranh cách mạng đã lần lượt làm thất bại 4 chiến lược của đế quốc Mỹ xâm lược, kết hợp tài tình đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao, đẩy lùi các khuynh hướng sai trái trong phong trào cách mạng thế giới. Trong cuộc cọ sát, đấu trí lâu dài 20 năm với tên trùm phản động quốc tế, đất nước ta đã vươn tới một tầm cao trí tuệ mới.

Việt Nam đã kế thừa và phát huy thành quả của cuộc Cách mạng Tháng 8, cuộc kháng chiến chống Pháp lên tầm vóc thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đảng ta đã phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, kết hợp tinh hoa văn hóa của đất nước với đỉnh cao trí tuệ của loài người - chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tạo ra được những giá trị văn hóa mới : Không có gì quý hơn độc lập tự do, thể hiện phẩm chất chính trị tinh thần của dân tộc Việt Nam - học thuyết quân sự độc đáo sáng tạo - tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sự phát triển của tư duy lý luận trên mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao của Đảng ta đã chứng minh chân lý: cách mạng là sáng tạo, phải có lý luận cách mạng đúng đắn, sáng tạo mới có thắng lợi của phong trào cách mạng. Sự phát triển của trí tuệ Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh cũng chứng minh sức sống mãnh liệt, tiềm năng mở đường sáng tạo vô tận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. ❑

Digitized by Google

ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - mốc son chói lọi

LÊ MÃ LƯƠNG*

ĐẠI thắng mùa xuân năm 1975 cách đây đã 28 năm, nhưng ý nghĩa của nó vẫn còn vang vọng, nhất là mỗi độ xuân về trên đất nước Việt Nam của chúng ta. Với đại thắng oanh liệt và hào hùng năm ấy, đất nước ta đã "đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào" thống nhất non sông, quét sạch bóng quân xâm lược, cả nước sống trong hòa bình độc lập thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội theo lời Bác Hồ căn dặn.

Bằng cuộc tấn công mau lẹ, chớp nhoáng và giành thắng lợi hết sức ngoạn mục vào tháng 3 - 1975 tại Buôn Ma Thuột, quân và dân ta đã mở màn cho cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Chiến dịch "Hồ Chí Minh" lịch sử đã kết thúc bằng cuộc tổng công kích vào thành phố Sài Gòn - Gia Định, sào huyệt cuối cùng của bè lũ xâm lược và tay sai. Quân và dân ta đã giành thắng lợi huy hoàng ; kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau hai mươi mốt năm chiến đấu gian khổ hy sinh, quật cường và anh dũng. Thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta cũng là một thảm bại nhục nhã đối với bè lũ cướp nước và bán nước. Nói về sự kiện này, Đảng ta đã nhấn mạnh : Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm vóc quan trọng quốc tế lớn lao và có tính thời đại sâu sắc.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 nói riêng và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ thần thánh nói chung mãi mãi để lại cho dân tộc Việt Nam những kinh nghiệm vô cùng quý giá về phát huy sức mạnh toàn dân, quyết chiến và quyết thắng kẻ thù xâm lược gìn giữ non sông đất nước, cho dù kẻ thù đó mạnh đến đâu, có tiềm lực kinh tế quân sự to lớn đến chừng nào và hung hãn hiếu chiến đến bao nhiêu !

Những bài học kinh nghiệm của Đảng, Nhà nước, nhân dân ta, quân đội ta rút ra qua cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại không những mãi mãi không phai mờ mà ngày càng có ý nghĩa lịch sử thời sự nóng hổi. Có thể nói, những bài học kinh nghiệm quý giá đó đã được đúc kết, đánh giá, tổng kết khá đầy đủ, hoàn thiện và rất sâu sắc. Trong khí thế hào hùng hôm nay, chúng ta tự hào nhắc lại những kinh nghiệm đó để củng cố niềm tin vào tương lai và ghi nhớ cho thêm sâu, thêm nặng, nhằm kế thừa phát huy nó trong tình hình mới.

Một trong những yếu tố quyết định tạo nên thắng lợi của cách mạng nói chung và của cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh đó là sự lãnh đạo sáng tạo, năng động và cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác Hồ kính yêu sáng lập và dìu dắt. Đây cũng là bài học vô giá của cuộc chiến đấu ngoan cường và thắng

* Đại tá, Giám đốc Viện Bảo tàng lịch sử Quân sự, Bộ Quốc phòng

Digitized by Google

lợi vẻ vang của chúng ta. Đối với lực lượng vũ trang nhân dân nói chung và đặc biệt đối với quân đội nói riêng, sự lãnh đạo của Đảng càng sâu sắc, tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện. Chính cơ chế lãnh đạo độc đáo này đã làm nên sức mạnh trăm trận trăm thắng của Quân đội nhân dân Anh hùng. Nhớ lại những chiến dịch lớn như Điện Biên Phủ (1954), chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), Trung ương Đảng, nhất là Bộ Chính trị, luôn luôn chỉ đạo sát sao, trực tiếp đưa ra những phán đoán, quyết sách phù hợp và hết sức kịp thời nên thắng lợi đạt được rất to lớn. Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng với quân đội theo nguyên tắc tập trung dân chủ đã và sẽ mãi là bài học quan trọng sống còn đối với quân đội ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự lãnh đạo đó được phản ánh trung thực, sinh động trong cuộc sống đối với quân đội ta. Trước hết là về cơ cấu và tổ chức, Đảng ta luôn nhấn mạnh, xây dựng chính trị làm cơ sở để xây dựng quân đội nhân dân, một quân đội của dân, do dân và vì dân. Với cơ chế lãnh đạo chỉ huy bằng kết hợp giữa chính trị và quân sự, quân đội ta luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, mạnh về kỷ luật, có tinh thần đoàn kết cao, kết hợp với vũ khí trang bị sẵn có đã tạo nên sức mạnh tổng hợp vô địch cho quân đội ta. Trong quân đội từ tổ chức cấp cao nhất đến cấp phân đội, đứng trước mỗi nhiệm vụ, mỗi chiến dịch, mỗi trận đánh, đảng ủy, chi bộ luôn đánh giá, tổng hợp tình hình, lập kế hoạch, ra nghị quyết, đề ra phương pháp để thực hiện. Sau đó, thông qua Hội đồng quân nhân để cho cán bộ, chiến sĩ (gồm cả quần chúng ngoài Đảng) đóng góp ý kiến, hạ quyết tâm thực hiện, sao cho nhiệm vụ được hoàn thành, trận đánh được thực hiện với hiệu quả cao, ít hao tổn sức người sức của nhất và quyết tâm giành thắng lợi trong thời gian ngắn nhất. Trong quân đội, mỗi cán bộ chiến sĩ trước nhiệm vụ của mình đều được : "biết, bàn, làm, kiểm tra".

Sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội còn thể hiện ở sự kiên định và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta, sự trung thành với Đảng với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sự gắn bó chặt chẽ và phục vụ tận tụy nhân dân của quân đội ta... Tất cả những điều này được khái quát sinh động trong lời dạy của Bác Hồ kính yêu đối với quân đội ta : Trung với Đảng, hiếu với dân ; sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội ; nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua ; kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Sự lãnh đạo năng động và sáng tạo của Đảng đối với quân đội đã làm cho quân đội ta lập được nhiều chiến công hiển hách, xây dựng nên nhiều truyền thống tốt đẹp, đồng thời tổng kết được nhiều bài học vô giá về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Để có được chiến thắng vĩ đại vào mùa xuân năm 1975 không thể không nói đến nghệ thuật quân sự độc đáo của văn hóa Việt Nam với sự kết tinh truyền thống quân sự của mấy nghìn năm lịch sử. Trước hết, đó là việc xây dựng quân đội hùng mạnh, đủ sức đảm đương nhiệm vụ của mình. Với sức mạnh tổng hợp của nhiều quân, binh chủng hợp thành, nhiều thứ quân kết hợp chặt chẽ, khai thác hết mọi địa hình, địa thế, vũ khí, trang bị, kỹ thuật, kết hợp hiện đại và thô sơ, đặc biệt là coi trọng yếu tố con người, quân đội ta có sức chiến đấu rất cao và khả năng chiến thắng rất lớn. Nhưng điều quan trọng hơn là, sự vận dụng năng động nghệ thuật quân sự một cách tài tình của Đảng và quân đội trong việc quyết chiến và quyết thắng kẻ thù. Từ xây dựng, chuẩn bị thật tốt về lực lượng, Đảng ta, quân đội ta còn từng bước tạo thế vững mạnh, chắc chắn để tiến đến chiến thắng kẻ thù. Ở đây, lý luận và sự chuyển hóa về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất được Đảng, quân đội ta vận dụng một

Digitized by Google

cách linh hoạt vào cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Có lực mạnh và đủ, chúng ta chủ động tạo dựng một thế mới. Lúc đầu, từ thế yếu chúng ta chuyển dần thành thế ngang bằng và tiến đến tạo thành thế mạnh, thế áp đảo, thế thắng. Nhớ lại khi cuộc kháng chiến chống Mỹ ở vào giai đoạn quyết liệt, ngày 11-5-1969 tại cuộc gặp gỡ các cán bộ cấp cao toàn quân, Bác Hồ đã phân tích rất kỹ giữa thế và lực. Người đem quả cân ra làm ví dụ về thế và lực của ta so với địch : Một quả cân rất nhỏ nhưng ở vào thế có lợi nó sẽ nhấc bổng một vật có khối lượng lớn hơn nó rất nhiều... Và Bác khẳng định thế ta là thế thắng.

Với đại thắng mùa Xuân 1975 chúng ta đã tận mắt thấy thế mạnh phi thường của quân ta khi tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Một thế nước lũ, thế chẻ tre, thế lấn áp kẻ thù. Chúng ta hành quân thần tốc tiến vào Sài Gòn. Trên đường tiến, nhiều nơi chúng ta đã "không đánh mà thắng". Kẻ thù thấy chúng ta đi qua vội vã xin hàng, tháo chạy không dám chống cự. Đây chính là thế của sức mạnh chính nghĩa, thế của sức mạnh lòng dân, của chiến tranh toàn dân, toàn diện mà chúng ta đã dày công vun đắp.

Để có những ngày tháng hào hùng náo nức hôm nay, chúng ta càng thấm thía công lao to lớn của Đảng đã lãnh đạo dân tộc, quân đội làm nên bao chiến thắng vô cùng lớn lao. Với nhiều phương pháp, nhiều hình thức phong phú và những bước đi biến hóa khôn lường, Đảng ta đã lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện với những chiến lược, sách lược năng động một cách tuyệt vời.

Có thắng lợi đại thắng mùa Xuân 1975 nói riêng của 30 năm chiến tranh giải phóng nói chung, chúng ta phải biết ơn nhân dân lao động yêu nước trên đất nước ta đã sản sinh ra quân đội, đùm bọc cưu mang quân đội, cùng quân đội đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Lịch sử chứng minh gắn bó với nhân dân là điều không thể thiếu được để quân đội ta tồn tại và phát triển. Đó là sự gắn bó như cá với nước.

Đóng góp vào chiến thắng lớn lao này, phải nói đến thế hệ trẻ Việt Nam, lớp trước tiếp lớp sau luôn là lực lượng nòng cốt của quân đội và luôn luôn tỏ rõ bản chất anh hùng, hoàn thành tốt vai trò xung kích cách mạng của mình, thực hiện lời dạy của Bác "đào núi và lấp biển" một cách xuất sắc. Cần phải giáo dục thế hệ trẻ, đặt niềm tin vào họ và tạo cho họ thể hiện mình trong quân đội cũng như trong xã hội sẽ là tiền đề của mọi sự thắng lợi. Đây cũng có thể nói là bài học quý giá mà chúng ta rút ra từ chiến tranh giữ nước, tiếp tục phát huy trong hôm nay và tương lai.

Trong không khí hào hùng hôm nay, chúng ta vô cùng biết ơn nhân dân yêu chuộng hòa bình công lý trên thế giới đã hết lòng ủng hộ, động viên quân dân ta chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Điều đó chứng tỏ là dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của dân tộc đã gặp gỡ, kết hợp với sức mạnh thời đại làm nên sức mạnh Việt Nam, một sức mạnh vô biên. Có thể nói đây cũng là bài học vô giá của chúng ta được rút ra để chiến thắng quân thù.

Những bài học kinh nghiệm quý giá mà chúng ta rút ra được trong quá khứ, nhất là trong chiến tranh, đó là tài sản quý giá để Đảng ta, Nhà nước ta, nhân dân ta và quân đội ta mang theo để tiến vào kỷ nguyên mới. Chúng ta sẽ gìn giữ, nâng niu nó và vận dụng sáng tạo nó vào thực tiễn sinh động của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ; thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; đồng thời tích cực ngăn chặn chiến tranh, quyết tâm gìn giữ hòa bình và đó là hợp đạo lý trong tình hình hiện nay. ❑

Digitized by Google

Về chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

VŨ TIẾN LỘC *

CẠNH tranh là tất yếu trong kinh doanh. Người ta nói nhiều đến sự khốc liệt của thị trường với câu ví *"thương trường là chiến trường"*. Trong kinh doanh để vượt qua đối thủ cạnh tranh, việc áp dụng nhiều phương pháp quản lý mới nhằm tinh gọn bộ máy, tái cấu trúc quá trình kinh doanh, giảm chi phí..., nâng cao hiệu quả hoạt động là cần thiết để xóa bỏ những bất lợi. Nhưng như thế thì chưa đủ. Những cải thiện đó chỉ giúp doanh nghiệp tồn tại trong cuộc đua mà không bảo đảm chiến thắng trong cuộc đua. Trong thiên niên kỷ mới, người chiến thắng là người có khả năng tạo ra lợi thế cạnh tranh cho mình và luôn thay đổi để tạo ra thị trường chứ không phải chỉ tìm cách nâng cao thị phần và vượt qua những bất lợi. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp Việt Nam, do có xuất phát điểm thấp, công nghệ lạc hậu, thiếu vốn và kinh nghiệm quản lý trong cơ chế thị trường nên rất cần một chiến lược thích hợp nhằm nâng cao sức cạnh tranh.

Sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện tại

Từ sau khi có Luật Doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp mới thành lập tăng đột biến. Nhưng cho đến nay, chưa có một nghiên cứu toàn diện nào về hiệu quả thực sự của các doanh nghiệp Việt Nam được công bố. Các diễn đàn hay hội thảo về kinh tế đều cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp nhà nước sẽ gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí có những doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản khi Việt Nam tham gia đầy đủ vào AFTA. Nguyên nhân chủ yếu là do năng lực quản lý kém, công nghệ lạc hậu và chậm thay đổi ; sự tồn tại hiện nay là do được bảo hộ bằng hàng rào thuế quan. Các số liệu thống kê mới đây cho thấy, vẫn còn khoảng 1/3 trong số trên 5 000 doanh nghiệp nhà nước hiện có làm ăn chưa có lãi(1). Đối với doanh nghiệp dân doanh, phần lớn có những hạn chế về vốn, năng lực quản lý và khả năng tiếp cận thị trường thế giới. Tuy có một số doanh nghiệp nổi lên như cà-phê Trung Nguyên, giày dép Biti's, gạch bông Đồng Tâm, bánh kẹo Kinh Đô... thể hiện sự năng động của khu vực dân doanh, nhưng để thực sự cạnh tranh hiệu quả trên thị trường quốc tế còn đòi hỏi nhiều yếu tố khác.

Tính cạnh tranh, theo Diễn đàn Kinh tế thế giới thì Việt Nam đứng thứ 65 trên tổng số 80 quốc gia được nghiên cứu (năm 2001 đứng thứ 60 trên 76 nước)(1). Những con số này thể hiện sức cạnh tranh của cả nền kinh tế nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng còn thấp. Chúng ta có khoảng 2,2 triệu (tính cả hộ kinh doanh cá thể), tức là khoảng 36 người dân có một đơn vị

* TS, Phó Chủ tịch Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam

(1) Báo cáo của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp sơ kết chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 về tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, 17-12-2002

Digitized by Google

kinh doanh trong khi ở nhiều nước phát triển là 7 - 8 người dân/đơn vị kinh doanh. Rõ ràng, đây là thách thức cả về số lượng và chất lượng của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh việc tiếp tục khuyến khích phát triển đội ngũ doanh nhân để gia tăng số lượng doanh nghiệp, bản thân các doanh nghiệp và các định chế hỗ trợ doanh nghiệp (nhà nước và các hiệp hội doanh nghiệp) cần tập trung phát triển những doanh nghiệp lớn, có đủ sức cạnh tranh quốc tế làm "đầu tàu" kéo cả cộng đồng doanh nghiệp và nền kinh tế.

Cạnh tranh bắt đầu từ tầm nhìn chiến lược

Chắc chắn không một doanh nhân nào khi bắt đầu thành lập doanh nghiệp lại nghĩ rằng, doanh nghiệp của mình chỉ tồn tại trong một vài năm. Nhưng cũng ít người nghĩ đến và "dám nghĩ" rằng, doanh nghiệp của mình sẽ trở thành một tên tuổi lừng lẫy trên toàn thế giới. Đây là một thực tế, vì khi mới hình thành, phần lớn các doanh nghiệp phải nghĩ đến những công việc trước mắt : tìm kiếm khách hàng, ổn định tổ chức, xây dựng quan hệ... Khi ổn định rồi thì lại lo các công việc sự vụ mà thường "quên" mất phải có một định hướng chiến lược lâu dài. Những điều đó vô hình đã cản trở cuộc chạy đua vào tương lai. Lãnh đạo doanh nghiệp phải xây dựng một viễn cảnh - nơi mà doanh nghiệp muốn đi đến trong tương lai. Nói cách khác, đó là cái đích mà doanh nghiệp sẽ đi đến. Có tầm suy nghĩ lớn sẽ là động lực để đưa doanh nghiệp tới đích mong muốn. Tư duy này phải được truyền tải tới toàn tổ chức để tất cả mọi người cùng nỗ lực hướng tới một mục đích chung.

Việc phát triển những doanh nghiệp lớn, có sức cạnh tranh tầm cỡ quốc tế hiện nay là rất cần thiết cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam. Trước hết, các doanh nghiệp đã có tên tuổi trên thị trường nội địa cần có chiến lược biến mình trở thành những tập đoàn mạnh, có thể chống chọi được với doanh nghiệp nước ngoài khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn ; và sau đó, vươn ra thị trường thế giới. Tuy nhiên, có tầm nhìn xa thôi chưa đủ vì đó mới chỉ là động lực. Điều quan trọng hơn là phải biết biến chúng thành hiện thực. Đó là khả năng tạo ưu thế cạnh tranh mà mỗi doanh nghiệp cần phải phát huy.

Xây dựng ưu thế cạnh tranh

Chiến lược ngày nay là không chỉ tìm cách khắc phục những bất lợi mà phải chủ động tạo cho mình những ưu thế cạnh tranh. Trong môi trường kinh doanh thay đổi hàng ngày, một doanh nghiệp không thể cứng nhắc mà phải luôn thích ứng với hoàn cảnh mới. Sẽ không có trạm dừng chân trong cuộc đua kinh doanh, vì bản thân quá trình thay đổi môi trường kinh doanh đã trở thành một cuộc đua, nếu ai chậm chân sẽ bị tụt hậu.

Tạo dựng ưu thế cạnh tranh được thể hiện dưới các khía cạnh sau :

- Kiến tạo thị trường chứ không phải ứng phó với thị trường. Nếu như trước đây, người ta chú trọng vào việc làm thế nào để tăng thị phần thì ngày nay, ưu thế thuộc về những công ty có khả năng tạo ra những thị trường mới. Khái niệm bắt kịp với những thay đổi của thị trường và khách hàng xem ra chưa đủ. Nếu như ngồi đợi khách hàng yêu cầu hay chờ những nhu cầu của thị trường thay đổi rồi mới tìm cách đáp ứng thì sớm hay muộn cũng bị tụt hậu. "Bắt kịp" ở đây không chỉ là tiên đoán những thay đổi của khách hàng mà còn **chủ động tạo ra nhu cầu mới.** Để làm được điều này, cần luôn đổi mới và thúc đẩy tính sáng tạo trong tổ chức, đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm tạo ra những sản phẩm/dịch vụ khác biệt và nổi trội hơn so với đối thủ cạnh tranh. Đó phải được coi là chiến lược ưu tiên. Mặt khác, cần xây dựng một hệ thống xử lý thông tin khách hàng tốt và xây dựng mối quan hệ bền chặt với khách hàng. Điều quan trọng sau đó là, không ngồi đợi khách hàng, mà phải thuyết phục khách hàng sử dụng những sản phẩm/dịch vụ của mình. Đó chính là tạo ra nhu cầu.

- Phát triển thương hiệu. Những bài học về mất thương hiệu gần đây càng trở nên rất đáng giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam (ví dụ

Digitized by Google

như Vinataba, cà-phê Trung Nguyên, dầu cao Sao vàng, Petro Việt Nam...). Cho đến nay, các doanh nghiệp đều nhận thấy giá trị của thương hiệu. Nhiều mặt hàng của Việt Nam như gạo, hàng may mặc... có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhưng giá cả trên thị trường thế giới đều thấp hơn so với cùng loại của các quốc gia khác do không chú trọng công tác xây dựng thương hiệu. Trong năm 2001 và năm 2002, mười thương hiệu đầu tư quảng bá nhiều nhất tại Việt Nam đều là thương hiệu nước ngoài, trong khi Việt Nam không có lấy một thương hiệu. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang cho rằng, quy định của Nhà nước không cho phép sử dụng quá 70% chi phí cho quảng cáo, tiếp thị là quá ít. Đây là một điểm mà các cơ quan chức năng cần nghiên cứu và đưa ra một tỷ lệ hợp lý nhằm khuyến khích và hỗ trợ việc quảng bá thương hiệu của doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, theo một kết quả điều tra tại 500 doanh nghiệp (từ chương trình khảo sát hiện trạng xây dựng thương hiệu năm 2002), chỉ có 80% số doanh nghiệp mới đầu tư dưới 5% chi phí cho thương hiệu. Rõ ràng, các doanh nghiệp Việt Nam chưa có hành động thích hợp cho việc quảng bá thương hiệu của mình. Việc phát triển thương hiệu cần được tiến hành đồng thời hai mặt : quảng bá thương hiệu và đăng ký thương hiệu (về thủ tục pháp lý, tránh bị đánh cắp thương hiệu).

- Sử dụng thông tin và tri thức một cách hiệu quả. Kỷ nguyên thông tin và tri thức cho thấy, người chiến thắng là người có thông tin nhanh nhất. Mô hình 4M (Man - Con người, Material - Nguyên vật liệu, Machine - Máy móc, Method - Phương pháp và Information - Thông tin) cho quá trình sản xuất giờ đây cần được chú trọng thỏa đáng vào thông tin, thậm chí cần coi thông tin là "đầu vào" tất yếu của quá trình kinh doanh. Nếu doanh nghiệp không biết tiếp cận nhanh với thông tin thị trường và khách hàng thì sẽ mất rất nhiều cơ hội - lúc đó 4M sẽ không phát huy được tác dụng. Sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin (CNTT) đã cho phép tiếp cận nhanh hơn với các nguồn thông tin nhưng điều đó không có nghĩa là nó thay thế con người trong việc lựa chọn, khai thác và sử dụng thông tin một cách có lợi nhất. Thách thức lớn đối với các doanh nghiệp là phải biết chọn lọc và xử lý thông tin một cách hữu hiệu để phục vụ hoạt động của mình : tiếp nhận thông tin thị trường và phản hồi tới khách hàng nhanh nhất, giao hàng kịp thời và phản ứng nhanh trước những biến động của thị trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần khai thác ưu điểm của CNTT trong kinh doanh thông qua thương mại điện tử. Do vậy, cần quan tâm khai thác thị trường qua mạng In-tơ-nét ; và, đây cũng chính là một kênh để quảng bá sản phẩm/dịch vụ ra thị trường thế giới.

- Khác biệt hóa quá trình nhờ công nghệ quản lý. Rõ ràng, các doanh nghiệp Việt Nam không thể chờ đợi vào một điều kỳ diệu là một lúc có thể đầu tư công nghệ mới phục vụ quá trình sản xuất của mình. Do vậy, cần phát huy yếu tố quản lý - tìm cách khai thác một cách hiệu quả hệ thống công nghệ hiện có. Lúc này, rất cần đến sự đoàn kết của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thông qua việc sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm tốt nhất về quản lý. Thực tế cho thấy, không có một doanh nghiệp nào hoàn hảo và mỗi doanh nghiệp chỉ có một vài thế mạnh nhất định. Thế mạnh đó có thể là một quá trình, một công đoạn sản xuất, một sản phẩm hay một hệ thống quản lý thông tin... cần được phổ biến và chia sẻ, bổ sung cho nhau giữa các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thể học hỏi thực tiễn về quản lý từ đối tác, nhà cung ứng, khách hàng, thậm chí từ đối thủ cạnh tranh.

Ngoài những ưu thế trên, một yếu tố rất quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của bất cứ tổ chức nào là con người - chủ thể của tri thức. Quản lý tài sản con người - tài sản tri thức đòi hỏi có những hoạt động đặc thù nhưng rất cần thiết cho việc tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Digitized by Google

Tri thức doanh nghiệp - ưu thế cạnh tranh mới

Khái niệm "tài sản con người" gần đây được nhắc đến nhiều thay thế cho khái niệm "chi phí lao động". Sở dĩ vậy, vì con người nắm giữ tri thức - nguồn tài sản quý giá của mọi tổ chức. Rất nhiều doanh nghiệp đã nhận thấy vai trò quan trọng của nguồn chất xám trong sự tồn tại và phát triển của công ty mình nhưng việc tìm một lời đáp cho câu hỏi : làm thế nào để phát huy, sử dụng và gìn giữ những tri thức quý giá đó ?, lại không dễ. Khái niệm quản lý tri thức có thể là mới mẻ nhưng bản chất của nó thì hoàn toàn dễ hiểu. Đó là quá trình kiến tạo, thu nhận, lưu giữ, chia sẻ, phát triển, sử dụng và biến những tri thức tồn tại trong tổ chức thành những giá trị vật chất. Hoạt động này bao gồm những nỗ lực biến tri thức cá nhân thành tài sản tri thức của tổ chức, mọi người đều có thể khai thác, sử dụng chúng phục vụ cho sự phát triển chung. Ngoài ra, nó còn mang ý nghĩa không ngừng trau dồi tri thức để quản lý tài sản thông qua việc xây dựng mô hình tổ chức luôn học hỏi. Có nhiều hình thức để quản lý tài sản tri thức doanh nghiệp như : đánh giá, sử dụng kết quả các hoạt động tiếp thu tri thức thông qua đào tạo ; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu/tri thức của tổ chức cho phép mọi người có thể truy cập phục vụ việc ra quyết định kịp thời ; tổ chức các hoạt động chia sẻ tri thức nội bộ như cộng đồng chia sẻ, hội thảo nội bộ... Nỗ lực quản lý tri thức cuối cùng đều hướng vào mục tiêu sử dụng tri thức của tổ chức để tạo ra những sản phẩm/dịch vụ mới, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và nâng cao tính cạnh tranh thông qua việc giảm thiểu các lãng phí tạo ra do tri thức không được chia sẻ, các bài học thất bại không được đúc rút kinh nghiệm, các lỗi bị lặp lại... Đó chính là quá trình ứng dụng và biến tri thức thành những giá trị có ích cho doanh nghiệp.

Nhiều công ty nhận thấy rằng, việc một nhân viên rời bỏ công ty vì bất cứ lý do gì đều có ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức, thậm chí có thể làm đình trệ một công đoạn mà anh ta đảm nhiệm trong lúc chưa có người thay thế. Lý do đơn giản là, anh ta mang theo cả những kinh nghiệm và tri thức để thực hiện công việc đó. Nhiều tổ chức dành hàng trăm triệu đồng cho ngân sách đào tạo nhân viên mỗi năm. Nhưng, những tri thức mà nhân viên thu nhận được từ đào tạo có mang lại giá trị cho công ty hay không thì rất ít tổ chức tính toán được. Nguồn lãng phí này còn được thể hiện rất rõ khi lượng thời gian bỏ ra để tìm kiếm những tri thức mà thực tế nó đã và đang tồn tại trong tổ chức là rất lớn. Hoặc việc thiếu tri thức để trả lời khách hàng và chậm phản ứng với thị trường cũng gây thiệt hại đối với hoạt động kinh doanh. Đối với những công việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, nếu không có sự tham gia của nhiều nguồn tri thức, từ tri thức về sản phẩm cho đến yêu cầu của khách hàng và thị trường thì sẽ khó khăn hơn nhiều, chứ chưa nói tới thành công. Mặt khác, những bài học thất bại không được rút kinh nghiệm và chia sẻ sẽ là khởi nguồn cho lặp lại những thất bại tiếp theo. Đó là những lý do tại sao quản lý tri thức được đặt ra, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp cần có chiến lược thích hợp để phát triển trong điều kiện kinh doanh hiện nay.

Yếu tố quan trọng nhất trong quản lý tri thức là sự chia sẻ tri thức. Xu hướng chung là con người coi tri thức là sức mạnh. Mỗi người đều muốn giữ cho mình một cái gì đó là điểm mạnh của riêng mình, không muốn chia sẻ với người khác. Do vậy, yếu tố tiên quyết là phải tạo ra một môi trường hay văn hóa chia sẻ tri thức trong doanh nghiệp. Điều này nói thì dễ nhưng khi thực hiện thì ngược lại. Do đó, vai trò của người lãnh đạo là cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra một môi trường như vậy. Cho nên không chỉ khuyến khích, ghi nhận việc chia sẻ tri thức mà nhà quản lý phải chủ động tham gia chia sẻ tri thức một cách tích cực bên cạnh việc hướng nhân viên thuộc quyền cùng phát triển các nguồn tri thức nội bộ. Sự tham gia của mọi người trong hoạt động này không chỉ làm giàu tri thức của mỗi cá nhân, mà còn tạo nên tâm lý sẵn sàng chia sẻ tri thức và đón nhận tri thức từ

Digitized by Google

người khác. Nhưng đôi khi, vẫn xảy ra tình trạng không biết phải chia sẻ với ai, khi nào cần chia sẻ và chia sẻ như thế nào. Như vậy, rất cần có một cơ chế để tri thức được nuôi dưỡng, chia sẻ, phát triển và sử dụng phù hợp với mục tiêu của tổ chức. Cơ chế này phải thể hiện được sự ghi nhận (có thể vật chất hay tinh thần) đối với việc chia sẻ (của các cá nhân hay bộ phận) dưới dạng các quy trình hay hướng dẫn, được công bố rộng rãi trong toàn tổ chức.

Cuối cùng, để các hoạt động chia sẻ được diễn ra một cách hiệu quả, không thể thiếu vai trò của công nghệ thông tin trong vai trò hỗ trợ, làm cho các nỗ lực chia sẻ, lưu giữ, cập nhật và sử dụng tri thức một cách dễ dàng hơn. Doanh nghiệp Việt Nam - vốn có xuất phát điểm thấp - do đó, không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc sử dụng một cách thông minh các nguồn lực đang có. Tri thức phải được sử dụng như một nguồn lực quan trọng trong việc tạo giá trị và gia tăng lợi thế cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp - vai trò của các định chế hỗ trợ

Bên cạnh những yêu cầu đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải chủ động, sáng tạo để nâng cao khả năng cạnh tranh thì vai trò của các định chế hỗ trợ doanh nghiệp là rất quan trọng. Các định chế này bao gồm Nhà nước và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp... Về phía Nhà nước, sự hỗ trợ chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách, hệ thống pháp luật và cơ sở hạ tầng. Nhà nước nhanh chóng cải cách thủ tục hành chính, đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các thị trường quốc tế cũng như quảng bá thương hiệu. Các hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng, không chỉ làm cầu nối về thị trường mà còn là điểm gắn kết giữa doanh nghiệp trong hiệp hội với nhau và với các doanh nghiệp ngoài hiệp hội. Sự hỗ trợ của các định chế này được thể hiện cụ thể ở một số việc sau :

- Xây dựng một cơ chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp. Nghiên cứu các thực tiễn quản lý tại doanh nghiệp và đưa ra báo cáo tổng kết phân tích hiệu quả doanh nghiệp sẽ là cơ sở để định hướng hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

- Dữ liệu thông tin doanh nghiệp được xây dựng gồm đầy đủ các thông tin về pháp luật, thị trường và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm đối tác và quyết định đầu tư... Đây cũng là một bước để công khai hóa thông tin và giảm chi phí xã hội.

- Đồng thời với việc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần có chương trình hỗ trợ xây dựng đội ngũ doanh nhân và doanh nghiệp lớn. Có thể bắt đầu bằng việc lựa chọn một số công ty đang phát triển ở Việt Nam, gồm một số tổng công ty nhà nước và dân doanh như Vinamilk, Biti's, Trung Nguyên, Kinh Đô... để xây dựng mô hình tập đoàn (có thể là đa thành phần kinh tế) và phát triển thương hiệu quốc tế.

- Xây dựng cơ chế quản lý tốt nhất đủ sức điều chỉnh các mối liên hệ hữu cơ để các doanh nghiệp chia sẻ với nhau.

*

* *

Không ai khác mà chính là các doanh nghiệp tự phải tìm cho mình một cách "chạy" hiệu quả nhất trên đường đua đi tới tương lai. Việc thành bại lại thuộc về suy nghĩ, và khả năng tạo ra những quy tắc mới trong kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Chỉ có thể làm được điều này nếu người lãnh đạo doanh nghiệp có một tư duy táo bạo, mang tầm chiến lược và đầy sáng tạo. Ngược lại, nếu chỉ tuân theo những kinh nghiệm kinh doanh cũ thì doanh nghiệp chỉ có thể tồn tại, nhưng không thể chiến thắng trong cuộc đua. Nâng cao sức cạnh tranh ngày nay đòi hỏi phải luôn đổi mới, sáng tạo và chủ động tạo ra lợi thế cạnh tranh cho chính mình[2]. ❑

(2) Xem *"Những giải pháp nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam"*, Báo *Diễn đàn doanh nghiệp*, ngày 26-2-2002, tr 12

Digitized by Google

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

ĐINH XUÂN DŨNG*

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình biến đổi xã hội toàn diện và sâu sắc

Đại hội lần thứ VIII của Đảng (1996) đã khẳng định sự nghiệp cách mạng nước ta chuyển sang một thời kỳ mới : thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để trở thành một nước công nghiệp, yêu cầu có tính quyết định là nước ta phải có nền kinh tế trong đó *lao động công nghiệp là lực lượng lao động phổ biến ở tất cả các ngành và các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.* Thực chất là chúng ta phải tiến hành "quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính *sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, tạo ra năng suất lao động xã hội cao"*, như Đảng ta chỉ rõ. Thực hiện được sự "chuyển đổi căn bản" này là một nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử mà hàng ngàn năm nay sự biến đổi ấy chưa bao giờ diễn ra ở nước ta. *Ý nghĩa văn hóa* của sự biến đổi đó trở nên mới mẻ và quan trọng, vì nó là sự biểu hiện của trình độ lao động xã hội với một nền khoa học công nghệ cao ; đồng thời đó còn là bước phát triển mới của *tư duy, của năng lực và của trình độ văn minh* của bản thân người lao động.

Việc phát triển lực lượng sản xuất trước hết cần có chủ trương xây dựng một nền công nghiệp theo hướng hình thành một số ngành công nghiệp trọng yếu với công nghệ hiện đại, nhằm tạo tiềm lực bền vững cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Điều đó đồng nghĩa với một yêu cầu khách quan là phát triển công nghiệp không chỉ vì bản thân nó mà phải có sự gắn kết chặt chẽ, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển nhanh các lĩnh vực ngành nghề khác như *nông nghiệp* và *dịch vụ* một cách *đồng bộ, toàn diện.* Vì vậy, nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bao hàm không chỉ quá trình phát triển công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, mà còn là *quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.*

Cho đến nay, về cơ bản nước ta vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu với gần 80% dân cư đang sống ở nông thôn. Đây cũng là địa bàn có

---

* PGS, TS

Digitized by Google

truyền thống lâu đời, bền vững và cũng là nơi tập trung đại bộ phận người nghèo trong xã hội hiện nay. Trong nhiều năm tới, vấn đề phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn đang và sẽ là *mối quan tâm hàng đầu*, có vai trò *quyết định* đối với việc *ổn định* tình hình kinh tế - chính trị - xã hội và còn tạo *cơ sở cho phát triển công nghiệp*.

Đó chính là quá trình *cải biến sâu sắc, triệt để* nền nông nghiệp và nông thôn. Quá trình ấy là sự hình thành các vùng tập trung, chuyên canh, thực hiện thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa, phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp, tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị ; phân công lại lao động xã hội, *xây dựng các điểm công nghiệp gắn liền với đô thị hóa tại chỗ*, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, từng bước tạo ra một khu vực *nông thôn mới, văn minh, hiện đại*...

Trong bối cảnh và đặc điểm cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, văn hóa nói chung và văn hóa truyền thống nói riêng phải *được xác định về vị trí, vai trò và quan hệ của nó trong quá trình biến đổi và cải biến to lớn để không thể trở thành, hoặc là lực cản, hoặc là cái đứng ngoài*, mà phải là *một sức mạnh trực tiếp góp phần* vào quá trình phát triển.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, cùng với yêu cầu cao là tạo ra nguồn lực vật chất, kỹ thuật, công nghệ, tài chính cho nó, *điều quan trọng nhất* và cũng là *khó khăn nhất* hiện nay và nhiều năm tới, đó là việc nỗ lực chăm lo xây dựng, bồi dưỡng và phát triển *nguồn lực con người cho nông nghiệp và nông thôn*, tạo ra khả năng lao động với trình độ phù hợp, từng bước xây dựng những mẫu hình mới của con người ở nông thôn Việt Nam với những *chuẩn giá trị* mới, đáp ứng những đòi hỏi khách quan của lịch sử.

Từ điểm xuất phát còn rất thấp của nền nông nghiệp và nông thôn nước ta để đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta *không có nhiều lợi thế* về chỉ số phát triển con người. Những năm qua, tốc độ nâng cao dân trí ở khu vực nông thôn nước ta còn rất chậm. Số người được đào tạo để có học vấn còn ít, chưa nói đến hiện tượng "tái mù" về giáo dục của một bộ phận nông dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi và vùng các dân tộc thiểu số. Thực trạng này, đặt cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta trước *một thách thức gay gắt về vốn trí tuệ, trình độ học vấn và sự phát triển toàn diện về tinh thần - văn hóa* của những người làm lao động nông nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn rõ ràng là một cuộc đấu tranh phức tạp, sâu sắc không chỉ với cái lạc hậu, nghèo nàn vốn đã tồn tại dai dẳng hàng ngàn năm mà cả với những vấn đề nảy sinh ngay trong quá trình đó do tác động của cơ chế thị trường. Để *tự cải biến mình thành hiện đại, văn minh*, làng quê Việt Nam phải đương đầu với nhiều thách thức mới, diễn ra hằng ngày, trong từng ngõ xóm, gia đình và ở mỗi con người. Đô thị hóa nông thôn luôn luôn là một quá trình mang nhiều mâu thuẫn, vừa là nơi phát triển của văn minh, của cái mới, vừa là nơi có nhiều điều kiện làm nảy sinh cái xấu, cái ác, cái phản văn hóa, nơi các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc bị xâm phạm. Tất nhiên, vấn đề hoàn toàn không phải ở chỗ ngăn cản hay "tẩy chay" quá trình đô thị hóa nông thôn để níu giữ lại đời sống thôn dã cổ truyền, mà phải thực hiện quá trình đô thị hóa theo hướng tích cực, nhân đạo, tìm cách giải quyết những mâu thuẫn của quá trình đó để tạo ra một đời sống tinh thần - văn hóa mới của nông thôn Việt Nam thời kỳ hiện đại. Vấn đề đặt ra là, phải chọn lọc, giữ gìn và phát huy được những *giá trị truyền thống tốt đẹp lâu đời còn phù hợp* của nông thôn ; đồng

Digitized by Google

thời, phải chủ động tiếp nhận và biến thành của chính mình *nếp sống, tác phong công nghiệp* khi mà công nghiệp xâm nhập vào nông nghiệp tạo nên *dạng lao động công nghiệp* mang tính phổ biến của các loại hình lao động.

2. Văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Khi nói văn hóa truyền thống, chủ yếu chúng ta muốn nói đến những thành quả văn hóa do cha ông chúng ta đã xây đắp và phát triển trong quá khứ và nó đã làm nên cái bản sắc, cái độc đáo, cái đặc trưng của văn hóa dân tộc ta. Truyền thống đó gắn chặt với nông thôn Việt Nam, với làng quê Việt Nam - cái nôi vĩ đại nuôi dưỡng và phát triển văn hóa dân tộc qua hàng ngàn năm lịch sử. Nói đến nông thôn, nông nghiệp và người nông dân Việt Nam là phải nói đến những làng xóm và gia đình truyền thống. Sự tập trung thành làng mạc là quy tắc phổ quát của việc tụ cư ở nông thôn Việt Nam.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, vì vậy, trước hết là sự tác động của tiến trình đó vào *làng Việt Nam.* Chúng ta phải tạo bằng được sự biến đổi của *chính đơn vị cơ sở này,* làm chuyển động nó một cách toàn diện và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực để nó ngày càng văn minh, hiện đại ; đồng thời lại phải giữ gìn, bảo vệ, phát huy được những giá trị truyền thống độc đáo, tốt đẹp của nó trong giai đoạn phát triển mới.

Dưới tác động rất mạnh mẽ và sâu sắc của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, làng quê Việt Nam đang có những biến đổi, tác động trực tiếp đến những đặc trưng văn hóa truyền thống đã được định hình vững chắc. Sự biến động phức tạp của văn hóa truyền thống ở nông thôn hiện nay có thể thấy qua những biểu hiện :

- Sự đan xen, giằng co giữa nếp sống, nếp nghĩ, tâm lý của một xã hội nông nghiệp đã tồn tại hàng ngàn năm với những dấu hiệu đang hình thành mạnh mẽ của *nếp sống, tác phong, ứng xử công nghiệp* do tác động của dạng lao động công nghiệp đang nảy nở và phát triển. Kết quả của cuộc đấu tranh này phải là sự *chiến thắng của cái mới* do công nghiệp hóa, hiện đại hóa đem lại và sự *biến đổi theo chiều hướng tích cực,* phù hợp với thực tiễn mới của các yếu tố văn hóa truyền thống. Đặc điểm này đòi hỏi các hoạt động văn hóa và người làm công tác văn hóa ở nông thôn phải nhận thức thật thấu đáo để *đón trước, chuẩn bị trước,* nhanh chóng nắm bắt sự biến đổi với những nội dung mới để kịp thời, chủ động định hướng cho sự phát triển hợp quy luật của đời sống văn hóa nông thôn.

- Sự xuất hiện mâu thuẫn giữa những giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc biệt về tinh thần, đạo lý, phép ứng xử, trong truyền thống lâu đời của làng quê Việt Nam với những biểu hiện của một lối sống thực dụng, ích kỷ và xa lạ đang nảy mầm ngay trong các làng quê có quá trình đô thị hóa nhanh và mạnh. Sự "bung ra" nhiều loại dịch vụ sản xuất, dịch vụ sinh hoạt, làm cho một số người giàu lên nhờ những cơ hội may mắn trong lắm ăn nhưng trong số đó có không ít người lại thiếu năng lực văn hóa.

- Trong quan hệ với công chúng thời kỳ hiện tại, văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa làng quê, đang xuất hiện hai xu hướng hình như trái ngược nhau, nhưng đều do tác động trực tiếp của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của việc vận hành cơ chế kinh tế thị trường vào nông thôn. Một mặt là xu hướng *khôi phục* lại các yếu tố cũ kỹ của một *xã hội truyền thống* nặng về tự cấp tự túc ví dụ như, do đời sống kinh tế khá giả hơn, người nghèo giảm dần ở nông thôn, các hủ tục đang được *khôi phục và có khuynh hướng phát triển tràn lan.* Quan hệ dòng tộc được phục hồi, các ngôi mộ tổ, nhà thờ họ được xây to hơn. Việc tìm lại và bổ sung gia phả,... cùng với việc khuyến khích kinh tế

Digitized by Google

cá thể, mô hình kinh tế hộ (gia đình) ở nông thôn là sự *phục hồi hệ thống tôn ti trật tự cũ*, vốn là chỗ dựa của các gia đình truyền thống Việt Nam ở nông thôn. Mặt khác, lại có xu hướng ngược lại, đó là sự thờ ơ, thiếu đồng cảm, mất hứng thú với một số loại hình văn hóa, văn nghệ truyền thống, xa lạ với những chuẩn giá trị văn hóa quá khứ, đặc biệt trong các quan hệ ứng xử của cá nhân với cộng đồng.

- Do đang diễn ra một sự biến động hết sức phức tạp, tinh tế của bản thân văn hóa truyền thống dưới tác động của thời kỳ phát triển mới ở nông thôn nên chưa thể đánh giá, kết luận ngay là đúng hay sai, là tích cực hay tiêu cực, là cần phê phán hay bảo vệ đối với *một số hiện tượng và xu hướng đang nảy sinh*. Nếu nhìn nó như một tổng thể giá trị bất biến và cho rằng không cần có sự chọn lọc đào thải, khẳng định, hoặc đề cao một chiều, coi thái độ đối với nó là chuẩn mực bất biến để đánh giá con người hiện nay thì tất cả những thái độ đó đều không hợp lý, thiếu một cách nhìn biện chứng, khoa học đối với hiện tượng văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Không thiếu những dẫn chứng về sự lỗi thời, lạc hậu, bảo thủ, tiêu cực trong văn hóa truyền thống, đặc biệt trong văn hóa ứng xử... Nhưng nếu không biết chọn lọc để phát huy những giá trị tốt đẹp, phù hợp với thời kỳ mới, buông lỏng cho sự phát triển tràn lan những biểu hiện xấu xa, tiêu cực do quá trình đô thị hóa nông thôn dưới áp lực của kinh tế thị trường... lại là một thái độ sai lầm nguy hiểm không chỉ đối với bản thân văn hóa, mà còn ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển vững chắc của nông thôn Việt Nam trong thời kỳ mới. Đó là cơ sở lý luận và thực tiễn để chúng ta tìm ra lời giải cho vấn đề là phải làm gì để phát huy vai trò, sức mạnh của văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

3. Chọn lọc, giữ vững và phát huy vai trò của văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Văn hóa làng có một giá trị và vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của văn hóa dân tộc ta. Nó là cái nôi, là cơ sở nuôi dưỡng văn hóa dân tộc, cội nguồn hình thành các đặc trưng, bản sắc văn hóa dân tộc.

Văn hóa làng tạo nên sức sống, sự bền vững kỳ diệu của làng xóm Việt Nam. Trong lịch sử dân tộc, có lúc ta mất nước hàng trăm, hàng nghìn năm, thế mà làng lại không bị mất, vẫn tồn tại và đứng vững, như một pháo đài - pháo đài về "cương vực", về tổ chức, kết cấu xã hội và *đặc biệt về văn hóa*. Làng trở thành nơi bảo lưu, gìn giữ và hun đúc những giá trị văn hóa dân tộc (bao gồm cả văn hóa vật chất như : đình, chùa, đền, miếu... và văn hóa phi vật chất như phong tục, nếp sống, tín ngưỡng, hương ước, quy ước ứng xử, tình làng nghĩa xóm và các loại hình văn nghệ, lễ hội truyền thống...).

Văn hóa làng Việt Nam tồn tại và phát triển qua mấy ngàn năm, được bồi đắp liên tục theo dòng chảy của lịch sử với sự sáng tạo, chọn lọc không ngưng nghỉ của các thế hệ con người Việt Nam, vì thế nó cực kỳ phong phú, đa dạng. Hầu hết mỗi làng đều có nét văn hóa riêng và là cái lõi để hình thành những làng và vùng văn hóa tiêu biểu. Văn hóa làng là nhân tố góp phần trực tiếp tạo nên cốt cách, bản lĩnh, đặc trưng nhân cách của con người, cho cả sức mạnh, sự cố kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, diện mạo của thôn làng, bản, ấp... sẽ còn nhiều biến đổi - như đã phân tích, song kinh nghiệm thực tiễn đã khẳng định chắc chắn rằng, làng vẫn tồn tại và phát triển như là một cấu trúc cơ sở, cấu trúc đặc thù của xã hội Việt Nam. Vấn đề cần quan tâm là phải tạo nên sức sống mới, diện mạo mới, chất lượng mới của làng quê Việt Nam. Chính vì

Digitized by Google

những lý do trên mà việc xây dựng làng văn hóa hiện nay trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược sâu xa, góp phần tạo nên một gương mặt nông thôn mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhiệm vụ xây dựng làng văn hóa bao gồm ba nội dung cơ bản : Một là, *chọn lọc và phát huy các nhân tố, các giá trị tốt đẹp, tích cực,* phù hợp với điều kiện mới của *văn hóa làng ;* hai là, khẳng định những *yếu tố mới* của thời đại công nghiệp hóa đang hình thành trong đời sống nông thôn ; ba là, kiên quyết đấu tranh khắc phục, loại bỏ những cái *đã lạc hậu, lỗi thời* trong di sản văn hóa làng và những cái *xấu xa, đen tối, phi văn hóa* nảy sinh trong điều kiện kinh tế thị trường và tác động của quá trình đô thị hóa nông thôn.

Đó là ba nội dung không thể tách rời nhau và không thể xem nhẹ một nội dung nào. Vị trí, vai trò của văn hóa truyền thống trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn không đơn thuần chỉ là khẳng định giá trị của di sản văn hóa quá khứ hay chỉ nhấn mạnh một chiều nhiệm vụ bảo vệ, bảo tồn, phát huy di sản đó, mà phải bao hàm cả ba nội dung trên. Làm được như vậy thì nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở nên phong phú, chứa đựng những nội dung sâu sắc, toàn diện nhằm tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển đời sống ở nông thôn Việt Nam thời kỳ mới.

Văn hóa gia đình là một tế bào của văn hóa làng truyền thống ở nông thôn. Ở đó, nhiều chuẩn mực và giá trị truyền thống được lưu giữ, chọn lọc, truyền bá và được biểu hiện hết sức sinh động, sâu sắc trong đời sống hàng ngày. Gia đình Việt Nam thực sự là nơi nuôi dưỡng và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Rất nhiều những chuẩn mực văn hóa cụ thể trong quan hệ gia đình đã được đúc kết cô đọng và bám rễ sâu sắc trong thế giới tinh thần, tình cảm, tâm lý của con người Việt Nam, đặc biệt là người nông dân, trong đó phần lớn là những giá trị tốt đẹp ; đồng thời cũng có những quan niệm, yếu tố đã lỗi thời, lạc hậu, không thể vận dụng và phát huy trong điều kiện mới. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự phát triển kinh tế thị trường với những tác động phức tạp của nó đang làm biến đổi mô hình, nội dung quan hệ và cơ cấu gia đình Việt Nam hiện nay, đặc biệt đối với một số chuẩn mực truyền thống của văn hóa gia đình.

Xây dựng gia đình văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một giải pháp rất quan trọng để phát huy những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa gia đình, làm cho những giá trị đó không chỉ thuộc về quá khứ mà còn trở thành nhân tố trực tiếp xây dựng gia đình văn hóa mới thời kỳ hiện đại, để mỗi gia đình trở thành những pháo đài vững chắc ngăn chặn, đẩy lùi những tác động tiêu cực do mặt trái kinh tế thị trường và quá trình đô thị hóa nông thôn gây ra.

Những giá trị nổi trội trong truyền thống văn hóa gia đình ở nông thôn Việt Nam là tính chất *dân chủ, bình đẳng, khoan hòa, nhân văn* trong quan hệ gia đình (vợ - chồng, bố mẹ - con cái, anh chị em, ông bà - cha mẹ, con cháu...). Việc xây dựng tổ ấm gia đình "trên nền tảng coi trọng tổ tiên, coi trọng tình nghĩa, coi trọng sự hòa thuận" là những chuẩn mực văn hóa của gia đình truyền thống cần được giữ gìn, phát huy và khẳng định nó như những chuẩn giá trị của chính con người và gia đình Việt Nam thời hiện đại.

Nhiệm vụ xây dựng con người kiểu mới cho nông nghiệp, nông thôn đang được công nghiệp hóa, hiện đại hóa là công việc rất khó khăn. Con người phải có được những phẩm chất truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam đã được hình thành và phát triển trong lịch sử ; đồng thời có những *phẩm chất mới* của thời kỳ

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ Ở TỈNH PHÚ THỌ - những kinh nghiệm bước đầu

HOÀNG XUÂN CỪ*

PHÚ Thọ là tỉnh miền núi, được tái lập từ tháng 1-1997, có 12 đơn vị hành chính (10 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố), với 271 xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 20 đảng bộ trực thuộc với 791 cơ sở đảng, hơn 68 nghìn đảng viên. Số cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức thuộc diện Tỉnh ủy quản lý là 334 đồng chí. Đội ngũ cán bộ là ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành, thị và đảng ủy trực thuộc là 450 đồng chí.

Việc điều động, luân chuyển cán bộ trước khi có Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 25-1-2002, của Bộ Chính trị

Khi tỉnh mới được tái lập, số cán bộ chủ chốt thuộc diện Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phú quản lý có tới 80% ở lại công tác tại tỉnh Phú Thọ. Số đông cán bộ này có bản lĩnh chính trị vững vàng, được rèn luyện, thử thách, đã tạo điều kiện cho việc ổn định tổ chức. Nhưng nhược điểm là độ tuổi trung bình của cán bộ cao. Vì vậy, nguồn cán bộ trong diện quy hoạch thiếu, không có điều kiện để luân chuyển, nên đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, không bố trí được kịp thời vào các vị trí cần thiết để tạo cho việc thực hiện quy hoạch lâu dài. Bên cạnh đó, tư tưởng cục bộ, khép kín về công tác cán bộ ở một số đơn vị cơ sở và cấp huyện còn nặng nề, không muốn bố trí người ngoài địa phương giữ chức vụ lãnh đạo... đã gây khó khăn không nhỏ cho công tác luân chuyển cán bộ.

Sau khi tỉnh tái lập, công tác quy hoạch cán bộ được chỉ đạo, triển khai ngay trong tất cả các cấp, các ngành. Hằng năm, các cấp ủy đều tiến hành rà soát, bổ sung nguồn cho quy hoạch. Từ những định hướng quy hoạch, tỉnh đã chủ động bố trí, đào tạo đội ngũ cán bộ, luân chuyển cán bộ theo quy hoạch. Việc điều động, luân chuyển cán bộ đã trở thành việc làm thường xuyên trong toàn bộ công tác cán bộ của tỉnh.

Từ năm 1997 đến tháng 5-2001, tỉnh đã điều động, luân chuyển 60 cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có 10 đồng chí là bí thư, phó bí thư huyện, thị ; 19 đồng chí là giám đốc, phó giám đốc các sở, ban, ngành ; 9 đồng chí là chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện ; 21 đồng chí là ủy viên ban thường vụ, trưởng các ngành, đoàn thể và tương đương ở cấp huyện ; là cấp ủy có 38 đồng chí, trong đó 14 đồng chí là tỉnh ủy viên, 24 đồng chí là huyện ủy viên và tương đương. Việc điều động, luân chuyển cán bộ có sự thống nhất cao về chủ trương và tổ chức thực hiện trong cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, đảng viên ; lấy quy hoạch cán bộ làm căn cứ thực hiện gắn với yêu cầu kiện toàn tổ chức, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ với việc chuẩn bị nhân sự nhằm củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền (bầu cử Hội đồng nhân dân năm 1999 và đại hội đảng bộ các cấp năm 2000), nhất là đối với đơn vị huyện mới chia tách.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ

Digitized by Google

Nhìn chung, số cán bộ được điều động, luân chuyển đã trưởng thành khá toàn diện, cán bộ trẻ được rèn luyện qua thực tiễn, thể hiện được năng lực công tác, tích lũy được kinh nghiệm, tạo được sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ đơn vị, đưa các phong trào của địa phương chuyển biến tiến bộ, kinh tế - xã hội phát triển rõ nét. Tuy nhiên, việc điều động, luân chuyển cán bộ mới dừng lại ở phạm vi hẹp, tập trung chủ yếu ở những ngành, địa phương thiếu cán bộ và xử lý các đơn vị có vấn đề về nội bộ. Chưa thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ chủ chốt là người ở địa phương này sang địa phương khác. Tỉnh chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ xuống cơ sở, đến vùng khó khăn, nên một số cán bộ được luân chuyển còn băn khoăn, chưa yên tâm khi nhận nhiệm vụ mới.

Kết quả thực hiện công tác luân chuyển cán bộ theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị

Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã tạo nên sự thống nhất trong nhận thức của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên, làm cơ sở cho việc lãnh đạo thực hiện công tác luân chuyển trong toàn Đảng bộ được tốt hơn, đạt hiệu quả cao hơn.

Để việc luân chuyển cán bộ thực hiện đúng theo yêu cầu Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã sớm có chủ trương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo 3 bước :

Bước 1 : Công tác chuẩn bị

Tổ chức học tập quán triệt nội dung Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị gắn với tổng kết ba Nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ. Các cấp ủy tiến hành việc kiểm điểm đánh giá ưu, khuyết điểm trong từng đảng bộ, tạo ra sự nhất trí về tư tưởng, thống nhất về hành động trong thực hiện công tác luân chuyển cán bộ. Tổ chức quán triệt và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về tiếp tục thực hiện các nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ đến cán bộ lãnh đạo chủ chốt, đảng viên trong toàn tỉnh.

Sau khi quán triệt Nghị quyết 11, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định 436/QĐ-TU về *"Quy chế đánh giá, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý"* ; Chỉ thị số 11-CT/TU *"Về điều động, luân chuyển cán bộ"*. Qua đó, nâng cao nhận thức và sự thống nhất trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và đảng viên về việc đánh giá, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ. Tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý (giai đoạn 2000 - 2005 - 2010) ; thống nhất chủ trương : những cán bộ trong diện quy hoạch để đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, phải qua cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cấp huyện, coi đó như một quy trình bắt buộc. Kết quả cụ thể đối với dự nguồn chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý như sau : cán bộ đưa ra ngoài quy hoạch là 96/707 đồng chí bằng 13,5%, trong đó nữ 7 đồng chí, bằng 9,8% ; cán bộ bổ sung vào danh sách dự nguồn là 177, bằng 24,9%, là nữ 19 đồng chí, bằng 10,7%. Trong đó, dự nguồn chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải đưa ra ngoài quy hoạch là 34/90 đồng chí, bằng 37,8%, bổ sung thêm 50/100 đồng chí, bằng 50%.

Bước 2 : Chọn điểm chỉ đạo tạo ra khâu đột phá về công tác luân chuyển cán bộ

Sau khi xem xét cụ thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chọn huyện Yên Lập - một huyện miền núi, có vấn đề mất đoàn kết trong cán bộ lãnh đạo và tư tưởng cục bộ địa phương, cục bộ dòng họ còn nặng nề làm thí điểm. Trước tiên, tập trung chỉ đạo các ngành phối hợp tiến hành kiểm tra, kiểm điểm làm rõ ưu, khuyết điểm và xác định rõ nguyên nhân ; xử lý kỷ luật các cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Sau khi củng cố Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chọn hai đồng chí

Digitized by Google

cán bộ trong quy hoạch là người dám quyết đoán, quy tụ được đội ngũ cán bộ để bổ sung một đồng chí tham gia Ban chấp hành giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, một đồng chí tỉnh ủy viên về làm Bí thư Huyện ủy. Công việc này được lựa chọn đúng đắn, có phương pháp phù hợp và được tiến hành thận trọng, thông suốt về mặt tư tưởng, chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết ban đầu để các đồng chí mới đến nhận công tác được yên tâm và tự tin, nên sớm tạo được sự đồng tình, ủng hộ của cấp ủy huyện. Đến nay, huyện Yên Lập đã đi vào ổn định, có nhiều chuyển biến về thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nội bộ đoàn kết, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Bước 3 : Thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ trên diện rộng

Sau khi tiến hành làm điểm ở huyện Yên Lập, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành kiểm điểm đánh giá bước đầu về luân chuyển cán bộ và xác định rõ kế hoạch luân chuyển cán bộ trong thời gian tới.

Qua một năm thực hiện luân chuyển cán bộ theo Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, đã đạt được một số kết quả bước đầu.

Đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý : Năm 2002, đã thực hiện luân chuyển được 34 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 4 là tỉnh ủy viên, 9 là trưởng, phó sở, ban, ngành ; 7 là bí thư, phó bí thư huyện, thành, thị ủy ; 9 là chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện. Điều động, luân chuyển từ cấp huyện lên tỉnh 11 đồng chí, từ tỉnh xuống huyện 15 đồng chí, từ khối quản lý nhà nước sang các cơ quan đảng, đoàn thể và ngược lại 11 đồng chí.

Đối với các huyện, thành, thị : Tổng số cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ các huyện, thành, thị ủy quản lý được điều động, luân chuyển trong năm 2002 là 70 đồng chí. Cụ thể là từ khối đảng, đoàn thể sang khối quản lý nhà nước : 20 người ; từ khối quản lý nhà nước sang khối đảng, đoàn thể : 10 người ; trong nội bộ các phòng, ban khối quản lý nhà nước : 16 người ; trong nội bộ giữa khối đảng, đoàn thể : 24 người ; từ cơ sở lên các cơ quan huyện : 5 người.

Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể : Qua tổng hợp chưa đầy đủ của 11 đơn vị, số cán bộ được điều động, luân chuyển là 64 đồng chí, trong đó : các sở, ban, ngành xuống huyện là 7 người ; huyện lên sở, ban, ngành là 6 người ; trong nội bộ sở, ban, ngành là 51 người.

Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị *"Về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý"* là một chủ trương đúng đắn, tạo được sự thống nhất về nhận thức, sự nhất quán về tư tưởng chỉ đạo trong các cấp ủy, nhất là trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Với cách làm thận trọng, dân chủ, công khai nên đã đạt được được sự đồng tình ủng hộ của các cấp ủy và nhân dân ; các đơn vị có cán bộ đi và cán bộ đến đều thấy được trách nhiệm của mình ; cán bộ được luân chuyển hầu hết đã vào cuộc nhanh. Bước đầu chống được tư tưởng cục bộ khép kín, bảo thủ trì trệ, tự ti ở một số địa phương, ngành và cán bộ. Có thể khẳng định rằng, thực tiễn luân chuyển cán bộ của tỉnh Phú Thọ vừa qua đã khẳng định tính khả thi của quy hoạch : vừa được việc, được người, được tổ chức, vừa tạo ra bước đột phá trong công tác tổ chức cán bộ, góp phần đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuẩn bị một bước về nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân vào năm 2004 và Đại hội đảng bộ các cấp vào năm 2005.

Tuy vậy, cũng còn không ít những tồn tại, khó khăn cần được giải quyết trong thời gian tới. Việc quán triệt nhận thức về Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị ở một số cấp ủy, một số ngành chưa thật sâu sắc ; một số ngành còn chưa có kế hoạch cụ thể cho công tác luân chuyển cán bộ. Trong luân chuyển, mới tập trung chỉ đạo có kết quả ở diện cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý, còn diện cán bộ các huyện và các ngành quản lý chuyển động chưa mạnh, nhất là ở cơ sở. Nguồn cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là cán

Digitized by Google

bộ trẻ được đào tạo cơ bản, cán bộ dân tộc ít người, cán bộ xuất thân từ công nhân. Chính sách đối với cán bộ luân chuyển theo quy hoạch và điều động, luân chuyển theo yêu cầu chưa được phân định cụ thể, đã tạo ra những bất hợp lý trong mặt bằng chung về chính sách cán bộ.

Một số kinh nghiệm bước đầu

Sau một năm thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm sau :

Một là, phải có sự thống nhất về nhận thức, về chủ trương. Coi luân chuyển cán bộ là một quy trình bắt buộc đối với cán bộ trong diện quy hoạch.

Hai là, làm tốt công tác xây dựng quy hoạch cán bộ. Hằng năm, cần rà soát, bổ sung điều chỉnh cho sát với tình hình thực tế để quy hoạch có tính khả thi, đảm bảo tính liên tục, kế thừa và phát triển, tránh được tình trạng hẫng hụt, bị động, chắp vá trong công tác cán bộ. Trên cơ sở quy hoạch, có kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ, thực hiện bằng được quy hoạch cán bộ đã xây dựng. Kết hợp luân chuyển theo quy hoạch với luân chuyển theo yêu cầu nhiệm vụ.

Ba là, có quyết tâm cao trong chỉ đạo, làm tốt công tác chuẩn bị, có phương pháp, cách làm và bước đi phù hợp. Tập trung làm tốt công tác tư tưởng ở cả cơ quan, cá nhân cán bộ được luân chuyển. Trước khi cán bộ được luân chuyển, cần cung cấp các thông tin về nơi họ đến, trao đổi những vấn đề về công tác lãnh đạo, chỉ đạo để cán bộ đó nắm được những vấn đề cần thiết cho nhiệm vụ công tác mới được phân công.

Bốn là, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể, chọn bước đi phù hợp và cách làm dân chủ, công khai, kiên quyết. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ được luân chuyển yên tâm, vững tin trong công tác, nhanh chóng hòa nhập với môi trường và địa bàn công tác mới.

Một số kiến nghị với Trung ương

1 - Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị được thực hiện đến nay đã một năm, nhưng chưa có sự sửa đổi bổ sung các văn bản pháp luật, nhất là những vấn đề có liên quan đến bầu cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Trong thời gian qua, tỉnh Phú Thọ đã bố trí 5 đồng chí về huyện giữ cương vị đó nhưng chưa là thành viên Hội đồng nhân dân huyện nên trước mắt chỉ giao chức vụ quyền chủ tịch. Tuy thời gian công tác ngắn, nhưng ở cương vị này các đồng chí đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, mạnh dạn, chủ động trong công việc, điều hành bộ máy nhà nước ở cấp huyện tỏ ra vững vàng, được địa phương thừa nhận. Do vậy, đề nghị Trung ương xem xét, sửa đổi Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cho phù hợp với chủ trương của Đảng về luân chuyển cán bộ.

2 - Việc triển khai Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị trong phạm vi rộng, có liên quan chặt chẽ đến quy hoạch cán bộ. Vì vậy, Trung ương cần có một nghị quyết chuyên đề về công tác quy hoạch cán bộ ; có chính sách thống nhất cho cán bộ được luân chuyển theo quy hoạch và luân chuyển theo yêu cầu nhiệm vụ, luân chuyển đến các huyện miền núi khó khăn, luân chuyển cán bộ nữ.

3 - Trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ cơ sở (xã, phường, thị trấn) có số lượng lớn, đại bộ phận cán bộ chủ chốt chưa được đào tạo cơ bản. Do vậy, chính sách đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX), nhất là chính sách đãi ngộ, chính sách đào tạo, cần được ban hành sớm để tạo điều kiện thuận lợi cho họ yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ cũng như bầu cử Hội đồng nhân dân vào năm 2004 và Đại hội đảng bộ các cấp vào năm 2005 được tốt hơn.❑

Digitized by Google

CƠ CHẾ "MỘT CỬA" Ở QUẢNG TRỊ

NGUYỄN ĐỨC MẠNH *

CÔNG cuộc cải cách hành chính trong cả nước những năm qua cho thấy, một đặc điểm chung là nhiều địa phương khi tiến hành cải cách đã tập trung vào những chỗ yếu kém trong hoạt động của bộ máy hành chính và những vấn đề có nhiều mâu thuẫn, bức xúc trong quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức, công dân để "đột phá" hoặc tổ chức thí điểm trong khuôn khổ cải cách hành chính ở địa phương. Hà Nội có mô hình "Một cửa, một đầu mối", mô hình thí điểm "dịch vụ hành chính công" ; Thành phố Hồ Chí Minh có mô hình "Một cửa, một dấu", thí điểm "khoán chi hành chính" ; Quảng Trị có mô hình thí điểm "cải cách thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo cơ chế một cửa", v.v..

Cải cách thủ tục giao đất, cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo cơ chế "một cửa" là một khâu nằm trong chương trình cải cách hành chính của tỉnh Quảng Trị, được Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh lựa chọn xây dựng thành đề án thí điểm trình lên Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và Chính phủ. Ngày 12-3-2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 32/2001/QĐ-TTg cho phép tỉnh Quảng Trị thực hiện thí điểm đề án này ở hai địa điểm : thị xã Đông Hà và huyện Cam Lộ, với sự tài trợ về tài chính của Chính phủ Thụy Điển. Trong hai năm 2001 - 2002, việc thực hiện đề án (hay còn gọi là Dự án) thí điểm đã có được những kết quả ban đầu rất khả quan.

1 - Vài nét về thực hiện cải cách hành chính ở tỉnh Quảng Trị

Trong tiến trình CCHC theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Quảng Trị đã tiến hành cải cách đồng bộ trên các lĩnh vực tổ chức bộ máy ; thể chế hành chính ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ; quản lý tài chính công.

Về tổ chức bộ máy : Tính đến năm 2002, các cơ quan cấp tỉnh giảm được hai đầu mối, giải thể 25 tổ chức tư vấn ; bộ máy cấp huyện trước đây từ 12 đến 14 phòng, ban nay sắp xếp lại còn 9 hoặc 10 phòng, ban, giảm được 21 tổ chức cấp huyện. Việc xây dựng chính quyền cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX được chú trọng : cả tỉnh có 136 xã, đến nay đã có 53 xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh ; 81 xã ở diện trung bình ; chỉ còn 2 xã yếu kém.

Về đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức : Ngoài những lớp đào tạo đại học, sau đại học và những lớp trung cấp, cử nhân chính trị, tỉnh đã mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, pháp luật, quản lý kinh tế... cho cán bộ, công chức trong tỉnh. Năm 2002, mở 45 lớp theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là tỉnh đã hợp tác với trường Đại học Kinh tế Quốc dân mở lớp bồi dưỡng kiến thức kinh tế thị trường sau đại học cho cán bộ các ngành, huyện, thị xã và doanh nghiệp nhà nước ; phối hợp với Bộ Nội vụ mở lớp bồi dưỡng chương trình tổng thể cải cách hành chính và kỹ năng hành chính cho hơn 140 cán bộ lãnh đạo các ngành, huyện, thị xã và cán bộ làm công tác tổ chức nhà nước. Ngoài ra, do có chung biên giới với nước bạn Lào nên tỉnh đã mở thí điểm hai khóa đào tạo tiếng Thái Lan và tiếng Lào cho cán bộ, công

* ThS. Học viện Hành chính Quốc gia, Bộ Nội vụ

Digitized by Google

chức ở các ngành, các cơ quan trong tỉnh và hai huyện Hướng Hóa, Đak Rông.

Quảng Trị là một tỉnh có đến 45 xã thuộc khu vực miền núi và vùng cao trong đó 3/4 số xã có đồng bào các dân tộc thiểu số ; trình độ kinh tế, xã hội chậm phát triển, trình độ học vấn của cán bộ và nhân dân nói chung không cao. Điều đáng lo ngại là có đến 80% số cán bộ xã, thôn, bản chỉ học đến cấp 1 và cấp 2, cán bộ bản chỉ ngang trình độ tiểu học và đang có hiện tượng tái mù chữ, cá biệt có cán bộ lãnh đạo xã miền núi mù chữ phải có "thư ký" riêng giúp đọc và viết. Căn cứ vào tình hình, đặc điểm này, lãnh đạo chính quyền tỉnh đã trình Chính phủ cho phép địa phương được thành lập Trường đào tạo cán bộ dân tộc miền núi.

Nhận thức rõ vấn đề chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức quyết định thành công Dự án, Quảng Trị đã xây dựng và ban hành một số chế độ, chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, cán bộ cơ sở, cán bộ doanh nghiệp nhà nước ; chú trọng sử dụng cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số ; có chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài và bồi dưỡng tài năng ; chính sách bố trí, sử dụng sinh viên đại học, cao đẳng về cơ sở công tác.

Về cải cách thể chế : Căn cứ vào Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành rà soát, chấn chỉnh lại quy trình dự thảo, soạn thảo và ban hành văn bản của các cơ quan có thẩm quyền từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và ban hành quy chế làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đưa dần các hoạt động của các cơ quan nhà nước đi vào nền nếp. Riêng năm 2002, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành được 55 văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị định số 04/1999/CP ngày 30-1-1999 của Chính phủ về việc triển khai các khoản phí, lệ phí, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị đã chỉ đạo các cấp, các ngành chấm dứt tình trạng tự quy định chế độ thu phí, lệ phí trái với quy định của Chính phủ. Trong cải cách về thủ tục hành chính, lãnh đạo tỉnh đã tập trung sự quan tâm đến thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì vấn đề giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tồn đọng nhiều khó khăn phức tạp, ảnh hưởng bất lợi đến đời sống kinh tế, trật tự xã hội trong tỉnh. Những điều đó thể hiện tập trung ở thị xã Đông Hà, một thị xã đang trong quá trình đô thị hóa, nhu cầu của người dân về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, kéo theo cả vấn đề trật tự, trị an xã hội. Do đó, nếu làm tốt việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới tạo điều kiện tốt để tiến hành hiệu quả công tác quản lý và quy hoạch đô thị ; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi thị xã, từ đó tác động ra toàn tỉnh. Ở khu vực nông thôn, nhu cầu về giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là một nhu cầu thiết thân của người nông dân. Nếu không tập trung giải quyết tốt vấn đề này thì về cơ bản người nông dân chưa có được điều kiện thuận lợi để an cư, ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn, phát triển sản xuất ; do đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến mục tiêu ổn định và phát triển xã hội.

Xuất phát từ mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với việc thực hiện chương trình cải cách hành chính, trên cơ sở nắm vững tình hình đặc điểm kinh tế, xã hội, đất đai, dân cư... nhất là từ nhu cầu bức xúc của nhân dân về đất ở, đất canh tác, tỉnh đã chọn thủ tục giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng đề án thí điểm, coi đó là "khâu đột phá" trong cải cách hành chính là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tế địa phương.

2 - Những kết quả ban đầu thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Với mục tiêu phục vụ nhân dân nhanh chóng, giảm bớt phiền hà, hạn chế việc đi lại nhiều lần cho người dân, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ những quy định pháp luật, việc

Digitized by Google

cải cách thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Quảng Trị đã đạt được những kết quả bước đầu khả quan. Nếu như trước khi tiến hành Dự án, để làm thủ tục về lĩnh vực này phải qua 6 cửa và đi lại ít nhất 12 lần thì nay chỉ qua "một cửa" và thời gian đi lại rút xuống còn 1/4 so với trước.

Nếu như trước đây trên một thửa đất có đến 5 cơ quan : địa chính, thuế, Ủy ban nhân dân, xây dựng, tài chính đến kiểm tra, đo đạc thì nay chỉ còn một tổ chức liên ngành (gọi là tổ công tác liên ngành) đến kiểm tra, đo đạc một lần là xong. Trước đây, các cơ quan nhà nước làm thủ tục một hồ sơ cấp đất phải qua nhiều công đoạn và mất 91 ngày đối với đất đô thị và 90 ngày đối với đất nông thôn, thì nay chỉ qua 5 bước và thời gian chỉ còn 23 ngày đối với đất đô thị và 13 ngày đối với đất lâm nghiệp, nông nghiệp.

Cơ chế "một cửa" đã đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thị xã Đông Hà từ 5% (770 hộ) trong năm 2000 lên 25,3% (3 889 hộ) trong năm 2002, thúc đẩy tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đô thị toàn tỉnh tăng từ 5% (1 496 hộ) năm 2000 lên 38% (11 374 hộ). Huyện Cam Lộ đã cấp được 12 517 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2002 (tính đến hết tháng 11).

Việc thực hiện Dự án thí điểm đã tác động tích cực đến cuộc sống của người dân về nhà ở đất ở, đến việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Tính đến tháng 11-2002, toàn tỉnh đã có 20 447 hộ gia đình dùng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" để thế chấp vay vốn tại ngân hàng dùng vào mục đích sản xuất kinh doanh (khoảng 340 tỉ đồng). Riêng thị xã Đông Hà có 1 350 hộ ; huyện Cam Lộ có 1 820 hộ. Ở thị xã Đông Hà, nhân dân đã sử dụng "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" (sổ đỏ) để thế chấp vay vốn kinh doanh, tăng thêm khoảng 300 đến 400 hộ kinh doanh dịch vụ. Tính đến tháng 11-2002, huyện Cam Lộ đã cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho 1 579 hộ với diện tích 2 524 héc-ta để trồng rừng và lập trang trại. Không riêng ở Đông Hà, Cam Lộ, nhân dân các vùng khác trong tỉnh đã tỏ ra yên tâm, phấn khởi đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Toàn tỉnh đã có 531 trang trại, riêng huyện Cam Lộ đã có 252 trang trại. Theo đó vấn đề môi sinh, môi trường, xóa đói giảm nghèo cũng được cải thiện tích cực.

Việc cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" cho nhân dân theo cơ chế "một cửa" đã góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thúc đẩy tiến độ thi công các công trình, mang lại lợi ích trước hết cho nhân dân địa phương có dự án đầu tư hoạt động.

Những kết quả ban đầu của Dự án thí điểm cải cách thủ tục giao đất, cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" ở thị xã Đông Hà và huyện Cam Lộ đang phát huy tác dụng để có thể nhân rộng trong phạm vi toàn tỉnh ; là căn cứ thực tiễn sống động để lãnh đạo tỉnh Quảng Trị hình thành ý tưởng tiếp tục xây dựng đề án thí điểm các trung tâm dịch vụ công ở các lĩnh vực khác theo cơ chế "một cửa" tại các huyện, thị xã.

Cũng từ việc thực hiện Dự án này, năng lực, trình độ, phong cách làm việc, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức ở các cơ quan quản lý trực tiếp và liên quan đến hoạt động thực hiện Dự án đã có sự tiến bộ rất đáng mừng. Về phía chính quyền, có thể xem đây là một kết quả hết sức quan trọng, tác động mạnh mẽ đến công tác tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiện đại và chuyên nghiệp hóa.

3 - Một số bài học kinh nghiệm

Kết quả nêu trên là hiệu quả của một lộ trình chuẩn bị từ việc trao đổi, hội thảo để thống nhất nhận thức, tới tổ chức phân công, phân cấp, phối hợp trong các cơ quan có chức năng quản lý và liên quan đến công tác quản

Digitized by Google

lý, cùng sự phối hợp hỗ trợ về kỹ thuật, đào tạo cán bộ, v.v. với một số cơ quan trung ương.

Nhưng trước hết sự thành công đó bắt nguồn từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Đây là yếu tố đầu tiên mang tính quyết định thắng lợi. Đây cũng là bài học kinh nghiệm trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, dù chiến tranh hay hòa bình. Đó là Đảng và Nhà nước vì dân, chăm lo đời sống của dân, tổ chức và tạo mọi điều kiện cho nhân dân làm ăn sinh sống và xây dựng cuộc sống. Với tinh thần đó, Dự án thí điểm cải cách thủ tục giao đất, cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo cơ chế "một cửa" được lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chặt chẽ ; nhân dân hoan nghênh, chấp hành tự giác và tích cực.

Về mặt tổ chức thực hiện Dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo Ban Quản lý Dự án, các ngành chuyên môn cấp tỉnh như : Sở Địa chính, Cục Thuế tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp thành lập *Tổ công tác liên ngành* đến huyện, thị để hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ công tác liên ngành thuộc huyện, thị xã vì cơ chế "một cửa" sẽ thực hiện thí điểm ở các cấp quản lý này.

Qua hơn một năm thực hiện các đề án hợp tác, theo văn bản số 85/VP-CP phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Ban Quản lý Dự án cải cách hành chính tỉnh đã thực hiện được nhiều việc có tính chất chuẩn bị cho công tác quản lý đất đai theo mục tiêu hiện đại, hiệu quả và thiết thực, đó là : đã số hóa hơn 500 mảnh bản đồ địa chính ; nhập thông tin chủ sử dụng đất cho 53 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh và chuyển đổi cơ sở dữ liệu của 1 432 mảnh bản đồ địa chính và hệ thống để khai thác sử dụng. Các cán bộ, công chức trong Dự án được tập huấn về kiến thức quản trị thông tin, khai thác dữ liệu trên bản đồ. Đồng thời, tỉnh mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến Luật Đất đai và các lĩnh vực chuyên môn khác với hơn 1 700 lượt người tham gia ; tổ chức 23 khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp và gián tiếp thực hiện các dự án thí điểm. Cho đến nay, cán bộ công chức tham gia Dự án đều có khả năng nắm bắt, thành thạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật.

Trong việc thực hiện Dự án, tỉnh đã hợp tác với Tổng cục Thuế để chỉ đạo Cục Thuế tỉnh tổ chức thực hiện phân cấp thu thuế sử dụng đất của người sử dụng đất từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, thị xã theo nội dung của đề án hợp tác với Tổng cục Thuế ; xây dựng phần mềm quản lý thu thuế sử dụng đất ; đưa cán bộ đi học tập kinh nghiệm một số tỉnh phía Nam. Đây là điểm mới về cải cách hành chính lĩnh vực thuế mà các tỉnh, thành phố khác chưa thực hiện.

Việc thực hiện Dự án thí điểm cải cách thủ tục giao đất, cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo cơ chế "một cửa" thể hiện sự đúng đắn của việc phân cấp cho địa phương thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong công tác quản lý nhà nước về đất đai ; tạo thế chủ động trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng, quản lý đất đai trên địa bàn huyện, thị xã.

Từ những kinh nghiệm trên có thể thấy lộ trình thực hiện Dự án thí điểm cải cách thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tỉnh Quảng Trị bao gồm những bước đi và những việc như sau : lãnh đạo quyết tâm, nhất trí ; nắm vững tình hình, đặc điểm ; xác định mục đích yêu cầu ; phối hợp giữa trung ương với địa phương ; tổ chức phân công, phân cấp ; đào tạo cán bộ, công chức ; tiêu tiền dự án hiệu quả ; kiểm tra, đôn đốc công việc ; đáp ứng nhu cầu của dân ; nhân dân được hưởng kết quả.

Digitized by Google

Để tiếp tục mở rộng thực hiện Dự án ở tỉnh Quảng Trị, có một số vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện như sau :

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền thực hiện Dự án trong nhân dân bằng các phương tiện truyền thanh, truyền hình, kể cả phổ biến bằng văn bản thông qua xã, phường để nhân dân hiểu rõ về chính sách đất đai của Nhà nước. Đó là điều kiện hàng đầu cho việc triển khai rộng rãi đạt được kết quả toàn diện và vững chắc hơn.

- Cần nghiên cứu mức thu thuế sử dụng đất sao cho phù hợp với thu nhập của người dân. Trước sự biến động phức tạp về đất đai hiện nay, cần tiếp tục điều chỉnh giá đất kịp thời để vừa bảo đảm sự hợp lý, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh dịch vụ, vừa bảo đảm lợi ích của Nhà nước trong thu thuế và quản lý có hiệu quả.

- Vấn đề quy hoạch chi tiết đô thị cần được xúc tiến nhanh chóng, nhất là các trục đường chính do cấp tỉnh và thị xã quy hoạch cần được cắm mốc và xác định chỉ giới quản lý một cách cụ thể, rõ ràng.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng để thực hiện các nội dung của Dự án cần được hoàn thiện, đồng bộ và thông suốt hơn nữa trên cơ sở phân công, bố trí cán bộ đúng vị trí công việc.

- Công cuộc cải cách hành chính ở các địa phương muốn đạt được tiến độ nhanh hơn, hiệu quả hơn, cần có sự quan tâm, ủng hộ và phối hợp đồng bộ chặt chẽ của các bộ, ngành trung ương nhằm khắc phục hiện tượng kênh, vướng do quan niệm, cách nhìn cục bộ cũng như tư tưởng quan liêu, xa thực tế, để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động phát huy sáng kiến, tổ chức thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của mình. ❑

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG...

(Tiếp theo trang 33)

công nghiệp hóa, hiện đại hóa để tạo thành nhân cách được "phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo..." (Văn kiện Đại hội IX).

Phải thừa nhận rằng, văn hóa truyền thống không phải cẩm nang, không phải "chìa khóa vạn năng", để làm được nhiệm vụ lớn lao trên, phải có sự tham gia của tất cả các "binh chủng" thuộc lĩnh vực tinh thần, của các loại hình văn hóa, đặc biệt là những thành tựu của văn hóa hiện đại. Nếu biết khai thác và phát huy lợi thế của nó, văn hóa truyền thống hoàn toàn có khả năng tham gia nuôi dưỡng và phát triển các phẩm chất cao đẹp vốn có của con người Việt Nam.

Triển khai thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) và Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, chúng ta đã giành được những kết quả quan trọng trong việc sưu tầm, điều tra, chỉnh lý, chọn lọc, bảo quản di sản văn hóa truyền thống. Nhưng công đoạn quan trọng hơn cả là phát huy, sử dụng, truyền bá, phát triển các di sản đó đối với cuộc sống đương đại, đối với *các thế hệ, trong các nhà trường,* trả nó về *cho công chúng ở các thôn làng, bản ấp,* tạo nên những *môi trường hoạt động văn hóa, tiếp nhận và tái sáng tạo văn hóa truyền thống.* Đó là công việc to lớn mà chúng ta cần phải đầu tư nhiều hơn nữa, triển khai kiên trì và đồng bộ, tạo ra được nhiều mô hình mới, sân chơi mới, làm khâu "trung chuyển" văn hóa truyền thống đến với quần chúng, làm cho mỗi người dân vừa được tham gia vào quá trình sáng tạo các giá trị văn hóa và cũng là người được thụ hưởng các sản phẩm văn hóa mới có thể sử dụng với hiệu quả cao, sức mạnh và tính ưu thế của văn hóa truyền thống trong thời kỳ mới thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. ❑

Digitized by Google

Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp TỈNH BÌNH DƯƠNG

PHẠM SƠN KHANH *

NHỮNG năm gần đây, Bình Dương là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Trong giai đoạn 2000 - 2002 GDP bình quân đạt 14,83%, tăng trưởng công nghiệp đạt 36,96%. Riêng năm 2002, tỉnh thu hút đầu tư nước ngoài đạt 402,2 triệu USD, là một trong những tỉnh, thành có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu của cả nước. Đạt được tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên đây phải nói đến sự góp phần đáng kể của các khu công nghiệp.

Phác thảo bức tranh toàn cảnh

Theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt, đến năm 2010, Bình Dương phát triển 13 khu công nghiệp với diện tích 6 200 héc-ta. Đầu năm 2003 đã có 9 khu công nghiệp gồm : Sóng Thần I, Sóng Thần II, Bình Đường, Đồng An, Việt Hương, Tân Đông Hiệp B, Đa Pắc Mỹ Phước (Bến Cát) và Khu công nghiệp Việt Nam - Xin-ga-po (VSIP). Trong 9 khu công nghiệp trên, có 8 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, riêng khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Bình Dương có 6/9 các khu công nghiệp được Chính phủ cấp giấy phép thành lập từ những năm 1995, 1996, 1997 và 2000. Hai khu công nghiệp mới Mỹ Phước, Tân Đông Hiệp B được Chính phủ phê duyệt thành lập trong năm 2002. Trong quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, vấn đề vướng mắc lớn nhất hiện nay cần phải tập trung tháo gỡ để xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi là vấn đề đền bù giải tỏa. Việc đền bù chậm đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giải tỏa, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và kêu gọi đầu tư.

STT	Tên khu công nghiệp	Số ha đền bù, giải tỏa	Tỷ lệ %
01	Sóng Thần I	0	0
02	Sóng Thần II	34	10,7
03	Bình Đường	0	0
04	Đồng An	10	5
05	Việt Hương	9	14,2
06	Đa Pắc	0	0
07	Mỹ Phước	67	17,8
08	Tân Đông Hiệp B	62	37,8
09	VSIP	92,4	18,48
	Tổng cộng	**274,4**	**11,55**

Bảng 1 : Thống kê diện tích phải đền bù giải tỏa

Qua bảng thống kê trên cho thấy, 3 khu công nghiệp : Sóng thần I, Bình Đường, Đa Park hoàn thành công tác đền bù giải tỏa, khu công nghiệp Mỹ Phước dù mới được Chính phủ cấp giấy phép năm 2002 nhưng công tác đền bù, giải tỏa được thực hiện nhanh : 82,2%, trong khi đó khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B mới đạt 62,2%. Nguyên nhân chính vì ban giải tỏa đền bù địa phương đối với khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B dù sau 10 tháng có giấy phép của Chính phủ vẫn chưa được thành lập. Khu công nghiệp VSIP có diện tích chưa đền bù giải tỏa cao nhất với 92,4 héc-ta, chủ

* ThS Kinh tế, Phó Ttrưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tập trung tỉnh Bình Dương

Digitized by Google

yếu chưa thỏa thuận được giá đền bù với dân, (phần lớn đất đền bù giải tỏa thuộc đại lộ Bình Dương).

Hiện nay, Khu công nghiệp VSIP là đơn vị xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh trong các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương. Ngoài hệ thống giao thông, hệ thống cấp thoát nước, khu công nghiệp VSIP còn xây dựng nhà máy phát điện đi-ê-den để chủ động nguồn điện cung cấp toàn khu.

Các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đang hoạt động đều xây dựng nhà máy xử lý nước thải : Khu công nghiệp Sóng Thần I, II có công suất là 4 000 m^3/ngày, Đồng An là 2 000 m^3/ngày ; Việt Hương là 1 000 m^3/ngày ; khu công nghiệp VSIP là 4 000 m^3/ngày. Các khu công nghiệp Mỹ Phước, Đa Park đang chuẩn bị xây dựng các nhà máy nước thải, quy trình ngược này bắt nguồn từ việc thiếu vốn của các nhà đầu tư trong xây dựng cơ sở hạ tầng.

Về công tác thu hút đầu tư và cho thuê đất, năm 2002, tỉnh Bình Dương đạt 402,2 triệu USD đầu tư nước ngoài, trong đó các khu công nghiệp kể cả khu VSIP đã thu hút tới 170,5 triệu USD, đạt 42,39% dự án đầu tư nước ngoài lũy kế đến nay. Các khu công nghiệp thu hút 409 dự án, trong đó dự án đầu tư nước ngoài có số vốn 1 382,5 triệu USD ; 115 dự án đầu tư trong nước đạt 1 622,5 tỉ đồng. Quy mô các dự án đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp còn nhỏ. Riêng Khu công nghiệp VSIP có số vốn dự án bình quân cao nhất (3,459 triệu USD) so với các khu công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh : 1,5 triệu USD ; Đồng Nai : 2,57 triệu USD ; Bà Rịa - Vũng Tàu : 2,98 triệu USD).

Về cơ cấu quốc gia đầu tư tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, Xin-ga-po có số vốn dự án và vốn đầu tư cao nhất chiếm tỷ lệ 28,85%, kế đến là Nhật Bản 20,32%, v.v..

Về tiếp thị đầu tư, Khu công nghiệp VSIP trực thuộc trung ương có nguồn kinh phí tiếp thị riêng nên hằng năm đều có chương trình tiếp thị, thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo ở các nước Nhật Bản. Xin-ga-po... Ngược lại, các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương do không có kinh phí tiếp thị, nên kết quả thu hút đầu tư mới chủ yếu là nhờ sự vận động của các nhà đầu tư cũ. Nếu có nguồn kinh phí và chương trình tiếp thị riêng thì việc thu hút đầu tư chắc chắn đạt kết quả cao hơn.

STT	Tên khu công nghiệp	Diện tích quy hoạch	Diện tích đang triển khai		Đất công nghiệp cho thuê	
			Tổng DT (ha)	DT đất CN (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ cho thuê (ha)
01	Sóng Thần I	180,3	180,0	155,0	138,2	89,2
02	Sóng Thần II	319,0	319,0	243,0	174,2	71,7
03	Bình Đường	24,0	24,0	20,0	16,7	83,7
04	Đồng An	46,0	46,0	31,4	11,53	36,7
05	Việt Hương	122,5	122,5	90,8	83,34	91,8
06	Đa Phước	500,0	231,0	178,0	136,8	76,9
07	Mỹ Phước	47,0	47,0	29,6	15,9	53,7
08	Tân Đông Hiệp B	164,0	164,0	115,0	15,02	13,1
09	VSIP	377,0	377,0	267,2	47,6	17,8
	Tổng cộng	1 799,8	1 510,8	1 129,9	6 39,29	56,58

Bảng 2 : Thống kê tình hình thu hút đầu tư

Cùng với công tác thu hút đầu tư, năm 2002, Bình Dương có 181,61 héc-ta đất cho thuê. Các khu công nghiệp tỉnh có 139,4 héc-ta, mà hầu hết các khu công nghiệp cho thuê đều đạt trên 50%. Ví dụ : Sóng Thần I : 89,2%, Sóng Thần II : 71,7%, Bình Đường : 83,7%, Đồng An : 91,8%, Tân Đông Hiệp A : 53,7%, VSIP : 76,9%. Tốc độ cho thuê nhanh và đạt tỷ lệ cao là Khu công nghiệp Mỹ Phước (Bến Cát), chưa tròn một năm hoạt động, có 7 dự án đầu tư và diện tích cho thuê đạt 47,6 héc-ta trong số 267,2 héc-ta.

Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng cho thuê đất đạt tỷ lệ cao hiện nay có khuynh hướng xây nhà xưởng để cho thuê, như : Sóng Thần I, Sóng Thần II, Đồng An. Phương thức này đạt hiệu quả cao hơn cho thuê đất. Vì như thế sẽ thu hồi vốn nhanh và hết thời gian cho thuê, nhà đầu tư cơ sở hạ tầng vẫn là chủ sử dụng đất.

Digitized by Google

STT	Tên khu công nghiệp	SỐ DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ				
	Tên dự án	Tổng số dự án	Đầu tư trong nước		Đầu tư nước ngoài	
			Số dự án	(tỉ VND)	Số dự án	(triệu USD)
01	Sóng Thần I	130	71	456,2	59	147,3
02	Sóng Thần II	80	11	652.6	69	419,2
03	Bình Dương	12	5	24,5	7	16,9
04	Việt Hương	32	1	(chi nhánh)	31	60
05	Đồng An	57	23	355,2	34	69,8
06	Việt Nam-Xin-ga-po	86	1	104,0	85	576,4
07	Tân Đông Hiệp A	5	2	(chi nhánh)	3	6,5
08	Tân Đông Hiệp B	0	0	0	0	0
09	Mỹ Phước	7	1	30,0	6	32,4
	Tổng cộng	409	115	1 622,5	294	1 328,5

Bảng 3 : Thống kê tình hình cho thuê đất tại các khu công nghiệp

Lao động nhập cư tăng nhanh cả trong và ngoài khu công nghiệp tạo một áp lực lớn đối với tỉnh Bình Dương về vấn đề nhà ở cho công nhân và một số vấn đề xã hội khác.

Quyền lợi của người lao động nhìn chung được đảm bảo. Số lao động ký kết hợp đồng toàn tỉnh đạt 81,3% (170 904/210 270 lao động) ; trong đó Khu công nghiệp VSIP đạt tỷ lệ 98,8% cao hơn so với các khu công nghiệp tỉnh (75,5%). Từ đó cho thấy, vấn đề quản lý lao động trong các khu công nghiệp tỉnh cần phải được tập trung coi trọng hơn trong thời gian tới.

Giải pháp quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương

Từ thực trạng trên cho thấy, các khu công nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng GDP, thu nhập ngoại tệ, giải quyết việc làm cho người lao động, kích thích sự phát triển của các ngành kinh tế trong nước. Để các khu công nghiệp phát triển bền vững, thật sự đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta cần tiến hành một số giải pháp về quản lý trong giai đoạn 2003 - 2005 như sau :

1 - Tăng cường công tác tuyên truyền để các ngành, các cấp thống nhất nhận thức đúng vị trí, vai trò của khu công nghiệp trong tư cách là một bước đột phá, một công cụ quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp. Triệt để thực hiện cơ chế "một cửa tại chỗ", phải xem đây là sự thử nghiệm trong cải cách thể chế quản lý kinh tế, góp phần xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi cho các doanh nghiệp phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự quản lý trong khuôn khổ pháp luật.

2 - Nhà nước cần tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong công tác đền bù giải tỏa. Đây là vấn đề đang thật sự là rào cản đối với việc quy hoạch phát triển các khu công nghiệp. Trước đây, trong thời kỳ 1994 - 1996, do phát huy sự chủ động của nhà đầu tư cơ sở hạ tầng trong đền bù giải tỏa bằng phương pháp thỏa thuận đã đem lại một số kết quả đáng khích lệ. Ngày nay, tình hình đã thay đổi, phương pháp đó không còn phù hợp nữa. Do đó, Nhà nước phải giữ vai trò chính trong việc đền bù giải tỏa, sau đó giao lại cho nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Chỉ có như vậy mới đạt kết quả cao. Vấn đề chính vẫn là, phải tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân yên tâm khi phải di dời và nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Nhà nước cần nghiên cứu các biện pháp phù hợp như xây dựng nhà ở, với nhiều dạng như khu hộ gia đình, khu chung cư cho các hộ gia đình trong vùng di dời giải tỏa theo hướng gắn quy hoạch khu công nghiệp với quy hoạch đô thị, tránh tình trạng để các gia đình được đền bù bằng tiền rồi "tự bơi" trong cơ chế thị trường. Đối với hộ gia đình có điều kiện tài chính, có thể khuyến khích họ mua cổ phần bằng tiền đền bù để góp vốn với các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

3 - Trong quản lý quy hoạch khu công nghiệp, Nhà nước cần có biện pháp bảo đảm cho nhà đầu tư cơ sở hạ tầng tôn trọng quy hoạch phân khu chức năng. Mặt khác, Nhà nước có chính sách cho nhà đầu tư vay tín dụng ưu đãi dài hạn với thời gian từ 15 năm đến 20 năm đối với các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google

Quy hoạch phát triển khu công nghiệp của từng địa phương phải trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh, tôn trọng quy hoạch phát triển vùng, tránh tình trạng các địa phương cạnh tranh thu hút đầu tư một cách chồng chéo, làm lãng phí nguồn lực của đất nước.

4 - Nhà nước xác định rõ chức năng quản lý nhà nước của Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh có được xem tương đương cấp sở hay không ?

Giải quyết tốt vấn đề này sẽ không ngừng nâng cao vị thế của Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh để nó vừa thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, vừa thực hiện hiệu quả chức năng quản lý trực tiếp các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh hiện nay thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng cấp trên theo ngành dọc lại chưa được xác định. Kinh nghiệm các nước và vùng lãnh thổ xung quanh ta cho thấy, họ đều có cấp trên trực tiếp của Ban Quản lý khu công nghiệp cấp tỉnh. Chẳng hạn, ở Thái Lan, là tổ chức IEAT trực thuộc Bộ Công nghiệp. Việc xác định cấp trên của Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh hiện nay rất cần thiết (theo ngành dọc) nhằm làm tốt việc tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, tổng kết, phổ biến nhân rộng mô hình khu công nghiệp hay khu chế xuất trên phạm vi cả nước.

Những vấn đề có tính thời sự đó cần được xem xét và sớm quyết định.

Kinh phí hoạt động cho các khu công nghiệp cấp tỉnh cũng là nội dung cần được nghiên cứu. Nhà nước cấp kinh phí hoạt động cho các khu công nghiệp cấp tỉnh phải chống khuynh hướng bình quân hoặc bao cấp, cần căn cứ vào chức năng của Ban Quản lý khu công nghiệp vừa là cơ quan quản lý nhà nước, vừa là cơ quan trực tiếp quản lý các hoạt động của doanh nghiệp. Vừa qua, Chính phủ chỉ đạo Ban Quản lý khu chế xuất - khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh được trích tỷ lệ xuất nhập khẩu của Khu chế xuất Tân Thuận dùng để làm kinh phí hoạt động. Chủ trương này đã được tổng kết, do đó rất cần được phổ biến các tỉnh có khu công nghiệp để thực hiện.

5 - Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp Sóng Thần I, Sóng Thần II, Bình Đường, Đồng An, Việt Hương, VSIP... cần tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng thuộc khu vực quản lý của mình. Những khu công nghiệp trên đều đạt tỷ lệ thuê đất cao. Trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cần chú ý xây dựng các công trình phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Đặc biệt, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tiến hành xây dựng nhà ở cho công nhân. Hiện nay, vấn đề nhà ở đang là vấn đề bức xúc trong các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương và các khu chế xuất - khu công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho công nhân là góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội. Cụ thể là, góp phần giải quyết nạn ùn tắc, tai nạn giao thông và vấn đề di chuyển lao động trong các khu công nghiệp, góp phần phát triển bền vững các khu công nghiệp.

6 - Nền kinh tế Việt Nam chuẩn bị hội nhập AFTA vào năm 2006 và gia nhập tổ chức WTO. Do đó, khu công nghiệp - khu chế xuất vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải được xem là một mũi nhọn thực hiện chủ động hội nhập kinh tế. Vì vậy, Chính phủ cần ban hành các chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp trong khu công nghiệp - khu chế xuất đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa, góp phần đưa cả nước hội nhập kinh tế thắng lợi. ❑

Digitized by Google

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VỚI PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÙNG DÂN TỘC MIỀN NÚI

TRƯƠNG MẠNH TIẾN *

Ở nước ta, vùng đồng bào các dân tộc miền núi là địa bàn có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Khu vực này là nguồn cung cấp năng lượng, khoáng sản, các sản phẩm nông, lâm nghiệp, là kho chứa tài nguyên về đa dạng sinh học và có chức năng điều hòa môi trường sinh thái. Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc cùng sinh sống với nhiều phong tục, tập quán khác nhau. Địa bàn cư trú của họ rải rác ở các khu vực vùng cao, miền núi. Số dân sinh sống ở vùng này chiếm 1/3 dân số cả nước, trong đó phần đông là đồng bào các dân tộc thiểu số đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển.

Khu vực miền núi nước ta có đặc trưng cơ bản về thiên nhiên là núi cao, suối sâu, địa hình cắt xẻ, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa và môi trường tự nhiên bị phân hóa mạnh. Đây là điều kiện thuận lợi tạo ra nguồn tài nguyên giàu có và đa dạng. Đáng kể nhất là tài nguyên rừng, khoáng sản, đất đai và tiềm năng du lịch. Nhưng đây cũng chính là những trở ngại lớn cho việc canh tác, phát triển giao thông, thông tin và tiếp nhận tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Ở đây cũng là nguồn phát sinh nhiều sự cố về môi trường, ảnh hưởng nhiều đến vùng đồng bằng và biển. Bên cạnh đó, thói quen, tập quán sinh sống của các tộc người thiểu số còn phải dựa vào việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, quá trình khai thác lại thiếu sự quy hoạch cần thiết cũng như sự điều tiết quản lý của Nhà nước nên đã gây ra những hậu quả nặng nề đối với môi trường và sinh thái. Vấn đề môi trường khu vực miền núi khá phức tạp và gần đây tình hình môi trường có lúc, có nơi đặc biệt nghiêm trọng.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều biện pháp nhằm từng bước cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, loại bỏ các tập tục lạc hậu gây nhiều tác động tiêu cực tới môi trường. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn hạn chế. Trên thực tế, miền núi vẫn gặp muôn vàn khó khăn :

- Giá cả và tiêu thụ nông sản còn nhiều bấp bênh, chưa đảm bảo lợi ích cho người sản xuất, chưa tạo dựng được một thị trường sản phẩm nông nghiệp hướng tới nền nông nghiệp bền vững.

- Môi trường và sinh thái trong nông, lâm, ngư nghiệp vẫn đứng trước nguy cơ tiếp tục bị suy thoái ; đất đai thoái hóa, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng nông nghiệp.

- Công tác quản lý môi trường ở địa phương còn bất cập, việc sử dụng các hóa chất không đúng quy định vẫn xảy ra ở nhiều nơi đã ảnh hưởng đến chất lượng tài nguyên đất và sức khỏe con người.

- Đất đai ít, dân số lại đông và vẫn tiếp tục gia tăng. Diện tích đất canh tác tính bình quân đầu người quá thấp và ngày càng giảm. Đây là một nguy cơ tiềm tàng trong tương lai dẫn đến sự gia tăng nạn chặt phá rừng và khai thác tới cạn kiệt

* TS. Vụ trưởng Vụ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Digitized by Google

các nguồn tài nguyên rừng nếu không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu.

Những trở ngại trên đang là nguyên nhân chính gây ra sự suy thoái môi trường khu vực miền núi. Mức tăng dân số, luồng di cư từ đồng bằng lên miền núi đã gây áp lực rất lớn đối với môi trường vốn đã bị suy thoái. Nhiều năm qua nạn phá rừng bất hợp pháp một cách triền miên đã làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, mất dần tính đa dạng sinh học. Sự tăng nhanh dân số, tăng cường thâm canh đã rút ngắn thời gian bỏ hoang hóa nương rẫy, cho đất nghỉ ngơi, phục hồi độ màu mỡ, làm giảm tính bền vững của các hệ sinh thái nông nghiệp. Trong thực tế, xói mòn đã làm giảm độ màu mỡ của hàng triệu héc-ta đất trồng trọt. Những khu vực rộng lớn trước đây là rừng, nay chỉ còn là đồi trọc hoặc bãi trống. Để khôi phục lại đầy đủ tiềm năng của những vùng này, đòi hỏi phải có thời gian dài. Hằng triệu hộ gia đình miền núi đang ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn trong cuộc sống. Theo các tiêu chí phát triển như thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ, trình độ học vấn, an toàn lương thực... thì người dân miền núi ở vào hoàn cảnh thua kém hơn nhiều so với đồng bào ở vùng đồng bằng. Khoảng cách mức sống giữa miền núi và miền xuôi đang ngày càng tăng. Đây cũng là một thách thức phổ biến đối với quá trình phát triển ở nhiều nước trên thế giới.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực thi nhiều biện pháp quan trọng nhằm nâng cao đời sống của đồng bào thuộc khu vực miền núi và dân tộc thiểu số, giảm bớt áp lực đến môi trường và tài nguyên. Nhiều văn bản pháp luật (chỉ thị, nghị định...) đã được ban hành với mục đích tạo điều kiện phát triển miền núi, nâng cao cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số đang sinh sống tại đây.

Nhiệm vụ bảo vệ môi trường tài nguyên cho khu vực miền núi vùng dân tộc nước ta hiện nay đang đặt ra bức thiết đòi hỏi phải có những chính sách cụ thể, trực tiếp :

Một là : Xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, coi trọng việc quy hoạch môi trường, cảnh quan sinh thái theo quan điểm phát triển bền vững.

Bảo vệ môi trường phải gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với khu vực dân tộc miền núi, đây là nguyên tắc hết sức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững. Các vấn đề môi trường khu vực miền núi có sự gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời là hệ quả, phản ánh rõ nét các điều kiện kinh tế - xã hội ở đây. Vì vậy, khi xây dựng các quy hoạch phát triển khu vực miền núi, chúng ta cần đặc biệt coi trọng phần quy hoạch môi trường, coi đây là giải pháp cơ bản, lâu dài để giải quyết tốt các vấn đề đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

Hai là : Hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện các biện pháp chống xói mòn.

Xói mòn là một trong những nguyên nhân cơ bản gây ra hiện tượng thoái hóa, giảm độ dinh dưỡng đất và năng suất cây trồng. Xói mòn thường xuyên xảy ra ở khu vực đồng bào các dân tộc thiểu số canh tác, gây ra những thiệt hại không nhỏ về lợi ích kinh tế, làm suy thoái môi trường. Để ngăn xói mòn, Chính phủ đã thực hiện nhiều chương trình tuyên truyền, hướng dẫn về kỹ thuật thâm canh, xen canh, tăng vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt ở khu vực sườn đồi, nơi có các tộc người sinh sống. Việc thực hiện các chương trình này đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhiều khu vực đã giảm thiểu một cách đáng kể hiện tượng xói mòn, năng suất cây trồng tăng cao. Đây là một biện pháp được cộng đồng quốc tế khuyến nghị áp dụng để phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Chính phủ ta cũng đã đầu tư đáng kể về vật chất, kỹ thuật cho người dân thực hiện các biện pháp chống xói mòn.

Ba là : Khuyến khích đồng bào các dân tộc tham gia bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên.

Digitized by Google

Đây là một trong những chính sách khuyến khích cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường đang được triển khai rộng rãi trên phạm vi cả nước đối với khu vực miền núi và dân tộc thiểu số. Chính sách này tập trung vào việc giúp cho mọi người dân trong cộng đồng hiểu biết ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường sinh thái khu vực miền núi trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục đích chính của chính sách là nhằm lôi cuốn cộng đồng vào việc quản lý và bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Khu vực miền núi là nơi có địa hình hiểm trở, hệ thống giao thông yếu kém. Điều này gây ra nhiều khó khăn, hạn chế cho việc chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên của các nhà chức trách địa phương. Ở khu vực này, lực lượng hùng hậu và có hiệu quả nhất tham gia bảo vệ môi trường chính là các cộng đồng người các dân tộc thiểu số đang sinh sống. Vấn đề cốt lõi là phải có các chính sách khuyến khích cụ thể để lôi cuốn người dân tham gia một cách tự nguyện. Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc, coi đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản trong sự nghiệp phát triển bền vững khu vực các dân tộc thiểu số miền núi. Bên cạnh đó, có thể kể đến chính sách giao đất, giao rừng cho từng hộ dân, để họ không chỉ có trách nhiệm gieo trồng mà còn phải bảo vệ tài nguyên rừng. Chương trình trồng mới 5 triệu héc-ta rừng, chính sách phát triển rừng thông qua Chương trình 327... nhằm giúp các gia đình làm nông - lâm kết hợp, cải thiện đời sống bằng sản phẩm nông nghiệp và tạo ra rừng phòng hộ cải thiện môi trường nơi đất trống, đồi trọc.

Bốn là : Khoanh định các khu bảo tồn để gìn giữ các giống loài quý hiếm, vật chất di truyền hoang dã.

Để bảo vệ có hiệu quả tính đa dạng sinh học, các giống loài quý hiếm và các vật chất di truyền hoang dã, Nhà nước đã thực hiện việc khoanh định các khu bảo tồn và thực thi một số biện pháp quản lý đặc biệt trong các khu bảo tồn. Đây là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái đối với khu vực dân tộc miền núi, nơi sinh sống của nhiều giống loài quý hiếm, các vật chất di truyền hoang dã.

Khoanh định các khu bảo tồn đòi hỏi phải vừa đảm bảo việc khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên rừng, vừa đảm bảo được mục tiêu bảo vệ, bảo tồn các giống loài quý hiếm. Việc khoanh định tràn lan các khu bảo tồn sẽ dẫn tới lãng phí tài nguyên và hao phí ngân sách Nhà nước đầu tư cho công tác quản lý. Thực tiễn cho thấy, khoanh định các khu bảo tồn phải dựa trên những nghiên cứu, đánh giá một cách tổng thể và có hệ thống đối với các giá trị về đa dạng sinh học, về kinh tế và chức năng của các hệ sinh thái.

Ban hành hệ thống chính sách về quản lý và bảo vệ các khu bảo tồn cũng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý. Tuy nhiên, hệ thống chính sách về quản lý các khu bảo tồn ở Việt Nam hiện nay chưa được hoàn thiện. Vẫn còn có một số lĩnh vực mà cơ sở khung luật pháp chưa rõ ràng hoặc chưa nhất quán. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý còn bị chồng chéo hoặc chưa được quy định. Điều này cần được nhanh chóng khắc phục và hoàn thiện trong thời gian tới.

Năm là : Giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số về hệ sinh thái miền núi trong phát triển bền vững.

Do tính chất đặc thù của khu vực dân tộc miền núi, công tác bảo vệ môi trường còn gặp phải một số khó khăn, trở ngại lớn. Đó là sự yếu kém về nhận thức và hiểu biết của người dân trong các vấn đề môi trường, tài nguyên và phát triển bền vững. Do vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xã hội hóa về môi trường và tài nguyên nhằm nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của đồng bào các dân tộc thiểu số đối với các vấn đề này. Các khóa tập huấn về chuyên môn và nghiệp vụ phải được tiến hành thường xuyên đối với cán bộ quản lý môi trường, coi đây là nội dung ưu tiên thực hiện trong công tác giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về phát triển bền vững.

Digitized by Google

Thành lập các trung tâm thông tin phổ biến kiến thức sinh thái miền núi. Tại đây, người dân sẽ được tiếp cận với các vấn đề về hệ sinh thái miền núi như : ý nghĩa, vai trò và sự tác động của nó tới đời sống nhân dân, được hướng dẫn kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học, bảo đảm sự cân bằng sinh thái khu vực dân tộc miền núi. Các trung tâm nên đặt tại những địa điểm thuận lợi để người dân có điều kiện thuận lợi học hỏi và trao đổi kinh nghiệm.

Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách nêu trên là vấn đề rất quan trọng, cấp thiết, lâu dài nhằm bảo vệ môi trường và tài nguyên rừng giàu có ở khu vực miền núi nước ta hiện nay. Tuy nhiên, trong thời gian tới, để bảo vệ và phát triển khu vực dân tộc miền núi theo hướng bền vững, chúng ta cần tập trung vào một số nhiệm vụ cơ bản sau :

1. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và phổ biến thông tin về phát triển bền vững ở khu vực dân tộc miền núi, chú trọng truyền thông bằng tiếng dân tộc. Đây là việc làm đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi của người dân miền núi trong bảo vệ tài nguyên môi trường.

2. Sớm xây dựng và triển khai một hệ thống mới về quản lý khai thác và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khu vực dân tộc miền núi không thể phát triển một cách bền vững bằng những chương trình chỉ hoàn toàn dựa vào chuyển giao công nghệ mà cần phải giúp người dân thích nghi được với những biến đổi môi trường nhanh chóng và phức tạp. Xây dựng một chiến lược quốc gia về quản lý tài nguyên, trong đó cần chú trọng đến sự đa dạng, đặc thù về sinh thái và văn hóa của khu vực miền núi.

3. Đa dạng hóa các loại hình kinh tế trong tiến trình phát triển bền vững khu vực dân tộc miền núi. Có các hình thức hỗ trợ tài chính để khuyến khích người dân tham gia vào chăn nuôi, trồng trọt, triển khai các mô hình kinh tế sinh thái nhân văn, du lịch sinh thái, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tạo lập thị trường...

4. Phát triển nguồn nhân lực khu vực miền núi. Thành công trong phát triển kinh tế, văn hóa miền núi chủ yếu là dựa vào nguồn nhân lực tại chỗ. Hiện nay, nguồn nhân lực này lại đang thiếu nhiều so với yêu cầu. Mặc dù đã có sự đầu tư đáng kể của Nhà nước và sự cố gắng rất lớn của ngành giáo dục, song nguồn nhân lực vẫn không đáp ứng được yêu cầu cho phát triển của khu vực miền núi. Hệ thống giáo dục còn thiếu cả về số lượng và chất lượng giáo viên, phương pháp giảng dạy. Cần có chính sách, chế độ khuyến khích, ưu đãi thỏa đáng để huy động lực lượng giáo viên bổ sung cho các vùng cao, vùng xa ; tăng cường đầu tư các trường dân tộc nội trú, cải tiến phương pháp, trang thiết bị giảng dạy ; xây dựng chương trình đào tạo hợp lý, chú trọng đào tạo nghề có định hướng, nhất là cán bộ làm công tác quản lý.

5. Trong cộng đồng các dân tộc thiểu số còn tồn tại tập quán làm ảnh hưởng và biến đổi môi trường như : đốt lò sưởi trong nhà suốt mùa đông gây ra tình trạng khai thác tài nguyên rừng để lấy gỗ làm củi, săn thú rừng để lấy da, sừng, ngà làm đồ trang sức... Việc nghiên cứu phong tục, tập quán làm cơ sở đề ra các biện pháp, chính sách phù hợp để cải thiện môi trường ở khu vực miền núi là hết sức cần thiết. Những năm qua, Nhà nước đã đầu tư nghiên cứu, thí điểm thành công một số loại hình làng sinh thái. Các mô hình này cần được tiếp tục hoàn thiện và nhân rộng trên những vùng sinh thái kém bền vững.

6. Bổ sung nội dung bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, nếp sống văn minh, phong trào buôn, bản xanh - sạch - đẹp vào các lễ hội truyền thống. Mặt trận tổ quốc Việt Nam cần định kỳ tổ chức hội nghị bàn tròn các già làng, trưởng bản để bàn việc thực thi nhiệm vụ phát triển buôn, bản ngày càng giàu đẹp, văn minh. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái, ổn định và cải thiện cuộc sống của đồng bào, bảo đảm quốc phòng an ninh, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở khu vực miền núi nước ta. ❑

Digitized by Google

GIA ĐÌNH với nâng cao chất lượng dân số

NINH VIẾT GIAO*

GIA phong là sản phẩm văn hóa đạo đức, thuộc phạm vi gia đình, gia tộc, nhưng xét đến cùng lại chính là sản phẩm văn hóa đạo đức của dân tộc, có tác động trực tiếp đến chất lượng dân số ở nhiều khía cạnh. Do đó, nói đến gia phong là nói đến gia đình, văn hóa gia đình và gia đình văn hóa, những mặt quan trọng của chất lượng sống của con người. Vì thế chúng ta đã quan tâm đến việc xây dựng, bồi đắp cho cái tế bào cơ bản ấy trong cộng đồng dân tộc như thế nào.

Xã hội Việt Nam với nền văn minh lúa nước từ lâu rồi và đã sống định cư và lấy gia đình làm đơn vị gốc. Gia đình có thể có quy mô 2 người (một thế hệ) ; 3, 4 người (hai thế hệ) ; 5, 6, 7, 8 người (ba thế hệ) ; trên chục người (bốn thế hệ) ; cá biệt có gia đình 5 thế hệ. Gia đình là một khái niệm được sử dụng để chỉ một nhóm xã hội hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống nảy sinh từ mối quan hệ hôn nhân đó (cha mẹ, con cái, ông bà, họ hàng nội ngoại). Có thể nói gia đình như một xã hội vi mô, là tổ chức tế bào của xã hội, là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của xã hội Việt Nam, thông qua việc thực hiện bốn chức năng cơ bản.

- Chức năng truyền chủng : Tái sinh sản ra con người, nhằm đổi mới và chuyển tiếp các thế hệ.

- Chức năng kinh tế : Đơn vị sản xuất và tái sản xuất ra các nhu cầu vật chất cho các thành viên trong gia đình, cho xã hội và cũng là đơn vị tiêu dùng.

- Chức năng thỏa mãn các nhu cầu tình cảm : Bảo đảm sự hòa hợp, yêu thương, lo lắng, quan tâm đến nhau giữa các thành viên trong gia đình.

- Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục và rèn luyện của mỗi thành viên.

Mặc dù lịch sử đất nước đã trải qua nhiều biến thiên to lớn, nhưng cho đến nay, ở Việt Nam, gia đình vẫn là một thiết chế tồn tại bền vững. Gia đình vẫn gắn chặt với làng, bản, khối phố và với nước, dù chúng ta đang đi trên con đường đổi mới và tiếp cận với văn hóa Âu Tây. Được như vậy là vì chúng ta có một nền văn hóa gia đình.

Văn hóa gia đình được hình thành qua việc thực hiện các chức năng cơ bản đã nêu trên. Chính từ việc thực hiện các chức năng đó mà nảy sinh quan hệ gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi, lao động và học tập, tình yêu thương và lòng biết ơn, ngôn ngữ và thái độ ứng xử hằng ngày...

Có ảnh hưởng của Nho giáo, song văn hóa gia đình của nhân dân ta vẫn lấy cái đạo lý truyền thống của dân tộc làm cơ bản. Đó là bốn chữ *hiếu, hòa, nhẫn và tình. Hiếu* là thương yêu cha mẹ, kính trọng ông bà, thờ phụng tổ tiên. *Hòa* là vợ chồng, anh em ăn ở

* PGS, Tổng thư ký Hội Văn nghệ Dân gian Nghệ An

Digitized by Google

với nhau hòa thuận. Để bảo đảm chắc chắn được điều đó, phải có chữ *nhẫn*. *Nhẫn* là nhường nhịn lẫn nhau. Có *nhẫn* thì mới nén được những tính toán cá nhân, mới đem về cho gia đình sự hòa thuận và thanh thản, niềm vui và hạnh phúc. Có *nhẫn* mới tự giác rèn luyện mình, mới ra sức lao động và học tập để xây dựng gia đình phát triển, hưng thịnh.

Gia đình tức là *nhà* của chúng ta, nó gắn liền với *nước*. *Nhà* tiếp thu di sản văn hóa của *nước*, bảo vệ *nước*. Nhưng *nhà* cũng sản sinh văn hóa, đóng góp thêm, làm phong phú thêm cho nền văn hóa của cả dân tộc, đất nước. Người Việt Nam đi từ *nhà* đến *nước*. Hai tiếng *nhà nước* quyện lấy nhau trong một nếp sống văn hóa chung, trong một bản sắc văn hóa Việt Nam. Đó là nội hàm của khái niệm văn hóa gia đình.

Văn hóa gia đình là cái gì lớn lao, tốt đẹp trường tồn nhưng lại được thể hiện qua hành động, lời nói, cách ứng xử hằng ngày của các thành viên trong gia đình đối với việc làm bình thường, nhỏ mọn về các sinh hoạt gia đình trong đời sống xã hội hằng ngày. Có hiểu văn hóa gia đình mới xây dựng được một gia đình có văn hóa. Gia đình có văn hóa thể hiện cụ thể sinh động những điều nằm trong nội hàm khái niệm văn hóa gia đình.

Cuộc sống của gia đình dù là gia đình văn hóa không thể và không bao giờ chỉ là những ngày hội. Nó chưa đựng nhiều lo lắng, phiền muộn, ưu tư hơn là niềm vui đơn thuần. Chúng ta thấy nhiều gia đình, con cháu đông đúc, sống quây quần với nhau mà thường cãi nhau, ăn nói tục tằn với nhau, không biết nhường nhịn nhau... không có nền nếp, không có lễ nghĩa thì gia đình ấy, sớm muộn gì cũng phải ly tán. Á Đông chúng ta trước kia cho con người có 3 điều bất hạnh : thiếu niên đăng khoa, trung niên táng thê, vãn niên táng tử. Phương Tây lại cho 3 điều bất hạnh đó là : cái chết, tuổi già và những đứa con hư. Tuổi già không thể đảo ngược, cái chết không thể tránh khỏi, nhưng phải tránh việc con cái hư hỏng như tránh lửa. Cho nên điều cơ bản là phải giáo dục con cái, giáo dục từ khi còn nhỏ, giáo dục từ thế hệ này qua thế hệ khác để nó thành nền nếp, rồi em sẽ noi gương anh chị, con cháu sẽ noi gương ông bà. Nền nếp là điều cơ bản của tổ chức gia đình và cả dòng họ. Có nền chắc thì ngôi nhà sẽ vững vàng trước gió bão, mưa lụt. Gia đình có nền chắc là có lối sống hợp đạo lý, là những phép tắc, lối sống hợp với các ứng xử văn hóa đã lắng đọng định hình, đã ăn sâu bắt rễ từ đời ông cha. Nếp là những lớp thang, những bậc cấp của một cái thang cứ trèo mỗi bước một cao, một trông rộng ; là những cách sống chuyển tiếp của những người trong một gia đình, một gia tộc nhưng vẫn từ nền, vẫn bám nền, giữ vững nền. Một gia đình hay gia tộc có nền nếp thường cung cấp cho xã hội và nước nhà những công dân tốt, đắc lực và đầy tài năng. Gia đình nào có nền nếp như vậy, nhân dân ta thường gọi là gia phong.

Gia phong là thói nhà, là sự khẳng định của những suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của một cộng đồng gia đình (gia tộc) về văn hóa gia đình, đã kéo dài qua nhiều thế hệ, được mọi người trong gia đình công nhận, tuân theo, thực hiện một cách tự giác gần như tập quán để đảm bảo sự tồn tại và sự phát triển của cộng đồng gia đình (gia tộc) ấy. Mục đích của gia phong là giữ vững, tái tạo cho thế hệ mới nằm trong thành viên của gia đình, phương thức hoạt động trong cuộc sống những hình thức tư duy và ứng xử, cảm xúc và hành động trong bất kỳ trường hợp nào, những điều thuộc về nền nếp của gia đình, về gia đạo, gia pháp mà nó đã hình thành, đã lắng đọng trong một thời gian lịch sử nhất định.

Bởi thế gia phong không phải là một cái gì khép kín, bất biến mà luôn luôn được bổ sung

Digitized by Google

và thanh lọc. Tinh hoa sẽ còn lại, phù phiếm sẽ mất đi. Gia phong của nhiều gia đình ở nước ta luôn được bồi đắp thêm những tinh hoa để làm cho văn hóa gia đình thêm tốt đẹp. Muốn thêm tinh hoa thì phải cọ sát, tiếp cận văn hóa các vùng khác, miền khác, dân tộc khác. Đời sống bao giờ cũng có sự kế thừa. Gia phong cũng có sự kế thừa. Gia phong là sắc thái văn hóa của mỗi gia đình, gia tộc. Cũng như các hiện tượng xã hội khác, gia phong ngoài mặt tích cực cũng có mặt bảo thủ. Tính bảo thủ thể hiện ở tính gia trưởng, tính trọng nam khinh nữ, đa thê...

Rõ ràng gia phong là một vấn đề thiết yếu, một điều kiện quan trọng hàng đầu để bảo đảm cho một gia đình (gia tộc) có nền nếp, có văn hóa. Muốn có gia phong phải có ***gia giáo*** (tức là một nền giáo dục theo truyền thống tốt đẹp của gia đình và bảo đảm gia đạo) ; ***gia lễ*** (tức là những nghi lễ truyền thống hay tập tục riêng và những cung cách ăn nói, ứng xử đã được người trên trong gia tộc ấn định từ trước và các thế hệ sau tôn trọng) ; ***gia huấn*** (để tuyên truyền dạy cho con cháu những điều hay lẽ phải thích hợp với gia đình mình và đạo lý chung của xã hội) ; ***gia phả*** (để biết công đức của tổ tiên, quá trình tạo dựng dòng họ của tổ tiên và chi nọ chi kia).

Nhưng điều quan trọng hơn là ông, bà, cha, mẹ phải sống mẫu mực, phải luôn luôn làm gương cho con cháu và luôn luôn nhắc nhở con cháu, khuyên răn con cháu sống theo gia giáo, gia đạo, gia lễ và gia huấn.

Đất nước đổi mới, dân giàu nước mạnh là niềm hạnh phúc chung cho toàn dân. Nhưng trong cơ chế thị trường, nhiều người chuyển hóa theo trào lưu và sự đòi hỏi thúc bách của vật dụng mà bỏ rơi những vẻ đẹp về tinh thần, trong đó có đạo lý đối với người thân trong gia đình.

Đã có nhiều cuốn sách, bài báo nói về tình trạng gia đình hiện tại. Các nhà xã hội học cho rằng gia đình bị rạn nứt nguyên nhân chủ yếu là do các ông bố, bà mẹ giờ đây mặc dù còn rất yêu con cái, nhưng không muốn từ bỏ cuộc sống riêng của bản thân họ. Một số lấy lý do quá bận rộn vào các công việc kiếm sống, không giành cho con cái nhiều sức lực và thời gian như xưa nên sự gắn bó trong gia đình trở nên lỏng lẻo. Một số khác lại không biết giáo dục con cái như thế nào cho đúng, họ chỉ biết chiều con, gửi con đến trường học, sắm sửa cho con, ... Vì có sự cách biệt về lối sống, về suy nghĩ đối với cuộc sống, về yêu cầu trong cuộc sống giữa hai thế hệ cha và con, mà nhiều gia đình có tình trạng như vậy.

Con cái, nhất là con cái ở thành thị thường yêu vội, sống vội, tự lo cho bản thân mình bằng sự thụ hưởng đam mê. Có những gia đình cha mẹ nói gì, con cái cho là "ông bô", "bà bô", "cổ hủ", "lạc hậu"... Nhiều gia đình trẻ đang bắt chước cuộc sống Âu - Mỹ, theo thời trang, theo cả cung cách đối xử hằng ngày, tưởng rằng mình theo trào lưu tiến bộ, thật sự, đó là một sự lầm lạc có chiều hướng tụt hậu.

Ấy là chưa kể bao hiện tượng đau lòng về con cái đối xử với cha mẹ, anh em đối xử với nhau, thậm chí đưa nhau ra tòa án vì một căn nhà, một mảnh đất hay vì sự phụng dưỡng.

Đó là những dấu hiệu sa lầy khiến nhiều gia đình có cuộc sống chao đảo. Sự ly tán có nguy cơ diễn ra, người già sống cô đơn, tỷ lệ ly hôn khá cao. Những đứa con ngoài giá thú ngày một nhiều. Quan hệ tình dục trước hôn nhân đang trở thành phổ biến, ...

Nhìn thấy hiểm họa sụp đổ của gia đình, cách đây gần 10 năm. Liên hợp quốc đã kêu gọi các nước lấy năm 1994 là năm "Quốc tế gia đình" để cho các Chính phủ quan tâm đến gia đình, có nhiều chính sách củng cố lại đời sống gia đình về cả hai mặt tinh thần và

(Xem tiếp trang 55)

Digitized by Google

Chọn phương án

XUÂN HOÀNH

NHÂN chuyến công tác tại một tỉnh miền núi, tôi nghe câu chuyện của một cán bộ địa phương kể về thủ trưởng P., lãnh đạo đứng đầu hàng tỉnh. Khi bàn về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, ông có quyết định gây bất ngờ lớn đối với giới khoa học - kỹ thuật và chuyên gia các ngành. Trong phương án xây dựng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có hai quan điểm còn khác nhau :

Một là, tập trung nguồn lực xây dựng vùng kinh tế động lực bao gồm thị xã và khu lân cận thành khu kinh tế phát triển mạnh, từ đó làm "đầu tàu" lôi kéo các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để từng bước đi lên.

Hai là, vẫn theo cách làm ăn cũ, phân bổ ngân sách, chia đều cho các huyện theo hình thức rải mành mành, nghĩa là cùng sướng, cùng khổ để dắt nhau đi lên.

Trước hai quan điểm trên, người lãnh đạo hàng đầu tỉnh nọ đã quyết định phương án II. Theo phương án này là "dĩ hòa vi quý", bầu cử hội đồng nhân dân tỉnh khóa tới ghế của ông sẽ vẫn còn, bởi lẽ có nhiều phiếu ủng hộ. Ông thừa biết rằng, xét về góc độ kinh tế thì phương án I sẽ tạo động lực cho tỉnh phát triển đi lên. Các quan chức trong tỉnh đưa mắt nhìn nhau không ai dám nói, vì bao nhiêu tiền của bỏ ra điều tra, khảo sát, mời các chuyên gia các ngành đến để nghiên cứu nay chỉ làm tài liệu tham khảo. Cứ cách làm ăn kiểu "bóc ngắn cắn dài" thì tỉnh miền núi này còn lâu mới mở mày mở mặt.

Anh là Nhà báo tôi cũng nói thật, cán bộ các ngành của tỉnh đi họp tổng kết toàn ngành ở Thủ đô Hà Nội lần nào cũng lên phát biểu, kinh nghiệm, điển hình mới thì chẳng có, chỉ thấy khó khăn đòi xin thêm ngân sách hỗ trợ từ phía Nhà nước cho ngành để hoạt động. Ngay cả ông chủ tịch tỉnh cũng vậy, đi họp về phân bổ ngân sách cho tỉnh lần nào cũng đòi hỏi năm sau nhiều hơn năm trước. Nghe ông phát biểu mấy đại biểu tỉnh bạn ngồi cạnh nói với nhau : "Tỉnh ông được cấp ngân sách 80% rồi còn xin thêm, hơi "*bị*" tham đấy". Nghĩ mà thương thay cho cái tỉnh nghèo, như kiến bò cành cụt, hết vào lại ra.

Tôi hỏi anh : "Thế các quan chức trong tỉnh chịu bó tay trước một thực tế trên ?". Anh thấy đấy, cơ chế thủ trưởng hiện hành có quyền quyết định hết tất cả. Các quan chức muốn yên vị, không sứt mẻ thì ngậm miệng ăn tiền. Họ thực hiện phương châm "im lặng là vàng". Những người có hiểu biết chỉ đưa mắt nhìn nhau và dừng lại trên suy nghĩ. Còn những người có dũng khí dám nói thẳng, nói thật là những người đến tuổi hưu ; đương nhiên, số này không nhiều. Ai cũng lo xa, vì miếng cơm manh áo của mình.

Tôi đem chuyện này trao đổi với đồng chí cán bộ tổ chức ở Trung ương về sự việc trên. Đồng chí ấy buồn rầu nói : "Điều này là có thật trong đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay". Đảng ta đang khắc phục những tiêu cực đó bằng cách đưa ra Quy định về những điều đảng viên không được làm (gồm 19 điều) nhằm giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu và năng lực

Digitized by Google

lãnh đạo của tổ chức Đảng. Mặt khác, cần giáo dục cán bộ đảng viên thông qua các đợt học Nghị quyết của Trung ương, tự phê bình, phê bình, liên hệ với cơ sở, địa phương một cách sâu sắc nhằm tạo bước chuyển biến về chất của mỗi cán bộ, đảng viên trên cương vị công tác của mình. Điều đáng buồn là không ít cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ta khi đề bạt cất nhắc cán bộ còn theo cảm tính, chưa xuất phát từ thực tế công việc nên sử dụng người còn theo kiểu "đức tài không bằng êm tai thủ trưởng". Phát biểu quan điểm của mình trước công chúng là vì dân, vì nước, còn thực chất việc làm lại toan tính có lợi cho bản thân mình. Thực tế việc đồng chí P. lãnh đạo đứng đầu hàng tỉnh chọn phương án II là điều dễ hiểu, vì vừa giữ được ghế, vừa không mất lòng của quần chúng ở các huyện. Dẫu rằng ông đã biết chọn phương án này không thể đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh lên được.

Cho nên, thực hiện bổ nhiệm cán bộ từ nơi khác về tỉnh, huyện là giải pháp cần thiết. Nó khắc phục được cán bộ lãnh đạo giữ chức vụ lâu ở một địa phương, ngành, lĩnh vực tuy có phiếu tín nhiệm cao, nhưng thực tế về năng lực, quản lý, điều hành hiệu quả lại thấp. Có lẽ cách luân chuyển cán bộ sẽ tạo ra bước đột phá mới từng bước đẩy lùi những kẻ cơ hội, xu nịnh và những cán bộ "đi nhẹ, nói khẽ, cười duyên" làm cho công cuộc đổi mới nói chung và công tác cán bộ nói riêng đem lại hiệu quả như mong muốn. Về lâu dài, cần chú trọng đào tạo và đề bạt những cán bộ trẻ một cách có hệ thống từ dưới lên trên theo tiêu chuẩn, quy trình khoa học.

Nghe đồng chí cán bộ tổ chức ở Trung ương phân tích tôi thấy hoàn toàn có lý. Đúng là "cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Sao công tác cán bộ lâu nay thực hiện "luân chuyển" còn chậm thế nhỉ ? ❑

GIA ĐÌNH...

(Tiếp theo trang 53)

vật chất. Ở nước ta, Chính phủ đã lấy ngày 26-8 hằng năm là Ngày văn hóa gia đình.

Nhưng hiện nay, điều đáng quan tâm là gia đình đang đứng trước tình trạng như vừa nói trên. Đã thế các tệ nạn xã hội như : ma túy, mại dâm, cờ bạc, trẻ em hư hỏng làm trái pháp luật, buôn bán phụ nữ và trẻ em, hiểm họa nhiễm HIV/AIDS, ... đang tấn công vào các gia đình - nền tảng của xã hội. Mặt khác, chúng ta đang ra sức đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu thành một nước giàu mạnh, văn minh. Nhưng công nghiệp hóa - hiện đại hóa không chỉ đơn giản là sự tăng trưởng của kinh tế và sự thay đổi của công nghệ mà nó còn là một thách thức về xã hội, văn hóa, đạo đức, tình cảm, tâm lý, ... Tất cả những cái đó đều nằm trong gia đình. Cho nên phải củng cố và xây dựng gia đình lành mạnh, có văn hóa. Thế chưa đủ mà phải làm sao cho các gia đình có gia phong. Chỉ khi nào gia đình có gia phong thì mới phát triển bền vững, mới thực sự ngăn chặn được, khắc phục được các tệ nạn xã hội đã nói trên. Gia phong tạo bản lĩnh cho gia đình, cho các thành viên trong các gia đình để ứng xử ở mọi mặt, mọi nơi, mọi biến chuyển trong cuộc sống. Gia phong là lá chắn ngăn chặn mọi tiêu cực của xã hội xâm nhập vào gia đình, tiếp nhận tinh hoa mà cũng là cái biển tôn vinh một gia đình có truyền thống văn hóa. Bác Hồ nói : "Gia đình có tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì tạo điều kiện cho việc xây dựng gia đình tốt". Muốn xây dựng gia đình tốt thì gia đình phải có gia đạo, gia giáo, gia huấn và cao hơn hết là gia phong. ❑

Digitized by Google

SỰ LỘNG HÀNH CỦA TRIẾT LÝ BẠO LỰC

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

BẤT chấp làn sóng phản đối rộng rãi của nhân dân thế giới và những nỗ lực quốc tế nhằm ngăn chặn chiến tranh, tìm kiếm biện pháp hòa bình cho vấn đề giải giáp vũ khí của I-rắc, sáng ngày 20-3-2003, nhà cầm quyền Mỹ, Anh bằng cuộc tấn công quân sự phủ đầu tàn khốc đã chính thức phát động chiến tranh chống nhân dân I-rắc. Tính chất nguy hiểm của cuộc chiến tranh phi nghĩa này không chỉ là hành động xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia độc lập mà còn vi phạm thô bạo các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, nhất là Hiến chương Liên hợp quốc, tạo tiền lệ cực kỳ nguy hiểm trong quan hệ quốc tế, gây bất ổn định nghiêm trọng tình hình Trung Cận Đông vốn đang diễn biến rất phức tạp, và phá hoại hòa bình thế giới.

Xét trên nhiều phương diện, cuộc chiến tranh chống I-rắc là bước leo thang nguy hiểm trong chính sách đối ngoại dựa trên chủ nghĩa đơn phương, tôn sùng triết lý bạo lực của nhà cầm quyền Mỹ hiện nay. Đồng thời, nó là một phần của chiến lược toàn diện đã được xác định từ trước nhằm giành giật lợi ích chính trị, kinh tế, quân sự và dung dưỡng tham vọng bá chủ toàn cầu của Mỹ.

Theo đuổi các mục tiêu trên, nhà cầm quyền Mỹ đã triệt để tận dụng lợi thế về so sánh thực lực, thi hành một chính sách đơn phương mang nặng tính "vị kỷ". Mỹ cố tình lảng tránh, thậm chí đã thẳng thừng chối bỏ hàng loạt các cam kết quốc tế như : Rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô về giảm thải khí gây "hiệu ứng nhà kính" ; trì hoãn không phê chuẩn Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) ; ngăn cản thực thi Công ước cấm vũ khí sinh học ; đơn phương rút khỏi Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo (ABM) ; tích cực xúc tiến kế hoạch xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD), v.v.. Chỉ từ sau "sự kiện ngày 11-9-2001", chính sách này mới được điều chỉnh đôi chút theo hướng chú ý hơn đến hành động hợp tác đa phương nhằm giành sự ủng hộ quốc tế trong nỗ lực tập hợp lực lượng để phát động cuộc chiến tranh nhân danh chống khủng bố ở Áp-ga-ni-xtan. Mặc dù vậy, tính thực dụng, thiên hướng sùng bái bạo lực và cường quyền vẫn bộc lộ rõ nét như một đặc trưng xuyên suốt trong chính sách của nhà cầm quyền đương nhiệm ở Mỹ đối với thế giới.

Trong thông điệp liên bang ngày 29-1-2002, nhà cầm quyền Mỹ, khi đề cập đến nguy cơ đe dọa nước Mỹ từ cái gọi là "trục ma quỷ" bao gồm I-ran, I-rắc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, đã công khai lập luận rằng cuộc chiến chống khủng bố không thể thắng bằng phòng ngự mà phải đưa chiến trường tới lãnh thổ đối phương để loại trừ mối đe dọa trước khi chúng xuất hiện. Lập luận này đặt nền móng cho nguyên tắc chỉ đạo cốt yếu nhất của chiến lược an ninh quốc gia mới của Mỹ được công bố ngày 20-9-2002. Theo đó, Mỹ tự giành lấy cho mình quyền đánh đòn phủ đầu không khoan nhượng,

* TS, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Digitized by Google

không chậm trễ ở mức độ tàn khốc nhất nếu có thể, kể cả việc sử dụng vũ khí hạt nhân, cho dù đối tượng hứng chịu đòn phủ đầu đó là các nhóm khủng bố, các quốc gia mà Mỹ buộc tội là "bảo trợ khủng bố", các quốc gia "độc tài", sản xuất và tàng trữ vũ khí giết người hàng loạt hay bất kỳ cường quốc nào, thế lực nào dám thách thức địa vị "lãnh đạo" thế giới của Mỹ. Chiến lược an ninh quốc gia mới được Quốc hội Mỹ thông qua cuối năm 2002 cũng là thời điểm nhà cầm quyền Mỹ tăng cường quyết tâm và đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh chống I-rắc.

Như vậy, với chiến lược an ninh quốc gia mới, chính quyền Mỹ đã vứt bỏ nguyên tắc phòng thủ thông thường nhằm chi phối các mối quan hệ quốc tế hơn nửa thế kỷ qua. Nó đẩy an ninh toàn cầu tới ranh giới nguy hiểm nhất và thực sự phủ một bóng đen u ám lên những nỗ lực quốc tế trong việc kiến tạo nền hòa bình thời kỳ sau "chiến tranh lạnh". Cuộc chiến chống I-rắc hiện nay đã biến nhân dân nước này trở thành người hứng chịu lần thử nghiệm đầu tiên cho chiến lược mới đó. Và đằng sau cái quyết tâm của nhà cầm quyền Mỹ giải giáp I-rắc, người ta vẫn dễ dàng nhận ra một cách rõ ràng sự lặp lại tính hư và tính thực trong mục tiêu của Mỹ, giống như khi họ phát động chiến tranh tiêu diệt tổ chức khủng bố An-kê-đa ở Áp-ga-ni-xtan. Cái hằng số chung trong cuộc chiến ở Áp-ga-ni-xtan hay ở I-rắc hiện thời vẫn chỉ là lợi ích kinh tế, quân sự - chiến lược, trong đó nhân tố dầu mỏ chiếm vị trí hàng đầu. Theo số liệu của Cơ quan Thông tin năng lượng Mỹ, hiện nay Mỹ phải nhập tới 51% lượng dầu thô, tức là 19,5 triệu thùng/ngày, và đến năm 2020 con số đó sẽ tăng lên 64%, tương đương với 28,5 triệu thùng/ngày. Nếu Trung Cận Đông là khu vực có nguồn tài nguyên dầu lửa khổng lồ với trữ lượng ước khoảng 90 tỉ tấn và hiện hằng năm cung cấp tới 35% lượng dầu tiêu thụ của thế giới và 35% của Mỹ, thì trữ lượng dầu mỏ của I-rắc được xác định là 112 tỉ thùng, đứng thứ hai thế giới sau Ả-rập Xê-út và khả năng có thể khai thác đến 220 tỉ thùng, tương đương 30 tỉ tấn. Điều này cho thấy rõ tầm quan trọng của I-rắc trên bản đồ địa - chiến lược Trung Cận Đông và thế giới.

Bởi vậy, việc khống chế nguồn dầu lửa của khu vực này là một mục tiêu chiến lược mang ý nghĩa sống còn đối với an ninh của Mỹ. Và xét trên một góc độ nhất định, thiếu nguồn dầu mỏ Trung Cận Đông thì "con tàu bá quyền" Mỹ không thể khởi động thuận lợi.

Phát động chiến tranh chống I-rắc với mục tiêu công khai là giải giáp nước này, song thực chất nhà cầm quyền Mỹ muốn "nhào nặn" lại diện mạo của cục diện chính trị Trung Cận Đông theo kịch bản Mỹ, tạo cơ hội để cùng một lúc thực hiện nhiều mục tiêu mà trước hết và chủ yếu là : Lật đổ chính thể của Tổng thống X. Hu-xê-in và dựng lên một chính phủ thân Mỹ ở I-rắc. Từ đó chiếm lĩnh nguồn dầu mỏ của nước này và khu vực để thỏa mãn mức tiêu thụ dầu mỏ ngày càng cao của Mỹ ; tăng chi tiêu và đơn đặt hàng cho các tổ hợp công nghiệp - quân sự do nhu cầu bổ sung, đổi mới trang thiết bị và vũ khí ; gây áp lực với Ả-rập Xê-út - nước sản xuất dầu lửa lớn nhất thế giới - mà kể từ sau "sự kiện ngày 11-9-2001" đang có những bất ổn trong quan hệ với Mỹ ; khống chế các nước khu vực, nhất là I-ran, Xy-ri trong quỹ đạo của Mỹ ; tạo lợi thế trong quan hệ với các nước lớn có lợi ích chiến lược tại khu vực Trung Cận Đông, v.v..

Để khởi sự chiến tranh chống I-rắc, chính quyền Mỹ liên tiếp tạo ra nguyên cớ nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế. Khi cuộc chiến ở Áp-ga-ni-xtan đang diễn ra, Mỹ buộc tội I-rắc đồng lõa với An-kê-đa và chứa chấp khủng bố. Tiếp đó, Mỹ khẳng định I-rắc tàng trữ và sản xuất vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học để đòi Liên hợp quốc tiến hành thanh sát. Thế nhưng, bất chấp thái độ hợp tác của I-rắc trong việc thực hiện Nghị quyết 1441 của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (trong Nghị quyết này chứa đựng nhiều nội dung do chính Mỹ dự thảo) và kết quả của Đoàn Thanh sát vũ khí cũng như thái độ của Pháp, Nga, Đức muốn giải giáp I-rắc hòa bình, chính quyền Mỹ đòi Hội đồng bảo an Liên hợp quốc thông qua nghị quyết thứ hai về I-rắc.

Digitized by Google

Biết không thể giành phần thắng khi thông qua nghị quyết thứ hai do phần lớn thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc không tán thành, Mỹ trì hoãn và cuối cùng hủy bỏ việc bỏ phiếu về nghị quyết này. Thay vào đó, ngày 17-3-2003, Tổng thống Mỹ ra tối hậu thư buộc Tổng thống X. Hu-xê-in trong vòng 48 giờ phải rời khỏi I-rắc, nếu không sẽ phải đối mặt với chiến tranh. Mặc dù, tối hậu thư còn thời hạn, nhưng ngày 18-3, nhà cầm quyền Mỹ tuyên bố sẽ tấn công I-rắc, dù Tổng thống X. Hu-xê-in chấp nhận sống lưu vong. Hành động trên của nhà cầm quyền Mỹ thể hiện thái độ ngạo mạn, phớt lờ Liên hợp quốc - tổ chức quốc tế lớn nhất - để đơn phương hành sự. Kết cục là, cuộc chiến tranh chống I-rắc do chính quyền Mỹ phát động đã nổ ra, đánh dấu sự gia tăng tới đỉnh cao của chính sách bá quyền Mỹ kể từ sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc. Đề cập tính chất nguy hiểm của sự kiện này, tạp chí *Tuần tin tức (Newsweek)*, số ra ngày 24-3-2003, với trang bìa có tựa đề : "Tại sao nước Mỹ khủng bố thế giới ?" cùng bài viết "Tên đế quốc phách lối" nhằm giải thích hiện tượng toàn cầu nổi lên chống lại nhà cầm quyền Mỹ sử dụng vũ lực giải giáp I-rắc.

Hành động gây ra cuộc chiến tranh phi nghĩa của nhà cầm quyền Mỹ, Anh chống I-rắc đã và đang vấp phải làn sóng phản đối ngày càng mạnh mẽ của đông đảo nhân dân thế giới. Về điều đó, như đánh giá của tạp chí trên, "chưa bao giờ họ (Mỹ) chiến đấu trong điều kiện bị cô lập đến như thế. Chưa bao giờ có nhiều đồng minh của Mỹ lại cương quyết phản đối Mỹ đến như thế. Chưa bao giờ Mỹ bị mất hết uy tín đến như thế !". Khi cuộc chiến vừa nổ ra, nhiều nguyên thủ quốc gia, trong đó có các nước lớn, đều lên tiếng phản đối gay gắt. Tổng thống Nga V. Pu-tin cho rằng, chiến dịch quân sự này là một thất bại nghiêm trọng về chính trị, là hành động không thể biện minh. Còn Tổng Pháp G. Si-rắc cảnh báo, cuộc chiến này dù kéo dài bao lâu, thì nó cũng sẽ để lại những hậu quả vô cùng nặng nề cho nhân loại.

Cuộc chiến tranh chống I-rắc với tính chất và quy mô của nó đã và đang tác động mạnh mẽ và nhiều chiều đến cục diện chính trị, kinh tế thế giới. Xung quanh cuộc chiến này, một châu Âu bị chia rẽ khá sâu sắc giữa hai phe chủ chiến và chủ hòa, quan hệ Mỹ - Liên minh châu Âu (EU) - như sự thừa nhận mới đây của Thủ tướng Hy Lạp - Chủ tịch EU - sẽ rơi vào trạng thái khủng hoảng, quan hệ giữa các nước lớn sẽ trở nên bất ổn, v.v.. Nhiều nhà phân tích quốc tế cho rằng, cũng như cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1991, lần này nước Mỹ bằng sức mạnh áp đảo có thể giành thắng lợi quân sự, nhưng tham vọng "kiến tạo lại Trung Cận Đông" theo kịch bản của Mỹ chỉ có tính khả thi thấp vì không được sự ủng hộ quốc tế, nhất là từ phía các nước lớn như Pháp, Nga, Đức - những nước có nhiều lợi ích ở khu vực này. Trong tương quan ở thời điểm hiện nay, các lực lượng ủng hộ hòa bình chưa đủ mạnh để có thể ngăn chặn chiến tranh, do đó cái triết lý bạo lực của kẻ mạnh trong sinh hoạt quốc tế đang có vẻ tạm thời thắng thế. Nhưng điều đó không có nghĩa là nhân loại tiến bộ và yêu chuộng hòa bình chấp nhận lùi bước trước bạo lực và cường quyền. Cũng bởi lẽ đó, song hành với cuộc chiến chống I-rắc vẫn tiếp diễn những cuộc đấu tranh không kém phần cam go, quyết liệt không chỉ giữa các đối thủ chủ chốt trên bàn cờ quyền lực quốc tế mà còn giữa các lực lượng yêu chuộng hòa bình với các thế lực hiếu chiến với tư cách là một dòng chủ lưu của đời sống quốc tế hiện nay.

Là một dân tộc đã từng phải ra khỏi nhiều cuộc chiến tranh, nhân dân Việt Nam thấu hiểu và chia sẻ với nhân dân I-rắc về nỗi khổ đau do chiến tranh gây ra.

Tư duy bạo lực và chính trị cường quyền đã trở nên lỗi thời xét về mặt lịch sử. Do đó, nó cần phải được loại bỏ nhanh chóng và vĩnh viễn trong đời sống nhân loại và quan hệ quốc tế hiện đại. ❑

Digitized by Google

Mỹ mưu đồ kiểm soát các nguồn dầu khí chủ yếu trên thế giới

VĂN QUANG

LOÀI người đã trải qua ba thời kỳ sử dụng năng lượng : đun củi, dùng than, dầu mỏ. Kể từ thập kỷ 60 thế kỷ XIX, do phát minh và sử dụng rộng rãi động cơ đốt trong, loài người bắt đầu khai thác và sử dụng dầu mỏ với quy mô ngày càng lớn. Từ thập kỷ 50 thế kỷ XX cho đến nay, dầu mỏ là nguồn năng lượng chủ yếu để phát triển kinh tế và phục vụ tiêu dùng. Không một lĩnh vực nào không có sự thâm nhập của dầu mỏ. Mặc dù thời gian gần đây, do sự giảm dần trữ lượng dầu mỏ, người ta đã ra sức tìm các nguồn năng lượng khác thay thế, như : năng lượng hạt nhân, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy triều...

Nhìn lại quá trình khai thác dầu mỏ cho thấy, nước Mỹ đã đi tiên phong trong lĩnh vực này. Trong 50 năm đầu thế kỷ XX, Mỹ sản xuất trên 60% lượng dầu thô trên thế giới, và là nước xuất khẩu dầu lớn nhất thế giới. Nhờ nguồn năng lượng dầu mỏ dồi dào, kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng. Đến thập kỷ 50 thế kỷ XX, khu vực Trung Đông phát hiện các mỏ dầu lớn. Do đó, vai trò quan trọng về dầu mỏ của Vịnh Péc-xích dần dần nổi lên. Trong khi sản lượng dầu của Mỹ giảm dần, thì nhu cầu tiêu dùng của thế giới lại tăng lên không ngừng. Từ năm 1948, Mỹ bắt đầu phải nhập dầu từ Trung Đông. Trung tâm xuất khẩu dầu chủ yếu trên thế giới, chuyển dần từ Vịnh Mê-hi-cô (bao gồm dầu của Mỹ và Mê-hi-cô) và A-la-xca sang Vịnh Péc-xích. Được sự ủng hộ và tiếp tay của chính phủ Mỹ, các công ty xuyên quốc gia của Mỹ nhanh chóng nắm quyền khống chế khai thác dầu ở các nước xung quanh vùng Vịnh Péc-xích ở Trung Đông.

Trong thời gian mấy chục năm sau đó, dầu mỏ ngày càng giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội các nước. Tại các nước kinh tế thị trường, năm 1960, lượng tiêu thụ dầu mỏ là 18,4 triệu thùng/ngày ; năm 1970 tăng lên tới 39,5 triệu thùng/ngày. Tỷ lệ dầu mỏ trong tổng số năng lượng tiêu thụ (dầu, than...) của các nước Tây Âu năm 1960 là 29%, của Nhật là 34%, năm 1970 lên tới 56% và 67%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước nói trên trong thời kỳ chuyển đổi từ than đá sang dầu mỏ (1950 - 1965) là 3,07% mỗi năm ; thời kỳ sử dụng dầu mỏ là chủ yếu, tốc độ đó lên tới 4,5% mỗi năm. Tình hình đó cho thấy hiệu quả kinh tế to lớn của dầu mỏ.

Giá trị chiến lược của dầu mỏ thể hiện nổi bật trong lĩnh vực quân sự. Trong Đại chiến thế giới thứ nhất, nước Anh có hạm đội hùng mạnh nhất, đó chủ yếu là nhờ lần đầu tiên sử dụng dầu ma-dút, khiến tàu chiến Anh có tốc độ nhanh nhất, cơ động nhất. Trong Đại chiến thế giới thứ hai, phát xít Đức dùng tàu ngầm

Digitized by Google

đánh phá liên tục vào các tàu chở dầu của Liên Xô ở Bắc Đại Tây Dương. Phát xít Nhật đưa quân xuống Đông Nam Á và chiếm đoạt công ty Đông Ấn, cũng đều nhằm chiếm đoạt vũ khí dầu mỏ. Một trong những nguyên nhân thất bại của Đức và Nhật là bị đồng minh cắt đứt nguồn cung cấp dầu.

Sau Đại chiến thế giới thứ hai, đi đôi với việc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và tiến trình công nghiệp hóa ở các nước, vai trò của dầu mỏ trong phát triển kinh tế lại càng nổi bật. Vì vậy, các cường quốc phương Tây đứng đầu là Mỹ, Anh triển khai một cuộc tranh giành dầu mỏ quyết liệt ở Trung Đông. Các công ty dầu của Mỹ ồ ạt kéo vào khai thác ở vùng này. Đến nửa cuối thập kỷ 50 thế kỷ XX, Mỹ và đồng minh kiểm soát toàn diện nguồn năng lượng dầu mỏ ở Trung Đông. A-rập Xê-út, nước có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới, trở thành kho dầu mỏ lớn nhất ở nước ngoài của Mỹ.

Nhiều cuộc xung đột và chiến tranh cục bộ xảy ra trong thời gian ấy giữa một số nước, chủ yếu là do tranh giành dầu mỏ. Gần đây nhất, vào tháng 8-1990, việc I-rắc bất ngờ đánh chiếm Cô-oét cũng nhằm mục đích chiếm độc quyền "mỏ dầu trong vùng mỏ dầu". Sau đó, vào tháng 1-1991, chiến dịch "Bão táp sa mạc" của 28 nước do Mỹ cầm đầu tấn công I-rắc, đều do bối cảnh trực tiếp là dầu mỏ. Hiện nay, Mỹ xâm lược I-rắc một lần nữa, đằng sau lý do chống khủng bố là lợi ích dầu mỏ.

Rõ ràng, dầu mỏ là một loại hàng hóa đặc thù, một tài nguyên chiến lược không thể tái sinh, nhưng phân bố không đều. Trên trường quốc tế, dầu mỏ và chính trị, dầu mỏ và ngoại giao, dầu mỏ và an ninh trở thành đề tài nan giải của thế kỷ mà các chính khách, các học giả và các chuyên gia luôn đau đầu. Do giá trị chiến lược đặc biệt của dầu mỏ, trong xã hội hiện đại, một quốc gia muốn phát triển, muốn có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao, muốn có sự ổn định xã hội và chính trị, muốn có an ninh kinh tế và quốc phòng, nhất thiết phải có nguồn cung cấp dầu mỏ tương đối đầy đủ và ổn định với giá cả hợp lý. Đó là một kết luận được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Đối với những nước phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nhiên liệu nước ngoài, tất nhiên không có sự lựa chọn nào khác là buộc phải cuốn theo những hoạt động quốc tế có liên quan đến dầu mỏ. Một mệnh đề đã được xác nhận : việc cung cấp năng lượng liên tục, với giá cả hợp lý và ổn định, là sự bảo đảm cơ bản cho an ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh quốc phòng. Đương nhiên, trong năng lượng nói chung, dầu mỏ là chủ yếu.

Dầu mỏ quan trọng như vậy, nhưng khu vực sản xuất dầu mỏ chủ yếu lại là khu vực của những nước đang phát triển. Họ có nguồn tài nguyên quý giá khổng lồ, nhưng bị các cường quốc phương Tây do Mỹ đứng đầu khống chế, khai thác, bóc lột, nhằm phục vụ lợi ích chiến lược của họ.

Trước tình hình đó, tháng 9-1960, "Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ" (Organisation of Petroleum Exporting Countries - OPEC) ra đời. Với tư cách là nước khởi xướng việc thành lập OPEC, I-rắc (lúc đó do tướng An Ka-sem đứng đầu) đã mời 4 nước sản xuất dầu mỏ lớn nhất thế giới là A-rập Xê-út, I-ran, Cô-oét, Vê-nê-xu-ê-la họp tại Bát-đa và tuyên bố thành lập OPEC. Sau đó, một số nước khác lần lượt gia nhập : Ca-ta, In-đô-nê-xi-a, Li-bi, Tiểu vương quốc A-rập thống nhất, An-giê-ri, Ni-giê-ri-a, Ga-bông và Goa-tê-ma-la... Trụ sở chính của OPEC đặt tại Giơ-ne-vơ, Thụy Sỹ. Mục tiêu được tuyên bố lúc thành lập của OPEC là phối hợp chính sách dầu mỏ của các nước thành

Digitized by Google

viên nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế dân tộc, bảo vệ thu nhập dầu mỏ quốc gia, chống lại sự khống chế và bóc lột của tư bản lũng đoạn dầu mỏ quốc tế. Kể từ khi thành lập, OPEC đã liên tục đấu tranh, khiến các công ty dầu mỏ phương Tây buộc phải nâng giá dầu và chấp nhận tăng thuế suất đánh vào dầu. Nhiều nước thành viên OPEC còn thực hiện quốc hữu hóa các mỏ dầu và tăng cổ phần nhà nước sở tại trong công ty dầu của phương Tây trên đất nước mình (1). Tháng 10-1973, để phản đối Mỹ và một số nước phương Tây ủng hộ I-xra-en phản công lại cuộc tấn công của các nước A-rập, giành lại cao nguyên Gô-lan, bán đảo Xi-nai..., các nước A-rập trong OPEC đã cấm vận dầu mỏ đối với Mỹ và Hà Lan. Cuộc cấm vận (bao gồm cấm vận, giảm sản lượng khai thác dầu, tăng giá dầu) đã tạo nên cuộc khủng hoảng dầu mỏ toàn cầu. Giá dầu thô từ 3 USD/thùng tăng lên đến 13 USD/thùng. Chính cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất này đã khiến Mỹ và các nước phương Tây phải điều chỉnh cơ cấu năng lượng và do đó, điều chỉnh cơ cấu kinh tế. Cuộc khủng hoảng dầu mỏ này cũng là nguyên nhân đưa đến việc Đại hội đồng Liên hợp quốc phải tổ chức "Hội nghị đặc biệt" để thảo luận vấn đề nguyên liệu và phát triển, trong đó, chủ yếu là vấn đề dầu mỏ. Vấn đề cải cách trật tự kinh tế chính trị quốc tế cũng được bắt đầu quan tâm và thảo luận từ đó.

Sau cuộc khủng hoảng dầu 1973, các nước tiêu thụ dầu mỏ lớn áp dụng nhiều đối sách quan trọng để cân bằng năng lượng. Tuy nhiên, khi cách mạng I-ran nổ ra năm 1979 và nhất là cuộc chiến tranh I-rắc - I-ran (2) bùng nổ năm 1980, đã gây ra nạn khan hiếm dầu thành phẩm, thế giới lại đối mặt với sự gian nan của cuộc khủng hoảng dầu mỏ lớn thứ hai. Lúc này, giá dầu lên tới 40 - 50 USD/thùng. Sau đó, các nước OPEC tăng sản lượng khai thác, đồng thời xóa bỏ cơ chế định giá dầu. Kèm theo đó, các nước phương Tây lại điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa thị trường cung cấp dầu, đa dạng hóa cơ cấu năng lượng, ra sức áp dụng các biện pháp tiết kiệm trong tiêu hao dầu mỏ, v.v... Với tất cả các giải pháp đó, lượng cung cấp dầu tăng dần và đến mức cung vượt quá cầu, giá dầu mỏ giảm xuống dưới 10 USD/thùng. Giá dầu thấp trong một thời gian khá dài đã khuyến khích việc sử dụng dầu và kích thích kinh tế tăng trưởng. Cuộc chiến tranh Vùng Vịnh đầu năm 1991 có gây căng thẳng trong việc cung cấp dầu và giá dầu tăng đột biến, nhưng chỉ diễn ra trong một thời gian tương đối ngắn.

Trong các biện pháp ứng phó trước cuộc khủng hoảng dầu lần thứ hai nói trên, có việc Hội nghị năng lượng quốc tế họp tại Oa-sinh-tơn tháng 2-1974. Tiếp đó, vào tháng 4-1975, theo quyết định của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), 17 nước nhập khẩu dầu quyết định thành lập Tổ chức năng lượng quốc tế (International Energy Agency - IEA) nhằm mục đích phối hợp chính sách năng lượng của các nước thành viên, cùng nhau xác định kế hoạch tiêu dùng dầu mỏ. Trong trường hợp khủng hoảng dầu mỏ, nước thành viên nào thiếu hụt 7% nhu cầu tiêu dùng dầu mỏ trở lên, sẽ được các nước thành viên khác điều hòa một lượng dầu thích hợp, lấy từ số dầu dự trữ của mỗi nước thành viên.

(1) Trong số các nước thực hiện quốc hữu hóa có I-rắc và I-ran. Tháng 6-1972, I-rắc quốc hữu hóa công ty dầu mỏ do tư bản Anh, Mỹ, Pháp khống chế. Tháng 5-1973, chính quyền cách mạng I-ran quốc hữu hóa công ty dầu mỏ do tư bản Mỹ, Anh nắm độc quyền

(2) Do mâu thuẫn về lãnh thổ, sắc tộc và tôn giáo, tháng 9-1980, I-rắc đưa quân xâm nhập sâu vào I-ran. Sau đó, I-ran tấn công I-rắc. Cuộc chiến kéo dài đến tháng 9-1988 thì đình chiến do có trung gian hòa giải của Liên hợp quốc. Hiện nay, quan hệ hai nước đã hoàn toàn bình thường

Digitized by Google

Đến nay, IEA có 26 nước thành viên, gồm Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật và tất cả các nước thành viên khác của OECD, trụ sở chính đặt tại Pa-ri. Trong kho dầu dự trữ của các nước IEA, Mỹ có kho dự trữ lớn nhất, lên tới 878 triệu thùng ; trong đó có 578 triệu thùng dự trữ chiến lược, 300 triệu thùng dự trữ thương mại. Tại thời gian khủng hoảng vùng Vịnh đầu năm 1991, Mỹ bán ra thị trường 33,75 triệu thùng lấy từ dự trữ thương mại, nhờ vậy, giữ giá dầu ổn định trong nước. Cũng trong thời gian đó, các nước thành viên IEA điều phối 2,5 triệu thùng dầu mỗi ngày cho các nước thành viên thiếu dầu, nhờ vậy nhu cầu và giá dầu tương đối ổn định. Tính đến tháng 8-2002, các nước thành viên IEA có lượng dầu dự trữ lên tới 4 tỉ thùng, tương đương lượng dầu nhập khẩu trong 4 tháng.

Như vậy, Mỹ và các nước phương Tây nhờ có kho dự trữ dầu khổng lồ và có luật lệ quy định việc quản lý và sử dụng kho dầu ấy một cách rất chặt chẽ, nên có thể chủ động trong việc cung cấp dầu trong tình hình bất thường và giữ giá dầu ổn định một cách tương đối trong khủng hoảng dầu.

Tuy nhiên, Mỹ và các nước tiêu thụ dầu lớn không chỉ phụ thuộc vào việc nhập khẩu dầu cho sản xuất và tiêu dùng, mà còn phụ thuộc vào việc nhập khẩu dầu để đưa vào kho dự trữ. Để có dầu dự trữ, Mỹ không chỉ phải tăng cường nhập khẩu dầu từ Trung Đông, Trung Á, cố vét nốt những thùng dầu cuối cùng ở A-la-xca và ở Vịnh Mê-hi-cô mà còn phải mua lại hàng triệu thùng dầu của chính các công ty dầu của nước Mỹ.

Hiện nay, Mỹ vẫn là nước tiêu dùng dầu nhiều nhất thế giới, chiếm 25,6% tổng lượng dầu tiêu dùng toàn cầu. Năm 1973, Mỹ nhập 35% nhu cầu tiêu dùng trong nước, năm 2000 phải nhập tới 52% nhu cầu. Như vậy, trong suốt 12 năm kể từ khi cấm vận I-rắc, Mỹ không có nguồn dầu cung cấp một cách bình thường từ I-rắc, nhưng vẫn bảo đảm nhu cầu dầu ngày càng tăng ở trong nước. Tại sao ? Trước hết, vì Mỹ thực hiện được việc đa dạng hóa thị trường nhập khẩu. Ngay sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ đã nhanh chân thâm nhập khu vực Trung Á (biển Ca-xpi), nơi được mệnh danh là "Vịnh Péc-xích thứ hai". Đây thực ra là một vùng lòng chảo gồm biển Ca-xpi và lãnh thổ các nước xung quanh biển là Nga, A-déc-bai-dan, Ca-dắc-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan và I-ran. Trữ lượng vùng này lên tới 150 - 200 tỉ thùng dầu và khoảng 14 000 tỉ m^3 khí (tương đương 14 tỉ tấn dầu thô). Trước đây, Liên Xô và I-ran đã có hiệp định về chủ quyền biển Ca-xpi. Liên Xô tan rã, hiệp định đó mất hiệu lực. Năm nước ven biển Ca-xpi đã đàm phán nhiều lần, nhưng vẫn chưa đi đến thỏa thuận quyết định. Tầm quan trọng chiến lược của dầu và khí ở Ca-xpi thể hiện ở hai khía cạnh : khai thác và hệ thống ống dẫn ra ngoài. Về khai thác, hàng chục công ty của Mỹ đã đầu tư và khai thác dầu ở A-déc-bai-dan, Ca-dắc-xtan, Tuốc-mê-ni-xtan, Gru-di-a... Quy mô đầu tư của Mỹ ở đây chỉ đứng sau Trung Đông. Về hệ thống ống dẫn, tháng 11-1999, Mỹ và A-déc-bai-dan, Thổ Nhĩ Kỳ, Gru-di-a ký hợp đồng xây dựng ống dẫn dầu từ Ba-cu ở ven bờ Ca-xpi của A-déc-bai-dan, qua Gru-di-a tới cảng Xây-han của Thổ Nhĩ Kỳ ở Địa Trung Hải, tổng số vốn hơn ba tỉ USD. Công trình tốn kém này của Mỹ nhằm mục đích chủ yếu là làm giảm ảnh hưởng của Nga ở Ca-xpi và Trung Á, làm suy yếu đòn bẩy năng lượng dầu mỏ của Nga trong chiến lược của nước này đối với Mỹ và phương Tây, mở rộng quyền chủ động của Mỹ trong chiến lược an ninh dầu mỏ. Ngoài ra, Mỹ đang ra sức xúc tiến việc xây dựng ống dẫn khí

Digitized by Google

từ Tuốc-mê-ni-xtan, qua Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan để đến Ấn Độ, nhưng công trình này đang gặp trở ngại lớn là quan hệ thù địch giữa Pa-ki-xtan và Ấn Độ. Nếu trở ngại này được giải tỏa, thì hệ thống ống dẫn dầu của "trận tuyến phía Đông" (trận tuyến phía Tây là ống dẫn Ba-cu - Xây-han) được khởi công và vị trí kiểm soát của Mỹ đối với mỏ dầu Ca-xpi được củng cố thêm một bước lớn. Mọi người đều biết, một trong những mục tiêu chủ yếu của sự thâm nhập về chính trị, đặc biệt là về quân sự của Mỹ vào khu vực Trung Á, nhất là vào các quốc gia thuộc Liên Xô cũ, đều gắn liền với chiến lược dầu mỏ của Mỹ. Mặt khác, lại phải thấy rằng, mặc dù Mỹ đã thâm nhập vào Trung Á, nhưng khu vực này là vùng ảnh hưởng truyền thống của Nga, Mỹ không thể xác lập vị trí số một của mình một cách dễ dàng như ở Trung Đông. Cuộc diễn tập quân sự với quy mô chưa từng có của Nga ở Ca-xpi hồi tháng 8-2002 cho thấy điều đó. Trong khi ấy, kho dầu khổng lồ Trung Đông chiếm 65% trữ lượng dầu thế giới, trong đó, nếu không kể A-rập Xê-út đứng đầu, thì I-rắc với trữ lượng 112,5 tỉ thùng - dự báo có thể lên tới 220 tỉ thùng, là đối tượng hấp dẫn của các công ty xuyên quốc gia của Mỹ. Kể từ 1990, do quan hệ thù địch Mỹ - I-rắc, không có công ty Mỹ nào làm ăn với I-rắc. Trong khi đó, Nga, Pháp, I-ta-li-a, Ấn Độ... đã lần lượt ký các hợp đồng lớn về dầu mỏ với I-rắc. Một khi lệnh cấm vận của Liên hợp quốc được bãi bỏ, các nước này sẽ nhanh chóng nhảy vào thị trường dầu mỏ I-rắc. Vì vậy, đối với Mỹ, việc tấn công I-rắc để lật đổ chính quyền hiện hữu là một mũi tên nhằm nhiều đích. Trong đó, chủ yếu nhằm nắm lại quyền kiểm soát dầu mỏ I-rắc và toàn bộ Trung Đông. Điều này đặc biệt quan trọng, vì sau vụ 11-9-2001, quan hệ Mỹ - A-rập Xê-út căng thẳng, các nhà đầu tư A-rập Xê-út rút hàng trăm tỉ USD khỏi thị trường Mỹ. Như vậy, việc khống chế dầu mỏ I-rắc không chỉ bảo đảm việc cung cấp dầu cho Mỹ mà còn có thể từ I-rắc, kiểm chế được đòn bẩy dầu mỏ và đồng "đô-la dầu mỏ" của A-rập Xê-út, đưa những thứ này vào quỹ đạo của Mỹ như cũ. *Mặt khác,* thông qua việc khống chế nguồn dầu mỏ Trung Đông, kể cả I-rắc, Mỹ có khả năng kiểm soát luôn cả quan hệ dầu mỏ của các nước không phải là thành viên IEA như Nga, Trung Quốc (3), Ấn Độ... với I-rắc và các nước có dầu khác ở Trung Đông.

Rõ ràng là, Mỹ đang lợi dụng ưu thế kinh tế, kỹ thuật cao và quân sự của siêu cường số một để thực thi chính sách bá quyền, trở lại vai trò sen đầm quốc tế. Nhưng cục diện thế giới ngày nay khác xa thời kỳ Hít-le lên cầm quyền ở Đức hồi cuối thập kỷ 30 thế kỷ XX. Các cuộc biểu tình chống chiến tranh của Mỹ đang nổi lên khắp toàn cầu. Sự phản đối này một phần vì nền hòa bình của khu vực và I-rắc, và một phần không nhỏ là vì lợi ích của chính mỗi nước đó. Về mặt đạo lý, Mỹ bị cô lập chưa từng thấy. Tuy nhiên, thế lực cầm quyền ở Mỹ hiện nay gắn chặt với các tập đoàn công nghiệp quân sự và dầu khí lớn của Mỹ, trong khi lợi ích của các tập đoàn này lại gắn như hình và bóng với chiến tranh, với tranh đoạt dầu khí. Vì vậy, nhân loại có thiện chí cần đề cao cảnh giác trước những hành động liều lĩnh của các thế lực hiếu chiến ở Mỹ. ❑

---

(3) Trung Quốc là nước tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ ba sau Mỹ, Nhật Bản. Năm 2001, Trung Quốc tự khai thác được 165 triệu tấn, phải nhập thêm 66 triệu tấn, chủ yếu là từ Trung Đông, ngoài ra là Nga, châu Phi và Đông Nam Á. Dự kiến năm 2005 phải nhập 100 triệu tấn, năm 2015 phải nhập 200 triệu tấn. Trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc với các cường quốc như Mỹ, Nga... Trung Quốc luôn coi trọng nhu cầu an ninh chiến lược về dầu mỏ của mình

Digitized by Google

TỔNG QUAN KINH TẾ – XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2003

NGÀY 2-4-2003, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê họp báo về tình hình kinh tế - xã hội quý I-2003. Tham dự cuộc họp gồm đại diện các bộ, ngành, doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan trung ương, các phóng viên báo chí của trung ương và Hà Nội. Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, chủ trì cuộc họp.

Bước vào quý I-2003, nền kinh tế nước ta phát triển theo chiều hướng tích cực. Tổng sản phẩm trong nước ước tính tăng 6,88% so với quý I năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,17% ; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,43% ; khu vực dịch vụ tăng 6,59%. So với tốc độ tăng 6,54% của quý I-2002 thì tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước quý I năm nay cao hơn nhưng chưa bằng tốc độ tăng 7,12% của quý I-2001. Tổng thu ngân sách nhà nước quý I năm nay ước đạt 24,6% dự toán cả năm và tăng 14,4% so với quý I năm trước. Các khoản thu chủ yếu của ngân sách đều đạt tương đối cao so với dự toán và so với cùng kỳ năm 2002. Riêng nguồn thu từ các doanh nghiệp nhà nước tuy cao hơn cùng kỳ năm trước 9,2% nhưng mới đạt 20% dự toán cả năm. Tổng chi ngân sách nhà nước quý I năm nay ước đạt 20,4% dự toán cả năm và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó chi thường xuyên đạt 24% và tăng 5,9%, chi cho đầu tư phát triển đạt 17,9% và giảm 3,8%.

Trong nông nghiệp, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi ; giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng ; nuôi trồng và khai thác thủy sản tiếp tục phát triển. Tính chung giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm nay đạt 35,4 nghìn tỉ đồng (theo giá so sánh năm 1994), tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó nông nghiệp đạt 27,6 nghìn tỉ đồng (tăng 0,9%), lâm nghiệp đạt 1,4 nghìn tỉ đồng (tăng 1,8%), thuỷ sản đạt 6,4 nghìn tỉ đồng (tăng 5,4%).

Công nghiệp phát triển khá vững chắc. Giá trị sản xuất công nghiệp quý I năm nay tăng 15,1% so với cùng kỳ năm ngoái ; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 11,7%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 18,8% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16,1%. So với quý I các năm trước đây thì tốc độ tăng 15,1% của quý I năm nay là khá cao. Sản lượng khai thác dầu thô quý I-2003 tăng 9,5%. Từ đầu năm đến nay đã có 79 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký 178,7 triệu USD, so với cùng kỳ năm trước số dự án chỉ bằng 52,3% và số vốn bằng 67,8%.

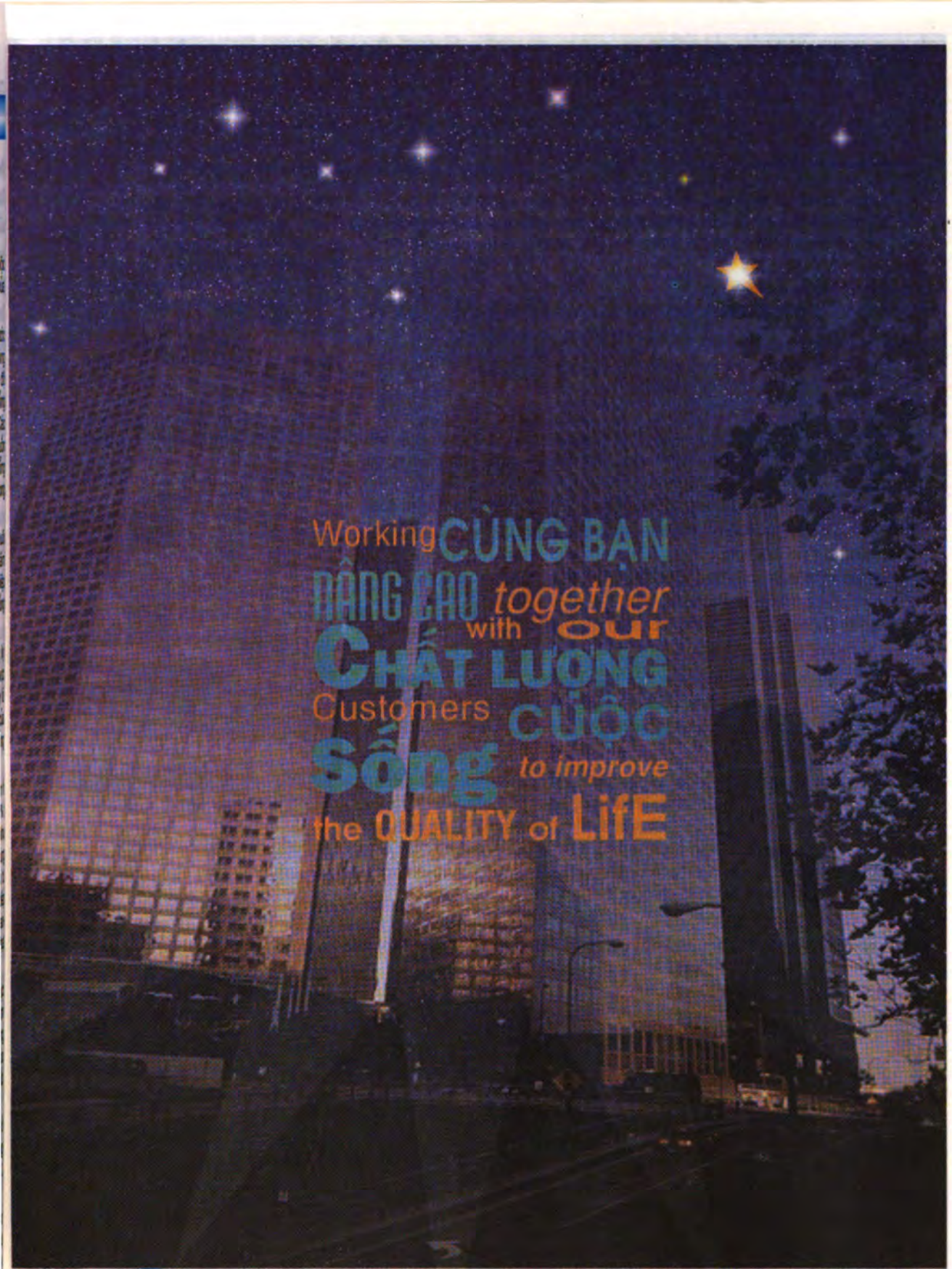
Trong lĩnh vực thương mại, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý I năm nay ước đạt 75,6 nghìn tỉ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 12,5 nghìn tỉ đồng, tăng 7,7% ; khu vực kinh tế tập thể tăng 26,6% ; khu vực kinh tế cá thể tăng 11,1% ; khu vực kinh tế tư nhân tăng 20,2% ; khu vực có vốn nước ngoài tăng 16,6%. Kim ngạch xuất khẩu quý I-2003 ước đạt gần 4,7 tỉ USD, tăng 43,4% so với cùng kỳ năm trước ; trong đó, khu vực kinh tế trong nước xuất khẩu gần 2,4 tỉ USD (tăng 41,7%), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu 2,3 tỉ USD (tăng 45,3%). Các mặt hàng xuất khẩu tăng như dầu thô, hải sản, dệt may, giày dép đã đóng góp 73% mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu chung. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu như cà-phê, cao-su, hạt tiêu và hạt điều là những mặt hàng đang có lợi thế về giá, nhưng trong quý I lượng xuất khẩu cà-phê và hạt tiêu đang thấp nhiều so với cùng kỳ. Lượng xuất khẩu gạo cũng tăng 77,6% so với cùng kỳ năm 2002.

Kim ngạch nhập khẩu quý I-2003 ước đạt 4,8 tỉ USD, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu hơn 3,2 tỉ USD, tăng 27,6% ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu hơn 1,6 tỉ USD, tăng 23,7%. Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước đạt mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước như giá trị máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng ; nguyên phụ liệu dệt, may, da, vải, hóa chất. Do giá nhập khẩu tăng cao nên một số mặt hàng kim ngạch tuy tăng khá nhưng khối lượng nhập lại tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước như sắt thép, xăng dầu, chất dẻo, phân u-rê.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3-2003 so với tháng 12-2002 tăng 2,5%, trong đó đáng lưu ý là chỉ số giá tiêu dùng ở các nhóm hàng hóa dịch vụ chủ yếu đều tăng. Chỉ số giá vàng tháng 3-2003 giảm 1,2% so với tháng trước và tăng 9,3% so với tháng 12-2002. Chỉ số giá USD không tăng so với tháng trước nhưng tăng 0,4% so với tháng 12-2002. Riêng nhóm dược phẩm, y tế tăng đột biến với 8,1%.

Về đời sống dân cư, trong quý I-2003, mức lương tối thiểu được tăng từ 210 nghìn đồng lên 290 nghìn đồng theo Nghị định của Chính phủ đã góp phần cải thiện một bước mức sống của người lao động trong khu vực hành chính sự nghiệp và các đối tượng chính sách xã hội. Ở nông thôn, giá một số hàng hóa nông sản, thực phẩm như lúa gạo, hạt tiêu, cà-phê, cao-su, thịt gia súc, gia cầm tăng đã cải thiện thu nhập của nông dân. Nhưng do ảnh hưởng của thiên tai nên thiếu đói vẫn xảy ra ở một số nơi, tuy mức độ có thấp hơn cùng kỳ năm trước, số hộ thiếu đói giảm 2,3% và số nhân khẩu thiếu đói giảm 3,5%. ❑

Digitized by Google



THUDUC HOUSE

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THỦ ĐỨC
THUDUC HOUSING DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
384 VÕ VĂN NGÂN, P. BÌNH THỌ, QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HCM
Tel: 84.8966676 - 7220407 - 8972799 - 8972800, Fax: 84.8961123
Website: http://www.thuduchouse.com, Email: thuduchouse@hcm.vnn.vn

CÔNG TY XNK NHÀ BÈ

ĐC: 476 (23) Huỳnh Tấn Phát, P. Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM
Điện thoại : 8.730 830 - 8.731 439 - Fax : 7.731 010.
E-mail: nhabeximS@saigonnet.vn



- *Chuyên kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa các loại: bách hóa, kim khí điện máy, công nghệ phẩm, bia, nước uống các loại, vải các loại, mỹ phẩm, đồ chơi và đồ dùng trẻ em, xe tải, xe ô-tô, dụng cụ và phụ tùng các loại.*
- *Kinh doanh kho bãi ...*

HÂN HẠNH ĐƯỢC LIÊN DOANH LIÊN KẾT VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC DƯỚI CÁC HÌNH THỨC

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



1. DU LỊCH NAM SÀI GÒN :

- Có đầy đủ các loại xe đời mới, hiện đại từ 4 đến 50 chỗ, có đội ngũ nhân viên và hướng dẫn viên lành nghề nhiều năm kinh nghiệm, nhiệt tình phục vụ quý khách.
- Hợp đồng tổ chức các tour du lịch trong và ngoài nước cho các đơn vị đi đoàn.
- Có vé lẻ phục vụ cho khách Việt Nam, Việt kiều, ngoại quốc ...
- Tổ chức hội thảo, hội nghị.
- Cho thuê xe, bán vé máy bay, giữ chỗ khách sạn trong và ngoài nước.
- Dịch vụ hỗ trợ tư vấn xin Passport, Visa.
- Cung cấp hướng dẫn viên, thông dịch viên các thứ tiếng.

2. XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH :

- Chuyên SX chế biến các mặt hàng thủy hải sản đông lạnh: Các loại tôm (thẻ, chì, sú, bạc...), các loại cá (thu, tra, basa, nục...),cua, ghẹ, mực, bạch tuộc...
- Có đội ngũ công nhân lành nghề và kinh nghiệm trên 15 năm.

3. XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM :

- Được thành lập năm 1989 là đơn vị đầu tiên của thành phố sản xuất các mặt hàng trái cây sấy (mít, chuối, thơm, khoai lang, khoai môn sấy...)
- Trải qua hơn 10 năm sản xuất kinh doanh: Kinh nghiệm sản xuất, chất lượng sản phẩm cũng như tinh thần phục vụ khách hàng của xí nghiệp ngày càng hoàn thiện và không ngừng nâng lên.
- Hiện tại sản phẩm của xí nghiệp được phân phối khắp các tỉnh thành trong nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới, được khách hàng rất ưa chuộng.

4. XÍ NGHIỆP MAY :

- Đã có kinh nghiệm 10 năm sản xuất gia công mặt hàng túi xách : Balô, vali, túi du lịch và các loại túi xách khác với các nhãn hiệu nổi tiếng như : Adidas, Camel, Bree, Salomon,.
- Các sản phẩm này được xuất sang hơn 50 quốc gia trên thế giới, chủ yếu các thị trường châu Âu, châu Mỹ, châu Phi...



- Năm 1998 Adidas đã chọn xí nghiệp là nơi sản xuất hàng độc quyền.
- Trong quá trình sản xuất, luôn giữ chữ tín với khách hàng. Đảm bảo tiến độ sản xuất, giao hàng đúng hạn, chất lượng cao.

5. KHÁCH SẠN HƯƠNG TRÀM :

- Tọa lạc tại 24/10 PHẠM NGỌC THẠCH, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH.
- Có 14 phòng, đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị hiện đại, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Nhân viên phục vụ tận tình, lịch thiệp, luôn làm hài lòng quý khách
- Là địa chỉ quen thuộc của Việt kiều về thăm quê & CB-CNV các tỉnh về công tác.

6. XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG & KINH DOANH ĐỊA ỐC :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Kinh doanh & khai thác các dịch vụ về nhà đất.
- Sản xuất - kinh doanh các loại vật tư trang thiết bị thuộc ngành XDCB trong & ngoài nước
- Tư vấn thiết kế xây dựng, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế.
- Khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, kiểm định chất lượng công trình, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình để lập phương án khắc phục.
- XN có đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư nhiều kinh nghiệm, xây dựng nhiều công trình đạt chất lượng, được khách hàng tín nhiệm.

Digitized by Google

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY DỰNG 47

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐC: 8 BIÊN CƯƠNG, QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH * ĐT: 056 822 166; 822 931 -0913 440 085 *FAX: (84-56) 812 316



Giám đốc: Kỹ sư **NGUYỄN LƯƠNG AM**



Trụ sở Công ty

NGHỀ NGHIỆP KINH DOANH

Chuyên thi công:

- Các công trình thủy lợi, thủy điện, hệ thống thủy nông.
- Công trình cầu đường giao thông.
- Công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Khai thác đá xuất khẩu.
- Gia công cơ khí, trung đại tu máy móc thiết bị.
- Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng.

NĂNG LỰC CỦA CÔNG TY:

- Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, kỹ sư chuyên viên nghiệp vụ, công nhân lành nghề có trình độ cao và giàu kinh nghiệm.
- Thiết bị xe máy của Công ty gồm nhiều loại mới, hiện đại như: máy đào Kobelco, Komatsu, Fiat-allis; máy ủi Komatsu, Fiat-allis; máy cạp Caterpillar, Fiat-allis; máy đầm Sakai, Bomag, Caterpillar; máy khoan đá Furukawa HCR9, PCR200; trạm trộn bê-tông IMI; xe chuyển trộn bê-tông Kpaz-SV194; bơm bê-tông IHI; cần cẩu Kato, KC5363; trạm nghiền sàng đá CM186-187; ô-tô Volvo, Kamaz. Xưởng đại tu xe máy 250 đầu xe/năm. Khách sạn Hải Âu có đầy đủ tiện nghi hiện đại.
- Năng lực sản xuất kinh doanh: Đào đắp đất, đá 3triệu m^3/năm. Thi công bê-tông40 000m^3/năm. Đá xây lát 50 000m^3/năm. Sản xuất đá các loại 100 000m^3/năm.



Trạm trộn bê-tông IMI 30m^3/h đang thi công tại công trường xi-fông An Tiêm



Đài ra-đa dẫn bay Vũng Chua (Quy Nhơn - Bình Định)-HC Vàng công trình chất lượng cao



Đập dáng Thạch Nham (Quảng Ngãi) tưới cho 50 000 héc-ta .Công trình chất lượng cao

CÁC CÔNG TRÌNH LỚN CÔNG TY ĐÃ THI CÔNG

- Công trình thuỷ lợi: Hồ Núi Một (Bình Định), hồ Đá Bàn (Khánh Hòa), hệ thống đại thủy nông Thạch Nham (Quảng Ngãi), hồ Thuận Ninh, hồ Mỹ Bình (Bình Định), hồ Cam Ranh (Khánh Hòa).
- Công trình thủy điện: Đập hồ A, tràn hồ B, tuyến đường ống áp lực, trạm biến thế thuộc công trình thủy lợi Vĩnh Sơn (Bình Định). Tràn xả lũ công trình thuỷ điện Sông Hinh (Phú Yên), công trình thuỷ điện Ia Ly.
- Công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp: Thư viện khoa học tổng hợp, nhà khách thương nghiệp, khách sạn Hải Âu (Bình Định), khu tái định cư Ia Ly (Gia Lai), đài dẫn bay Vũng Chua (Quy Nhơn), đài dẫn bay K1, K2 (Phù Cát, Bình Định).

Các công trình đều được đánh giá cao về kỹ thuật, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ. Đặc biệt, công trình tháp ra-đa Vũng Chua (thuộc hệ thống FIR Hồ Chí Minh), công trình Thạch Nham được tặng Huy chương Vàng công trình chất lượng cao.

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

HUYỆN HƯNG HÀ



Chế biến lợn sữa xuất khẩu tại Công ty Thương mại huyện Hưng Hà



Dệt lưới và túi ni-lông ở Hưng Hà



Trạm khắc gỗ tại Xã Cộng Hoà - Hưng Hà

Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành cùng nhân dân các địa phương thực hiện 6 chương trình phát triển kinh tế-xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng đổi mới trong lĩnh vực sản xuất nông - lâm - thủy sản, tăng dần tỷ trọng của lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, trong đó:

1. TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:

* Huyện đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng và vật nuôi, mạnh dạn phát triển những giống cây, con ngắn ngày có năng suất chất lượng cao, có khả năng chịu được sâu bệnh và thích nghi với điều kiện thời tiết của địa phương vào sản xuất, kết hợp với áp dụng những tiến bộ về thức ăn, quy trình chăn nuôi, chăm sóc để tăng nhanh sản lượng và đạt hiệu quả kinh tế cao. Hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa, nâng giá trị sản xuất bình quân lên 32,37 triệu đồng/ha/năm.

* Năm 2002, tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản của Huyện đạt 708 716 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 54,75% trong cơ cấu kinh tế; năng suất lúa bình quân đạt 131,15 tạ/ha - dẫn đầu về năng suất lúa cả năm của tỉnh; tổng đàn lợn đạt 101 062 con, tăng 9,41%, riêng đàn lợn sữa phục vụ xuất khẩu đạt 54 433 con, tăng 11,85% sản lượng thịt bò cung cấp cho thị trường đạt 1 005 tấn, tăng 5,79% so với cùng kỳ năm 2001...

* Các xã đã tiến hành việc quy hoạch sử dụng đất đai, các hộ dồn điền đổi thửa gắn với việc quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

* Nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất theo mô hình trang trại với quy mô hàng chục héc-ta, sản lượng cá tăng 114,28%, tôm tăng 200% so với cùng kỳ năm 2001.

2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP:

* Huyện đã chỉ đạo xây dựng 33 dự án mở rộng và phát triển nghề và làng nghề đến năm 2005 với tổng số vốn là 64 000 triệu đồng, cho vay với lãi suất ưu đãi 11 dự án công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2002 với số vốn là 1 175 triệu đồng.

* Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: năm 2002 đạt 333 733 triệu đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2001.

TRỤ SỞ HUYỆN ỦY: THỊ TRẤN HƯNG HÀ - THÁI BÌNH * ĐIỆN THOẠI: 036. 861 218

Digitized by Google

DOANH NGHIỆP THANH TÙNG

ĐỊA CHỈ: TỔ 11 - PHƯỜNG QUYẾT THẮNG - THỊ XÃ SƠN LA * ĐIỆN THOẠI: 022 852 848

Giám đốc: **PHAN THANH TÙNG**



Trường tư thục Mầm non Ngọc Linh



Thi công công trình

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. THI CÔNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

2. THI CÔNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỪA VÀ NHỎ

3. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI

Digitized by Google

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NAM

ĐỊA CHỈ: TX. PHỦ LÝ - HÀ NAM * ĐT: 0351 852 724 * FAX 0351 851 820 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN TRÍ NGỌC

NHỮNG NĂM QUA, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NAM ĐÃ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ VỚI CÁC NGÀNH, CÁC HUYỆN, THỊ ĐỂ ĐƯA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG TỈNH NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN

1. VỀ NÔNG NGHIỆP

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có mức chuyển dịch đáng kể như chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống đạt kết quả cao; các giống lúa lai, các giống lúa chất lượng cao đưa vào sản xuất ngày một tăng.

* Giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh hiện nay đạt 1 320 tỉ đồng (tăng 104,7% so với cùng kỳ).

* Giá trị sản xuất trên một héc-ta canh tác đạt 30,5 triệu đồng (tăng 5% so với 2001).

* Tốc độ sản xuất nông nghiệp đạt 4,7% (kế hoạch là 3,5%).

* Tổng sản lượng lương thực có hạt : 424 562 tấn (đạt 103,6% kế hoạch) tăng 2,2% so với cùng kỳ.

2. VỀ CHĂN NUÔI

* Sở đã tập trung cải tạo đàn bò, gia cầm... , duy trì được tốc độ phát triển chăn nuôi, phong trào nuôi trồng thuỷ sản có bước phát triển cao.

* Thịt lợn hơi xuất chuồng 25 400 tấn tăng 80% so với năm 2001.

* Sở tập trung khai thác triệt để vùng trũng chuyển sang nuôi trồng thuỷ sản, nhân rộng các mô hình nuôi tôm càng xanh, cá chim trắng, ba ba.... Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản đạt 5 300 tấn, tăng 7% so với cùng kỳ .

Với 267 đảng viên, Đảng bộ Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn được đánh giá là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền.



Chuyển dịch vùng trũng ở Hoàng Đông - Duy Tiên



VINASHIN
Ben Kien Shipyard

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM

NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU BẾN KIỀN

Địa chỉ: Xã An Hồng-An Hải-Hải Phòng * Tel: 031 850 461/ 850 462 * Fax: 031 850 004

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU:

- Các loại tàu hút bùn công suất 100-3 000m^3/h
- Ụ nổi sức nâng từ 600 đến 2 000 tấn
- Các loại tàu đánh cá, tàu dịch vụ từ 300 đến 1 000 CV.
- Các loại tàu kéo biển đến 5 000 CV
- Các loại tàu tuần tra, tàu cao tốc
- Các loại tàu hàng sức chở đến 3 600 DWT, tàu hút bùn xén thổi 1 500m^3/h, các loại tàu nghiên cứu biển, tàu thăm dò hải sản
- Tàu khách đến 500 chỗ ngồi
- Chế tạo các thiết bị trên tàu: tời neo, tời lưới thuỷ lực, v.v..



Tàu hút bùn xén thổi 1 500m^3/h

NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT:

- Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba.
- Các sản phẩm tàu vận tải, tàu đánh cá, tàu nghiên cứu biển, tàu hút xén thổi 1 000m^3/h, tàu hút tự hành được tặng Huy chương Vàng tại Triển lãm Quốc tế về hàng công nghiệp và hàng hải.
- Nhà máy được Bộ Công nghiệp tặng Cúp "Ngôi sao chất lượng".
- Là một trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu nhất của thành phố Hải Phòng năm 2002.
- Liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

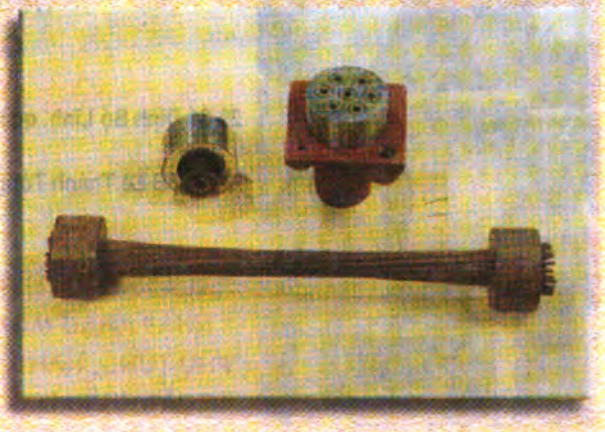
Digitized by Google

CÔNG TY CƠ KHÍ NGÔ GIA TỰ

Ngo Gia Tu Mechanical Company

Add: 16-18 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Tel: 84-4-8247901/8245963/8264516 Fax: 84-4-8252759
Email: ngt_co@vol.vnn.vn

Sản xuất kinh doanh neo dự ứng lực các loại, kết cấu thép và bu-lông cường độ cao. ▶





◀ Sản xuất kinh doanh các thiết bị tầng trên đường bộ.



Sản xuất phụ tùng, phụ kiện cho các công trình giao thông vận tải, các thiết bị và máy thi công, lắp ráp và kinh doanh ô-tô, xe máy. ▼

▲ Sửa chữa, hoán cải ô-tô và các phương tiện giao thông đường bộ.



● Kinh doanh thương mại và xuất nhập khẩu.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY THAN VIỆT NAM

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

COALIMEX IMPORT EXPORT AND INTERNATIONAL COOPERATION COMPANY



Trụ sở Công ty

ĐỊA CHỈ: 47 QUANG TRUNG - HÀ NỘI.
Tel: (84.4) 9423 835, 9424 684, 8229 147, 8229 154, 8227 684, 9423 758, 8227 685, 9423 834, 9423 250.
Fax: (84.4) 9422 350; Email: coalimex@fpt.vn
Website: http://www.coalimex.com.vn
GIÁM ĐỐC: KS. NINH XUÂN SƠN

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:
29-31 Đinh Bộ Lĩnh, quận Bình Thạnh * Tel: 84.8 8992 515, 8991 505 * Fax: 84.8 8992 663

CHI NHÁNH TẠI QUẢNG NINH:
33B Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long * Tel: 84.33.825369; Fax: 84.33.826103

HOẠT ĐỘNG CHÍNH

* XUẤT KHẨU THAN, KHOÁNG SẢN VÀ CÁC LOẠI HÀNG HOÁ KHÁC
* NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG, HÀNG TIÊU DÙNG
* XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG, HỢP TÁC QUỐC TẾ
* SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NƯỚC ĐÁ ĂN TINH KHIẾT

MPC

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

TÊN CŨ: NHÀ MÁY THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MỸ CHÂU

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

MPC®. Nhà in và sản xuất bao bì kim loại đầu tiên tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn ISO 9001/2000

CHUYÊN IN TẤM THIẾC VÀ TẤM NHÔM:

- Trên dây chuyền in và tráng bóng hiện đại hiệu Mailender - LTG (Cộng hoà liên bang Đức).
- Hình ảnh in thật sinh động và hoàn hảo.

SẢN XUẤT LON HÀN ĐIỆN 3 MẢNH:

Bằng máy hàn nổi tiếng Soudronic (Thuỵ Sĩ) thuộc thế hệ mới và hiện đại với các cỡ lon: 200; 202; 301; 307; 401 và các cỡ lon khác... Dùng đóng hộp rau quả, nước ép trái cây, thủy hải sản, sữa bột, cà-phê và các loại thực phẩm khác.

MÁY IN MAILENDER-LTG
MÁY HÀN SOUDRONIC

SẢN XUẤT LON 2 MẢNH ĐẠT TIÊU CHUẨN XUẤT KHẨU: 211; 307; 401.

Với thiết kế trang nhã, chất lượng hoàn hảo, giá cả hợp lý sẽ làm hài lòng Quý khách hàng gần xa

PHƯƠNG CHÂM CỦA MỸ CHÂU: CHÂN THÀNH, THẲNG THẮN VÀ CÙNG KHÁCH HÀNG VƯƠN TỚI TƯƠNG LAI

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích (Hương lộ 14 cũ), P.20, Q. Tân Bình.
Tel: (84.8) 961 1587 - 961 2728 * Fax: (84.8) 961 2737 * Email: mychauco@hcm.vnn.vn.

Digitized by Google

Ghi chú: Chú thích ảnh trang 8 mục Quảng cáo số 9, ra ngày 21 - 3 - 2003 về Bệnh viện Gang thép Tỉnh Thái Nguyên, xin đọc lại là: **Ca phẫu thuật vỡ dạ dày do ung thư**

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN ĐÔNG HIỆP B

TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU DÂN CƯ TÂN ĐÔNG HIỆP B

ĐC: Số 1 Đại lộ Độc Lập - huyện Dĩ An - Bình Dương

ĐT: 0650.791 990 *Fax: 0650.791 989 *Email: tuhaico@hcm.vnn.vn



Tổng Giám đốc
NGÔ QUANG CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ NHẤT SUỐI MƠ.

Kinh doanh địa ốc - Du lịch (Việt - Lào - Thái) -Văn-Thể-Mỹ-Cảnh

Phường Tân Phú - quận 9, Tp. Hồ Chí Minh * Tel: 84.8 7 325 136

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA TỔNG CÔNG TY TỨ HẢI:

1.Ban quản lý Khu Công nghiệp Tân Đông Thuận: Ấp Đông Thành, xã Tân Đông Hiệp - huyện Dĩ An - Bình Dương * ĐT: 0650 729 287
2.Văn phòng đại diện Tp. Hồ Chí Minh: 126 Sương Nguyệt Ánh, Q1, Tp.Hồ Chí Minh * ĐT: 84.8 9 254 281 * Fax: 84.8 9 254 373
3.Nhà hàng Khách sạn Tứ Hải: Khu Công nghiệp Việt Hương * ĐT: 0650 747 406.
4.Khu công nghiệp và dân cư Tân Đông Hiệp: xã Tân Đông Hiệp - huyện Dĩ An - Bình Dương * ĐT: 84.8 8960 497

Công ty Tứ Hải, Bình Dương - chủ đầu tư khu công nghiệp và khu dân cư Tân Đông Hiệp B, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Lào - Việt - Thái (LVT) - Kinh doanh sản xuất, xây dựng thủy điện và nhà hàng khách sạn, lữ hành du lịch tuyến đường bộ Bình Dương - Thành phố Hồ Chí Minh tới Lào - Thái Lan.

Nhân dịp chào đón hội nghị ASEAN Quốc tế tại Viên - chăn (CHDCND Lào), quý 1 năm 2004, giảm giá 15% cho quý khách ghi tên trước



Ngài Thác-sỉn-xin-na-vat, Thủ Tướng Thái Lan (đứng giữa) thăm lễ hội TM tại U-don-Tha-ni, ngày 16-11-2002



Tổng Giám đốc Công ty Tứ Hải làm việc với Ngài Bun NhăngThủ Tướng CHDCND Lào tại Viên-chăn (CHDCND Lào)



***Tổng Giám đốc** Công ty Tứ Hải làm việc với Tham tán Thương mại Việt Nam ở Lào **tại Viên-chăn** (CHDCND Lào)*



Digitized by Google

BỘ QUỐC PHÒNG

CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN

SAIGON NEWPORT COMPANY

Công ty TÂN CẢNG SÀI GÒN được thành lập ngày 15-03-1989, theo Quyết định số 352Ttg của Thủ Tướng Chính Phủ.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Dịch vụ cảng biển
- Cảng trung chuyển
- Xây dựng sửa chữa công trình
- Dịch vụ nạo vét, cứu hộ trên biển, trên sông
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cung cấp nước ngọt
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, đường sông, lai dắt tàu biển

Sau 14 năm thành lập, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đã nhanh chóng phát triển và trở thành cảng container hiện đại và lớn nhất Việt Nam. Hiện nay, với 3 cơ sở chính là Cảng Tân Cảng, Cảng Cát Lái, ICD Sóng Thần, Công ty Tân Cảng Sài Gòn đang chiếm trên 41% sản lượng container thông qua các cảng khu vực TP.HCM, góp phần to lớn trong việc giải phóng hàng hóa xuất nhập khẩu, phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế đất nước.

CẢNG TÂN CẢNG : Đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng với trên 200.000 m² bãi container, 22.000m² nhà kho kín, 704m cầu cảng, nhiều trang thiết bị xếp dỡ cùng 10 cầu bờ hiện đại, năng suất làm hàng đạt trên 60con/giờ/tàu. Hiện nay, trung bình mỗi tháng Cảng Tân Cảng đang tiếp nhận và giải phóng hơn 85 tàu container.





CẢNG CÁT LÁI : Là cảng biển duy nhất trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển tới năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Với vị trí địa lý lý tưởng để phát triển, Cảng Cát Lái đang được Công ty Tân Cảng đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị xếp dỡ hiện đại.

Hiện nay, sau giai đoạn 1, với 303m cầu tàu có mớn nước thấp nhất là 11m cảng Cát Lái có thể tiếp nhận cùng lúc 2 tàu trọng tải trên 30 000 tấn.

ICD SÓNG THẦN : Có vị trí nằm giữa hơn 10 khu công nghiệp, khu Chế xuất thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai. Với vị trí thuận lợi này, ICD Sóng Thần đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thuộc những khu vực trên tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí trong việc giao nhận hàng hóa.



Đường Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 84.8.8991395 - 84.8.5122099 Fax: 84.8.8994388 - 84.8.5120591
E-mail: saigonnewport@hcm.vnn.vn
Website: http://www.saigonnewport.com.vn

Digitized by Google

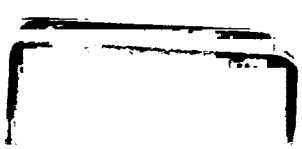
IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5643





Digitized by Google

